VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN NGHIÊN CỨU HÁN NÔM

NGÔ THÌ NHẬM

TOÀN TẬP

TẬP II

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN NGHIÊN CỨU HÁN NÔM

NGÔ THÌ NHẬM
TOÀN TẬP

TẬP 2

Chủ biên
LÂM GIANG - NGUYỄN CÔNG VIỆT
Sưu tầm, biên dịch, giới thiệu
LÂM GIANG-ĐỖ THỊ HẢO-LÊ VIỆT NGA-NGUYỄN THỊ PHƯỢNG
PHẠM THỊ THOA-NGUYỄN HUY THỨC-NGUYỄN CÔNG VIỆT

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI
HÀ NỘI – 2004

玉堂春嘯

NGỌC ĐƯỜNG XUÂN KHIẾU

Sưu tầm, dịch thuật

LÂM GIANG - NGUYỄN THỊ PHƯỢNG
LÊ VIỆT NGA - NGUYỄN HUY THỨC

Hiệu đính, giới thiệu

LÂM GIANG

玉堂春嘯

NGỌC ĐƯỜNG XUÂN KHIẾU

Ngọc đường xuân khiếu hiện được tập hợp trong Tùng thư *Ngô Gia văn phái* với ba bản khác nhau. Tập thơ không nói rõ thời điểm sáng tác, chỉ viết "Tiến sĩ Thượng thư Hy Doãn công di thảo,"(Bản thảo để lại của ông Hy Doãn, đỗ Tiến sĩ, giữ chức Thượng thư), nhưng xét về nội dung thấy tập trung vào hai thời điểm chính sau đây:

-Viết dưới thời Lê Chiêu Thống: Sau khi lánh nạn từ vùng biển Thái Bình trở về và tham gia một số công việc cho triều đình.

-Viết đầu đời Tây Sơn: Thơ hoạ đáp gửi cho một số bạn bè, người thân và loạt bài viết khi đi sứ từ Yên Kinh trở về đến kinh đô Phú Xuân, mùa thu năm Quý Sửu 1793.

Như thế, xét về nội dung và kể cả dụng ý sắp xếp của soạn giả Tùng thư *Ngô gia văn phái*, đặt sau tập *Thủy vân nhàn vịnh* (sáng tác năm 1782 - 1786) thì có thể đoán được tập thơ này Ngô Thì Nhậm sáng tác vào khoảng từ cuối năm 1786 đến 1793.

Năm 1786, Tây Sơn ra Bắc diệt họ Trịnh trả lại toàn bộ quyền bính cho vua Lê. Do đề nghị của người em Ngô Thì Nhậm là Học Tốn (tức Ngô Thì Chí), triều đình cử người xuống Thái Bình đón Ngô Thì Nhậm về kinh. Về đến nơi thì vua Lê Hiển Tông đã qua đời (10 - 8 - 1786), Lê Chiêu Thống lên nối ngôi, trao cho Ngô Thì Nhậm chức Đô cấp sự trung bộ Hộ, rồi thăng Hiệu thư kiêm Toản tu Quốc sử. Sau khi Lê Chiêu Thống bỏ kinh sư chạy lên phía bắc (1788), Ngô Thì Nhậm ẩn tại huyện Thạch Thất (Hà Tây). Tháng 4 năm đó, Nguyễn Huệ ra Bắc, Ngô Thì Nhậm được Trần Văn Kỷ giới thiệu, Nguyễn Huệ phong cho ông chức Thị lang bộ Công. Sau chiến thắng Đống Đa, ông cùng Phan Huy Ích chịu trách nhiệm về ngoại giao. Tập *Ngọc đường xuân khiếu* được sáng tác trong giai đoạn này. Mở đầu tập thơ là bài *Vãn thu tham thiền* (Tham thiền vào buổi cuối thu), có câu: "Khuất chỉ phiêu bồng ký ngũ niên" (Bấm đốt ngón tay đã năm năm phiêu bạt), như vậy, bài thơ này làm sau khi từ vùng biển Thái Bình trở về vào cuối mùa thu năm 1786. Lại trong tập thơ có nhiều bài viết vào năm Đinh Mùi (1787), như *Y Toái ngọc thể dụng song nhạn xuất quần cách, dữ Chế khoa Trần Bá Lãm soạn* (Theo thể Toái ngọc dùng cách hai con nhạn bay ra khỏi đàn, soạn cho Chế khoa Trần Bá Lãm) và bài: "*Nghĩ*

đại Văn Giang môn sinh hạ sư tử cập đệ" (Viết thay môn sinh ở Văn Giang mừng con thày đỗ đại khoa), trong lời dẫn của bài thơ này Ngô Thì Nhậm nói: "Mùa xuân năm Đinh Mùi (1787) là năm đầu Thánh tiên tử lên ngôi, ban chiếu kén bậc hiền lương..." Năm này, Lê Chiêu Thống lên ngôi, mở Chế khoa, trong đó có Trần Bá Lãm người làng Vân Canh (ngoại thành Hà Nội) và Nguyễn Gia Cát người làng Vân Cầu huyện Văn Giang (nay thuộc tỉnh Hưng Yên) thi đỗ. Bài thơ và lời dẫn cho biết, Ngô Thì Nhậm là học trò của thân phụ Nguyễn Gia Cát, và chính Ngô Thì Nhậm được làm giám khảo cho khoa thi đặc biệt (Chế khoa) này. Lại bài: *Đinh Mùi thu độ Khâm hà ngẫu thành "Lâm giang khúc*" (Mùa thu năm Đinh Mùi (1787), qua sông Khâm tình cờ viết nên khúc "Lâm giang"). Vậy bài thơ này viết năm 1787.

Bài: *Tại Kim Lan ký đệ Học Tốn thị* (Ở Kim Lan gửi cho em là Học Tốn), *Ký đệ Học Tốn thị* (Gửi em Học Tốn) là hai bài Ngô Thì Nhậm viết khi Học Tốn còn sống, khoảng năm 1787, đầu năm 1788. Lại bài: *Khốc đệ Học Tốn thị* (Khóc em Học Tốn) viết khi nghe tin Học Tốn ốm chết năm 1788. Lúc ấy Lê Chiêu Thống chạy trốn, Học Tốn đi theo đến Chí Linh, dâng *Trung hưng sách,* bày tỏ cách thức sửa đổi triều chính, khôi phục lại nhà Lê, rồi tình nguyện lên Lạng Sơn thuyết phục những tù trưởng, tin rằng sẽ thành công, vì cha ông là Ngô Thì Sĩ từng làm Đốc trấn Lạng Sơn, được dân địa phương mến phục. Nhưng Học Tốn đi đến vùng Phượng Nhỡn (Lạng Giang, Yên Dũng ngày nay) thì bị ốm, phải quay về Gia Bình (Gia Lương, Bắc Ninh ngày nay) chữa bệnh, không bao lâu, ông qua đời, khoảng tháng 8 năm 1788.

Bài *Hoạ thân thúc công* (Họa bài thơ ông chú ruột) và *Ký Bảo Triện Trần Hoàng giáp* (Gửi ông Hoàng giáp họ Trần ở làng Bảo Triện) đều là những bài sáng tác khoảng năm 1791 hoặc 1792, vì chú ruột Ngô Thì Nhậm là Ngô Tưởng Đạo mất năm 1792, còn Hoàng giáp họ Trần tức Trần Danh Án, khi vua Lê Chiêu Thống chạy sang phía bắc, bị ốm không theo được, nên phải quay về quê, giữ tấm lòng cô trung với nhà Lê, và mất năm 1794.

Lại trong lời đề dẫn cho bài *Hoạ quyến đệ Đồng Lạc thị* (Hoạ bài thơ gửi em họ là Đồng Lạc), Ngô Thì Nhậm nói rõ rằng: "Khi gặp hoạn nạn, Đồng Lạc đã tận tâm nâng đỡ, nay trước khi đi sứ phương Bắc lại đem con gửi cậu..." Vậy bài thơ viết trước lúc Ngô Thì Nhậm giữ chức Chánh sứ sang nhà Thanh cầu phong cho Quang Toản năm 1793.

Còn ở giữa tập thơ chép một loạt bài vịnh cảnh trên đường từ Thăng Long vào Phú Xuân như: *Thần Phù sơn vọng hải* (Đứng trên núi Thần Phù ngắm biển), *Đăng Bàn A sơn cảm hứng* (Cảm hứng khi lên núi Bàn A), *Nghệ An đạo trung* (Trên đường Nghệ An), *Ngụ Dinh Cầu muộn thuật* (Thuật lại nỗi buồn khi nghỉ lại Dinh Cầu), *Hoành Sơn đạo trung* (Trên đường Hoành Sơn), *Bố Chính đạo trung* (Trên đường Bố Chính) v.v..., có thể những bài này Ngô Thì Nhậm sáng tác khi vào Phú Xuân yết kiến Quang Toản sau khi lĩnh chức Chánh sứ đi cầu phong trở về.

Còn về loạt bài viết khi đi sứ như: *Quế Lâm, Yên Đài, Ô giang phong nguyệt* (Trăng gió Ô Giang), *Thu dạ lữ đình* (Đình lữ khách đêm thu), *Thu hành* (Đi trong mùa thu), *Dịch lộ hiểu hành* (Buổi sáng đi trên đường trạm)... thấy không có trong tập *Hoàng hoa đồ phả* của Ngô Thì Nhậm sáng tác khi đi sứ năm Quý Sửu 1793. Đọc kỹ từng bài mới rõ đây là những bài ông làm khi đi sứ trên đường về. Tập *Hoàng hoa đồ phả* là tập thơ vừa vẽ đường đi sứ từ Lạng Sơn đến Yên Kinh, vừa có thơ vịnh dưới mỗi cung đường hay thành quách, trạm dịch... đã vẽ. Như vậy, loạt bài làm khi trở về không thể ghi chung vào đây, vì Ngô Thì Nhậm không vẽ đường về. Chắc hẳn những bài sáng tác trên đường về ông đã chép vào tập riêng, và sau đó chép tiếp những bài trên đường từ Thăng Long vào Phú Xuân triều kiến Quang Toản sau khi đi sứ về. Bài *Dịch lộ hiểu hành* (Buổi sáng đi trên đường trạm), có câu:

Đẩu nam cung khuyết hồi đầu cận;

Hán bắc quan san dẫn lộ trường.

(Cung khuyết phía nam Bắc Đẩu, ngoái đầu thấy đã gần;

Núi non phía bắc Ngân Hán, đường đi thấy đã xa thẳm). Thấy rõ tác giả đang trên đường về sắp tới quê nhà.

Trong lời đề tựa đầu tập *Hoàng hoa đồ phả,* cho biết thời gian đi về của đoàn sứ bộ: "Mùa xuân Quý Sửu (1793), là năm đầu Hoàng thượng lên ngôi, tôi phụng mệnh đi sứ cầu phong. Ngày 20 tháng 2 lên đường, ngày 27 qua cửa ải, ngày 8 tháng 5 đến Yên Kinh, ngày 20 tháng ấy về nước, tháng 9 mùa thu về đến kinh đô..." Như vậy những bài nói về mùa thu, cảnh thu trong loạt bài thơ đi sứ trên Ngô Thì Nhậm phải làm trên đường về:

Mai dịch thê lương đậu khách trình,

Bích ngô chi thượng báo thu thanh.

(Dặm đường đất khách, dừng chân nơi trạm mai lạnh lẽo,

Tiếng thu đã báo trên cành ngô đồng biếc xanh) (*Thu dạ lữ đình*)

Hay:

Tân thu dĩ kết mã đề sương...

Chinh bào ám đệ kim phong sảng (Mới đầu thu, sương đã kết trên móng ngựa...

Gió thu dìu dịu, ngầm thổi tới áo người đi xa) (*Thu hành*)

Tóm lại, tập *Ngọc đường xuân khiếu* chủ yếu chép những bài thơ Ngô Thì Nhậm sáng tác khoảng năm 1787 đến năm 1793. Loạt bài đầu tập thơ viết dưới thời Lê Chiêu Thống, tiếp theo là những bài viết dưới triều Tây Sơn: Trên đường đi sứ trở về từ Yên Kinh đến Phú Xuân.

Tập thơ hiện còn 3 dị bản đều chép trong tùng thư *Ngô gia văn phái* lưu trữ tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm:

1.Bản có ký hiệu Thư viện VHv.16/3 khổ rộng 27x15cm, bìa cậy mầu cánh gián, giấy bản loại tốt đã ố vàng. Tờ đầu và tờ cuối tập sách đóng con dấu son khổ 2,5 x 2,5, với dòng chữ "Danh gia tàng bản," là tập sách quý được "Thư viện gia đình" cất giữ. Sách để lề rộng, không đánh số trang, chữ viết bút lông, chân phương, có chấm câu bằng son. Cả sách 82 tờ, tờ 16 dòng, dòng 23 chữ. Tất cả những chữ "Ánh" "Thì", "Hoa" đều viết kiêng huý bớt nét, nên sách được chép vào thời Tự Đức trở về sau. Toàn sách chép 4 tập thơ của Ngô Thì Nhậm:

Tờ 1a: *Bút hải tùng đàm,* 78 bài thơ.

Tờ 22: *Thuỷ vân nhàn vịnh*, 56 bài thơ.

Tờ 39a: *Ngọc đường xuân khiếu*, 74 bài thơ.

Tờ 62a: *Cẩm đường nhàn thoại,* 63 bài thơ.

Bản này được chép một cách có hệ thống, đầy đủ rõ ràng, ít sai sót hơn so với những bản khác, nên sử dụng làm bản *nền* để so sánh, khảo dị bổ sung cho cả 4 tập thơ của Ngô Thì Nhậm đã chép ở đây, trong đó có tập *Ngọc đường xuân khiếu.*

2.Bản ký hiệu Thư viện VHv.1743/22 gồm 84 tờ, tờ 16 dòng, dòng 23 chữ, viết bằng bút lông, chữ viết chân phương, có đôi chỗ viết theo lối đá thảo, có chấm câu và khuyên bằng son đỏ, giấy bản loại tốt, đã úa vàng, bìa đóng bằng giấy tây màu hồng nhạt, đóng gáy, mép sách bôi mực đỏ thẫm, mép trên chừa chỗ không bôi mực đỏ để ghi tên tác giả, mép dưới

chừa chỗ ghi tên tác phẩm, khổ 27x16. Toàn bộ tập sách chép 4 tập thơ của Ngô Thì Nhậm:

Tờ 1a tập *Bút hải tùng đàm*, gồm 78 bài thơ.

Tờ 22a tập *Thủy vân nhàn vịnh,* gồm 56 bài thơ.

Tờ 39 b tập *Ngọc đường xuân khiếu,* gồm 74 bài thơ.

Tờ 63a tập *Cẩm đường nhàn thoại*, gồm 69 bài thơ.

Trước mỗi tập thơ đều ghi: *Ngô gia văn phái*. Tiến sĩ Thượng thư Hi Doãn công di thảo. 74 bài thơ chép trong tập *Ngọc đường xuân khiếu* này, thứ tự sắp xếp giống như bản *nền* VHv.16/3 đã nêu trên.

3. Bản ký hiệu thư viện A.177c/1 (Kí hiệu ghi lại tại bản chụp: A.117/31), gồm 258 tờ, tờ 16 dòng, dòng 23 chữ, viết thảo và đá thảo, khổ 27x16. Toàn bộ tập sách chép thơ văn Ngô Thì Nhậm:

Tờ 1a tập *Bút hải tùng đàm*, gồm 94 bài thơ.

Tờ 44a tập *Ngọc đường xuân khiếu*, gồm 66 bài thơ.

Tờ 66a tập *Hoa trình gia ấn*, gồm 21 bài thơ.

Tờ 108a tập *Kim mã hành dư* (văn).

Tờ 202a tập *Hào mân ai lục* (văn).

66 bài thơ của tập *Ngọc đường xuân khiếu* này, thứ tự sao chép giống như hai bản đã nêu trên, nhưng chép thiếu 6 bài và chép dôi ra 1 bài so với hai bản nền. 6 bài thiếu: *Thu tứ tứ tuyệt - 4 bài; Ký kiến; văn giá cô thanh; Trai cung thị lậu; Xuân mộ; Khấp đệ Học Tốn thị*; 1 bài dôi ra: *Thần phó học tức sự*, xin bổ sung bài này vào cuối tập thơ. Như vậy tập *Ngọc đường xuân khiếu* có 75 bài thơ.

Trên đây là đôi nét về niên đại sáng tác và tình trạng văn bản của tập thơ *Ngọc đường xuân khiếu*, bạn đọc tham khảo.

* * *

1. 晚 秋 參 禪

屈指飄蓬既五年
今秋村寺一參禪
菊花初掛黃金甲
貝葉重呫白玉銓
往事幾回槐國夢
故吾依舊竹樓緣
靈庵自在靈光靜
爽入銀鉤秀水漣

PHIÊN ÂM:

VÃN THU THAM THIỀN

Khuất chỉ phiêu bồng ký ngũ niên,
Kim thu thôn tự nhất tham thiền.
Cúc hoa sơ quải hoàng kim giáp;
Bối diệp trùng chiêm bạch ngọc thuyên.
Vãng sự kỷ hồi hòe quốc mộng;
Cố ngô y cựu trúc lâu duyên.
Linh am tự tại linh quang tĩnh,
Sảng nhập Ngân Câu tú thủy liên.

DỊCH NGHĨA:

THAM THIỀN VÀO BUỔI CUỐI THU[1]

Bấm đốt ngón tay, đã năm năm phiêu dạt,
Mùa thu này mới được tham thiền ở chùa quê.
Hoa cúc vừa nở như treo lên mảnh giáp vàng;
Kinh lá bối lại lầm rầm theo dùi mõ ngọc trắng.[2]
Việc cũ mấy phen, chỉ là giấc mơ nước hoè;[3]
Ta vẫn như xưa, vấn vương duyên lầu trúc.[4]
Am thiêng còn đó, ánh màu nhiệm lắng trong,
Sáng rọi ao Ngân Câu, gợn nước lăn tăn.[5]

CHÚ THÍCH:

1.Tham thiền: Chữ nhà Phật, lặng giữ tâm hồn yên tĩnh để nghiền ngẫm thấu suốt chân lý đạo Phật.

2.Kinh lá bối: Ở Ấn Độ xưa có loại lá cây mà tiếng Phạn gọi là "Bối đa" dùng để viết kinh thay giấy. Trong văn thơ dùng để chỉ *Kinh Phật*.

Dùi ngọc trắng, nguyên văn là: Bạch ngọc thuyên (Cán cân ngọc trắng). Ở đây chỉ dùi gõ mõ của sư sãi trong chùa khi tụng kinh.

3.Giấc mơ nước hoè: Theo *Dị văn lục,* Thuần Vu Phần uống rượu say nằm ngủ dưới gốc cây hoè, mơ đi vào trong một hang lớn, tới một nước có tên Hòe An, được vua nước này gả cho công chúa, bổ làm Thái thú quận Nam Kha. Sau được cử đi đánh giặc bị thua trận, công chúa cũng chết, vua nghi ngờ bèn cho về. Giữa lúc ấy thì Vu Thuần tỉnh giấc, vội tìm dưới gốc cây hòe thấy một cái hang, trong đó có con kiến chúa lớn. Hang kiến thông lên cành hoè trỏ về hướng nam (nam kha). Nhân đó, người đời sau thường gọi là giấc mơ hòe, hay giấc mộng Hòe An, hoặc giấc mộng Nam Kha, có ý ví cuộc giầu sang trên đời chẳng qua như giấc mộng.

4.Câu này ý nói, ta vẫn là ta, vẫn như xưa kia có duyên với cảnh thiền. Có thể câu này nhắc đến lầu trúc trong bài "Hoàng Châu trúc lâu kí," một học giả đời Tống, quê vùng Vũ Xương từng dựng lầu trúc, mái cũng lợp bằng trúc để làm nơi "đốt hương ngồi lặng, rũ bỏ mọi lo lắng trên đời".

5.Ngân Câu: (Nguyên chú: Tên ao), có lẽ ở trước đền thờ. "Ngân câu"cũng dùng để chỉ trăng non hình như chiếc móc câu bằng bạc. Vậy câu này có thể dịch: "Nhập vào ánh trăng lung linh, gợn làn nước đẹp lung linh."

2. 登岵山有感

天涯夜夜夢衣冠
遊子今番拜岵山
萬古精神餘翠蓋
六秋風月老蒼竿
慈悲樂國佛天上
離合浮漚人世間
翰墨書香流慶遠
黌宮山影銳江瀾

PHIÊN ÂM:

ĐĂNG HỖ SƠN HỮU CẢM

Thiên nhai dạ dạ mộng y quan,[a]
Du tử kim phiên bái Hỗ san.
Vạn cổ tinh thần dư thúy cái;
Lục thu phong nguyệt lão thương can.
Từ bi lạc quốc Phật thiên thượng;
Ly hợp phù âu nhân thế gian.
Hàn mặc thư hương lưu khánh viễn,
Huỳnh Cung sơn ảnh Nhuệ giang lan.

DỊCH NGHĨA:

CẢM TƯỞNG KHI LÊN NÚI HỖ[1]

Nơi chân trời, đêm đêm luôn mơ tới việc mũ đai,
Đứa con đi xa, nay mới lên bái lạy núi Hỗ đây.
Tinh thần muôn thuở, còn lại chiếc lọng biếc;[2]
Trăng gió sáu thu, dãi dầu với đám cỏ xanh.[3]
Trên tầng trời của Phật, là cõi từ bi cực lạc;
Người trong thế gian tan, hợp như bóng nước trôi.
Bút mực thư hương, phúc nhà truyền mãi,
Như bóng núi Huỳnh Cung rọi nước sông Nhuệ đầy.[4]

KHẢO DỊ:

a.Bản A.117c/1: Vọng y quan 望衣冠.

CHÚ THÍCH:

1.Núi Hỗ, theo *Nhĩ nhã* và *Thuyết văn* thì là núi có nhiều cây cỏ. Sau đó được dùng để chỉ người cha đã mất. *Kinh Thi* có câu: "Trắc bỉ Hỗ hề, chiêm vọng phụ hề" (Lên núi Hỗ kia, trông ngóng cha mẹ ta). Ở đây mượn để chỉ nơi thờ cúng cha mẹ.

2.Chiếc lọng biếc (thúy cái): Người thi đậu đại khoa được che lọng xanh biếc. Trong thơ ý nói, nơi thờ cúng cha hiện nay còn chiếc lọng xanh biếc.

3.Sáu thu, chỉ phần mộ của cha tác giả đã sáu năm (Ngô Thì Sĩ mất 1780, vậy bài thơ này sáng tác năm 1786).

4.Huỳnh Cung: Nhà dạy học. Ở đây mượn để chỉ truyền thống thi thư của gia đình tác giả.

DỊCH THƠ:

Tối tối bên trời mộng áo đai,
Con xa bái lậy núi Hỗ đây.
Tinh thần muôn thuở che ô biếc;
Trăng gió sáu thu, dãi cỏ dày.
Tan hợp kiếp người như bóng nước;
Từ bi cửa Phật đẹp trời mây.
Thư hương bút mực lưu truyền mãi,
Bóng núi Huỳnh Cung, sóng Nhuệ đầy.

Lâm Giang

3. 銳江夕泛

今年遊勝昔年遊
秋夕秋天穩泛秋
靜水一條張素練
疏星幾點映孤舟
斜陽古樹金光射
寒渚魚燈焰影浮
不夜樓臺何處訪
靈臺方寸有眞修

PHIÊN ÂM:

NHUỆ GIANG TỊCH PHIẾM

Kim niên du thắng tích niên du,
Thu tịch thu thiên ổn phiếm thu.
Tĩnh thủy nhất điều trương tố luyện;
Sơ tinh kỉ điểm ánh cô chu.
Tà dương cổ thụ kim quang xạ[a];
Hàn chử ngư đăng diệm ảnh phù.
Bất dạ lâu đài hà xứ phỏng,
Linh đài phương thốn hữu chân tu.

DỊCH NGHĨA:

CHIỀU TÀ BƠI THUYỀN TRÊN SÔNG NHUỆ[1]

"Buổi dong chơi năm nay, hơn hẳn năm xưa,"[A]
Chiều thu, trời thu, êm êm thả con thuyền thu.
Một dòng nước lặng, như căng dải lụa trắng;
Mấy ánh sao thưa, dọi xuống chiếc thuyền côi.
Chiều tà, nắng vàng rọi chòm cổ thụ;
Bến lạnh, đèn chài toả sáng bồng bềnh.
Biết hỏi "Lâu đài không đêm" ở đâu nhỉ?[2]
Ở chốn "đài thiêng vuông một tấc," có niềm chân tu.[3]

KHẢO DỊ:

a.Bản VHv.1743/22: Kim quang xạ 金光射.

NGUYÊN CHÚ:

A.Câu này dùng chữ ở câu thơ cổ. [Tức là câu thơ của Trần Nhân Tông vịnh cảnh phủ Thiên Trường sau khi chiến thắng quân Nguyên:

四海已清塵已靜
今年遊勝昔年遊
Tứ hải dĩ thanh, trần dĩ tĩnh,
Kim niên du thắng tích niên du.
(Bốn bể đã yên, bụi trần quét sạch,
Cuộc đi chơi năm nay hơn hẳn cuộc đi chơi năm xưa)].

CHÚ THÍCH:

1.Sông Nhuệ, chảy qua địa phận của Hà Đông, sông này chảy qua làng Tả Thanh Oai quê tác giả.

2."Lâu đài không đêm," chỉ trái tim luôn rực cháy.

3."Đài thiêng tấc vuông," chỉ trái tim, cõi lòng.

DỊCH THƠ:

Năm nay chơi thú vượt năm xưa,
Êm ái thuyền thu rượt nắng thu.
Nước lặng một làn phơi dải lụa;
Sao thưa mấy chấm điểm con đò.
Bóng tà cây cỏ vàng xuyên hắt;
Đầm lạnh đèn chài bóng nhấp nhô.
Lầu gác không đêm đâu chốn ấy?
Ấy trong tấc dạ có chân tu.

Hoàng Tạo

4. 禪庵敘舊

幾度相依對影三
今霄敘舊向松庵
玄關著眼新金璧
友榻論心老蔚藍
何主何賓鋪拱北
是空是色述和南
机相投處知相契
莫羨青蓮秉燭談

PHIÊN ÂM:

THIỀN AM TỰ CỰU

Kỷ độ tương y đối ảnh tam,
Kim tiêu tự cựu hướng[a] tùng am.
Huyền quan trước nhãn tân kim bích;
Hữu thạp luận tâm[b] lão úy lam.
Hà chủ hà tân phô củng bắc;
Thị không thị sắc thuật hòa nam.
Cơ tương đầu[c] xứ tri tương khế,
Mạc tiện Thanh Liên bỉnh chúc đàm.

DỊCH NGHĨA:

GIÃI BÀY TÌNH CŨ Ở AM THIỀN

Mấy phen nương vào nhau, đối bóng nữa là ba,[A]
Hôm nay đi tới am thông, giãi bầy tình cũ.[1]
Đảo mắt trước cửa huyền, thấy vẻ vàng ngọc mới mẻ;[2]
Giãi tỏ tấm lòng bên giường bạn, thật đậm nồng.
Nào chủ nào khách, bầy ngôi "củng bắc;"[3]
Này không, này sắc, nói nghĩa "hòa nam."[4]
Cơ duyên gặp nhau, biết là phù hợp,[5]
Bàn chuyện cầm đuốc, chớ khen Thanh Liên.[6]

KHẢO DỊ:

a.Bản A.117c/1: Đối 對.

b.Bản A.117c/1: Luân tình 倫情.

c.Bản A.117c/1: Tương báo 相報.

NGUYÊN CHÚ:

A.Cổ thi: "Đối ảnh thành tam nhân" (Đối bóng thành ba người). [Câu này trong bài thơ "*Nguyệt hạ độc chước*" của Lý Bạch đời Đường – N.D].

CHÚ THÍCH:

1.Am thông, am có trồng cây thông, chỉ nhà chùa.

2.Cửa huyền: Chỉ cửa ngõ nhập đạo, ở đây có ý chỉ ngôi chùa.

3.Củng bắc: Chầu về hướng bắc, vì phương bắc là vị trí của sao Bắc Đẩu, hướng về sao Bắc Đẩu là ý tôn kính. Ở đây, chỉ sự sắp xếp chỗ ngồi giữa chủ (thầy tăng) và khách (tác giả).

4.Hoà nam: Chữ Phạn, nghĩa là chắp tay kính cẩn làm lễ. Người lễ mong được hai điều, một là khiến cho tâm mình nhập vào tâm Phật, hai là cầu cho tâm Phật nhập vào tâm mình. Hai tâm nhập lẫn nhau thì đạo được cảm thông. Trong thơ, dùng để chỉ sự lễ bái ở cửa Phật với tấm lòng thành.

5.Cơ duyên: Cơ tức là cơ hội, duyên là nhân duyên. Khi chúng sinh gặp cơ hội, thì có thể tự sinh ra cái "duyên" tin ở Phật mà dễ đến với đạo.

6.Thanh Liên, hiệu của Lý Bạch, nhà thơ lớn đời Đường. Trong bài tựa "Xuân dạ yến" của ông có câu: "Người xưa cầm đuốc chơi đêm, là có duyên cớ đó." Ý nói, tranh thủ hưởng thú vui cuộc sống.

DỊCH THƠ:

Ba bóng nương nhau đã mấy năm,
Giãi bày tình cũ trước tùng am.
Cửa huyền chói lọi đôi con mắt;
Giường bạn nồng nàn một trái tim.
Nào chủ nào tân ngôi "củng bắc;"
Này không này sắc nghĩa "hoà nam."
Cơ duyên hội hợp cùng nhau nhỉ,
Đâu nhỉ Thanh Liên có đuốc cầm.

Đào Phương Bình

5. 江寺晴遊

黃花秋色一天晴
江寺招邀散步行

近水樓高鍾影細
迎曦道潔履塵輕
五年遊子前番況
七衮高僧此夜情
一揖若將辭信宿
推敲未許定關扃

PHIÊN ÂM:

GIANG TỰ TÌNH DU

Hoàng hoa thu sắc nhất thiên tình,
Giang tự chiêu yêu tản bộ hành.
Cận thủy lâu cao chung ảnh tế;
Nghinh hi đạo khiết lý trần khinh.
Ngũ niên du tử tiền phiên huống?
Thất cổn cao tăng thử dạ tình.
Nhất ấp nhược tương từ tín túc;
Thôi xao vị hứa định[a] quan quynh.

DỊCH NGHĨA:

TRỜI QUANG TẠNH CHƠI CHÙA BÊN SÔNG

Hoa vàng với sắc thu, một ngày tạnh ráo,
Chùa bên sông như vời gọi, dạo bước thung dung.
Lầu cao bên mé nước, bóng chuông nho nhỏ;
Đường sạch đón nắng mai, bụi dép lâng lâng.
Tình cảnh ngày trước, là năm năm trời làm kẻ du tử;[1]
Đêm nay tâm tình với vị cao tăng bẩy chục tuổi tròn.
Toan vái chào, từ chối vài đêm ngủ lại,
Nhưng bận gọt giũa vần thơ, chưa thể đóng cửa chùa mà đi.

KHẢO DỊ:

a.Bản A.117c/1: Hứa thị 許是.

CHÚ THÍCH:

1.Ý nhắc lại hồi lánh nạn ở Thái Bình.

6.賀年眷潘瑞岩督視乂安

九陛籌邊重視師
南軒特簡出南陲
濯征勝勢從今日
先著膚公恰好辰
心上經綸難上可
腹中兵甲結中綏
此回采石鯨波帖
黃閣彈冠佇賀卮

PHIÊN ÂM:

HẠ NIÊN QUYẾN PHAN THỤY NHAM ĐỐC THỊ NGHỆ AN

Cửu bệ trù biên trọng thị sư,
Nam hiên đặc giản xuất nam thùy.
Trạc chinh thắng thế tòng kim nhật;
Tiên trước phu công cáp hảo thì.
Tâm thượng kinh luân nan thượng khả;
Phúc trung binh giáp kết trung tuy.
Thử hồi Thái Thạch kình ba thiếp,
Hoàng các đàn quan trữ hạ chi.

DỊCH NGHĨA:

MỪNG NGƯỜI THÂN ĐỖ CÙNG KHOA LÀ PHAN THUỴ NHAM LÀM ĐỐC THỊ NGHỆ AN[1]

Triều đình lo việc biên phòng, trọng việc cầm quân,
Nhà vua đặc biệt lựa người ra bờ cõi phía nam.
Thế thắng trong cuộc đánh lớn, sẽ từ hôm nay;
Công to giành chước đầu tiên, đúng là một dịp tốt.
Chí kinh luân sẵn có bên lòng, khó ai vượt nổi;
Tài cầm quân vốn ở trong dạ, kết nối vững vàng.

Nơi đá ngầm Thái Thạch lần này sẽ lặng sóng kình,[2]
Chốn gác vàng chỉnh mũ, đợi chén mừng công.

CHÚ THÍCH:

1.Phan Thụy Nham: Tức Phan Huy Ích (1751- 1822), vì cha Phan Huy Ích là Phan Huy Cẩn dời nhà ra ở Thụy Khê, thuộc phủ Quốc Oai (Sơn Tây), nên Phan Huy Ích lấy tên hiệu Thuỵ Nham. Ông người làng Thu Hoạch, huyện Thiên Lộc (nay là Can Lộc- Hà Tĩnh) là em rể và đỗ Tiến sĩ cùng khoa với Ngô Thì Nhậm, năm Cảnh Hưng thứ 36 (1775), được bổ Hàn lâm thừa chỉ. Nhà Lê mất, ông cộng tác với nhà Tây Sơn, làm quan tới Lễ bộ Thượng thư. Tây Sơn mất, ông và Ngô Thì Nhậm bị nhà Nguyễn đưa ra đánh đòn ở Văn Miếu, sau về ở ẩn. Bài thơ này có lẽ Ngô Thì Nhậm viết tiễn Phan Huy Ích được lệnh vua Lê Chiêu Thống cầm quân vào Nghệ An đánh Nguyễn Hữu Chỉnh, trước khi ra quân, ông nói sẽ làm cái trống để nhốt Nguyễn Hữu Chỉnh đưa về kinh, nhưng lần ấy ông thua trận (*Hoàng Lê nhất thống chí*).

2.Đá ngầm Thái Thạch: Thái Thạch cơ, một địa điểm bên núi Ngưu Chử tỉnh An Huy Trung Quốc, nơi Ngu Doãn Văn đời Tống, một viên tướng xuất thân nho sĩ đã đánh một trận lớn, làm cho quân Kim đại bại.

7. 過朱文貞公廟有懷二首

其一

影照山頭潭水湄
風光不改太平辰
民家作息濠魚樂
世局升沉野鳥飛
提劍斯遊殊孟浪
掛冠往事尚依稀
户朱擬築蓮花室
隱約寒紺傍柳絲

PHIÊN ÂM:

QUÁ CHU VĂN TRINH MIẾU HỮU HOÀI NHỊ THỦ

KỲ NHẤT

Ảnh chiếu sơn đầu đàm thủy mi,
Phong quang bất cải thái bình thì.
Dân gia tác tức hào ngư lạc;
Thế cục thăng trầm dã điểu phi.
Đề kiếm tư du thù mạnh lãng;
Quải quan vãng sự thượng y hy.
Hộ Chu nghĩ trúc liên hoa thất
Ẩn ước hàn cam bàng liễu ty.

DỊCH NGHĨA:

CẢM XÚC KHI QUA MIẾU CHU VĂN TRINH[1] HAI BÀI

BÀI 1

Đầu non bóng rọi, bên đầm nước,
Quang cảnh chẳng đổi thay, vẫn như thời thái bình.
Người dân lúc làm, lúc nghỉ, cá dưới hào nhởn nhơ;[2]
Cuộc thế thăng trầm, chim đồng bay liệng.
Cầm gươm trong cuộc chơi này, thực là mạo muội;[3]
Việc treo mũ xưa, vẫn còn phảng phất đâu đây.[4]
Đền họ Chu phỏng dựng theo toà nhà hoa sen,[5]
Lặng lẽ thấp thoáng bên hàng tơ liễu.

CHÚ THÍCH:

1.Chu Văn Trinh tức Chu Văn An (1292-1370), tự là Linh Triệt và Văn Trinh, hiệu Tiều Ẩn, người làng Quang Liệt huyện Thanh Trì, Hà Nội. Ông là người ngay thẳng trong sạch, có tài văn chương. Thi đậu Thái học sinh nhưng ở nhà dạy học. Đến đời Trần Minh Tông được vời ra làm Quốc Tử giám Tư nghiệp. Đời Trần Dụ Tông, dâng "Thất trảm sớ," xin chém bẩy nịnh thần, nhưng không được vua chấp thuận. Ông bèn xin từ chức về ở ẩn tại núi Phượng Hoàng, thuộc Chí Linh, Hải Dương. Khi mất được lập miếu thờ ở Chí Linh và đền thờ ở quê nhà, đền dựng trên nền nhà dạy học cũ của Chu Văn An.

2.Niềm vui cá dưới hào (Hào ngư lạc): Trang Tử đi chơi với Huệ Tử trên cầu vào thành, thấy cá bơi lội dưới hào, bèn nói: "Cá bơi tung tăng là niềm vui của cá." Ý chỉ niềm vui của mọi sinh vật hưởng cuộc sống (Trang Tử - *Nam hoa kinh*, thiên *Thu thuỷ*).

3.Cầm gươm: Chỉ việc Chu Văn An dâng sớ xin chém bảy kẻ nịnh thần, thường gọi *Thất trảm sớ.*

4.Treo mũ (quải quan), nói việc sĩ phu từ chức. Ở đây nói việc Chu Văn An sau khi dâng *Thất trảm sớ* đã từ quan về ở ẩn.

5.Họ Chu (Hộ Chu – cửa họ Chu), chỉ Chu Văn An. "Hộ chu," cũng có thể hiểu "Theo cửa họ Chu." Tiên nho xưa có câu: "Gia Khổng Mạnh nhi hộ Trình Chu" (Ở nhà họ Khổng, họ Mạnh; theo cửa họ Trình, họ Chu).

Toà nhà hoa sen, nơi thờ Phật, ở đây chỉ ngôi đền thờ Chu Văn An ở Huỳnh Cung (thuộc xã Tam Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội), dáng dấp như một ngôi chùa.

DỊCH THƠ:

Bóng dọi đầu non bên bến nước,
Phong quang chẳng đổi vẫn như xưa.
Thăng trầm cuộc thế, chim bay lượn;
Thư thả dân tình, cá nhởn nhơ.
Treo mũ từ quan, còn phảng phất;
Cầm gươm rong ruổi, thực không vừa.
Họ Chu phỏng dựng toà sen đẹp,
Thấp thoáng bên đền rặng liễu tơ.

Lâm Giang

8. 其二

癡兒不了東阿事
遂使眞儒借尚方
惆悵雞樓空上白
陰深鹿洞有糞黃
佞臣朽骨知何處
文岳夆高峙此鄉
多少高談危坐客
也知夫子未裁狂

PHIÊN ÂM:

KỲ NHỊ

Si nhi bất liễu Đông A sự,
Toại sử chân nho tá Thượng Phương.
Trù trướng kê lâu không thướng Bạch;
Âm thâm Lộc Động hữu Cung Hoàng.
Nịnh thần hủ cốt tri hà xứ;
Văn nhạc phong cao trĩ thử hương.
Đa thiểu cao đàm nguy toạ khách,
Dã tri phu tử vị tài cuồng.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 2

Trẻ thơ ngây không hiểu việc triều đình Đông A,[1]
Khiến phải mượn đến kiếm Thượng Phương của bậc chân nho.[2]
Luống những ngậm ngùi, [vì có kẻ muốn] bước lên lầu gà trắng;[3]
Nhà học Lộc Động sâu kín, có ở làng Cung Hoàng.[4]
Nắm xương tàn bọn nịnh thần, biết ở chốn nao;[5]
[Chỉ có] núi Văn ở bên làng sừng sững.[6]
Biết bao nhiêu khách ngồi cao tán rộng,
Bởi biết phu tử chưa sửa cho thói cuồng ngông.

CHÚ THÍCH:

1.Đông A, tức nhà Trần, vì chữ "đông" ghép với bộ "phụ" của nửa chữ a, thành chữ Trần.

Trẻ thơ ngây, chỉ việc Trần Dụ Tông lên ngôi năm 1341, khi mới lên 7 tuổi (Dụ Tông sinh năm 1336).

2.Thượng Phương, tên thanh bảo kiếm của vua chúa. Chu Vân, Lệnh doãn ở Hoè Lý, dâng thư lên Hán Thành Đế có câu: "Nguyện tá Thượng Phương kiếm, trảm đoạn nịnh thần đầu"(Xin mượn thanh gươm Thượng Phương, để chém đầu bọn nịnh thần). Hai cây này ý nói, vì bọn nịnh thần lộng quyền, nên khiến cho ông phải dâng *Thất trảm sớ*.

3.Lầu gà trắng: Sử chép: Năm 1394, Thượng hoàng Trần Nghệ Tông, một đêm nằm mơ thấy Duệ Tông (mất năm 1377) đến đọc một bài thơ:

中間惟有赤嘴侯
殷勤偕上白雞樓

Trung gian duy hữu xích chủy hầu,

Ân cần tiếm thượng bạch kê lâu.

(Trong đó chỉ có tước hầu mỏ đỏ,

Lăm le muốn vượt lên lầu gà trắng).

Tỉnh dậy, vua tự đoán rằng: Quý Ly đỏ môi, tức "xích thủy hầu;" lầu gà trắng là mình (Nghệ Tông), sinh năm Dậu. Tân thuộc phương tây, sắc trắng, dậu là gà. Vậy thì trước sau Quý Ly cũng tiếm ngôi. Tác giả bùi ngùi thay Chu Văn An. Ở đây dùng 4 chữ: "Thướng bạch kê lâu" tách ra làm hai: "Thướng bạch" và "kê lâu" và đặt câu thơ cho đối với câu sau.

4.Lộc Động, tức Bạch Lộc Động, nơi dạy học của Chu Hi đời Tống. Ở đây, chỉ nhà dạy học của Chu Văn An.

Cung Hoàng, tên cũ làng Huỳnh Cung ở huyện Thanh Trì, Hà Nội, nơi Chu Văn An mở trường dạy học trước khi ra làm Tư nghiệp Quốc Tử giám (Huỳnh Cung ở sát thôn Văn quê hương ông).

5.Bọn nịnh thần đã nêu trong *Thất trảm sớ*, gồm 7 tên.

6.Núi văn: Chỉ thôn Văn, thuộc xã Thanh Liệt, quê của Chu Văn An. Ý thơ dùng hình ảnh núi Văn để tượng trưng cho tài văn học và đạo đức của Chu Văn An.

9. 與逸士范時透聯韻二首

其一

客來無酒酒無錢

那得長安出醴泉

官舍如冰虛裏白

臣心似水淡中玄

醉翁不在蓴皆趣

知己相逢竹未賢

卻笑詩懷窮益壯

推敲猶自學青蓮

PHIÊN ÂM:

DỮ DẬT SĨ PHẠM THỜI THẤU LIÊN VẬN NHỊ THỦ

KỲ NHẤT

Khách lai vô tửu tửu vô tiền,
Ná đắc Trường An xuất lễ tuyền.
Quan xá như băng hư lý bạch;
Thần tâm tự thủy đạm trung huyền.
Túy ông bất tại thuần giai thú;
Tri kỉ tương phùng trúc vị hiền.
Khước tiếu thi hoài cùng ích tráng,
Thôi xao do tự học Thanh Liên.

DỊCH NGHĨA:

HỌA LIÊN VẬN

[BÀI THƠ] CỦA DẬT SĨ PHẠM THỜI THẤU[1] HAI BÀI

BÀI 1

Khách đến không rượu, muốn có rượu lại không tiền,
Đâu được như ở Trường An có suối rượu ngọt tuôn chảy.
Nơi công đường như băng, trống trải và trắng trong;
Lòng bầy tôi tựa nước, đạm bạc và thanh thản.
Túy ông không ở lại, mà hưởng cái thú ăn rau thuần;[2]
Tri kỷ gặp nhau, nhưng chưa được như bạn hiền rừng trúc.[3]
Những nực cười thay, hồn thơ lúc quẫn lại càng hùng tráng,
Đắn đo từng chữ, học theo phong cách của Thanh Liên.[4]

CHÚ THÍCH:

1.Phạm Thời Thấu: Chưa rõ lai lịch.

2.Tuý Ông: Là hiệu của Âu Dương Tu, một nhà văn nổi tiếng đời Tống, làm quan đến Tham tri chính sự. Sau vì bất đồng chính kiến với Vương An Thạch nên ông đi ở ẩn với hiệu là "Lục Nhất cư sĩ."

Rau thuần, tức "thuần canh lô khoái" (canh rau dút gỏi cá vược). Trương Hàn người đời Tấn, bị Tề Vương Quýnh giáng chức làm Đông tào duyên; nhân có gió thu nổi lên, ông nhớ tới cái thú "canh rau dút, gỏi cá vược" ở quê nhà, nên bỏ quan trở về. Ở đây kết hợp hai ý "túy ông" và "rau dút" để ý nói không có rượu, thì cơm dưa muối cũng vui.

3.Bạn hiền rừng trúc: Tức là "Trúc lâm thất hiền" (bẩy người hiền tài trong rừng trúc) gồm: Kê Khang, Nguyễn Tịch, Sơn Đào, Hướng Tú, Lưu Linh, Tử Hàn, Vương Nhung. Bẩy người này có tửu lượng khá. Ý trong bài muốn nói: Bạn tri kỉ gặp nhau, nhưng không có rượu để cùng ngồi uống.

4.Đấn do (thôi xao): Giả Đảo nhà thơ đời Đường, khi lên kinh đô thi, tức cảnh làm thơ. Có câu: "Tăng thôi nguyệt hạ môn" (Thày tăng đẩy cửa chùa dưới ánh trăng), cứ băn khoăn có nên đổi chữ "thôi" (đẩy) thành chữ "xao" (gõ) hay không, vừa suy nghĩ, vừa dùng tay làm động tác đẩy và gõ. Giữa lúc ấy, Hàn Dũ đi tới, hỏi nguyên do, rồi đề nghị sửa là "Tăng xao nguyệt hạ môn" (Thầy tăng gõ cửa dưới ánh trăng). Sau từ "thôi xao" được dùng để chỉ việc lựa từ, chọn nghĩa khi làm thơ.

Thanh Liên, xem chú thích số 6, bài 5.

DỊCH THƠ:

Khách vào không rượu lại không tiền,
Mong ở Trường An suối rượu tuôn.
Thanh bạch tựa băng nhà trống trải;
Trắng trong như nước, lẽ u huyền.
Túy ông chẳng thú vui rau dút;
Tri kỷ gặp nhau kết bạn hiền.
Cùng quẫn, lòng thơ càng mãnh liệt,
Thôi xao học mãi bác Thanh Liên.

Lâm Giang

10. 其二

才華不值半文錢
幸得生來到酒泉
節屆清明泓一碧
心安淡薄案三玄
無能睨世談豪傑
猶可披書對聖賢
玉井停涵春水秀
何妨間植挺之蓮

PHIÊN ÂM:

KỲ NHỊ

Tài hoa bất trị bán văn tiền,
Hạnh đắc sinh lai đáo tửu tuyền.
Tiết giới thanh minh hoằng nhất bích;
Tâm an đạm bạc án tam huyền.
Vô năng nghễ thế đàm hào kiệt;
Do khả phi thư đối thánh hiền.
Ngọc tỉnh đình hàm xuân thủy tú,
Hà phương gián thực Đĩnh Chi liên.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 2

Tài hoa này chẳng đáng giá nửa đồng tiền,
May được sinh ra, đến bên suối rượu.(1)
Khí tiết sáng trong, như vùng nước biếc xanh;
Yên lòng đạm bạc, với ba án sách diệu huyền.(2)
Không thể ngạo đời, bàn về bậc hào kiệt;
Vì còn mở sách ra đối chất thánh hiền.
Nước mùa xuân trong, lắng đọng dưới giếng ngọc,(3)
Xá gì không học Đĩnh Chi thả một nhành sen.(4)

CHÚ THÍCH:

1.Suối rượu: Tác giả dùng đảo ý "Trường An xuất lễ tuyền" (Trường An là nơi sản sinh ra suối rượu ngọt) ở bài trên. Do đó "suối rượu" ở đây chỉ Trường An tức kinh đô Thăng Long.

2.Ba án sách huyền diệu: Chỉ sách *Chu Dịch, Lão Tử* và *Trang Tử*. Ý thơ nói, yên tâm với cuộc sống thanh đạm, để có điều kiện đi sâu vào lĩnh vực huyền diệu của đạo lý.

3,4.Giếng ngọc: Mạc Đĩnh Chi, người làng Lũng Động huyện Chí Linh, Hải Dương, thi đậu Trạng nguyên năm Hưng Long 13 (1304). Đời Trần Anh Tông (1293-1314), làm quan đến Tả bộc xạ (tức Thượng thư), đi sứ nhà Nguyên đối đáp trôi chảy. Tương truyền khi ông thi đậu, nhà vua thấy tướng mạo xấu xí, toan không bổ dụng. Mạc Đĩnh Chi đã làm bài "Ngọc tỉnh liên phú" (Cây sen trong giếng ngọc), nói lên tài năng và phẩm hạnh của mình. Nhà vua xem bài phú liền bổ dụng ông làm quan trong triều. Trong thơ, tác giả tự khuyến khích mình nên làm theo Mạc Đĩnh Chi xưa.

DỊCH THƠ:

Tài hoa chẳng đáng nửa đồng tiền,
May được sinh nơi suối rượu tiên.
Khí tiết sáng trong, vùng nước biếc;
Tấm lòng thanh đạm, án kinh huyền.
Ngạo đời đâu dám bàn hào kiệt;
Mở sách còn nên đối thánh hiền.
Lắng đọng nước trong nơi giếng ngọc,
Xá chi không thả một nhành sen.

Lâm Giang

11. 五雲樓公暇記並語

用公餘捷記武惟斷碎玉体與同年左溪阮質齋撰

今上再中興之元年，時強黨悉平，國內無事。朝有皋夔稷契之良，野被堯舜唐虞之澤。景星昭應，天日開明。奉上德契心學問，刻意作成。納金鑑之中言，追石渠之舊典。欲得科甲人才，大展治平之蘊。

敕開進士科，禮部以九月宣旨，天下才學，應敕旨凡千餘人。十月二十日，命郡公官、禮部官、都臺官董其事，即珥河津爲公幹之所。次早奉自大內至河津閣，文武進侍，風清內宴，日上彩衣，三軍之音響相聞，六部之官僚咸在，清平景色，眞我朝之樂事也。既而內邸開門，前庭展敬，凜若陪黃閣而接天顏。禮成服公次，坐間高會，相與論詩書而談唐漢。日向暮，風來石橋閣，月到水軍湖。金雞傳覺醒之音，彩帳夢同遊之伴，一盃一詠，庚和應答。優游間，其賞心爲何如

耶？因相謂曰:科途取士，天人相參。觀古事有二：范子虛遊天門，可見玄机，董子下帷發憤，及其天人三對，稱首於漢。寔用之文，該博之學，至今傳誦。其所有自來者，迨我越設科，進士最重。上焉爲狀元黃甲，爲宰相尚書。勳業銘於太常，名節傳於寔錄。致君匡國，悉由此途。寧直文章中考官，得意於相如之橋，蒙正之亭，取重於桑梓是也。又寧直以科甲，登公朝，飽世味，越要津，極致於高位厚祿已也。

我輩同里同年，適今陽進之時，同預考司之任。德音敬奉，大哉王音。又所以公聽而並聞者，止當立心，正秉筆公，如水之平，如鏡之明，如十手之嚴。其取也失於濫，其舍也無流於苛，杜干進之門，回忠厚之体，要歸於拔茅之才並作。宏祠之士同登，以爲國家之用，以副天子右文之至意。斯臣子之忠於職分也，因賦詩一首以記云:

敦文明旨下南宮
澤隱山潛向暮同
天漢爲章金殿上
王官咸事珥行中
三盃酒罷風來座
七步詩成月到空
暗裏須知神有鑒
此心相與一公忠

PHIÊN ÂM:

NGŨ VÂN LÂU CÔNG HÀ KÝ TỊNH NGỮ

DỤNG CÔNG DƯ TIỆP KÝ VŨ DUY ĐOÁN TOÁI NGỌC THỂ DỮ ĐỒNG NIÊN TẢ KHÊ NGUYỄN CHẤT TRAI SOẠN

Kim thượng tái trung hưng chi nguyên niên, thời cường đảng tất bình, quốc nội vô sự. Triều hữu Cao Quỳ Tắc Tiết chi lương, dã bị Nghiêu Thuấn Đường Ngu chi trạch. Cảnh tinh chiêu ứng, thiên nhật khai minh. Phụng thượng đức khế tâm học vấn, khắc ý tác thành. Nạp Kim Giám chi trung ngôn, truy Thạch Cừ chi cựu điển. Dục đắc khoa giáp nhân tài, đại triển trị bình chi uẩn.

Sắc khai Tiến sĩ khoa, Lễ bộ dĩ cửu nguyệt tuyên chỉ, thiên hạ tài học, ứng sắc chỉ phàm thiên dư nhân. Thập nguyệt nhị thập nhật, mệnh Quận công quan, Lễ bộ quan, Đô đài quan đồng kỳ sự, tức Nhĩ Hà tân vi công cán chi sở. Thứ tảo phụng tự Đại nội chí Hà Tân các, văn vũ tiến thị, phong thanh nội yến, nhật thượng thái y, tam quân chi âm hưởng tương văn, lục bộ chi quan liêu hàm tại, thanh bình cảnh sắc, chân ngã triều chi lạc sự dã. Ký nhi nội để khai môn, tiền đình triển kính, lẫm nhược bồi hoàng các nhi tiếp Thiên nhan. Lễ thành phục công thứ, toạ gian cao hội, tương dữ luận thi thư nhi đàm Đường Hán. Nhật hướng mộ, phong lai Thạch Kiều các, nguyệt đáo Thuỷ Qân hồ. Kim kê truyền giác tỉnh chi âm, thái trướng mộng đồng du chi bạn, nhất bôi nhất vịnh, canh hoạ ứng đáp. Ưu du gian, kỳ thưởng tâm vi hà như da? Nhân tương vị viết: Khoa đồ thủ sĩ, thiên nhân tương tham. Quan cổ sự hữu nhị: Phạm Tử Hư du thiên môn, khả kiến huyền cơ, Đổng Tử hạ duy phát phẫn, cập kỳ thiên nhân tam đối, xứng thủ ư Hán. Thực dụng chi văn, cai bác chi học, chí kim truyền tụng. Kỳ sở hữu tự lai giả, đãi ngã Việt thiết khoa, Tiến sĩ tối trọng. Thượng yên vi Trạng nguyên Hoàng giáp, vi Tể tướng Thượng thư. Huân nghiệp minh ư Thái thường, danh tiết truyền ư thực lục. Trí quân khuông quốc, tất do thử đồ. Ninh trực văn chương trung khảo quan, đắc ý ư Tương Như chi kiều, Mông Chính chi đình, thủ trọng ư tang tử thị dã. Hựu ninh trực dĩ khoa giáp, đăng công triều, bão thế vị, việt yếu tân, cực trí ư cao vị hậu lộc dĩ dã.

Ngã bối đồng lý đồng niên, thích kim dương tiến chi thời, đồng dự khảo ti chi nhậm. Đức âm kính phụng, đại tai vương ngôn. Hựu sở dĩ công

thính nhi tịnh văn giả, chỉ đương lập tâm, chính bỉnh bút công, như thuỷ chi bình, như kính chi minh, như thập thủ chi nghiêm. Kỳ thủ dã thất ư lạm, kỳ sả dã vô lưu ư hà, đỗ thiên tiến chi môn, hồi trung hậu chi thể. Yếu quy ư bạt mao chi tài tịnh tác. Hoành từ chi sĩ đồng đăng, dĩ vi quốc gia chi dụng, dĩ phó thiên tử hữu văn chi chí ý. Tư thần tử chi trung ư chức phận dã, nhân phú thi nhất thủ dĩ ký vân.

Đôn văn minh chỉ há Nam Cung,
Trạch ẩn sơn tiềm hướng mộ đồng.
Thiên Hán vi chương kim điện thượng;
Vương quan hàm sự Nhĩ hành trung.
Tam bôi tửu bãi phong lai toạ;
Thất bộ thi thành nguyệt đáo không.
Ám lý tu tri thần hữu giám,
Thử tâm tương dữ nhất công trung.

DỊCH NGHĨA:

NHÂN VIỆC CÔNG RỖI RÃI GHI LẠI Ở LẦU NGỮ VÂN[1]

KÈM LỜI DẪN

CÙNG BẠN ĐỒNG NIÊN LÀ TẢ KHÊ HẦU NGUYỄN CHẤT TRAI, SOẠN THEO THỂ TOÁI NGỌC CỦA VŨ DUY ĐOÁN TRONG CÔNG DƯ TIỆP KÝ

Nay vào buổi đầu tái trung hưng, giặc dã đã được dẹp yên, quốc gia vô sự. Trong triều có quan giỏi như Cao, Quỳ, Tắc, Tiết, ngoài nội đủ ơn trạch của thời Nghiêu, Thuấn, Đường, Ngu. Sao đêm rực rỡ, trời đất sáng bừng. Vâng theo đức độ bề trên, dốc bề học vấn, quyết chí tác thành. Dâng lời nói thẳng nơi Kim Giám, noi điển cũ ở gác Thạch Cừ. Muốn chọn nhân tài trong làng khoa cử, dấy lên buổi đại trị bình.

Hoàng thượng ban sắc, mở khoa thi Tiến sĩ. Bộ Lễ tuyên chỉ vào tháng chín, người học giỏi trong thiên hạ hưởng ứng sắc chỉ đến hơn 1000 người. Ngày 20 tháng 10, sai các quan Quận công, quan bộ Lễ, quan Đô đài đôn đốc công việc, chọn bến sông Nhĩ Hà làm nơi công sở. Sáng sớm hôm sau, vâng mệnh nhà vua, từ Đại nội đến gác Hà Tân, các quan văn võ đến chầu, mở bày yến tiệc, mũ áo rực rỡ, âm nhạc vang dội khắp ba quân, các quan viên của sáu bộ đều có mặt, cảnh sắc thanh bình, thật là sự việc vui mừng lớn của triều đình ta. Thế rồi cửa trường mở, sân trước

kính cẩn, nghiêm trang như nơi hoàng các nghênh tiếp Thiên nhan. Lễ xong lại trở về nơi công sở, cùng nhau ngồi luận về thi thư, bàn về Đường Hán. Trời về chiều, gió nổi lên ở gác Thạch Kiều, trăng non soi hồ Thuỷ Quân. Tiếng gà gáy làm tỉnh giấc, trong màn trướng rực rỡ, mơ thấy cùng bạn đi chơi, chén rượu, câu thơ, nối vần ứng đáp. Trong lúc vui vẻ, cảm tưởng thưởng ngoạn sẽ ra sao đây? Vì vậy mà nói với nhau rằng: Con đường khoa cử để chọn kẻ sĩ, trời và người cùng tham dự. Xem việc xưa có 2 người, Phạm Tử Hư đi chơi ở cửa nhà trời mà có thể thấy được huyền cơ, Đổng Tử buông màn phát phẫn, người và trời đối chất, xứng đáng đứng đầu đời Hán. Lối văn thực dụng, sự học uyên bác của ông còn truyền đến ngày nay. Vì vậy từ đó cho đến khi nước Việt mở khoa thi thì người đỗ Tiến sĩ là được trọng vọng nhất. Người đứng đầu là Trạng nguyên, Hoàng giáp, được làm Tể tướng, Thượng thư. Sự nghiệp huân lao ghi ở Thái thường, công danh tiết tháo được truyền ở thực lục. Đến cả việc nhà vua cai trị đất nước cũng đều từ con đường đó. Nhờ vào khảo quan văn chương mà chọn được những người như Tương Như, Mông Chính, coi trọng tuyển chọn ở các làng quê. Lại cũng nhờ những người đỗ đạt mà triều đình được thịnh vượng, nhân dân no ấm, vượt qua được khó khăn, đã có người đứng ở địa vị cao và hưởng lộc hậu.

Bọn ta là người cùng làng, cùng tuổi, nay gặp dịp được tiến cử, cùng được dự chức trách ở khảo ty. Kính vâng lời vua, lớn lao thay lời vua. Lại là người nghe ngóng giải quyết công việc nơi công sở thì nên một lòng ngay thẳng, công bằng khi cầm bút, phải phẳng như nước, phải sáng tựa gương, phải nghiêm túc như 10 ngón tay. Khi chọn người thì không chọn tràn lan, khi bỏ thì không quá hà khắc, ngăn ngừa kẻ hãnh tiến, chọn được người trung hậu. Cốt làm sao chọn được nhân tài ở chốn quê mùa. Người đỗ Hoành từ là người để cho đất nước trọng dụng, phải hết lòng giúp cho nhà vua về mặt văn chương. Nay bề tôi đã làm tròn chức phận, nhân làm bài thơ phúc đáp, để ghi lại việc đó.

Dụ sáng trọng văn, ban xuống Nam Cung,
Người ẩn ở chằm, hay náu ở núi, cùng đều hưởng ứng.
Trên diện vàng, có sông Vân Hán làm vẻ đẹp cho trời;
Trong hành tại, bên sông Nhĩ Hà, vua có quan chức giúp việc.
Ba chén rượu uống cạn, gió thổi tới chỗ ngồi;
Bẩy bước làm song thơ, trăng vừa lên giữa trời.

Nên biết rằng, nơi tối tăm vẫn có thần linh soi tới,
Tấm lòng này hãy cùng giữ cho ngay thẳng, công bằng.

CHÚ THÍCH:

1.Theo lời dẫn thì Ngô Thì Nhậm làm Giám khảo cho khoa thi này. Đây là khoa thi Chế khoa do vua Lê Chiêu Thống mới kế vị, bất thường mở ra năm 1787.

12. 依碎玉体用雙鴈出群格與制科陳伯覽撰

德星疊疊萃河津
隨在優遊見景眞
文石亭前觀素月
黃金殿上夢佳人
怨來酒欲當筵罷
觸到雞於甚處聞
此意中含難會得
高山流水我知君

PHIÊN ÂM:

Y TOÁI NGỌC THỂ DỤNG SONG NHẠN XUẤT QUẦN CÁCH DỮ CHẾ KHOA TRẦN BÁ LÃM SOẠN[a]

Đức tinh điệp điệp tụy hà tân,
Tùy tại ưu du kiến cảnh chân.
Văn Thạch đình tiền, quan tố nguyệt;[b]
Hoàng kim điện thượng mộng giai nhân.
Oán lai tửu dục đương diên bãi;
Xúc đáo kê ư thậm xứ văn.
Thử ý trung hàm nan hội đắc,
Cao sơn lưu thủy ngã tri quân.

DỊCH NGHĨA:

THEO THỂ "TOÁI NGỌC" DÙNG CÁCH "HAI CON NHẠN BAY RA KHỎI ĐÀN" SOẠN CHO CHẾ KHOA TRẦN BÁ LÃM[1]

Tầng tầng sao Đức tụ lại bên sông,[2]
Nhởn nhơ tuỳ ý, đúng là cảnh thực.
Trước đình Văn Thạch, ngắm vừng trăng tỏ;[3]
Trên điện hoàng kim, mơ gặp giai nhân.
Khi oán hờn đến, muốn thôi ngay tiệc rượu;
Lúc cảm xúc tới, nghe như có tiếng gà gáy đâu đây.
Ý ấy, chứa đựng bên trong, khó mà hiểu được,[4]
Tôi hiểu ông trong điệu đàn "nước chảy non cao."[5]

KHẢO DỊ:

a.Bản A.117c/1, và bản VHv.16/3: Hựu y toái ngọc, dụng song nhạn xuất quần cách dữ Chế khoa Trần Bá Lãm soạn 又依碎玉體用雙鴈出群格與制科陳覽伯撰 (Lại theo thể toái ngọc, dùng cách đôi chim nhạn bay ra khỏi đàn, cùng soạn với Chế khoa Trần Bá Lãm).

b.Bản A.117c/1 chép: 文石亭前光素月 "Văn thạch đình tiền, *quang* tố nguyệt." (Trước đình Văn Thạch, *vừng trăng sáng tỏ).*

CHÚ THÍCH:

1.Thể "toái ngọc" (ngọc vụn) là thể thơ hoạ vần, song gieo vần lộn xộn, không theo thứ tự bài xướng.

"Hai con nhạn bay ra khỏi đàn": Ba vần "tân, "chân", "nhân" của phần trên bài thơ đều thuộc một vần "ân"; hai vần "văn", "quân" của phần sau của bài thơ lại thuộc hai vần "ăn", "uân" không giống vần trên. Người ta gọi cách gieo vần như thế là "song nhạn xuất quần" (hai con nhạn bay ra khỏi đàn).

Trần Bá Lãm (1757-1815), người làng Vân Canh, ngoại thành Hà Nội, thi đậu Hoàng giáp Chế khoa (khoa thi đặc biệt do vua Lê Chiêu Thống mở và ra đề) năm 1787, làm quan đến Đốc đồng Hải Dương. Sang đời Gia Long, được bổ Đốc học Bắc Thành.

2.Sao Đức: Tên một chòm sao, theo sách cũ nói, nơi nào có nhiều sao Đức tụ lại, nơi ấy có nhiều người hiền.

3.Đình Văn Thạch, có lẽ chỉ nhà bia ghi tên người đậu Tiến sĩ.

4.Ý ấy, chỉ "oán hờn", "cảm xúc" ở 2 câu luận trên.

5.Điệu đàn "non cao nước chảy," theo sách *Liệt Tử:* Bá Nha và Chung Tử Kỳ là hai người bạn thân. Khi Bá Nha gẩy đàn cầm, ý ở non cao, Chung Tử Kỳ nói: "Khéo thay! Chon von như Thái Sơn." Ý ở nước chảy, Tử Kỳ nói: "Khéo thay! Mênh mông như sông nước." Người đời sau dùng tích này để chỉ bạn tri âm.

13. 五雲樓晚眺

天光人景兩平分
壁樹牆花對夕曛
佛寺依微籠岸雪
王宮落漠隱山雲
御溝流水垂楊瘦
故壘幽巢宿鳥紛
回首長安西上望
濃山瑞氣正氤氳

PHIÊN ÂM:

NGŨ VÂN LÂU VÃN DIẾU

Thiên quang nhân cảnh lưỡng bình phân,
Bích thụ tường hoa đối tịch huân.
Phật tự y vi lung ngạn tuyết;
Vương cung lạc mạc ẩn sơn vân.
Ngự câu lưu thủy thùy dương sấu;
Cố lũy u sào túc điểu phân.
Hồi thủ Trường An tây thượng vọng,
Nùng sơn thụy khí chính nhân uân.

DỊCH NGHĨA:

TRÊN LẦU NGŨ VÂN NGẮM CẢNH CHIỀU

Sắc trời và cảnh người, đôi bên bằng nhau,
Cây vách hoa tường, đều giãi dưới bóng chiều.
Chùa Phật thấp thoáng, lồng trong tuyết bên bờ;
Cung vua lờ mờ, giấu mình trong mây núi.
Dáng liễu gầy rủ bên dòng ngự câu;[1]
Chim đậu lao xao bên tổ kín luỹ cũ.
Ngoái đầu nhìn phía tây Trường An,[2]
Khí lành núi Nùng đang xông lên ngùn ngụt.[3]

CHÚ THÍCH:

1.Ngự câu là dòng nước chảy qua vườn để dạo chơi của nhà vua.

2.Trường An, kinh đô nhà Hán, sau được dùng để chỉ kinh đô nói chung.

3.Núi Nùng, còn có tên là núi Long Đỗ. Lý Thái Tổ khi dời đô ra Thăng Long đã dựng chính điện trên đỉnh núi. Núi ở phía bắc trong thành Hà Nội cũ nay đã bị san phẳng. Hiện trong vườn bách thảo là núi Sưa bị gọi lầm là núi Nùng.

DỊCH THƠ:

Nửa cảnh trời quang, nửa cõi đời,
Cây tường hoa vách nắng chiều soi.
Mập mờ chùa phật tuyết bờ phủ;
Lặng lẽ cung vua mây núi trôi.
Tổ kín lũy xưa chim dễ nhận;
Nước xuôi dòng ngự liễu buông tươi.
Trường An ngoảnh lại miền tây ngắm,
Khí tốt non Nùng vẫn ngất trời.

Hoàng Tạo

14. 賀御史阮筆峰並語

今日舟墀五色雲見，忽聞我公袖中一疏，對讀於大庭之中，百官六軍翕然增色，朝庭有人，天下不足平矣。忻慶之情，不能自已，謹賦唐律一首，聊爲眞御史賀，希惟莞納爲榮:

向來豸角如麟角
幾使裒聲鬥鳳聲
有勉始尊唐社稷
入綱方重宋朝廷
彈文對仗秋霜肅
勁氣凌霄夏日明
儒者當爲眞不朽
雅詩補袞願重賡

PHIÊN ÂM:

HẠ NGỰ SỬ NGUYỄN BÚT PHONG[a] TỊNH NGỮ

Kim nhật đan trì ngũ sắc vân hiện, hốt văn ngã công tụ trung nhất sớ, đối độc ư đại đình chi trung, bách quan lục quân hấp nhiên tăng sắc, triều đình hữu nhân, thiên hạ bất túc bình hĩ. Hân khánh chi tình, bất năng tự kỷ, cẩn phú Đường luật nhất thủ, liêu vi chân Ngự sử hạ, hy duy hoàn nạp vi vinh:

Hướng lai sãi giác như lân giác,
Kỷ sử niểu thanh đấu phượng thanh.
Hữu miễn thủy tôn Đường xã tắc;[b]
Nhập cương phương trọng Tống triêù đình.
Đàn văn đối trượng thu sương túc;
Kính khí lăng tiêu hạ nhật minh.[c]
Nho giả đương vi chân bất hủ,[d]
Nhã thi bổ cổn nguyện trùng canh.

DỊCH NGHĨA:

VIẾT MỪNG QUAN NGỰ SỬ NGUYỄN BÚT PHONG [1]

KÈM LỜI DẪN

Hôm nay khi mây năm sắc xuất hiện trước thềm son, bỗng nghe ông rút một tờ sớ trong áo ra đọc giữa sân vua, trăm quan và sáu quân nét mặt hớn hở, vì triều đình có người [như vậy] thì thiên hạ sẽ được yên ổn. [Tôi] lòng mừng khôn xiết, nên kính cẩn viết một bài thơ đường luật, gọi là để chúc mừng quan Ngự sử chân chính, mong được nhận lấy làm vinh hạnh:

Xưa nay, sừng con sãi cũng vẫn giống như sừng con lân,[2]
Dường như để tiếng cú vọ chọi lại tiếng chim phượng.
Có gắng gỏi, mới tôn cao được xã tắc nhà Đường;[3]
Có khuôn phép, mới trọng thị triều đình nhà Tống.[4]
Văn đàn hặc trước triều đình, nghiêm như sương mùa thu;
Khí tiết cứng rắn vút từng mây, sáng tựa mặt trời mùa hạ.
Nhà nho ta nên làm việc gì thật bất hủ,
Nguyện nối vần "bổ cổn" trong Đại nhã Kinh Thi.[5]

KHẢO DỊ

a.Bản VHv.1743/22: *Hạ phó đô* Ngự sử Nguyễn Bút Phong 賀副都御史阮筆峯 (*Mừng ông phó đô* Ngự sử Nguyễn Bút Phong).

b.Bản A.117c/1: Thực 實.

c.Bản A.117c/1: Ngang 昂.

d.Bản A.117c/1: Bất uổng 不枉.

CHÚ THÍCH:

1.Nguyễn Bút Phong (1734-1796) tên thật là Nguyễn Đình Giản, tự Trung Lương, người xã Vĩnh Tri, huyện Hoằng Hóa, Thanh Hóa, ông đỗ Tiến sĩ khoa Kỉ Sửu Cảnh Hưng thứ 30 (1769), làm quan đến Binh bộ Thượng thư, kiêm Đô ngự sử.

2.Sừng con sãi: Người xưa truyền lại rằng, có loài thú là sãi hay "giải sãi"(giải trãi) có một sừng, rất ghét kẻ không ngay thẳng, hễ gặp thì nó húc ngay. Vì thế người ta làm cái mũ quan Ngự sử, đỉnh phía sau nhô lên như một chiếc sừng và gọi là mũ sãi. Ý là hễ quan Ngự sử gặp điều trái phép, thì đàn hặc ngay, cũng như con sãi húc kẻ không trung thực.

Sừng con Lân: Lân là loài thú tôn quý, nên người ta mượn chữ sừng lân (lân giác) để chỉ vật quý hiếm. Câu này ý nói nếu được vị quan Ngự sử công bằng là điều rất qúy và hiếm có.

3.Theo *Đường thư* thì, khi Địch Kiêm Mô làm quan Ngự sử trung thừa, vua bảo: Ngự sử đài phải làm khuôn phép cho triều đình, khuôn phép chính thì triều đình mới chính. Ông là con cháu Địch Lương Công nên phải cố gắng để nối được gia phong.

4.Theo *Tống thư,* Châu Đức Tú mừng Giám sát Ngự sử viện có câu: "Khuôn phép của hiến phủ, chính gửi ở người đàn hặc."

5.Bổ cổn (Bổ cứu cho áo cổn): Thơ *Chưng dân*, phần *Đại nhã, Kinh Thi,* ca ngợi Chu Tuyên Vương dùng hiền thần là Doãn Cát Phủ làm cho nhà Chu trung hưng, có câu: "Cổn chức hữu khuyết, duy Trọng Sơn phủ bổ chi" nghĩa là: Chức phận của vị mặc áo cổn (chỉ nhà vua) có thiếu sót thì Trọng Sơn Phủ bổ cứu cho. Ở đây tác giả mượn để ca ngợi Ngự sử Nguyễn Bút Phong là người có tác dụng to lớn đối với triều đình đương thời.

15. 擬代文江門生賀師子及弟並語

丁未春，聖天子龍飛之弟一年，詔舉賢良方正能直言極諫者，命曰制科。昉於中興初，於是異等開格，詔書徵士。

賜對之日，多士衣冠陛見，上御萬壽殿，親策以古今治道，擢二名登弟，臚傳讌揭，一循彝章，禮義待士。夫降恩盛意，近古罕見。預斯選者，可以觀世德，可以徵術業。華棣世兄阮公，其箕裘之良子者乎罄篚帝庭，儼然上第。

游夏師友淵源之蘊蓄，賈董學問，忠孝之文章。叩其過庭造詣，嚴師義方之流澤也。嚴師道德學問，爲士模楷：事親孝，處鄉党宗族睦，與國人交信，於粹盎徵其德容，於步趨見其繩墨。鱣堂設教，函丈者各因其材而篤之。時雨之化，厥施斯普，匪直尋常翰墨，尤於行誼操履上，循之誘人。此門人之所親炙而見知者。

粤宰鳳眼，守德光，武城絃歌，範推俚之悍俗，益州琴鶴，綽壺壁之風清。標秩滿歸閒，三徑之室，五柳之門，庶乎屢空晏然也。夫仁者能久於約，賢者能久於卑，能約故樂，能卑故不可踰，此造化必然之理。觀於海與月，當其汐也，非夫水之不足，當其虧也，非夫光之不滿。縮此水以裕夫潮之生，韜此光以爛夫明之生。我世兄之生，其厚積流光之不偶在歟？

按文江古細江登科錄所載，相將名臣，宏碩世有。我世兄傳世達之衣缽，以稱我嚴師必做之厚期。從此經綸康濟，得時大行，凡皆職分內事。惟是君子三樂父母俱存居其一。我嚴師平格迪嘏，尊慈侍溫仁裕慶。斑娛鼎奉，榮及其頤，家門慈孝之福方源源乎來。我世兄能孝而忠，功名事業，炳彪顯著，使世人稱我嚴師曰：幸哉有子，如此其爲樂當何如哉！爰於錦堂賦唐律一章，書于帳以賀：

禮樂文章積慶家
汪汪文派德江波
博求盛典天人策
大順丕時相將科
燕嶺香標丹桂萼
萊廷彩映錦袍花
鱣堂久揖春風座
齊把卮言侑紫霞

PHIÊN ÂM:

NGHĨ ĐẠI VĂN GIANG MÔN SINH HẠ SƯ TỬ CẬP ĐỆ TỊNH NGỮ

Đinh Vị xuân, Thánh thiên tử long phi chi đệ nhất niên, chiếu cử hiền lương phương chính năng trực ngôn cực gián giả, mệnh viết Chế khoa. Phương ư trung hưng sơ, ư thị dị đẳng khai cách, chiếu thư trưng sĩ.

Tứ đối chi nhật, đa sĩ y quan bệ kiến, Thượng ngự Vạn Thọ điện, thân sách dĩ cổ kim trị đạo, trạc nhị danh đăng đệ, lô truyền huỳnh yết, nhất tuân di chương, lễ nghĩa đãi sĩ. Phù! Giáng ân thịnh ý, cận cổ hãn kiến. Dự tư tuyển giả, khả dĩ quan thế đức, khả dĩ trưng thuật nghiệp.

Hoa Cầu thế huynh Nguyễn công, kỳ cơ cầu chi lương giả bán khánh tất đế đình, nghiễm nhiên thượng đệ.

Du Hạ sư hữu uyên nguyên chi uẩn xúc, Giả Đổng học vấn, trung hiếu chi văn chương. Khấu kỳ quá đình tạo nghệ, nghiêm sư nghĩa phương chi lưu trạch dã. Nghiêm sư đạo đức học vấn, vi sĩ mô khải: Sự thân hiếu, xử hương đảng tông tộc mục, dữ quốc nhân giao tín, ư tuý áng trưng kỳ đức dung, ư bộ xu kiến kỳ thằng mặc. Chiên đường thiết giáo, hàm trượng giả các nhân kỳ tài nhi đốc chi. Thời vũ chi hoá, quyết thi tư phổ, phỉ trực tầm thường hàn mặc, vưu ư hành nghị thao lý thượng, tuần chi dụ nhân. Thử môn nhân chi sở chá nhi kiến tri giả.

Việt tế Phượng Nhãn thú Đức Quang, Vũ Thành huyền ca, phạm suy lý chi hãn tục, Ích Châu cầm hạc, xước hồ bích chi phong thanh. Tiêu trật mãn quy nhàn, tam kinh chi thất, ngũ liễu chi môn, thứ hồ lũ không yến nhiên dã. Phù nhân giả năng cửu ư ước, hiền giả năng cửu ư ty, năng ước cố lạc, năng ty cố bất khả du, thử tạo hoá tất nhiên chi lý. Quan ư hải dữ nguyệt, đương kỳ tịch dã, phi phù thuỷ chi bất túc, đương kỳ khuy dã, phi phù quang chi bất mãn. Súc thử thuỷ dĩ dụ phù triều chi sinh, thao thử quang dĩ lạn phù minh chi sinh. Ngã thế huynh chi sinh, kỳ hậu tích lưu quang chi bất ngẫu tại dư?

Án Văn Giang cổ Tế Giang Đăng khoa lục *sơ tái, tướng tướng danh thần, hoàng thạc thế hữ. Ngã thế huynh truyền thế đạt chi y bát, dĩ xứng ngã nghiêm sư tất tố chi hậu kỳ. Tòng thử kinh luân khang tế, đắc thời đại hành, phàm giai chức phận nội sự. Duy thị quân tử tam lạc phụ mẫu câu tồn cư kỳ nhất. Ngã nghiêm sư bình cách địch hỗ, tôn từ thị ôn nhân dụ khánh. Ban ngu đỉnh phụng, vinh cập kỳ di, gia môn từ hiếu chi phú phương nguyên nguyên hồ lai. Ngã thế huynh năng hiếu nhi trung, công danh sự nghiệp, bính bưu hiển trứ, sử thế nhân xưng ngã nghiêm sư viết: Hạnh tai hữu tử, như thử kỳ vi lạc đương hà như tai! Viên ư Cẩm đường phú Đường luật nhất chương, thư vu trướng dĩ hạ:*

Lễ nhạc văn chương[a] *tích khánh gia,*
Uông uông văn phái Đức giang ba.
Bác cầu thịnh điển Thiên Nhân sách;
Đại thuận phi thời tướng tướng khoa.

Yên lĩnh hương tiêu[b] *đan quế ngạc;*
Lai đình[c] *thái ánh cẩm bào hoa.*
Chiên đường cửu ấp xuân phong tọa,
Tề bả chi ngôn hựu tử hà.

DỊCH NGHĨA:

VIẾT THAY MÔN SINH Ở VĂN GIANG MỪNG CON THẦY THI ĐỖ ĐẠI KHOA[1] KÈM LỜI DẪN

Mùa xuân năm Đinh Mùi (1787), là năm thứ nhất Thánh thiên tử lên ngôi,[2] ban chiếu kén bậc hiền lương phương chính, người có thể nói thẳng, và can ngăn đến cùng, gọi là Chế khoa.[3] [Việc này], có từ buổi đầu thời Trung hưng, đặt cách thức khác thường ra chiếu tuyển dụng kẻ sĩ.

Ngày cho được ứng đối, đông đảo sĩ tử mũ áo chỉnh tề ra mắt trước sân rồng, nhà vua ngự trên điện Vạn Thọ, đích thân hỏi về đường lối trị bình xưa nay, chọn được hai người đỗ, liền cho xướng danh, yết bảng ở trường Giám, hết thảy đều tuân theo lệ thường, đối đãi với kẻ sĩ đúng lễ nghĩa. Ôi! Thật là ơn cao ý thịnh, xưa nay hiếm thấy. Người dự thi lần này có thể xem xét phúc đức đời trước, có thể chứng nghiệm thuật nghiệp của mình. Thế huynh[4] Nguyễn Công ở Hoa Cầu[5] hẳn là con nhà dòng dõi nên đấu bút trước sân vua, nghiễm nhiên được đỗ cao.

Thày bạn là Du, Hạ,[6] đạo học đi vào cội rễ, học vấn theo Đổng, Giả,[7] văn chương đẹp chữ hiếu trung. Căn cứ vào điều đạt tới lúc "qua sân,"[8] thì đó là cái ơn đức về giáo dục nghĩa phương[9] của thầy ta để lại. Đạo đức, văn học của thầy ta làm mẫu mực cho kẻ sĩ: Thờ cha mẹ thì hiếu thảo, ăn ở với làng xóm, họ hàng thì hoà thuận, giao du với người trong nước thì giữ điều tín, [tất cả] đều tỏ cái đức dung trên diện mạo, thấy sự mực thước trong đi đứng. Khi giảng tập ở nhà Chiên,[10] thảy đều nhân phẩm chất của từng người mà đôn đốc họ. Quả như trận mưa đúng lúc tưới ra rộng khắp, không phải chỉ dạy trong sách vở tầm thường, mà nhất là cả về mặt thực tiễn, hành vi, đạo lý, thảy đều ôn tồn dạy bảo mọi người. Đó là điều mà học trò chúng tôi được trực tiếp rèn rũa và nhìn nhận tận mắt mà biết được.

Đến khi [thầy] làm Huyện tể ở Phượng Nhãn[11] cũng như làm Thái thú ở Đức Quang,[12] thì tiếng đàn hát ở Vũ Thành[13] sửa đổi thói hung hãn

chém giết, phong cách cầm hạc ở Ích Châu,[14] đức độ thật tuyệt vời. Hết hạn làm quan về nghỉ, thì nhà ba luống cúc, cửa năm cây liễu, nếp sống thanh bần, nhưng [thầy] vẫn thản nhiên. Kìa như, bậc nhân giả có thể sống kiệm ước mãi; người hiền giả có thể ở địa vị thấp mãi, sống kiệm ước cho nên được niềm vui, ở địa vị thấp cho nên không bị ai vượt qua, đó là lẽ tất nhiên của tạo hoá. Hãy xem, biển cả và mặt trăng: Lúc nước rút đâu phải là nước không đủ, lúc trăng khuyết, đâu phải ánh sáng không tràn đầy. Nước rút đi để làm cho nước triều thêm dư dật; giấu bớt ánh sáng đi để có lúc trăng càng thêm rạng rỡ. Cuộc đời của thế huynh ta chẳng phải là ngẫu nhiên mà có sự tích lũy sâu dầy, ánh sáng chan hòa đó sao?

Xét Văn Giang xưa là Tế Giang, theo sự ghi chép của *Đăng khoa lục* thì, đây là nơi tướng tướng danh thần, tài cao đức rộng, đời nào cũng có. Thế huynh ta thừa kế y bát[15] đời đời hiển đạt, xứng đáng với kì vọng nồng nhiệt của thầy ta, mong có người con làm nên. Từ nay kinh luân giúp ích dân chúng, gặp thời thì hết sức thi thố tài năng, nói chung, đều là công việc trong phận sự mình. Riêng đối với người quân tử có ba điều vui mà cha mẹ song toàn là một trong ba điều ấy. Thầy ta thì công bằng, sáng suốt, đạo đức nghiêm trang, còn tôn từ[16] thì ôn hoà, nhân hậu, rộng mở phúc lành. Nay có áo mầu sặc sỡ[17] làm đẹp lòng cha mẹ, kính dâng chuông vạc, làm rạng rỡ tuổi già, phúc của đức từ hiếu trong nhà đang cuồn cuộn đổ về. Thế huynh ta đã hiếu lại trung, công danh sự nghiệp, vinh hiển rỡ ràng, khiến người đời phải ca ngợi thầy ta rằng: "Vinh hạnh thay, có con như vậy!" Như thế thì thật vui mừng biết nhường nào! Bèn ở ngay nơi Cẩm đường,[18] soạn bài thơ Đường luật, viết vào trướng để chúc mừng:

Có nếp văn chương lễ nhạc là nhà chứa phúc,
Dòng văn cuồn cuộn như sóng nước sông Đức.[19]
Rộng tìm phép tắc thịnh trị, dâng bài văn sách Thiên Nhân;[20]
Thời buổi thuận hoà, đặt khoa thi tuyển tướng tướng.[21]
Non Yên hoa quế đỏ thơm bay;[22]
Sân Lai áo bào hoa rực rỡ.[23]
Tại Chiên đường gió xuân thổi đến đã lâu,
Nâng chén tử hà cùng nhau trò chuyện.[24]

KHẢO DỊ:

a.Bản A.117/31: Thi thư 詩書.

b.Bản A.117/31: Phiêu 飄.

c.Bản A.117/31: Lai diên 來筵.

CHÚ THÍCH:

1.Văn Giang, tên huyện, nay thuộc tỉnh Hưng Yên. Theo *Đăng khoa lục*, "Chế khoa" năm 1787 có 2 người đỗ, trong đó có Nguyễn Gia Cát người làng Hoa Cầu, huyện Văn Giang. Bài thơ và lời dẫn cho biết, Ngô Thì Nhậm là học trò của thân phụ Nguyễn Gia Cát.

2.Năm Đinh Mùi (1787) là năm đầu niên hiệu Chiêu Thống của Lê Duy Kỳ lên ngôi, sau khi Lê Hiển Tông mất.

3.Chế khoa: Khoa thi đặc biệt ngoài khoa thi thường lệ để kén chọn người tài giỏi. Chế khoa được đặt ra lần đầu tiên vào thời Lê Trung Tông năm 1554, tức thời kỳ đầu Lê trung hưng (Xem: *Lịch triều hiến chương loại chí).*

4.Thế huynh: Từ gọi con trai thầy học.

5.Hoa Cầu: Có lẽ là làng Xuân Cầu, huyện Văn Giang (Hưng Yên). Vì kiêng huý chữ "hoa" dưới triều Nguyễn, nên Hoa Cầu đổi thành Xuân Cầu.

6.Du, Hạ, tức Tử Du, người nước Ngô và Tử Hạ người nước Vệ thời Xuân Thu, đều là học trò của Khổng Tử được liệt vào khoa văn học,

7.Đổng, Giả, tức Đổng Trọng Thư và Giả Nghị, hai nhà đại nho đời Hán.

8.Qua sân: *Luận ngữ* có câu: "Lý Ngư xu nhi quá đình" (Lý Ngư đi rảo bước qua sân): Lý Ngư, con trai của Khổng Tử, khi đi qua sân, Khổng Tử trông thấy hỏi: "Đã học lễ chưa"? Thưa: "Chưa". "Thế thì hãy học lễ đi..." Đời sau gọi lời dạy của cha là gia huấn lúc qua sân.

9.Nghĩa phương: *Tả truyện* có câu: "Thần văn ái tử, giáo chi dĩ nghĩa phương" (Thần nghe nói, người yêu con là người lấy nghĩa phương để dạy nó), ý nói đường hướng theo đạo nghĩa.

10.Nhà Chiên (Chiên đường), tức nhà dạy học.

11.Phượng Nhãn: Là một phần huyện Lạng Giang, huyện Yên Dũng và Lục Nam tỉnh Bắc Giang ngày nay.

12.Đức Quang: Tên phủ, thuộc trấn Nghệ An, thời Minh Mệnh đổi là phủ Đức Thọ.

13.Võ Thành: Tử Du thời Xuân Thu, khi làm quan Tể ấp Võ Thành, thi hành giáo hoá rất tốt, trong ấp dấy lên tiếng đàn hát, được thầy học là Khổng Tử tỏ ý khen ngợi.

14.Ích Châu: Địa danh ở Trung Quốc. Triệu Biện đời Tống làm quan ở Ích Châu thanh liêm, giản dị, không phiền hà dân, thường đem theo một cây đàn và một con chim hạc.

15.Y bát: Áo mặc và bát ăn, vật dụng của thày trò nhà sư truyền cho nhau để kế thừa. Nghĩa rộng chỉ việc trò kế thừa sự nghiệp của thầy.

16.Tôn từ: Người mẹ đáng tôn kính của thế huynh họ Nguyễn.

17.Áo mầu (ban y): Lão Lai đời Xuân Thu, đã 80 tuổi mà cha mẹ vẫn còn, ông bèn mặc áo mầu, đeo trống bỏi, múa cho cha mẹ vui. Từ *vũ ban* sau trở thành thuật ngữ dùng cho việc chúc thọ.

18.Cẩm đường: Chỉ nơi làm quan.

19.Sông Đức, tức chỉ 3 con sông Đức chảy qua đất Kinh Bắc cũ: Thiên Đức (sông Đuống), Nhật Đức (sông Thương), Nguyệt Đức (sông Cầu).

20.Bài văn sách Thiên Nhân: Đổng Trọng Thư, một đại nho đời Hán, hồi trẻ dâng lên vua tập sách, nói về quan hệ giữa trời và người, gọi là "Thiên nhân tam sách" sau đó được tin dùng. Ở đây mượn để chỉ kế sách kinh bang tế thế của người sĩ phu.

21.Khoa tướng tướng: Chỉ tướng võ và quan to bên văn như Tể tướng.

22.Non Yên: Đậu Vũ Quân ở Ngư Dương thời Ngũ Qúy, có 5 người con đều nối nhau đỗ Tiến sĩ, người đương thời gọi "Năm cành quế đỏ của họ Đậu ở Yên Sơn".

23.Sân Lai: Tức Lão Lai đời Xuân Thu, xem chú thích số 17.

24.Chén tử hà, một loại chén nhỏ có vẽ ráng chiều mầu đỏ, được mệnh danh là chén tiên.

16. 賀友

匡國才猷蓋世功
煌煌日月照丹衷
有孚在道隨何咎
旁作咸勤蹇匪躬
康濟大臣非度外
顯藏君子正時中
相忻相得仁居邇
時序耆遊會上公

PHIÊN ÂM:

HẠ HỮU[a]

Khuông quốc tài du cái thế công,
Hoàng hoàng nhật nguyệt chiếu đan trung.
Hữu phu tại đạo tùy hà cữu?
Bàng tác hàm cần kiển phỉ cung.
Khang tế đại thần phi độ ngoại;
Hiển tàng quân tử chính thời trung.
Tương hân tương đắc nhân cư nhĩ,[b]
Thời tự Kỳ du hội thượng công.

DỊCH NGHĨA:

MỪNG BẠN

Giỏi mưu giúp nước, công lao bao trùm đời,
Vầng nhật nguyệt rực rỡ, soi tỏ tấm lòng son.
Tin ở đạo mà thuận theo thì có lỗi gì;
Làm việc đều siêng, chẳng phải vì mình lận đận.
Giúp dân yên vui, bậc đại thần không ngoài bổn phận;
Xuất hay xử, người quân tử phải xử đúng thời.(1)
Với điều nhân, mừng cho nhau cùng được cận kề,(2)
Làm ông già trong hội Kỳ Anh vui chơi năm tháng.(3)

KHẢO DỊ:

a.Bản A.117c/1: Tiễn hạ thi 餞賀詩.

b.Bản A.117.c/1, bản VHv.16/3, bản VHv.1743/22: Tương hân an đắc cư nhân *thích* 相忻安得居仁適 (Mừng cho nhau sao được *yên vui sống* với điều nhân).

CHÚ THÍCH:

1.Xuất xử: "Xuất xử" cũng như "hành tàng," là quan niệm về lẽ sống của nhà nho xưa, khi gặp thời thì đem tài năng phục vụ, nếu gặp chính sự thối nát thì về ở ẩn.

2.Quan niệm về chữ "nhân" của nhà nho rất rộng, nhưng chủ yếu vẫn là thương yêu mưu lợi ích cho người.

3.Hội Kỳ Anh do Văn Ngạn Bác người đời Tống, đỗ Tiến sĩ, làm quan đến chức Thái sư, khi về hưu làm nhà ở Lạc Dương cùng với các học giả lớn tuổi lập ra, gọi là hội Lạc Dương Kỳ Anh, để cùng nhau luận bàn văn chương.

DỊCH THƠ:

Tài mưu giúp nước vượt trên đời,
Rực rỡ lòng son nhật nguyệt soi.
Đạo có niềm tin theo chẳng ngại;
Việc ra sức giúp khó không nài.
Đại thần thi thố không ngoài cuộc;
Quân tử hành vi cốt phải thời.
Mong những yên bề nhân thoải mái,
Kỳ Anh hội ấy tháng ngày chơi.

Hoàng Tạo

17. 和乩仙

大凡不俗便稱仙
萬古誰知太極年
自有倥侗應有月
詩翁不辨某誰眠

PHIÊN ÂM:

HOẠ KÊ TIÊN

Đại phàm bất tục tiện xưng tiên,
Vạn cổ thùy tri thái cực niên.
Tự hữu không đồng ưng hữu nguyệt,
Thi ông bất[a] biện mỗ thùy miên.

DỊCH NGHĨA:

HOẠ BÀI THƠ BÓI TIÊN[1]

Đại phàm không tục, thì gọi là tiên,
Cái thuở ban đầu xưa nay ai biết.[2]
Từ thời mông muội đã có trăng rồi,
Ông thơ chẳng hiểu ai đưa vào giấc ngủ.

KHẢO DỊ:

a.Bản A.117c/1: Hưu 休.

CHÚ THÍCH:

1.Bói tiên: Người bói viết chữ trên cát hay trên gạo, thành thơ, nói là do tiên giáng bút, để giải quyết những vấn đề nghi ngờ của người xin cầu. những câu thơ ấy do chính người bói viết ra, nên trong bài, tác giả đã gọi người bói là thi ông (ông thơ).

2.Buổi ban đầu (Thái cực niên) là thời kì đầu tiên hình thành vũ trụ.

18. 丁未秋渡襟河偶成臨江曲

誰謂水清涼

水清涼處熱如湯

熱如湯洗盡鐵肝腸

君不見斷磧危灘鳴如峽急箭飛忙

朝東日月走如狂

禁不住戎臣戀闕遊子懷鄉

二八芳閨長戍婦

三千驛路遠來商

仔細思量

人情爭似水情長

好把天山三箭直擣河陽

萬夫袍澤鼓同疆

挈渭川封域歸獻君王

五雲樓下近清光

斗印掛腰旁

不枉是揮吐風霆弧矢四方

PHIÊN ÂM:

ĐINH MÙI THU ĐỘ KHÂM HÀ NGẪU THÀNH
"LÂM GIANG KHÚC"

Thùy vị thủy thanh lương,
Thủy thanh lương xứ nhiệt như thang,
Nhiệt như thang tẩy tận thiết can tràng.
Quân bất kiến đoạn trách nguy than minh như hiệp
cấp tiễn phi mang,
Triều đông nhật nguyệt[a] tẩu như cuồng,
Cấm bất trú nhung thần luyến khuyết du tử hoài hương.
Nhị bát phương khuê trường thú phụ;
Tam thiên dịch lộ viễn lai thương,
Tử tế tư lường,
Nhân tình tranh tự thủy tình trường!
Hảo bả thiên sơn tam tiễn trực đảo Hà Dương,
Vạn phu bào trạch cổ đồng cương,
Khiết Vị Xuyên phong vực quy hiến quân vương,
Ngũ vân lâu hạ cận[b] thanh quang,
Đấu ấn quải yêu bàng,
Bất uổng thị huy thổ phong đình hồ thỉ tứ phương.

DỊCH NGHĨA:

MÙA THU NĂM ĐINH MÙI (1787) QUA SÔNG KHÂM
TÌNH CỜ VIẾT NÊN KHÚC "LÂM GIANG"[1]

Ai bảo nước sông [Khâm] trong và mát?
Nơi nước trong mát ấy lại nóng như nước sôi,
Nóng như nước sôi thì rửa sạch ruột gan bằng sắt.
Anh không thấy đá cao, ghềnh dốc, vang như thác đổ, gấp tựa
tên bay,
Hướng về đông, tháng ngày chạy như cuồng như dại,
Nhưng không ngăn nổi lòng nhung thần nhớ cửa khuyết, du tử
nhớ quê hương.
Thiếu phụ đôi tám chốn phòng thơm [nhớ] chồng đi lính thú,
Người khách buôn trên chặng đường xa ba ngàn dặm đi về.

Đắn đo nghĩ suy cặn kẽ,
Tình người sao mà cũng dằng dặc như tình sông!
Hãy đánh thẳng vào Hà Dương bằng ba mũi tên Thiên Sơn,(2)
Cùng cổ vũ giữ biên cương, muôn người chung lưng đấu cật,
Dâng cho quân vương,(3) cõi bờ Vị Xuyên ,
Dưới lầu Ngũ Vân,(4) lại được gần ánh sáng trong trẻo,
Chiếc ấn to đeo ngang lưng,
Thật không uổng chí vẫy vùng sấm gió bốn phương hồ thỉ.

KHẢO DỊ:

a.Bản A.117c/1: Nhật dạ 日夜.

b.Bản A.117c/1: Cận 覲.

CHÚ THÍCH:

1.Sông Khâm, chưa rõ ở đâu, có thể sông Gâm (Xưa viết "Khâm") ở Tuyên Quang, tác giả viết khi đi đánh dẹp Hoàng Văn Đồng?

2.Ba mũi tên Thiên Sơn: Thiên Sơn, tên núi thuộc vùng Tân Cương. Tiết Nhân Quý nhà Đường đánh họ Vưu ở Thiên Sơn, bắn ba mũi tên giết ba tướng giặc. Trong quân vang lên tiếng hát mừng rỡ: "Tướng quân ba phát dẹp Thiên San, tráng sĩ ca vang vào Hán Quan." Nhắc đến *Thiên Sơn* là nói đến chiến thắng kẻ địch.

Hà Dương tên đất thời Xuân Thu, nay còn dấu thành cũ ở huyện Mạnh, tỉnh Hà Nam. Trung Quốc. Ở đây tác giả mượn để chỉ vùng đang có chiến sự. Cũng có thể là vùng Hà Giang, (xưa viết "Hà Dương") của Việt Nam.

3.Vị Xuyên, có lẽ là châu Vị Xuyên.

4.Lầu Ngũ Vân: Chỉ nơi vua ở.

DỊCH THƠ:

Ai rằng nước trong mát,
Chính chỗ trong mát lại bỏng rát!
Lại bỏng rát! Rửa sạch gan dạ sắt!
Anh chẳng thấy:
Đường cùng thác dốc, rít như kẽm dốc, tên bay vút?
Về đông, ngày tháng chạy như điên,
Cấm sao được.
Mảnh giáp nhớ chúa!
Con xa ngóng làng!
Đôi tám vợ trẻ người một phương.
Đường ba ngàn dặm khách tham buôn,
Suy tính cho kỹ!
Dòng sông khôn đọ mối tình trường.

Hãy lấy Thiên Sơn tên ba mũi, phóng thẳng Hà Dương,
Muôn người chung tấm áo, quyết giữ biên cương,
Giựt cõi bờ sông Vị về hiến quân vương.
Dưới lầu năm mây gần ánh hào quang.
Quả ấn lớn đeo bên sườn,
Không phụ tiếng,
Gươm vang thành sấm sét,
Cung tên ngang dọc bốn phương.

Hoàng Tạo

19. 在金蘭寄弟學遜氏

兩度西遊到祖山
春風閱熟草花顏
不知風火何方鬧
祇見雲煙盡日閒
室在壺天眞石室
蘭棲名地是金蘭
舍車我自行吾義
在處乾坤足碩寬

PHIÊN ÂM:

TẠI KIM LAN KÝ ĐỆ HỌC TỐN THỊ

Lưỡng độ Tây du đáo Tổ san,
Xuân phong duyệt thục thảo hoa nhan.
Bất tri phong hỏa hà phương náo;
Chỉ kiến vân yên tận nhật nhàn.
Thất tại hồ thiên chân Thạch Thất,
Lan thê danh địa thị Kim Lan.
Xả xa ngã tự hành ngô nghĩa,
Tại xứ càn khôn túc[a] thạc khoan.

DỊCH NGHĨA:

Ở KIM LAN, GỬI CHO EM LÀ HỌC TỐN[A]

Hai lần sang chơi phía tây, tới núi Tổ,[1]
[Đón] gió xuân, nhìn thuộc cả dáng cỏ hoa.
Chẳng biết binh lửa náo động ở phương nào;
Chỉ thấy khói mây suốt ngày lởn vởn.
Nhà ở dưới "trời trong bầu," đúng là Thạch Thất;[2]
Lan mọc đất danh tiếng, ắt phải là Kim Lan.[3]
Ta bỏ xe, tự mình thực hành điều nghĩa,
Đâu đâu đất trời đều cũng thênh thang.

NGUYÊN CHÚ:

A.Thạch Thất, Kim Lan ở xứ Sơn Tây, mộ Hoàng tổ táng ở đây. Kim Lan, trước gọi là Kim Gian 金蘭.

KHẢO DỊ:

a.Bản A.117c/1: Thị 是.

CHÚ THÍCH:

1.Núi Tổ, chưa rõ.

2+3.Thạch Thất (nhà đá); Kim Lan (lan vàng): Đây là một lối chơi chữ. Thực ra đây là hai tên đất: Có lẽ, Thạch Thất là tên huyện, Kim Lan là tên làng thuộc địa phận Sơn Tây?

20. 書賜楊契子洪並語

余與綺羅憲使楊兄交，自乙未登第以後爾，而其相信之深相知之篤，有總丱握手所不能及。余交天下甚多，靜思之，楊兄眞金玉君子也。余嘗有夢楊兄以子托我，我嘗恐負所托。今見門人伯僉攜其嗣子洪來，觀其人表不俗，楊兄信有後矣。爾洪學宜加勤，行宜加勵，以繼厥考之業，是余深有望焉。

夢中相訪十年前
今見君兒淚泫然
有後定知賢者壽
想君死日即生年

PHIÊN ÂM:

THƯ TỨ DƯƠNG KHẾ TỬ HỒNG TỊNH NGỮ

Dư dữ Ỷ La Hiến sứ Dương huynh giao, tự Ất Vị đăng đệ dĩ hậu nhĩ, nhi kỳ tương tín chi thâm tương tri chi đốc, hữu tổng quán ác thủ sở bất năng cập. Dư giao thiên hạ thậm đa, tĩnh tư chi, Dương huynh chân kim ngọc quân tử dã. Dư thường hữu mộng Dương huynh dĩ tử thác ngã, ngã thường khủng phụ sở thác. Kim kiến môn nhân Bá Thiêm huề kỳ tự tử Hồng lai, quan kỳ nhân biểu bất tục, Dương huynh tín hữu hậu hĩ. Nhĩ Hồng học nghi gia cần, hành nghi gia lệ, dĩ kế quyết khảo chi nghiệp, thị dư thâm hữu vọng yên.

Mộng trung tương phỏng thập niên tiền,
Kim kiến quân nhi lệ huyễn nhiên.
Hữu hậu định tri hiền giả thọ,
Tưởng quân tử nhật tức sinh niên.

DỊCH NGHĨA:

VIẾT CHO CON NGƯỜI BẠN HỌ DƯƠNG TÊN LÀ HỒNG

KÈM LỜI DẪN

Ta chơi với quan Hiến sứ người ở Ỷ La là Dương huynh,[1] từ sau ngày thi đỗ [Tiến sĩ] khoa Ất Mùi (1775), tin tưởng nhau sâu sắc, hiểu biết nhau kỹ càng, những người chơi với nhau từ thuở còn để chỏm cũng không bằng. Ta cũng đã giao du với nhiều người trong thiên hạ, nhưng nghĩ cho kỹ, thì Dương huynh đáng là bậc quân tử vàng ngọc vậy. Ta thường mơ Dương huynh đem con gửi gắm cho ta, nhưng chưa thực hiện được điều ấy. Nay thấy người học trò là Bá Thiêm dắt Hồng tới, thấy dáng người tuấn nhã [mới biết] đúng là Dương huynh có con nối dõi. Hồng!

Cháu học nên chăm chỉ, hành nên cố gắng, để nối nghiệp cha, đó là điều bác mong đợi sâu sắc vậy.

Thăm nhau trong mộng đã mười năm trước,
Nay thấy con anh mà nước mắt đầm đìa.
Có con nối dõi, biết là người hiền còn sống mãi,
Nhớ đến ngày anh mất, tức là nhớ những năm anh vẫn còn.[2]

CHÚ THÍCH:

1.Tức Dương Nguyễn Huống người thôn Ỷ La, Từ Liêm (nay thuộc huyện Hoài Đức, Hà Tây), đỗ Tiến sĩ năm 1772, trước tác giả một khoa.

2.Ngày anh vẫn còn: Nguyên văn là "sinh niên," cũng có thể hiểu: "Ngày được con nối nghiệp."

DỊCH THƠ:

Gặp nhau trong mộng đã mười năm,
Nay thấy con anh nước mắt đầm.
Con dõi người hiền thì thọ mãi,
Tưởng anh còn sống vẫn vào thăm.

Lâm Giang

21. 哭弟廣業君

悲君捨我兩經旬
隔一堆黃不可親
腸斷杜鵑啼入夏
心酸芳草送殘春
彭殤未必關人事
離合徒增惱色身
萬古竹岡松柏壽
想應一脈萃昭焄

PHIÊN ÂM:

KHỐC ĐỆ QUẢNG NGHIỆP QUÂN[a]

Bi quân xả ngã lưỡng kinh tuần,
Cách nhất đôi hoàng bất khả thân.
Tràng đoạn đỗ quyên đề nhập hạ;
Tâm toan phương thảo tống tàn xuân.
Bành thương vị tất quan nhân sự;
Ly hợp đồ tăng não sắc thân.
Vạn cổ[b] *trúc cương tùng bách thọ,*
Tưởng ưng nhất mạch tụy chiêu huân.

DỊCH NGHĨA:

KHÓC EM QUẢNG NGHIỆP[1]

Thương em bỏ anh đi đã trải hai tuần ,
Cách một nấm đất vàng mà không thể gần nhau được.
Như chim đỗ quyên đứt ruột kêu vào hè;
Tựa đám cỏ thơm đau lòng tiễn cảnh xuân tàn tạ.
Việc thọ yểu, chưa hẳn liên quan tới việc đời;
Cảnh tan hợp, chỉ thêm não lòng chiếc thân còn sống.
Gò trúc thì muôn đời, tùng bách trường thọ,[2]
Nghĩ cùng một dòng máu đọng toả sáng thơm tho.

KHẢO DỊ:

a.Bản A.117c/1: Vong đệ 亡弟.
b.Bản A.117c/1: Vạn lý 萬里.

CHÚ THÍCH:

1.Quảng Nghiệp: Trong *Ngô gia thế phả,* không thấy nói đến ông này.
2.Gò trúc: Chỉ nơi mộ táng.

22. 神符山望海

挨排最是化工多
大塊由來渾沌槎
爲凹一泓藏太腋

遂驅群石壓滄波
局殘鐵甲餘清廟
宴罷桃園鎖落霞
癡想樓船鳴鼓吹
騷壇何日見賡歌

PHIÊN ÂM:

THẦN PHÙ SƠN VỌNG HẢI

Ai bài tối thị hóa công đa,
Đại khối do lai hỗn độn sà.
Vi ảo nhất hoằng tàng Thái dịch;
Toại khu quần thạch áp thương ba.
Cục tàn thiết giáp dư thanh miếu;
Yến bãi đào viên tỏa lạc hà.
Si tưởng lâu thuyền minh cổ súy,
Tao Đàn hà nhật kiến canh ca.

DỊCH NGHĨA:

ĐỨNG TRÊN NÚI THẦN PHÙ NGẮM BIỂN[1]

Sự sắp đặt phần nhiều do hoá công,
Trái đất xưa nay là cái bè hỗn độn.
Lõm xuống một doành, chứa ao Thái Dịch;[2]
Xua bầy đá núi đè chặn lớp sóng xanh.[3]
Thời cục tàn rồi, toà miếu thanh u vẫn bên làng Thiết Giáp;[A]
Tiệc yến vừa xong, ráng chiều sà xuống khoá chặt vườn đào.[B]
Ngẩn ngơ nhớ buổi thuyền lầu vang lừng kèn trống,
Biết ngày nào lại thấy vần thơ xướng họa trên hội Tao Đàn.[C]

NGUYÊN CHÚ:

A.Làng Thiết Giáp tại cửa biển Thần Phù, năm Nhâm Dần (1782) kiêu binh và dân làng sửa sang miếu thần. Nay vẫn còn di tích. [Vũ Duệ, tên thực là Vũ Nghĩa Chi, người làng Trình Xá, huyện Sơn Vi, tỉnh Sơn Tây (nay là huyện Thanh Sơn, Phú Thọ), đậu Trạng nguyên năm Hồng Đức 21 (1490). Đời Lê Chiêu

Tông (1516-1522), ông làm quan đến Lại bộ Thượng thư, tước Trình Khê hầu. Khi Mạc Đăng Dung cướp ngôi, ông theo nhà vua vào Thanh Hoá, đến Lam Sơn, mặc áo mũ lạy lăng miếu, rồi ra cửa biển Thần Phù tự vẫn. Đời Lê Trung hưng lập miếu thờ ông ở đây – N D].

B.Vườn đào ở gần cửa bể Thần Phù, tương truyền là nơi Từ Thức từng qua chơi. [Người đời truyền rằng: Từ Thức, người đời Trần, chơi thuyền ở cửa Thần Phù, gặp nàng Giáng Hương tại vườn đào bên hang núi (sau gọi là động Bích Đào), cùng kết duyên vợ chồng. Ít lâu sau, Từ Thức bỏ về, con cháu đã mấy đời, không ai nhận ra, lại trở về hang cũ, thì chỉ còn chiếc hang không, nên buồn rầu tìm vào núi Hoàng Sơn rồi đi mất – N D].

C.Khi Thuần Hoàng Đế đi đánh Chiêm Thành qua đây, có thơ Ngự chế rằng: "Thuyền lầu đánh trống qua Ô Long." Cảnh hòa nhạc giữa triều đình vua sáng tôi hiền ngày nào, khiến ông bất giác cảm khái như vậy. [Thuần Hoàng Đế, miếu hiệu của Lê Thánh Tông (1460-1496), người sáng lập ra Hội Tao Đàn, tự xưng Tao Đàn nguyên xuý. Năm Hồng Đức 2 (1471), Ngự giá đi đánh Chiêm Thành, khi qua cửa Thần Phù có làm thơ đề vịnh – N D].

CHÚ THÍCH:

1.Núi Thần Phù, tức ngọn núi ngay cửa biển Thần Phù, nằm giữa Ninh Bình và Thanh Hóa. Cửa biển nay đã bị lấp, chỗ cũ nay cách bờ biển hơn chục km.

2.Thái Dịch, tên cái ao rất lớn ở phía tây bắc huyện Tràng An, tỉnh Thiểm Tây, Trung Quốc. Hán Võ Đế xây cung Kiến Chương, phía bắc đào ao Thái Dịch, trong ao đắp các hòn núi Bồng Lai, Phương Trượng, Doanh Châu để tượng trưng cho núi thần ở biển. Ở đây, mượn để ví cửa Thần Phù giống như ao Thái Dịch.

3.Câu này tả cảnh biển Thần Phù, nhưng cũng bao hàm ý trong sử chép. Đời Hùng Vương, vua nam tuần qua cửa biển Thần Phù, gặp sóng to gió lớn, vua bèn sai La Viện đi trước để dẹp sóng, sóng yên thì La Viện cũng mất, được truy phong là Áp Lãng Chân Nhân, lập miếu thờ ở đó.

DỊCH THƠ:

Sắp đặt tài tình bởi hóa công,
Chiếc bè trái đất vốn mông lung.
Một doành lõm xuống làm ao lớn;
Đầy đá xua về ném sóng trong.
Thiết Giáp tan cờ, lưu miếu cổ;
Bích Đào rã tiệc, khoá mây hồng.
Thuyền lầu kèn trống mơ thời trước,
Xướng họa Tao Đàn những ước mong.

Đào Phương Bình

23. 登盤阿山感興

曾記陪歡入愛州
飄蓬此日又重遊
孤巢棧石瞻如在
十景標碑對不殊
江燕似驚金歲夏
山蘭猶憶昔年秋
登臨醒卻槐邦夢
萬仞蒼崖一碧浮

PHIÊN ÂM:

ĐĂNG LÂM BÀN A SƠN CẢM HỨNG [a]

Tằng ký bồi hoan nhập Ái Châu,
Phiêu bồng thử nhật hựu trùng du.
Cô sào sạn thạch[b] *chiêm như tại;*
Thập cảnh tiêu bi đối bất thù.
Giang yến tự kinh kim tuế hạ,
Sơn lan do ức tích niên thu.
Đăng lâm tỉnh khước Hoè bang mộng,
Vạn nhận thương nhai nhất bích phù.

DỊCH NGHĨA:

CẢM HỨNG KHI LÊN NÚI BÀN A[1]

Từng nhớ khi bồi tiếp cuộc vui vào Châu Ái,[2]
Trải những tháng ngày phiêu dạt, nay lại tới chơi.[3]
Chiếc chòi chơ vơ gác trên đá, thấy vẫn còn đó;
Mười cảnh nêu trên bia, trông chẳng khác xưa.
Chim én trên sông, như sợ mùa hè năm nay;

Khóm lan trong núi, còn nhớ mùa thu năm trước.
Lên cao nhòm xuống, những tỉnh giấc mơ nước Hoè,
Muôn tầm non xanh nổi lên một mầu biếc.

KHẢO DỊ:

a.Bản A.117c/1: Đăng Bàn A sơn *hữu hoài*" 登盤阿山有懷 *Nỗi lòng* khi lên núi Bàn A.

b.Bản A.117c/1: Giá thạch 架石.

CHÚ THÍCH:

1.Núi Bàn A, ở xã Đại Khánh, huyện Đông Sơn tỉnh Thanh Hóa. Năm Đinh Hợi, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 28 (1767), Ngô Thì Sĩ làm Hiến sứ Thanh Hóa có đến đây chơi và lập "Quan lan sào" (Ổ ngắm sóng) trong hang núi.

2.Châu Ái, tên xưa của tỉnh Thanh Hóa.

3.Những ngày phiêu dạt, có lẽ là thời kỳ tác giả lánh nạn ở Thái Bình (1782-1786).

DỊCH THƠ:

Nhớ trước theo hầu đến Ái Châu.
Lênh đênh nay lại đến lần sau.
Chiếc chòi ghếch đá coi còn đó;
Mười cảnh đề bia có khác đâu.
Én bến như kinh hè mới đến;
Lan khe còn nhớ thu năm nao.
Lên cao chợt tỉnh cơn hòe mộng,
Muôn bậc sườn non xanh biếc cao.

Hoàng Tạo

24. 乂安道中

初度南遊到乂安
風光一步一奇觀
沙堤萬里朝宗海
石堡千重乖漢山
地有公侯砂水秀

天生豪傑斗星環
梅程記取名鄉邑
歷歷師謨在簡端

PHIÊN ÂM:

NGHỆ AN ĐẠO TRUNG

Sơ độ nam du đáo Nghệ An,
Phong quang nhất bộ nhất kì quan.
Sa đê vạn lý triều tông hải;
Thạch bảo thiên trùng quải hán san.[a]
Địa hữu công hầu sa thủy tú;
Thiên sinh hào kiệt đẩu tinh hoàn.
Mai trình ký thủ danh hương ấp;
Lịch lịch sư mô tại giản đoan.[b]

DỊCH NGHĨA:

TRÊN ĐƯỜNG NGHỆ AN

Lần đầu vào nam đến Nghệ An,
Cảnh vật xung quanh, mỗi bước là mỗi kỳ quan.
Đê cát muôn dặm, hướng về biển cả,
Lũy đá nghìn trùng, treo trên ngọn núi cao.
Đất có công hầu, vì "sa thủy" kì tú;(1)
Trời sinh hào kiệt, bởi "tinh đẩủ" bao quanh.(2)
Đi trên đường mai, ghi lại ấp thôn danh tiếng,
Khuôn phép rành rành chép trong sử xanh.

KHẢO DỊ:

a.Bản A.117c/1: Trùng thặng 重剩.

b.Bản VHv.1743/2: Giản biên 簡編.

CHÚ THÍCH:

1.Sa thủy: Theo phép phong thủy thì "sa" là dải đất nổi lên, "thủy" là dòng nước chảy theo dải đất. Ý nói Nghệ An là đất phát công hầu vì nơi đó sa thủy kì tú.

2.Tinh đẩu: Phiếm chỉ các vì sao. Theo phép Phong thủy thì núi non gò đồi và hải đảo đều được gọi là các vì tinh tú bầy trên mặt đất. Ý thơ nói, Nghệ An

là nơi có nhiều bậc anh hùng hào kiệt ra đời vì kiểu đất ở đó có các vì tinh tú bao quanh làm thành quý địa phát phúc.

DỊCH THƠ:

Tiện chuyến vào nam qua xứ Nghệ,
Kỳ quan phong cảnh biết bao nhiêu.
Nghìn trùng lũy dựng non cao ngất;
Muôn dặm đê chầu biển thẳm sâu.
Sơn thủy diệu kì sinh tuấn kiệt;
Đẩu tinh vây nhiễu sản công hầu.
Đường mai ghi lại nơi danh thắng;
Mẫu mực đưa vào sử đã lâu.

Đào Phương Bình

25. 寓營梂悶述

雪擁藍關馬不前
昔人曾此恨遷延
柳楊景況他鄉地
枌梓情懷故國天
屈指海門三十六
抬頭嶺嶠萬餘千
夢殘玄鶴迷還醒
浮世風蛇尚百年

PHIÊN ÂM:

NGỤ DINH CẦU MUỘN THUẬT

Tuyết ủng Lam quan mã bất tiền,
Tích nhân tằng thử hận thiên diên.
Liễu dương cảnh huống tha hương địa;

Phần tử tình hoài cố quốc thiên.
Khuất chỉ hải môn tam thập lục;
Đài đầu lĩnh kiểu vạn dư thiên.
Mộng tàn huyền hạc mê[a] hoàn tỉnh,
Phù thế phong xà thượng bách niên.

DỊCH NGHĨA:

THUẬT LẠI NỖI BUỒN KHI NGHỈ LẠI Ở DINH CẦU[1]

Tuyết phủ kín ải Lam, ngựa không tiến lên được,[2]
Người xưa từng hận phải dùng dằng như vậy.
Ở nơi tha hương, vốn là tình cảnh liễu dương;[3]
Trời cố quốc, là nỗi lòng phần tử.[4]
Bấm đốt ngón tay, đã qua ba mươi sáu cửa biển;
Ngẩng đầu thấy muôn ngàn núi non.
Giấc mơ huyền hạc đã tan, mê rồi lại tỉnh,[5]
Kiếp phù thế như con trăn gió, mà còn được trăm năm.[6]

KHẢO DỊ:

a.Bản VHv.1743/22: Ngưng 凝.

CHÚ THÍCH:

1.Dinh Cầu: Thuộc đất Hà Trung phía bắc sông Gianh, nay thuộc Kỳ Anh, Hà Tĩnh.

2.Ải Lam (Lam quan): Cửa ải Lam Điền ở Thiểm Tây, Trung Quốc. Thơ Hàn Dũ đời Đường có câu: "Vân hoành Tần lĩnh gia hà tại? Tuyết ủng Lam quan mã bất tiền" (Mây vắt ngang núi Tần, biết nhà ở đâu? Tuyết đọng ải Lam ngựa không tiến được). Mở đầu bài thơ này dùng trọn vẹn câu thơ Hàn Dũ.

3.Liễu dương hay dương liễu: *Kinh Thi* có câu "Tích ngã vãng hĩ, dương liễu y y" (Trước đây ta ra đi, dương liễu xanh rườm rà). Ở đây mượn để chỉ quê hương.

4.Phần tử là loại cây hay trồng ở làng quê xưa, sau mượn để chỉ nơi quê hương.

5.Huyền hạc: Chim hạc sống lâu năm trở thành mầu đen. Đạo giáo nhận chim hạc là vật tiên. Ở đây chỉ giấc mơ lên cõi tiên.

6.Trăn gió: Dịch thoát chữ "Xà phong," đây mượn để nói cõi phù thế thấm thoắt chẳng được là bao.

DỊCH THƠ:

Tuyết phủ Lam quan ngựa mỏi chân,
Dùng dằng từng để hận tiền nhân.
Tha hương cảnh huống nhìn dương liễu;

Cố quốc tâm tư đoái tử phần.
Khơi lộng tính ra băm sáu cửa;
Núi non ngước thấy vạn hơn lần.
Chiêm bao huyền hạc mê rồi tỉnh,
Thấm thoắt trăm năm với cõi trần.

Đào Phương Bình

26. 寄弟學遜氏

康寧一路報公知
步步清風滿翠微
見月在天雲在海
有懷信宿共哦詩

PHIÊN ÂM:

KÝ ĐỆ HỌC TỐN THỊ

Khang ninh nhất lộ báo công tri,
Bộ bộ thanh phong mãn thúy vi.
Kiến nguyệt tại thiên vân tại hải,
Hữu hoài tín túc cộng nga thi.

DỊCH NGHĨA:

GỬI EM HỌC TỐN

Báo ông biết, trên đường đi vẫn mạnh khoẻ,
Từng bước gió mát, chan chứa cả non xanh.
Nhìn thấy trăng giữa trời và mây ngoài bể,
Sực nhớ khi ngủ lại vài đêm, cùng nhau ngâm thơ.

DỊCH THƠ:

Dọc đường mạnh khoẻ báo ông hay,
Qua giải non xanh, gió mát đầy.
Ngắm nguyệt giữa trời, mây giữa bể,
Nhớ đêm ngâm vịnh, dạ nào khuây.

Nguyễn Thị Phượng

27. 和 親 叔 公

聖賢謨訓在明倫
也有敦天也敘人
敬愛斯心三極立
卑高此理兩儀陳
觀於瀾處知東海
操得樞時有北辰
雍穆家風眞本幹
中孚自是不孤身

PHIÊN ÂM:

HOẠ THÂN THÚC CÔNG

Thánh hiền mô huấn tại minh luân,
Dã hữu đôn thiên dã[a] tự nhân.
Kính ái tư tâm tam cực lập;
Tỷ cao thử lí lưỡng nghi trần.
Quan ư lan xứ tri Đông Hải;
Thao đắc khu thời hữu Bắc Thần.
Ung mục gia phong chân bản cán,
Trung phu tự thị bất cô thân.

DỊCH NGHĨA:

HOẠ BÀI THƠ CỦA CHÚ RUỘT[1]

Lời dạy thánh hiền, đạo luân thường sáng tỏ,[2]
Nào dốc tâm với lẽ trời, nào bày tỏ đạo làm người.[3]
Lòng kính yêu này, có từ khi ba ngôi được lập;[4]
Lẽ tôn ti ấy, có từ buổi trời đất hình thành.
Thấy nơi sóng cả, biết đó là Đông Hải;
Khi nắm được cán, biết có sao Bắc Thần.[5]

Nếp nhà hoà thuận, thực là căn bản,
Giữ đức tin trong lòng thì thân chẳng cô đơn.

KHẢO DỊ:

a.Bản A.117c/1 và VHv.1743/22: Khả 可.

CHÚ THÍCH:

1.Chú ruột của tác giả là Ngô Tưởng Đạo (1732-1792) đỗ Giải nguyên năm Đinh Sửu, niên hiệu Cảnh Hưng 18 (1757) làm quan đến Tri phủ. Dưới triều Tây Sơn ông từ chối không ra làm quan, ở nhà dạy học.

2.Luân thường: Tức Ngũ luân, hay nói một cách khác là đạo lí làm người, do chế độ phong kiến đặt ra: Tôi trung với vua, con hiếu với cha, vợ theo chồng, em kính anh, bạn bè tin nhau.

3.Dốc tâm với lẽ trời (đôn thiên): Tức đem toàn tâm toàn chí mà theo lẽ phải do trời phú bẩm cho con người, như luân thường đạo lí chẳng hạn.

4.Ba ngôi: Tức trời, đất, và người.

5.Bắc Thần: Còn gọi là sao Bắc Đẩu, một chòm sao ở Bắc Cực xếp thành hình như cái soong có cán. Ca dao cổ có câu: "Chuôi sao Bắc Đẩu thôi đông lại đoài." Nói "Nắm được cán" tức thấy chuôi sao, tất biết cả chòm sao. Tác giả muốn diễn tả ý: Chân lý sáng ngời là luân thường đạo lý làm người, nhưng phải nắm được mấu chốt chủ yếu của nó.

28. 棕營有感

自昔河中是極邊
潭潭師幕控青藩
征茄吹散天池浪
戍鼓敲殘火號煙
細柳錄垂仙聖廟
長楊翠結勝肥佃
誰教雲島開邊釁
秦晉盈輸底局翻

PHIÊN ÂM:

CẦU DINH HỮU CẢM

Tự tích Hà Trung thị cực biên,
Đàm đàm soái mạc khống[a] thanh phiên.
Chinh già xuy tán thiên trì lãng;
Thú cổ xao tàn hoả hiệu yên.
Tế liễu lục thùy Tiên Thánh miếu;
Trường dương thúy kết Thắng phì điền.
Thùy giao Vân Đảo khai biên hấn,[b]
Tần Tấn doanh thâu để cục phiên.

DỊCH NGHĨA:

CẢM NGHĨ KHI NGHỈ LẠI Ở DINH CẦU[1]

Từ xưa, đất Hà Trung là biên cương cùng tột,
Là màn trướng thăm thẳm, khống chế miền dậu phên.
Kèn chiến thổi tan muôn sóng biển khơi;[2]
Trống canh khua tàn làn khói lửa hiệu.[3]
Bên miếu Tiên Thánh[A] rủ nhành liễu xanh;
Cây dương biếc cao, kết thành vòng tai phu nhân Chế Thắng.[B]
Ai xui Vân Đảo tạo ra hiềm khích nơi biên thùy,[4]
Gây nên cuộc đổi thay được thua Tần Tấn?

NGUYÊN CHÚ:

A.Tiên Thánh là thuộc tướng của Thượng Vương đóng đồn tại đây, sau khi mất, rất linh thiêng, nên người trong thôn lập đền thờ.

B.Chế Thắng phu nhân là thứ phi của Trần Duệ Tôn, có miếu thờ ở cửa biển Xích Lỗ.

KHẢO DỊ:

a.Bản A.117c/1: Ủng 擁.

b.Bản A.117c/1: Khích 隙.

CHÚ THÍCH:

1.Dinh Cầu: Xem chú thích số 1, bài 25.

2.Biển khơi, nguyên văn: Thiên trù (ao trời), chữ sách *Trang Tử,* chỉ biển rộng lớn. Ở đây ý nhắc đến những cuộc hành quân và giao chiến trên biển trong thời kỳ phân tranh giữa hai họ Trịnh Nguyễn.

3.Lửa hiệu: Xưa nơi biên cương, đặt chòi cao canh gác hễ có giặc đến thì đốt lửa báo hiệu cho mọi người biết.

4.Tần, Tấn: Thời Xuân Thu, hai nước Tần Tấn luôn có quan hệ hôn nhân với nhau, nên người đời thường nói "duyên Tần Tấn." Đây ý nói, họ Trịnh vốn con rể chúa Nguyễn, thế mà lại phân chia biên giới, tranh giành nhau, chém giết lẫn nhau, gây nên những cuộc được thua.

DỊCH THƠ:

Từ trước Hà Trung cõi giáp ranh,
Thâm nghiêm màn trướng trấn biên doanh.
Kèn binh thổi bạt cơn triều biển;
Trống trận khua tan đống lửa thành.
Tiên Thánh miếu buông tơ liễu biếc;
Bích Châu lại kết dải dương xanh.
Ai xui Vân Đảo gây hiềm khích,
Tần Tấn bùng lên cuộc chiến tranh.

Thạch Châu

29. 秋思 四絶

其一

女牛不作相思淚
淺滴秋聲一雨行
天上也知羈思苦
閨情肯向客情忙

PHIÊN ÂM:

THU TỨ TỨ TUYỆT
KỲ NHẤT

Nữ Ngưu bất tác tương tư lệ,
Thiển trích thu thanh nhất vũ hàng.
Thiên thượng dã tri ky tứ khổ,
Khuê tình khẳng hướng khách tình mang.

DỊCH NGHĨA:

TỨ THU BỐN BÀI TỨ TUYỆT

BÀI 1

Không làm Ả Chức chàng Ngưu nhỏ lệ tương tư,
Thành hàng mưa dăng, nhỏ giọt vào tiếng thu.
Trời kia cũng biết nỗi khổ nhớ mong, ràng buộc ấy,
Tình người khuê phòng, canh cánh với tình khách tha hương.

30. 其二

雨後山容錄轉深
聲聲嘹喨滿前林
可羞滿腹徒鳴世
何似高枝一小禽

PHIÊN ÂM:

KỲ NHỊ

Vũ hậu sơn dung lục chuyển thâm,
Thanh thanh liệu lượng mãn tiền lâm.
Khả tu mãn phúc đồ minh thế,
Hà tự cao chi nhất tiểu cầm.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 2

Sau trận mưa, dáng núi trở nên xanh thẫm,
Đầy rừng phía trước, tiếng chim hót líu lo.
Thẹn thay, bụng đầy chữ chỉ hót suông cho đời,
Sao sánh được trên cành cao chú chim nhỏ?

DỊCH THƠ:

Ngớt mưa dáng núi chuyển mầu xanh,
Ríu rít bên rừng rộn tiếng oanh.
Hót uổng cho đời sao thẹn thế,
Chẳng bằng chim nhỏ đậu trên cành.

Lâm Giang

31. 其三

輕羅段段束蒼山
時露昂霄一半鬟
嵩嶽欲藏無盡巧
不將聳拔駭人間

PHIÊN ÂM:

KỲ TAM

Khinh la đoạn đoạn thúc thương sơn,
Thời lộ ngang tiêu nhất bán hoàn.
Tung nhạc dục tàng vô tận xảo,
Bất tương tủng bạt hãi nhân gian.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 3

Từng tấm, từng tấm lụa mỏng, quấn lấy non xanh,
Thường để lộ nửa mái tóc, giữa bầu trời cao thẳm.
Núi Tung Sơn muốn giấu cái khéo vô tận,[1]
Nên không đem dáng chọc trời, doạ người đời.

CHÚ THÍCH:

1.Tung Sơn: Một ngọn núi danh tiếng trong ngũ nhạc (năm núi lớn) của Trung Quốc. Ở đây mượn để chỉ non cao nói chung.

DỊCH THƠ:

Lụa mỏng tầng tầng ôm núi biếc,
Lộ ra mái tóc giữa trời cao.
Đỉnh Tung muốn giấu kho vô tận,
Chót vót chẳng màng doạ kẻ nào.

Lâm Giang

32. 其四

碧海蒼山迭主賓
長天秋色共平分
鄉情多少江南客
寄興流鶯伴岫雲

PHIÊN ÂM:

KỲ TỨ

Bích hải thương sơn điệt chủ tân,
Trường thiên thu sắc cộng bình phân.
Hương tình đa thiểu Giang Nam khách,
Ký hứng lưu oanh bạn tụ vân.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 4

Non xanh bể biếc, thay nhau làm chủ, lại làm khách,
Trời rộng và sắc thu cũng ngang bằng như nhau.
Khách ở Giang Nam, với bao nhiêu mối tình quê,[1]
Thường gửi hứng cho chim oanh, bạn cùng mây núi.

CHÚ THÍCH:

1.Giang Nam, chỉ vùng đất phía nam sông Trường Giang, Trung Quốc, có nhiều cảnh đẹp. Thơ Nguyễn Trung Ngạn đời Trần có câu: "Giang Nam trụy lạc bất như quy" (Giang Nam tuy vui, chẳng bằng quê nhà). Ở đây dùng để chỉ nơi tha hương.

33. 記見

地盡奇觀限北南
橫山一帶倚蒼藍
玄珍聘物餘青樹

制勝香奩寓碧潭
將莫蕭疏雲作屏
民居錯落竹爲庵
青泉相照銀花盞
味脈純佳萬古甘

PHIÊN ÂM:

KÝ KIẾN

Địa tận kì quan hạn bắc nam,
Hoành Sơn nhất đái ỷ thương lam.
Huyền Trân sính vật dư thanh thụ;
Chế Thắng hương liêm ngụ bích đàm.
Tướng mạc tiêu sơ vân tác bỉnh;
Dân cư thác lạc trúc vi am.
Thanh tuyền tương chiếu ngân hoa trản,
Vị mạch thuần giai vạn cổ cam.

DỊCH NGHĨA:

GHI LẠI NHỮNG ĐIỀU MẮT THẤY

Vùng đất tận cùng, chắn giữa hai miền nam, bắc,
Là dải Hoành Sơn dựa vào khoảng xanh lam.(1)
Sính lễ của Huyền Trân, chỉ còn lại vùng cây xanh;(2)
Hộp thơm của Chế Thắng(A) đã gửi nơi đầm biếc.(3)
Màn trướng quạnh hưu, mây làm bình phong;
Dân cư rải rác, dùng tre làm nhà ở.
Chén hoa màu bạc, dọi chiếu suối xanh,
Mạch nước có vị mát thơm, ngọt ngào muôn thuở.

NGUYÊN CHÚ:

A.Sau đền Chế Thắng phu nhân có một cái đầm, tương truyền, đó là nơi phu nhân mất. Xã Phú Mỹ có cái giếng bên suối, tục gọi là Giếng Phật.

Chú thích:

1.Hoành Sơn: Tức đèo Ngang (nay là danh giới giữa Hà Tĩnh và Quảng Bình.

2.Huyền Trân: Thời Trần nước Chiêm Thành khá mạnh, vua Trần Anh Tông phải gả công chúa Huyền Trân cho vua Chiêm Thành để cầu thân. Vì đi qua dãy Hoành Sơn nên liên tưởng đến Huyền Trân công chúa.

3.Chế Thắng: Xem nguyên chú bài 28.

DỊCH THƠ:

Cuối đất kỳ quan cách bắc nam,
Hoành sơn một dải ngất mầu lam.
Huyền Trân sính lễ cây xanh lá;
Chế Thắng hồi trang nước biếc đầm.
Màn trướng quạnh hưu mây chắn cửa;
Nhà dân rải rác trúc làm am.
Chén hoa mầu bạc in mầu suối,
Mạch nước muôn thu vị ngọt đằm.

Hoàng Tạo

34. 聞 鷓 鴣 聲

滿山亂嘯不如歸
解使行人步步遲
京國月忙寒渚照
故鄉雲逐遠山飛
飄蓬身世輕如葉
繅繭心關亂似絲
樂趣欲分渠一半
雞蓴何事促征衣

PHIÊN ÂM:

VĂN GIÁ CÔ THANH

Mãn sơn loạn khiếu bất như quy,
Giải sử hành nhân bộ bộ trì.
Kinh quốc nguyệt mang hàn chử chiếu;

Cố hương vân trục viễn sơn phi.
Phiêu bồng thân thế khinh như diệp;
Sào kiển tâm quan loạn tự ty.
Lạc thú dục phân cừ nhất bán,
Kê trù hà sự xúc chinh y.

DỊCH NGHĨA:

NGHE TIẾNG CHIM ĐA ĐA

Đầy núi rộn tiếng "bất như quy,"[1]
Luống khiến người đi, bước bước thẫn thờ.
Trăng kinh quốc, vội soi trên bến lạnh;
Mây cố hương, duổi bay trên dãy non xa.
Thân thế phiêu lưu, nhẹ như chiếc lá;
Cõi lòng vương vấn, rối tựa tơ vò .
Thú vui muốn chia cho mày một nửa,
Canh gà việc gì phải giục dã người ra đi?

CHÚ THÍCH:

1.Chim Đỗ Vũ, còn có tên là "bất như quy," được coi như hoá thân của vua Thục Vọng đế, tên là Đỗ Vũ, sau khi nhường ngôi vua, vì nhớ nước mà hoá làm chim này. Các nhà thơ xưa thường mượn để tả hay gửi gắm nỗi lòng cố quốc tha hương của mình. Chim thường cất tiếng kêu nghe như "bất như quy" (không bằng trở về).

DỊCH THƠ:

Rộn "bất như quy" tiếng giá cô,
Thẫn thờ bước bước thế này ru?
Trăng kinh thành dọi sông hưu quạnh;
Mây cố hương theo núi tít mù.
Thân thế phiêu lưu dường lá nhẹ;
Tâm tư vương vấn hệt tơ vò.
Muốn chia mi nửa niềm vui thú,
Eo óc canh gà cứ cúc cu.

Đào Phương Bình

35. 橫 山 道 中

石山盡處起沙山
溪澗周回沙石間
水浸筆峰蛟隱島
林垂海面鳥窺瀾
長橋車馬途迎送
甬道樵漁市去還
一葦自通南北路
柴門不似劍門關

PHIÊN ÂM:

HOÀNH SƠN ĐẠO TRUNG

Thạch sơn tận xứ khởi sa sơn,
Khê giản chu hồi sa thạch gian.
Thủy tẩm bút phong[a] giao ẩn đảo;
Lâm thùy hải diện điểu khuy lan.
Trường kiều xa mã đồ nghinh tống;
Dũng đạo tiều ngư thị khứ hoàn.
Nhất vĩ tự thông nam bắc lộ,
Sài môn bất tự Kiếm Môn quan.

DỊCH NGHĨA:

TRÊN ĐƯỜNG HOÀNH SƠN[1]

Nơi tận cùng của ngọn núi đá, nổi lên núi cát,
Suối khe quanh co giữa vùng cát đá.
Nước dầm ngọn núi bút, giao long núp quanh đảo;
Rừng chờm ra mặt biển, chim nhòm sóng xô.
Ngựa xe đưa đón trên đường, vượt những chiếc cầu dài;
Dân chài, tiều phu đi, về chợ qua con đường hẻm.[A]
Một chiếc thuyền nhỏ, nối liền đường nam bắc,
Cửa Sài không giống như cửa Kiếm Môn.[2]

KHẢO DỊ:

a.Bản A.117c/1: Phong yêu 峰腰.

NGUYÊN CHÚ:

A.Từ Lý Hòa trở vào, có rất nhiều cầu dài, tất cả có hơn hai trăm cái; từ Kỳ Anh trở vào, lối đi giữa núi và bể, thông Nam Bắc.

CHÚ THÍCH:

1.Hoành Sơn: Xem chú thích số1, bài 32.

2.Cửa Sài, cũng đọc là cửa Thầy, tức cửa Lũy Thầy, lũy chạy dài từ Nhật Lệ đến núi Đầu Mâu, sát sông Gianh. Lũy do Đào Duy Từ (quân sư Chúa Nguyễn) đắp, để chống cự với quân Lê Trịnh ở Đàng ngoài.

Cửa Kiếm Môn, một cửa ải hiểm yếu ở núi Kiếm Môn thuộc huyện Kiếm Các, tỉnh Tứ Xuyên. Thời Thục Hán đời Tam Quốc, Khương Duy, tướng của nhà Thục, đem quân giữ Kiếm Môn, quân của Trung Hội không thắng được.

DỊCH THƠ:

Núi đá vừa qua, núi cát liền,
Quanh co cát, đá, suối khe chen.
Nước dầm hòn bút rồng nương kín;
Sóng tỏa rừng khơi chim ngó xem.
Xe ngựa cầu dài đường tấp nập;
Ngư tiều đường hẹp chợ đông lèn.
Con thuyền chiếc lá thông nam bắc,
Sài, Kiếm không rành chỉ khác tên.

Hoàng Tạo

36. 浪吟

北最高峰是送星
海南絶遠富春城
旌旄曾記前年往
琴劍寧知此日行
世代廢興千古事
封疆分合一周經
叩關抵璧非吾意
好笑推移逐浪萍

PHIÊN ÂM:

LÃNG NGÂM

Bắc tối cao phong thị Tống Tinh,
Hải nam tuyệt viễn Phú Xuân thành.
Tinh mao tằng ký tiền niên vãng;
Cầm kiếm ninh tri thử nhật hành.
Thế đại phế hưng thiên cổ sự;
Phong cương phân hợp nhất chu kinh.
Khấu quan để bích phi ngô ý,
Hảo tiếu suy di trục lãng bình.

DỊCH NGHĨA:

LÃNG NGÂM

Núi cao nhất phía bắc, là ngọn Tống Tinh,[A]
Nơi xa nhất phía biển nam, là thành Phú Xuân.
Từng nhớ năm xưa, cờ quạt lên đường;[B]
Nào hay ngày nay, lại gươm đàn quảy gánh.
Thời thế phế, hưng, là chuyện muôn thuở;
Cõi bờ chia, hợp, vừa tròn mười hai năm.[C]
Gõ cửa ải, ném ngọc bích, không phải ý nguyện của ta,[1]
Nực cười thay,[ta như] cánh bèo trôi nổi theo sóng.

NGUYÊN CHÚ:

A.Núi Tống Tinh ở Thái Nguyên.

B.Năm Kỷ Hợi (1779), hiệp đồng kinh lược ở núi Tống Tinh. [Năm đó, Ngô Thì Nhậm lên Thái Nguyên xem xét việc khai thác mỏ bạc, N-D].

C.Năm Giáp Ngọ, lấy được đất Thuận Hóa, năm Bính Ngọ, mất đất Thuận Hóa. [Tháng 10 năm Giáp Ngọ, niên hiệu Cảnh Hưng 35 (1774), Hoàng Ngũ Phúc theo lệnh Trịnh Sâm, cho quân vượt sông Gianh đánh chiếm đất Thuận Hoá và làm đại Trấn thủ ở Phú Xuân. Năm Bính Ngọ, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 47 (1786) Nguyễn Huệ cùng Nguyễn Hữu Chỉnh, vượt đèo Hải Vân đánh chiếm Thuận Hoá, rồi tiến thẳng ra Thăng Long diệt họ Trịnh, N-D].

CHÚ THÍCH:

1.Huệ Vương nước Sở, được viên ngọc bích của họ Hòa rất qúy, Vua Tần muốn đem 15 thành đổi ngọc. Lạn Tương Như, mưu sĩ của Huệ Vương xin đem ngọc đi. Thấy ngọc, Tần Vương muốn lấy không. Tương Như đã dùng mưu đoạt lại ngọc toan đập vỡ. Vua Tần sợ mất ngọc bèn đồng ý đổi thành. Thấy rõ dã tâm của vua Tần. Tương Như tìm cách đem ngọc về. Ở đây ý nói, việc đi sứ đổi đất vốn không phải là bản ý của tác giả.

37. 過 橫 山

驩州南界盡橫山
插漢層層浸碧瀾
寶象君王征旆古
玄珍公主聘奩殘
長堤沙湧鯨鮫帖
故壘煙深鳥雀閒
冠蓋不妨麥曉雪
梅花早占嘯春還

PHIÊN ÂM:

QUÁ HOÀNH SƠN

Hoan Châu nam giới tận Hoành Sơn,
Sáp hán tằng tằng tẩm bích lan.[a]
Bảo Tượng quân vương chinh bái cổ;
Huyền Trân công chúa sính liêm tàn.
Trường đê sa dũng kình nghê thiếp;
Cố lũy yên thâm điểu tước nhàn.
Quan cái bất phương lăng hiểu tuyết,
Mai hoa tảo chiếm khiếu xuân hoàn.

DỊCH NGHĨA:

QUA HOÀNH SƠN[1]

Ranh giới phía nam châu Hoan đến tận Hoành Sơn,
Núi lớp lớp vắt ngang trời, dầm bóng trong sóng biếc.
Cờ chiến vua Bảo Tượng, chỉ là chuyện cũ;[2]
Hộp cưới công chúa Huyền Trân, đã tàn rồi.[3]
Đê dài, cát tuôn ra, kình nghê lặng bặt;

Lũy xưa, khói mờ mịt, chim chóc nhởn nhơ.
Chẳng ngại mũ lọng, xông vào tuyết sớm,
Vì hoa mai sớm nở, đang gọi xuân về.

KHẢO DỊ:

a.Bản A.117c/1: Nhuận lan 潤瀾.

CHÚ THÍCH:

1.Hoành Sơn, xem chú thích số1, bài 32.

2.Vua Bảo Tượng: Chỉ vua Chiêm Thành, từng đem quân đánh vào Thăng Long.

3.Công chúa Huyền Trân: Xem chú thích số 2, bài số 32.

DỊCH THƠ:

Hoan Châu danh giới tận Hoành Sơn,
Lớp lớp ngang trời núi biếc lam.
Bảo Tượng quân vương cờ chiến cũ;
Huyền Trân công chúa hộp son tàn.
Đê dài nhả cát kình nghê lặng;
Lũy cổ tuôn mây chim chóc nhàn.
Mũ lọng xá chi xông tuyết trắng,
Hoa mai sớm nở gọi xuân sang.

Lâm Giang

38. 登橫山望海

造化當初苦用工
卻將虎穴趁蛟宮
環王封域歸烏有
陳帝旌旗掛太空
晴樹棲禽蒼欲老
怒濤戲鱷白成翁
無窮今古浮鷗事
分合悠悠鶴夢中

PHIÊN ÂM:

ĐĂNG HOÀNH SƠN VỌNG HẢI

Tạo hóa đương sơ khổ dụng công,
Khước tương hổ huyệt sấn giao cung.
Hoàn vương phong vực quy ô hữu;
Trần đế tinh kì quải thái không.
Tình thụ thê cầm thương dục lão;
Nộ đào hí ngạc bạch thành ông.
Vô cùng kim cổ phù âu sự,
Phân hợp du du hạc mộng trung.

DỊCH NGHĨA:

LÊN NÚI HOÀNH SƠN NGẮM BỂ

Buổi đầu, tạo hóa đã khổ dụng công,
Đem hang hổ đến sát cung giao long.
Phong vực Hoàn Vương, còn đâu nữa;[1]
Cờ quạt vua Trần treo khoảng thái không.[2]
Cây quang chim đậu, mầu xanh sắp lạt;
Sóng dữ kình đùa, trắng lốp tóc ông già.
Chuyện kim cổ khôn cùng, như chim âu nổi,
Trong giấc mơ hạc dằng dặc, những hợp cùng tan.

CHÚ THÍCH:

1.Hoàn Vương, tên nước Chiêm Thành xưa.

2.Vua Trần Nhân Tông, năm Hưng Long thứ 9 (1301) chu du thiên hạ, từng qua đây, rồi sang Chiêm Thành.

39. 過神投海岸

我出時觀海水青
我來似舊接空明
連千重岸環天府
隔一泓瀦跨大清

擊鼓樓船餘怒浪

塡河落石失長鯨

馮夷何與人間事

日夜馳驅不少停

PHIÊN ÂM:

QUÁ THẦN ĐẦU HẢI NGẠN

Ngã xuất thời quan[a] hải thủy thanh,
Ngã lai tự cựu[b] tiếp không minh.[c]
Liên thiên trùng ngạn hoàn thiên phủ;
Cách nhất hoằng trừ khoá thái thanh.
Kích cổ lâu thuyền dư nộ lãng;
Điền hà lạc thạch thất trường kình.
Phùng Di hà dữ nhân gian sự,
Nhật dạ trì khu bất thiểu đình.

DỊCH NGHĨA:

QUA BỜ BIỂN THẦN ĐẦU[1]

Khi ta ra tận nơi xem, thì nước bể trong xanh,
Lúc ta trở lại, nước lại liền với bầu trời sáng như cũ.
Bờ biển liền nghìn trùng, vây quanh thiên phủ;[2]
Cách một duyềnh nước là cưỡi lên từng trời.
Thuyền lầu đánh trống, rớt lại tiếng sóng gầm;[3]
Đá lở lấp sông, tăm kình bặt mãi.[4]
Thủy thần dự gì tới việc nhân gian,
Mà ngày đêm rong ruổi không lúc nào nghỉ?

KHẢO DỊ:

a.Bản A.117c/1: Quan thời 觀時 .

b.Bản VHv.16/3: Y cựu 依舊 .

c.Bản 16/3: Đông minh 東明 .

CHÚ THÍCH:

1.Thần Đầu, tức cửa Thần Phù (xem chú thích số 1, bài 22).

2.Thiên phủ (kho trời), chỉ vùng đất mầu mỡ.

3.Thuyền lầu đánh trống (xem nguyên chú C, bài 22).

4.Cá kình: Loại cá dữ ở biển. Ý thơ nói, cửa Thần Phù có đá chặn dòng nước tưởng tượng như cản lối đi của cá kình vậy.

DỊCH THƠ:

Xưa ra xem bể nước mông mênh,
Nay vẫn trời xanh tiếp mặt duềnh.
Vây kín kho trời chen nước biếc;
Vượt qua khoảng trống cưỡi trời xanh.
Thuyền lầu giục trống còn gầm sóng;
Đá tảng ngăn sông để chặn kình.
Sao dính việc đời thần gió hỡi!
Ngày đêm xô đẩy khéo vô tình.

Hoàng Tạo

40. 布政道中

蜿蜒一帶白鹽城
甬道南回喚布征
古怪民心眞可畏
侏璃言語不堪聽
蓬篙室屋諳居陋
網罟鄉村足治生
咫尺神都三輔地
也應簡樸漸開明

PHIÊN ÂM:

BỐ CHÍNH ĐẠO TRUNG

Uyển diên nhất đái bạch diêm thành,
Dũng đạo nam hồi hoán Bố Chinh.
Cổ quái dân tâm chân khả uý;
Thù li ngôn ngữ bất kham thinh.
Bồng cao thất ốc am cư lậu;
Võng cổ hương thôn túc trị sinh.

Chỉ xích thần đô Tam Phụ địa,
Dã ưng giản phác tiệm khai minh.

DỊCH NGHĨA:

TRÊN ĐƯỜNG BỐ CHÍNH[1]

Thành cát như muối trắng, quanh co một giải,
Từ đường cái quan về phía nam gọi là Bố Chính.
Lòng dân kỳ quái, thực là đáng sợ;
Tiếng nói líu lo, nghe có hiểu đâu.
Cửa nhà gianh cỏ, quê mùa quen nếp sống;
Xóm thôn chài lưới, cũng đủ sinh nhai.
Đất này cách kinh đô Tam Phụ, chỉ trong gang tấc,[2]
Cũng nên từ giản dị, chất phác, dần mở mang văn minh.

CHÚ THÍCH:

1.Bố Chính, là tên cũ Châu Bố Chính, thuộc Chiêm Thành, năm 1069 Chế Củ dâng đất này cho Lý Thánh Tông. Nay thuộc huyện Bố Trạch, Quảng Bình.

2.Đất Tam Phụ: Tên đất thời Hán, gồm kinh sư và hai khu vực bên phải, bên trái. Đây chỉ khoảnh đất gần kinh đô Phú Xuân.

DỊCH THƠ:

Quanh co một dải muối vây thành,
Đường hẻm về nam ấy Bố Chinh.
Cổ quái lòng dân coi đáng sợ;
Líu lo tiếng nói đoán khôn rành.
Xóm làng sinh sống duy chài lưới;
Nhà cửa quê mùa thảy nứa tranh.
Gần gũi kinh kỳ, Tam Phụ ấy,
Nâng dần chất phác đến văn minh.

Đào Phương Bình

41. 戲擬瓊林女寄遠

自從車馬出門朝
暗點梅軒實滿條
京闕有天鴻得路
海門何日鵲填橋

行雲伴妾闕三疊
去夢隨君聽九招
興慶池塘新芍藥
有無持贈漢陽喬

PHIÊN ÂM:

HÝ NGHĨ QUỲNH LÂM NỮ KÝ VIỄN[a]

Tự tòng xa mã xuất môn triêu,
Ám điểm[b] *mai hiên thực mãn điều.*
Kinh khuyết hưu thiên hồng đắc lộ;
Hải môn hà nhật thước điền kiều.
Hành vân bạn thiếp khuy Tam Điệp;
Khứ mộng tùy quân thính Cửu Chiêu.
Hưng Khánh trì đường tân thược dược,
Hữu vô trì[c] *tặng Hán Dương kiều.*

DỊCH NGHĨA:

ĐÙA LÀM THAY CÔ GÁI Ở QUỲNH LÂM GỬI NGƯỜI ĐI XA[1]

"Từ buổi sáng, chàng đã ngựa xe ra đi,"[A]
Thiếp thầm đếm cây mai bên hiên, quả trĩu cành.
Chốn kinh đô, ắt có ngày chim hồng thuận lối;[2]
Nơi cửa bể, biết ngày nào ô thước bắc cầu sang?[3]
Mây bay làm bạn thiếp, nhòm xuống dãy Tam Điệp;[4]
Mộng cũ theo chàng, nghe khúc nhạc Cửu Chiêu[5]
Hồ Hưng Khánh, bông thược dược vừa nở,[6]
Chàng đem tặng người đẹp Hán Dương không?[7]

KHẢO DỊ:

a.Bản A.117c/1: Hí nghĩ Qùynh Lâm nữ hữu ký viễn 戲擬瓊林女友寄遠.

b.Bản A.117c/1: Chiếm 占.

c.Bản A.117c/1: Thi 詩.

NGUYÊN CHÚ :

A.Dùng câu thơ của Đỗ Phủ.

CHÚ THÍCH:

1.Cô gái ở Quỳnh Lâm, chưa rõ xuất xứ.

2.Chim hồng thuận lối, chỉ việc thi đậu làm quan.

3.Ô thước bắc cầu, theo *Phong tục ký,* đêm mùng bẩy tháng bẩy hàng năm, chim ô thước đến sông Ngân làm cầu cho Ngưu Lang, Chức Nữ qua sông gặp nhau.

4.Tam Điệp, dãy núi nằm trên ranh giới giữa hai tỉnh Thanh Hoá và Ninh Bình. Câu này ý nói, hồn thiếp theo mây bay ngó chàng trên đường qua núi Tam Điệp.

5.Cửu Chiêu, tên một bài dật thi được phổ nhạc cung đình, cũng là khúc nhạc vua Thuấn dùng khi mở tiệc. Ở đây ý nói, chàng chỉ say mê với công danh, không để ý đến thiếp.

6.Hưng Khánh: Theo"*Chích dị kí*", khoảng giữa năm Khai Nguyên, đời Đường, trong cung cấm nẩy bốn năm bông thược dược, nhân đem ra trồng trước đình Trầm Hương bên ao Hưng Khánh. Xưa, trai gái yêu nhau thường hay hái hoa thược dược để tặng nhau.

7.Người đẹp Hán Dương, phiếm chỉ người con gái đẹp ở kinh đô, nơi chàng đang ở.

DỊCH THƠ:

Chàng từ buổi ngựa xe cất bước,
Thiếp tựa hiên thầm đếm quả mai.
Kinh kỳ hồng nhạn cao bay;
Sông quê ô thước chia hai nhịp cầu.
Mây bạn thiếp nhìn đầu Tam Điệp;
Mộng theo chàng, nghe nhạc Cửu Chiêu.
Bông hoa thược dược mĩ miều,
Hay đâu được tặng nàng kiều Hán Dương.

Thạch Châu

42. 山行出險

踏遍千峰盡萬灘
偏疑蜀道未爲難
林從疏處知天大
路到夷時見地寬
清不酘人三德水
靜無閉户兩梂山
此行帶得安寧字
收拾和風滿袖還

PHIÊN ÂM:

SƠN HÀNH XUẤT HIỂM

Đạp biến thiên phong tận vạn than,
Thiên nghi Thục đạo vị vi nan.
Lâm tòng sơ xứ tri thiên đại;
Lộ đáo di thời, kiến địa khoan.
Thanh bất trầm nhân tam Đức thủy;
Tĩnh vô bế hộ lưỡng Cầu san.
Thử hành đới đắc an ninh tự,[a]
Thu thập hòa phong mãn tụ hoàn.[b]

DỊCH NGHĨA:

ĐI ĐƯỜNG NÚI RA KHỎI NƠI HIỂM TRỞ

Đạp khắp ngàn núi với muôn ghềnh,
Riêng ngờ rằng, đường đất Thục chưa lấy gì là hiểm trở.[1]
Đi trong rừng, qua chỗ thưa cây, mới biết trời là lớn;
Đi ngoài đường, đến chỗ bằng phẳng, mới thấy đất là rộng.
Trong suốt mà không độc, là sông Tam Đức;[2]
Yên tĩnh, không phải cài cửa, là làng hai bên núi Cầu.[3]
Chuyến đi này, mang được hai chữ bình an,
Thu về được gió mát đầy hai tay áo.

KHẢO DỊ:

a. Bản A.117c/1: Phong quang 風 光 .

b. Bản A.117c/1: Bình an 平 安 .

CHÚ THÍCH:

1. Đất Thục, là vùng có nhiều núi non hiểm trở thuộc tỉnh Tứ Xuyên, Trung Quốc. Trong *Nhạc phủ* có khúc "Thục đạo nan." Lý Bạch, nhà thơ lớn đời Đường cũng làm bài thơ "Thục đạo nan." Do đó đời sau, "Thục đạo nan" được dùng để chỉ nơi hiểm trở, đường núi khó đi.

2. Sông Tam Đức: Tức là 3 con sông Thiên Đức (sông Đuống), Nguyệt Đức (sông Cầu), Nhật Đức (sông Thương), thuộc địa phận tỉnh Bắc Giang và tỉnh Bắc Ninh ngày nay.

3. Núi Cầu: Ngọn núi nằm bên làng Đáp Cầu và Thị Cầu, Bắc Ninh.

DỊCH THƠ:

Nghìn vạn non cao với thác sâu,
Xem chừng đường Thục hiểm chưa sâu.

Rừng thưa hé thấy trời là rộng;
Đường phẳng khôn lường đất đến đâu.
Tam Đức nước trong xơi chẳng độc;
Lưỡng Cầu cửa vắng ngỏ không sao.
Phen này đi hẳn bình yên chắc,
Gió mát thu đầy tay áo bào.

Hoàng Tạo

43. 即景三首

其一

紅塵境外別居諸
宇宙依依太朴餘
懸磴柳蔭臨浦遠
塞燈塔影入窗虛
湖山興飽初聞鶴
雲觀眠殘晚策驢
誰會此中眞造化
分明筆紙見華胥

PHIÊN ÂM:

TỨC CẢNH TAM THỦ
KỲ NHẤT

Hồng trần cảnh ngoại biệt cư chư,
Vũ trụ y y thái phác dư.
Huyền đắng liễu âm lâm phố viễn;
Tái đăng[a] tháp ảnh nhập song hư.
Hồ sơn hứng bão sơ văn hạc;
Vân quán miên tàn vãn[b] sách lư.
Thùy hội thử trung chân tạo hóa,
Phân minh bút chỉ hiện Hoa Tư.

DỊCH NGHĨA:

TỨC CẢNH BA BÀI

BÀI 1

Ngoài cõi bụi hồng, ở nơi riêng biệt,
Vũ trụ vẫn như xưa, cảnh thuần phác có thừa.
Liễu xanh treo trên vách đá, kề bên bến xa;
Bóng đèn trên tháp nơi biên tái, lọt vào song vắng.
Thỏa hứng non hồ, vừa nghe tiếng hạc;(1)
Tỉnh giấc ở quán mây, chiều quất lưng lừa.(2)
Ai hay trong đó mới thật là tạo hóa,
Giấy bút phân minh ghi lại cảnh Hoa Tư.(3)

KHẢO DỊ:

a.Bản A.117c/1: Tái phong 塞峰.

b.Bản A.117c/1: Hiểu 曉..

CHÚ THÍCH:

1.Theo *Tống sử:* Lâm Bô, nhà nghèo, không ham danh lợi, làm nhà ở non Cô Sơn giữa hồ Tây để ở, quanh nhà trồng nhiều mai, và nuôi hai con hạc... Lâm thường bơi thuyền đến chơi các chùa quanh hồ, chỉ để một tiểu đồng coi nhà. Khi có khách đến chơi, tiểu đồng thả hạc cho bay vút lên trên cao, Lâm Bô nghe thấy thì quay thuyền trở về. Người đời thường gọi ông là "Mai thê hạc tử" (Mai là vợ hạc là con).

2.Trần Đoàn, người đời Tống, tu tiên trên quán Vân Đài ở núi Hoa Sơn, ngủ giấc hơn trăm ngày chưa dậy. Khi dậy, thường cưỡi lừa thăm thú phong cảnh.

3.Hoa Tư: Theo sách *Liệt Tử* thì Hoàng Đế ngủ ngày, mơ đi tới nước Hoa Tư, ở đó không có người đứng đầu, người dân không ham muốn gì hết, họ sống hồn nhiên thuần phác.

DỊCH THƠ:

Ngoài trời bụi đỏ tháng ngày khác,
Đây vẫn khuôn đời thái phác xưa.
Liễu rợp mặt ghềnh nhìn bến vắng;
Đèn soi bóng tháp lọt song thưa.
Non hồ hứng đẫy nhàn nghe hạc;
Mây quán mơ tàn muộn quất lừa.
Ai hỡi biết chăng trời đất ấy,
Rõ ràng điểm xuyết cảnh Hoa Tư.

Hoàng Tạo

44. 其二

蒼茫岩塢接寒沙
水淨風微石勢斜
一簇樓臺開世界
半山草樹別年華
時教琴韻鳴春鳥
獨倩燈光借暮霞
否泰不關塵海局
白雲深處羽仙家

PHIÊN ÂM:

KỲ NHỊ

Thương mang nham ổ tiếp hàn sa,
Thủy tịnh phong vi thạch thế tà.
Nhất thốc lâu đài khai thế giới;
Bán sơn thảo thụ biệt niên hoa.
Thời giao cầm vận minh xuân điểu;
Độc thiến đăng quan tá mộ hà.
Bĩ thái bất quan trần hải cục,
Bạch vân thâm xứ vũ tiên gia.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 2

Đá núi xanh thăm thẳm tiếp liền với bãi cát vắng,
Nước trong, gió nhẹ, thế đá nghiêng nghiêng.
Một tòa lâu đài, mở ra một thế giới riêng;
Lưng đồi cây cỏ, đủ phân biệt năm tháng.
Đôi lúc tiếng chim xuân hót, như lựa cung đàn;
Riêng mượn ráng chiều, thay cho ánh đèn.
Việc thịnh suy, liên can gì đến cuộc đời trong bể bụi,
Nơi mây trắng sâu thẳm kia là cõi tiên.

45. 其三

四大天中更小寰
海連一色自迷漫
橫斜遠浦何年樹
絡繹深林數座山
水漲桃村漁穩泛
風高柳澤鳥知還
逍遙人在鴻濛世
韁鎖回頭了不關

PHIÊN ÂM:

KỲ TAM

Tứ đại thiên trung cánh tiểu hoàn,
Hải liên[a] nhất sắc tự mê man.
Hoành tà viễn phố hà niên thụ;
Lạc dịch thâm lâm sổ toạ san.
Thủy trướng đào thôn ngư ổn phiếm;
Phong cao liễu trạch điểu tri hoàn.
Tiêu dao nhân tại hồng mông thế,
Cương tỏa hồi đầu liễu bất quan.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 3

Trong bốn cõi trời lớn, đây là cõi nhỏ,
Biển liền một sắc, rộng mênh mông.
Cây cối từ năm nào, nghiêng ngả bên bến xa;
Núi mấy ngọn nối nhau, trong cánh rừng thẳm.
Xóm Đào nước đẫy, thuyền câu vững tay chèo;
Đầm Liễu gió lộng, chim biết hướng bay trở lại.
Người tiêu dao trong cõi hồng mông,
Quay đầu lại, chẳng để tâm đến vòng danh lợi.

KHẢO DỊ:

a.Bản A.117c/1: Liên không 連空 .

46. 山亭

矗矗孤亭倚碧空
清光別占一壺中
天晴錦織千章樹
地遠香飄四序風
窗外雲低山色白
階前日近野花紅
關河萬里停眸處
勝賞令人逸興濃

PHIÊN ÂM:

SƠN ĐÌNH

Xực xực cô đình ỷ bích không,
Thanh quang biệt chiếm nhất hồ trung.
Thiên tình cẩm chức thiên chương thụ;
Địa viễn hương phiêu tứ tự phong.
Song ngoại vân đê sơn sắc bạch;
Giai tiền nhật cận dã hoa hồng.
Quan hà vạn lý đình mâu xứ,
Thắng thưởng linh nhân dật hứng nồng.

DỊCH NGHĨA:

ĐÌNH TRÊN NÚI

Sừng sững ngôi đình trơ trọi, dựa khoảng không xanh biếc,
Ánh sáng trong riêng chiếm một bầu trời.
Trời tạnh sáng, cây nghìn tầm dệt thành bức gấm;
Vùng đất xa, gió bốn mùa đưa lại hương thơm.
Mây sà thấp ngoài song, trắng phơi sắc núi;
Mặt trời gần trước thềm đỏ nhuốm hoa rừng.
Mắt đăm đăm nhìn nơi non sông muôn dặm,
Khiến ta đầy hứng thú, cuộc thắng thưởng này.

DỊCH THƠ:

Đình dựa cao xanh trọi một toà,
Bầu trời trong trẻo chiếm bao la.
Mây thêu dệt gấm cây bừng sáng;
Đất ngát lừng hương gió thổi xa.
Ngoài cửa trắng phau mây nhuộm núi;
Trước thềm đỏ rực áo lồng hoa.
Quan hà muôn dặm đăm đăm ngắm,
Thắng cảnh xui ai hứng đậm đà.

Đào Phương Bình

47. 江 樓

傍臨江渚峙嵯峨
返照斜暉蘸碧羅
地迥不知炎暑到
風清還看暮涼多
窗涵遠嶠千秋月
簾捲長流萬里波
四望豁然舒眼景
憑欄遠遠聽漁歌

PHIÊN ÂM:

GIANG LÂU

Bàng lâm giang chử trĩ ta nga,
Phản chiếu tà huy trám bích la.
Địa quýnh bất tri viêm thử đáo;
Phong thanh hoàn khán mộ lương đa.
Song hàm viễn kiệu thiên thu nguyệt;
Liêm quyển trường lưu vạn lí ba.
Tứ vọng khoát nhiên thư nhãn cảnh,[a]
Bằng lan viễn viễn thính ngư ca.

DỊCH NGHĨA:

LẦU TRÊN SÔNG

Như ngọn núi sừng sững kề bên bến sông,
Nắng chiều phản chiếu như in trên dải lụa biếc.
Xa với đất liền, nên không biết đến oi bức;
Xem ra, gió mát buổi chiều nhiều hơi lạnh.
Song ngậm trăng nghìn thu trên núi xa;
Rèm cuốn, thấy sóng chảy dài muôn dặm.
Bốn bề thoáng đãng, thoả mắt ngắm nhìn cảnh trí,
Dựa lan can nghe tiếng hát làng chài xa xa.

KHẢO DỊ:

a.Bản A.117c/1: Khách nhãn 客眼.

DỊCH THƠ:

Bến sông kề sát, vút từng không,
Bóng xế soi lên lụa biếc lồng.
Đất cách oi nồng bằn bặt vắng;
Gió chiều, mát mẻ dạt dào rung.
Song dầm ánh nguyệt non xa tít;
Rèm cuốn dòng sông sóng trập trùng.
Tựa khúc lan can xa ngắm cảnh,
Xóm chài vẳng tiếng hát ngân trong.

Đào Phương Bình

48. 旅舍

三千里路住征鞍
座上清風倚繡欄
南北勝遊詩思爽
古今逸興酒盃閒
關河客夢誠如醉
弧矢初心覺自寬
何處雞聲頻報曉
早催橋子理朝餐

PHIÊN ÂM:

LỮ XÁ

Tam thiên lí lộ trú chinh an,
Tọa thượng thanh phong ỷ tú lan.
Nam bắc thắng du thi tứ sảng;
Cổ kim dật hứng tửu bôi nhàn.
Quan hà khách mộng thành như túy;
Hồ thỉ sơ tâm giác tự khoan.
Hà xứ kê thanh tần báo hiểu,
Tảo thôi kiều tử lý triêu san.

DỊCH NGHĨA:

QUÁN TRỌ

Dừng yên ngựa đi xa, trên đường ba nghìn dặm,
Dựa lan can gấm, hứng gió mát đầy chỗ ngồi.
Chuyến thắng du vào nam ra bắc, khiến tứ thơ trong sáng;
Để thoả hứng, từ cổ chí kim vẫn lấy chén mua vui.
Mộng lữ thứ chốn quan hà thực như say vậy;
Lòng hồ thỉ buổi đầu cảm thấy thỏa thuê.
Tiếng gà gáy chốn nào, dồn dập báo sáng,
Như sớm giục phu kiệu sắp bữa ăn sớm mai.

DỊCH THƠ:

Đường ba nghìn dặm dừng yên ngựa,
Song gấm trên lầu gió thảnh thơi.
Nam bắc cuộc chơi thơ sảng khoái;
Cổ kim nguồn hứng rượu đầy vơi.
Mơ cùng non nước còn say mãi;
Hẹn với cung tên thấy thoả rồi.
Đâu đó tiếng gà luôn báo sáng,
Giục đoàn phu kiệu sắp cơm mai.

Hoàng Tạo

49. 桂林

佳麗天然王氣鍾
雄藩勢壯越西東
波澄素練三江水

地列瑤蓼獨秀峰
旗影拂雲鈴閣靜
角聲吹月戍樓空
幾來乘興登臨客
老盡詞林一筆鋒

PHIÊN ÂM:

QUẾ LÂM

Giai lệ thiên nhiên vượng khí[a] chung,
Hùng phiên thế tráng Việt Tây Đông.
Ba trừng tố luyện Tam Giang thủy;
Địa liệt dao sầm Độc Tú phong.
Kỳ ảnh phất vân linh các tĩnh;
Giốc thanh xuy nguyệt[b] thú lâu không.
Kỷ lai thừa hứng đăng lâm khách,
Lão tận từ lâm nhất bút phong.

DỊCH NGHĨA:

QUẾ LÂM [1]

Vượng khí chung đúc nên cảnh thiên nhiên tươi đẹp,
Thế hùng phên giậu, là vùng Việt Đông với Việt Tây.[2]
Sông Tam Giang, sóng lắng trong, như giải lụa trắng;[3]
Ngọn Độc Tú, đất phô bầy, tựa hòn núi ngọc.[4]
Gác chuông yên tĩnh, bóng cờ phất vào làn mây;
Chòi canh vắng vẻ, dưới trăng tiếng ốc thổi.
Biết bao khách thừa hứng từng lên chơi đây,
Với cây bút dốc hết rừng từ chương thi phú.

KHẢO DỊ:

a.Bản VHv.1743/22: Ngọc khí 玉氣. .

b.Bản A.117c/1: Xuý nhật 吹日.

CHÚ THÍCH:

1.Quế Lâm, tên quận thuộc tỉnh Quảng Tây.

2.Việt Đông Việt Tây, tên gọi khác của Quảng Đông và Quảng Tây, Trung Quốc.

3.Tam Giang, tức ba con sông Kiền, sông Uất, sông Quế chảy trong địa phận tỉnh Quảng Tây.

4.Độc Tú, tên một ngọn núi ở Quế Lâm.

DỊCH THƠ:

Vượng khí nung thành đẹp tự nhiên,
Tây Đông xứ Việt nổi hùng phiên.
Tam Giang lụa trắng trào tuôn đến;
Độc Tú châu ngời đất đội lên.
Cờ phất phơ mây, chuông gác lắng;
Còi rung rinh nguyệt, vọng canh yên.
Bao nhiêu khách hứng lên thăm cảnh,
Già bút rừng văn biết mấy phen.

Đào Phương Bình

50. 燕臺

三面披山一帶河
四方都會占繁華
往來車馬成雲錦
腌映樓臺爛綺羅
風水氣鍾南北地
金湯勢壯帝王家
玉京自有天津路
博望何須遠泛槎

PHIÊN ÂM

YÊN ĐÀI

Tam diện phi sơn nhất đới hà,
Tứ phương đô hội chiếm phồn hoa.
Vãng lai xa mã thành vân cẩm;
Yểm ánh lâu đài lạn ỷ la.
Phong thủy khí chung nam bắc địa;
Kim thang thế tráng đế vương gia.
Ngọc kinh tự hữu Thiên Tân lộ,
Bác Vọng hà tu viễn phiếm sà?

DỊCH NGHĨA:

YÊN ĐÀI[1]

Ba mặt dựa núi, một phía sông giăng,
Riêng chiếm phồn hoa, bốn phương tụ hội,
Ngựa xe qua lại dệt thành mây gấm;
Lâu đài lấp lánh sáng rực lụa là.
Khí phong thủy chung đúc nên đất nam bắc;
Thế thành cao hào sâu, vững mạnh nhà đế vương.
Nơi kinh ngọc, tự có đường lên sông Ngân,[2]
Bác Vọng Hầu cần gì phải buông bè đi xa nữa.[3]

CHÚ THÍCH:

1.Yên Đài, nơi đóng đô của nhà Minh, Thanh, tức Bắc Kinh ngày nay.

2.Sông Ngân, nguyên văn "Thiên Tân." Thiên Tân là tên gọi khác của sông Ngân Hà, cũng là một thủ phủ ở phía nam Bắc Kinh, đời xưa đi đường thủy phải đi qua Thiên Tân mới đến được Yên Kinh.

3.Bác Vọng Hầu, tước phong của Trương Khiên đời Hán. Tương truyền, Trương Khiên cưỡi bè đi tìm nguồn nước sông Hoàng Hà, rồi lên tận sông Ngân gặp Ngưu Lang, Chức Nữ. Đời sau, dùng sự kiện này để chỉ việc đi sứ.

DỊCH THƠ:

Ba mặt non vây, một mặt sông,
Bốn phương đô hội một miền chung.
Ngựa xe đi lại dường mây dệt;
Lầu gác long lanh tựa gấm lồng.
Phong thủy khí thiêng nam bắc tụ;
Thành trì thế vững đế vương hùng.
Ngọc kinh vốn có đường trời sẵn,
Đâu phải bề sao nẻo mới thông.

Hoàng Tạo

51. 青山曉望

使旌迢遞駐青山
早起催童飭馬鞍
草樹稀微花隱約

峰巒叢雜鳥緡蠻

戍樓夜鼓聲初歇

華塢朝雲夢未殘

何處紅輪推一起

扒開煙霧見山顏

PHIÊN ÂM:

THANH SƠN HIỂU VỌNG

Sứ tinh thiều đệ trú Thanh Sơn,
Tảo khởi thôi đồng sức mã yên.
Thảo thụ hi vi hoa ẩn ước;
Phong loan tùng tạp điểu miên man.
Thú lâu dạ cổ thanh sơ yết;
Hoa ổ triêu vân mộng vị tàn.
Hà xứ hồng luân thôi nhất khởi,
Bát khai yên vụ[a] hiện sơn nhan.

DỊCH NGHĨA:

BUỔI SỚM NGẮM CẢNH THANH SƠN[1]

Cờ sứ, đường xa, tạm dừng ở Thanh Sơn,
Dậy sớm giục tiểu đồng sửa sang yên ngựa.
Cây cỏ lưa thưa, bóng hoa thấp thoáng;
Núi đồi rậm rạp, tiếng chim hót líu lo.
Trên chòi canh, tiếng trống đêm vừa dứt;
Trong xóm hoa, giấc mơ mây sớm chưa tàn.
Vừng hồng vừa nhô lên từ chốn nào,
Rẽ mây mù, hiện ra dáng núi.

KHẢO DỊ:

a.Bản VHv.1743/22: Vân vụ 雲務.

CHÚ THÍCH:

1.Thanh Sơn ở phía đông nam huyện Đương Đồ, tỉnh An Huy, Trung Quốc, nơi sứ bộ Việt Nam thường đi qua.

DỊCH THƠ:

Thanh Sơn sứ bộ tạm dừng cờ,
Gọi đóng yên cương sớm kẻo trưa.
Chim hót líu lo, đồi núi rậm;
Hoa cười thấp thoáng cỏ cây thưa.
Trống đêm chòi gác hồi vừa dứt;
Mây sớm làng hoa giấc vẫn mơ.
Chói lọi vầng hồng vừa mới ló,
Rẽ mây mù hiện dáng non xưa.

Đào Phương Bình

52. 乾山晚眺

散步斜陽縱一觀
山容渺渺望漫漫
鳥飛鳥集煙雲樹
花落花開織翠巒
霜擁柳營喧鼓角
雲深梅驛萃衣冠
忽然玉兔山頭見
景色分明眼界寬

PHIÊN ÂM:

CÀN SƠN VÃN DIỂU

Tán bộ tà dương túng nhất quan,
Sơn dung diểu diểu vọng man man.
Điểu phi điểu tập yên vân thụ;
Hoa lạc hoa khai chức thúy loan.
Sương ủng liễu doanh huyên cổ giác;
Vân thâm mai dịch tụy y quan.
Hốt nhiên ngọc thố sơn đầu hiện,
Cảnh sắc phân minh nhãn giới khoan.

DỊCH NGHĨA:

NGẮM CẢNH CHIỀU Ở CÀN SƠN[1]

Dạo dưới bóng chiều, buông tầm mắt ngắm trông,
Dáng núi mờ mờ, dõi nhìn nơi xa xăm.
Chim bay, chim đỗ từng bầy, trên cây quyện mây khói;
Hoa nở, hoa rơi bên mỏm núi, dệt thành mầu xanh.
Sương vây doanh liễu, tiếng trống, tiếng tù và inh ỏi;[2]
Mây dầy trạm mai, áo mũ quây quần.[3]
Chợt ở đầu non hiện lên bóng ngọc thỏ,
Cảnh sắc rõ mồn một, tầm mắt rộng thêm.

CHÚ THÍCH:

1.Chưa rõ địa danh nơi nào. Càn sơn, có thể hiểu là "Núi ở phía tây bắc."

2.Doanh liễu: Nơi đóng quân.

3.Trạm mai (mai dịch), là nơi truyền đạt thư tín, và để cho hành khách trú chân. Đời Hán thường trồng mai cho râm mát, nên thường gọi là mai dịch hay mai đình.

DỊCH THƠ:

Dạo gót chiều hôm những ngắm quanh,
Mờ mờ dáng núi bóng chênh vênh.
Chim bay chim đậu làn cây khói;
Hoa nở hoa rơi mỏm nủi xanh.
Còi trống sương pha doanh liễu rộn;
Áo xiêm mây họp trạm mai thanh.
Bỗng dưng thỏ ngọc nhô đầu núi,
Tầm mắt mông mênh cảnh rõ rành.

Đào Phương Bình

53. 江天遠眺

萬頃煙波浸碧漣
平分山色忽悠然
蒼茫望外重山岳
瑩潔壺中一水天

桃浪風高漁浦笛
寒沙日淡遠村煙
清光眼豁濃吟興
半幅雲霞照遠邊

PHIÊN ÂM:

GIANG THIÊN VIỄN DIỂU

Vạn khoảnh yên ba tẩm bích liên,
Bình phân sơn sắc hốt du nhiên.
Thương mang vọng ngoại trùng sơn nhạc;
Oánh khiết hồ trung nhất thủy thiên.
Đào lãng phong cao ngư phố địch;
Hàn sa nhật[a] đạm viễn thôn yên.
Thanh quang nhãn khoát nồng ngâm hứng,
Bán bức vân hà chiếu[b] viễn biên.

DỊCH NGHĨA:

CẢNH TRỜI SÔNG NHÌN XA

Muôn khoảnh khói sóng, dầm trong gợn nước biếc,
Chợt thấy xa xa, sắc núi cũng một mầu như nhau.
Núi non trùng điệp, mênh mang ngoài tầm mắt;
Trời nước một mầu, trong vắt trong bầu.
Gió cuốn sóng hoa đào, bến chài đưa cao tiếng sáo;
Nắng soi bãi sông vắng, nhạt theo làn khói thôn xa.
Cảnh sáng trong, rộng tầm mắt, hứng thơ nồng đậm,
Ráng mây nửa bức, sà xuống chân trời xa.

KHẢO DỊ:

a.Bản A.117c/1: Nguyệt đạm 月淡.
b.Bản A.117c/1: Lạc 落.

DỊCH THƠ:

Khói sóng muôn trùng ngâm sắc biếc,
Xa xa thoáng thấy núi chung mầu.
Núi non man mác ngoài tầm mắt;
Trời nước trong veo giữa cái bầu.

Bãi lạnh nắng mờ, thôn khói tỏa;
Sóng đào gió lộng sáo chài cao.
Mắt thanh quang rộng, nguồn thơ đậm,
Mây ráng chân trời rạng biết bao!

Đào Phương Bình

54. 驛路曉行

紅輪縹緲出東方
喚起征夫早飭裝
朔吹平欺裘服冷
輕塵踏破馬蹄香
斗南宮闕回頭近
漢北關山引路長
幾度停眸舒遠望
洞庭秋色水雲鄉

PHIÊN ÂM:

DỊCH LỘ HIỂU HÀNH

Hồng luân phiếu diểu xuất đông phương,
Hoán khởi chinh phu tảo sức[a] trang.
Sóc xuý bình khi cừu phục lãnh;
Khinh trần đạp phá mã đề hương.
Đẩu nam cung khuyết hồi đầu cận;
Hán bắc quan san dẫn lộ[b] trường.
Kỷ độ đình mâu thư viễn vọng,
Động Đình thu sắc thủy vân hương.

DỊCH NGHĨA:

BUỔI SÁNG ĐI TRÊN ĐƯỜNG TRẠM

Phương đông nhô lên vừng hồng xa thẳm,
Gọi người đi xa dậy sớm, sẵn sàng hành trang.
Coi khinh gió bấc, vì có áo cừu chống lạnh;
Đạp nát bụi đường, bởi có vó ngựa hay.

Cung khuyết phía nam Bắc Đẩu, ngoái đầu thấy đã gần;[1]
Núi non phía bắc Ngân Hán, đường đi đã thấy xa thẳm.
Mấy độ mắt đăm đăm, lặng lẽ xa trông,
Sắc thu Động Đình, chốn làng mây nước.[2]

KHẢO DỊ:

a.Bản A.117c/1: Thúc束.

b.Bản A.117c/1: Bộ 步.

CHÚ THÍCH:

1.Phía nam Bắc Đẩu: Bắc Đẩu là chòm sao ở phương bắc, phía nam của nó tức là phương nam. Ở đây chỉ quê hương tác giả.

2.Động Đình: Tên hồ ở Hà Nam Trung Quốc, hồ có nhiều cảnh đẹp, khi đi sứ thường phải đi qua.

DỊCH THƠ:

Vừng hồng le lói phương đông,
Anh em! dậy sắp gánh gồng kẻo trưa!
Áo cừu mặc gió bắc lùa,
Vó câu thơm dẫm bụi mờ bay tan.
Ngoảnh nhìn cung khuyết trời nam,
Đường lên đất bắc giang san còn dài.
Lặng buông tầm mắt mấy hồi,
Động Đình thu nhuộm một trời nước mây.

Hoàng Tạo

55. 秋夜旅亭

梅驛淒涼逗客程
碧梧枝上報秋聲
窗涵靜練江風白
枕弄寒光海月明
案上有懷燈一點
樓前何處笛三更
誰人送唱驪駒曲
牢落煙波夢不成

PHIÊN ÂM:

THU DẠ LỮ ĐÌNH

Mai dịch thê lương đậu[a] *khách trình,*
Bích ngô chi thượng báo thu thanh.
Song hàm tĩnh luyện giang phong bạch;
Chẩm lộng hàn quang hải nguyệt minh.
Án thượng hữu hoài đăng nhất điểm;
Lâu tiền hà xứ địch tam canh.
Thùy nhân tống xướng Ly Câu khúc,
Lao lạc yên ba mộng bất thành.

DỊCH NGHĨA:

ĐÌNH LỮ KHÁCH ĐÊM THU

Dặm đường đất khách, dừng chân nơi trạm mai lạnh lẽo,[1]
Tiếng thu đã báo trên cành ngô đồng biếc xanh.
Gió sông trắng xóa, như dải lụa luồn vào song cửa sổ;
Trăng biển trong ngần, ánh sáng lạnh lùng đùa bên gối đầu.
Cây đèn trên án sách, soi tỏ nỗi niềm riêng;
Tiếng sáo văng vẳng ba canh, từ đâu đưa tới trước lầu.
Ai là người hát khúc Ly Câu[2] đưa tiễn?
Giữa cảnh khói sóng mịt mùng, giấc mộng chẳng thành.

KHẢO DỊ:

a.Bản A.117c/1: Thấu 透.

CHÚ THÍCH:

1.Trạm mai: Xem chú thích số 3, bài 51.

2.Khúc Ly Câu, khúc hát của người khách sắp đi xa.

DỊCH THƠ:

Trạm mai lạnh lẽo khách dùng dằng,
Ngô biếc đầy cành thu đã sang.
Song ngậm lụa sa sông trắng xoá;
Gối đù ánh bạc nguyệt trong ngần.
Ngọn đèn trên án mờ mờ tỏ;
Tiếng sáo bên lầu vẳng vẳng ngân.
Hát khúc Ly Câu ai tiễn biệt,
Mịt mùng khói sóng mộng không thành.

Lâm Giang

56. 登程有感

梯航萬里趁重關
景物清幽一夢間
翠掛高峰雲晻映
清分流派水潺漫
梅堤風拂花飛紫
松樹霜凝鴈叫寒
借問仙宮何處是
蓬壺閬苑此江山

PHIÊN ÂM:

ĐĂNG TRÌNH HỮU CẢM

Thê hàng vạn lý sấn trùng quan,
Cảnh vật thanh u nhất mộng nhàn.[(a)]
Thúy quải cao phong vân yểm ánh;
Thanh phân lưu phái thủy sàn man.
Mai đê phong phất hoa phi tử;
Tùng thụ sương ngưng nhạn khiếu hàn.
Tá vấn tiên cung hà xứ thị,
Bồng hồ lãng uyển thử giang san.

DỊCH NGHĨA:

CẢM NGHĨ LÚC LÊN ĐƯỜNG

Thủy bộ muôn dặm, vượt mấy lần quan ải,
Cảnh vật thanh u, một giấc mộng thảnh thơi.
Mây lấp lánh, treo trên ngọn núi xanh;
Nước mênh mông, chia dòng trong biếc.
Gió phẩy đê mai, hoa bay sắc tía;
Sương đọng chồi thông, nhạn réo lạnh lùng.
Xin hỏi cung tiên ở đâu nhỉ?
Non sông này chính là cõi tiên.

KHẢO DỊ:

a.Bản VHv.1743/22: Gian 間.

DỊCH THƠ:

Trèo non vượt bể trải muôn trùng,
Cảnh mộng thanh tao thoải mái lòng.
Xanh ngắt núi treo mây lấp lánh;
Trong veo dòng nước rẽ mênh mông.
Mai phô trước gió hoa tươi thắm;
Tùng lặng trong sương nhạn não nùng.
Ướm hỏi cung tiên đâu đó hả?
Nơi đây có phải cảnh non bồng.

Hoàng Tạo

57. 北城遊興

八千馹驛駕征鞍
萬景清光望眼前
華嶺天高雲落漠
洞庭月照水清漣
秦宮楚館今何在
漢殿隋樓古有傳
莫謂天台無處覓
燕臺到處是神仙

PHIÊN ÂM:

BẮC THÀNH DU HỨNG

Bát thiên nhật dịch giá chinh yên,
Vạn cảnh thanh quang vọng nhãn tiền.
Hoa[a] lĩnh thiên cao vân lạc mạc;
Động Đình nguyệt chiếu thủy thanh liên.
Tần cung Sở quán kim hà tại;
Hán điện Tùy lâu cổ hữu truyền.

Mạc vị Thiên Thai vô xứ mịch,[b]
Yên Đài đáo xứ thị thần tiên.

DỊCH NGHĨA:

CẢM HỨNG KHI ĐI CHƠI ĐÔ THÀNH PHƯƠNG BẮC

Đóng yên ngựa, đi trên con đường trạm tám ngàn dặm,
Muôn cảnh sáng trong, thấy ngay trước mắt.
Trời cao trên núi Hoa Sơn, mây tuôn lảng vảng;[1]
Trăng soi xuống hồ Động Đình, sóng gợn lăn tăn.[2]
Quán Sở, cung Tần, nay biết nơi đâu;
Lầu Tùy, điện Hán, xưa còn truyền lại.[3]
Chớ bảo Thiên Thai không tìm đâu được,[4]
Khắp chốn Yên Đài đều là cảnh thần tiên.

KHẢO DỊ:

a.Bản A.117c/1: Tản 傘.

b.Bản A.117c/1: Hà xứ tại 何處在.

CHÚ THÍCH:

1.Núi Hoa Sơn ở huyện Hoa Âm, tỉnh Thiểm Tây, còn có tên là Tây Nhạc.

2.Hồ Động Đình: Xem chú thích số 2 bài 54.

3.Quán Sở, cung Tần, lầu Tùy, điện Hán đều là những cung điện đẹp của các triều đại Trung Quốc xưa. Trong thơ thường dùng để chỉ những cung điện đẹp nói chung.

3.Thiên Thai, một ngọn núi ở phía bắc huyện Thiên Thai, tỉnh Triết Giang. Tương truyền, xưa có Lưu Thần và Nguyễn Triệu vào núi hái thuốc gặp tiên nữ. Thiên Thai sau được dùng để chỉ cảnh tiên.

DỊCH THƠ:

Tám nghìn đường trạm đóng cương yên,
Muôn cảnh thanh quang hiện nhãn tiền.
Hoa Lĩnh trời cao mây lảng bảng;
Động Đình trăng gợn sóng liên miên.
Cung Tần quán Sở nay đâu thấy;
Điện Hán lầu Tùy trước vẫn truyền.
Đừng bảo Thiên Thai không lối kiếm,
Yên Đài đâu chả cảnh thần tiên.

Đào Phương Bình

58. 烏江風月

碧波瀲灩古江津
風月雙清萬斛珍
習習和吹堤上樹
溶溶光見水中鱗
涼催掉手流如箭
影蘸波心色似銀
擬假坡翁舟一葉
有藏無盡燕詩賓

PHIÊN ÂM:

Ô GIANG PHONG NGUYỆT

Bích ba liễm diễm cổ giang tân.
Phong nguyệt song thanh vạn hộc trân.
Tập tập hòa xuy đê thượng thụ;
Dung dung quang hiện thủy trung lân.
Lương thôi trạo thủ lưu như tiễn;
Ảnh trám[a] *ba tâm sắc tự ngân.*
Nghĩ giả Pha ông chu nhất diệp,
Hữu tàng vô tận yến thi tân.

DỊCH NGHĨA:

TRĂNG GIÓ Ô GIANG [1]

Bến sông xưa lô xô sóng biếc,
Trăng thanh gió mát, như vạn hộc ngọc trân châu.
Gió nhè nhẹ thổi hàng cây bên đê;
Trăng sáng mồn một, thấy rõ cá bơi dưới nước.
Hơi mát đẩy tay chèo, thuyền trôi như tên;
Bóng trăng in đáy nước, sắc sáng tựa bạc.
Muốn mượn ông Pha một con thuyền,[2]
Để thết khách thơ bằng kho vô tận.

KHẢO DỊ:

a.Bản A.117c/1: Dĩnh 灎.

CHÚ THÍCH:

1.Ô Giang, một con sông phía đông bắc huyện Hòa, tỉnh An Huy, Trung Quốc.

2.Ông Pha, tức Tô Đông Pha, nhà văn lớn đời Tống, tác giả hai bài "*Tiền*, "*hậu Xích Bích phú.*" Trong đó có miêu tả cảnh bơi con thuyền nhỏ cùng khách thơ hóng mát ngắm trăng trên sông Xích Bích.

59. 秋行

流火初經暑氣亢
新秋已結馬蹄霜
征袍暗遞金風爽
使節頻飄玉露涼
菊鑄金錢迎館客
月浮銀鏡照行裝
稱觴蛟陛歌天保
一軸軿車雁影長

PHIÊN ÂM:

THU HÀNH

Lưu hỏa sơ kinh thử khí cang,
Tân thu dĩ kết mã đề sương.
Chinh bào[a] ám đệ kim phong sảng;
Sứ tiết tần phiêu[b] ngọc lộ lương.
Cúc trú kim tiền nghinh quán khách;
Nguyệt phù ngân kính chiếu hành trang.
Xứng tràng giao bệ ca Thiên Bảo,
Nhất trục biền[c] xa nhạn ảnh trường.

DỊCH NGHĨA:

ĐI TRONG MÙA THU

Sao Hỏa xế tây, hơi nóng oi nồng vừa qua đi,(1)
Mới đầu thu, sương đã kết trên móng ngựa.
Gió thu dìu dịu, ngầm thổi tới áo người đi xa;(2)
Móc ngọc trong mát, luôn giỏ xuống lá cờ sứ.
Hoa cúc đúc tiền vàng, đón khách nơi công quán;
Trăng nổi gương bạc, soi xuống hành trang.
Nâng chén trước bệ rồng, ca bài Thiên Bảo,(3)
Bóng nhạn trải dài bên cỗ biền xa.(4)

KHẢO DỊ:

a.Bản A.117c/1: Chinh an 征鞍.

c.Bản A.117c/1: Thôi 催.

c.Bản A.117c/1: Hiên 軒.

CHÚ THÍCH:

1.Sao hoả xế tây (lưu hoả), Thơ *Thất nguyệt, Kinh Thi*: "Thất nguyệt lưu Hỏa" (Tháng bảy sao Hỏa xế về tây), ở đây dùng để chỉ tháng đầu mùa thu.

2.Gió vàng, tức gió thu.

3.Thiên Bảo, bài thơ trong *Tiểu nhã, Kinh Thi*, lời thơ chúc tụng nhà vua.

3.Biền xa, xe có vải che, cũng có nghĩa xe gọn nhẹ. Theo *Việt sử* (Chép lại *Sử ký* của Trung Quốc) đời Chu, sứ giả Việt Thường mang chim bạch trĩ sang dâng Thành Vương, khi trở về quên đường, Chu Công cấp cho năm cỗ biền xa, trên có kim chỉ nam, để sứ giả trở về nước.

DỊCH THƠ:

Sao Hỏa về tây nắng chói chang,
Đầu thu vó ngựa đẫm hơi sương.
Gió vàng thổi áo người du tử;
Móc ngọc gieo cờ sứ viễn phương.
Cúc đúc tiền vàng chào quán khách;
Trăng treo gương bạc dọi hành trang.
Bệ rồng nâng chén ca Thiên Bảo,
Nhạn dõi xe biền bóng vấn vương.

Đào Phương Bình

60. 山行

北風攜手越山程
到處偏疑景有情
滿徑無言花灼灼
隔林學語鳥嚶嚶
暮雲輸滅青峰色
曉雨添多碧澗聲
沿岸居民珍遠客
扶笻塞路看旄旌

PHIÊN ÂM:

SƠN HÀNH

Bắc phong huề thủ việt sơn trình,
Đáo xứ thiên nghi cảnh hữu tình.
Mãn kính vô ngôn hoa chước chước;
Cách lâm học ngữ điểu anh anh.
Mộ vân thâu[a] giảm thanh phong sắc;
Hiểu vũ thiêm đa bích giản thanh.
Duyên ngạn cư dân trân viễn khách,
Phù cùng tắc lộ khán mao tinh.

DỊCH NGHĨA:

ĐI TRONG NÚI

Dắt tay nhau, vượt đường núi, đi trong gió bắc,
Lạ thay, đâu đâu phong cảnh cũng hữu tình.
Lặng lẽ đầy lối, hoa nở rực rỡ;
Cách một cánh rừng, chim học nói líu lo.
Mây chiều, làm mầu núi xanh giảm bớt,
Mưa sớm, tiếng reo khe biếc tăng thêm.
Dân cư ven bờ suối, quý khách phương xa,
Chống gậy đầy đường, ngắm cờ sứ giả.

KHẢO DỊ:

a.Bản A.117c/1: Thâu 偷.

DỊCH THƠ:

Dan tay vượt núi, may hiu hắt,
Cảnh hữu tình dăng khắp dặm trường.
Rạng rỡ, hoa im đầy trước lõng;
Líu lo, chim học rộn bên đường.
Mây chiều khiến sắc non xanh giảm;
Mưa sớm làm thanh suối biếc tăng.
Dân chúng bên khe đều mến khách,
Ngắm cờ, chật ních gậy trên đường.

Đào Phương Bình

61. 古廟

何代荒祠半已頹
斷碑無字倚空階
石墟冷落塡青草
畫壁凋零翳錄苔
古樹邪陽禽鳥亂
空山夜雨鬼神哀
擬尋遺跡無人到
時有飛雲去又來

PHIÊN ÂM:

CỔ MIẾU

Hà đại hoang từ bán dĩ đồi,
Đoạn bi vô tự ỷ không giai.
Thạch lô lãnh lạc điền thanh thảo;
Họa bích điêu linh ế lục đài.

Cổ thụ tà dương cầm điểu loạn;
Không sơn dạ vũ quỷ thần ai.
Nghĩ tầm di tích vô nhân đáo,
Thời hữu phi vân khứ hựu lai.

DỊCH NGHĨA:

MIẾU CỔ

Miếu hoang có từ đời nào, đã nửa phần đổ nát,
Bia gãy dở, không chữ, tựa bên thềm vắng.
Bát hương đá lạnh ngắt, cỏ xanh mọc đầy;
Bức vách vẽ điêu linh, rêu biếc phủ kín.
Chiều tà, chim chóc trên cổ thụ lao xao;
Đêm mưa, quỷ thần bên núi vắng than vãn.
Muốn tìm dấu xưa, không người đi tới,
Chỉ có đám mây bay lại, rồi bay đi.

DỊCH THƠ:

Thời nào sót lại miếu đền đây?
Thềm vắng bia mòn chữ thấy đâu!
Lò đá quạnh hưu chờm biếc cỏ;
Tường hoa tàn tạ phủ xanh rêu.
Cây xưa bóng xế chim còn rộn;
Núi vắng đêm mưa quỷ cũng sầu.
Dấu cũ muốn tìm, người chẳng đến,
Bay đi bay lại đám mây chiều.

Đào Phương Bình

62. 古寺

層樓閱歷幾星霜
勝景幽溪已半荒
齋灶煙消春草謝
花階露冷谷風涼

遶林靈鵲依寒樹
扣案貧僧熾妙香
千古寥寥遺跡在
朝陽過了又斜陽

PHIÊN ÂM:

CỔ TỰ

Tằng lâu duyệt lịch kỉ tinh sương,
Thắng cảnh u khê dĩ bán hoang.
Trai táo yên tiêu xuân thảo tạ;
Hoa giai lộ lãnh cốc phong lương.
Nhiễu lâm linh thước y hàn thụ;
Khấu án bần tăng xí diệu hương.
Thiên cổ liêu liêu di tích tại,
Triêu dương qúa liễu hựu tà dương.

DỊCH NGHĨA:

CHÙA CỔ

Lầu cao trải qua bao năm tháng,
Cảnh đẹp khe vắng, nửa phần hoang vu.
Bếp chay khói lạnh, cỏ xuân xơ xác;
Thềm hoa sương buốt, gió đông lạnh lùng.
Quanh rừng, chim linh thước nương vào cây lạnh;
Gõ án, thầy tăng nghèo đốt nén hương thơm.
Nghìn xưa bằn bặt, di tích vẫn còn đó,
Buổi mai qua đi, rồi lại chiều hôm.

DỊCH THƠ:

Trải bấy "sương sao" nọ phật đường,
Cảnh thanh khe vắng nửa hoang lương.
Khói tiêu bếp oản, bơ xờ cỏ;
Gió lộng thềm hoa, lạnh lẽo sương.
Linh thước quanh rừng nằm giữ tổ;
Bần tăng trước án cúi dâng hương.
Nghìn năm quạnh quẽ còn di tích,
Bóng sớm mai qua lại tịch dương.

Đào Phương Bình

63. 齋宮侍漏

荊陽丹就委軒弓
無計攀髯訴太空
九級上陽瞻影帳
五更著作點寒鍾
應門殿閣趨陪阻
沛邑山陵夢寐中
起祝天安秋夜月
蟾光願照蟻臣衷

PHIÊN ÂM:

TRAI CUNG THỊ LẬU

Kinh dương đan tựu uỷ Hiên cung,
Vô kế phàn nhiêm tố thái không.
Cửu cấp Thượng Dương chiêm ảnh trướng;
Ngũ canh Trước Tác điểm hàn chung.
Ứng Môn điện các xu bồi trở;
Bái ấp sơn lăng mộng mị trung.
Khởi chúc Thiên An thu dạ nguyệt,
Thiềm quang nguyện chiếu nghĩ thần trung.

DỊCH NGHĨA:

TRỰC GIỜ Ở TRAI CUNG [1]

Luyện đan ở phía nam Kinh Sơn xong, bỏ lại cung Hiên Viên,[2]
Không cách nào bám được râu rồng, đành kêu trời.[3]
Nhìn bóng trướng ngả trong cung Thượng Dương chín bệ;[4]
Chuông lạnh điểm bên lầu Trước Tác lúc canh năm.[5]
Đi tới cung điện Ứng Môn, thật nhiều cản trở;[6]

Lăng miếu ấp Bái, chỉ thấy trong giấc mơ.(7)
Dậy cầu chúc ở điện Thiên An dưới trăng đêm thu,(A)
Xin ánh trăng hãy soi thấu tấm lòng kẻ bầy tôi nhỏ mọn.

NGUYÊN CHÚ:

A.Điện Kính Thiên, còn có tên là điện Thiên An.

CHÚ THÍCH:

1.Trai cung: Cung điện để vua ở trai giới khi có tế lễ lớn.

2,3.Theo truyền thuyết thì, Hoàng Đế lấy đồng ở núi Thú Sơn đúc ba chiếc đỉnh ở phía nam Kinh Sơn, sau đó cưỡi rồng bay lên tiên, bỏ lại chiếc cung lớn (cung Hiên Viên). Kẻ tùy tòng bèn vội bám râu rồng mà lên theo, nhưng râu rồng bị đứt, nên không theo vua được.

4.Thượng Dương: Tên cung điện trong cung vua.

5.Trước tác: Chức vụ trong tòa Hàn lâm, chuyên biên soạn Quốc sử.

6.Ứng Môn: Nơi cửa chính của Thiên tử.

7.Ấp Bái: Tức huyện Bái, quê Hán Cao Tổ. Có lẽ ở đây chỉ cố hương chúa Trịnh.

DỊCH THƠ:

Luyện thuốc xong rồi bỏ lại cung,
Kêu trời không kế bám râu rồng.
Thượng Dương chín cấp mờ non trướng;
Trước tác năm canh lạnh điểm chuông.
Điện các Ứng Môn bao cách trở;
Sơn lăng Bái ấp luống mơ màng.
Cầu trăng thu điện Thiên An nọ,
Trăng hãy soi thần dạ kiến ong.

Đào Phương Bình

64. 玩蟾秋霽

三峽來龍事甚幽
養魚池外玉河洲
銀虹邀月花磚古
金鳳翔風柳陌頭

行殿雲環球影曙

周廬星拱斗聲秋

鼎湖縹緲橋依在

遙憶衣冠幾度遊

PHIÊN ÂM:

NGOẠN THIỀM THU TỄ

Tam Giáp lai long sự thậm u,
Dưỡng ngư trì ngoại Ngọc Hà châu.
Ngân hồng yêu nguyệt hoa chuyên cổ;
Kim phượng tường phong liễu mạch đầu.
Hành điện vân hoàn cầu ảnh thự;
Chu lư tinh củng đẩu thanh thu.
Đỉnh Hồ phiếu diểu kiều y tại,
Dao ức y quan kỉ độ du.

DỊCH NGHĨA:

ĐÊM THU TẠNH NGẮM TRĂNG

Long mạch[1] từ Tam Giáp dẫn đến, việc rất u huyền,[A]
Bãi Ngọc Hà ở phía ngoài ao nuôi cá,[B]
Cầu vồng bạc đón trăng, trên nền gạch hoa đã cũ;
Chim phượng vàng liệng gió, phía đầu đường liễu.
Mây quấn quanh hành điện, bóng ngọc rực sáng;[2]
Sao chầu về chòi canh, tiếng điêu đẩu lạnh lùng.[3]
Chuyện Đỉnh Hồ mờ mịt, chiếc cầu vẫn còn đó,[4]
Nhớ xưa, đã mấy lần áo mũ chơi ở nơi đây.

NGUYÊN CHÚ:

A.Tam Giáp tức, Hát Môn, Tô Quang và Ngọc Hà.

B.Hồ Kim Liên là ao nuôi cá thời Trần.

CHÚ THÍCH:

1.Long mạch: Theo thuật phong thủy thì, núi chúa (chủ sơn) là "lai long" (nơi long mạch dẫn đến), vì các mạch đổ đi khắp nơi đều xuất phát từ đấy.

2.Hành điện, cũng như hành cung, là cung điện được dựng ngoài hoàng thành, dùng làm nơi vua nghỉ lại khi đi ra ngoài.

3.Điêu đẩu, một loại dụng cụ đúc bằng đồng chứa được khoảng một đấu gạo dùng khi hành quân, ban ngày làm nồi nấu ăn, ban đêm thay mõ khi canh phòng.

4.Đỉnh Hồ: *Sử kí, Phong thiện thư* chép: Hoàng Đế đúc vạc ở dưới núi Kinh Sơn, đúc xong cưỡi rồng bay lên trời. Người đời sau đặt tên núi ấy là Đỉnh Hồ. Trong văn thơ dùng" rồng bay Đỉnh Hồ" để chỉ vua đã từ trần.

DỊCH THƠ:

Long từ Tam Giáp mạch tuôn ra,
Ao cá ngoài kia bãi Ngọc Hà.
Liệng gió phượng vàng, đường rủ liễu;
Đón trăng cầu bạc, gạch lồng hoa.
Mây quanh hành điện, ngà soi bóng;
Sao hướng chòi canh, mõ giội xa.
Mờ mịt Đỉnh Hồ, cầu vẫn đó,
Năm nào áo mũ nhớ chơi qua.

Đào Phương Bình

65. 記行書示武灝澤

一年三度到南關
梅雪侵人鬢已斑
澗石滿裝遊子橐
山溪頻送使君鞍
簡書絡繹邊籌緊
琴劍倭遲世路艱
策勵與君先有夢
馳驅自信此心丹

PHIÊN ÂM:

KÝ HÀNH THƯ THỊ VŨ HẠO TRẠCH

Nhất niên tam độ đáo Nam Quan,
Mai tuyết xâm nhân mấn dĩ[a] ban.
Giản[b] thạch mãn trang du tử thác;

Sơn khê tần tống sứ quân an.
Giản thư lạc dịch biên trù khẩn;
Cầm kiếm ủy trì thế lộ gian.
Sách lệ dữ quân tiên hữu mộng,
Trì khu tự tín thử tâm đan.

DỊCH NGHĨA:

GHI CHÉP LÚC ĐI ĐƯỜNG VIẾT GỬI CHO VŨ HẠO TRẠCH [1]

Một năm ba lượt đến ải Nam Quan,
Dầm dãi tuyết sương, mái tóc đã đốm bạc.
Đá suối chất đầy bao túi người du tử;
Khe núi luôn đưa tiễn yên ngựa sứ quân.
Thư trát liên miên, việc biên khu khẩn cấp;
Gươm đàn dùng dắng, đường đời long đong.
Trước tiên muốn khuyên ông hãy cố gắng,
Tấm lòng son ấy, tự tin trong bước ruổi rong.

KHẢO DỊ:

a.Bản A.117c/1: Lưỡng 兩.

b.Bản VHv.1743/22, VHv.16/3: Động 洞.

CHÚ THÍCH:

1.Vũ Hạo Trạch, tức Vũ Huy Tấn.

66. 記事

旌節團團護使軺
日馳精騎夜傳刁
中原自許同心會
大將原防落魄驕
兩國圖書非可陷
六經甲冑不曾燒
先皇威德方昭裕
萬里亨衢好並鑣

PHIÊN ÂM:

KÝ SỰ

Tinh tiết đoàn đoàn hộ sứ thiều,
Nhật trì tinh kỵ dạ truyền điêu.
Trung Nguyên tự hứa đồng tâm hội;
Đại tướng nguyên phòng lạc phách kiêu.
Lưỡng quốc đồ thư phi khả hám;
Lục kinh giáp trụ bất tằng thiêu.
Tiên hoàng uy đức phương chiêu dụ,
Vạn lý hanh cù hảo tịnh biều.

DỊCH NGHĨA:

GHI VIỆC

Từng đoàn, từng đoàn cờ tiết, hộ vệ xe sứ thần,
Ngày ruổi ngựa hay, đêm truyền tin thất thiệt.
Trung Nguyên từ buổi cho mở hội đồng tâm;[1]
Bậc đại tướng nguyện phòng bước ngựa đi lạc lối.
Đồ thư hai nước không có thể nuốt trôi;[2]
Giáp trụ, Lục kinh còn chưa bị thiêu huỷ.[3]
Uy đức Tiên hoàng ta đang kỳ tỏ soi,[4]
Đường vạn dặm hanh thông, ung dung vó ngựa.

CHÚ THÍCH:

1.Ý nói, nhà Thanh (Trung Nguyên) đồng ý cho nhà Tây Sơn thông hiếu, cử sứ thần qua lại.

2.Đồ thư: Sách vở, tài liệu nói chung. Ý nói, tài liệu sách vở hiện không bị quân giặc cướp đi như thời giặc Minh xâm lược.

3.Giáp trụ: Binh phục.

Lục kinh: Thi, Thư, Dịch, Lễ, Nhạc, Xuân thu, do Khổng Tử san đính. Sau kinh Nhạc thất truyền, nên gọi Ngũ kinh.

4.Tiên hoàng, chỉ vua Quang Trung.

67. 書餞侍郎典玉侯奉使

聖朝講信重交鄰
周道皇華簡閣臣

鳳詔捧從炎海日
鵬鴒飛卻熱河雲
中原自古舟車地
儒者由來宇宙身
指日談功朝帝闕
梅花占取錦袍春

PHIÊN ÂM:

THƯ TIỄN THỊ LANG ĐIỂN NGỌC HẦU PHỤMG SỨ

Thánh triều giảng tín trọng giao lân,
Chu đạo hoàng hoa giản các thần.
Phượng chiếu phủng tòng viêm hải nhật;
Bằng linh phi khước Nhiệt Hà vân.
Trung Nguyện tự cổ chu xa địa;
Nho giả do lai vũ trụ thân.
Chỉ nhật đàm công triều đế khuyết,
Mai hoa chiếm thủ cẩm bào xuân.

DỊCH NGHĨA:

VIẾT TIỄN QUAN THỊ LANG ĐIỂN NGỌC HẦU
VÂNG MỆNH ĐI SỨ[1]

Thánh triều giữ chữ tín, trọng việc giao hảo với lân bang,
Nên chọn bầy tôi trong Nội các, ruổi rong trên đường đi sứ.
Bưng chiếu phượng từ nơi mặt trời vùng Viêm Hải; [2]
Liệng cánh chim bằng bay tới đám mây Nhiệt Hà.[3]
Vùng Trung Nguyên từ xưa, vẫn là đất xe, thuyền [tấp nập];[54]
Tấm thân nhà nho, việc trong vũ trụ vốn phải lo toan.[5]
Chẳng bao lâu sẽ về chầu cửa khuyết để dâng công trạng,
Chiếm được hoa mai, khiến áo cẩm bào đẹp vẻ xuân.[6]

CHÚ THÍCH:

1.Điển Ngọc hầu: Chưa rõ là ai.

2.Tờ chiếu Phượng: Tờ chiếu của nhà vua.

Viêm Hải (biển nóng): Chỉ biển phương nam, ở đây mượn để chỉ nước ta.

3.Chim bằng, một loại chim lớn, theo truyền thuyết có thể bay 9 vạn dặm, thường dùng để chỉ người có chí lớn hoặc đi xa, ở đây chỉ sứ giả.

Nhiệt Hà, vùng biển phía đông Trung Quốc, là nơi nghỉ mát của các vua nhà Thanh.

4.Trung Nguyên: Xem chú thích số1, bài 65.

5.Tấm thân lo việc trong vũ trụ: Lục Cửu Linh người đời Tống thường nói: Việc trong vũ trụ tức là việc làm trong bổn phận của ta. Việc làm trong bổn phận của ta tức là việc ở trong vũ trụ.

6.Câu này ý nói, thành tích sẽ được xếp vào loại một, cũng như hoa mai nở trước các loài hoa.

68. 閱詩

清夜寢不寐
點燈觀古詩
百家各机杼
奧古惟陶韋
陶詩滴葉雨
韋詩走盤磯
肅瑟與活動
殊趣而同歸
舉目忙應接
定心學博依
風來萬樹舞
雲霽千山輝
事理只如此
靜觀自得之
行年幾五十
自笑徒嬉隨

觀於古之人
歎然乃自知
連篇飽咕嗶
雖多奚以爲
反而求五經
言詩其庶幾
此意更何如
瓊林幾個枝

PHIÊN ÂM:

DUYỆT THI

Thanh dạ tẩm bất my,
Điểm đăng quan cổ thi.
Bách gia các cơ trữ,
Áo cổ duy Đào Vi.
Đào thi trích diệp vũ,
Vi thi tẩu bàn ky,
Tiêu sắt dữ hoạt động.
Thù thú nhi đồng quy,
Cử mục mang ứng tiếp,
Định tâm học bác y,[(a)]
Phong lai vạn thụ vũ.
Vân tề thiên sơn[(b)] *huy,*
Sự lí chỉ như thử.
Tĩnh quan tự đắc chi,
Hành niên cơ ngũ thập.[(c)]
Tự tiếu đồ hi[(d)] *tuỳ,*
Quan ư cổ chi nhân.
Khiểm nhiên nãi tự tri,
Liên thiên bão chiêm tất.

Tuy đa hề dĩ vi,[e]
Phản nhi cầu Ngũ kinh.
Ngôn thi kì thứ kỷ.
Thử ý cánh hà như,
Quỳnh lâm kỷ cá chi.

DỊCH NGHĨA:

XEM THƠ

Đêm thanh vắng, nằm không ngủ được,
Đốt đèn lên, đọc thơ xưa.
Trăm nhà, mỗi nhà một phong cách,
Sâu xa, cổ kính chỉ có họ Đào họ Vi.(1)
Thơ Đào tựa mưa rơi trên lá,
Thơ Vi như ngọc chạy trên bàn.
Hắt hưu và sinh động,
Khác hướng đi, nhưng cùng về một đích.
Ngước mắt lên, thì bận về ứng đối,
Định tâm lại, thấy cần học rộng thêm.
Gió về, muôn cây vui múa,
Mây quang, nghìn núi sáng trưng.
Sự lý chỉ là như vậy,
Lặng lẽ ngắm xem, sẽ tự nhận hiểu.
Năm nay, gần năm chục tuổi,
Tự cười mình, cứ vui chơi hoài.
Xem thấy ở người xưa,
Mới tự biết mình còn thiếu nhiều điều.
Mê man đọc no chán hết thiên này đến thiên khác,
Tuy đọc nhiều đấy, nhưng để làm gì?
Thôi trở lại tìm đọc Ngũ kinh,(2)
May ra mới bàn được về thơ.
Ý nghĩ ấy phải như thế nào?
Bởi rừng Quỳnh được mấy cành?(3)

KHẢO DỊ:

a.Bản VHv.1743/22: Y衣.

b.VHv.1743/22: Thiên cổ 千古.

c.Bản A.117c/1: Cận thập tứ 近四十.

d.Bản A.117c/1: Hy 嘻.

e.Bản VHv.16/3: Tuy nhiên 雖然.

CHÚ THÍCH:

1.Họ Đào, tức Đào Tiềm, nhà thơ nổi tiếng đời Tấn.

Họ Vi, tức Vi Ứng Vật, cũng là nhà thơ lớn đời Đường.

2.Ngũ Kinh: *Kinh Thi, Thư, Dịch, Lễ, Xuân Thu*, những bộ sách kinh điển của nhà nho.

3.Rừng Quỳnh, tức vườn Quỳnh Lâm, nơi nhà vua mở yến tiệc chiêu đãi những người dậu Tiến sĩ. Ở đây mượn để chỉ những người bạn trên văn đàn.

69. 寄寶篆陳黃甲

廣信難爲朱子事
常行誰識白丁名
鵲巢頂上非吾黨
蛛網眉間也世情
凌雪丈夫緣骨勁
可泥君子爲心明
閒來每閱天台賦
未許山人躡蹻行

PHIÊN ÂM:

KÝ BẢO TRIỆN TRẦN HOÀNG GIÁP

Quảng tín nan vi Chu Tử sự,
Thường hành thùy thức bạch đinh danh.
Thước sào đỉnh thượng phi ngô đảng;
Thù võng mi gian dã thế tình.

Lăng tuyết trượng phu duyên cốt kính;
Khả[a] *nê quân tử vị tâm minh.*
Nhàn lai mỗi duyệt Thiên Thai phú,
Vị hứa sơn nhân nhiếp kiểu hành.

DỊCH NGHĨA:

GỬI ÔNG HOÀNG GIÁP HỌ TRẦN Ở LÀNG BẢO TRIỆN[1]

Tin nhiều hiểu rộng, khó làm được việc như Chu Tử,[2]
Việc làm bình thường, thì ai biết tới tên tuổi hạng bạch đinh?[3]
Để chim thước làm tổ trên đầu, không phải là bọn ta;[4]
Để nhện giăng tơ qua mi, là chuyện thường tình ở đời.[5]
Đấng trượng phu xông pha sương tuyết, bởi cốt cách cứng rắn;
Người quân tử có thể ở gần bùn, vì lòng vẫn sáng trong.
Phú "Động Thiên Thai," khi nhàn thường đọc,[6]
Nhưng chưa cho phép làm người trên non, dận dép ra đi.

KHẢO DỊ:

a.Bản A.117c/1: Xuất 出.

CHÚ THÍCH:

1.Trần Hoàng Giáp: Trần Danh Án (1754-1794), người làng Bảo Triện, huyện Gia Bình (Nay là Gia Lương) tỉnh Bắc Ninh. Đỗ Hoàng giáp năm 1787. Khi Chiêu Thống chạy sang nhà Thanh, ông ốm không theo được, trốn về quê, tụ tập binh lính chống lại Tây Sơn. Nguyễn Huệ và Ngô Thì Nhậm nhiều lần gửi thư mời ra, nhưng ông từ chối, quyết cô trung với nhà Lê.

2.Chu Tử, tức Chu Hy, nhà lý học nổi tiếng đời Tống, ông cũng là người chú giải *Tứ thư* và *Ngũ kinh*.

3.Bạch đinh: Người dân bình thường.

4.Chim thước làm tổ: Đức Như Lai xưa ngồi tu đạo ở núi Tuyết Sơn, chim thước bay đến làm tổ trên đầu, vẫn cứ ung dung ngồi thiền định.

5.Nhện giăng màng qua mi: Chưa rõ điển cố.

6.Động Thiên Thai: Xem chú thích số 5, bài số 56.

DỊCH THƠ:

Tin xằng khó học làm Chu Tử,
Tài đớn ai thèm biết bạch đinh.
Thước tổ đỉnh đầu, không giống kiểu;
Nhện giăng mi mắt, cũng thường tình.
Trượng phu vượt tuyết xương còn cứng,

Quân tử gần bùn chí vẫn minh.
Đọc phú Thiên Thai ngày rảnh rỗi,
Chưa đành dận dép tếch non xanh.

Đào Phương Bình

70. 山行

和天一氏之作

古不笑今今笑古
古人曾走今人路
古人豈厭今人來
今人實由古人户
世途欹側古如斯
何人飛身入印度
總之奔馳古如今
今吾故吾不改故
成都有樹八百株
流馬何驅祈山鏬
謝石豈無會稽山
何事圍棋勞散步
人之有技如有名
無技無名誰肯顧
問渠何名三清山
山實誤渠渠不悟
渠有風月予文章

想念與渠非交妒

豈文章忙風月間

予渠相知莫相侮

吟成高聲喚山靈

山若有靈聽予喻

PHIÊN ÂM:

SƠN HÀNH

HOẠ THIÊN NHẤT THỊ CHI TÁC

Cổ bất tiếu kim, kim tiếu cổ,
Cổ nhân tằng tẩu kim nhân lộ.
Cổ nhân khởi yếm kim nhân lai.
Kim nhân thực do cổ nhân hộ,
Thế đồ khi trắc[a] cổ như tư.
Hà nhân phi thân nhập Ấn Độ,
Tổng chi bôn trì cổ như[b] kim.
Kim ngô cố ngô[c] bất cải cố,
Thành Đô hữu thụ bát bách châu.
Lưu mã hà khu Kì sơn hộ,
Tạ thạch khởi vô Cối Kê sơn.
Hà sự vi kỳ lao tản bộ,
Nhân chi hữu kỹ như hữu danh.
Vô kỹ vô danh thùy khẳng cố,
Vấn cừ hà danh Tam Thanh sơn,
Sơn[d] thực ngộ cừ, cừ bất ngộ.
Cừ hữu phong nguyệt, dư văn chương,
Tưởng niệm[e] dữ cừ phi giao đố.
Khởi văn chương mang, phong nguyệt nhàn,
Dư cừ tương tri mạc tương vụ.
Ngâm thành cao thanh hoán sơn linh,
Sơn nhược hữu linh thính dư dụ.

DỊCH NGHĨA:

ĐI ĐƯỜNG NÚI
HOẠ BÀI THƠ CỦA THIÊN NHẤT[1]

Xưa không cười nay, nay cười xưa,
Người xưa, từng đi con đường của người nay.
Người xưa, đâu có chán ghét người nay đi tới,
Người nay, thực từ cửa người xưa mà ra.
Đường đời nghiêng ngả, từ xưa vẫn như thế,
Nào ai đã cất mình bay được vào Ấn Độ?[2]
Tóm lại, việc bôn tẩu ruổi rong, thì xưa cũng như nay.
Ta nay và ta xưa, đều không có gì thay đổi,
Nếu ở Thành Đô, cứ trồng tám trăm gốc [dâu].[3]
Thì xe lưu mã, đâu phải dong ruổi ở hẻm Kỳ Sơn?[4]
Tạ Thạch đâu có phải không có núi Cối Kê,[5]
Việc gì phải đánh cờ và tản bộ cho mệt sức.[6]
Người ta có nghề cũng như có danh,
Không nghề không danh, thì ai thèm đoái hoài đến.
Hỏi nó vì sao lại có tên núi Tam Thanh?[7]
Thực ra, núi làm tên đó lầm lỡ, chứ tên đó không
tự lầm lỡ.
Nó có gió trăng, ta có văn chương,
Nghĩ rằng, ta với nó không ghen ghét gì nhau.
Phải chăng, chuyện văn chương thì bận bịu, mà trăng
gió thì thư nhàn?
Ta với nó đã hiểu biết nhau, chẳng hề coi thường nhau.
Thơ làm xong, cao giọng ngâm, gọi vị thần linh của núi,
Núi nếu có thiêng, hãy nghe lời thơ của ta!

KHẢO DỊ:

a.Bản A.117c/1: Tối 最.
b.Bản A.117c/1: Do 猶.
c.Bản A.117c/1: Cố ngô kim ngô 故吾今吾.
d.Bản A.117c/1: Danh 名.
e.Bản A.117c/1: Dư 予; bản VHv.1743/22 và bản VHv.16/3: Kim 今.

CHÚ THÍCH:

1.Phạm Thiên Nhất: Chưa rõ thân thế.

2.Ấn Độ là nước phát sinh ra Phật giáo. Trong thơ ý nói, nào đã có ai tu thành Phật.

3.Khi Khổng Minh còn ở ẩn ở Thành Đô, trước nhà có trồng 800 gốc dâu và cầy 15 khoảnh ruộng; cuộc sống đầy đủ không màng danh lợi.

4.Xe lưu mã, loại xe tự động do Khổng Minh chế tạo để chở lương thực, vũ khí khi đánh nhau với quân Ngụy ở hẻm Kì Sơn.

5.Tạ Thạch, tức Tạ An, một nhà quân sự giỏi đời Tấn, ở ẩn gần cuối đời mới ra giúp Hoàn Ôn.

Cối Kê, tên núi ở phía đông nam huyện Thiệu Hưng, tỉnh Triết Giang, là căn cứ của Việt Vương Câu Tiễn khi đánh Ngô Phù Sai và cũng là nơi ẩn của Tạ An trước khi nhận lời mời của Hoài Ôn ra làm Tư mã.

6.Đánh cờ: Tài của Tạ An thể hiện ở chỗ vừa đánh cờ vừa đánh tan quân Bồ Kiên.

7.Nó (cừ) Theo văn cảnh chữ "Cừ" chỉ núi Tam Thanh ở thị xã Lạng Sơn.

71. 贈中書紀善侯並語

茲者：

保釐振政；衮繡言旋。

瞻粹表於承明；奏風詩於溫室。

黃髮熙朝是式，洵宜前席之密陪；碩膚新國具瞻，奚罄高山之翹仰。

唐詩一首；聊寓寸懷：

風於春令日於冬

咸感常存至愛中

恂慄威儀淇上竹

堅剛器宇歲寒松

垂紳合當來元老

免胄眞如憶令公

絳闕雲高韶護邇

柳營依約太清鍾

PHIÊN ÂM:

TẶNG TRUNG THƯ KỶ THIỆN HẦU TỊNH NGỮ

Tư giả:

Bảo ly chấn chính;[a] *cổn tú ngôn tuyền.*

Chiêm tuý biểu ư thừa minh; tấu phong thi ư ôn thất.

Hoàng phát hy triều thị thức, tuân nghi tiền tịch chi mật hồi; thạc lỗ tân quốc cụ chiêm, hề khánh cao sơn chi kiều ngưỡng.

Đường thi nhất thủ, liêu ngụ thốn hoài:

Phong ư xuân lệnh nhật ư đông,
Hàm cảm thường tồn chí ái trung.[b]
Tuân lật uy nghi Kỳ thượng trúc;
Kiên cương khí vũ tuế hàn tùng.
Thùy thân hợp đáng lai nguyên lão,
Miễn trụ chân như ức lệnh công.
Giáng khuyết vân cao[c] *Thiều Hộ nhĩ;*
Liễu doanh y ước Thái Thanh chung.

DỊCH NGHĨA:

TẶNG QUAN TRUNG THƯ KỶ THIỆN HẦU[1] KÈM LỜI DẪN

Ngày nay:

Sửa sang chính sự; áo gấm trở về.

Xem tờ biểu tươi sáng ở điện Thừa Minh;[2] tâu bài thơ phong nhã ở phòng Ôn Thất.[3]

Râu tóc vàng, làm cho triều thịnh phải kính, thân mật hầu trước chiếu thật nên; công trạng lớn, khiến cho nước mới đều trông, nghển kiễng ngắm non cao đâu hết.

Thơ Đường một vận, tạm gửi tấc lòng:

Gió mùa xuân và mặt trời mùa đông,
Đều cảm thấy vẫn còn mãi niềm yêu thương rất mực.
Như trúc bờ sông Kỳ, uy nghi kính cẩn;[4]
Tựa thông trong mùa lạnh, tư thế kiên cường.
Rủ đai áo, vừa đúng đến với bậc nguyên lão;

Bỏ mũ trụ, thật sự nhớ tới ông nhà.
Cửa son, mây thì cao, mà tiếng nhạc Thiều Hộ thì gần,(5)
Trại doanh liễu, chuông lầu Thái Thanh phảng phất.(6)

KHẢO DỊ:

a.Bản VHv.1743/22: Báo chính 報政.

b.Bản VHv.1743/22: Hải trung 海中.

c.Bản VHv.1743/22: Vân khai 雲開.

CHÚ THÍCH:

1.Kỷ Thiện hầu, tức Trần Văn Kỷ, người tiến cử Ngô Thì Nhậm cho Nguyễn Huệ, năm 1787.

2.Điện Thừa Minh: Là nơi để bầy tôi đến chờ chực việc công. Điện này có từ đời Hán.

3.Ôn thất: Nhà do Hán Vũ Đế dựng nên để ở cho ấm khi mùa đông đến.

4.Cây trúc bên sông Kỳ: Thơ Kỳ úc ở *Vệ phong, Kinh Thi,* ca ngợi Vệ Võ Công là bậc quân tử có đức độ biểu hiện đáng kính.

5.Thiều Hộ, tên một khúc nhạc do vua Thang đời nhà Ân làm ra, sau dùng để chỉ khúc nhạc sáng tác trong cung đình.

6.Trại doanh liễu, là nơi đóng quân của Chu Á Phu tướng nhà Hán ở đất Tế Liễu. Sau dùng để chỉ nơi đóng quân nói chung.

Lầu Thái Thanh, nơi vua nhà Tống dùng để thết yến các bậc đại thần.

DỊCH THƠ:

Gió xuân, vầng nhật sưởi mùa đông,
Trìu mến ghi sâu tại đáy lòng.
Khí phách kiên cường tùng tháng rét;
Uy nghi đĩnh đạc trúc bờ sông.
Rủ đai đáng trọng người nguyên lão;
Treo mũ càng khen đấng lệnh công.
Cung khuyết mây cao gần tiếng nhạc,
Liễu doanh xa vọng mấy hồi chuông.

Đào Phương Bình

72. 和眷弟同樂氏並語

同樂君衛我于艱，履跋江湖，以有今日。一味恬淡，寒齋守約。雖我能吹噓人溫飽人，而粗糞糲飯，破帽敝裘，不與易也。此其志可尚其操可敬。今我以次子某與之同居，甥舅天屬，豈須以寒溫爲託，相勉

進修，學加勤行加勵。此我所深望也。此次入覲春京，屈指回軺，又當在今日梅魁時侯，入以詩相贈，因書復之。

陽關三疊見勤拳
字字情懷相萬千
君返故鄉饒樂地
我來上國共長天
暇豫幸今逢旦旦
怡愉向後度年年
贈君處約無他語
斟酌清和養浩然

PHIÊN ÂM:

HOẠ QUYẾN ĐỆ ĐỒNG LẠC THỊ TỊNH NGỮ

Đồng Lạc quân vệ ngã vu gian, lý bạt giang hồ, dĩ hữu kim nhật. Nhất vị điềm đạm,[a] hàn trai thủ ước. Tuy ngã năng suy hư nhân ôn bão nhân, nhi thô canh lệ phạn, phá mạo xưởng cừu, bất dữ dị dã. Thử kỳ chí khả thượng kỳ tháo khả kính. Kim ngã dĩ thứ tử mỗ[b] dữ chi đồng cư, sanh cữu thiên thuộc, khởi tu dĩ hàn ôn vi thác, tương miễn tiến tu, học gia cần hành gia lệ. Thử ngã sở thâm vọng dã. Thử thứ nhập cận Xuân kinh,[c] khuất chỉ hồi thiều,[d] hựu đương tại kim nhật mai khôi thời hậu, nhập[e] dĩ thi tương tặng, nhân thư phục chi.

Dương Quan tam điệp hiện cần quyền,
Tự tự tình hoài tương vạn thiên.
Quân phản cố hương nhiêu lạc địa;
Ngã lai thượng quốc, cộng trường thiên.
Hạ dự hạnh kim phùng đán đán;
Di du hướng hậu độ niên niên.
Tặng quân xử ước vô tha ngữ,
Châm chước thanh hoà dưỡng hạo nhiên.

DỊCH NGHĨA:

HOẠ BÀI THƠ CỦA NGƯỜI EM HỌ LÀ ĐỒNG LẠC[1]
KÈM LỜI DẪN

Em Đồng Lạc giúp ta trong lúc gian nan, từng phải băng sông vượt hồ, mới có được ngày nay. Em là người luôn luôn điềm đạm, giữ mực thanh bần. Tuy ta có thể hà hơi cho người, làm no ấm cho người, thế nhưng em vẫn canh xoàng cơm hẩm, áo rách mũ tàng, một mực như xưa. Đó là cái chí của em đáng trọng, cái nết của em đáng kính. Nay ta đưa con thứ hai "mỗ" đến cùng ở với em, cậu cháu là chỗ tình thân thích, đâu phải gửi gắm để chăm lo lúc nóng lạnh, mà cốt để cậu cháu khuyên nhau tu thân tiến bộ, học cho chăm, hành cho gắng. Đó là điều trông mong sâu sắc của ta vậy. Lần này, ta vào triều kiến ở kinh đô Phú Xuân, chẳng mấy chốc sẽ quay xe trở về, có lẽ vào đúng mùa hoa mai nở năm nay. Em đem thơ tặng ta, do đó ta viết bài thơ này họa lại):

Ba lần hát khúc Dương Quan, thể hiện sự ân cần,[2]
Mỗi chữ mỗi tâm tình, muôn ngàn gắn bó.
Em trở về quê, nơi dào dạt nguồn vui;
Ta đến thượng quốc, với cảnh trời xa thẳm.
Trước mắt, ngày ngày may được nhàn rảnh,
Về sau, năm năm sẽ hưởng yên vui.
Tặng em lời kiệm ước, không lời nào khác,
Châm chước "thanh hoà" để dưỡng khí hạo nhiên.[3]

KHẢO DỊ:

a.Bản A.117c/1: Thanh đạm 清淡.

b.Bản A.117c/1: Nghi 儀.

c.Bản A.117c/1: Yên kinh 燕京.

d.Bản A.117c/1: Hồi mã 回馬.

e.Bản A.117c/1: Công 公.

CHÚ THÍCH:

1.Đồng Lạc: Chưa rõ tên húy, là em vợ cả Ngô Thì Nhậm ở Bách Tính, đạo Sơn Nam (Vũ Thư, Thái Bình), nơi Ngô Thì Nhậm lánh nạn, năm 1782-1786.

2.Khúc Dương Quan: Vương Duy, nhà thơ đời Đường, bẻ cành liễu tặng người bạn đi xa và tặng bài thơ nhắc đến Dương Quan là tên cửa ải miền Cam Túc xa xôi. Cho nên, Dương Quan là khúc hát tặng biệt.

3."Thanh" "hòa": Sách *Mạnh Tử* chép: "Bá Di là thánh chí thanh; Liễu Hạ Huệ là thánh chí Hoà." Ở đây tác giả khuyên em nên cư xử sao cho vừa phải, đừng lệch lạc. Khí hạo nhiên là khí quang minh chính đại, có khi còn gọi là chính khí.

73. 泣弟學遜氏

思公一度一霑襟
公沒伊誰識我心
天上有人朝北斗
世間無價買南金
一家翰柳誠難事
兩處牙期杳好音
英發精神應不死
至人變化老松林

PHIÊN ÂM:

KHẤP ĐỆ HỌC TỐN THỊ

Tư công nhất độ nhất chiêm khâm,
Công một y thùy thức ngã tâm.
Thiên thượng hữu nhân triều Bắc Đẩu;
Thế gian vô giá mãi Nam câm.
Nhất gia Hàn Liễu thành nan sự;
Lưỡng xứ Nha Kỳ yểu hảo âm.
Anh phát tinh thần ưng bất tử,
Chí nhân biến hóa lão tùng lâm.

DỊCH NGHĨA:

KHÓC EM HỌC TỐN[1]

Mỗi lần nhớ ông, là một lần vạt áo đẫm nước mắt,
Ông mất đi, ai người hiểu biết lòng ta?
Trên trời, có người chầu sao Bắc Đẩu;[2]
Thế gian, không giá nào mua nổi Nam kim.[3]
Hàn, Liễu một nhà, thực là việc khó;[4]
Nha, Kỳ đôi nẻo bặt âm tín hay.[5]
Anh hoa phát tiết ra tinh thần, nên chẳng chết,
Bậc "chí nhân" biến hóa mãi nơi rừng thông.[6]

CHÚ THÍCH:

1.Học Tốn, tức Ngô Thì Chí, (xem chú thích số 1, bài 3).

2.Bắc Đẩu, tên chòm sao phía Bắc cực. Ở đây, nói tinh thần của Học Tốn bất tử.

3.Nam kim (vàng ở phía Nam) theo chú thích xưa, tức là vàng ở "Kinh Dương", loại vàng mười rất có giá trị. Trong thơ dùng để ca ngợi Học Tốn.

4.Hàn, Liễu: tức Hàn Dũ và Liễu Tông Nguyên, hai nhà văn lớn đời Đường. Ở đây tác giả mượn để nói anh em tác giả tài chẳng kém gì Hàn, Liễu mà chẳng được sống gần nhau.

5.Nha, Kỳ: Tức Bá Nha và Chung Tử Kỳ, hai người bạn tri âm xưa. Đây tác giả mượn để nói anh em tác giả vừa là tình anh em ruột thịt, vừa là tình bạn tri kỉ tri âm.

6.Bậc chí nhân: Là con người có tài đức tột bậc. Ý thơ, ca ngợi khí tiết của em mình như loài tùng bách.

DỊCH THƠ:

Nhớ ông mỗi lúc lệ tuôn đầm,
Ông mất còn ai hiểu trái tim.
Thượng giới có người chầu Bắc Đẩu;
Trần gian không giá chước Nam kim.
Một nhà Hàn, Liễu thường khan hiếm;
Hai chốn Nha, Kỳ vắng tiếng tăm.
Phát tiết anh hoa còn sống mãi,
Rừng thông biến hoá biết bao năm.

Đào Phương Bình

74. 哀牢貢象奉御敬天樓早朝恭記

紫宸殿上午門開
五色雲籠白玉階
宮扇團團僊杖燦
斑袍簇簇御香來
無方旅實臨王會
有極咸歸拱帝臺
忻幸依光紅日近
順天文物預趨陪

PHIÊN ÂM:

AI LAO CỐNG TƯỢNG PHỤNG NGỰ KÍNH THIÊN LÂU TẢO TRIỀU, CUNG KÝ

Tử Thần điện thượng Ngọ Môn khai,
Ngũ sắc vân lung Bạch Ngọc giai.
Cung phiến đoàn đoàn tiên trượng xán;
Ban bào thốc thốc ngự hương lai.
Vô phương lữ thực lâm vương hội;
Hữu cực hàm qui củng đế đài.
Hân hạnh y quang hồng nhật cận,
Thuận thiên văn vật dự xu bồi.

DỊCH NGHĨA:

NHÂN VIỆC NƯỚC AI LAO CỐNG VOI, PHỤNG MỆNH VÀO CHẦU SỚM Ở LẦU KÍNH THIÊN, KÍNH GHI

Trên điện Tử Thần, cửa Ngọ Môn mở,
Thềm Bạch Ngọc, mây năm sắc phủ che.
Nghi trượng thần tiên sáng chói, hàng hàng quạt trong cung;
Lớp lớp áo bào hoa, hương thơm Ngự điện đưa lại.
Nơi nơi lữ khách tới chầu vương hội;
Chốn chốn đều về triều củng đế đài.
Hân hạnh được gần vừng hồng nương nhờ ánh sáng,
Thuận ý Thiên tử, tới đất văn vật dự hàng theo đòi.

75. 晨赴學即事

宮漏清清點滴蘋
挈壺驚枕報雞人
孳孳意致遵明治
汲汲心中倖聖神
懿德敏求敷律夏
微言宏發凜書春
鼓徵慶睹光天命
願效時肩日又新

PHIÊN ÂM:

THẦN PHÓ HỌC TỨC SỰ

Cung lậu thanh thanh điểm trích tần,
Khiết hồ kinh chẩm báo kê nhân.
Tư tư ý trí tuân minh trị;
Cấp cấp tâm trung hãnh thánh thần.
Ý đức mẫn cầu phu luật Hạ;
Vi ngôn hoằng phát lẫm thư Xuân.
Cổ trưng khánh đổ quang thiên mệnh,
Nguyện hiệu thời kiên nhật hựu tân.

DỊCH NGHĨA:

BUỔI SỚM TỚI NHÀ HỌC, TỨC SỰ

Giọt lậu trong cung tí tách điểm đều,
Quan Khiết hồ giật mình bên gối, lệnh cho người báo sáng.(1)
Ý tứ chăm chắm, noi theo nền chính trị sáng đẹp;(2)
Trong lòng xốn xang, mong được làm tôi bực thánh nhân.
Cần mẫn muốn có đức tốt, thi hành luật nhà Hạ;(3)
Mở rộng lời ẩn vi, kính sợ như đọc kinh Xuân Thu.(4)
Nghe tiếng trống truyền gọi, vui thấy mệnh trời sáng rực,
Luôn luôn xin cố gắng mỗi ngày lại thêm đổi mới.

CHÚ THÍCH:

1.Khiết hồ, quan coi đồng hồ trong cung cấm.

2.Sáng đẹp (minh trị): *Kinh Dịch*, *Thuyết quái:* "Hướng minh nhi trị" (Hướng về ánh sáng mà cai trị), chỉ nền chính trị sáng đẹp.

3.Luật nhà Hạ, là luật ban chính sóc, lấy tháng Dần làm tháng giêng đầu năm.

4.*Kinh Xuân Thu*, tương truyền do Khổng Tử làm ra, có lời khen chê ngắn gọn, kín đáo, mà rất nghiêm minh, mẫu mực.

* * *

菊花詩陣

CÚC HOA THI TRẬN

Sưu tầm, dịch thuật

LÂM GIANG - NGUYỄN THỊ PHƯỢNG
NGUYỄN HUY THỨC - NGUYỄN CÔNG VIỆT

Hiệu đính, giới thiệu

LÂM GIANG

菊花詩陣

CÚC HOA THI TRẬN

Cúc hoa thi trận, theo lời bạt của Nguyễn Cát Du ở cuối sách, thì đây là tập thơ họa nguyên vận với Phan Huy Ích sáng tác nhân ngày tết chơi hoa cúc năm 1796. Căn cứ vào nội dung các bài thơ, thì vào mùa thu năm 1796, Ngô Thì Nhậm cùng với Phan Huy Ích triều cận vua Quang Toản ở Phú Xuân, khi ấy Ngô Thì Nhậm bị ốm, không thường xuyên vào chầu được. Được tin, Phan Huy Ích viết thư thăm hỏi và chủ yếu là tặng cho Ngô Thì Nhậm một bài thơ, có ý muốn học theo Đào Tiềm về ở ẩn, vì triều đình của Quang Toản lúc này rất rối bởi quyền thần Bùi Đắc Tuyên. Ngô Thì Nhậm nhận được thơ, liền phúc đáp lại bằng bài hoạ nguyên vận bài trước của Phan Huy Ích. Sau đó, hai ông cứ đề tài đó xướng hoạ qua lại, trao cho nhau, cuối cùng mỗi người làm được 50 bài, tập hợp thành một tập thơ gồm 100 bài, đặt tên là *Cúc hoa bách vịnh* (Một trăm bài thơ vịnh hoa cúc).

Tập này còn có tên *Cúc đường bách vịnh,* và *Cúc thu bách vịnh*, khi chép trong tùng thư *Ngô gia văn phái* có tên *Cúc thu thi trận* hoặc *Cúc hoa thi trận*, tên do soạn giả của tùng thư đặt ra, vì ở đây chỉ chép 50 bài thơ họa của Ngô Thì Nhậm, nên không thể là "Bách vịnh" được. Lần này chỉ giới thiệu, dịch thuật 50 bài của họ Ngô, vậy xin dùng tên tập thơ *Cúc hoa thi trận* là một trong hai tên như trong *Ngô gia văn phái* đã đặt.

Tập thơ gồm 7 dị bản:

1.*Ngô gia văn phái* VHv.1743/24 gồm 55 tờ, tờ 16 dòng, dòng 21 chữ, viết lối đá thảo, có chấm câu và khuyên đỏ, khổ 29.5x17cm. Tờ đầu tập sách ghi: Tiến sĩ Thượng thư Hi Doãn công di thảo. Tập sách chép 3 tập thơ của Ngô Thì Nhậm:

* Tờ 1a *Cẩm đường nhàn thoại*, 34 bài.

*Tờ 11a *Cúc hoa thi trận*, 50 bài.

*Tờ 28a *Thu cận dương ngôn*, 95 bài.

Bản này chữ viết rõ ràng, đầy đủ, ít sai sót hơn so với những bản khác, nên chọn làm bản *nền* cho tập *Cúc hoa thi trận* này.

2.*Ngô gia văn phái* VHv.1743/15 gồm 95 tờ, tờ 16 dòng, dòng 17 chữ, viết chân phương, khổ 26x15,5. Tên sách, tên tác giả và các tập thơ cũng ghi như bản *nền VHv.1743/24:*

-Tờ 1a tập *Cẩm đường nhàn thoại*, 32 bài thơ.

-Tờ 12a tập *Cúc hoa thi trận*, 50 bài thơ.

-Tờ 31a tập *Thu cận dương ngôn,* 95 bài thơ.

3.*Ngô gia văn phái* VHv.1743/23: Gồm 95 tờ, tờ 16 dòng, dòng 21 chữ, viết chân phương, khổ 27,5x16. Tên sách, tên tác giả cũng ghi như bản *nền VHv.1743/24.* Gồm các tập:

*Tờ 1a *Cúc thu thi trận*, 50 bài.

*Tờ 15b tập *Hoa trình gia ấn*, 109 bài.

*Tờ 59a tập *Thu cận dương ngôn,* 87 bài.

4.*Ngô gia văn phái* VHv.16/12: 56 tờ, tờ 16 dòng, dòng 21 chữ, viết chân phương khổ 26x16. Không ghi tên tác giả ở đầu sách. Gồm 2 tập thơ của Ngô Thì Nhậm:

* Tờ 1a tập *Hoa trình gia ấn,* 109 bài.

*Tờ 41a tập *Cúc thu thi trận*, 50 bài.

5.Ngô gia văn phái A.117c/2: 13 tờ, tờ 17 dòng, dòng 20 chữ, viết chân phương, khổ 27x16. Đầu sách ghi: Ngô gia văn phái, Tiến sĩ Thượng thư Hi Doãn công di thảo. Gồm các tác phẩm của Ngô Thì Nhậm:

+Tờ 1a tập *Cúc hoa thi trận,* 50 bài.

+Tờ 19a tập *Thu cận dương ngôn.* 74 bài.

+Tờ 48a tập *Kim mã hành dư* (văn).

6.*Cúc thu bách vịnh* A.1554: Gồm 56 tờ, tờ 16 dòng, dòng 24 chữ, khổ 22x13, chữ Hán viết chân phương. Tập sách có lời dẫn, bạt và 100 bài thơ xướng họa với đề tài hoa cúc mùa thu, giữa Phan Huy Ích và Ngô Thì Nhậm. Tờ đầu tập sách ghi rõ: Thị ngự Thụy Nham hầu (Phan Huy Ích) nguyên xướng, Đại học sĩ Tình Phái hầu (Ngô Thì Nhậm) họa đáp. Hoa Giang Nguyễn Cát hiệu Địch Hiên viết bạt năm Bính Thìn (1796).

7.*Cúc đường bách vịnh thi tập* A.1168 chép 3 tập thơ: -*Cúc đường bách vịnh thi tập* của Phan Huy Ích và Ngô Thì Nhậm. -*Minh lương cẩm tú* và -*Quỳnh uyển cửu ca* của Lê Thánh Tông.

Tập *Cúc đường bách vịnh thi tập*, gồm 24 tờ, khổ 28x15,5, chữ Hán, viết chân phương, ghi rõ Phan Huy Ích tước Thụy Nham hầu xướng, Ngô Thì Nhậm tước Tình Phái hầu họa, Nguyễn Cát, hiệu Hoa Giang và Địch Hiên, Thượng thư Bộ Lễ viết bạt. Ở đây chỉ chép 35 bài của Ngô Thì Nhậm, cộng lại chưa đủ "bách vịnh."

Nhìn chung, các dị bản chép trong tùng thư *Ngô gia văn phái* đều chép đủ 50 bài thơ họa của Ngô Thì Nhậm. Thứ tự sao chép giữa các dị bản cơ bản giống như bản nền VHv.1743/24. Duy chỉ có 2 tập *Cúc đường bách vịnh thi tập* A.1168/24 và *Cúc thu bách vịnh* A.1154 là 2 tập sách riêng không nằm trong tùng thư *Ngô gia văn phái,* có chép cả phần thơ xướng của Phan Huy Ích.

Cúc hoa thi trận, thổ lộ nỗi lòng không lấy gì làm vui của Ngô Thì Nhậm trước sự lộng hành của quyền thần Bùi Đắc Tuyên cậu vua Quang Toản. Nói đến hoa cúc, tức nói đến cái ý muốn lánh mình như Đào Tiềm xưa. Điều này đủ thấy triều đình Quang Toản không còn mấy hấp dẫn đối với một người năng động nhạy cảm như Ngô Thì Nhậm và cả Phan Huy Ích nữa.

* * *

1. 感興和侍御公之作

重九佳時，抱病對景，甚覺悶悶，接奉佳章送到，不覺精神抖擻，續貂呈正，希惟青及爲榮。

鳳仙香馥鳳儀堂
月滿庭階雪滿塘
興到羡公頻有酒
病來笑我彊成章
敘傳馮樂低瀛國
才軋周難薄首陽
禪院欲禪禪未穩
叩關纖手撓多方

PHIÊN ÂM:

CẢM HỨNG HOẠ THỊ NGỰ CÔNG CHI TÁC[A]

Trùng cửu giai thời, bão bệnh đối cảnh, thậm giác muộn muộn, tiếp phụng giai chương tống đáo, bất giác tinh thần đấu tẩu, tục điêu trình chính, hy duy thanh cập vi vinh.

Phụng tiên hương phức phụng nghi đường,
Nguyệt mãn đình giai, tuyết mãn đường.
Hứng đáo tiện công tần hữu tửu;
Bệnh lai tiếu ngã cưỡng thành chương.
Tự truyền Phùng lạc đê Doanh quốc;
Tài trát[b] *Chu nan bạc Thú Dương.*
Thiền viện dục thiền thiền vị ổn;
Khấu quan tiêm thủ náo đa phương.[c]

DỊCH NGHĨA:

CẢM HỨNG HOẠ LẠI BÀI THƠ CỦA ÔNG THỊ NGỰ

Gặp tiết Trùng cửu (Mồng chín tháng chín), ốm ngồi ngắm cảnh, cảm thấy rất buồn. Tiếp được thơ ông đưa tới, bất giác tinh thần phấn

chấn, bèn lạm nối vần, kính gửi sang ông, mong ông xem tới và sửa lại cho thì thật là điều vinh hạnh.

Hoa phụng tiên thơm nức nhà Phụng nghi,
Trăng soi đầy sân thềm, tuyết phủ đầy ao.
Khen ông lúc hứng lên, vẫn thường có rượu;
Cười cho tôi khi ốm yếu, vẫn gượng làm thơ.
Thuật lại chuyện vui họ Phùng, coi thường Doanh quốc;(1)
Tài khó át bầy tôi nhà Chu, xem rẻ việc ẩn ở Thú Dương.(2)
Chốn phòng tu muốn tu mà tu chưa ổn,
Vì có ngón tay nhỏ gõ cửa, nhiều phen quấy rầy.(3)

KHẢO DỊ:

a.Bản VHv.16/12: Hoạ Trùng dương tiểu chước chi tác 和重陽小酌之作.

b.Bản A.1554: Tài loát 才要.

c.Bản A.1554: Cứ đa phương 據多方.

CHÚ THÍCH:

1.Họ Phùng tức Phùng Đạo, người thời Ngũ Đại bị người đời khinh là không có tiết tháo, liêm sỉ. Đạo đã từng nhiều lần thay thầy đổi chủ. Thời hậu Đường, Đạo làm Tể tướng. Hậu Đường bị hậu Tấn diệt, Đạo đầu hàng hậu Tấn rồi cũng làm đến Tể tướng. Hậu Tấn bị hậu Hán diệt, rồi hậu Hán lại bị hậu Chu diệt, Đạo cũng cứ đầu hàng các triều đại mới. Đến triều Chu, Đạo được phong làm Doanh quốc công. Người đời coi khinh Đạo làm tôi cho kẻ thù, nhưng Đạo không biết xấu hổ, còn tự xưng là "Trường lạc lão tự" để khoe khoang về sự vinh hoa của mình.

2.Ý nói Bá Di, Thúc Tề là bầy tôi của vua Trụ nhà Ân. Trụ bị Chu Võ Vương diệt, Bá Di, Thúc Tề không chịu ăn thóc của nhà Chu, lên ở ẩn trên núi Thú Dương hái rau vi mà ăn, cuối cùng đã chết đói ở đó. Mạnh Tử khen "thánh chí thanh" (người thanh cao trong các bậc thánh nhân).

3.Tay nhỏ: Chỉ phụ nữ, nguyên văn "tiêm thủ" vốn có xuất xứ từ *Kinh Thi*.

2

接得瑤章引到"齒髮寧無感晚陽"之句，不禁增懷。拙前作所謂相頌者，正詩人自譽自嘲底意，不怕外聞，方怕外不聞耳。然此皆閒話，至於含章個理，豈話

之所能悉哉。但於閒中言志唱酬，聊寫吾輩幽情，付與重陽主人點核，希惟笑留爲幸。

身是端明步玉堂
可憐斜月印寒塘
鬢眉老矣徒臨鏡
錦繡多乎莫報章
珠履金釵眞大隱
希聲淡酒有元陽
與公忘象兼忘意
何必醫狂苦覓方

PHIÊN ÂM:

Tiếp đắc dao chương dẫn đáo,"Xỉ phát ninh vô cảm vãn dương" chi cú, bất cấm tăng hoài.

Chuyết tiền tác sở vị tương tụng giả, chính thi nhân tự dự tự trào để ý, bất phạ ngoại văn, phương phạ ngoại bất văn nhĩ. Nhiên thử giai nhàn thoại, chí ư hàm chương cá lý, khởi thoại chi sở năng tất tai. Đãn ư nhàn trung ngộn chí xướng thù, liêu tả ngô bối u tình, phó dữ trùng dương chủ nhân điểm hạch, hy duy tiếu lưu vi hạnh.

Thân thị đoan minh bộ ngọc đường,
Khả lân tà nguyệt ấn hàn đường.
Tu my lão hĩ đồ lâm kính;
Cẩm tú đa hồ mạc báo chương.
Châu lý kim thoa chân đại ẩn;
Hy thanh đạm tửu hữu nguyên dương.
Dữ công vong tượng kiêm vong ý,
Hà tất y cuồng khổ mịch phương.

DỊCH NGHĨA:

Đọc bài thơ đến câu "*Xỉ phát ninh vô cảm vãn dương*" (Răng tóc đổi khác, lẽ nào không cảm khái trước bóng chiều),[1] nỗi buồn lại tăng thêm không thể ngăn nổi.

Những điều ca tụng nhau trong bài trước của tôi chính là cái ý "tự khen tự chê" của nhà thơ chẳng sợ người ngoài biết, chỉ sợ người ngoài không biết đến mà thôi. Song buồn một nỗi, đó đều là những lời dông dài! Còn như bàn về cái lẽ "hàm chương" thì làm sao có thể nói hết được! Nhưng trong lúc nhàn rảnh, xướng hoạ thổ lộ chí hướng, đành tạm tả mối tình sâu kín của chúng ta, và phó thác cho "Trùng Dương chủ nhân" nhận xét cho, mong được cười và lưu lại, lấy làm hân hạnh.

Thân là học sĩ, chân bước lên nhà ngọc,[2]
Thương thay mảnh trăng tàn, in bóng ao vắng.
Mày râu già rồi, luống uổng soi gương;
Gấm vóc nhiều ư, chưa lời báo đáp.
Dép ngọc, thoa vàng, thực là bậc đại ẩn;[3]
Tiếng thưa, rượu nhạt, lại có tiết nguyên dương.[4]
Cùng ông quên cả dáng hình, quên cả ý định,
Hà tất nhọc lòng tìm phương cứu chứng cuồng điên.

CHÚ THÍCH:

1.Câu này là câu nguyên xướng của Phan Huy Ích.

2.Học sĩ: Nguyên văn: "Đoan minh," là tên điện đời Tống, sau dùng để chỉ chức Đại học sĩ. Ngô Thì Nhậm được thăng chức Đại học sĩ dưới triều Tây Sơn, nên ở đây dùng từ "Đoan minh" để chỉ Ngô Thì Nhậm.

Nhà ngọc (ngọc đường), chỉ Viện Hàn lâm.

3.Đại ẩn, chỉ bậc ở ẩn ở thành thị.

4.Nguyên dương, ở đây chỉ tiết trùng dương.

3

莊誦佳作，洗洗乎郡翁擊壤之風乎，觀可以興，敢賡前韻，希惟笑留爲幸。

虛靈方寸有明堂
桂在蟾圈柳在塘
積實自盈顒若缶
裁狂多在斐然章

葉留庭樹當寒歲
華插朝簪對太陽
鼓瑟來霄蘄貴趾
周行示我庶知方

PHIÊN ÂM:

Trang tụng giai tác, tẩy tẩy hồ quận ông kích nhưỡng chi phong hồ, quan[a] khả dĩ hứng, cảm canh tiền vận, hy duy tiếu lưu vi hạnh.

Hư linh phương thốn hữu minh đường,
Quế tại thiềm khuyên, liễu tại đường.
Tích thực tự doanh ngung nhược phẫu;
Tài cuồng đa tại[b] phỉ nhiên[c] chương.
Diệp lưu đình thụ đương hàn tuế;
Hoa sáp triều trâm đối thái dương.
Cổ sắt lai tiêu kỳ bí chỉ,
Chu hành thị ngã thứ tri phương.

DỊCH NGHĨA:

Kính đọc bài giai tác, hùng tráng thay cái phong vị như tập *Kích nhưỡng* của Thiệu Tử.(1) Xem rồi có thể hứng khởi được. Vậy xin kính nối vần trước, mong được cười mà nhận cho lấy làm vinh hạnh.

Chốn hư linh gang tấc có ngôi nhà sáng sủa,(2)
Quế bên vành trăng, liễu bên ao.
Phải như chiếc chĩnh, tự chứa cho thật đầy;
Dạy kẻ cuồng ngông, phần nhiều bằng văn chương rực rỡ.
Cây trước sân giữ lại lá, để chống chọi với giá lạnh;
Trâm vào chầu được cài hoa, bởi phải đứng trước thái dương.
Gảy đàn lên, đêm mai mong [ông] rời gót tới,
Bảo cho ta con đường lớn, để biết hướng mà đi.

KHẢO DỊ:

a.Bản VHv.16/12: Thi 詩.
b.Bản VHv.16/12: Hữu 有.
c.Bản VHv.16/12: Thành 成.

CHÚ THÍCH:

1.Thiệu Tử: Tức Thiệu Ung người đời Tống, cùng thời với Tư Mã Quang, sống ẩn dật, nhiều lần được mời ra làm quan, nhưng ông đều từ chối. Thiệu Ung viết nhiều tác phẩm, trong đó có tập: *Y xuyên kích nhưỡng tập*.

2.Nguyên văn: "Hư linh phương thốn" chỉ cõi lòng.

4. 慶挽

奉接瑤章，台意以風姨如客爲訝。輒敢爲風鳴解，希爲笑留。

仙軺豈是陋茅堂
未暇攜杯賞雪塘
銅雀春深忙作對
銀河秋淺懶爲章
葆能藏汞開秋月
健到生梯戰老陽
多喜詩翁強不息
敬從詩陣布圓方

PHIÊN ÂM:

KHÁNH VÃN

Phụng tiếp dao chương, đài ý dĩ phong di như khách vi nhạ. Triếp cảm vi phong minh giải, hy vi tiếu lưu.

Tiên diêu khởi thị lậu mao đường,
Vị hạ huề bôi thưởng tuyết đường.
Đồng Tước xuân thâm mang tác đối;
Ngân Hà thu thiển lãn vi chương.
Bảo năng tàng hống khai thu nguyệt;
Kiện đáo sinh thê chiến lão dương.
Đa hỷ thi ông cường bất tức,
Kính tòng thi trận bố viên phương.

DỊCH NGHĨA:

THAN CHO NỖI MỪNG!

Kính nhận được quý thơ, thấy ý tôn ông muốn biện hộ cho dì gió. Vậy xin hoạ nguyên vận, mong tôn ông cười mà nhận cho.

Xe tiên đâu phải mái lều tranh quê kệch,
Chỉ vì chưa rảnh để nâng chén thưởng cảnh ao tuyết.
Cuối xuân, bận làm thơ bên đài Đồng Tước;[1]
Đầu thu, uể oải với văn chương bên sông Ngân.[2]
Giữ gìn được nước thuỷ, mở ra cảnh trăng thu;[3]
Khỏe đến nảy mầm non, chọi với ánh dương già.
Rất mừng cho thi ông này vẫn còn cường tráng,
Kính theo đuổi trận thơ, bày cuộc vuông tròn.

CHÚ THÍCH:

1.Câu này mượn ý câu thơ: "Đồng Tước xuân thâm toả nhị Kiều" (Giữa ngày xuân, khoá hai nàng Kiều trong đài Đồng Tước) của Đỗ Mục đời Đường. Đài Đồng Tước do Tào Tháo xây năm Kiến An thứ 15. Ở đây chỉ tác giả ốm phải nằm nhà làm thơ không đi đâu được, như hai nàng Kiều bị khoá trong đài Đồng Tước.

2.Câu chuyện Ngưu Lang Chức Nữ trong truyền thuyết cổ Trung Quốc: Hàng năm Chức Nữ chỉ được đi qua cầu Ô Thước vượt sông Ngân Hà sang gặp Ngưu Lang một lần vào đêm đầu thu mùng 7 tháng 7 Âm lịch. Rồi sau phải chia tay trở về bên kia sông dệt gấm và sụt sùi thương nhớ trong trận mưa ngâu. Do vậy người ta bảo rằng thời kì đầu thu là lúc Chức Nữ chểnh mảng trong việc dệt gấm. Trong thơ ý nói, tác giả đối với văn chương cũng chểnh mảng như Chức Nữ vậy.

3.Nước thuỷ, tức nước thuỷ ngân dùng để tráng gương. Trong thơ ý chỉ "vẫn giữ gìn chân tính, bảo toàn sự sống" (bảo chân toàn sinh) theo học thuyết Lão Trang.

5

奉復覆什，道是士師公送來。揆情察理，可無再辨。肅依前次，希惟倓認。

情案增經証踵堂
羔羊醉候月盈塘
三千家客辭金馬
二百佳人上建章

詩社不愁曾子固
仙丹誰禁呂純陽
鴻毛莫謂風無力
萬斛清秋是好方

PHIÊN ÂM:

Phụng phục phúc thập, đạo thị sĩ sư công tống lai. Quỹ tình sát lý, khả vô tái biện. Túc y tiền thứ, hy duy [quản] nhận.

Tình án tằng kinh chứng chủng[a] đường,
Cao Dương túy hậu nguyệt doanh đường.
Tam thiên gia khách từ Kim Mã;
Nhị bách giai nhân thượng Kiến Chương.
Thi xã bất sầu Tăng Tử Cố;
Tiên đan thùy cấm Lã Thuần Dương.
Hồng mao mạc vị phong vô lực,
Vạn hộc thanh thu thị hảo phương.

DỊCH NGHĨA:

Tiếp được quý thơ phúc đáp, nói là quan Sĩ sư[1] gửi tới. Xét rõ tình lý, có thể không cần phải biện bạch nữa. Kính y vần trước, mong được vui nhận.

Án tình đã đưa đến tụng đường đối chứng,
Say sau bữa tiệc Cao Dương, trăng sáng đầy ao.[2]
Ba ngàn khách quý, từ biệt cửa Kim Mã;[3]
Hai trăm giai nhân bước lên lầu Kiến Chương.[4]
Tăng Tử Cố chẳng buồn vì đã có thi xã;[5]
Nào ai ngăn nổi Lã Thuần Dương luyện tiên đan.[6]
Lông cánh chim hồng chớ bảo gió không có sức,
Muôn hộc gió thu mát, ấy là phương thuốc hay.

KHẢO DỊ:

a.Bản A.1554: Đáo 到.

CHÚ THÍCH:

1.Sĩ sư: Chức quan xét xử kiện tụng.

2.Tiệc Cao Dương: Tiệc của những người hiền sĩ có phẩm chất thanh cao. (Theo chú thích trong *Kinh Thi*).

3.Cửa Kim Mã: Đời Hán, đúc con ngựa bằng đồng đặt ở cung Vị Ương, nên gọi là Kim Mã môn. Ở đó có các chức Học sĩ Đãi chiếu làm việc. Sau Kim Mã thường được dùng để chỉ văn chương hoặc nơi các bậc văn chương làm việc.

4.Kiến Chương: Tên cung điện do Hán Vũ đế xây bên cung Vị Ương để trấn hoả tai.

5.Tăng Tử Cố: Tức Tăng Củng nhà văn nổi tiếng đời Tống.

6.Lã Thuần Dương: Tức Lã Động Tân người đời Đường, tương truyền đã đắc đạo thành tiên. Họ Lã có biệt hiệu Thuần Dương Tử.

6. 敘樂懷

子曰：詩可以興，可以觀，可以群，可以怨。曾記年前，我兩家大人，唱酬篇什，留諸家史，迄今遂爲美談。今吾輩因重陽節飲，感興成章。意者詩神有以觸動之歟？不然歲月侵尋，曾無片時間，爲文字之遊，亦辜負化工之予吾輩無故之樂也。輒賡前韻，聊以言懷希惟注存是禱。

詩室如今學肯堂
泮湖依舊徹方塘
樂名教樂弦歌響
遊俊英遊洞潦章
煙水尋常聊托興
風雲到底各從陽
賡酬自信賢他好
此意還須質大方

PHIÊN ÂM:

TỰ LẠC HOÀI

Tử viết: Thi khả dĩ hứng, khả dĩ quan, khả dĩ quần, khả dĩ oán. Tằng ký niên tiền, ngã lưỡng gia đại nhân, xướng thù thiển thập, lưu chư gia sử, hất kim toại vi mỹ đàm. Kim ngô bối nhân trùng dương tiết ẩm, cảm hứng thành chương. Ý giả thi thần hữu dĩ xúc động chi dư? Bất nhiên tuế nguyệt xâm tầm, tằng vô phiến thời nhàn, vi văn tự chi du, diệc cô phụ hoá công chi dư ngô bối vô cố chi lạc dã. Triếp canh tiền vận, liêu dĩ ngôn hoài, hi duy chú tồn thị đảo.

Thi thất như kim học khẳng đường,
Phán hồ y cựu triệt phương đường.
Lạc danh giáo lạc huyền ca hưởng;
Du tuấn anh du quýnh lạo chương.
Yên thủy tầm thường liêu thác hứng;
Phong vân đáo để các tòng dương.
Canh thù tự tín hiền tha hiếu,
Thử ý hoàn tu chất đại phương.

DỊCH NGHĨA:

VUI THUẬT LẠI NỖI LÒNG

Phu Tử nói: "Thơ có thể hưng khởi ý chí, có thể xem xét sự được mất, có thể tụ tập được mọi người, có thể oán thù giận dữ." Từng nhớ năm trước, hai nhà chúng ta, xướng hoạ thù tạc có tới vài chục bài thơ, đều lưu lại làm tài liệu cho nhà mình, đến nay, trở thành cuộc đàm đạo đẹp. Bọn ta nay lại nhân thưởng chén vào tiết trùng dương, nên cảm hứng mà thành thơ. Có lẽ, thần thơ có ý xúc động đó chăng? Không thế thì, năm tháng lần lữa, sẽ không lúc nào nhàn rảnh mà mở cuộc chơi văn, thật cũng phũ phàng với cái thú vui vô cớ mà tạo hoá đã ban cho chúng ta. Bèn nối vận trước, để tả niềm riêng, mong được nhận cho.

Đến nay, nhà thơ vẫn học theo nếp cũ,
Hồ Phán vẫn như xưa, bốn bờ trong suốt.(1)
Vui thú vui danh giáo, vang tiếng đàn ca;
Chơi cuộc chơi anh tuấn, đẹp vùng sông sâu nước cả.
Khói nước tầm thường, tạm gửi hứng vào;

Gió mây rốt cuộc đều đi theo ánh dương.
Tin rằng, thú xướng hoạ, hơn hẳn những thú vui khác,
Nhưng ý đó, còn phải hỏi bậc đại phương đã.(2)

CHÚ THÍCH:

1.Hồ Phán, tức hồ Phán thủy. Giữa hồ có Phán cung, là nhà dạy học. Đời sau gọi nhà Quốc tử giám cũng là Phán cung.

2.Bậc đại phương, chỉ người có kiến thức uyên bác, có tầm mắt nhìn xa trông rộng. Xuất xứ từ trong *Trang Tử*.

7

巧笑美目，而絢歸于素；縞辭綺句，而神會于心。總之累什連篇，無遇心以知心而已。

是故心之相與，必有所倚托。雲物草花神奇巧麗，凡皆心之所發，托于事而著于言。至於事之所以托，言之所以著，亦猶夫魚之所以躍，鳶之所以飛，能道其所可道，而不能道其所不能道。正如台誨所云"觸動詩机，以神其端倪者"。此吾輩自得處，更不容已于言。輒賡前章，以識其斯遊之樂，希賜郢正。

公曾筆陣布堂堂
刻削寧須競呂塘
話到投機鐘九叩
圖難盡意樹千章
菩提惟有聲能覺
太極常於動見陽
示我知公眞孝我
樂和底意小居方

PHIÊN ÂM:

Xảo tiếu mỹ mục, nhi huyến quy vu tố; ly từ ỷ cú, nhi thần hội vu tâm. Tổng chi luỹ thập liên thiên, vô ngộ tâm dĩ tri tâm nhi dĩ.

Thị cố tâm chi tương dữ, tất hữu sở ỷ thác. Vân vật thảo hoa thần kỳ xảo lệ, phàm giai tâm chi sở phát, thác vu sự nhi trước vu ngôn. Chí ư sự chi sở dĩ thác, ngôn chi sở dĩ trước, diệc do phu ngư chi sở dĩ dược, diên chi sở dĩ phi, năng đạo kỳ sở khả đạo, nhi bất năng đạo kỳ sở bất năng đạo. Chính như đài hồi sở vân: "Xúc động thi cơ, dĩ thần kỳ đoan nghê giả". Thử ngô bối tự đắc xứ, cánh bất dung dĩ vu ngôn. Triếp canh tiền chương, dĩ thức kỳ tư du chi lạc, hi tứ trình chính.

Công tằng bút trận bố đường đường,
Khắc tước ninh tu cạnh Lã Đường.
Thoại đáo đầu cơ chung cửu khấu;
Đồ nan tận ý thụ thiên chương.
Bồ đề duy hữu thanh năng giác;
Thái cực thường ư động kiến dương.
Thị ngã tri công chân hiếu ngã,
Lạc hòa để ý tiểu cư phương.

DỊCH NGHĨA:

Mắt đẹp cười tươi, nhưng vẻ mặt chất phác; lời thêu câu dệt, nhưng tinh thần đọng ở trong lòng. Tóm lại, hàng tập hàng thiên, cũng không ngoài việc đem lòng để hiểu lòng mà thôi!

Cho nên, lòng đã hiểu lòng, tất có điều gửi gắm. Cảnh vật, cỏ hoa, thần kỳ khéo léo, tất cả những điều đó, đều do lòng phát ra, gửi gắm vào sự vật, thổ lộ ra lời nói. Còn như sự vật sở dĩ được gửi gắm, lời nói sở dĩ được thổ lộ, cũng giống như cá sở dĩ nhảy, chim sở dĩ bay, chỉ có thể nói ra điều có thể nói được, mà không thể nói ra những điều không thể nói được. Đúng như lời ông dạy bảo: "Đụng vào máy thơ ca, là làm cho đầu mối của nó thêm kỳ diệu." Đó cũng là chỗ tương đắc của bọn ta, lại càng không thể dễ mà nói ra bằng lời được. Bèn nối bài trước, để ghi lại niềm vui trong cuộc chơi này.

Ông từng bày nên trận bút thật đường hoàng,
Đâu phải nghiệt ngã ganh đua với Lã Đường.[1]
Chuyện rất hợp ý nhau, tựa chuông chín hồi đã đổ;
Vẽ ra thì khó hết ý, như cây mọc nghìn cành.

Chỉ có tiếng "bồ đề" mới có thể giác ngộ;[2]
Luôn động tới bầu thái cực, mới thấy thái dương.
Bảo cho tôi biết, ông thật yêu tôi,
Cái ý vui vẻ, hòa nhã, là một ý nhỏ.

CHÚ THÍCH:

1.Lã Đường, tức Thái Thuận (1440 - ?) người làng Liễu Lâm (nay thuộc huyện Thuận Thành, Bắc Ninh) đỗ Tiến sĩ năm Hồng Đức thứ 6 (1475), giữ chức Sái phu trong hội Tao đàn, sáng tác nhiều thơ hay, có tập *Lã Đường thi cảo*, nổi tiếng.

2.Bồ đề, từ nhà Phật, dịch âm từ tiếng Phạn, có nghĩa là chính giác.

8

拙作新聲，將釋氏深切幽渺處搜剔起來，總不出吾夫子宮墻之外。古今談道理者，大抵梵端爲異，蓋徒見其異，而未見其所以不異。是使緇流自立門户，與吾儒相尋於干戈。子曰"吾道一以貫之"。貫如散錢，一如子。拙本意將滿地散錢串于索子，想台公知道我意。故清弁其言于端，此所須載道之文，又非同庚酬篇什者，敢以不尚言爲例。肅次前韻二章，耑望台裁。

其一

梵教玄深隔奧堂
非聲非法瑩冰塘
道無二致空如色
言有同心闇自章
三祖投禪禪入世

九淵主靜靜生陽

極深底意誰知得

費隱中人會此方

PHIÊN ÂM:

Chuyết tác Tân thanh, *tương Thích thị thâm thiết u diểu xứ sưu dịch khởi lai, tổng bất xuất ngô Phu tử cung tường chi ngoại. Cổ kim đàm đạo lý giả, đại để Phạn đoan vi dị, cái đồ kiến kỳ dị, nhi vị kiến kỳ sở dĩ bất dị. Thị sử truy lưu tự lập môn hộ, dữ ngô nho tương tầm ư can qua. Tử viết: "Ngô đạo nhất dĩ quán chi." Quán như tán tiền, nhất như tử. Chuyết bản ý tương mãn địa tán tiền xuyên vu sách tử, tưởng đài công tri đạo ngã ý. Cố thanh biền kỳ ngôn vu đoan, thử sở tu tải đạo chi văn, hựu phi đồng canh thù thiên thập giả, cảm dĩ bất thượng ngôn vi lệ. Túc thứ tiền vận nhị chương, xuyền vọng đài tài.*

KỲ NHẤT

Phạn giáo huyền thâm cách áo đường,
Phi thanh phi pháp oánh băng đường.
Đạo vô nhị trí không như sắc;
Ngôn hữu đồng tâm ảm tự chương.
Tam tổ đầu thiền thiền nhập thế;
Cửu uyên chủ tĩnh tĩnh sinh dương.
Cực thâm để ý thùy tri đắc,
Phí ẩn trung nhân hội thử phương.

DỊCH NGHĨA:

Tôi làm cuốn *Tân thanh*[1] là cốt đem cái chỗ sâu sắc, huyền diệu của họ Thích[2] tìm kiếm nêu ra, tóm lại, không ra ngoài khuôn khổ của Khổng Phu Tử ta. Xưa, những người bàn về đạo lý, thường chê đạo Phật là dị đoan, vì chỉ thấy chỗ khác của nó chứ chưa biết là chỗ giống của nó. Bởi vậy, khiến phái mặc áo thâm[3] tự lập nên môn hộ riêng đối lập với đạo nho ta bằng gươm giáo. Khổng Tử nói: "Đạo ta xâu lại làm một." Xâu như xâu tiền tản mát lại thành một chuỗi. Nghĩ rằng, ông cũng đã hiểu rõ ý tôi. Nên xin cho lời tựa trên đầu, đó chính là thứ được gọi là bài văn để chở đạo, chứ không phải loại thơ ca xướng họa thù tạc, nên đâu dám không coi việc qúy trọng lời nói làm lệ thường. Kính hoạ hai bài theo vần trước, đưa sang, mong ông chỉnh giúp.

BÀI 1

Phật giáo mầu nhiệm đầy nhà thăm thẳm,
Không tiếng tăm, chẳng phép tắc, trong suốt tựa hồ băng.
Đạo không có hai đường, "không"mà "sắc;"[4]
Lời nói đồng lòng, bóng tối tự sáng dần.
Tam tổ tu thiền thiền nhập thế;[5]
Cửu uyên[6] chủ tĩnh, tĩnh sinh dương.
Ý đó rất sâu, ai biết được,
Người trong hàng quân tử mới hiểu điều này.

CHÚ THÍCH:

1.Cuốn *Tân thanh*, tức cuốn *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh*, một tác phẩm nghiên cứu về Phật học của Ngô Thì Nhậm.

2.Họ Thích, tức Thích Ca Mâu Ni, tổ đạo Phật.

3.Phái mặc áo thâm: Chỉ tăng lữ.

4.Không, sắc: Theo kinh Phật thì "sắc" là một trong lục trần, một trong ngũ uẩn. Sắc gồm ngũ căn, ngũ trần và những vật hữu hình. Ngũ căn (năm cơ quan): Nhãn căn, nhĩ căn, tỵ căn, thiệt căn, thân căn. Ngũ trần (năm cảnh bụi dơ): Sắc, thinh, hương, vị, xúc. Trong đoạn đầu của kinh nói: ... Sắc tức không, không tức là sắc.

5.Tam tổ của phái Trúc Lâm ở Việt Nam: Tổ thứ nhất Điều Ngự giác hoàng, tức vua Trần Nhân Tông; tổ thứ hai Pháp Loa tôn giả, tức Đồng Kiên Cương; tổ thứ ba: Huyền Quang tôn giả tức Lý Đạo Tái.

6.Cửu Uyên: Tức Lực Cửu Uyên, nhà Tống nho nổi tiếng, đồng thời với Chu Hy, chủ "tĩnh."

9. 其二

可呼禪院可書堂
花柳依依鏡水塘
誰謂大顛非道理
豈曾佛印少文章
恒河萬派同歸海

鶩嶺千葩盡向陽
眉目此中憑妙手
規成園体矩成方

PHIÊN ÂM:

KỲ NHỊ

Khả hô thiền viện khả thư đường,
Hoa liễu y y kính thủy đường.
Thùy vị Đại Điên phi đạo lý;
Khởi tằng Phật Ấn thiểu văn chương.
Hằng hà vạn phái đồng quy hải;
Thứu lĩnh thiên ba tận hướng dương.
My mục thử trung bằng diệu thủ,
Quy thành viên thể củ thành phương.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 2

Có thể gọi là phòng tu, cũng có thể gọi là phòng sách,
Cỏ hoa lung linh, soi bóng trên hồ nước.
Ai bảo sư Đại Điên, không hiểu đạo lý;(1)
Lẽ nào thầy Phật Ấn, kém tài văn chương?(2)
Muôn nhánh sông Hằng, cùng đổ về biển;(3)
Ngàn hoa non Thứu, đều hướng về ánh dương.(4)
Diện mạo trong đó, nhờ cả vào bàn tay khéo,
Khoanh thì thành hình tròn, kẻ thì thành hình vuông.(5)

CHÚ THÍCH:

1.Sư Đại Điên: Người đời Đường, tu ở Triều Châu. Khi Hàn Dũ bị biếm ra đây, hai người chơi thân với nhau; Đại Điên được Hàn Dũ khen là thông minh biết đạo lý.

2.Phật Ấn: Người đời Tống, tu ở chùa Kim Sơn, cùng kết bạn văn chương với Tô Đông Pha.

3,4.Sông Hằng, non Thứu nơi tu luyện Phật ở Ấn Độ.

5.Khoanh, kẻ: Tạm dịch hai chữ "quy" "củ" trong câu nguyên tác. "Qui" vốn là dụng cụ để vẽ hình tròn, tức là cái com pa ngày nay. "Củ" là dụng cụ để tạo góc vuông, thường gọi là cái thước thợ hoặc ê ke.

"Quy, củ" ở đây được dùng làm động từ để chỉ động tác vẽ các hình tròn, vuông.

10

孟子曰"人之有術業慧智恒存乎疚疾"。拙與公跋涉風濤，飽經艱險，浮名浮利，疚疾相侵。然而術業慧智茫乎云耳。此吾輩所當同憂而共勉焉者也。環能約指而約環，必待乎精金，鏡以明形，而明鏡須需夫粹寶。此拙所以作聲之意，而求序於台公之諄且切者，以謂精金粹寶。其爲環鏡之施實多。蒙賜構擬鋪揚，實深喜慰。

肅次前韻，用識同心，拙稿正文，方付書手繕，精來朝奉遞。

千金自古戒垂堂
勢利危機馬逸塘
佛說只惟明靜定
卮言豈敢弄詞章
坎來月窟離生月
水出陽泉火外陽
識我意中須我友
玄玄無体又無方

PHIÊN ÂM:

Mạnh Tử viết: "Nhân chi hữu thuật nghiệp tuệ trí hằng tồn hồ cứu tật". Chuyết dữ công bạt thiệp phong đào, bão kinh gian hiểm, phù danh phù lợi, cứu tật tương xâm. Nhiên nhi thuật nghiệp tuệ trí mang hồ vân nhĩ. Thử ngô bối sở đương đồng ưu nhi cộng miễn yên giả dã. Hoàn năng ước chỉ nhi ước hoàn, tất đãi hồ(a) tinh kim, kính dĩ minh hình, nhi minh

kính tu nhu phu tuý bảo. Thử chuyết sở dĩ tác thanh chi ý, nhi cầu tự ư đài công chi hưởng thả thiết giả, dĩ vị tinh kim tuý bảo. Kỳ vi hoàn kính chi thi thực đa. mông tứ cấu nghĩ phô dương, thực thâm hỷ uý.

Túc thứ tiền vận, dụng thức đồng tâm, chuyết cảo chính văn, phương phó thư thủ[b] *thiện tinh, lai triêu phụng đệ.*

Thiên kim tự cổ giới thùy đường,
Thế lợi nguy cơ mã dật đường.
Phật thuyết chỉ duy minh tĩnh định;
Chi[c] *ngôn khởi cảm lộng từ chương.*
Khảm lai nguyệt quật ly sinh nguyệt;
Thủy xuất dương tuyền hỏa ngoại dương.
Thức ngã ý trung tu ngã hữu,
Huyền huyền vô thể hựu vô phương.

DỊCH NGHĨA:

Mạnh Tử nói: "Người có đức sáng mưu khôn thường lộ ra lúc gặp nạn." Tôi cùng ông lăn lộn sóng gió, nếm đủ gian nguy, luôn gặp tai hoạ vì danh lợi hão; nhưng đức sáng mưu khôn mờ mịt vẫn hoàn mờ mịt. Điều đó bọn ta nên cùng lo lắng và gắng gỏi lên! Nhẫn có thể đeo tay, nhưng đeo nhẫn phải đợi có thứ vàng ròng; gương dùng để soi hình, nhưng gương sáng cần phải là loại gương thật tốt. Đó là cái ý sở dĩ tôi gợi nên được, nhưng còn mong ở sự giúp đỡ thiết thực của ông, để được gọi là "vàng ròng", "gương tốt." Việc giúp đỡ làm nên nhẫn nên gương ấy thực nhiều. Nhờ được gợi ý phô bầy, thật vô cùng mừng rỡ và thỏa lòng.

Kính nối vần trước, để ghi lại sự đồng tâm, bản chính văn của tôi đương chép lại cẩn thận, sớm mai kính nạp.

Thân quý nghìn vàng, từ xưa cấm ngồi dưới thềm,
Nguy cơ về thế lợi như ngựa chạy rông trên đường.
Tiếng Phật nói, chỉ có gương tốt mới soi thấy được,
Lời ngả nghiêng đâu dám đùa với từ chương.[(1)]
Quẻ Khảm ra từ hang nguyệt, quẻ Ly sinh ra nguyệt.[(2)]
Nước chảy từ suối dương, lửa ở bên ngoài dương.[(3)]
Chỉ có bạn ta mới hiểu được ý ta,
Nơi sâu kín không hình dáng, cũng không phương hướng.

KHẢO DỊ:

a.Bản VHv.16/12: Vu 于.

b.Bản VHv.16/12: Vu 于.

c.Bản A.1554: Ba 巴.

CHÚ THÍCH:

1.Nguyên văn: "Chi ngôn," chi là cái chén đựng rượu, để không thì ngửa, rót đầy thì nghiêng, ví với lời nói của người, tuỳ theo từng trường hợp mà thay đổi. Trang Tử: "Chi ngôn nhật xuất" (Lời nói như cái chén đựng rượu, hàng ngày thường đưa ra dùng). Ý thơ là lời nói không đứng đắn.

2.Trăng, dịch từ chữ khảm, quái từ *Kinh Dịch* nói: Tượng của quẻ khảm, làm nước làm mặt trăng. Theo *Hậu thiên đồ*, Khảm ở phương bắc, nên tượng là nước; theo *Tiên thiên đồ*, Khảm ở chính tây, nên mặt trăng mọc ở đó.

Quẻ Ly, thoán từ nói: "Ly lệ dã, nhật nguyệt lệ hồ thiên (Ly là phụ thuộc, mặt trời mặt trăng phụ thuộc ở trời). Theo *Tiên thiên đồ*, Ly là chính đông, nên mặt trời mặt trăng phụ thuộc ở đó.

3.Chữ ở sách *Tính lý*.

11

接奉花箋，引用黃老之家，匡勞返而清靜。此與易同人先號咷而後笑。道理相似，古金人知此義者，陶朱公與留侯鄴侯三人。然而留侯鄴侯不免笑復號咷。惟陶朱收宿得乾乾淨淨。要之，此三人者，俱做得能安能慮工夫。至於咷笑所宜，亦同歸于明哲而已。前作公於拙所言，惕然有感。今得公約"躬省行之句"，重有感焉。蒙賜珠璣，方推敲攀和，忽悟古人"鴈拖秋色入衡陽"之句，不覺得韻得意，依樣奉賡，聊供聚堂清玩。希惟存照。

夢曉金門白玉堂
蠡舟雅興溢京塘
行藏體道存規矩
裘葛隨時異服章
燕孕春泥巢禁禦
鴈拖秋色入衡陽
玄機物理間參透
君子操持豈易方

PHIÊN ÂM:

Tiếp phụng hoa tiên, dẫn dụng Hoàng lão chi gia, khuông lao phản nhi thanh tĩnh. Thử dữ dị đồng nhân tiên hiệu triệu nhi hậu tiếu. Đạo lý tương tự, cổ kim nhân tri thử nghĩa giả, Đào Chu Công dữ Lưu Hầu Nghiệp Hầu tam nhân. Nhiên nhi Lưu Hầu Nghiệp Hầu bất miễn tiếu phục hiệu triệu. Duy Đào Chu mục túc đắc càn càn tĩnh tĩnh. Yếu chi, thử tam nhân giả, câu tố đắc năng an năng lự công phu. Chí ư triệu tiếu sở nghi, diệc đồng quy vu minh triết nhi dĩ. Tiền tác công ư chuyết sở ngôn, dịch nhiên hữu cảm. Kim đắc công ước: "Cung tỉnh hành chi cú," trùng hữu cảm yên. Mông tứ chu cơ, phương thôi xao phàn hoà, hốt ngộ cổ nhân: "Nhạn đà thu sắc nhập Hành Dương" chi cú, bất giác đắc vận đắc ý, y dạng phụng canh, liêu[a] cung tụ đường thanh ngoạn. Hy duy tồn chiếu.

Mộng hiểu kim môn bạch ngọc đường,
Lãi chu nhã hứng dật kinh đường.
Hành tàng thể đạo[b] tồn quy củ;
Cầu cát tùy thời[c] dị phục chương.
Yến dựng xuân nê sào cấm ngự;
"Nhạn đà thu sắc nhập Hành Dương."
Huyền cơ vật lý nhàn tham thấu,
Quân tử thao trì khởi dịch phương.

DỊCH NGHĨA:

Nhận được thơ ông, trong thơ có dẫn ra cái ý "hết lo lắng rồi thì sẽ trở lại thanh tĩnh." Ý này cũng giống với cái lẽ "trước gào khóc rồi sau cười" trong quẻ Đồng Nhân của *Kinh Dịch*. Xưa nay những người biết được nghĩa chỉ có ba ông Đào Chu Công,(1) Lưu Hầu(2)và Nghiệp Hầu.(3) Nhưng các ông Lưu Hầu, Nghiệp Hầu không nhịn được cười, sau rồi lại gào khóc. Chỉ có Đào Chu Công là thu xếp được thật gọn ghẽ ổn thỏa. Tóm lại, ba ông đó đều đạt tới mức biết yên biết lo. Còn như việc khóc cười sao cho phải lẽ cũng đều là do sự sáng suốt mà thôi. Trong thơ trước, những lời ông nói với tôi, khiến tôi vô cùng cảm động. Nay được câu của ông khuyên nên "gìn giữ tấm thân, giảm bớt công việc," lại càng cảm động. Được lời vàng ngọc, đang lựa chọn tứ thơ để kính họa lại, chợt nhớ câu "Nhạn đà thu sắc nhập Hành Dương"(4) (Nhạn kéo mùa thu đưa vào Hành Dương) của người xưa, bất giác tìm được vần được ý, cứ thế mà họa lại, để đợi lúc sum họp một nhà sẽ cùng nhau thưởng thức. Mong ông xét cho.

Trong mơ đã rõ cửa Kim Mã, nhà Bạch Ngọc,(5)
Hứng thanh nhã của thuyền Phạm Lãi, tràn ra ở kinh đường.(6)
Tiến lui theo đúng đạo lý, vẫn còn để lại khuôn phép;
Áo cừu hay áo cát, tùy theo thời mà thay đổi cách
ăn mặc, khác nhau.
Én đắp bùn xuân làm tổ mới trong Cấm Uyển;(7)
"Nhạn kéo mùa thu đưa vào Hành Dương."
Khi thư nhàn tham khảo thấu suốt cơ trời, lẽ vật,
Người quân tử đâu có chịu đổi chí hướng của mình.

KHẢO DỊ:

a.Bản VHv.16/12: Lưu 留.

b.Bản VHv.16/12: Chu tuyền đạo thể 周旋道體.

c.Bản VHv.16/12: Nghi 宜.

CHÚ THÍCH:

1.Đào Chu Công: Tức Phạm Lãi thời Xuân Thu. Sau khi giúp Việt vương là Câu Tiễn diệt Ngô, Phạm Lãi biết trước Câu Tiễn là người khinh bạc, không thể cùng chung hưởng phú quý bèn bỏ đi, đổi họ tên thành Đào Chu Công, cùng mang theo Tây Thi đi tiêu dao ở Ngũ hồ.

2.Lưu Hầu: Tức Trương Lương, người nước Hàn. Hàn bị Tần diệt, Trương Lương tìm hết cách để báo thù. Sau Lương giúp Hán Cao Tổ diệt được Tần có công lớn được phong làm Lưu Hầu. Thù nước trả xong, Lương bèn thoái lui nói là tu tiên, nhờ vậy thoát được tai hoạ bị giết hại như một số công thần khác của Hán Cao Tổ.

3.Nghiệp Hầu: Tức Lý Bí đời Đường là người có tài, được các triều vua Huyền Tông, Túc Tông, Đại Tông trọng dụng, song bị triều thần gièm pha nên ông rút lui. Đến đời Đức Tông ông được phong tước Nghiệp Hầu.

4.Hành Dương: Tên một huyện ở tỉnh Hồ Nam.

5.*Hán thư:* "Lịch Kim môn, thướng Ngọc đường hữu nhật hĩ": Sẽ đến cửa vàng, lên nhà ngọc, ý nói sẽ ra làm quan. Trong thơ ý nói, tác giả đã tỏ tường chốn quan trường này của triều đình Quang Toản.

6.Kinh dường: Ao ở kinh đô. Trong bài ý nói, muốn học theo Phạm Lãi, bơi thuyền đi chơi Ngũ hồ, không muốn làm quan cho triều đình Quang Toản, hiện đang bị Bùi Đắc Tuyên thao túng thanh trừng những người không ăn cánh.

7.Cấm Uyển: Nguyên văn là "Cấm ngự," là vườn cấm của vua chúa. Trong bài là tên riêng chỉ vườn Cấm Uyển của vua nhà Hán ở địa phận tỉnh Hà Nam, Trung Quốc.

12

蒙賜台教：心無愧行無戾六字，眞躬行妙訣。肅賡前韻，敬珮嘉言。

禪心一片鏡懸堂
無論鑽龜打馬塘
浮世悠悠皆往事
歷時濟濟有來章
未能釣艇尋仙澗
聊伴朝鐘叩上陽
寥廓寄情非寄跡
提躬矩範是良方

PHIÊN ÂM:

Mông tứ đài giáo: Tâm vô quý hành vô lệ lục tự, chân cung hành diệu quyết. Túc canh tiền vận, kính bội gia ngôn.

Thiền tâm nhất phiến kính huyền đường,
Vô luận toản quy đả mã đường.
Phù thế du du giai vãng sự;
Lịch thời tế tế hữu lai chương.
Vị năng điếu đĩnh tầm tiên giám;
Liêu bạn triêu chung khấu Thượng Dương.
Liêu khuyếch ký tình phi ký tích,
Đề cung củ phạm thị lương phương.

DỊCH NGHĨA:

Nhận được sáu chữ ông đưa cho: "Tâm vô quý cung vô lệ" (Lòng không hổ, mình không trái), qủa là một bí quyết để giữ mình. Kính nối vần trước; nhớ mãi lời hay.

Lòng thiền một mảnh, như gương treo trước nhà,
Chẳng bàn chi chuyện bói rùa và đánh cá ngựa.(1)
Cõi đời dằng dặc đều là việc đã qua;
Thời gian đằng đẵng, toàn chuyện văn chương đưa đến.
Chưa thể buông chiếc thuyền câu, để tìm suối tiên;
Đành làm bạn với tiếng chuông sớm, trên cung Thượng Dương.(2)
Cõi mênh mang, gửi mối tình, chứ không gửi dấu tích,
Giữ mình đúng khuôn phép, đó là một cách hay.

CHÚ THÍCH:

1.Ý nói, chẳng kể đến điều may rủi.

Bói rùa, theo *Kinh Lễ,* mỗi khi xuất quân đi đánh dẹp thường đem mai rùa ra bói để biết tốt xấu.

2.Cung Thượng Dương, do Đường Cao Tông xây để nghỉ ngơi khi đi tuần du. Đây có ý là, còn phải tạm làm quan giúp vua, chưa thể cáo hưu mà đi ở ẩn được.

13. 戲代湖陽

殘花自分隔簾堂
多幸芳園遇敬塘

誠冀吉繇諧帝乙
敢將故冕托王章
蕉林鏡照重圓月
葆觀丹回既午陽
毛水尋常難報李
仰公淺泳更深方

PHIÊN ÂM:

HÍ ĐẠI HỒ DƯƠNG

Tàn hoa tự phận cách liêm đường,
Đa hạnh phương viên ngộ Kính Đường.
Thành ký cát do hài Đế Ất;
Cảm tương cố miện thác Vương Chương.
Tiêu lâm kính chiếu trùng viên nguyệt;
Bao quán đan hồi ký ngọ dương.
Mao thủy tầm thường nan báo lý,
Ngưỡng công thiển vịnh cánh thâm phương.

DỊCH NGHĨA:

ĐÙA THAY NÀNG HỒ DƯƠNG[1]

Tự biết phận mình như cánh hoa tàn, cách rèm trước nhà,
May sao gặp được Kính Đường, ở chốn vườn thơm.[2]
Thực cầu cho duyên đẹp, để hài lòng Đế Ất;[3]
Dám đâu đem mũ miện cũ, gửi gắm cho Vương Chương.[4]
Vầng trăng lại tròn như gương, tỏa sáng trên rừng chuối;
Vầng dương đang trưa, tròn tựa viên đan soi trên cỏ cây.
Rau khe tầm thường, khó đền được ơn mận,[5]
Mong ông chỗ nông thì lội, chỗ sâu thì đi bè.[6]

CHÚ THÍCH:

1.Hồ Dương công chúa là chị gái vua Hán Quang Vũ, góa chồng sớm, vua toan gả cho quan Đại tư không Tống Hoằng, nên xui Hoằng bỏ vợ cũ. Hoằng từ chối nói: "Vợ từ thuở hàn vi không thể bỏ."

2.Kính Đường: Không rõ xuất sứ.

3.Đế Ất: *Kinh Dịch* quẻ Quy muội, Hào lục ngũ nói: "Đế Ất gả chồng cho em gái... Như mặt trăng gần rằm, tốt." Ở đây mượn để chỉ Hán Quang Vũ.

4.Vương Chương, học trò nghèo đời Hán. Hai vợ chồng cháo rau nuôi nhau ăn học. Sau Vương Chương thi đỗ, quan tới chức Kinh triệu doãn. Trong bài, mượn để chỉ Tống Hoằng.

Miện, loại mũ từ quan Đại phu trở lên mới được đội, "mũ miện cũ": Chỉ công chúa Hồ Dương.

5.Rau khe, nguyên văn "mao thủy," dịch theo nghĩa của *Tả truyện:* ...gián khê chiếu chi chi mao; hoằng ô hành lao chi thủy (Rau ở khe suối, ao ngoài, nước ở vũng nông, bãi cạn).

Đền ơn cho mận: Thơ *Vệ phong* trong *Kinh Thi,* có câu: "Đầu ngã dĩ mộc lí, báo chi quỳnh cửu" (Cho ta qủa mận, ta báo lại bằng ngọc quỳnh, ngọc cửu). Thơ *Bội phong*, thiên *Đại nhã* cũng có câu: "Đầu ngã dĩ đào, báo chi dĩ lí" (Cho ta qủa đào, ta báo lại qủa mận). Đó là những câu thơ trai gái trao duyên. Trong bài này được mượn để chỉ việc trao duyên giữa Hồ Dương và Tống Hoằng là không xứng.

6.Nông thì lội, sâu thì đi bè: Mượn ý trong thơ *Cốc phong*, *Kinh Thi*: "Tới chỗ sông sâu đi bè, đi thuyền, tới chỗ sông nông thì ta lội, ta bơi." Ý trong bài, nhắc bạn (Phan Huy Ích) phải khéo léo tùy thời thế.

14. 戲代閨怨

彼上堂來此下堂
春潮敢望到錢塘
怯霜弱柳難供御
承露眞金易琢章
姤杞包時原有窟
剝魚串後更逢陽
仙姝好試仙翁鼎
玉杵方研不老方

PHIÊN ÂM:

HÍ ĐẠI KHUÊ OÁN

Bỉ thướng đường lai, thử há đường,
Xuân trào cảm vọng đáo Tiền Đường.
Khiếp sương nhược liễu nan cung ngự;
Thừa lộ chân kim dị trác chương.
Cấu kỷ bao thời nguyên hữu quật;
Bác ngư xuyên hậu cánh phùng dương.
Tiên thù hảo thí tiên ông đỉnh,
Ngọc chử phương nghiên bất lão phương.

DỊCH NGHĨA:

LẠI BỐN LÀM THAY LỜI KHUÊ OÁN[1]

Đẩy lên nhà, thì đây xuống khỏi nhà,
Đâu dám mong sóng xuân dâng đến Tiền Đường.[2]
Liễu yếu sợ sương sa này, khó dâng cho vua ngự;
Vàng thật nhuần móc kia, dễ sửa cho nổi mầu.
Quẻ Cấu lúc được cây kỷ bao che, nguyên đã có chốn;[3]
Quẻ Bác sau khi cá thành xâu, thì gặp ánh dương.[4]
Nàng tiên đẹp, thử chiếc đỉnh của tiên ông,
Đang cầm chày ngọc, tán phương thuốc trường sinh.[5]

CHÚ THÍCH:

1.Khuê oán, lời oán hận chốn khuê phòng.

2.Tiền Đường, theo truyện *Vương Thuý Kiều* của Thanh Tâm Tài Nhân đời Minh, thì Tiền Đường là con sông mà nàng Kiều tự vẫn để bảo toàn trinh tiết.

3.*Kinh Dịch*, quẻ *Cấu,* hào *Cửu ngũ* nói: Dĩ kỷ bao qua, hàm chương, hữu vẫn tự thiên" (Dùng cây kỷ bao che cho cây dưa, lẳng lặng xử sự tốt, trời sẽ giáng điềm lành). Câu này có lẽ ý nói: Nàng đã có chốn nương tựa.

4.*Kinh Dịch quẻ Bác,* hào *Lục ngũ* nói: "Quán ngư đễ cung nhân sủng, vô bất lợi" (Lấy cả bầy như xâu cá, cùng tiến cả vào làm cung nhân, được vua yêu không gì không lợi). Câu này có lẽ nói: Nàng sẽ được vua yêu khi tiến cung.

5.Chày ngọc: Đời Đường, Bùi Hàng được chiếc chày và cối ngọc bỏ chút huyền sương (?) vào giã ở trên cầu Lam Kiều để chế thuốc trường sinh, giữa lúc đó thì gặp được nàng Vân Anh kết duyên vợ chồng, rồi cùng thành tiên đi mất.

15. 戲代湖陽感懷

古人有設無是公烏有先生互相問答，往往於言論風旨，露出天倪。吾輩因情史成詩，點出一段標致來，摸寫得三十六宮之妙，記曰風雲霜露，無非教也。巧笑美目，豈不足以起予者哉。輒代湖陽感懷五章，依前韻奉賡呈正。

其一：感鵑聲

不是當初响處堂
摧移事勢看沙塘
怨魂望斷三更月
啼血粧成七夕章
故國景鐘隨曉漏
世家喬木愴斜陽
沁園不禁紗窗淚
奔月雲高未識方

PHIÊN ÂM:

HÍ ĐẠI HỒ DƯƠNG CẢM HOÀI

Cổ nhân hữu thiết, Vô Thị công Ô Hữu tiên sinh hỗ tương vấn đáp, vãng vãng ư ngôn luận phong chỉ, lộ xuất thiên nghê. Ngô bối nhân tình sử thành thi, điểm xuất nhất đoạn tiêu trí lai, mô tả đắc tam thập lục cung chi diệu, ký viết phong vân sương lộ, vô phi giáo dã. Xảo tiếu mỹ mục, khởi bất túc dĩ khởi dư giả tai. Triếp đại Hồ Dương cảm hoài ngũ chương, y tiền vận phụng canh trình chính.

KỲ NHẤT: CẢM QUYÊN THANH

Bất thị đương sơ hú xứ đường,
Suy di sự thế khán sa đường.
Oán hồn vọng đoạn tam canh nguyệt;
Đề huyết trang thành thất tịch chương.
Cố quốc cảnh chung tùy hiểu lậu;
Thế gia kiều mộc thảng tà dương.
Tấm viên bất cấm sa song lệ,
Bôn nguyệt vân cao vị thức phương.

DỊCH NGHĨA:

ĐÙA THAY NÀNG HỒ DƯƠNG BÀY TỎ NỖI LÒNG

Người xưa đã từng bày ra chuyện kẻ hỏi người đáp giữa Vô Thị công và Ô Hữu tiên sinh,[1] trong ý vị của những lời bàn luận giữa họ thường để lộ ra cái phận tự nhiên mà trời kia đã dành cho họ. Bọn ta nhân chuyện tình sử mà thành thơ, nêu ra được một đoạn hay, cho là lý thú, mô tả được vẻ đẹp của ba mươi sáu cung,[2] ghi lại chuyện gió mây sương móc thường ngày, đó chẳng qua đều là chuyện trong vòng giáo hóa cả. Còn người cười xinh mắt đẹp[3] kia, há chẳng phải là để giúp cho ta hứng khởi ư? Vì vậy bèn thay nàng Hồ Dương làm năm bài cảm hoài, họa theo vần trước, trình lên ông phủ chính giúp.

BÀI 1: BUỒN NGHE TIẾNG CHIM QUYÊN

Không phải là căn nhà chung sống đùm bọc nhau[4]thuở xưa nữa,
Thế sự đã đổi thay theo [sự thắng bại] ở chốn sa trường.
Hồn oán hận trông đứt bóng trăng canh ba;
Máu hờ khóc, vẽ thành cảnh đêm thất tịch.[5]
Chuông lớn cố quốc, ngân theo giọt đồng hồ bạn sớm;
Cây cao thế gia, ủ rũ dưới ánh chiều tà.
Nơi vườn Tấm, không ngăn nổi giọt lệ song the,[6]
Muốn chạy lên cung trăng mây cao, nhưng chưa biết cách nào![7]

CHÚ THÍCH:

1.Vô Thị công, Ô Hữu tiên sinh, là những nhân vật trong bài Thượng Lâm phú của Tư Mã Tương Như đời Hán. Ngô Thì Nhậm dùng điển này để nói

rằng, việc mình thay lời nàng Hồ Dương cũng chỉ là chuyện hư cấu nhằm kí thác tâm sự của mình mà thôi.

2.Ba mươi sáu cung: Phiếm chỉ cung điện của vua chúa. Lấy từ câu thơ: "Hán gia ly cung tam thập lục" (Nhà Hán có ba mươi sáu tòa ly cung) của Lạc Tận Vương đời Đường. Đời sau còn dùng "ba mươi sáu cung" để chỉ chung các phụ nữ ở trong cung cấm.

3.Cười xinh mắt đẹp: Dịch từ chữ "Xảo tiếu mĩ mục" chữ trong *Kinh Thi,* vốn để chỉ hình dáng người đẹp, nhưng được thầy trò Khổng Tử lấy ra để ví với người có phẩm chất tốt đẹp.

4.Dịch chữ "Hú xứ," xuất xứ trong *Trang Tử.*

5.Đêm thất tịch: Tức đêm mùng 7, tháng 7, âm lịch. Theo truyền thuyết, đêm này là đêm vợ chồng Ngưu Lang, Chức Nữ gặp nhau sau cả năm xa cách.

6.Vườn Tấm (Tấm viên) là khu tư viên của Tấm Thủy công chúa đời Hán, suýt bị Đậu Hiến cậy thế cướp đoạt. Sau này thường dùng từ "vườn Tấm" để chỉ tư viên của các công chúa (Xem *Hậu Hán thư, Đậu Hiến truyện*).

7.Chạy trốn lên cung trăng (bôn nguyệt), xuất xứ từ chuyện vợ Hậu Nghệ là Thường Nga lấy cắp thuốc của chồng rồi trốn lên cung trăng. (Xem *Luận hành* của Vương Sung đời Hán).

16. 其二:感蟬聲

誰將怨緒繞高堂
深樹聲聲浪鼓塘
涼夜似啼蟾殿魄
清晨如折柳臺章
長亭甚處浮金谷
短笛何人唱夕陽
寂寞曾憐孤另否
洞賓兩口幸傳方

PHIÊN ÂM:

KỲ NHỊ: CẢM THIỀN THANH

Thùy tương oán tự nhiễu cao đường,
Thân thụ thanh thanh lãng cổ đường.
Lương dạ tự đề Thiềm điện phách;
Thanh thần như chiết liễu Đài Chương.
Trường đình thậm xứ phù Kim Cốc;
Đoản địch hà nhân xướng tịch dương.
Tịch mịch tằng lân cô lánh phủ,
Động Tân lưỡng khẩu hạnh truyền phương.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 2: BUỒN NGHE TIẾNG VE

Ai đem mối tơ oán cuốn quanh nhà cao,
Tiếng tiếng trên cây rậm như sóng vỗ bờ.
Đêm khuya tựa khóc hồn thiềm[1]cung Quảng;[2]
Sáng sớm dường bẻ cành liễu Đài Chương.[3]
Chén trường đình nơi nao, tràn trề cả vườn Kim Cốc;[4]
Chiếc sáo ngắn ai đó, réo rắt trong ánh tà dương.
Trong cảnh vắng vẻ, có thương đến kẻ cô đơn này không nhỉ?
Xin truyền cho cách tu tiên, vợ chồng sánh đôi như Động Tân.[5]

CHÚ THÍCH:

1.Theo truyền thuyết xưa, trên cung trăng có con thiềm thừ. Trăng là tinh con thiềm thừ. Vì vậy sau này hay dùng chữ thiềm để chỉ trăng.

2.Cung Quảng: Cung trăng.

3.Đài Chương: Tức Chương Đài, tại Trường An thuộc Thiểm Tây, Trung Quốc.

"Bẻ cành liễu Đài Chương": Từ câu chuyện tình giữa Hà Hoàng và người con gái họ Liễu đời Đường.

4.Vườn Kim Cốc: Tư viên của Thạch Sùng thời Tấn. Thạch Sùng thường tổ chức các buổi chè chén yến tiệc linh đình tại đây.

5.Động Tân, tức Lã Động Tân, người đời Đường, lúc nổ ra cuộc khởi nghĩa Hoàng Sào bèn dời nhà, dắt cả vợ con đến núi Chung Nam để tu tiên, cuối cùng tương truyền cả hai vợ chồng đều đắc đạo.

17. 其三：感琴聲

不是彩衣鼓鳳堂
隔簾斷續響方塘
淒涼此夜挑孤枕
嗚咽當初奏大章
綠鬢野人梳白雪
班髯君子侍青陽
誰家新製求凰曲
鬧亂心情各一方

PHIÊN ÂM:

KỲ TAM: CẢM CẦM THANH

Bất thị thái y cổ phượng đường,
Cách liêm đoạn tục hưởng phương đường.
Thê lương thử dạ khiêu cô chẩm;
Ô yết đương sơ tấu đại chương.
Lục mấn dã nhân sơ bạch tuyết;
Ban nhiêm quân tử thị Thanh Dương.
Thùy gia tân chế cầu hoàng khúc,
Náo loạn tâm tình các nhất phương.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 3: BUỒN NGHE TIẾNG ĐÀN

Không phải tiếng đàn người mặc áo mầu gảy trong nhà phượng,(1)
Cách rèm, tiếng đứt đoạn, vang ra tận ngoài ao.
Đêm đó lạnh lẽo, khêu gợi bên gối cô đơn;
Ban đầu nỉ non, tấu chương nhạc lớn.
Mái tóc xanh người thôn dã, trải mầu tuyết trắng;
Râu dốm bạc bậc quân tử, chầu ở cung Thanh Dương.(2)
Nhà ai mới chế ra khúc Phượng cầu hoàng?(3)
Náo động tâm tình, mỗi người mỗi ngả.

CHÚ THÍCH:

1.Người mặc áo mầu: Dịch từ chữ "thái y," chỉ đào kép chuyên nghề đàn dịch hát xướng.

2.Cung Thanh Dương, là cung điện xây phía đông thành để nhà vua ở. Đây chỉ cung vua nói chung.

3.Khúc Phượng cầu hoàng: Tương truyền, Tư Mã Tương Như đời Hán, muốn lấy Trác Văn Quân, bèn chế ra khúc "Phượng cầu hoàng" để tỏ tình.

18. 其四：感鐘聲

元音夜半到齋堂
留住芳心白玉塘
香徑敲殘蝴蝶夢
錦機擲斷鳳凰章
念珠暗數三生劫
空谷初傳一晝陽
觸動禪緣尋證果
蓁苓佳品在西方

PHIÊN ÂM:

KỲ TỨ: CẢM CHUNG THANH

Nguyên âm dạ bán đáo trai[a] đường,
Lưu trú phương tâm bạch ngọc đường.
Hương kính xao tàn hồ điệp mộng;
Cẩm cơ trịch đoạn phượng hoàng chương.
Niệm châu[b] ám sổ tam sinh kiếp;
Không cốc sơ truyền nhất hoạch dương.
Xúc động thiền[c] duyên tầm chứng qủa,
Trăn linh giai phẩm tại tây phương.

DỊCH NGHĨA:

Bài 4: CẢM TƯỞNG KHI NGHE TIẾNG CHUÔNG

Nửa đêm, tiếng kêu vang đưa tới phòng chay,
Khiến lòng thơm thảo lưu lại nơi bạch ngọc đường.
Trên lối thơm, khua tan giấc mơ hồ điệp;(1)
Tựa thoi gấm, ném đứt khúc Phượng cầu hoàng.(2)
Lần chuỗi hạt châu niệm Phật, ngầm đếm kiếp ba sinh;(3)
Trong hang trống, vừa truyền lại một khí dương.(4)
Xúc động duyên thiền, đi tìm chứng quả,
Vật quý như cỏ trăn, cỏ linh ở tận phía tây.(5)

KHẢO DỊ:

a.Bản A.1168: Nhu 需.

b.Bản A.1168: Sinh 生.

c.Bản A.1168: Trần 塵.

CHÚ THÍCH:

1.Giấc mơ hồ điệp: Theo *Tề vật luận* của Trang Tử thì, Trang Chu nằm mộng thấy mình hóa thành con bướm bay đi. Sau giấc mơ hồ điệp được dùng để chỉ giấc mơ đẹp.

2.Khúc Phượng cầu hoàng: Xem chú thích số 3, bài 17.

3.Chuỗi hạt châu, tức chuỗi hạt bồ đề, cũng có tên là tràng hạt. Một chuỗi có 180 hạt, để niệm 180 danh hiệu Phật, sư sãi cứ lần theo hạt mà niệm.

Kiếp ba sinh, chỉ kiếp luân hồi của nhà Phật,

4.Tiếng chuông vang lên lúc nửa đêm, nửa đêm thuộc giờ Tý. Người xưa cho rằng, khí dương sinh ra từ giờ Tý đến giờ Tỵ, khí âm sinh ra từ giờ Ngọ đến giờ Hợi.

Hang trống: Dịch chữ "không cốc." Đây chỉ cõi Phật, vì nhà Phật chủ trương "Hư không."

5.Cây trăn, cỏ linh, hai loài cây được nhắc đến trong thơ *Giản hề. Kinh Thi:* "Sơn hữu trăn, thấp hữu linh, vân thùy chi tự, tây phương mĩ nhân" (Trên núi có cây trăn, dưới thấp có cỏ linh, rằng ta nhớ ai? người đẹp ở phương tây). Chu Tử giải thích, người đẹp ở phương tây là chỉ các vương giả đời thịnh trị triều Tây Chu trước. Nhưng ở bài này dùng để chỉ cõi phật ở Tây Vực (Ấn Độ).

19. 其五：感秋水聲

一碧澄凝玉積堂
仙源委曲戛銀塘
不流無奈題紅葉
如訴還慵展錦章
洞澗難媒長樂老
宮歌悶聽小嬌陽
誰移銀漢來人世
欲架橫橋礙問方

PHIÊN ÂM:

KỲ NGŨ: CẢM THU THỦY THANH

Nhất bích trừng ngưng ngọc tích đường,
Tiên nguyên uỷ khúc giáp ngân đường.
Bất lưu[a] vô nại đề hồng diệp;
Như tố hoàn dung triển cẩm chương.
Động giám nan môi trường lạc lão;
Cung ca muộn thính tiểu kiều dương.
Thùy di Ngân Hán lai nhân thế,
Dục giá hoành kiều ngại vấn phương.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 5:

CẢM TƯỞNG KHI NGHE TIẾNG NƯỚC MÙA THU

Một mầu biếc trong đọng lại như nhà chứa ngọc,
Nguồn tiên uốn khúc vỗ vào bờ bạc.
Không chảy, sao đề thơ được vào lá thắm;[1]
Như mách: Còn lười mở bức thư gấm.
Khó nhử ông già vui hoài với khe động;[2]
Buồn nghe cô gái đương xuân hát trong cung.

Ai dời sông Ngân xuống cõi thế gian?
Muốn bắc cầu ngang, ngăn trở việc hỏi phương.[3]

KHẢO DỊ:

A.Bản A.1168: Lưu 留.

CHÚ THÍCH:

1.Lá thắm (hồng diệp), Vu Hựu đời Đường, bắt được chiếc lá đỏ có đề thơ từ dòng ngự câu trong cung trôi ra. Hựu nhân làm bài thơ đáp lại đề vào lá, đem tới đầu nguồn thả. Nàng Hàn Thi, cung nữ, tác giả bài thơ trước bắt được. Sau hai người trở thành vợ chồng, do có bài thơ đề trên lá làm mối.

2.Ý nói một người ham công danh phú quý thì không thể sống ẩn dật bạn cùng khe động được. Ông già vui hoài: Trường Lạc lão là biệt hiệu của Phùng Đạo người thời Ngũ Đại, từng thờ bốn họ mười vua, luôn thay thầy đổi chủ để được địa vị cao sang.

3.Bắc cầu ngang (giá hoành kiều), Tục Tề Hài chép: Bên sông Ngân có nàng Chức Nữ (cô gái dệt vải) là cháu gái của trời, chăm chỉ dệt vải, suốt ngày không lúc nào nghỉ ngơi để trang điểm cho sắc đẹp, lại ở một mình. Trời thương hại, gả cho chàng Khiên Ngưu (chăn trâu) ở bên tây sông. Sau khi về nhà chồng Chức Nữ sinh lười biếng, chỉ tô điểm suốt ngày. Trời nổi giận, bắt về bên bờ đông sông, mỗi năm chỉ đêm thất tịch (mồng 7 tháng 7), sai chim ô thước lấp sông thành cầu cho Chức Nữ sang gặp chồng, sớm hôm sau lại phải chia tay.

Toàn bài thơ này đều tả về nỗi buồn của nàng Hồ Dương goá chồng, nghe tiếng nước mùa thu.

20. 戲代湖陽賦五求章

盈天地間道與器二事。可弄者是器，而其不可弄者是道。月、花、鏡、織、絃是何弄的物事。月何爲而明，花何爲而香，鏡何爲而光，織何而有聲，絃何爲而有音，又是不可弄底道理。譬則翰墨爲士者所弄。軒冕爲貴者所弄，而士者之含茹今古，貴者之抱負經濟，算無人弄得他。

且如月、花、鏡、織、絃，能爲湖陽所弄，而何人拘引得明在月，香在花，光在鏡，聲在織，音在弦，分明是

湖陽弄他不得。詩曰"相彼鳥矣，求其友聲"。物之相求者，且求其聲，矧伊人斯，可以不知其所求乎？湖陽而知所求則月花鏡，織絃之器在彼，而明香光聲音之道在此。

詩曰:"求之不得，寤寐思服"。是可爲求道者求之。輒代湖陽賦五求章呈復。倘所謂可離非道者非歟？明道君子於意雲何？

其一:求明

弄月徘徊寢月堂
月情淡蕩罩空塘
幾回在地尋人影
何處梯天覓兔章
入夢金鈿浮太液
橫梁珠淚落昭陽
願君扒去重雲幕
照到天台產藥方

PHIÊN ÂM:

HÍ ĐẠI HỒ DƯƠNG PHÚ NGŨ CẦU CHƯƠNG

Doanh thiên địa gian đạo dữ khí nhị sự. Khả lộng giả thị khí, nhi kỳ bất khả lộng giả thị đạo. Nguyệt, hoa, kính, chức, huyền thị hà lộng đích vật sự. Nguyệt hà vi nhi minh, hoa hà vi nhi hương, kính hà vi nhi quang, chức hà nhi hữu thanh, huyền hà vi nhi hữu âm, hựu thị bất khả lộng để đạo lý. Thí tắc hàn mặc vi sĩ giả sở lộng, hiên miện vi quý giả sở lộng, nhi sĩ giả chi hàm như kim cổ, quý giả chi bão phụ kinh tế, toán vô nhân lộng đắc tha.

Thả như nguyệt, hoa, kính, chức, huyền, năng vi Hồ Dương sở lộng, nhi hà nhân câu dẫn đắc minh tại nguyệt, hương tại hoa, quang tại kính, thanh tại chức, âm tại huyền, phân minh thị Hồ Dương lộng tha bất đắc. Thi viết: "Tương bỉ ô hỹ, cầu kỳ hữu thanh." Vật chi tương cầu giả, thả cầu kỳ thanh, thẩn y nhân tư, khả dĩ bất tri kỳ sở cầu hồ? Hồ Dương nhi tri sở cầu tắc nguyệt hoa kính, chức huyền chi khí tại bỉ, nhi minh hương quang thanh âm chi đạo tại thử.

Thi viết: "Cầu chi bất đắc, ngộ my tư bặc." Thị khả vi cầu đạo giả cầu chi. Triếp đại Hồ Dương phú ngũ cầu chương trình phục. Thảng sở vị khả ly phi đạo giả phi dư? Minh đạo quân tử ư ý vân hà?

KỲ NHẤT: CẦU MINH

Lộng nguyệt bồi hồi tẩm nguyệt đường,
Nguyệt tình đạm đãng trạo không đường.
Kỷ hồi tại địa tầm nhân ảnh;
Hà xứ thê thiên mịch thố chương.
Nhập mộng kim điền phù Thái Dịch;
Hoành lương châu lệ lạc Chiêu Dương.
Nguyện quân bát khứ trùng vân mạc,
Chiếu đáo Thiên Thai sản dược phương.

DỊCH NGHĨA:

ĐÙA THAY NÀNG HỒ DƯƠNG LÀM CÁC BÀI THƠ NGŨ CẦU
(TÌM KIẾM NĂM THỨ)

Đầy rẫy trong vòng trời đất là hai thứ đạo và khí. Cái có thể bỡn được là khí, còn cái không thể bỡn được là đạo. Trăng, hoa, gương, dệt, dây đàn,[1] đó là những thứ có thể bỡn được. Trăng vì sao mà tỏ, hoa vì sao mà thơm, gương vì sao mà sáng, dệt vì sao mà thành tiếng, giây đàn vì sao mà nên âm, đó lại là những đạo lý không thể bỡn cợt được. Ví như bút mực là những thứ mà kẻ sĩ có thể bỡn được, xe cộ mũ mão là những thứ mà người sang có thể bỡn được; còn như cái tài học bao quát cổ kim của kẻ sĩ, cái chí hướng ôm ấp kinh luân của người sang thì không ai có thể bỡn được.

Lại như trăng, hoa, gương, dệt, giây đàn, có thể là những thứ mà nàng Hồ Dương bỡn cợt được, nhưng còn việc ai xui nên trăng tỏ, hoa thơm, gương sáng, dệt thành tiếng, giây đàn gảy thành âm thì rõ ràng là chuyện đó nàng Hồ Dương không sao bỡn cợt được. *Kinh Thi* có câu: "Xem

vẻ con chim kia, dường tìm tiếng của bạn nó." Loài vật tìm nhau, còn tìm tiếng của nhau, huống chi là con người lại đến nỗi không biết cái thứ mình cần tìm kiếm hay sao? Nếu như nàng Hồ Dương mà biết những thứ mình cần tìm thì là trăng, hoa, gương, dệt, giây đàn, là "khí"; còn đây là ánh trăng tỏ, mùi hoa thơm, vẻ gương sáng, tiếng thoi dệt, âm giây đàn, là "đạo."

Kinh Thi còn có câu: "Tìm chẳng được, thức ngủ đều mong ước." Đó có thể là cách tìm kiếm của người đi tìm cái đạo. Vậy nên liền thay nàng Hồ Dương viết thơ Ngũ cầu để kính gửi sang ông. Còn như điều mà người ta nói rằng: Cái có thể tách ra được thì không phải là đạo,[2] điều đó là sai chăng? Ý của bậc quân tử hiểu rõ về đạo định giải thích sao đây?

BÀI 1: TÌM [ÁNH TRĂNG] SÁNG

Bỡn trăng dùng dằng trong phòng trăng tỏ,
Tình trăng lai láng trùm cả phòng không.
Bao phen tìm bóng người trên mặt đất;
Bắc thang trời nơi nao mà tìm vầng thỏ.[3]
Trong mơ thấy chiếc khuyên vàng nổi trên ao Thái Dịch;[4]
Ngang má lăn giọt lệ ngọc rơi xuống hồ Chiêu Dương.[5]
Mong ngươi cuốn hẳn lớp lớp màn mây,
Soi tới Thiên Thai nơi sản xuất ra thuốc tiên.[6]

CHÚ THÍCH:

1.Do bài trước Ngô Thì Nhậm nghĩ giúp 5 bài cảm hoài cho công chúa Hồ Dương, Phan Huy Ích lại làm 5 bài đùa của công chúa là: Đùa trăng, đùa hoa, đùa gương, đùa dệt, đùa gảy đàn (Lộng nguyệt, lộng hoa, lộng kính, lộng chức, lộng huyền) trao cho ông xem. Để đáp lại 5 bài đùa (ngũ lộng), Ngô Thì Nhậm lại viết 5 bài sở cầu này.

2.*Trung dung*: Đã gọi là đạo, thì không thể phút chốc mà lìa bỏ được, có thể lìa bỏ được thì không phải là đạo (Đạo dã giả bất khả tu du ly dã, khả ly phi đạo dã).

3.Vầng thỏ, tức con ngọc thỏ ở trong cung trăng, nên người ta thường gọi trăng là ngọc thỏ.

4.Thái dịch, tức ao ở nơi cung vua ở.

5.Hồ Chiêu Dương, một cái hồ rộng ở tỉnh Sơn Đông, Trung Quốc.

6.Núi Thiên Thai thuộc tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc, đời Hán năm Vĩnh Định thứ 5, có Lưu Thần và Nguyễn Triệu, nhân ngày mùng 5 tháng 5 vào núi Thiên Thai hái thuốc, thấy cửa động bèn đi vào, có hai nàng tiên đón mời, rồi kết làm vợ chồng, sau đều thành tiên đi mất. Đời sau hay dùng từ "Lưu Nguyễn lạc Thiên Thai" để chỉ cảnh tiên.

21. 其二:求香

弄花輾轉憩花堂
花態低迷偃石塘
樸枕夢中蘭在手
探囊彰裡桂呈章
謾將椒實塗虛室
空有葵心向旭陽
連理願君栽玉樹
不須雞舌品奇方

PHIÊN ÂM:

KỲ NHỊ CẦU HƯƠNG

Lộng hoa triển chuyển khệ hoa đường,
Hoa thái đê mê yển thạch đường.
Phác chẩm mộng trung lan tại thủ;
Thám nang chương lý quế trình chương.
Mạn tương tiêu thực[a] đồ hư thất;
Không hữu qùy tâm hướng húc dương.
Liên lý nguyện quân tài ngọc thụ,
Bất tu kê thiệt phẩm kì phương.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 2: TÌM [HOA] THƠM

Bỡn hoa, trằn trọc, nghỉ ở lầu hoa,
Vẻ hoa mơ màng, nằm trên vách đá.
Vỗ gối trong mơ, lan ở trong tay;
Lần túi trong ánh rạng rỡ, quế khoe vẻ đẹp.
Liền đem hồ tiêu trát vào phòng trống;(1)
Chỉ có hoa qùy, vẫn hướng về ánh thái dương.(2)
Mong chàng hãy trồng cây ngọc liền thớ gỗ,(3)

Chẳng cần phẩm bình hương kê thiệt là phương thuốc hay.[4]

KHẢO DỊ:

a.Bản A.1554: Tiêu thực 椒實. Bản A.1168: Tiêu quả 椒果.

CHÚ THÍCH:

1.Xưa trong cung thất, thường trát hồ tiêu vào vách cho thơm và ấm, gọi là tiêu phòng.

2.Hoa quỳ, nguyên văn "quỳ tâm" (lòng quỳ), đây dùng để chỉ hoa quỳ luôn hướng về phía mặt trời.

3.Thớ gỗ, nguyên văn "liên lý," ở đây dùng để ví vợ chồng hoà hợp. Bạch Cư Dị trong bài Trường hận ca tả lời Dương Quý phi nói với Đường Minh hoàng: "Tại thiên nguyện vi tị dực điểu, tại địa nguyện vi liên lý chi" (Ở trên trời, nguyện làm chim liền cánh, ở dưới đất, nguyện làm cành cây liền thớ).

4.Hương kê thiệt, tức cây đinh hương, ngậm nó thì miệng rất thơm. Xưa các quan vào chầu vua thường ngậm để cho hơi thở thơm.

22. 其三:求光

弄鏡遲徊向鏡堂
蘇痕生篆滯寒塘
啓明佇照鴛鴦枕
太白空含翡翠章
粧粉忸怩開八字
幽廷慚愧引朝陽
願君照盡燕臺水
莫謂河明不可方

PHIÊN ÂM:

KỲ TAM: CẦU QUANG

Lộng kính trì hồi hướng kính đường,
Tô ngân sinh triện trệ hàn đường.
Khải Minh trữ chiếu uyên ương chẩm;
Thái Bạch không hàm phỉ thúy chương.
Trang phấn nữu nê khai bát tự;

U đình tàm qúy dẫn triêu dương.
Nguyện quân chiếu tận yên đài thủy,
Mạc vị hà minh bất khả phương.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 3: TÌM [GƯƠNG] SÁNG

Bỡn gương, dùng dằng trước đài gương,
Những vết nhăn thành chữ triện, đọng trên ao lạnh.
Ánh sao Mai thẫn thờ, rọi trên gối uyên ương;(1)
Ánh sao Hôm hờ hững, vương quanh chăn phỉ thúy.(2)
Thẹn thùng son phấn, nở đôi lông mày chữ bát;
Ngượng ngùng trong sân vắng, ánh ban mai lọt vào.
Đài gương phẳng lặng như nước, mong ngươi chiếu khắp,
Chớ bảo sông toả sáng, không bơi bè qua được.

CHÚ THÍCH:

1.Uyên ương: Chim uyên ương thường sống có đôi, nên được dùng để ví vợ chồng sống hoà thuận, hạnh phúc.

2.Phỉ thuý: Là loài chim có bộ lông đẹp, xưa thường dùng dệt thành chăn để đắp. Chăn phỉ thuý thường dùng đắp cho vợ chồng như đôi uyên ương.

23. 其四：求聲

弄織侵尋隱織堂
烏梭浪擲石磯塘
鳴絲未到才郎耳
扣軸難漓幼婦章
悶聽搗衣催北牖
愁聞促織引東陽
願君家杼添紅線
重製秋衫大袖方

PHIÊN ÂM:

KỲ TỨ: CẦU THANH

Lộng chức xâm tầm ẩn chức đường,
Ô thoa lãng trịch thạch ky đường.
Minh ti vị đáo tài lang nhĩ;
Khấu trục nan ly ấu phụ chương .
Muộn thính đảo y thôi bắc dũ;
Sầu văn xúc chức dẫn đông dương.
Nguyện quân gia trữ thiêm hồng tuyến,
Trùng chế thu san đại tụ phương.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 4: TÌM TIẾNG [THOI ĐƯA]

Đùa với nghề dệt, dần dà ẩn trong nhà dệt,
Thoi ô ném hoài vào bên bờ ghềnh đá.
Tiếng tơ kêu, chưa thấu tới tai chàng trai;
Tiếng trục khua, khó đan thành áo quần người thiếu phụ.
Buồn nghe tiếng đập áo, thôi thúc từ cửa sổ phía bắc;
Sầu thấy tiếng dế kêu, vang vọng phía mặt trời đông.
Mong khung cửi nhà chàng, hãy thêm sợi tơ đỏ,
Để lại may áo mùa thu, tay rộng thênh thang.

24. 其五：求音

弄絃宛轉到絃堂
焦尾驚秋葉積塘
纖指按成斯戚譜
幽情挑動彼穠章
可憐絃澀難成響
猶喜宮墻未斷陽
偕老願君締綠綺
免教旅味阻仙方

PHIÊN ÂM:

KỲ NGŨ: CẦU ÂM

Lộng huyền uyển chuyển đáo huyền đường,
Tiêu Vĩ kinh thu diệp tích đường.
Tiêm chỉ án thành tư thích phả;
U tình khiêu động bỉ nồng chương.
Khả lân huyền sáp nan thành hưởng;
Do hỉ cung tường vị đoạn dương.
Giai lão nguyện quân đề Lục Ỷ,
Miễn giao lữ vị trở tiên phương.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 5: TÌM TIẾNG [ĐÀN]

Tới nhà đàn, tay uyển chuyển đùa dây tơ,
Nâng đàn Tiêu Vĩ mà sợ lá mùa thu chứa đầy ao.(1)
Ngón tay nhỏ nhắn, lựa thành khúc thân thuộc ấy;
Mối tình u uất, dạo nên chương đượm nồng này.
Đáng thương cho dây tơ quá rít, khó vang thành tiếng;
Cũng mừng khi đổi cung, chưa phải dứt dưới tà-dương.
Mong chàng nối lại dây đàn Lục Ỷ, để cùng sống đến giai lão,(2)
Khỏi khiến nỗi xa nhà, ngăn trở cả cái thú thần tiên.

CHÚ THÍCH:

1.Đàn Tiêu Vĩ, là cây đàn có vết cháy ở đuôi, do Thái Ung chế ra. Ở đây dùng để chỉ cây đàn nói chung.

2.Đàn Lục Ỷ, tên cây đàn của Tư Mã Tương Như. Tương Như đã làm xiêu lòng nàng Trác Văn Quân khi gảy khúc "Phượng cầu hoàng" bằng cây đàn này.

25. 恭挽先嚴誕節

不是斑衣舞在堂
碧池杏靄杏花塘
雲山甚處陪琴鶴
風韻惟餘仰袞章

遊子匪莪慚雪鬢
世祠有侐對秋陽
二青縹緲神仙峒
無計重尋就養方

PHIÊN ÂM:

CUNG VÃN TIÊN NGHIÊM ĐẢN TIẾT

Bất thị[a] ban y vũ tại đường,
Bích trì niểu ái hạnh hoa đường.
Vân sơn thậm xứ bồi cầm hạc;
Phong vận duy dư ngưỡng cổn chương.
Du tử phỉ nga tàm tuyết mấn;
Thế từ hữu hức[b] đối thu dương.
Nhị Thanh phiếu diểu thần tiên động,
Vô kế trùng tầm tựu dưỡng phương.

DỊCH NGHĨA:

GẶP NGÀY SINH NHẬT CHA, KÍNH VIẾNG

Không phải mặc áo mầu để múa trước thềm,(1)
Xum xuê hoa hạnh, nở bên ao biếc.
Nơi nao mây núi, theo hầu người cầm hạc;(2)
Duy thừa phong vận, ngửa trông bậc cổn chương.(3)
Đứa con lênh đênh, chẳng là cây nga, thẹn tóc đã bạc như tuyết;(4)
Từ đường chốn quê nhà, tĩnh mịch dưới ánh nắng thu.
Nhị Thanh mờ mịt, đây động thần tiên,(5)
Không có kế gì tìm lại được, để phụng dưỡng.

KHẢO DỊ:

a.Bản VHv.16/12: Đãi 待.
b.Bản A.1168: Phật 佛.

CHÚ THÍCH:

1.Lão Lai đã 80 tuổi mà bố mẹ vẫn còn, ông bèn mặc áo mầu sặc sỡ múa trước nhà, mua vui cho cha mẹ. Trong thơ, vì cha đã mất, nên không cần đến áo mầu nữa.

2.Cầm hạc, chỉ người làm quan cõi ngoài. Đời Tống, Triệu Biện làm quan tới chức Tham tri chính sự, khi vào đất Thục cưỡi một con ngựa và đem theo

một cây đàn, một con hạc, tỏ vẻ giản dị mà tiêu dao nhàn nhã. Ở đây chỉ Ngô Thì Sĩ, từng làm Đốc trấn Lạng Sơn.

3.Cổn chương (vẻ áo cổn), chỉ người làm quan to.

4.Chẳng là cây nga...: *Kinh Thi* thơ *Lục nga* có câu: "Lục lục giả nga, phỉ nga y cao, ai ai phụ mẫu, sinh ngã cù lao" (Cây nga xanh tốt kia, không phải cây nga mà là cây cao, thương cha mẹ ta, sinh ta vất vả). Ý nói, thương cha mẹ quá, không phân biệt rõ cây nọ với cây kia. Trong thơ nói, không cần làm cây nga nữa, vì cha đã mất.

5.Khi Ngô Thì Sĩ làm Đốc trấn Lạng Sơn, đã mở mang động Nhị Thanh thành động cảnh để du ngoạn.

26. 遵意

往事如夢,吾徒已爲禘灌中人。想起前年知遇，再得良難，接到題示皇華光景，不禁增懷，遵意奉賡，希惟存注。

憶昔明良會一堂
香江御蹕扈仙塘
皇華歲遣傳金馬
睿藻時褒奉寶章
年箭侵尋成白叟
鼎湖縹緲望丹陽
操弧邀幸重遭遇
卻笑烏鬚未得方

PHIÊN ÂM:

TUÂN Ý

Vãng sự như mộng, ngô đồ dĩ vi đế quán trung nhân. Tưởng khởi tiền niên tri ngộ, tái đắc lương nan, tiếp đáo đề thị hoàng hoa quang cảnh, bất cấm tăng hoài, tuân ý phụng canh, hy duy tồn chú.

Ức tích minh lương hội nhất đường,
Hương giang ngự tất hỗ tiên đường.
Hoàng hoa tuế khiển truyền Kim Mã;
Duệ táo thời bao phụng bảo chương.
Niên tiễn xâm tầm thành bạch tẩu;
Đỉnh hồ phiếu diểu vọng Đan Dương.
Thao hồ yêu hạnh trùng tao ngộ,
Khước tiếu ô tu vị đắc phương.

DỊCH NGHĨA:

TUÂN THEO Ý

Việc đã qua, như giấc mộng. Bọn ta nay đã là hạng người trong tuần lễ đế quán.[1] Hồi tưởng lại cuộc gặp gỡ khi xưa, giờ mong gặp lại lần nữa thì thật là khó. Nay tiếp được quý thơ có nhắc tới quang cảnh đi sứ, bất giác càng thêm cảm khái. Bèn theo ý kính hoạ, mong được nhận cho.

Nhớ khi xưa, vua sáng tôi hiền tụ hội một nhà,
Hầu xa giá bên sông Hương, theo lối tiên.
Năm đi sứ, được sai truyền từ cửa Kim Mã;[2]
Lúc ngự bút ban khen, phụng dâng tờ bảo chương.
Năm tháng tên bay, lần lữa thành ông già tóc bạc;
Đỉnh hồ[3] mờ mịt, khi trông vời Đan Dương.[4]
Muốn gieo thẻ để cầu may gặp gỡ lần nữa,
Nhưng nực cười, chưa tìm được phương thuốc nhuộm đen râu.[5]

CHÚ THÍCH:

1.Tế lễ Tiên đế, nguyên văn "đế quán." *Đế* là tên một tuần lễ lớn ở nhà Thái miếu, *quán* là rót rượu đổ xuống đất để thần giáng trong khi tế. *Luận ngữ,* thiên *Bát dật*: "Tử viết: Đế tự ký quán nhi vãng giả, ngô bất dục quan chi hĩ" (Khổng Tử nói: Tế đế từ tuần rót rượu để thần giáng trở đi, ta không muốn xem nữa). Ý Khổng Tử cho là nước Lỗ được Chu Thành vương đặc biệt cho được tế đế khi vua tôi nước Lỗ còn thịnh trị, còn có lòng thành kính, nên còn có thể xem được. Khi nước Lỗ suy, sinh ra lười biếng, cho nên không thể xem được. Đem tế đế và tuần quán để ví với thời kỳ thịnh suy của nước Lỗ. Đây Ngô Thì Nhậm nói: "Bọn ta là loại người trong tuần lễ đế quán," tức là nói, nay gặp thời buổi đã suy.

2.Kim Mã: Đời Hán, trước cửa cung Vị Ương có để con ngựa bằng đồng, nên gọi Kim Mã môn. Vua Vũ Đế sai quan học sĩ thường trực ở đó, để làm cố vấn. Sau Kim Mã được dùng để chỉ nơi có các bậc có học vấn cao làm việc.

3.Đỉnh hồ: Hoàng Đế lấy đồng ở núi Kinh sơn đúc đỉnh, khi đúc xong, có một con rồng sà xuống, vua bèn cưỡi rồng bay lên cõi tiên, nơi đúc đỉnh gọi là Đỉnh Hồ. Người đời sau thường dùng hai chữ Đỉnh Hồ để chỉ vua đã mất.

4.Đan Dương, tức lăng thờ vua Quang Trung phía nam bờ sông Hương.

5.Nhuộm đen râu, ý chỉ muốn trẻ lại để tiếp tục gánh vác việc giang sơn.

27. 欽挽丹陽陵

公因聞召未赴，耿惕成詩，此是天機呈露處。大抵君臣主義，父子主恩，人道之大倫則一。然有知臣之君，知子之父，其於恩義上感激又當何如？拙前作有望丹陽之句，因提說使事而成。今得公詩，又勃然有感，適到先諱近日，病中感念，輾轉增懷，有欽挽恭憶二章，依韻呈照，統祈台亮。

龍馭難攀紫極堂
金源悵望九迴塘
戎衣神武留憑藉
方策英謨迪憲章
陟降皇靈欽在左
保明聖胤仰當陽
裁陪天德思酬答
坤道無他利直方

PHIÊN ÂM:

KHÂM VĂN ĐAN DƯƠNG LĂNG[A]

Công nhân văn triệu vị phó, cảnh dương thành thi, thử thị thiên cơ trình lộ xứ. Đại để quân thần chủ nghĩa, phụ tử chủ ân, nhân đạo chi đại

luân tắc nhất. Nhiên hữu tri thần chi quân, tri tử chi phụ, kỳ ư ân nghĩa thượng cảm kích hựu đương hà như? Chuyết tiền tác hữu Vọng Đan Dương chi cú, nhân đề thuyết sử sự nhi thành. Kim đắc công thi, hựu bột nhiên hữu cảm, thích đáo Tiên huý cận nhật, bệnh trung cảm niệm, triển chuyển tăng hoài, hữu "Khâm vãn" "Cung ức" nhị chương, y vận trình chiếu, thống kỳ đài lượng.

Long ngự nan phàn Tử Cực đường,
Kim nguyên trướng[b] vọng cửu hồi đường.
Nhung y thần vũ lưu bằng tạ;
Phương sách anh mô địch hiến chương.
Trắc giáng hoàng linh khâm tại tả;
Bảo minh thánh dận ngưỡng đương dương.
Tài bồi thiên đức tư thù đáp,
Khôn đạo vô tha lợi trực phương.

DỊCH NGHĨA:

KÍNH VIẾNG LĂNG ĐAN DƯƠNG[1]

Ông nhân nghe có lệnh gọi, còn chưa đi ngay được, buồn bã mà thành thơ, đó là chỗ biểu lộ tình cảm chân thực. Đại để, vua tôi cốt ở nghĩa, cha con cốt ở ân, luân lý lớn của đạo làm người chỉ là một. Nhưng, vua biết tôi, cha biết con, vậy cảm kích về ân nghĩa đó nên như thế nào? Bài thơ trước của tôi có câu: "Hữu vọng Đan Dương" (Trông về lăng Đan Dương), nhân nhắc tới chuyến đi sứ trước đây[2] mà thành. Nay được thơ ông, chợt lại có cảm hứng: Nhân sắp đến ngày Tiên huý, giữa lúc ốm yếu vẫn cảm nhớ, nỗi lòng càng thêm trằn trọc, làm được hai bài "Khâm vãn" (Kính viếng) và "Cung ức" (Kính nhớ) họa theo nguyên vận, gửi tới ông xem, tất cả đều mong ông lượng xét.

Khó níu lại được xe rồng ở cung Tử Cực,[3]
Buồn trông suối vàng chín khúc quanh cọ.[4]
Võ công hiển hách, còn để lại nơi nương tựa;
Mưu lược sáng suốt, đã mở đường hiến chương.
Hồn thiêng lên xuống, kính thấy ngay bên tả;
Giòng dõi giữ gìn, ngửa thấy đương ở bên ánh dương.
Đức trời bồi đắp, lo mà đền đáp,
Đạo quẻ "Khôn" không gì khác, lợi ở thẳng và vuông.[3]

KHẢO DỊ:

a.Bản VHv.16/12: Cảm hoài 感懷..

b.Bản A.1161: Ức 憶.

CHÚ THÍCH:

1.Lăng Đan Dương, xem chú thích số1, bài 26.

2.Ngày 29 tháng 9 năm Quang Trung thứ 5 (1791), Nguyễn Huệ mất, năm sau Cảnh Thịnh nguyên niên (1792), Ngô Thì Nhậm làm Chánh sứ sang nhà Thanh báo tang và cầu phong cho Quang Toản.

3.Hoàng Đế khi đúc đỉnh xong, cưỡi rồng về cung tiên, các đại thần vin râu rồng, muốn giữ lại mà không được. Trong bài ý nói, vua Quang Trung đã cưỡi rồng bay lên trời, không thể níu lại được.

4.Suối vàng (kim nguyên), con nguồn ở phía tây mộ.

5.Hào từ *quẻ Khôn, Kinh Dịch*: "Trực phương, đại, bất tập vô bất lợi" (Thẳng, vuông, lớn, dẫu không học tập mà vẫn có lợi).

28. 恭憶二青峒

煙霞爲室石爲堂
松柏新栽萬丈塘
神佛丰儀昭玉色
王侯典策燦龍章
七州寢息同胞户
寸草安酬久照陽
峭壁惟公留永孝
半如此子敢全方

PHIÊN ÂM:

CUNG ỨC NHỊ THANH ĐỘNG

Yên hà vi thất thạch vi đường,
Tùng bách tân tài vạn trượng đường.

Thần Phật phong nghi chiêu ngọc sắc;
Vương hầu điển sách xán long chương.
Thất châu tẩm tức đồng bào hộ;
Thốn thảo an thù cửu chiếu dương.
Tiêu bích duy công lưu vĩnh hiếu,
Bán như thử tử cảm toàn phương.

DỊCH NGHĨA:

KÍNH NHỚ ĐỘNG NHỊ THANH[1]

Mây ráng là buồng, núi đá là nhà,
Tùng bách mới trồng trên bờ muôn trượng.
Uy nghi thần Phật, sáng trưng vẻ ngọc;[2]
Điển sách vương hầu, rực rỡ sắc rồng.[3]
Dân trong bảy châu, đều yên vui sinh sống;[4]
Tấc cỏ, sao đáp đền được ánh dương soi tỏ đã lâu?
Riêng Người, còn để lại mãi chữ hiếu trên vách đá,
Đâu nửa vời như đứa con này, nào được vẹn toàn!

CHÚ THÍCH:

1.Động Nhị Thanh: Thắng cảnh của tỉnh Lạng Sơn. Lúc làm quan ở Lạng Sơn, Ngô Thì Sĩ đã từng tu sửa động này và còn lấy biệt hiệu là Nhị Thanh Động Chủ. Trong bài thơ này, Ngô Thì Nhậm tỏ lòng thương nhớ đối với thân phụ mình.

2.Chỉ bức tượng truyền thần của Ngô Thì Sĩ tạc ở động Nhị Thanh uy nghi như thần Phật.

3.Chỉ các sắc phong của triều đình tặng cho Ngô Thì Sĩ.

4.Dân trong bảy châu, chỉ nhân dân Lạng Sơn thời đó. "Dân" dịch thoát từ "đồng bào hộ" (hộ cùng một bọc).

29. 送秋

柳旦漸移；應鍾欲動。

貯佳人於金屋，每怕隨風；留詩客於玉堂，無階得月。

願言思子；寧有遐心。

乃命筆而送秋，爲賦蘭澧之什；聊砌磚而引玉，冀聞芝室之香。

其一

送秋無柰到東堂
鄭重深情馬上塘
斗酒方供壬戌夜
迴文重織畢庚章
美人暗滴魚軒淚
遊客難隨鴈蕩陽
爲刻金鞍驂別駕
蓬萊豈是返秋方

PHIÊN ÂM:

TỐNG THU

Liễu đán tiệm di; ứng chung dục động.[a]

Trữ giai nhân ư kim ốc, mỗi phạ tuỳ phong; lưu thi khách ư ngọc đường, vô giai đắc nguyệt.

Nguyện ngôn tư tử; ninh hữu hà tâm.

Nãi mệnh bút nhi tống thu, vi phú lan phong chi thập; liêu thiết[b] *chuyên nhi dẫn ngọc, ký văn chi thất chi hương.*

KỲ NHẤT

Tống thu vô nại đáo đông đường,
Trịnh trọng thâm tình mã thượng đường.
Đấu tửu phương cung Nhâm Tuất dạ;
Hồi văn trùng chức Tất Canh chương.
Mỹ nhân ám trích Ngư Hiên lệ;
Du khách nan tùy Nhạn Đãng dương.
Vị khắc kim an tham biệt giá,
Bồng Lai khởi thị phản thu phương.

DỊCH NGHĨA:

TIỄN THU

Ngày liễu cốc đã chuyển đi dần;[1] chuông ứng chung sắp kỳ rung tiếng.[2]

Chứa giai nhân ở chốn nhà vàng, những e gió thổi; lưu thi khách tại nơi lầu ngọc, luống ngại không trăng.

Nhớ ông rằng nhớ; lòng dám xa lòng!

Nhân sai bút mực mà tiễn thu, suối "lan" đọc câu thơ cũ; bèn quẳng sành đá mà kiếm ngọc, nhà "chi" mong vị hương thơm[3]:

BÀI 1

Tiễn thu không sao đến được ngôi nhà phía đông,
Tình sâu trân trọng để trên yên ngựa.
Be rượu vừa cấp cho vào đêm Nhâm Tuất;[4]
Bức hồi văn lại dệt vào tháng Tất, Canh.[5]
Mỹ nhân ngầm giỏ lệ trong xe Ngư Hiên;[6]
Du khách khó duổi theo ánh dương vùng Nhạn Đãng.[7]
Hãy khắc yên vàng, thắng trên lưng ngựa biệt ly,
Cõi Bồng Lai kia há phải là chốn thu về.[8]

KHẢO DỊ:

a.Bản VHv.16/2: Hưởng 響.

b.Bản VHv.16/2: Giá 枷.

CHÚ THÍCH:

1.Ngày liễu cốc: Chỉ ngày thu, dịch từ chữ "liễu đán," vốn là do "liễu cốc chi đán" nói tắt. "Liễu cốc" là thần coi mùa thu (theo *Thượng thư, Đại truyện*). "Đán" là buổi sớm, ở đây có nghĩa là ngày.

2.Chuông ứng chung, theo *Kinh Lễ* là loại nhạc dùng vào tháng mười. Câu này ý nói, mùa thu đang dần qua, mùa đông sắp đến.

3.Suối "lan" nhà "chi," chỉ tình bạn bè thắm thiết.

4.Câu này mượn ý ở bài phú *Hậu Xích Bích* của Tô Thức: Ngày rằm tháng mười năm đó (Nhâm Tuất) bước chân từ nhà tuyết... về bàn với vợ, vợ nói: Tôi có chĩnh rượu, cất đã lâu ngày, để phòng cấp cho việc bất thường.

5.Tháng Tất, Canh, chỉ tháng thuộc về mùa thu, sao Tất và sao Trường Canh, tinh phận ở phương tây, thuộc mùa thu.

6.Xe Ngư Hiên, chiếc xe trang sức bằng da cá, dùng cho các phu nhân.

7.Nhạn Đãng: Theo nguyên chú bài "Hữu sở thán"trong tập *Thuỷ vân nhàn vịnh* của tác giả: Kiến Văn Công nhà Minh chạy trốn, Thiên Thai, Nhạn Đãng, Kiềm Nam là nơi trú chân. Cha con Sử Bân đi theo điều hành chính sự đến 40 năm. Đến niên hiệu Chính Thống năm đầu, Kiến Văn Công tự ra đầu thú, được rước vào cung, và được gọi là Thọ Hầu [bỏ mặc cha con Sử Bân].

8.Cõi Bồng Lai, chỉ cõi tiên.

30. 其二

送秋無奈到西堂
繾綣餘情傘擁塘
橫槊英雄驚曉夢
辭樓窈窕怛天章
海棠無力扶妃子
南呂希聲到景陽
爲捧紫霞斟別酒
兜天豈是住秋方

PHIÊN ÂM:

KỲ NHỊ

Tống thu vô nại đáo tây đường,
Khiển quyển dư tình tản ủng đường.
Hoành sáo anh hùng kinh hiểu mộng;
Từ lâu yểu điệu đát thiên chương.
Hải đường vô lực phù Phi Tử;
Nam Lữ hi thanh đáo Cảnh Dương.
Vị phủng tử hà châm biệt tửu,
Đâu thiên khởi thị trú thu phương.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 2

Tiễn thu, không sao đến được căn nhà phía tây,
Tình thừa vương vấn, ô lọng rước ra bên đường.
Người anh hùng cầm ngang ngọn giáo, bừng tỉnh mộng ban sớm;
Khách yểu điệu rời khỏi lầu, nhọc mệt nhìn trời mây đẹp đẽ.
Hoa hải đường ẻo lả, đỡ nàng Phi Tử;[1]
Chuông Nam Lữ [2] văng vẳng, vọng đến lầu Cảnh Dương.[3]
Hãy nâng chén tử hà, rót rượu ly biệt;[4]
Cõi trời Đâu Suất, há phải chỗ trụ lại của mùa thu?[5]

CHÚ THÍCH:

1.Câu này xuất xứ từ chuyện vua Đường Minh Hoàng ví Dương Qúy Phi với hoa hải đường. Phi Tử: Chỉ Dương Qúy Phi.

2.Nam lữ: Luật nhạc xưa có 12 luật, lữ, ứng với 12 tháng trong cả năm; 6 luật ứng với 6 tháng dương, 6 lữ ứng với 6 tháng âm, Nam lữ ứng với tháng 8.

3.Cảnh Dương: Lầu do Vũ Đế đời Nam Tề dựng lên, trên có để chuông. Hàng ngày cứ đến canh ba, canh năm cung nhân nghe tiếng chuông thì dậy trang điểm.

4.Tử hà: Loại chén qúy làm bằng ngọc màu ráng tía.

5.Cõi trời Đâu Suất: Nơi ở của Phật.

Đạo gia cũng có cõi trời Đâu Suất là nơi ở của Thái Thượng Lão Quân.

31. 其三

送秋無奈到南堂
迢遞長情輅駕塘
庾嶺塵侵開府扇
黃州筆禿大蘇章
孤臣有鴈拖寒露
婺婦無絲繫艷陽
爲把裘衣牽別袂
衡湘豈是放秋方

PHIÊN ÂM:

KỲ TAM

Tống thu vô nại đáo nam đường,
Thiều đệ trường tình lộ giá đường.
Dữu Lĩnh trần xâm Khai Phủ phiến;
Hoàng Châu bút thốc Đại Tô chương.
Cô thần hữu nhạn đà hàn lộ;
Ly phụ vô ti hệ diệm dương.
Vị bả cảnh y khiên biệt duệ,
Hành Tương khởi thị phóng thu phương.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 3

Tiễn thu, không sao đến được ngôi nhà phía nam,
Tình dài dằng dặc, như đường xe chạy.

Chốn Dữu Lĩnh, bụi bám trên quạt Khai Phủ;[1]
Nơi Hoàng Châu nét bút cùn, bởi văn Đại Tô.[2]
Phận tôi hèn, như thân nhạn vượt trong sương lạnh;
Thân gái goá, như không dây buộc ánh nắng tươi.
Hãy níu vạt áo ngắn ly biệt lại,
Núi Hành sông Tương, há là nơi thả cho thu đi?[3]

CHÚ THÍCH:

1.Câu này tác giả chơi chữ, nhắc tới Dữu Tín vốn là người miền Giang Nam và làm quan ở Nam Triều, sau đi sứ Bắc Triều thì bị Bắc Triều giữ lại và phải làm quan với Bắc Triều. Dữu Tín đã được Bắc Triều phong tới chức Khai phong phủ Nghi đồng tam ty (tương đương Tể tướng), song ông vẫn nhớ tới nước cũ ở miền Giang Nam và có làm bài *Ai Giang Nam phú*.

Dữu Tín bị giữ lại ở miền Bắc, tất nhiên là các vật dụng của ông trong đó có quạt phải bị bỏ xó để bụi phủ. Nhưng Dữu Tín lại là tên một rặng núi gọi là Dữu Lĩnh, còn gọi là Mai Lĩnh ở miền Giang Nam.

2.Đại Tô: Tức Tô Thức, nhà văn lớn đời Bắc Tống đã từng bị đày ra Hoàng Châu. Ở đây,Tô Thức đã viết nhiều tác phẩm nổi tiếng.

3.Địa danh ở miền Giang Nam, tương truyền mỗi dạo thu sang nhạn thường bay xuống phương nam và qua các miền này.

32. 其四

又北方非秋生之所，亦非秋歸之處，想秋情不到，故北堂無送秋。因增北堂怨一章,得杜工部"雲水照芳塘"之句。

不送秋歸到北堂
豈無雲水照方塘
上林曾播催花令
幽谷方賡伐木章
翠蓋松凌三尺雪
銀纓梅唱五爻陽
未知秋思多冬思
卻把金行過朔方

PHIÊN ÂM:

KỲ TỨ

Hựu bắc phương phi thu sinh chi sở, diệc phi thu quy chi xứ, tưởng thu tình bất đáo, cố bắc đường vô tống thu. Nhân tăng bắc đường oán nhất chương, đắc Đỗ Công bộ "Vân thuỷ chiếu phương đường" chi cú.

Bất tống thu qui đáo bắc đường,
Khởi vô vân thuỷ chiếu phương đường.
Thượng Lâm tằng bá thôi hoa lệnh;
U cốc phương canh phạt mộc chương.
Thuý cái tùng lăng tam xích tuyết;
Ngân anh mai xướng ngũ hào dương.
Vị tri[a] thu tứ đa đông tứ,
Khước bả[b] kim hành quá sóc phương.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 4

Phương bắc không phải là nơi thu sinh ra, cũng không phải chốn thu quay về, chắc rằng tình thu không tới, cho nên nhà bắc không tiễn đưa thu. Nhân đó, nghĩ thêm một bài "Bắc đường oán" (Lời oán ở nhà bắc), vì được câu của Đỗ Công Bộ "Vân thủy chiếu phương đường" (Mây nước chiếu ao thơm).

Không tiễn thu về tới nhà phía bắc,
Há không mây nước chiếu xuống ao chăng?
Vườn Thượng Lâm, từng truyền lệnh giục cho hoa nở;[1]
Chốn hang tối, đang nối vần thơ chặt cây.[2]
Như chiếc lọng xanh, cây tùng vượt lên ba thước tuyết;
Tựa giải mũ bạc, hoa mai gọi thêm năm hào dương.[3]
Chưa biết tới mùa thu, mà đã lắm vẻ đông,
Lại đem Hành kim đi qua phương bắc.[4]

KHẢO DỊ:

a.Bản A.1168: Ưng 應.
b.Bản A.1168: Nệ 抳.

CHÚ THÍCH:

1.Theo truyền thuyết, Đường Vũ Hậu khi ra chơi vườn thượng uyển, lệnh cho đánh ba hồi trống, giục cho hoa nở, hoa bạch mẫu đơn vì không nở kịp, bị đày đi Giang Nam.

2.Thơ chặt cây: Chỉ bài thơ *Phạt mộc, Tiểu nhã, Kinh Thi*. Trong bài này có câu: "Phạt mộc đinh đinh. Điểu minh anh anh. Xuất tự u cốc. Thiên vu kiều

mộc..." (Chém cây chan chát. Chim kêu ríu rít. Ra từ hang sâu. Vượt lên cây cao).

3.Theo lệ thường, ở Trung Quốc mai nở vào tháng 11 âm lịch.

Tháng 11 là đầu mùa đông, thuộc quẻ Địa lợi phục, một hào dương bắt đầu sinh ra ở dưới 5 hào âm, và từ đó trở đi, mỗi tháng lại có thêm một hào dương thay thế một hào âm, cứ như vậy cho hết năm hào dương còn lại.

4.Hành kim là một trong ngũ hành, thuộc phương tây, mùa thu. Hai câu này ý nói, phương Bắc căn bản không có mùa thu, vì tiết trời hết nóng chuyển sang lạnh ngay, hầu như không có mùa chuyển tiếp là mùa thu.

33. 惜秋

古人有送春留春之句，卻不及秋,似愛秋不如愛春之切。夫濃粧者化工之情，而淡粧乃化工之思，豈繁花可戀而精白獨不可惜耶?方送秋歸，又有留秋住之意。續得惜秋五章呈正，青及爲榮。

其一

惜秋欲構夢秋堂
惜爲秋容在菊塘
金甲戰殘芳蝶陣
玉英織就錦箋章
不教幽徑荒彭澤
只許靈丹老伯陽
寄語制魁詩相國
香山正是賞秋方

PHIÊN ÂM:

TÍCH THU

Cổ nhân hữu tống xuân lưu xuân chi cú, khước bất cập thu, tự ái thu bất như ái xuân chi thiết. Phù! Nùng trang giả hoá công chi tình, nhi đạm trang nãi hoá công chi tư, khởi phồn hoa khả luyến nhi tinh bạch độc bất khả tịch da? Phương tống thu quy, hựu hữu lưu thu trú chi ý. Tục đắc tích thu ngũ chương trình chính, thanh cập vi vinh.

KỲ NHẤT

Tích thu dục cấu mộng thu đường,
Tích vị thu dung tại cúc đường.
Kim giáp chiến tàn phương điệp trận;
Ngọc anh chức tựu cẩm tiên chương.
Bất giao u kính hoang Bành Trạch;
Chỉ hứa linh đan lão Bá Dương.
Ký ngữ chế khôi thi tướng quốc,
Hương Sơn chính thị thưởng thu phương.

DỊCH NGHĨA:

TIẾC THU

Người xưa có câu "tiễn xuân" "giữ xuân," nhưng lại không nói đến thu, dường như yêu thu không tha thiết bằng yêu xuân. Ôi! Trang điểm lộng lẫy ấy là tình của hóa công, nhưng trang điểm thanh đạm cũng là ý của hoá công, cho nên lẽ nào lại có thể lưu luyến cảnh phồn hoa mà không tiếc thương cảnh thanh bạch? Vừa tiễn thu đi, lại có ý muốn giữ thu lại. Nối được năm bài "tiếc thu," trình ông phụ chính giúp. Được mắt xanh nhìn tới, sẽ lấy làm vịnh hạnh.

BÀI 1

Tiếc thu muốn dựng căn nhà mơ thu,
Tiếc vì vẻ thu ở trên đường cúc.
Giáp vàng đánh tan cả trận bướm thơm;[1]
Hoa ngọc dệt thành thơ trên tờ gấm.[2]
Không để cho ngõ sâu của Bành Trạch hoang vu;[3]
Chỉ để cho thuốc thiêng giúp Bá Dương trường thọ.[4]

Nhắn nhủ ông tướng quốc là bậc thi hào,
Rằng Hương Sơn chính là nơi ngắm cảnh thu.[5]

CHÚ THÍCH:

1,2.Đều chỉ hoa cúc.

3.Chỉ Đào Tiềm, nhà thơ lớn đời Đông Tấn, nổi tiếng yêu hoa cúc. Ông từng làm Huyện lệnh ở Bành Trạch, nên đời sau thường gọi ông là Bành Trạch hoặc Đào Bành Trạch.

4.Bá Dương, tên tự của Lão Tử, Đạo gia coi là tổ sư.

5.Chỉ chùa Hương ở núi Long Môn, huyện Lạc Dương, tỉnh Hà Nam Trung Quốc. Tại đây, Bạch Cư Dị đời Đường, khi trí sĩ, đã lập ra Hương Sơn thi xã, gồm các nhà thơ cao tuổi.

34. 其二

惜秋欲構望秋堂
惜爲秋聲在竹塘
颼瑟難尋金鐵響
琢磨易興璧珪章
霜林得友添松茂
暖閣棲朋羣鳳陽
寄語釣臺垂翟客
吳蓴正是醉秋方

PHIÊN ÂM:

KỲ NHỊ

Tích thu dục cấu vọng thu đường,
Tích vị thu thanh tại trúc đường.
Sưu sắt[a] *nan tầm kim thiết hưởng;*
Trác ma dị hứng bích khuê chương.
Sương lâm đắc hữu thiêm tùng mậu,[b]
Noãn các thê bằng tụy phượng dương.

Ký ngữ điếu đài thùy địch khách,
Ngô thuần chính thị túy thu phương.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 2

Tiếc thu, muốn dựng ngôi nhà ngóng thu,
Tiếc vì tiếng thu reo bên bờ trúc.
Xào xạc khó tìm tiếng sắt tiếng vàng;
Mài dũa để hứng thành văn khuê bích.
Rừng sương có bạn, tùng thêm xanh tốt;
Gác ấm đậu bầy, phượng họp non đông.
Nhắn khách buông phao bên đài câu cá;
Rau thuần đất Ngô, ấy chốn say thu![1]

KHẢO DỊ:

a.Bản A.1168: Sắt 颯 .

b.Bản VHv.16/12: Tuế 歲.

CHÚ THÍCH:

1.Rau thuần nước Ngô: Trương Hàn người nước Ngô, làm quan phương xa, mỗi khi có gió thu tới, lại nhớ hương rau thuần gỏi cá vược quê nhà. Sau thường dùng tích này để chỉ người nhớ quê hương.

35. 其三

惜秋欲構繫秋堂
惜爲秋光在鏡塘
桂魄團團三望候
羽衣粲粲五雲章
美人簾帳迷芳樂
詩客晴川醉漢陽
寄語風流靈爹老
南樓正是玩秋方

PHIÊN ÂM:

KỲ TAM

Tích thu dục cấu hệ thu đường,
Tích vị thu quang tại kính đường.
Quế phách đoàn đoàn tam vọng hậu;
Vũ y xán xán ngũ vân chương.
Mỹ nhân lan trướng mê Phương Lạc;
Thi khách tình xuyên túy Hán Dương.
Ký ngữ phong lưu linh trãi lão,
Nam lâu chính thị ngoạn thu phương.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 3

Tiếc thu, muốn làm ngôi nhà níu thu lại,
Tiếc vì ánh thu rọi ao sáng như gương.
Phách quế tròn xoe vào đêm hôm rằm;(1)
Áo lông rực rỡ, thành mây năm vẻ.(2)
Mỹ nhân mê mẩn trong trướng lan vườn Phương Lạc;(3)
Khách thơ say đắm cảnh sông tạnh quận Hán Dương.(4)
Gửi lời nhắn ông già đội mũ dải trãi phong lưu,(5)
Rằng ngôi nhà phía nam, chính là nơi thưởng thức cảnh thu.

CHÚ THÍCH:

1.Phách quế: Chỉ mặt trăng.

2.Áo lông, áo của nàng Hằng Nga trong cung trăng.

3.Vườn Phương Lạc, do Đông Hôn hầu nước Tề mở, trong có chợ và hàng quán. Đây dùng để chỉ vườn hoa nói chung.

4.Hán Dương, nay thuộc Vũ Hán, Trung Quốc. Đây dùng để miêu tả cảnh đẹp nói chung.

5.Mũ dải trãi, phẩm phục quan Ngự sử.

36. 其四

惜秋欲構戀秋堂
惜爲秋情在柳塘
拂檻柔荑方怯雪

粘窗飛絮又施章
采蕭懷望增三月
秉燭歡濃繼五陽
寄語青衫風韻友
琵琶正是抱秋方

PHIÊN ÂM:

KỲ TỨ

Tích thu dục cấu luyến[a] thu đường,
Tích vị thu tình tại liễu đường.
Phất hạm nhu đề phương khiếp tuyết;
Niêm song phi nhứ hựu thi chương.
Thái tiêu hoài vọng tăng[b] tam nguyệt;
Bỉnh chúc hoan nồng kế ngũ dương.
Ký ngữ thanh san phong vận hữu,
Tỳ bà chính thị bão thu phương.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 4

Tiếc thu, muốn cất ngôi nhà lưu luyến thu,
Tiếc vì tình thu ở nơi bờ liễu.
Quệt vào chấn song, chồi non đang sợ tuyết lạnh;
Dính vào cửa sổ, tơ bay lại vẽ nên tranh.
Hái cỏ tiêu, nỗi nhớ như dài thêm ba tháng;[1]
Cầm cây đuốc, cuộc vui say đắm muốn nối thêm buổi xuân tàn.[2]
Gửi lời nhắn nhủ bạn thơ áo xanh,[3]
Đàn tỳ bà kia, chính là nơi ôm ấp lấy thu.

KHẢO DỊ:

a.Bản VHv.16/12: Vãn 挽.
b.Bản VHv.16/12: Thu 秋.

CHÚ THÍCH:

1.Câu này lấy ý trong thơ *Thái cát, Kinh Thi.* Trong bài này có câu "Thái bỉ cát hề, nhất nhật bất kiến như tam nguyệt hề. Thái bỉ tiêu hề, nhất nhật bất

kiến như tam thu hề" (Hái rau sắn kia chừ, một ngày không gặp, lâu như ba tháng chừ. Hái cỏ tiêu kia chừ, một ngày không gặp, lâu như ba mùa thu chừ). Đây dùng để chỉ sự nhớ mong bạn cũ da diết.

2."Cầm cây đuốc," nguyên văn là "bỉnh chúc," do thành ngữ "bỉnh chúc dạ du" (cầm cây đuốc đi chơi đêm), chỉ cảnh miệt mài trong cuộc truy hoan, hết ngày lại đêm, không bao giờ chán.

3.Bạn thơ áo xanh, chỉ Bạch Cư Dị, nhà thơ đời Đường. Vì bài "Tỳ bà hành" của ông có câu: "Tựu trung đối khớp hạ thùy đối đa? Giang Châu Tư mã thanh san thấp" (Trong đó lệ ai giỏ nhiều nhất? Tư mã Giang Châu vạt áo xanh ướt đẫm).

37. 其五

惜秋欲構纜秋堂
惜爲秋懷在蓼塘
綠野碧浮施錦繡
紺溪寒浸吐縞章
數腔牛笛迎新月
一曲魚歌送遠陽
寄語玉壺長嘯叟
蘋汀正是泛秋方

PHIÊN ÂM:

KỲ NGŨ

Tích thu dục cấu lãm thu đường,
Tích vị thu hoài tại lục đường.
Lục dã bích phù thi cẩm tú;
Hám khê hàn tẩm thổ ly chương.
Sổ xoang ngưu địch nghênh tân nguyệt;

Nhất khúc ngư ca tống viễn dương.
Ký ngữ ngọc hồ trường khiếu tẩu,
Tần đinh chính thị phiếm thu phương.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 5

Tiếc thu, muốn cất ngôi nhà buộc thu lại,
Tiếc vì nhớ thu ở bờ rau răm.
Đồng xanh nổi màu biếc, trải ra gấm vóc;
Suối sẫm thấm hơi lạnh, tuôn ra dải lụa.(1)
Sáo trẻ trâu mấy xoang, đón vầng trăng mới mọc;
Ca nhà chài một khúc, tiễn mặt trời phương xa.
Gửi lời nhắn ông già ôm bình ngọc thét hoài,(2)
Rằng bãi rau tần chính là nơi thu trôi nổi.

CHÚ THÍCH:

1.Suối sẫm (hám khê), "hám" mầu xanh hồng, tạm dịch là mầu sẫm.

Dải lụa (ly chương) "ly" tấm màn che mặt của cô dâu xưa, tạm dịch là dải lụa.

2.Chưa rõ điển cố.

38

接奉花箋問慰，實思抖擻精神。顧拙病在表衷之間，須待發散風邪，方可少舒委頓。拯知簡書可畏，已囑修薄奉呈。希惟審核發遞，似亦無妨。拙病調攝少寬，即於朔日趨朝，一切酬應事宜，耑憑台鼎。奉許嘉章，肅賡呈覽。

飯糗羹藜臥草堂
病軀輾轉菊依塘
身攖好爵陰尤利
心未冰壺闇豈章

淇澳摧敲磨竹璧
都城夢寐切葵陽
調和有喜望無妄
敢用呻吟欺以方

PHIÊN ÂM:

Tiếp phụng hoa tiên vấn uý, thực tư đấu tẩu tinh thần. Cố chuyết bệnh tại biểu trung chi gian, tu đãi phát tán phong tà, phương khả thiểu thư uỷ đốn. Chứng tri giản thư khả uý, dĩ chúc tu bạ phụng trình. Hy duy thẩm hạch phát đệ, tự diệc vô phương. Chuyết bệnh điều nhiếp thiểu khoan, tức tự sóc nhật xu triều, nhất thiết thù ứng sự nghi, xuyền bằng đài đỉnh. Phụng hứa gia chương, túc canh trình lãm.

Phạn xú canh lê tự thảo đường,
Bệnh khu triển chuyển cúc y đường.
Thân anh hảo tước âm vưu lợi;
Tâm vị băng hồ ám khởi chương.
Kỳ úc thôi xao ma trúc bích;
Đô thành mộng mị thiết qùy dương.
Điều hoà hữu hỉ vọng vô vọng,
Cảm dụng thân ngâm khi dĩ phương.

DỊCH NGHĨA:

Nhận được thư ông thăm hỏi, tinh thần thực là phấn chấn. Song bệnh tôi thuộc loại nội thương ngoại cảm, phải đợi dùng phương thuốc phát tán phong tà, mới có thể đỡ mệt mỏi bải hoải. Tôi biết rất rõ rằng việc giấy tờ bang giao khẩn cấp là việc đáng sợ, đã nhận điều phó thác phải hết lòng trung. Vậy nên làm giấy tờ sổ sách kính trình ông xem xét tiếp nhận và chuyển đệ lên trên, chắc cũng không có gì trở ngại. Khi bệnh điều trị hơi đỡ, tức ngày mồng một này, tôi sẽ vào chầu ngay, mọi việc thù ứng, đều nhờ ông giúp. Nay kính họa vần bài thơ hay của ông đưa cho, xin gửi tới ông, mong ông soi xét.

Cơm hẩm canh rau, tựa như ở dưới lều tranh,
Thân ốm lắt lay, dựa bên khóm cúc.
Thân mắc vào tước qúy, ở chốn âm u càng lợi;
Lòng chưa được như hồ băng, ở chỗ u ám há thể tỏ soi?

Đọc thơ Kỳ úc, vẫn cân nhắc cái ý mài ngọc bên bờ trúc;[1]
Mơ tới đô thành, tấm lòng qùi vẫn tha thiết hướng dương.[2]
Tự điều hòa, sẽ có nguồn vui, mong được khỏi bệnh,
Đâu dám rên rỉ dùng làm phương thuốc dối mình.

CHÚ THÍCH:

1.Đây là ý trong bài thơ Kỳ úc, *Vệ phong*, *Kinh Thi*. Bài thơ ca ngợi Vũ Công vừa có tài văn chương, vừa biết mài dũa đức hạnh, nên cuối cùng đã được thiên tử nhà Chu vời vào triều làm tướng để coi việc chính sự. Đây tác giả có ý coi Vệ Vũ Công là tấm gương sáng để cho mình noi theo.

2.Chỉ lòng trung với vua như hoa qùy luôn hướng về phía mặt trời.

39

適閱菊秋諸作，吾輩庚酬，因湖陽感興者，無慮二十餘首。傍人或以情癡相笑，靜思之，經傳道理，大都托于情性。

詩曰:"善戲謔兮，不爲謔兮"。要以戲謔不爲謔者爲善。如曾子傳譬治國亦曰:"未有學養子而後嫁者也"。

夫一陰一陽之謂道，達乎陰陽之道，則或出或處或語或默，引而伸之，觸類而長之，皆適乎時措之宜。譬則男女及時爲順，夫婦居室爲正。反此則標梅之怨，桑間僕上之淫。其視士之躁進與希世取寵者何異哉。是故詩道性情，性情必根于男女，誠爲萬事之首也。非知道者不足以知此，苟知此道，不獨詩爲然也。易詩禮春秋，凡起興於性情者，昭揭可見。

輒述五經五起，依前韻奉賡，以爲菊秋詩案，柳可以語夫敦詩否？統惟台裁。

其一:詩起君子好逑

後天南北不同堂
何事攖情荇菜塘
身飽憂危成易象
心關窈窕播詩章
可憐松樹經嚴雪
謾想桃花戀少陽
要識聖賢深意處
治平規範自閨方

PHIÊN ÂM:

Thích duyệt cúc thu chư tác, ngô bối canh thù, nhân Hồ Dương cảm hứng giả, vô lự nhị thập dư thủ. Bàng nhân hoặc dĩ tình nghi tương tiếu, tĩnh tư chi, kinh truyện đạo lý, đại đô thác vu tình tính.

Thi *viết: "Thiện hý hước hề, bất vi hước hề." Yếu dĩ hý hước bất vi hước giả vi thiện. Như Tăng Tử truyện thí trị quốc diệc viết: "Vị hữu học dưỡng tử nhi hậu giá giả dã."*

Phù! Nhất âm nhất dương chi vị đạo, đạt hồ âm dương chi đạo, tắc hoặc xuất hoặc xử hoặc ngữ hoặc mặc, dẫn nhi thân chi, xúc loại nhi trưởng chi, giai thích hồ thời thố chi nghi. Thí tắc nam nữ cập thời vi thuận, phu phụ cư thất vi chính. Phản thử tắc phiếu mai chi oán, tang gian bộc thượng chi dâm. Kỳ thị sĩ chi thao tiến dữ hy thế thủ sủng giả hà dị tai. Thị cố thi đạo tính tình, tính tình tất căn vu nam nữ, thành vi vạn sự chi thủ dã. Phi tri đạo giả bất túc dĩ tri thử, cẩu tri thử đạo, bất độc thi vi nhiên dã. Dịch Thi Lễ Xuân Thu, *phàm khởi hứng ư tính tình giả, chiêu yết khả kiến.*

Triếp thuật Ngũ kinh *ngũ khởi, y tiền vận phụng canh, dĩ vi cúc thu thi án, liêu khả dĩ ngữ phu đôn thi phủ? Thống duy đài tài.*

KỲ NHẤT: THI KHỞI QUÂN TỬ HẢO CẦU

Hậu thiên nam bắc bất đồng đường,
Hà sự anh tình hạnh thái đường.
Thân bão ưu nguy thành Dịch thoán;
Tâm quan yểu điệu bá Thi chương.
Khả lân tùng thụ kinh nghiêm tuyết;
Mạn tưởng đào hoa luyến thiếu dương.
Yếu thức thánh hiền thâm ý xứ,
Trị bình quy phạm tự khuê phương.

DỊCH NGHĨA:

Vừa rồi đọc các bài thơ về hoa cúc mùa thu,[1] đó là những bài thơ bọn ta xướng họa nhân cảm hứng về nàng Hồ Dương, không ngờ đã lên tới hơn hai mươi bài. Người ngoài cuộc có khi sẽ cười chúng ta là lũ si tình, nhưng bình tâm mà suy ngẫm thì thấy đạo lý trong kinh truyện, đại để đều ký thác vào tính tình.

Kinh Thi có câu rằng: "Khéo đùa cợt chừ! Không độc ác chừ!" Như vậy, điều cốt yếu là để bỡn cợt, chứ không phải giỏi làm điều độc ác. Đần độn như Tăng Tử,[2] tương truyền giỏi phép trị nước, cũng nói rằng: "Chưa hề có chuyện học nuôi con rồi mới lấy chồng!"

Vả lại, một âm một dương thì gọi là "đạo." Thông hiểu được đạo âm dương thì hoặc xuất, hoặc xử, hoặc im lặng, hoặc nói ra, mở ra cho rộng, suy ngẫm cho sâu, thảy đều hợp với cái nghĩa xử trí đúng lúc, sắp đặt phải thời. Ví như chuyện nam nữ kịp thời là thuận, vợ chồng sống chung một nhà phải ngay. Nếu làm trái với lẽ đó, sẽ sinh ra nỗi oán hờn "qủa mơ rụng,"[3] xảy ra chuyện dâm bôn "trên bộc trong dâu."[4] Khác nào như việc tiến thủ của kẻ sĩ, một đằng là giữ tiết tháo mà tiến thủ, một đằng là xu thời để cầu vinh. Cho nên, thơ là để hướng dẫn tính tình, mà tính tình lại có cội rễ từ chuyện nam nữ. Nam nữ quả là đầu mối của muôn sự vậy. Không phải là người hiểu biết về "đạo" thì không thể biết được điều đó. Nếu đã biết rõ được "đạo" đó thì chẳng riêng gì *Kinh Dịch, Kinh Lễ, Kinh Xuân Thu*, phàm là những chỗ khởi hứng từ tính tình, đều có thể thấy rõ được.

Bèn làm năm bài khởi hứng từ *Ngũ kinh*, họa nguyên vận trước, để góp vào trận thơ trong mùa thu hoa cúc, họa may có thể nói được là quý thơ chăng? Hết thảy mọi điều, mong ông xét định.

BÀI 1: CẢM TƯỞNG VỀ CÂU "BẠN ĐẸP ĐÔI LỨA CỦA NGƯỜI QUÂN TỬ" TRONG KINH THI

Sau khi sinh ra, kẻ nam người bắc, vốn không cùng một nhà,

Việc chi mà vương vấn vào đường tình ái, như câu thơ tìm hái rau hạnh.(5)

Thân nếm đủ lo âu nguy hiểm, trở thành lời thoán trong Kinh Dịch;(6)

Lòng vẫn tơ tưởng tới người yểu điệu, truyền tụng trong thơ Kinh Thi.(7)

Đáng thương cho cây tùng kia dãi dầu trong tuyết lạnh;

Luống nghĩ tới hoa đào nọ còn lưu luyến buổi xuân về.(8)

Phải biết chỗ ngụ ý sâu xa của bậc thánh nhân,

Khuôn phép "trị bình" xuất phát ngay từ chốn phòng khuê.(9)

CHÚ THÍCH:

1.Chỉ các bài thơ của hai ông Ngô Thì Nhậm và Phan Huy Ích xướng họa với nhau trong tập *Cúc thu thi trận* này.

2.Dịch thoát từ chữ "Lỗ như Tăng Tử". Tăng Tử: Tức Tăng Sâm học trò Khổng Tử, bị Khổng Tử chê là chậm chạp đần độn.

3.Qủa mơ rụng: Nguyên văn là "phiếu mai" xuất xứ từ bài thơ "Phiếu hữu mai" trong *Thiệu nam, Kinh Thi*. Bài thơ này nói lên niềm ai oán của người phụ nữ quá lứa nhỡ thì và lòng khát vọng muốn được kịp thời xây dựng hạnh phúc lứa đôi.

4.Trên bộc trong dâu: Chỉ quan hệ nam nữ bất chính, có xuất xứ từ bài thơ *Tang trung* trong *Dung phong, Kinh Thi.*

5.Thơ *Quan thư*, phần *Chu nam, Kinh Thi*, dùng hình ảnh lựa hái rau hạnh để ví với việc người trai tài chọn lựa người yêu.

6.Khi Văn Vương bị ngồi tù ở Dữu Lý, nhân diễn *Kinh Dịch*, viết ra quái từ và thoán từ. Theo Đồ thiên bát quái của Phục Hi, mà đổi ra Đồ nậu thiên bát quái: Càn, khảm, cấn, chấn, tốn, ly, khôn, đoài. Chấn ở chính đông, đoài ở chính tây, ly ở chính nam, khảm ở chính bắc. Khác với Đồ tiên thiên: Càn, đoài, ly, chấn, tốn, khảm, cấn, khôn. Càn ở chính nam, khôn ở chính bắc, ly ở chính đông, khảm ở chính tây. Trong thơ dùng để chỉ Ngô Thì Nhậm từng phải chạy trốn ở Thái Bình, không viết thoán từ trong *Kinh Dịch* như Văn Vương, mà viết lời bàn ở *Kinh Xuân thu*.

7.Thơ *Quan thư, Kinh Thi* có đoạn viết: "Yểu điệu thục nữ, quân tử hảo cầu. Cầu chi bất đắc, ngộ mị tư bặc." Nghĩa là: "Người thục nữ yểu điệu kia, chính là người bạn tốt đôi của người quân tử. Người quân tử đeo đuổi người đó

mà chẳng được, nên lúc tỉnh lúc mơ đều tơ tưởng tới." Ở đây dùng để chỉ tình cảm đôi lứa.

8.Buổi xuân về, (thiếu dương): Theo *Đồ thuyết* của Chu Hy: Ngôi của thiếu dương là "ba." Ở đây "Thiếu dương" được dùng như "Tam dương," chỉ tháng giêng âm lịch là tháng hoa đào nở rộ.

9.Câu này phỏng theo câu nói cũ của tiên nho: "Vô Quan thư Lân chỉ chi ý, nhi dục hành Chu quan chi pháp độ" (Không có cái như thơ Quan thư, thơ Lân chỉ, mà muốn làm ngay thẳng pháp độ thiên Chu quan), ý nói trong khuê phòng vợ chồng đối xử với nhau không ra gì mà lại thi hành phương pháp cứu nước giúp dân sao được. Quan thư, Lân chỉ là hai bài thơ nói về đôi lứa vợ chồng. Thiên Chu quan nói về đường lối trị nước.

40. 其二：書起二女釐降

際會都俞吁咈堂
豈應雷澤老魚塘
鰥夫原已成居聚
帝女何須下嬀章
可惜一雙非破鏡
安知三十果孤陽
聖人要定乾坤位
先試刑于式萬方

PHIÊN ÂM:

KỲ NHỊ: THƯ KHỞI NHỊ NỮ LY GIÁNG

Tế hội đô du hu phất đường,
Khởi ưng Lôi Trạch lão ngư đường.
Quan phu nguyên dĩ thành cư tụ;
Đế nữ hà tu hạ tức chương.
Khả tích nhất song phi phá kính;
An tri tam thập qủa cô dương.
Thánh nhân yếu định kiền khôn vị,
Tiên thí hình vu thức vạn phương.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 2: CẢM NGHĨ VỀ CHUYỆN VUA NGHIÊU GẢ HAI CON GÁI CHO ĐẾ THUẤN TRONG KINH THƯ[1]

Vua thánh tôi hiền gặp nhau tương đắc ở chốn triều đường,[2]
Lẽ ra [Thuấn] phải già đời đánh cá ở đầm Lôi [Trạch].[3]
Trai muộn vợ vốn đã thành nơi cư tụ;[4]
Gái con vua, cần chi xuống chiếu kén chồng.[5]
Tiếc cho gái một đôi, chẳng phải là gương vỡ;[6]
Nào biết tuổi ba mươi, còn quả là trai tân?[7]
Thánh nhân muốn ổn định ngôi vị kiền khôn,[8]
Nên trước hết thử đặt phép tắc chốn khuê phòng, để
làm khuôn mẫu cho muôn phương.

CHÚ THÍCH:

1.Trong *Kinh Thư* có nhắc tới chuyện vua Nghiêu nghe nói Thuấn là người hiền đức, đã cảm hóa được cha, mẹ kế và em trai là những người ngang ngạnh độc ác, bèn gả hai con gái là Nga Hoàng và Nữ Anh cho Thuấn để thử tài xử thế trước khi nhường ngôi cho Thuấn.

2.Vua thánh tôi hiền... tương đắc ở chốn triều đường: Dịch thoát từ chữ "đô du hu phất dường". "Đô du hu phất" là những từ ứng đối. Khi tỏ ý tán thành thì dùng "đô" "du," khi tỏ ý phản đối thì dùng "hu" "phất." Những từ này thường được dùng lúc vua tôi bàn về chính sự, dưới các triều Nghiêu Thuấn, ghi trong các thiên *Nghiêu điển, Thuấn điển* của sách *Thượng thư.*

"Đường," ở đây chỉ triều đường, triều đình .

3.Lúc Thuấn còn hàn vi, đã từng cày ở Lịch Sơn, đánh cá ở Lôi Trạch. Đầm Lôi Trạch thuộc địa phận tỉnh Sơn Đông, Trung Quốc (theo *Ngũ đế bản kỉ*, trong *Sử kí).*

4.Theo *Sử ký,* vì Thuấn có đức tốt, nên Thuấn ở đâu mọi người đều theo đến quần tụ ở đó.

5.Chỉ việc vua Nghiêu gả con gái cho Đế Thuấn.

6.Gái một đôi chẳng phải là gương vỡ: Chỉ con gái Nghiêu là Nga Hoàng và Nữ Anh vốn là gái đồng trinh.

7.Trai tân: Dịch thoát từ chữ "Cô dương" (thuộc khí dương mà ở một mình).

8.Ngôi vị kiền khôn: Chỉ ngôi vị vợ chồng.

41. 其三:易起帝乙歸妹

和氣氤氳滿泰堂
穠香匪直棣華塘
王姬何預茅征象
帝制偏多下嫁章
怙侈大都憑籍寵
降尊要使順從陽
聖人闡發親賢旨
元吉中行認此方

PHIÊN ÂM:

KỲ TAM: DỊCH KHỞI ĐẾ ẤT QUY MUỘI

Hoà khí nhân uân mãn thái đường,
Nùng hương phỉ trực lệ hoa đường.
Vương cơ hà dự mao chinh tượng;
Đế chế thiên đa hạ giá chương.
Hỗ xỉ đại đô bằng tạ sủng;
Giáng tôn yếu sử thuận tòng dương.
Thánh nhân xiển phát thân hiền chỉ,
Nguyên cát trung hành nhận thử phương.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 3: CẢM TƯỞNG VỀ CÂU
"ĐẾ ẤT GẢ EM GÁI"[1] TRONG KINH DỊCH

Hoà khí chan chứa, đầy nhà, thịnh vượng như điềm quẻ Thái,[2]
Hương thơm ngào ngạt, chẳng phải chỉ do tình nghĩa anh em.[3]
Em gái vua cớ sao lại dự vào hình tượng người hiền tiến dẫn kẻ đồng loại?[4]

Phép tắc đế vương sao cứ phải thêm nghi thức về việc gả
con em xuống cho người thường?[5]
Vì con em vua chúa phần nhiều hợm hĩnh, kiêu căng, dựa
vào địa vị quý sủng;
Nên khiến họ tự hạ bớt vẻ tôn quý để phục tòng chồng.
Thánh nhân đã tỏ rõ tôn chỉ "thân với người hiền,"
Cần nhận rõ phương pháp muốn đại cát, cứ trung chính mà làm.[6]

CHÚ THÍCH:

1."Đế Ất gả em gái": Nguyên văn là "Đế Ất quy muội" được dùng làm hào từ trong hào *Lục Ngũ* của các *quẻ Lôi Trạch Quy Muội, Địa thiên Thái*... trong *Kinh Dịch*.

Chú thích của Trình Di về hào *Lục Ngũ, quẻ Quy Muội, Kinh Dịch* nói rằng: Con gái vua gả xuống kẻ dưới, từ xưa vẫn thế, có điều là đến Đế Ất mới chính thức quy định lễ hôn nhân, định rõ phận trai gái, dẫu là hạng gái rất sang cũng không được lỗi đạo mềm mỏng nhún nhường, mang lòng kiêu căng vì có địa vị tôn quý. Cho nên trong *Kinh Dịch* chỗ nào là hào âm mà ở nơi tôn quý, lại có ý nhún xuống thì nói là "Đế Ất gả chồng cho em gái," như hào *Lục ngũ quẻ Thái* chẳng hạn.

Trong *Kinh Dịch* thường dùng câu này để tượng trưng cho đức nhún nhường "lễ hiền hạ sĩ" của những người ở địa vị cực kì tôn quý như vua chúa.

2.Quẻ Thái: Theo giải thích của Trình Di, đây là quẻ khôn Âm ở trên, kiền Dương ở dưới, khí của trời đất âm dương giao nhau mà dung hòa, nhờ đó mà muôn vật được sinh thành và mọi sự đều hanh thái.

Hào từ hào *Lục Ngũ* đều có câu: "Đế Ất quy muội, dĩ chỉ nguyên cát." Nghĩa là "Vua Đế Ất gả em gái để lấy phúc, rất tốt!" Đế Ất: Vua hiền đời Thương.

Thơ *Đa sĩ,* nói rằng: "Từ vua Thang đến vua Đế Ất, chẳng ai không tỏ rõ đức sáng, lo việc cúng tế."

3.Tình nghĩa anh em: Dịch thoát từ chữ: "Lệ hoa đường". "Lệ hoa"vốn là chữ trong bài thơ "Thường lệ," *Tiểu nhã, Kinh Thi*. Bài thơ nói về tình nghĩa anh em ruột thịt.

4.Hình tượng người hiền tiến dẫn kẻ đồng loại, dịch từ ý chữ "mao chinh tượng." Mao chinh, xuất xứ hào từ hào *Sơ cửu, quẻ Thái*: "Bạt mao nhự dĩ kì vựng, chinh cát" (Nhổ cụm cỏ tranh lấy cả vầng đi, rất tốt). Trình Di giải thích: Thời đa thái thì để chí ở sự tiến lên. Đấng quân tử tiến lên, ắt cùng bè bạn dắt díu nhau như rễ cây cỏ tranh, hễ nhổ một cây thì chúng kéo nhau mà lên...

Từ xưa đến nay, hễ đấng quân tử được ngôi thì người hiền trong thiên hạ họp nhau ở triều đình, đồng tâm hiệp lực để làm thành cuộc hanh thái của thiên hạ.

5.Gả con em cho người thường: Dịch từ chữ "hạ giá."

"Em gái vua": Dịch từ chữ "Vương cơ" vốn chỉ con gái vua, đây chỉ em gái Đế Ất.

6.*Kinh Dịch*, quẻ *Thái,* hào *Lục Ngũ:* Đế Ất quy muội dĩ chỉ nguyên cát. *Tượng* viết: Dĩ chỉ nguyên cát, trung dĩ hành nguyện dã": Đế Ất gả em gái để có phúc. Rất tốt. Lời tượng nói rằng: Để nhận phúc. Rất tốt. Là do trung chính làm theo ý nguyện.

42. 其四:春秋起姜氏會齊侯

笑殺歸寧醮喜堂
遊遨翻作鵲鶉塘
頑夫多得猗嗟妾
蕩婦寧慚敝笱章
碩鼠何曾知有禮
雄狐原不耐無陽
聖人喫緊明微旨
冰至摧從葛屨方

PHIÊN ÂM:

KỲ TỨ: XUÂN THU KHỞI KHƯƠNG THỊ HỘI TỀ HẦU

Tiếu sát quy ninh tiếu hỉ đường,
Du ngao phiên tác thước thuần đường.
Ngoan phu đa đắc y Ta thiếp;
Đãng phụ ninh tàm Tệ Cẩu chương.
Thạc thử hà tằng tri hữu lễ;
Hùng hồ nguyên bất nại vô dương.
Thánh nhân khiết khẩn minh vi chỉ,
Băng chí suy tòng cát lũ phương.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 4: CẢM TƯỞNG VỀ VIỆC NÀNG KHƯƠNG THỊ HỘI VỚI TỀ HẦU CHÉP TRONG KINH XUÂN THU[1]

Nực cười thay, về thăm anh, hóa ra về nơi động phòng hoa chúc,[2]
Cuộc ngao du mà lại thành chuyện dâm bôn.[3]
Gã gian phu, thêm được cô vợ lẽ như đã kể trong thơ Y Ta;[4]
Ả dâm phụ, làm gì mà biết hổ thẹn với câu thơ Tệ Cẩu.[5]
Loài chuột lớn, có bao giờ biết lễ nghĩa đâu;[6]
Con cáo khoẻ, vốn chẳng chịu được cảnh thiếu xuân tình.[7]
Thánh nhân cố gắng nói rõ cái ý sâu xa,
Băng giá đến, phải chọn giày bện bằng cỏ cát mà đi.[8]

CHÚ THÍCH:

1.*Kinh Xuân Thu*, năm Trang Công thứ năm: "Mùa đông tháng 12, nàng Khương Thị về hội với Tề Hầu ở đất Cáo." Chú thích nói rằng: Khương Thị là vợ của Lỗ Hoàn Công, em gái Tề Tương Công. Năm Hoàn Công 18, Khương Thị theo Hoàn Công sang nước Tề, Hoàn Công mất ở Tề. Khương Thị liền thông dâm với anh ruột là Tương Công.

2.Nơi động phòng hoa chúc: Nguyên văn là "yên hỉ đường." Đây có ý châm biếm, chỉ chỗ Khương Thị thông dâm với anh trai.

3.Chuyện dâm bôn: Dịch thoát chữ "thước thuần đường." *Kinh Thi, Dung phong:* "Thuần chi bôn bôn, thước chi bôn bôn. Nhân chi vô lương, ngã dĩ vi huynh" (Chim thuần song song, chim thước song song. Người này bất lương, ta phải gọi là anh). Nguyên chú: "Chim thuần và chim thước, khi đỗ, khi bay, vợ chồng có đôi. Nay nàng Tề Tuyên Khương với Ngoan thông dâm, Ngoan là con người bất lương, mà ta phải gọi anh." Thơ này do người nước Tề thấy Tuyên Công mới mất, vợ Tuyên Công là Tuyên Khương và là mẹ Huệ Công, thông dâm với tên Ngoan là con riêng của Tuyên Công. Nhân làm thơ này đả kích.

4.*Kinh Thi*, thơ *Y ta*, do người nước Tề làm ra để chê Khương Thị (xem chú thích số 1).

5.Tệ cẩu, nghĩa "đó rách," tên thơ ở *Tề phong, Kinh Thi*, cũng là thơ chê Khương Thị.

6.Thơ *Dung phong, Kinh Thi*: "Tướng thử hữu thể, nhân chi vô lễ, hỗ bất xuyền tử" (Con chuột lớn còn có hình thể, con người không biết nghĩa, sao không sớm chết đi). Ý chê người vô lễ thua con chuột.

7.Thơ *Nam sơn, Kinh Thi* nói, loài cáo tính rất dâm, người nước Tề chê Khương Thị và Tề Tương Công, anh em thông dâm, như loài cáo.

8.Hào *Sơ lục*, quẻ *Khôn, Kinh Dịch*: "Lý sương, kiên băng chí" (Giẫy lên sương, băng kết rắn sẽ đến). *Nguỵ phong, Kinh Thi*: "Củ củ cát lũ, khả dĩ lý sương"(Dép vải dầy dặn, có thể dùng đi sương). Ý nói phàm làm việc gì đều phải thận trọng.

43. 其五

禮内則起妾雖老年未五十必與五日之御

敢望凋顏廁寢堂
凱風吹起落花塘
縞衣聊樂非貪色
敝帳猶藏豈貴章
海蚌生珠緣歲老
藍田產玉爲春陽
聖人提起難行處
明示情田義耨方

PHIÊN ÂM:

KỲ NGŨ
LỄ NỘI TẮC KHỞI,[a] THIẾP TUY LÃO NIÊN VỊ NGŨ THẬP
TẤT DỰ NGŨ NHẬT CHI NGỰ

Cảm vọng điêu nhan xí tẩm đường,
Khải phong suy khởi lạc hoa đường.
Cảo y liêu lạc phi tham sắc;
Tệ trướng do tàng khởi quý chương.
Hải bạng sinh châu duyên tuế lão;
Lam điền sản ngọc vị xuân dương.
Thánh nhân đề khởi nan hành xứ,
Minh thị tình điền nghĩa nậu phương.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 5

CẢM TƯỞNG VỀ CÂU "VỢ LẼ TUY GIÀ, NHƯNG NẾU TUỔI CHƯA TỚI 50 ẮT PHẢI ĐƯỢC DỰ NĂM NGÀY MỘT LẦN NGỰ" TRONG THIÊN NỘI TẮC KINH LỄ

Nhan sắc đã tàn, đâu dám mong được hầu trong tẩm đường,
Nhưng nhờ làn gió lành thổi dậy đóa hoa rụng bên đường.
Tạm vui với người áo trắng, chẳng phải vì tham sắc;(1)
Màn rách còn cất giữ, đâu phải chỉ quý bông hoa.(2)
Trai biển nảy hạt châu, do đã sống lâu năm;
Ruộng Lam trồng được cây ngọc, bởi độ đang xuân.(3)
Thánh nhân nhắc tới chỗ khó thi hành,
Chỉ rõ cách dùng cày nghĩa, để làm ruộng tình.

KHẢO DỊ:

a.Bản VHv.16/12: Lễ khởi nội tắc 禮起內則.

CHÚ THÍCH:

1.Người áo trắng (cảo y), chỉ người vợ hiền từ thuở hàn vi (xuất xứ thơ "Xuất kì đông môn," *Kinh Thi*).

2.Ý nói những thứ mình dùng đã lâu, đã trở thành thân thuộc đối với mình dù có cũ nát, vẫn phải nâng niu, không vứt bỏ. Ý này có xuất xứ từ câu "Tệ duy bất khí" (màn hỏng không vứt bỏ) trong thiên *Đàn cung* của *Kinh Lễ*.

3.Ruộng Lam (Lam điền), vốn là tên một quả núi ở huyện Lam Điền, tỉnh Thiểm Tây, Trung Quốc. Theo Địa chí trong *Hán thư,* tại núi này có nhiều ngọc đẹp. Nhưng vì trong thơ, tác giả dùng chữ: Chủng ngọc"(trồng ngọc) nên dịch là ruộng Lam để thể hiện ý định tu từ của tác giả.

44. 秋回

秋高露冷,同病相憐,蓋神情相倚,不覺同聲相應。長秋主人，亦當知吾輩一盤幽情。松菊猶存，豈應留秋不住。相迎冬至，忽接秋回，扶病骨於草堂，攜得秋來，瘦藤爲有力矣。想秋神多爲秋人致意。重賡五韻，聊識蘭同，希惟亮照爲榮。

其一

秋回重接到琴堂
卻不諳挑舞鳳塘
彭澤無絃還自趣
曾家希鼓爲留章
巽風不果休膠柱
震谷方收好靜陽
就鶴摧琴觀道理
鳴嗥時候弄彈方

PHIÊN ÂM:

THU HỒI

Thu cao lộ lãnh, đồng bệnh tương lân, cái thần tình tương ỷ, bất giác đồng thanh tương ứng. Trường thu chủ nhân, diệc đương tri ngô bối nhất bàn u tình. Tùng cúc do tồn, khởi ưng lưu thu bất trú. Tương nghênh đông chí, hốt tiếp thu hồi, phù bệnh cốt ư thảo đường, huề đắc thu lai, xấu đẳng vi hữu lực hỹ. Tưởng thu thần đa vi thu nhân trí ý. Trùng canh ngũ vận, liêu thức lan đồng, hy duy lượng chiếu vi vinh.

KỲ NHẤT

Thu hồi trùng tiếp đáo cầm đường,
Khước bất am khiêu vũ phụng đường.
Bành Trạch vô huyền hoàn tự thú;
Tăng gia hi cổ vị lưu chương.
Tốn phong bất quả hưu giao trụ;
Chấn cốc phương thu hảo tĩnh dương.
Tựu hạc suy cầm quan đạo lý,
Minh cao thời hậu lộng đàn phương.

DỊCH NGHĨA:

THƯ VỀ

Thu cao, sương lạnh, xót người đồng bệnh, vì tinh thần giao cảm nên bất giác đồng thanh tương ứng. Chúa thu cũng nên biết đến mối ân tình của chúng ta. Tuy cúc vẫn còn, lẽ nào lại không giữ thu lại được. Sắp đón đông tới, chợt tiếp thu về, tấm thân ốm yếu nương tựa lều tranh, nếu đem được thu tới bên giường bệnh chắc sẽ khoẻ ra. Thiết tưởng mộng thu sẽ vì người thu mà nhắn ý gửi tình. Vậy nên lại họa năm bài để tỏ nghĩa đồng tâm, mong được coi tới, sẽ làm vinh hạnh.

BÀI 1

Thu về lại đón đến nhà chơi đàn,
Song không quen gẩy khúc phượng múa bên hồ.
Ông Bành Trạch gảy đàn không giây mà còn mua được thú vui;[1]
Thầy Tăng Điểm gẩy chầm chậm vì muốn giấu chí hướng tốt đẹp.[2]
Gió đông nam không nổi, chớ vặn chặt trục đàn ;
Trời phía đông đang thu lại, ánh dương tĩnh lặng.
Xem xét đạo lý, suy ra từ chuyện cầm hạc,[3]
Khi hạc cất tiếng kêu lên, là lúc đùa giỡn với đàn.[4]

CHÚ THÍCH:

1.Bành Trạch, tức Đào Tiềm, nhà thơ điền viên nổi tiếng đời Tấn. Khi về ở ẩn, thường ôm đàn vừa vỗ vừa hát tỏ ý chí của mình.

2.Tăng Điểm, học trò giỏi của Khổng Tử. Khi Khổng Tử hỏi về chí hướng, Tăng Điểm tay gẩy đàn chầm chậm rồi thưa: "Gặp tháng cuối xuân, tôi muốn cùng sáu bẩy học trò tắm ở sông Nghi, hóng gió mát ở đàn Vũ Vu, ngâm thơ rồi về."

3.Cầm hạc, dùng để chỉ phong thái ung dung của người đi làm quan phương xa.

4.Hạc cất tiếng kêu (minh cao): Xuất xứ thơ "Hạc minh," *Tiểu nhã, Kinh Thi*.

45. 其二

秋回重接到棋堂
卻不諳推象馬塘

當局易迷須艮背
括囊無咎是坤章
爛柯樵叟千千歲
鑽蓋魁元幾點陽
心費何如心不費
風雲靜會變通方

PHIÊN ÂM:

KỲ NHỊ

Thu hồi trùng tiếp đáo kì đường,
Khước bất am suy tượng mã đường.
Đương cục dị mê tu cấn bối;
Quát nang vô cữu thị khôn chương.
Lạn kha tiều tẩu can thiên tuế;
Toản cái khôi nguyên kỷ điểm dương.
Tâm phí hà như tâm bất phí,
Phong vân tĩnh hội biến thông phương.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 2

Thu về, lại tiếp đón đến nhà chơi cờ,
Song chẳng thạo suy nước cờ tượng mã.
Trong cuộc dễ mê, cần dừng lưng chừng;(1)
Thắt túi không lỗi, ấy vẻ khéo khôn.(2)
Ông tiều để mục cán búa, đã trải ngàn năm;(3)
Quan trạng dùi thủng lọng, có mấy điểm nắng.(4)
Nhọc lòng, sao bằng cứ để lòng không nhọc?
Lặng thinh cũng biết được hội gió mây biến hoá.

CHÚ THÍCH:

1.Quẻ Cấn Kinh *Dịch* nói: "Cấn kỳ bối" (dừng ngay trên lưng). Ở đây dùng để chỉ sự tỉnh táo điều độ khi đánh cờ.

2.Hào lục từ quẻ Khôn nói: "Quát nang vô cữu vô sự" (Thắt túi không bị lỗi thì vô sự). Đây chỉ sự khôn ngoan sáng suốt khi đánh cờ.

3.Ông tiều để mục cán búa: Theo sách *Thất dị ký* thì Vương Chất đời Tấn vào rừng kiếm củi, thấy hai đứa trẻ đánh cờ, bèn chống búa đứng xem, tan cuộc cờ, cán búa đã mục nát.

4.Vũ Huyên, người làng Mộ Trạch, huyện Đường An (nay thuộc Hải Dương) là tay giỏi cờ, tương truyền, có lần sứ nhà Tống sang thách thức vua Lý đánh cờ. Vũ Huyên làm quân sư cho nhà vua. Cuộc cờ được bày ra giữa sân nắng. Vũ Huyên cầm ô che nắng cho vua, trên ô có dùi một lỗ nhỏ, mỗi khi gặp nước cờ hay, liền dùng bóng nắng ở lỗ thủng chiếu xuống dẫn đường cho vua đi. Kết qủa, sứ Tống bị thua đậm. Vua Lý bèn phong cho Vũ Huyên là trạng cờ. Vì vậy, trong dân gian có câu: "Rượu Hoàng Mơ cờ Mộ Trạch."

46. 其三

秋回重接到詩堂
卻不工摧韻律塘
梁斧難窺龍臥曲
周行僅識鹿鳴章
湘原騷魄縈蘭若
張喝吟魂滯桂陽
不用荒寒驚夜斗
敦柔溫厚遣懷方

PHIÊN ÂM:

KỲ TAM

Thu hồi trùng tiếp đáo thi đường,
Khước bất công suy vận luật đường.
Lương phủ nan khuy Long Ngoạ khúc;
Chu hành cẩn thức Lộc Minh chương.
Tương Nguyên Tao phách oanh lan nhược;

Trương Hát ngâm hồn trệ Quế Dương.
Bất dụng hoang hàn kinh dạ đẩu,
Đôn nhu ôn hậu[a] *khiển hoài phương.*

DỊCH NGHĨA:

BÀI 3

Thu về, lại đến với phòng thơ,
Song không khéo về đường vận luật.
Khó tìm thấy khúc ngâm Lương phủ của Ngoạ Long;[1]
Chỉ biết có chữ "chu hành" trong thơ Lộc Minh.[2]
Khí phách khúc Ly Tao của Khuất Nguyên còn quanh quất nơi lan nhược;[3]
Quỷ thần ngâm thơ trong miếu Trương Hát vẫn đọng ở vùng Quế Dương.[4]
Không cần đến giá lạnh, hoang vắng, để sao đêm phải sợ,[5]
Ôn, nhu, đôn, hậu, chính là cách để bầy tỏ nỗi lòng.[6]

KHẢO DỊ:

a.Bản VHv.16/12: Ôn nhu khoan hậu 溫柔寬厚.

CHÚ THÍCH:

1.Ngoạ Long: Vì niêm luật của thơ, nên nguyên văn chép là "Lọng ngọa." Ngoạ Long, biệt danh của Khổng Minh khi còn ở lều tranh. Trong bài ca *Lương phủ ngâm* mà ông ta thường ngâm, đã tự ví mình là Ngoạ Long (con rồng nằm).

2.Thơ Lộc minh, *Kinh Thi*, bài thơ thường đọc khi thết yến đãi khách, trong đó có câu: "Nhân chi hiếu ngã, thị ngã chu hành"(Người khách yêu ta, chỉ cho ta con đường lớn).

3.Khuất Nguyên khi bị biếm ở Mịch La đã sáng tác ra khúc *Ly tao*, trong đó có 9 bài ca. Tương quân là một trong chín bài đó, trong bài thơ này chép là Tương Nguyên (Bài Tương quân của Khuất Nguyên).

Lan nhược: Chỉ chỗ tu hành của sư sãi.

4.Đời nhà Lý, giặc Tống xâm lược nước ta. Lý Thường Kiệt đem quân lập phòng tuyến sông Cầu chống giặc. Lý Thường Kiệt sai người nửa đêm vào đền thờ hai anh em Trương Hống Trương Hát, giả làm quỷ thần đọc thơ: "Nam quốc sơn hà Nam đế cư..." (Non sông nước Nam vua Nam ở ...). Binh lính nghe thấy cho là có thần giúp, nên ai cũng quyết chiến, đánh tan giặc Tống.

Quế Dương, vùng có sông Cầu chảy qua, nay là Quế Võ, Bắc Ninh.

5.Câu này dùng ý trong câu thơ sau đây của Lý Bạch: "Dạ tĩnh bất kham đề tuyệt cú, khủng kinh tinh Đẩu lạc giang hàn" (Đêm vắng không muốn đề câu thơ tứ tuyệt, sợ các vì sao Đẩu giật mình rơi xuống sông lạnh giá).

6.Ôn, nhu, đôn, hậu: Ôn hòa, mềm mỏng, tôn kính, nồng hậu, là đạo lý của nhà nho xưa.

47. 其四

重接秋回到畫堂
丹青未會塑雕塘
黃花聊掛陶潛軸
碧樹難尋阮肇章
艷冶不描花上雪
慈光要繪鏡中陽
且從後素摧研到
唐館閻圖豈足方

PHIÊN ÂM:

KỲ TỨ

Trùng tiếp thu hồi đáo họa đường,
Đan thanh vị hội tố điêu đường.
Hoàng hoa liêu quải Đào Tiềm trục;
Bích thụ nan tầm Nguyễn Triệu chương.
Diệm dã bất miêu hoa thượng tuyết;
Từ quang yếu hội kính trung dương.
Thả tòng hậu tố suy nghiên đáo,
Đường quán Diêm đồ khởi túc phương.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 4

Lại đón thu về tới nơi nhà vẽ,
Song chưa biết đường chạm trổ đỏ xanh.
Đành tạm treo tranh hoa cúc vàng của Đào Tiềm;(1)
Vì khó kiếm vẻ cây biếc của Nguyễn Triệu.(2)
Không vẽ được vẻ đẹp hoa trên tuyết;
Cố vẽ ánh sáng dịu của nắng trong gương.

Có nền trắng rồi hãy nghĩ cho ra cách vẽ,

Tranh Diêm Vương trong chùa đời Đường đâu đáng học theo?[3]

CHÚ THÍCH:

1.Đào Tiềm, nhà thơ điền viên đời Tấn, vì khảng khái mà bỏ quan về ở nơi thôn dã. Ông thường trồng cúc để làm vui.

2.Tương truyền, Lưu Thần và Nguyễn Triệu người đời Hán, vào núi Thiên Thai hái thuốc bị lạc vào động tiên. Sau thường dùng tích này để chỉ cõi tiên.

3.Đời đường, Phật giáo khá thịnh hành ở Trung Quốc. Các chùa thờ Phật thường vẽ 18 cửa địa ngục, mỗi ngục có một Diêm Vương coi giữ. Người sống lương thiện khi chết sẽ được lên thiên đường, kẻ ác phải xuống địa ngục.

48. 其五

重接秋回到酒堂
浮鐘量狹紫霞塘
不爭衛國蹁躚舞
恒戒堯夫酪酊章
略酌太和消暇日
敢將仙聖繫飛陽
飲無及亂須知止
梧月楊風掉磬方

PHIÊN ÂM:

KỲ NGŨ

Trùng tiếp thu hồi đáo tửu đường,
Phù chung lượng hiệp tử hà đường.
Bất tranh vệ quốc phiên thiên vũ;
Hằng giới Nghiêu phu lạc đính chương.
Lược chước thái hòa tiêu hạ nhật;
Cảm tương tiên thánh hệ phi dương.

Ẩm vô cập loạn tu tri chỉ,
Ngô nguyệt dương phong trạo khánh phương.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 5

Lại đến nhà rượu để đón thu về,
Chén tử hà đầy, nhưng tửu lượng kém.
Không đua tranh với điệu múa uyển chuyển của gái nước Vệ;(1)
Thường tự răn về câu thơ say li bì của ông Nghiêu Phu.(2)
Tạm rót chén Thái Hòa, tiêu khiển ngày nhàn hạ;
Đâu dám đem rượu tiên, rượu thánh, buộc lấy ánh dương.
Chớ uống đến loạn ngôn, phải biết lúc dừng,
Bởi trăng ngô đồng, gió dương liễu vẫn luôn khêu gợi.(3)

CHÚ THÍCH:

1.Gái nước Vệ: Dịch thoát chữ "Vệ quốc." Thời xưa, nước Vệ nổi tiếng có nhiều gái đẹp hát hay múa khéo. Trong lời tựa bộ *Ngọc đài tân vinh* của Từ Lăng có câu: "Vệ quốc giai nhân, câu ngôn nha kỳ tiêm thủ" (người đẹp nước Vệ, ai nấy đều tấm tắc khen bàn tay thon nhỏ).

2.Nghiêu Phu: Tên hiệu của Thiệu Ung đời Tống. Trong thơ *Kích nhưỡng* của ông có câu: "Ẩm tửu mạc giao thành lạc đính, khán hoa thận vật đáo ly phi" (Uống rượu chớ để cho say ly bì, xem hoa chớ xem đến lúc cánh hoa rời rã).

3.Thơ *Nhàn ngâm* của Thiệu Tử: Nguyệt đáo ngô đồng thượng, phong lai dương liễu biên. Viện thân nhân phục tĩnh, thử cảnh cộng thuỳ ngôn (Trăng lên ngọn ngô đồng, gió tới bên cành dương liễu. Nhà ở sâu thẳm, người thì nhàn rỗi, cảnh nay biết ngỏ cùng ai). Trong thơ dùng để chỉ cảnh nhàn tản thưởng liễu ngắm trăng.

49. 奉讀潘侯三得之作喜而成

前奉論三得，以模索思擬，歸宿于心，此如先儒論詩有曰，感于性發于情而宰于心者是也。非遂元詩者，不足以語此。然此三得就道理体用上起見。至於神情之所融會，又在於吾二人深相得處。蓋無入而不自得者，可以意會而不可以言傳也。

顧其所自得者，默不能載。肅賦大有得一章，以識吾輩道學問之樂。奉賡前韻，常侯台裁。

分聯科宦誼家堂
芝馥蘭芳萃一塘
魯衛由來同昊味
沈劉豈必鬥葩章
無心詩譜爭工部
有約耆遊會洛陽
要識吾徒相得處
研成亹亹戒迷方

PHIÊN ÂM:

PHỤNG ĐỘC PHAN HẦU "TAM ĐẮC" CHI TÁC HỈ NHI THÀNH

Tiền phụng luận tam đắc, dĩ mô sách tư nghĩ, quy túc vu tâm, thử như tiên nho luận thi hữu viết, cảm vu tính phát vu tình nhi tể vu tâm giả thị dã. Phi toại nguyên thi giả, bất túc dĩ ngữ thử. Nhiên thử tam đắc tựu đạo lý thể dụng thượng khởi kiến. Chí ư thần tình chi sở dung hội, hựu tại ư ngôn nhị nhân thâm tương đắc xứ. Cái vô nhập nhi bất tự đắc giả, khả dĩ ý hội nhi bất khả dĩ ngôn truyền dã.

Cố kỳ sở tự đắc giả, mặc bất năng tải. Túc phú đại hữu đắc nhất chương, dĩ thức ngô bối đạo học vấn chi lạc. Phụng canh tiền vận, xuyền hậu đài tài.

Phận liên khoa hoạn nghị gia đường,
Chi phức lan phương tụy nhất đường.
Lỗ, Vệ do lai đồng xú vị;
Thẩm, Lưu khởi tất đấu ba chương.
Vô tâm thi phả tranh Công Bộ;
Hữu ước kì du hội Lạc Dương.
Yếu thức ngô đồ tương đắc xứ,
Nghiên thành vĩ vĩ giới mê phương.

DỊCH NGHĨA:

ĐỌC BÀI THƠ TAM ĐẮC CỦA PHAN HẦU[1] VUI MỪNG MÀ LÀM THƠ

Lần trước, bàn về ba điều tương đắc, suy nghĩ cho kĩ, đều thuộc về cái tâm, đúng như tiên nho khi bàn về thơ nói rằng, thơ là do cảm xúc từ tính, xuất phát từ tình và được chi phối bởi tâm. Nếu không phải là người thông hiểu về thơ thì không thể nói đến chuyện ấy được. Song ba điều tương đắc đó, chỉ thấy được khi đạo lý được thể hiện. Còn như chỗ hoà hợp về tinh thần thì lại chính là chỗ rất tương đắc của hai ta. Đại để đó là những thứ vào chỗ nào cũng có thể tự đắc được, những thứ đó có thể lĩnh hội bằng ý mà không thể truyền đạt lại bằng lời.

Song những điều tự đắc đó chỉ lẳng lặng mà biết, chứ không thể viết ra được. Vì vậy xin làm bài thơ "Đại hữu đắc" để ghi lại niềm vui về học vấn đạo đức của chúng ta. Kính nối vần trước, chỉ mong sửa giúp.

Cùng thi đỗ, cùng làm quan, lại là chỗ thông gia,[2]
Tình chi lan thơm nức, sum họp một nhà.[3]
Như Lỗ, Vệ, vốn cùng mùi vị thơm tho;[4]
Tựa Thẩm, Lưu, há phải đọ tài văn vẻ.[5]
Không có lòng nào, đua tài thơ phú với Đỗ Công Bộ;[6]
Chỉ có lời hẹn ước, họp bạn già ở Lạc Dương.[7]
Cần biết chỗ tương đắc của bọn ta,
Luôn luôn cố gắng, đạt hiệu quả, tránh lạc đường.

CHÚ THÍCH:

1.Tam đắc: Ba điều tương đắc: Tính, tình, và tâm.

Phan hầu, ở đây chỉ Phan Huy Ích.

2.Ngô Thì Nhậm và Phan Huy Ích cùng đỗ tiến sĩ thời Lê và làm quan đồng triều thời Tây Sơn, Phan Huy Ích lại là em rể Ngô Thì Nhậm.

3.Tình chi lan, chỉ về tình bạn bè thân thiết.

4.Lỗ, Vệ: Đều là giòng dõi nhà Chu. Lỗ là giòng dõi Chu Công Đán; Vệ là giòng dõi Thiệu Công Thích. Câu này ý nói, gia thế Ngô Thì Nhậm và Phan Huy Ích đều rất vẻ vang.

5.Thẩm, Lưu, chỉ Thẩm Thuyên Kỳ và Lưu Vũ Tích là hai nhà thơ nổi tiếng đời Đường, nhưng có phong cách rất khác nhau.

6.Đỗ Công Bộ: Tức Đỗ Phủ đời Đường, từng giữ chức Công bộ Viên ngoại lang, nên đời sau thường gọi là Đỗ Công Bộ.

7.Văn Ngạn Bác đời Tống, lúc tuổi già về hưu có lập ra hội các cụ già gọi là hội Kỳ Anh ở Lạc Dương để tiêu dao.

50

昨奉朝命替第一番回朝，細思行止自有定命，捧書安義。因賦述懷一章，依前韻呈正。

一紙中摳捧上堂
玻璃新墨映方塘
入朝有命趨宣室
出塞咸康協晚章
無疾正宜尋復道
有浮誠利見乾陽
喜公拾級符嘉兆
馬白提封好辨方

PHIÊN ÂM:

Tạc phụng triều mệnh thế đệ nhất phiên hồi triều, tế tư hành chỉ tự hữu định mệnh, bổng thư an nghĩa. Nhân phú cầu hoài nhất chương, y tiền vận trình chính.

Nhất chỉ trung khu phủng thướng đường,
Pha lê tân mặc ánh phương đường.
Nhập triều hữu mệnh xu tuyên thất;
Xuất tái hàm khang hiệp vãn chương.
Vô tật chính nghi tầm Phục đạo;
Hữu phu thành lợi kiến Càn dương.
Hỉ công thập cấp phù gia triệu,
Mã bạch đề phong hảo biện phương.

DỊCH NGHĨA:

Vừa qua, phụng mệnh triều đình, về triều thay phiên thứ nhất. Nghiền ngẫm cho kỹ việc đi đứng, vì đã có định sẵn, vâng theo chiếu thư làm đúng nghĩa vụ. Nhân đó làm một bài thơ thuật hoài, họa đúng vần trước gửi sang ông sửa chữa giúp.

Một tờ sắc thư từ trong triều đình ban ra, bưng lấy bước lên thềm,
Mầu mực mới như pha lê, ánh ra khắp bờ cõi.
Có lệnh vào chầu, vội rảo bước tới nhà Tuyên Thất;[1]
Ra quan ải đều bình yên, hợp với thơ tiễn đưa.
Muốn không bệnh tật, chính nên tìm đến đạo của quẻ Phục;[2]
Có lòng tin, thành thực, gặp hào dương quẻ Kiền, thì lợi.[3]
Mừng ông cứ lần bậc mà lên, ứng với điều hay,
Tranh luận rõ về cõi bờ, nên tìm cách biện bạch cho tốt.[4]

CHÚ THÍCH:

1.Tuyên Thất: Tên một tòa nhà trong cung Hán. Hán Văn Đế đã tiếp riêng Giả Nghị ở đây. Sau này dùng để chỉ nơi vua tiếp kiến đại thần.

2.*Kinh Dịch*, quái từ quẻ *Phục* nói: "Xuất nhập vô tật" (ra vào không bệnh tật).

3.*Kinh Dịch* quẻ *Kiền,* 6 hào thuần dương; hào *cửu nhị* nói: "Hiện long tại điền, lợi kiến đại nhân" (Rồng hiện ở ruộng, lợi thấy bậc đại nhân). Nói được chầu vua là việc tốt.

4.Tranh luận rõ: Dịch thoát chữ "Mã bạch," Công Tôn Long là nhà hùng biện đời Chiến Quốc, khi biện luận với người khác, đã tìm cách chứng minh rằng: "Ngựa trắng không phải là ngựa" (bạch mã phi mã). Sau thường dùng từ "bạch mã" để chỉ việc biện luận.

# # #

秋覲颺言

THU CẬN DƯƠNG NGÔN

Sưu tầm, dịch thuật

LÂM GIANG - NGUYỄN THỊ PHƯỢNG - NGUYỄN HUY THỨC

Hiệu đính, giới thiệu

LÂM GIANG

秋覲颺言

THU CẬN DƯƠNG NGÔN

Thu cận dương ngôn, tập thơ Ngô Thì Nhậm sáng tác nhân dịp vào Phú Xuân triều cận vua Quang Toản, khoảng từ mùa thu năm 1796 đến 1799. Tập thơ không nói rõ niên đại sáng tác, nhưng trong đó có loạt bài nói vào năm Đinh Tỵ (1797) như: *Tòng giá bái tảo Đan Dương lăng cung vãn* (Theo xe nhà vua đến làm lễ quét dọn ở lăng Đan Dương, kính viếng), lời nguyên dẫn của bài này cho biết: "Mùa xuân năm Đinh Tỵ, ta bị bệnh, nằm mộng thấy Tiên Hoàng đế (tức Quang Trung) ngự giá Bắc Thành". Hay trong lời nguyên dẫn bài *Khâm thị ngự tiền tứ trà cung ký* (Kính chầu trước vua, được ban cho uống trà, kính ghi) cũng cho biết: "Hai ngày sau tiết tiểu hàn năm Đinh Tỵ... vào hầu vua..." Còn nguyên dẫn bài *Vọng bái Sùng Đức từ chư kỵ thời cảm tác* (Lễ vọng các ngày giỗ ở nhà thờ Sùng Đức, xúc động mà viết thành thơ) cũng nói tới năm Đinh Tỵ: "Mùa hạ năm Đinh Tỵ, cải táng mậu phần... Tháng trọng đông năm Đinh Tỵ, việc nước có điều lo lắng..." Và bài *Vũ y* (Áo tơi đi mưa), trong lời dẫn cũng lại nhắc đến năm Đinh Tỵ: "Sáng sớm ngày 3 tháng chạp năm Đinh Tỵ mưa to như trút nước, ta vào hầu vua..." Còn bài *Hỉ thiêm tuế* (Mừng thêm tuổi) thì có câu: "Hành canh ngũ thập hựu tam tuế" (Năm tháng trôi đi hoài, ta đã năm mươi ba tuổi), Ngô Thì Nhậm sinh năm 1746, 53 tuổi, tức là năm 1799. Lại trong bài: *Mộng thứ nam Văn Trang Vương* (Mơ thấy con trai thứ là Văn Trang Vương), có câu:

Ngã tại Nam Ninh mộng kiến công,
Hốt kim hựu mộng lục niên trung.
(Khi ta ở Nam Ninh đã mơ thấy con,
Chợt nay lại mộng, tính ra đã sáu năm).

Năm 1793 Ngô Thì Nhậm đi sứ tới Nam Ninh đã mơ thấy con trai, sau sáu năm lại mơ thấy, tức năm 1799.

Ngoài loạt bài có những chi tiết cho biết niên đại sáng tác như đã nêu, còn lại hầu hết là những bài nói về việc vào chầu vua, hay theo vua đi tuần du tại Thuận Hóa và vùng phụ cận như: *Phụng ứng chế Tư Dung hải khẩu tức cảnh* (Vâng mệnh vua làm bài thơ tức cảnh ở cửa bể Tư Dung), *Dạ triệu thị ngự dinh tụng tiên thư cung ký* (Ban đêm được triệu vào hầu trong dinh vua đọc thơ tiên, kính ghi); *Thị ngự dinh phụng hoàn*

nhãn kính cung ký (Hầu ở dinh vua, được vua cho xem cặp kính đeo mắt, kính ghi); *Tảo triều Trung Hòa điện tứ nhận nội thị độc chiếu thư tấu nghị, cung ký* (Buổi sớm vào chầu ở điện Trung Hòa, được vua cho vào hầu bên trong, đọc bản tấu về việc đánh hay giữ, kính ghi), *Tòng giá hạnh Thái Học thích thái, cung ký* (Theo xe vua tới nhà Thái Học làm lễ Tiên sư, kính ghi), *Đáp Tư Dung hải khẩu chi tác* (Đáp lại bài Cửa bể Tư Dung), *Hóa Châu* (Châu Hóa). *Tái kinh Thiền lâm tự* (Lại qua chùa Thiền Lâm), *Cung cận hoa* (Hoa dâm bụt trong cung), *Hương giang dạ phiếm* (Đêm bơi thuyền trên sông Hương) v.v...

Thu cận dương ngôn, phần nhiều nói lên tâm tư tình cảm của Ngô Thì Nhậm đối với triều đình Quang Toản, tình cảm thì thiết tha, nhưng tâm tư thì da diết nhớ tới đấng minh quân đã đi xa, với vẻ tiếc nuối:

Thanh miếu đài đầu Ngân Hán nhĩ,
Đan lăng thức mục lĩnh vân thâm.
(Ngẩng đầu nhìn Thanh miếu cao vút sát sông Ngân,
Dụi mắt ngắm Đan lăng thăm thẳm trong mây tía.)

(Sóc vọng thị tấu nhạc Thái tổ miếu cung ký)

Hay:

Hạ lạc nhân hoàn lưu chính trị;
Thượng mâu thiên đức xướng uy thanh.
Chí nhân đại nghĩa tồn Lê miếu;
Hậu trạch thâm ân xá Mãn binh.
(Giáng xuống cõi trần, để lại nền chính trị;
Sánh với đức trời, còn lừng lẫy tiếng tăm.
Nhân nghĩa cao cả, muốn bảo tồn tông miếu nhà Lê;
Ơn trạch sâu dầy, tha bổng cho lũ tù binh giặc Mãn.)

(Tòng giá bái tảo Đan Dương lăng cung vãn)

Còn đối với vua Quang Toản, thì ông chưa hẳn đã mặn mà, tỏ ý muốn lui về:

Thánh chủ ưu cần phương chúc cố,
Ngô sài tao tế mạc tu hoàn!
(Vua thánh chăm lo, đang chiếu tới,
Chúng ta gặp hội, chớ nên bỏ về!)

(Đáp Thị ngự Phan quyến thai)

Triều đình Quang Toản lúc này đang chia rẽ sâu sắc, những lời vàng tiếng ngọc của Ngô Thì Nhậm cũng chẳng vào đâu, ông buồn:

Hoạn lộ ngã như hồng quyện dực,
Giảng chiên công tự hạc minh cao.
(Đường làm quan tôi như chim mỏi cánh,
Nơi giảng học, ông tựa hạc kêu ngoài đầm.)

(Ký đồng ấp niên khế Nguyễn cư sĩ)

Hay:

Tự hải hầu môn hy túc đáo,
Như băng hoạn huống chỉ tâm tri.
(Cửa công hầu tựa biển sâu, ít khi đặt chân tới,
Cảnh làm quan như băng giá, chỉ lòng mình biết thôi!)

(Nhàn thuật)

Nhưng số bài nói nỗi u hoài, lòng muốn thoái lui ở tập này ít hơn so với tập *Cúc hoa thi trận*. Số còn lại phần lớn là những bài tả cảnh đẹp có nét riêng của vùng Thuận Hoá, đó là cảnh đẹp cửa bể Tư Dung (*Tư Dung hải khẩu*), Núi Rùa (*Đáp đăng Quy sơn chi tác*), Cung Vọng trận (*Tòng giá Vọng trận cung xuân nhật xuất binh cung ký*), Cửa Nhuyến (*Tòng giá hạnh Nhuyến môn quan hải cung ký*)..., cùng với cảnh chùa Thiền Lâm (*Tái kinh Thiền Lâm tự*), chùa Thiên Mụ (*Hữu sở tư - kỳ thập*), đàn Nam Giao (*Hữu sở tư - kỳ thất*), đàn Phương Trạch (*Hữu sở tư - kỳ bát*), các Khuê Văn (*Hữu sở tư - kỳ cửu*)...

Với cảnh ban đêm bơi thuyền trên sông Hương, ông viết:

Sa thiển bạch ngư hoả hiện,
Thụ thâm thanh trục phượng vân u.
Canh lan tĩnh chước tam bôi tửu,
Nguyệt đạm ba bình tịnh thưởng thu.
(Cát cạn trắng xoá trong ánh lửa chài,
Cây dày xanh thẳm dưới chân núi phượng.
Canh khuya lặng lẽ uống ba chén rượu,
Tận hưởng vẻ thu: Sóng lặng trăng mờ.)

(Hương Giang dạ phiếm)

Đặc biệt với cảnh mưa của Huế mỗi khi có gió mùa đông bắc về, được ông ví với nước mắt nàng Huyền Trân:

Huyền Trân sái tận u sầu lệ,
Hoá tác xuân mai dạ vũ thanh.
(Nàng Huyền Trân đã nhỏ hết giọt lệ u sầu,
Hoá thành tiếng mưa dầm trong đêm xuân mai nở...)

(Tích vũ)

Mưa Huế, nhiều khi nhiều ngày không dứt một giây, cho nên áo tơi là thứ không thể thiếu. Ngô Thì Nhậm đã phải mặc áo khi vào chầu vua, ông tả:

Phi canh phi điếu thái ngang tàng,
Xuyên tựu hà y thướng ngọc đường.
Kiên xuất phượng mao hàm chế cáo;
Bối sinh quy giáp phụ văn chương...
(Chẳng đi cày, không đi câu, trông rất ngông nghênh,
Mình mặc áo lá sen bước lên thềm ngọc.
Vai chìa lông phượng nhưng tha chiếu chỉ;
Lưng nổi vân rùa mà đội văn chương...)

(Vũ y)

Trong thời gian ở Huế Ngô Thì Nhậm thường vào chầu diện Thanh Di, tả cảnh điện:

Ngũ tích dao đài tủng thuý vi,
Tường quang vân ủng ánh phầu ti.
(Lầu ngọc năm chòi cao ngất như ngọn núi,
Mây ôm lấy lấp ánh sáng lành, ánh xuống bức bình phong.)

(Khâm ban nhật thị Thanh Di điện cung ký)

Vào chầu điện Trung Hoà thì:

Xâm thần vị tán ngũ canh sương,
Y ốc kê thanh triệt Thượng Dương.
Phủ toạ dĩ bài kim kiếm vệ,
Các thần phương chỉnh tú y hàng...
(Tảng sáng canh năm sương mù chưa tan,
Tiếng gà eo óc đã gáy vang.
Thị vệ mang gươm vàng sẵn sàng nơi vua ngự,
Bầy tôi trong Nội các chỉnh đốn lại hàng...)

(Tảo triều Trung Hoà điện tứ nhập nội thị độc chiến thủ tấu nghị cung ký)

Tả cảnh Châu Hoá:

Sơn Liên hải khí yên vô chướng;
Hải tiếp sơn nguyên thủy bất hàm.
Nhật mão khí huân đông vũ khổ;
Thạch sa vị khiết tỉnh truyền cam.
(Núi liền với khí biển, hơi không độc;
Nước không mặn, biển tiếp nguồn non.

Giữa đông vẫn ấm, mưa đông tầm tã;
Cát đá sạch trong mạch giếng ngọt lành.)

(Hoá châu)

Thu cận dương ngôn, hiện được chép trong tùng thư *Ngô gia văn phái*, gồm 4 dị bản, lưu trữ tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm:

1. *Ngô gia văn phái VHv.1743/24* đã miêu tả ở tập *Cúc hoa thi trận,* từ tờ 28a đến tờ 55b chép tập *Thu cận dương ngôn*, gồm 95 bài thơ. Bản này chữ viết rõ ràng, đầy đủ, ít sai sót hơn so với những bản khác, nên chọn làm bản *nền* để so sánh, đối chiếu, khảo dị.

2. *Ngô gia văn phái VHv.1743/15*, đã miêu tả ở tập *Cúc hoa thi trận*, từ tờ 31a đến tờ 95a, chép tập *Thu cận dương ngôn,* gồm 95 bài thơ, thứ tự sắp xếp cũng như số lượng bài thơ giống như bản *nền.*

3. *Ngô gia văn phái A.117c/2*, gồm 136 tờ, tờ 18 dòng, dòng 20 chữ, viết chân phương, khổ 27x16. Có ghi tên tác giả: Tiến sĩ Thượng thư Hi Doãn công di thảo. Gồm các tác phẩm:

Cúc thu thi trận, 50 bài thơ (từ tờ 1a đến tờ 9b).

Thu cận dương ngôn, 74 bài thơ (từ tờ 10a đến tờ 5b).

Hàn các anh hoa, văn (từ tờ 26a đến tờ 74b).

Kim mã hành dư, văn (từ tờ 75a đến tờ 136b).

4. *Ngô gia văn phái VHv.1743/23*, gồm 95 tờ, tờ 16 dòng, dòng 20 chữ, viết chân phương, khổ 27x16. Đầu sách có ghi tên tác giả: Tiến sĩ Thượng thư Hi Doãn công di thảo. Gồm các tác phẩm:

Cúc thu thi trận, 50 bài thơ (tờ 1a).

Hoa trình gia ấn, 109 bài thơ (tờ 15a).

Thu cận dương ngôn, 87 bài thơ (tờ 39a).

Trong 4 dị bản trên, chỉ có bản *VHv.1743/15* chép đúng như bản *nền* về số lượng bài thơ (95 bài) cũng như thứ tự trước sau giữa các bài thơ. Các dị bản *A.117c/2; VHv.1743/23* đều có sự sao chép giống nhau về thứ tự trước sau giữa các bài thơ, nhưng chép thiếu nhiều bài so với bản *nền*. Riêng bản *VHv.1743/23* có chép thêm 14 bài mà bản *nền* không thấy chép, đó là:

Thái Dương di sự, Huyền Trân di thoại, La chử ký du, Vũ y, Hữu sở tư (10 bài).

Vậy, bản ở bản *nền* có 95 bài, bổ sung thêm 14 bài của dị bản *VHv. 1743/23, Thu cận dương ngôn 109 bài thơ.*

* * *

1. 欽頒日侍清夷殿恭記

五脊瑤臺聳翠微
祥光雲擁映罘罳
鳳翔儀羽開宮扇
龍噴明珠繞殿墀
聖上臨軒方日出
老臣侍漏正星稀
難將衰骨酬天眷
虔對南山祝壽眉

PHIÊN ÂM:

KHÂM BAN NHẬT THỊ THANH DI ĐIỆN CUNG KÝ

Ngũ tích dao đài tủng thuý vi,
Tường quang vân ủng ánh phầu ti.
Phượng tường nghi vũ khai cung phiến;
Long phún minh châu nhiễu điện trì.
Thánh Chủ lâm hiên phương nhật xuất;
Lão thần đãi lậu chính tinh hi.
Nan tương suy cốt thù thiên quyến,
Kiền đối Nam sơn chúc thọ my.

DỊCH NGHĨA:

VÂNG MỆNH VUA BAN CHO BAN NGÀY VÀO HẦU ĐIỆN THANH DI, KÍNH GHI

Lầu ngọc năm chòi, cao ngất bên sườn núi,(A)
Mây ấp ánh sáng lành, soi xuống như bức bình phong.
Cửa cung mở, tựa cánh chim Phượng đang múa;
Thềm điện vây, như rồng phun ngọc sáng bừng.
Hoàng Thượng ra ngự, đúng khi mặt trời vừa mọc;(B)

Bầy tôi đến trực giờ từ lúc sao thưa.
Nắm xương tàn này khó đáp đền ơn vua,
Kính trông núi Nam chúc câu trường thọ.

NGUYÊN CHÚ:

A.Trước điện Thanh Di có dựng ngôi lầu năm chòi.

B.Hàng ngày cứ buổi sớm vua ở trong cung đi bộ ra điện Trung Hòa nghe việc triều chính.

DỊCH THƠ:

Lầu cao năm mái chọc tầng không,
Mây ấp sáng lành chiếu gác song.
Cửa khuyết mở ra như phượng múa;
Thềm vây quanh điện tựa rồng tuôn.
Bình minh Thánh Chúa lâm triều sớm;
Sao vắng lão thần khắc lậu suông.
Ơn chúa thân tàn đền đáp khó,
Dâng câu Thánh Thượng thọ vô cương.

Thạch Châu

2. 欽頒御前珍膳恭記

海鵲山殼出尚方
錦沙罩理馥天香
朱門富貴凝眸遍
紫府珍甘滿口嘗
承露仙人調玉鼎
遏雲才子沃金漿
素餐無狀叨恩眷
走筆空慚侍建章

PHIÊN ÂM:

KHÂM BAN NGỰ TIỀN TRÂN THIỆN CUNG KÝ

Hải thước sơn hào xuất thượng phương,
Cẩm sa trạo lý phức thiên hương.

Chu môn phú qúy ngưng mâu nhĩ;
Tử phủ trân cam mãn khẩu thường.
Thừa lộ tiên nhân điều ngọc đỉnh;
Át vân tài tử ốc kim tương.
Tố san vô trạng thao ân quyến ,
Tẩu bút không tàm thị Kiến Chương.

DỊCH NGHĨA:

KÍNH GHI

ĐƯỢC BAN CHO ĂN BỮA CƠM NGON TRƯỚC MẶT VUA

Sơn hào hải vị ban ra từ bếp nhà vua,
Đậy lồng bàn bằng the gấm, sực nức hương trời.
Sự giầu sang ở cửa son, mắt ngắm thấy gần;
Miếng ngọt bùi nơi phủ tía, miệng nếm đã thỏa.
Người tiên hứng móc điều hòa vạc ngọc;(A)
Tài tử ngăn mây rót rượu vàng mời.(B)
Không công mà ăn không, lạm hưởng ơn sâu nặng,
Phóng bút,(C) luống ngượng ngùng khi chầu cung Kiến Chương.(1)

NGUYÊN CHÚ:

A.Trong bếp nhà vua đốt than, dùng vạc nhỏ hâm nóng lại thức ăn ngon đưa lên.

B.Con hát trong cung nấu thức ăn, đưa ra mời khách.

C.Vua quay lại hỏi: "Khanh có thể phóng bút làm thơ không?" Tâu rằng: "Thần già rồi, không thể làm được."

CHÚ THÍCH:

1.Cung Kiến Chương, xây từ đời Hán, ở phía tây cung Vị Ương để thay cho đài Bách Lương bị cháy.

Ở đây chỉ cung điện của các vua chúa nói chung.

DỊCH THƠ:

Sơn hào hải vị cỗ triều đường,
Màn gấm lồng the sực nức hương.
Giầu có cửa son trông tận mắt;
Ngọt bùi phủ tía nếm cho tường.
Tay tiên hứng móc pha nồi ngọc;
Tố nữ tuôn mây chế chén tương.
Không có công lao mà hưởng lộc,
Thẹn thùng thoắng bút yết cung vương.

Thạch Châu

3. 朔望侍奏樂太祖廟恭記

一自橋山密八音
金蓮御燭雪花沉
九功七德留皇舞
百辟群公仰顯臨
清廟抬頭銀漢邇
丹陵拭目紫雲深
祇今法曲陳弦晦
淚落啣杯夜夜心

PHIÊN ÂM:

SÓC VỌNG THỊ TẤU NHẠC THÁI TỔ MIẾU CUNG KÝ

Nhất tự Kiều sơn mật bát âm,
Kim liên ngự chúc tuyết hoa trầm.
Cửu công thất đức lưu Hoàng Vũ;
Bách tích quần công ngưỡng hiển lâm.
Thanh miếu đài đầu Ngân Hán nhĩ;
Đan lăng thức mục lĩnh vân thâm.
Kỳ kim Pháp khúc trần huyền hối,
Lệ lạc hàm bôi dạ dạ tâm.

DỊCH NGHĨA:

KÍNH GHI NGÀY MỒNG MỘT VÀ NGÀY RẰM, CHẦU TẤU NHẠC Ở MIẾU THÁI TỔ [1]

Từ khi non Kiều im bặt tiếng đàn ca,[2]
Ngọn nến sen vàng nơi cấm ngự như tuyết trĩu hoa.[3]
Chín công bảy đức, lưu lại trong điệu múa Hoàng Vũ;[4]
Công khanh trăm quan, mong người hiển hiện giáng lâm.
Ngẩng đầu nhìn Thanh miếu cao vút sát sông Ngân;[5]
Dụi mắt ngắm Đan lăng thăm thẳm trong mây tía.[6]

Đến nay khúc Pháp nhạc được trình bày trong các
đêm huyền hối,[7]
Đêm đêm trong lòng ngậm ngùi giọt lệ buồn thương.

CHÚ THÍCH:

1.Miếu Thái Tổ, tức nơi thờ Quang Trung.

2.Non Kiều, một ngọn núi ở Thiểm Tây, Trung Quốc, tương truyền ở đó có mộ táng của Hoàng Đế. Sau thường dùng để chỉ lăng mộ vua chúa nói chung.

3.Ngọn nến sen vàng: Chỉ ngọn nến thờ trong miếu.

4.Chín công bảy đức: Ở đây chỉ công đức to lớn của các vua chúa hiền minh.

Điệu Hoàng Vũ: Người múa cầm 5 chiếc lông có 5 sắc mà múa. Đây là điệu vũ chúc tụng trong cung đình.

5.Thanh miếu, nghĩa đen là miếu thờ người có đức sáng đầy vẻ trang nghiêm, thanh tịnh. Nhà Chu gọi miếu thờ Chu Văn Vương là Thanh miếu. Đời sau dùng từ này để chỉ miếu thờ cuả vua sáng nghiệp.

6.Đan lăng, tức Đan Dương lăng, lăng tẩm của vua Quang Trung, ở phía nam sông Hương.

7.Khúc Pháp nhạc, một khúc nhạc của Đạo gia dùng khi cúng tế ở đạo quán. Thời Tùy Đường loại nhạc khúc này cũng được dùng trong cung đình.

Đêm huyền hối: Huyền là đêm trăng nửa vành giống như hình cái cung giương lên. Theo âm lịch ngày 7 và 8 hàng tháng gọi là thượng huyền; ngày 22, 23 gọi là hạ huyền.

Hối là đêm cuối cùng của tháng âm lịch.

DỊCH THƠ:

Non kiều tự buổi bặt đàn ca,
Ngọn nến hoa sen tuyết trĩu hoa.
Bảy đức chín công lưu điệu múa;
Trăm năm khanh tướng ngóng người ra.
Ngẩng đầu nhìn miếu, sông Ngân sát;
Dụi mắt ngắm lăng, mây núi xa.
Pháp nhạc nay còn vang suốt tháng,
Đêm đêm lòng quặn lệ tuôn nhoà.

Lâm Giang

4. 從駕拜掃丹陽陵恭挽

五年完了大經營
中國先知殞主星

下落人寰留政治
上侔天德暢威聲
至仁大義存黎廟
厚澤深恩赦滿兵
寶祚綿洪憑燕翼
山陵萬古奠神京

PHIÊN ÂM:

TÒNG GIÁ BÁI TẢO ĐAN DƯƠNG LĂNG CUNG VĂN

Ngũ niên hoàn liễu đại kinh dinh,
Trung Quốc tiên tri vẫn chủ tinh.
Hạ lạc nhân hoàn lưu chính trị;
Thượng mâu thiên đức xướng uy thanh.
Chí nhân đại nghĩa tồn Lê miếu;
Hậu trạch thâm ân xá Mãn binh.
Bảo tộ miên hồng bằng yến dực,
Sơn lăng vạn cổ điện thần kinh.

DỊCH NGHĨA:

THEO XE VUA ĐẾN LÀM LỄ QUÉT DỌN Ở LĂNG ĐAN DƯƠNG KÍNH VIẾNG[1]

Năm năm, công cuộc xây dựng lớn lao vừa hoàn tất,
Người Trung Quốc biết trước rằng sao chủ sẽ rơi.[A]
Giáng xuống cõi trần, để lại nền chính trị;[B]
Sánh với đức trời, còn lừng lẫy tiếng tăm.
Nhân nghĩa cao cả, muốn bảo tồn tông miếu nhà Lê;[2]
Ơn trạch sâu dầy, tha bổng cho lũ tù binh giặc Mãn.[3]
Ngôi báu bền lâu, nhờ mưu để lại cho con cháu,
Lăng tẩm muôn thuở vững vàng ở chốn Đế kinh.

NGUYÊN CHÚ:

A.Sao chủ: Vua nhà Thanh từ khi bại trận ở thành nhà Lê, rất lo lắng về việc Tiên đế ngài đi đánh phương Bắc, bèn sai quan Khâm thiên giám xem xét

sao chủ An Nam. Quan xem sao đáp rằng: "Hiện nay sao sáng rực rỡ, và có ý xâm phạm nội địa (Trung Quốc). Nhưng không quá năm năm nữa, thì sao sẽ rơi và không còn gì phải lo lắng nữa".

B.Giáng xuống cõi trần: Mùa xuân năm Đinh Tị (1797), ta bị bệnh nằm mộng thấy Tiên hoàng ngự giá ra Bắc Thành, ta hầu ngài soạn thảo chiếu thư. Câu cuối cùng Ngự bút ghi rằng: "Trẫm lạc nhân hoàn lưu chính trị" (Trẫm xuống cõi trần để lại nền chính trị), rồi quay lại hỏi ta rằng: "Ta thêm bảy chữ đó, khanh thấy thế nào?" Ta rập đầu lạy khen là hay.

CHÚ THÍCH:

1.Lăng Đan Dương (xem chú thích số 6 bài3).

2.Theo *Hoàng Lê nhất thống chí,* năm Cảnh Hưng 47 (1789) Nguyễn Huệ ra Bắc lần thứ nhất diệt Trịnh Tông và vào yết kiến vua Lê.

3.Tháng giêng năm Kỷ Dậu (1789), Nguyễn Huệ cả phá 20 vạn quân Mãn Thanh, bọn tù binh đã được Quang Trung ân xá.

DỊCH THƠ:

Năm năm xong việc mở mang rồi,
Trung Quốc tiên tri sao chủ rơi.
Giáng xuống trần gian, công để lại;
Soi lên thượng giới, đức sáng ngời.
Phò Lê nhân nghĩa bao to lớn;
Tha Mãn, công ơn thật nặng dầy.
Ngôi báu bền lâu nhờ cháu chắt,
Sơn lăng muôn thuở vững vàng thay.

Thạch Châu

5. 從駕拜掃昌瑞陵恭記

天妹離曹出玉都
鳳仙居瑀下閻浮
坤儀佐聖基王化
震象鍾明衍帝圖
御誄煌煌銘懿爍
寶書灼灼載嘉謨
寢陵對峙香江岸
天命娥皇伴鬱梧

PHIÊN ÂM:

TÒNG GIÁ BÁI TẢO XƯƠNG THỤY LĂNG CUNG KÝ

Thiên muội ly tào xuất ngọc đô,
Phượng tiên Cư Vũ hạ diêm phù.
Khôn nghi tá Thánh cơ Vương hóa;
Chấn tượng chung minh diễn Đế đồ.
Ngự luỵ hoàng hoàng minh ý thược;
Bảo thư chước chước tái gia mô.
Tẩm lăng đối trĩ Hương giang ngạn,
Thiên mệnh Nga Hoàng bạn Uất Ngô.

DỊCH NGHĨA:

KÍNH GHI THEO XE VUA THĂM LĂNG XƯƠNG THUỴ[1]

Em gái nhà trời rời thiên cung, ra khỏi ngọc đô,
Dáng như tiên, phượng, đeo ngọc Cư, ngọc Vũ giáng cõi trần.[2]
Khuôn nếp Hoàng hậu, giúp Thánh chúa dựng nền Vương hóa;
Chung đúc nên thái tử anh minh, nhờ đó mà kéo dài Đế nghiệp.
Tên thụy vua đặt cho rạng rỡ, ghi lại đức tốt lành;
Sách báu rỡ ràng, còn chép rõ mưu giỏi.
Lăng tẩm đối nhau sừng sững bên bờ sông Hương,
Khác nào trời sai Nga Hoàng xuống bầu bạn với chốn Uất, Ngô.[3]

CHÚ THÍCH:

1.Lăng Xương Thụy, lăng thờ vợ cả Nguyễn Huệ, bên cạnh lăng Đan Dương, hai lăng cùng táng bên bờ nam sông Hương, sau bị Gia Long phá.

2.Ngọc Cư, ngọc Vũ là hai loại ngọc qúy thời cổ.

3.Uất, tức Uất Lâm; Ngô tức Thương Ngô, là hai quận thuộc tỉnh Quảng Tây, nơi vua Thuấn tuần thú và chết ở đó. Hai vợ của Thuấn là Nga Hoàng và Nữ Anh tìm tới nơi và cũng chết theo.

6. 從駕望陣宮春日出兵恭記二首

其一

春開望陣翠花臨

雨霽雲收掃積陰

萬隊旌旗迎曉日

滿天金鼓徹平林

塵清皇道調彭駟

雷勵王師試獵禽

珥筆詞臣陪法駕

願賡六月凱歌音

PHIÊN ÂM:

TÒNG GIÁ VỌNG TRẬN CUNG XUÂN NHẬT XUẤT BINH
CUNG KỶ NHỊ THỦ
KỲ NHẤT

Xuân khai Vọng Trận thúy hoa lâm,
Vũ tễ vân thu tảo tích âm.
Vạn đội tinh kỳ nghênh hiểu nhật;
Mãn thiên kim cổ triệt bình lâm.
Trần thanh hoàng đạo điều bành tứ;
Lôi lệ vương sư thí lạp cầm.
Nhĩ bút từ thần bồi pháp gía,
Nguyện canh Lục Nguyệt khải ca âm.

DỊCH NGHĨA:

KÍNH GHI THEO XE VUA TỚI CUNG VỌNG TRẬN RA QUÂN VÀO NGÀY XUÂN[1] HAI BÀI

BÀI 1

Cung Vọng Trận xuân về, hoa kề tươi rói,
Mưa tạnh mây quang, quét sạch cảnh âm u.
Muôn đội quạt cờ đón mặt trời buổi sáng;
Đầy trời chiêng trống vang khắp rừng bằng.
Đường hoàng đạo sạch bụi, gióng ngựa kiêu hãnh;
Quân vua đi như sấm giật, thử cuộc săn chim.
Kẻ văn thần giắt bút theo hầu xa giá,
Xin nối vần thơ Lục Nguyệt, hát khúc khải hoàn.[2]

CHÚ THÍCH:

1.Cung Vọng Trận: Chưa rõ.

2.Thơ Lục Nguyệt trong *Tiểu nhã, Kinh Thi,* ca ngợi Doãn Cát Phủ đời Chu Tuyên Vương đi đánh rợ Hiểm Doãn, thành công trở về.

7. 其二

羽林星燦拱黃都
類禡儀成不誡孚
萬乘步罡開八陣
六軍度嶺鼓三驅
翼嚴師律高常武
蒐狩戎容小比蒲
旭日光華徵吉象
龍顏喜動協山呼

PHIÊN ÂM:

KỲ NHỊ

Vũ Lâm tinh xán củng hoàng đô,
Loại Mạ nghi thành bất giới phu.
Vạn thặng bộ Cương khai bát trận,
Lục quân độ lĩnh cổ tam khu:
Dực nghiêm sư luật cao Thường Vũ,
Sưu thú nhung dung tiểu Tỷ Bồ.
Húc nhật quang hoa trưng cát tượng,
Long nhan hỉ động hiệp sơn hô.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 2

Sao Vũ Lâm rực rỡ chầu về chốn hoàng đô,[1]
Tế Loại, tế Mạ xong, không răn cấm mà làm đúng.[2]
Thiên tử đạp sao Thiên Cương, mở ra bát trận,[3]
Sáu quân vượt núi, thúc trống đuổi săn ba bên.

Luật quân nghiêm túc, hơn hẳn trận nói trong thơ Thường Vũ;[4]
Đóng quân trong lúc săn bắn, coi khinh cuộc săn lớn ở Tỷ Bồ.[5]
Mặt trời buổi sớm rạng rỡ báo điềm tốt,
Vẻ mặt Hoàng thượng mừng vui hòa với tiếng tung hô.

CHÚ THÍCH:

1.Sao Vũ Lâm: Thiên *Quang thư,* sách *Sử ký* có câu: "Hư Nguy kỳ nạn hữu chúng tinh viết Vũ Lâm thiên quân" (Phía nam sao Hư, sao Nguy có chòm sao, gọi là sao Vũ Lâm, quân của trời). Đây dùng để chỉ quân Ngự lâm của nhà vua.

Hoàng đô: Kinh đô.

2.Tế loại là lễ tế lúc trước hành quân.

Tế mạ là lễ tế khi vừa tới mặt trận.

3.Thiên tử: Dịch thoát chữ: "Vạn thặng." Vì theo phép nhà Chu, người nào có đất đai hàng ngàn dặm, hàng vạn cỗ xe được gọi là thiên tử.

Sao Thiên Cương, tức là sao Bắc Đẩu, tục gọi "Bộ Cương đạp Đẩu"(bước lên sao Cương, đạp lên sao Đẩu). Đó cũng là nói nghi thức tế lễ sao Bắc Đẩu của đạo sĩ: Bước đi bước lại chạy quanh theo hình chòm sao Bắc Đẩu, đây dùng để chỉ lễ ra quân của nhà vua.

4.Thường Vũ, một bài thơ trong *Đại nhã, Kinh Thi.* Bài thơ ca ngợi Tuyên Vương nhà Chu tự làm tướng đi đánh giặc Từ.

5.Cuộc săn lớn ở Tỷ Bồ là cuộc săn bắn trái lễ, vì vào lúc Chiêu Công vừa mất.

8. 欽侍御前賜茶恭記

丁巳小寒後二日早朝，天氣寒冽，大雨如注。左班閣臣，余與直諒侯，右班部臣憲成侯敬愼侯四員入侍。上擁御香爐龍顏和悅，命諸臣坐，賜茶從容顧問國事。

縹緲祥雲繞殿梁
御爐飛惹紫檀香
九重溫旨宣常侍
一品名茶出尚方

雞舌氣浮銀杏盞
龍鬚味郁玉蘭漿
從容天語弘延訪
慚愧疏庸乏贊襄

PHIÊN ÂM:

KHÂM THỊ NGỰ TIỀN TỨ TRÀ CUNG KÝ

Đinh Tỵ tiểu hàn hậu nhị nhật tảo triêu, thiên khí hàn liệt, đại vũ như chú. Tả ban các thần, dư dữ Trực Lượng hầu, Hữu ban bộ thần Hiến Thành hầu Kính Thận hầu tứ viên nhập thị. Thượng ung ngự hương lô long nhan hoà duyệt, mệnh chư thần toạ, tứ trà thung dung cố vấn quốc sự.

Phiếu diểu tường vân nhiễu điện lương,
Ngự lô phi nhạ tử đàn hương.
Cửu trùng ôn chỉ tuyên thường thị,
Nhất phẩm danh trà xuất thượng phương.
Kê thiệt khí phù ngân hạnh trản,
Long tu vị úc ngọc lan tương.
Thung dung thiên ngữ hoằng diên phỏng,
Tàm qúy sơ dung phạp tán tương.

DỊCH NGHĨA:

KÍNH GHI CHẦU TRƯỚC VUA ĐƯỢC BAN CHO UỐNG TRÀ

Hai ngày sau tiết tiểu hàn năm Đinh Tỵ (1797), buổi sáng sớm, khí trời rét mướt, mưa to như trút nước. Tả ban các thần có ta và Trực Lượng hầu; Hữu ban bộ thần có Hiến Thành hầu, Kính Thận hầu, bốn người vào hầu. Vua ôm lư hương, mặt rồng vui vẻ, bảo mọi người ngồi xuống cho uống trà, rồi thong thả hỏi về việc nước.

Mây lành lững lờ trôi quanh xà cung điện,
Hương tử đàn từ lư hương của vua bay ra thơm phức.
Chiếu vua ôn tồn, truyền gọi các quan vào hầu;
Chè ngon hạng nhất được bưng ra từ bếp ngự.
Chén ngân hạnh, trà "lưỡi gà" nghi ngút bốc hơi;[1]
Bình ngọc lan, trà "râu rồng" vị thơm ngào ngạt.[2]
Lời vua từ tốn hỏi han rộng ra các việc,
Thẹn mình tầm thường thiếu tài phò tá đỡ đần.

CHÚ THÍCH:

1.Chén ngân hạnh, chén tiện bằng gỗ cây mận.

2.Bình ngọc lan, chỉ bình đựng trà thơm như hoa ngọc lan.

9. 從駕幸仍門觀海恭記

長源一派下金龍
匯浔邰陽眾水從
鷺點圓沙成品序
花翻細浪作春容
清新吹起風姨籟
歡護歌臨海伯衝
扈繹翰臣簪彩筆
密瞻宸畫礪詞鋒

PHIÊN ÂM:

TÒNG GIÁ HẠNH NHƯNG MÔN QUAN HẢI CUNG KÝ

Trường nguyên nhất phái há Kim Long,
Hối đắc Thai Dương chúng thủy tòng.
Lộ điểm viên sa thành phẩm tự;
Hoa phiên tế lãng tác xuân dung.
Thanh tân xuy khởi phong di lại;
Hoan hộ ca lâm hải bá xung.
Hỗ tất hàn thần trâm thái bút,
Mật chiêm thần hoạch lệ từ phong.

DỊCH NGHĨA:

KÍNH GHI THEO VUA ĐẾN CỬA NHƯNG NGẮM BIỂN[1]

Sông dài một giải, buông thuyền Kim Long,[2]
Các nhánh Thai Dương, họp thành dòng chảy.[3]
Cò đậu cồn cát tròn, thành hàng thứ tự;
Sóng nhỏ gợn như hoa, nên vẻ xuân tươi.

Dì gió thổi sáo trời, ra chiều mới mẻ;
Thần biển nổi nhạc biển, thêm vẻ tưng bừng.
Theo hầu xe vua, kẻ văn thần đầu giắt bút hoa,
Trộm nhìn nét chữ nhà vua mài ngòi bút văn cho sắc.

CHÚ THÍCH:

1.Cửa Nhưng (tức cửa Nhuyến), cửa bể thuộc huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên - Huế.

2.Thuyền Kim Long: Thuyền vua.

3.Sông Thai Dương, thuộc địa phận huyện Hương Trà, hạ lưu sông Vĩnh Trị.

DỊCH THƠ:

Sông dài một giải lướt Kim Long,
Họp ở Thai Dương nước thuận dòng.
Cò đậu bãi tròn hàng thái tự;
Hoa nghiêng sóng gợn vẻ xuân dung.
Sáo trời vi vút ngân dì gió;
Nhạc sóng tưng bừng bác biển dâng.
Hầu chúa bút hoa cài mái tóc,
Ngẩng trông vua viết, rũa văn phong!

Mai Xuân Hải

10. 侍御舟過河中匯恭記

上駕幸思容之日，御舟以子漏初刻發棹，命詞臣乘金龍船扈從。浮河中匯，波濤洶湧，羽林鼓棹，船行如飛，辰初三刻，乃達思容海口。

波濤萬頃躍魚龍
西北溟迷水所從
赤日浴淵初出色
玄珍浮島尚爲容
春風暖入操觚座
海氣寒生射斗衝
乘順錦帆多得意
詩船破浪作先鋒

PHIÊN ÂM:

THỊ NGỰ CHU QUÁ HÀ TRUNG HỐI CUNG KÝ.

Thượng giá hạnh Tư Dung chi nhật, Ngự chu dĩ Tý lậu sơ khắc phát trạo, mệnh từ thần thừa Kim Long thuyền hỗ tòng. Phừ Hà Trung hối, ba đào hung dũng, Vũ Lâm cổ trạo, thuyền hành như phi, Thìn sơ tam khắc, nãi đạt Tư Dung hải khẩu.

Ba đào vạn khoảnh dược ngư long,
Tây bắc minh mê thủy sở tòng.
Xích nhật dục uyên sơ xuất sắc;
Huyền Trân phù đảo thượng vi dung.
Xuân phong noãn nhập thao cô toạ;
Hải khí hàn sinh sạ Đẩu xung.
Thừa thuận cẩm phàm đa đắc ý,
Thi thuyền phá lãng tác tiên phong.

DỊCH NGHĨA:

KÍNH GHI
HẦU THUYỀN VUA QUA VŨNG XOÁY Ở GIỮA SÔNG

Ngày vua đi chơi cửa Tư Dung,[1] thuyền vua xuất phát vào đầu giờ Tý, có sai quan văn đi thuyền Kim Long[2] theo hầu. Tới giữa sông gặp vũng nước xoáy, sóng cồn cuồn cuộn, quân Vũ Lâm cầm chèo bổ mạnh, thuyền đi như bay, mới khắc thứ ba đầu giờ Thìn, đã tới cửa bể Tư Dung.

Sóng cồn vạn khoảnh, rồng cá nhảy lên,
Nước chảy theo phương tây bắc mờ mịt.
Vừng hồng mới ló ra khỏi vực sâu;
Nàng Huyền Trân còn in hình trên đảo nổi.[A]
Gió xuân ấm áp thổi vào chỗ viết văn;
Hơi biển mát lạnh bốc lên tận sao Bắc Đẩu.
Buồm gấm thuận chiều, rất là đắc ý,
Thuyền thơ rẽ sóng làm lính tiên phong.

NGUYÊN CHÚ:

A.Đảo nổi: Giữa vũng nước có núi, trên núi có tháp của công chúa Huyền Trân đời Trần. Nay vẫn còn.

Chú thích:

1.Cửa Tư Dung, thuộc huyện Phú Lộc, nay là cửa Tư Hiền tỉnh Thừa Thiên Huế.

2.Kim Long, tức thuyền vua.

11. 奉應制思容海口即景

上駕至思容海口停舟，命官登海口諸山，視戰地立屯戍。詞臣侍從御舟，上命賦即景詩唐律國音各一章進覽。該海口有馬山蓋山落出海外，海流屈曲如乙字形，注入于海。河岸有龜山象山群山聯絡于隘雲，最爲險要。今海門內兩邊江州渚錯落浮孕，至夏節淺涸，中壟容舟，海防設守亦易爲力。

樓船鼓棹駕黃龍
雲集千官劍佩從
龜出甲文呈聖瑞
馬灣乙字扈戎容
山河襟帶增天險
州渚關欄壯海衝
經邁六師宸筭遠
陵波匪直試詞鋒

PHIÊN ÂM:

PHỤNG ỨNG CHẾ TƯ DUNG HẢI KHẨU TỨC CẢNH

Thượng giá chí Tư Dung hải khẩu đình thuyền, mệnh quan đăng hải khẩu chư sơn, thị chiến địa lập đồn thú. Từ thần thị tòng Ngự chu, Thượng mệnh phú tức cảnh thi Đường luật Quốc âm các nhất chương tiến lãm. Cai hải khẩu hữu Mã sơn Cái sơn lạc xuất hải ngoại, hải lưu khuất khúc như ất tự hình, chú nhập vu hải. Hà ngạn hữu Quy sơn Tượng sơn quần sơn liên lạc vu ải Vân, tối vi hiểm yếu. Kim hải môn nội lưỡng biên giang châu chử thác lạc phù dựng, chí hạ tiết thiển cá, trung cẩn dung chu, hải phòng thiết thủ diệc dị vi lực.

Lâu thuyền cổ trạo giá hoàng long,
Vân tập thiên quan kiếm bội tòng.
Quy xuất giáp văn trình khánh thụy;
Mã loan ất tự hỗ nhung dung.
Sơn hà khâm đái tăng thiên hiểm;
Châu chử quan lan tráng hải xung.
Kinh mại lục sư thần toán viễn,
Lăng ba phỉ trực thí từ phong.

DỊCH NGHĨA:

VÂNG MỆNH VUA LÀM THƠ TỨC CẢNH Ở CỬA BỂ TƯ DUNG[1]

Nhà vua đi đến cửa bể Tư Dung thì dừng thuyền lại, sai các quan trèo lên các ngọn núi chỗ cửa biển xem xét chiến địa để lập đồn quân. Quan văn theo hầu thuyền vua được sai làm thơ tức cảnh theo thể Đường luật và Quốc âm, mỗi loại một bài, để dâng lên vua xem. Cửa bể này có ngọn núi Ngựa núi Cái chạy dài ra ngoài khơi, và một dòng sông uốn khúc như hình chữ ất đổ vào bể. Bờ sông có núi Rùa, núi Voi, các ngọn núi nối liền nhau tận ải Vân, rất hiểm yếu. Nay trong cửa bể, hai bên bờ sông, có các bãi cát lác đác nổi lên, tới tháng hè khô cạn, giữa dòng chỉ lọt vừa một thuyền, do đó việc canh phòng cửa bể cũng dễ dàng.

Thuyền lầu khua mạnh mái chèo, trên chở nhà vua,
Ngàn quan như mây tụ, đeo kiếm theo hầu.
Non Rùa nổi nét vằn, dâng điềm lành cho thánh chúa;
Núi Mã vòng chữ "ất," che cho trận thế ba quân.
Non sông như vạt áo, đai lưng, tăng phần thiên nhiên hiểm trở;
Bến bãi tựa lan can, cổng ngõ, khiến cửa bể thêm phần xung yếu.
Kênh đủ sáu thuyền đi, nhà vua mưu tính thật sâu xa,
Sai làm thơ "Vượt sóng" không chỉ thử ngọn bút văn chương.[A]

NGUYÊN CHÚ:

A.Đường Trung Tông sai quan văn làm thơ "Vượt sóng" (xuất xứ trong *Đường thông giám*).

CHÚ THÍCH:

1.Cửa bể Tư Dung: Xem chú thích số 1 bài 10.

DỊCH THƠ:

Thuyền lầu chèo mạnh, đức vua mừng,
Xúm xít trăm quan, kiếm dắt lưng.
Dâng chúa điềm lành, rùa hiện nét;

Che quân thế mạnh, ngựa vòng cung.
Núi sông, đai áo, trời nam hiểm;
Bến bãi, cổng hào, biển yếu xung.
Sáu chiếc thuyền đi, mưu thánh giỏi,
Thơ dâng "Vượt sóng", thử tài chung.

Mai Xuân Hải

12. 夜召侍御營誦仙詩恭記

御營午夜滴銅龍
內使傳宣內翰從
海面月明觀晏帖
天顏日麗見雍容
金聲浪誦神仙句
鐵甲驚當俎豆衝
德聚應寒西賊膽
寧惟筆陣露英鋒

PHIÊN ÂM:

DẠ TRIỆU THỊ NGỰ DINH TỤNG TIÊN THI CUNG KÝ

Ngự dinh ngọ dạ trích đồng long,
Nội sứ truyền tuyên nội hãn tòng.
Hải diện nguyệt minh quan án thiếp;
Thiên nhan nhật lệ kiến ung dung.
Kim thanh lãng tụng thần tiên cú;
Thiết giáp kinh đương trở đậu xung.
Đức tụ ưng hàn Tây tặc đảm,
Ninh duy bút trận lộ anh phong.

DỊCH NGHĨA:

KÍNH GHI BAN ĐÊM ĐƯỢC TRIỆU VÀO HẦU TRONG DINH VUA ĐỌC THƠ TIÊN

Trong dinh vua, giọt rồng đã báo nửa đêm,[1]

Viên nội sứ truyền gọi quan nội hàn vào triều cận.[2]
Mặt biển trăng vằng vặc sáng, trông thật phẳng lặng;
Mặt vua rạng rỡ như vầng hồng, nhìn thật ung dung.
Câu thơ thần tiên, tiếng vàng sang sảng đọc;[A]
Sung trận ngay nơi khay chén, giáp sắt kinh hoàng.[B]
Giặc Tây lạnh mật bởi đức lành chất chứa,[3]
Đâu chỉ có trận bút tỏ rõ vẻ sắc bén tinh anh.

NGUYÊN CHÚ:

A.Đêm ấy, Nghĩa Trạch hầu đọc thơ, tôi ngồi hầu chuẩn bị trả lời.

B.Các quan đại thần cấm vệ đều đeo kiếm vàng, mặc áo gấm ngồi chầu xung quanh để nghe.

CHÚ THÍCH:

1.Giọt rồng: Chỉ đồng hồ nước thời cổ làm bằng đồng hình dáng giống con rồng.

2.Nội sứ, chức quan Trung sứ trong phòng riêng của vua.

Nội hàn, chức quan Hàn lâm trong văn phòng nhà vua.

3.Giặc Tây: Hàn Kỳ là người trung nghĩa, trí dũng đời Tống. Lúc ấy vùng biên giới có câu ca: "Quân trung hữu nhất Hàn, Tây tặc văn chi tâm đảm hàn" (Trong quân có một ông Hàn, giặc Tây nghe tiếng mà lạnh cả con tim, túi mật).

Giặc Tây lúc ấy chỉ sợ Khiết Đan, đời sau dùng để chỉ quân giặc nói chung.

DỊCH THƠ:

Dinh vua giọt khắc báo canh ba,
Nội sứ truyền quan đến trướng là.
Biển ngập trăng soi, gương phẳng lặng,
Vua ngời nét ngọc, dáng hào hoa.
Tiếng vàng sang sảng, thơ tiên cảnh,
Giáp sắt bàng hoàng, thú vịnh ca.
Đức sáng chất đầy, quân giặc khiếp,
Phải đâu văn học, mới coi là...

Mai Xuân Hải

13. 侍御營奉玩眼鏡恭記

駕還行在，待漏符寶院，上召入侍幄，命誦應制詩。御手舉余眼鏡，以御眼鏡較視。反覆觀詩，顧問良久乃退。

銀圈曾到君王玩

聖意勤拳軫老臣

豈悌宣重恢照遠

光華明四貴觀文

御營親捧珠淵日

黼座晴瞻寶蓋雲

景仰宸奎增戀慕

旅愁消卻九多分

PHIÊN ÂM:

THỊ NGỰ DINH PHỤNG NGOẠN NHÃN KÍNH CUNG KÝ

Giá hoàn hành tại, đãi lậu Phù Bảo viện, Thượng triệu nhập thị ác, mệnh tụng ứng chế thi. Ngự thủ cử dư nhãn kính, dĩ Ngự nhãn kính giảo thị. Phản phúc quan thi, cố vấn lương cửu nãi thoái.

Ngân khuyên tằng đáo quân vương ngoạn,
Thánh ý cần quyền chẩn lão thần.
Khải đễ tuyên trùng khôi chiếu viễn,
Quang hoa minh tứ bí quan văn.
Ngự dinh thân phủng châu uyên nhật,
Phủ toạ tình chiêm bảo cái vân.
Cảnh ngưỡng thần khuê tăng luyến mộ,
Lữ sầu tiêu khước cửu đa phân.

DỊCH NGHĨA:

KÍNH GHI

HẦU Ở DINH VUA ĐƯỢC VUA CHO XEM CẶP KÍNH ĐEO MẮT

Xe vua đã về đến nơi đóng quân, ta trực giờ ở viện Phù Bảo, được vua gọi vào hầu trong trướng, và sai đọc thơ của vua bảo làm. Tự tay vua cầm lấy kính của ta và lấy kính đeo vào mắt của vua so xem. Rồi lật đi lật lại xem thơ, hỏi han hồi lâu, xong ta cáo lui.

Vòng bạc từng được vua ngắm nghía,[1]
Ý vua ân cần thương kẻ bầy tôi già.

Vui vẻ gọi đôi lần, chiếu cố tới chỗ rộng xa;
Rạng rỡ mở bốn mắt, xem rộng văn thơ chữ nghĩa.[2]
Trong dinh vua, thân bưng mặt trời từ vực ngọc châu;[3]
Trên ngai ngự, xem đám mây kết thành lọng báu.
Ngẩng trông nét bút nhà vua lòng thêm hâm mộ kính yêu,
Khiến nỗi buồn nơi lữ thứ khuây khoả đi nhiều.

CHÚ THÍCH:

1.Vòng bạc, chỉ bộ gọng kính bằng bạc.

2.Bốn mắt, chỉ người đeo kính, hai mắt kính, hai mắt người.

3.Bưng mặt trời từ vực ngọc châu: Ý chỉ được vua sáng tin dùng, cho làm kẻ bầy tôi tâm phúc, được gần gụi để giúp đỡ vua.

DỊCH THƠ:

Vòng bạc từng dâng vua ngắm nghía,
Ân cần ý thánh, tỏ tình thương.
Đôi phen vui gọi, gần xa cảm;
Bốn mắt nhìn tinh, chữ nghĩa tường.
Ngai ngự mây bay, hình lọng báu;
Dinh vua vực ngọc nhấc vầng dương.
Ngẩng trông nét bút lòng cung kính,
Lữ thứ nỗi sầu nhẹ lạ nhường.

Mai Xuân Hải

14. 早朝中和殿賜入内侍讀戰守奏議恭記

侵晨未散五更霜
咿喔雞聲徹上陽
黼座已排金劍衛
閣臣方整繡衣行
宸謨廟算傳天語
國計邊籌演誥章
誰是平淮裴晉國
憂勤幾略贊吾皇

PHIÊN ÂM:

TẢO TRIỀU TRUNG HÒA ĐIỆN TỨ NHẬP NỘI THỊ ĐỘC CHIẾN THỦ TẤU NGHỊ CUNG KÝ

Xâm thần vị tán ngũ canh sương,
Y ốc kê thanh triệt Thượng Dương.
Phủ toạ dĩ bài kim kiếm vệ;
Các thần phương chỉnh tú y hàng.
Thần mô miếu toán truyền thiên ngữ;
Quốc kế biên trù diễn cáo chương.
Thùy thị bình Hoài Bùi Tấn Quốc?
Ưu cần cơ lược tán ngô hoàng.

DỊCH NGHĨA:

KÍNH GHI
BUỔI SỚM CHẦU Ở ĐIỆN TRUNG HÒA ĐƯỢC VUA CHO VÀO HẦU BÊN TRONG ĐỌC BẢN TÂU BÀN VỀ VIỆC ĐÁNH HAY GIỮ

Tang tảng sáng, sương mù canh năm vẫn chưa tan,
Tiếng gà eo óc thấu tới cung Thượng Dương.(1)
Tại nơi vua ngự, thị vệ dàn hàng đeo gươm vàng;
Bầy tôi trong Nội các, đương chỉnh đốn hàng áo gấm.
Mưu hay toan tính trong triều mạc, truyền đi lời thiên tử,
Quốc kế mưu tính ngoài biên, viết thành cáo chương.
Ai là Tấn Quốc họ Bùi đánh tan giặc Hoài Thái?(2)
Hãy siêng lo toan mưu lược để giúp vua ta.

CHÚ THÍCH:

1.Cung Thượng Dương, ở huyện Lạc Dương, tỉnh Hà Nam, do Đường Cao Tông lập để nghỉ lại khi tuần thú qua. Sau dùng để chỉ cung điện nhà vua nói chung.

2.Họ Bùi tức Bùi Độ, người đời Đường, vì có công đánh dẹp rợ Hoài Thái nên được phong là Tấn Quốc Công.

DỊCH THƠ:

Canh năm mờ sáng vẫn mù sương,
Eo óc gà quê thấu Thượng Dương.
Ngai ngự sẵn sàng quân thị vệ,
Bầy tôi sửa soạn bộ y thường.

Mưu thần toan tính nơi triều chính,
Kế nước chép biên ở cáo chương.
Hoài Thái giặc tan công Tấn Quốc,
Giúp vua mưu lược hãy siêng năng.

Lâm Giang

15. 奉旨重開天威港恭記

海道發運艱難，歲溺長舵兵夫數四百人。官錢米沉溺不計其數。上以爲憂廷臣請開天威港故道。上命余考按前史，條陳港運利害。余奉條上陳朝漕運事宜，每歲運糧歸貯乂安公庫，又自乂安由海道發運至日麗海門，再從海道至湛營起陸，立公車隊，發官銀二百鎰，買牛二百隻，以充轉運。詔下有可奉行。

上帝孝生憐埶溺
神刓一夜震天威
荊蓁自塞鐵山堰
舟楫難通仙母祠
聖主恤兵廑動念
愚臣事上幸投机
從今港運無艱阻
欲壽人情賴不危

PHIÊN ÂM:

PHỤNG CHỈ TRÙNG KHAI THIÊN UY CẢNG CUNG KÝ

Hải đạo phát vận gian nan, tuế nịch trường đà binh phu sổ tứ bách nhân. Quan tiền mễ trầm nịch bất kế kỳ số. Thượng dĩ vi ưu, đình thần

thỉnh khai Thiên Uy cảng cố đạo. Thượng mệnh dư khảo án tiền sử, điều trần cảng vận lợi hại. Dư phụng điều thượng Trần triều tào vận sự nghi: Mỗi tuế vận lương qui trữ Nghệ An công khố, hựu tự Nghệ An do hải đạo phát vận chí Nhật Lệ hải môn, tái tòng hải đạo chí Trạm doanh khởi lục, lập công xa đội, phát quan ngân nhị bách dật, mãi ngưu nhị bách chích, dĩ sung chuyển vận. Chiếu hạ hữu khả phụng hành.

Thượng đế hiếu sinh lân chấp nịch,
Thần ngoan nhất dạ chấn Thiên Uy.
Kinh trăn tự tắc Thiết sơn yển,
Chu tiếp nan thông Tiên Mẫu từ.
Thánh chủ tuất binh cần động niệm;
Ngu thần sự thượng hạnh đầu cơ.
Tòng kim cảng vận vô nan trở,
Dục thọ nhân tình lại bất nguy.

DỊCH NGHĨA:

KÍNH GHI VÂNG CHỈ DỤ KHƠI LẠI KÊNH THIÊN UY

Việc vận chuyển theo đường biển rất gian nan hiểm trở, hàng năm, binh lính và dân phu bị đắm thuyền chết tới hàng bốn trăm người. Tiền gạo của nhà nước chìm đắm không biết bao nhiêu mà kể. Vua lấy làm lo lắng, đình thần tâu lên, xin cho mở đường kênh Thiên Uy cũ. Vua sai ta khảo sát sử cũ, trình bầy lợi hại của việc vận chuyển đường kênh và đường biển. Ta vâng mệnh dâng lời trình bầy về sự vận chuyển đường thủy của triều nhà Trần: Mỗi năm nhà nước vận chuyển lương thực về chứa trong kho công ở Nghệ An, lại từ Nghệ An theo đường biển vận chuyển đến cửa Nhật Lệ, lại theo đường sông đến doanh Trạm, rồi lên đường bộ, lập một đội xe công: Phát tiền nhà nước hai trăm dật, mua hai trăm con trâu, để sung vào việc vận chuyển. Chiếu ban xuống cho người có chức trách theo mệnh lệnh thi hành.

Thượng đế yêu sự sống, xót thương cho sự đắm chìm,
Sai quỷ thần đào một đêm, uy trời lừng lẫy.(A)
Hẻm núi Sắt, gai góc tự lấp đầy;
Đền Tiên Mẫu, thuyền bè nhỏ khó thông tới.(B)
Thánh chúa thương binh lính, những lo lắng trong lòng;
Ngu thần thờ quân vương, may được cơ hội gặp gỡ.
Từ nay chuyển vận đường thuỷ không trở ngại nữa,

Lòng người muốn sống lâu, nhờ đó chẳng còn nguy nan.

NGUYÊN CHÚ:

A.Kênh Thiên Uy (oai trời), nay là kênh Sắt ban đầu do Cao Biền đời Đường đào để thông đường thuỷ. Núi có mỏ sắt nhiều đá cứng, đào mãi không xong. Bỗng một hôm có sét đánh và thành kênh. Cao Biền bèn gọi kênh này là kênh Thiên Uy.

B.Đền Tiên Mẫu, là đền thờ Liễu Hạnh công chúa ở trên kênh Thiên Uy.

DỊCH THƠ:

Thượng đế hiếu sinh thương chết đắm,
Một đêm thần tạo, tỏ uy trời.
Đền Tiên ì ạch xuôi bè mảng;
Núi Sắt rậm rì phủ góc gai.
Vua thánh thương quân lòng áy náy,
Tôi trung thờ chúa dạ bồi hồi.
Từ nay vận chuyển nguy nan hết,
Muốn thọ lòng người nở nét tươi.

Mai Xuân Hải

16. 從駕幸太學釋采

山龍藻火燦天章
百辟儀型豈弟王
獻泮舞成歌北出
射雍肆合矯南彊
雲環冠劍清松岸
雨潤旌旄綠柳塘
最是詞臣霑渥重
歸來風詠筆生香

PHIÊN ÂM:

TÒNG GIÁ HẠNH THÁI HỌC THÍCH THÁI

Sơn long táo hỏa sán thiên chương,

Bách tích nghi hình khải đễ vương.
Hiến Phán vũ thành ca Bắc xuất;
Xạ Ung tứ hợp kiểu Nam cương.
Vân hoàn quan kiếm thanh tùng ngạn;
Vũ nhuận tinh mao lục liễu đường.
Tối thị từ thần chiêm ốc trọng,
Quy lai phong vịnh bút sinh hương.

DỊCH NGHĨA:

THEO XE VUA TỚI NHÀ THÁI HỌC LÀM LỄ TIÊN SƯ[1]

Núi, rồng, rong, lửa rực rỡ vẻ thiên nhiên,[2]
Nhà vua vui vẻ làm khuôn mẫu cho trăm quan.
Múa dâng nhà Phán xong,[3] ca bài xuất xứ từ phương Bắc;[A]
Lễ bắn trường Ung hợp lại, tỏ sức mạnh của phương Nam.[4]
Mây quện mũ gươm trên bờ thông xanh;
Mưa nhuần cờ quạt giữa đường liễu biếc.
Vui nhất là kẻ văn thần thấm ơn sâu nặng,
Lúc trở về vịnh phong cảnh, ngòi bút tỏa hương.

NGUYÊN CHÚ:

A.Múa võ bắt đầu xuất hiện ở phương Bắc.

CHÚ THÍCH:

1.Lễ Tiên sư (thích thái): Lễ dâng các thứ rau lên Tiên sư dịp đầu năm khai trường.

2.Rồng, rong, lửa là những hình hoa văn thêu vào lễ phục, áo xiêm...

3.Nhà Phán, tức trường quốc học.

4.Trường Ung, hay trường Bích Ung, là trường quốc học có dạy đủ các môn bắn cung, lái xe, viết lách, tính toán... tương truyền có từ đời Chu. Trong bài này, chữ: *Nhà Phán trường Ung* chỉ nhà Thái học.

DỊCH THƠ:

Rồng núi, lửa rong vẻ rỡ ràng,
Đức vua hoan hỉ đón trăm quan.
Múa dâng nhà Phán, lời ca bắc,
Lễ bắn trường Ung, sức mạnh nam.
Cờ quạt mưa nhuần bờ liễu biếc,
Mũ gươm mây quyện, dặm thông xoan.
Văn thần ơn thánh, lòng vui nhất,
Vịnh cảnh đường về, bút thoảng hương.

Mai Xuân Hải

17. 答侍御潘眷台三首

其一

入柴門罷出柴山
眞是逍遙人世間
波帖滄溟無險阻
風清黃閣佇歸還
煎爐心逸須行樂
調鼎身留莫索閒
使相與錢如兩得
仙翁豈不反童顏

PHIÊN ÂM:

ĐÁP THỊ NGỰ PHAN QUYẾN THAI TAM THỦ

KỲ NHẤT

Nhập Sài San bãi, xuất Sài San,
Chân thị tiêu dao nhân thế gian.
Ba thiếp thương minh vô hiểm trở;
Phong thanh hoàng các trữ quy hoàn.
Tiễn lô tâm dật tu hành lạc;
Điều đỉnh thân lưu mạc sách nhàn.
Sứ tướng dữ tiền như lưỡng đắc,
Tiên ông khải bất phản đồng nhan.

DỊCH NGHĨA:

ĐÁP NGƯỜI EM RỂ HỌ PHAN.GIỮ CHỨC THỊ NGỰ[1] BA BÀI

BÀI 1

Vào Sài Sơn xong, liền ra khỏi Sài Sơn,[2]
Thật là thảnh thơi trong cõi thế gian.
Biển xanh sóng lặng, không còn hiểm trở;
Gác vàng gió mát, đợi khi trở về.[3]

Đốt lửa lò lên, khi lòng thư thái, cần phải vui chơi,[4]
Điều hòa xanh vạc, thân cần ở lại, chớ đòi nhàn hạ.[5]
Nếu khanh tướng và tiền bạc, hai thứ đều được cả,
Thì nét mặt tiên ông há không trẻ lại sao?

CHÚ THÍCH:

1.Họ Phan, tức Phan Huy Ích (1751-1822) hiệu Dụ Am, người làng Thu Hoạch, huyện Thiên Lộc, (nay là Can Lộc, Hà Tĩnh). Ông đậu Tiến sĩ năm Cảnh Hưng thứ 36 (1775), sau ra với Quang Trung, làm quan tới Lễ bộ Thượng thư, tước Hầu.

Nhà Tây Sơn mất, ông và Ngô Thì Nhậm bị nhà Nguyễn đưa ra đánh đòn ở Văn Miếu, rồi sau về ở ẩn tại quê nhà, dạy học, thọ 70 tuổi.

2.Sài Sơn: Phan Huy Ích dời quê ra làng Thuỵ Khuê, bên cạnh núi Sài Sơn, thuộc huyện Thạch Thất tỉnh Sơn Tây (nay là Hà Tây).

3.Gác vàng (hoàng các): Gác của các quan Tể tướng hoặc Trung thư sảnh sơn mầu vàng.

4.Đốt lò (tiễn lô), chỉ đạo sĩ đốt lò để nấu thuốc trường sinh. Ở đây nói lên lối sống ung dung.

5.Điều hòa xanh vạc (điều đỉnh): Nói về chức trách của Tể tướng (xuất xứ từ thiên *Duyệt mệnh*, sách *Thượng thư).*

DỊCH THƠ:

Đến sài Sơn, ra khỏi Sài Sơn,
Thực thú tiêu dao cõi thế gian.
Biển biếc sóng êm, không hiểm trở;
Gác vàng gió mát, đội quy hoàn.
Lò đun thư thái, nên vui thú,
Vạc nấu, lo toan, chỗ hưởng nhàn.
Khanh tướng bạc tiền đều có đủ,
Lòng vui trả lại cả ông tiên.

Mai Xuân Hải

18. 其二

紫袍詎可久居山
暫在江西寄此間
聖主憂勤方燭顧
吾儕遭際莫須還

自從酬奉文章外
尤見優遊省閣閑
奉勸覲番華髮友
華簪趨侍勝華顏

PHIÊN ÂM:

KỲ NHỊ

Tử bào cự khả cửu cư san,
Tạm tại giang tây ký thử gian.
Thánh chủ ưu cần phương chúc cố;
Ngô sài tao tế mạc tu hoàn.
Tự tòng thù phụng văn chương ngoại;
Vưu kiến ưu du sảnh các nhàn.
Phụng khuyến cận phiên hoa phát hữu,
Hoa trâm xu thị thắng hoa nhan.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 2

Mặc áo tía có thể nào ở lâu trong núi,
Tạm ở phía tây sông, gửi tấm thân nhàn.(1)
Vua thánh chăm lo, đang soi xét tới;
Chúng ta gặp hội, chớ nên bỏ về.
Cứ kể ngoài việc đem văn chương ra thù phụng;
Thì càng thấy trong sảnh các vẫn được nhởn nhơ.
Dám khuyên bạn tóc bạc đến phiên triều cận,
Đội mũ cài hoa vào chầu sẽ đẹp hơn cả mặt hoa.

CHÚ THÍCH:

1.Phía tây sông, chỉ phía tây sông Hồng tức Sài Sơn, nơi Phan Huy Ích ở.

DỊCH THƠ:

Áo tía non sâu trốn mãi a?
Bờ tây ở tạm, gửi thân già.
Lo toan thánh chúa đang soi xét;
Gặp hội bọn ta nỡ bỏ à?
Ngoài chốn văn chương thù tạc ấy;
Trong nơi sảnh các vẫn vui đùa.
Tóc sương triều cận, tôi khuyên bạn,
Đội mũ cài hoa, nét đẹp già.

Mai Xuân Hải

19. 其三

古人有句訪家山
樂在冠童伴奐間
此景此情眞得意
之憂之食敢求還
憫勞幸賴光明燭
祠假終教朴拙閒
攜手泮宮先報喜
並遊聖域學曾顏

PHIÊN ÂM:

KỲ TAM

Cổ nhân hữu cú phỏng gia san,
Lạc tại quan đồng phán hoán gian.
Thử cảnh thử tình chân đắc ý;
Chi ưu chi thực cảm cầu hoàn.
Mẫn lao hạnh lại quang minh chúc;
Từ giả chung giao phác chuyết nhàn.
Huề thủ Phán cung tiên báo hỉ,
Tịnh du thánh vực học Tăng Nhan.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 3

Người xưa có câu: Thăm hỏi quê hương,
Vui trong cảnh nhởn nhơ cùng đàn trẻ nhỏ.
Cảnh vật ấy, tình cảm này thật là đắc ý;
Lo việc vua, hưởng lộc nước đâu dám đòi về.
Thương kẻ nhọc nhằn, may nhờ có đuốc trên soi tới;
Cho phép nghỉ ngơi, rút cục kẻ quê này cũng được nhàn.
Sẽ dắt tay nhau chốn Phán cung, xin báo tin mừng trước,(1)
Sẽ cùng chơi trong cõi thánh, học thày Tăng, Nhan(2).

CHÚ THÍCH:

1.Phán cung tức nhà học, hay nhà quốc học.

2.Thầy Tăng, Nhan tức Nhan Hồi và Tăng Điểm, hai người học trò giỏi của Khổng Tử.

20. 答北城春興

如是我聞，釋迦如來遊於婆斯伽城腹饑乞食，而有婆斯伽王子予之塊土，釋伽受之。止於波羅樹下，而有善女人供果。夫！塊土不可食之物，猶之片紙不可飲之件也。供果善女人，猶之供茶 之善侍郎也。侍郎有茶可以侍郎之師而無茶乎？善女人供果可以王子予塊土乎？雖然王子亦眞知釋迦矣。釋伽發善提心，無忿懸心，其無忿懸心，亦緣無大雄力。若使有大雄力，發忿懸心，婆斯伽王子將奉書獻茶之不暇矣。笑呵呵依韻而爲偈曰：

我聞佛說須瀰山
日月東西生其間
日月高明無終極
東西更迭相去還
瓜瑤但說交贈荅
湖闕莫言互忙閒
正待瓊雲酌葆觀
此回供果看朱顏

PHIÊN ÂM:

ĐÁP BẮC THÀNH XUÂN HỨNG

Như thị ngã văn, Thích Ca Như Lai du ư Bà Tư Già thành phúc cơ khất thực, nhi hữu Bà Tư Già vương tử dữ chi khối thổ, Thích Ca thụ chi. Chỉ ư Ba La thụ hạ, nhi hữu thiện nữ nhân cung quả. Phù! Khối thổ bất khả thực chi vật, do chi phiến chỉ bất khả ẩm chi kiện dã. Cung quả thiện nữ nhân, do chi cung trà chi thiện Thị lang dã. Thị lang hữu trà khả dĩ

Thị lang chi sư nhi vô trà hồ? Thiện nữ nhân cung quả khả dĩ vương tử dữ khối thổ hồ? Tuy nhiên vương tử diệc chân tri Thích Ca hỹ. Thích Ca phát thiện đề tâm, vô phẫn huyền tâm, kỳ vô phẫn huyền tâm, diệc duyên vô đại hùng lực. Nhược sử hữu đại hùng lực, phát phẫn huyền tâm, Bà Tư Già vương tử tương phụng thư hiến trà chi bất hạ hỹ. Tiếu kha kha y vận nhi vi kệ viết:

Ngã văn Phật thuyết Tu Di san,
Nhật nguyệt đông tây sinh kỳ gian.
Nhật nguyệt cao minh vô chung cực,
Đông tây cánh điệt tương khứ hoàn.
Qua Cư đãn thuyết giao tặng đáp,
Hồ khuyết mạc ngôn hỗ mang nhàn.
Chính đãi Quỳnh Vân chước bảo quán,
Thử hồi cung quả khán chu nhan.

DỊCH NGHĨA:

ĐÁP BÀI CẢM HỨNG MÙA XUÂN Ở BẮC THÀNH[1]

Ta nghe nói thế này: Phật Thích Ca Như Lai chơi ở thành Bà Tư Già, khi bụng đói xin ăn, thì có con vua Bà Tư Già cho một hòn đất, Thích Ca nhận lấy. Lúc nghỉ ở dưới gốc cây Ba La thì có cô gái từ thiện dâng cho hoa quả. Kìa! Hòn đất là vật không thể ăn được, còn như mảnh giấy cũng là thứ không thể uống được. Người con gái từ thiện cúng quả, cũng như viên Thị lang từ thiện dâng trà. Quan Thị lang có trà, chẳng lẽ người thầy của quan Thị lang lại không có trà ư? Người con gái từ thiện dâng qủa, chẳng lẽ con vua lại cho hòn đất ư? Tuy rằng, người con vua đó đã quá hiểu rõ Thích Ca: Thích Ca đã phát ra lòng bồ đề[2] nên không có lòng giận dữ, vậy không có lòng giận dữ, cũng là do không có đại hùng lực.[3] Nếu có đại hùng lực phát ra lòng giận giữ thì con vua Bà Tư Già chắc chắn sẽ dâng thư hiến trà không kịp vậy. Ha! Ha! Ta theo nguyên vần mà viết ra bài kệ rằng:

Ta nghe nói Phật thuyết pháp ở núi Tu Di,[4]
Rằng mặt trời mặt trăng, phương đông phương tây sinh
ra trong khoảng đó.
Mặt trời mặt trăng cao sáng không cùng;
Phương đông phương tây thay nhau đi rồi trở lại.
Quả dưa, Ngọc Cư, chỉ nói việc tặng đi đáp lại cho nhau;[5]

Giang hồ, cửa khuyết, không nói chuyện thay nhau thư nhàn
hay bận rộn.
Rượu Quỳnh, rượu Vân đang đợi rót nơi bảo quán,[6]
Phen này ắt được thấy khách má đào dâng lên quả ngon.

CHÚ THÍCH:

1.Bắc Thành, tức thành Thăng Long.

2.Lòng bồ đề, ý nói lòng nhân từ độ lượng.

3.Đại hùng lực chỉ sức mạnh to lớn.

4.Tu Di, tương truyền là ngọn núi đẹp ở giữa biển, nơi Phật tổ thường hiện thân thuyết pháp.

5.Quả dưa, Ngọc Cư: *Kinh Thi, Vệ phong* có câu: "Đầu ngã dĩ mộc qua, báo chi dĩ quỳnh cư" (Trao cho ta quả dưa, ta đáp lại ngọc quỳnh cư). Trong thơ dùng để chỉ sự tặng đáp lẫn nhau.

6.Rượu Quỳnh rượu Vân, loại rượu đạo sĩ thường dùng, tương truyền rượu nấu bằng tinh của ngọc và mây.

Bảo quán: Nơi tu luyện của đạo sĩ.

21. 答京畿覲番

古富春爲耕釣山
今耕釣亦富春間
鼎扶豈在光之下
城隱希聞漢以還
假我文章推分樂
饒人世利占心閒
去時愁暫來時喜
喜在梅花插伯顏

PHIÊN ÂM:

ĐÁP KINH KỲ CẬN PHIÊN

Cổ Phú Xuân vi canh điếu san,
Kim canh điếu diệc Phú Xuân gian.

Đỉnh phù khởi tại Quang chi hạ;
Thành ẩn hi văn Hán dĩ hoàn.
Giả ngã văn chương thôi phận lạc;
Nhiêu nhân thế lợi chiếm tâm nhàn.
Khứ thời sầu tạm lại thời hỷ,
Hỷ tại mai hoa tháp Bá Nhan.

DỊCH NGHĨA:

ĐÁP BÀI THƠ PHIÊN TRIỀU CẬN Ở KINH KỲ[1]

Núi Phú Xuân xưa là nơi cày cấy, buông câu,[2]
Trong thành Phú Xuân nay cũng buông câu, cày cấy.[3]
Giúp yên chín vạc, ta đây kém tài Nghiêm Quang?[4]
Ẩn ở thị thành, từ đời Hán về sau ít thấy.[5]
Ta mượn văn chương vui theo phận mình;
Nhường người thế lợi, chiếm lòng nhàn hạ.[6]
Khi đi tạm buồn, lúc về sẽ vui,
Vui ở chỗ thấy hoa mai cài đầu Bá Nhan.[7]

CHÚ THÍCH:

1.Kinh kỳ, chỉ kinh đô.

2.Núi Phú Xuân thuộc huyện Đồng Lư Triết Giang Trung Quốc, còn gọi là núi Nghiêm Lăng, hay đài câu Nghiêm Lăng. Ở đây mượn để chỉ nơi thôn dã.

3.Thành Phú Xuân, tức kinh đô Phú Xuân ở Huế.

4.Nghiêm Quang, tự là Tử Lăng, bạn thân thuở nhỏ của vua Hán Quang Vũ. Khi Quang Vũ lên ngôi, Tử Lăng trốn vào núi cấy cày và câu cá. Quang Vũ tìm gọi nhiều lần mới chịu về gặp vua, trò chuyện một đêm rồi lại về núi. Người đời ca ngợi rằng: "Đồng giang nhất ti, phù Hán cửu đỉnh" (Một dây tơ câu ở sông Đồng, giúp yên chín vạc cho nhà Hán).

5.Đời Hán có Đông Phương Sóc là người ở ẩn trong triều, ngoài ra không còn ai nữa.

6.Thế lợi, lợi lộc ở đời.

7.Bá Nhan, một tướng khai quốc nhà Nguyên, khi thành công về núi Mai có thơ: "...Đảm đầu bất tái Giang Nam vật, chỉ tháp mai hoa nhất lưỡng chi." (Đội trên đầu không dùng vật gì ở Giang Nam, chỉ giắt một vài nhành hoa mai). Ở đây, mượn để chỉ công lao của người nguyên xướng.

22. 答侍御番眷台二首

其一

自從城阺餞公還
不懈趨陪省閣間
日對南山歌晉穀
摧來無險是君山

PHIÊN ÂM

ĐÁP THỊ NGỰ PHAN QUYẾN THAI NHỊ THỦ

KỲ NHẤT

Tự tòng thành để tiễn công hoàn,
Bất giải xu bồi tỉnh các gian.
Nhật đối Nam sơn ca tấn cốc,
Suy lai vô hiểm thị Quân san.

DỊCH NGHĨA:

ĐÁP NGƯỜI EM RỂ HỌ PHAN LÀM CHỨC THỊ NGỰ[1] HAI BÀI

BÀI 1

Từ khi ở quán trọ trong thành tiễn ông về,
Không còn lười nhác lui tới nơi sảnh các.
Ngày ngày nhìn núi Nam, ca lời chúc tụng,[2]
Suy ra mới thấy núi Quân không có gì là hiểm yếu.[3]

CHÚ THÍCH:

1.Tức Phan Huy Ích (Xem chú thích số 1 bài 17).

2.Núi Nam: Từ dùng để chúc thọ, thơ *Thiên bảo, Kinh Thi*: "Như Nam sơn chi thọ" (thọ như núi Nam).

3.Núi Quân, thuộc tỉnh Giang Tô, nơi nhà Tống đặt doanh trại để phòng thủ, sau khi rời đô xuống phía nam. Trong bài ý nói việc lui tới triều đình không khó khăn.

DỊCH THƠ:

Kinh kỳ tự buổi tiễn ông về,
Sảnh các tôi chăm lui tới ghê.
Trông phía núi Nam ca chúc tụng,
Non Quân chẳng thấy hiểm nguy gì.

Lâm Giang

23. 其二

長途未暇計山林
地險心夷豈動心
神物請看天地內
何龍驚澤虎驚岑

PHIÊN ÂM:

KỲ NHỊ

Trường đồ vị hạ kế sơn lâm,
Địa hiểm tâm di khởi động tâm.
Thần vật thỉnh khan thiên địa nội,
Hà long kinh trạch hổ kinh sầm.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 2

Đường còn dài, chưa lúc rảnh để tính chuyện lui về núi,
Đất hiểm nhưng lòng phẳng lặng, há phải động lòng.
Hãy xem cảnh vật thần tiên ở trong trời đất,
Rồng nào lại sợ đầm, hổ nào lại sợ non cao?

DỊCH THƠ:

Đường dài chưa tính chuyện sơn lâm,
Đất hiểm lòng ngay há động tâm.
Cảnh vật trong vùng xin hãy ngắm,
Hổ, rồng đâu sợ chốn non đầm!

Lâm Giang

24. 和中書奉正陳公禱雨之作

永命祈天慮遠長
感神明德薦馨香
建中有聖欽承帝
格上惟賢保乂王

熾鼎白檀煙嫋嫋
迷津青雀旆央央
誠通降祐機無爽
幸付川舟竊納涼

PHIÊN ÂM:

HOẠ TRUNG THƯ PHỤNG CHÍNH TRẦN CÔNG ĐẢO VŨ CHI TÁC

Vĩnh mệnh kỳ thiên lự viễn trường,
Cảm thần minh đức tiến hinh hương.
Kiến trung hữu thánh khâm thừa đế;
Cách thượng duy hiền bảo nghệ vương.
Xí đỉnh bạch đàn yên niểu niểu;
Mê tân thanh tước bái ương ương.
Thành thông giáng hựu cơ vô sảng,
Hạnh phó xuyên chu thiết nạp lương.

DỊCH NGHĨA:

HOẠ THƠ CẦU MƯA CỦA QUAN TRUNG THƯ PHỤNG CHÍNH TRẦN CÔNG

Cầu trời kéo dài vận mệnh để lo chuyện dài lâu,
Đức sáng cảm hoá thần linh, dâng hương thơm ngát.
Đã có vua thánh, kính vâng mệnh trời, tạo dựng đạo trung;
Chỉ có tôi hiền, giúp yên vương thất, khiến trên cảm thông.
Lư cháy, khói hương bạch đàn nghi ngút;
Bến mờ, cờ thêu thanh tước rỡ ràng.
Lòng thành dâng lên, phúc lành ban xuống, cơ trời không sai,
May được sai làm thuyền qua sông, trộm hưởng làn khí mát.

25. 和待詔尚書阮契台三首

其一

雕虫笑我技無他
遭際明時灊杞瓜
鄉在白雲音信遠

身陪紫閣渥優多
升階竊喜符貞象
退食偏宜賦委蛇
燕北品題重捧誦
並遊想若再皇華

PHIÊN ÂM:

HOẠ ĐÃI CHIẾU THƯỢNG THƯ NGUYỄN KHẾ THAI TAM THỦ

KỲ NHẤT

Điêu trùng tiếu ngã kỹ vô tha,
Tao tế minh thời lam kỷ qua.
Hương tại bạch vân âm tín viễn;
Thân bồi tử các ốc ưu đa.
Thăng giai thiết hỉ phù trinh tượng;
Thoái thực thiên nghi phú uỷ xà.
Yên Bắc phẩm đề trùng phủng tụng,
Tịnh du tưởng nhược tái hoàng hoa.

DỊCH NGHĨA:

HOẠ THƠ ÔNG BẠN THƯỢNG THƯ ĐÃI CHIẾU HỌ NGUYỄN BA BÀI

BÀI 1

Nực cười ta, chỉ nghề gọt rũa văn chương, không nghề gì khác,[1]
Gặp thời thịnh trị, lạm dự vào hội "kỷ qua."[2]
Quê hương dưới làn mây trắng, tin tức vắng xa;
Thân hầu nơi gác tía, những hưởng nhiều ơn huệ.
Thăng cấp bậc, trộm mừng vì hợp với điều trinh chính;[3]
Lui về ăn, riêng thích nghi với câu hát "ung dung."[4]
Đề vịnh ở Bắc Yên, nay mở ra đọc lại,[5]
Cùng nhau rong chơi, tưởng chừng lại một lần nữa làm sứ thần.

CHÚ THÍCH:

1.Gọt rũa văn chương (điêu trùng): Ý nói nghề viết văn là nghề rất tỉ mỉ, phải chọn lọc cẩu kì từng câu từng chữ như nghề chạm trổ.

2.Kỷ qua: Kỷ là một loài cây lớn; qua (cây dưa) là loài dây leo, phải dựa vào cây kỷ để leo lên.

Hội Kỷ qua: Ở đây chỉ vận hội vua sáng tôi hiền, quân thần tương đắc.

3.Câu này phỏng theo ý ở quẻ Thăng, hào Lục ngũ, *Kinh Dịch* "Trinh cát thăng giao" (Trung chính thì tốt, được thăng chức dễ dàng như bước lên thềm).

4."Ung dung:" Thơ *Cao dương*, *Kinh Thi*: "Thoái thực tư công, uy di, uy di" (Từ cửa công đường lui về nhà ăn cơm, ung dung thư thái).

5.Bắc Yên: Ở đây chỉ Yên Kinh, năm 1793 Ngô Thì Nhậm đã làm Chánh sứ sang cầu phong cho Quang Toản.

DỊCH THƠ:

Chẳng nghề chi khác những cười ta,
Trộm buổi trị bình, hội kỷ qua.
Thân phận lầu son nhiều phúc lộc;
Cố hương mây trắng bặt tin nhà.
Luôn luôn thăng bậc, bao điềm tốt,
Thư thái lui về, vang khúc ca.
Đề ở Bắc Yên, nay đọc lại,
Cùng chơi, những tưởng lại Hoàng Hoa.

Lâm Giang

26. 其二

一等風情未論他
琚瑤不吝報桃瓜
斷金到底同爲利
交水摧來淡更多
愧我早飛成倦鳥
羨公老壯躍生蛇
矢謨躬稼無相伴
共慶休明仰帝華

PHIÊN ÂM:

KỲ NHỊ

Nhất đẳng phong tình vị luận tha,
Cư Dao bất lận báo đào qua.

Đoạn kim đáo để đồng vi lợi;
Giao thủy suy lai đạm cánh đa.
Qúy ngã tảo phi thành quyện điểu;
Tiển công lão tráng dược sinh xà.
Thỉ mô cung giá vô tương bạn,
Cộng khánh lưu minh ngưỡng đế hoa.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 2

Phong tình là bậc nhất, chưa bàn tới chuyện khác,
Chẳng tiếc ngọc Cư, ngọc Dao đáp tình cho đào, cho dưa.[1]
Đồng lòng là sắc bén, cuối cùng sẽ chặt đứt được vàng;
Nhàn nhạt càng bền lâu, suy ra tình bạn nên giống như nước.
Thẹn cho ta bay nhảy sớm, đã thành ra chim mỏi cánh;
Khen cho ông già mà khoẻ, vọt lên như rắn đang hung.
Việc thi thố mưu mô và tự cày cấy, không dính dáng gì với nhau,
Song cùng hưởng phúc lành, khi ngẩng trông đức vua tươi sáng.

CHÚ THÍCH:

1.Thơ Mộc qua, *Kinh Thi* có câu: "Đầu ngã dĩ mộc qua, báo chi dĩ quỳnh dao..." (Đem quả dưa cho ta, ta báo đáp lại bằng ngọc quỳnh dao). Trong bài dùng để chỉ tình bạn thân thiết.

27. 其三

名教同鄉靡是他
絺巾並列削周瓜
健公驥步雲衢爽
笑我駑程雪鬢多
有幸詞林棲鶡雀
那堪詩陣鬥龍蛇
此番酬答偷餘暇
記取聯嬰仰玉華

PHIÊN ÂM:

KỲ TAM

Danh giáo đồng hương phỉ thị tha,
Hy cân tịnh liệt tước chu qua.
Kiện công kí bộ vân cù sảng;
Tiếu ngã nô trình tuyết mấn đa.[a]
Hữu hạnh từ lâm thê yến tước;
Ná kham thi trận đấu long xà.
Thử phiên thù đáp thâu dư hạ,
Ký thủ liên anh ngưỡng Ngọc Hoa.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 3

Cùng nòi danh giáo lại cùng quê, chẳng đâu xa lạ,
Lại cùng được dự vào hàng đại thần thân cận trong triều.
Khen ông mạnh bước ngựa ký, trên đường mây sáng sủa;
Cười ta lẽo đẽo ngựa hèn, mái tuyết đã bạc nhiều.
May được làm chim ri chim sẻ trong rừng văn;
Đâu thể chọi nổi con rồng, con hổ trong trận thơ.
Lần thù đáp này, tranh thủ được lúc nhàn hạ,
Ghi lại khi cùng kề mũ đai hầu vua trước cung Ngọc Hoa.

KHẢO DỊ:

a.Câu "Tiếu ngã nô trình" 笑我駑程 ở bản VHv.1743/23, VHv.1743/15, VHv.1743/24 đều chép: "Lão ngã nô trình "老我駑程 (Ta già nua lẽo đẽo ngựa hèn).

DỊCH THƠ:

Đồng hương danh giá phải đâu xa,
Áo mũ cân đai cũng nếp nhà.
Ngựa tốt khen ông đường sáng sủa;
Trâu hèn cười tớ tóc sương pha.
Rừng văn may được làm ri, sẻ;
Trận bút dám mong đấu hổ, sà.
Thù tạc chuyến này nhân rảnh việc,
Ngọc Hoa kề mũ thảo bài ca.

Bùi Thanh Hùng

28. 又答謁山峒之作三首

再玩華程吟稿，莊誦佳作，留謁二青峒詩並引，發明家先親生平心事。有同時接識道不得者，忽於篇中摸寫出來。弟靜而思之，家先親素日以文章顯名，除僚契往來倡酬，與子婿書淺頌禱外，凡留題石碧文字，大率鋪張其美，要未能表暴其心。家先親撫諒時，實由臺署左遷，而其忠愛拳拳，無一毫愆鬱。曾隱括東坡赤壁賦爲其戀闕之意，安其所遇之分，惟以心事尚友千古，與逍遙並遊。蓋同時無能知之，故以心托於千古之人，而千古之人之後，更復有知之。其生不同地，其時不及見，忽焉旌節來思山岩南賁止，題雄文而留警句，標勝致而寫神奇。實家先親前日意想之所不及。

今日精神之所自得，豈不咱之和平而知之，感動者歟？或者文章之報，造化若有所待。至是湊巧而發觸之歟？弟沉潛玩誦，深感于心，輒敢依韻奉賡，答謝我大兄相與之至情，亦以成家先親峒祠之韻話云。

其一

粵自橫山限錦屏
同文異地幾周星
北關神峒心誰白
南極台光眼爲青
月旦一章詩作史
焄蒿千古石留馨
癡兒有父慚春草
感頂高賢助顯靈

PHIÊN ÂM:

HỰU ĐÁP YẾT SƠN ĐỘNG CHI TÁC TAM THỦ

Tái ngoạn Hoa trình ngâm cảo, *trang tụng giai tác, lưu yết Nhị Thanh động thi tịnh dẫn, phát minh gia tiên thân sinh bình tâm sự. Hữu đồng thời tiếp thức đạo bất đắc giả, hốt ư thiên trung mô tả xuất lai. Đệ tĩnh nhi tư chi, gia tiên thân tố nhật dĩ văn chương hiển danh, trừ liêu khế vãng lai xướng thù, dữ tử tế thư tiển tụng đảo ngoại, phàm lưu đề thạch bích văn tự, đại suất phô trương kỳ mỹ, yếu vị năng biểu bạo kỳ tâm. Gia tiên thân Phủ Lạng thời, thực do đài thự tả biên, nhi kỳ trung ái quyền quyền, vô nhất hào diễn uất. Tằng ẩn quát Đông Pha Xích Bích phú tả kỳ luyến khuyết chi ý, an kỳ sở ngộ chi phân, duy dĩ tâm sự thượng hữu thiên cổ, dữ tiêu dao tịnh du. Cái đồng thời vô năng tri chi, cố dĩ tâm thác ư thiên cổ chi nhân, nhi thiên cổ chi nhân hậu, cánh phục hữu tri chi. Kỳ sinh bất đồng địa, kỳ thời bất cập kiến, hốt yên tinh tiết lai, tư sơn nham nam bí chỉ, đề hùng văn nhi lưu cảnh cú, tiêu thắng trí nhi tả thần kỳ. Thực gia tiên thân tiền nhật ý tưởng chi sở bất cập.*

Kim nhật tinh thần chi sở tự đắc, khởi bất thính chi hoà bình nhi tri chi, cảm động giả dư? Hoặc giả văn chương chi báo, tạo hoá nhược hữu sở đãi. Chí ư tấu xảo nhi phát xúc chi dư? Đệ trầm tiềm ngoạn tụng, thâm cảm vu tâm, triếp cảm y vận phụng canh, đáp tạ ngã đại huynh tương dữ chi chí tình, diệc dĩ thành gia tiên thân động từ chi vận thoại vân.

KỲ NHẤT

Việt tự Hoành Sơn hạn cẩm bình,
Đồng văn dị địa kỷ châu tinh.
Bắc quan thần động tâm thùy bạch;
Nam cực đài quang nhãn vị thanh.
Nguyệt đán nhất chương thi tác sử;
Huân cao thiên cổ thạch lưu hinh.
Si nhi hữu phụ, tàm xuân thảo,
Cảm đỉnh cao hiền trợ hiển linh.

DỊCH NGHĨA:

LẠI ĐÁP LẠI BÀI THƠ ĐỀ Ở ĐỘNG NÚI BA BÀI

Có xem lại tập thơ *Hoa trình ngâm cảo* của ông, lại kính cẩn đọc tác phẩm hay, cùng lời dẫn và bài thơ lưu yết ở động Nhị Thanh, mới phát hiện và làm sáng tỏ những điều tâm sự của cha tôi khi còn sống. Có những điều người tiếp xúc cùng thời không nói ra được, nhưng bỗng lại thấy được mô tả trong tác phẩm. Tôi thầm nghĩ: Cha tôi lúc bình nhật nổi danh vì văn chương, ngoài những thơ xướng thù qua lại với đồng liêu với bạn bè cùng thư từ chúc tụng gửi người con rể ra, thì phàm những văn tự để lại ở vách đá, đại bộ phận đều phô trương vẻ đẹp, nhưng chưa thể bộc lộ được tâm sự của mình. Khi cha tôi làm Đốc phủ ở Lạng Sơn thực ra là từ chốn đài sảnh mà bị giáng chức, vậy mà lòng trung ái vẫn đầy ắm ắp, không hề phẫn uất. Cha tôi đã từng uốn nắn bài phú Xích Bích của Tô Đông Pha, viết về ý luyến mộ triều đình, yên phận với cảnh ngộ mình gặp, chỉ đem những điều tâm sự bầu bạn với người xưa, cùng du chơi trong cõi tiêu dao. Bởi lẽ người cùng thời không ai biết đến, cho nên đem tâm sự gửi người đời xưa, nhưng người đời sau lại có người biết đến. Ôi! Sinh ra không cùng quê, không biết được lúc cùng thời, nay bỗng thấy cờ tiết đi đến, dừng ở nơi núi hang rực rỡ, đề lời văn hùng tráng, để lại câu văn hay, nêu cảnh danh thắng mà tả nét diệu kỳ. Đó thực là điều mà ngày trước cha tôi không thể nghĩ tới.

Ngày nay, những điều mà tinh thần Người cảm thấy thỏa mãn, lẽ nào Người nghe mà chẳng khoan khoái, biết mà chẳng cảm động ư? Hoặc giả do sự báo đền của văn chương, mà tạo hóa dường như có ý chờ đợi. Đến đây khéo dun dủi, cảm xúc phát ra rồi đó chăng? Tôi lặng lẽ đọc kỹ, cảm sâu trong lòng, bèn dám theo vần mà nối lời, đáp tạ mối thịnh tình cùng hợp nhau của đại huynh và cũng là để hoàn tất câu chuyện về vận thơ ở đền thờ trong động đá của cha tôi xưa vậy.[1]

BÀI 1

Từ buổi đèo Ngang làm bức bình gấm ngăn chia,[2]
Đã bao năm ròng, cùng nền văn hóa mà khác nhau thổ địa.
Động thần ải Bắc, ai rõ cho niềm tâm sự?[3]
Ánh sao Nam cực, quả là có đôi mắt xanh.[4]

Nguyệt đán một bài, thơ làm thay sử;[5]
Hương khói ngàn xưa, đá để dấu thơm.
Con dại có cha, thẹn lòng tấc cỏ ba xuân,[6]
Ơn bậc cao hiền đã giúp cho sự linh hiển.

CHÚ THÍCH:

1.Theo ý lời dẫn thì tác giả tập *Hoa trình ngâm cảo* (chưa rõ là ai), khi đi sứ phương Bắc đã dừng cờ đề thơ ở động Nhị Thanh. Bài thơ đã nói rõ những điều tâm sự của Ngô Thì Sĩ khi xưa. Nay lại có bài thơ đề cập lại vấn đề trên, trao cho Ngô Thì Nhậm, Ngô Thì Nhậm đã hoạ lại 3 bài.

2.Đèo Ngang, sông Gianh là vùng ranh giới của thời Trịnh Nguyễn phân tranh ngót hai trăm năm, nên ở đây tác giả nhắc đến.

3.Động thần ải Bắc, chỉ động Nhị Thanh ở Lạng Sơn, nơi Ngô Thì Sĩ tu sửa lập động thờ. Ý thơ, chỉ có ông (tác giả tập *Hoa trình ngâm thảo*) mới hiểu được những điều tâm sự của cha tôi.

4.Mắt xanh, chỉ đôi mắt hiểu người. Nguyễn Tịch xưa khi gặp người hiền thì mắt xanh, gặp kẻ xấu thì mắt trắng. Ở đây mượn để chỉ đôi mắt xanh của người bạn, như đôi mắt của Nguyễn Tịch xưa hiểu được Ngô Thì Sĩ.

5.Nguyệt đán, chỉ bài thơ phẩm bình về động Nhị Thanh.

6.Tấc cỏ ba xuân, "Tấc cỏ" chỉ tấm lòng nhỏ mọn cỏn con, "ba xuân" chỉ công ơn cha mẹ.

DỊCH THƠ:

Đèo ngang dựng vách buổi phân chia,
Văn hóa chung mà khác địa dư.
Ải Bắc động thần ai rõ nhỉ?
Cực Nam sao sáng mắt xanh kia!
Một bài "nguyệt đán" làm thay sử;
Muôn đá dấu thơm tự thuở xưa.
Con dại có cha buồn tấc cỏ,
Cao hiền ơn ấy ứng linh chưa.

Bùi Thanh Hùng

29. 其二

昔年使節今綸掖
相對新添兩鬢華
遭際唐愚明聖世

藏修孔孟禮詩家
宮墻愧我非高第
臺閣擢公作大哥
久入芝蘭神覺爽
不知老至日吟哦

PHIÊN ÂM:

KỲ NHỊ

Tích niên sử tiết kim luân dịch,
Tương đối tân thiêm lưỡng mấn hoa.
Tao tế Đường Ngu minh thánh thế;
Tằng tu Khổng Mạnh lễ thi gia.
Cung tường qúy ngã phi cao đệ;
Đài các suy công tác đại ca.
Cửu nhập chi lan thần giác sảng,
Bất tri lão chí nhật ngâm nga.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 2

Năm xưa cờ tiết đi sứ, nay hầu việc chốn cung đình,[1]
Cùng nhìn nhau, thấy hai mái tóc mới bạc thêm.
Gặp được đời minh thánh như đời Đường Ngu;[2]
Học theo nếp nhà thi lễ của đức Khổng Mạnh.[3]
Tôi thẹn không phải là kẻ cao minh nơi cung cấm;
Xin tôn ông làm bậc anh cả nơi gác đài.
Tình chi lan đượm mãi, tinh thần sảng khoái,[4]
Ngày ngày ngâm nga, không biết tuổi già tới rồi.

CHÚ THÍCH:

1.Cung đình, nguyên văn "luân dịch". "Luân," tức "ti luân," chỉ việc soạn thảo, biên chép các chiếu chỉ của vua. "Dịch," tức "dịch đình," nơi các quan làm việc, đây dịch thoát là cung đình.

2.Đường Ngu, một triều đại thịnh trị thời cổ đại Trung Quốc. Ở đây chỉ 2 người đã gặp được vua hiền (Quang Trung).

3.Khổng Mạnh, tức Khổng Tử và Mạnh Tử, bậc thầy của nhà nho xưa. Ở đây chỉ 2 người đều xuất thân là nhà nho.

4.Tình chi lan, chỉ tình bạn bè thân thiết.

DỊCH THƠ:

Nhớ xưa đi sứ nay luân dịch,
Cùng ngắm mái đầu tóc điểm sương.
Minh thánh Đường Ngu vui hội ngộ;
Thói nhà Khổng Mạnh sáng văn chương.
Cấm cung luống thẹn tôi chưa xứng;
Đài các xin tôn bác đại huynh.
Đượm mãi chi lan lòng sảng khoái,
Tháng ngày ngẫm ngợi tuổi già nhanh.

Bùi Thanh Hùng

30. 其三

鬢再花心一片丹
相知對照月團團
宮鶯禁樹提攜處
窗草盆魚應接間
得意實憑生意厚
承恩還覺報恩難
臣勞夙夜公無忝
似我翱翔恥素餐

PHIÊN ÂM:

KỲ TAM

Mấn tái hoa tâm nhất phiến đan,
Tương tri đối chiếu nguyệt đoàn đoàn.
Cung oanh cấm thụ đề huề xứ;
Song thảo bồn ngư ứng tiếp gian.
Đắc ý thực bằng sinh ý hậu;
Thừa ân hoàn giác báo ân nan.

Thần lao túc dạ công vô thiểm,
Tự ngã cao tường sỉ tố xan.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 3

Hai mái tóc bạc, một tấm lòng son,
Hiểu nhau cùng nhìn lên vầng trăng vành vạnh.
Oanh trong cung, cây cửa cấm, là nơi dắt díu nhau;
Cỏ ngoài song, cá trong chậu, là cảnh để thù tặng.
Được đắc ý thực nhờ sự sống nồng hậu;
Có mang ơn mới biết đền ơn là khó lắm thay!
Ông không phải thẹn với phận làm tôi, ngày đêm vất vả,
Nhởn nhơ như tôi mới thấy xấu hổ vì đã ăn không.

31. 答待詔尚書武契台

省闥並遊平素夢
闕湖相左本來常
征鴻誰不懷桑梓
倚馬終須待柏梁
玉色明輝如月色
蘭香馥郁似蓮香
風恬海際濤無險
把盞遙賡伐木章

PHIÊN ÂM:

ĐÁP ĐÃI CHIẾU THƯỢNG THƯ VŨ KHẾ THAI

Sảnh thát tịnh du bình tố mộng,
Khuyết hồ tương tả, bản lai thường.
Chinh hồng thùy bất hoài tang tử;
Ỷ mã chung tu đãi Bách Lương.

Ngọc sắc minh huy như nguyệt sắc;
Lan hương phức úc tự liên hương.
Phong điềm hải tế đào vô hiểm,
Bả trản dao canh Phạt mộc chương.

DỊCH NGHĨA:

ĐÁP ÔNG BẠN THƯỢNG THƯ ĐÃI CHIẾU HỌ VŨ[1]

Cùng chơi chốn đài các, đó là giấc mộng thường ngày,
Nơi cửa khuyết, chốn giang hồ trái ngược, vốn lẽ thường.
Như cánh hồng bay, ai mà không nhớ quê hương;
Tựa con ngựa chầu, cuối cùng phải đợi ở đài Bách Lương.[2]
Vẻ ngọc sáng trong như ánh trăng;
Hương lan thơm nức tựa hương sen toả.
Biển khơi lặng gió, sóng không còn nguy hiểm,
Nâng chén, xa nối vần thơ Phạt mộc một chương.[3]

CHÚ THÍCH:

1.Họ Vũ, tức Vũ Huy Tấn người làng Mộ Trạch, huyện Đường An, nay thuộc Hải Dương. Ông vừa là bạn vừa là quan đồng triều với Ngô Thì Nhậm thời Tây Sơn.

2.Đài Bách Lương, do Hán Vũ Đế xây. Trong bài dùng để chỉ cung vua.

3.Phạt mộc, một bài trong *Tiểu nhã, Kinh Thi*. Thơ nói về tình cảm bạn bè.

32. 寄同邑年契阮居士二首

其一

行藏底事付甄陶
荏髯華年各二毛
宦路我如鴻倦翼
講氈公似鶴鳴皐
忙中每妒田園樂
閑裡寧知省閣勞
讓後丕時如有分
歸來早晚醉醇醪

PHIÊN ÂM:

KÝ ĐỒNG ẤP NIÊN KHẾ NGUYỄN CƯ SĨ NHỊ THỦ

KỲ NHẤT

Hành tàng để sự phó yên đào,
Nhiệm nhiễm hoa niên các nhị mao.
Hoạn lộ ngã như hồng quyện dực;
Giảng chiên công tự hạc minh cao.
Mang trung mỗi đố điền viên lạc;
Nhàn lý ninh tri sảnh các lao.
Nhượng hậu phi thời như hữu phận,
Quy lai tảo vãn túy thuần giao.

DỊCH NGHĨA:

GỬI ÔNG NGUYỄN CƯ SĨ BẠN ĐỒNG NIÊN CÙNG LÀNG[1] HAI BÀI

BÀI 1

Hành tàng việc ấy mặc cho hóa công,
Tháng năm thấm thoắt, đầu ta đã hai thứ tóc.
Đường làm quan, tôi như chim hồng mỏi cánh;
Nơi giảng học, ông tựa hạc kêu ngoài đầm sâu.
Lúc bận rộn, thường ghen với thú vui nơi vườn ruộng;
Trong thư nhàn, nào hay nơi sảnh các nhọc nhằn.
Nếu có phúc phận để lại cho đời sau sự nghiệp lớn,
Thì khi trở về, sớm tối sẽ say với chén rượu ngon.

CHÚ THÍCH:

1.Nguyễn Cư Sĩ, có lẽ là Nguyễn Nha (1749 - ?), người cùng làng, cùng đỗ Tiến sĩ với Ngô Thì Nhậm một khoa (1775), quan tới Công Bộ Hữu thị lang. Không làm quan cho triều Tây Sơn mà về ở ẩn, dạy học.

Bạn đồng niên, tức bạn cùng thi đỗ một khoa.

33. 其二

底意渾然聽鑄陶
香山素願齒鄉毛

關閩豈是裨神孝
箕潁何曾倚契皋
耳面誨人斯莫大
形神應世此非勞
與公將起傳書洞
並釀雙林福德醪

PHIÊN ÂM:

KỲ NHỊ

Để ý hồn nhiên thính chú đào,
Hương Sơn tố nguyện xỉ hương mao.
Quan Mân khởi bất tì Thần Hiếu;
Cơ Dĩnh hà tằng ỷ Khiết Cao.
Nhĩ diện hối nhân tư mạc đại;[a]
Hình thần ứng thế thử phi lao.
Dữ công tương khởi truyền thư động,
Tịnh nhưỡng Song Lâm phúc đức giao.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 2

Ý này hoàn toàn thuận theo tạo hóa,
Vẫn mong được đứng trong hàng già làng tại hội Hương Sơn.(1)
Đất Quan đất Mân há chẳng giúp gì cho vua Thần vua Hiếu;(2)
Núi Cơ sông Dĩnh có bao giờ phải dựa vào ông Khiết ông Cao.(3)
Dạy người bảo tận mặt nói tận tai, không gì lớn bằng việc đó;
Giúp đời cả hình hài lẫn tinh thần, chẳng quản gian lao.
Sẽ cùng ông mở động truyền bá sách vở,(4)
Và cùng ủ rượu phúc đức ở chùa Song Lâm.(5)

KHẢO DỊ:

a.Bản VHv.1793/23 và VHv.1743/24 chép 耳面誨人斯是大 (Dạy người bảo tận mặt, nói tận tai, việc đó thực là lớn lao).

CHÚ THÍCH:

1.Hội Hương Sơn, do Bạch Cư Dị đời Đường lập ra khi về hưu ở làng. Hội gồm chín cụ già trên 70 tuổi, lấy việc cùng nhau yến ẩm, chơi bời làm vui.

2.Đất Quan, Mân: Tức đất Quan Trung (nay là Thiểm Tây) và miền Phúc Kiến, là quê của Trương Tái và Chu Hi hai nhà nho lớn đời Tống.

Vua Thần vua Hiếu, tức Tống Thần Tông (1068-1085) thời Bắc Tống và Tống Hiếu Tông (1163-1189) thời Nam Tống. Ngô Thì Nhậm cho rằng, Trương Tái sống vào thời Thần Tông và Chu Hi sống vào thời Hiếu Tông đã giúp ích rất nhiều cho công cuộc giáo hoá dưới triều các vua này bằng những học thuyết của mình.

3.Núi Cơ sông Dĩnh là nơi ở ẩn của Hứa Do đời vua Nghiêu. Ông Khiết và Cao Dao là những bậc danh thần đời vua Thuấn.

4.Động truyền bá sách vở, chỉ nơi dạy học.

5.Song Lâm: Theo *Truyền đăng lục* thì khi Phật Thích Ca vừa tịch diệt, đệ nhất tổ Ca Diếp được tin đến Song Lâm gào khóc. Phật ở trong áo quan bằng vàng, thò hai chân ra cho ông trông thấy khỏi nhớ. Ý thơ, chỉ việc đi tu hành.

34. 和親叔公

最樂無如鄉老翁
藤床睡穩白生東
費終有隱隱難破
貞下起元元不窮
易地常情多月異
知天君子貴時中
歲寒何事堪怡性
講幄尤宜象舞童

PHIÊN ÂM:

HOẠ THÂN THÚC CÔNG

Tối lạc vô như hương lão ông,
Đằng sàng thụy ổn bạch sinh đông.

Phí chung hữu ẩn ẩn nan phá;
Trinh hạ khởi nguyên nguyên bất cùng.
Dịch địa thường tình đa nguyệt dị;
Tri thiên quân tử qúy thời trung.
Tuế hàn hà sự kham di tính,
Giảng ốc vưu nghi tượng vũ đồng.

DỊCH NGHĨA:

HOẠ THƠ ÔNG CHÚ RUỘT[1]

Vui nhất không gì bằng ông già ở làng quê,
Yên giấc ngủ trên giường mây mãi tới rạng đông.
Cuối nơi hiển hiện có bí ẩn, bí ẩn khó khám phá;[2]
Dưới hội "trinh" là bắt đầu hội "nguyên," hội nguyên không cùng.[3]
Thói thường đổi địa vị phần nhiều mỗi tháng một khác;
Quân tử biết cơ trời, cốt giữ đạo trung hợp thời.[4]
Mùa lạnh, làm việc gì có thể khoan khoái tâm tình ?
Trước màn giảng sách càng nên xem bọn trẻ múa [bút].

CHÚ THÍCH:

1.Chú ruột, tức Ngô Tưởng Đạo, thi đỗ Á nguyên năm Quý Dậu (1753), năm Đinh Sửu (1757) lại đỗ giải nguyên, quan đến chức Hình hiến. Sau không ra làm quan cho nhà Tây Sơn.

2.Câu này lấy ý ở sách *Trung dung*: "Quân tử chi đạo phí nhi ẩn" (Đạo người quân tử hiện rõ mà bí ẩn).

3.Câu này lấy ở quẻ Kiền, *Kinh Dịch*, nói về bốn hội: Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh. Nguyên là bắt đầu sinh ra muôn vật, Hanh là muôn vật lớn, Lợi là muôn vật được thỏa dáng, Trinh là muôn vật đã sinh thành. Khi muôn vật đã sinh thành rồi, tức dã già thì lại bắt đầu sinh, cứ như vậy tuần hoàn mãi.

4.Đạo trung, đó là quan điểm của nhà nho xưa, nghĩa là người quân tử phải luôn luôn sống và hành động cho hợp thời.

35. 春江夜泛

和羅江伯裴黃甲

石堤拱抱樹成章
江漢朝宗會谷王
聖域汪洋千頃闊

皇都密勿半更強
六龍雲靜臨雍渚
萬象星明鼓笥塘
最愛陪鸞瓊苑客
梅簪生實郁生香

PHIÊN ÂM:

XUÂN GIANG DẠ PHIẾM

HỌA LA GIANG BÁ BÙI HOÀNG GIÁP

Thạch đê củng bão thụ thành chương,
Giang Hán triều tông hội cốc vương.
Thánh vực uông dương thiên khoảnh khoát;
Hoàng đô mật vật bán canh cường.
Lục long vân tĩnh lâm Ung chử;
Vạn tượng tinh minh cổ tứ đường.
Tối ái bồi loan Quỳnh uyển khách,
Mai trâm sinh thực úc sinh hương.

DỊCH NGHĨA:

BƠI THUYỀN ĐÊM XUÂN

HOẠ THƠ HOÀNG GIÁP HỌ BÙI, TƯỚC LA GIANG BÁ[1]

Đê đá bao quanh, cây cối như thêu như dệt,
Như sông Giang sông Hán đổ về biển cả.[2]
Cõi thánh mênh mông, ngàn khoảng rộng;
Kinh đô thâm nghiêm đã quá nửa trống canh.
Sáu con rồng mây lặng lẽ kề bến Bích Ung;[3]
Muôn vẻ sao sáng ngời lao xao bên ao trồng trúc.
Khách vườn Quỳnh theo xe loan, thật đáng yêu,[4]
Cài trâm mai trổ quả, toả hương trời sực nức.

CHÚ THÍCH:

1.Bùi Hoàng giáp, tức Bùi Dương Lịch (1757 - 1827) người làng An Toàn huyện La Sơn, Hà Tĩnh, đậu Hoàng giáp năm Chiêu Thống Đinh Mùi (1787), không làm quan cho nhà Tây Sơn, nhưng lại làm quan với Gia Long.

2.Sông Giang, sông Hán, tức sông Trường Giang, Hán Thủy, hai con sông lớn ở Trung Quốc. Đây mượn để tả con sông mà tác giả chơi thuyền.

3.Bích Ung, tên nhà quốc học có từ đời Chu, vì kiểu nhà hình tròn như ngọc bích và xây ở giữa hồ nên ở đây gọi là bến Bích Ung.

Sáu con rồng, chỉ ngôi vua (theo quẻ Kiền, *Kinh Dịch*). Đây ý nói nhà vua luôn quan tâm đến nền học vấn nước nhà.

4.Khách vườn Quỳnh: Lệ xưa, học trò đi thi đậu được nhà vua cho đi xem vườn Quỳnh, trong đó có nhiều thứ hoa đẹp, khách vườn Quỳnh sau dùng để chỉ người đi thi đậu.

Xe loan, xe nhà vua.

36. 答拜喜

君才亦是斐然章
千里隨徵獲見王
胸蘊道明兼誼正
學優財富又兵強
鳳鳴略見敷言劄
駿逸方亨泛駕塘
讓後丕時多我幸
芝蘭冀挹善人香

PHIÊN ÂM:

ĐÁP BÁI HỈ

Quân tài diệc thị phỉ nhiên chương,
Thiên lý tùy trưng hoạch kiến vương.
Hung uẩn đạo minh kiêm nghị chính;
Học ưu tài phú hựu bình cường.
Phượng minh lược kiến phu ngôn đáp;
Tuấn dật phương hanh phiếm giá đường.
Nhượng hậu phi thời đa ngã hạnh,
Chi lan ký ấp thiện nhân hương.

DỊCH NGHĨA:

ĐÁP THƠ CHÚC MỪNG

Tài bác cũng là tài văn chương rực vẻ,
Nên theo lời gọi từ ngàn dặm mà đến gặp vua.
Lòng chứa đạo sáng ngời, kiêm cả chính nghĩa;
Học giỏi giầu sang, lại có binh cường.
Vừa thấy đáp lại lời hỏi han, thì phượng kêu tiếng;
Đường thuận nẻo buông cương, ngựa lại dừng chân.
Sau khi nhường nhịn, phần nhiều gặp may mắn,
Tình chi lan thắt chặt, người hiền tự toả hương.

37. 答記事

化隆虞夏小明章
我后敦儒萬古王
龍鳳附攀時正好
鳶魚飛躍意增強
金聲震徹崇文閣
玉佩和生接武塘
陪蹕同君瞻美富
朝簪多惹禮書香

PHIÊN ÂM:

ĐÁP KÝ SỰ

Hóa long Ngu Hạ tiểu Minh Chương,
Ngã hậu đôn Nho vạn cổ vương.
Long phượng phụ phàn thời chính hảo;
Diên ngư phi dược ý tăng cường.
Kim thanh chấn triệt sùng văn các;
Ngọc bội hoà sinh tiếp võ đường.
Bồi tất đồng quân chiêm mỹ phú,
Triều trâm đa nhạ lễ thư hương.

DỊCH NGHĨA:

ĐÁP BÀI KÝ SỰ

Nền giáo hóa thịnh như đời Ngu Hạ, hơn đời Minh Chương,(1)
Vua ta tôn sùng đạo Nho cũng như các vua xưa.
Vin rồng nép phượng thời vận đương tốt;(2)
Diều bay cá nhảy, chí hướng thêm hăng.(3)
Tiếng vàng vang thấu gác sùng văn;(4)
Ngọc bội hòa vào đường tiếp vũ.(5)
Cùng bác theo hầu xe vua, ngắm vẻ đẹp giầu,
Chiếc trâm chầu đượm nhiều hương thơm thư lễ.

CHÚ THÍCH:

1.Ngu, Hạ, tức Ngu Thuấn và Hạ Vũ, hai triều đại thịnh trị Trung Quốc cổ.

Minh, Chương tức Minh Đế (58 - 75) và Chương Đế (76 - 88), hai vua hiền đời Đông Hán.

2.Vin rồng nép phượng: Rồng, phượng, mỹ từ dùng để chỉ vua chúa. Vin rồng nép phượng, nghĩa nương nhờ vua chúa.

3.Diều bay cá nhảy, ý nói tôi hiền gặp vua sáng thời thịnh trị sẽ thoả sức thi thố thoả chí bay nhảy như diều bay vút trời xanh, như cá nhảy vực sâu.

4.Tiếng vàng, ví bài văn hay.

Gác sùng văn, nơi tàng trữ sách vở.

5.Tiếp vũ: Nối tiếp bước chân. Ý nói nối gót thánh hiền.

38. 答 續 吟

騷壇不數賀知章
刪後同尊天縱王
學到可群還可怨
譬諸同固亦同強
壯君彭泑漢江水
老我傍隨花柳塘
珍重琅函拋白雪
春生瑞蒂幸分香

PHIÊN ÂM:

ĐÁP TỤC NGÂM

Tao đàn bất sổ Hạ Tri Chương,
San hậu đồng tôn thiên túng vương.
Học đáo khả quần hoàn khả oán;
Thí chư đồng cố diệc đồng cường.
Tráng quân bành bái Hán Giang thủy;
Lão ngã bàng tùy hoa liễu đường.
Trân trọng lang hàm phao Bạch Tuyết,
Xuân sinh thụy đế hạnh phân hương.

DỊCH NGHĨA:

ĐÁP BÀI TỤC NGÂM

Trong làng thơ không thèm đếm xỉa đến Hạ Tri Chương,[1]
San định thi thư xong, ai nấy quý vị tố vương trời giáng.[2]
Học đến khi biết hoà hợp, biết ca oán giận;[3]
Ví như cùng vững trãi, cũng cùng mạnh mẽ.[4]
Ông cường tráng dạt dào như nước sông Giang sông Hán;[5]
Ta già nua mà vẫn ven theo đường liễu bờ hoa.
Qúy thay! Hòm ngọc bay ra khúc ca Bạch Tuyết,[6]
Xuân nảy đài hoa đẹp, may được chia mùi hương.

CHÚ THÍCH:

1.Hạ Tri Chương, người đời Đường, quan tới Lễ bộ Thị lang, có tiếng về tài làm thơ, sau bỏ quan đi làm đạo sĩ.

2.Tương truyền, Khổng Tử san định *Kinh Thư,* chép sử nước Lỗ gọi là *Xuân thu.* Nội dung nêu gương người làm việc thiện, chê kẻ làm điều ác, nên đời gọi là tố vương (bậc vương gia không có ngôi vị) do trời giáng sinh.

3.Sách *Luận ngữ,* thiên Dương hóa, dẫn lời Khổng Tử: "...Thi khả dĩ quần, khả dĩ oán"(*Kinh Thi* có thể hòa hợp, có thể biết oán hận).

4.Chưa rõ điển cố.

5.Giang, Hán hai con sông lớn ở Trung Quốc.

6.Khúc ca Bạch Tuyết, một khúc hát có giai điệu cao mà hay, ít người họa theo được. Đây có lẽ dùng để chỉ tài văn thơ hơn người của bạn.

39. 答拜喜

學識多君闇日章
希賢志在道陳王
眞知眞見摧無妄
庸行庸言本自強
晝永清風來几案
夜深明月照池塘
久交益信溫如玉
還有清新自桂香

PHIÊN ÂM:

ĐÁP BÁI HỶ

Học thức đa quân ám nhật chương,
Hy hiền chí tại đạo trần vương.
Chân tri chân kiến suy vô vọng;
Dung hạnh dung ngôn bản tự cường.
Trú vĩnh thanh phong lai kỉ án;
Dạ thâm minh nguyệt chiếu trì đường.
Cửa giao ích tín ôn như ngọc,
Hoàn hữu thanh tân tự quế hương.

DỊCH NGHĨA:

ĐÁP THƠ CHÚC MỪNG

Khen ông học thức kín đáo mà ngày thêm toả sáng,(1)
Mong sánh bậc hiền tài, chí tỏ ở đạo vương.(2)
Biết thực thấy thực, suy ra không có gì càn rỡ;
Nết na, đức hạnh, vốn là người có chí tự cường.
Gió mát suốt ngày thổi tới án sách;
Trăng sáng đêm khuya soi tỏ ao hồ.
Chơi với nhau lâu, càng tin, ôn hoà như ngọc,
Lại còn có vẻ thanh tân, như cây quế tự toả hương.

CHÚ THÍCH:

1.Kín đáo mà ngày càng thêm sáng tỏ (ám nhật chương): Dùng chữ trong sách *Trung dung*: "Quân tử chi đạo ám nhiên nhi nhật chương" (Đạo người quân tử kín đáo mà ngày càng sáng tỏ).

2.Tỏ bày đạo vương, mượn ý của Mạnh Tử khi nói chuyện với vua nào cũng đề cao đạo vương, bác bỏ đạo bá.

40. 答記事

天語新承下總章
作興文治仰君王
漢開預喜儒非振
夏籲堪徵室太強
金馬石渠飛黑霧
珠星壁月照銀塘
與君同際精華會
奎閣朝回滿袖香

PHIÊN ÂM:

ĐÁP KÝ SỰ

Thiên ngữ tân thừa hạ Tổng Chương,
Tác hưng văn trị ngưỡng quân vương.
Hán khai dự hỉ nho phi chấn;
Hạ thược kham trưng thất thái cường.
Kim Mã Thạch Cừ phi hắc vụ;
Châu tinh Bích nguyệt chiếu ngân đường.
Dữ quân đồng tế tinh hoa hội,
Khuê các triều hồi mãn tụ hương.

DỊCH NGHĨA:

ĐÁP BÀI KÝ SỰ

Mới vâng chiếu trời từ nhà Tổng Chương ban xuống,[1]

Gây nền văn trị, việc đó trông nhờ ở vua.
Như đời Hán mở khoa đệ, sớm mừng đạo nho hưng thịnh;(2)
Tựa triều Hạ mời hiền sĩ, nghiệm đúng nhà nước hùng cường.(3)
Cửa Kim Mã, gác Thạch Cừ, bay sạch mây mù đen tối;(4)
Sao Liên Châu, trăng Hợp Bích, soi tỏ ao nước trắng ngần.(5)
Cùng ông, hội tinh hoa, chúng ta cùng gặp,
Đi chầu gác khuê về, tay áo đầy hương thơm.(6)

CHÚ THÍCH:

1.Tổng Chương, tên một ngôi nhà mà thiên tử đời Chu thường đến ở. Đây, dùng để chỉ nhà vua.

2.Đời Hán mở khoa đệ (Hán khai), ý nói nhà Hán mở khoa đệ trước tiên.

3.Triều Hạ mời hiền sĩ (Hạ thược): Theo *Kinh Thư, thiên Chu thư* thì nhà Hạ xưa hùng mạnh cũng do việc mời hiền sĩ.

4.Cửa Kim Mã: Nhà Hán đúc con ngựa đồng, đặt cửa cung Vị Ương, cho nên gọi Kim Mã môn. Hán Vũ Đế sai các quan học sĩ chờ chiếu chỉ ở đây. Kim Mã sau được dùng để chỉ cửa quan.

5.Sao Liên Châu, tức chòm sao Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ nối vòng nhau như chuỗi ngọc châu.

Trăng Hợp Bích: Mặt trời mặt trăng gặp nhau như hai mảnh ngọc bích.

Sao Liên Châu và trăng Hợp Bích dùng để chỉ vận hội tốt lành.

6.Gác Khuê, tức gác Khuê Văn dựng ở trước cửa Văn Miếu.

DỊCH THƠ:

Chiếu ngọc ban ra tự Tổng Chương,
Gây nền văn trị cậy quân vương.
Hán khai khoa đệ, nho hưng thịnh;
Hạ đón hiền tài, nước phú cường.
Gác Thạch, cửa Kim, quang bóng tối;
Sao Châu trăng Bích, tỏ hồ gương.
Cùng ông gặp hội tinh hoa đấy,
Chầu gác Khuê về, áo ngát hương.

Lâm Giang

41. 答續吟

等間繪句與縞章
內聖還須學外王
理籙史山爲道廣

仁干義櫓是儒強
冰乎峭壁朱樵隱
雪月風花蔡呂塘
擇術羨君無待勉
同心相與有言香

PHIÊN ÂM:

ĐÁP TỤC NGÂM

Đẳng nhàn hội cú dữ ly chương,
Nội thánh hoàn tu học ngoại vương.
Lý tẩu sử sơn vi đạo quảng;
Nhân can nghĩa lỗ thị nho cường.
Băng hồ tiêu bích Chu Tiều Ẩn;
Tuyết nguyệt phong hoa Thái Lã Đường.
Trạch thuật tiển quân vô đãi miễn,
Đồng tâm tương dữ hữu ngôn hương.

DỊCH NGHĨA:

ĐÁP BÀI TỤC NGÂM

Bỏ qua những việc thêu dệt câu văn, lời thơ,
Hãy nên gắng học để trong thành bậc thánh, ngoài giúp vua.
Lý đầm sử núi, làm thành đạo rộng,[1]
Nhân khiên nghĩa mộc, là đạo nho cường.[2]
Bầu băng vách đứng sánh cùng Chu Tiều Ẩn;[3]
Tuyết nguyệt phong hoa kém chi Thái Lã Đường.[4]
Khen ông chọn thuật không đợi phải có người khuyến khích,
Cùng đồng lòng thì lời nói thơm tho.

CHÚ THÍCH:

1.Lý đầm sử núi (lý tẩu sử sơn): Chỉ sự lớn lao của đạo lý và sử sách.

2.Nhân khiên nghĩa mộc (nhân can nghĩa lỗ): Chỉ tác dụng của nhân nghĩa thật lớn lao.

3.Chu Tiều ẩn, tức Chu Văn An, bậc đại nho nổi tiếng đời Trần Minh Tông.

Bầu băng vách đứng (băng hồ tiêu bích) chỉ phẩm chất cao khiết, tiết tháo cứng cỏi.

4.Thái Lã Đường, tức Thái Thuận, là Tao Đàn sái phu đời Lê Hồng Đức.

DỊCH THƠ:

Văn thơ phú lục, ngại tầm chương,
Nên gắng học hành giúp thánh vương.
Sử núi lý đầm, nên đạo cả;
Nhân khiên nghĩa mộc, đạo nho cường.
Bầu băng vách đứng ngang Tiểu Ẩn;
Tuyết nguyệt phong hoa tựa Lã Đường.
Chọn thuật khen ông người có chí,
Đồng lòng lời nói cũng đưa hương.

Lâm Giang

42. 答思容海口之作

宿海誰移到軫墟
湖山趣致雜村閭
皇陳公主寒煙塔
伯宋勳臣蠹簡書
離合計三千里內
是非描五百年餘
塵機爭似風光好
妙意難言草與魚

PHIÊN ÂM:

ĐÁP TƯ DUNG HẢI KHẨU CHI TÁC

Tú hải thùy di đáo Chẩn khư,
Hồ sơn thú trí tạp thôn lư.
Hoàng Trần công chúa hàn yên tháp;
Bá Tống huân thần đố giản thư.
Ly hợp kế tam thiên lí nội;
Thị phi miêu ngũ bách niên dư.

Trần cơ tranh tự phong quang hảo,
Diệu ý nan ngôn thảo dữ ngư.

DỊCH NGHĨA:

ĐÁP BÀI CỬA BỂ TƯ DUNG[1]

Ai đưa bể Tú đến vùng sao Chẩn,[2]
Cảnh đẹp non hồ xen với làng quê.
Công chúa nhà Trần, lạnh lùng tháp khói;[3]
Huân thần Bá Tống, mục nát giấy tờ.[A]
Kể bước ly hợp trong ba ngàn dặm;[4]
Tả chuyện phải trái hơn năm trăm năm.[5]
Phong quang đẹp như ganh với trần thế,
Cỏ và cá khó nói được ý huyền diệu này.[6]

NGUYÊN CHÚ:

A.Công thần của nhà Nguyễn cũ (chỉ chúa Nguyễn) là Lộc Khê hầu (tức Đào Duy Từ), người Từ Liêm theo chúa Hiền vào Nam, làm ký lục dưới cờ. Khi chúa Hiền xem cửa bể Tư Dung, Lộc Khê làm bài từ tả phong cảnh Tư Dung bằng quốc âm (tức bài *Tư Dung vãn*); chúa thấy cho là lạ, bèn trọng dụng Lộc Khê hầu. Lộc Khê hầu nhân đó hiến sách đắp lũy Thầy để chống lại Bắc Hà (chỉ chúa Trịnh), lại có tiến cử thủ hạ của mình là Thuận Nghĩa và Chiêu Vũ làm nanh vuốt cho chúa. Khi chúa lấy Nghệ An giành lại được 7 huyện của Nam Hà, thì Lộc Khê hầu bày mưu trong màn trướng. Chiêu Vũ cũng nhiều lần lập chiến công. Nam Hà suy tôn ông là bậc danh thần. Trước có miếu thờ tại bến sông Vũ Xá, nay phế bỏ. (Tại sao Đào Duy Từ lại gọi là Bá Tống chưa rõ. Phải chăng là Tống Hữu Đại (theo *Đại Việt sử ký tiền biên)* mà người chú đã chú lầm?).

Thuận Nghĩa hầu tức Nguyễn Hữu Tiến; Chiêu Vũ hầu tức Nguyễn Hữu Dật.

CHÚ THÍCH:

1.Cửa Tư Dung, nay là cửa Tư Hiền thuộc huyện Phú Lộc tỉnh Thừa Thiên Huế.

2.Bể Tú, hay bể tinh tú (biển sao). Theo *Nguyên sử:* Thế tổ sai đi tìm nguồn sông Hoàng Hà. Đỗ Thực thưa: Hoàng Hà phát nguyên từ bể tinh tú, ở phía tây rợ Thổ Phồn, nơi đó có suối rộng và hơn trăm chiếc vụng, lên cao mà trông thấy giống như các vì sao.

Sao Chẩn là một trong hai mươi tám vì sao chính. Tương truyền sao Dực và sao Chẩn thuộc về tinh phận (vòm trời) nước Việt Nam ta.

3.Công chúa nhà Trần, tức Huyền Trân công chúa, con gái thượng hoàng Trần Nhân Tông, gả cho vua Chiêm Thành là Chế Mân vào tháng sáu năm Hưng Long Bính ngọ (1306).

4.Ly hợp là nói việc xuất giá của công chúa. Ba ngàn dặm là kể đường đất từ Thăng Long đến kinh đô Chiêm Thành, nơi Chế Mân ở.

5.Hơn trăm năm là ước số tính từ năm công chúa Huyền Trân xuất giá tới khi tác giả làm bài thơ này.

6.Cỏ và cá (thảo dữ ngư), hai từ thường dùng cho câu đối cổ tả trong tiết xuân để chỉ cuộc sống thanh nhã phong lưu.

43. 答登龜山之作

不是浮來出洛神
形由天設喝由人
關欄水口龍同幹
鎮靜坤輗馬作賓
往事無窮碑剝石
靈機多得草生春
笑予老腳登臨懶
倩得高朋點掇新

PHIÊN ÂM:

ĐÁP ĐĂNG QUY SƠN CHI TÁC

Bất thị phù lai xuất Lạc thần,
Hình do thiên thiết hát do nhân.
Quan lan thủy khẩu long đồng cán;
Trấn tĩnh khôn nghê mã tác tân.
Vãng sự vô cùng bi tỏa thạch;
Linh cơ đa đắc thảo sinh xuân.
Tiếu dư lão cước đăng lâm lãn,
Thiến đắc cao bằng điểm xuyết tân.

DỊCH NGHĨA:

ĐÁP LẠI BÀI LÊN NÚI RÙA[1]

Không phải rùa thần trôi ra từ sông Lạc,[2]
Hình thế do trời đặt, tên gọi do người.
Ngăn chắn cửa sông, được rồng chung sức;[3]
Trấn yên cõi đất, có ngựa làm khách.[4]
Việc cũ vô cùng, bia khắc trên đá;
Được nhiều khí thiêng, cỏ nảy sức xuân.
Cười ta tuổi già chân yếu, lười trèo lên trụt xuống,
Đã có người bạn kẻng trai lên đỉnh cao, điểm xuyết mới. [A]

NGUYÊN CHÚ:

A.Ta hầu ở thuyền vua, La Giang bá theo quan Thái giám lệnh là Lương Thiện hầu lên núi Rùa xem hình thế.

CHÚ THÍCH:

1.Núi Rùa, một ngọn núi thuộc địa phận tỉnh Thừa Thiên - Huế, còn có tên là núi Linh Thái và Hãn Môn.

2.Theo truyền thuyết Trung Quốc: Đại Vũ giúp vua Thuấn trị thủy, khi công việc thành công, có con rùa thần đội bức thư nổi lên từ sông Lạc (gọi là Lạc thư).

3;4.Rồng và ngựa tức long mã. Theo truyền thuyết Trung Quốc khi Phục Hi trị thiên hạ, có con long mã đội bức đồ ra từ sông Mạnh Hà. Cả hai điển "Thần quy Lạc thư" và "Long mã Hà đồ," Chu tử đều có dẫn vào đầu sách *Kinh Dịch*. Ở đây vịnh cảnh núi rùa nên tác giả đem long mã sánh với rùa cho có bạn.

44. 遺吏侍海派段侯義澤汝侯戲作閨怨

自華軺展覲，妻等空房獨守，情思悄然，只得將兩家兒子，合同咕嗶，以消閒悶，才聞：

自伯之東
首如飛蓬
豈無膏沐
誰適爲容之句。

不禁愁絶，因共聯詠唐律一章，憑鴻便寄玉京旅阺，蓋有雄鳴雌和，今想雌鳴雄和，不妨。希惟早賜回音，千里猶如面也。

夢魂飛不到橫山
注望蟾圓瑩玉盤
金馬已迎南日到
土牛難送北風寒
香奩誤嫁文章士
冷閣羞妝粉黛顏
聞道驩州多秀麗
旅衿痴想未應單

PHIÊN ÂM

DI LẠI THỊ HẢI PHÁI ĐOÀN HẦU NGHĨA TRẠCH NHỮ HẦU HÝ TÁC KHUÊ OÁN

Tự hoa diêu triển cận, thê đẳng không phòng độc thủ, tình ân thiều nhiên, chỉ đắc tương lưỡng gia nhi tử, hợp đồng thiếp tất, dĩ tiêu nhàn muộn, tài văn:

Tự bá chi đông,
Thủ như phi bồng.
Khải vô cao mộc,
Thuỳ thích vi dung chi cú.

Bất cấm sầu tuyệt, nhân cộng liên vịnh Đường luật nhất chương, bằng hồng tiện ký ngọc kinh lữ để, cái hữu hùng minh thư hoạ, kim tưởng thư minh hùng hoạ, bất phương. Hy duy tảo tứ hồi âm, thiên lý do như diện dã.

Mộng hồn phi bất đáo Hoành San,
Chú vọng thiềm viên oánh ngọc bàn.
Kim Mã dĩ nghinh nam nhật đáo;

Thổ ngưu nan tống bắc phong hàn.
Hương liêm ngộ giá văn chương sĩ,
Lãnh các tu trang phấn đại nhan.
Văn đạo Hoan Châu đa tú lệ,
Lữ khâm si tưởng vị ưng đan.

DỊCH NGHĨA:

LÀM ĐÙA GỬI THỊ LANG BỘ LẠI HẢI PHÁI HẦU HỌ ĐOÀN, NGHĨA TRẠCH HẦU HỌ NHỮ, OÁN THÁN CHỐN KHUÊ PHÒNG[1]

Từ khi xe hoa đi chầu, lũ thiếp tôi phòng không cô quạnh, trong lòng thương nhớ buồn rầu, đành đem lũ trẻ hai nhà tụ họp lại, cùng ê a học hành để tiêu khiển nỗi buồn nhàn rỗi, chợt nghe câu:

Từ ngày chàng trảy sang đông,
Đầu em như thể cỏ bồng gió bay.
Nào không dầu gội cho hay,
Nhưng vì ai đó để gái này vuốt ve.[2]

Nghe xong, bất giác buồn rầu khôn xiết, nhân đó cùng nhau liên vịnh một chương Đường luật, nhờ cánh hồng thuận tiện gửi tới quán trọ ở Ngọc Kinh. Đáng lẽ ra trống gáy thì mái họa, song nay mái gáy mà trống họa, tưởng cũng không sao. Dám mong sớm được trả lời, xa ngàn dặm mà như được giáp mặt.

Hồn mơ không bay tới được Hoành Sơn,[3]
Chỉ biết ngắm cung thiềm tròn sáng như mâm ngọc.[4]
Cửa Kim Mã đã đón mặt trời phương nam đến;[5]
Con trâu đất khó tống tiễn gió bấc lạnh lùng đi.[6]
Hộp thơm kết duyên lầm cùng khách văn chương;[7]
Gác lạnh thẹn điểm trang cho bộ mặt son phấn.
Nghe nói Châu Hoan có nhiều người xinh đẹp,[8]
Nghĩ vơ vẩn rằng, chiếc chăn ở quán trọ chưa hẳn đã lẻ loi!

CHÚ THÍCH:

1.Hải Phái hầu, tức Đoàn Nguyễn Tuấn, người làng Hải An, huyện Quỳnh Côi, trấn Sơn Nam hạ (nay thuộc tỉnh Thái Bình), đậu Hoàng giáp triều Lê. Sau ra làm quan với triều Tây Sơn tới chức Lại bộ tả thị lang, tước hầu.

Nghĩa Trạch hầu họ Nhữ: tức Nhữ Công Điển, đỗ Hoàng giáp năm Nhâm Thìn (1772), quê làng Hoạch Trạch, huyện Đường An (nay Hải Dương). Sau ra với nhà Tây Sơn, không rõ làm quan tới chức gì và cũng được phong tước hầu.

2.Hoành Sơn, nay gọi là đèo Ngang, ranh giới giữa tỉnh Hà Tĩnh và Quảng Bình

3.Đây là mấy câu thơ trong thơ *Thiệu nam, Kinh Thi*. Thơ nói về tâm trạng người đàn bà phải xa chồng.

4.Cung thiềm, tức cung trăng.

5.Cửa Kim mã, chỉ nơi làm quan.

6.Con trâu đất, theo *Tuế thời ký*, hàng năm cứ sau tiết đông chí, quan Khâm thiên giám nhào đất nặn tượng một ông lão chăn một con trâu. Thiên *Nguyệt lệnh, Kinh Lễ* chép: Tháng quý đông (tháng mười một) đem con trâu đất ra để tiễn khí lạnh.

7.Hộp thơm: Chỉ người thiếu phụ xa chồng.

8.Châu Hoan, nay thuộc tỉnh Nghệ An.

45. 閨情二首

其一

聞道承恩跨疊山
柏梁宮裡捧仙盤
春深未許青峰老
秋皓應憐碧水寒
與子共栽千歲樹
何人常住少年顏
西南貞馬宜無病
莫套貞男說枕單

PHIÊN ÂM:

KHUÊ TÌNH NHỊ THỦ
KỲ NHẤT

Văn đạo thừa ân khoá Điệp sơn,
Bách Lương cung lý phủng tiên bàn.
Xuân thâm vị hứa thanh phong lão;

Thu hạo ưng lân bích thủy hàn.
Dữ tử công tài thiên tuế thụ;
Hà nhân thường trú thiếu niên nhan.
Tây nam trinh mã nghi vô bệnh,
Mạc tháo trinh nam thuyết chẩm đan.

DỊCH NGHĨA:

TÌNH KHUÊ PHÒNG HAI BÀI

BÀI 1

Nghe nói [chàng] chịu ơn vua mà vượt núi Tam Điệp,(1)
Bưng chiếc mâm tiên trong cung Bách Lương.(2)
Tiết xuân thắm nồng chưa cho non xanh già cỗi;
Mầu thu trong sáng nên thương nước biếc lạnh lùng.
Cùng chàng trồng chung một cây thiên tuế,
Nào ai giữ mãi được vẻ trẻ trung.
Con trinh mã ở phương tây nam chắc vô bệnh,
Chớ lung lạc kẻ trinh nam rằng phải gối chiếc đơn côi.

CHÚ THÍCH:

1.Tam Điệp: Nguyên bản chép là 品山 nghi là 疊山 tức núi Tam Điệp, nơi Ngô Thì Nhậm từng hiến kế rút quân về đây lập phòng tuyến đợi đại quân của Quang Trung ra, tập trung thần tốc đánh tan 20 vạn quân Thanh ở Thăng Long (1789). Đây có ý nói, vì việc nước mà vượt qua núi Tam Điệp để vào Phú Xuân.

2.Cung Bách Lương, đây chỉ đài Bách Lương, do Hán Vũ Đế lập. Trên đài có một vị tiên tay bưng mâm ngọc để hứng móc ngọt chế thuốc trường sinh. Trong bài, mượn để chỉ công việc trong cung vua.

46. 其二

開春接到鴈書，懷我好音，實深喜慰。近在京中無事，酬奉之暇日，與海唐二仙，談玄說理。仙家甚有興致，時使青衣童子送我蟠桃。

音信遠聞渠等錯認:是夏衫新裂來詩尾聯似出妒婦之口，然而閨中常態，我亦不渠苛也。惟是情之所鍾，亦不爲青衣消譴。因賦詩懷答復，預先報喜，且慰渠等遐思。宜各譜諸笙弦，須我回期歌侑可也。

鶴悵休須怨北山
至人來往蟻磨盤
曾簪螭筆朝清暑
好整霓衣候廣寒
繡褓吉占增喜色
錦堂勝會更怡顏
春來北向傳來信
何必金錢問索單

PHIÊN ÂM:

KỲ NHỊ

Khai xuân tiếp đáo nhạn thư, hoài ngã hảo âm, thực thâm hỷ uý. Cận tại kinh trung vô sự, thù phụng chi hà nhật, dữ Hải Đường nhị tiên, đàm huyền thuyết lý. Tiên gia thậm hữu hưng trí, thời sử thanh y đồng tử tống ngã bàn đào.

Âm tín viễn văn cừ đẳng thố nhận: Thị hạ sam tân liệt lai thi vĩ liên tự xuất đố phụ chi khẩu, nhiên nhi khuê trung thường thái, ngã diệc bất cừ hà dã. Duy thị tình chi sở chung, diệc bất vi thanh y tiêu khiển. Nhân phú thi hoài đáp phục, dự tiên báo hỷ, thả uý cừ đẳng hà tư. Nghi các phổ chư sinh huyền, tu ngã hồi kỳ ca hựu khử dã.

Hạc trướng hưu tu oán Bắc sơn,
Chí nhân lai vãng nghị ma bàn.
Tằng trâm ly bút triều Thanh Thử;
Hảo chỉnh nghê y hậu Quảng Hàn.
Tú bảo cát chiêm tăng hỉ sắc;
Cẩm đường thắng hội cánh di nhan.

Xuân lai Bắc hướng truyền lai tín,
Hà tất Kim tiền vấn sách đan.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 2

Xuân sang, nhận được thư nhạn gửi tới, mong ta có tin lành thì thật mừng rỡ. Gần đây, trong kinh vô sự, lúc nhàn rỗi thù tiếp thường cùng hai bạn tiên Hải và Đường đàm luận về lẽ huyền vi, giảng giải về các đạo lý. Nhà tiên rất có hứng nhàn dật, thường sai lũ trẻ áo xanh đem tặng ta qủa bàn đào.(1)

Tin đồn xa khiến bọn ai tưởng lầm: Trong bài thơ "áo mùa hạ mới may" vừa gửi tới ấy, hai câu cuối tựa như thốt ra từ miệng kẻ đàn bà cả ghen, nhưng đó là thói thường trong chốn buồng the, ta cũng chẳng trách gì ai. Cái đó là tình cảm chung đúc nên, không thể làm trò tiêu khiển của bọn áo xanh được. Nhân có bài thơ bầy tỏ lòng mình để đáp lại và báo trước tin mừng, hơn nữa để giúp bọn ai khuây khỏa những điều suy nghĩ xa xôi. Nên phổ vào nhịp sáo cung đàn, để đợi khi ta trở về ca hát giúp vui. Thế là được.

Người trong trướng hạc chớ nên oán hận kẻ nơi non Bắc,(2)
Bậc chí nhân đi về như kiến bò quanh mâm.
[Ta] gài bút trên đầu ly, chầu ở đài Thanh Thử;(3)
[Nàng] sửa áo nghê cho đẹp, đợi ở cung Quảng Hàn.(4)
Bói được điềm lành, chiếc địu thêu tăng sắc đẹp;(5)
Hội họp tưng bừng nơi nhà gấm, tỏ mặt mừng vui.(6)
Xuân tới, hướng về Bắc truyền tin lành tới,
Cần gì phải gieo Kim tiền hỏi nỗi đơn côi.(7)

CHÚ THÍCH:

1.Hải và Đường, tức hai ông Đoàn Nguyễn Tuấn quê làng Hải An và Nhữ Công Điển quê ở Đường An. Chắc hai ông hay đùa cợt thường sai nữ tỳ đến trêu Ngô Thì Nhậm. Vì tác giả gọi đùa hai ông là tiên, nên đã dùng nhiều từ ngữ có xuất xứ từ trong các truyện thần tiên (*Hán Vũ cố sự, Bạch Lục thiếp*...) làm các ẩn ngữ, như dùng từ "bọn trẻ áo xanh" (thanh y đồng tử) để chỉ nữ tỳ và dùng từ "tặng quả bàn đào" (tống bàn đào) để chỉ việc nữ tỳ trêu Ngô Thì Nhậm.

Áo xanh: Ngày xưa tỳ thiếp đồng bộc thường mặc áo xanh.

2.Trướng hạc: Chiếc màn thêu chim hạc ở nơi khuê phòng. Non Bắc (Bắc sơn), tên một bài thơ trong *Tiểu nhã, Kinh Thi*, nói về công việc vất vả và nỗi lo lắng cho quê nhà của người đi làm quan xa.

3.Gài bút bên đầu ly: Ly thuộc loài rồng sắc xanh. Theo *Đường thư,* các quan tả hữu sử dắt bút đứng dưới đầu con ly đá để ghi chép công việc tấu đối của quan Tể tướng. Đây chỉ cộng việc của sử quan.

Thanh thử, nơi hóng mát. Đây chỉ nơi làm việc ở triều đình.

4.Cung Quảng hàn, tức cung trăng. Đây chỉ nơi khuê phòng.

5.Địu thêu, dùng để địu trẻ nhỏ.

6.Nhà gấm, nơi ở của các quan chức đã hưu trrí.

7.Kim tiền, một phép bói ngày xưa.

47. 答吏侍海派團二首

詩以睢芑見情，易以恒益起意。蓋一陰一陽之詩道，道者根乎天理，而本人情。故凡情詩之所發，或男女之相悅，夫婦之相懷。非謂道以所存，不可以言道也。引而伸之，觸類而長之，事之物之，莫不有個道理。我所悅在廊廟，是我與廊廟有男女之情；我所悅在田園，是我與田園有夫婦之情。顧在所悅所懷之在乎時義？行則爲聖之任；止則爲聖之清。吾曹非聖人之徒而誰歟？

佳作二章前是怨而不失其和，後是思而不失其正。夫！人但患不能怨思！苟怨而和，思而正以求合於時中，子不云乎？知至之云可與幾也。知終終之，可與存義也。至之與終，道在矣。知乎此者，有生知學知困知之別。吾曹猶可學而教。得君詩有所觸發，肅賦二章奉復。蓋曰不敢學夫知，或少資麗澤之益云爾！

其一

行行又止是登山

底意從容罩在盤

鴈去不聞潭有影

泉溫多見火無寒

隕中芒正群星色

鍊後金成百歲顏

魏闕江湖隨處好

一琴一鶴不成單

PHIÊN ÂM:

ĐÁP LẠI THỊ HẢI PHÁI ĐOÀN HẦU NHỊ THỦ

Thi dĩ Thư Dĩ kiến tình, Dịch dĩ Hằng Ích khởi ý. Cái nhất âm nhất dương chi thi đạo, đạo giả căn hồ thiên lý, nhi bản nhân tình. Cố phàm tình thi chi sở phát, hoặc nam nữ chi tương duyệt, phu phụ chi tương hoài. Phi vị đạo dĩ sở tồn, bất khả dĩ ngôn đạo dã. Dẫn nhi thân chi, xúc loại nhi trưởng chi, sự chi vật chi, mạc bất hữu cá đạo lý. Ngã sở duyệt tại lang miếu, thị ngã dữ lang miếu hữu nam nữ chi tình; ngã sở duyệt tại điền viên, thị ngã dữ điền viên hữu phu phụ chi tình. Cố tại sở duyệt sở hoài chi tại hồ thời nghĩa? Hành tắc vi thánh chi nhậm; chỉ tắc vi thánh chi thanh. Ngô tào phi thánh nhân chi đồ nhi thuỳ dư?

Giai tác nhị chương tiền thị oán nhi bất thất kỳ hoà, hậu thị tư nhi bất thất kỳ chính. Phù! Nhân đãn hoạn bất năng oán tư! Cẩu oán nhi hoà, tư nhi chính dĩ cầu hợp ư thời trung, Tử bất vân hồ? Tri chí chi vân khả dữ kỷ dã. Tri chung chung chi, khả dữ tồn nghĩa dã. Chí chi dữ chung, đạo tại thị hỹ. Tri hồ thử giả, hữu sinh tri học tri khốn tri chi biệt. Ngô tào do khả học nhi giáo. Đắc quân thi hữu sở xúc phát, túc phú nhị chương phụng phục. Cái viết bất cảm học phu tri, hoặc thiếu tư lệ đàm chi ích vân nhĩ!

KỲ NHẤT

Hành hành hựu chỉ thị đăng sơn,

Để ý thung dung trạo tại bàn.
Nhạn khứ bất văn đàm hữu ảnh;
Tuyền ôn đa kiến hoả vô hàn.
Vẫn trung mang chính quần tinh sắc;
Luyện hậu kim thành bách tuế nhan.
Nguỵ khuyết giang hồ tùy xứ hảo,
Nhất cầm nhất hạc bất thành đan.

DỊCH NGHĨA:

ĐÁP QUAN THỊ LANG BỘ LẠI HẢI PHÁI HẦU HỌ ĐOÀN[1] HAI BÀI

Kinh Thi dùng thơ *Quan Thư, Phầu Dĩ* để tỏ tình,[2] *Kinh Dịch* lấy quẻ *Hằng* quẻ *Ích* mà gợi ý.[3]Vì rằng một âm một dương gọi là đạo, đạo có cội rễ từ lẽ trời, có nguồn gốc từ tình người. Cho nên phàm là thơ tình thì hoặc là nói về chuyện trai gái yêu nhau, hoặc là chuyện vợ chồng nhớ nhau. Chớ bảo rằng trong đó không có đạo thì không thể nói chuyện về đạo được. Từ đó mà suy rộng ra chẳng có sự vật nào là không có đạo lý. Khi ta yêu nơi lang miếu thì ta với lang miếu có tình trai gái; khi ta nhớ cảnh điền viên thì ta với cảnh điền viên có tình vợ chồng. Nhưng cần phải xem xét sự yêu sự nhớ có hợp với nghĩa tùy thời không? Làm, về trách nhiệm thì là bậc thánh như ông Y Doãn;[4] nghỉ, về sự trong sạch thì là bậc thánh như ông Bá Di.[5] Chúng ta không phải là học trò của bậc thánh nhân thì còn ai nữa?

Hai bài thơ hay, bài trước oán mà không mất "hoà," bài sau nhớ mà không mất "chính." Ôi! Người ta chỉ lo không biết oán và nhớ mà thôi! Nếu như oán mà hòa, nhớ mà chính cốt sao cho hợp với lẽ thời trung, như vậy thì Khổng Tử chẳng đã nói rồi đó sao? Biết cho đến nơi làm cho đến chốn, có thể cùng dự việc cơ màu vậy. Biết trọn vẹn làm cho trọn vẹn, có thể cũng dự vào việc nghĩa vậy. Làm đến nơi và làm cho trọn vẹn, đạo chính là ở đấy. Biết được điều ấy cũng có sự khác nhau, có bậc sinh ra đã biết, có người học rồi mới biết, có kẻ khó khăn lắm mới biết. Bọn ta do đó có thể học mà nên. Được thơ bác khêu gợi, xin kính làm hai bài phụng đáp. Số là không dám tự coi là kẻ không học mà biết, mà chỉ mong may ra giúp ích được phần nào trong tình nghĩa bầu bạn mà thôi!

BÀI 1

Đi đi rồi lại dừng, đó là việc leo núi,

Ý ấy thảnh thơi như chụp lồng bàn trên mâm.
Không nghe nói nhạn bay đi rồi mà đầm vẫn in bóng;
Từng thấy có suối nước nóng, vì có lửa nên không lạnh.
Tia sáng trong lúc sao sa mới chính là mầu sắc vì sao;
Vàng sau khi đã luyện xong mới nên vẻ vàng trăm tuổi.
Ở cửa khuyết hay nơi sông hồ đâu đâu cũng đẹp
Một đàn một hạc chẳng phải cô đơn.(6)

CHÚ THÍCH:

1.Hải Phái Đoàn, tức Đoàn Nguyễn Tuấn, người làng Hải An, huyện Quỳnh Côi, trấn Nam Sơn (nay thuộc Thái Bình), đỗ Hương cống triều Lê, sau ra làm quan cho triều Tây Sơn, đến chức Hàn lâm học sĩ. Sau khi đi sứ về, ông được thăng Tả thị lang bộ lại tước Hải phái hầu.

2.Quan Thư và Phầu Dĩ là hai bài thơ trong *Kinh Thi*. Bài *Quan Thư* nói về đức độ của bà Hậu phi, là chỗ bắt đầu trong công cuộc giáo hóa của thiên tử. Thiên tử dựa vào đó mà giáo hóa thiên hạ, chấn chỉnh đạo vợ chồng (theo *Thi tự).*

Bài Phầu Dĩ là bài tả cảnh lao động của các cô gái đi hái Phầu Dĩ (còn gọi là cây xa tiền). Nhưng người xưa cho rằng, bài này nói về sự tốt đẹp của hậu phi, ca ngợi chính giáo tốt đẹp, thiên hạ thịnh trị, khiến cho những người làm vợ đều muốn sinh con đẻ cái (theo *Thi tự).* Trong bài, tác giả cũng theo quan điểm truyền thống xưa.

3.Quẻ Hằng, quẻ Ích là hai quẻ trong *Kinh Dịch*. Tượng của quẻ Hằng là Tốn ở dưới, Chấn ở trên, tượng của quẻ Ích là chấn ở dưới, Tốn ở trên, hai quẻ phản tượng nhau. Cả sáu hào cứ Hằng là hào âm, Ích lại là hào dương. Tác giả dùng câu "một âm một dương gọi là đạo" lấy ở hệ từ hai quẻ này.

4.Y Doãn, Tể tướng giỏi nhà Thương, giúp nhà Thương đánh Kiệt, được vua Thang tôn làm A hành.

5.Bá Di, ẩn sĩ, nổi tiếng về lòng trung thành đời Ân.

6.Một đàn một hạc: Triệu Biên đời Tống đi làm quan ở đất Thục, chỉ đem theo bên mình một cây đàn, một con hạc. Sau "đàn hạc" được dùng để chỉ người đi làm quan phương xa giản dị.

48. 其二

青囊何日括青山
杖屨歸來扣地盤
瑤草茂時無盡意

瓊樓高處不勝寒
靈倣爲物難藏角
方杜於人每厚顏
久愛竹林禪趣樂
紫袍未許皂衫單

PHIÊN ÂM:

KỲ NHỊ

Thanh nang hà nhật quát thanh san,
Trượng lũ quy lai khấu địa bàn.
Dao thảo mậu thời vô tận ý;
Quỳnh lâu cao xứ bất thăng hàn.
Linh thê vi vật nan tàng giốc;
Phương đỗ ư nhân mỗi hậu nhan.
Cửu ái trúc lâm thiền thú lạc,
Tử bào vị hứa tạo sam đan.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 2

Chiếc túi xanh ngày nào mới thâu tóm được cả non xanh?(1)
Để chống gậy đi dép trở về gõ chiếc địa bàn.(2)
Khi cỏ dao tươi tốt là ý nghĩa khôn cùng;
Chốn lầu quỳnh cao ngất thì khí lạnh khôn xiết.
Linh thê là con vật khó giấu nổi sừng;(3)
Phượng đỗ là cây đối với người thường không biết thẹn.(4)
Từ lâu đã vui thú cảnh nhà chùa nơi rừng trúc,
Nhưng chiếc áo bào tía chưa để cho áo thâm cô đơn.(5)

CHÚ THÍCH:

1.Chiếc túi xanh, có lẽ là túi đựng ấn, ở đây dùng để chỉ người làm quan.

2.Địa bàn, dụng cụ để chỉ phương hướng của người làm nghề xem đất xưa.

3.Linh thê, tương truyền là con vật có sừng mọc ở trước trán lâu ngày thành ngọc, cứ đêm thì rực sáng, đi đâu cũng không thể giấu được.

4.Phượng đỗ?

5.Áo bào tía, phẩm phục của quan lại.

Áo thâm, thường phục của nhà chùa.

49. 又答二首

我與君少時並以貴遊，秉禮有聞於國。我早登官版，中間備歷坎坷，湖海留身，再見天日。今扶搖倦翼，竊盼還山。君奉簡知，被徵入覲，天王之所眷注，僚友之所期望。平生蘊畜，施展正在今日。雖進取之念，衰年無所夢想，但化工陶鑄，盛晚乘除，春梅夏蓮，秋菊冬松，氣幾遞有後先。要之祥品靈根，亦須一番出色。張子曰:存吾順事，事者也，順其所賦命之事，君子樂天安命，何容心焉？

我初非老釋之徒，但酬世既深，不覺有退步之想。行止久速，亦惟求其義之當而已。近日旅中情況，所以觸詠相消遣。至於麗澤之益，其究同歸於道。謹依前韻奉復，所謂在心爲志，發言爲詩。心中事與知心人言爾。

其一

剝渙參差老嫩山
撫饒進退看星盤
雪梅恰好敷春煖
霜柏偏宜保歲寒
早達我思還末路
晚成君可駐衰顏
衡陽幸浮先回鴈
留待兼謨豈欠單

PHIÊN ÂM:

HỰU ĐÁP NHỊ THỦ

Ngã dữ quân thiếu thời tịnh dĩ quý du, bỉnh lễ hữu văn ư quốc. Ngã tảo đăng quan bản, trung gian bị lịch khảm kha, hồ hải lưu thân, tái kiến thiên nhật. Kim phù dao quyện dực, thiết phán hoàn sơn. Quân phụng giản tri, bị trưng nhập cận, thiên vương chi sở quyến chú, liêu hữu chi sở kỳ vọng. Bình sinh uẩn xúc, thi triển chính tại kim nhật. Tuy tiến thủ chi niệm, suy niên vô sở mộng tưởng, đãn hoá công đào chú, thịnh vãn thừa trừ, xuân mai hạ liên, thu cúc đông tùng, khí cơ đệ hữu hậu tiên. Yếu chi tường phẩm linh căn, diệc tu nhất phiên xuất sắc. Trương Tử viết: Tồn ngô thuận sự, sự giả dã, thuận kỳ sở phú mệnh chi sự, quân tử lạc thiên an mệnh, hà dung tâm yên?

Ngã sơ phi Lão Thích chi đồ, đãn thù thế ký thâm, bất giác hữu thoái bộ chi tưởng. Hành chỉ cửu tốc, diệc duy cầu kỳ nghĩa chi đương nhi dĩ. Cận nhật lữ trung tình huống, sở dĩ xúc vịnh tương tiêu khiển. Chí ư Lệ Trạch chi ích, kỳ cứu đồng quy ư đạo. Cẩn y tiền vận phụng phục, sở vị tại tâm vi chí, phát ngôn vi thi. Tâm trung sự dữ tri tâm nhân ngôn nhĩ.

KỲ NHẤT

Bác Hoán sâm si lão nộn san,
Phủ nhiêu tiến thoái khán Tinh bàn.
Tuyết mai hợp hảo phu xuân noãn;
Sương bách thiên nghi bảo tuế hàn.
Tảo đạt ngã tư hoàn mạt lộ;
Vãn thành quân khả trú suy nhan.
Hành Dương hạnh đắc tiên hồi nhạn,
Lưu đãi Kiêm Mô khởi khiếm đan.

DỊCH NGHĨA:

LẠI ĐÁP HAI BÀI

Ông và tôi khi nhỏ đều do chỗ quý phái mà chơi với nhau, giữ lễ độ có tiếng trong nước. Tôi ra làm quan sớm, giữa chừng gặp đủ bước gập ghềnh, đặt mình nơi hồ biển, rồi lại được thấy mặt trời. Nay bay nhảy đã mỏi cánh, trộm nhìn núi muốn trở về. Ông thì mới được nhà vua lựa lọc biết tới, được mời vào chầu, nào nhà vua chú ý, nào bầu bạn mong chờ. Những điều tích lũy ngày thường chính phải đem thi thố vào lúc này. Dẫu

ý nghĩ về bước tiến thủ lúc tuổi già không hề mơ mộng tới, song thợ trời nặn đúc, thịnh suy thêm bớt: Mai mùa xuân, sen mùa hạ, cúc mùa thu, tùng mùa đông, bộ máy thời tiết xoay vần lần lượt có trước có sau. Tóm lại phẩm vật lạ, gốc rễ qúy cũng phải một lần nổi bật mầu sắc. Trương Tử nói: "Khi còn sống, ta làm theo lẽ thuận."[1] Thuận là thuận theo mệnh trời, ban phú cho; người quân tử vui lẽ trời, biết mệnh trời lòng còn phải để ở đâu nữa?

Ta không phải là đồ đệ của họ Thích, họ Lão, vì ngẫm suy việc đời đã sâu nên tự nhiên thành ra có cái tư tưởng "lui lại." Làm hay dừng, lâu hay chóng, cũng chỉ cần sao cho hợp thời mà thôi. Những ngày gần đây, trong tình cảnh ở đất khách, đành tạm lấy việc uống rượu ngâm thơ, để cùng nhau tiêu khiển. Đến như việc giúp ích lẫn nhau trông tình bầu bạn, xét cho cùng, cũng phải hướng về đạo lý. Kính theo vần trước đáp lại, đó chính là "Còn ở trong lòng thì là chí, đã phát ra ngoài thì là thơ."Việc ở trong lòng chỉ nói với người hiểu lòng nhau mà thôi!

BÀI 1

Bác Hoán hai quẻ so le như núi già núi trẻ,[2]
Bắt, tha, lui, tiến, xem ở quẻ bói Tinh bàn.[3]
Mai trắng như tuyết thích nảy nở vào mùa xuân ấm áp;
Bách ngạo làn sương, chỉ ưa giữ vẻ về cuối năm lạnh lùng.
Hiển đạt sớm, tôi muốn quay về khi đã cùng đường;
Thành danh muộn, bác có thể ngăn được vẻ già yếu.
Chim nhạn nếu may được bay về Hành Dương trước,[4]
Thì lưu đợi Kiêm Mô, há phải để bác cô đơn.[A]

NGUYÊN CHÚ:

A.Địch Kiêm Mô đời Đường, tuổi kém chín cụ già trong hội Hương Sơn mà cũng được dự hội.

CHÚ THÍCH:

1.Câu này trích trong bài Tây Minh của Trương Tử "Tôn ngô thuận dã, một ngô ninh dã" (Còn sống ta vẫn theo lẽ thuận khi chết ta yên tâm).

2.Bác, Hoán là hai quẻ trong *Kinh Dịch*: Bác là quá cương cần vạc đẽo đi, chỉ lực lượng già. Hoán là sự quá nhu phải tạo tác thêm, chỉ lực lượng cánh trẻ.

3.Tinh bàn là khoa xem bói "tinh mạch." Lấy năm tháng ngày sinh của người xem mà bói ra sự tốt, xấu.

Bắt, tha , ý chỉ buộc phải làm quan (bắt) và được về hưu (tha).

4.Hành Dương, một trong *Ngũ nhạc* của Trung Quốc. Đây mượn để chỉ nơi về hưu.

50. 其二

未築詩成九仞山
偶遊仙谷引蛇盤
輕縑拂紙驚雲燦
明玉穿窗恍斗寒
樂友加餐舒旅況
懷鄉添酒助酡顏
勸君莫作羈蹤恨
玄鶴寧殘客夢單

PHIÊN ÂM:

KỲ NHỊ

Vị trúc thi thành cửu nhận san.
Ngẫu du tiên cốc dẫn xà bàn.
Khinh kiêm phất chỉ kinh vân xán;
Minh ngọc xuyên song hoảng đẩu hàn.
Lạc hữu gia san thư lữ huống;
Hoài hương thiêm tửu trợ đà nhan.
Khuyến quân mạc tác ky tung hận,
Huyền hạc ninh tàn khách mộng đan.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 2

Chưa đắp được thơ thành núi cao chín nhận,[1]
Ngẫu nhiên chơi hang tiên, quanh co như rắn bò.
Quạt lụa khẽ phẩy trang giấy, kinh động cả áng mây sáng rực;
Trăng sáng xuyên qua sông, làm hoảng sợ sao đẩu lạnh lùng.
Vui bạn, ăn thêm cơm, khuây khỏa tình cảnh đất khách,
Nhớ quê, uống thêm rượu, tươi tỉnh vẻ mặt nhăn nheo.
Khuyên ông chớ hận vì nỗi phiêu bạt nơi lữ thứ,
Chim huyền hạc đâu để giấc mơ nơi đất khách đơn côi.[2]

CHÚ THÍCH:

1.Nhận, đơn vị đo lường xưa, một nhận bằng tám thước.

2.Chim huyền hạc, tương truyền sống lâu năm, đây dùng để chỉ người cứng rắn từng trải.

51. 又答和別韻五首

其一

絃誦寥聞域朴章
龍儒天意啓明王
斯文風會衰將盛
吾道聲容弱制強
扒霧幸依黃道日
障瀾方湧白沙塘
與君共煉安神藥
裁起瑤臺九里香

PHIÊN ÂM:

HỰU ĐÁP HỌA BIỆT VẬN NGŨ THỦ

KỲ NHẤT

Huyền tụng liêu văn Vực Phác chương,
Long nho thiên ý khải minh vương.
Tư văn phong hội suy tương thịnh;
Ngô đạo thanh dung nhược chế cường.
Bát vụ hạnh y Hoàng đạo nhật;
Chướng lan phương dũng bạch sa đường.
Dữ quân cộng luyện an thần dược,
Tài khởi dao đài cửu lý hương.

DỊCH NGHĨA:

LẠI HỌA ĐÁP THEO VẦN KHÁC NĂM BÀI

BÀI 1

Vắng tiếng đàn ca và thơ Vực Phác,[1]
Ý trời vẫn sùng nho nên giáng sinh bậc vua hiền.
Vận hội tư văn suy rồi sẽ thịnh,[2]
Tiếng tăm đạo Khổng lấy nhược thắng cường.[3]
Vạch mây mù, may nhờ có mặt trời Hoàng đạo;[4]
Ngăn lớp sóng đang xô có con đê cát trắng.
Cùng ông luyện phương thuốc an thần,
Dựng lên đài ngọc tỏa hương ngoài chín dặm.

CHÚ THÍCH:

1.Thơ *Vực phác, Đại nhã, Kinh Thi*, ca ngợi Văn Vương, gây dựng giềng mối đúng đắn, quy phục thiên hạ.

2.Tư văn, chỉ lễ nhạc, chế độ và văn chương của nhà nho.

3.Đạo Khổng: Nguyên văn "ngô đạo" (đạo ta), tức đạo nho.

4.Hoàng đạo: Người xưa gọi đường mặt trời đi qua là Hoàng đạo.

52. 其二

衰朽深慚列用章
經論無術贊君王
三千略受尚書義
七十方希康節強
勤事敢忘無逸所
倦飛冀立不爭塘
北山假我開先會
蓮社分君九老香

PHIÊN ÂM:

KỲ NHỊ

Suy hủ thâm tàm liệt dụng chương,
Kinh luân vô thuật tán quân vương .
Tam thiên lược thụ Thượng Thư nghĩa;
Thất thập phương hi Khang Tiết cường.
Cần sự cảm vong vô dật sở;
Quyện phi ký lập bất tranh đường.
Bắc sơn giả ngã khai tiên hội,
Liên xã phân quân cửu lão hương.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 2

Thẹn thay, đã già yếu rồi vẫn còn đứng trong hàng áo mũ,
Chẳng còn đủ tài kinh luân để giúp rập vua.
Sơ sơ nhận được ba ngàn nghĩa trong sách Thượng Thư,(1)
Đương mong sống đến bẩy mươi, khỏe như ông Khang Tiết.(2)
Đâu dám quên chuyên cần, vẫn không lúc nhàn rỗi,
Phải dừng khi mỏi cánh, vì không có chỗ tranh giành.
Nếu cho phép tôi mở hội ở núi Bắc trước,(3)
Thì sẽ phân ông vào Liên xã, hưởng hương vị của chín ông già.(4)

CHÚ THÍCH:

1.*Thượng Thư,* một trong ngũ kinh của học trò xưa phải học. Ba ngàn, nghĩa là chỉ sự phong phú của kinh.

2.Khang Tiết, tức Thiệu Ung đời Tống, tính tình ôn hậu, người khoẻ mạnh, tự cày cấy đủ ăn đủ mặc, có tài nhưng không màng công danh.

3.Núi Bắc: Có lẽ dùng để chỉ quê hương của tác giả ở Bắc Hà.

4.Liên xã, tức hội Bạch liên xã do cao tăng Huệ Viễn đời Tấn lập ra, thu nạp một số cụ già có đức độ và tên tuổi để vui hưởng tuổi già.

Chín ông già: Tức chín ông già đều trên 70 tuổi trong hội Hương sơn do Bạch Cư Dị hưu quan đời Đường lập ra.

53. 其三

答吏侍義澤汝侯

金聲玉振集成章
再見靈臺頌顯王
端冕聖師洋陟降
綏猷元后迪康強
同文瑞揭雲中日
私學臻開嶺上塘
共際丕時觀美化
春風薰起杏壇香

PHIÊN ÂM:

KỲ TAM
ĐÁP LẠI THỊ NGHĨA TRẠCH NHỮ HẦU

Kim thanh ngọc chấn tập thành chương,
Tái kiến linh đài tụng Hiển Vương.
Đoan miện thánh sư dương trắc giáng;
Tuy du nguyên hậu địch khang cường.[a]
Đồng văn thụy yết vân trung nhật;
Tự học trăn khai lĩnh thượng đường.[b]
Cộng tế phi thời quan mĩ hóa,
Xuân phong huân khởi Hạnh đàn hương.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 3

ĐÁP LẠI THỊ LANG BỘ LẠI NGHĨA TRẠCH NHỮ HẦU

Tiếng vàng tiếng ngọc, hợp lại thành khúc nhạc hay,
Lại thấy Hiển Vương ngợi ca ở linh đài này.[1]
Thánh sư đội mũ miện nghiêm chỉnh, dường như giáng lâm;[2]
Nhà vua có mưu lược yên định, càng thêm mạnh khỏe.
Văn hóa giống nhau, nêu tỏ vừng nhật giữa mây lành;
Trường học lập riêng, mở ra lối đi trên núi rậm.[3]
Cùng nhau giúp buổi trị bình, xem nền giáo hóa tốt lành,
Đàn Hạnh ngát hương, gió xuân thổi đến.[4]

KHẢO DỊ:

a.Bản A.117c chép: 綏猷元后盡康強 (Nhà vua có mưu lược yên định, tập hợp sức mạnh).

b.Bản A.117c, VHv.1743/15, VHv.1743/24 chép: 私學雲開嶺上塘 (Trường tư như mây, mở lối đi trên núi rậm).

CHÚ THÍCH:

1.Hiển Vương: Ở đây có nghĩa song quan, vừa chỉ vua Hiển Tông (Hán Minh Đế), người đã cho vẽ hình các danh tướng treo trên linh đài, vừa chỉ bậc vua sáng đương thời biết qúy trọng bậc hiền tài.

2.Thánh sư: Chỉ Khổng Tử. Đây chỉ tượng Khổng Tử trông uy nghi, dường như rất linh thiêng và thường giáng lâm tại đây.

3.Cả hai câu có ý ca ngợi Khổng Tử là người đầu tiên mở trường tư.

4.Đàn Hạnh: Nơi Khổng Tử dạy học xưa.

DỊCH THƠ:

Tiếng vàng lời ngọc hợp thành chương,
Lại chốn đài mây chúc Hiển Vương.
Ngài Khổng nghiêm trang vừa giáng thế;
Nhà vua mưu lược thật khang cường.
Văn phong chung hội, mây quang lối;
Trường học lập riêng, núi mở đường.
Giúp buổi trị bình, nền giáo hóa,
Gió xuân thổi dậy ngát bay hương.

Lâm Giang

54. 其四

白玉飛翰出建章
夙緣不假送藤王
花明宮錦團團富
雲朗仙梯步步強
泛斗文槎凌漢渚
射潮筆弩貫江塘
金鰲眞正操觚手
分到城邊滿室香

PHIÊN ÂM:

KỲ TỨ

Bạch Ngọc phi hàn xuất Kiến Chương,
Túc duyên bất giả tống Đằng Vương.
Hoa minh cung cẩm đoàn đoàn phú;
Vân lãng tiên thê bộ bộ cường.
Phiếm Đẩu văn sà lăng Hán chử;
Sạ trào bút nỗ quán giang đường.
Kim ngao chân chính thao hồ thủ,
Phân đáo thành biên mãn thất hương.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 4

Từ cung Kiến Chương đi ra, vung bút trên lầu Bạch Ngọc,(1)
Duyên xưa chẳng phải nhờ gió đưa tới gác Đằng Vương.(2)
Lớp lớp giầu sang như gấm trong cung rực hoa;
Bước bước khỏe khoắn leo thang tiên mây rạng.
Bè văn buông tới sao Đẩu, vượt bến sông Hán;(3)
Nỏ bút bắn ngọn sóng, xuyên qua bờ sông.(4)
Đúng là tay cầm ống quyển, chiếm con ngao vàng,(5)
Chia sẻ hương thơm bên thành, đưa tới đầy nhà.

CHÚ THÍCH:

1.Cung Kiến Chương, một cung điện đẹp do Hán Vũ Đế xây, có lẽ để tiếp các bậc văn hay chữ tốt.

Lầu Bạch Ngọc, nơi Lý Hạ đời Đường đã soạn một bài ký để ca ngợi. Bài thơ nói về việc thi cử, câu này miêu tả tài văn hay chữ tốt của người bạn.

2.Gác Đằng Vương, do Lý Nguyên Anh đời Đường dựng khi làm quan ở Hồng Châu. Sau trở thành nơi thắng cảnh được nhiều người lui tới. Vương Bột đời Đường đã làm bài "Đằng Vương các tự" nổi tiếng. Vì thế Tô Thức có câu: "Thời lai phong tống Đằng Vương các" (Thời vận đến thì gió đưa tới gác Đằng Vương). Ở đây tác giả mượn để chỉ tài văn hay của bạn.

3.Bè văn vượt sông hán: Họ Ngô mượn việc Trương Khiên đời Hán cưỡi bè đi tìm nguồn sông Hoàng Hà, đi lạc lên sông Ngân Hà trên trời để chỉ hùng văn của người bạn.

4.Câu này miêu tả bút pháp của người bạn rắn rỏi, mạnh mẽ.

5.Con ngao vàng, tức thi đỗ đại khoa. Đỗ Trạng nguyên gọi là chiếm đầu con ngao.

55. 其五

老來聲韻懶平章
標致風流讓謝王
班髮搖熘殊孟浪
蒼髯披甲太堅強
得天不復夢重耳
賂地猶慚爲敬塘
詩社有神來作助
亦將燻手學焚香

PHIÊN ÂM:

KỲ NGŨ

Lão lai thanh vận lại bình chương,
Tiêu trí phong lưu nhượng Tạ, Vương.
Ban phát dao đào thù mạnh lãng;
Thương nhiêm phi giáp thái kiên cường.
Đắc thiên bất phục mộng Trùng Nhĩ;
Lộ địa do tàm vị Kính Đường.
Thi xã hữu thần lai tác trợ,
Diệc tương huân thủ học phần hương.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 5

Già rồi ngại bình phẩm văn chương,
Nền nếp phong lưu nhường họ Tạ, họ Vương.(1)
Tóc bạc khua trống bỏi rất là lóng ngóng;
Râu xanh mặc áo giáp vô cùng kiên cường.
Không mơ màng như Trùng Nhĩ thấy được trời giúp;(2)
Luống thẹn làm theo Kính Đường đút lót đất đai.(3)
Làng thơ nếu như có thần tới làm giúp,
Thì cũng sẽ hun tay để học đốt hương.(4)

CHÚ THÍCH:

1.Họ Tạ, họ Vương, là hai trong bốn họ phong lưu nổi tiếng đời Tấn (Tạ, Vương, Đào, Nguyễn).

2.Tả Truyện chép Tấn Văn Công Trùng Nhĩ nằm mơ thấy mình vật nhau với Sở Tử. Sở Tử đè ngửa Trùng Nhĩ ra mà hút óc. Tỉnh dậy, Trùng Nhĩ nhờ Cữu Phạm giải mộng, rằng: Đó là điềm trời tốt, ngửa mặt lên trời tức là được trời giúp. Sở Tử cúi xuống là điềm phải phục tội.

3.Thạch Kính Đường vốn là bề tôi của nhà hậu Đường, thời Ngũ Đại, sau làm phản, cắt 16 châu ở miền Kế hối lộ cho Khiết Đan để xin cứu viện. Khiết Đan giúp Kính Đường diệt nhà Nam Đường, đưa Kính Đường lên làm vua lập ra nhà hậu Tấn.

4.Hun tay đốt hương để tỏ sự kính cẩn, trai khiết.

DỊCH THƠ:

Già rồi ngại lắm chuyện văn chương,
Nề nếp phong lưu nhượng Tạ Vương.
Tóc bạc khua chiêng riêng lóng ngóng;
Râu xanh mặc giáp thật kiên cường.
Chẳng mơ trời giúp như Trùng Nhĩ;
Luống thẹn đất chia tựa Kính Đường.
Thi xã có thần xin giúp sức,
Cũng hun tay để học châm hương.

Lâm Giang

56. 答兵部左奉議阮誼台

我於今春慶賀聖節,與公同宴。回憶去年秋殘生日與公同飲。公我同爲搤直臣，又同爲皇華客。算來朝陛賡天保之日多，家祠賦寥莪之日少。幸得於客中把握，相慶懸弧以其會悟之情，寫諸觴詠，示之子侄，豈非一大韻事？抑我聞諸唐太尊有言"劬勞之日，不可爲宴樂"。拙意則異於是，父母劬勞，以有吾身。吾身康強， 能保我父母之遺体，其可樂者一。身既不墜，上不爲君王所棄，中不爲朋友兄弟所鄙，下而子孫奴僕亦得以賴其蔭， 斯豈非可樂之

二三四者乎？大孝尊親，其次不辱。浔公詩尤廣我孝志，輒依前韻賡復，以見公與我相厚之至，留爲家寶云。

年年槎泛斗光銀
又値劬勞生我辰
客館一匙聊誌節
家祠千里但馳神
江山未許黃眉老
歲月如催白髮新
珍重琚瑤公獨厚
秋門桃李本宜春

PHIÊN ÂM:

ĐÁP BINH BỘ TẢ PHỤNG NGHỊ NGUYỄN NGHI THAI

Ngã ư kim xuân khánh hạ thánh tiết, dữ công đồng yến. Hồi ức khứ niên thu tàn, sinh nhật dữ công đồng ẩm. Công ngã đồng vi yển trực thần, hựu đồng vi hoàng hoa khách. Toán lai triều bệ canh Thiên bảo chi nhật đa, gia từ phú Lục nga chi nhật thiểu. Hạnh đắc ư khách trung bả ác, tương khánh huyền hồ dĩ kỳ hội ngộ chi tình, tả chư chàng vịnh, thị chi tử điệt, khởi phi nhất đại vận sự? Ức ngã văn chư Đường Thái Tông hữu ngôn: "Cù lao chi nhật, bất khả vi yến lạc." Chuyết ý tắc dị ư thị, phụ mẫu cù lao, dĩ hữu ngô thân. Ngô thân khang cường, năng bảo ngã phụ mẫu chi di thể, kỳ khả lạc giả nhất. Thân ký bất truy, thượng bất vị quân vương sở khí, trung bất vị bằng hữu huynh đệ sở bỉ, hạ nhi tử tôn nô bộc diệc đắc dĩ lại kỳ ấm, tư khải phi khả lạc chi nhị tam tứ giả hồ? Đại hiếu tôn thân, kỳ thứ bất nhục. Đắc công thi vưu quảng ngã hiếu chí, triếp y tiền vận canh phục, dĩ kiến công dữ ngã tương hậu chi chí, lưu vi gia bảo vân.

Niên niên sà phiếm Đẩu quang Ngân,
Hựu trị cù lao sinh ngã thần.
Khách quán nhất chuỷ liêu chí tiết;

Gia từ thiên lý đãn trì thần.
Giang sơn vị hứa hoàng mi lão;
Tuế nguyệt như thôi bạch phát tân.
Trân trọng Cư Dao công độc hậu,
Thu môn đào lý bản nghi xuân.

DỊCH NGHĨA:

ĐÁP ÔNG BẠN HỌ NGUYỄN CHỨC TẢ PHỤNG NGHỊ BỘ BINH[1]

Nhân ngày chúc mừng thánh tiết mùa xuân năm nay, tôi với ông cùng được dự yến tiệc. Nhớ lại nhân ngày sinh nhật kẻ hèn mọn này vào mùa thu năm ngoái, cũng từng cùng ông đối ẩm. Tôi và ông cùng là đại thần ở khu mật, lại cũng là khách hoàng hoa.[2] Tính ra ngày cùng nhau nối vần thơ Thiên bảo[3] ở triều đình thì nhiều mà ngày cùng nhau ngâm thơ Lục nga[4] ở gia tư thì ít. Nay may được dan tay nơi đất khách, cùng mừng gặp tiết treo cung,[5] nhân mối tình gặp gỡ này, lại được giãi tỏ ở chén rượu câu thơ để bảo cho con cháu biết, há chẳng phải là một vận sự lớn lao hay sao? Song tôi nghe Đường Thái Tông nói: "Cái ngày mà cha mẹ ta vất vả[6] không nên ăn uống vui vẻ." Ý của tôi thì khác hẳn, cha mẹ vất vả mới có thân ta. Thân ta được lành mạnh mới bảo toàn được cái thân thể sót lại của cha mẹ, đó là điều vui thứ nhất. Bản thân ta vốn không trụy lạc, trên không bị vua chúa bỏ rơi, giữa không bị anh em bạn bè khinh bỉ, dưới con cháu tôi tớ cùng được hưởng phúc ấm, đó há không phải là điều vui thứ hai, thứ ba, thứ tư đấy ư? Người có lòng đại hiếu thì tôn kính cha mẹ, thứ đến là không để nhục cho cha mẹ. Nay nhận được thơ ông, lòng hiếu thảo của tôi thêm rộng mở, bèn theo vận trước họa lại, để tỏ mối hậu tình giữa ông và tôi, và cũng để lưu lại làm của báu trong nhà.

Năm tháng buông bè trên sông Ngân rực ánh sao Đẩu,
Lại gặp lúc cha mẹ mệt nhọc sinh ra ta.
Nơi quán khách một thìa cơm, vẫn ghi nhớ ngày này;
Chốn từ đường quê nhà xa ngàn dặm, những để tâm tới.
Non sông chưa cho phép nét mày vàng được già nua;
Năm tháng như thúc giục mái tóc bạc thêm mới mẻ.
Ngọc Cư ngọc Dao quý báu, riêng ông hậu hĩ,[7]
Đào mận trước cửa nhà ông vốn ưa tiết xuân.

CHÚ THÍCH:

1.Ông bạn họ Nguyễn: Chưa rõ là ai

2.Khách hoàng hoa: Chỉ người đi sứ.

3.Thơ *Thiên bảo* trong *Tiểu nhã, Kinh Thi,* ca ngợi, chúc tụng nhà vua.

4.Thơ *Lục nga*, trong *Tiểu nhã, Kinh Thi,* ca ngợi công ơn nuôi dưỡng của cha mẹ.

5.Tiết treo cung: Theo *Lễ ký,* khi sinh con trai thì treo cung ở cửa ra vào bên trái, để tỏ chí khí bốn phương. Sau dùng để chỉ ngày sinh.

6.Ngày cha mẹ vất vả: Chỉ ngày mẹ sinh con.

7.Ngọc Cư, Dao, hai loại ngọc quý được nhắc đến trong thơ *Vệ phong, Kinh Thi*. Sau dùng để chỉ sự đền đáp qua lại.

57. 贈同議鷹楊侯再往北城

茲者老大兄：祇奉恩綸，重忝藩閫。

膏雨車馳故道，寵渥沾琴鶴之榮；梅花馬插新枝，清風滿圖書之篋。

既彈冠於在列，爰把盞於臨岐。

五韻併成，百嘉爲喜。

有約朝天見浔天
重翔丹鳳蒞朱鳶
良逢聖正符今日
仁佐賢應屬老年
螭陛陟明期報政
龍城望治慶來宣
餞公早晚偕公樂
太學門樓賞沼連

PHIÊN ÂM:

TẶNG ĐỒNG NGHỊ ƯNG DƯƠNG HẦU TÁI VÃNG BẮC THÀNH

Tư giả lão đại huynh: Chi phụng ân luân, trùng thiêm phiên khổn.

Cao vũ xa trì cố đạo, sủng ốc chiêm cầm hạc chi vinh; mai hoa mã sáp tân chi, thanh phong mãn đồ thư chi khiếp.

Ký đàn quan ư tại liệt, viên bả trản ư lâm kỳ.

Ngũ vận tính thành, bách gia vi hỷ.

Hữu ước triều thiên kiến đắc thiên,
Trùng tường đan phượng lỵ Chu Diên.
Lương phùng thánh chính phù kim nhật;
Nhân tá hiền ưng thuộc lão niên.
Ly bệ trắc minh kỳ báo chính;
Long thành vọng trị khánh lai tuyên.
Tiễn công tảo vãn giai công lạc,
Thái Học môn lâu thưởng chiểu liên.

DỊCH NGHĨA:

TẶNG QUAN ĐỒNG NGHỊ ƯNG DƯƠNG HẦU LẠI RA BẮC THÀNH[1]

Nay bậc đại huynh: Thân thiết kính cẩn vâng ơn chúa thượng, lại một lần nữa ra trấn thủ cõi ngoài.

Mưa ngọt đường xưa bánh xe rong ruổi, tiếng cầm hạc chan chứa vinh quang; hoa mai cành mới vinh dự chứa chan, tráp đồ thư[2] tràn trề gió mát.

Giặt mũ[3] đã đứng cùng hàng, cất chén kính chào tiến bước.

Năm vần tạm đủ, trăm phúc chúc mừng.

Ước mong được chầu thiên tử, nay đã thấy thiên tử,
Chim phượng đỏ lại bay đi làm việc ở Chu Diên.[4]
Tôi hiền gặp vua thánh, thật hợp với công việc hôm nay;
Nhân giả giúp hiền quân, phải là người thuộc tuổi già.
Hẹn ngày báo chính sự đẹp lên bệ ly được rõ;[5]
Mừng khi tới tuyên đức hóa cho thành rồng được trị bình.[6]
Tiễn ông, sớm tối đều mong ông được yên vui,
Để thưởng sen trong ao bên lầu Thái Học.[7]

CHÚ THÍCH:

1.Ưng Dương hầu ?

2.Đồ thư, chỉ sách vở.

3.Giặt mũ: Theo *Hán thư,* Vương Dương và Cống Vũ là hai người bạn thân. Người đời có câu: "Vương Dương tại chức, Cống Vũ đàn quan" (Vương Dương đã làm quan, Cống Vũ đương giặt mũ để chờ đợi). Sau được dùng để chỉ người ra làm quan.

4.Câu này tác giả chơi chữ: Đan phượng, chu diên (phượng đỏ, diều đỏ), chim phượng đỏ (ví với người tài ba lỗi lạc) bay ra làm việc ở đất chim phượng đỏ (Chu Diên).

Chu Diên, tên một trong mười lăm bộ lạc đời Hùng Vương. Theo *Khâm định Việt sử,* Chu Diên thuộc địa phận Sơn Tây (nay thuộc Hà Tây). Đây dùng để chỉ Bắc thành (đất Thăng Long).

5.Bệ ly, ly là con rồng chưa có sừng. Bệ ly cũng là bệ rồng, nơi vua ngự.

6.Thành rồng, tức thành Thăng Long.

7.Thái học, tức trường Quốc tử giám.

58. 答親弟玄齊

接得家書來自東
太和滿酌醉春風
情如白貫思安上
道在黃裳本守中
黑髮懶燒生地餌
丹心常伴信天翁
歲寒長護青松秀
會叩禪林早晚鍾

PHIÊN ÂM:

ĐÁP THÂN ĐỆ HUYỀN TRAI

Tiếp đắc gia thư lai tự đông,
Thái Hòa mãn chước túy xuân phong.
Tình như bạch bí tư an thượng;
Đạo tại hoàng thường bản thủ trung.
Hắc phát lại thiêu sinh địa nhĩ,
Đan tâm thường bạn tín thiên ông.

Tuế hàn trường hộ thanh tùng tú,
Hội khấu thiền lâm tảo vãn chung.

DỊCH NGHĨA:

TRẢ LỜI EM RUỘT HUYỀN TRAI[1]

Tiếp được thư nhà từ miền đông gửi tới,
Rượu Thái Hòa rót đầy chén, say với gió xuân.[2]
Tình như trang sức trắng, mong đạt tới ngôi trên,[3]
Đạo tựa chiếc xiêm vàng, vẫn giữ lòng trung thuận.[4]
Tóc còn đen nên lười sắc vị thuốc sinh địa?[A]
Tấm lòng son thường bạn với tín thiên ông.[B]
Thông mùa lạnh vẫn giữ màu xanh tươi,
Chốn rừng thiền đọng tiếng chuông hôm sớm.

NGUYÊN CHÚ:

A.Sách thuốc nói, sinh địa sắc lên uống có thể làm cho tóc xanh lại.

B.Tín thiên ông: Tên một loài chim, tính lười chỉ đi theo bến sông đợi cá nhảy vào miệng nuốt đi mà suốt ngày no nê (tức con bồ nông).

CHÚ THÍCH:

1.Huyền Trai, tức Ngô Thì Hoàng, em trai thứ tư của Ngô Thì Nhậm.

2.Rượu Thái Hoà, tên loại rượu mà Thiệu Ung đời Tống thường uống vào buổi trưa.

3.Câu này dùng ý trong hào Thượng cửu, quẻ Bí, *Kinh Dịch*: "Bạch bí vô cữu" (trang sức màu trắng thì không có lỗi). Chu Tử giải thích: Trang sức mà trở lại nguồn gốc, không dùng màu sắc gì, là khéo bổ khuyết cho cái lỗi của mình, cho nên được ngôi trên hết.

4.Câu này dùng ý trong hào Lục ngũ quẻ Khôn, *Kinh Dịch*: "Hoàng thường nguyên cát" (xiêm sắc vàng rất tốt).

59. 答親弟朋齊答詠蓮二首

京邸館中得飛蓮一本，初生嬌嫩葉莖細巧可愛。弟爲詩幷記仍依韻答復。

其一

嫩葉嬌莖不用裁

降從仙島茁靈荄
奎垣預選青錢到
香社先提寶蓋來
物出泥淵無點滓
人居濁蔭淨纖挨
氣机感應眞微妙
新德新心新蕊開

PHIÊN ÂM:

ĐÁP THÂN ĐỆ BẰNG TRAI ĐÁP VỊNH LIÊN NHỊ THỦ

Kinh để quán trung đắc phi liên nhất bản, sơ sinh kiều nộn diệp kinh tế nhị khả ái. Đệ vi thi tịnh ký, nhưng y vận đáp phục.

KỲ NHẤT

Nộn diệp kiều kinh bất dụng tài,
Giáng tòng tiên đảo choát linh cai.
Khuê viên dự tuyển thanh tiền đáo;
Hương xã tiên đề bảo cái lai.
Vật xuất nê uyên vô điểm tể;
Nhân cư trọc ấm tịnh tiêm ai.
Khí cơ cảm ứng chân vi diệu,
Tân đức, tân tâm, tân nhị khai.

DỊCH NGHĨA:

ĐÁP LẠI EM BẰNG TRAI ĐÁP LẠI HAI BÀI VỊNH SEN

Trong quán trọ ở Kinh, được đưa đến một giò sen, mới sinh mềm mại, mầm lá nhỏ mượt, thật đáng yêu. Em trai làm thơ và ký, bèn dựa vào nguyên vần đáp lại.

BÀI 1

Lá mượt mầm non, không phải dụng công vun xới,
Ngó thiêng tươi tốt giáng xống đảo tiên.
Vùng sao Khuê chọn sẵn đồng tiền xanh đưa tới;[1]

Xã hương thơm dương trước cây lọng báu đón về.(2)
Vật mọc từ vũng bùn mà không chút nhơ bẩn;
Người ở chốn phàm tục mà rũ sạch trần ai.
Cảm ứng cái cơ khí thiêng, nên rất mầu nhiệm,
Đức mới, lòng mới, nên nở ra nhị mới.

CHÚ THÍCH:

1.Vùng sao Khuê, sao chỉ văn chương. Đồng tiền xanh, là hình thể lá sen giống như đồng tiền ngày xưa.

2.Xã hương thơm (hương xã) chỉ nơi trồng nhiều hoa. Trong bài dùng với nghĩa song quan, vừa chỉ nơi trồng hoa, vừa chỉ chốn làng chơi. Bạch Cư Dị đời Đường có lập một thi xã gọi là "Hương sơn thi xã."

60. 其二

植物生來總是常
空中有隕壓群芳
溪流寒水粹精蘊
海會祥雲知見香
通理共提儒入室
明心偕許釋升堂
淵源一貫誰窺透
底意渾然天應章

PHIÊN ÂM:

KỲ NHỊ

Thực vật sinh lai tổng thị thường,
Không trung hữu vẫn áp quần phương.
Khê lưu hàn thủy tuý tinh uẩn;
Hải hội tường vân tri kiến hương.
Thông lý cộng đề Nho nhập thất;
Minh tâm giai hứa Thích thăng đường.

Uyên nguyên nhất quán thùy khuy thấu,
Để ý hồn nhiên thiên ứng chương.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 2

Cây cối sinh ra, ấy là việc thường tình,
Không trung có thứ giáng xuống át cả mọi mùi thơm.
Suối tuôn nước lạnh, tinh tuý kín đáo,
Bể họp mây lành, nhận thấy hương đưa.
Cùng rước đạo Nho vào nhà, bởi thông suốt lý lẽ;(1)
Đều cho đạo Phật lên sảnh, thật sáng tỏ tấm lòng.
Một mạch suốt nguồn gốc, ai nhòm thấu được,(2)
Ý ấy tự nhiên ứng vào văn chương.

CHÚ THÍCH:

1.Thông suốt lý lẽ, nguyên văn: "Thông lý." Thông lý lại có nghĩa là cái thớ rỗng trong dọc sen.

2.Một mạch suốt nguồn gốc, tức chỉ cái thớ rỗng chạy dọc theo dọc sen từ gốc đến ngọn.

61. 答親弟朋齋答志慶二首

其一

爲愛青蓮構小亭
亭成賞玩覲皇京
花神未厭朝簪老
旅館如猜野草停
有約同心還合馥
相期一氣共聯榮
至祥端的由和氣
且聽中孚鳴鶴聲

PHIÊN ÂM:

ĐÁP THÂN ĐỆ BẰNG TRAI ĐÁP CHÍ KHÁNH NHỊ THỦ

KỲ NHẤT

Vị ái thanh liên cấu tiểu đình,
Đình thành thưởng ngoạn cận hoàng kinh.
Hoa thần vị yếm trriều trâm lão;
Lữ quán như sai dã thảo đình.
Hữu ước đồng tâm hoàn hợp phức;
Tương kỳ nhất khí cộng liên vinh.
Chí tường đoan đích do hòa khí,
Thả thính Trung Phu minh hạc thanh.

DỊCH NGHĨA:

ĐÁP LẠI EM BẰNG TRAI ĐÁP GHI VIỆC VUI HAI BÀI

BÀI 1

Vì thích sen xanh nên làm chiếc đình nhỏ,
Đình xong, thưởng ngoạn, rồi vào chầu đế kinh.
Thần hoa chưa chán chiếc trâm chầu đã cũ;[1]
Quán khách như ngờ cỏ nội không mọc nữa đâu.
Đồng lòng hẹn ước khi trở về cùng toả hương ngát;
Nhất quyết hẹn nhau cùng hưởng vinh hoa.
Đem lại điềm lành chính vì có hoà khí,
Hãy nghe tiếng hạc kêu trong quẻ Trung Phu.[2]

CHÚ THÍCH:

1.Trâm chầu, chiếc trâm cài khi vào chầu vua.

2.Quẻ Trung Phu, hào Cửu nhị, *Kinh Dịch*: "Mạc minh tại âm, kỳ tử họa chi, ngã hữu hảo tước, ngô dữ nhữ my chi" (Hạc kêu trong bóng mát, con nó họa lại, ta có phẩm tước quý, ta và ngươi phải giữ gìn cẩn thận). Trong thơ dùng để chỉ hãy giữ gìn tốt trong mọi mối quan hệ.

62. 其二

何必蘭幽笑杏研
我心久作市城禪

眞知佛不邀求佛
誠愛蓮非貪採蓮
盛晚隨時君子性
實花中節善人緣
閑中迭唱壎篪曲
還有棠花並在前

PHIÊN ÂM:

KỲ NHỊ

Hà tất lan u tiếu hạnh nghiên,
Ngã tâm cửu tác thị thành thiền.
Chân tri Phật bất yêu cầu Phật;
Thành ái liên phi tham thái liên.
Thịnh vãn tuỳ thời quân tử tính;
Thực hoa trung tiết thiện nhân duyên.
Nhàn trung điệt xướng Huân Trì khúc,
Hoàn hữu đường hoa tịnh tại tiền.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 2

Hoa lan nơi vắng vẻ, hà tất cười hoa hạnh khoe mẽ,
Từ lâu tâm ta đã làm ông sãi ở thị thành.
Thực sự biết Phật, không vời tìm Phật;
Thành thật yêu sen, không tham hái sen.
Sớm muộn tuỳ thời, là tính người quân tử;
Kết quả khai hoa đúng tiết, là nhân duyên người lành.
Khi nhàn hát đi hát lại khúc Huân Trì,(1)
Lại còn có hoa đường lệ ở liền phía trước.(2)

CHÚ THÍCH:

1.Khúc Huân Trì: Huân, Trì hai khúc nhạc khí thời cổ thường để ví tình nghĩa anh em.

2.Hoa đường lệ, loài hoa thường dùng để ví tình anh em ruột thịt.

63. 九月忌望拜感成

清廟衣裳北嶺高
海門十二阻青茅
仙容入夢增悽愴
客館陳儀重鬱陶
遊子懼深承寵渥
故鄉奉切望烹蒿
紙錢燒罷鍾聲動
又整朝簪覲應皋

PHIÊN ÂM:

CỬU NGUYỆT KỊ VỌNG BÁI CẢM THÀNH

Thanh miếu y thường bắc lĩnh cao,
Hải môn thập nhị trở thanh mao.
Tiên dung nhập mộng tăng thê thảng;
Khách quán trần nghi trọng uất đào.
Du tử cụ thâm thừa sủng ốc;
Cố hương phụng thiết vọng huân cao.
Chỉ tiền thiêu bãi chung thanh động,
Hựu chỉnh triều trâm cận ứng cao.

DỊCH NGHĨA:

BÁI VỌNG NGÀY GIỖ THÁNG CHÍN CẢM XÚC THÀNH THƠ

Xiêm áo ở tận từ đường, bên núi cao phương bắc,
Nắm cỏ tranh xanh cách trở những mười hai cửa bể.
Dáng tiên mơ thấy, lòng thêm thê thảm;
Quán trọ bày lễ, tình những bùi ngùi.
Đội ơn sủng ái, kẻ du tử sợ hãi khôn cùng;
Thờ phụng đèn nhang, nơi cố hương thiết tha trông ngóng.

Tiền giấy đốt xong, chuông khua vang động,
Lại sửa trâm chầu, triều cận cung vua.[A]

NGUYÊN CHÚ:

A.Ngày 25 là buổi chầu thường lệ, giữa canh năm làm lễ bái vọng xong, thì chuông trong hoàng thành bắt đầu vang lên, bèn tới cửa khuyết theo ban chầu vua.

64. 閑述二首

其一

旅阯閑餘晝掩扉
推敲消遣數章詩
家鄉康吉憑來簡
身世憂虞問揲蓍
似海侯門稀足到
如冰宦況祇心知
幾莖雪鬢爭梅白
何日華山縱馬歸

PHIÊN ÂM:

NHÀN THUẬT NHỊ THỦ

KỲ NHẤT

Lữ để nhàn dư trú yểm phi,
Thôi sao tiêu khiển sổ chương thi.
Gia hương khang cát bằng lai giản;
Thân thế ưu ngu vấn điệp thi.
Tự hải hầu môn hy túc đáo;
Như băng hoạn huống chỉ tâm tri.
Kỷ kinh tuyết mấn tranh mai bạch,
Hà nhật Hoa sơn túng mã quy.

DỊCH NGHĨA:

THUẬT LẠI CẢNH NHÀN HAI BÀI

BÀI 1

Ở quán trọ quá nhàn hạ, suốt ngày cài cửa,
Chỉ biết cân nhắc mấy vần thơ để tiêu khiển [nỗi buồn].
Biết được quê nhà bình yên là nhờ có thư đưa tới;
Thân thế lo phiền vì hỏi quẻ bói cỏ thi.(1)
Cửa công hầu tựa biển sâu, ít khi đặt chân tới;
Cảnh làm quan như băng giá, riêng lòng mình biết thôi.
Mấy chòm tóc bạc tranh với hoa mai trắng,
Biết ngày nào mới dóng ngựa về với Hoa sơn?(2)

CHÚ THÍCH:

1.Bói cỏ thi: Trước khi làm việc gì hay xuất hành người xưa thường dùng cỏ thi để bói.

2.Hoa sơn: Là ngọn núi mà Trần Đoàn đời Tống ở ẩn tu tiên. Trong bài dùng để chỉ quê hương tác giả.

65. 其二

東山月出晚朝歸
萬里鄉書鵲報知
樂望胞孫家更遠
回思故祖地猶遲
官居大士誠今罕
夢應西宮尚古希
安命樂天儒者事
點燈索筆又吟詩

PHIÊN ÂM:

KỲ NHỊ

Đông sơn nguyệt xuất vãn triều quy,
Vạn lý hương thư thước báo tri.

Lạc vọng bão tôn gia cánh viễn;
Hồi tư cố tổ địa do trì.
Quan cư Đại sĩ thành kim hãn;[a]
Mộng ứng Tây cung thượng cổ hy.
An mệnh lạc thiên nho giả sự,
Điểm đăng sách bút hựu ngâm thi.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 2

Buổi chầu về muộn, trăng đã mọc non đông,
Tin quê muôn dặm, chim thước báo cho biết.
Thích ngóng cháu bồng, song nhà cửa lại xa;
Nhớ tới tiên tổ, nhưng đất ấy còn lâu mới tới được.
Quan tới Đại học sĩ, đời nay thật hiếm có;[A]
Mộng được hầu Tây cung, từ xưa đâu có nhiều.[B]
Phận sự nhà nho là yên với mệnh, vui với đạo,
Hãy đốt đèn lên tìm bút, lại viết những vần thơ.

KHẢO DỊ:

a.Câu này ở bản VHv.1743/23 chép: 官居大士誠今幸 (Quan tới Đại học sĩ, đời nay thật may mắn).

NGUYÊN CHÚ:

A.Khi ở cửa nhà Phật lấy Đại học sĩ làm tên hiệu, nay lại làm quan đến chức Đại học sĩ.

B.Mùa xuân năm Ất Mùi (1775), nằm mộng thấy thành hoàng bản địa vời tới cho biết rằng: "Năm nay sẽ đỗ và lại vào hầu Tây cung bốn chục năm." Suy ra năm tháng ấy thì đã tới cõi bảy mươi.

66. 病述二首

其一

金蓮灼灼絳紗籠
內降傳宣問禰宮
倦倚客床扶病骨
細披經篋問書童

禮春闈奧窺猶淺
遊夏淵源識未窮
聖世早逢明茂選
伏生口授老還慵

PHIÊN ÂM:

BỆNH THUẬT NHỊ THỦ

KỲ NHẤT

Kim liên chước chước giáng sa lung,
Nội giáng truyền tuyên vấn Nễ cung.
Quyện ỷ khách sàng phù bệnh cốt;
Tế phi kinh khiếp vấn thư đồng.
Lễ Xuân khổn áo khuy do thiển;
Du Hạ uyên nguyên thức vị cùng.
Thánh thế tảo phùng minh mậu tuyển,
Phục Sinh khẩu thụ lão hoàn dung.

DỊCH NGHĨA:

THUẬT CẢNH ỐM HAI BÀI

BÀI 1

Cây nến sen vàng rực rỡ trong đèn lồng lụa đỏ,(1)
Từ trong cung truyền lệnh xuống hỏi việc ở Nễ cung.(2)
Mỏi mệt dựa giường khách, gượng vực bộ xương ốm yếu;
Cẩn thận mở hòm sách, hỏi trẻ giúp việc thư phòng.
Cửa của Lễ và Xuân Thu sâu xa, ngó thấy mình còn nông cạn;(3)
Nguồn học ông Du ông Hạ thăm thẳm, kiến thức vẫn chưa cùng.(4)
Đời thánh, khoa minh kinh, mậu tài, sớm gặp,(5)
Ta già lười nhác với việc truyền miệng như Phục Sinh.(6)

CHÚ THÍCH:

1.Cây nến sen vàng, là một loại cây đèn nến làm như hình bông sen sắc vàng, chuyên dùng cho vua chúa.

2.Nễ cung, chưa rõ điển cố.

3,4.*Lễ* và *Xuân Thu,* là hai bộ kinh tương truyền do Khổng Tử san định. Sử chép rằng: Sau khi các sách này san định xong, hai học trò nổi tiếng về văn học của Khổng Tử là Tử Du và Tử Hạ cũng không sao thêm bớt được một lời.

5.Minh kinh, mậu tài, là hai loại khoa thi mở ra bất thường để kén nhân tài.

6.Phục Sinh, một ông già đời Hán. Tần Thủy Hoàng đốt sách chôn học trò, kinh truyện không còn ai biết nữa. Đời Hán khôi phục lại, Phục Sinh còn giấu trong vách được một bộ *Thượng thư* gồm 28 thiên chép bằng chữ khoa đẩu, không ai đọc được. Phục Sinh đã học thuộc lòng, song vì răng ông đã rụng hết, tiếng nói phì phào. Ngoài người con gái ông là Hy Nga thì không ai hiểu. Hy Nga phải thông ngôn cho Tiều Thổ chép lại.

DỊCH THƠ:

Nến vàng chói lọi rực trong lồng,
Cấm nội ban truyền việc Nễ cung.
Giường khách mệt nằm, nâng xác ốm;
Trát thư khéo mở, giúp thư phòng.
Xuân Thu thăm thẳm, còn nông cạn;
Du Hạ uyên thâm, vẫn chửa cùng.
Đời thánh gặp khoa thi kẻ sĩ,
Truyền lời họ Phục cũng không xong.

Lâm Giang

67. 其二

九重憐老曲優容
暫得偷閑養病躬
歲月侵尋頒臘朔
鈞韶約略傍天宮
梅花催鬢鏡中白
梨燭照顏箱上紅
還有家情難遣得
幼孫節旦笑呼翁

PHIÊN ÂM:

KỲ NHỊ

Cửu trùng liên lão khúc ưu dung,
Tạm đắc thâu nhàn dưỡng bệnh cung.
Tuế nguyệt xâm tầm ban lạp sóc;
Quân thiều ước lược bạng thiên cung.
Mai hoa thôi mấn kính trung bạch;
Lê chúc chiếu nhan sương thượng hồng.
Hoàn hữu gia tình nan khiển đắc,
Ấu tôn tiết đán tiếu hô ông.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 2

Đấng cửu trùng thương ta già cả lựa chiều bao dung,
Nên tạm được thư nhàn dưỡng tấm thân ốm yếu.
Năm tháng dần trôi, Thánh thượng đã lại ban lịch mới;[1]
Nhạc quân thiều văng vẳng, vang lên cạnh cung vua.
Hoa mai giục mái tóc trắng trong gương;
Đuốc lê chiếu vẻ mặt đỏ hồng trên hòm sách.[2]
Còn có tình nhà khó mà khuây được,
Cháu thơ ngày tết cười đùa gọi ông.

CHÚ THÍCH:

1.Ban lịch mới (ban lạp sóc), hàng năm cứ vào ngày mùng một tháng chạp thì vua ban lịch mới cho năm sau để thần dân biết mà theo cho thống nhất. Ở đây ý chỉ thời gian qua mau.

2.Đuốc lê, ngọn lửa ở đầu gậy gỗ lê. Lưu Hướng người đời Hán, đêm tháng giêng hiệu đính các bản *Ngũ kinh* ở gác Thiên Lộc. Một cụ già chống gậy bằng cành lê xanh, gõ cửa đi vào rồi thổi đầu gậy nảy lửa soi cho Hướng xem sách.

DỊCH THƠ:

Cửu trùng thương lão thực bao dung,
Tạm được thân nhàn dưỡng bệnh xong.
Năm tháng dần trôi, ban lịch mới;
Nhạc thiều văng vẳng, tới sân rồng.
Trước gương hoa giục, mai thêm bạc;

Bên án nến soi, mặt thắm hồng.
Còn có tình quê nguôi chẳng được,
Cháu thơ ngày tết gọi đùa ông.

Lâm Giang

68. 春述二首

其一

皇府春官揚上標
祇圖花燭滿河橋
人間畫作慈悲土
天上昭回吉慶朝
袋有金魚明字秩
臺無銅雀念雙嬌
應知佛國同京國
方寸清塵是紫霄

PHIÊN ÂM:

XUÂN THUẬT NHỊ THỦ

KỲ NHẤT

Hoàng phủ xuân quang dương thượng tiêu,
Chi đồ hoa trúc mãn hà kiều.
Nhân gian họa tác từ bi thổ;
Thiên thượng chiêu hồi cát khánh triêu.
Đại hữu kim ngư minh tự trật;
Đài vô Đồng Tước niệm song Kiều.
Ưng tri Phật quốc đồng kinh quốc,
Phương thốn thanh trần thị tử tiêu.

DỊCH NGHĨA:

THUẬT CẢNH XUÂN HAI BÀI

BÀI 1

Cung xuân phủ tía đã trồng cây nêu,

Đuốc hoa như tranh giấy, đầy cầu bên sông.
Nhân gian vẽ nên cảnh từ bi;[1]
Trời cao dọi về buổi sớm tốt lành.[2]
Túi có kim ngư, rõ chữ phẩm trật;[3]
Đài không Đồng Tước, nhớ hai nàng Kiều.[4]
Xin nhớ rằng chốn kinh đô giống như đất Phật,
Có cõi trời mây tía, sạch hết bụi nhơ.

CHÚ THÍCH:

1.Đất từ bi, chỉ đất nhà Phật. Đây chỉ cảnh tịch mịch đầu năm mới.

2.Buổi sớm tốt lành, chỉ sớm mồng một tết, một buổi sớm mở đầu cho mùa xuân.

3.Kim ngư: Con cá bằng vàng, tức chiếc thẻ bài hình giống con cá, thường đựng trong túi, khi vào chầu mới đeo. Trên thân cá viết rõ phẩm trật.

4.Đồng tước: Chim sẻ bằng đồng, Tào Tháo đào được con chim bằng đồng, bèn xây đài và để con chim ở trong, gọi là đài Đồng Tước. Tào còn hẹn sẽ bắt hai nàng Kiều con gái Kiều Công ở Đông Ngô đem về nhốt trong đài để tiêu phí cả đời tuổi xuân.

69. 其二

滿城風雨滿城春
客館蕭疏對樹雲
老至有錢難買少
位高多歷不爲貧
韶盈耳傍宜忘肉
香馥心頭豈用薰
且酌太和迎歲旦
扶搖伴我有東君

PHIÊN ÂM:

KỲ NHỊ

Mãn thành phong vũ mãn thành xuân,
Khách quán tiêu sơ đối thụ vân.

Lão chí hữu tiền nan mãi thiểu;
Vị cao đa lịch bất vi bần.
Thiều doanh nhĩ bạng nghi vong nhục;
Hương phức tâm đầu khởi dụng huân.
Thả chước Thái Hòa nghênh tuế đán,
Phù dao bạn ngã hữu đông quân.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 2

Hơi xuân đầy thành, đầy thành mưa gió,
Mây quyện cây trước quán khách tiêu sơ.
Cảnh già đến, có tiền cũng khó mua được tuổi trẻ;
Địa vị cao, nhiều lịch, không thể là phận nghèo.(A)
Nhạc thiều vang bên tai, nên quên cả mùi thịt;(1)
Hương thơm nức trong lòng, há phải hun lên!
Hãy rót rượu Thái Hòa, đón mừng năm mới,(2)
Cùng ta bay bổng đã có chúa xuân.

NGUYÊN CHÚ:

A.Quan nhất phẩm có lệ được ban 100 bản lịch, lại ban thêm một bản hiến thư đời Thanh.

CHÚ THÍCH:

1.Nhạc thiều, nhạc của vua Thuấn. Khổng Tử khen là rất đẹp, rất phải, không ngờ nhạc mà đến thế được. Ở nước Tề ba tháng mà quên cả mùi thịt. (*Luận ngữ,* thiên *Thuật nhi*).

2.Rượu Thái Hòa: Thiệu Ung đời Tống tự xưng là An Lạc tiên, mỗi trưa uống ba bốn chén rượu cho khỏe, gọi là rượu Thái Hoà.

70. 新春誌喜二首

其一喜添孫

節到復陽殷薦祖
慶流豐水篤生孫
誠欣繁衍昌宗性

益仰懋培裕後昆
格應丁心開地軸
象徵亥月朗天門
好音報喜來摳省
春酒三杯酌滿樽

PHIÊN ÂM:

TÂN XUÂN CHÍ HỶ NHỊ THỦ

KỲ NHẤT: HỶ THIÊM TÔN

Tiết đáo phục dương ân tiến tổ,
Khánh lưu Phong thủy đốc sinh tôn.
Thành hân phồn diễn xương tôn tính;
Ích ngưỡng tư bồi dụ hậu côn.
Cách ứng Đinh tâm khai địa trục;
Tượng trưng Hợi nguyệt lãng thiên môn.
Hảo âm báo hỉ lai khu sảnh,
Xuân tửu tam bôi chước mãn tôn.

DỊCH NGHĨA:

GHI MỪNG XUÂN MỚI HAI BÀI

BÀI 1: MỪNG THÊM CHÁU

Tới tiết phục dương[1]linh đình cúng lễ tổ tiên,[A]
Phúc từ sông Phong chạy về,[2]sinh ngay cháu nội.[B]
Thật mừng thấy cảnh sinh sôi, giống nòi thịnh vượng;
Càng trông vào việc vun đắp, để đời sau đông vui.
Đất ứng với giữa phương Đinh, nổi lên gò cáo trục;[C]
Tượng nghiêng về mặt trăng cung Hợi, sáng rực cửa trời.[D]
Tin vui mừng báo, đưa đến đại sảnh,
Vò rượu xuân rót ra ba chén đầy.

NGUYÊN CHÚ:

A.Bản tộc lấy ngày đông chí làm ngày tế lễ tổ tiên rất long trọng ở trên đàn.

B.Cháu thơ sinh vào tháng 11 năm Đinh Tỵ.

C.Ngôi Mậu phần, ở phương Đinh nổi lên chiếc gò cáo trục, lấy nó làm tiền án.

D.Theo *Tử vi đẩu số*, sao Thái Âm ở cung Hợi gọi là "Nguyệt lãng thiên môn nhập cách" (Cách trăng sáng soi vào cửa trời).

CHÚ THÍCH:

1.Tiết Phục dương, thuộc tháng 11 âm lịch. Tháng 10 là tháng thuần âm (thuộc quẻ Khôn), sang tháng 11 khí dương mới bắt đầu sinh (thuộc quẻ Phục).

2.Sông Phong, tên con sông được nhắc ở bài "*Văn Vương hữu thanh*" trong *Kinh Thi*, nói việc mưu tính cho con cháu.

71. 其二喜添歲

行庚五十有三歲
僚友皆呼爲老成
而我只徒旋進退
於時實不關重輕
作詩度日句多拙
飲酒迎年樽少盈
但喜新春如童子
飽餐無術裨聖明

PHIÊN ÂM:

KỲ NHỊ: HỶ THIÊM TUẾ

Hành canh ngũ thập hựu tam tuế,
Liêu hữu giai hô vi lão thành.
Nhi ngã chỉ đồ toàn tiến thoái;
Ư thời thực bất quan trọng khinh.
Tác thi độ nhật cú đa chuyết;
Ẩm tửu nghênh niên tôn thiểu doanh.
Đãn hỉ tân xuân như đồng tử,
Bão san vô thuật tỳ thánh minh.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 2: MỪNG THÊM TUỔI

Tuổi tác ta nay đã năm mươi ba,
Bè bạn đều gọi là bậc lão thành.
Mà ta chỉ những quẩn quanh trong vòng tiến thoái;
Với thời gian thực không liên quan đến việc trọng khinh.
Làm thơ cho qua ngày, câu phần nhiều là vụng;
Uống rượu đón xuân, chén ít khi được đầy.
Nhưng mừng xuân mới cũng như con trẻ,
Chỉ biết ăn no, không tài cán gì giúp cho bậc thánh minh.

72. 寤語

余少年多病，睡時常有寤語叫叫數聲,陪者喚醒乃覺。因想法螺尊者法語謂玄光曰:"睡則寤語，不睡則不寤語，管甚麼風過樹聲"。眞妙道之言也。盡以道意。

萬感俱虛睡熟時
這中寤語有眞機
志能動氣成噓吸
心自存神那轉移
清夜畜餘理應發
元音復始聲尚希
樹風過去休須管
法語都從妙道摧

PHIÊN ÂM:

NGỤ NGỮ

Dư thiếu niên đa bệnh, thuỵ thời thường hữu ngụ ngữ khiếu khiếu sổ thanh, bồi giả hoán tỉnh nãi giác. Nhân tưởng Pháp Loa tôn giả pháp ngữ vị Huyền Quang viết: "Thuỵ tắc ngụ ngữ, bất thuỵ tắc bất ngụ ngữ, quản thậm ma phong quá thụ thanh." Chân diệu đạo chi ngôn dã. Tận dĩ đạo ý.

Vạn cảm câu hư thụy thục thì,
Giá trung ngụ ngữ hữu chân ky.
Chí năng động khí thành khư hấp;
Tâm tự tồn thần ná chuyển di.
Thanh dạ súc dư lý ứng phát;
Nguyên âm phục thủy thanh thượng hy.
Thụ phong quá khứ hưu tu quản,
Pháp ngữ đô tòng diệu đạo suy.

DỊCH NGHĨA:

NÓI MƠ

Ta lúc nhỏ hay đau ốm, khi ngủ thường nói mơ ú ớ mấy tiếng, đứa ở gọi mới biết. Nhân nghĩ tới câu của Pháp Loa tôn giả bảo sư Huyền Quang rằng: "Ngủ thì nói mơ, không ngủ thì không nói mơ, như tiếng gió thổi qua đám mây, để ý làm gì?" Thật là lời dạy rất mầu nhiệm. Viết để tỏ ý.

Khi ngủ say, mọi cảm xúc đều là hư ảo,
Lời nói trong mơ là lời nói thật.
Chí động được đến khí, thì thành thở hít;
Tâm tự giữ lấy thần, sao thể chuyển dời.
Đêm thanh chứa chất thừa, ắt phải phát ra;[A]
Nguyên âm trở lại ban đầu, ít khi thành tiếng.[1]
Như gió thổi qua cây, chẳng cần để ý,
Đều nên theo lời dạy mầu nhiệm của Pháp Loa mà suy.

NGUYÊN CHÚ:

A.Sách *Tả Truyện* [chép]: "Chứa chất nhiều thì sẽ phát ra."

CHÚ THÍCH:

1.Nguyên âm, cũng như "đại âm," nghĩa là tiếng to. Trong bài dùng để chỉ tiếng nói mơ.

73. 孤松

亭亭特立歲寒身
好似羲皇以上人
螺髻梵王長度嶺
雞皮仙叟健騰雲
春回樂共梅生子
秋靜歡邀桂作賓
傲盡雪霜還自信
洪鈞賦予不爲貧

PHIÊN ÂM:

CÔ TÙNG

Đình đình đặc lập tuế hàn thân,
Hảo tự Hy Hoàng dĩ thượng nhân.
Loa kế Phạn Vương trường độ lĩnh;
Kê bì tiên tẩu kiện đằng vân.
Xuân hồi lạc cộng mai sinh tử;
Thu tĩnh hoan yêu quế tác tân.
Ngạo tận tuyết sương hoàn tự tín,
Hồng quân phú dữ bất vi bần.

DỊCH NGHĨA:

THÔNG LẺ

Một thân sừng sững đứng trong mùa lạnh,
Giống hệt người thời Phục Hy thuở xưa.(1)
Tóc quăn như tóc Phật trải hoài trên đỉnh núi;(2)
Da gà tựa bà tiên mạnh bạo cưỡi mây.(3)
Xuân về, cùng với cây mơ vui kết thành quả;
Thu vắng, cùng quế mừng đón kết bạn bè.
Vẫn thường tự tin, rõn hết sương tuyết,

Bởi trời đã ban chẳng phải phận hèn.

CHÚ THÍCH:

1.Phục Hy, một vị vua hiền thời thượng cổ. Đào Tiềm nhà thơ điền viên, khi cáo quan trở về, thường nằm bên cửa sổ phương Bắc, mỗi khi gặp gió mát thì tự cho mình là người đời Phục Hy về trước. Ý chỉ cuộc sống tự do phóng túng.

2.Phật tóc quăn: Nguyên văn: "Loa kế Phạn Vương" chỉ Phật Thích Ca. Vì tóc quăn như trôn ốc nên tục gọi "bụt ốc." Trong bài, chỉ những cành lá thông.

3.Bà tiên da gà: Nguyên văn "kê bì tiên tẩu." Chữ "tẩu" chép lầm, chữ ẩu mới hợp nghĩa. Theo *Liệt nữ truyện*, bà Hạ Cơ tu tiên đắc đạo, da xù xì như da chân gà, lột rồi lại mọc ba lần liền, nghĩa là già rồi lại trẻ ra ba lần. Người ta thường gọi là tiên chân gà. Trong bài, chỉ vỏ xù xì của cây thông.

74. 孤山

匪是求高占獨尊
崚嶒奇骨得天根
心虛原不辭塵壤
頭直惟知有紫垣
聲到發時雷是友
氣相通處澤爲婚
凌霄血脈眞長遠
八萬繁支作子孫

PHIÊN ÂM:

CÔ SƠN

Phỉ thị cầu cao chiếm độc tôn,
Lăng tằng kì cốt đắc thiên côn.
Tâm hư nguyên bất từ trần nhưỡng;
Đầu trực duy tri hữu tử viên.
Thanh đáo phát thời lôi thị hữu;
Khí tương thông xứ trạch vi hôn.
Lăng tiêu huyết mạch chân trường viễn,
Bát vạn phồn chi tác tử tôn.

DỊCH NGHĨA:

NÚI LẺ

Chẳng phải cầu cao, chiếm ngôi cao nhất,
Cốt cách hiên ngang kì lạ, được bắt rễ từ trời.
Lòng rỗng chẳng hề từ bỏ bụi đất;
Đầu thẳng chỉ biết có sao Tử Vi.(1)
Khi tiếng phát ra, sấm là bầu bạn;
Nơi khí thông nhau, đầm là bạn đời.(2)
Huyết mạch tận trời, thật dài thật xa,
Tám vạn chi đông đúc đều là con là cháu.

CHÚ THÍCH:

1.Tử Vi là sao đế tinh, "Chỉ biết có sao Tử Vi" ý nói, chỉ biết có ông trời ở trên, phỏng theo ý thơ "*Vịnh núi*" của Khấu Chuẩn: "Chỉ hữu thiên tại thượng, cánh vô sơn dữ tề" (Chỉ có trời ở trên, không có núi nào bằng).

2.Theo *Kinh Dịch*, đầm là tượng quẻ Đoái, núi là tượng quẻ Cấn. Lời Thuyết quái nói: "Sơn trạch thông khí, nhiên hậu năng biến hóa thành vạn vật" (Núi và đầm thông khí với nhau, rồi sau sẽ biến hóa thành vạn vật). Bởi vậy, nên nói núi và đầm là lứa đôi chồng vợ.

75. 望拜崇德詞諸忌感作二首

家廟自八以後，茂墳弘墳仁墳六忌。一忌於制江望拜，五忌於京邸望拜，惟年燭與禮物數品而已。潦草陳儀然有感。

其一

親廟分支自茂墳
鬱金承祀係孱身
奉先有廟家兒代
追遠無儀客宦貧
歲月如流愴雨雪

祖宗隨在仰蒿焄
關山難學行仙縮
對節焚香只望雲

PHIÊN ÂM:

VỌNG BÁI SÙNG ĐỨC TỪ CHƯ KỲ CẢM TÁC NHỊ THỦ

Gia miếu tự nhập dĩ hậu, Mậu phần Hoằng phần Nhân phần lục kỳ. Nhất kỳ ư Chế Giang vọng bái, ngũ kỳ ư kinh để vọng bái, duy niên chúc dữ lễ vật sổ phẩm nhi dĩ. Lạo thảo trần nghi nhiên hữu cảm.

KỲ NHẤT

Thân miếu phân chi tự Mậu phần,
Uất Kim thừa tự hệ sàn thân.
Phụng tiên hữu miếu gia nhi đại;
Truy Viễn vô nghi khách hoạn bần.
Tuế nguyệt như lưu thương vũ tuyết;
Tổ tông tùy tại ngưỡng cao huân.
Quan san nan học hành tiên súc,
Đối tiết phần hương chỉ vọng vân.

DỊCH NGHĨA:

LỄ VỌNG CÁC NGÀY GIỖ Ở NHÀ THỜ SÙNG ĐỨC XÚC ĐỘNG MÀ VIẾT THÀNH THƠ HAI BÀI

Thế miếu nhà ta, [hàng năm] từ sau tháng 8 có sáu cái giỗ ở Mậu phần, Hoằng phần và Nhân phần.(1) Một giỗ cúng ở Chế Giang, còn năm giỗ cúng ở quán trọ tại kinh kỳ, chỉ có hương nến và vài món lễ vật mà thôi. Đơm cúng sơ sài, ngậm ngùi cảm động.

BÀI 1

Nhà thờ bậc tôn thân bắt đầu chia ngành từ Mậu phần,
Dâng rượu Uất Kim nối việc thờ cúng vốn là phận sự của thân hèn này.(2)
Cúng giỗ tổ tiên đã sẵn có nhà thờ, hẳn con trai ở quê nhà sẽ làm thay;

Nhớ lại đời xa mà không có lễ vật, vì mình làm quan,
đất khách nghèo túng.
Năm tháng như trôi qua, buồn nỗi mưa tuyết não nề;
Tổ tiên dường còn đó, ngẩng trông khói hương nghi ngút.
Đường quan san khó học phép tiên rút cho ngắn lại,[3]
Tới ngày giỗ tết, đành đốt hương kính cẩn trông mây.

CHÚ THÍCH:

1.Theo *Trung viễn đường bi ký* (A.647) Mậu phần là Ngô Thì Trân đời thứ 10. Hoằng phần là Ngô Thì Ức đời thứ 11. Nhân phần là Ngô Thì Sĩ, thân phụ tác giả.

2.Uất Kim: Tức là củ nghệ sắc lấy nước vàng rồi pha rượu sưởng (rượu nấu bằng gạo nếp) gọi là "rượu uất sưởng" dùng để tế lễ. Câu này ý nói, việc cúng giỗ vốn là phận sự của tác giả.

3.Phép tiên rút cho ngắn lại: Theo *Thần tiên truyện*, Phí Trường Phòng theo học phép tiên của Hồ Công. Hồ Công truyền cho phép rút đất, để muốn đi đến nơi nào cũng tới ngay.

76. 其二

積德培仁仰燕貽
餘慶曾驗卦中蓍
假王義自涉江發
祭主機從驚遠摧
氣結科文千世蔭
澤憑祖武百年垂
願言持守敦純孝
不敢登高不履危

PHIÊN ÂM:

KỲ NHỊ

Tích đức bồi nhân ngưỡng yến di,
Dư khương tằng nghiệm quái trung thi.
Gỉa vương nghĩa tự thiệp giang phát;

Tế chủ cơ tòng kinh viễn suy.
Khí kết khoa văn thiên thế ấm;
Trạch bằng tổ vũ bách niên thùy.
Nguyện ngôn trì thủ đôn thuần hiếu,
Bất cảm đăng cao bất lý nguy.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 2

Tu nhân tích đức, trông nhờ mưu hay,
Phúc thừa, trong quẻ bói cỏ thi từng nghiệm thấy.
Nhà vua tới, nghĩa lý đó toát ra từ ý lặn lội sông nước;(A)
Chủ việc tế, cơ mầu kia suy nghiệm từ ý kinh sợ cõi xa.(B)
Vượng khí kết thành văn khoa cử, ngàn đời che chở;(C)
Ơn đức nhờ vào dấu tổ tông, để lại trăm năm.
Xin thề giữ gìn chăm lo lòng thuần hiếu,
Không dám leo cao, chẳng dám vào chốn hiểm nguy.

NGUYÊN CHÚ:

A.Mùa hạ năm Đinh Tỵ (1797) cải táng Mậu phần ngôi ất, bói được điềm từ quẻ Hoán chuyển đến quẻ Truân. Thoán từ nói rằng: "Quẻ Hoán tốt, vua tới miếu tổ qua sông lớn có lợi."

B.Tháng trọng đông năm Đinh Tỵ, việc nước có điều lo lắng nghi ngờ, bèn bói được điềm từ quẻ Trấn động đến ầm ầm, sau đó cười nói khanh khách [đó là điềm] tốt. Tượng từ nói: Trấn kinh trăm dặm, kinh xa mà sợ gần vậy. Không mất chiếc muôi và rượu sưởng, ra ngoài có thể giữ được tông miếu xã tắc để làm chủ tế vậy.

C.Mậu phần hợp táng ở thôn Văn, xã Quang Liệt (mộ phần này phát văn khoa).

77. 孤舟

仁義爲篙忠信拖
年年泛作斗光槎
仙源不用千艚訪
佛海何妨一葉過

載道去來間壓浪
平心行止等盈科
濟川已具商岩楫
且聽魚兒勸酒歌

PHIÊN ÂM:

CÔ CHU

Nhân nghĩa vi cao trung tín đà,
Niên niên phiếm tác Đẩu quang sà.
Tiên nguyên bất dụng thiên tào phỏng;
Phật hải hà phương nhất diệp qua.
Tái đạo khứ lai nhàn áp lãng;
Bình tâm hành chỉ đẳng doanh khoa.
Tế xuyên dĩ cụ Thương Nham tiếp,
Khả thính ngư nhi khuyến tửu ca.

DỊCH NGHĨA:

THUYỀN CÔI

Lấy nhân nghĩa làm sào chống, trung tín làm bánh lái,
Hàng năm làm chiếc bè thả dưới sao Đẩu sáng ngời.
Dò hỏi nguồn tiền, chẳng dùng ngàn chiếc;
Vượt qua biển Phật, một chiếc ngại gì!
Chở đạo đi về, thảnh thơi lướt sóng;
Bình tâm đi đứng, mặc nước sông đầy.
Qua sông, mái chèo Thương Nham đã sẵn,(1)
Còn được nghe khúc hát mời rượu của con ông chài.

CHÚ THÍCH:

1. Thương Nham, tức Phó Duyệt, một tướng giỏi, được Ân Cao Tông khen: "Nếu qua sông lớn thì nhà ngươi là chiếc mái chèo."

78. 聞海濤聲

金鐵沉沉寂夜鳴
靜鍧辨得海濤聲
畜能載重宜無怒

謙本居卑起不平
世爲承風奔駛急
机因擊岸發雷轟
最深情處何人測
納盡群川獨惡盈

PHIÊN ÂM:

VĂN HẢI ĐÀO THANH

Kim thiết trầm trầm tịch dạ minh,
Tranh hoành biện đắc hải đào thanh.
Xúc năng tải trọng nghi vô nộ;
Khiêm bản cư ti khởi bất bình.
Thế vị thừa phong bôn sử cấp;
Cơ nhân kích ngạn phát lôi oanh.
Tối thâm tình xứ hà nhân trắc,
Nạp tận quần xuyên, độc ố doanh.

DỊCH NGHĨA:

NGHE TIẾNG SÓNG BIỂN

Tiếng sắt tiếng vàng dặt dìu xa xa trong đêm vắng,
Ầm ầm mà vẫn phân biệt được tiếng sóng biển.
Chứa chất: Hay chở vật nặng, nên không giận dữ;
Khiêm nhường: Vốn ở chỗ thấp, đâu có bất bình!
Nhờ thế cưỡi gió mà phóng nhanh như ngựa;
Nhân dịp vỗ bờ mà nổ tựa sấm vang.
Chỗ tình sâu nhất ai mà dò được,
Thu nạp hết thảy sông ngòi, chỉ ghét đỗi quá đầy.

79. 萬歲閣老

明憲宗靜攝帳內。宰相希得進見，詫內監求陛見言事。帝延入，宰相呼萬歲而退。近習大笑，稱爲萬歲閣老。文士氣味，從古如斯。余讀明史至此，亦不覺失笑。靜思後之笑今，亦猶今之笑古也。因記之留後。

季明宰相非言默
閣老猶傳萬歲名
升殿孌孌瞻帝座
降階喋喋作山聲
爲耽虞陛儀鳳舞
遂戒唐朝仗馬鳴
猶勝一般剛惡子
含沙堪惡亦堪驚

PHIÊN ÂM:

VẠN TUẾ CÁC LÃO

Minh Hiến Tông tĩnh nhiếp trướng nội. Tể tướng hy đắc tiến kiến, sá Nội giám cầu bệ kiến ngôn sự. Đế diên nhập, Tể tướng hô "Vạn tuế" nhi thoái. Cận tập đại tiếu, xưng vi Vạn tuế các lão. Văn sĩ khí vị, tòng cổ như tư. Dư độc Minh sử chí thử, diệc bất giác thất tiếu. Tĩnh tư hậu chi tiếu lệnh, diệc do kim chi tiếu cổ dã. Nhân ký chi lưu hậu.

Quý Minh Tể tướng phi ngôn mặc,
Các lão do truyền vạn tuế danh.
Thăng điện quỳ quỳ chiêm đế toạ;
Giáng giai điệp điệp tác sơn thanh.
Vị đam Ngu bệ nghi hoàng vũ;
Toại giới Đường triều trượng mã minh.
Do thắng nhất ban cương ác tử,
Hàm sa kham ố diệc kham kinh.

DỊCH NGHĨA:

NGÀI TỂ TƯỚNG MUỘN NĂM[1]

Vua Hiến Tông triều Minh nghỉ ngơi, tĩnh dưỡng trong cung. Quan Tể tướng muốn được gặp mặt vua, bèn ba hoa với quan Nội giám cần vào yết kiến để tâu việc. Vua mời vào, Tể tướng tung hô "muôn năm" rồi lui ra. Sau đó ít lâu, người ta quen miệng cả cười mà gọi là "Lão già muôn

năm"! Khí vị của người văn sĩ thời xưa vẫn thế! Tôi đọc đến đoạn sử này của người Minh cũng bất giác phì cười. Thầm nghĩ người đời sau sẽ cười người đời nay, cũng giống như người đời nay cười người đời xưa vậy. Nhân đó, viết để ghi lại.

Có quan Tể tướng triều Minh không nói cũng không im lặng,[A]
Ngài Tể tướng đó còn để lại cái tiếng "muôn năm"!
Lên điện, ngài nem nép nhìn chỗ vua ngồi;
Xuống thềm, ngài lem lém cất tiếng tung hô vạn tuế.[2]
Vì say đắm điệu múa chim phượng chầu chốn bệ Ngu;[3]
Bèn lấy chuyện ngựa hí ở triều Đường để răn giới.[4]
Tuy vậy còn hơn những thằng thuộc loại hung ác,
Ngậm cát phun người, đáng ghét lại đáng khinh.

NGUYÊN CHÚ:

A.Trang Tử nói: "Không nói, không im lặng, mang chứa được đạo lý tới tột bậc."

CHÚ THÍCH:

1.Tể tướng, nguyên văn "các lão." Từ đời Minh về sau thường gọi Tể tướng là "các lão".

2.Tung hô, dịch thoát chữ "sơn hô," chỉ lời bề tôi hô chúc vua muôn tuổi.

3.Bệ Ngu: Thiên *Ích Tắc, Kinh Thư* chép: "Tiêu thiều cửu thành, phượng hoàng lai nghi" (Ngu Thuấn chơi nhạc tiêu thiều chín lần thì chim phượng đến chầu). Trong bài dùng để chỉ kẻ xu phụ.

4.Ngựa triều Đường: Là loài ngựa tạc bằng đá hay bằng gỗ đặt chầu trước cung điện. *Đường thư* chép việc Lý Lâm Phủ, một viên Tể tướng gian ác, khiến các gian quan không ai dám nói thẳng. Một lần Đỗ Tiến dâng thư, liền bị giáng ra làm quan doãn ở Châu Khuê. Về sau, Lâm Phủ thường nhắc lại chuyện này để răn người khác rằng: Các ông có biết con ngựa đứng chầu không? Suốt ngày không hí tiếng nào thì được ăn lương Tam phẩm, chỉ hí một tiếng liền bị trách phạt ngay. Trong thơ chắc Ngô Thì Nhậm ám chỉ quyền thần Bùi Đắc Tuyên lộng hành triều chính?

80. 夢次男文莊王

中秋前一日，夜見文莊王來歸。余與正閩大喜，不知其已沒，認是公流落始回。慰藉勞苦，公陪坐良久，復

求南歸。余不肯捨，公請益力，乃使人偕來公所。尋見回言:公所居，象馬嚴肅，人民接續禮拜。余大驚訝，夢乃覺。

我在南寧夢見公
迄今又夢六年中
孝恭顏色如平素
英秀精神返太空
匪復晦庵來隊澤
遂教清廟峙芙蓉
相逢惆悵難聲急
淚落毫端寫不工

PHIÊN ÂM:

MỘNG THỨ NAM VĂN TRANG VƯƠNG

Trung thu tiền nhất nhật, dạ kiến Văn Trang Vương lai quy. Dư dữ chính khổn đại hỷ, bất tri kỳ dĩ một, nhận thị công lưu lạc thuỷ hồi. Uý tạ lao khổ, công bồi toạ lương cửu, phục cầu nam quy. Dư bất khẳng sả, công thỉnh ích lực, nãi sử nhân giai lai công sở. Tầm kiến hồi ngôn: Công sở cư, tượng mã nghiêm túc, nhân dân tiếp tục lễ bái. Dư đại kinh nhạ, mộng nãi giác.

Ngã tại Nam Ninh mộng kiến công,
Hất kim hựu mộng lục niên trung.
Hiếu cung nhan sắc như bình tố;
Anh tú tinh thần phản thái không.
Phỉ phục hối am lai Đội Trạch;
Toại giao thanh miếu trĩ Phù Dung.
Tương phùng trù trướng kê thanh cấp,
Lệ lạc hào đoan tả bất công.

DỊCH NGHĨA:

MỘNG THẤY CON TRAI THỨ LÀ VĂN TRANG VƯƠNG[1]

Trước tiết trung thu một ngày, đêm mộng thấy con trai thứ là Văn Trang Vương trở về. Ta cùng với vợ cả rất đỗi vui mừng, không biết rằng Ngài đã mất, cứ cho rằng Ngài lưu lạc ở đâu, nay trở về. Ta an ủi nỗi vất vả của Ngài, Ngài ngồi hầu giờ lâu, rồi lại xin từ giã về Nam. Ta không nỡ dời, Ngài càng năn nỉ xin đi. Ta bèn sai người cùng theo Ngài đến nơi ở. Người đi theo trở về bẩm rằng: Nơi Ngài ở, voi ngựa rất oai nghiêm, dân chúng liên tục đến lễ bái. Ta mới giật mình kinh ngạc, rồi bừng tỉnh mộng.

Ta ở Nam Ninh đã mộng thấy ngài một lần,[2]
Trong sáu năm, đến nay mới lại mơ thấy.
Nét mặt hiếu kính vẫn y ngày còn sống;
Tinh thần tốt đẹp đã thuộc về cõi trời.
Không về am tối mà trở lại làng Đội Trạch;[3]
Bèn khiến cho miếu thiêng sừng sững ở Phù Dung.[4]
Gặp nhau đang bùi ngùi thì gà đã dồn dập gáy,
Lệ rơi theo ngòi bút, viết chẳng được hay.

CHÚ THÍCH:

1.Văn Trang Vương (1776-1793), tên Ngô Thì Nghi, tự Dụng Cát, hiệu Văn Khê, con thứ hai của Ngô Thì Nhậm, là người học rất thông minh, năm mười tám tuổi ốm chết.

2.Nam Ninh, thủ phủ tỉnh Quảng Tây, năm 1793 Ngô Thì Nhậm từng đi sứ qua đó.

3.Đội Trạch, một làng thuộc huyện Kiến Xương, Thái Bình, là quê người vợ cả sinh ra Văn Trang Vương.

4.Phù Dung, nay là Phù Cừ, Hưng Yên, nơi đặt mộ táng người con này.

81. 寒食感懷

清明寒食朏初三
流水浮觴酌草庵
春暖正須鴻向北
月生空憶鵲飛南

啖君人去忠魂冷
上塚神遙客夢酣
勝會共啼冠六七
霧風想若著曾衫

PHIÊN ÂM:

HÀN THỰC CẢM HOÀI [a]

Thanh minh Hàn thực phỉ sơ tam,
Lưu thủy phù trường chước thảo am.
Xuân noãn chính tu hồng hướng bắc;
Nguyệt minh không ức thước phi nam.[b]
Đàm quân nhân khứ trung hồn lệnh;
Thường chủng thần dao khách mộng hàn.
Thắng hội cộng đề quan lục thất,
Vụ phong tưởng nhược trước Tăng sam.

DỊCH NGHĨA:

CẢM XÚC TRONG LÒNG NHÂN TIẾT HÀN THỰC[1]

Trăng mồng ba mới ló giữa đêm Hàn thực tiết thanh minh,
Rót rượu trong am cỏ, chén tràn như nước chảy.
Mùa xuân ấm, chính là lúc chim hồng quay lên bắc;
Trăng ló sáng, tưởng nhớ hoài chim thước bay về nam.
Cất thịt mời vua, người ấy đi rồi, hồn trung liệt đà lạnh lẽo;
Thanh minh tảo mộ, thần thái bâng khuâng, ngọt giấc mơ quê người,
Cùng dan tay với sáu bảy học trò, nhân ngày hội đẹp,
Tưởng như mặc áo thày Tăng Điểm hóng mát ở đài Vũ Vu.[2]

KHẢO DỊ:

a.Đầu bài này ở bản VHv.1743/23 viết: 寒食言懷 (Nói nỗi lòng nhân tết Hàn thực).

b.Chữ 月明 ở các bản đều chép là: 月生 (trăng mọc), chúng tôi dùng chữ "nguyệt minh" hợp nghĩa hơn.

CHÚ THÍCH:

1.Tiết Hàn thực: Ngày tết ăn đồ lạnh, trước tiết thanh minh một ngày. Tết này đặt ra để kỷ niệm Giới Tử Thôi: Tấn Văn Công lúc lưu vong được Giới Tử Thôi đi theo hầu hạ, lúc đói đã cắt cả da thịt mình cho Văn Công ăn. Nhưng khi trở về lại không được Văn Công ban thưởng, bèn lẳng lặng trốn vào trong

núi ở ẩn. Tấn Văn Công nhớ ra, cho người đi tìm gọi, song Thôi không ra, Văn Công cho đốt rừng và Tử Thôi đã ôm cây chết cháy. Tấn Văn Công thương tiếc, bèn hạ lệnh cho dân hàng năm cấm lửa trong ngày đó để tưởng nhớ Thôi. Ngày đó mọi người phải ăn thức ăn nguội, nên gọi là tết Hàn thực.

2.Tăng Điểm, học trò Khổng Tử, nói chí hướng của mình là muốn cùng sáu bảy học trò tắm ở sông Nghi, hóng mát trên đàn Vũ Vu, ngâm thơ rồi về.

82. 喜親弟明齋陞授翰林校理

此職先親初弟遷
儒書衣缽我家傳
特掄張相博求榜
殊結馬君知遇緣
午命土墳多發貴
紳班宗譜好光前
學勤行勵當爲事
萬里青雲要勉旃

PHIÊN ÂM:

HỶ THÂN ĐỆ MINH TRAI THĂNG THỤ HÀN LÂM HIỆU LÝ

Thử chức tiên thân sơ đệ thiên,
Nho thư y bát ngã gia truyền.
Đặc luân Trương tướng bác cầu bảng;
Thù kết Mã Quân tri ngộ duyên.
Ngọ mệnh thổ phần đa phát quý ;
Thân ban tông phả hảo quang tiền.
Học cần hành lệ đương vi sự,
Vạn lý thanh vân yếu miễn chiên.

DỊCH NGHĨA:

MỪNG EM RUỘT LÀ MINH TRAI ĐƯỢC THĂNG HÀN LÂM HIỆU LÝ

Cha ta khi mới đỗ được bổ chức quan này,
Truyền thống nho gia nếp nhà để lại.
Nhờ tìm rộng xa mà Trương tướng được kén chọn đặc biệt;(1)
Cậy duyên gặp gỡ mà Mã Quân được kết ơn khác thường.(2)
Mộ tổ phát về năm Ngọ, đa phần hiển quý;(A)
Phả họ thuộc hàng quan văn, rạng rỡ hơn xưa.
Chăm học, nết na, là việc nên làm,
Trên đường mây xanh muôn dặm phải nên gắng gỏi.

NGUYÊN CHÚ:

A.Ngôi mộ khánh phần của vị thủy tổ họ ta phát tích, gối lên phương Qúy (đông bắc), trông về phương Đinh (tây nam), những người sinh vào năm Dần, Ngọ, Tuất đều được qúy hiển. Minh Duệ Công thuộc ngành chót, sinh năm Tuất, đỗ đầu tiên, tiếp đó Huy Quận Công thuộc ngành thứ, sinh năm Ngọ, Phương Quận Công sinh năm Dần đều được hiển đạt.

Cha ta thuộc ngành trưởng, sinh năm Ngọ (Bính Ngọ 1726) được phong phúc thần đầu tiên. [Ta] sinh năm Dần (Bính Dần 1746), em ta là Bỉnh Phong sinh năm Tuất được phong Lai bá. Những người sinh năm Ngọ nay đều được hiển đạt. Chỉ có Dụng Cát sinh năm Bính Thân được thiên căn. Dần Thân sung đối nhau, cho nên cũng được phong phúc thần, song vì không hợp địa chi, nên chưa kịp bổ dụng. Tóm lại, mộ tổ hướng Đinh (tây nam), phàm người sinh ra mà được thiên can vào năm Bính, đều có tư cách làm đến vương hầu.

CHÚ THÍCH:

1.Trương Tướng, tức Trương Thuyết đời Đường, là người được triều đình đặc biệt cất nhắc, quan tới Trung thư lệnh tước Yên Quốc công. Trong bài dùng để chỉ người em Minh Trai được triều đình cho thăng quan.

2.Mã Quân, tức Mã Chu đời Đường, vì mách bảo cách xử thế về chính sự cho Thường Hà, nên được vua Đường Thái Tông biết tài và phong cho chức Giám sát Ngự sử. Trong bài dùng để chỉ sự thăng quan tiến chức của Minh Trai.

83. 封飯寺避雨

避雨封飯寺
僧柴僚客衣
禪床無障礙

佛火亦慈悲
鴻嶺九十嶺
藍江分四岐
車馬往來熟
玄門邂逅希
半日偷閒話
浮生樂可知
登程留一筆
姑記竹林師

PHIÊN ÂM:

PHONG PHẠN TỰ TỊ VŨ

Tị vũ Phong Phạn tự,
Tăng sài liêu khách y.
Thiền sàng vô chướng ngại,
Phật hỏa diệc từ bi.
Hồng lĩnh cửu thập lĩnh,
Lam giang phận tứ kỳ.[a]
Xa mã vãng lai thục,
Huyền môn giải cấu hy.
Bán nhật thâu nhàn thoại,
Phù sinh lạc khả tri.
Đăng trình lưu nhất bút,
Cô ký trúc lâm si.

DỊCH NGHĨA:

TRÁNH MƯA Ở CHÙA PHONG PHẠN[A]

Tránh mưa ở chùa Phong Phạn,
Củi sư nhóm hơ áo khách.
Giường thiền không trở ngại,
Lửa Phật cũng từ bi.
Non Hồng chín mươi ngọn,[1]
Sông Lam bốn ngả chia.

Ngựa xe đi về quen lối,
Gặp gỡ cửa huyền ít khi.
Nửa ngày trò truyện thư thả,
Mới hay thú vui cõi phù sinh.
Lên đường để lại vài nét bút,
Tạm ghi gửi sư ông nơi trúc lâm.(2)

KHẢO DỊ:

a.Bản VHv.1743/23 chép: 藍水分三岐 (Nước sông Lam phân ba nhánh).

NGUYÊN CHÚ:

A.Chùa ở bên phải bờ sông Lam , thuộc xã Hoà Lạc, huyện Nghi Xuân, Hà Tĩnh.

CHÚ THÍCH:

1.Hồng Lĩnh, ngọn núi phía nam sông Lam thuộc Nghệ An.

2.Trúc lâm tức rừng trúc, cũng như viện trúc, đều dùng chỉ nhà chùa.

84. 日麗海門夜泛

橫棹烏龍日向昏
望窮河海徹雲根
鴈臣萬里朝天闕
魚子三更唱海門
滿篋圖書憑斗照
飽帆忠信聽潮奔
蘭橈指向沙堤發
仰面微垣對至尊

PHIÊN ÂM:

NHẬT LỆ HẢI MÔN DẠ PHIẾM

Hoành trạo Ô Long nhật hướng hôn,
Vọng cùng hà hải triệt vân côn.
Nhạn thần vạn lí triều thiên khuyết;
Ngư tử tam canh xướng hải môn.

Mãn khiếp đồ thư bằng Đẩu chiếu;
Bão phàm trung tín thính trào bôn.
Lan nhiêu chỉ hướng sa đê phát;
Ngưỡng diện vi viên đối chí tôn.

DỊCH NGHĨA:

ĐÊM BƠI THUYỀN QUA CỬA NHẬT LỆ[1]

Trời chiều chèo thuyền ngang qua vụng Ô Long,[A]
Sông biển suốt tới chân mây, thoả thuê ngắm.
Từ muôn dặm, kẻ bề tôi về chầu cửa trời;
Đêm canh ba, anh thuyền chài hát nơi cửa biển.[B]
Đầy rương sách vở, nhờ ánh sao Đẩu rọi soi;
Căng buồm trung tín, băng theo nước triều chảy xiết.
Chèo lan nhằm thẳng theo con đê cát,[C]
Ngẩng trông chùm Tử Vi như đối diện với bậc chí tôn.[2]

NGUYÊN CHÚ:

A.Thuyền của vua Thuần Hoàng Đế qua cửa bể Nhật Lệ, sai đặt tên đất này là Ô Long. Trong thơ của ông làm có câu: "Lâu thuyền kích cổ quá Ô Long" (Trống đánh thuyền lầu qua cửa Ô Long). Câu này xuất xứ trong sách *Minh lương cẩm tú*. (Thuần Hoàng Đế, tức Lê Thánh Tông (1442-1497), là Tao Đàn đô nguyên suý; *Minh lương cẩm tú* là một trong những tác phẩm của ông).

B.Thuyền của người thuyền chài đi hộ tống ban đêm, vừa chèo thuyền vừa hát câu hò khoan.

C.Phép nhà Đường, con đường đá ở Trung thư môn hạ sảnh phủ cát, gọi là đê cát. Từ cửa biển Hội Thống Nghệ An đến Thuận Hóa, Quảng Nam, ven biển đều là đê cát nên viết như vậy.

CHÚ THÍCH:

1.Cửa Nhật Lệ, nay thuộc tỉnh Thừa Thiên - Huế.

2.Tử Vi, chòm sao chỉ đế tinh.

85. 再經禪林寺

相府繁花局已移
村崗古剎尚依依
寒泉警世耽權利

枯樹嘲人作福威
既往是非雲變化
如來空色月明輝
經過故阯重回首
爲吊西風酹一卮

PHIÊN ÂM:

TÁI KINH THIỀN LÂM TỰ

Tướng phủ phồn hoa cục dĩ di,
Thôn cương cổ sát thượng y y.
Hàn tuyền cảnh thế đam quyền lợi;
Khô thụ trào nhân tác phúc uy.
Ký vãng thị phi vân biến hóa;
Như Lai không sắc nguyệt minh huy.
Kinh qua cố để trùng hồi thủ;
Vị điếu tây phong loại nhất chi.

DỊCH NGHĨA:

LẠI QUA CHÙA THIỀN LÂM[A]

Cuộc phồn hoa ở tướng phủ đã đổi thay rồi,
Mà chùa cũ trên gò trong thôn vẫn còn đó.
Suối lạnh răn đời: Chớ tham quyền lợi;
Cây khô cười người làm phúc ra uy.
Điều phải trái đã qua, như mây vần chuyển,
Lẽ "sắc không" vẫn thường tới, tựa trăng sáng ngời.
Đi qua dinh cũ còn quay đầu lại,
Rót một chén rượu để viếng gió tây.[B]

NGUYÊN CHÚ:

A.Chùa ở bên trái bờ sông Hương, quan Quốc cữu thái sư là Hưng Quốc công lấy chùa làm nhà ở. Sau Quốc cữu bị tội, người làng lại lấy làm chùa.

B.Tấn Vương Tôn mỗi khi có gió tây nổi lên, giơ quạt che bụi nói: "Bụi của Nguyên Quy làm nhơ nhuốc người."

Nguyên Quy, tự là Dữu Lượng, cậu của Thành Đế đời Tấn. (Ở đây dùng để chỉ Quốc cữu thái sư Hưng Quốc công, tức Bùi Đắc Tuyên, cậu vua Cảnh Thịnh).

DỊCH THƠ:

Tướng phủ phồn hoa cảnh đổi thay,
Trong thôn chùa cũ vẫn còn đây.
Cây khô cười kẻ say quyền trọng;
Suối lạnh răn người hám túi đầy.
Thường thấy "sắc không" trong tựa nguyệt;
Đã xem phải trái chuyển như mây.
Qua dinh lũy cũ, đầu quay lại,
Be rượu rót vì viếng gió tây.

Lâm Giang

86. 宮槿花

穠英蓓蕾玉墀邊
長立紆朱侍御前
素質無香誰與妒
紅顏不婿更堪憐
春花謝盡單成佛
色相移來本自禪
不是四時誇貴顯
丹心照向日中天

PHIÊN ÂM:

CUNG CẬN HOA

Nùng anh bội lỗi ngọc trì biên,
Trường lập vu chu thị Ngự tiền.
Tố chất vô hương thùy dữ đố?
Hồng nhan bất tế cánh kham liên.
Xuân hoa tạ tận đơn thành Phật;
Sắc tướng di lai bản tự thiền.
Bất thị tứ thời khoa quý hiển,
Đan tâm chiếu hướng nhật trung thiên.

DỊCH NGHĨA:

HOA DÂM BỤT TRONG CUNG

Hoa, nụ xum xuê nở bên thềm ngọc,
Kết thành mầu đỏ chầu trước Ngự tiền.
Bản chất không hương ai mà ghen ghét?
Má hồng ở vậy, lại càng đáng thương.
Hoa xuân tàn hết, riêng mình thành Bụt;
Sắc tướng đưa tới, vốn tự cõi thiền.(1)
Không phải bốn mùa đều khoe hiển quý,
Lòng son rọi về vầng nhật giữa trời.

CHÚ THÍCH:

1."Sắc tướng," từ nhà Phật, chỉ hình thức của ngoại vật.

DỊCH THƠ:

Um tùm bệ ngọc hoa cùng nụ,
Đỏ rực chầu quanh chốn Ngự tiền.
Bản chất không hương, ai ghét nhỉ?
Hồng nhan ở vậy, đáng thương thêm!
Hoa xuân tàn hết, riêng thành Bụt;
Hình dáng gây nên tự cõi thiền.
Chẳng phải bốn mùa khoe hiển quý,
Soi theo vầng nhật một lòng son.

Trương Đình Nguyên

87. 香江夜泛

禁鼓三鼕城上樓
蘭橈疾棹出汀洲
折流隱約金龍躍
臨渚依微玉盞浮
沙淺白隨漁火見
授深青逐鳳雲幽
更闌靜酌三杯酒
月淡波平並賞秋

PHIÊN ÂM:

HƯƠNG GIANG DẠ PHIẾM

Cấm cổ tam đông thành thượng lâu,
Lan nhiêu tật trạo xuất đinh châu.
Chiết lưu ẩn ước Kim Long dược;
Lâm chử y vi Ngọc Trản phù.
Sa thiển bạch tùy ngư hỏa hiện;
Thụ thâm thanh trục phượng vân u.
Canh lan tĩnh chước tam bôi tửu,
Nguyệt đạm ba bình tịnh thưởng thu.

DỊCH NGHĨA:

CHƠI THUYỀN ĐÊM TRÊN SÔNG HƯƠNG

Trên lầu thành điểm ba hồi trống cấm,
Chèo lan bơi gấp ra khỏi bãi sông.
Ngang qua sông, cầu Kim Long vọt lên thấp thoáng;[A]
Kề bến nước, bãi Ngọc Trản mờ mờ nổi lên.[B]
Cát cạn trắng xoá, trong ánh lửa chài;
Cây dày xanh thẳm dưới mây núi Phượng.[C]
Canh khuya lặng lẽ uống ba chén rượu,
Tận hưởng vẻ thu: Sóng lặng trăng mờ.

NGUYÊN CHÚ:

A.Kim Long (tên cầu): Xem chú trong thơ "Tòng giá hạnh nhưng môn quan hải."

B.Ngọc Trản (tên núi), còn gọi là "Hòn Chén" ở bên trái lăng Xương Thụy.

C.Lửa chài: Ở bên phải phía trước Văn Miếu có bãi cát trắng nổi lên, thuyền chài đậu san sát, lửa chài đỏ rực phản chiếu trên cát trắng.

Núi Phượng, tức núi Kim Phượng, ở phía nam lăng Xương Thụy, còn gọi là "hòn Đôn," một giải vòng vèo nối liền với núi Ngọc Trản.

DỊCH THƠ:

Trống thành đã điểm ba hồi,
Chèo lan bơi gấp vội rời bãi sông.
Ngang dòng thấp thoáng Kim Long,
Mơ màng Ngọc Trản nổi trông bến mờ.
Lửa soi cát trắng nông sờ,

Âm u mây phượng phủ bờ cây xanh.
Canh khuya yên nhắp chén quỳnh,
Trăng mờ sóng lặng mặc tình ngao du.

Trương Đình Nguyên

88. 積 雨

玄珍洒盡幽愁淚
化作春梅夜雨聲
宗國寡情仇粉黛
夷夫無分浼琚珩
三洲聘禮公千古
萬里佳人誤一生
怨恨應隨潮水漲
江村淅瀝訴寒更

PHIÊN ÂM:

TÍCH VŨ

Huyền Trân sái tận u sầu lệ,
Hóa tác xuân mai dạ vũ thanh.
Tông quốc quả tình cừu phấn đại;
Di phu vô phận mội Cư Hành.
Tam châu sính lễ công thiên cổ;
Vạn lý giai nhân ngộ nhất sinh.
Oán hận ưng tùy trào thủy trướng,
Giang thôn tích lịch tố hàn canh.

DỊCH NGHĨA:

MƯA DẦM

Nàng Huyền Trân đã nhỏ hết giọt lệ u sầu,(A)
Hóa thành tiếng mưa dầm trong đêm xuân mai nở.
Tổ quốc bạc tình thù ghét người son phấn;
Chồng mọi vô duyên làm bẩn ngọc Cư Hành.

Sính lễ bằng ba châu, lợi chung muôn thủa;
Người đẹp ngoài vạn dặm bị lỡ một đời.
Nỗi oán hờn hẳn còn trào dâng theo con nước,
Tí tách xóm bên sông, thở than giữa canh khuya lạnh lùng!

NGUYÊN CHÚ:

A.Vua Chiêm Thành là Chế Củ hiến ba châu: Ma Rí, Minh Linh, Bố Chính làm sính lễ cưới Huyền Trân công chúa. Khi Chế Củ chết, theo tục người Chiêm sẽ đem công chúa thiêu trên giàn lửa. Vua [Trần] Anh Tông sai quan Hành khiển Trần Khắc Chung, cưỡi thuyền vượt bể để cướp công chúa về. Khắc Chung tư thông với công chúa, nấn ná trên biển đầy năm mới về. Người Chiêm nhớ công chúa nên đặt tên cửa bể là "Tư Dung." Thời Mạc kiêng húy nên gọi lại là cửa "Tư Khách."

89. 化州二首

其一

披閱輿圖十有三
化州封域古扶南
山連海氣煙無瘴
海接山源水不鹹
日昺氣熏冬雨苦
石沙味潔井泉甘
自從淳廟移民後
樂土如今甲猛函

PHIÊN ÂM:

HÓA CHÂU NHỊ THỦ
KỲ NHẤT

Phi duyệt dư đồ thập hữu tam,
Hóa châu phong vực cổ Phù Nam.
Sơn Liên hải khí yên vô chướng;
Hải tiếp sơn nguyên thủy bất hàm.
Nhật mão khí huân đông vũ khổ;

Thạch sa vị khiết tỉnh truyền cam.
Tự tòng Thuần miếu di dân hậu,
Lạc thổ như kim giáp Mãnh Hàm.

DỊCH NGHĨA:

CHÂU HÓA HAI BÀI

BÀI 1

Mở xem dư đồ, có mười ba chốn,(1)
Miền châu Hóa là đất Phù Nam xưa.(A)
Hơi không độc, núi liền với khí biển;
Nước không mặn, biển tiếp nguồn non.
Giữa đông vẫn ấm, mưa đông tầm tã;(2)
Cát đá sạch trong, mạch giếng ngọt lành.
Kể từ sau buổi Thánh Tông di dân đến,(B)
Cảnh yên vui nay hơn hẳn chốn Mãnh, Hàm.(3)

NGUYÊN CHÚ:

A.Đất Lâm Ấp ở bên bờ biển, xưa thuộc họ Việt Thường, nay là Thuận Hóa, Quảng Nam.

B.Thánh Tông Thuần Hoàng Đế di dân Thanh Hóa, Nghệ An đến ở Thuận Hóa; di dân Tứ trấn đến ở Quảng Nam và đem dân còn lại của Thuận Hóa, Quảng Nam di đến chỗ dân Tứ trấn cùng lập trang ấp để ở.

CHÚ THÍCH:

1.Mười ba chốn (nơi): *Đại Việt sử ký toàn thư* chép: Lê Thánh Tông năm Quang Thuận thứ 10 (1469) chia bản đồ nước ta làm 12 Thừa tuyên. Năm Hồng Đức thứ 2 (1476) lấy được đất Đồ Bàn của Chiêm Thành gọi là Quảng Nam thừa tuyên. Tổng cộng là 13 thừa tuyên.

2.Giữa đông, dịch chữ "Nhật mão." *Kinh Thư,* chương Nghiêu điển chép: "Nhật đoản, tinh mão, dĩ chính trọng đông" (Ngày ngắn, có sao Mão, chính là tháng giữa đông).

3.Mãnh, Hàm: Tức đất Mãnh Ách, một cửa ải hùng tráng của Nguỵ, thuộc huyện Tín Dương, tỉnh Hà Nam.

Hàm, tức Hàm Cốc, một cửa ải xưa của Tần, thời Chiến Quốc, thuộc huyện Linh Bảo, Trung Quốc.

90. 其二

二百年前小伯都
依然城闕舊規摸

隱星事業重齊晉
分鼎江山再魏吳
旺氣東南留紫蓋
長江左右宛黃圖
誰知一帶沙提邑
遂作當今旅覲途

PHIÊN ÂM:

KỲ NHỊ

Nhị bách niên tiền tiểu bá đô,
Y nhiên thành khuyết cựu quy mô.
Ẩn tinh sự nghiệp trùng Tề Tấn,
phân đỉnh giang san tái Ngụy Ngô.
Vượng khí đông nam lưu tử cái;
Trường giang tả hữu uyển hoàng đồ.
Thùy tri nhất đới sa đê ấp,
Toại tác đương kim lữ cận đồ.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 2

Hai trăm năm trước đây là kinh đô nước nhỏ,
Thành quách vẫn y nguyên nếp xưa.
Sự nghiệp của ẩn tinh[A] muốn lập lại chuyện Tề, Tấn;[1]
Non sông chia chân vạc, lại làm tựa Ngụy Ngô.[2]
Ở đông nam khí thịnh còn để lại chiếc lọng tía;[B]
Hai bờ sông dài vẫn nguyên bức tranh vàng.[C]
Ai ngờ một giải đô ấp trên đê cát này,
Lại thành con đường cho lữ khách nay về triều kiến.

NGUYÊN CHÚ:

A.Ẩn tinh: Sao Ẩn ở cung Đoái, chỉ vào chúa Trịnh, chúa Nguyễn.

B.Lọng tía: Vốn bắt nguồn từ câu: "Hoàng kỳ tử cái vượng tại đông nam" (Cờ vàng lọng tía, vượng khí ở phía đông nam) "lọng tía" để chỉ vượng khí. (Câu trên vốn là lời của sứ giả nước Ngô thời Tam Quốc tên là Trần Hóa trả lời Ngụy Văn Đế. Xem *Tam quốc chí, Tôn Hạo truyện*).

C.Theo quy chế cũ, bên phải sông Hương là doanh trại lính bộ, bên trái là doanh trại lính thủy. Theo sách *Tây kinh tạp ký* đời Hán nơi đóng đô được gọi là Trường An. Theo sách *Tam bổ phụ hoàng đồ* đời Hán, kinh đô được gọi là Hoàng đồ (bức tranh vàng).

CHÚ THÍCH:

1.Tề, Tấn: Tức Tề Cao Đế, tên Đạo Thành, làm quan triều Tống, sau cướp Tống đổi lại là nước Tề, và Tấn Vũ Đế, tên Tư Mã Viêm, ông cha đều là tướng nước Ngụy, đến đời Viêm liền cướp ngôi Ngụy, đổi làm nước Tấn.

2.Câu này ý nói, Trịnh, Nguyễn cũng muốn chia cắt non sông như Ngụy, Ngô... thời Tam Quốc. Thời này Ngụy, Ngô, Thục đã chia thiên hạ của nhà Hán ra làm ba như thế chân vạc để cai trị riêng và người ta gọi sự kiện đó là "Tam phân đỉnh túc."

91. 有所思十首

其一

仰視長空有所思
陰陽翕闢孰爲之
越裳冬至千山濕
嶺服春分萬陡馳
自是雨晴關地氣
何嘗寒暑舛天機
且從草木關開謝
金石方能信四時

PHIÊN ÂM:

HỮU SỞ TƯ THẬP THỦ
KỲ NHẤT

Ngưỡng thị trường không hữu sở tư,
Âm dương hấp tịch thục vi chi.
Việt Thường đông chí thiên sơn thấp;
Lĩnh Phục xuân phân vạn tẩu trì.

Tự thị vũ tình quan địa khí;
Hà thường hàn thử suyễn thiên ky.
Thả tòng thảo mộc quan khai tạ,
Kim thạch phương năng tín tứ thì.

DỊCH NGHĨA:

NHỮNG ĐIỀU SUY NGHĨ MƯỜI BÀI

BÀI 1

Ngẩng trông trời rộng, có điều suy nghĩ:
Âm dương đóng mở, ai đã gây nên?
Tiết đông chí ở Việt Thường, nghìn non đều ẩm ướt;[A]
Tiết xuân phân ở Lĩnh Phục, muôn gò chảy băng băng.[B]
Mưa nắng vậy là quan hệ với khí đất;
Nóng lạnh chưa từng trái ngược với cơ trời.[1]
Hãy xem cỏ cây lúc rụng lúc mọc,
Riêng có vàng, đá đúng với bốn mùa.

NGUYÊN CHÚ:

A.Thuận Hoá, Quảng Nam vốn là đất Việt Thường xưa, sau tiết đông chí (ngày 12 tháng 12) thường hay mưa nhiều.

B.Từ Việt Tây đến Hồ Nam, sau tiết xuân phân (ngày 21 tháng 3) thường hay mưa lũ, đốc đá, suối khe, nước chảy băng băng như muôn nghìn ngựa phóng nhanh. (Lĩnh Phục, chỉ đất Trung Quốc xưa).

CHÚ THÍCH:

1.Cơ trời, chỉ sự vận hành của trời đất.

92. 其二

歷盡輿圖有所思
職方同異就中摧
烏山尖似桂山戢
香水滑如得水脂
胡越土田不相別
北南風景何可岐
要就崑崙觀脈絡
勃堙一氣自當知

PHIÊN ÂM:

KỲ NHỊ

Lịch tận dư đồ hữu sở ti,
Chức phương đồng dị tựu trung suy.
Ô sơn tiêm tự Quế sơn trấp;
Hương thuỷ hoạt như đắc thuỷ chi.
Hồ Việt thổ điền bất tương biệt;
Bắc Nam phong cảnh hà khả kỳ.
Yếu tựu Côn Lôn quan mạch lạc,
Bột nhân nhất khí tự đương tri.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 2

Xem hết địa đồ, có điều suy nghĩ,
Từ đó suy ra chỗ giống hoặc khác nhau của bốn phương.
Núi Ô nhọn hoắt như giáo giống hệt núi Quế;(A)
Nước sông Hương trơn tuột như mỡ tựa sông Tầm.(B)
Ruộng đất Hồ Việt không khác nhau mấy tí;
Phong cảnh Bắc Nam sao thể tách riêng?
Cần tới Côn Lôn để xem mạch đất,(1)
Nổi chìm một khí, tự mình khắc hay.

NGUYÊN CHÚ:

A.Những ngọn núi ở Châu Ô nhọn hoắt như những ngọn kích bày ra, giống hệt núi ở Quế Lâm.

B.Sông Hương ở châu Hoá, nước trơn nhầy như mỡ xanh, giống hệt nước sông Ngô Tầm ở Việt Tây.

CHÚ THÍCH:

1.Côn Lôn, dãy núi cao to nổi tiếng ở Châu Á, mạch dài chia nhiều ngả, người xưa cho đó là tổ của các núi.

93. 其三

觀盡民風有所思
聲容氣習孰摧移
河南服似滿州服
城北衣如回紇衣

好尚大都隨運會

采章原不別華夷

文明開闢無深阻

血氣同胞一理摧

PHIÊN ÂM:

KỲ TAM

Quan tận dân phong hữu sở tư,
Thanh dung khí tập thục suy di.
Hà Nam phục tự Mãn Châu phục;
Thành Bắc y như Hồi Ngột y.
Hiếu thượng đại đô tuỳ vận hội;
Thái chương nguyên bất biệt Hoa Di.
Văn minh khai tịch vô thâm trở,
Huyết khí đồng bào nhất lý suy.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 3

Xem hết phong tục của dân, có điều suy nghĩ,
Tiếng nói, dáng hình, tính khí, tập quán, khác gì đâu?
Y phục Nam Hà giống như y phục Mãn Châu;(A)
Kiểu áo Bắc Thành cũng hệt kiểu áo Hồi Ngột.(B)
Sở thích phần nhiều đều theo vận hội;
Sắc thái vốn chẳng phân biệt Hoa Di.
Văn minh mở rộng, có gì cách trở,
Mọi lẽ suy ra, cùng máu mủ đồng bào.

NGUYÊN CHÚ:

A.Ở Nam Hà, từ đời Hiếu Vũ Vương đổi y phục theo phong tục ở phía Bắc. Nay quần áo của dân ở đây giống như quần áo của dân trong Nội địa (Nam Hà, vùng đất từ sông Gianh trở vào).

B.Y phục của bốn trấn Bắc Thành giống như y phục của nước Hồi Ngột.

94. 其四

閒玩前編有所思
春秋氣運最堪悲
主臣作對三分鼎
翁婿成仇半局棋
帝霸已隨周晉古
江山不改李陳時
綱疇萬古存公案
虎鬥龍爭慢逞威

PHIÊN ÂM:

KỲ TỨ

Nhàn ngoạn tiền biên hữu sở tư,
Xuân Thu khí vận tối kham bi.
Chủ thần tác đối tam phân đỉnh;
Ông tế thành cừu bán cục kỳ.
Đế bá dĩ tuỳ Chu Tấn cổ;
Giang sơn bất cải Lý Trần thì.
Cương trù vạn cổ tồn công án,
Hổ đấu long tranh mạn trình uy.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 4

Khi rồi, xem kỹ sử xưa, có điều suy nghĩ,
Khí vận như đời Xuân Thu, thật ra đáng buồn.(1)
Vua tôi đối địch, chia thế ba chân vạc;(A)
Bố vợ, con rể cừu hận, tranh nửa thế cờ.(B)
Nào đế, nào bá, đã theo khuôn Chu, Tấn cũ;(2)
Núi non sông nước không đổi được đời Lý, Trần.
Kỷ cương phép tắc muôn thuở, án luật chung vẫn còn,
Hổ, rồng hãy từ từ ra uy, tranh đấu.

NGUYÊN CHÚ:

A.Lê, Trịnh, Nguyễn cùng đối đầu nhau. Nhà Lê chiếm được một phần mười số dân, họ Trịnh chiếm được bảy phần mười số dân, họ Nguyễn chiếm được hai phần mười số dân, nhưng đều coi nhà Lê là chúa chung.

B.Họ Nguyễn là bố vợ, họ Trịnh là con rể, trong vòng 200 năm chỉ có hai họ tranh giành nhau, nhà Lê không tham gia trong đó, nên gọi là "bán cục"(nửa thế cuộc).

CHÚ THÍCH:

1.Đời Xuân Thu, các nước chư hầu tranh giành nhau coi thường Thiên tử nhà Chu. Khổng Tử nhân chép ra bộ sử ký nước Lỗ, để khen, chê các hước chư hầu. Bộ sử đó được gọi là bộ Kinh Xuân Thu, vì thế mà gọi là đời Xuân Thu. ở nước ta, thời Lê Trung hưng cũng giống đời Xuân Thu: Họ Trịnh, họ Nguyễn tranh giành nhau, vua Lê chỉ ngồi làm vì.

2.Chu, Tấn, hai triều đại loạn ly ngắn ngủi thời Ngũ Đại. Nhà Tấn giữ ngôi 11 năm (936-946), nhà Chu giữ ngôi 9 năm (951-956).

95. 其五

人類摧原有所思
朔南遷換好研幾
越裳有種從驩演
交趾無蠻自晉隋
變盡髻槌兼服毀
化成悅禮與敦詩
西南番地生賢聖
朱子遺言不我欺

PHIÊN ÂM:

KỲ NGŨ

Nhân loại suy nguyên hữu sở tư,
Sóc Nam thiên hoán hảo nghiên ky.
Việt Thường hữu chủng tòng Hoan Diễn;

Giao Chỉ vô man tự Tấn Tuỳ.
Biến tận kế chuỳ kiêm phục huỷ;
Hoá thành duyệt lễ dữ đôn thi.
Tây nam phiên địa sinh hiền thánh,
Chu Tử di ngôn bất ngã khi.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 5

Xét nguồn gốc loài người, có điều suy nghĩ,
Nam Bắc đổi thay theo thời cơ tốt lành.
Họ Việt Thường có nòi giống từ châu Hoan, châu Diễn;(A)
Đất Giao Chỉ không phải man di từ đời Tấn, đời Tuỳ.(B)
Đổi hết tục búi tóc nhọn và kết cỏ làm áo;
Thành thói quen ham lễ nhạc và chuộng thi thư.
Đất phên dậu phía tây nam nảy sinh bậc hiền thánh,
Lời Chu Tử để lại quả chẳng dối ta.(C)

NGUYÊN CHÚ:

A.Họ Việt Thường bắt đầu đánh chiếm đất Chiêm Thành từ đời Lý, Trần, về sau bắt đầu di dân ở châu Hoan, châu Diễn đến ở đó. Nay Chiêm Thành không còn nữa.

B.Từ đời Tấn, Tuỳ về sau có đặt chức Thứ sử ở Giao Châu, chia đất Giao Châu ra làm quận huyện, tiêu diệt hết người Man di ở khe động thuộc Giao Chỉ, rồi di dân ở Nội địa đến ở.

C.Chu Tử nói: Nước phên dậu ở phía tây nam, có bậc thánh hiền sinh ra, văn tự cùng sánh với Trung Quốc, đó cũng là do khí vận xui nên vậy.

96. 其六

觀地生財有所思
交州卻是化州宜
外經疊嶺多禾稻
內入橫山少荔枝
驛望春來田菜秀
思容秋淨海鱗肥
六群州渚今方孕
向後桑田未可知

PHIÊN ÂM:

KỲ LỤC

quan địa sinh tài hữu sở tư,
Giao Châu khước thị Hoá Châu nghi.
Ngoại kinh Điệp lĩnh đa hoà đạo;
Nội nhập Hoành Sơn thiểu lệ chi.
Dịch Vọng xuân lai điền thái tú;
Tư Dung thu tịnh hải lân phì.
Lục Quần châu chử kim phương dựng,
Hướng hậu tang điền vị khả tri.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 6

Thấy đất nảy sinh của cải, có điều suy nghĩ,
Đất Giao Châu cũng giống thổ nghi Hoá Châu.(1)
Tam Điệp trở ra, trồng nhiều lúa nếp;(2)
Hoành Sơn trở vào, ít giống vải thiều.(3)
Xuân về làng Dịch Vọng, ruộng rau tươi tốt;(A)
Thu quang cửa Tư Dung, cá bể béo ngon.(B)
Bãi biển Lục Quần, nay đương nổi lên,(C)
Lúa dâu sau này chưa thể lường được.

NGUYÊN CHÚ:

A.Dịch Vọng, một ấp thuộc thành Thăng Long.

B.Tư Dung, một cửa bể gần Phú Xuân.

C.Lục Quần, nay thuộc Nam Chân, trấn Sơn Nam, gồm Quần Hàn, Quần Nhận, Quần Anh, Quần Bè, Quần Rờ, Quần Cốc, là một dải bãi biển chạy liền đến ngoại xứ Thanh Hoa, châu thổ đang nổi lên. Tương lai, các bãi biển Thanh, Nghệ, Thuận, Quảng liên tiếp nổi lên, cũng chưa biết chừng.

CHÚ THÍCH:

1.Giao Châu, một bộ phận đất Giao Chỉ xưa, nay thuộc khu vực Bắc bộ. Hoá Châu, nay thuộc Bình Trị Thiên.

2.Tam Điệp, còn gọi là đèo Ba Dọi, ranh giới giữa tỉnh Thanh Hoá và Ninh Bình ngày nay.

3.Hoành Sơn, tức đèo Ngang, ranh giới giữa tỉnh Hà Tĩnh và Quảng Bình ngày nay.

97. 其七

南上交壇有所思
一王制度各隨宜
園丘址上規模闊
昭事臺前殿宇卑
代有廢興空感慨
事無印定驗摧移
聖朝混一非前比
不是儒臣妙展施

PHIÊN ÂM:

KỲ THẤT

Nam thượng Giao đàn hữu sở ti,
Nhất vương chế độ các tuỳ nghi.
Viên Khâu chỉ thượng quy mô khoát;
Chiêu Sự đài tiền điện vũ ti.
Đại hữu phế hưng không cảm khái;
Sự vô ấn định nghiệm suy di.
Thánh triều hỗn nhất phi tiền tỉ,
Bất thị nho thần diệu triển thi.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 7

Lên đàn Nam Giao, có điều suy nghĩ,
Chế độ mỗi triều vua, đều theo mỗi nghi thức.
Trên nền Viên Khâu, quy mô rộng rãi;(A)
Trước đài Chiêu Sự, cung điện lụp sụp.(B)
Thời đại có thịnh có suy, luống những ngậm ngùi;
Sự việc không cố định, nghiệm thấy có đổi thay.
Triều thánh minh thống nhất, không thể ví với thời xưa được,
Cũng chẳng phải do bậc nho thần mở mang kì diệu.(C)

NGUYÊN CHÚ:

A.Viên Khâu (gò hình tròn): Nay triều ta lập làm đàn Giao ở Bân Sơn, núi ở phía nam thành, xung quanh đắp gò hình tròn, cứ ngày đông chí thì làm lễ, cũng theo gần đúng thời cổ.

B.Chiêu Sự: Triều trước xây điện Chiêu Sự ở phía nam thành Thăng Long, để tế chung cả trời, đất, cứ ngày khai xuân nhà vua tự ra tế, đó cũng gọi là đàn Nam Giao. Việc làm này không theo cổ và dường như không có căn cứ trong kinh điển.

C.Nho thần: Triều cũ không dựng đàn Giao vì vua chúa cùng ngự giá đến làm lễ, cho nên làm qua loa cái điện Chiêu Sự, nho thần bèn tuỳ thời mà sắp đặt cho thích hợp, đó là điều bất đắc dĩ. Triều nay sự thể đã khác, đắp gò hình tròn là theo lối cổ chứ không phải là nho thần đời nay hơn đời xưa đâu.

98. 其八

方澤隨朝有所思
越南千古此初儀
山川並列原同敬
岳瀆幷陳似泛施
宋室錢塘權駐處
漢家謂上盛陳時
梁冠有幸陪清蹕
聊述巴言俟見知

PHIÊN ÂM:

KỲ BÁT

Phương Trạch tuỳ triều hữu sở ti,
Việt Nam thiên cổ thử sơ nghi.
Sơn xuyên tịnh liệt nguyên đồng kính;
Nhạc độc tinh trần tự phiếm thi.
Tống thất Tiền Đường quyền trú xứ;
Hán gia Vị thượng thịnh trần thì.
Lương quan hữu hạnh bồi thanh tất,
Liêu thuật ba ngôn sĩ kiến tri.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 8

Thấy đàn Phương Trạch đắp theo triều đại, có điều suy nghĩ,[A]
Việt Nam từ ngàn xưa, đây là lần đầu có lễ nghi.[B]
Núi sông đều thờ chung, vốn cùng được tôn kính;[C]
Non hồ đều đặt tế, dường như cúng quá tràn lan.[D]
Nhà Tống chỉ đặt tạm nhà tế bên sông Tiền Đường;[E]
Nhà Hán lại long trọng đặt lễ trên sông Vị.[G]
Kẻ đội mũ lương ngày nay được theo hầu xe vua,[H]
Xin thuật qua vài lời mong được biết tới.

NGUYÊN CHÚ:

A.Đàn Phương Trạch ở dưới sườn núi Thiên Mụ, là đàn đặt lễ tế thần đất.

B.Nước Việt từ xưa không có lễ tế Phương Trạch, lễ này bắt đầu từ triều nay mới có.

C.Bài văn tế khấn gộp cả thần núi lớn, sông to của nước ta như thế là hợp lễ.

D.Nếu xét theo nghĩa "Tế không vượt ra ngoài tầm nhìn của mình" thì việc khấn gộp cả các thần của tứ nhạc, ngũ độc tựa hồ có chỗ chưa hợp, đó là chỗ sai lầm lẫn của quan bộ Lễ.

E.Nay xe nhà vua tạm dừng ở đây vốn là kinh đô cũ, nên chỉ mới đặt thành lễ tế Viên Khâu, Phương Trạch mà thôi, đại để là còn chưa kịp quy định rõ ràng các chi tiết tế lễ (chỉ là tạm thời như nhà Tống xưa).

G.Ngày nào định đô xong rồi tự khắc sẽ có quy chế mới (cũng long trọng như nhà Hán đặt lễ tế trên sông Vị xưa).

H.Mũ lương, mũ của văn thần có bẩy mầu.

99. 其九

端拜奎文有所思
亭亭翠柏蔚江湄
秋陽聖象昭龍德
香水賢關瑩鳳池
祠魯久循丁日祭

尊周單曠禮官碑
當天午日逢昌運
文治精華定有期

PHIÊN ÂM:

KỲ CỬU

Đoan bái Khuê Văn hữu sở ti,
Đình đình thuý bách uý giang mi.
Thu dương thánh tượng chiêu long đức;
Hương thuỷ hiền quan oánh phượng trì.
Từ Lỗ cửu thần Đinh nhật tế;
Tôn Chu đơn khoáng Lễ quan bi.
Đương thiên Ngọ nhật phùng xương vận,
Văn trị tinh hoa định hữu kỳ.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 9

Kính vái Khuê Văn, có điều suy nghĩ,(A)
Hàng tùng bách xanh um, sừng sững ven sông.(B)
Tượng thánh nhân dưới nắng thu, chói lọi đức rồng;(1)
Cửa hiền triết bên sông Hương, long lanh ao phượng.(2)
Thờ nước Lỗ, từ lâu vẫn theo lệ tế vào ngày Đinh;(3)
Trọng nhà Chu, mà bỏ việc dựng bia của quan bộ Lễ.(C)
Mặt trời giờ Ngọ đứng giữa trời, gặp vận tốt lành,(D)
Tinh hoa của nền văn trị nhất định có thời kỳ đạt tới.

NGUYÊN CHÚ:

A.Khuê Văn: Biển trên cửa Văn miếu ở kinh thành đề là "Khuê Văn các," được dựng lên từ xưa, nay vẫn theo như vậy.

B.Tùng bách: Cửa miếu nhìn xuống sông Hương, trước cửa tùng bách xanh um, cảnh trí rất thanh u.

C.Trọng nhà Chu: Thời trước vì tôn trọng nhà Lê không dám mở khoa thi Tiến sĩ, chỉ mở khoa thi Hàn lâm, nên trước nhà Quốc học không dựng bia (Nhà Chu ở đây mượn để chỉ nhà Lê).

D.Mặt trời giờ Ngọ: Sấm ký có câu: "Ngọ nhật đương thiên, phụ nguyên từ thống" (Mặt trời giờ Ngọ đứng giữa trời, họ Phụ Nguyên (tức chữ phụ 阜 và chữ nguyên 元 là chữ Nguyễn 阮) nắm quyền nhất thống). Nay đúng vào dịp đó.

CHÚ THÍCH:

1.Tượng thánh nhân, tức tượng thờ Khổng Tử.

Đức rồng, theo *Kinh Dịch* là đức của thánh nhân.

2.Cửa hiền triết, chỉ Văn Miếu, nơi thờ tiên thánh tiên hiền của nhà nho, và là Quốc học thời xưa.

Ao Phượng, ao trong cung cấm, chỗ Trung thư sảnh. Trong bài ý nói, Văn Miếu ở gần cung vua.

3.Thờ nước Lỗ, vì Khổng Tử người nước Lỗ, nên ở đây mượn để chỉ Khổng Tử.

Tế ngày Đinh, lễ tế ở Văn Miếu vào các ngày Đinh của tháng hai và tháng tám. Đinh chỉ phương nam, tượng trưng cho sự văn minh.

100. 其十

天姥參禪有所思
地從雄力出慈悲
莊嚴故地綿青樹
法象餘靈壽碧漪
佛印不留雄霸篆
江樓空老梵王龜
皇城鐘響催還急
五鼓朝天尚怕遲

PHIÊN ÂM:

KỲ THẬP

Thiên Mụ tham thiền hữu sở ti,
Địa tòng hùng lực xuất từ bi.
Trang nghiêm cố địa miên thanh thụ;
Pháp tượng dư linh thọ bích y.
Phật ấn bất lưu hùng bá triện;
Giang lâu không lão Phạn Vương quy.
Hoàng thành chung hưởng thôi hoàn cấp,
Ngũ cổ triều thiên thượng phạ trì.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 10

Thăm chùa Thiên Mụ có điều suy nghĩ,(A)
Từ đất "hùng lực" mở rẫ cảnh từ bi.(B)
Nền cũ trang nghiêm, cây xanh chằng chịt;
Tượng pháp uy linh, còn mãi với sóng xanh.
Ấn Phật không còn, còn triện bậc hùng bá;
Lầu bên sông vắng vẻ, có con rùa Phạn Vương.(C)
Chuông kêu vang trong Hoàng thành, giục giã về mau,
Lúc trống canh năm phải vào chầu, e bị trễ.

NGUYÊN CHÚ:

A.Chùa Thiên Mụ ở bên trái sông Hương, bên phải Văn Miếu. Tục truyền, có tiên cô giáng xuống. Thời xưa xây cất rất tráng lệ, nay chỉ còn lại vài toà của thiền viện mà thôi.

B.Đất hùng lực: Chùa ở gần sát kinh thành Phú Xuân, nên nói như vậy (Như vậy, theo nguyên chú thì, "hùng lực" chỉ vùng đất gần kinh đô. Trong Kinh Phật thì "hùng lực", "đại từ", "đại bi" dùng để chỉ Kinh Phật).

C.Trước chùa có chiếc lầu bên sông, trong dựng tấm bia lớn bằng đất trắng, ghi công đức sửa chùa của tiên chúa là Thiên Túng đạo nhân (Tức Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát 1738-1765).

101. 羅渚記遊

調扒勇郡公再出北城。公歸羅渚阺第，京官皆來作餞。余以國音詩一章投贈。公起來揖迎，誦詩喜悅。自大都督以下，皆席地坐，攜余升上座，漫存款曲，因問太公孔子之道。余答言:"二聖人，雖文武兩途，其寔一道。但太公，三略專主兵書；孔子五經兼言兵財之事，其教較廣。且孔子嘗爲魯司寇，夾谷之會，雖盛陳車乘，而以禮屈齊侯。其言曰:有文事必有武備；有武事必有文備。則孔子蓋兼文武爲一道也"。公稱頌久之。既而余囑公以修理北城文廟之事。公忻然自任曰:"拙此來，當以修葺文

廟武廟爲首務，毋煩多囑"。余作揖告退。公再起立揖送，禮意慇懃。以所贈詩珍藏口曰:此詩貺我多矣。

春亭鞬餞經羅渚
屬道游龍出帝城
滾滾蟒袍來帥府
堂堂豹節揖書生
九軍氣勢屈賓贊
一紙詩章賢甲兵
虎尾履亨須体認
儒能自重有誰輕

PHIÊN ÂM:

LA CHỬ KÝ DU

Điều bát Dũng Quận công tái xuất Bắc Thành. Công quy La chử để đệ, kinh quan giai lai tác tiễn. Dư dĩ quốc âm nhất chương đầu tặng. Công khởi lai ấp nghênh, tụng thi hỷ duyệt. Tự Đại đô đốc dĩ hạ, giai tịch địa toạ, huề dư thăng thượng toạ, mạn tồn khoản khúc, nhân vấn Thái công Khổng Tử chi đạo. Dư đáp ngôn: "Nhị thánh nhân, tuy văn vũ lưỡng đồ, kỳ thực nhất đạo. Đãn Thái công, Tam lược *chuyên chú binh thư; Khổng Tử* Ngũ kinh *kiêm ngôn binh tài chi sự, kỳ giáo giảo quảng. Thả Khổng Tử thường vị Lỗ Tư khấu Hiệp Cốc chi hội, tuy thịnh trần xa thặng, nhi dĩ lễ khuất Tề hầu. Kỳ ngôn viết: 'Hữu văn sự tất hữu võ bị; hữu võ sự tất hữu văn bị.' Tắc Khổng Tử cái kiêm văn vũ vi nhất đạo dã." Công xưng tụng cửu chi. Ký nhi dư chúc công dĩ tu lý Bắc Thành Văn Miếu chi sự. Công hân nhiên tự nhậm viết: "Chuyết thử lai, đương dĩ tu tập Văn Miếu Võ Miếu vi thủ vụ, vô phiền đa chúc." Dư tác ấp cáo thoái. Công tái khởi lập ấp tống, lễ ý ân cần. Dĩ sở tặng thi trân tàng khẩu viết: "Thử thi huống ngã đa hĩ."*

Xuân đình vĩ tiễn kinh La chử,
Thuộc đạo du long xuất đế thành.
Cổn cổn mãng bào lai súy phủ;
Đường đường báo tiết tiếp thư sinh.

Cửu quân khí thế khuất tân tán;
Nhất chỉ thi chương hiền giáp binh.
Hổ vĩ lý hanh tu thể nhận;
Nho năng tự trọng hữu thùy khinh.

DỊCH NGHĨA:

GHI VỀ CUỘC DU CHƠI Ở BẾN LA

Dũng Quận công lại được điều động ra Bắc Thành lần thứ hai. Khi ông trở về dinh bến La, các quan trong triều đều tới tiễn biệt. Tôi đem một bài thơ quốc âm tới tặng. Ông đứng dậy chào mời, vui mừng đọc thơ. Từ chức Đại đô đốc trở xuống đều trải chiếu ngồi dưới đất, ông dắt tôi lên ngồi chiếu trên, ân cần niềm nở, rồi nhân câu chuyện hỏi tôi về đạo của Thái công và Khổng Tử. Tôi đáp: "Hai vị thánh nhân dẫu văn võ đôi đường, mà kỳ thực thì đạo vẫn là một. Song sách *Tam lược* của Thái công chuyên về binh thư; sách *Ngũ kinh* của Khổng Tử thì nói cả việc binh bị và việc tài chính, đem so sánh thì thấy lối học của Khổng Tử rộng hơn. Hơn nữa, khi Khổng Tử làm chức Tư khấu ở nước Lỗ, trong lần hội nghị ở Giáp Cốc bày ngựa xe la liệt, mà Khổng Tử chỉ dùng lễ cũng khuất phục được Tề hầu. Ngài nói rằng: "Có việc văn, ắt phải có sự phòng bị về việc võ; có việc võ, ắt phải có sự phòng bị về việc văn." Thế thì Khổng Tử là người đã gộp cả văn võ làm một đạo." Ông [nghe xong] ca ngợi hồi lâu. Sau đó, tôi bèn dặn ông về việc sửa sang Văn Miếu ở Bắc thành. Ông vui vẻ nhận lời và nói: "Tôi ra lần này, lấy việc tu bổ Văn Miếu, Võ Miếu làm đầu, chẳng phải căn dặn nhiều." Tôi liền đứng dậy chào cáo biệt. Ông lại đứng dậy một lần nữa và đứng chào tiễn đưa, tỏ ý ân cần lễ độ. Ông bỏ thơ tôi tặng vào tráp và nói rằng: "Cho tôi thơ này là ông đã cho tôi rất nhiều rồi đấy."

Cuộc tiễn đưa nơi đình xuân diễn ra ở bến La.[1]
[Cờ quạt như] rồng bơi chật đường, ra khỏi đế thành.
Kẻ mặc áo mãng bào ùn ùn kéo tới soái phủ;
Người cầm cờ đuôi báo đường đường ra chào thư sinh.
Khí thế chín quân khuất phục được tân khách;
Thơ ca một bài át cả khí giới nhà binh.
Phải nhận rõ rằng "đạp lên đuôi hùm là tốt,"[2]
Nếu nhà nho biết tự trọng nào ai dám khinh.

CHÚ THÍCH:

1.Đình xuân, chỉ nơi tiễn đưa, từ dùng cho đẹp.

2."Đạp lên đuôi cáo," theo *Kinh Dịch*, quẻ *Lý*: "Lý hổ vĩ, bất diệt nhân, hanh" (Đạp đuôi hùm, hùm không cắn người tốt lành). Trong bài mượn để chỉ Dũng Quận công, là người có uy quyền, nhưng tác giả vẫn được ông ta tiếp đón niềm nở.

102. 雨衣

丁巳臘月初八日早朝，大雨如注，余衣雨衣而入。過西岐宮，皇弟太宰公邀問之，余立雨中留衣對話。或以爲野老不覓也。

非耕非釣太昂藏
穿就荷衣上玉堂
肩出鳳毛啣制誥
背生龜甲負文章
卷書底意隨行止
絶補何心較短長
雨露霑天還自得
歸來尚帶紫泥香

PHIÊN ÂM:

VŨ Y

Đinh Tỵ lạp nguyệt sơ bát nhật tảo triêu, đại vũ như chú, dư ý vũ y nhi nhập. Quá Tây Kỳ cung, Hoàng đệ Thái tể công yêu vấn chi, dư lập vũ trung lưu y đối thoại. Hoặc dĩ vi dã lão bất mịch dã.

Phi canh phi điếu thái ngang tàng,
Xuyên tựu hà y thướng ngọc đường.
Kiên xuất phượng mao hàm chế cáo;

Bối sinh quy giáp phụ văn chương.
Quyển thư để ý tùy hành chỉ;
Tuyệt bổ hà tâm giảo đoản trường.
Vũ lộ triêm thiên hoàn tự đắc,
Quy lai thượng đới tử nê hương.

DỊCH NGHĨA:

ÁO TƠI

Sáng sớm ngày ba tháng chạp năm Đinh Tỵ (1797), mưa to như trút nước, ta mặc áo tơi vào chầu vua. Lúc qua cung Tây Kỳ, ông Thái tể, em vua tiếp hỏi ta, ta cứ đứng giữa trời mưa, mặc cả áo tơi mà trả lời. Có người cho là người nhà quê mà ta vẫn không biết.

Không đi cày, chẳng đi câu mà trông rất ngông nghênh,
Mặc áo lá sen bước lên thềm ngọc.
Vai chìa lông phượng nhưng tha chiếu chỉ;
Lưng nổi vân rùa mà đội văn chương.
Cuộn hay mở, việc ấy tuỳ theo lúc nghỉ hay đi;
Chắp cùng vá, lòng nào so đo dài ngắn.
Mưa móc đầy trời vẫn hoàn toàn tự đắc,
Trở về còn mang theo hương thơm bùn cung vua.

DỊCH THƠ:

Người cày không phải thật ngang tàng,
Mang áo lá sen tới ngọc đường.
Lông phượng vai chìa, tha chiếu chỉ,
Vân rùa lưng nổi, đội văn chương.
Duỗi co việc ấy, tùy đi đứng;
Chắp vá lòng đâu sánh đoạn trường.
Mưa móc khắp trời còn tự đắc,
Trở về hương tỏa bởi bùn vương.

Lâm Giang

103. 觀弟明齊續徐式傳偶成四首

其一：詠徐式

身到仙鄉憶故鄉
姻緣一段蜀茫茫

折花跡去空留戀
弄玉情濃忍淡涼
尋徑無媒愁牒使
承槎有路愧牛郎
雲程多少登仙客
卻是徐生俗夢長

PHIÊN ÂM:

QUAN ĐỆ BẰNG TRAI TỤC TỪ THỨC TRUYỆN
NGẪU THÀNH TỨ THỦ
KỲ NHẤT: VỊNH TỪ THỨC

Thân đáo tiên hương ức cố hương,
Nhân duyên nhất đoạn thục mang mang.
Chiết hoa tích khứ không lưu luyến;
Lộng Ngọc tình nồng nhẫn đạm lương.
Tầm kính vô môi sầu điệp sứ;
Thừa sà hữu lộ qúy Ngưu Lang.
Vân trình đa thiểu đăng tiên khách,
Khước thị Từ sinh tục mộng trường.

DỊCH NGHĨA:

XEM CUỐN TỤC TỪ THỨC TRUYỆN CỦA CHÚ EM LÀ MINH TRAI NGẪU NHIÊN THÀNH THƠ BỐN BÀI[1]
BÀI 1: VỊNH TỪ THỨC

Thân đã đến làng tiên, lòng còn nhớ làng quê,
Tơ duyên một đoạn, gửi vào chốn mênh mang.
Người bẻ hoa đã dời chân, lòng đành lưu luyến;[2]
Nàng Lộng Ngọc vẫn nặng tình, há nỡ lạnh lùng.[3]
Không mối lái đưa đường thật buồn cho sứ điệp;[4]
Có lối để cưỡi bè mà thẹn với chàng Ngưu.[5]
Trên đường mây biết bao khách đã lên tiên,
Mà chàng họ Từ kia mộng trần tục còn miên man thế!

CHÚ THÍCH:

1.Từ Thức: Theo *Truyền kỳ mạn lục*, thời Trần có một người tên là Từ Thức làm Tri huyện huyện Tiên Du, một hôm đi chơi ở chùa Vạn Phúc, gặp một cô gái vì bẻ cành hoa mẫu đơn, nên bị bắt trói. Ông thương tình cởi áo bạch cừu đem chuộc, nhờ vậy cô gái được tha về. Sau ông cáo quan trở về và thường ngao

du non nước. Một hôm, qua cửa Thần Phù, ông lạc vào động Bích Đào gặp nàng tiên Giáng Hương, cũng chính là cô gái bẻ hoa khi trước, bèn kết làm vợ chồng. Sống ở đây một năm, ông nhớ quê trở về thăm, thì cháu ba đời đã già rồi, ông buồn nản, lại mặc áo cừu cộc, cắp nón lá vào núi Hoành Sơn đi mất.

2.Người bẻ hoa, tức nàng Giáng Hương.

3.Lộng Ngọc, người đời Xuân Thu, con gái Trần Mục Công lấy chàng Tiêu Sứ, một người thổi sáo giỏi. Sau Lộng Ngọc cũng học thổi sáo, rồi hai người cưỡi rồng và hạc lên tiên.

4.Sứ điệp, nghĩa đen là con bướm làm mối cho hoa, nghĩa bóng để chỉ người làm mối lái cho trai gái.

5.Cưỡi bè: Theo sách *Hán thư,* Trương Khiên cưỡi bè đi tìm đầu nguồn sông Hoàng Hà. Một hôm, vào quãng tháng tám, Khiên đến một nơi có thành quách nguy nga, trong nhà một cô gái đang dệt lụa; lại gặp một chàng trai đang dắt trâu xuống sông uống nước. Khi về đất Thục, Khiên hỏi Nghiêm Quân Bình, Bình cho biết đó là Chức Nữ và Ngưu Lang, hàng năm chỉ có một lần Ngưu Lang qua cầu Ô Thước gặp Chức Nữ.

DỊCH THƠ:

Thân đến làng tiên, nhớ cố hương,
Nhân duyên một khúc chốn mênh mang.
Giáng Hương lưu luyến chân rời bước;
Lộng Ngọc thẫn thờ nỗi nhớ thương.
Tìm lối thật buồn cho sứ điệp;
Cưỡi bè mà thẹn với Ngưu Lang.
Ngõ mây bao khách lên tiên giới,
Cõi tục họ Từ vẫn muốn sang.

Lâm Giang

104. 其二：詠絳香

百世姻緣擬續完
仙塵路迥卻無端
玉簫響斷傷飛鳳
碧峒苔深悵別鸞
到底英才多孟浪
由來仙子耐幽閒
誰通瓊島漁書使
金馬堂中有牡丹

PHIÊN ÂM:

KỲ NHỊ: VỊNH GIÁNG HƯƠNG

Bách thế nhân duyên nghĩ tục hoàn,[a]
Tiên trần lộ quýnh khước vô đoan.
Ngọc tiêu hưởng đoạn thương phi phượng;
Bích động đài thâm trướng biệt loan.
Đáo để anh tài đa mạnh lãng;
Do lai tiên tử nại u nhàn.
Thùy thông Quỳnh đảo ngư thư sứ;
Kim mã đường trung hữu mẫu đan.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 2: VỊNH NÀNG GIÁNG HƯƠNG

Tơ duyên trăm đời những tưởng đã nối xong,
Con đường tiên tục lại xa nhau vời vợi.
Sáo ngọc đứt tiếng, buồn nỗi chim phượng đã bay cao;
Động biếc đầy rêu, ngán nhẽ chim oanh phải ly biệt.
Rốt cuộc chỉ có bậc anh tài phần nhiều phóng đãng;
Còn xưa nay, người tiên vẫn quen với cảnh thanh nhàn.
Lấy ai làm người đưa thư cá tới đảo Quỳnh,[1]
[Nhắn rằng] trong nhà Kim mã đã có hoa mẫu đơn.[2]

KHẢO DỊ:

a.Bản VHv.1743/23 chép: 再世姻緣擬續完 (Tơ duyên ai đời những tưởng đã nối xong).

CHÚ THÍCH:

1.Đảo Quỳnh: Nơi tiên ở.

2.Kim mã: Người là quan văn được giữ việc ở bên vua. Sau dùng để chỉ người làm quan sang trọng.

DỊCH THƠ:

Những tưởng tơ duyên đã vẹn toàn,
Chẳng hay tiên tục lắm đa đoan.
Hết xoang sáo ngọc, sầu con phượng;
Rêu biếc động sâu, ngán chiếc loan.
Anh tuấn chỉ quen nơi phóng đãng;
Thần tiên vẫn thú cảnh thanh nhàn.
Đảo Quỳnh thư cá ai đưa tới?
Kim mã bên nhà có mẫu đan.

Lâm Giang

105. 其三:擬絳香奉答金馬客

聞道牡丹裁玉署
紅英種出宋公家
糝糠實結三千子
蓁縞枝生八萬柯
仙夢爭如春夢信
雲鄉卻倍故鄉賒
廣寒有桂堪攀折
寧向清虛伴素娥

PHIÊN ÂM:

KỲ TAM: NGHĨ GIÁNG HƯƠNG PHỤNG ĐÁP KIM MÃ KHÁCH

Văn đạo mẫu đơn tài ngọc thự,
Hồng anh chủng xuất Tống công gia.[a]
Tao khang thực kết tam thiên tử;
Cơ cảo chi sinh bát vạn kha.
Tiên mộng tranh như xuân mộng tín;
Vân hương khước bội cố hương xa.
Quảng Hàn hữu quế kham phan chiết,
Ninh hướng thanh hư bạn Tố Nga.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 3: THAY LỜI NÀNG GIÁNG HƯƠNG KÍNH ĐÁP KHÁCH KIM MÃ

Nghe nói mẫu đơn trồng trong lầu ngọc,
Hoa đỏ nẩy nòi từ nhà ông Tống.[1]
Phận nghèo nhưng quả kết ba ngàn hạt;[2]
Nếp quê mà cành nẩy tám vạn chồi.[3]
Mơ tiên sao tin bằng giấc mơ xuân;
Làng mây còn xa gấp mấy lần làng quê.
Cung Quảng sẵn quế, có thể vin bẻ được,[4]
Hãy để cảnh thanh hư bầu bạn với Tố Nga.

KHẢO DỊ:

a.Bản VHv.1743/23 chép: 紅英產出宋公家 (Hoa đỏ nẩy sinh từ nhà ông Tống).

CHÚ THÍCH:

1.Ông Tống, tức Tống Hoằng, người Trường An, được phong tước Tuyên Bình hầu, nổi tiếng là người không vì ham giầu sang phú quý mà bỏ người vợ hiền lúc hàn vi.

2.Phận nghèo, nguyên văn "Tao khang." Nghĩa đen "tấm cám" món ăn thay cơm lúc nghèo khó. Nghĩa bóng để nói người vợ nghèo từ thuở hàn vi. *Hán Thư* chép: Vua Quang Vũ gọi Tống Hoằng vào gả cho công chúa Hồ Dương; Tống Hoằng trả lời: "Bần tiện chi giao bất khả vong, tao khang chi thê bất khả hạ đường" (Bạn khi còn nghèo hèn, không thể quên được, vợ hồi tấm cám không thể đuổi xuống nhà dưới).

3.Nếp quê, nguyên văn "cơ cảo" nghĩa là khăn thâm, áo mộc trắng, phục sức của phụ nữ nông thôn xưa.

4.Cung Quảng, chỉ cung trăng. Tương truyền, trong cung trăng có cây quế và người ta thường gọi người đỗ đạt cao là: "Bẻ quế cung trăng."

DỊCH THƠ:

Trong cung ngọc nở mẫu đơn mà,
Từ ngõ Tống Hoằng nảy giống ra.
Hèn mọn nhưng sinh ngàn hạt quả;
Nếp quê mà trổ vạn chồi hoa.
Sao bằng giấc mộng mùa xuân đến;
So với làng quê tiên giới xa.
Cung Quảng dễ vin cành quế bẻ,
Hãy cùng bầu bạn với Hằng Nga.

Lâm Giang

106. 其四:擬金馬客再答絳香

多才未有不多情

應世都從降世生

身未脱塵猶氣血

心能拔俗是蓬瀛

洞濱有婦緣飛少

織女無夫夢不成

徐令解攜娘子去

黃山偕老更高清

PHIÊN ÂM:

KỲ TỨ: NGHĨ KIM MÃ KHÁCH TÁI ĐÁP GIÁNG HƯƠNG

Đa tài vị hữu bất đa tình,
Ứng thế đô tòng giáng thế sinh.[a]
Thân vị thoát trần do khí huyết;
Tâm năng bạt tục thị Bồng Doanh.
Động Tân hữu phụ duyên phi thiểu;
Chức Nữ vô phu mộng bất thành.
Từ lệnh giải huề nương tử khứ,
Hoàng Sơn giai lão cánh cao thanh.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 4: THAY LỜI KHÁCH KIM MÃ LẠI ĐÁP LỜI GIÁNG HƯƠNG

Những bậc anh tài chưa có ai chẳng đa tình,
Mọi cách xử thế đều nảy sinh từ khi giáng thế.
Thân chửa thoát cõi trần, vì còn có khí huyết;
Lòng đã vượt tục phàm, đó chính là cõi tiên.[1]
Động Tân nếu có vợ thì duyên thành tiên ít có;[2]
Chức Nữ nếu không chồng thì giấc mộng không thành;[3]
Họ Từ nếu biết dắt díu nàng đi với,
Sống với nhau ở Hoàng Sơn đến già thì càng thanh cao.

KHẢO DỊ:

a.Bản VHv.1743/23 chép: 應世須從降世生 (Mọi cách xử thế cần phải nẩy sinh từ khi giáng thế).

CHÚ THÍCH:

1.Cõi tiên, nguyên văn "Bồng Doanh," tức Bồng Lai và Doanh Châu, hai ngọn núi cao giữa biển Đông, nơi thần tiên ở.

2.Động Tân, tức Lã Động Tân người đời Đường ở đất Kinh Triệu. Đỗ Tiến sĩ vào khoảng niên hiệu Hàm Thông, hai lần được bổ làm huyện lệnh. Khi cuộc khởi nghĩa Hoàng Sào nổ ra, ông dời gia quyến lên núi Chung Nam tu tiên, rồi không biết đi đâu mất. Tương truyền, ông đắc đạo và trở thành một trong tám vị tiên nổi tiếng trong các truyện thần tiên của Trung Quốc.

3.Chức Nữ: Xem chú thích số 5 bài 103.

DỊCH THƠ:

Đa tài ắt hẳn cũng đa tình,
Ứng thế việc đời vốn nảy sinh.
Thế tục chưa phai bầu khí huyết;
Lòng phàm đã vượt cõi Bồng Dinh.
Động Tân có vợ, duyên không ít;
Chức Nữ không chồng, mộng chẳng thành.
Từ lệnh dắt nàng đưa tới chốn,
Hoàng Sơn chung sống thú non xanh!

Lâm Giang

107. 環王

耒城道址庫山巔
襟帶香江瞰瀋淵
海國山河官土地
蠻王宮殿野雲煙
火珠何事挑英主
石像徒勞媚則天
尸耐金瓶何處是
秋帆空續喇嘛編

PHIÊN ÂM:

HOÀN VƯƠNG

Lỗi thành đạo chỉ Khố sơn điên;
Khâm đới Hương Giang hám Thẩm Uyên.
Hải quốc sơn hà quan thổ địa;
Man vương cung điện dã vân yên.
Hoả châu hà sự khiêu anh chủ;
Thạch tượng đồ lao mị Tắc Thiên.
Thi Nại kim bình hà xứ thị;
Thu Phàm không tục Lạt Ma biên.

DỊCH NGHĨA:

VUA HOÀN

Nền cũ của thành Lồi ở trên đỉnh hòn Kho,[A]
Bao quanh là sông Hương, nhìn xuống là Thẩm Uyên.[b]
Non sông của nước vùng biển đã thành đất đai công;
Cung điện vua người Man lẫn trong khói mây nội.
Việc gì phải dâng ngọc hỏa châu để khêu gợi vị vua sáng;[C]
Uổng công đòi khắc tượng đá để nịnh mụ Tắc Thiên.[D]
Bình vàng Thi Nại nay ở chốn nào,[E]
Câu chuyện Lạt Ma, Thu Phàm đã phí công viết tiếp.[F]

NGUYÊN CHÚ:

A.Thành Lồi: Năm Trinh Quán đời Đường, vua nước Chiêm Thành hiệu là Hoàn Vương, chiếm giữ đất Lâm Ấp xây đô thành gọi là Lỗi thành, nay thuộc huyện Tư Vinh, xã Dương Xuân, nền cũ vẫn còn tại Khố Sơn. Lỗi thành tục gọi là thành Lồi. Khố Sơn tục gọi là hòn Kho. Thời xưa đặt kho quan ở đó, nay vẫn theo như thế.

B.Thẩm Uyên: Vực ở sau núi Kho, do sườn núi lõm xuống thành vực, nước đọng xanh biếc, có thể múc được, trên có ngôi miếu cổ gồm nhiều lớp đền đài. Tục truyền đó là miếu của vua Chiêm, rất linh thiêng.

C.Hoả Châu: Theo sử nhà Đường, nước Lâm Ấp dâng ngọc hỏa châu, trong lời biểu nói không được khiêm tốn nên nhà vua nổi giận muốn hỏi tội, Hoàn Vương sợ bèn tạ tội.

D.Tượng đá: Năm Vĩnh Huy đời Đường, Hoàn Vương vào chầu. Vua Cao Tông rất hài lòng, ban thưởng rất hậu. Khi vua chết có tạc 23 pho tượng vua các nước chư hầu bằng đá đặt ở lăng Hiển Tiết. Hoàn Vương xin được dự vào số đó, Vũ Hậu ưng thuận. Nay ở lăng còn 24 pho tượng vua các nước chư hầu.

Vũ Hậu và Cao Tông cùng chôn [ở lăng đó]. Ngột Truật nước Kim đã khai quật lăng này song các tượng đá không bị phá huỷ.

(Vũ Hậu có thụy hiệu là Tắc Thiên, vợ của Đường Cao Tông. Sau khi Cao Tông mất, Vũ Hậu phế Trung Tông, tự lên làm vua xưng là Kim loan thánh thần hoàng đế, tên nước gọi là Chu, ở ngôi hai mươi mốt năm (684-705), sau bị Trương Giản Chi đem quân về bắt trả lại ngôi cho Trung Tông).

E.Bình vàng: Theo tục cũ của nước Chiêm Thành, khi vua chết lấy xác đốt trên giàn lửa, rồi đem xương đặt trong bình vàng, dìm xuống cửa bể Thi Nại. Quan khanh chết thì đem xương bỏ vào bình bạc dìm xuống sông, quan lại chết thì bỏ xương vào bình đồng dìm xuống mương, lạch. Nhân dân chết thì bỏ xương vào bình đất nung, dìm xuống nước ngoài đồng.

Cửa biển Thi Nại nay là cửa chợ Trở, thuộc phủ Quy Nhơn, xứ Quảng Nam.

F.Thu Phàm, tên hiệu của Tất Nguyên, trạng nguyên triều Thanh làm Tổng đốc tỉnh Tứ Xuyên, biên soạn cuốn *Trường An Kim thạch ký*, ghi về việc cũ của Hoàn Vương rất kỹ.

Lạt Ma, danh từ Chiêm Thành, gọi nhà vua, cũng như [người Hung Nô] gọi [vua] là Thuyền Vu, Khả Hãn.

108. 玄珍遺話

龜山嶺上有塔，俗傳玄珍與陳克終維舟山下期年而歸。山塔乃玄珍所造，今已頹圮，僅存磚石遺跡而已。

占宮帳裏愜乘龍
己分穠花出嫁從
鏡破樂昌留塔影
花浮沁水沐春容
王姬身返天長府
制使神勞海道衝
山麓祇今籌戰地
淮鯨不許更交鋒

PHIÊN ÂM:

HUYỀN TRÂN DI THOẠI

Quy Sơn đỉnh thượng hữu tháp, tục truyền Huyền Trân dữ Trần Khắc Chung duy chu sơn hạ cơ niên nhi quy. Sơn tháp nãi Huyền Trân sở tạo, kim dĩ đồi tị, cẩn tồn chuyên thạch di tích nhi dĩ.

Chiêm cung trướng lý hiệp thừa long,
Kỷ phận nùng hoa xuất giá tòng.
Kính phá Lạc Xương lưu tháp ảnh;
Hoa phù Tấm Thuỷ mộc xuân dung.
Vương cơ thân phản Thiên Trường phủ;

Chế sứ thần lao hải đạo xung.
Sơn lộc chỉ kim trù chiến địa,
Hoài kình bất hứa cánh giao phong.

DỊCH NGHĨA:

CHUYỆN CŨ NÀNG HUYỀN TRÂN

Trên đỉnh Quy Sơn có tháp, tục truyền công chúa Huyền Trân cùng Trần Khắc Chung buộc thuyền ở dưới núi đó hơn một năm mới về. Tháp trên núi là do nàng Huyền Trân xây, nay đã đổ nát chỉ còn ít gạch đá là di tích cũ mà thôi.

Trong màn ở cung chúa Chàm đã thoả ước nguyện cưỡi rồng,(1)
Phận mình như bông hoa tươi, lấy chồng thì phải theo chồng.
Gương Lạc Xương vỡ, còn lưu lại bóng tháp;(2)
Hoa Tấm Thuỷ trôi, vẫn tràn trề vẻ xuân.(3)
Nàng Vương Cơ (4)đem thân về được phủ Thiên Trường;(A)
Quan Chế sứ (5)phải vất vả nơi hiểm nghèo đường biển.
Chốn chân núi tới nay lại là nơi chuẩn bị trận địa,(B)
Không cho cá kình sông Hoài lại đến giao phong.(6)

NGUYÊN CHÚ:

A.Phủ Thiên Trường là quê cũ của nhà Trần. Quốc sử có chép "Cung Trùng Hoa ở Thiên Trương" tức là đó.

B.Mùa hạ năm Đinh Tị, du binh của giặc Tây Định đến cửa bể Tư Dung gặp bãi cát cạn, thuyền không vào được phải quay trở về. Nay đất này là địa phận Quy Nhơn, có đặt thêm đồn luỹ canh gác, cho nên nói như vậy.

CHÚ THÍCH:

1.Cưỡi rồng (thừa long), lời khen con cái lấy được chồng tốt.

2.Gương Lạc Xương: Công chúa nước Trần (Trung Quốc), vợ của Từ Đức Ngôn. Khi nước Trần gần bị mất, Từ Đức Ngôn nói với công chúa: "Nước mà mất, ắt nàng sẽ lọt vào tay bọn cường bạo". Nói rồi, bèn đập vỡ đôi chiếc gương, đưa mỗi người một nửa, hẹn rằm tháng giêng năm sau sẽ bán gương ở chợ Đô Thành. Nhà Trần mất, công chúa về tay Dương Tố. Đến ngày hẹn, Đức Ngôn ra chợ gặp người bán nửa gương, chắp lại thấy vừa khớp, bèn đề thơ rằng:

Kính dữ nhâncụ khứ,
Kính quy nhân vị quy.
Vô phục Hằng Nga ảnh,
Không lưu minh nguyệt huy.

(Gương mất người cũng mất, gương về người chưa về. Bóng Hằng Nga không trở lại, chỉ còn trăng sáng suông). Dương Tố đọc thơ, cảm động, liền trả công chúa cho Từ Đức Ngôn.

3.Tấm Thuỷ, công chúa đời Hán (*Hậu Hán thư:* Đậu Hiến truyện). Trong bài này, chỉ công chúa Huyền Trân.

4.Vương Cơ, chỉ con gái nhà vua. Trong bài dùng để chỉ công chúa Huyền Trân.

5.Chế Sứ, chỉ viên quan do vua sai đi làm việc. Trong bài chỉ Trần Khắc Chung.

6.Trong bài dùng từ "cá kình sông Hoài" để chỉ quân phản nghịch, lấy điển từ chuyện Bùi Độ đời Đường dẹp được quân phiến loạn ở vùng sông Hoài.

109. 邰陽遺事

邰陽夫人廟，在壖海口三界祠之上。俗傳夫人幼與兄同居。兄以刀斫其首有痕跡。後其兄往商北國，大得厚利，南歸娶婦，聘得夫人，不知其爲妹也。既有娠，兄括其髮見痕跡，如幼時所斫，心知其爲妹，不以宴告，乃分其家財與之，復投北國。

夫人日夜思夫，往河津投水，水神現龜魚殼，攤回水宮妻之。夫人不肯走，化爲石隱現水底。漁舟往來撞觸，禱請口石上岸，立草祠祀之，遂著靈跡。歷代褒封美字，列在祀典。邑人時節祭祀。主祭笄花於耳曰：夫人好見笄花，似其夫，即心悅而降福也。

水王世俗喚爲龍
龍重那知所自從
水石出形成廟貌
魚騢脱殼妻芳容
妹兄作配傳訛妄

江海相交便激衝
祈寨笋花眞好笑
何人腰佩呂仙鋒

PHIÊN ÂM:

THAI DƯƠNG DI SỰ

Thai Dương phu nhân miếu, tại Nhuyến Hải khẩu Tam Giới từ chi thượng. Tục truyền, phu nhân ấu dữ huynh đồng cư. Huynh dĩ đao chước kỳ thủ hữu ngấn tích. Hậu kỳ huynh vãng thương Bắc quốc, đại đắc hậu lợi, Nam quy thú phụ, xính đắc Phu nhân, bất tri kỳ vi muội dã. Ký hữu thần, huynh quát kỳ phát kiến ngấn tích, như ấu thời sở chước, tâm tri kỳ vi muội, bất dĩ thực cáo, nãi phân kỳ gia tài dữ chi, phục đầu Bắc quốc.

Phu nhân nhật dạ tư phu, vãng hà tân đầu thuỷ, Thuỷ thần hiện qui ngư xác, than hồi thuỷ cung thê chi. Phu nhân bất khẳng tẩu, hoá vi thạch ẩn hiện thuỷ để. Ngư chu vãng lai chàng xúc, đảo thỉnh khẩu thạch thượng ngạn, lập thảo từ tự chi, toại trứ linh tích. Lịch đại bao phong mỹ tự, liệt tại tự điển. Ấp nhân thời tiết tế tự. Chủ tế kê hoa ư nhĩ viết: Phu nhân hảo kiến kê hoa, tự kỳ phu, tức tâm duyệt nhi giáng phúc dã.

Thuỷ vương thế tục hoán vi long,
Long chủng ná tri sở tự tòng.
Thuỷ thạch xuất hình thành miếu mạo;
Ngư hà thoát xác thế phương dung.
Muội huynh tác phối truyền ngoa vọng;
Giang hải tương giao tiện kích xung.
Kỳ trại kê hoa chân hoa tiếu,
Hà nhân yếu bội Lã tiên phong.

DỊCH NGHĨA:

CHUYỆN CŨ NÀNG THAI DƯƠNG

Miếu thờ Thai Dương phu nhân ở trên đền Tam Giới, cửa bể Nhuyễn Hải. Tục truyền, phu nhân khi nhỏ sống với người anh. Người anh đưa dao chém phải đầu em thành vết sẹo. Sau đó người anh bỏ sang phương Bắc buôn bán, được lãi lớn, trở về cưới vợ, lấy phải phu nhân

không biết là em gái mình. Khi vợ có thai, anh búi tóc cho vợ thấy vết sẹo như nhát chém khi nhỏ, trong bụng biết ngay là em mình, nhưng không nói ra sự thật, bèn chia tài sản cho vợ rồi sang lại phương Bắc.

Phu nhân đêm ngày nhớ chồng, đến bến sông trẫm mình, vị thủy thần hiện ra xác rùa ôm nàng về thuỷ cung cưới làm vợ. Phu nhân không nghe, biến thành hòn đá ngầm hiện dưới đáy nước. Thuyền bè qua lại thường vấp phải, [họ] bèn cầu khấn đưa đá lên bờ, lập đền phụng thờ rất linh ứng. Qua các triều đại, sắc phong tự hiệu tốt đẹp, được liệt vào hàng tự điển (vị linh thần nhà nước đã công nhận). Người trong ấp tuần tiết cúng tế. Vị chủ tế giắt hoa trên tai, nói là: Phu nhân thích nhìn thấy người đeo hoa tai giống như chồng mình, tức thì lòng sẽ vui mừng mà ban phước cho.

Thế tục thường gọi vua thuỷ tề là rồng,
Giống rồng này nào biết có từ đâu?
Hiện hình làm đá ngầm mà thành miếu mạo;
Lột xác làm cá tôm đòi lấy gái xinh.
Anh em lấy nhau, câu chuyện hoang đường truyền mãi;
Sông biển giao nhau thành dòng xung đột.
Giắt hoa cầu cúng, thật đáng buồn cười,
Ai người lưng đeo gươm sắc của tiên ông họ Lã?[A]

NGUYÊN CHÚ:

A.Lã Động Tân sớm được vị tiên Kiếm, học được phép thuật, thường đeo gươm thanh xà (rắn xanh) và có sự tích "Vung thanh kiếm tiên chém chết rồng vàng."

DỊCH THƠ:

Thuỷ vương thế tục gọi vua rồng,
Việc ấy nào hay có đúng không?
Đá biển hiện lên toà miếu mạo;
Rùa khơi đòi cưới gái kiều dung .
Anh em lấy lẫn truyền ngoa ngữ;
Sông biển giao nhau tao ngược dòng.
Cầu cúng giắt hoa sao vẽ truyện,
Mấy ai đeo kiếm học tiên công?

Lâm Giang

號旻哀錄

HÀO MÂN AI LỤC

Sưu tầm, dịch thuật

LÂM GIANG – PHẠM THỊ THOA

Hiệu đính, giới thiệu

LÂM GIANG

號旻哀錄

HÀO MÂN AI LỤC

Hào mân ai lục, tên tập sách do soạn giả tùng thư *Ngô gia văn phái* đặt, gồm những bài cáo văn, tế văn, sớ văn, câu đối v.v... do Ngô Thì Nhậm soạn, chủ yếu vào sau khi người cha Ngô Thì Sĩ qua đời.

Cáo văn, tế văn, sớ văn là những lời than, thổ lộ nỗi lòng thương nhớ khôn nguôi và cũng là những tâm sự, kể lể nguồn cơn sau khi cha qua đời của Ngô Thì Nhậm. Cáo văn, tế văn, sớ văn được ghi lại từng ngày, như là ghi nhật ký, kể từ việc dẫn quan tài cha từ Lạng Sơn về quê, đến việc ma chay, tế lễ, kéo dài đến 2 năm. Cáo văn, tế văn, sớ văn là những bài văn ngắn, viết theo thể biền ngẫu và văn xuôi, nội dung nhiều bài không khác xa nhau là mấy.

Ngoài cáo văn, tế văn, sớ văn, *Hào mân ai lục* còn tập hợp những câu đối do Ngô Thì Nhậm đề ở các danh lam thắng cảnh như đình chùa, đền đài, nhà thờ họ, và cả ở điện tế vua Lê Hiển Tông và ở Phủ chúa...

Hào mân ai lục còn chép một số bài văn viếng người thân, như mẹ vợ, mẹ kế, cô, dì... và khép lại tập văn bằng bài hành trạng kể về công danh sự nghiệp của người cha Ngô Thì Sĩ.

Tóm lại, *Hào mân ai lục*, một tập văn có nội dung khá phong phú, phản ánh nỗi lòng thương nhớ cha và những người thân đã qua đời của Ngô Thì Nhậm, đồng thời còn cho biết khá rõ về đời tư của Ngô Thì Sĩ, cũng như gia cảnh cha con Ngô Thì Sĩ và Ngô Thì Nhậm hồi cuối Lê - Tây Sơn.

Hào mân ai lục, hiện còn 4 dị bản:

1.*Ngô gia văn phái* VHv.1743/19, phần đầu từ tờ 1a đến tờ 23b chép tập *Kim mã hành dư.* Phần sau từ tờ 24a đến hết là tập *Hào mân ai lục*, chép 321 câu đối.

2.*Ngô gia văn phái* A.117/22, toàn sách chép tập *Hào mân ai lục,* gồm các bài văn (cáo văn, tế văn) cúng tế Ngô Thì Sĩ.

3.*Ngô gia văn phái* VHv.1743/2, phần đầu từ tờ 1a đến tờ 23b chép tập *Kim mã hành dư,* phần sau từ tờ 24a đến hết chép tập *Hào mân ai lục*, gồm 51 bài sớ.

4.*Ngô gia văn phái* VHv.1743/7: Có nội dung giống như VHv.1743/2 trên: Từ tờ 1a đến tờ 23b chép tập *Kim mã hành dư*. Từ tờ 24a đến hết chép tập *Hào mân ai lục*.

**Hào mân ai lục* (VHv.1743/19) chép câu đối, hiện còn một bản, chưa thấy dị bản khác, nên không có bản để đối chiếu, so sánh... Bản hiện có chép 321 đôi câu đối của Ngô Thì Nhậm, để ở:

1.Nhà tế (Tế đường đối liên): 83 đôi.

2.Nhà thờ Sùng đức (Sùng đức từ đối liên): 6 đôi.

3.Nhà bia (Bi đình đối liên): 2 đôi.

4.Nhà thờ Vĩnh Tư (Vĩnh Tư đường đối liên): 3 đôi.

5.Điện tế vua Lê Hiển Tông Dụ hoàng đế (Hiển Tông Dụ hoàng đế tế đường đối liên): 43 đôi.

6.Trai đường bà Thái phi (Thái phi trai đường đối liên): 47 đôi.

7.Vương phủ (Vương phủ đường đối liên): 10 đôi.

8.Nhà giải nhiệt (Giải thự đường đối liên): 7 đôi.

9.Khôn hậu đường (Khôn hậu đường đối liên): 11 đôi.

10.Trong phủ Chúa (Vương phủ đường trung đối liên): 4 đôi.

11.Công phủ (Công phủ đường đối liên): 10 đôi.

12.Lầu Minh ngự ở đình bản xã (Bản đình Minh ngự lâu đối liên): 10 đôi.

13.Đền bản huyện (Bản huyện từ vũ đối liên): 9 đôi.

14.Miếu thờ Chử Đồng Tử (Chử Đồng Tử miếu đối liên): 3 đôi.

15.Chùa Linh Am (Linh Am tự đối liên): 1 đôi.

16.Điện tế mẹ vợ (Điện tế nhạc mẫu đối liên): 3 đôi.

17.Đền Hoàn Tiết (Hoàn Tiết từ đối liên): 1 đôi.

18.Đền Sài Sơn (Sài Sơn từ đối liên): 1 đôi.

19.Đền Tượng Hiền (Tượng Hiền từ đối liên): 2 đôi.

20.Đền Tiên Căn (Tiên Căn từ đối liên): 7 đôi.

21.Văn từ (Văn từ đối liên): 1 đôi.

22.Nhà tế (Đại nghĩ tế đường đối liên): 19 đôi.

23.Mừng một vị quan về hưu (Hạ mỗ trí sĩ đối liên): 18 đôi.

24.Tư sảnh (Tư sảnh đối liên): 10 đôi.

25.Đề nhà ở Kinh (Kinh trạch đối liên): 2 đôi.

26.Chùa Trúc Lâm (Trúc Lâm tự đối liên): 6 đôi.

27.Câu đối chơi tết ở sảnh đường (Sảnh đường xuân nhật đối liên): 1 đôi.

28.Câu đối viếng cụ lớn tiến triều ở làng Xuân Lan (Văn Xuân Lan tiến triều quan đối liên): 1 đôi.

Những câu đối trên, lần này đã được dịch chú toàn bộ, không lược đi câu nào.

**Hào mân ai lục* (A.117/22), gồm các bài cáo văn và tế văn, trong đó 40 bài viết theo thể văn xuôi, 61 bài viết theo thể văn biền ngẫu, phần nhiều những bài văn này viết để tế cha là Ngô Thì Sĩ mất năm 1780, như *Văn khấn về việc chạy tang* (Bôn táng cáo văn), viết ngày Canh Tuất, tháng 10 năm Canh Tý, hay *Văn khấn hàng ngày khi đưa tang về quê hương* (Hồi táng trục nhật cáo văn), *Văn cáo với tượng truyền thần* (Cáo truyền thần văn), *Văn cáo doanh Lộc Mã* (Cáo Lộc Mã doanh văn) viết ngày 24 tháng 2 năm Tân Sửu (1781) v.v... Nội dung các bài cáo văn, tế văn này, thường là kể lể những công lao của người cha đối với nước với nhà, cùng những nỗi đau của tác giả trước sự ra đi đột ngột của người cha. Số bài viết việc này khá nhiều, nên ý tứ thường trùng lặp, nhiều bài, nhất là những bài viết theo thể biền ngẫu, chỉ là những lời thương xót thốt ra từ đáy lòng tác giả, lượng thông tin không có là mấy... Cho nên ở tập này chúng tôi xin lược đi một số bài, như :

-*Văn tế ngày mồng một và ngày rằm trong các tháng* (Trục nguyệt sóc vọng tế văn), gồm 44 bài văn ngắn, viết theo thể văn biền ngẫu, cúng tế Ngô Thì Sĩ vào ngày mồng một và ngày rằm, suốt trong hai năm, từ mồng 1 tháng 12 năm Canh Tý (1780) đến ngày 15 tháng 9 năm Nhâm Dần (1782), trong đó chỉ khuyết 5 bài tế ngày rằm. Lẽ ra, những tế văn này phải được viết và cúng tế đến khi đoạn tang cha, nhưng gần cuối năm Nhâm Dần như chúng ta đã biết, Trịnh Sâm mất, Phủ Chúa lộn xộn, kiêu binh phế Trịnh Cán lập Trịnh Tông, Ngô Thì Nhậm vì dính líu đến vụ án năm Canh Tý phải chạy về ẩn ở vùng Thái Bình. Có lẽ vì vậy những bài văn tế và việc cúng tế Ngô Thì Sĩ chỉ dừng lại ở hai năm đầu.

Về nội dung các bài văn tế, như trên đã nói, chủ yếu nói nỗi lòng xót thương cha của tác giả, lại viết theo thể biền ngẫu, dung lượng ngắn, lượng thông tin không nhiều, đơn cử vài bài:

Than ôi! Ba tháng đông báo ngày mồng một, buồn thay ngày tháng như trôi qua mau; quanh bốn mùa sắp hết một vòng, xót nỗi sớm hôm không kịp phụng dưỡng.

Dâng lễ bạc mà bày theo tiết cúng; dưới ban thờ kính tỏ nỗi xót thương.

Cúi mong đấng sáng suốt, soi tỏ tấm lòng thành.

(Ngày 1 tháng 12 năm Canh Tý).

Hay:

Than ôi! Sớm hôm không kịp gặp, hận nghìn muôn thu về bước chia lìa; ngày tháng như trôi mau, ngày rằm đã tới sao mà chốc lát.

Thấy quang cảnh mà ôm nỗi đau vô tận; ngước thời gian mà buồn không kịp chăm nom.

Lễ bạc kính dâng, lòng thành giãi tỏ.

(Ngày 15 tháng 12 năm Canh Tý).

Hay:

Than ôi! Liền cành kế tiếp vươn dài, tháng nóng nực lần lừa ở giữa; thóc mới vừa kỳ thu hoạch, buổi lửa nung lẩn quất không thay.

Ngắm xem thỏ tà ác lặn vẫn vần xoay; thương nỗi quạt lạnh ấp nồng sao được nữa!

Kính dâng lễ bạc, cáo ngày sóc này.

(Ngày 1 tháng 5 năm Nhâm Dần).

Và bài cuối cùng của loạt bài văn tế này viết theo thể văn xuôi:

Than ôi! Trước ngày 15 này, nghe tin có quốc tang (Trịnh Sâm mất), con và mỗ tức khắc về kinh khuyết ngay, nên không kịp đến ban thờ làm lễ. Kính cẩn giao quyền cho bọn mỗ cúng tế theo như nghi thức.

Than ôi! Thân này từ đầu đến gót, đều nhờ ở vua và cha tạo thành. Cha hoá hạc bay đi còn không sao níu lại, huống chi vín được râu rồng! Cái thân nhỏ mọn côi cút này, gặp cảnh thương đau này, mắt nhoà lệ, thấy rau quỳ ra rau sở, khóc gào thương đau, cũng là lẽ thường tỏ tấm lòng thấu trời cao mà thôi!

(Ngày 15 tháng 9 năm Nhâm Dần).

Sau các bài văn tế kể trên, còn có các bài khác cũng lược đi không dịch, như:

-*Thương buồn* (Bi tao).

-*Đề mặt trong chiếc quách gỗ* (quách của Ngô Thì Sĩ).

-*Văn tế rước sắc* (Nghênh sắc tế văn).

-*Ngày xuân tế vọng động Nhị Thanh* (Xuân nhật hướng Nhị Thanh động vọng tế văn).

-*Văn cáo rước thần* (Nghênh thần cáo văn).

-*Văn lễ cáo hang Truyền thần* (Truyền thần động cáo lễ văn).

-*Văn cáo ngày giỗ* (Kỵ nhật cáo văn), 2 bài.

-*Văn cáo khi ở làng Đội Trạch, huyện Vũ Tiên* (Vũ Tiên Đội Trạch cư cáo văn).

-*Văn cáo cải táng* (Cải thiên cáo văn).

-*Văn tế điện* (Điện tế văn): Cúng cơm.

-*Văn cáo thành phần* (Thành phần cáo văn): Đắp thành mộ.

-*Văn cáo mộ phần* (Mộ phần cáo văn).

-*Văn cáo được phong thần* (Phong thần cáo văn).

-*Văn cáo phần hoàng động Nhị Thanh* (Nhị Thanh động phần hoàng cáo văn).

-*Văn tế thần Hà bá* (Hà bá thần tế văn).

-*Văn tế thần Thổ địa* (Thổ địa thần tế văn).

-*Văn tế thần Đương cảnh* (Đương cảnh thần tế văn).

-*Văn cải táng cáo với trời đất* (Thiên táng cáo thiên địa văn).

**Hào mân ai lục* (VHv. 1743/7) chép 47 đạo sớ, phần nhiều là sớ khấn cha kết hợp với các tiết cúng lễ trong tháng, trong năm, viết theo thể văn biền ngẫu, với một khuôn mẫu nhất định, dung lượng ngắn, lượng thông tin ít. Xin đơn cử một số ví dụ trong *Các đạo cúng về tuần chạy* (Trai cúng sớ văn các đạo), gồm 30 đạo, như:

Sớ cúng tuần rằm tháng 5 (Cáo trọng hạ vọng sớ)

Rạp nghe: Hoa mận nhuốm màu sương, toà thanh tịnh mở cõi trời vô ngại; lửa hoè lạc sắc khói, đàn chay này hợp thời tiết thuộc buổi thăng bình.

Đâu khuất bóng từ, sao khuây nỗi nhớ.

Lễ chay kính đặt, cáo buổi hôm rằm.

Rằng nghĩ: Con nay lo mất chỗ nhờ; tựa nương đâu được!...

Ngước toà vàng mà lễ cúng kính dâng; bưng hòm ngọc mà lòng buồn khôn tả.

Cúi mong: Tin tưởng chứng giám, tĩnh lặng thường lưu.

Cõi u nhàn bước định tuệ vươn cao, phóng phép lục thông như đưa lại cờ phan, lọng báu; cảnh nho nhã, bóng vinh quang che rợp, mở cơ đồ vạn thế, nhường tiếp luôn trâm bạc, hào hoa.

Hay:

Sớ lễ ngày 1 tháng 6 (Cáo quý hạ sóc sớ)

Rạp nghe: Mười trượng sen hồng, lồng lánh ngậm mầu mưa ngọc; nghìn tầm mận biếc, êm đềm in bóng mây vàng.

Cõi trời Nam Lục cao cao, dải đất Tây Nham thăm thẳm.

Trộm nghĩ: Đạo Phật Lão vốn chân như sáng suốt, trong đó có nhiều hiện thực, nghiễm nhiên trên luồng gió cao vươn cánh hạc tung tăng; lòng ông trời sao xử sự éo le, thấy cảnh mà động mối sầu, huống chi giữa buổi cuối hè, giục tiếng quyên khắc khoải.

Tháng ngày chẳng ở, tình huống chịu sao đành; trời đất không cùng, sầu bi thêm những chạnh.

Dâng lễ chay kính cẩn báo ngày đầu tháng; ngước khuôn từ thành tâm tụng cuốn chân kinh.

Cúi mong: Sáng tỏ ở trên, chứng minh soi tới.

Vo tròn bốn quả, rừng đức che bóng mát dài lâu; chanh nở năm cành, nhà nhân để phúc lành mãi mãi.

Hay:

Sớ kêu về việc phong tặng (Cáo phong tặng sớ)

Rạp nghe: Động báu cao sâu, chốn vang vẻ suối rồng non hộ; toà vàng sáng tỏ, dấu bao phong cáo phượng chương loan.

Chói lọi ơn vua, rỡ ràng toà pháp.

Đội đức ơn trên nghĩ tới Tiên khảo, trung thành vì nước, làm tốt biên phòng; theo điển cũ truyền xuống chiếu thư, chồng chất ra ơn, bao phong thuỵ hiệu.

Ơn rộng khiến siêu thăng vượt mức, tri ngộ thật khác hẳn người thường; trật cao vì công cũ lớn lao, vinh dự nhưng xót không được gặp.

Ngắm mây non mà riêng thương tiếc; đối ngày xuân mà lòng mọn thêm buồn.

Cúi mong: Hiệu lớn xin dâng, cấp cao kính nhận.

Áo mũ xênh xang lên xuống, lửa hương nghi ngút thơm tho.

Chịu ơn trời mà cảnh không thiếu tốt lành, nền nếp công hầu đắp mãi; nhờ duyên Phật mà điềm vô cùng tươi sáng, phúc nhà khanh tướng kéo dài.

Ngoài 30 đạo sớ nằm trong loạt sớ cúng tuần chay đã nêu trên, còn có một số đạo khác, như:

-*Nghĩ thay sớ lễ kỳ yên* (Đại nghĩ kỳ yên sớ).

-*Phụng nghĩ sớ cúng ở chùa Thần Quang* (Phụng nghĩ Thần Quang tự cúng sớ).

-*Sớ tham thiền chùa Linh Am* (Linh Am tự tham thiền sớ).

-*Sớ cúng tổ ở viện Trúc Lâm* (Trúc Lâm viện cúng tổ sớ).

-*Sớ lễ khai tụng cuốn Trúc Lâm tông chỉ nhị thập tứ thanh ở nhà Thiệu Văn đường* (Thiệu Văn đường khai Trúc Lâm tông chỉ nhị thập tứ thanh sớ).

-*Sớ lễ kỳ an thần vị* (An vị sớ).

- *Sớ nghĩ thay cho người ông cầu đảo cho cháu* (Đại nghĩ tổ vi tôn kỳ đảo sớ).

Như thế, những bài sớ văn lược đi đã kê có số lượng khá lớn, nhưng qua 3 bài đã dịch để làm dẫn chứng ở trên, cho thấy đó là những đạo sớ ngắn, nội dung không thiết thực mấy, từ ngữ có phần sáo mòn, ý tứ trùng lặp... Chính vì thế lần này cũng không đưa vào *Ngô Thì Nhậm Toàn tập*.

Người xưa thường nói "Khôn văn tế, dại văn bia," tế văn, cáo văn, sớ văn thường đốt đi sau khi đã cúng tế, để thần linh hay người thân ở thế giới bên kia nhận lấy, những tế cáo sớ văn do Ngô Thì Nhậm viết và cúng chắc cũng không ngoài quy luật trên. Nhưng có khác là, những bản thảo của các bài tế cáo sớ văn ấy được lưu giữ lại. Cho nên soạn giả tùng thư *Ngô gia văn phái* đã tập hợp vào tập *Hào mân ai lục*.

Tóm lại, *Hào mân ai lục* được đưa vào *Ngô Thì Nhậm Toàn tập* lần này là toàn bộ số câu đối hiện có, và 20 bài văn (sớ văn, tế văn, cáo văn), là những bài văn có nội dung phong phú, chứa đựng những thông tin cần thiết, giúp độc giả hiểu rõ hơn về Ngô Thì Nhậm, lược đi phần lớn những bài ngắn, nội dung nghèo nàn và trùng lặp như đã trình bày trên.

***

CÂU ĐỐI

祭堂對聯

TẾ ĐƯỜNG ĐỐI LIÊN [CÂU ĐỐI NHÀ TẾ (NGÔ THÌ SĨ)]

1.

山 岳 日 星 還 正 氣 ；
華 夷 朝 野 識 高 名 。

Sơn nhạc nhật tinh hoàn chính khí;
Hoa di triều dã thức cao danh.

Non nước trăng sao thu về chính khí;
Hoa di thôn chợ biết đến cao danh.

2.

功 全 亭 毒 宜 收 款 ；
氣 作 山 河 自 峙 流 。

Công toàn đình độc nghi thu khoản;
Khí tác sơn hà tự trĩ lưu.

Công nghiệp toàn vẹn, vạn vật biến hóa, nên thu cuốn lại;
Chính khí làm nên sông núi, tự sừng sững hay chảy xuôi.

3.

三 年 朔 望 孚 原 廟 ；
一 部 春 秋 繼 考 亭 。

Tam niên sóc vọng phu nguyên miếu.
Nhất bộ Xuân Thu kế Khảo Đình.

Tin rằng nơi từ đường, tuần tiết trong ba năm hâm hưởng,
Như ông Khảo Đình nối được ngòi bút chép bộ Xuân Thu.[1]

4.

覺 岸 招 提 檀 樾 茂 ；
儒 林 譽 望 斗 山 高 。

Giác ngạn chiêu đề đàn việt mậu
Nho lâm dự vọng Đẩu Sơn cao.

Chiếc am bên bờ giác, cây đàn, cây việt xanh tốt;
Danh vọng bậc nho lâm, cao tựa Bắc Đẩu, Thái Sơn.

5.

玉匣珠襦泉壤貴；
花袍銀帶世家香。

Ngọc hạp châu nhu, tuyền nhưỡng bí;
Hoa bào ngân đới thế gia hương.

Hộp ngọc, bùa châu, tỏ nơi chín suối;
Bào hoa, đai bạc, thơm nức thế gia.

6.

雄文馳聘歐蘇上；
妙道周旋佛老中。

Hùng văn trì sính Âu Tô thượng;
Diệu đạo chu tuyền Phật Lão trung.

Áng văn hùng hồn vượt trên họ Âu, họ Tô;[2]
Cõi đạo mầu nhiệm xoay trong nhà Phật, nhà Lão.[3]

7.

軫翼降神光事業；
璧奎耀彩燦文章。

Chẩn Dực giáng thần quang sự nghiệp;
Bích Khuê diệu thái xán văn chương.

Sự nghiệp sáng tỏ, tựa thần sao Chẩn, sao Dực giáng xuống;
Văn chương rỡ ràng, như ánh sao Bích, sao Khuê loé lên.

8.

儀鳳祥鱗呈世瑞；
騰龍化鶴在天光。

Nghi phụng tường lân trình thế thụy;
Đằng long hoa hạc tại thiên quang.

Giáng điềm tốt cho đời, phượng chầu lân múa;
Toả ánh sáng trên trời, hạc hóa rồng bay.

9.

銳水千尋恢道脈；
峴山終古屹長城。

Nhuệ thuỷ thiên tầm khôi đạo mạch;
Nghiễn sơn chung cổ ngật trường thành.

Sông Nhuệ[4] nghìn tầm, mạch đạo to lớn;
Non Nghiễn[5] muôn xưa, thành đài ngất cao.

10.

光風霽月歸寥廓；
慧日慈雲滿太空。

Quang phong tễ nguyệt quy liêu khuếch;
Tuệ nhật từ vân mãn thái không.

Gió mát trăng thanh về nơi vắng vẻ;
Bóng tuệ mây từ đầy bầu thái không.

11.

費隱道源融一貫；
顯藏心印統千流。

Phí ẩn đạo nguyên dung nhất quán;
Hiển tàng tâm ấn thống thiên lưu.

Nguồn đạo rộng lớn mà ẩn vi, dung hòa thành một lối;
Biểu lộ lòng mình hay giấu kín, tóm hết cả nghìn dòng.

12.

銳派汪汪含德水；
祿峰矗矗現彌山。

Nhuệ phái uông uông hàm Đức thủy
Lộc phong sực sực hiện Di sơn.

Dạt dào dòng Nhuệ chứa đựng nước sông Đức;[6]
Chất cao ngọn Lộc hiện ra núi Tu Di.[7]

13.

覺性如來人世佛；
眞神自在峒山僊。

Giác tính như lai nhân thế Phật;
Chân thần tự tại động sơn tiên.

Thành vị Phật trong cõi người, do tính giác ngộ đem lại;
Làm ông tiên nơi hang núi, bởi tượng truyền thần mãi còn.

14.

師世文章奎壁燦；
宗儒道德斗山高。

Sư thế văn chương Khuê Bích xán;
Tông nho đạo đức Đẩu Sơn cao.

Văn chương bậc thầy, chói ngời như sao Khuê, sao Bích;
Đạo đức đại nho, cao ngất tựa Bắc Đẩu, Thái Sơn.

15.

柳闉正顒君子在；
華城遽促至人歸。

Liễu khổn chính ngung quân tử tại;
Hoa thành cự xúc chí nhân quy.

Nơi doanh liễu[8] chính mong bậc quân tử ở mãi;
Chốn thành hoa[9] vội đưa bậc chí nhân trở về.

16.

宇宙以來存浴翠；
神僊之表在盤阿。

Vũ trụ dĩ lai tồn Dục Thúy;
Thần tiên chi biểu tại Bàn A.

Bốn chữ "Vũ trụ dĩ lai" còn khắc ở núi Dục Thúy;[10]
Tiêu biểu cho các thần tiên vẫn ở núi Bàn A.[11]

17.

蒿蔚慚深惟泣血；
松楸望遠更傷心。

Cao uý tàm thâm duy khấp huyết;
Tùng thu vọng viễn cánh thương tâm.

Những khóc nhỏ máu, thực thẹn trông cây cao ra cây uý;[12]
Càng thêm đau lòng, xa ngóng cây tùng với cây thu.[13]

18.

樹欲不酬端造化；
草將莫報祇綱常。

Thụ dục bất thù đoan tạo hóa;
Thảo tương mạc báo chỉ cương thường.

Do tạo hoá mà ước mong của cây[14] không đáp thoả;
Bởi cương thường nên lòng mọn chiếc cỏ[15] chẳng đền xong.

19.

昊天之德難言報；
行潦爲儀只薦誠。

Hạo thiên chi đức nan ngôn báo;
Hành lạo vi nghi chỉ tiến thành.

Công đức như trời cao, khó nói lời báo đáp;
Múc nước giữa dòng làm lễ, cốt dâng lòng thành.[16]

20.

北斗泰山存信史；
光風霽月在人間。

Bắc Đẩu Thái Sơn tồn tín sử;
Quang phong tễ nguyệt tại nhân gian.

Tựa Bắc Đẩu, Thái Sơn, còn để lại bộ tín sử;
Như gió mát, trăng thanh, vẫn còn trong cõi nhân gian.

21.

此日挽輀號祖道；
何年入室見宗師。

Thử nhật vãn biền hào tổ đạo;
Hà niên nhập thất kiến tông sư.

Ngày ấy đun xe khóc gào Tổ đạo;
Năm nào vào nhà lại thấy Tông sư.

22.

鳳麟降世留餘彩；
龍象歸天証上乘。

Phượng lân giáng thế lưu dư thái;
Long tượng quy thiên chứng thượng thừa.

Phượng, lân giáng xuống cõi đời, lưu lại vẻ phong tao;[17]
Rồng, voi trở về cõi trời, hóa thành vị đại Bồ Tát.[18]

23.

三都出鎮兼文武；
兩進登朝創古今。

Tam đô xuất trấn kiêm văn võ;
Lưỡng tiến đăng triều sáng cổ kim.

Ba lần trấn thủ xứ ngoài, tài kiêm văn vũ;[19]
Hai lượt được tiến triều, hiếm có xưa nay.[20]

24.

極樂國中長寂寞；
無虞樹下自逍遙。

Cực lạc quốc trung trường tịch mịch;
Vô ngu thụ hạ tự tiêu dao.

Im lặng hẳn trong nước cực lạc;
Tự ý tiêu dao dưới gốc vô ngu.

25.

劬勞德厚慚莪蔚；
忠信誠微只藻蘋。

Cù lao đức hậu tàm nga úy;
Trung tín thành vi chỉ tảo tần.

Dầy đức cù lao, hổ nỗi trông cây nga ra cây uý;
chút lòng thành tín, chỉ có rau tần, rau tảo kính dâng.

26.

草草薄將潢水奠；
悠悠長寄白雲心。

Thảo thảo bạc tương hoàng thủy điện;
Du du trường ký bạch vân tâm.

Lễ dâng bằng chén nước khe sơ sài bạc bẽo;[21]
Lòng gửi ở đám mây trắng dằng dặc bay dài.[22]

27.

秋色誰教椿影瘦；
春暉偏愧草心微。

Thu sắc thùy giao xuân ảnh sấu;
Xuân huy thiên quý thảo tâm vi.

Ai xui mầu thu làm cho bóng cây xuân cằn cỗi;[23]
Riêng thẹn cơn nắng ấm, lòng như tấc cỏ nhỏ nhoi.[24]

28.

象頭耀錦依稀在；
箕尾流光約略存。

Tượng đầu diệu cẩm y hy tại;
Cơ Vĩ lưu quang ước lược tồn.

Đầu voi rạng rỡ áo gấm, vẫn còn thấp thoáng;[25]
Nổi ánh sao Cơ sao Vĩ, chưa nỗi sơ sài.[26]

29.

柏府榆關圓善果；
曇花貝葉度來因。

Bách phủ du quan viên thiện quả;
Đàm hoa bối diệp độ lai nhân.

Phủ bách, ải du, kết tròn quả thiện;[27]
Hoa đàm, lá bối, độ cho kiếp sau.[28]

30.

朝元昨在蓬萊殿；
了性今登舍衛城。

Triều nguyên tạc tại Bồng Lai điện;
Liễu tính kim đăng Xá Vệ thành.

Chầu về cõi tiên, trước kia ở Bồng Lai điện;[29]
Liễu ngộ bản tính, ngày nay lên Xá Vệ thành.[30]

31.

沙堤玉芦恢書澤；
覺路金繩轉法身。

Sa đê ngọc duẩn khôi thư trạch;
Giác lộ kim thằng chuyển pháp thân.

Măng ngọc mọc trên đê cát,[31] ơn sách đèn mở rộng;
Bóng nắng soi sáng đường giác,[32] tấm thân pháp chuyển xoay.

32.

麒麟閣上渾閒夢；
龍象經中有宿緣。

Kỳ Lân các thượng hồn nhàn mộng;
Long Tượng kinh trung hữu túc duyên.

Trên các Kỳ Lân, toàn là giấc mơ hão;[33]
Trong kinh Long Tượng, có lắng cơ nhân duyên.[34]

33.

風亭水榭傷心景；
石洞山巢極目天。

Phong đình thủy tạ thương tâm cảnh;
Thạch động sơn sào cực mục thiên.

Quang cảnh đau lòng, nơi đình gió, quán nước;
Cõi trời xa tít chốn hang đá, chồi non.

34.

入聖應添三寶座；
凝神惟望二青山。

Nhập thánh ưng thiêm Tam Bảo toạ;
Ngưng thần duy vọng Nhị Thanh sơn.

Vào cõi thánh, nên thêm vào ngôi Tam Bảo;[35]
Định thần lại, chỉ những thấy núi Nhị Thanh.[36]

35.

花舍東西環佛嶺；
德林前後拱僊居。

Hoa Xá đông tây hoàn Phật lĩnh;
Đức Lâm tiền hậu củng Tiên cư.

Bên đông, bên tây nhà Hoa Xá, lượn quanh núi Phật;
Đằng trước, đằng sau thôn Đức Lâm, chầu về cảnh Tiên.

36.

降誕已週星遽殞；
超升無礙日常明。

Giáng đản dĩ chu tinh cự vẫn;
Siêu thăng vô ngại nhật thường minh.

Sao trời vội đi mất, bởi kỳ hạn giáng sinh đã đủ;
Vầng nhật luôn luôn tỏ, vì chẳng vướng tới việc siêu thăng.

37.

群山影照眞龍現；
四柱官臨大象尊。

Quần sơn ảnh chiếu chân long hiện;
Tứ trụ quan lâm đại tượng tôn.

Muôn bóng núi rọi về, đúng là rồng xuất hiện;
Quan tứ trụ đi tới, ngôi đại tượng tôn nghiêm.

38.

南贍乍辭溫室樹；
西天卻種上乘枝。

Nam Thiệm sạ từ ôn thất thụ;
Tây Thiên khước chủng thượng thừa chi.

Cây ôn thất, chợt từ giã châu Nam Thiệm;[37]
Cành thượng thừa, lại đem trồng ở Tây Thiên.[38]

39.

西國眞遊勞引目；
北邙哀挽重傷神。

Tây quốc chân du lao dẫn mục;
Bắc mang ai vãn trọng thương thần.

Rong chơi Tây Trúc, mắt nhìn mỏi mệt;
Buồn viếng phần mồ, tinh thần trọng thương.

40.

千 里 思 親 難 縮 地 ；
一 朝 失 怙 只 呼 天 。

Thiên lý tư thân nan súc địa;
Nhất triều thất hỗ chỉ hô thiên.

Nơi nghìn dặm nhớ đấng thân, khó rút ngắn đất;
Một buổi sớm bỗng mất cha, chỉ những gào trời.

41.

一 等 文 章 還 造 化 ；
百 家 師 法 有 春 秋 。

Nhất đẳng văn chương hoàn tạo hóa;
Bách gia sư pháp hữu Xuân Thu.

Văn chương một khối, trả lại tạo hóa;
Phép dạy trăm nhà, có bộ Xuân Thu.

42.

經 世 猷 謨 ， 紫 殿 正 將 儲 大 用 ；
超 塵 丰 格 ， 丹 梯 忽 已 秘 眞 遊 。

Kinh thế du mô, tử điện chính tương trừ đại dụng;
Siêu trần phong cách, đan thê hốt dĩ bí chân du.

Mưu mô sửa sang đời, điện tía[39] chính sẽ là nơi chứa chất tài dụng lớn;
Phong cách vượt cõi trần, thang son[40] chốc đã bí mật đón bước chân du chơi.

43.

望 峻 斗 台 ， 玉 節 錦 袍 猶 昨 日 ；
神 留 山 岳 ， 金 輪 寶 鏡 在 長 天 。

Vọng tuấn Đẩu Thai, ngọc tiết cẩm bào do tạc nhật;
Thần lưu sơn nhạc, kim luân bảo kính tại trường thiên.

Danh vọng cao tựa Đẩu Thai, tiết ngọc, cẩm bào vẫn như ngày trước;
Tinh thần lưu lại sông núi, xe vàng, gương ngọc mãi để trên trời cao.

44.

漠 漠 長 空 ， 雲 表 駿 鸞 嗟 此 日 ；
悠 悠 終 古 ， 柱 頭 化 鶴 是 何 年 。

Mạc mạc trường không, vân biểu tham tuấn ta thử nhật;
Du du chung cổ, trụ đầu hóa hạc thị hà niên.

Bầu trời lặng lẽ mãi, cưỡi loan chơi ngoài tầng mây, buồn than cho ngày ấy;
Muôn xưa dằng dặc hoài, hóa hạc đậu đầu đồng trụ, năm đó là năm nào?

45.

逝者如斯，滾滾村前銀一帶；
眞遊何處，茫茫塵外寶三山。

Thệ giả như tư, cổn cổn thôn tiền ngân nhất đới;
Chân du hà xứ, mang mang trần ngoại bảo tam sơn.

Đi mãi như thế, trước thôn một vùng nước bạc cuồn cuộn;
Dong chơi nơi nao, ngoài cõi trần ba ngọn núi báu lờ mờ.[41]

46.

萬里白雲，每愧晨昏茫若闕；
百年閃電，寧知旦暮果難諶。

Vạn lý bạch vân, mỗi quý thần hôn mang nhược khuyết;
Bách niên thiểm điện, ninh tri đán mộ quả nan thầm.

Mây bạc muôn dặm, thẹn nỗi sớm khuya, lênh phênh như còn khiếm khuyết;
Chớp giật trăm năm, nào hay sáng tối, quả khó tỏ lòng chân thành.

47.

咫尺非遙，虛若精靈何處度；
澗潢匪腆，信如風雅也難盛。

Chỉ xích phi dao, hư nhược tinh linh hà xứ độ;
Gián hoàng phỉ điển, tín như phong nhã dã nan thình.

Chỉ cách gang tấc chẳng mấy xa, tinh linh hư không, cứu độ nơi nào nhỉ?
Lễ bạc với nước suối rau khe, phong nhã trung tín, thịnh soạn thật khó thay!

48.

神之格思，靈馭飆輪茫渺裡；
僊乎歸矣，蓬壺閬苑有無間。

Thần chi cách tư, linh ngự phiêu luân mang diểu lý;
Tiên hồ quy hĩ, Bồng hồ Lãng uyển hữu vô gian.

Thần đã tới rồi, ngựa mây, xe gió ở trong chốn mờ mịt;
Tiên sao về vội, vườn Lãng, non Bồng lẩn giữa khoảng có, không.

49.

隴陌興悲，自是紹公身後事；
國家在念，可堪司馬夢中言。

Lũng mạch hưng bi, tự thị Thiệu Công thân hậu sự;
Quốc gia tại niệm, khả kham Tư Mã mộng trung ngôn.

Tự là việc đời sau ông Thiệu Công, nên đau buồn nơi mạch lũng;
Vì kham nổi lời trong mộng ông Tư Mã,[42] mà luôn nghĩ tới quốc gia.

50.

次第皇恩，慚愧經營勞白髮；
晨昏子道，咄嗟定省倩明緘。

Thứ đệ hoàng ân, tàm quý kinh dinh lao bạch phát;
Thần hôn tử đạo, đột ta định tỉnh thiến minh giam.

Lần lượt đội ơn vua, thẹn cho mái đầu bạc vẫn phải kinh dinh vất vả;

Đạo làm con hôm sớm, thở than thăm viếng, ở dương gian chỉ biết ngậm ngùi.

51.

筆削鑑衡公，新編一部春秋史；
精忠金石貫，原廟三年朔望詩。

Bút tước giám hành công, tân biên nhất bộ Xuân Thu sử;
Tinh trung kim thạch quán, nguyên miếu tam niên sóc vọng thi.

Chép, bỏ, công bằng như gương như cân, sử Xuân Thu một bộ mới soạn;

Tinh trung cảm thấu cả vàng cùng đá, thơ sóc vọng, ba năm nơi miếu thờ.

52.

祿馬阻慈顏，不孝鞏弧如此輩；
春牛迎始旦，同朝紳珮是何年。

Lộc Mã trở từ nhan, bất hiếu ban hồ như thử bối;
Xuân ngưu nghinh thủy đán, đồng triều thân bội thị hà niên.

Núi Lộc Mã làm ngăn trở nét mặt hiền từ, trai gái[43] như lũ tôi thật là bất hiếu;

Con Xuân ngưu đón rước ngày xuân mới,[44] cùng các thân sĩ đồng triều đó là năm nào?

53.

膚髮總劬勞，難把筋骸酬大造；
涓塵奚報答，惟餘血淚滴中筵。

Phu phát tổng cù lao, nan bả cân hài thù đại tạo;
Quyên trần hề báo đáp, duy dư huyết lệ trích trung diên.

Mảng da sợi tóc, đều là nhọc nhằn, khó mà đem gân cốt đáp đền công đại tạo;

Giọt nước hạt bụi sao báo đền nổi, duy có thừa lệ máu, nhỏ trước ban thờ.

54.

風木百年悲，長夜疏鐘敲孝淚；
雲山千古恨，斜暉密雨滴傷心。

Phong mộc bách niên bi, trường dạ sơ chung xao hiếu lệ;
Vân sơn thiên cổ hận, tà huy mật vũ trích thương tâm.

Trăm năm buồn nỗi gió rung cây, chuông vẳng đêm trường lay giọt hiếu;
Nghìn thủa hận về mây chắn núi, mưa dồn bóng ngả dội lòng thương.

55.

世局自今完，正氣飄飄歸海岳；
天常終古痛，遺容彷彿見羹墻。

Thế cục tự kim hoàn, chính khí phiêu phiêu quy hải nhạc;
Thiên thường chung cổ thống, di dung phảng phất kiến canh tường.

Việc đời từ nay trọn vẹn, chính khí nhẹ nhàng về với núi với biển;
Đạo trời trọn đời thương cảm, dung nhan phảng phất ở bát canh bức tường.[45]

56.

黯淡岵山雲，青院已無黃雀入；
淒涼蒿里月，郊坰惟有白烏翔。

Ảm đạm Hỗ sơn vân, thanh viện dĩ vô hoàng tước nhập;
Thê lương cao lý nguyệt, giao quynh duy hữu bạch ô tường.

Mây núi Hỗ[46] mịt mờ, sẻ vàng không vào nơi thanh viện;[47]
Trăng Cao Lý lạnh lẽo[48] ác trắng chỉ thấy liệng chốn ngoại ô.

57.

靈馭忽安歸，靉靉白雲空拭望；
慈恩無可報，悠悠潢水但將誠。

Linh ngự hốt an quy, ái ái bạch vân không thức vọng;
Từ ân vô khả báo, du du hoàng thủy đãn tương thành.

Hồn thiêng cưỡi ngựa vụt đi đâu, mây trắng rã rời, những gạt đi nỗi niềm trông ngóng;
Đền ơn cha không thể làm được, sông hoàng dằng dặc, chỉ những đem theo tấm lòng thành.

58.

誠信播遐方，長有硯山關以北；
文章歸大塊，永留筆跡海之南。

Thành tín bá hà phương, trường hữu Nghiễn sơn quan dĩ bắc;
Văn chương quy đại khối, vĩnh lưu bút tích hải chi nam.

Lòng thành thực nức phương xa, núi Nghiễn[49] vẫn trường tồn, truyền từ cửa quan sang phía bắc;

Văn chương trả cho khối đất, dấu bút lưu lại mãi, từ bãi biển trở về phương nam!

59.

朔嶺雪三層，詎料終天從此日；
諒城雲二嶺，那能縮地見臨時。

Sóc lĩnh tuyết tam tằng, cự liệu chung thiên tùng thử nhật;
Lạng thành vân nhị đỉnh, na năng súc địa kiến lâm thì.

Núi bắc tuyết đọng ba tầng, ngờ đâu đau đớn suốt đời, từ ngày đó;

Thành Lạng mây che đôi ngọn,[50] làm sao rút đất lại, thấy lúc giáng lâm.

60.

道骨信能僊，碧落蒼梧遺世事；
慈心如即佛，玉毫金相隔人間。

Đạo cốt tín năng Tiên, bích lạc thương ngô di thế sự;
Từ tâm như tức Phật, ngọc hào kim tướng cách nhân gian.

Đạo cốt ấy tin chắc thành Tiên, nơi vách đá, chốn kim ngô, bỏ lại việc thế sự;

Sẵn có từ tâm ắt hóa Phật, hào quang ngọc, sắc tướng vàng, ngăn cách với nhân gian.

61.

戀暮曷能穹，倍痛信誠無一必；
攀號何可逮，始知忠孝果雙難。

Luyến mộ hạt năng cùng, bội thống tín thành vô nhất tất;
Phan hào hà khả đãi, thủy tri trung hiếu quả song nan.

Quyến luyến thương nhớ khôn cùng, lòng thành tín đau gấp bội, không phải là một;

Vin tay gào khóc nào kịp, mới biết lòng trung hiếu, quả khó cả hai.

62.

南北有官身，吾父壯懷應匪憾；
夏冬人子職，癡兒罪悔不勝言。

Nam bắc hữu quan thân, ngô phụ tráng hoài ưng phỉ hám;
Hạ đông nhân tử chức, si nhi tội hối bất thăng ngôn.

Thân làm quan đi bắc về nam, hoài bão lớn lao của cha ta không nên để phải oán giận;

Phận làm con quạt nồng ủ lạnh, tội lỗi lũ con côi khôn xiết nói ra.

63.

頂踵係生成，自愧分毫無可報；
彭殤皆夢幻，祇愁涯角不相知。

Đỉnh chủng hệ sinh thành, tự quý phân hào vô khả báo;
Bành thương giai mộng ảo, chi sầu nhai giác bất tương tri.

Từ đầu đến gót đều được cha sinh ra, tự thẹn từng phân từng hào, không sao báo đáp;

Sống lâu hay chết yểu thảy là ảo mộng, chỉ buồn chân trời góc bể chẳng thể biết nhau.

64.

羞薦雅風誠，精爽不亡，神或格；
別離今古事，愆尤太重，痛彌深。

Tu tiến nhã phong thành, tinh sảng bất vong, thần hoặc cách;
Biệt ly kim cổ sự, khiên vưu thái trọng, thống di thâm.

Dâng cỗ tỏ lòng thành phong nhã, tinh anh vẫn còn, mong thần chứng quả;

Biệt ly là việc thường xưa nay, bởi lầm lỗi nặng, lòng càng đớn đau.

65.

易簀問遺言，關塞綱維無別事；
回裝求故稿，珠璣篇什尚平時。

Dịch trách vấn di ngôn, quan tái cương duy vô biệt sự;
Hồi trang cầu cố cảo, châu cơ thiên thập thượng bình thì.

Hỏi lời di chúc lúc đổi nệm tre,[51] ngoài mốc giới quan ải ra, không việc gì khác;

Tìm bản thảo cũ khi gói hành lý, mấy chục chương quý bài hay, vẫn như thuở xưa.

66.

遠道憶慈顏，可堪今昨成千古；
首時懷別候，不覺春秋已四年。

Viễn đạo ức từ nhan, khả kham kim tạc thành thiên cổ;
Thủ thời hoài biệt hậu, bất giác xuân thu dĩ tứ niên.

Đường xa nhớ bóng cha hiền, việc xưa nay đã thành thiên cổ;
Đầu giêng tính ngày bái biệt, bỗng xuân thu trải bốn năm trời.(52)

67.

紫氣悠難留，剩自素筵求陟降；
蒼天無可問，欲穹碧落覓飛升。

Tử khí thúc nan lưu, thặng tự tố diên cầu trắc giáng
Thương thiên vô khả vấn, dục cùng bích lạc mịch phi thăng.

Khí tía khó mà lưu,(53) chỉ tới đàn tang cầu sự lên xuống;
Trời xanh không thể hỏi, muốn tận mây biếc tìm dấu bay lên.

68.

治命謹無違，禮數科儀儒間釋；
至情思不匱，慈容矩範父兼師。

Trị mệnh cẩn vô vi, lễ sổ khoa nghi Nho gián Thích
Chí tình tư bất quỹ, từ dung củ phạm phụ kiêm sư.

Lời dạy lúc bình nhật không dám trái,(54) mấy khoa khi cúng tế, Nho lẫn với Thích;
Mối tình chí thân chẳng một chút sai, khuôn mẫu trước bóng từ, cha kiêm cả thầy.

69.

禮樂大宗師，一世斗山垂雅範；
誥章新寵命，九霄雨露渥殊霑。

Lễ nhạc đại tông sư, nhất thế Đẩu sơn thùy nhã phạm;
Cáo chương tân sủng mệnh, cửu tiêu vũ lộ ốc thù triêm.

Vị tông sư lớn dạy về lễ nhạc, một đời như Đẩu Sơn,(55) để lại khuôn phép đẹp;
Tờ sủng mệnh mới ban cho cáo chương, chín tầng trời mưa móc, thấm đẫm những ơn sâu.

70.

大造實難窺，光彩精華還磅礴；
至人原不朽，文章道德在乾坤。

Đại tạo thực nan khuy, quang thái tinh hoa hoàn bàng bạc;
Chí nhân nguyên bất hủ, văn chương đạo đức tại kiền khôn.

Thợ tạo hóa thật khôn lường, đem quang thái tinh hoa trả lại bầu rộng lớn;
Bậc chí nhân thường bất hủ, để văn chương đạo đức ở mãi chốn cao dầy.

71.

大筆聳南天，信史不磨奎壁燦；
眞僊還北斗，凡夫徒哭尾箕歸。

Đại bút tủng Nam thiên, tín sử bất ma Khuê Bích xán;
Chân tiên hoàn Bắc Đẩu, phàm phu đồ khốc Vĩ Cơ quy.

Tay đại bút cao vút trời Nam, bộ tín sử không phai mờ, sáng như sao Khuê sao Bích;[56]
Bậc chân tiên về cung Bắc Đẩu, bọn phàm phu than khóc, về nơi sao Vĩ sao Cơ.[57]

72.

憑手澤於開緘，極目關山無可縮；
奉眞容於歸櫬，傷心父子不相聞。

Bằng thủ trạch ư khai giam, cực mục quan sơn vô khả súc;
Phụng chân dung ư quy sấn, thương tâm phụ tử bất tương văn.

Thủ trạch nhờ phong thư đã mở, ngút mắt quan san, không thể co lại;
Chân dung theo linh cữu rước về, xót nỗi cha con, nghe chẳng thấy đâu.

73.

從前萬里遠離，尚冀承歡還有日；
此後終天永訣，未知繼見在何時。

Tòng tiền vạn lý viễn ly, thượng ký thừa hoan hoàn hữu nhật;
Thử hậu chung thiên vĩnh quyết, vị tri kế kiến tại hà thì.

Trước đây muôn dặm xa lìa, mong mỏi xum vầy còn có lúc;
Nay bỗng suốt đời vắng mãi, chẳng hay gặp lại đến bao giờ.

74.

別似離，存離，底事別存離，都懊惱；
歌不聚，哭聚，此堂歌哭聚，大參差。

Biệt tự ly, tồn ly, để sự biệt tồn ly, đô ảo não;
Ca bất tụ, khốc tụ, thử đường ca khốc tụ, đại sâm sai.

Biệt giống như ly, tồn lại ly, việc biệt, tồn ly đó đều là oán giận;
Ca thì không tụ, khốc mới tụ, nhà ca, khốc tụ này rất đỗi so le.

75.

一場陵谷世間悲，事業縑緗青史在；
萬里關山人子痛，文章錦繡白雲浮。

Nhất trường lăng cốc thế gian bi, sự nghiệp kiêm tương thanh sử tại;
Vạn lý quan sơn nhân tử thống, văn chương cẩm tú bạch vân phù.

Thế gian buồn nỗi hang núi một lúc đổi dời, sự nghiệp lụa là, sử xanh còn lại;
Người đời đau về non nước muôn trùng xa cách, văn chương gấm vóc, mây bạc bay qua.

76.

五旬都榮華富貴以歸，檀檵餘香留不盡；
萬古凜悽愴焄蒿如在，松槐茂蔭直無邊。

Ngũ tuần đô vinh hoa phú quý dĩ quy, đàn việt dư hương lưu bất tận;

Vạn cổ lẫm thê thương huân cao như tại, tùng hoè mậu ấm trực vô biên.

Tuổi năm mươi đem vinh hoa phú quý cùng về, thừa hương đàn việt để lại không hết;

Cảnh muôn thuở đau xót, ngạt ngào còn mãi, bóng tùng hoè rợp che mãi không cùng.

77.

龍章鳳誥寵華新，特地榮光，大丈夫誠不枉；
駿采鴻儀攀戀阻，長天睽隔，眾孤子則何瞻。

Long chương phụng cáo sủng hoa tân, đặc địa vinh quang, đại trượng phu thành bất uổng;

Tuấn thái hồng nghi phan luyến trở, trường thiên khuê cách, chúng cô tử tắc hà chiêm.

Chương rồng cáo phượng, ơn sủng mới ban cho, đầy đất vinh quang, đấng trượng phu thật không chút uổng;

Vẻ chim hồng, dáng tuấn mã, lưu luyến níu kéo, khắp trời cảnh cách biệt, các con côi đâu biết mà trông.

78.

蓋我家纖毫寵澤總君恩，慈親自致榮哀，登降 獻酬何所有；
將天下第一楷模朝帝闕，老佛眞如定慧，儀文炫耀看來無。

Cái ngã gia tiêm hào sủng trạch tổng quân ân, từ thân tự trí vinh ai, đăng giáng hiến thù hà sở hữu;

Tương thiên hạ đệ nhất khải mô triều đế khuyết, Lão Phật chân như định tuệ, nghi văn huyễn diệu khán lai vô.

Vì ơn sủng nảy chút ở nhà ta, đều chịu ơn vua, gia thân tự tạo lấy buồn vui, dâng tiến xuống lên nào đã có;

Đem khuôn mẫu thứ nhất ở thiên hạ, về chầu thượng đế, Phật Lão chỉ một niềm định tuệ,[58] rõ ràng nghi thức thẩy đều không.

79.

但覺九恩深，虛物虛情，又何足數：沼沚澗溪今度薦；
謾云萬事足，浮名浮利，更不覺視：星辰山岳此回瞑。

Đãn giác cửu ân thâm, hư vật hư tình, hựu hà túc sổ: Chiểu chỉ giản khê kim độ tiến.

Mạn vân vạn sự túc, phù danh phù lợi, cánh bất giác thị: Tinh thần sơn nhạc thử hồi minh.

Những hay "chín chữ ân sâu,"[59] vật suông, tình cũng suông, sao lại đủ trình bầy: Nước suối rau khe nay tiến đặt;

Nói quá "muôn việc đầy đủ,"[60] lợi hão, danh cũng hão, sao chẳng hay nhìn ngó, trăng sao non núi hiện lu mờ.

80.

父以文字創門户，晚年最喜以文字與兒樂，豚犬誠不肖，莫將文字答怡愉；
兒因簡書阻晨昏，前日纔得因簡書請父回，龍象忽焉歸，遂爲簡書啼契闊。

Phụ dĩ văn tự sáng môn hộ, vãn niên tối hỉ dĩ văn tự dữ nhi lạc, đồn khuyển thành bất tiếu, mạc tương văn tự đáp di du;

Nhi nhân giản thư trở thần hôn, tiền nhật tài đắc nhân giản thư thỉnh phụ hồi, long tượng hốt yên quy, toại vị giản thư đề khế khoát.

Cha đem văn tự mở mang nghiệp nhà, buổi trung niên mừng đem văn tự cùng vui với con, thân đồn khuyển[61] thật là bất tiếu, chẳng đem văn tự đáp cuộc xum vầy;

Con vì tấu chương cản trở sớm hôm, ngày mới đây vừa có tấu chương xin rước cha hồi quán, xe tượng long[62] phút vội đi đâu, bèn vì tấu chương khóc đường xa cách.

81.

玉顏數歲在披緘，送我一書成永訣；
玄酒中途空對樽，迎親千里枉相隨。

Ngọc nhan sổ tuế tại phi giam, tống ngã nhất thư thành vĩnh quyết;
Huyền tửu trung đồ không đối sấn, nghinh thân thiên lý uổng tương tùy.

Mặt ngọc vài năm thấy ở trong thơ, một bức gửi con rồi vắng bặt;

Rượu nhạt giữa đường dâng lên linh cữu, nghìn trùng đón bố những theo suông.

82.

何人名利不風塵，最痛晨昏三載隔；
自古存亡都夢幻，可憐今昨一場忙。

Hà nhân danh lợi bất phong trần, tối thống thần hôn tam tải cách;
Tự cổ tồn vong đô mộng ảo, khả lân kim tạc nhất trường mang.

Ai người danh lợi chẳng nhuốm phong trần, buồn nhất sớm tối ba năm cách biệt;

Từ trước mất còn đều là ảo mộng, tiếc thay bấy nay một phen bộn bề.

83.

環一道兵民官吏象馬旌旗指揮總督之年，將像爲我，寺爲室，經爲書，飄飄出世神僊，吾父誠無所憾；

餘五旬文章政事科甲功名赫奕焜煌其代，寄聲于人，家于子，傳于史，磊磊超群鸞鳳，孤兒難得而名。

Hoàn nhất đạo binh dân quan lại tượng mã tinh kỳ chỉ huy tổng đốc chi niên, tương tượng vi ngã, tự vi thất, kinh vi thư, phiêu phiêu xuất thế thần tiên, ngô phụ thành vô sở hám;

Dư ngũ tuần văn chương chính sự khoa giáp công danh hách dịch côn hoàng kỳ đại, ký thanh vu nhân, gia vu tử, truyện vu sử, lỗi lỗi siêu quần loan phượng, cô nhi nan đắc nhi danh.

Cái năm nào chỉ huy, nào đốc suất các binh dân quan lại, tượng mã tinh kỳ, quanh một khu, đem tượng làm bản thân, chùa làm nhà ở, kinh làm sách xem, nhẹ nhàng thay! Thần tiên ra hẳn cõi đời, cha ta thật chưa có điều gì oán giận;

Cái thời nào chói lọi, nào huy hoàng như văn chương chính sự, khoa giáp công danh, gửi tiếng ở nhân dân, nhà ở con cái, truyện ở sử xanh, vòi vọi nhỉ! Loan phượng vượt ngoài quần chúng, lũ con côi khó lòng đạt được mà nổi danh.

CHÚ THÍCH:

1.Khảo Đình: Nơi Chu Tử ở, người đời sau thường gọi Chu Tử là Chu Khảo Đình. *Bị khảo*: Chu Tử kế *Lân Kinh* chi hậu, tác vi *Cương mục* (Chu Tử nối sau bộ *Lân Kinh (Xuân Thu)* chép ra sử *Cương mục*). Đây Ngô Thì Sĩ có soạn *Đại Việt sử ký*, nên nhắc tới.

2.Âu Dương Tu, Tô Đông Pha, là hai trong tám nhà nho lớn đời Tống.

3.Phật và Lão là 2 vị giáo tổ, cùng Khổng Tử là 3.

4.Sông Nhuệ chảy vào Thanh Oai, quê hương họ Ngô Thì.

5.Non Nghiễn: Dương Hựu, một danh tướng đời Đường, thường cùng với Trâu Trạm lên núi Nghiễn Sơn uống rượu rồi than rằng: "Từ khi có vũ trụ, đã có núi này. Các hiền triết lên chơi cũng đã nhiều, song đều mai một cả, không có tăm hơi gì!" Trạm nói: "Công đức ông trùm cả 4 bể, danh vọng nên cùng với núi này mà bất hủ." Sau Hựu mất, dân ở đó lập đền, dựng bia, ai đã đi qua xem xong bia cũng nhỏ nước mắt, nhân gọi đó là bia "trụy lệ." Đây ý nói, Thì Sĩ cũng được như thế.

6.Dòng Nhuệ ở Thanh Oai: Quê hương tác giả. Nước sông Đức (Đức thủy) tức chỉ ba con sông: Thiên Đức, Nguyệt Đức, Nhật Đức, nơi Ngô Thì Nhậm giữ chức Đốc đồng Kinh Bắc, mà Ngô Thì Sĩ đi giữ chức Đốc trấn Lạng Sơn từng đi qua. "Đức thủy" còn có nghĩa là nước đức, nhà Phật có 8 nước đức: Nước nhẹ, nước đẹp, nước trong, nước thơm, nước lạnh, nước uống không chán, nước dẻo, nước uống không có độc, đều chảy ra ở núi Tu Di.

7.Ngọn Lộc, tức núi Lộc Mã ở Lạng Sơn, là 1 trong 8 cảnh mà Ngô Thì Sĩ mở ra. Núi Tu Di, nơi Phật ở.

8.Doanh liễu, dinh thự nơi tướng tá ở.

9.Thành hoa, thành đẹp, có lẽ cũng như nói "giai thành" là danh từ gọi nơi phần mộ.

10.Núi Dục Thuý, tục gọi núi Non Nước ở Ninh Bình, Ngô Thì Sĩ có đề thơ và khắc 4 chữ "Vũ trụ dĩ lai" ở đó.

11.Núi Bàn A, ở bờ sông Lường, Thanh Hóa. Ngô Thì Sĩ có làm chòi Quan lan (xem sóng) và khắc thơ ở đó.

12.Cây cao, cây uý, vì thương cha mẹ quá, trông cây nga lại hóa ra cây cao, rồi nó lại là cây uý. *Kinh Thi,* thơ *Lục nga*: "Lục lục giả nga, phỉ nga y cao. Lục lục giả nga, phỉ nga y uý" (Xanh xanh là cây nga, không phải cây nga mà nó là cây uý).

13.Tùng thu, là loại cây thường trồng nơi phần mộ.

14.Ước muốn của cây: Khâu Ngô Tử thường nói: "Cây muốn lặng, mà gió chẳng ngừng; con muốn nuôi cha mẹ chẳng kịp ở lại."

15.Lòng mọn chiếc cỏ, thơ *Mạnh Đông Dã:* "Thủy tương thốn tâm thảo, báo đắc tam xuân huy" (Ai đem lòng tấc cỏ, báo đền được bóng ấm ba xuân). Ý nói, làm con nghĩ tới công ơn cha mẹ sinh thành như bóng ấm ba xuân, khó mà báo đáp lại được.

16.Nước chảy giữa dòng: *Kinh Thi,* thiên *Đại nhã,* Thiệu Khanh Vương răn vua Thành Vương có câu: "Quýnh chước bỉ hành lạo" (Xa rót nước chảy ở giữa dòng kia), ý nói nước đó là vật rất tầm thường, song thành tâm dâng làm lễ cúng, thì quỷ thần cũng hâm hưởng.

17.Phượng hoàng kỳ lân là loài vật hiếm thấy, ví với bậc danh hiền ra đời.

18.Đi thủy không gì khoẻ bằng rồng, đi bộ không gì khoẻ bằng voi, nên đạo Phật dùng "long tượng" ví với pháp lực của mình. Đại Bồ Tát là vị đã tu tới tột bậc, tức là thành Phật.

19.Ba lần ra trấn thủ: Ngô Thì Sĩ năm Giáp Thân (1764) ra Đốc đồng Thái Nguyên; năm Bính Tuất (1766) ra Hiến sát sứ Thanh Hoa; năm Đinh Dậu (1777) ra Đốc trấn Lạng Sơn.

20.Hai lần tiến triều: Ngô Thì Sĩ sau khi đỗ Hương cống (1723), năm Ất Hợi (1755) được sung vào Thị nội văn chức trong phủ Chúa. Năm Quý Mùi (1763), được đặc tuyển tiến triều, trao chức Công khoa cấp sự trung.

21.*Tả truyện*: Nếu tỏ lòng trung tín, thì dâng chén nước khe, quỷ thần cũng chứng cho.

22.Đời Đường, Địch Nhân Kiệt qua núi Thái Hàng, thường trỏ đám mây trắng bay lửng lơ trên không bảo: Nhà cha mẹ ta ở dưới đám mây đó.

23.Bóng cây thông (xuân) ví với cha.

24.Lòng như tấc cỏ, là lòng báo hiếu của con. Xem chú thích số 2 câu đối số 18 ở trên.

25.Áo gấm đầu voi, có lẽ khi Ngô Thì Sĩ đỗ Đình nguyên, nhà Chúa cho được cưỡi voi đi xem hoa. Vì lúc đó ông đã qua hai chức Ngự sử, Đốc đồng.

26.Sao Cơ, sao Vĩ, *Liệt Tử*: Phó Duyệt khi mất, tinh thần của ông thác lên sao Cơ, sao Vĩ. Ý nói, người tuy không còn, nhưng tinh thần vẫn là bất diệt.

27.Phủ bách, nơi Ngự sử ở, vì Ngô Thì Sĩ trước có làm Giám sát Ngự sử; ải du, nơi quan ải thường trồng cây du, có từ đời Hán, đây trỏ vào quan ải ở Lạng Sơn.

28.Hoa ưu đàm, kinh lá bối, nói về cảnh nhà Phật.

29.Bồng Lai, quả núi giữa bể Đông, các phi tiên thường ở.

30.Liễu ngộ bản tính: Hiểu rõ tính vốn có. Thành Xá Vệ, xưa phật Thích Ca thường thuyết pháp ở đó.

31.Măng ngọc, ví các quan đứng hàng chầu như chiếc măng ngọc đứng từng hàng. Đê cát, nói được bái làm tướng. Lệ xưa khi bái tướng, các phủ huyện phải xe cát đắp đường từ nhà riêng cho tới sát đông thành gọi là sa đê (đê cát).

32. Bóng nắng, dịch chữ "kim thằng" trong câu. Thơ *Cổ đức*: "Kim thằng khai giác lộ, bảo phiệt độ mê tân." (Bóng nắng mở đường giác, bè báu vượt sông mê). Ý nói đạo Phật cứu độ chúng sinh rất mầu nhiệm.

33.Gác Kỳ Lân, là gác treo tượng các công thần. Triều Hán Tuyên đế vẽ tượng công thần ở gác Kỳ Lân, có 11 người như Hoắc Quang, Trương An Thế.... Đây ý nói, cha mất rồi, không còn dịp thực thi tài năng với đời nữa.

34. Kinh Long tượng, tức nói Kinh Phật. *Tuyền đăng lục*: Đi nước không gì khoẻ bằng rồng; đi bộ không gì khoẻ bằng voi, cho nên chuyên chở được pháp lực lớn, ví với long tượng. Ý nói cha đã về với cõi Phật.

35.Tam bảo (ba tòa báu): Phật; Pháp; Tăng, cũng chỉ nhà chùa nói chung. "Thêm vào" là ý nói Ngô Thì Sĩ là vị thánh nhà nho, nay đã mất, thờ vào với cõi Tam Bảo, thế là bốn. Kiêm cả Nho và Thích.

36.Núi Nhị Thanh, nguyên tên là núi Bắc Nham, Ngô Thì Sĩ lên Đốc trấn Lạng Sơn, vào năm Kỷ Hợi (1779), sửa sang chiếc hang ở núi đó, khắc tượng ở trong. Cho tên mới là Nhị Thanh. Bài phú *Nhị Thanh động* của ông có câu: "Động sao gọi là Nhị Thanh? Người làng Tả Thanh Oai, huyện Thanh Oai, tự đặt tên hiệu là Nhị Thanh cư sĩ, tới nơi kinh doanh, nhân thế mà mệnh danh".

37.Ôn thất, tức viện Cơ mật.

Nam Thiệm, là một đại bộ châu trong tứ đại bộ châu, *Kinh Phật* nói cõi trần ta ở, thuộc về châu này.

38.Thượng thừa, danh từ chỉ người tu hành đã tới tột bậc, thành Phật. Tây Thiên tức cõi Phật ở.

39.Điện tía, cung điện vua chúa ở.

40.Thang son, thang sơn đỏ bắc để lên cõi tiên.

41.Ba ngọn núi báu; Bồng Lai, Phương Trượng, Doanh Châu ở ngoài biển Đông, các phi tiên thường ở (Theo thần thoại cổ).

42.Thiệu Công, Tư Mã: Chưa rõ điển cố.

43.Trai gái, dịch thoát chữ "ban hồ" trong câu, "ban" là chiếc thắt lưng trỏ vào người con gái; "hồ" là chiếc cung trỏ vào con trai. Lộc Mã là tên một quả núi ở Lạng Sơn.

44.Xuân Ngưu, *Từ nguyên*: Hàng năm, trước tiết lập xuân một ngày, rước con Xuân ngưu (đắp bằng đất) ra trước phủ đường, ngày hôm sau dùng chiếc roi

quấn bằng dây đỏ đánh vào thân trâu gọi là "đả xuân", từ triều đình cho đến tỉnh phủ huyện đều làm thế. Đây ý nói, mấy năm trước cùng với các quan trong triều làm lễ rước trâu mà nay đã là người thiên cổ rồi.

45.Vua Nghiêu mất, ông Thuấn thương nhớ, khi ăn thấy hình dáng ở trong bát canh, khi nằm thấy hình dáng ở trên bức tường. Vì thế, người sau thường dùng 2 chữ "canh tường" để tả con nhớ cha, tôi nhớ vua, rể nhớ bố vợ.

46.Núi Hỗ chỉ người cha.

47.Sẻ vàng, thanh viện, chưa rõ điển.

48.Cao Lý là tên đất, nơi để sa ma mộ địa, cũng là tên khúc hát ai vãn, để khóc người chết.

49.Núi Nghiễn, tức Nghiễn Sơn, xem chú thích số 2, câu đối số 9.

50.Đôi ngọn, chỉ núi Nhị Thanh.

51.Đổi nệm tre, là danh từ dùng khi nhà nho hấp hối. *Kinh Lễ:* Tăng tử ốm nặng, sai học trò vực dậy đổi nệm tre nơi giường nằm xong, đặt ông nằm xuống thì mất ngay. Vì thế chữ "dịch trách" (đổi nệm tre) đời sau thường dùng để chỉ người vừa mất.

52.Bốn năm, tác giả nhắc từ ngày lĩnh chức Đốc đồng ở Kinh Bắc, cách biệt cha tính đã 4 năm.

53.Khí tía, khí thần tiên hiện ra.

54.Lời dạy lúc bình nhật, dịch chữ "trị mệnh" trong câu. Trị mệnh là lời dạy bảo lúc bình thời, có suy nghĩ kỹ càng, phản với "loạn mệnh" là lời dặn dò khi hấp hối, vì tinh thần đã tán loạn, hoảng hốt mà nói không đâu.

55.Đẩu Sơn, tức sao Bắc Đẩu, núi Thái Sơn, xem chú thích số 2 câu 4.

56.Sao Khuê, sao Bích: Là sao văn tinh coi về văn chương.

57.Sao Vĩ, sao Cơ: Xem chú thích 2 câu 28.

58.Định tuệ, 3 lớp học của Phật, trước hết nghiêm giữ giới luật thì mới định được bản tâm, tâm đã định thì sinh trí tuệ, thế gọi là Giới, Định, Tuệ, còn có tên là "tam vô lậu", ba cái không sơ hở.

59.Chín chữ, tức chín chữ cù lao: Sinh ta, nuôi ta, nhìn nhận ta, vỗ về ta... chữ ở *Kinh Thi,* thơ *Lục nga.*

60.Muôn việc đầy đủ (vạn sự túc), thơ cổ: Hữu tử vạn sự túc; vô quan nhất thân nhàn (Có con, muôn việc sẽ đầy đủ; không làm quan, tấm thân vẫn thư nhàn).

61.Đồn khuyển: Lợn, chó, lời tự khiêm mình ươn hèn (lời của Tào Tháo).

62.Long tượng, xe nhà Phật, xem chú thích số 2 câu 22.

崇德祠對聯

SÙNG ĐỨC TỪ ĐỐI LIÊN (CÂU ĐỐI NHÀ THỜ SÙNG ĐỨC)

1.

德林降誕中乘佛；
清廟登封上等神。

Đức Lâm giáng đản trung thừa Phật
Thanh miếu đăng phong thượng đẳng thần.

Chùa Đức Lâm giáng sinh vị Phật trung thừa;[1]
Nhà thanh miếu bao phong ngôi thần thượng đẳng.[2]

2.

道山文斗傳眞脈；
祿水權星拱世祠。

Đạo sơn văn Đẩu truyền chân mạch;
Lộc thủy Quyền tinh củng thế từ.

Non cao chở đạo, sao Đẩu tải văn, truyền lại mạch chính;
Dòng nước Hóa Lộc, ngôi sao Hóa Quyền, chầu về từ đường.

3.

出釋入儒，体用聖賢道理；
内朝外鎮，經綸文武才猷。

Xuất Thích nhập Nho, thể dụng thánh hiền đạo lý;
Nội triều ngoại trấn, kinh luân văn vũ tài du.

Vào Nho ra Thích, đạo lý thánh hiền được thể dụng;
Ngoài trấn trong triều, tài lược văn vũ giỏi kinh luân.

4.

文獻世家昌，奕爲書香禮珥；
烝嘗宗祀遠，苾芬雅洞風蘋。

Văn hiến thế gia xương, dịch tích thư hương lễ nhĩ;
Chưng thường tông tự viễn, bật phân nhã quýnh phong tần.

Nhà dòng văn hiến thịnh giầu, bút mực thư hương, lễ nghĩa;
Lễ cúng chưng thường[3] thành kính, nức hương lễ bạc tâm thành.

5.

蓋世大文章，風流傑出江之左；
出人奇際遇，事業高標斗以南。

Cái thế đại văn chương, phong lưu kiệt xuất Giang chi tả;
Xuất nhân kỳ tế ngộ, sự nghiệp cao tiêu Đẩu dĩ nam.

Văn chương rộng lớn trùm cả cõi đời, phong lưu trội hẳn sông Giang về phía tả;[4]
Gặp gỡ kỳ lạ vượt hẳn mọi người, sự nghiệp nêu cao sao Đẩu trở sang nam.[5]

6.

名世名臣，半千載毓鐘眞不偶；
進朝進士，第一流受用的非常。

Danh thế danh thần, bán thiên tải dục chung chân bất ngẫu;
Tiến triều Tiến sĩ, đệ nhất lưu thụ dụng đích phi thường.

Bậc danh thế, bậc danh thần, trong nửa nghìn năm[6] chung đúc thật hiếm có;
Nào Tiến triều[7], nào Tiến sĩ,[8] xếp vào bậc nhất bổ dụng vẫn khác thường.

7.

雄文傑出世稱奇，八大家藻潔奎光難獨擅；
遺像有嚴人起敬，二青峒水流山峙與無窮。

Hùng văn kiệt xuất thế xưng kỳ, bát đại gia tảo khiết khuê quang nan độc thiện;
Di tượng hữu nghiêm nhân khởi kính, Nhị Thanh động thủy lưu sơn trĩ dữ vô cùng.

Văn chương hùng tráng, đời khen là kỳ tài, ngang tám nhà văn lớn,[9] lời sáng câu hay khôn tự phụ;
Di tượng trang nghiêm, người xem phải kính phục, chùa động Nhị Thanh, non cao nước chảy tới vô cùng.

CHÚ THÍCH:

1.Trung thừa, cỗ xe trung bình, trên Tiểu thừa, dưới Đại thừa, chỉ chở được một mình và một người.

2.Thượng đẳng thần, theo *Ngọ Phong hành trạng*: Năm Quang Trung thứ 3 (1790) Trấn thành Lạng Sơn tâu rằng, động Nhị Thanh hiển linh, được triều đình phong làm Thượng đẳng phúc thần Ôn bác hậu thành văn dụ Đại Vương.

3.Chưng, thường: Chưng là lễ Đông chí về tháng 11 âm lịch, thường là lễ cơm mới về tháng 9 âm lịch.

4.Giang tả ở bên đông sông Trường Giang thuộc tỉnh Giang Tô, Trung Quốc, đời Tấn có 4 họ Vương, Tạ, Đào, Nguyệt nổi tiếng là phú quý phong lưu. Đây trỏ vào làng Tả Thanh Oai, quê hương Ngô Thì Sĩ.

5.Sao Đẩu sang nam: Đời Đường, Địch Nhân Kiệt được người đời khen rằng: Sao Bắc Đẩu về nam, chỉ có một người mà thôi (Bắc đẩu dĩ nam nhất nhân nhi dĩ).

6.Nửa nghìn năm, tức 500 năm. Mạnh Tử nói, năm trăm năm tất có vị thánh nhân ra đời.

7.Tiến triều, vì có đặc tài,. không do đại khoa mà được đặc cách tiến vào làm quan trong triều gọi là tiến triều. Ngô Thì Sĩ năm Giáp Mùi (1763) được Trịnh Vương tuyển vào loại "tiến triều, trao cho chức Công khoa cấp sự trung.

8.Tiến sĩ, năm Bính Tuất (1766) Ngô Thì Sĩ mới đỗ Đình nguyên Hoàng giáp.

9.Tám nhà văn lớn ở Trung Quốc: Hàn Dũ, Liễu Tông Nguyên người đời Đường; Âu Dương Tu, Tô Tuân, Tô Thức, Tô Triệt, Vương An Thạch, Tăng Củng Chi, Văn Sao người đời Tống, khen là Đường Tống bát đại gia.

碑亭對聯

BI ĐÌNH ĐỐI LIÊN (CÂU ĐỐI Ở NHÀ BIA)

1.

神佛精英鐘勝地；
王侯典册屹豐碑。

Thần Phật tinh anh chung thắng địa;
Vương Hầu điển sách ngật phong bi.

Tinh anh Thần Phật đúc nên cảnh đẹp;
Bằng sắc Vương Hầu cao vút nhà bia.

2.

喬木世家傳世閥；
袞華王誥奉王章。

Kiều mộc thế gia truyền thế phiệt;
Cổn hoa Vương cáo phụng vương chương.

Nhà gia thế như cây cao bóng cả, đời đời lưu truyền môn phiệt;
Sắc Đại Vương như hoa cổn sáng tươi, kính nhờ vua chúa tặng phong.

永思堂對聯

VĨNH TƯ ĐƯỜNG ĐỐI LIÊN (CÂU ĐỐI Ở NHÀ THỜ VĨNH TƯ)

1.

資始洪仁天罔極；
含生厚德地無疆。

Tư thủy hồng nhân thiên võng cực;
Hàm sinh hậu đức địa vô cương.

Nhân lớn phò giúp cho buổi đầu, như trời không cùng cực;
Đức dày chở mọi loài đều sống, sánh đất cũng bao la.

2.

俎豆薦馨香，清廟饗嘗聯肅穆；
衣冠延濟漆，大家文獻裕綿洪。

Trở đậu tiến hinh hương, thanh miếu hưởng thường liên túc mục;
Y quan diên tế tất, đại gia văn hiến dụ miên hồng.

Khay chén dâng tiến thơm tho, sự hâm hưởng nơi thanh miếu, luôn luôn hòa kính;

Mũ áo thường được đông đảo, nền văn hiến bậc đại gia, để lại dài lâu.

3.

繼序思不忘，反始復初，由乎內以達乎外；
因情爲之節，愼終追遠，尊於廟而親於堂。

Kế tự tư bất vong, phản thủy phục sơ, do hồ nội dĩ đạt hồ ngoại;
Nhân tình vi chi tiết, thận chung truy viễn, tôn ư miếu nhi thân ư đường.

Nối dõi nghĩ không quên, trở lại lúc đầu, theo lại khi trước, bởi từ trong để đạt tới ngoài;

Theo tình bày ra tiết, cẩn thận tang lễ, dõi nhớ người xa, thân ở nhà và ở tôn miếu.

奉擬顯宗裕皇帝祭殿對聯

PHỤNG NGHĨ HIỂN TÔNG DỤ HOÀNG ĐẾ TẾ ĐỆN ĐỐI LIÊN
(PHỤNG NGHĨ CÂU ĐỐI ĐIỆN TẾ VUA HIỂN TÔNG DỤ HOÀNG ĐẾ)

1.

四紀若欽恭，百姓昭明歌帝德；
七旬怡壽豈，四方綱紀誦皇猷。

Tứ kỷ nhược khâm cung, bách tính chiêu minh ca đế đức;
Thất tuần di thọ khải, tứ phương cương kỷ tụng hoàng du.

Bốn kỷ tỏ khâm cung, đức vua luôn huy hoàng, trăm họ ca ngợi;

Bảy tuần vui thọ khảo, đạo vua làm dường mối, bốn phương vang truyền.

2.

絳闕舊宸居，荊鼎丹成飄鶴馭；
玄臺新禁署，蟾鉤橋就闕霓衣。

Giáng khuyết cựu thần cư, Kinh đỉnh đan thành phiêu hạc ngự;
Huyền đài tân cấm thự, thiềm câu kiều tựu bí nghê y.

Cửa tía nơi vua ở xưa, chiếc đỉnh non Kinh thuốc luyện xong[1] xe hạc đi hẳn;

Đài huyền nơi cấm thự mới,[2] vòng cung thiềm cầu bắc vững, áo nghê bí truyền.[3]

3.

資始裕乾仁，雨施雲行留闔澤；
宅中叨震守，月將日就仰餘慶。

Tư thủy dụ Kiền nhân, vũ thí vân hành lưu khải trạch;
Trạch trung thao chấn thủ, nguyệt tương nhật tựu ngưỡng dư khương.

Nhờ buổi bắt đầu, để đức nhân tựa quẻ Kiền, mưa nhuận mây bay ơn trạch khắp;[4]

Là người trung chính, nhờ kính giữ như quẻ Chấn,[5] ngày qua tháng lại thừa hưởng phúc lành.

4.

集蓼有如今，遺大投難增慘怛；
泣梧空即遠，睹新懷舊倍悽愴。

Tập liễu hữu như kim, di đại đầu nan tăng thảm đát;
Khấp Ngô không tức viễn, đổ tân hoài cựu bội thê thương.

Đỗ ở cây liễu[6] như ngày nay, gánh việc lớn lao, làm việc vất vả, rất là thương xót.

Khóc ở Thương Ngô những xa cách,[7] gặp buổi mới mẻ, nhớ buổi cũ xưa, gấp bội buồn rầu.

5.

縹緲望僊樓，輦轂時瞻懸象闕；
迷茫承露殿，衣冠月對玩蟾橋。

Phiếu diểu Vọng Tiên lâu, liễn lộ thời chiêm huyền tượng khuyết;
Mê mang Thừa Lộ điện, y quan nguyệt đối ngoạn thiềm kiều.

Xa vút lầu Vọng Tiên, ngựa xe bồn chồn, luôn ngắm về cửa huyền tượng;[8]

Mơ màng điện Thừa Lộ,[9] mũ áo chỉnh tề, đối trăng xem cầu lên cung thiềm.[10]

6.

祖訓念在茲，曄曄宣重思錫類；
孫謀貽厥遠，綿綿儷億仰承庥。

Tổ huấn niệm tại tư, việp việp tuyên trùng tư tích loại
Tôn mưu di quyết viễn, miên miên lệ ức ngưỡng thừa hưu.

Lời dạy của ông nay nghĩ tới, rực rỡ đôi ba lần, nhớ khi ban phúc;
Mưu để cho cháu được vĩnh viễn, dằng dặc hàng ức vạn, ngửa nhận điềm lành.

7.

華表鶴歸遲，著作建章花有淚；
水雲龍去遠，昆明太液水無情。

Hoa biểu hạc quy trì, Trước Tác Kiến Chương hoa hữu lệ;
Thủy vân long khứ viễn, Côn Minh Thái Dịch thủy vô tình.

Cột hoa biểu hạc chậm về,[11] hoa ở cung Trước Tác, cung Kiến Chương tràn nước mắt;[12]
Nơi mây nước rồng xa lánh, nước trong ao Côn Minh, ao Thái Dịch khéo vô tình.[13]

8.

完福古來稀，上國宸翰留馥郁；
純禧今後裕，中畿光宅賴安強。

Hoàn phúc cổ lai hi, Thượng quốc thần hàn lưu phức úc;
Thuần hi kim hậu dụ, trung kỳ quang trạch lại an cường.

Phúc trọn vẹn hiếm có xưa nay, bút Ngự tứ của Thượng quốc còn để dấu thơm ngát;[14]
Điềm tốt lành lưu lại cho con cháu, nhà sáng sủa ở trong cõi, vẫn nhờ được an ninh.

9.

帝座日方輝，百歲準期瞻瑞彩；
天河星忽淡，九霄無計挽眞遊。

Đế toạ nhật phương huy, bách tuế chuẩn kỳ chiêm thụy thái;
Thiên hà tinh hốt đạm, cửu tiêu vô kế vãn chân du.

Mặt trời nơi đế toạ đương sáng trưng, cõi bách tuế những vui xem vẻ đẹp;
Sao sông Ngân chợt phai nhạt, đường cửu tiêu không ngăn cản tầm chơi.

10.

四海泣蒼梧，觸景偏懷梧乍落；
三秋凝白露，對時增感露方濃。

Tứ hải khấp Thương Ngô, xúc cảnh thiên hoài ngô sạ lạc;
Tam thu ngưng bạch lộ, đối thời tăng cảm lộ phương nùng.

Bốn biển cảnh Thương Ngô,[15] gặp cảnh lá ngô chợt rụng, riêng nhớ;[16]

Ba thu đọng móc trắng, đúng lúc hạt móc đương nhiều, càng buồn.

11.

霓曲唱寒宮，雲擁瓊瑤瞭日表；
雞籌催曉漏，花迎劍珮憶天顏。

Nghê khúc xướng Hàn cung, vân ủng quỳnh dao khuê nhật biểu;
Kê trù thôi hiểu lậu, hoa nghênh kiếm bội ức thiên nhan.

Khúc Nghê xướng ở cung Quảng Hàn,[17] mây che toà ngọc xa cách bóng nhật.

Thẻ gác giục đồng hồ buổi sáng, hoa đón nghi vệ tưởng nhớ mặt rồng.

12

春色譾閶門，眉萬正期長薦祉；
秋聲來禁馭，日三遽嗇舊承歡。

Xuân sắc ái Xương môn, my vạn chính kỳ trường tiến chỉ;
Thu thanh lai cấm ngự, nhật tam cự sắc cựu thừa hoan.

Vẻ xuân đầy cửa Xương môn,[18] thọ khảo tới muôn tuổi, đương mong tiến phúc dài mãi;

Tiếng thu lại tới nơi cấm ngự,[19] một ngày như ba thu, vội bớt hiếu kính khi xưa.

13.

銀燭乍驚風，地迥方壺雲影淡；
玉簷初點露，天寒大內月輪孤。

Ngân chúc sạ kinh phong, địa quýnh Phương Hồ vân ảnh đạm;
Ngọc thiềm sơ điểm lộ, thiên hàn Đại Nội nguyệt luân cô.

Đuốc bạc gió vừa giật, đất cõi Phương Hồ [20] xa, bóng mây mờ mịt;

Mái ngọc móc mới giỏ, trời cung Đại Nội [21] lạnh, ánh trăng chơ vơ.

14.

萬乘憩華胥，遠響末從聆管籥；
六宮瞻黼座，餘光空自對衣冠。

Vạn thặng khế Hoa Tư, viễn hưởng mạt tùng linh quản thược;
Lục cung chiêm phủ toạ, dư quang không tự đối y quan.

Thánh Thượng nghỉ ở cõi Hoa Tư,[22] kèn sáo khôn nghe tiếng vọng;
Hậu phi nhìn vào ngôi Ngự toạ,[23] áo xiêm luống chỉ hư không.

15.

鶴算正長春，詎意駕馳天上鶴；
龍文誠永閟，空懷劍化水中龍。

Hạc toán chính trường xuân, cự ý giá trì thiên thượng hạc;
Long văn thành vĩnh bí, không hoài kiếm hóa thủy trung long.

Thẻ hạc kéo xuân dài, nào biết trên trời có xe ruổi hạc;
Văn rồng quả vắng hẳn, những buồn giữa nước kiếm hóa rồng.

16.

龍德忽焉收，精粹曷從瞻懿德；
麟仁長也好，詵繩無既仰深仁。

Long đức hốt yên thu, tinh túy hạt tùng chiêm ý đức;
Lân nhân trường dã hảo, sằn thằng vô ký ngưỡng thâm nhân.

Đức rồng bỗng thu cuốn, tinh túy của cõi đức tốt nào trông thấy được;
Nhân lân tốt đẹp mãi, đông vui[24] hưởng cõi nhân sâu, ngước mong khôn cùng.

17.

祖武仰丕休，豐水流長資燕翼；
倦蹤瞻遠轡，鼎湖雲鎖愴龍髯。

Tổ vũ ngưỡng phi hưu, Phong thủy lưu trường tư yến dực;
Tiên tông chiêm viễn bí, Đỉnh hồ vân toả thảng long nhiêm.

Bước tổ ngửa đón điềm lành, nguồn sông Phong dài, nhờ mưu yến dực;[25]
Dấu tiên nhìn cương ngựa vắng,[26] mây hồ Đỉnh khóa, nhớ vẻ râu rồng.[27]

18.

佑命自天申，方祝武靈添海算；
遊原思地縮，可堪漢謂阻天顏。

Hựu mệnh tự thiên thân, phương chúcVũ Linh thiêm hải toán;
Du nguyên tư địa súc, khả kham Hán Vị trở thiên nhan.

Giúp số mệnh, nhờ phúc của trời, đương chúc núi Vũ núi Linh[28] thêm nhiều thẻ hạc;

Chơi đồng ruộng nhớ thuật rút đất, ai xui sông Hán sông Vị[29] ngăn trở mặt rồng.

19.

洞府曉雲深，清範寂寥餘卷藻；
林鐘清響密，德音彷彿像蕭韶。

Động phủ hiểu vân thâm, thanh phạm tịch liêu dư quyển tảo;
Lâm chung thanh hưởng mật, đức âm phảng phất tượng tiêu thiều.

Mây sớm nơi động phủ[30] thẳm sâu, khuôn ngọc vắng không, còn lại tập ngự bút;

Tiếng trong của nhạc Lâm chung[31] thôi hẳn, đức âm phảng phất, tưởng tượng khúc Tiêu thiều.[32]

20.

圭瓚肅峨峨，依約雉門陳玉帛；
旒崇悲悵悵，寂寥象闕奉珍琛。

Khuê toản túc nga nga, y ước trĩ môn trần ngọc bạch;
Triệu sùng bi trướng trướng, tịch liêu tượng khuyết phụng trân thâm.

Chén ngọc khuê toản[33] sừng sững trang nghiêm, cửa thành thấp thoáng bày đồ ngọc lụa;

Cờ triệu[34] treo cao buồn thương đau đáu, cửa khuyết vắng teo dâng tiến ngọc châu.

21.

清穆陛簾高，萬斛天香溫室樹；
太平儀衛舊，三秋山月霸陵門。

Thanh mục bệ liêm cao, vạn hộc thiên hương Ôn Thất thụ;
Thái bình nghi vệ cựu, tam thu sơn nguyệt Bá Lăng môn.

Bức mành hòa mục treo cao, cây ở nhà Ôn Thất[35] hương trời ngát muôn hộc;

Nghi vệ thái bình như cũ, cửa ở chốn Bá Lăng[36] trăng núi tỏ ba thu.

22.

雲燦紫微垣，降世玉皇歸碧落；
月明清禁署，踐華金佛返須彌。

Vân xán Tử Vi viên, giáng thế ngọc hoàng quy Bích Lạc;
Nguyệt minh thanh cấm thự, tiễn hoa Kim Phật phản Tu Di.

Mây sáng rực cung Tử Vi,[37] đấng Ngọc Hoàng giáng xuống đời, lại về nơi Bích Lạc;[38]

Trăng sáng tỏ tòa thanh cấm,[39] vị Kim Phật đi trên hoa, trở về núi Tu Di.[40]

23.

秋水馬梁天，柞棫悠揚千里邑；
春山藍衛地，松楸杳藹萬年城。

Thu thủy Mã Lương thiên, tạc vực du dương thiên lý ấp;
Xuân sơn Lam Vệ địa. tùng thu yểu ái vạn niên thành.

Nước thu, trời Mã Lương,[41] cây tạc vực vòi vọi tại ấp nghìn dặm;
Cảnh xuân đất Lam Vệ,[42] bóng tùng thu mịt mờ ở thành vạn năm.

24.

几筵穆衣裳，想像承明瞻寶扇；
閶闔開宮殿，怛懷仁壽奉瑤觴。

Kỷ diên mục y thường, tưởng tượng Thừa Minh chiêm bảo phiến;
Xương hạp khai cung điện, đát hoài Nhân Thọ phụng dao thương.

Nơi giường chiếu áo xiêm hòa mục, ở nhà Thừa Minh tưởng tượng khi xem quạt báu;

Cửa xương hạp cung điện mở toang, trước nền Nhân Thọ thương nhớ lúc nâng chén quỳnh.

25.

軒豁此如心，彷彿開重端宋冕；
廣臨皆入闥，依稀闢四會虞圭。

Hiên hoát thử như tâm, phảng phất khai trùng đoan Tống miện;
Quảng lâm giai nhập đát, y hi tịch tứ hội Ngu khuê.

Cao, thông cho thấy như lòng, phảng phất mở đôi lần làm ngay mũ miện vua Tống;[43]

Rộng, tới đều được vào cửa, phảng phất mở bốn mặt để họp các nước chư hầu cầm ngọc khuê tới chầu triều Ngu.[44]

26.

玉漏忽收聲，絳闕幾時瞻曄表；
金鰲初散彩，午門何日奏鈞韶。

Ngọc lậu hốt thu thanh, giáng khuyết kỷ thời chiêm việp biểu;
Kim ngao sơ tán thái, Ngọ Môn hà nhật tấu quân thiều.

Tiếng giọt ngọc hốt nhiên thu, cửa giáng khuyết lúc nào được trông thấy nghi biểu sáng;

Vẻ ngao vàng vừa mới tản, chốn Ngọ Môn ngày nào tấu khúc nhạc quân thiều.

27.

宸禁曉門開，僊仗雲深難再覿；
春坊青鎖邃，皇輿天遠邈重遊。

Thần cấm hiểu môn khai, tiên trượng vân thâm nan tái địch;
Xuân phường thanh toả thúy, hoàng dư thiên viễn mạo trùng du.

Buổi sớm mở toang cửa cung cấm, nghi vệ nhà vua mây che kín, khó lại trông thấy;

Màu xanh khoá chặt phường xuân, cõi đất rộng lớn trời thì xa, vắng bước trùng du.

28.

皋應萃趨蹌，剩對綴衣陳玉几；
乾坤神闔闢，翹瞻黼扆映金根。

Cao Ứng tụy xu thương, thặng đối xuyết y trần ngọc kỷ;
Kiền Khôn thần hạp tịch, kiều chiêm phủ ỷ ánh kim căn.

Cửa Cao cửa Ứng[45] chen chúc ra vào, những ngắm mầu thêu bầy ghế ngọc;

Đạo Kiền đạo Khôn mầu nhiệm mở đóng, nghển trông áo cổn ánh mầm vàng.

29.

一曲玉蟾秋，天門迢遞清虛扁；
九成金管奏，帝閽依微翕闢聲。

Nhất khúc ngọc thiềm thu, Thiên môn thiều đệ thanh hư biển;
Cửu thành kim quản tấu, Đế quyết y vi hấp tịch thanh.

Ngọc thiềm[46] một khúc tiêu dao, biển thanh hư ở cửa trời xa cách;

Kim quản[47] chín lần dâng tấu, tiếng ôn hòa nơi cung Chúa vắng tanh.

30.

鑒臨惟天聰明，於穆純休方眷命；
陟降在帝左右，無方神彩忽眞遊。

Giám lâm duy thiên thông minh, ư mục thuần hưu phương quyến mệnh;
Trắc giáng tại đế tả hữu, vô phương thần thái hốt chân du.

Soi xét sáng suốt chỉ có trời, phúc lành rất hòa nhã đương để ý tới;
Lên xuống ở chung quanh thượng đế, thần thái không phương hướng, chợt ngao du.

31.

五峰禁樹秋深，五夜月明稀御蹕；
九陛朝中天遠，九門晝永悶僊軺。

Ngũ phong cấm thụ thu thâm, ngũ dạ nguyệt minh hi ngự tất;
Cửu bệ triều trung thiên viễn, cửu môn trú vĩnh muộn tiên thiều.

Mùa thu nhuốm cây cấm ở năm ngọn núi thẳm sâu, trăng tỏ suốt năm canh, dấu nhà vua vắng vẻ;
Bầu trời xa trong triều tận ngôi chín bệ, ngày dài nơi chín cửa, xe lên tiên buồn rầu.

32.

鑾儀鳳彩安歸，五作此回思受詔；
雞勺龍彝宛在，九成何日慶稱觴。

Loan nghi phụng thái an quy, ngũ tác thử hồi tư thụ chiếu;
Kê thược long di uyển tại, cửu thành hà nhật khánh xưng thương.

Mầu loan vẻ phượng đi đâu, lúc này những nhớ nhận chiếu thư, đầy mây ngũ sắc;
Chén kê đỉnh rồng vẫn đó, ngày nào lại vui nâng chén thọ, tấu khúc cửu thành.

33.

景德曉雲深，扶駕何年陪玉趾；
未央秋夜永，彈琵無處覿音儀。

Cảnh Đức hiểu vân thâm, phù giá hà niên bồi ngọc chỉ;
Vị Ương thu dạ vĩnh, đàn tì vô xứ địch âm nghi.

Cung Cảnh Đức[48] mây sớm phủ sâu, nâng xa giá năm nào hầu gót ngọc;
Cung Vị Ương[49] đêm thu dài mãi, gảy tỳ bà đâu được thấy thanh âm.

34.

雍容四紀体謙沖，所司者大；
漸暨八寰瞻豈弟，不怒而威。

Ung dung tứ kỷ thể khiêm xung, sở tư giả đại;
Tiệm kí bát hoàn chiêm khải đễ, bất nộ nhi uy.

Ngoại bốn mươi năm ung dung theo đạo khiêm hòa, giữ quyền rất lớn;
Khắp trong tám cõi phục tùng[50] thấy cảnh mừng vui, không giận mà oai.

35.

謙尊愈光，亙地凌霄彰聖德；
美成在久，普天率土仰皇仁。

Khiêm tôn dũ quang, cắng địa lăng tiêu chương thánh đức;
Mỹ thành tại cửu, phổ thiên suất thổ ngưỡng hoàng nhân.

Khiêm tốn ở ngôi tôn, càng sáng trưng, dọc đất ngang trời, tỏ rõ đức thánh;
Giúp người thành tiếng tốt, giữ lâu mãi, khắp trên suốt dưới, ngước đội nhân vua.

36.

建極居中，肆享國四十七年；無党無偏，無好無惡；
法天運上，茂對時三百六日，不親不與；不治不知。

Kiến cực cư trung, tứ hưởng quốc tứ thập thất niên, vô đảng vô thiên, vô hiếu vô ố;
Pháp thiên vận thượng, mậu đối thời tam bách lục nhật, bất thân bất dữ, bất trị bất tri.

Dựng ngôi vua ở nơi trung chính, những hưởng nước bốn mươi bảy năm, không đảng không thiên, không yêu không ghét;
Học đạo trời thường vận ở trên, đối tốt thời ba trăm sáu buổi, chẳng thân chẳng thiết, chẳng trị chẳng rành.

37.

深仁厚澤久涵濡，如化日光天，所在尊親冒怙；
盛德茂功齊溥博，雖深山穹谷，罔不奔走悲號。

Thâm nhân hậu trạch cửu hàm nhu, như hóa nhật quang thiên, sở tại tôn thân mạo hỗ;
Thịnh đức mậu công tề phổ bác, tuy thâm sơn cùng cốc, võng bất bôn tẩu bi hào.

Nhân sâu ơn hậu thấm nhuần đã lâu, như bóng nhật hoá khắp, vẻ trời sáng trưng, đâu cũng thân yêu nương tựa;
Đức thịnh công cao rộng che hết thảy, dẫu dãy núi xa xăm, cửa hang cùng tối, hết thảy chạy vạy kêu gào.

38.

遍覆望堯雲，康攘長歌，百姓忽如喪考妣；
有懷靈衛雨，長坏悵望，三年原不限華夷。

Biến phúc vọng Nghiêu vân, khang nhương trường ca, bách tính hốt như tang khảo tỷ;

Hữu hoài linh Vệ vũ, trường phôi trướng vọng, tam niên nguyên bất hạn Hoa Di.

Che khắp, ngắm mây Nghiêu, đánh khăng đương hát vui, trăm họ thốt nhiên được tin như mất cha mẹ;[51]

Tỏ buồn, nhớ mưa Vệ[52], trông mồ thêm cảm động, ba năm hết thảy cùng nhau không hạn Kinh, Mường.

39.

旭日映罘罳，雞舌香凝，咫尺清光難再覿；
白雲垂悵幕，龍髯望杳，三千沙界幾重逢。

Húc nhật ánh phầu tư, kê thiệt hương ngưng, chỉ xích thanh quang nan tái địch;

Bạch vân thùy trướng mạc, long nhiêm vọng yểu, tam thiên sa giới kỷ trùng phùng.

Mặt trời buổi sớm soi tới bình phong, chè lưỡi gà[53] hương đọng, bóng thanh quang trong gang tấc mà khó bề gặp lại;

Đám mây bạc rủ che nơi màn trướng, râu rồng[54] trông vắng vẻ, cõi thế giới ba nghìn,[55] được mấy lần trùng phùng.

40.

精粹中正大人，俾壽俾耆，涵泳也深孚九有；
福德太平天子，作邦作對，高明之極配三無。

Tinh túy trung chính đại nhân, ty thọ ty kỳ, hàm vịnh dã thâm phu cửu hữu;

Phúc đức thái bình thiên tử, tác bang tác đối, cao minh chi cực phối tam vô.

Bậc đại nhân tinh tuý trung chính, cho thọ cho kỳ,[56]ngậm chứa đã sâu, chín châu tin tưởng;

Ngôi thiên tử phúc đức thái bình, khuôn mẫu cho nước, xứng với lòng dân, cao minh rất mực, trời đất giao hoà.

41.

雍容南面穆堯衣，不動而變，不見而章，非天下之至靜，孰能與於此；
燦爛北辰留禹服，無欲而足，無爲而治，惟聖人之固聰，爲足以當之。

Ung dung nam diện mục Nghiêu y, bất động nhi biến, bất kiến nhi chương, phi thiên hạ chi chí tĩnh, thục năng dữ ư thử;
Xán lạn Bắc Thần lưu Vũ phục, vô dục nhi túc, vô vi nhi trị, duy thánh nhân chi cố thông, vi túc dĩ đương chi.

Ung dung quay hướng nam rủ áo vua Nghiêu,[57] chẳng động mà biến, chẳng thấy mà rõ, không phải là bậc chí tĩnh của thiên hạ, thì ai tham dự được tới chốn ấy;
Rực rỡ sao Bắc Thần lưu cõi đất vua Vũ,[58] không muốn mà đủ, không làm mà trị, duy bậc thánh nhân rất thông suốt mới đủ đảm đương.

42.

中心守至正焉，綏厥猷，爲天地臣民之宗，綱維乎是，主張乎是；
恭已復何爲者，則其逸，樹后王君公之表，禮樂由之，征伐由之。

Trung tâm thủ chí chính yên, tuy quyết du, vi thiên địa thần dân chi tông, cương duy hồ thị, chủ trương hồ thị;
Cung kỷ phục hà vi giả, tắc kỳ dật, thụ hậu vương quân công chi biểu, lễ nhạc do chi, chinh phạt do chi.

Trong lòng gìn giữ rất thẳng, lặng nghĩ mưu mô, làm tông chủ cho trời đất thần dân, mối dường ở đó, chủ trương ở đó;
Kính cẩn còn làm gì nữa, ngay những lúc rỗi, làm tiêu biểu cho hậu vương quân công, lễ nhạc do đây, chinh phạt do đây.

43.

惟至聖足以有臨有執有容，四方順帝之則；
故大德必得其祿其名其壽，百福荷天之休。

Duy chí thánh túc dĩ hữu lâm hữu chấp hữu dung, tứ phương thuận Đế chi tắc;
Cố đại đức tất đắc kỳ lộc kỳ danh kỳ thọ, bách phúc hà thiên chi hưu.

Duy bậc chí thánh mới đủ để giáng lâm, nắm giữ, dung nạp, dân bốn phương thuận theo pháp độ của Hoàng Đế;
Cho nên người có đức lớn tất được tiếng tăm, bổng lộc, thọ khảo, đủ trăm phúc vâng đội điềm tốt của nhà trời.

CHÚ THÍCH:

1.Đỉnh non Kinh, tục truyền Hoàng Đế đúc đỉnh ở non Kinh để luyện thuốc trường sinh, khi xong cưỡi rồng bay đi, về sau người ta thường dùng điển này để nói nhà vua mất.

2.Đài huyền (ngôi lâu đài đen tối) cũng như nói dạ đài, huyền trạch, chỉ ngôi mả.

3.Cầu cung thiềm, áo nghê, tức là cầu lên cung trăng, và xiêm nghê áo vũ; *Dật sử:* La Công Viễn có pháp thuật, đêm trung thu hầu vua Đường Minh Hoàng xem trăng, ông lấy chiếc gậy đương chống, tung lên hóa thành chiếc cầu vồng lớn, cùng vua lên tới cung trăng, có biển đề là "Quảng hàn thanh hư phủ", trong có vài chục tố nga hát khúc "Xiêm nghê áo vũ." Vua ghi đúng điệu múa hát đó, khi trở về truyền cho bọn Lê viên tử đệ. Đây vua Hiển Tông mất về tháng 7, tháng 8 an táng ở lăng Thạch Bàn, nên tác giả nhắc tới truyện này.

4.*Quẻ Kiền, Kinh Dịch*: Lớn thay đạo Kiền, muôn vật nhờ bắt đầu sinh ra. Mây bay mưa nhuần, xếp đặt các vật, lưu chuyển các hình. (Đại tai! Kiền nguyên, vạn vật tư thủy. Vân hành vũ thí, phẩm vật lưu hình). Đây ý chỉ vào đức độ của Hiển Tông.

5.*Quẻ Chấn, Kinh Dịch*: Ra ngoài có thể giữ được tông miếu xã tắc, để làm vị chủ tế (Xuất khả thủ tông miếu xã tắc, dĩ vi tế chủ dã). Lại nói: Việc làm trung chính, rất không bị táng vong (Kỳ sự tại trung, đại vô táng dã). Đây ý chỉ sự thừa kế của vua Chiêu Thống.

6.Đỗ ở cây liễu (tập liễu), liễu là loài cỏ có chất cay và đắng. Ý nói gặp cảnh hoạn nạn. *Kinh Thi* thơ *Tiêu bí:* Vua Thành Vương nói về hoàn cảnh của mình lúc mới lên ngôi, có câu: Vị kham gia đa mạn, du hựu tập vu liễu (Chưa chịu đựng được, nước nhà đương lúc nhiều hoạn nạn. Ta lại đỗ phải cái loại cỏ cay đắng).

7.Khóc ở Thương Ngô: Vua Thuấn mất ở đất Thương Ngô, hai vợ là Nga Hoàng và Nữ Anh tìm đến nơi khóc rồi chết, nước mắt chảy vào rừng trúc thành da trúc lốm đốm, người ta gọi là "trúc ban."

8.Lầu Vọng tiên do Đường Minh Hoàng dựng lên cho Dương Quý Phi cùng ở. Đây chỉ cõi tiên.

9.Điện Thừa Lộ, *Hán thư:* Vua Vũ Đế làm điện Bách Lương, dựng chiếc cột đồng trên có người tiên giơ tay cầm chén ngọc hứng móc ngọt (thừa cam lộ) để luyện thuốc trường sinh.

10.Cầu lên cung thiềm: Xem chú thích 3 câu đối số 2 trên.

11.Cột hoa biểu hạc chậm về, nói về cảnh ở nơi phần mộ. Thơ người Tống viếng Văn Thiên Tường có câu: "Vân ám Đỉnh hồ long khứ viễn, nguyệt minh hoa biểu hạc quy trì" (Nơi Đỉnh hồ mây tối rồng bay xa, cột hoa biểu (Cột đồng trụ xây ở trước khu phần mộ) trăng sáng hạc chậm về).

12.Cung Trước Tác, cung Kiến Chương: Vua Hán Vũ Đế lập ra ở tây bắc huyện Trường An, phía bắc khai chiếc ao lớn, cho tên là ao Thái Dịch, giữa ao có Bồng Lai, Phương Trượng, Doanh Châu 3 chiếc đảo, để tượng trưng ba ngọn non thần ở bể Đông.

13.Ao Côn Minh, vua Nghiêu đi trị thủy đã từng đậu thuyền ở ao Côn Minh, đến Hán Vũ Đế lại mở rộng thêm. Ao Thái Dịch xem chú thích trên.

14.Bút Ngự tứ Thượng quốc, ý nói khi vua Hiển Tông 70 tuổi, vua Càn Long có chữ gửi sang chúc mừng.

15.Khóc Thương Ngô, xem chú thích 7.

16.Lá ngô vừa rụng, nói về mùa thu, tháng đó đang tổ chức đám tang vua Hiển Tông.

17.Cung Quảng Hàn, xem chú thích số 3.

18.Cửa Xương môn, tức Xương Hạp, cửa của nhà vua.

19.Cấm ngự, nơi vua ở, cấm không có lệnh không được tự tiện vào.

20.Phương, Hồ, tức Phương Trượng Bồng Hồ, hai quả núi giữa bể, các tiên thường ở.

21.Đại Nội, trong cung điện vua chúa ở.

22.Thánh thượng, nguyên văn "Vạn thặng," là nước có muôn cỗ xe. Ý nói ông vua một nước lớn, đây dịch thoát là thánh thượng. Hoa Tư, một nước tự nhiên không lo phiền. Liệt tử nói: "Vua Hoàng Đế mộng đến chơi nước Hoa Tư, nước không có tướng tá, dân không ưa thích gì, không có phản nghịch, không biết lợi hại."

23.Hậu phi, nguyên văn "lục cung" (sáu cung), nơi Hoàng hậu ở, đây dịch thoát là hậu phi. Ngự toạ, chỉ ngôi vua.

24.Đông vui, dịch chữ "sằn thằng" trong câu. Ý nói con cháu hòa vui liên tiếp mãi. *Kinh Thi,* thơ *Chung tư*: "Chung tư vũ sằn sằn hề, nghĩ nhĩ tử tôn chân chân hề, chung tư vũ hoăng hoăng hề, nghi nhĩ tử tôn thằng thằng hề" (Cánh con chung tư hòa vui chừ, nên con cháu mày đông đảo chừ, cánh con chung tư bay vút vút chừ, nên con cháu mày rười rượi chừ). Đây tác giả ghép với con lân nhân hậu, thế là mượn điển ở thơ *Chung tư,* gắn liền vào điển thơ *Lân chỉ*, không biết hữu ý hay vô tình?

25.Yến dực là yên vui, nói về tình ông cháu. *Kinh Thi* thơ *Văn Vương hữu thanh*: "Phong thủy hữu dĩ, Vũ Vương khởi bất sĩ, di quyết tôn mưu, dĩ yến dực tử" (Nước sông Phong còn có rau dĩ, đây vua Vũ Vương khá không có việc gì, thường nghĩ để mưu cho cháu, khiến cho con (là Thành Vương) kính cẩn mà yên vui). Yến dực còn có nghĩa là "cánh chim én," để đối với "long nhiêm" là "râu con rồng" ở vế dưới, đó là cách chơi chữ.

26.Cương vắng, dây cương ngựa vắng vẻ ở nơi xa, ý nói vua mất.

27.Râu rồng, "long nhiêm." *Sử ký:* Hoàng Đế đúc đỉnh ở Kinh Sơn, để luyện thuốc tiên, khi xong có con rồng bay xuống, vua cưỡi bay đi. Các quan

muốn cùng theo, xong vịn râu rồng bị đứt, rơi cả chiếc cung của vua xuống, thành thử các quan chỉ ngồi ôm cung mà khóc, đất đó lũng thành hồ nên gọi là Đỉnh hồ.

28.Núi Vũ, núi Linh: Núi Vũ Đương ở Trung Quốc, ông Trấn Vũ thường tu luyện ở đó, rồi thành tiên bay đi. Về sau các nhà học đạo hàng vài trăm người vẫn tiếp tục tu. Núi Linh Thứu ở Thiên Đức, nơi phật Thích Ca thường thuyết pháp và truyền pháp cho thầy Ca Diếp.

29.Sông Hán sông Vị: Sông Ngân Hán ở trên trời, sông Vị ở dưới đất cả hai không thông với nhau, ý nói là cách biệt hẳn.

30.Động phủ, phủ ở trong hang, nơi tiên ở.

31.Lâm chung một thứ chuông trong 12 chuông, thuộc về luật tháng 6.

32.Tiêu Thiều, tên khúc nhạc của Vua Thuấn.

33.Chén khuê toản là chén rượu dâng cúng.

34.Cờ triệu là cờ tang.

35.Ôn Thất, Hán Vũ Đế xây ra, để mùa đông ở cho ấm, sau dùng làm điện cơ mật, bàn việc kín đáo, không để lộ cho người ngoài biết. Đây chỉ cung cấm của nhà vua.

36.Bá Lăng, lăng vua Hán Văn Đế ở tỉnh Thiểm Tây. Đây chỉ lăng vua Hiển Tông.

37.Tử Vi là vì sao Đế toạ.

38.Bích Lạc, cõi trời biếc trên cao.

39.Thanh cấm, cũng như cung cấm, nhà riêng vua ở.

40.Tu Di, dãy núi cao nhất ở Nam Thiên bộ châu, tầng trời Đế Thích ở trên.

41.Mã Lương tức sông Mã, sông Lương ở Thanh Hoá, quê hương nhà vua.

42.Lan Vệ tức Lam Sơn và Bố Vệ, nơi phát tích của nhà Lê ở Thanh Hóa.

43.*Tống sử*: Kinh thành Quảng Đông làm xong, Tống Thái Tổ ngồi giữa tẩm điện, sai mở toang mấy lần cửa, nói rằng: Đó cũng như tấm lòng của ta, nếu có chút tà khúc nào, người đều trông thấy. Đây dùng để chỉ tấm lòng ngay thẳng của vua Lê Hiển Tông.

44.Mở bốn mặt, tức mở cửa 4 phương cho hiền giả thiên hạ đều tới để giúp việc, *Kinh Thư:* Vua Ngu Thuấn đã lên ngôi, bèn bàn chính sự với các quan tứ nhạc, mở cửa 4 phương để hiền tài thiên hạ cùng đến, mở rộng tai nghe mắt thấy cho 4 phương để giải quyết việc ứ tắc. Cả hai vế đối này ca ngợi việc làm tốt đẹp của nhà vua.

45.Cao, Ứng, hai chiếc cửa ở Hoàng thành có từ đời nhà Chu.

46.Ngọc thiềm, tên một khúc nhạc.

47.Kim quản, ống sáo thổi, là một trong 8 thứ tiếng.

48.Cung Cảnh Đức nay ở tỉnh Giang Tô, do Nam Trần dựng ra. Đây chỉ cung vua.

49.Cung Vị Ương nay ở tỉnh Thiểm Tây, do đời Hán dựng ra. Đây chỉ cung vua.

50.Phục tùng, dịch thoát chữ "tiệm ký" trong câu, nguyên trong thiên *Vũ cống, Kinh Thư* nói: Đông tiên vu hải, tây bí vu lưu sa, sác nam kỵ. Thanh giáo ngật vu tứ hải (Bên đông ngấn tới biển, tây phủ tới bãi cát chảy, và kịp cả bắc nam, thanh danh giáo hóa tràn khắp bốn biển).

51.Mây Nghiêu, vua Nghiêu có đức hóa tốt, được người đời trông ngóng như đám mây, tới theo như về với mặt trời. Khi đó dân hưởng thái bình, các ông già đánh khăng ở ngã tư đường, trẻ em hát chơi. Tới lúc mất, trăm họ bi thương, nhớ như mất người cha người mẹ, trong ba năm im đàn hát.

52.Mưa Vệ, *Kinh Thi,* thiên *Vệ phong* có câu: "Kỳ vũ kỳ vũ, ảo ảo nhật xuất, nguyện ngôn tư bá, cam tâm tật thị (Mong mưa mong mưa, mặt trời mọc ngay, xin nói vì nỗi nhớ chàng bá đi xa, chịu cam lòng mà nhức cả đầu). Đây mượn để tả lòng đau xót khi vua mất.

53.Chè lưỡi gà (kê thiệt), loại chè quý vua thường dùng.

54.Râu rồng (long nhiêm): Hoàng Đế đúc vạc luyện thuốc trường sinh xong, cưỡi rồng bay lên trời; quần thần cùng vin râu rồng theo đi, râu bị đứt, không lên được. Đây chỉ vua mất.

55.Ba nghìn cõi thế (tam thiên thế giới), có tiểu thiên thế giới, trung thiên và đại thiên tế giới. Theo thuyết Phật, thế giới có rất nhiều.

56.Kỳ, 60 tuổi.

57.Rủ áo vua Nghiêu, *Hệ từ, Kinh Dịch,* nói: Vua Nghiêu vua Thuấn chỉ rủ áo xiêm mà thiên hạ bình trị.

58.Cõi đất vua Vũ, dịch chữ "Vũ phục" trong câu, phục là "phục vụ cho thiên tử". Đại Vũ khi trị thủy xong, trích ở ngoài kinh kỳ ra 500 dặm làm một khu, đặt làm 5 phục: Hầu, Điện, Tuy, Yêu, Hoang, để phục vụ công việc cho thiên tử.

奉擬太妃齋堂對聯

PHỤNG NGHĨ THÁI PHI TRAI ĐƯỜNG ĐỐI LIÊN
(KÍNH NGHĨ CÂU ĐỐI Ở TRAI ĐƯỜNG THÁI PHI)[1]

1.

廣大慈悲弘佛法；
熾昌悠久佑王圖。

Quảng đại từ bi hoằng Phật pháp;
Xí xương du cửu hựu vương đồ.

Rộng lớn từ bi, mở rộng pháp bảo của Phật;
Thịnh vượng dài lâu giúp đỡ cơ đồ nhà vua.

2.

紺眼無私恢慧照；
丹誠可格迓純休。

Cạm nhãn vô tư khôi tuệ chiếu;
Đan thành khả cách nhạ thuần hưu.

Mắt xanh không chút riêng tây, mở rộng tầm soi sáng;
Lòng thành có thể cảm cách, để đón mọi niềm vui.

3.

西竺法輪旋幹妙；
東明壽紀護持高。

Tây Trúc pháp luân tuyền cán diệu;
Đông Minh thọ kỷ hộ trì cao.

Bánh xe pháp ở nước Tây Trúc[2] xoay chuyển mầu nhiệm;
Tuổi thọ khảo ở đàn Đông Minh[3] phù hộ thêm cao.

4.

寂照舒輝符日月；
升恒介福等河沙。

Tịch chiếu thư huy phù nhật nguyệt;
Thăng hằng giới phúc đẳng Hà sa.

Đức sáng lặng soi, hợp với đôi vầng nhật nguyệt;
Phúc lớn thường tiến, sánh như cát sông Hằng Hà.

5.

不匱孝心通寶梵；
無疆景福衍瑤圖。

Bất quỹ hiếu tâm thông bảo Phạn;
Vô cương cảnh phúc diễn dao đồ.

Lòng hiếu chẳng sót, thông tới cõi Phật;
Phúc lớn không cùng, dài mãi ngôi vua.

6.

廣德均覃楊柳雨；
大慈遍覆紫金雲。

Quảng đức quân đàm dương liễu vũ;
Đại từ biến phúc tử kim vân.

Đức độ rộng như hạt mưa dương liễu ngấm khắp;
Từ bi lớn tựa đám mây tử kim che đều.

7.

靈爍塘花菩萬樹；
清涼池水寶千泓。

Linh thước đường hoa bồ vạn thụ;
Thanh lương trì thủy bảo thiên hoằng.

Hoa trên hồ rực rỡ, bồ đề nảy vạn nhánh;
Nước trong ao mát trong, nước nghìn vùng như gương.

8.

寂照無邊雙眼慧；
孝誠自在一心齋。

Tịch chiếu vô biên song nhãn tuệ;
Hiếu thành tự tại nhất tâm trai.

Lặmg lẽ soi tới vô cùng, đôi mắt sáng suốt;
Trung hiếu chân thành tự tại, một tấm lòng chay.

9.

千重樂國開銀闕；
百兩香車擁寶坊。

Thiên trùng lạc quốc khai ngân khuyết;
Bách lượng hương xa ủng bảo phường.

Nước vui nghìn trùng mở cửa ngân khuyết;[4]
Xe hương trăm cỗ ủng hộ bảo phường.[5]

10.

昇平懋贊興潙烈；
博濟恒持祝佛心。

Thăng bình mậu tán hưng Vi liệt;
Bác tế hằng trì chúc Phật tâm.

Gắng giúp vận thăng bình, khơi dậy nghiệp Vi;[6]
Giữ gìn việc phổ tế, cầu chúc cho lòng khấn Phật.

11.

極治泰來膺大有；
至誠孚感福同人。

Cực trị thái lai ưng đại hữu;
Chí thành phu cảm phúc đồng nhân.[7]

Đời cực thịnh trị, hội thái đưa tới, có được cái sở hữu to lớn;
Lòng rất thành kính, tin tưởng cảm cách, sẽ hưởng phúc lành với mọi người.

12.

瑞闡金波徵積慶；
祥開寶剎証眞詮。

Thụy xiển kim ba trưng tích khánh;
Tườngkhai bảo sái chứng chân thuyên.

Trăng vàng mở điềm, việc tích phúc lành tỏ rõ;
Tháp báu tỏ phúc, lẽ phải chân chính chứng minh.

13.

靈德逍遙躋淨土；
慈門浩蕩澤敷天。

Linh đức tiêu dao tê tịnh thổ;
Từ môn hạo đãng trạch phu thiên.

Đức thiêng tiêu dao, trèo lên cõi cực lạc;
Cửa từ mênh mang, ơn trạch trải khắp trời.

14.

蘄萬筵開迎瑞日；
大千香惹郁曇花。

Kỳ vạn diên khai nghinh thụy nhật;
Đại thiên hương nhạ úc đàm hoa.

Cầu muôn tuổi tiệc mở, đón mặt trời tốt đẹp;
Cõi đại thiên[8] hương đưa, rực rỡ đóa hoa đàm.

15.

衍慶肇祥豐水近；
燁光施蔭葛覃榮。

Diễn khánh triệu tường Phong thủy cận;
Việp quang thi ấm cát đàm vinh.

Nước sông Phong rất gần,[9] diễn phúc lành, gây điềm tốt;
Dây cây cát thường tươi,[10] rực ánh sáng, che bóng râm.

16.

須瀰山上慈燈燦；
長樂官中壽曜輝。

Tu Di sơn thượng từ đăng xán;
Trường Lạc cung trung thọ diệu huy.

Trên núi Tu Di[11] đèn từ xán lạn;
Trong cung Trường Lạc[12] sao thọ huy hoàng.

17.

蕩蕩慈雲菩樹蔭；
澄澄德水柳枝清。

Đãng đãng từ vân bồ thụ ấm;
Trừng trừng Đức thủy liễu chi thanh.

Mây từ bi mênh mang, bồ đề che bóng mát;
Nước sông Đức[13] leo lẻo, cành liễu tắm nước trong.

18.

虛靈默會三生法；
因果兼完十二緣。

Hư linh mặc hội tam sinh pháp;
Nhân quả kiêm hoàn thập nhị duyên.

Hư không mà linh thiêng, lặng lẽ lĩnh hội được phép mầu ba kiếp;
Nhân trước cùng quả sau, kiêm cả trọn vẹn đủ mười hai nhân duyên.

19.

千載嘉祥開世德；
萬年景燦振家聲。

Thiên tải gia tường khai thế đức;
Vạn niên cảnh thước chấn gia thanh.

Điềm tốt nghìn thuở, mở nền thế đức;
Vẻ đẹp muôn năm, lừng tiếng tăm nhà.

20.

如來境界河沙闊；
京室乾坤歲月長。

Như Lai cảnh giới Hà sa khoát;
Kinh thất kiền khôn tuế nguyệt trường.

Khu vực Phật Như Lai, cát sông Hà vô kể;[14]
Trời đất chốn Kinh thất[15] năm tháng dài lâu.

21.

聖慈孝念隆追報；
佛寶靈詮普度持。

Thánh từ hiếu niệm long truy báo;
Phật bảo linh thuyên phổ độ trì.

Thánh từ nghĩ đến điều hiếu, đúng điểm truy ơn báo đáp;
Phật bảo nói lời linh thiêng, phù hộ độ trì mọi nơi.

22.

象龍法闡三乘妙；
龜鶴籌添萬祀長。

Tượng long pháp xiển tam thừa diệu;
Quy hạc trù thiêm vạn tự trường.

Phép long tượng[16] mở ra tam thừa[17] mầu nhiệm;
Thẻ quy hạc[18] thêm lên muôn tuổi dài lâu.

23.

兜率覆慈雲有蔭；
如來授吉日長輝。

Đâu Suất phúc từ vân hữu ấm;
Như Lai thụ cát nhật trường huy.

Cõi Đâu Suất che bóng từ, như đám mây vẫn rợp;
Phật Như Lai trao điềm tốt, cùng bóng nhật sáng lâu.

24.

大梵香花芬馥處；
長秋日月照臨中。

Đại Phạn hương hoa phân phức xứ;
Trường thu nhật nguyệt chiếu lâm trung.

Cõi Đại Phạn[19] là chốn hương hoa sực nức;
Buổi trường thu trong vòng nhật nguyệt sáng soi.

25.

燈耀花炎光萬相；
波澄苦海度群緣。

Đăng diệu hoa viêm quang vạn tướng;
Ba trừng khổ hải độ quần duyên.

Đèn soi hoa nóng, sáng rực muôn tướng;
Bể khổ sóng yên, cứu vớt mọi loài.

26.

銀鼓明時千彗透；
金波耀處萬塵清。

Ngân cổ minh thời, thiên tuệ thấu;
Kim ba diệu xứ vạn trần thanh.

Khi doành ngân sáng, nghìn bóng tuệ soi thấu;
Nơi trăng vàng soi, muôn làn bụi sạch trong.

27.

萬法眞乘恒了了；
億年寶祚自綿綿。

Vạn pháp chân thừa hằng liễu liễu;
Ức niên bảo tộ tự miên miên.

Đại thừa muôn phép, vẫn lầu lầu hiểu;
Ngôi báu ức năm, tự dằng dặc dài.

28.

西方色相都神妙；
南贍乾坤總護持。

Tây phương sắc tướng đô thần diệu;
Nam Thiệm kiền khôn tổng hộ trì.

Sắc tướng cõi Tây phương đều là thần diệu;
Trời đất châu Nam Thiệm hết thảy hộ trì.

29.

子孫億萬綏將茂；
世界三千濟度均。

Tử tôn ức vạn tuy tương mậu;
Thế giới tam thiên tế độ quân.

Muôn ức cháu con yên lành thịnh vượng;
Ba nghìn thế giới cứu vớt cho đều.

30.

三十六天弘接引；
百千萬世護振誂。

Tam thập lục thiên hoằng tiếp dẫn;
Bách thiên vạn thế hộ chấn sằn.

Ba mươi sáu cõi trời, rộng đường dẫn dắt;
Trăm nghìn vạn thế, giúp dập hòa vui.

31.

齋莊庭户迎千福；
定慧壇場格萬靈。

Trai trang đình hộ nghinh thiên phúc;
Định tuệ đàn trường cách vạn linh.

Sân ngõ nhà chay, đón rước nghìn phúc;
Đàn tràng cửa Phật, cảm thấu muôn thiêng.

32.

流水游龍騰旺氣；
法雲寶雨集靈祥。

Lưu thủy du long đằng vượng khí;
Pháp vân bảo vũ tập linh tường.

Nước chảy rồng bơi, bừng khí tốt;
Mây phép mưa lành, họp điềm lành.

33.

千聖幢幡羅法會；
群靈醐酪証良因。

Thiên thánh chàng phan la pháp hội;
Quần linh hồ lạc chứng lương nhân.

Ngàn thánh theo cờ phan, quây quần bên hội pháp;[20]
Muôn thần hưởng rượu ngon, chứng tỏ duyên lành.

34.

衣冠濟楚壇場肅；
燈炬熒煌殿宇尊。

Y quan tế sở, đàn trường túc;
Đăng cự huỳnh hoàng, điện vũ tôn.

Mũ áo chỉnh tề, đàn tràng nghiêm túc;
Đèn đuốc sáng trưng, điện vũ tôn nghiêm.

35.

兜率惹蓮乘，同瞻慈馭；
法花宣貝梵，共証良因。

Đâu Suất nhạ liên thừa, đồng chiêm từ ngự;
Pháp Hoa tuyên bối Phạn, cộng chứng lương nhân.

Cõi Đâu Suất[21] dẫn bánh xe hoa sen, cùng xem Phật ngự;
Kinh Pháp Hoa[22] tụng bằng trang lá bối,[23] đều chứng duyên lành.

36.

忠孝式家庭，煌煌美業；
綏將綿福履，奕奕純禧。

Trung hiếu thức gia đình, hoàng hoàng mĩ nghiệp;
Tuy tương miên phúc lý, dịch dịch thuần hy.

Đem trung hiếu làm khuôn phép cho gia đình, nghiệp lớn rực rỡ;
Yên vui kéo dài nền phúc lộc, điềm tốt trùng trùng.

37.

福澤想來因，追念燕謀敦報本；
慈悲廑蔭注，遙臨鷲座接聲靈。

Phúc trạch tưởng lai nhân, truy niệm yến mưu đôn báo bản;
Từ bi cận ấm chú, dao lâm Thứu toạ tiếp thanh linh.

Tưởng tới phúc trạch ơn sâu, nhớ tới ông cha,[24] phải xử hậu với việc báo đáp nguồn gốc;

Nhờ đức từ bi che chở, xa nhìn non Thứu,[25] để đón tiếp tiếng tăm rực rỡ linh thiêng.

38.

曇葉報金風，金天高揭金行月；
蓮花粧水寶，水德光澄水海雲。

Đàm diệp báo kim phong, kim thiên cao yết kim hành nguyệt;
Liên hoa trang thủy bảo, thủy đức quang trừng thủy hải vân.

Lá đàm báo gió vàng tới, trời sắc vàng, treo cao mảnh trăng thu;[26]

Hoa sen phô nước báu, đức của nước sáng trong, mây trên biển nước.

39.

胞與樂咸平，無量崇徽彤史壽；
際蟠歌順治，如來功德寶山高。

Bào dữ lạc hàm bình, vô lượng sùng huy đồng sử thọ;
Tế bàn ca thuận trị, như lai công đức bảo sơn cao.

Nhân vật[27] đều vui hòa bình, danh vọng khôn lường[28] sử xanh còn mãi;

Xa gần[29] cùng ca thuận trị, công đức thường tới,[30] non báu sánh cao.

40.

誠感徹三玄，顒若有孚乘上下；
孝忠摧萬善，放之而準海東西。

Thành cảm triệt tam huyền, ngung nhược hữu phu thừa thượng hạ;
Hiếu trung suy vạn thiện, phóng chi nhi chuẩn hải Đông Tây.

Lòng thành cảm thấu tam huyền, ngước trông tin tưởng cả thượng thừa và hạ thừa;

Đức hiếu trung đẩy vạn thiện, phóng rộng tràn khắp cả Đông hải cùng Tây hải.

41.

始肅見玄機，一葉梧桐收潤潺；
同仁霑聖澤，千枝優缽洒慈光。

Thủy túc kiến huyền cơ, nhất diệp ngô đồng thu nhuận nhục;
Đồng nhân triêm thánh trạch, thiên chi ưu bát sái từ quang.

Khí mới thắt lại[31] thấy được cơ trời, một lá ngô đồng thu mầu nhuần thấm;[32]

Hết thảy cùng yêu, ngấm sâu ơn thánh, nghìn cành ưu bát[33] rọi bóng từ quang.

42.

毓聖福源深，報本誠忠酬罔極；
覺凡玄象妙，遇眞慈念靠無邊。

Dục thánh phúc nguyên thâm, báo bản thành trung thù võng cực;
Giác phàm huyền tượng diệu, ngộ chân từ niệm kháo vô biên.

Nguồn phúc sâu chung đúc nên bậc thánh, lòng trung thành thực, báo đáp gốc nguồn, không bao giờ hết;

Huyền vi mầu nhiệm giác ngộ cõi phàm, nghĩ tới lòng từ, gặp điều chân chính, nhờ cậy khôn cùng.

43.

正覺遂超升，七祖九玄皆淨域；
同仁孚濟度，九州四海共慈航。

Chính giác toại siêu thăng, thất tổ cửu huyền giai tịnh vực;
Đồng nhân phu tế độ, cửu châu tứ hải cộng từ hàng.

Chính giác ngộ, thoả bước siêu thăng, bảy tổ chín tông đều nơi cõi tịnh;

Cùng mọi người tin lòng tế độ, chín châu bốn biển cùng lên bè từ.

44.

西有聖人，萬法靈通恒爍爍；
南無菩薩，一誠孚感自玄玄。

Tây hữu thánh nhân, vạn pháp linh thông hằng thước thước;
Nam vô Bồ Tát, nhất thành phu cảm tự huyền huyền.

Phương Tây có thánh nhân, muôn phép tắc thiêng liêng thường rực rỡ;

Phương Nam không Bồ Tát, chút lòng thành cảm cách vẫn huyền vi.

45.

慈愛子群方，兼施濟無穹，至矣德爲天下母；
眞誠宗眾聖，又圓融自在，淵乎心是法中王。

Từ ái tử quần phương, kiêm thí tế vô cùng, chí hĩ đức vi thiên hạ mẫu;

Chân thành tông chúng thánh, hựu viên dung tự tại, uyên hồ tâm thị pháp trung vương.

Lòng từ ái coi quần phương như con, kiêm thêm tế độ đến vô cùng, đức lớn thật, làm mẫu nghi thiên hạ;

Chí thành khẩn, noi chúng thánh là tông phái, lại đủ đầy tự tại, lòng rộng thay, là vua trong phép khuôn.

46.

王母壽萬年，翊聖扶邦，百子千孫延美業；
佛法通三界，降祥錫嘏，九州四海佑淳熙。

Vương Mẫu thọ vạn niên, dực thánh phù bang, bách tử thiên tôn diên mỹ nghiệp;

Phật pháp thông tam giới, giáng tường tích hỗ, cửu châu tứ hải hựu thuần hi.

Bà Vương Mẫu thọ vạn năm, phò nước giúp vua, nghìn cháu trăm con truyền nghiệp lớn;

Phép Phật thánh thông ba cõi, ban điềm cho phúc, chín châu bốn biển hưởng thái bình.

47.

功業拜師文，即福澤方隆，做佛有因膺現果；
太平歌女舜，矧孝誠所感，奉親何願不如心。

Công nghiệp loát sư Văn, tức phúc trạch phương long, tố Phật hữu nhân ưng hiện quả;

Thái bình ca nữ Thuấn, thẩn hiếu thành sở cảm, phụng thân hà nguyện bất như tâm.

Công nghiệp sánh cùng thày dạy Văn Vương,[34] tức như phúc trạch đương thịnh, làm vị Phật có nhân duyên, được hưởng ngay quả phúc;

Thái bình ca ngợi vợ Đế Thuấn,[35] huống chi, cảm cái hiếu chân thành, thờ đấng thân, phát nguyện gì cũng chẳng sánh lòng thành.

CHÚ THÍCH:

1.Thái phi, có lẽ Đặng Thị Huệ, thiếp yêu của Trịnh Sâm. Sách *Hoàng Lê nhất thống chí* chép "Tuyên phi Đặng Thị Huệ." Ở đây căn cứ câu đối số 17, có nói đến sông Đức, thuộc vùng quê Đặng Thị Huệ, nên đoán Thái phi Đặng Thị Huệ.

2.Tây Trúc: Nước Phật Thích Ca sinh.

3.Đông Minh, *Lương thư:* Ông Cao Cú Ly lấy tháng 10 mở đại hội tế trời đất gọi là Đông Minh.

4.Ngân khuyết: Cửa khuyết bạc, cũng như nói ngọc khuyết, kim khuyết là cửa nhà vua.

5.Bảo phường: Phường báu, ông Cấp cô độc ở nước La Vệ, đem vàng rải mặt đất để mua vườn mở cảnh già lam, nên gọi nơi đó là Bảo phường.

6.Vi Túc, Vi Nhuế, hai con sông ở nam và bắc núi Lịch Sơn, nơi vua Thuấn còn tiềm long cấy cầy ở đó. *Kinh Thư* nói: "Vua Nghiêu gả chồng hai con gái ở Vi Nhuế", tức là gả cho Thuấn, rồi dấy lên nghiệp Hữu Ngu. Đây Thái phi, (Đặng Thị Huệ) là thiếp yêu của Trịnh Sâm, nên mượn để so sánh.

7.Thái, Đại hữu; Phu, Đồng nhân: Nguyên là 4 quẻ ở *Kinh Dịch,* tác giả chơi chữ đối nhau.

8.Cõi đại thiên thế giới, là cõi to lớn nhất trong tam thiên thế giới.

9.Nước sông Phong, nói về sự gắn bó của Chu Vũ Vương đối xử với con cháu. Xem thêm chú thích 17 câu đối "Nhà tế vua Hiển Tông."

10.Dây cây cát (cát đàm), là tên một bài thơ (thiên *Chu nam, Kinh Thi*) nói về vợ Văn Vương tự thuật việc đan áo mặc rét bằng dây cát (sắn) đã xong.

11.Núi Tu Di, theo Phật thuyết, núi Tu Di ở giữa nam Thiện bộ châu, trên tới tầng trời Đế Thích. Đây dùng để chỉ Thái phi đã quy Phật.

12.Cung Trường Lạc do Hán Cao Tổ lập ra, để triều hội các quan và chư hầu. Đây dùng để chỉ cung Thái phi ở.

13.Sông Đức, tức sông Thiên Đức, thuộc vùng quê Thái phi Đặng Thị Huệ.

14.Cát sông Hà, tức cát sông Hằng Hà, nơi Phật Thích Ca ở. Thành ngữ có câu "Hằng hà sa số," ý nói rộng mà nhiều.

15.Kinh thất, nhà ở kinh đô, chỉ triều đình.

16.Long tượng, là rồng và voi, đi thủy không gì bằng rồng, đi bộ không gì bằng voi, nên Phật đem long tượng để ví với đạo pháp của mình.

17.Tam thừa, 3 cỗ xe, thượng thừa chở được hết chúng sinh, trung thừa chở được mình và một người, tiểu thừa chỉ chở được một mình. Đại thừa cũng như thượng thừa, ví với vị Bồ Tát, trung thừa ví với Viên Giác, tiểu thừa hay hạ thừa ví với át nan hán.

18.Quy hạc, là rùa và hạc, hai con vật này sống mãi tới ngàn năm. Thẻ quy hạc, tức cứ mỗi năm bỏ một chiếc thẻ để nhớ, từ một chiếc dần tới trăm nghìn chiếc, mãi mãi vô cùng.

19.Cõi Đại Phạn tức cõi trời Đại Phạn, nơi chư Phật ở.

20.Hội pháp, hội làm chay cúng Phật, để cầu cho âm siêu dương khách. (Người âm được siêu thăng, người dương được lợi lạc).

21.Đâu Suất, cõi trời vui vẻ đầy đủ, chư Phật thường ở.

22.Pháp Hoa, gọi tắt bộ kinh *Diệu pháp liên hoa*, Phái Thiên Thai Phật lạc lấy bộ kinh này làm tông chỉ.

23.Lá bối: Tức lá cây bối đa ở Ấn Độ, dùng để viết kinh thay cho giấy, nên gọi là kinh lá bối.

24.Cha ông: Dịch thoát "yến mưu" trong câu, xem chú thích số 1 câu 17, câu đối "Nhà tế Hiển Tông."

25.Non Thứu, tức non Linh Thứu, nơi Phật Thích Ca truyền đạo cho thầy Ca Diếp.

26.Nguyên văn "Kim hành nguyệt," vì kim là 1 trong 5 hành, thuộc về mùa thu, "trăng hành vàng" cũng như nói "trăng mùa thu," trong câu ca có ba chữ 'kim" (vàng) đều chỉ mùa thu.

27.Nhân vật, dịch chữ "bào dữ" trong câu. Bài *Tây ninh* của Trương Tử nói: Dân ngô đồng bào, vật ngô dữ" (Nhân dân cùng một bọc với ta, vạn vật cùng loài sinh như ta).

28.Khôn lường dịch nghĩa "vô lượng," vô lượng còn là tên vị Phật "Vô lượng thọ quang Phật."

29.Xa gần dịch thoát chữ "tế bàn"trong câu, *Trang Tử*: Khắc ý thượng tế ư thiên, hạ bàn ư địa (Để ý, trên tới sát trời, dưới sát tận đất).

30.Thường tới, dịch nghĩa "như lai," như lai còn là tên gọi Phật Như Lai.

31.Khí mới thắt lại (thủy túc) *Kinh Lễ,* thiên *Nguyệt lệnh*: Tháng Mạnh thu, khí trời mới thắt lại, người điều khiển vận khí, không nên để cho âm khí thừa thãi (Thiên địa thủy túc, bất khả dĩ doanh).

32.Một lá ngô đồng, tức là: "Một lá ngô đồng rụng, đã biết là mùa thu rồi" (câu thơ cổ).

Thu mầu tẩm nhuận, là khí khô, thắt lại, chứ không tẩm nhuận như mùa xuân, mùa hạ.

33.Cành ưu bát, tức cành ưu bát la, cứ ngày Phật đản mồng 8 tháng 4 thì hoa nở, tới mùa đông có quả, khi hoa mới rụng cánh, cái hình quả nổi lên như hình vị Phật sắc vàng. Vì thế cho là loại hoa nhà Phật.

34.Thày dạy Văn Vương tức là Lã Thương, sau giúp con Văn Vương là Vũ Vương dựng nên nghiệp nhà Chu.

35.Vợ Đế Thuấn, tức Nữ Anh và Nga Hoàng, đều là con gái của vua Nghiêu.

王府堂對聯

VƯƠNG PHỦ ĐƯỜNG ĐỐI LIÊN
[CÂU ĐỐI Ở VƯƠNG PHỦ (PHỦ CHÚA TRỊNH)]

1.

乾御奠中區，肅穆位成朝左右；
旅庭趨下駿，濟蹌序列作東西。

Kiền ngự điện trung khu, túc mục vị thành triều tả hữu;
Lữ đình xu hạ tuấn, tế thương tự liệt tác đông tây.

Nơi kiền ngự[1] vững đặt ở trung khu[2] thành ngôi nghiêm túc, bên tả bên hữu chầu trực;
Chốn lữ đình[3] mau chóng tới chầu, dập dìu xếp hàng thứ tự, từ đông sang tây.

2.

當宇穆宸旒，豈弟爲綱徵壽考；
正朝恢治体，時幾懋勉挽凝熙。

Đương vũ mục thần lưu, khải đễ vi cương trưng thọ khảo;
Chính triều khôi trị thể, thời cơ mậu miễn vãn ngưng hi.

Gánh lấy quyền đất nước, nêu mầu ngự phục trang nghiêm, vui vẻ làm mối dường, tỏ điềm thọ khảo;
Sửa sang việc triều chính, mở rộng nền thịnh trị, thời cơ tốt cố gắng, đem lại phúc lành.

3.

離照四方瞻，虎步龍行昭瑞彩；
泰和千古見，鳳儀麟舞荐嘉祥。

Ly chiếu tứ phương chiêm, hổ bộ long hành chiêu thụy thái;
Thái hòa thiên cổ kiến, phụng nghi lân vũ tiến gia tường.

Sáng soi cho bốn phương cùng xem, hổ bước rồng đi, điềm hay tỏ;
Thái hòa trải nghìn xưa lại thấy, phượng chầu lân múa, phúc lành dâng.

4.

軒豁洞開重，衢室總章公訪問；
蕩平敷錫五，采微天保博經綸。

Hiên hoát động khai trùng, Cù Thất Tổng Chương công phỏng vấn;
Đãng bình phu tích ngũ, Thái Vi Thiên Bảo bác kinh luân.

Cao rộng cửa mở mấy tầng, nhà Cù Thất, nhà Tổng Chương,[4] hỏi han chung cả;
Bằng phẳng phúc cho năm loại, thơ Thái Vi,[5] thơ Thiên Bảo[6] kinh luân mở mang.

5.

百姓總吾胞，遍照無私，光是燭；
八方皆我闥，併包罔外，豁如心。

Bách tính tổng ngô bào, biến chiếu vô tư, quang thị chúc;
Bát phương giai ngã thát, tính bao võng ngoại, hoát như tâm.

Trăm họ đều là đồng bào ta, vô tư soi khắp, sáng trưng do đuốc;
Tám phương đều là cửa ngõ ta, chẳng ngoài bao bọc, rộng chứa như lòng.

6.

香火是金歐，仁義金湯常險固；
膏脂皆玉食，太平玉燭照逃亡。

Hương hỏa thị kim âu, nhân nghĩa kim thang thường hiểm cố;
Cao chi giai ngọc thực, thái bình ngọc chúc chiếu đào vong.

Hương lửa là kim âu,[7] dùng nhân nghĩa làm kim thang,[8] thường được bền vững;
Dầu mỡ đều ngọc thực,[9] buổi thái bình rọi đuốc ngọc,[10] soi kẻ đào vong.

7.

觀於井以勸民，近悅遠來弘井井；
法諸乾而運上，朝修夕省懋乾乾。

Quan ư Tỉnh dĩ khuyến dân, cận duyệt viễn lai hoằng tỉnh tỉnh;
Pháp chư Kiền nhi vận thượng, triều tu tịch tỉnh mậu kiền kiền.

Xem ở quẻ Tỉnh để khuyên dân, gần mến, xa về, luôn tỉnh tỉnh;[11]
Phép ở quẻ Kiền mà vận dụng, sớm tu, tối tỉnh, những kiền kiền.[12]

8.

五位爲父母君師，崇高富貴淵冰地；
一人任綱常禮樂，律度規繩曆數躬。

Ngũ vị vi phụ mẫu quân sư, sùng cao phú quí uyên băng địa;
Nhất nhân nhiệm cương thường lễ nhạc, luật độ quy thằng lịch số cung.

Ngôi thứ năm là phụ mẫu, quân sư, tuy được cao cả giầu sang, song vẫn nơm nớp lo sợ như "sa xuống đầm sâu, đi trên băng mỏng;"[13]
Riêng một mình gánh vác cương thường lễ nhạc, đứng làm mực thước khuôn mẫu, vì thân mình phải theo thứ tự trước sau của các đế vương.[14]

9.

諸侯度，諸侯憂，遊豫見聞隨羽籥；
天下法，天下則，言行趨向是樞機。

Chư hầu độ, chư hầu ưu, du dự kiến văn tùy vũ thược;
Thiên hạ pháp, thiên hạ tắc, ngôn hành xu hướng thị khu cơ.

Để phúc cho chư hầu, để họa cho chư hầu, khi vui lúc chơi, quan hệ theo chỗ: Mắt thấy quạt cờ tai nghe kèn sáo;[15]

Làm pháp cho thiên hạ, làm tắc cho thiên hạ, việc làm, lời nói, là bộ máy đưa: Nhân dân theo về, nhân dân hướng vào.[16]

10.

才難得，亦難知，較若驪黃歸藻鑑；
民可近，不可下，儼然軒陛見茅茨。

Tài nan đắc, diệc năng tri, giảo nhược ly hoàng quy tảo giám;
Dân khả cận, bất khả hạ, nghiễm nhiên hiên bệ kiến mao từ.

Anh tài khó đạt được, cũng khó biết, ví như ngựa đen ngựa vàng phải dùng tới gương soi tỏ;

Dân nên gần, không hạ thấp, nghiễm nhiên ở nơi hiên bệ, vẫn thấy đám lau tranh.

CHÚ THÍCH:

1.Kiền ngự, tức nơi Chúa ngự.

2.Trung khu, là ngôi trung chính.

3.Lữ đình, sân hội họp tân khách.

4.Cù Thất, do vua Nghiêu lập ra, đời Chu gọi là nhà Minh Đường, nơi để chư hầu vào chầu nghỉ, vua Thuấn gọi là nhà Tổng Chương.

5.Thái Vi, thơ *Tiểu nhã, Kinh Thi*, nói về nhà vua sai người đi chinh dịch.

6.*Thiên bảo* cũng ở *Tiểu nhã, Kinh Thi* là thơ vua yến ẩm cùng sứ thần. Các quan được yến ẩm đó làm thơ chúc phúc lại vua.

7.Kim âu, âu vàng chỉ ngôi vua.

8.Kim thang, tức *Kim thành thang trì* (Thành vàng ao nóng), ý nói đất nước hiểm trở.

9.Ngọc thực, món ăn quý như ngọc, thường dùng chỉ đồ ăn nói chung.

10.Đuốc ngọc, núi Chung Sơn có thần Chúc Dung thường phun lửa soi đêm, lửa sáng tỏ, thì thiên hạ thái bình.

11.*Kinh Dịch, Quái từ,* quẻ *Tỉnh* của Văn Vương nói: "Cải ấp bất cải tỉnh, vô táng vô đắc, vãng lai tỉnh tỉnh" (Ấp ở có khi thay đổi, chứ giếng thì không

thay đổi, sự thay đổi đó không hơn không thiệt gì, đi lại vẫn đâu ra đấy). "Tỉnh tỉnh" nghĩa là đâu ra đấy, không luộm thuộm.

12."Kiển kiển" nghĩa là hăng hái. *Kinh Dịch,* quẻ *Kiển,* hào *Cửu tam* nói: "Quân tử chung nhật kiển kiển; tịch dịch nhược, lệ vô cữu" (Người quân tử suốt ngày hăng hái, đến tối thì sợ sệt, như thế thì gặp nguy nan cũng không bị lỗi).

13.Sa xuống đầm sâu, đi trên băng mỏng, "Như lâm thâm uyên, như lý bạc băng", chữ trong thơ *Tiểu mân, Kinh Thi.*

14.*Luận Ngữ,* thiên *Nghiêu viết:* "Vua Nghiêu truyền ngôi cho Đế Thuấn, câu rằng: Tư nhĩ Thuấn! Thiên chi lịch số tại nhĩ cung, doãn chấp quyết trung, tứ hải khốn cùng, thiên lộc vĩnh chung (Này Thuấn ngươi, lịch số của trời ở cả mình ngươi, phải tin nắm vững đạo trung nếu dân bốn bể mà khốn cùng, thì lộc trời cũng cắt đứt).

Chữ "Lịch số tại nhĩ cung" *Tập chú* chú thích rằng: "Cái số thứ tự trước sau cùng truyền của các đế vương, cũng như khí hậu sau trước của năm tháng, ở cả mình ngươi".

15.Cả vế này dùng điển *Mạnh Tử* giải thích về "hiếu nhạc" (thích ca nhạc) cho vua Tề nghe rằng: "Nay nhà vua nghe nhạc râm ran, trăm họ nghe thấy tiếng chuông, trống, kèn, sáo của vua, đều nhăn mặt nói với nhau rằng, nhà vua thích ca nhạc như thế làm gì chẳng khiến ta phải cùng cực". Ở đây tác giả có ý khuyên nhà Chúa phải gần gũi dân chúng ắt sẽ được vững bền.

16.Lời nói là bộ máy: Lời *Thượng hệ, Kinh Dịch,* nói: Người quân tử, lời nói ra tự mình mà ảnh hưởng đến dân, việc làm phát ở chỗ gần mà thể hiện tới chỗ xa. Lời nói việc làm là bộ máy then chốt của quân tử, máy then chốt đó đã phát ra, quan hệ giữa vinh hay nhục. Lời nói và việc làm của người quân tử cảm động tới trời đất, há không cẩn thận được ư? Vế này, có ý khuyên nhà Chúa, lời nói phải đi đôi với việc làm, để làm phép tắc cho nước, khiến dân hướng về.

解暑堂對聯

GIẢI THỬ ĐƯỜNG ĐỐI LIÊN (CÂU ĐỐI NHÀ GIẢI NHIỆT)

1.

四序昭融清晏會；
重門軒豁照臨中。

Tứ tự chiêu dung thanh yến hội;
Trùng môn hiên hoát chiếu lâm trung.

Bốn mùa đều sáng trong, gặp hội sông yên biển lặng;
Hai lần cửa hiên rộng, chiếm giữa nhật chiếu nguyệt soi.

2.

九有恲幪歸大廈；
八風動蕩扇長春。

Cửu hữu biền mông quy đại hạ;
Bát phong động đãng phiến trường xuân.

Che phủ khắp chín châu, nhờ ngôi nhà lớn;
Xoaỹ chuyển tám thứ gió, quạt cảnh xuân dài.

3.

阜財解慍歌虞旦；
繼長增高若昊天。

Phụ tài giải uẩn, ca Ngu đán;
Kế trưởng tăng cao, nhược hạo thiên.

Ca thơ buổi sớm của đời Ngu:[1] Giầu tiền của, giải buồn bực;
Thuận lẽ tự nhiên của Thượng đế: Nối chỗ lớn, thêm chỗ cao.

4.

卷阿伴渙時遊豫；
天保升恒會泰亨。

Quyền A bạn hoán thời du dự;
Thiên Bảo thăng hằng hội thái hanh.

Đôi khi chơi bời, nhởn nhơ đủng đỉnh ở chốn Quyền A;[2]
Gặp hội thái hanh, mặt trăng sáng, mặt trời lên, ghi thơ Thiên Bảo.[3]

5.

鐘鼓樂同魚躍沼；
簫韶和奏鳳儀庭。

Chung cổ lạc đồng ngư dược chiểu;
Tiêu thiều hòa tấu phụng nghi đình.

Trên ao cá nhảy, vui cùng tiếng chuông, tiếng trống;
Trước sân phượng chầu, tấu khúc nhạc tiêu, nhạc thiều.

6.

五絃聲繞臨風院；
八闋歌喧得月樓。

Ngũ huyền thanh nhiễu lâm phong viện;
Bát khuyết ca huyên đắc nguyệt lâu.

Tiếng đàn năm dây, vây quanh viện gió;
Tám khúc ca vang, bên lầu đón trăng.

7.

紫微照耀開黃屋；
朱軺輝華映玉湖。

Tử Vi chiếu diệu khai hoàng ốc;
Chu diêu huy hoa ánh ngọc hồ.

Cửa nhà vàng mở, toà Tử Vi[4] chói lọi;
Hồ ngọc ánh lên, rực rỡ xe Chu diêu.[5]

CHÚ THÍCH:

1.Thơ buổi sớm đời Ngu, *Sử ký*: Vua Ngu Thuấn gảy đàn cầm, ca thơ *Nam phong*: Nam phong chi huân hề, khả dĩ giải ngô dân chi uất hề! Nam phong chi thời hề, khả dĩ phụ ngô dân chi tài hề (Gió nam mát chừ, có thể giải nỗi buồn bực cho dân chừ! Gió nam phải thời chừ, có thể làm giầu tiền của cho dân ta chừ).

2.Thơ *Quyền a, Kinh Thi*, do Khang Công theo vua Thành Vương vui chơi ở trên chiếc gò queo (quyền a) làm ra, trong có câu: Bạn hoán nhĩ du hĩ, ưu du nhĩ hữu hĩ (Nhởn nhơ ông chơi vậy, ung dung ông vui vậy).

3.Thơ *Thiên bảo, Kinh Thi* do các đình thần làm để chúc tụng nhà vua, trong có câu: Như nguyệt chi hằng, như nhật chi thăng (Như mặt trăng thường sáng, như mặt trời đang lên).

4.Tử Vi là sao đế tinh. Hoàng ốc: Cỗ xe thiên tử đi.

5.Chu diêu: Xe ngựa sơn màu đỏ, sứ giả thường đi.

坤厚堂對聯

KHÔN HẬU ĐƯỜNG ĐỐI LIÊN (CÂU ĐỐI Ở KHÔN HẬU ĐƯỜNG)

1.

兌澤一泓妝寶鏡；
坤儀億載鞏璇庭。

Đoài trạch nhất hoằng trang bảo kính;
Khôn nghi ức tải củng tuyền đình.

Một vụng hồ Tây, tô thành gương báu;
Muôn năm nghĩa mẹ, bền vững sân rồng.

2.

燦爛西筵濃瑞彩；
昭回南陸絢祥光。

Xán lạn Tây diên nùng thụy thái;
Chiêu hồi Nam lục huyến tường quang.

Rực rỡ Tây cung[1] vẻ tốt lành nồng đậm;
Rọi về Nam lục[2] ánh sáng lành chói chang.

3.

母儀裕慶長貽養；
子來歌成永奐輪。

Mẫu nghi dụ khánh trường di dưỡng;
Tử lại ca thành vĩnh hoán luân.

Phúc mẹ làm khuôn mẫu, nuôi dưỡng mãi;
Bài ca Tử lại hát xong,[3] luân chuyển hoài.

4.

玉燭宣煇光四表；
金波闡瑞慶千秋。

Ngọc chúc tuyên huy quang tứ biểu;
Kim ba xiển thụy khánh thiên thu.

Đuốc ngọc dọi ánh lửa, sáng trưng bốn cõi;
Trăng bạc mở điềm lành, để phúc nghìn thu.

5.

無疆原德欣長樂；
不匱洪休慶永清。

Vô cương nguyên đức hân trường lạc;
Bất quỹ hồng hưu khánh vĩnh thanh.

Mừng cuộc vui kéo dài, đức dày vô tận;
Chúc cho thanh bình mãi, phúc lớn đủ đầy.

6.

瑞繞慈宮昭懿爍；
祥開壽曜慶融怡。

Thụy nhiễu từ cung chiêu ý thước;
Tường khai thọ diệu khánh dung di.

Vẻ đẹp vấn quanh cung từ, tỏ rõ đức sáng;
Điềm lành mở sao thọ, hòa nhã vui mừng.

7.

瑞彩迎鸞昭翟月；
清香獻牖遞荷風。

Thụy thái nghênh loan chiêu địch nguyệt;
Thanh hương hiến dũ đệ hà phong.

Vẻ đẹp đón xe loan, trăng soi lông chả;[4]
Hương thơm dâng cửa sổ,[5] gió đưa cánh sen.

8.

胞與同仁陶煦育；
穹其薦祉永綏將。

Bào dữ đồng nhân đào hú dục;
Khung kỳ tiến chỉ vĩnh tuy tương.

Nhân cùng nòi giống, nhờ được dưỡng nuôi ủ ấp;
Phúc dâng trời đất, mãi giúp đỡ được yên vui.

9.

僊仗裝成連岸柳；
天香飛入滿湖蓮。

Tiên trượng trang thành liên ngạn liễu;
Thiên hương phi nhập mãn hồ liên.

Nghi vệ thần tiên, trang điểm liền bờ liễu;
Hương thơm nhà trời, bay vào đầy hồ sen.

10.

萬頃祥雲澄太液；
千行錦樹拱長秋。

Vạn khoảnh tường vân trừng Thái Dịch;
Thiên hàng cẩm thụ củng trường thu.

Mây lành vạn khoảnh, trong suốt ao Thái Dịch;[6]
Cây gấm nghìn hàng, triều củng suốt ngày thu.

11.

懿德日昭增景爍；
慈休廣布溢徽音。

Ý đức nhật chiêu tăng cảnh thước;
Từ hưu quảng bố dật huy âm.

Đức tốt ngày ngày sáng tỏ, cảnh thêm rực rỡ;
Phúc lành luôn trải rộng ra, tiếng hay tràn trề.

CHÚ THÍCH:

1.Tây cung, cung Hoàng hậu ở.

2.Con đường Nam lục, mùa hè thì mặt trời đi trên con đường đó.

3.*Bài ca Tử lại:* Chu Văn Vương xưa làm chiếc linh đài, có câu thơ rằng: Kinh thủy linh đài, kinh chi doanh chi, thứ dân tử lại, bất nhật thành chi (Bắt đầu xây linh đài, nào sửa nào sang, nhân dân như con đến, không mấy ngày làm xong).

4.Lông chả, tục đời Chu, xe các phu nhân dùng lông chim chả bọc làm trang sức cho xe, gọi là "địch phất."

5.Cửa sổ, tục đời Chu, vợ các vị Đại phu thường hái rau tảo rau tần đem về dâng lên trước cửa sổ nhà tông miếu, làm lễ cúng tế. *Kinh Thi*, thiên *Thiệu nam,* thơ *Thái tần*: Vu dĩ điện chi, tông thất dũ hạ (Rồi mà dâng đó, ở dưới cửa sổ nhà tông thất).

6.Thái Dịch, ao trong thành nội nhà vua.

王府堂中對聯

VƯƠNG PHỦ ĐƯỜNG TRUNG ĐỐI LIÊN
(CÂU ĐỐI TRONG PHỦ ĐƯỜNG NHÀ CHÚA)

1.

一統慶春王，縞鼎成銘長就烈；
萬年光夏宅，鈞臺永裕太平基。

Nhất thống khánh xuân Vương, cảo đỉnh thành minh trường tựu liệt;

Vạn niên quang Hạ trạch, quân đài vĩnh dụ thái bình cơ.

Cảnh xuân Vương phủ mừng được nhất thống, đỉnh sáng trong khắc nên công thành tựu;

Ngôi nhà triều Hạ[1] toả sáng vạn năm, đài cơ mật để lại mãi nếp thái bình.

2.

雍睦燦堯衣，晝省夕修兼懋勉；
瞻依環禹服，南成北始慶清夷。

Ung mục xán Nghiêu y, trú tỉnh tịch tu kiêm mậu miễn;

Chiêm y hoàn Vũ phục, nam thành bắc thủy khánh thanh di.

Hòa mục, sáng rực nếp vua Nghiêu, ngày đêm tu tỉnh thêm cố gắng;

Trông nhờ, vòng quanh cõi vua Vũ, nam bắc thành công vui thanh bình.

3.

萬里隔隕長，地廠日南增式廓；
九畿基本壯，天高辰北屹綱維。

Vạn lý bức vẫn trường, địa xưởng Nhật Nam tăng thức khuếch;

Cửu kỳ cơ bản tráng, thiên cao Thần Bắc ngật cương duy.

Muôn dặm lãnh thổ xa, mở cõi đất Nhật Nam[2] rộng thêm thể thức;

Chín châu nền gốc vững, vung cao trời Thần Bắc[3] sừng sững mối dường.

4.

穆穆對堂簾，九陛衣裳端紫極；
巍巍昭晬表，千官環珮拱青陽。

Mục mục đối đường liêm, cửu bệ y thường đoan Tử Cực;
Nguy nguy chiêu tốt biểu, thiên quan hoàn bội củng Thanh Dương.

Thăm thẳm bức rèm bên thềm, chín bệ rủ áo xiêm giữa ngôi Tử Cực;[4]

Chót vót tỏ nêu hội tốt,[5] trăm quan đeo ngọc bội chầu chốn Thanh Dương.[6]

CHÚ THÍCH:

1.Ngôi nhà triều Hạ, tức nhà vua Đại Vũ, ý chúc chúa ở ngôi như nhà Hạ lâu dài.

2.Nhật Nam, thời thuộc Hán, Hán Vũ Đế chia nước ta làm 9 quận, Nhật Nam là một, tức khu vực gần Bình Trị về nam.

3.Thần Bắc, tức sao Bắc Thần, chỉ vào ngôi vua.

4.Tử Cực, ngôi Tử Vi đóng, trỏ vào ngôi vua.

5.Hội tốt, "tốt"cũng có âm là tôi, tục cổ, sinh ra con trai được một năm, thì bầy đủ các thứ vật cụ làm bằng đay hay tre như: Sách, bút, kiếm, chiếc cày, chiếc cân...đủ rồi, thả đứa trẻ đó ra ngồi một bên xem nó lấy chiếc gì, sẽ bói mà biết được tương lai của nó sẽ làm nghề đó. Tống Tào Bân tay tả thì cầm can qua, tay hữu thì vơ khay chén và quả ấn. Sau lớn lên quả làm đến chức Khu mật sứ, văn vũ toàn tài. Đây có ý tán dương nhà chúa tài đủ kinh luân thao lược đã biết ngay từ thuở nhỏ.

6.Thanh Dương: *Kinh Lễ*: Mùa xuân nhà vua ở cung Thanh Dương. Thanh Dương có triều đại dùng làm nơi cho thái tử ở.

公府對聯

CÔNG PHỦ ĐỐI LIÊN (CÂU ĐỐI Ở CÔNG PHỦ)

1.

萬里奉明威，藩闉廑瞻華萼遍；
四時宣雅化，絲綸遙仰彩雲來。

Vạn lý phụng minh uy, phiên khổn cận chiêm hoa ngạc nhĩ;
Tứ thì tuyên nhã hóa, ti luân dao ngưỡng thể vân lai.

Uy quyền soi sáng tới muôn dặm, hoa ngạc khá gần, những thấy ở nơi phiên khổn;

Giáo hoá đẹp tuyên cả bốn mùa, vẻ mây đưa đến, xa xa đón cáo chương.

2.

咫尺不違，絳闕鈞韶常在夢；
夙夜匪解，青藩弁笏共分猷。

Chỉ xích bất vi, giáng khuyết quân thiều thường tại mộng;
Túc dạ phỉ giải, thanh phiên biền hốt cộng phân du.

Gang tấc chẳng sai, nhạc quận thiều nơi cung khuyết thường ở trong mộng;

Ngày đêm không trễ, nếp áo mũ chốn thanh phiên cùng giúp mưu mô.

3.

比建仰英謨，龍編久控山河美；
坤承操敬德，麟趾長歌族姓仁。

Tị kiến ngưỡng anh mô, Long Biên cửu khống sơn hà mỹ;
Khôn thừa thao kính đức, Lân chỉ trường ca tộc tính nhân.

Dựng quẻ Tị[1] ngửa trông mưu sáng, giữ mãi thành Long Biên, non sông thêm tươi đẹp;

Theo quẻ Khôn[2] nắm lấy đức kính, ca hoài thơ Lân chỉ[3] tộc họ giữ lòng nhân.

4.

邦國樹藩翰，遵奉典常勤述職；
聖賢留範軌，講明學問要存心。

Bang quốc thụ phiên hàn, tuân phụng điển thường cần thuật chức
Thánh hiền lưu phạm quỹ, giảng minh học vấn yếu tồn tâm.

Dựng phên dậu cho nước nhà, điển phép noi theo, chăm đúng chức vụ;

Để khuôn mẫu bậc hiền thánh, học hỏi giảng rõ, cốt yếu để lòng.

5.

學焉新又新，君子及時修德業；
政者正不正，王臣居外守彝章。

Học yên tân hựu tân, quân tử cập thì tu đức nghiệp;
Chính giả chính bất chính, vương thần cư ngoại thủ di chương.

Học sao đã mới lại càng mới, người quân tử kịp thời sửa sang đức nghiệp;

Triều chính sửa ngay chỗ chẳng ngay, bậc vương thần ở đâu cũng phải giữ phép thường.

6.

夙夜殫厥心，忠愛恪敦臣子職；
終始典于學，言行敬佩聖賢書。

Túc dạ đàn quyết tâm, trung ái khác đôn thần tử chức;
Chung thủy điển vu học, ngôn hành kính bội thánh hiền thư.

Sớm tối dốc hết lòng, trung nước yêu dân, kính giữ phận thần tử;
Sau trước chăm chỉ học, việc làm lời nói, tuân theo sách thánh hiền.

7.

枕被密承恩，華萼樓前慇向月；
衣裳遙拱極，紫宸殿上切瞻雲。

Chẩm bí mật thừa ân, Hoa Ngạc lâu tiền ân hướng nguyệt;
Y thường dao củng cực, Tử Thần điện thượng thiết chiêm vân.

Chăn gối lặng mang ơn, ân cần trông trăng trước lầu Hoa Ngạc;[4]
Áo xiêm xa chầu thánh, tha thiết xem mây trên điện Tử Thần.[5]

8.

大化奉宣揚，溫室德音常在耳；
小心存洞屬，閶門威令不違顏。

Đại hóa phụng tuyên dương, Ôn thất đức âm thường tại nhĩ;
Tiểu tâm tồn động thuộc, Xương môn uy lệnh bất vi nhan.

Đức hóa lớn kính tuyên dương, lời hay ở nhà Ôn thất[6] còn bên tai mãi;
Lòng nhỏ mọn giữ trong dạ, uy lệnh cửa Xương Hạp[7]đâu cách thiên nhan.

9.

麟趾豫同休，仁厚紹聞遵聖訓；
虎翰叨作牧，蕃宣賦政奉王章。

Lân chỉ dự đồng hưu, nhân hậu thiệu văn tuân thánh huấn;
Hổ hàn thao tác Mục, phiên tuyên phú chính phụng vương chương.

Thơ Lân chỉ[8] cùng dự vui, lòng nhân hậu nối tiếp sau, vâng lời thánh huấn;
Ông Thiệu Hổ làm quan Mục[9] chính hoá tuyên nơi phên giậu, theo chiếu vua ban.

10.

正月奉春王，天樞不忒璣衡運；
鈞臺遵夏后，侯度長修玉帛虔。

Chính nguyệt phụng xuân Vương, thiên khu bất thắc cơ hành vận;
Quân đài tuân Hạ hậu, hầu độ trường tu ngọc bạch kiền.

Tháng giêng theo cảnh xuân Vương phủ, máy trời chẳng sai bộ toàn cơ ngọc hành vận chuyển;[10]
Đài cơ mật theo vua nhà Hạ, chư hầu giữ phép mãi sửa ngọc lụa kính dâng.

CHÚ THÍCH:

1.Quẻ Tị, *Kinh Dịch* nói: Đấng tiên vương dựng non nước, thân các nước hầu (Tiên vương kiến vạn quốc thân chư hầu).

2.Quẻ khôn, *Kinh Dịch* nói Muôn vật nhờ sinh sống, chỉ thuận theo trời.

3.Thơ Lân chỉ, ca ngợi con cháu họ hàng vua Văn Vương nhân hậu như con lân.

4.Lầu hoa ngạc, chỉ nơi anh em ở.

5.Điện Tử thần, cung sao Tử Vi, chỉ ngôi vua.

6.Ôn thất, nhà ở về mùa đông của nhà vua, cũng gọi là nơi cơ mật về hành chính.

7.Xương hạp, cửa của nhà vua.

8.Thơ Lân chỉ, xem chú thích số 3 ở trên.

9.Thiệu Hổ, tức Thiệu Mục công, danh tướng đời Chu Tuyên Vương, *Kinh Thi* thơ *Giang hán*: Vương mệnh Thiệu Hổ, lai tuần lai tuyên (Vua sai Thiệu Hổ đi khắp nơi truyền bá chính hóa nhà vua).

10.Toàn cơ ngọc hành: Vua Thuấn chế chiếc toàn cơ ngọc hành, để thí nghiệm về môn thiên văn.

本亭明御樓對聯

BẢN ĐÌNH MINH NGỰ LÂU ĐỐI LIÊN
(CÂU ĐỐI LẦU MINH NGỰ Ở ĐÌNH BẢN XÃ)

1.

錦色翠華新，馥郁天香留寶殿；
春天褕翟邃，明螢御舃耀金根。

Cẩm sắc thúy hoa tân, phức úc thiên hương lưu bảo điện;
Xuân thiên du địch thúy, minh huỳnh ngự tất diệu kim căn.

Bông hoa thúy sắc gấm mới, điện báu lưu hương trời sực nức;
Áo du địch[1] mầu xuân sâu, cội vàng sáng dấu chúa rỡ ràng.

2.

珠嶺枕三台，地出王侯憑顯相；
影山朝八斗，天鐘魁甲賴陰扶。

Châu lĩnh chẩm Tam Thai, địa xuất vương hầu bằng hiển tướng;
Ảnh sơn triều bát Đẩu, thiên chung khôi giáp lại âm phù.

Non Châu gối Tam Thai, đất sinh ra bậc vương hầu, nhờ vào sự hiển linh giúp đỡ;
Núi Ảnh chầu về Bắc Đẩu, trời chung đúc nên bậc khôi giáp, cậy nhờ âm phù.

3.

廟貌掛銀鉤，碧樹千章儲秀氣；
河心浮寶鏡，清流一派引文瀾。

Miếu mạo quải ngân câu, bích thụ thiên chương trừ tú khí;
Hà tâm phù bảo kính, thanh lưu nhất phái dẫn văn lan.

Vành khăn bạc treo trước miếu thờ, cây biếc nghìn màu phô khí đẹp;
Tấm gương báu nổi giữa dòng sông, nguồn trong một dải, dẫn làn sóng văn.

4.

推戴協三靈，南越帝圖光史册；
濯洋存萬古，青威旺氣壽儲胥。

Thôi đái hiệp tam linh, Nam Việt đế đồ quang sử sách;
Trạc dương tồn vạn cổ, Thanh Oai vượng khí thọ trừ tư.

Tôn phụng hiệp với tam linh, đế đồ Nam Việt rạng soi sử sách;
Rạng rỡ còn mãi vạn thuở, vượng khí Thanh Oai bền vững chở che.

5.

躍馬闖強鄰，金匱君王歌聖武；
造舟恢美業，葛覃妃后讓徽音。

Dược mã thát cường lân, kim quỹ quân vương ca thánh võ;
Tạo châu khôi mỹ nghiệp, Cát đàm phi hậu nhượng huy âm.

Nhảy lên ngựa đuổi bọn cường lân, lịch sử nhà vua để trong tráp vàng, uy vũ như thánh thần, vẫn còn ca ngợi;
Đóng con thuyền[2] mở ra nghiệp lớn, bà hậu phi khen trong thơ Cát đàm,[3] phải nhượng tiếng hay.

6.

虞陛奏諧聲，笙鏞文明華旦會；
堯衢歌順則，管絃給足泰和時。

Ngu bệ tấu hài thanh, sinh phủ văn minh hoa đán hội;
Nghiêu cù ca thuận tắc, quản huyền cấp túc thái hoà thời.

Tâu khúc nhạc hoà hài ở bệ triều Ngu[4] cổ võ[5] nền văn minh trong hội xuân đán;
Hát bài ca thuận phép vua ở đường vua Nghiêu[6] đàn sáo khi no đủ trong buổi thái hoà.

7.

曲水湖滾滾繞龍砂，南極垣將開拓老林場，歲歲王春陪寶蓋；
聯珠嶺層層堆虎分，北斗曜原提領僊靈觀，年年帝座獻金杯。

Khúc thuỷ hồ cổn cổn nhiễu long sa, Nam cực viên tươngkhai thác Lão Lâm trường, tuế tuế vương xuân bồi bảo cái;
Liên châu lĩnh tằng tằng đôi hổ phận, Bắc Đẩu diệu nguyên đề lĩnh Tiên Linh quán, niên niên đế toạ hiến kim bôi.

Bên tay long[7] quanh hồ cuồn cuộn những mạch nước quanh co, trường Lão Lâm[8] vòng theo Nam cực[9] mở mang, chầu trực lọng báu nhà vua, hết năm ấy đến năm khác;

Phía tay hổ[10] trồi dãy núi tầng tầng như ngọc châu liên tiếp, quán Tiên Linh[11] vẫn được sao Bắc Đẩu[12] quản lĩnh, kính dâng chén vàng toà thánh, qua năm trước lại năm sau.

8.

光華景象見唐虞，旺氣來從上下長安，廟宇尊崇如殿陛；
文獻聲容存杞宋，閭儀戴在東西七甲，班聯肅穆似朝廷。

Quang hoa cảnh tượng kiến Đường Ngu, vượng khí lai tòng thượng hạ Trường Yên, miếu vũ tôn sùng như điện bệ;
Văn hiến thanh dung tồn Kỷ Tống, lư nghi đới tại đông tây thất giáp, ban liên túc mục tự triều đình.

Cảnh tượng quang hoa diễn lại đời Đường Ngu[13] khí tốt đưa từ Trường Yên[14] trên và dưới trở về, miếu thờ tôn nghiêm như điện bệ cũ;

Tiếng tăm văn hiến còn ở nước Kỷ, nước Tống[15] nghi phạm để tại bảy giáp đông và tây noi mãi, hàng chầu kính cẩn tựa triều đình xưa.

9.

萬世下衣冠文物會斯樓，原廟歌風，如朔岳班圭，親見有虞九奏；
千年前車駕旌旗臨此土，河洲友瑟，似塗山佐運，又高禹娶一層。

Vạn thế hạ y quan văn vật hội tư lâu, nguyên miếu ca Phong, như Sóc Nhạc ban Khuê, thân kiến Hữu Ngu cửu tấu;

Thiên niên tiền xa giá tinh kỳ lâm thử thổ, hà châu hữu sắt, tự Đồ Sơn tá vận, hựu cao Vũ thú nhất tầng.

Mũ áo văn vật, muôn đời hội họp ở lầu này, nơi tông miếu hát thơ Phong[16] giống như núi Sóc Nhạc cho ngọc Khuê,[17] thấy ngay nhà Hữu Ngu tấu nhạc chín khúc;[18]

Xe ngựa quạt cờ, nghìn năm trước thân hành tới chỗ đó, bãi hà châu đàn sắt[19] hệt như đất Đồ Sơn giúp việc lớn, song hơn vua Đại Vũ lấy vợ một tầng.[20]

10.

天帝子移磯石下來，爲留神跡，在閣浮，遺葛覃卷耳徽音，令千家承廕；
玉皇爺把珠宮送別，欲許人寰，觀翠表，換茅茨土階景色，俾百姓瞻雲。

Thiên đế tử di Cơ thạch hạ lai, vị lưu thần tích, tại Diêm phù, di Cát đàm Quyển nhĩ huy âm, lệnh thiên gia thừa ấm;

Ngọc hoàng da bả châu cung tống biệt, dục hứa nhân hoàn, quan thuý biểu, hoán mao từ thổ giai cảnh sắc, tỷ bách tính chiêm vân.

Cô gái thiên đế dời hòn Cơ thạch[21] tới nơi, vì dấu thần lưu lại cõi nhân gian, để tiếng thơm trong thơ Quyển nhĩ thơ Cát đàm[22] cho nghìn nhà được hưởng phúc ấm;

Đức cha Ngọc hoàng cầm chuỗi châu cung tặng biệt[23] cho cõi người được xem toà thuý biểu[24] đổi mầu cảnh mái tranh chái đất[25] để trăm họ được trông mây lành.

CHÚ THÍCH:

1.Áo du áo dịch, là phẩm phục của Hoàng hậu.

2.Đóng thuyền kết làm cầu phao, đời Chu, Văn Vương bắc cầu phao để đón bà hậu phi qua sông Vị. Đây là làng Thanh Oai, thờ bà hậu phi, vợ vua Lê Đại Hành nên nhắc tới.

3.Cát đàm, tên một bài thơ ở thiên *Chu nam, Kinh Thi*, do Văn Vương làm ra để tả công việc làm của mình.

4.Triều Ngu, triều vua Thuấn, thường tấu khúc nhạc tiêu thiều, chim phượng hoàng lại chầu.

5.Cổ võ, dịch thoát chữ "sinh phủ" trong câu, sinh phủ là chữ nói tắt trong câu: "Sinh dung đế đức, phủ phất hoàng du"(Đem kèn sáo khích động đức vua, đem phủ phất (áo thêu) làm rực rỡ mưu vua).

6.Vua Nghiêu muốn rõ tình hình trong dân, một hôm đi đến ngã ba đường, thấy một đám ông già đánh khăng mua vui, bọn trẻ con thì hát: Bất thức bất tri, thuận đế chi tắc (Không biết gì, không hiểu gì, chỉ theo phép tắc của nhà vua).

7.Tay long, thuật ngữ của môn địa lý, gọi mạch nước bên tả là thanh long thủy.

8.Trường Lão Lâm, chưa rõ điển cố.

9.Vòng Nam Cực, vòng sao Nam Cực, chủ về thọ khảo. Hễ sao đó toả sáng thì thiên hạ nhiều người sống lâu.

10.Tay hổ, thuật ngữ của môn địa lý, coi cồn đống hang núi ở bên hữu là bạch hổ sơn.

11.Quán Linh Tiên, quán thờ tiên, chưa rõ điển tích.

12.Bắc Đẩu, tức sao Hùng tinh, chủ về thọ khảo (Theo thuyết của Đạo giáo).

13.Đường Ngu, tức đời Nghiêu Thuấn, hai vị vua hiền đời cổ, gặp ngày xuân đán, vua Thuấn thường hát câu: Nhật nguyệt quang hoa, đán phục đán hề (Mặt trời mặt trăng sáng sủa, ngày tết lại đến),

14.Trường Yên, thuộc Ninh Bình, nơi Lê Đại Hành theo triều Đinh đóng đô ở đấy.

15.Văn hiến Kỷ Tống, văn là văn hoá, hiến là nhân tài. Nước Kỷ là con cháu vua Hạ Vũ, nước Tống là con cháu vua Thành Thang triều Ân. Khổng Tử nói: Lễ pháp của triều Hạ ta có thể nói ra được, nước Kỷ nay tuy là dòng giống triều đại đó, song có gì làm bằng chứng? Lễ pháp của triều Ân ta có thể nói ra được, nước Tống nay tuy là dòng dõi triều đại đó, song không có gì làm bằng chứng, vì duyên cớ là "Văn hiến" không đầy đủ... (*Luận ngữ,* thiên *Bát dật*).

16.Thơ Phong: Vua Ngu Thuấn thường gảy đàn năm giây, hát bài thơ Nam Phong.

17.Sóc Nhạc cho ngọc Khuê, *Kinh Thư:* Vua Thuấn ban năm loại ngọc cho các tước (Công thì ngọc Khuê, Hầu thì ngọc Tín Khuê, Bá thì ngọc Cung Khuê, Tử thì ngọc Cốc Bích, Nam thì ngọc Bồ Bích). Tháng 11 đi tuần thú phương sóc (Bắc) đến núi Bắc Nhạc.

18.Nhạc 9 khúc: Vua Thuấn tấu nhạc Thiều 9 lần thì chim phượng hoàng tới chầu.

19.Bãi hà châu, bạn đàn sắt, nói việc vua Văn Vương lấy vợ. Thơ *Quan thư, Kinh Thi*: "Tại hà chi châu" (Ở bên bãi sông), "Cầm sắt hữu chi" (Kết bạn với người gảy đàn cầm đàn sắt).

20.Vua Đại Vũ 30 tuổi chưa lấy vợ, một lần đi tới Đồ Sơn, gặp cô gái là Nữ Kiều (tên Du) kết duyên vợ chồng. Nữ Kiều có công giúp vua Vũ tạo nên vương nghiệp nhà Hạ. Đây ý nói, bà hậu phi đã giúp vua Đại Hành cao hơn hẳn vợ Đại Vũ một bậc.

21.Hòn Cơ thạch, tức hòn đá kê khung cửi của Chức Nữ. Đời Hán, Trương Khiên đi tìm nguồn sông Hoàng Hà, lên tới sông Ngân Hán, gặp Chức Nữ, Chức Nữ tặng cho hòn đá đó đem về làm kỷ niệm.

22.Thơ *Quyển nhĩ*, thiên *Chu nam*, *Kinh Thi*, do bà hậu phi nhớ chồng đi vắng làm ra.

Thơ *Cát đàm*, bà hậu phi tự tả những công việc mình làm.

23.Chuỗi châu cung tặng biệt, chưa rõ điển tích.

24.Thuý biểu, chưa rõ nghĩa.

25.Mái tranh chái đất, ý nói nhà ở của vua Nghiêu chất phác, giản dị.

本縣祠宇對聯

BẢN HUYỆN TỪ VŨ ĐỐI LIÊN (CÂU ĐỐI Ở ĐỀN BẢN HUYỆN)

1.

祖三宗五源淵遠；
孫萬兒千本幹長。
Tổ tam tông ngũ nguyên uyên viễn;
Tôn vạn nhi thiên bản cán trường.
Tổ ba tông năm, nguồn sâu xa thẳm;
Ngàn con vạn cháu, gốc cành mãi dài.

2.

朴斲前基增貴飭；
亨通文運偉觀瞻。
Phác trác tiền cơ, tăng bí sức;
Hanh thông văn vận, vĩ quan chiêm.
Nền xưa chất phác, tô điểm thêm sáng sủa;
Văn vận hanh thông, quan chiêm thấy vươn cao.

3.

儒林標赤衣冠盛；
黌宇塗丹体製新。
Nho lâm tiêu xích, y quan thịnh;
Huỳnh vũ đồ đan, thể chế tân.
Áo mũ thịnh soạn, rừng nho nêu mốc đỏ;
Thể chế đổi mới, nhà học sơn son.

4.

黌山影照儒書地；
銳水繞環禮樂區。
Huỳnh sơn ảnh chiếu nho thư địa;
Nhuệ thuỷ nhiễu hoàn lễ nhạc khu.
Đất nho thư núi Huỳnh soi bóng;
Khu lễ nhạc dòng Nhuệ vây quanh.

5.

群峰絡繹文星拱；
一水縈迴道脈長。
Quần phong lạc dịch văn tinh củng;
Nhất thủy oanh hồi đạo mạch trường.
Núi non tiếp nối, sao văn triều củng;
Dòng sông uốn lượn mạch đạo kéo dài.

6.

道統兩間昭日月；
彝倫萬古揭綱疇。
Đạo thống lưỡng gian chiêu nhật nguyệt;
Di luân vạn cổ yết cương trù.
Hai đầu mối đạo, sáng vầng nhật nguyệt;
Vạn thuở luân thường nêu ở kỷ cương.

7.

青雲得路儒書繼；
威鳳沖霄宦業高。
Thanh vân đắc lộ nho thư kế;
Uy phượng xung tiêu hoạn nghiệp cao.
Nho thư kế tiếp, đường mây xanh thông suốt;
Hoạn nghiệp tiến cao, phượng dương oai vút trời.

8.

前案列三台，宰輔品山對峙；
明堂收二盎，魁元文水朝宗。

Tiền án liệt tam thai, tể phụ phẩm sơn đối trĩ;
Minh đường thu nhị áng, khôi nguyên văn thủy triều tông.

Tiền án bày giải tam thai,[1] non phẩm hàm Tể tướng phụ chính, đối nhau cao vút;

Minh đường thu vùng nhị áng,[2] nước văn nhã tam khôi, tam nguyên[3] đều triều hướng về.

9.

爲子孝爲臣忠，不越民彝準則；
有文章有武備，咸資聖道扶持。

Vi tử hiếu vi thần trung, bất việt dân di chuẩn tắc;
Hữu văn chương hữu vũ bị, hàm tư thánh đạo phù trì.

Làm tôi trung, làm con hiếu, dân không ngoài bổn phận;

Có vũ bị, có văn chương, đạo thánh đều giúp đỡ phù trì.

CHÚ THÍCH:

1.Tam thai: Thuyết địa lý, 3 chiếc cồn, hay 3 quả núi gọi là tam thai.

2.Nhị áng, 2 vụng nước hay 2 chiếc ao, 2 cái giếng ở ngay trước mặt.

3.Tam khôi: Người đỗ đầu khoa thi Hội, gọi tam khôi.

Tam nguyên: Người thi Hương, thi Hội, thi Đình đều đỗ đầu gọi là tam nguyên.

褚童子廟對聯

CHỬ ĐỒNG TỬ MIẾU ĐỐI LIÊN (CÂU ĐỐI MIẾU CHỬ ĐỒNG TỬ)

1.

軒后鼎成鰥紫府；
娥皇琴抱寡蒼梧。

Hiên hậu đỉnh thành quan Tử phủ;
Nga Hoàng cầm bão quả Thương Ngô.

Vua Hiên Viên đúc vạc xong, làm tiên góa vợ ở nơi phủ tía;[1]

Bà Nga Hoàng nghe đàn chán, hóa thần không chồng ở hạt Thương Ngô.[2]

2.

豈曰無衣，昊造帡幪爲被服；
自然有偶，羲皇皮幣費分疏。

Khởi viết vô y, hạo tạo biền mông vi bị phục;
Tự nhiên hữu ngẫu, hi hoàng bì tệ phí phân sơ.

Há bảo là không áo, trời cao như chiếc áo bao bọc;
Tự nhiên mà có đôi, vua Hi Hoàng đặt ra hôn lễ,[3] chỉ làm phiền cho sự chia lìa.

3.

僊境渺茫，不必荒唐談夜澤；
神威赫濯，但看番漢避兜鍪。

Tiên cảnh diểu mang, bất tất hoang đường đàm Dạ Trạch;
Thần uy hách trạc, đãn khan Phiên Hán tị đâu mâu.

Cõi tiên mênh mang, bất tất phải hoang đường bàn đến chuyện đầm Dạ Trạch;[4]
Uy thần rừng rực, chỉ những xem Phiên Hán trốn chạy bởi mũ đâu mâu.[5]

CHÚ THÍCH:

1.Phủ tía: Vua Hiên Viên Hoàng đế, khi đúc đỉnh ở Kinh Sơn xong thì cưỡi rồng bay lên phủ tía, nơi tiên ở.

2.Nga Hoàng con gái vua Nghiêu gả cho Thuấn, sau vua Thuấn đi tuần thú chết ở Thương Ngô, Nga Hoàng đi tìm rồi chết ở sông Tương, hóa làm thần, người ta gọi là Tương quân. Vua Thuấn bình nhật hay gảy đàn cầm, đây nói Nga Hoàng nghe đàn đã no chán.

Cả hai vế câu đối này, ý nói, vua Hiên Viên thành tiên mà goá vợ, Nga Hoàng hoá thần mà goá chồng, sao bằng Chử Đồng Tử cũng thần tiên mà vẫn đủ đôi vợ chồng.

3.Hôn lễ, tức lễ hôn nhân, thường dùng các từ như "bì tệ" là da và vải, để làm lễ. *Sử* chép: Vua Phục Hi bắt đầu đặt ra lễ hôn nhân, trai gái từ đó mới không tự do bừa bãi.

Cả câu này ý nói, Chử Đồng Tử trần truồng không quần áo, mà tự nhiên lấy được Tiên Dung, không phải lễ nghĩa gì cả.

4.Đầm Dạ Trạch, nơi Chử Đồng Tử và Tiên Dung ở, sau hai người bay lên trời, chỉ trong một đêm nơi đó biến thành đầm gọi Nhất Dạ trạch (một đêm thành đầm).

5.Giặc Phiên Hán (chỉ quân Lương): Đời Lý Nam Đế, quân Lương sang xâm chiếm nước ta, Lý Nam Đế rút về Đầm Dạ Trạch để chống cự, được Chử Đồng Tử trên trời xuống ban cho chiếc móng rồng, Nam Đế gắn vào chiếc mũ đâu mâu, khi giao chiến, giặc trông thấy tự tan.

靈庵寺對聯

LINH AM TỰ ĐỐI LIÊN (CÂU ĐỐI CHÙA LINH AM)

1.

威社德村，威德並行，眞是大慈悲，大雄力；
西方東度，西東相照，故能長對待，長明輝。

Oai xã Đức thôn, oai đức tịnh hành chân thị đại từ bi, đại hùng lực;
Tây phương Đông độ, tây đông tương chiếu, cố năng trường đối đãi, trường minh huy.

Chùa ở thôn Đức thuộc xã Oai,[1] cả oai cả đức đều thi hành, thế mới là từ bi lớn, sức mạnh lớn;[2]

Đạo từ phương tây sang cõi đông, nào đông nào tây cũng phản chiếu,[3] nên hay đối đãi, sáng sủa lâu.

CHÚ THÍCH:

1.Thôn Đức xã Oai, nguyên chú: Chùa Linh Am ở thôn Đức Lâm xã Thanh Oai.

2.Từ bi lớn, sức mạnh lớn, *kinh Phật* nói: Phật tổ có đủ đại từ, đại bi, đại hùng lực.

3.Phương tây cõi đông chỉ đạo Phật từ Tây Vực truyền sang cõi đông, vào Trung Quốc, bắt đầu từ đời Lương Vũ đế năm Phổ Thông thứ 7 (526).

奠祭岳母對聯

ĐIỆN TẾ NHẠC MẪU ĐỐI LIÊN (CÂU ĐỐI TẾ ĐIỆN THỜ MẸ VỢ)

1.

珩璜母範穆蘭標，含弘配地；
巾幗女流慚草報，契闊呼天。

Hành hoàng mẫu phạm mục lan tiêu, hàm hoằng phối địa;
Cân quắc nữ lưu tàm thảo báo, khế khoát hô thiên.

Với vẻ hành hoàng[1] mừng gương mẹ vẫn được nêu lên, rộng dày âu sánh đất;

Cũng hàng khăn yếm, hổ phận gái chưa gì đáp lại, xa cách chỉ kêu trời.

2.

河廣賦衣私，愁向魚鮅啼旦暮；
澗羞陳簠簋，眇將牛禴辨東西。

Hà quảng phú y tư, sầu hướng du trào đề đán mộ;
Giản tu trần phủ quỹ, diểu tương ngưu thược biện đông tây.

Thơ Hà quảng ngâm chữ y tư,[2] buồn hướng trào xuống trào lên những gào sớm tối;
Lễ Nam giản bầy đủ phủ quỹ,[3] trông mờ nào chay nào mặn[4] khó biện đông tây.

3.

六年不到此江鄉，官舍簡書，大傷心：是愉怡 時空跂望；
萬古祇從今祖帳，喪幃苫塊，最斷腸：於離別處僅遙臨。

Lục niên bất đáo thử giang hương, hoạn xá mẫn thư, đại thương tâm: Thị du di thời không kỹ vọng;
Vạn cổ chỉ tòng kim tổ trướng, tang vi chiêm khối, tối đoạn trường: Ư ly biệt xứ cận dao lâm.

Sáu năm không tới làng bên sông này[5] vì công văn lệnh chỉ quan nha rất đau lòng: Những buổi vui buồn chân nghển ngắm;
Muôn thuở kể từ ngày nay tiễn biệt, nào gối đất ổ rơm tang tóc, những đứt ruột: Kìa nơi ly biệt mắt xa đưa.

CHÚ THÍCH:

1.Hành hoàng, hai loại ngọc quý, trong bài dùng để chỉ đức hạnh người phụ nữ.

2.Thơ Hà quảng thuộc *Vệ phong, Kinh Thi*, nói con gái bà Tuyên Khương lấy Tống Hoàn Công, sinh ra Trương Công rồi sang ở nước Vệ. Khi Trương Công lên nối ngôi, bà nhớ nước muốn về, nhưng vì nghĩa mà không thể về được, nên nói là: "Ai bảo sông Hà là rộng, chỉ một bó cỏ là vượt qua, Ai bảo nước Tống là xa, chỉ kiễng gót lên đã trông thấy."

Ngâm chữ "tư y": Thơ *Cát đàm* ở thiên *Chu nam*, *Kinh Thi*, bà Hậu phi khi đan áo xong, nói rằng: Ta cáo với quan Sư thị, rằng ta sẽ trở về, giặt sạch lễ phục của ta, giặt sạch áo mặc thường ngày của ta, để ta về thăm cha mẹ ta (Ngôn cáo Sư thị, ngôn cáo ngôn quy, bạc ô ngã ti, bạc cán ngã y, quy ninh phụ mẫu...). Vế đối này ý nói là khi nhạc mẫu còn sống, vợ của tác giả cũng muốn về thăm, đường xá gần thôi, song vì hoàn cảnh đương phải trốn tránh, nên không về được, chỉ nhìn nước thuỷ triều mà khóc sớm khóc hôm mà thôi.

3.Lễ Nam giản bày đồ phủ quỷ: Nam là suối bên nam, phủ quỷ là đồ đan bằng tre để đựng tế vật.

4.Nào chay, nào mặn, dịch thoát hai chữ "ngưu" "thược" trong câu, ngưu là giết trâu ăn uống, tức là lễ mặn, thược là lễ mùa hè, dùng hoa quả, tức là lễ chay. *Kinh Dịch*, hào *cửu ngũ*, *quẻ Ký*, nói: "Đông lân sát ngưu, bất như tây lân Thược tế, thực thụ kỳ phúc (Xóm đông giết trâu, không bằng xóm y tây tế Thược, thật là hưởng phúc). Trong vế này ý nói, đã không về đưa đám tang được, thì lễ viếng chay hay mặn cũng chẳng có gì.

5.Làng bên sông, tức làng Bách Tính, thuộc huyện Nam Trực, Nam Định, bờ nam nhánh sông Hồng, quê bố mẹ vợ Ngô Thì Nhậm (*Ngô gia thế phả*).

完節祠對聯

HOÀN TIẾT TỪ ĐỐI LIÊN (CÂU ĐỐI ĐỀN HOÀN TIẾT)
(THỜ EM RUỘT LÀ NGÔ THÌ CHÍ, TỰ HỌC TỐN)

1.

吾弟亦吾朋，聰明人去吾誰偶；
我家如我國，文獻身孤我自悲。

Ngô đệ diệc ngô bằng, thông minh nhân khứ ngô thùy ngẫu;
Ngã gia như ngã quốc, văn hiến thân cô ngã tự bi.

Là em ta, là bạn ta, người thông minh bỏ đi, ta cùng ai sánh đôi được;

Mà nhà ta cũng như nước ta, thân văn hiến cô quạnh, ta tự nghĩ mà thương hoài.

柴山祠對聯

SÀI SƠN TỪ ĐỐI LIÊN (CÂU ĐỐI ĐỀN SÀI SƠN)

1.

道則無始終，可能始盡制，終盡倫，昭烹豈在地；
人皆有生死，惟有生完美，死完局，壽夭不爭天。

Đạo tắc vô thủy chung, khả năng thủy tận chế, chung tận luân, chiêu huân khởi tại địa
Nhân giai hữu sinh tử, duy hữu sinh hoàn mỹ, tử hoàn cục, thọ yểu bất tranh thiên.

Đạo không có đầu có cuối, sao cho đầu thì hết chế độ, cuối thì hết luân thường, đèn nhang rực rỡ đâu phải tại đất;

Người đều có sống có chết, miễn sống sao cho được hoàn mỹ, chết sao cho vẹn toàn, thọ hay yểu đều không tranh với trời.

象賢祠對聯

TƯỢNG HIỀN TỪ ĐỐI LIÊN (CÂU ĐỐI ĐỀN TƯỢNG HIỀN)[1]

1.

上等最靈，地步如公誠卓異；
眞僊極樂，天廷何處不逍遙。

Thượng đẳng tối linh, địa bộ như công thành trác dị;
Chân tiên cực lạc, thiên đình hà xứ bất tiêu dao.

Thần thượng đẳng rất thiêng liêng, bước hội ngộ như ông thì thật kỳ lạ;
Thân chân tiên cõi cực lạc, trên thiên đình chốn nào là không dạo chơi.

2.

出世十八年，渺視人寰車馬跡；
存神千萬載，貞觀天上斗牛墟。

Xuất thế thập bát niên, diểu thị nhân hoàn xa mã tích;
Tồn thần thiên vạn tải, trinh quan thiên thượng Đẩu Ngưu khư.

Ra đời mười tám năm[2] coi dấu xe ngựa ở cõi người xa hút;
Là thần nghìn muôn thuở, nhìn vùng sao Ngưu Đẩu trên trời sáng trong.

CHÚ THÍCH:

1.Đền thờ Cát Phủ, con trai Ngô Thì Nhậm.
2.Cát Phủ mất Năm 18 tuổi, được lập đền thờ tại Phủ Cừ (Hưng Yên).

僊根祠對聯

TIÊN CĂN TỪ ĐỐI LIÊN (CÂU ĐỐI ĐỀN TIÊN CĂN)[1]

1.

文筆浸長江，前度燕臺敲玉竹；
台光環紫府，後回春殿妙金蓮。

Văn bút tẩm trường giang, tiền độ Yên Đài xao ngọc trúc;
Thai quang hoàn tử phủ, hậu hồi xuân điện diệu kim liên.

Ngòi văn bút nhúng xuống dải trường giang,[2] độ trước ở Yên Đài khua trúc ngọc;[3]
Bóng Tam Thai quanh vòng nơi phủ tía, lần sau vào điện xuân nhẹ gót sen vàng.[4]

2.

秀氣發東南，紫蓋紅旗傳旺氣；
神童如左右，龍輿鳳輦侈恩榮。

Tú khí phát đông nam, tử cái hồng kỳ truyền vượng khí;
Thần đồng như tả hữu, long dư phượng liễn xỉ ân vinh.

Khí tốt phát tự đông nam, lọng tía cờ hồng truyền dấu đẹp;
Thần đồng như ở tả hữu, xe rồng kiệu phượng nức ơn vinh.

3.

清廟鬱蒼松，瑞藹祥雲凝秀氣；
寒溪浮翠草，光風霽月扈眞僊。

Thanh miếu uất thương tùng, thụy ái tường vân ngưng tú khí;
Hàn khê phù thuý thảo, quang phong tễ nguyệt hỗ chân tiên.

Nơi thanh miếu tốt rực thông xanh, ráng đẹp mây lành ngưng khí tốt;
Dải hàn khê nổi phềnh cỏ biếc, trăng trong gió mát quyện người tiên.

4.

護國顯英聲，當境城隍崇典册；
保民昭懿德，萬年香火肅君蒿。

Hộ quốc hiển anh thanh, đương cảnh thành hoàng sùng điển sách;
Bảo dân chiêu ý đức, vạn niên hương hỏa túc huân cao.

Giúp nước nức tiếng thiêng, thành hoàng một xứ nêu cao điển sách;
Hộ dân nêu đức tốt, hương lửa muôn năm cung kính ngạt ngào.

5.

變化顯神龍，首尾雲端遊八極；
差池翱野鶴，迴旋月表馭雙僊。

Biến hóa hiển thần long, thủ vĩ vân đoan du bát cực;
Sai trì cao dã hạc, hồi tuyền nguyệt biểu ngự song tiên.

Biến hóa tỏ đức rồng thần, đầu đuôi cuộn trong mây, chơi khắp tám cõi;
So le vươn cánh hạc nội, vòng quanh liệng dưới nguyệt, đón đủ đôi tiên.

6.

事業在文章，鶴和餘音留雅韻；
靈聲存磅礴，鸞書顯贈儼崇祠。

Sự nghiệp tại văn chương, hạc họa dư âm lưu nhã vận;
Linh thanh tồn bàng bạc, loan thư hiển tặng nghiễm sùng từ.

Sự nghiệp ở áng văn chương, thường lưu vần hay trong khúc chim hạc họa;
Tiếng thiêng còn ở chốn mênh mang, vẫn rạng đền thờ những cuốn sắc rồng loan.

7.

涤水江干，滾滾清流鳴赫濯；
芙蓉院宇，亭亭翠蓋護儲胥。

Luộc thuỷ giang can, cổn cổn thanh lưu minh hách trạc;
Phù dung viện vũ, đình đình thúy cái hộ trừ tư.

Bờ sông Luộc[5]dòng sông cuồn cuộn nức thiêng liêng;
Mái điện Phù Dung[6]lọng biếc vươn cao che dậu lũy.

CHÚ THÍCH:

1.Có lẽ đền thờ Trạng nguyên Tống Trân và vợ là Cúc Hoa ở bên cửa Luộc thuộc huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên. Tục truyền ông đi sứ sang Yên Kinh 10 năm mới về. Dụng Cát con Ngô Thì Nhậm cho là hậu thân của ông.

2.Ngòi văn bút, trước đền có mom đất ở ngã ba sông Luộc nhọn như ngòi bút, môn địa lý cho là "thần đồng bút tẩm thủy."

3.Yên Đài tức Yên Kinh, nơi ông sang sứ. Giáng trúc ngọc là quản bút.

4.Vào điện xuân, có lẽ cho là ông vào điện thì về mùa xuân đỗ tới Trạng nguyên (có sách cho là Tống Trân đỗ Trạng nguyên triều Trần) song *Đăng khoa lục* không thấy chép.

5.Sông Luộc là một nhánh sông Hồng rẽ vào Hưng Yên.

6.Phù Dung là tên xã, triều Nguyễn kiêng huý đổi là Phù Cừ, quê của Tống Trân.

文祠對聯

VĂN TỪ ĐỐI LIÊN (CÂU ĐỐI Ở VĂN TỪ)

1.

神罔時恫，千秋常享依清廟；
殷以降命，三祀恒經達大夫。

Thần võng thời đỗng, thiên thu thường hưởng y thanh miếu;
Ân dĩ giáng mệnh, tam tự hằng kinh đạt đại phu.

Thần chẳng để buồn, nghìn thu thường hâm hưởng mãi ở nhà miếu trong sáng;
Thịnh lớn ban mệnh, ba vị thờ thường là chức đại phu vẻ vang.

代擬祭堂對聯

ĐẠI NGHĨ TẾ ĐƯỜNG ĐỐI LIÊN (NGHĨ THAY CÂU ĐỐI NHÀ TẾ) (TANG CHA)

1.

逝水挹長江，難挽靈槎天上路；
涼風號古樹，遽遙仙杖月中橋。

Thệ thuỷ ấp trường giang, nan vãn linh sà thiên thượng lộ;
Lương phong hào cổ thụ, cự dao tiên trượng nguyệt trung kiều.

Nước chảy lượn con sông dài, khó kéo lại đường trên trời của chiếc bè báu;(1)

Gió mát gầm hàng cây cổ, vội xa trông cầu trong trăng bằng gậy tiên ông.(2)

2.

杖屨宛平生，何處眞遊暌雅範；
琴樽依夙昔，幾時壽彩睹慈顏。

Trượng lũ uyển bình sinh, hà xứ chân du khuê nhã phạm;
Cầm tôn y túc tích, kỷ thời thọ thái đổ từ nhan.

Gậy dép như thuở bình sinh, chơi ở nơi nao, khuôn gia phạm thành xa cách hẳn;

Đàn rượu khác chi thuở trước, hình dáng bao giờ được trông thấy nét mặt hiền từ.

3.

作室父劬勞，曾未纖塵酬泰岱；
菑田兒鹵莽，何能涓滴補滄溟。

Tác thất phụ cù lao, tằng vị tiêm trần thù Thái Đại;
Truy điền nhi lỗ mãng, hà năng quyên trích bổ thương minh.

Dựng cửa nhà cha rất gian lao, công cao như núi Thái Sơn, chưa gì báo đáp;

Làm đồng ruộng con thì lớt phớt, đức lớn sánh vùng thương hải, đâu đã đền bồi.

4.

一葉影何忙，續斷金蟬號白露；
九皋眞漸遠，逍遙玄鶴閟丹涯。

Nhất diệp ảnh hà mang, tục đoạn kim thiền hào bạch lộ;
Cửu cao chân tiệm viễn, tiêu dao huyền hạc bí đan nhai.

Bóng một chiếc lá sao vội vàng rụng, khiến tiếng ve vàng tục đoạn gào dưới móc bạc;[3]
Quả đúng chín bờ hồ dần vắng vẻ, để hạc đen tiêu dao ẩn bên bờ biển xa.[4]

5.

局曲果難窺，陶鑄認慳眉壽祉；
梭榷空易度，望瞻何及踶陪歡。

Cục khúc quả nan khuy, đào chú nhận kiên my thọ chỉ;
Thoa thôi không dị độ, vọng chiêm hà cập tất bồi hoan.

Đội đạp thật khôn lường,[5] thợ nặn đúc nỡ ghen tuần thọ khảo;
Thoi đưa sao dễ chóng,[6] sự ngóng trông sao kịp buổi hồi loan.

6.

十意果難如，伎倆莫窮玄造事；
寸心容易報，淡希聊寓素筵誠。

Thập ý quả nan như, kỹ lưỡng mạc cùng huyền tạo sự;
Thốn tâm dung dị báo, đạm hy liêu ngụ tố diên thành.

Quả không như ý cả mười phần, dẫu có tài năng, việc tạo hoá chẳng đạt đến cùng được;
Rất dễ đền ơn bằng tấc cỏ, kính dâng lễ bạc, việc ma chay tạm giữ chút lòng thành thôi.

7.

契闊大關頭，況也此情離又屬；
逍遙塵夢表，於乎底事是耶非。

Khế khoát đại quan đầu, huống dã thử tình ly hựu chúc;
Tiêu dao trần mộng biểu, ô hồ để sự thị da phi.

Xa cách giữa quan hệ lớn, tình này da tóc huống chia lìa[7]?
Tiêu dao ngoài giấc mộng trần, việc đó thực hư nào có biết.

8.

戲彩正怡愉，詎奈黃粱催曉漏；
承歡誠杳隔，惟餘玄酒對眞靈。

Hý thái chính di du, cự nại hoàng lương thôi hiểu lậu;
Thừa hoan thành diểu cách, duy dư huyền tửu đối chân linh.

Mặc áo múa đương lúc nhởn nhơ[8] ngờ đâu đồng hồ sớm đã giục giấc kê vàng tỉnh dậy;[9]
Hầu tiệc vui bỗng khi xa cách, chỉ còn đối với trước linh hồn bằng chén rượu nhạt thôi.

9.

壽曜正長輝，準擬百年瞻瑞彩；
仙軿翻驟駕，何其一旦睹離筵。

Thọ diệu chính trường huy, chuẩn nghĩ bách niên chiêm thuỵ thái;
Tiên biền phiên sậu giá, hà kỳ nhất đán đổ ly diên.

Sao thọ giữa buổi soi xa, những tưởng trăm năm nhìn vẻ đẹp;
Xe tiên sao ngày duổi vội, nào ngờ một sớm gặp kỳ tan.

10.

大造嗇其頤，慘別何勝今日事；
洪霑叨霈渥，原期未副向年心。

Đại tạo sắc kỳ di, thảm biệt hà thăng kim nhật sự;
Hồng triêm thao bái ốc, nguyên kỳ vụ phó hướng niên tâm.

Con tạo bớt tuổi kỳ di[10] đau nỗi biệt ly, chi bằng việc ngày nay nhỉ?
Ơn vua trộm được chan chứa, những kỳ hẹn mãi, chưa thoả nỗi lòng năm xưa.

11.

生養德雖均，履厚頂高難語報；
別離情最慘，撫今追昔不勝悲。

Sinh dưỡng đức tuy quân, lý hậu đính cao nan ngữ báo;
Biệt ly tình tối thảm, phủ kim truy tích bất thăng bi.

Đức sinh dưỡng vẫn đều, như đạp đất, như đội trời, khó mà báo đáp;
Tình biệt ly rất thảm, gặp cảnh nay, nhớ lúc trước, khôn xiết buồn rầu.

12.

靈轡忽安歸，遂使一朝違壽彩；
素筵惟有望，那從甚處寫眞容。

Linh bí hốt an quy, toại sử nhất triêu vi thọ thái;
Tố diên duy hữu vọng, ná tòng thậm xứ tả chân dung.

Xe thiêng vội đi đâu, một sớm chốc thành xa vẻ thọ;
Đám tang duy những ngóng, nơi nào mà được thấy chân dung?

13.

慈惠本來心，想應淨域完固果；
悲酸今日事，祇是人環惜別離。

Từ huệ bản lai tâm,tưởng ưng tịnh vực hoàn cố quả;
Bi toan kim nhật sự, chỉ thị nhân hoàn tích biệt ly.

Từ huệ vốn là lòng xưa kia, những lên cõi Phật vẹn nền nhân quả;
Chua xót chính là việc nay đó, chỉ vì người đời cảm nỗi biệt ly.

14.

桃李想栽培，無限恩情無限感；
蘋蘩羞淡泊，有餘誠格有餘哀。

Đào lý tưởng tài bồi, vô hạn ân tình vô hạn cảm;
Tần phồn tu đạm bạc, hữu dư thành cách hữu dư ai.

Cây đào mận nhớ lúc vun trồng, ơn tình vô hạn, cảm nhớ vô hạn;
Rau tần phồn thẹn lễ suông nhạt, thành kính có thừa, thương xót có thừa.

15.

厚誼本難酬，十意不如誠慨嘆；
眞靈應可格，一誠莫寫祇攀號。

Hậu nghị bản nan thù, thập ý bất như thành khái thán;
Chân linh ưng khả cách, nhất thành mạc tả kỳ phàn hào.

Nghĩa lớn khó đền bồi, mười phần bất như ý cả, thật đáng than tiếc;
Hồn thiêng nên cảm cách, một chút thành khó tả xong, những phải kêu gào.

16.

倏忽遽逮顏，杳杳蓬山飆遠駕；
徘徊惟想像，悠悠蘇水咽愁聲。

Thúc hốt cự vi nhan, yểu yểu Bồng sơn tiêu viễn giá;
Bồi hồi duy tưởng tượng, du du Tô thủy yết sầu thanh.

Giây phút nét mặt vội rời, thăm thẳm non Bồng xe dóng mạnh;(11)
Bồn chồn những lòng tưởng nhớ, nghẹn ngào sông Lịch tiếng kêu sầu.(12)

17.

梓望昔陪遊，矩範依然思穀誨；
楊阡今聽挽，涓哀渺爾似莪慚。

Tử vọng tích bồi du, củ phạm y nhiên tư cốc hối;
Dương thiên kim thính vãn, quyên ai diểu nhĩ tự nga tàm.

Trông cây phần tử(13) xưa kia vẫn theo chơi, khuôn mẫu vẫn còn, những nhớ công dạy bảo được tốt đẹp;(14)
Quanh bờ dương liễu(15) ngày nay đà than vãn, mảy may nào mấy, luống thẹn trông cỏ nga mà hoá lầm.(16)

18.

國澤正霑覃，絲粟未能酬正誼；
仙蹤翻間闊，堪諸惟有薦常儀。

Quốc trạch chính triêm đàm, ti lật vị năng thù chính nghị;
Tiên tông phiên gián khoát, diêm chư duy hữu tiến thường nghi.

Ơn nước những tràn trề, tơ tóc chửa đền công lớn được;
Dấu tiên sao cách trở, muối dưa chỉ tiến lễ thường thôi.

19.

道費隱一如，無論爲釋爲仙，那語默行藏，不窒處是道；
心危微二者，蓋曾可南可北，惟止定安靜，自然時見心。

Đạo phí ẩn nhất như, vô luận vi Thích vi Tiên, ná ngữ mặc hành tàng, bất trất xứ thị đạo;
Tâm nguy vi nhị giả, cái tằng khả nam khả bắc, duy chỉ định an tĩnh, tự nhiên thời kiến tâm.

Đạo rộng hay kín chỉ có một, kể chi Phật hay Tiên, "nói hay lặng, hành hay tàng"không bị che lấp, đó là đạo;
Tâm nguy hay vi thì có hai, dẫu khi nam hay bắc, "chỉ rồi định, an rồi tĩnh(17) cứ tự nhiên là thấy tấm lòng.

CHÚ THÍCH:

1.Bè báu: Chỉ chiếc bè Trương Khiên cưỡi khi đi sứ, vượt sông Hoàng Hà, đến một nơi gặp chàng chăn trâu Khiên Ngưu và Chức Nữ đang dệt vải. Khi trở về, hỏi ra mới biết đó là sông Ngân Hà trên thượng giới.

2.Gậy tiên: La Công Viễn, người đời Đường Minh Hoàng, nhân ngày rằm tháng 8, hầu vua xem trăng, ông tung chiếc gậy đương chống lên trời hoá thành chiếc cầu, rồi cùng vua leo lên cung trăng chơi.

Nhắc tới Trương Khiên và La Công Viễn lên tiên là để nói người vừa qua đời ở đây là quy tiên, và có lẽ mất vào mùa thu tháng 8.

3.Một chiếc lá, tức lá ngô đồng rụng về mùa thu. Thơ cổ có câu: "Ngô đồng nhất diệp lạc, thiên hạ cộng tri thu" (Một lá ngô đồng rụng, thiên hạ đều biết thu đã sang). Đây đám tang về mùa thu nên nhắc tới. Ve sầu, móc bạc cũng đều là cảnh thu.

4.Chín bờ hồ (cửu cao), ***Kinh Thi***: "Hạc minh vu cửu cao, thanh văn vu thiên" (Chim hạc kêu ở chín bờ hồ, tiếng vang tới trời), ý nói ông bố mất.

5.Đội Đạp (cục khúc) cũng như (cục tích 跼蹐) là đội trời đạp đất.

6.Thoi đưa: Nguyên là "thoa thôi" 梭椎 không có nghĩa, tạm dịch "thoi đưa."

7.Da tóc liền (ly hựu chúc), ý nói tình máu mủ cha con. Thơ *Tiểu biền, Tiểu nhã, Kinh Thi:* "Mỹ chiêu phỉ phụ, mỹ y phỉ mẫu. Bất chúc vu mao, bất lỵ vu lý" (Không gì là không trông cậy ở cha, không gì là không cậy nhờ ở mẹ. Chẳng cậy ở lông tóc hay sao? Chẳng nhờ ở da thịt hay sao?).

8.Mặc áo múa: Lão Lai xưa, khi bố mẹ còn sống, ông mặc áo màu múa để mua vui cho cha mẹ.

9.Giấc kê vàng: Xưa có người học trò nghèo, vào quán trọ thấy chủ hàng đang nấu nồi kê vàng. Lúc đó có Lã Động Tân vào, người học trò kêu là nghèo túng, Lã bèn đưa cho chiếc gối bảo nằm ngủ. Người học trò bỗng thấy lấy được vợ nhà giầu, rồi đỗ Tiến sỹ đi làm quan, con cháu đông đúc, thọ ngoài 80. Chợt tỉnh giấc thì chủ hàng vẫn nấu nồi kê vàng chưa chín.

10.Kỳ di, tức tuổi một trăm.

11.Non Bồng, nơi tiên ở.

12.Sông Lịch, tức sông Tô Lịch.

13.Phần, tử là loại cây thường hay trồng ở làng quê.

14.Dạy bảo tốt đẹp (cốc hối): Thơ *Tiểu uyển, Tiểu nhã, Kinh Thi*: "Minh linh hữu tử, quả khoả phụ chi. Giáo hối nhĩ tử, tức cốc tự chi" (Con nhện có con, tò vò nuôi cho. Nào dậy bảo nó, tốt đẹp như mình). Người viếng đám tang đôi câu đối này là con nuôi, nên nhắc tới điển trên.

15.Bờ dương liễu, loại cây hay trồng bên bờ ruộng, gần nơi tha ma mộ địa.

16.Trông cỏ nga, ý nói thương cha mẹ mà trông cây nọ ra cây kia. Thơ *Lục nga, Kinh Thi*: "Lục lục giả nga, phỉ nga y cao" (Xanh tốt cỏ nga kia, không phải cỏ nga mà là cỏ cao).

17.Chỉ định, an tĩnh: *Đại học* nói: Biết chỗ dừng lại thì phải định, đã định rồi mới được yên, có yên rồi sau mới được tĩnh.

賀某致仕對聯

HẠ MỖ CHÍ SĨ ĐỐI LIÊN (CÂU ĐỐI MỪNG QUAN VỀ HƯU)

1.

千載風雲情又義；
一門雨露後相先。

Thiên tải phong vân tình hựu nghĩa;
Nhất môn vũ lộ hậu tương tiên.

mây gió nghìn năm tình lại nghĩa;
Móc mưa một cửa trước cùng sau.[1]

2.

梅鹽衣缽家聲舊；
蒲錦庭閭國寵新。

Mai diêm y bát gia thanh cựu;
Bồ cẩm đình lư quốc sủng tân.

Y bát truyền nghiệp muối mơ,[2] nhà nổi tiếng từ trước;
Sân cửa nối gót ngựa xe,[3] nước ban ơn mới đây.

3.

文功煇映傳芳躅；
湯邑優游介壽眉。

Văn công huy ánh truyền phương chúc;
Thang ấp ưu du giới thọ my.

Truyền lại dấu thơm, văn chương, công nghiệp rực rỡ;
Thêm mãi tuổi thọ, ở ấp Thang Mộc[4] nhởn nhơ.

4.

國家閒暇琴樽適；
門閥煇華衮繡榮。

Quốc gia nhàn hạ cầm tôn thích;
Môn phiệt huy hoa cổn tú vinh.

Gảy đàn uống rượu thoả thuê, nước nhà gặp buổi nhàn hạ,
Áo cổn đai thêu tươi sáng, cửa ngõ đầy vẻ quang hoa,

5.

甲科濟美彰賢業；
仕宦金榮裕福基。

Giáp khoa tế mĩ chương hiền nghiệp;
Sĩ hoạn kim vinh dụ phúc cơ.

Rạng rỡ nghiệp hiền lương, khoa bảng thêm vẻ đẹp;
Đủ đầy nền phúc trạch, hoạn lộ trọn vinh quang.

6.

川濟成功濤既岸；
澗槃怡壽斗增光。

Xuyên tế thành công đào ký ngạn;
Giản bàn di thọ Đẩu tăng quang.

Vượt qua sông thành công rồi, sóng đưa tới bến;[5]
Ẩn bên suối vui thọ mãi,[6] sao Đẩu sáng thêm.[7]

7.

紫閣青宮締眷念；
白村綠野爽懷中。

Tử các thanh cung đề quyến niệm;
Bạch thôn Lục dã sảng hoài trung.

Nhớ buổi vua yêu, nơi cung xanh[8] gác tía;[9]
Trong lòng khoan khoái, nhà Lục dã[10] Bạch thôn.[11]

8.

卿相地鐘光世蔭；
耆英天相瑞斯文。

Khanh tướng địa chung quang thế ấm;
Kì anh thiên tương thụy tư văn.

Đất chung đúc nên bậc khanh tướng, phúc nhà sáng tỏ;
Trời giúp đấng kỳ lão tinh anh, đạo nho tốt lành.

9.

帥臣卓卓符先進；
元老巍巍具峻瞻。

Suý thần trác trác phù tiên tiến;
Nguyên lão nguy nguy cụ tuấn chiêm.

Bậc nguyên suý sừng sững, đúng là người hiền tiến trước;
Vị nguyên lão nguy nga, đủ sững cao để ngóng trông.

10.

一德格天膺介福；
四時成歲遂明農。

Nhất đức cách thiên ưng giới phúc;
Tứ thời thành tuế toại minh nông.

Một đức cảm cách tới trời, nên được hưởng phúc;
Bốn mùa làm thành một năm, bèn tỏ rõ việc nhà nông.

11.

曠渥殊霑稽古賜；
榮名備福荷天庥。

Khoáng ốc thù triêm kê cổ tứ;
Vinh danh bị phúc hạ thiên hưu.

Ơn sâu thấm khắp, xét tự đời xưa đưa lại;
Danh thơm phúc đủ, nhờ được trời chở che.

12.

家庭積慶源流遠；
堂陛交孚遇會眞。

Gia đình tích khánh nguyên lưu viễn;
Đường bệ giao phu ngộ hội chân.

Nguồn gốc truyền xa, gia đình tích phúc;
Gặp gỡ thật sự, vua tôi[12] tin nhau.

13.

半千名世扶王道；
第一名臣翊聖功。

Bán thiên danh thế phù vương đạo;
Đệ nhất danh thần dực thánh công.

Bậc danh thần năm trăm năm ra đời[13] phò cho đạo vương giả;
Bề tôi có danh tiếng thứ nhất, giúp công nghiệp thánh triều.

14.

清宴乾坤維紐手；
愉怡歲月冕桓身。

Thanh yến kiền khôn duy nữu thủ;
Du di tuế nguyệt miện hoàn thân.

Trời đất trong lắng, do bàn tay ràng buộc;
Năm tháng vui mừng, mũ đai quanh tấm thân.

15.

檀泗威聲襄武烈；
鼎衡才望煥文功

Đàn Tứ uy thanh tương vũ liệt;
đỉnh hành tài vọng hoán văn công.

Uy thế thanh danh như sông Tứ gỗ đàn,[14] giúp đỡ đức sáng về vũ dũng;

Tài năng đức vọng tựa chiếc cân cái vạc[15] rực rỡ công lớn văn chương.

16.

虞翼周翰謨雅贊；
良籌何篙泰黃盟。

Ngu dực Chu hàn Mô Nhã tán;
Lương trù Hà thược Thái Hoàng minh.

Giúp đỡ triều Ngu, phên dậu triều Chu, còn tán dương ở Cao Dao Mô, Đại nhã;[16]

Tính toán ông Lương, then khoá ông Hà,[17] ghi lời minh thệ với núi Thái sông Hoàng.[18]

17.

兩朝輔翼撐扶懋；
千載君臣遇會眞。

Lưỡng triều phụ dực xanh phù mậu;
Thiên tải quân thần ngộ hội chân.

Giúp đỡ hai triều, công chống chọi tốt;

Vua tôi nghìn nặm, hội gặp gỡ vui.

18.

敘績唐京多郭令；
會耆宋社少溫公。

Tự tích Đường kinh đa Quách lệnh;
Hội kỳ Tống xã thiểu Ôn công.

Kể công tích ở kinh đô đời Đường, phần nhiều được như Quách lệnh;[19]

Hội ông già ở Lạc xã triều Tống ít thấy sánh cùng Ôn công.[20]

CHÚ THÍCH:

1.Gia đình được mừng câu đối này, có lẽ bố cùng con đều hiển đạt.

2.Y bát, áo mặc bát ăn, là vật nhà sư truyền phép cho nhau.

Muối mơ, ví với công việc của Tể tướng.

3.Xe ngựa, dịch thoát chữ "bồ cẩm." Bồ là xe bọc bánh bằng cỏ bồ đi cho êm, cẩm là áo gấm, mặc áo gấm đi ban ngày, ví với giầu sang mà về cố hương. Xe bồ áo gấm là nói vị quan về hưu.

4.Ấp Thang Mộc, cố hương của vua chúa.

5.Ý nói, làm quan giúp nhà nước mọi việc đã xong, nay về hưu không phải lo sợ tai họa xảy ra nữa.

6.Ẩn bên suối, dịch chữ "giản bàn" trong câu, ý nói về hưu ở nơi sông núi. *Kinh Thi* thơ *Khảo bàn*: "Khảo bàn tại giản, thạc nhân chi khoan" (Thành được nếp nhà ẩn ở bên suối, kẻ thạc nhân được khoan khoái).

7.Sao Đẩu, tức sao Bắc Đẩu, coi việc thọ khảo.

8.Cung xanh, nơi Thái tử ở.

9.Gác tía, nơi đại thần ở.

10.Nhà Lục dã: Đời Đường Bùi Độ khi về hưu, làm một biệt thự lớn gọi là Lục dã đường.

11.Bạch thôn: Đời Đường, Bạch Cư Dị về hưu ở làng, cùng với các ông già bẩy tám mươi tuổi trở lên, lập ra hội Hương Sơn cửu lão (9 cụ già trong hội Hương Sơn).

Cả hai vế này, ý nói: Vẫn nhớ khi ở Nội các, khi dạy Thái tử, được nhà vua luôn luôn yêu mến, nay về hưu rồi, trong lòng vẫn vui trong cảnh vào nhà biệt thự, vào xóm ông già.

12.Vua tôi, dịch thoát chữ "đường bệ." Đường bệ nguyên nghĩa là cái nền nhà và cái chái. *Hán thư:* Nhà vua tôn quý ví như chiếc nền nhà, các bề tôi thì như chiếc chái (Nhân quả chi tôn thí như đường, quần thần như bệ).

13.Cổ ngữ: Sông Hoàng Hà 500 năm một lần trong, có thánh nhân ra đời. Do đó Mạnh Tử nói: Ngũ bách niên tất hữu danh thế xuất (500 năm tất có vị danh thế ra đời). Nguyên văn "Bán thiên" nửa nghìn năm.

14.Sông Tứ, gỗ đàn, chưa rõ điển cố.

15.Chiếc vạc ví với chức Tam công, chiếc cân ví với quyền Tể tướng.

16.Mô, tức thiên Cao Dao Mô, *Kinh Thư,* trong đó có câu: Ông Cao Dao nói với vua Đại Vũ: Đôn tự cửu tộc, thứ ninh lệ dực (Xử hậu với chín họ, các vị hiền triết sẽ cố gắng giúp đỡ).

Nhã, tức thiên *Đại nhã, Kinh Thi*, trong thơ *Tùng cao* có câu: Duy Thân cập Phủ, duy Chu chi hàn (Chỉ có ông Thân và ông Phủ, làm phên dậu cho nhà

Chu). Đây ý tác giả nói ông cụ về hưu này cũng như ông Cao Dao, ông Thân, ông Phủ phò vua giúp nước khi xưa.

17.Trương Lương, Tiêu Hà là hai mưu thần và trí thần giúp Hán Cao Tổ giành được thiên hạ.

18.Hán Cao Tổ thề với công thần: Hoàng Hà như đới, Thái Sơn như lệ, quốc dĩ vĩnh tồn, viên cập miêu duệ (Sông Hoàng Hà như giải áo, núi Thái Sơn như hòn đá mài, vận nước vẫn còn lâu dài, kịp tới mãi con cháu đời sau).

19.Quách lệnh, tức Quách Tử Nghi giúp nhà Đường, dẹp tan giặc An Lộc Sơn, kết thân với rợ Hồi Hột, một thân nắm vững sự an nguy của thiên hạ, vì vậy được phong là Phần Dương Vương, người đời khen là Quách lệnh công.

20.Ôn công tức Tư Mã Ôn đời Tống, tuổi gần 60, cùng với Lộ quốc công Văn Ngạn Bác, khi về hưu cùng lập Kỳ Anh đường ở Lạc Dương, tập hợp 13 cụ già cùng uống rượu thưởng cảnh mua vui, có vẽ thành tranh gọi là Lạc xã Kỳ Anh hội.

私廳對聯

TƯ SẢNH ĐỐI LIÊN (CÂU ĐỐI Ở TƯ SẢNH)

1.

烝嘗世廟綿常享；
詩禮家聲裕克昌。

Chưng thường thế miếu miên thường hưởng;
Thi lễ gia thanh dụ khắc xương.

Miếu thờ, lễ Đông chí, lễ cơm mới, hâm hưởng mãi mãi;
Tiếng nhà thi thư lễ nhạc, ngày càng thịnh vượng thêm.

2.

百年培擁仁基厚，
奕世榮昌慶澤長。

Bách niên bồi ủng nhân cơ hậu;
Dịch thế vinh xương khánh trạch trường.

Bồi đắp trăm năm, nền nhân dầy mãi;
vang vẻ bao đời, nguồn phúc kéo dài.

3.

無限眼前天，門高堂闊；
不虧心裏地，址厚基崇。

Vô hạn nhãn tiền thiên, môn cao đường khoát;
Bất khuy tâm lý địa, chỉ hậu cơ sùng.

Vùng trời trước mắt bao la, cửa cao nhà rộng;
Trong lòng mảnh đất đầy đặn, nền rộng tường dầy.

4.

幸際可爲時，黃閣獲傳先世美；
欣逢無事會，青山閒許碩人槃。

Hạnh tế khả vi thời, hoàng các hoạch truyền tiên thế mỹ;
Hân phùng vô sự hội, thanh sơn nhàn hứa thạc nhân ban.

May được thời thế đáng làm, nơi gác vàng được truyền tiếng hay của đời trước;
Vui gặp vận hội vô sự, non xanh dành cho thú vui của người hiền.

5.

紫殿照丹衷，波浪不驚忠信海；
錦堂娛白髮，舟帆喜際遂成川。

Tử điện chiếu đan trung, ba lãng bất kinh trung tín hải;
Cẩm đường ngu bạch phát, châu phàm hỉ tế toại thành xuyên.

Gác tía soi lòng son, bể trung tín chẳng hề kinh trận sóng;
Nhà gấm vui tóc bạc, sông công danh mừng đã vượt con thuyền.

6.

葱鬱帝王州，仁智水山娛老眼；
太平明聖世，絃歌閈里遂閒情。

Thông uất đế vương châu, nhân trí thủy sơn ngu lão nhãn;
Thái bình minh thánh thế, huyền ca hàn lý toại nhàn tình.

Cõi đế vương cây cối um tùm, nước trí non nhân vui mắt lão;
Đời thánh chúa thái bình vui vẻ, làng đàn xóm hát thoả tình chơi.

7.

家法在衡摳，無咎永遵清白式；
國霑廷慶澤，有餘長裕蟄繩謀。

Gia pháp tại hành khu, vô cữu vĩnh tuân thanh bạch thức;
Quốc triêm diên khánh trạch, hữu dư trường dụ trập thằng mưu.

Phép nhà ở chốn hành khu, khuôn thanh bạch vẫn noi không lỗi;
Ơn nước dẫn nguồn trạch, mưu đông vui để mãi có thừa.

8.

宦局喜團圓，榰紳門户添耆艾；
福基憑積累，禮樂簨墻對濯洋。

Hoạn cục hỉ đoàn viên, tấn thân môn hộ thiêm kỳ ngải;
Phúc cơ bằng tích luỹ, lễ nhạc canh tường đối trạc dương.

Duyên làm quan mừng đã vuông tròn, nhà cửa đai xiêm, lại thêm thọ khảo;
Nền phúc hậu nhờ tích luỹ lâu, cung tường lễ nhạc, đối bóng thiêng liêng.

京宅對聯

KINH TRẠCH ĐỐI LIÊN (CÂU ĐỐI ĐỀ NHÀ Ở TẠI KINH)

1.

君子之道費而隱；
大賢爲教有若無。

Quân tử chi đạo phí nhi ẩn;

Đại hiền vi giáo hữu nhược vô.

Cái đạo của người quân tử, rõ rộng mà bí ẩn;

Lời dạy của bậc đại hiền, vẫn có mà như không.

2.

羅城皇府艮丑位發來龍，二十四山，惟天德鐘英蓋自然合吉；
族紳相公丙寅命居此土，七十三歲，以尚書致事約與之同休。

La Thành hoàng phủ, cấn sửu vị phát lai long, nhị thập tứ sơn, duy Thiên Đức chung anh, cái tự nhiên hợp cát;

Tộc thân tướng công, Bính Dần mạnh cư thử thổ, thất thập tam tuế, dĩ Thượng thư trí sự, ước dữ chi đồng hưu.

Phủ lớn ở La Thành[1]phương cấn sửu[2] đưa tay long tới, hai mươi bốn ngọn núi, duy sông Thiên Đức[3] đúc tinh anh, tự nhiên hợp lại thành tốt.

Tướng công người cùng họ[4] tuổi Bính Dần ở chốn đất này, bảy mươi ba tuổi trời, do chức Thượng thư về trí sĩ, sở ước với nhau cùng vui.

CHÚ THÍCH:

1.La thành, thành Đại La, khi thuộc Đường, Cao Biền sang làm Đô hộ đặt ra. Đến Lý Thái Tổ từ Hoa Lư thiên đô về đây gọi là Thăng Long.

2.Cấn sửu, là phương đông bắc.

3.Sông Thiên Đức (nay sông Đuống), thuộc huyện Đông Ngạn, Bắc Ninh, đổ vào sông Hồng về qua Hà Nội.

4.Tướng công cùng họ, là Ngô Duy Viên, tức Ngô Trọng Khuê, quê ở La Khê Từ Liêm, đỗ Tiến sĩ năm 1769 (Kỷ Sửu) làm quan tới Thượng thư, tham tụng, tước Cảo Phong bá.

竹林寺對聯

TRÚC LÂM TỰ ĐỐI LIÊN (CÂU ĐỐI CHÙA TRÚC LÂM)

1.

統宗儒釋三江水；
開闔乾坤一筆尖。

Thống tông Nho Thích tam giang thủy;
Khai hạp kiền khôn nhất bút tiêm.

Nước ba con sông[1] tóm cả nguồn gốc đạo Nho, đạo Thích;
Một ngọn núi nhọn theo sự khép mở của đạo kiền khôn.

2.

應常旺氣金牛降；
蘇銳歡流石象浮。

Ứng Thường vượng khí kim ngưu giáng;
Tô Nhuệ hoan lưu thạch tượng phù.

Khí tốt ở phủ Ứng Hòa Thường Tín, giáng thần Trâu vàng xuống;[2]
Dòng đẹp của sông Tô Lịch, Nhuệ Giang, nổi hòn Voi đá lên.[3]

3.

帆飽海濤歸澗隱；
扇陳風垢入禪清。

Phàm bão hải đào quy giản ẩn;
Phiến trần phong cấu, nhập thiền thanh.

Cánh buồm cuốn no sóng biển, trở về khe suối ở ẩn;
Chiếc quạt bám bụi gió đã lâu, vào cõi thiền trong sạch ngay.

4.

卜夢若相符，白水江邊開石室；
機緣如有待，紫霄峰上照金蓮。

Bốc mộng nhược tương phù, bạch thủy giang biên khai thạch thất;
Cơ duyên như hữu đãi, tử tiêu phong thượng chiếu kim liên.

Xem bói và nằm mộng đều hợp nhau, bên sông nước bạc mở ngôi nhà đá;
Thời cơ và nhân duyên như chờ đợi sẵn, trên ngọn non tía in cánh sen vàng.

5.

河柳柳條青，傍花隨柳前川過；
竹林林樹碧，對月觀林萬象陳。

Hà liễu liễu điều thanh, bàng hoa tuỳ liễu tiền xuyên quá;
Trúc lâm lâm thụ bích, đối nguyệt quan lâm vạn tượng trần.

Cành liễu xanh, hàng liễu bên sông, tựa hoa theo liễu trước dòng qua mãi;

Cây rừng biếc đầu rừng trúc, đối trăng xem rừng muôn tượng tỏ bày.

6.

周流道理莫終窮，氣二十四，山二十四，聲二十四；
作用機緘無兆朕，佛一個空，法一個空，僧一個空。

Chu lưu đạo lý mạc chung cùng, khí nhị thập tứ, sơn nhị thập tứ, thanh nhị thập tứ;
Tác dụng cơ giam vô triệu trẫm, Phật nhất cá không, Pháp nhất cá không, Tăng nhất cá không.

Đạo lý tràn khắp không bao giờ cùng, khí hai mươi bốn[4] sơn hai mươi bốn, thanh hai mươi bốn.[5]

Guồng máy tác dụng chẳng báo điềm trước, Phật hết thảy không, Pháp hết thảy không, Tăng hết thảy không.

CHÚ THÍCH:

1.Ba con sông: Sông Nhuệ, sông Kim Ngưu, sông Tô Lịch.

2.Ứng Hòa, Thường Tín, 2 phủ ở phía tây và phía nam thành Thăng Long.

Kim Ngưu một con sông nhỏ, chạy quanh co trước mặt thành Thăng Long.

3.Sông Nhuệ ở Thanh Oai, chảy xuống sông Châu Cầu. Sông Tô Lịch chạy quanh phía đông thành Thăng Long, bắt nguồn từ Hồ Tây.

Núi Voi ở Sơn Tây, tên chữ là Tượng sơn.

4.Khí 24 như: Lập xuân; Vũ thuỷ; Kinh trập; Xuân phân; Thanh minh; Cốc vũ...

5.Thanh 24 như: Không thanh; Mụ thanh; Phát tưởng thanh; Kiến thanh... do Ngô Thì Nhậm soạn ra trong tập *Trúc lâm tông chỉ nguyên thanh*.

廳堂春日對聯

SẢNH ĐƯỜNG XUÂN NHẬT ĐỐI LIÊN
(CÂU ĐỐI CHƠI TẾT Ở SẢNH ĐƯỜNG)

1.

三時復爲春，氣到花開，推測氣機須警省；
一歲始於正，柄隨斗轉，幹旋柄軸在中和。

Tam thời phục vi xuân, khí đáo hoa khai, suy trắc khí cơ tu cảnh tỉnh;
Nhất tuế thuỷ ư chính, bính tuỳ Đẩu chuyển, cán tuyền bính trục tại trung hoà.

Trải ba mùa lại tới mùa xuân, khí ấm tới thì hoa tự khai, suy lường máy khí số, phải nên cảnh giác;
Trong một năm đầu từ tháng chính (giêng), chiếc chuôi sao Đẩu[1] mà chuyển, xoay vần cái trục chuôi, ở chỗ trung hoà.

CHÚ THÍCH:

1.Chòm Bắc Đẩu có 7 ngôi sao, 4 ngôi quy vuông ở đầu, tức là bộ máy chủ yếu, còn 3 ngôi xếp thành hàng thẳng ở dưới, tức là chuôi. Cứ chập tối cái chuôi đó trỏ vào cung nào (Tý Sửu Dần Mão Thìn Tỵ Ngọ Mùi Thân Dậu Tuất Hợi), thì là tháng đó. Thí dụ như tháng Giêng thì chuôi trỏ vào cung Dần, tháng 2 trỏ vào cung Mão... Vì chòm sao này giống như cái gáo có chuôi, nên thường gọi là Đẩu bính.

挽春蘭進朝官

VÃN XUÂN LAN TIẾN TRIỀU QUAN
(VIẾNG CỤ LỚN TIẾN TRIỀU Ở LÀNG XUÂN LAN)[1]

1.

遯世人元應世人，遯世卻爲佳，止息身輕，同穴又攜黃髮偶；
出家子乃克家子，出家還是孝，寤興心靜，居廬誰易白眉良。

Độn thế nhân nguyên ứng thế nhân, độn thế khước vi giai, chỉ tức thân khinh, đồng huyệt hựu huề, hoàng phát ngẫu;
Xuất gia tử nãi khắc gia tử, xuất gia hoàn thị hiếu, ngộ hưng tâm tĩnh, cư lư thuỳ dịch bạch my lương.

Người trốn đời nguyên là người ứng phó với đời, trốn đời mới là hay, chiếc thân tắt nghỉ coi khinh, cùng huyệt lại kèm đôi tóc bạc;
Con xuất gia mới là con làm rạng gia thế, xuất gia đó là hiếu, tấm lòng thức ngủ thường tình, ấp mồ ai đổi nét mày hiền.[3]

CHÚ THÍCH:

1.Nguyên chú: Cụ lớn là thân phụ hoà thượng Hải Âu, sau khi mất, cụ bà chính thất cũng mất ngay. (Hoà thượng nguyên tên là Vũ Trinh, tự Duy Chu, hiệu Lai Sơn, quê làng Xuân Lan, huyện Lương Tài, Bắc Ninh, nên lại có hiệu là Lan Trì Ngư Giả, làm quan triều Tây Sơn, tới chức Tham tri chính sự, sang sứ nhà Thanh. Cuối đời Tây Sơn, thấy việc nước suy đồi, tỏ ý thất vọng, bèn cùng Ngô Thì Nhậm, Hoàng giáp Nguyễn Đăng Sở, Ngô Thì Hoàng, Nguyễn Diễm lập phái Trúc Lâm ở phường Bích Câu, cùng tu với nhau, đều có Phật hiệu riêng – *Người dịch* chú).

2.Nét mày hiền (bạch my lương), chỉ lời khen người tài đức. *Thục chí*: Mã Lương tên tự là Quý Thường, lông mày bạc từ lúc còn nhỏ tuổi. Anh họ Mã có 5 người con đều có tài danh. Lúc đó người đời thường nói: "Mã thị ngũ Thường, bạch my tối lương" (Họ Mã có 5 người con trai, người có lông my bạc giỏi hơn cả).

* * *

VĂN

(CÁO VĂN - TẾ VĂN)

1. 奔喪告文

(庚子十月庚戌日)

嗚呼慟哉！

兒輩罪惡，上通于天，降此鞠凶，父親不居。前月癸卯，在京聞訃，兒即有啓告哀，奉大德軫念先親忠誠，奉準許兒赴鎮迎喪，特放官錢一百貫。再奉準傳京北處按鎮邁武信差後翊中威前雄等奇號官兵就城護喪。再奉加放兒隨兵二十名充護衛。兒等以前月甲辰渡珥河赴京北鎮理裝。本月丙子渡月德江，取路進城。是日宿昌江，丁未宿芹驛，戊申宿支棱隘。己酉過鬼門關，度二嶺宿江漢，本日抵祿馬營。兒輩幸蒙蔭庇，均得無恙。泣哭抱棺，不見尊顏。嗚呼慟哉！

三年于茲，京鎮計程，纔四五日耳，父在不定省，父病不嘗藥，父沒不親斂，區區跋涉，徒爲泣哭之哀，兒等之罪，尚勝言哉。

父來此爲國家屏翰，忠簡九重，殊渥隆霑，厚於德往。兒等何分毫言報，今惸惸在疚，他鄉逆境，萬里山溪，慘心極目。嗚呼慟哉！

兒等始至城，庶事叢委，現當料理，別擇吉日，奉喪車回鄉。伏惟尊靈垂顧諸孤，克奉遺體，以當大事，嗚呼慟哉！

BÔN TANG CÁO VĂN
(CANH TÝ THẬP NGUYỆT CANH TUẤT NHẬT)

Ô hô đỗng tai!

Nhi bối tội ác, thượng thông vu thiên, giáng thử cúc hung, phụ thân bất cư. Tiền nguyệt Quí Mão, tại kinh văn phó, nhi tức hữu khải cáo ai, phụng đại đức chẩn niệm Tiên thân trung thành, phụng chuẩn hứa nhi phó trấn nghênh tang, đặc ban quan tiền nhất bách quán. Tái phụng chuẩn truyền Kinh Bắc xứ án trấn Mại Vũ, Tín Sai, Hậu Dực, Trung Uy, Tiền Hùng đẳng cơ hiệu quan binh tựu Thành hộ tang. Tái phụng gia ban nhi tùy binh nhị thập danh sung hộ vệ. Nhi đẳng dĩ tiền nguyệt Giáp Thìn độ Nhĩ Hà phó Kinh Bắc trấn lý trang. Bản nguyệt Bính Tý độ Nguyệt Đức giang, thủ lộ tiến Thành. Thị nhật túc Xương Giang, Đinh Mùi túc Cần Dịch, Mậu Thân túc Chi Lăng ải. Kỷ Dậu quá Quỉ Môn quan, độ nhị lĩnh túc Giang Hán, bản nhật để Lộc Mã doanh. Nhi bối hạnh mông ấm tí, quân đắc vô dạng, khấp khốc bão quan, bất kiến tôn nhan. Ô hô đỗng tai!

Tam niên vu tư, Kinh trấn kế trình, tài tứ ngũ nhật nhĩ, phụ tại bất định tỉnh, phụ bệnh bất thường dược, phụ một bất thân liễm, khu khu bạt thiệp, đồ vi khấp khốc chi ai, nhi đẳng chi tội, thượng thắng ngôn tai.

Phụ lai thử vi quốc gia bình hàn, trung giản cửu trùng, thù ốc long triêm, hậu ư đức vãng. Nhi đẳng hà phân hào ngôn báo, kim quỳnh quỳnh tại cửu, tha hương nghịch cảnh, vạn lý sơn khê, thảm tâm cực mục. Ô hô đỗng tai!

Nhi đẳng thủy chí Thành, thứ sự tùng uỷ, hiện đương liệu lý, biệt trạch cát nhật, phụng tang xa hồi hương. Phục duy tôn linh thùy cố chư cô, khắc phụng di thể, dĩ đương đại sự. Ô hô đỗng tai!

DỊCH NGHĨA:

VĂN KHẤN VỀ VIỆC CHẠY TANG
(NGÀY CANH TUẤT THÁNG 10 NĂM CANH TÝ 1780)

Than ôi! Thương thay!

Bọn con mắc tội, thấu tới trời cao, nên giáng tai họa, cha không còn nữa. Ngày Quí Mão tháng trước, ở kinh đô nghe tin báo tang, con lập tức có tờ khải báo việc đau buồn đó, được Thánh chúa nghĩ tới lòng trung

thành của cha, cho con tới bản trấn đón tang, đặc biệt ban cho 100 quan tiền. Lại truyền cho quan quân ở các cơ Mại Vũ, Tín Sai, Hậu Dực, Trung Uy, Tiền Hùng ở xứ Kinh Bắc cùng tới tận [Đoàn] Thành để hộ tang. Lại ban thêm 20 tên lính theo con đi hộ vệ. Lũ con từ ngày Giáp Thìn tháng trước, vượt qua sông Nhĩ Hà tới trấn Kinh Bắc chỉnh đốn hành lý. Ngày Đinh Tý tháng này, qua sông Nguyệt Đức, vượt đường tiến nhanh về phía [Đoàn] Thành. Đêm đó trọ ở Xương Giang, đêm Đinh Mùi trọ ở Cần Dịch, đêm Mậu Thân trọ ở ải Chi Lăng. Sang ngày Kỷ Dậu qua cửa Quỷ Môn, vượt hai ngọn núi trọ ở đất Giang Hán, hôm ấy tới doanh Lộc Mã. Bọn con may nhờ sự che chở, đều được vô sự. Ôm quan tài than khóc, không được trông thấy mặt cha. Than ôi! Thương thay!

Đã ba năm nay, kể đường đất từ Kinh sư tới bản trấn (Lạng Sơn) chỉ độ 4 - 5 ngày mà thôi, thế mà khi cha sống không chăm sóc sớm hôm, khi cha ốm không phục dưỡng thuốc thang, cha mất cũng không được khâm liệm, chỉ những xăm xăm vượt lội, khóc lóc thương đau, tội của bọn con kể sao cho xiết.

Cha tới trấn này để làm phên dậu cho nước nhà, lòng trung thành được vua chúa kén chọn, ban ơn trạch tràn trề, tỏ lòng nhân đức, đối xử rất hậu. Bọn con chưa mảy may báo đáp, nay chỉ những đau buồn xót xa, nơi đất khách quê người, cảnh ngộ trái ngược, non sông muôn dặm, nhìn mà đau lòng. Than ôi! Thương thay!

Bọn con khi mới tới Thành, trăm việc bối rối, hiện lo chọn ngày tốt, kính đưa xe tang về làng. Cúi mong vong linh cha tin tưởng tới lũ con côi, có thể lo được việc tang cho cha. Than ôi thương thay!

2.成服告文

嗚呼！聖人制禮，爲三年之喪，使賢者不得過，不肖者不得不及。斬衰竹杖，尊無二上，禮之情制爲格也。

然惟賢者過之，不肖者已自不及。常人不肖，往往不及於練祥之後。兒輩已不及於含殮之先，計

二期零三月，其爲掛孝之日，以報劬勞者，有定制矣。始而踊繼而慟慟而哭哭而泣，泣而終之以嘆，則孝思已弛，雖有穿衰，亦無以爲。

兒輩不得預於踊而徒慟，今已至於泣嘆焉。父子至情，莫大於契闊，負不遑之罪，貽無窮之痛。以已弛之心，穿有限之服，日持是以報罔極之情，其比不肖尚不及焉，豈不更愈下耶！

兒輩在道奔喪，已經數旬，禮有恒規，不敢踰越。自兒以下，各服其服，謹遵古禮，以守不及。至終身之喪，在某等兄弟區區衰絰，何足以贖其罪悔。此生何怙，不知所云，嗚呼慟哉！

PHIÊN ÂM:

THÀNH PHỤC CÁO VĂN

Ô hô! Thánh nhân chế lễ, vi tam niên chi tang, sử hiền giả bất đắc quá, bất tiếu giả bất đắc bất cập. Trảm thôi trúc trượng, tôn vô nhị thượng, lễ chi tình chế vi cách dã.

Nhiên duy hiền giả quá chi, bất tiếu giả dĩ tự bất cập. Thường nhân bất tiếu, vãng vãng bất cập ư luyện tường chi hậu. Nhi bối dĩ bất cập ư hàm liệm chi tiên, kế nhị kì linh tam nguyệt, kì vi quải hiếu chi nhật, dĩ báo cù lao giả, hữu định chế hĩ. Thủy nhi dũng kế nhi đỗng đỗng nhi khốc khốc nhi khấp, khấp nhi chung chi dĩ thán, tắc hiếu tư dĩ thỉ, tuy hữu xuyên suy, diệc vô dĩ vi.

Nhi bối bất đắc dự ư dũng nhi đồ đỗng, kim dĩ chí ư khốc thán yên. Phụ tử chí tình, mạc đại ư khế khoát, phụ bất hoàng chi tội, di vô cùng chi thống. Dĩ dĩ thỉ chi tâm, xuyên hữu hạn chi phục, nhật trì thị dĩ báo võng cực chi tình, kỳ tỉ bất tiếu thượng bất cập yên, khởi bất cánh dũ hạ da!

Nhi bối tại đạo bôn tang, dĩ kinh sổ tuần, lễ hữu hằng quy, bất cảm du việt. Tự nhi dĩ hạ, các phục kì phục, cẩn tuân cổ lễ, dĩ thủ bất cập. Chí chung thân chi tang, tại mỗ đẳng huynh đệ khu khu suy điệt, hà túc dĩ thục kỳ tội hối. Thử sinh hà hỗ, bất tri sở vân, ô hô đỗng tai!

DỊCH NGHĨA:

VĂN KHẤN BUỔI THÀNH PHỤC
(NGÀY MẶC ÁO TANG)

Than ôi!

Thánh nhân đặt ra lễ, định rõ mức tang 3 năm, khiến cho bậc hiền giả không được để quá, kẻ bất tiếu không được ít hơn. Mặc áo xổ gấu, chống gậy tre tròn[1] là để phân biệt không có hai ngôi tôn quý, lễ theo tình mà định làm khuôn mẫu vậy.

Song bậc hiền giả thì muốn hơn, kẻ bất tiếu thì tự không làm đủ. Kẻ thường nhân và kẻ bất tiếu không có ai để tang được tới sau ngày giỗ đại tường và tháng luyện phục.[2] Bọn con đã không kịp tới trước lúc khâm liệm, vậy kỳ để tang kể tới hai năm ba tháng, việc báo đáp đức cù lao đã có định chế rồi. Lúc đầu thì vật vã, rồi gào khóc, khóc chán thì than thở, lúc đó thì lòng nhớ thương, hiếu thảo đã vơi đi, dẫu có mặc áo tang xổ gấu cũng chẳng làm gì.

Bọn con không được dự lúc vật vã, mà chỉ thương xót, nay đã tới kỳ hạn khóc lóc thở than rồi. Cha con là chỗ chí tình, không gì đau đớn hơn là lúc phải xa cách, lại mang cái tội không về kịp, để lại nỗi đau đến vô cùng. Với tấm lòng đã vơi nhớ, mặc manh áo có kỳ hạn, hàng ngày cứ giữ cái đó để báo đền cái tình khôn cùng, thực không bằng kẻ bất tiếu, há chẳng phải càng kém hơn họ nữa ư!

Bọn con trên đường chạy tang, đã trải vài tuần, lễ có mức thường, không dám vượt quá. Từ con trở xuống đều mặc tang phục, kính cẩn theo y lễ cổ, để giữ lấy cái chỗ bất cập. Còn như cái tang trọn đời, anh em chúng con đây cứ khư khư xổ gấu, sao đủ để chuộc được tội lỗi. Thân này nương cậy vào đâu, chẳng biết nói sao! Than ôi thương thay!

CHÚ THÍCH:

1.Mặc áo xổ gấu, chống gậy tre tròn là để tang cha 3 năm, khác với tang mẹ cũng 3 năm mà mặc áo vén gấu, chống gậy vông đẽo vuông.

2.Giỗ Đại tường, là giỗ lần thứ 2. Tháng luyện phục là khi giỗ đại tường thì bỏ khăn chàm xám, mà mặc tang áo trắng tiếp 3 tháng sau thì xong tang.

3. 改製弟琮代練服告文

昨承遺訓，許兒琮依製斬服，恭謹遵命，已著禮生依製。叔奔喪，攀號啼呼，哭訴與兒，請得以前情達諸濯洋。兒深自疑懼，不敢擅決，今有兄弟來此，兒相與商確。琮許叔，前命也，仍還眾子列，後命也。此後命乃慈親愛子之心。擴而充之，以禮制情，以義參恩，遵奉前命，吾親必賜允當。兒謹請仍許琮爲叔後，持期年喪，惟粗麻之衣，大練之冠，與諸期年稍別，以表至情合禮制。

嗚呼！父心如明月橫空，清風在天，無可無不可！兒平素親炙，有所得，故敢以叔之請，復以爲請。仰惟爽靈默垂鑒諒。嗚呼痛哉！

PHIÊN ÂM:

CẢI CHẾ ĐỆ ĐIỆN LUYỆN PHỤC CÁO VĂN

Tạc thừa di huấn, hứa nhi Điện y chế trảm phục, cung cẩn tuân mệnh, dĩ trước Lễ sinh y chế. Thúc bôn tang, phan hào đề hô, khốc tố dữ nhi, thỉnh đắc dĩ tiền tình đạt chư trạc dương. Nhi thâm tự nghi cụ, bất cảm thiện quyết, kim hữu huynh đệ lai thử, nhi tương dữ thương xác. Điện hứa thúc, tiền mệnh dã, nhưng hoàn chúng tử liệt, hậu mệnh dã. Thử hậu mệnh nãi từ thân ái tử chi tâm. Khoáng nhi sung chi, dĩ lễ chế tình, dĩ nghĩa tham ân, tuân phụng tiền mệnh, ngô thân tất tứ doãn đương. Nhi cẩn thỉnh nhưng hứa Điện vi thúc hậu, trì kì niên tang, duy thô ma chi y, đại luyện chi quan, dữ chư kỳ niên sao biệt, dĩ biểu chí tình hợp lễ chế.

Ô hô! Phụ tâm như minh nguyệt hoành không, thanh phong tại thiên, vô khả vô bất khả! Nhi bình tố thân trá, hữu sở đắc, cố cảm dĩ thúc chi thỉnh, phục dĩ vi thỉnh. Ngưỡng duy sảng linh mặc thùy giám lượng. Ô hô thống tai!

DỊCH NGHĨA

VĂN KHẤN XIN THAY ÁO
ĐỂ TANG BẰNG VẢI THÔ CHO EM ĐIỆN

Trước đây, vâng theo lời truyền lại, cho em Điện mặc áo xổ gấu, kính cẩn theo mệnh, đã cho Lễ sinh cứ thế mà may. Nay chú cùng đi chạy tang, vật vã kêu gào, khóc lóc ngỏ với con rằng, xin được theo như tình cũ, khấn với vong linh. Con tự lòng sợ hãi, không dám tự quyết, hiện bây giờ có anh em tới đây, con cùng bàn tính hết lẽ. Điện cho chú là lệnh trước, nhưng lại cho về liệt vào hàng con trai, là lệnh sau. Lệnh sau này là do tấm lòng người cha đối xử với con. Suy rộng ra, là phải dùng lễ chế ngự tình riêng, đem nghĩa để xử với ơn, tuân theo lệnh trước, cha ta hứa hẹn là chính đáng. Con xin cho Điện làm con thừa kế của chú, giữ lễ để tang đủ một năm, chỉ mặc áo vải thô, đội mũ vải trắng, hơi khác với cái tang một năm khác, để tỏ rõ mối tình chí thân mà hợp với lễ.

Than ôi! Lòng của cha sáng rực như mặt trăng trên không, như trận gió mát khắp trời, không thể, không không thể, con ngày thường vẫn được hầu hạ bên cạnh, cũng biết được đôi chút, cho nên dám đem lời xin của chú mà đem ra cầu xin. Ngước trông vong linh cha, ngầm soi xét cho. Than ôi thương thay!

4. 回喪逐日告文

嗚呼！

山溪人景，傷心遊子之何瞻；風雨故城，慘目慈親之寢遠。

既回喪之夙駕；爰吉日以載蠲。

來朝恪奉柳車，綏紼暫移於廳舍；弱息環依玉體，歸軺早達於家鄉。

謹具菲儀；預先哀稟。痛哉。（賡子十月甲寅日）

嗚呼！

旌旗旖旎行行悲細柳之回車；岩嶺頹嵬，步步痛落梅之點漏。

兒誠不孝；天乎何辜？

五旬老父隔髻顏，不謀定省；兩個孤兒陪玉體，枉泣別離。

無窮之罪悔不勝言；罔極之劬勞何可報。

此去圍營數里，依稀衮繡之舒徐；今朝祖道初程，想像焄蒿之肹蠁。哀哉。(賡子十月丁巳日)。

嗚呼！

山有母人無父，斷腸嶺草之不如；軍餞將民哭官，回首圍營之寢遠。

見景般般慘淡；歸程步步崎嶇。

養親於志體皆違，無窮懊悔；設祖以水蔬爲奠，惟訴高明。哀哉！(賡子十月戊午日)。

嗚呼！

山溪屈曲，既踰險峻之千重；日月侵尋，浪度睽違之三七。

道路傾歌似此；晨昏定省於何。

行營彷彿圍營，慘生劍珮；北嶺依稀南嶺，淚洒雲煙。哀哉！(賡子十月己未日)。

嗚呼！

自城至茲五日矣，(發行自丁巳至辛酉)山岩斗峻，溪泉泥濘，兒輩不能親身奉棺，煢煢在道，觸目慘悽。今有叔某奔喪，惟相對聚哭而已。慈親在時，甚憐子弟，子弟在此，不可得一見。聚散合離，何焂忽至此哉！早發梅梢，抵枧榔稍平曠，請玉體起起居如常。嗚呼慟哉。(賡子十月辛酉日)。

嗚呼！

戊戌十月，父自北赴諒，兒拜餞於三層山，父握兒手謂曰："吾將有事於安博，且與汝相會，毋徒戀戀晨昏事"。卒不果。今年十月，父自諒回北，兒與弟志哭迎於祿馬山，跋涉岩溪，扶棺以至北界。計戊亥子三十年中，父子期相見而不可得。

恁遊學京中，父不使往定省。兒可得往定省，父亦約之來。自宣道回取路進送星，父望之一。既回京來北，以別公務往保馬上游，父又聞而望之二。逡巡歲月，遂以升斗故，不得見慈顏。是京北爲兒不孝之地也。今入其境無父矣。年前父所告兒於三層山者，乃爲父永訣之期也。嗚呼痛哉！

兒徒以文書爲溫凊，不於平素陪怡豫，乃於倥傯泣別離。父心誠慈，子惡實大。生兒如此，亦奚以爲？草堂設奠，蔬水爲儀。嗚呼靈爽，願垂格斯，痛哉！(賡子十月壬戌日朝奠)。

嗚呼！

祿馬營中，官校痛將軍之去；支棱隘上，藩輔悲節度支來。

大人支誠足感人；孤子之罪眞弗子。

一蔬半菜，可羞皆膏黍支餘；萬水千山，不遑重匪莪之痛。

暫歇恭陳小奠；微誠仰達眞靈。哀哉。(賡子十月壬戌日午奠)。

嗚呼！

江山今古，綸巾羽扇之餘輝；潢潦晨昏，玄酒大羹之遺味。

孤子百年之痛，何處城營，慈親三載之程，此回家貫。

即中林而設幕；因小奠以陳儀。

伏望靈爽；曲垂鑒格。哀哉！(賡子十月癸亥日)。

嗚呼！

在處甘棠，慈親樹無邊之蔭；滿林伊蔚，遊子爲何怙之行。

岩溪歷歷結悲思；旌旆團團增慘怛。

此地舊名八位，蕭疏草屋，愁設幄之匆匆；故鄉尚隔五川，迢遞梅程，痛歸輀之寂寂。

菲薄恭陳常奠；興居祇訴哀忱。痛哉。(賡子十月甲子日)

嗚呼痛哉！

今遇顯祖雪齋公諱日。喪車在道，曠日未及回貫，兒未獲親執籩豆，以代慈親，孝敬皆違，罪何勝言，慈親在天之靈，當已先詣祠堂，顯相焄蒿，或者顯祖濯洋，昭明陟降，在此萃精會神？兒輩愚懵不可得知。嗚呼痛哉。

祖有父在，誠孝足以感格，蒭芬足以胖饗，孝子乃能享親。兒輩孤孫，尋常鹵莽，何足以稱親心，成先志。痛心斷腸，曷有已哉！本日次兒某奔喪亦至，以孫哭祖，以子哭父，兄弟又相持而哭，山頹木壞，惸惸何瞻？

嗚呼痛哉！

今既出險就夷，此地稱芹驛屯。慈親平日上官，常駐軍其處。奉於正屯駐扎，恭陳薄奠，併告先祖諱禮。伏望靈爽，俯鑒哀忱。痛哉！(賡子十月乙丑日)。

嗚呼！

三千梅驛，既出險而就夷；四七曇霄，慘離長而合暫。

膴膴周原，垂楊路寂；悠悠漢節，細柳營空。

慈親萬里雪霜，痛挽輈於此日；孤子二州菽水，悲負米以何年。

一奠陳儀；寸誠瞻戀。哀哉。(賡子十月丙寅日)

嗚呼痛哉！

戊戌九月，父赴城駐節在此，以某有官故留居十餘日，父心重別，戀戀顧復。某但支吾斗升，不知樂晨昏。渡江拜餞，倏忽三年，遂至長睽離。是兒之罪，足以拂慈心，蓋有不可以勝數矣。今遠道奉喪，憑棺泣哭，徒爲不逮之悲。仰望慈親，在天之靈。跋涉險艱，幸免諸虞。

義生男定奔喪至昌江，義養吳阮登與其婦潘氏二至琱輦，義婿黎輝誠至謚寧，婿潘輝益，黄廷卓繼至在此。兒輩兄弟，相與聚哭，求得一見慈顔而不可得。嗚呼天乎！何至此哉？(賡子十月戊辰日)。

嗚呼！

丁酉冬十二月，父與某同日上官。初登程，父駐節在此，兒稍後，謁安常宮廟，因宿其處。父與在

道，有束一夕，三使人來省，又半分隨兵充獲衛。某早至父許餐，遂陪節上道。父有鎮守餞督同詩一章。既至市梂渡月德江，再撰督同餞鎮守詩一章。父之愛子誠切矣。

四年來兒竟以督同故，不得事父，遂以上一餞爲第一別。下一餞爲第二別。又至戊戌十月拜餞于三層山，爲第三永別。

今爲孤子哭父，失三餞，得一哭，是某之傷心斷腸，當與瀟湘之水。八陵之木，千萬古無有窮已也。

即途設奠，無以爲儀，匏兔之羞，聊訴此情于昭明焉耳。哀哉！(賡子十月賡午日)。

嗚呼！

父望回京三年矣，跋涉千重，今抵珥河北岸。西望長安，車水馬龍，紫微垣旁，環珮鏘鏘。七州節度，不得朝天，乃爲還鄉節，璽書召而不及。公卿盼其將至，悠悠旆旌，順風而南。嗚呼蒼天，誠何心哉！

父既彌留手書，遺某曰:"如得回京面陳，百結俱解"。卒不得如願。想父在天之靈，勤拳戀闕，當今昨無異也。兒於父在時，不能敦請于朝，及早歸覲，遂使晉公之期，齎恨九原，是又兒之罪，與此江之水長流

於無窮也。今河津設幄，酌彼澗潢，泣訴蔚藍，願垂照鑒。痛哉。(賡子十月辛未日)。

嗚呼！

此爲珥河南岸，距家鄉六七里耳。非自諒來正途。兒輩奉襯，不敢造國都，順風登陸，沿翁莫故墨，取路達鄉，暫于此地寧宿。今子女婚婿咸在，公卿親朋邑里戚屬皆至。胞血哭屬離，蒹葭啼玉樹，常隸痛韡韡，芝蘭想郁郁。顧盼白雲，瞻望河水，不可求丰儀于磅礴，敘款曲於茫渺。相倚以嘆，相視以泣。父之道德，歛于山岳，父之文章，藏于河漢，父之忠誠，托于昭明，父之勤勞，載于旂常，誠不屑于塵俗之戀顧。此四載在邊，千里回程，鬱桑梓之懷，切蓼莪之思。槐棘在朝，松楸在鄉，蘭桂在庭，桃李在門，痛暫別而永離，佇再來而不見。泱泱之水與淚皆流。昊天罔極，長江無窮，其爲痛悔，庸有已耶？

河津設祖，潦草陳儀，回首千山，二青在天，爽靈昭昭，其忍弗垂歆顧者歟？(賡子十月壬申日)。

PHIÊN ÂM:

HỒI TANG TRỤC NHẬT CÁO VĂN

Ô hô!

Sơn khê nhân cảnh, thương tâm du tử chi hà chiêm; phong vũ cố thành, thảm mục Từ thân chi tẩm viễn.

Ký hồi tang chi túc giá; viên cát nhật dĩ tải quyên.

Lai triều khác phụng liễu xa, tuy phất tạm di ư sảnh xá; nhược tức hoàn y ngọc thể, qui thiều tảo đạt ư gia hương.

Cẩn cụ phỉ nghi; dự tiên ai bẩm. Thống tai! (Canh Tý thập nguyệt Giáp Dần nhật).

Ô hô!

Tinh kỳ y ni, hành hành bi tế liễu chi hồi xa; nham lĩnh đồi ngôi, bộ bộ thống lạc mai chi điểm lậu.

Nhi thành bất hiếu; thiên hồ hà cô?

Ngũ tuần lão phụ cách thiều nhan, bất mưu định tỉnh, lưỡng cá cô nhi bồi ngọc thể, uổng khấp biệt ly.

Vô cùng chi tội hối bất thăng ngôn; võng cực chi cù lao hà khả báo.

Thử khứ Đoàn doanh sổ lý, y hi cổn tú chi thư từ; kim triêu tổ đạo sơ trình, tưởng tượng huân cao thi hất hưởng. Ai tai! (Canh Tý thập nguyệt Đinh Tỵ nhật).

Ô hô!

Sơn hữu mẫu nhân vô phụ, đoạn trường lĩnh thảo chi bất như; quân tiễn tướng dân khốc quan, hồi thủ Đoàn doanh chi tẩm viễn.

Kiến cảnh ban ban thảm đạm; qui trình bộ bộ kỳ khu.

Dưỡng thân ư chí thể giai vi, vô cùng áo hối; thiết tổ dĩ thủy sơ vi điện, duy tố cao minh. Ai tai! (Canh Tý thập nguyệt Mậu Ngọ nhật).

Ô hô!

Sơn khê khuất khúc, ký du hiểm tuấn chi thiên trùng, nhật nguyệt xâm tầm, lãng độ khuê vi chi tam thất.

Đạo lộ khuynh ca tự thử; thần hôn định tỉnh ư hà.

Hành doanh phảng phất Đoàn doanh, thảm sinh kiếm bội; bắc lĩnh y hi nam lĩnh, lệ sái vân yên. Ai tai! (Canh Tý thập nguyệt Kỷ Vị nhật).

Ô hô!

Tự Thành chí tư ngũ nhật hĩ (Phát hành tự Đinh Tị chí Tân Dậu), sơn nham đẩu tuấn, khê tuyền nê ninh, nhi bối bất năng thân thân phụng quan, quỳnh quỳnh tại đạo, xúc mục thảm thê. Kim hữu thúc mỗ bôn

tang, duy tương đối tụ khốc nhi dĩ. Từ thân tại thời, thậm lân tử đệ, tử đệ tại thử, bất khả đắc nhất kiến. Tụ tán hợp ly, hà thúc hốt chí thử tai! Tảo phát Mai tiêu, để Quang Lang sao bình khoáng, thỉnh ngọc thể khởi cư như thường. Ô hô đống tai! (Canh Tý thập nguyệt Tân Dậu nhật).

Ô hô!

Mậu Tuất thập nguyệt, phụ tự Bắc phó Lạng, nhi bái tiễn ư Tam Tằng sơn, phụ ác nhi thủ vị viết: "Ngô tương hữu sự ư An Bác, thả dữ nhữ tương hội, vô đồ luyến luyến thần hôn sự." Tốt bất quả. Kim niên thập nguyệt, phụ tự Lạng hồi Bắc, nhi dữ đệ Chí khốc nghênh ư Lộc Mã sơn, bạt thiệp nham khê, phù quan dĩ chí Bắc giới. Kế Tuất Hợi Tý tam thập niên trung, phụ tử kỳ tương kiến nhi bất khả đắc.

Chí du học kinh trung, phụ bất sử vãng định tỉnh. Nhi khả đắc vãng định tỉnh, phụ diệc ước chi lai. Tự Tuyên đạo hồi thủ lộ tiến Tống Tinh, phụ vọng chi nhất. Ký hồi kinh lai Bắc, dĩ biệt công vụ vãng bảo mã thượng du, phụ hựu văn nhi vọng chi nhị. Tuấn tuần tuế nguyệt, toại dĩ thăng đẩu cố, bất đắc kiến Từ nhan. Thị Kinh Bắc vi nhi bất hiếu chi địa dã! Kim nhập kỳ cảnh vô phụ hĩ. Niên tiền phụ sở cáo nhi ư Tam Tằng sơn giả, nãi vi phụ vĩnh quyết chi kỳ dã. Ô hô thống tai!

Nhi đồ dĩ văn thư vi ôn sảnh, bất ư bình tố bồi di dự, nãi ư không tống khấp biệt ly. Phụ tâm thành từ, tử ố thực đại. Sinh nhi như thử, diệc hề dĩ vi? Thảo đường thiết điện, sơ thủy vi nghi. Ô hô linh sảng, nguyện thùy cách tư, thống tai! (Canh Tý thập nguyệt Nhâm Tuất nhật triều điện).

Ô hô!

Lộc Mã doanh trung, quan hiệu thống tướng quân chi khứ; Chi Lăng ải thượng, Phan phụ bi tiết độ chi lai.

Đại nhân chi thành túc cảm nhân; cô tử chi tội chân phất tử.

Nhất sơ bán thái, khả tu giai cao thiêm chi dư; vạn thủy thiên sơn, bất hoàng trọng phỉ nga chi thống.

Tạm yết cung trần tiểu điện; vi thành ngưỡng đạt chân linh. Ai tai! (Canh Tý thập nguyệt Nhâm Tuất nhật ngọ điện).

Ô hô!

Giang sơn kim cổ, luân cân vũ phiến chi dư huy; hoàng lạo thần hôn, huyền tửu đại canh chi di vị.

Cô tử bách niên chi thống, hà xứ thành doanh; từ thân tam tải chi trình, thử hồi gia quán.

Tức trung lâm nhi thiết mạc; nhân tiểu điện dĩ trần nghi.

Phục vọng linh sảng; khúc thùy giám cách. Ai tai! (Canh Tý thập nguyệt Quý Hợi nhật).

Ô hô!

Tại xứ cam đường, Từ thân thụ vô biên chi ấm; mãn lâm y úy, du tử vi hà hỗ chi hành. Nham khê lịch lịch kết bi tư; tinh bái đoàn đoàn tăng thảm đát.

Thử địa cựu danh bát vị, tiêu sơ thảo ốc, sầu thiết ác chi thông thông; cố hương thượng cách ngũ xuyên, thiều đệ mai trình, thống qui thiều chi tịch tịch.

Phỉ bạc cung trần thường điện; hưng cư chi tố ai thầm. Thống tai! (Canh Tý thập nguyệt Giáp Tý nhật).

Ô hô thống tai!

Kim ngộ hiển tổ Tuyết Trai công húy nhật. Tang xa tại đạo, khoáng nhật vị cập hồi quán, nhi vị hoạch thân chấp biên đậu, dĩ đại Từ thân, hiếu kính giai vi, tội hà thăng ngôn. Từ thân tại thiên chi linh, đương dĩ tiên nghệ từ đường, hiển tướng huân cao, hoặc giả hiển tổ trạc dương, chiêu minh trắc giáng, tại thử túy tinh hội thần? Nhi bối ngu mộng bất khả đắc tri. Ô hô thống tai!

Tổ hữu phụ tại, thành hiếu túc dĩ cảm cách, bật phân túc dĩ hất hưởng, hiếu tử nãi năng hưởng thân. Nhi bối cô tôn, tầm thường lỗ mãng, hà túc dĩ xứng thân tâm, thành tiên chí. Thống tâm đoạn trường, hạt hữu dĩ tai! Bản nhật thứ nhi mỗ bôn tang diệc chí, dĩ tôn khốc tổ, dĩ tử khốc phụ, huynh đệ hựu tương trì nhi khốc, sơn đồi mộc hoại, quỳnh quỳnh hà chiêm?

Ô hô thống tai!

Kim ký xuất hiểm tựu di, thử địa xưng Cần Dịch đồn. Từ thân bình nhật thượng quan, thường trú quân kỳ xứ. Phụng ư chính đồn trụ trát, cung trần bạc điện, tính cáo tiên tổ húy lễ. Phục vọng linh sảng, phủ giám ai thầm. Thống tai! (Canh Tý thập nguyệt Ất Sửu nhật).

Ô hô!

Tam thiên mai dịch, ký xuất hiểm nhi tựu di; tứ thất đàm tiêu thảm ly trường nhi hợp tạm.

Vô vô chu nguyên, thùy dương lộ tịch; du du hán tiết, tế liễu doanh không.

Từ thân vạn lý tuyết sương, thống vãn thiều ư thử nhật; cô tử nhị châu thúc thủy, bi phụ mễ dĩ hà niên?

Nhất điện trần nghi; thốn thành chiêm luyến. Ai tai! (Canh Tý thập nguyệt Bính Dần nhật).

Ô hô thống tai!

Mậu Tuất cửu nguyệt, phụ phó Thành trú tiết tại thử, dĩ mỗ hữu quan cố lưu cư thập dư nhật, phụ tâm trùng biệt, luyến luyến cố phục. Mỗ đãn chi ngô đẩu thăng, bất tri lạc thần hôn. Độ giang bái tiễn, thúc hốt tam niên, toại chí trưởng quĩ ly. Thị nhi chi tội, túc dĩ phất từ tâm, cái hữu bất khả dĩ thăng sổ hĩ. Kim viễn đạo phụng tang, bằng quan khấp khốc, đồ vi bất đãi chi bi. Ngưỡng vọng từ thân, tại thiên chi linh. Bạt thiệp hiểm gian, hạnh miễn chư ngu.

Nghĩa sinh nam Điện bôn tang chí Xương Giang, nghĩa dưỡng Ngô Nguyễn Đăng dữ kỳ phụ Phan Thị Nền chí Chu Liễn, Nghĩa tế Lê Huy Gián chí Mật Ninh, tế Phan Huy Ích, Hoàng Đình Trác kế chí, tại thử. Nhi bối huynh đệ, tương dữ tụ khốc, cầu đắc nhất kiến Từ nhan nhi bất khả đắc. Ô hô thiên hồ! Hà chí thử ta? (Canh Tý thập nguyệt Mậu Thìn nhật).

Ô hô!

Đinh Dậu đông thập nhị nguyệt, phụ dữ mỗ đồng nhật thượng quan. Sơ đăng trình, phụ trú tiết tại thử, nhi sao hậu, yết Yên Thường cung miếu, nhân túc kỳ xứ. Phụ dữ tại đạo, hữu thúc nhất tịch, tam sử nhân lai tỉnh, hựu bán phân tùy binh sung hộ vệ. Mỗ tảo chí phụ hứa san,

toại bồi tiết thượng đạo. Phụ hữu trấn thủ tiễn Đốc đồng thi nhất chương. Ký chí Thị Cầu độ Nguyệt Đức giang, tái soạn Đốc đồng tiễn Trấn thủ thi nhất chương. Phụ chi ái tử thành thiết hĩ.

Tứ niên lai nhi cạnh dĩ Đốc đồng cố, bất đắc sự phụ, toại dĩ thượng nhất tiễn vi đệ nhất biệt. Hạ nhất tiễn vi đệ nhị biệt. Hựu chí Mậu Tuất thập nguyệt bái tiễn vu Tam Tằng sơn, vi đệ tam vĩnh biệt.

Kim vi cô tử khốc phụ, thất tam tiễn, đắc nhất khốc, thị mỗ chi thương tâm đoạn trường, đương dữ Tiêu Tương chi thủy. Bát lăng chi mộc, thiên vạn cổ vô hữu cùng dĩ dã.

Tức đồ thiết điện, vô dĩ vi nghi, bào thố chi tu, liêu tố thử tình vu chiêu minh yên nhĩ. Ai tai! (Canh Tý thập nguyệt Canh Ngọ nhật)

Ô hô!

Phụ vọng hồi kinh tam niên hĩ, bạt thiệp thiên trùng, kim để Nhĩ Hà bắc ngạn. Tây vọng Trường An, xa thủy mã long, tử vi viên bàng, hoàn bội tương tương. Thất châu tiết độ, bất đắc triều thiên, nãi vi hoàn hương tiết, tỉ thư triệu nhi bất cập. Công khanh hề kỳ tương chí, du du bái tinh, thuận phong nhi Nam. Ô hô thương thiên, thành hà tâm tai!

Phụ ký di lưu thủ thư, di mỗ viết: "Như đắc hồi kinh diện trần, bách kết câu giải." Tốt bất đắc như nguyện. Tưởng phụ tại thiên chi linh, cần quyền luyến khuyết, đương kim tạc vô dị dã. Nhi ư phụ tại thời, bất năng đôn thỉnh vu triều, cập tảo qui cận, toại sử tấn công chi kỳ, tê hận cửu nguyên, thị hựu nhi chi tội, dữ thử giang chi thủy trường lưu ư vô cùng dã. Kim hà tân thiết ác, chước bỉ gián hoàng, khấp tố uý lam, nguyện thùy chiếu giám. Thống tai! (Canh Tý thập nguyệt Tân Mùi nhật).

Ô hô!

Thử vi Nhĩ Hà nam ngạn, cự gia hương lục thất lý nhĩ. Phi tự Lạng lai chính đồ. Nhi bối phụng thấn, bất cảm tạo quốc đô, thuận phong đăng lục, diên Ông Mạc cố lũy, thủ lộ đạt hương, tạm vu thử địa ninh túc. Kim tử nữ hôn tế hàm tại, công khanh thân bằng ấp lý thích thuộc giai chí. Bào huyết khốc thuộc ly, kiêm hà đề ngọc thụ, thường lệ thống vĩ vĩ, chi lan tưởng úc úc. Cố hề bạch vân, chiêm vọng hà thủy, bất khả cầu phong nghi vu bàng bạc, tự khoản khúc ư mang diểu. Tương ỷ dĩ thán,

tương thị dĩ khấp. Phụ chi đạo đức, liễm vu sơn nhạc, phụ chi văn chương, tàng vu Hà Hán, phụ chi trung thành, thác vu chiêu minh, phụ chi cần lao, tử vu ky thường, thành bất tiếu vu trần tục chi luyến cố. Thử tứ tải tại biên, thiên lý hồi trình, uất tang tử chi hoài, thiết lục nga chi tư. Hoè cức tại triều, tùng thu tại hương, lan quế tại đình, đào lý tại môn, thống tạm biệt nhi vĩnh ly, trữ tái lai nhi bất kiến. Ương ương chi thủy dữ lệ giai lưu. Hạo thiên võng cực, trường giang vô cùng, kỳ vi thống hối, dung hữu dĩ da?

Hà tân thiết tổ, lạo thảo trần nghi, hồi thủ Thiên Sơn, Nhị Thanh tại thiên, sảng linh chiêu chiêu, kỳ nhẫn phất thùy hâm cố giả dư? (Canh Tý thập nguyệt Nhâm Thân nhật).

DỊCH NGHĨA:

VĂN KHẤN HÀNG NGÀY TRÊN ĐƯỜNG ĐƯA TANG VỀ CỐ HƯƠNG

Than ôi!

Khe núi quê người, trông ngóng những đau lòng đứa con xa; gió mây thành cũ, ắng im thêm thương xót nỗi niềm cha.

Xe tang sớm trở về; ngày tốt đã kính chọn.

Linh cữu nọ ngày mai kính rước, chốn sảnh đường tạm đặt muốn cho yên; ngọc thể nay con cái vây quanh, nơi cố quận trở về mong được sớm.

Kính dâng lễ bạc; dự cáo trước ngày.

Thương thay! (Ngày Giáp Dần tháng 10 năm Canh Tý-1780).

Than ôi!

Ngọn cờ phe phẩy, đi rồi đi, buồn thay xe liễu[1] lúc quay xe; đường núi gập ghềnh, bước lại bước, xót thay giọt mai khi điểm giọt.

Con đành bạc vậy! Trời hỡi tội gì?

Cách mặt cha năm chục tuổi già, nào hay thăm hỏi; hầu thể ngọc hai con côi cút, khóc lóc chia lìa.

Tội vô cùng khôn xiết tỏ bầy; ơn võng cực nào hay báo đáp.

Đây cách cảnh Đoàn Thành[2] vài dặm, thấp thoáng trông đai mũ khoan nhàn; sớm nay đường tổ đạo[3] bắt đầu, tưởng tượng thấy lửa hương ngào ngạt.

Thương thay! (Ngày Đinh Tỵ tháng 10 năm Canh Tý).

Than ôi!

Non còn có mẹ,[4] người lại không bố, đau lòng so cỏ núi vẫn không bằng; quân thì viếng tướng, dân cùng khóc quan, ngoảnh mặt ngắm doanh Đoàn sao bỗng vắng.

Cảnh sầu thảm thấy bao tầng sầu thảm; đường gồ ghề quay những bước gồ ghề.

Phụng thờ cha tinh thần vật chất đều suông, xiết bao buồn tẻ; đặt lễ Tổ bát nước lưng rau dâng tiến, tỏ với cao xa.

Thương thay! (Ngày Mậu Ngọ tháng 10 năm Canh Tý).

Than ôi!

Non sông khuất khúc, nghìn trùng hiểm trở đã qua; ngày tháng lần lữa, bao độ chia lìa những phí.

Đường xá ngả nghiêng như thế; sớm hôm thăm hỏi làm sao.

Cảnh hành doanh chi khác Đoàn doanh,[5] buồn sinh gươm báu; giải Bắc Lĩnh hệt như Nam Lĩnh, lệ nhỏ khói mây.

Thương thay! (Ngày Kỷ Mùi tháng 10 năm Canh Tý).

Than ôi!

Từ Đoàn Thành tới đây đã năm ngày đường, (Xuất phát từ ngày Đinh Tị, tới nay là Tân Dậu), đá núi gồ ghề, suối khe lầy lội, lũ con không thể tự mình ôm khóc quan tài, lẽo đẽo dọc đường, mắt nhìn mà những buồn rầu. Nay có ông chú chạy tang, chỉ cùng nhìn nhau than khóc mà thôi. Khi cha còn sống, rất thương con và em, con em lúc này, không sao được nhìn thấy mặt lần nữa. Tụ họp chia lìa, sao mà nhanh đến thế! Buổi sớm xuất phát từ Mai Tiêu, đến Quang Lang, đường đi hơi bằng phẳng rộng rãi, xin linh cữu cha đi đứng như thường.

Than ôi thương thay! (Ngày Tân Dậu tháng 10 năm Canh Tý).

Than ôi!

Tháng 10 năm Mậu Tuất, cha từ đất Bắc tới xứ Lạng, con đây bái tiễn tới núi Tam Tằng, cha cầm tay con bảo rằng: "Ta sắp có việc ở An Bác, còn sẽ được gặp con, chớ nên sớm hôm quyến luyến." Cuối cùng thì

không được như thế. Tháng 10 năm nay, cha từ Lạng Sơn về Kinh Bắc, con đây cùng với em Chí khóc đón ở Núi Lộc Mã, lặn lội khe núi, ôm quan tài về cho đến mãi địa phận xứ Bắc. Kể từ năm Tuất đến năm Hợi và Tý, trong vòng 30 năm, cha con hẹn gặp nhau mà không sao được.

Em Chí đi du học ở trong kinh, cha không cho đến thăm hỏi. Còn con đây có thể tới thăm hỏi được, thì cha lại cũng hẹn ngày tới. Từ con đường Tuyên Quang trở về, tiện đường tới mỏ Tống Tinh, lần này cha mong là một. Đã về kinh tới xứ Bắc, nhân công cán riêng qua miền thượng du ở Bảo Mã, lần này cha lại được tin mà mong là hai. Năm tháng lần lừa, chỉ vì cái duyên cớ lương lậu mà không được gặp mặt. Chốn Kinh Bắc đó là cái nơi bất hiếu của con vậy! Nay vào tới nơi thì cha không còn nữa. Lời dặn dò con năm xưa của cha ở núi Tam Tằng, lại là lời vĩnh biệt của cha. Chao ôi! Đau đớn thay!

Con đây chỉ dùng sách vở chữ nghĩa để làm quạt nồng ấp lạnh, không được hầu hạ hàng ngày lúc khoẻ mạnh, mà chỉ còn biết than khóc nỗi biệt ly. Lòng cha thật nhân từ, con thì thật bạc ác. Sinh con như thế, thì sinh làm gì? Nhà tranh bầy lễ mọn, canh rau nước lã làm đồ cúng tế. Than ôi! Hồn thiêng mong chứng giám cho. Đau đớn thay! (Lễ cúng cơm buổi sớm ngày Nhâm Tuất tháng 10 năm Canh Tý).

Than ôi!

Trong doanh Lộc Mã, quan nha buồn nỗi tướng quân đi; trên ải Chi Lăng, liêu thuộc nhớ ngày cờ tiết tới.

Lòng thành của đại nhân đủ làm cho người cảm động; tội của con côi thật không phải đạo người làm con.

Lá bẹ, rau rừng, đều luống thẹn mấy câu "cảo thử,"[6] nghìn non vạn suối, lại vội buồn hai chữ "phỉ nga."[7]

Tạm dừng, lễ mọn kính dâng; chút kính, hồn thiêng chứng quả. Thương thay! (Cúng cơm trưa ngày Nhâm Tuất tháng 10 năm Canh Tý).

Than ôi!

Xưa nay núi thẳm sông sâu, ánh chiếu lại quạt lông khăn sợi;[8] hôm sớm lặn lội vất vả, còn lưu mãi mùi rượu ngát canh thơm.

Con mồ côi đau xót nỗi trăm năm, doanh trại đâu là chốn; cha hiền đức cách xa đường bấy độ, quê quán nay trở về.

Tới giữa rừng mà căng màn; nhân lễ nhỏ mà bầy tiệc.

Cúi mong hồn hỡi; Soi tới cho cùng.

Thương thay! (Lễ ngày Quý Hợi tháng 10 năm Canh Tuất).

Than ôi!

Cam đường khắp chốn, bóng vô biên cây cũ, cha vẫn ương trồng;[9] y uất đầy rừng,[10] bước đường đi xa, con trông cậy vào đâu.

Khe núi rầu rầu xe nỗi nhớ; quạt cờ phe phảy toả cơn buồn.

Chốn này tám vị tên xưa, lều cỏ đơn sơ ôi bận rộn những ngày căng trướng; làng cũ năm khe còn cách, đường mai xa thẳm, ôi vắng tanh là buổi quay xe.

Nhạt suông lễ phẩm kính bầy; ngồi đứng nỗi buồn kêu khóc.

Thương thay! (Ngày Giáp Tý tháng 10 năm Canh Tý).

Than ôi thương thay!

Nay gặp ngày giỗ Tuyết Trai công, vị Hiển tổ của ta. Vì xe tang đang đi giữa đường, chịu bỏ trống ngày, chưa kịp về quê hương được, con chưa thể bưng mâm, cầm chén để thay thế cha, hiếu và kính đều để khiếm khuyết, tội không kể xiết. Hồn thiêng của cha ở trên trời, hẳn đã về tới từ đường trước, hiển hiện ở nơi hương khói, hay là Hiển tổ linh thiêng về cả nơi đây? Bọn con ngu tối không thể biết được.

Than ôi thương thay!

Ông có cha ở bên, lòng thành hiếu đủ cảm cách, lễ thơm đủ đầy, con hiếu thảo có thể làm cho cha mẹ hâm hưởng. Bọn con là cháu mồ côi, tầm thường lỗ mãng, sao đủ xứng được lòng cha, thành được chí hướng của cha. Lòng đau ruột đứt, lẽ nào thôi được! Ngày nay, em thứ hai là Mỗ, cũng đến chạy tang, nào là cháu khóc ông, nào là con khóc cha, anh em lại cùng níu nhau mà khóc, núi nghiêng cây mục, vò võ trông cậy vào đâu?

Than ôi thương thay!

Nay đã qua khỏi vùng rừng núi, tới chỗ đồng bằng, nơi này gọi là đồn Cần Dịch. Bình nhật cha lên làm quan, thường đóng quân nơi này. Xin tạm dừng lại giữa đồn, để kính bầy lễ mọn, và khấn cả ngày giỗ tiên tổ.

Cúi mong linh hồn, xét tới lòng thành.

Thương thay! (Ngày Ất Sửu tháng 10 năm Canh Tý).

Than ôi!

Đường trạm ba nghìn, hiểm trở đã qua, bằng phẳng đã đến; qua hai mươi tám ngày, ly biệt lâu mà xum họp chóng không.

Đồng ruộng mênh mông, bóng dương tịch mịch; cờ tinh dằng dặc, doanh liễu vắng tanh.

Đưa cha hiền muôn dặm tuyết sương, ngày nay những đun xe đau đớn; nghĩ con côi hai châu cơm nước, năm nào còn đội gạo thảm thương.[11]

Một lễ kính bầy, tấc lòng tưởng nhớ! Than ôi! (Ngày Bính Dần tháng 10 năm Canh Tý).

Than ôi, đau đớn thay!

Tháng chín năm Mậu Tuất, cha tới Đoàn Thành, cắm cờ tiết ở đây, vì con phải đi nhậm chức, cho nên lưu lại hơn mười ngày, lòng cha không nỡ ly biệt, ngơ ngác quyến luyến. Con thì chỉ mải miết về lương lậu, cho nên không nghĩ tới cảnh vui hôm sớm phụng thờ. Sang qua sông tiễn biệt, thấm thoắt đã ba năm, bèn đến ngày chia lìa. Đó là tội của con, làm trái lòng cha, nhận thấy không thể nói hết được. Nay đưa tang trên con đường dài, dựa quan tài mà gào khóc, chỉ buồn về nỗi không kịp phụng dưỡng. Ngước trông bóng cha, hồn linh thiêng ở trên trời. Vượt qua đường gian hiểm, nay thoát mọi nỗi lo.

Cọn trai là Điện, từ Xương Giang đến chạy tang, con trai nuôi là Ngô Nguyễn Đăng cùng vợ Phan Thị Nền đến từ Chu Liễn, rể nuôi Lê Huy Luyện đến từ Mật Ninh, con rể là Phan Huy Ích, Hoàng Đình Trác cũng đã đến. Anh em con cùng nhau tụ họp lại mà khóc, mong được một lần nữa trông thấy cha mà không sao được.

Than ôi trời ơi! Sao lại đến thế này? (Ngày Mậu Thìn tháng 10 năm Canh Tý).

Than ôi!

Tháng 12 mùa đông năm Đinh Dậu, cha và con cùng đi nhậm chức một ngày. Vừa mới lên đường, cha đã dừng xe lại đây, con đi sau, vì phải vào bái yết cung miếu Yên Thường, nhân trọ lại đó. Cha ở lại dọc đường

mới một đêm ba lần sai sứ hỏi tin, lại chia một nửa lính để hộ vệ. Sớm ngày con tới nơi, cha cho ăn cơm, rồi cùng lên đường. Cha có một bài thơ "Quan trấn thủ tiễn chân quan Đốc đồng." Khi tới Thị Cầu, đáp đò ngang qua sông Nguyệt Đức, lại soạn một bài thơ "Quan Đốc đồng tiễn chân quan Trấn thủ." Lòng cha yêu con biết nhường nào!

Bốn năm lại đây, con vì bận việc làm Đốc đồng nên không được phụng dưỡng cha, bèn lấy lần tiễn đưa trước làm bước ly biệt thứ nhất! Lần tiễn đưa sau làm bước ly biệt thứ hai! Lại tháng 10 năm Mậu Tuất bái tiễn ở núi Tam Tằng làm bước vĩnh biệt thứ ba!

Nay đứa con côi khóc cha, mất hẳn ba lần tiễn, mà được một buổi khóc, đó là chỗ khiến con đau lòng đứt ruột, nên cùng với nước sông Tiêu Tương, cây ở Bát Lăng muôn năm không bao giờ hết.

Tới giữa đường mà bầy lễ khiển điện (cúng cơm), không lấy gì làm nghi thức, mâm cỗ cúng chỉ có lá bầu, thịt thỏ, gọi là tỏ chút tình tới chốn cao minh mà thôi! Thương thay! (Ngày Canh Ngọ tháng 10 năm Canh Tý).

Than ôi!

Cha trông về Kinh thành đã ba năm rồi, lặn lội nghìn trùng, nay đã tới bờ bắc sông Nhĩ Hà. Trông cảnh Trường An ở phía tây, xe như nước, ngựa như rồng, những tiếng ngọc đeo sang sảng quanh toà Tử Vi. Làm tiết độ bẩy châu quận, nhưng không sao được về chầu Thiên tử, liền phải cờ quạt về quê, lá thơ có dấu ngọc tỉ đưa tới gọi mà không sao kịp. Các quan công khanh đón nhìn sắp tới, cờ quạt xa xa, xuôi gió về phía nam. Than ôi trời xanh thực nỡ lòng nào!

Khi bệnh tình hấp hối, cha viết thư để lại cho con rằng: "Nếu được về kinh giáp mặt Chúa thượng trình bầy, trăm mối sẽ đều được cởi bỏ." Cuối cùng không được như ý nguyện. Mong rằng hồn thiêng của cha ở trên trời, luôn luyến cửa khuyết, thì nay và xưa cũng không khác gì. Lúc cha còn sống, con chưa thể xin với triều đình, để cha sớm về triều cận, bèn khiến cho ước mong của Tấn công phải mang xuống chín suối, đó lại là cái tội của con, cùng với dòng nước sông này chảy mãi không bao giờ cùng! Nay căng màn ở bến sông, rót chén nước suối kia, khóc than cùng trời, mong được soi tới. Đau đớn thay! (Ngày Tân Mùi tháng 10 năm Canh Tý).

Than ôi!

Đây là ở phía nam sông Nhĩ Hà, cách quê nhà chỉ năm, sáu dặm mà thôi! Không như từ thành Lạng Sơn tới đường cái chính. Lũ con đưa quan tài, không dám đi qua Quốc đô, thuận gió lên bờ, men theo luỹ cũ Ông Mạc, tìm đường về quê, tạm trọ lại nơi này một đêm. Nay trai gái dâu rể có mặt cả đây, các quan công khanh bạn hữu làng xóm thân thuộc cũng cùng đến cả. Anh em cùng nhau thương khóc nỗi biệt ly, dây kiêm hà khóc gào cây ngọc, hoa thường lệ đau xót cho đài hoa tươi, cỏ chi lan tưởng nhớ tới lúc ngào ngạt.[12] Trông đám mây trắng, nhìn dòng nước sông, không thể không nhớ phong thái ở chốn mênh mông, giãi bầy khúc nhôi ở nơi mờ mịt. Cùng dựa nhau mà than thở, cùng nhìn nhau mà khóc gào. Đạo đức của cha thu về non núi, văn chương của cha xếp ở sông biển, trung thành của cha thác vào trăng sao, sự cần lao của cha để lại ở cờ quạt, thật không chút quyến luyến với trần tục. Bốn năm ở biên trấn, nghìn dặm đường trở về, chất chứa về tình tang tử, tha thiết vì nỗi lục nga. Cây hoè cức ở triều đình, cây phần du để ở làng xã, cây lan quế ở sân, cây đào lý ở cửa, đau nỗi biệt thì tạm thời, ly thì mãi mãi, chờ đợi mà không thấy trở lại. Dòng nước lai láng chảy cùng giọt lệ. Trời cao không cùng cực, sông dài không cùng cực, vậy có đau đớn như ta không?

Đặt lễ tiễn ở bến sông, phẩm vật sơ sài, quay đầu lại nhìn hàng nghìn trái núi, ngọn Nhị Thanh cao vút trên trời, hồn thiêng rực rỡ, nỡ nào lại không hâm hưởng cho ư? (Ngày Nhâm Thân tháng 10 năm Canh Tý).

CHÚ THÍCH:

1.Xe liễu, chiếc linh xa chở quan tài.

2.Đoàn Thành, nơi Ngô Thì Sĩ đóng doanh ở Lạng Sơn.

3.Đường tổ đạo, con đường tiễn biệt.

4.Non có mẹ, tức núi Mẫu Sơn, ở biên giới Lạng Sơn.

5.Đoàn doanh, tức doanh Đoàn Thành, là 1 cảnh trong 8 cảnh đẹp của Lạng Sơn.

6.Cảo thử, lúa thử được mưa nhuần tưới, ý nói nhờ ở cha để lại.

7.Phỉ nga, không phải cỏ nga, mà chính là cỏ uất, ý nói thương cha mà mơ màng trông cây nọ ra cây kia *(Kinh Thi)*

8.Quạt lông khăn sợi: "Luân cân vũ phiến" hai vật của Khổng Minh thường dùng khi ở trong quân.

9.Cam đường, đời Chu, Thiệu Bá trồng ở nơi làm việc, khi ông mất rồi, nhân dân không nỡ chặt cây, vì di ấm của ông để lại. Đây ý nói di ấm của cha ông là Ngô Thì Sĩ vẫn còn lưu ở Lạng Sơn.

10.Y uất, trông cây nga ra cây uất. Xem chú thích số 7 trên.

11.Đội gạo, ý nói cha ốm, đội gạo để nấu cơm phụng dưỡng; theo sự tích Tăng Tử, học trò Khổng Tử, nổi tiếng là con hiếu.

12."Dây Kiêm hà" là nói con chú con bác; "hoa đường lệ" là nói anh em; "cỏ chi lan" là nói bè bạn.

5. 回貫祭幄逐日奠文

嗚呼！

戊戌夏，父自城回朝；兒等拜迎趨侯，捧觴上壽，父與之怡愉連月，寫盡渴懷。承教曰："吾自臺出鎮，爲朝廷守土。大丈夫建節一方，誠無所憾。惟江山迢遞，不能與爾繫戀，庶幾邊塵永帖，吾得往來京鎮間，公幹之暇，與爾等樂，是吾願也"。天難諶斯，事果難平。戊戌之冬，與父一別，而其後會遞至此耶？語曰："喪與其奢也寧儉"。兒等料理喪事，敢不遵承先志？大禮在即，分日設奠，兄弟以次爲之。今日次及伾。凡儀物皆父遺澤，兒等何施分毫。父在天之靈，其忍不曲賜鑒諒者歟！

嗚呼！父別此堂三歲，兒不得趨庭聆訓。以爲父朝天有期，膝下承歡，日月悠長。焂然箕尾歸天，神龍變化，實非凡塵之所能測量。數月以來，靈襯在堂，兒

等泣衣冠奉起居，如曰父在也。葬期有定，日月不居，今輁軨已駕，父又將與此堂永別。悠悠千古，無再覿之期，離筵在睹，極目慘痛，其何能爲情也耶！

草草設奠，儀隨俗有，泰山滄海，塵滴何施。痛哉！

嗚呼！壬午之秋，先庶母辭堂。任年十七，俶十三，倢倓皆十歲以上，琁始出胞。父鞠養諸兒，至庚寅婚嫁始及倓。然任等雖已成立，衣食日用，屢至牽掛親心。俶倓無內教，父憐愛尤切，約擇本邑一區爲二室，尚擬斑衣日長，締造恢拓，詒燕方深。倏然父棄諸孤，煢煢靡瞻。任等兄弟相謀，不敢不遵先志。上年冬，任倢赴諒迎喪，俶戚二妹在鄉，始構作二宅在村，爲歲時奉事駐足之所。風水所宜，不得請諸父，草草結構，苟完苟處，甚不足以稱尊心，哭垂而聚，合暫乃離。嗚呼痛哉！

本日俶爲奠，雖分灶寔同事，不敢如人家俗禮。兄妹彼此，區區相從於末，以悖寧戚。

劬勞罔極，寸草何報。嗚呼斷腸！菲莪伊蒿！

嗚呼！丁酉十二月父赴鎮，出行之前數日，兒女歌于京，爲餞行壽杯，其歌樂而思。

戊戌十月，父再赴鎮，出行之前數日，兒女聚于北營，治經略戎裝，其聚壯而婉。

庚子十月，父自鎮城回貫，今日父歸僊；出行之前數日，兒女哭于京鎮家堂。

昨也哭鬱而痛，今也哭窮而蕩。五年之中，父四度出行，歌一聚一哭二。歌雖樂，擊弧十數輩，不能一人奉晨昏，思而無奈，歌之罪也。聚雖壯，孟浪歲月，老父嵐瘴中，不能請於朝及課歸京，婉而無計，聚之罪也。

初度哭雖鬱，父子契闊，不得嘗湯視殮，今度哭，則悲之窮，情散于文，哀弛于事，又二哭之皆罪也。是於歌聚哭得四罪。有子如此，亦有室而爲男，有家而爲女，何以慰父心耶？

父於群子女中，倓最樸鈍，父憐之，每欲有所封植。今及于奠，想慈心戚然，有所不安。區區爲此，是又重兒等之不孝也。痛哉！

PHIÊN ÂM:

HỒI QUÁN TẾ ỐC TRỤC NHẬT ĐIỆN VĂN

Ô hô!

Mậu Tuất hạ, phụ tự thành hồi triều, nhi đẳng bái nghênh xu hầu, bổng cá thượng thọ, phụ dữ chi di du liên nguyệt, tả tận khát hoài. Thừa giáo viết: "Ngô tự đài xuất trấn, vị triều đình thủ thổ. Đại trượng phu kiến tiết nhất phương, thành vô sở hám. Duy giang sơn thiều đệ, bất năng dữ nhĩ hệ luyến, thứ cơ biên trần vĩnh thiếp, ngô đắc vãng lai kinh trấn gian, công cán chi hà, dữ nhĩ đẳng lạc, thị ngô nguyện dã." Thiên nan thầm tư, sự quả nan bình. Mậu Tuất chi đông, dữ phụ nhất biệt, nhi kỳ hậu hội đệ

chí thử da? Ngữ viết: "Tang dữ kỳ xa dã ninh kiệm." Nhi đẳng liệu lý tang sự, cảm bất tuân thừa tiên chí? Đại lễ tại tức, phân nhật thiết điện, huynh đệ dĩ thứ vi chi, kim nhật thứ cập Chí. Phàm nghi vật giai phụ di trạch, nhi đẳng hà thi phân hào. Phụ tại thiên chi linh, kỳ nhẫn bất khúc tứ giám lượng giả dư!

Ô hô! Phụ biệt thử đường tam tuế, nhi bất đắc xu đình linh huấn, dĩ vi phụ triều thiên hữu kỳ, tất hạ thừa hoan, nhật nguyệt du trường, thúc nhiên cơ vĩ qui thiên, thần long biến hóa, thực phi phàm trần chi sở năng trắc lượng. Sổ nguyệt dĩ lai, linh thấn tại đường, nhi đẳng khấp y quan phụng khởi cư, như viết phụ tại dã. Táng kỳ hữu định, nhật nguyệt bất cư, kim ôn dư dĩ giá, phụ hựu tương dữ thử đường vĩnh biệt. Du du thiên cổ, vô tái địch chi kỳ, ly diên tại đổ, cực mục thảm thống, kỳ hà năng vi tình dã da!

Thảo thảo thiết điện, nghi tuỳ tục hữu, thái sơn thương hải, trần trích hà thi. Thống tai!

Ô hô! Nhâm Ngọ chi thu, tiên thứ mẫu từ đường, Nhậm niên thập thất, Thục thập tam, Chí Diễm giai thập tuế dĩ thượng, Điện thủy xuất bào. Phụ cúc dưỡng chư nhi, chí Canh Dần hôn giá thủy cập Diễm. Nhiên Nhậm đẳng tuy dĩ thành lập, y thực nhật dụng, lũ chí khiên quải thân tâm. Thục, Diễm vô nội giáo, phụ lân ái vưu thiết, ước trạch bản ấp nhất khu vi nhị thất, thượng nghĩ ban y nhật trường, đế tạo khôi thác, di yến phương thâm. Thúc nhiên phụ khí chư cô, quỳnh quỳnh mị chiêm. Nhậm đẳng huynh đệ tương mưu, bất cảm bất tuân Tiên chí. Thượng niên đông, Nhậm, Chí phó Lạng nghênh tang, Thục, Diễm nhị muội tại hương, thủy cấu tác nhị trạch tại thôn, vi tuế thời phụng sự trú túc chi sở. Phong thủy sở nghi, bất đắc thỉnh chư phụ, thảo thảo kết cấu, cẩu hoàn cẩu xứ, thậm bất túc dĩ xứng tôn tâm. Khốc thùy nhi tụ, hợp tạm nãi ly. Ô hô thống tai!

Bản nhật Thục vi điện, tuy phân táo thực đồng sự, bất cảm như nhân gia tục lễ. Huynh muội bỉ thử, khu khu tương tòng ư mạt, dĩ bột ninh thích.

Cù lao võng cực, thốn thảo hà báo. Ô hô đoạn trường! Phỉ nga y cao!

Ô hô! Đinh Dậu thập nhị nguyệt phụ phó trấn, xuất hành chi tiền sổ nhật, nhi nữ ca vu Kinh, vi tiễn hành thọ bôi, kỳ ca nhạc nhi tư.

Mậu Tuất thập nguyệt, phụ tái phó trấn, xuất hành chi tiền sổ nhật, nhi nữ tụ vu bắc doanh, trị kinh lược nhung trang, kỳ tụ tráng nhi uyển.

Canh Tý thập nguyệt, phụ tự trấn thành hồi quán, kim nhật phụ qui tiên, xuất hành chi tiền sổ nhật, nhi nữ khốc vu kinh trấn gia đường.

Tạc dã khốc uất nhi thống, kim dã khốc cùng nhi đãng. Ngũ niên chi trung, phụ tứ độ xuất hành, ca nhất tụ nhất khốc nhị. Ca tuy lạc, ban hồ thập sổ bối, bất năng nhất nhân phụng thần hôn, tư nhi vô nại, ca chi tội dã; tụ tuy tráng, mạnh lãng tuế nguyệt, lão phu lam chướng trung, bất năng thỉnh ư triều cập khoá qui kinh, uyển nhi vô kế, tụ chi tội dã.

Sơ độ khốc tuy uất, phụ tử khế khoát, bất đắc thường thang thị liễm, kim độ khốc, tắc bi chi cùng, tình tán vu văn, ai thỉ vu sự, hựu nhị khốc chi giai tội dã. Thị ư ca tụ khốc đắc tứ tội. Hữu tử như thử, diệc hữu thất nhị vi nam, hữu gia nhi vi nữ, hà dĩ uý phụ tâm da!

Phụ ư quần tử nữ trung, Diễm tối phác độn, phụ lân chi, mỗi dục hữu sở phong thực. Kim cập vu điện, tưởng từ tâm thích nhiên, hữu sở bất an. Khu khu vi thử, thị hựu trọng nhi đẳng chi bất hiếu dã. Thống tai!

DỊCH NGHĨA:

VĂN TẾ ĐIỆN[1] HÀNG NGÀY Ở NHÀ TẾ KHI ĐÃ VỀ TỚI QUÊ

Than ôi!

Mùa hạ năm Mậu Tuất, cha tự biên thành về triều, bọn con tới lạy hầu, nâng chén ngọc dâng lễ thọ, mấy tháng liền cha con vui vẻ, trút hết mọi tâm tình. Cha từng dạy rằng: "Ta từ đài các ra ngoài biên trấn, vì triều đình coi giữ đất đai. Bậc đại trượng phu dựng cờ tiết một phương trời, thật không ân hận. Chỉ vì non sông xa cách, không thể quấn quýt cùng các con, may ra khi nào biên giới yên ổn, ta đi lại từ trấn về kinh, những lúc việc công nhàn rảnh, sẽ cùng vui với các con, đó là tâm nguyện của ta." Trời thực khó tin, việc khó bằng phẳng. Mùa đông năm Mậu Tuất, vừa tạm biệt cha rồi sau đó bỗng gặp cảnh này ư? *Luận Ngữ* nói: "Việc tang mà xa xỉ quá, thà rằng tiết kiệm còn hơn." Bọn con lo liệu việc tang, đâu dám không noi theo chí hướng của tiền nhân? Lễ lớn đã tới, hôm nay đặt lễ cúng cơm, anh em đổi lượt mà làm. Nay đến lần Chí.

Phàm những lễ vật đều là ơn trạch của cha để lại, bọn con nào phải bỏ ra mảy may. Linh hồn cha ở trên trời, nỡ nào không lượng tình mà chứng giám!

Than ôi! Cha từ biệt ngôi nhà này đã 3 năm, bọn chúng con như không được qua sân mà nghe lời khuyên bảo. Vì cha lên chầu trời có kỳ hạn, sự vui vầy ở dưới gối, ngày tháng còn dài. Hốt nhiên sao Cơ sao Vĩ trở về cõi trời, vị thần long biến hóa, sự thật, mất người trần phàm không thể lường tính được. Vài tháng trước đây, linh cữu ở trong nhà, chúng con hầu hạ đứng ngồi, nhìn áo mũ mà khóc, như cha còn sống vậy. Kỳ an táng đã định rồi, ngày tháng không lưu được, nay linh xa đã giục dã, cha sẽ phải từ biệt hẳn nhà này. Nghìn năm dằng dặc, không còn dịp nào gặp lại, tiệc ly biệt ở trước mắt, đau buồn căng mắt trông, vậy sao có thể cầm lòng được đây!

Bầy lễ điện sơ sài, nghi tiết theo thói tục, non cao biển rộng, hạt bụi giọt nước, thấm vào đâu. Đau đớn thay!

Than ôi! Mùa thu năm Nhâm Ngọ, Tiên thứ mẫu qua đời. Nhậm tuổi 17, Thục tuổi 13, Chí và Diễm đều hơn 10 tuổi, Điện thì mới sinh. Cha nuôi nấng các con, tới năm Canh Dần, việc cưới gả mới bắt đầu từ Diễm. Song bọn Nhậm tuy đã trưởng thành, những cơm ăn áo mặc hàng ngày, vẫn phải phiền lụy tới lòng cha. Thục và Diễm không có mẹ dạy, cha rất mực thương xót, sở ước tìm một khu đất ở bản ấp làm hai căn nhà, dù nghĩ rằng con còn nhỏ dại vẫn nên gây dựng mở mang, mưu tính cho con thật là sâu sắc. Bỗng nhiên, cha bỏ lại lũ con côi ngơ ngác, không biết nương cậy vào đâu. Anh em bọn Nhậm chẳng dám trái ý cha. Mùa đông năm ngoái, Nhậm, Chí tới thành Lạng Sơn đón tang, 2 em gái là Thục và Diễm ở lại quê nhà, mới dựng hai căn nhà ở trong thôn làm nơi năm tháng phụng thờ và trú chân. Phong thủy hợp cách, không thể không xin phép cha, lợp đậy qua loa, tạm cho xong mà ở tạm vậy, rất là không đủ để xứng với lòng mong mỏi của cha, chụm nhau lại mà khóc, tạm hợp rồi lìa. Than ôi! Đau đớn thay!

Ngày hôm nay đến lượt Thục làm lễ điện, dẫu đã ở riêng, mà công việc vẫn chung, không dám theo như lễ nghi tập tục của nhà khác. Trong anh chị em, kẻ thế này, người thế nọ, khư khư học theo thói hèn mạt, làm loạn trong nhà.

Ơn cù lao không cùng cực, lòng như tấc cỏ lấy gì báo đền. Than ôi! Đau lòng đứt ruột! Nhìn cỏ cao ra cỏ nga!

Than ôi! Tháng 12 năm Đinh Dậu, cha đến trấn Lạng, trước khi ra đi vài hôm, con trai con gái ca hát ở kinh thành, làm tiệc thọ tiễn đưa, lời ca hát đó vui mà nhớ!

Tháng 10 năm Mậu Tuất, cha lại tới trấn Lạng, trước khi ra đi vài ngày, con trai con gái tụ họp ở Bắc doanh, chỉnh đốn những đồ hành lý, buổi tụ họp này hùng tráng mà hoà vui.

Tháng 10 năm Canh Tý, cha từ trấn thành về quê, lần này cha về cõi tiên, trước ngày ra đi vài hôm, con trai con gái khóc ở trấn, ở kinh, ở nhà.

Trước kia khóc buồn bã mà đau thương, ngày nay khóc đau khổ mà chia ly. Trong khoảng 5 năm, 4 lần cha ra đi, ca hát 1, tụ họp 1, khóc thì 2. Ca hát tuy vui vẻ, những lũ con trai con gái 10 đứa, không một người hôm sớm phụng dưỡng, nghĩ tới mà không biết làm thế nào, đó là tội của ca hát. Tụ họp dẫu hùng tráng, năm tháng trôi nhanh, cha già ở trong chốn lam chướng, không sao xin phép với triều đình kịp định kỳ hạn trở về kinh, uyển chuyển mà không kế hoạch, đó là tội của tụ họp!

Lần đầu khóc dẫu buồn bã vì cha con xa cách, không được hầu thuốc thang, nhìn buổi khâm liệm, lần này khóc thì buồn xót cùng cực, tình tản ra lời văn, buồn buông ra ở việc, đó là tội của hai lần khóc. Thế là mắc 4 cái tội ca hát, tụ họp, khóc lóc. Có con như thế, mà trai có vợ, gái cũng có chồng, lấy gì làm hài lòng cha đây?

Cha đối với lũ con trai con gái, Diễm là chất phác, thật thà nhất, cha thương lắm, vẫn muốn có gì bù đắp cho. Nay kịp tới buổi lễ điện, hẳn lòng cha còn băn khoăn, có chỗ không được an tâm. Cứ khư khư làm như thế, đó lại là làm nặng thêm cái tội bất hiếu của đàn con. Đau đớn thay!

CHÚ THÍCH:

1. Điện: Cúng cơm.

6. 遺奠文

嗚呼！

丙戌父榮鄉，兒輩陪行，日望父於槐省蓮廊之上。戊戌父出鎮，兒輩餞行，時望父於團城祿馬

之山。今朝父安歸，兒輩送行，蓬壺瑤島，紫府清都，不知何處望父矣。

嗚呼！父降世五十五年，其以今朝爲千古之行，兒輩事父三十有五年，其以今朝爲千古之送。盤阿之山，二青之峒，極樂須彌之國，蒼梧碧落之天，其望父處耶？今則輜車既駕，咫尺玄堂，請奉升擧，式遵祖道。哀哉！

PHIÊN ÂM:

KHIỂN ĐIỆN VĂN

Ô hô!

Bính Tuất phụ vinh hương, nhi bối bồi hành, nhật vọng phụ ư hoè sảnh liên lang chi thượng. Mậu Tuất phụ xuất trấn, nhi bối tiễn hành, thời vọng phụ ư Đoàn Thành Lộc Mã chi sơn. Kim triêu phụ an quy, nhi bối tống hành, bồng hồ dao đảo, tử phủ thanh đô, bất tri hà xứ vọng phụ hĩ.

Ô hô! Phụ giáng thế ngũ thập ngũ niên, kì dĩ kim triêu vi thiên cổ chi hành, nhi bối sự phụ tam thập hữu ngũ niên, kì dĩ kim triêu vi thiên cổ chi tống. Bàn A chi sơn, Nhị Thanh chi động, cực lạc Tu Di chi quốc, Thương Ngô Bích Lạc chi thiên, kỳ vọng phụ xứ da? Kim tắc ôn xa ký giá, chỉ xích huyền đường, thỉnh phụng thăng dư, thức tuân tổ đạo. Ai tai!

DỊCH NGHĨA:

VĂN TẾ KHIỂN ĐIỆN

Than ôi!

Năm Bính Tuất, cha vinh qui về làng, chúng con hầu theo, luôn mong cha tiến lên ngôi đài các[1]. Năm Mậu Tuất cha ra Đốc trấn , chúng con tiễn đưa, luôn ngóng trông cha ở đầu non Lộc Mã Đoàn Thành. Ngày nay cha về an nghỉ, chúng con tiễn đưa bầu Bồng đảo Dao, đô thanh phủ tía, không biết nơi nào mà ngóng cha?

Than ôi! Cha giáng sinh xuống cõi đời 55 năm, ngày nay cha đi về nơi nghìn thuở; chúng con thờ cha 35 năm, ngày nay tiễn cha về chốn nghìn năm. Kìa non Bàn A, động Nhị Thanh, nước Tu Di cực lạc, trời Bích Lạc Thương Ngô, đó là nơi trông ngóng cha chăng? Nay xe linh xa đã dóng, huyệt táng chỉ gần trong gang tấc, xin rước cha lên xe, kính theo con đường tiễn biệt. Thương thay!

CHÚ THÍCH:

1.Đài các, nguyên văn "Hòe sảnh liên lang" là nơi tam công và khanh tướng ở, dịch thoát là đài các.

7. 中途祭幄奠文

嗚呼！

父平日謂兒等曰:"後汝輩葬我，當寔文章一棺，登擧降擧，入幄出幄，錦繡鼎俎，聽汝輩爲之，非言非默。載道之極，至人變化，豈許凡人測識！汝輩無污我以俗，以爲我羞"。父心已策有今日久矣。知子莫若父，兒輩凡品，何足以葬神僊。藏文於棺，爲醫俗也，而卒不得如願，區區今日，不知所云！嗚呼！蒼天曷有極耶？此地距墳寢，不過數四十步。德林之山，英靈在焉。兒輩菲薄，誠不足以報斗圭。一點血誠，惟記今日痛心筵而已。哀哉！

嗚呼！天地之心，其一曰情，情莫重于思，莫切于悲。人皆有父子之契闊，皆有契闊之悲思。兒輩之悲思，其爲情更慘。父在鎮三年，不得奉晨昏，回裝

見書裝，子女婚婿，義生義養，各有書，父留置一緘，嘗在左右箱。爲思子，故見書如見子。城營無事，每回書輒欲諸子來。任往宣，使妻瑛來寧，得一月，季婿受隨之，長婿益以南關公幹得親陪，亦僅十日。其餘並孟浪，上諒如天，行或止之，以嵐瘴不能染書，故書來多而身來少。遂至嵐瘴冒罔極，始愴惶懊悔，相攜而哭，律以誅心，豈非不孝之罪，莫甚於兒輩歟？

父回貫五月，不遵父命，蚤藏神龍，豚犬相謀，霑滯俗見，破碎錦繡爲飭喪車，奔走膏粱以爲祭。凡皆光風霽月，玉淵金井，所不屑視之物，不屑爲之儀，亟亟焉爲親浼。使吾父平生奇氣節大風概，爲尋常俗子玷之，豈非不孝已莫甚於兒輩歟？俯仰而思，既悔且慚，悔慚之至，拊膺而悲。父存不得事以孝，至無預於生死之別，可爲大悲思；父沒不能葬以禮，至俗累於冥陽之別，以爲親羞，可爲重悲思長悲思。爲是自反，不得其道，徘徊叩天，何階而攀。父子至情，今古從斯，此身惡重，何可言報。雞一，黍一，稻一，鹽一，醋一，匏茶一，淡糞一，漿一，凡皆悔罪號叩。吾父在天之靈，願一垂歆鑒於菲莪之徒焉，痛哉！

PHIÊN ÂM:

TRUNG ĐỒ TẾ ỐC ĐIỆN VĂN

Ô hô!

Phụ bình nhật vị nhi đẳng viết: "Hậu nhữ bối táng ngã, đương thực văn chương nhất quan, đăng dư giáng dư, nhập ốc xuất ốc, cẩm tú đỉnh trở, thính nhữ bối vi chi, phi ngôn phi mặc. Tải đạo chi cực, chí nhân biến hoá, khởi hứa phàm nhân trắc thức! Nhữ bối vô ô ngã dĩ tục, dĩ vi ngã tu." Phụ tâm dĩ sách hữu kim nhật cửu hĩ. Tri tử mạc nhược phụ, nhi bối phàm phẩm, hà túc dĩ táng thần tiên. Tàng văn ư quan, vi y tục dã, nhi tốt bất đắc như nguyện, khu khu kim nhật, bất tri sở vân! Ô hô! Thương thiên hạt hữu cực da? Thử địa cự phần tẩm, bất quá sổ tứ thập bộ. Đức Lâm chi sơn, anh linh tại yên. Nhi bối phỉ nga, thành bất túc dĩ báo Đẩu Khuê. Nhất điểm huyết thành, duy ký kim nhật thống tâm diên nhi dĩ. Ai tai!

Ô hô! Thiên địa chi tâm, kỳ nhất viết tình, tình mạc trọng vu tư, mạc thiết vu bi. Nhân giai hữu phụ tử chi khế khoát, giai hữu khế khoát chi bi tư. Nhi bối chi bi tư, kỳ vi tình cánh thảm. Phụ tại trấn tam niên, bất đắc phụng thần hôn, hồi trang kiến thư trang, tử nữ hôn tế, nghĩa sinh nghĩa dưỡng, các hữu thư, phụ lưu trí nhất giam, thường tại tả hữu xương. Vi tư tử, cố kiến thư như kiến tử. Thành doanh vô sự, mỗi hồi thư triếp dục chư tử lai. Nhậm vãng Tuyên, sử thê Anh lai ninh, đắc nhất nguyệt, quí tế Thụ tuỳ chi, trưởng tế Ích dĩ Nam quan công cán đắc thân bồi, diệc cẩn thập nhật. Kỳ dư tịnh mạnh lãng, thượng Lạng như thiên, hành hoặc chỉ chi, dĩ lam chướng bất năng nhiễm thư, cố thư lai đa nhi thân lai thiểu. Toại chí lam chướng mạo võng cực, thủy thương hoàng áo hối, tương huề nhi khốc, luật dĩ chu tâm, khởi phi bất hiếu chi tội, mạc thậm ư nhi bối dư?

Phụ hồi quán ngũ nguyệt, bất tuân phụ mệnh, tao tàng thần long, đồn khuyển tương mưu, chiêm trệ tục kiến, phá toái cẩm tú vi sức tang xa, bôn tẩu cao lương dĩ vi tế. Phàm giai quang phong tễ nguyệt, ngọc uyên kim tỉnh, sở bất tiếu thị chi vật, bất tiếu vi chi nghi, cực cực yên vi thân miễn. Sử ngô phụ bình sinh kỳ khí tiết đại phong khái, vi tầm thường tục tử điếm chi, khởi phi bất hiếu dĩ mạc thậm ư nhi bối dư? Phủ ngưỡng nhi

tư, ký hồi thả tàm, hồi tàm chi chí, phủ ưng nhi bi. Phụ tồn bất đắc sự dĩ hiếu, chí vô dự ư sinh tử chi biệt, khả vi đại bi tư; phụ một bất năng táng dĩ lễ, chí tục lụy ư minh dương chi biệt, dĩ vi thân tu, khả vi trùng bi tư trường bi tư. Vi thị tự phản, bất đắc kỳ đạo, bồi hồi khấu thiên, hà giai nhi phan. Phụ tử chí tình, kim cổ tòng tư, thử thân ác trọng, hà khả ngôn báo. Kê nhất, thử nhất, đạo nhất, diêm nhất, thố nhất, bào trà nhất, đạm canh nhất, tương nhất, phàm giai hối tội hào khấu. Ngô phụ tại thiên chi linh, nguyện nhất thùy hâm giám ư phỉ nga chi đồ yên, thống tai!

DỊCH NGHĨA:

VĂN TẾ ĐIỆN Ở RẠP TẾ GIỮA ĐƯỜNG

Than ôi!

Bình nhật cha thường bảo lũ con rằng: "Sau này bọn mày mai táng cho cha, nên bỏ đầy sách vở vào trong quan tài, còn lên xe xuống xe, vào rạp ra rạp, gấm vóc và cỗ bàn cho các con tự ý làm, ta không bảo làm, mà cũng không bảo đừng. Nhà chứa đạo cùng cực, bậc chí nhân thiên biến vạn hóa, há lại cho người phàm tục dò xét tới! Các con chớ theo tục xấu để làm nhơ nhuốc cha"! Cha có lòng nhắc tới việc này đã lâu! Biết con không ai bằng cha, chúng con phẩm chất tầm thường, đâu đủ tài cán mai táng được bậc thần tiên. Việc xếp chữ nghĩa vào trong quan tài, để chữa cho thói tục, vậy mà cuối cùng không sao làm được như ý nguyện, cứ khư khư như ngày nay, không biết nói gì! Than ôi! Trời xanh sao cùng cực đến thế? Nơi này xa cách phần mộ bất quá chỉ vài bốn mươi bước. Núi Đức Lâm, anh linh ở đó, chúng con lệ nhòa trông cỏ cao ra cỏ nga, thật không đủ để đền đáp được chút ít. Một giọt máu chân thành, chỉ ghi được tiệc cúng đau đớn buổi này mà thôi. Thương thay!

Than ôi! Tấm lòng của trời đất, điều thứ nhất là tình, mà tình thì không nặng bằng nỗi nhớ, không bức thiết bằng đau buồn. Người ta đều có buổi cha con xa cách, đều có nỗi nhớ, đau buồn về sự xa cách. Lũ con đau buồn thương nhớ, đối với tình lại là thảm thiết; vì cha ở trấn ba năm, chúng con không được hầu hạ sớm tối, khi đem đồ đạc về thấy có ít thư, trai gái dâu rể, cả con nuôi lớn nhỏ đều có thư, cha xếp thành một cuộn, thường để ở hòm bên tả bên hữu. Vì nỗi nhớ con, nên trông thư như trông thấy con. Doanh thự ở biên thành nhân lúc thư việc, mỗi khi gửi thư về là

muốn các con tới. Nhậm con đến thành Tuyên, sai vợ là Anh tới thăm, được 1 tháng, con rể út là Thụ cũng theo tới, con rể cả là Ích vì được buổi đi công cán ở ải Nam nên được gần gũi hầu hạ, cũng chỉ được mươi hôm. Ngoài ra đều bỏ mặc, coi con đường lên Lạng Sơn như con đường lên trời, bước đi như là có người ngăn cản, vì khí lam chướng không thể cảm nhiễm được lá thư, cho nên thư gửi tới nhiều, mà thân tự đến thì ít. Kịp đến lúc lam chướng phạm đến thân cha, bấy giờ mới buồn đau hối hận, ôm nhau mà khóc, đem luật mà xử cái tâm đó, há không phải là tội bất hiếu, không ai tệ hơn lũ con ư?

Đưa cha về quê được 5 tháng, không theo mệnh cha, xếp thần long, lại để lũ chó lợn[1] cùng bàn tính với nhau, chìm đắm vào thói tục, xé bét gấm vóc làm đồ trang sức cho xe tang, chạy vạy sửa soạn xôi thịt để cúng tế. Phàm những vật đó đều là vật mà các linh hồn như gió mát trăng thanh, như giếng vàng đầm ngọc không thèm nhìn ngó tới, không thèm dùng làm nghi thức, chỉ làm nhơ nhuốc cho cha. Khiến cho khí tiết thanh kỳ, phong cách cao cả bình nhật của cha, bị lũ con cái tục tằn làm cho có vết, đó há không phải tội bất hiếu, không gì to bằng của lũ con đó ư? Cúi nghĩ, đã hối hận lại hổ thẹn, hối hận hổ thẹn đến cực độ, chỉ xoa ngực mà buồn. Cha còn sống không sao hiếu thảo để phụng thờ, thậm chí đến lúc chết chia lìa cũng không được dự, thật là thương xót đến tột độ; cha mất không sao đủ lễ để an táng, đến nỗi phiền lụy vào sự âm dương ly biệt của thói tục, để hổ cho cha, làm cho càng thương nhớ mãi mãi. Tự nghĩ lại việc làm đó, không hợp với đạo, bồn chồn kêu trời, có thang bậc nào mà vin lại được. Cha con là chỗ chí tình, kim cổ xa cách từ nay, thân này tội ác chất nặng, lấy gì đền đáp. Gà 1 con, cơm 1 bát, xôi 1 đĩa, muối 1 đĩa, dấm 1 bát, rau bầu 1, canh nhạt 1, tương 1, đều là món hối hận tội lỗi mà khóc than. Cúi mong thiêng liêng ở trên trời, về hâm hưởng lễ mọn này của chúng con. Đau xót thay!

CHÚ THÍCH:

1.Chó lợn, lời tự khiêm là con bất tài như chó, lợn. Đời Tam Quốc, Tào Tháo thường nói, sinh con tài giỏi như Tôn Trọng Mưu, còn như con của Cảnh Thăng là chó lợn mà thôi.

8. 亭柩堂奠告文

嗚呼！

父平日嘗言:"人多爲開眼謀，不能爲合眼謀，區區生前利祿，至於百年墳宅，泛如也。吾不忍以後事遺子女，當營一福地，爲萬年不易之址"。爰相此地爲宅，約晚年居之，百年後即其址爲墳。己亥秋承委錫武回營宅，越庚子夏稍，落成，輪奐一新，父未及見。古人云"歌於斯聚於斯哭於斯"。此堂歌聚已無及矣。嗚呼慟哉！兒輩奉喪今始至，以瓦屋中堂，奉安靈襯，謹修治外郭，就曜取中，四維無曠，擇以二十八日吉時奉安玉體。父精神志氣，充塞磅礴當昭明常在。

伏望烹蒿陟降，精爽如臨，俾兒等得奉起居，以成先志。嗚呼憶往事於無奈，冀承歡于茫渺。造化伎倆，人事多違。哀哉！

PHIÊN ÂM:

ĐÌNH CỮU ĐƯỜNG ĐIỆN CÁO VĂN

Ô hô!

Phụ bình nhật thường ngôn: "Nhân đa vị khai nhãn mưu, bất năng vị hợp nhãn mưu, khu khu sinh tiền lợi lộc, chí ư bách niên phần trạch, phiếm như dã. Ngô bất nhẫn dĩ hậu sự di tử nữ, đương doanh nhất phúc địa, vi vạn niên bất dịch chi chỉ." Viên tương thử địa vi trạch, ước vãn niên cư chi, bách niên hậu tức kỳ chỉ vi phần. Kỷ Hợi thu thừa uỷ Tích Vũ hồi doanh trạch, việt Canh Tý hạ sao, lạc thành, luân hoán nhất tân, phụ vị cập kiến. Cổ nhân vân: "Ca ư tư, tụ ư tư, khốc ư tư." Thử đường ca tụ dĩ

vô cập hĩ. Ô hô đống tai! Nhi bối phụng tang kim thủy chí, dĩ ngoã ốc trung đường phụng an linh thấn, cẩn tu trị ngoại quách, tựu diệu thủ trung, tứ duy vô khoáng, trạch dĩ nhị thập bát nhật cát thời phụng an ngọc thể. Phụ tinh thần chí khí, sung tắc bàng bạc, đương chiêu minh thường tại.

Phục vọng huân cao trắc giáng, tinh sảng như lâm, tỉ nhi đẳng đắc phụng khởi cư, dĩ thành tiên chí. Ô hô, ức vãng sự ư vô nại, ký thừa hoan vu mang diểu. Tạo hóa kỹ lưỡng, nhân sự đa vi. Ai tai!

DỊCH NGHĨA:

VĂN TẾ CÁO CÚNG CƠM Ở NHÀ ĐỂ QUAN TÀI

Than ôi!

Bình sinh cha từng nói: "Người đời phần nhiều chỉ mưu tính lúc còn sống, không mưu tính khi đã mất, bo bo lợi lộc trước mắt, đến như phần mồ đống mả trăm năm, đều như nhau cả. Ta không nỡ đem sự việc sau này để lại cho trai gái phải lo, nên chọn một ngôi phúc địa để làm cái nền vững vàng muôn năm không thay đổi." Thế nên chọn đất này làm ngôi nhà, muốn rằng tuổi già sẽ về ở, sau khi trăm tuổi thì làm phần mộ trên nền này. Mùa thu năm Kỷ Hợi, giao cho Tích Vũ trở về kiến thiết nhà cửa, qua mùa hạ năm Canh Tý tạm xong, trang hoàng mới mẻ, cha chưa kịp thấy. Người xưa nói: "Ca hát ở đây, tụ tập ở đây, khóc lóc ở đây." Ngôi nhà này với buổi ca hát và tụ tập thì không kịp rồi. Than ôi buồn thay! Lũ con phụng sự việc tang nay mới bắt đầu, dùng gian giữa nhà ngói làm nơi để linh cữu, kính cẩn làm chiếc quách ở ngoài, cốt lấy đúng giữa, bốn bên không để trống, chọn giờ tốt ngày 28 xin an táng ngọc thể. Tinh thần chí khí của cha rộng lớn, luôn luôn sáng tỏ nơi đây.

Kính mong: Khói hương nghi ngút, linh hồn khi lên khi xuống luôn thường về, khiến cho lũ con được hầu hạ khi ở khi đi, để thành cái chí của cha. Than ôi! Nhớ lại việc xưa, không làm sao được, chỉ mong cha vui ở chốn mênh mang. Tạo hóa thật tài tình, việc người phần nhiều là trái ngược. Thương thay!

9. 成墳祭文

嗚呼！

德林佛嶺，三生瞿缽之因緣；福地僊宮，萬祀松揪之基址。既經營之協吉；望赫濯之攸寧。

衣冠此土奠佳藏，幸介兒孫之祉；俎豆今晨將薄酹，何勝父子之情。

伏望爽靈；俯垂鑒格。

哀哉！

PHIÊN ÂM:

THÀNH PHẦN TẾ VĂN

Ô hô!

Đức Lâm Phật lĩnh, tam sinh cù bát chi nhân duyên; phúc địa tiên cung, vạn tự tùng thu chi cơ chỉ.

Ký kinh doanh chi hiệp cát; vọng hách trạc chi du ninh.

Y quan thử thổ điện giai tàng, hạnh giới nhi tôn chi chỉ; trở đậu kim thần tương bạc loại, hà thăng phụ tử chi tình.

Phục vọng sảng linh; phủ thùy giám cách.

Ai tai!

DỊCH NGHĨA:

VĂN TẾ ĐẮP XONG PHẦN MỘ

Than ôi!

Non Phật chốn Đức Lâm, ba kiếp nhân duyên chứa đầy bát pháp; cung tiên nơi phúc địa, muôn năm nền nếp cao vút ngàn thông

Chọn ngày tốt sửa sang; mong yên lành rực rỡ.

Áo mũ nơi này xếp chặt, may ban cho con cháu phúc lành; cỗ bàn ngày tốt kính dâng, khôn xiết nỗi cha con tình nặng.

Rạp mong linh sảng; cúi xét soi cho.

Thương thay!

10. 初虞祭文

嗚呼！

虞之爲祭，安神之禮也，古者大夫五虞，朱文公不敢以大夫之祭，祭父母故爲三虞，國俗因之，遂爲通禮。父在時，嘗嘆其禮之謬，俗爲棗主，初虞二虞於路。改題棗主，三虞於寢，以足五虞之禮，待有建白方著於書。兒實聞明訓。竊意父歸朝後，趨陪臺閣，有所典定，此禮必當斟酌權行，自國而家，方敢遵行。詎意奎啻斗搖，山頹岳裂，不得預晨昏於契闊。承教誨於彌留。百事棼鬃，莫知取準，今家庭叨忝五虞之祭，於禮實宜。惟國禮通融，自古及今，父有意制作，未及行於天下，兒等豈敢行於一家？謹遵常禮，反哭而虞，是爲初祭，維新享親，孝心未齋，薰沐皆罪，想昊天之難答，痛號慕之無及。恭陳薄禮，願鑒哀忱。痛哉！

PHIÊN ÂM:

SƠ NGU TẾ VĂN

Ô hô!

Ngu chi vi tế, an thần chi lễ dã, cổ giả đại phu ngũ Ngu, Chu Văn Công bất cảm dĩ đại phu chi tế, tế phụ mẫu, cố vi tam ngu, quốc tục nhân chi, toại vi thông lễ. Phụ tại thời, thường thán kỳ lễ chi mậu, dục vi táo chủ, sơ Ngu nhị Ngu ư lộ. Cải đề táo chủ, tam Ngu ư tẩm, dĩ túc ngũ Ngu chi lễ, đãi hữu kiến bạch phương trước ư thư. Nhi thực văn minh huấn. Thiết ý phụ qui triều hậu, su bồi đài các, hữu sở điển định, thử lễ tất đương châm chước quyền hành, tự quốc nhi gia, phương cảm tuân hành.

Cự ý Khuê âm Đẩu dao, sơn đồi nhạc liệt, bất đắc dự thần hôn ư khế khoát. Thừa giáo hối ư di lưu. Bách sự bồng tông, mạc tri thủ chuẩn, kim gia đình thao thiểm ngũ Ngu chi tế, ư lễ thực nghi. Duy quốc lễ thông dung, tự cổ cập kim, phụ hữu ý chế tác, vị cập hành ư thiên hạ, nhi đẳng khởi cảm hành ư nhất gia? Cẩn tuân thường lễ, phản khốc nhi Ngu, thị vi sơ tế, duy tân hưởng thân, hiếu tâm vị trai, huân mộc giai tội, tưởng hạo thiên chi nan đáp, thống hiệu mộ chi vô cập. Cung trần bạc lễ, nguyện giám ai thầm. Thống tai!

DỊCH NGHĨA:

VĂN TẾ NGÀY SƠ NGU
(CÚNG CƠM BỮA SAU KHI AN TÁNG)

Than ôi!

Gọi là tế Ngu, tức là lễ an thần, đời cổ quan Đại phu tế Ngu 5 tuần, ông Chu Văn Công không dám nhận tuần tế của chức Đại phu, cho nên tế cha mẹ chỉ có ba ngày, tục nước theo đó bèn thành lệ thường. Khi cha còn sống, từng than thở lễ bị sai lầm, muốn làm thần chủ bằng cây gỗ táo, lễ sơ Ngu và nhị Ngu cúng ở dọc đường. Khi đề thần chủ, làm lễ tam Ngu ở nhà chính tẩm, để đủ lễ ngũ Ngu (5 kỳ lễ), đợi khi nào có lời thỉnh cầu mới sao chép vào sách. Con thực đã nghe rõ lời dạy bảo đó. Trộm nghĩ, sau khi cha về triều, ra vào nơi đài các, có định lại điển lễ, thì lễ đó tất phải liệu thêm bớt cho hợp, từ nước cho đến nhà riêng, rồi mới dám tuân theo. Ngờ đâu sao Khuê mờ mịt, sao Đẩu ngả nghiêng, núi xiêu gò lở, sớm tối không được dự buổi lìa xa. Con vâng theo lời dạy bảo lúc hấp hối. Trăm việc bối rối, không biết theo đâu phải, nay gia đình theo tuần tế ngũ Ngu thích hợp với lễ. Chỉ có điều, điển lễ dùng trong cả nước, từ xưa tới nay, cha có ý xếp đặt lại, nhưng chưa kịp thi hành với thiên hạ, chúng con đâu dám làm riêng trong một nhà? Kính cẩn theo lễ thường, khi từ mộ khóc trở về là lễ tuần sơ Ngu, theo lệ mới mà tế cha, tấm lòng hiếu kính chưa được chay tịnh, gội tắm đều là có tội, thiết tưởng như trời cao cũng khó mà báo đáp, đau đớn gào khóc mà không sao kịp. Kính cẩn lễ bạc, mong chứng cho tấm lòng thành. Đau xót thay!

11. 再虞祭文

嗚呼！

禮遇柔日再虞。柔取其靜，欲其神之常安也。前月三十日遇癸，禮當再虞。因兒某於二十四日得召命，啓請葬禮完奉赴召。既初虞，又奉中使催促，是日匆匆治行，初一日奉赴侯旨，是以再虞，遲于今日。嗚呼，兒誠不孝矣！

父行藏既不得與，至於葬祭之日，又輒匆忙。農商技藝之子，所以事親者，不如是之曠缺。東西南北之人，聖人以爲嘆。今日之禮，兒不得與祭，其爲悲悔，何可勝言。父在天之靈，當賜體諒哀哉！

PHIÊN ÂM:

TÁI NGU TẾ VĂN

Ô hô!

Lễ ngộ nhu nhật tái Ngu. Nhu thủ kỳ tĩnh, dục kỳ thần chi thường an dã. Tiền nguyệt tam thập nhật ngộ Quí, lễ đương tái Ngu. Nhân nhi mỗ ư nhị thập tứ nhật đắc triệu mệnh, khải thỉnh táng lễ hoàn phụng phó triệu. Ký sơ Ngu hựu phụng trung sứ thôi thúc, thị nhật thông thông trị hành, sơ nhất nhật phụng phó hầu chỉ, thị dĩ tái Ngu, trì vu kim nhật. Ô hô, nhi thành bất hiếu hĩ!

Phụ hành tàng ký bất đắc dự, chí ư tang tế chi nhật, hựu triếp thông mang. Nông thương kỹ nghệ chi tử, sở dĩ sự thân giả, bất như thị chi khoáng khuyết. Đông tây nam bắc chi nhân, thánh nhân dĩ vi thán. Kim nhật chi lễ, nhi bất đắc dự tế, kỳ vi bi hối, hà khả thăng ngôn. Phụ tại thiên chi linh, đương tứ thể lượng. Ai tai!

DỊCH NGHĨA:

VĂN TẾ TÁI NGU
(CÚNG CƠM NGÀY THỨ 2)

Than ôi!

Theo Lễ, gặp ngày nhu[1] thì làm lễ Tái Ngu. Nhu lấy nghĩa là tĩnh, là muốn cho thần hồn được an tĩnh. Tháng trước, ngày 30 gặp ngày Quí, nên làm lễ Tái Ngu. Vì mỗ con ngày 24 có lệnh chúa gọi, muốn xin an táng xong, sẽ theo lệnh gọi mà vào chầu. Khi đã tế Sơ Ngu, thì Trung sứ lại đến thúc gấp, hôm đó vội vàng chỉnh đốn ra đi, ngày mồng 1, phụng mệnh vào hầu, vì thế lễ Tái Ngu phải chậm đến hôm nay. Than ôi! Con thật là bất hiếu vậy!

Khi cha làm việc hay nghỉ ngơi đã không được hầu hạ bên cạnh, đến ngày chôn cất tế lễ lại phải vội vàng. Con nhà làm ruộng, đi buôn hay kỹ nghệ, họ phụng thờ cha mẹ cũng không chịu bỏ sơ sài khiếm khuyết như thế. Người theo lệnh nay đông mai tây, nay nam mai bắc như con, lại thờ cha mẹ như vậy khiến thánh nhân cũng phải than thở. Buổi lễ hôm nay con không được vào tế thì lòng hối hận, sao nói hết được. Cha linh thiêng ở trên trời, nên thể tất cho. Thương thay!

CHÚ THÍCH:

1. Ngày nhu trái với ngày cương. Theo thập can trong lịch, cứ ngày Giáp thì là cương, Ất là nhu, Bính là cương, Đinh là nhu, cứ lần lượt mà tính...

12. 三虞祭文

嗚呼！

聖人制禮，告窆後求於室，反而不可得。思親彷徨，故三祭以安之。前月二十九日，大禮告襄當以剛柔日時次弟行虞禮。兒反哭輒忙，日子遲延，多不合禮節。仰惟昭明在天，動靜翕闢，與造化同運，剛柔皆適。謹具微儀，祇薦控常事，伏惟靈聽。俯賜鑒臨。哀哉！

PHIÊN ÂM:

TAM NGU TẾ VĂN

Ô hô!

Thánh nhân chế lễ, cáo biếm hậu cầu ư thất, phản nhi bất khả đắc. Tư thân bàng hoàng, cố tam tế dĩ an chi. Tiền nguyệt nhị thập cửu nhật, đại lễ cáo tương, đương dĩ cương nhu nhật thời thứ đệ hành Ngu lễ. Nhi phản khốc triếp mang, nhật tử trì diên, đa bất hợp lễ tiết. Ngưỡng duy chiêu minh tại thiên, động tĩnh hấp tịch, dữ tạo hóa đồng vận, cương nhu giai thích. Cẩn cụ vi nghi, chi tiến khống thường sự, phục duy linh thính. Phủ tứ giám lâm. Ai tai!

DỊCH NGHĨA:

VĂN TẾ TAM NGU
(CÚNG CƠM NGÀY THỨ 3)

Than ôi!

Thánh nhân đặt ra lễ, sau khi đã cáo thành phần mộ rồi, thì cầu cúng ở nhà, làm ngược lại thì không được. Nhớ cha lòng đương bồi hồi, cho nên bày tế Tam Ngu để yên lòng lại. Ngày 29 tháng trước, làm lễ lớn, nên lần lượt lấy ngày cương ngày nhu làm lễ Ngu, còn ngay lúc mai táng xong trở về đã bận rộn rồi, nếu ngày tháng cứ kéo dài thì không hợp lễ. Ngước trông hồn thiêng sáng rực trên trời, động tĩnh mở đóng, vận hành cùng tạo hóa, cương nhu đều thích hợp. Kính bầy lễ mọn, lệ thường kính dâng. Cúi mong hồn thiêng soi xét. Thương thay!

13. 告襄文

嗚呼！

今日之禮，俗禮也。經年奉喪，大禮始克告襄，甚違尊意。區區一奠，守鄉人之例，何足以爲昭明。

父平日謂兒兄弟曰:"神龍見首不見尾。告窆之後，犧牲鼎俎，聽汝爲之。奉柩於幃，陳饌於堂，登爵於階，

接賓於廳，縱有肥腯豐潔，何可答劬勞？有父之子，皆能爲之，有子之父，所期望當不在此"。兒輩亦眞不肖矣。惟是造化伎倆，心與事乖。馬山殞星，千里回喪。三載思親，不得承顏，無計攀天。祇得奉承几筵，爲菲莪之晨昏，不覺居諸，已經五月。今飭喪在邇，兒兄弟相與謀議，葬祭雖薄，不敢不從大夫之後。自弟某以下諸弟妹猶幼，不忍使以事。兒與次弟某妹俶戩各有家室，分董諸務。凡百需用，皆我父官俸之餘，兒輩全無分毫加多。父憐憫諸孤，不敢過禮從念，以爲親憂。

潦草陳儀，伏訴哀衷。嗚呼！靈爽在二青耶？其在此堂耶？渺渺茫茫，何處哀章？哀哉！

PHIÊN ÂM:

CÁO TƯƠNG VĂN

Ô hô!

Kim nhật chi lễ, tục lễ dã. Kinh niên phụng tang, đại lễ thủy khắc cáo tương, thậm vi tôn ý. Khu khu nhất điện, thủ hương nhân chi lệ, hà túc dĩ vi chiêu minh.

Phụ bình nhật vị nhi huynh đệ viết: "Thần long kiến thủ bất kiến vĩ. cáo biếm chi hậu, hy sinh đỉnh trở, thính nhữ vi chi. Phụng cữu ư vi, trần soạn ư đường, đăng tước ư giai, tiếp tân ư sảnh, túng hữu phì thuẫn phong khiết, hà khả đáp cù lao? Hữu phụ chi tử, giai năng vi chi, hữu tử chi phụ, sở kỳ vọng đương bất tại thử." Nhi bối diệc chân bất tiếu hĩ. Duy thị tạo hóa kỹ lưỡng, tâm dữ sự quai. Mã sơn vẫn tinh, thiên lý hồi tang. Tam tải tư thân, bất đắc thừa nhan, vô kế phan thiên. Chỉ đắc phụng thừa kỷ diên, vị phỉ nga chi thần hôn, bất giác cư chư, dĩ kinh ngũ nguyệt. Kim sức tang tại nhĩ, nhi huynh đệ tương dữ mưu nghị, táng tế tuy bạc, bất cảm bất tòng đại phu chi hậu. Tự đệ mỗ dĩ hạ chư đệ muội do ấu, bất

nhẫn sử dĩ sự. Nhi dữ thứ đệ mỗ muội Thục, Diễm các hữu gia thất, phân đổng chư vụ. Phàm bách nhu dụng, giai ngã phụ quan bổng chi dư, nhi bối toàn vô phân hào gia đa. Phụ lân mẫn chư cô, bất cảm quá lễ tòng niệm, dĩ vi thân ưu.

Lạo thảo trần nghi, phục tố ai trung. Ô hô! Linh sảng tại Nhị Thanh da? Kỳ tại thử đường da? Diểu diểu mang mang, hà xứ cổn chương? Ai tai!

DỊCH NGHĨA:

VĂN TẾ CÁO TƯƠNG

(TRÌNH BẦY VỀ VIỆC AN TÁNG VÀ TAM NGU ĐÃ XONG)

Than ôi!

Lễ ngày hôm nay, là lễ theo lệ tục. Cả năm lo việc tang ma, đại lễ mới bắt đầu xong, việc này rất trái với ý của cha. Khư khư bầy một lễ Điện, giữ thói lề của người làng, sao đủ để làm sáng tỏ được.

Bình nhật, cha bảo anh em con rằng: "Rồng thần chỉ hiện đầu chứ không hiện đuôi. Sau khi lễ cáo đã thành mộ rồi, trâu bò, cỗ bàn, tùy ý các con. Đặt linh cữu ở trong rạp, bày cỗ bàn ở trong nhà, rót rượu ở thềm, tiếp khách ở hiên, dù có thịt cá nhiều, cơm rượu đầy, sao đủ để báo đáp được công khó nhọc? Người con có cha, thì ai cũng làm được việc ấy, người cha có con, thì điều mong mỏi không phải ở chỗ đó". Lũ con cũng quả thật là bất hiếu. Chỉ tại tạo hóa khéo chuyển vần, khiến ý nghĩ trái với việc làm. Sao rời non Lộc Mã, nghìn dặm đưa tang về. Nhớ cha ba năm, không được nhìn mặt, không kế gì vin kéo lại. Nay kính được hầu hạ ở ban thờ, hôm sớm thờ cúng, không ngờ lần lừa, đã trải 5 tháng. Nay lễ táng đã tới ngày, anh em con cùng nhau bàn tính, lễ mai táng dẫu đơn bạc, không dám không theo sau cái lễ của quan đại phu. Các em trai gái, từ em mỗ trở xuống còn nhỏ, không nỡ cắt công việc. Con cùng em trai thứ và các em gái là Thục, Diễm đều đã có gia đình riêng, chia các công việc mà làm. Phàm trăm khoản nhu phí đều là bổng lộc của cha còn để lại, lũ con không thêm được chút nào. Cha thương cho lũ con côi, không dám theo ý muốn mà làm sai lễ, để lại nỗi lo cho cha.

Bầy lễ sơ sài, cúi tỏ lòng thương. Than ôi! Hồn thiêng ở động Nhị Thanh ư? Ở tế đường này ư? Mờ mờ mịt mịt, không biết cha ở nơi nào? Thương xót thay!

14. 百日告文

嗚呼！

天地之數，始於一而成於百。百者一之流而萬之源也。人生至百歲而荒，人事至百爲而弛，人情至百思而解，天時至百日而滿。是百爲成數又爲盈數。譬之既灌之禘也，既灌不如未灌之誠，百日之哀，不如一日之哀。僚屬得哭官官長，藩臣得哭節度，十軍得哭鎮將，七州得哭都司，僧得哭佛，民得哭神，兒輩獨不哭父。人哭之日，乃爲兒笑之日，兒哭之日，則笑日已不可贖矣。計百日中，除四日計，聞始得哭。是人家百日子哭父，兒輩哭父，纔九十六日耳。又除遠道奔喪，登山涉溪，情移於行李，分於戒心，旬日馳驅，兒雖有泣哭之哀，而不得專戀慕之誠。其視人家子誠戀父母者，又大不及。比至家鄉，得專事父，則十分孝，已弛至五六分矣。有乾啼而無血淚，有長呼短嘆而無斷腸，有徘徊瞻望而無痛心。在百日中且然，又從此以至千萬日，所謂終身之喪者，不過粗跡焉耳，豈非甚枉也哉！夫是之謂眞不孝，不孝何能饗親。區區蘋藻，聊訴此懷，于昊天而已。嗚呼！痛哉。

始計聞，兒輩得家奴回書言:"九月二十四日亥刻父歸僊"。遠信愴惶，即以其日，具啓告哀，至城，詢諸挈壺，兒輩亦信然。歸而沉思，謹攝之曆數，驗

以日出日入而卜中霄，蓋奴之所謂亥當爲子。吾父彌留，嘗問入更籌刻？至人變化，當有通神先覺，凡夫何得預焉。謹奉以九月二十五日，爲萬年諱日。伏望尊靈，陟降在天，俯顧諸孤，獲奉烝嘗。嗚呼痛哉！

PHIÊN ÂM:

BÁCH NHẬT CÁO VĂN

Ô hô!

Thiên địa chi số, thủy ư nhất nhi thành ư bách. Bách giả nhất chi lưu nhi vạn chi nguyên dã. Nhân sinh chí bách tuế nhi hoang, nhân sự chí bách vi nhi thỉ, nhân tình chí bách tư nhi giải, thiên thời chí bách nhật nhi mãn. Thị bách vi thành số hựu vi doanh số. Thí chi ký quán chi đế dã, ký quán bất như vị quán chi thành, bách nhật chi ai, bất như nhất nhật chi ai. Liêu thuộc đắc khốc quan trưởng, phiên thần đắc khốc Tiết độ, thập quân đắc khốc Trấn tướng, thất châu đắc khốc Đô ti, tăng đắc khốc Phật, dân đắc khốc thần, nhi bối độc bất khốc phụ. Nhân khốc chi nhật, nãi vi nhi tiếu chi nhật, nhi khốc chi nhật, tắc tiếu nhật dĩ bất khả thục hĩ. Kế bách nhật trung trừ tứ nhật kế, văn thủy đắc khốc. Thị nhân gia bách nhật tử khốc phụ, nhi bối khốc phụ, tài cửu thập lục nhật nhĩ. Hựu trừ viễn đạo bôn tang, đăng sơn thiệp khê, tình di ư hành lý, phân ư giới tâm, tuần nhật trì khu, nhi tuy hữu khấp khốc chi ai, nhi bất đắc chuyên luyến mộ chi thành. Kỳ thị nhân gia tử thành luyến phụ mẫu giả? Hựu đại bất cập. Tỉ chí gia hương, đắc chuyên sự phụ, tắc thập phân hiếu, dĩ thỉ chí ngũ lục phân hĩ. Hữu càn đề nhi vô huyết lệ, hữu trường hô đoản thán nhi vô đoạn trường, hữu bồi hồi chiêm vọng nhi vô thống tâm. Tại bách nhật trung thả nhiên, hựu tòng thử dĩ chí thiên vạn nhật, sở vị chung thân chi tang giả, bất quá thô tích yên nhĩ, khởi phi thậm uổng dã tai! Phù, thị chi vị chân bất hiếu, bất hiếu hà năng hưởng thân. Khu khu tần tảo, liêu tố thử hoài, vu hạo thiên nhi dĩ. Ô hô! Thống tai!

Thủy phó văn, nhi bối đắc gia nô hồi thư ngôn: "Cửu nguyệt nhị thập tứ nhật Hợi khắc phụ qui tiên." Viễn tín thương hoàng, tức dĩ kỳ nhật, cụ khải cáo ai, chí thành, tuân chư khế hồ, nhi bối diệc tín nhiên,

Qui nhi trầm tư, cẩn suy chi lịch số, nghiệm dĩ nhật xuất nhật nhập, nhi bốc trung tiêu, cái vô chi sở vị Hợi đương vi Tý. Ngô phụ di lưu, thường vấn nhập canh trù khắc? Chí nhân biến hóa, đương hữu thông thần tiên giác, phàm phu hà đắc dự yên. Cẩn phụng dĩ cửu nguyệt nhị thập ngũ nhật, vi vạn niên húy nhật. Phục vọng tôn linh, trắc giáng tại thiên, phủ cố chư cô, hoạch phụng huân cao. Ô hô thống tai!

DỊCH NGHĨA:

VĂN CÁO LỄ TRĂM NGÀY

Than ôi!

Số mục của trời đất, bắt đầu từ số một mà thành số trăm. Số trăm là do số một đưa đến mà mở nguồn cho số muôn vạn. Người sống đến trăm tuổi thì già yếu, việc đời xoay chuyển đến trăm thì rời rạc, tình người đến trăm thì nỗi mong nhớ thưa nhạt, thời tiết của trời đến trăm ngày thì đầy đủ. Thế nên, số trăm là số thành, lại là số đầy đặn. Ví như rót rượu tế thần, lòng thành kính khi đã rót rượu không bằng lòng thành kính lúc chưa rót rượu, lòng đau thương ở lễ trăm ngày, không bằng nỗi buồn đau một ngày. Đó là ngày: Bọn liêu thuộc được khóc vị quan trưởng, các phiên thần được khóc quan Tiết độ, mười quân được khóc vị Trấn tướng, cả bảy châu được khóc quan Đô ti, nhà sư được khóc chư Phật, nhân dân được khóc chư thần, riêng lũ con không khóc cha. Ngày người khóc, lại là ngày chúng con cười, nên ngày chúng con khóc, đã không thể chuộc được ngày chúng con cười. Kể trong vòng trăm ngày, trừ 4 ngày được tin cáo phó, mới được khóc. Vậy là người khác, con khóc cha đủ trăm ngày, còn chúng con khóc cha, thì mới có 96 ngày mà thôi. Lại trừ chạy vạy đường xa trèo non vượt suối, tình thương để vào hành lý, phân tán ở cả lòng sợ sệt, mươi ngày duổi dong, con dẫu có đau thương kêu khóc, thì cũng không được thành tâm luyến tiếc. Vậy so với sự thành tâm luyến tiếc cha mẹ của con nhà người khác, thì chúng con không bằng. Ví như đã đến quê nhà, được chuyên cần phụng sự cha, thì lòng hiếu thảo mười phần đã giảm mất đến năm sáu phần vậy. Có tiếng khóc khô cạn mà không có giọt lệ máu, có thở vắn than dài mà không đứt ruột, có sự bồn chồn trông ngóng mà không đau lòng. Tang lễ trăm ngày cũng thế, huống chi lại từ đây đến nghìn vạn ngày sau, cái gọi là cái tang suốt đời đó,

chẳng qua chỉ là cái dấu tích thô sơ mà thôi, há không phải là uổng phí lắm! Ôi! Đó mới thật là bất hiếu, đã bất hiếu thì làm gì được cha mẹ chứng cho. Chỉ biết khư khư dâng lễ rau tần rau tảo, tạm giãi nỗi niềm với trời cao mà thôi. Than ôi! Đau đớn thay!

Vừa nhận được tin buồn, chúng con được gia nô cầm thư về nói: "Giờ Hợi ngày 24 tháng 9 cha về cõi tiên." Nhận được tin thật đau buồn, ngay ngày hôm đó dâng khải cáo tang, khi tới Thành hỏi quan coi thời khắc, lũ chúng con mới tin là thực. Trở về lặng lẽ suy nghĩ, tính vào lịch số, nghiệm lúc mặt trời mọc mặt trời lặn, mà bói xem lúc nửa đêm, có lẽ người nhà bảo giờ Hợi, nên là giờ Tý mới phải. Cha ta khi hấp hối, từng hỏi thời khắc đã tới canh mấy? Bậc chí nhân khi biến hóa, thường tinh thông biết trước sự việc, bọn phàm phu sao dự biết được. Kính cẩn lấy ngày 25 tháng 9 làm ngày giỗ sau này. Cúi mong chân linh, lên xuống ở cõi trời, cúi nhìn đàn con côi, cho được phụng thờ hương khói. Than ôi! đau đớn thay!

15. 告傳神文

嗚呼！

父至性孝義，事事周旋。兒等不善承先志，歲月孟浪，未能仰妥愉怡。自戊戌冬父赴鎮，以至庚子秋，家政一委兒等料理。兒等公私忙冗，千里承顏，祇憑書札。其年六月父委錫武書，賜先庶母配祀家廟，遞年諱日，許弟某某策迎神主，回私家行禮。仰惟隆訓，情禮兼優兒輩遵承，不敢違越。祇思迎神禮數，欲侯尊駕回朝，再承祇定，以合禮制。焂然山岳崩頹，惸惸靡瞻，家廷禮文，無從請教，傷心斷腸，何可窮已。因於終七禮，奉傳神遺像，晉配三乘，權於喪次堂奉事。此處笘塊，非供養淨土之地。已奉別構一

堂，在祭幄右邊，西向設座，爲奉事傳神定所。謹稽大夫專廟之禮，當爲香火別祠。請以本日奉迎傳神歸新堂奉事。追念前年治命，參配神制 ，當有配位。請奉以先母端人官配座正位，先庶母順人官配座旁位，並奉稱先母道號妙徽，先庶母道號妙恭，同超覺岸，幷配慈尊，萬年香火，佛日悠長，與祠堂肹蠁，世世不易。謹奉因告望行合祀禮。虔具微儀，用伸昭告。伏望爽靈， 俯賜鑒臨。哀哉！

PHIÊN ÂM:

CÁO TRUYỀN THẦN VĂN

Ô hô!

Phụ chí tính hiếu nghĩa, sự sự chu toàn. Nhi đẳng bất thiện thừa Tiên chí, tuế nguyệt mạnh lãng, vị năng ngưỡng thoả du di. Tự Mậu Tuất đông phụ phó trấn, dĩ chí Canh Tý thu, gia chính nhất ủy nhi đẳng liệu lý. Nhi đẳng diệc công tư mang nhũng, thiên lý thừa nhan, chi bằng thư trát. Kỳ niên lục nguyệt phụ ủy Tích Vũ thư, tứ Tiên thứ mẫu phối tự gia miếu, đệ niên húy nhật, hứa đệ mỗ mỗ đệ nghênh thần chủ, hồi tư gia hành lễ. Ngưỡng duy long huấn, tình lễ kiêm ưu, nhi bối tuân thừa, bất cảm vi việt. Chi tư nghênh thần lễ số, dục hầu tôn giá hồi triều, tái thừa chi định, dĩ hợp lễ chế. Thúc nhiên sơn nhạc băng đổi, quỳnh quỳnh mị chiêm, gia đình lễ văn, vô tòng thỉnh giáo, thương tâm đoạn trường, hà khả cùng dĩ. Nhân ư chung thất lễ, phụng truyền thần di tượng, tấn phối tam thừa, quyền ư tang thứ đường phụng sự. Thử xứ chiêm khối, phi cung dưỡng tĩnh thổ chi địa. Dĩ phụng biệt cấu nhất đường, tại tế ốc hữu biên, tây hướng thiết toà, vi phụng sự truyền thần định sở. Cẩn kê đại phu chuyên miếu chi lễ, đương vi hương hỏa biệt từ. Thỉnh dĩ bản nhật phụng nghênh truyền thần qui tân đường phụng sự, truy niệm tiền niên trị mệnh, tham phối thần chế, đương hữu phối vi. Thỉnh phụng dĩ Tiên mẫu

Đoan nhân quan phối toà chính vị, Tiên thứ mẫu Thuận nhân quan phối tòa bàng vị, tịnh phụng xưng Tiên mẫu đạo hiệu Diệu Huy, Tiên thứ mẫu đạo hiệu Diệu Cung, đồng siêu giác ngạn, tịnh phối từ tôn, vạn niên hương hỏa, Phật nhật du trường, dữ từ đường hất hưởng, thế thế bất dịch. Cẩn phụng nhân cáo vọng hành hợp tự lễ. Kiền cụ vi nghi, dụng thân chiêu cáo. Phục vọng sảng linh, phủ tứ giám lâm. Ai tai!

DỊCHNGHĨA:

VĂN CÁO VỚI TƯỢNG TRUYỀN THẦN

Than ôi!

Cha bản tính hiếu nghĩa, việc gì cũng chu đáo. Lũ chúng con không noi theo được chí hướng của cha, lông bông năm tháng, chưa làm được gì để vui lòng cha. Từ mùa đông năm Mậu Tuất cha đến Trấn, rồi đến mùa thu năm Canh Tý, công việc gia đình mới giao cho lũ chúng con lo liệu. Lũ chúng con việc công việc tư cùng bận rộn, hầu hạ ở xa nghìn dặm, chỉ nhờ vào lá thư. Năm đó vào kỳ tháng sáu, cha gửi thư cho Tích Vũ, cho bà Tiên thứ mẫu được phối hưởng từ đường của nhà, ngày giỗ hàng năm cho em là mỗ rước thần chủ về nhà riêng làm lễ. Vâng thấy lời dạy tốt đẹp, cả tình cùng lễ đầy đủ, lũ chúng con tuân theo, không dám làm trái. Kính nghĩ số lễ rước thần, muốn đợi khi xa giá cha về triều, ấn định lại để hợp với chế độ của lễ điển. Thốt nhiên núi non nghiêng lở, chơ vơ không chốn nương nhờ, lễ văn ở gia đình, không hỏi ai được, đau lòng đứt ruột, bao giờ mới nguôi. Nhân gặp ngày lễ chung thất (bốn chín), kính phụng di tượng truyền thần, lên phối hưởng nơi cửa Phật, đặt ở nhà tang phụng thờ. Chỗ này nệm rơm gối đất, không phải nơi cực lạc. Đã phụng mệnh làm riêng một ngôi nhà, ở ngay bên phải rạp tế, theo hướng tây, làm nơi phụng thờ tượng truyền thần. Kính cẩn theo lễ ở miếu của quan Đại phu, nên làm từ đường thờ cúng riêng. Hôm nay, rước tượng truyền thần về từ đường mới để phụng thờ. Nhớ lại năm trước, khi cha còn khoẻ, tham khảo phép phối hưởng với thần, phải có ngôi phối hưởng. Xin rước Tiên mẫu Đoan nhân quan phối hưởng ở ngôi chính, bà Tiên thứ mẫu Thuận nhân quan phối hưởng ở một bên, gọi đạo hiệu bà Tiên mẫu là Diệu Huy, đạo hiệu bà Tiên thứ mẫu là Diệu Cung, vượt sang bờ giác ngộ, cùng phối

hưởng với Từ tôn, nhang khói muôn năm, dài lâu cùng cửa Phật, cùng khói hương nghi ngút nơi từ đường, đời đời không thay đổi. Kính cẩn cáo lễ phụng thờ chung. Xin kính dùng lễ mọn, để dâng lên. Cúi mong linh hồn soi xét. Thương thay!

16. 告祿馬營文

(辛丑二月二十四日)

嗚呼!

吾父何歸耶?父誕于德林,考于諒城,城詎家千餘里,兒得有父不得定省,父沒不及含斂,徘徊瞻戀莫知所歸?上年十月十二日,兒奉迎柩車自城回,其月晦抵家貫,始謀措置襄事,以尊擇壽藏吉地在本邑,未承顯示方向,謹已一番秤停,據亥龍已向,以四維十道爲準,參以地家饒減來應之法。正穴在此山之稍東,因奉於瓦屋外堂,開穿立向,補局亥卯未上吉,以本日奉迎靈輀,自祭幄發行,宿中途,二十五日,奉迎回歸隱新宅。二十八日,卯時,行下曠禮,喪事節次,一遵禮制。儀文潦草,誠不足以稱尊心,顧不敢不從大夫之後,奉國霑也。

戊戌十月父上官,父子爲生死之別,一別不復得見。今日父歸藏,父死爲冥陽之別,一別不可復會。是何離長合暫?撫今追昔,其爲痛悔曷有窮已。兒自奉喪回,晨昏區區,攀戀几筵,遂違遺命,稽大事逾年而後告襄。回想自上年十一月二十九日,至今纔一百有

餘日，其中以公私忙冗，奔走京鄉，殆居其半，其所哭衣冠而啼旦暮者幾何！今而後又不得而攀戀矣。傳曰:"以事父未能"兒則不能也。哀哉！

諒山父遺愛之郡也，祿馬父還神之山也，二青父藏容之峒也。精靈陟降，於焉攸萃。兒輩徒奉玉體以歸，風儀矩範，無處可覩。今日之禮，其忍不垂顧者歟？

PHIÊN ÂM:

CÁO LỘC MÃ DOANH VĂN

(TÂN SỬU NHỊ NGUYỆT THẬP TỨ NHẬT)

Ô hô!

Ngô phụ hà qui da? Phụ đản vu Đức Lâm, khảo vu Lạng thành, thành cự gia thiên dư lý, nhi đắc hữu phụ bất đắc định tỉnh, phụ một bất cập xá liễm, bồi hồi chiêm luyến mạc tri sở qui? Thượng niên thập nguyệt thập nhị nhật, nhi phụng nghênh cữu xa tự Thành hồi, kì nguyệt hối để gia quán, thủy mưu thố trí tương sự, dĩ tôn trạch thọ tàng cát địa tại bản ấp, vị thừa hiển thị phương hướng, cẩn dĩ nhất phiên xưng đình, cứ Hợi long Tỵ hướng, dĩ tứ duy thập đạo vi chuẩn, tham dĩ địa gia nhiêu giảm lai ứng chi pháp. Chính huyệt tại thử sơn chi sảo đông, nhân phụng ư ngoã ốc ngoại đường, khai biếm lập hướng, bổ cục Hợi Mão Mùi thượng cát, dĩ bản nhật phụng nghênh linh nhi, tự tế ốc phát hành, túc trung đồ, nhị thập ngũ nhật, phụng nghênh hồi qui ẩn tân trạch. Nhị thập bát nhật, Mão thời hành hạ khoáng lễ, tang sự tiết thứ, nhất tuân lễ chế. Nghi văn lạo thảo, thành bất túc dĩ xứng tôn tâm, cố bất cảm bất tòng đại phu chi hậu, phụng quốc chiêm dã.

Mậu Tuất thập nguyệt phụ thượng quan, phụ tử vi sinh tử chi biệt, nhất biệt bất phục đắc kiến. Kim nhật phụ qui tàng, phụ tử vi minh dương chi biệt, nhất biệt bất khả phục hội. Thị hà li trường hợp tạm? Phủ kim truy tích, kỳ vi thống hối, hạt hữu cùng dĩ. Nhi tự phụng tang hồi,

thần hôn khu khu, phan luyến kỷ diên, toại vi di mệnh, kê đại sự du niên nhi hậu cáo tương. Hồi tưởng tự thượng niên thập nhất nguyệt nhị thập cửu nhật, chí kim tài nhất bách hữu dư nhật, kỳ trung dĩ công tư mang nhũng, bôn tẩu kinh hương, đãi cư kỳ bán, kỳ sở khốc y quan nhi đề đán mộ giả kỷ hà! Kim nhật hậu, hựu bất đắc nhi phàn luyến hĩ. Truyện *viết: "Dĩ sự phụ vị năng," nhi tắc bất năng dã. Ai tai!*

Lạng Sơn phụ di ái chi quận d, Lộc Mã phụ hoàn thần chi sơn dã, Nhị Thanh phụ tàng dung chi động dã. Tinh linh trắc giáng, ư yên du tụy. Nhi bối đồ phụng ngọc thể dĩ qui, phong nghi củ phạm, vô xứ khả cấn. Kim nhật chi lễ, kỳ nhẫn bất thừa cố giả dư?

DỊCH NGHĨA:

VĂN CÁO Ở DOANH LỘC MÃ

(NGÀY 24 THÁNG 2 NĂM TÂN SỬU)

Than ôi!

Cha ta trở về đâu nhỉ? Cha sinh ở Đức Lâm, mất ở Lạng thành, thành cách xa nhà hơn nghìn dặm, con có cha mà không kịp được thăm hỏi, cha mất không được khâm liệm, bồi hồi trông nhớ, chẳng biết về đâu? Ngày 12 tháng 10 năm ngoái, con phụng rước xe linh cữu từ thành trở về, ngày 30 tháng đó tới quê nhà, mới bàn tính việc ma chay, lấy huyệt đất tốt cha đã chọn sẵn ở ấp nhà, song chưa được bảo rõ phương hướng, đã phải một phen cân nhắc, cứ gối phương Hợi (bắc) mà trông về phương Tị (đông nam), dùng dây chăng 4 góc, giữa chăng chữ thập làm đích, tham khảo sách địa lý, giảm bớt phép lai và ứng.[1] Huyệt chính ở hơi nghiêng phía đông quả núi này, vậy nên định ở chái ngoài nhà ngói, khai huyệt đặt hướng, định cục ở 3 cung Hợi, Mão, Mùi là tốt nhất, lấy ngày hôm nay phụng rước linh sàng từ rạp tế ra đi, đêm trọ ở đường. Ngày 25 rước về đặt ở ngôi nhà mới. Ngày 28 giờ Mão làm lễ hạ huyệt, việc tang đều lần lượt theo lễ. Nghi thức sơ sài, thật không sao đủ xứng được lòng cha, vẫn không dám không theo sau cái lễ của chức Đại phu, để đón ơn trạch nhà nước.

Tháng 10 năm Mậu Tuất, cha lên nhận chức, là buổi tiễn biệt chết sống giữa cha và con, một lần tiễn biệt rồi không bao giờ gặp lại. Ngày

nay cha về yên nơi phần mồ, cha con âm dương xa cách, một lần xa cách mà không thể nào gặp lại. Ly biệt dài lâu, hợp thì tạm thời, thế là sao vậy? An ủi hôm nay mà nhớ lại việc xưa, thì lòng đau thương sao cùng được. Con nhớ từ khi đón tang về, sớm hôm khư khư vin bàn ghế nhớ tiếc, bèn làm trái cả di chúc, kéo dài việc lớn qua năm, sau mới cáo táng. Nghĩ lại ngày 29 tháng 11 năm trước, tới nay tính mới hơn 100 ngày, trong đó nào việc chung việc riêng bận rộn, chạy vạy lên kinh đô, về quê hương, đã mất nửa phần, thì cái ngày mũ áo khóc lóc sớm hôm kêu gào còn được là mấy! Từ nay về sau, lại không được gào khóc nữa, nhớ tiếc nữa. *Truyện* nói rằng: "Lấy đạo làm con mà thờ cha, chưa thể được," con thì không thể làm được như vậy. Thương thay!

Lạng Sơn là quận cha để lại sự thân ái, Lộc Mã là ngọn núi rước hồn thiêng cha trở về, Nhị Thanh là nơi cha gửi dung nhan. Tinh tuý linh thiêng lên xuống, tụ họp cả ở chốn đó. Lũ chúng con chỉ biết rước ngọc thể trở về, nghi thức, quy phạm không nhận thấy ở chỗ nào. Buổi lễ hôm nay, nỡ nào cha không chứng giám cho?

17. 壬寅中夏祭文

(是年知山水宮遙拜下同)

嗚呼！

此爲大惡浮門之浮沙土逢海邑也。兒奉旨覆度海田均補稅額，以端陽前二日，自山水宮開帆，順流宿其地，措置沿海諸事宜:奉加置五邑庄，皆在海瀕之外，曰道海、輦 海、清 海、扶瀾、進水，皆已結盧受廛，列於編户。兒叨奉簡知，濫竊升斗，所奉行職事，不敢不勉，以負溫飽。回想卯辰之歲，先親在閒中，撰陶猗枕秘一經，使兒往治田南眞、膠水間，爲長處約計。兒承

命即著農易説，最後有海稅一章，深言田作之利，乃其年農局不就。今兒遂以屯田之命，跨萬頃田庄，收一帶海民，追惟前事，若合符契。纔十年中，而間忙異景，憂喜變局。人事如此，滄海桑田，豈不深可痛哉？

嗚呼！人屬人情，莫親於父母。父母在不遠遊，遊必有方，重離親也。兒自三月至茲，在道逡巡，山巔海涯，宮功甫竣，田事遂行，不能旦夕几筵，晨昏墳寢，而居諸孟浪，徒爲跋涉之人，未離大喪，猶不能以身在奉親，不孝之罪，可勝數耶。

尋常田畯，乃吾親居間之教，故持此以爲古人墨衰之事，此身遊子，徒增慚悔，行次草草，又在天涯海角之地，必非濯洋之所陟降。惟是對時侯之推遷，仰白雲之悠悠，望海水之茫茫，想竹崗之蔚芀。

嗚呼！乾坤兮至德難名，

嗚呼！日月兮錯行代明。

嗚呼！岡極兮，昭昭爽靈，

嗚呼！遙盼兮，雙青二青。

中夏陳儀兮百感交幷，

客地何親兮，潛然涕零。

痛哉！

PHIÊN ÂM:

NHÂM DẦN TRUNG HẠ TẾ VĂN
(THỊ NIÊN TRI SƠN THỦY CUNG DAO BÁI, HẠ ĐỒNG)

Ô hô!

Thử vi Đại Ác phù môn chi phù sa thổ Bồng Hải ấp dã. Nhi phụng chỉ phúc đạc hải điền quân bổ thuế ngạch, dĩ Đoan Dương tiền nhị nhật, tự Sơn Thuỷ cung khai phàm, thuận lưu túc kỳ địa, thố trí diên hải chư sự nghi: Phụng gia trí ngũ ấp trang, giai tại hải tần chi ngoại, viết Đạo Hải, Liễn Hải, Thanh Hải, Phù Lan, Tiến Thuỷ, giai dĩ kết lư thụ triền, liệt ư biên hộ. Nhi thao phụng giản tri, lạm thiết thăng đẩu, sở phụng hành chức sự, bất cảm bất miễn, dĩ phụ ôn bão. Hồi tưởng Mão, Thìn chi tuế, Tiên thân tại nhàn trung, soạn Đào Y chẩm bí *nhất kinh, sử nhi vãng trị điền Nam Chân, Giao Thuỷ gian, vi trường xứ ước kế. Nhi thừa mệnh tức trước* Nông dị thuyết, *tối hậu hữu hải thuế nhất chương, thâm ngôn điền tác chi lợi, nãi kỳ niên nông cục bất tựu. Kim nhi toại dĩ đồn điền chi mệnh, khóa vạn khoảnh điền trang, thu nhất đới hải dân, truy duy tiền sự, nhược hợp phù khế. Tài thập niên trung, nhi nhàn mang dị cảnh, ưu hỉ biến cục. Nhân sự như thử, thương hải tang điền, khởi bất thâm khả thống tai?*

Ô hô! Nhân thuộc nhân tình, mạc thân ư phụ mẫu. Phụ mẫu tại bất viễn du, du tất hữu phương, trọng ly thân dã. Nhi tự tam nguyệt chí tư, tại đạo thoan tuần, sơn điên hải nha, cung công phủ tuấn, điền sự toại hành, bất năng đán tịch kỷ diên, thần hôn phần tẩm, nhi cư chư mạnh lãng, đồ vi bạt thiệp chi nhân, vị ly đại tang, do bất năng dĩ thân tại phụng thân, bất hiếu chi tội, khả thăng sổ da.

Tầm thường điền tuấn, nãi ngô thân cư nhàn chi giáo, cố trì thử dĩ vi cổ nhân mặc suy chi sự, thử thân du tử, đồ tăng tàm hối, hành thứ thảo thảo, hựu tại thiên nha hải giốc chi địa, tất phi trạc dương chi sở trắc giáng. Duy thị đối thời hậu chi suy thiên, ngưỡng bạch vân chi du du, vọng hải thủy chi mang mang, tưởng trúc cương chi uất vật.

Ô hô! Càn khôn hề chí đức nan danh,

Ô hô! Nhật nguyệt hề thố hành đại minh.

Ô hô! Võng cực hề chiêu chiêu sảng linh,

Ô hô! Dao phán hề, song thanh Nhị Thanh.

Trung hạ trần nghi hề, bách cảm giao tinh,

Dung địa hà thân hề, tiềm nhiên thế linh.

Thống tai!

DỊCH NGHĨA:

VĂN TẾ THÁNG NĂM NĂM NHÂM DẦN

(NĂM NÀY COI CUNG SƠN THỦY TỪ XA BÁI VỌNG VỀ, VĂN DƯỚI CŨNG THẾ)

Than ôi!

Đây là ấp Bồng Hải do giải đất cát mới bồi ở cửa bể Đại Ác. Con nhận tờ chỉ dụ đo đạc ruộng bãi biển để san bổ ngạch thế, trước tiết Đoan Dương hai ngày từ cung Sơn Thuỷ giương buồm xuôi dòng sông xuống nghỉ lại ở đó, để bố trí các việc ven biển: Phụng mệnh đặt thêm 5 ấp trang, đều ở ngoài đê biển, gọi là đạo Hải, Liễn Hải, Thanh Hải, Phù Lan và Tiến Thuỷ, đều đã làm nhà ở, biên vào hộ khẩu. Con nhờ được nhà Chúa biết tới, may có lương bổng, những chức việc giao cho làm, không dám không cố gắng, để khỏi phụ cơm ăn áo mặc. Nghĩ lại năm Mão, năm Thìn, khi cha còn sống, trong lúc thư nhàn có soạn một cuốn *Đào Y chẩm bí*[1] khiến cho con khi đến trông nom ruộng đất ở hai miền Nam Chân và Giao Thuỷ, đã biết đặt kế sách kiệm ước cho xứ ấy lâu dài. Con phụng mệnh viết ngay bài *Nông dị thuyết,* sau cùng có 1 chương Thuế biển, nói kỹ về lợi ích làm ruộng, song năm đó về "Nông cục" không xong. Nay con có lệnh đi lập đồn điền, bao chiếm ruộng đất muôn khoảnh, thu hút một giải dân biển, nhớ lại việc trước, rất phù hợp. Mới trong vòng 10 năm mà cảnh nhàn rỗi bận rộn khác nhau, cuộc lo buồn mừng vui biến đổi. Thấy việc người như thế, nào bãi biển, nào nương dâu, há không đau đớn sâu sắc hay sao?

Than ôi! Đạo người, tình người, không gì thân thiết hơn cha mẹ. Khi cha mẹ còn, không dám đi chơi xa, chơi phải có nơi có chốn, phải coi trọng về sự xa cách cha me. Từ 3 tháng tới nay, con loanh quanh mãi ở trên đường, đầu non cuối biển, công việc trông coi cũng vừa xong, lại bắt tay vào việc đồn điền, không thể ngày đêm bên ban thờ, sớm tối viếng phần mộ, mà tháng ngày lêu lổng chỉ những làm người lặn lội, tang lớn

chưa xong, mà thân vẫn không sao thờ cúng được cha, cái tội bất hiếu nói sao cho xiết.

"Điền tuấn là một chức tầm thường," đó là lời dạy của cha khi nhàn rỗi, cho nên dựa vào đó làm cái việc phép tắc của cổ nhân đã suy, tấm thân lông bông này những hổ thẹn hối hận, bước đi thất thểu, lại ở những nơi góc bể chân trời, tất nơi đó không phải là nơi mà linh hồn cha thường thăng giáng. Chỉ những ngắm thời tiết lúc thay đổi, nhìn đám mây bạc dặc dài, trông nước biển mênh mang, nhớ gò trúc[2] xanh tốt.

Than ôi! Trời đất chừ, đức lớn khó mà nổi danh,

Than ôi! Vầng nhật nguyệt chừ, thay nhau mà toả sáng.

Than ôi! Chốn không cùng cực chừ, rực rỡ và anh linh,

Than ôi! Trông vời xa hút chừ, Nhị Thanh đôi ngọn xanh xanh.

Tháng Trọng hạ bầy lễ tế chừ, trăm mối buồn ngổn ngang,

Đất khách nào cha có đây chừ, chan chứa đôi hàng.

Đau đớn thay.

CHÚ THÍCH:

1.Đào Y chẩm bí: Đào Chu, Y Đốn hai người giỏi tính toán về buôn bán và trồng trọt đời Xuân Thu. Chẩm bí là bí mật gối ở đầu, ý nói là bộ sách quý về vấn đề làm giầu.

2.Gò trúc (trúc cương) chỉ phần mộ Ngô Thì Sĩ.

18. 是年季夏告文

嗚呼！

此去盤阿一日程，入綠雲一日疆，往浴翠半餉間耳。其地稱福庵，乃張勉寮漢超故里。兒向在山水宮，得瘧症，移駐在此調治。上旬初三四等日，瘧甚彊，百筋皆痛，兒調治在床，使妾某當空禱于先親，一珓即應，兒瘧愈。以是知僊駕之必在此也。傍官駐，砂水未穩，兒

使門人陳宴尋得一局，在其邑之床銅處，爲蟠龍出峒，四水聚堂，群山拱照。兒得之戀戀不釋卜日移駐祭堂几筵，使妻瑛及弟侄代承簋，兒獨盤桓於斯。舊奴算夢見先親召至其邑，廟中旌旗象馬陪侍羅列。承教示:"奉天帝命公務愛州，留禪校二人，兵隨五百人，在此爲兒衛翼，準收犒師錢五十，鏹米五槖，牛一隻"。果於白晝群牧中，一官牛無喘而斃，靈應所感，凜凜冽冽，以是知先駕之必在此也。

嗚呼！長安以西，水秀山清，先親平日，冠蓋所臨，遺跡在焉。盤阿之巢，綠雲之洞，浴翠之山，雲章熒熒，手澤不磨。想是昭明陟降之地，有兒在此，顧復不能捨。先慈最慈，兒之不孝，有不能以縷數矣。禮有三年之喪，計月纔二十有七，夙興夜寐，不墮其身之謂何？奉遺體於絰衰中，惟恐毫釐不謹，以爲孝累，聖賢以爲訓之深意也。兒東西奔馳，身有登高臨深之懼，遂至感冒風暑，以爲親憂。幸而無恙，猶徘徊於青山綠水之間，先親不忍孤之，以兵默護，而愚昧無識，至廑顯靈，是兒不孝之罪大，而吾親愛子之慈深也。

嗚呼！世間之父，誰不愛子，但於年前撫育。兒年近四十，猶謂免於耋蒿，襁褓之懷也。世間之子，誰長有父，契闊一別，遂有今昔。吾親神歸大化，而情無一日不在乎兒之身。痛哉！慘哉！

盤阿兮巍巍！

石巢徒崆兮，深深翠微。

綠雲兮西飛，

海門十二兮，神投渺瀰。

浴翠山清兮，雲床水漪；

宇宙以來兮，萬古如斯。

吾親何歸兮，章甫衮衣；

攀戀何階兮，遙瞻鬱伊。

三夏在辰兮，涕泣陳儀。

嗚呼蒼天兮，誰撫孤兒。

痛哉！

PHIÊN ÂM:

THỊ NIÊN QUÍ HẠ CÁO VĂN

Ô hô!

Thử khứ Bàn A nhất nhật trình, nhập Lục Vân nhất nhật cương, vãng Dục Thuý bán hướng gian nhĩ. Kỳ địa xứng Phúc Am, nãi Trương Miễn Liêu Hán Siêu cố lý. Nhi hướng tại Sơn Thuỷ cung, đắc ngược chứng, di trú tại thử điều trị. Thượng tuần sơ tam tứ đẳng nhật, ngược thậm cương, bách cân giai thống, nhi điều trị tại sàng, sử thiếp mỗ đương không đảo vu Tiên thân, nhất giao tức ứng, nhi ngược dũ. Dĩ thị tri Tiên giá chi tất tại thử dã. Bàng quan trú, sa thủy vị ổn, nhi sử môn nhân Trần Yến tầm đắc nhất cục, tại kỳ ấp chi Sàng Đồng xứ, vi bàn long xuất động, tứ thủy tụ đường, quần sơn củng chiếu. Nhi đắc chi luyến luyến bất thích, bốc nhật di trú tế đường kỷ diên, sử thê Anh cập đệ Chí đại thừa quĩ, nhi độc bàn hoàn ư tư. Cựu nô Toán mộng kiến Tiên thân triệu chí kỳ ấp, miếu trung tinh kỳ tượng mã bồi thị la liệt. Thừa giáo thị: "Phụng

thiên đế mệnh công vụ Ái Châu, lưu thiền hiệu nhị nhân, binh tùy ngũ bách nhân, tại thử vi nhi vệ dực, chuẩn thu khao sư tiền ngũ thập, cương mễ ngũ đài, ngưu nhất trích." Qủa ư bạch trú quần mục trung, nhất quan ngưu vô xuyền nhi tệ, linh ứng sở cảm, lẫm lẫm liệt liệt, dĩ thị tri Tiên giá chi tất tại thử dã.

Ô hô! Trường An dĩ tây, thủy tư sơn thanh, Tiên thân bình nhật, quan cái sở lâm, di tích tại yên. Bàn A chi sào, Lục Vân chi động, Dục Thuý chi sơn, vân chương oánh oánh, thủ trạch bất ma. Tượng thị chiêu minh trắc giáng chi địa, hữu nhi tại thử, cố phục bất năng xả. Tiên từ tối từ, nhi chi bất hiếu, hữu bất năng dĩ lũ sổ hĩ. Lễ hữu tam niên chi tang, kế nguyệt tài nhị thập hữu thất, túc hưng dạ mị, bất đoạ kỳ thân chi vị hà? Phụng di thể ư chí thôi trung, duy khủng hào ly bất cẩn, dĩ vi hiếu lụy, thánh hiền dĩ vi huấn chi thâm ý dã. Nhi đông tây bôn trì, thân hữu đăng cao lâm thâm chi cụ, toại chí cảm mạo phong thử, dĩ vi thân ưu. Hạnh nhi vô dạng, do bồi hồi ư thanh sơn lục thủy chi gian, Tiên thân bất nhẫn cô chi, dĩ binh mặc hộ, nhi ngu muội vô thức, chí cẩn hiển linh; thị nhi bất hiếu chi tội đại, nhi ngô thân ái tử chi từ thâm dã.

Ô hô! Thế gian chi phụ, thùy bất ái tử, đãn ư niên tiền phủ dục. Nhi niên cận tứ thập, do vị miễn ư huân cao, cương bảo chi hoài dã. Thế gian chi tử, thùy trường hữu phụ, khế khoát nhất biệt, toại hữu kim tích. Ngô thân thần qui đại hóa, nhi tình vô nhất nhật bất tại hồ nhi chi thân. Thống tai! Thảm tai!

Bàn A hề nguy nguy!
Thạch sào khi không hề, thâm thâm thúy vi.
Lục Vân hề tây phi,
Hải môn thập nhị hề, Thần Đầu diểu di.
Dục Thúy sơn thanh hề, Vân Sàng thủy y,
Vũ trụ dĩ lai hề, vạn cổ như ti.
Ngô thân hà qui hề, chương phủ cổn y,
Phan luyến hà giai hề, dao chiêm uất y.
Tam hạ tại thời hề, thê khấp trần nghi,
Ô hô! Thương thiên hề, thùy phủ cô nhi.
Thống tai!

DỊCH NGHĨA:

VĂN TẾ CÁO THÁNG SÁU NĂM ĐÓ (NHÂM DẦN)

Than ôi!

Nơi đây cách núi Bàn A có một ngày đường, vào động Lục Vân thì hơn một ngày, mà đến núi Dục Thuý thì chỉ nửa bữa cơm mà thôi. Đất này gọi là Phúc Am, tức là làng cũ của Trương Miễn Liêu Hán Siêu. Con trước đó ở cung Sơn Thuỷ bị chứng sốt rét, tới am này chạy chữa. đầu tháng vào ngày mồng 3 mồng 4, lên cơn sốt nặng, trăm thớ gân đều đau nhức, con điều trị ở trên giường, sai vợ lẽ là mỗ kêu khấn cha ở giữa trời, gieo một đài âm dương được ngay, bệnh của con liền khỏi. Do đó biết là bóng dáng thần tiên tất ở đó. Sát bên quan quân đóng, đất cát chưa ổn định, con sai học trò là Trần Yến, tìm được một kiểu đất ở xứ sàng Đồng, ấp đó, sơn mạch như rồng lượn từ hang ra, bốn chung quanh có nước tụ lại, các ngọn núi chầu về. Tìm được đất ấy, con quyến luyến không nỡ bỏ, chọn ngày chuyển bàn ghế thờ ở nhà tế đến đó, sai vợ là Anh, em là Chí cúng cơm thay, một mình con cứ loanh quanh mãi ở đó. Tên đầy tớ cũ là Toán mộng thấy cha gọi đến ấp đó, nhìn thấy trong miếu cờ quạt voi ngựa chầu chực xung quanh. Có truyền cho biết là: "Vâng sắc lệnh của Thượng đế, đi công cán ở Châu Ái, để lại hai tên tiểu và 500 binh ở đây để giúp đỡ con, cho được thu tiền 50 quan, gạo 5 đài, trâu 1 con để khao quân. Quả nhiên ban ngày, trong đàn trâu chăn thả, có một con trâu của nhà quan không sao mà chết, linh thiêng cảm ứng, kinh sợ rùng rợn, do đó biết là hồn bóng thần tiên tất đang ở đây.

Than ôi! Đất Trường Yên về phía tây, nước biếc non xanh, lúc bình nhật cha mũ lọng đi lại, dấu cũ vẫn còn. Chiếc chòi Bàn A, cửa hang Lục Vân, trái núi Dục Thuý, vẻ mây sáng rực, ơn trạch ở bàn tay mở mang không mòn. Nghĩ rằng, nơi đó là nơi cha thăng giáng, có con ở đây nên cứ trở đi trở lại không nỡ rời bỏ đi. Cha hiền rất hiền, còn con thì bất hiếu, không thể kể hết. Theo *Lễ*, chịu tang 3 năm, nay kể tháng thì mới được 27 tháng, thế mà sớm dậy khuya ngủ, không hao tấm thân là sao? Mang thân còn sót lại trong lúc mặc áo xô, chỉ sợ không một chút cẩn thận, để làm luỵ cho sự hiếu kính, đó là cái ý sâu xa của thánh hiền khuyên dạy. Con chạy vạy khắp đó đây, bản thân vẫn lo sợ về chỗ lên cao xuống sâu,

thành thử bị cảm mạo phong sương, để lại mối lo cho cha. May mà bệnh khỏi, vẫn quanh quẩn ở trong khoảnh nước biếc non xanh, cha không nỡ để cô đơn một mình, cho nên lặng lẽ đem quân giúp đỡ, thế mà ngu muội không biết gì, phải hiển linh mãi, đó là cái tội lớn bất hiếu của con, mà lòng yêu con của cha rất sâu sắc vậy.

Than ôi! Mọi người cha của thế gian, ai mà không yêu con, nhưng vào những năm trước thì phải vỗ về nuôi nấng. Năm nay con đã gần 40 tuổi vẫn còn chưa thôi đùm bọc qua khói hương nghi ngút. Các con của thế gian, ai có cha lâu dài mãi, một khi phải xa cách, liền trở thành kim cổ. Cha ta thần hồn về ở cõi trời, mà tình không lúc nào không quanh quẩn ở bên ta. Đau đớn thay! Thảm thương thay!

Vòi vọi cao chừ núi Bàn A!
Đá chòi lổm chổm chừ, xanh thăm thẳm xa.
Hang Lục Vân chừ, mây bay về tây la đà,
Mười hai cửa biển chừ, Thần Đầu xa xa.
Dục Thúy xanh chừ, nước Vân Sàng trong veo chảy ra,
Từ khi có trời đất đến nay chừ, muôn xưa vẫn thế a?
Cha ta về đâu chừ, áo gấm, mũ hoa,
Vin vào bệ nào chừ, trông xa mây khói loà.
Ba tháng hè đương gặp lúc chừ, bầy lễ nghi mà lệ chan hòa,
Than ôi trời xanh chừ, ai vỗ về lũ con côi ta?
Đau đớn thay!

19. 禫祭文

禮曰:"君子不登高不臨深"懼辱親也。兒幼奉庭訓，不能持守，功名念重，存養功虧，逐浪隨波，遂及於禍，以爲親羞。今逋逃草澤，其所以未即死者，正以奉先親遺體，遭國家多難，罪在不智，非在不忠。尚冀天地鑒臨，或者餘生未泯，復得與胞血相見，偷生忍辱。凡爲此

也，在禮三年之喪，夙興夜寐，不墮其身，聖賢守孝之道，乃祥未及禫，家庭難作，揣躬慚負，不敢復爲家長，已飛書親弟，某代爲宗長，奉事家祠。兒身負玷累，未卜歸期，播越江湖，朝不謀夕。回思年前，先親命兒名，賜之詩曰:"汝名比予多一畫"兒不能顧名思義，以全令聞，念惟此身。十月二十五日之前，科甲遭逢，功名寵渥，破鏡虛華，遂成一夢。是月二十五日之後，奔走溪壑，偃息蓁莽，再想起曾先祖之詩曰：

八旬恪似始生兒，

一片丹心赤子時。

曾祖有此心，故天錫以遐壽。兒願餘生之日，復爲赤子，反華以朴，去巧爲實。是今生爲一再生也。

今月按禮當禫，兒逃難在外，亦未知家鄉已安帖否。茹痛含結，何可勝道。謹權於駐所望拜，仰惟陟降，如對左右。哀哉！

PHIÊN ÂM:

ĐẠM TẾ VĂN

Lễ viết: "Quân tử bất đăng cao lâm thâm," cụ nhục thân dã. Nhi ấu phụng đình huấn, bất năng trì thủ, công danh niệm trọng, tổn dưỡng công khuy, trục lãng tùy ba, toại cập ư hoạ, dĩ vi thân tu. Kim bô đào thảo trạch, kì sở dĩ vị tức tử giả, chính dĩ phụng tiên thân di thể, tao quốc gia đa nạn, tội tại bất trí, phi tại bất trung. Thượng ký thiên địa giám lâm, hoặc giả dư sinh vị dẫn, phục đắc dữ bào huyết tương kiến, thâu sinh nhẫn nhục. Phàm vi thử dã, tại Lễ tam niên chi tang, túc hưng dạ mị, bất trụy kỳ thân, Thánh hiền thủ hiếu chi đạo, nãi tường vị cập đạm, gia đình

nan tác, suỷ cung tàm phụ, bất cảm phục vi gia trưởng, dĩ phi thư thân đệ, mỗ đại vi tông trưởng, phụng sự gia từ. Nhi thân phụ điếm luỵ, vị bốc quy kì, bá việt giang hồ, triêu bất mưu tịch. Hồi tư niên tiền, Tiên thân mệnh nhi danh, tứ chi thi viết: "Nhữ danh tỉ dư đa nhất hoạch," nhi bất năng cố danh tư nghĩa, dĩ toàn lệnh văn, niệm duy thử thân. Thập nguyệt nhị thập ngũ nhật chi tiền, khoa giáp tao phùng, công danh sủng ốc, phá kính hư hoa, toại hành nhất mộng. Thị nguyệt nhị thập ngũ nhật chi hậu, bôn tẩu khê hác, yển tức trăn mãng, tái tưởng khởi tăng tiên tổ chi thi viết:

Bát tuần khác tự thuỷ tiên nhi,

Nhất phiến đan tâm xích tử thì.

Tằng tổ hữu thử tâm, cố thiên tích dĩ hà thọ. Nhi nguyện dư sinh chi nhật, phục vi xích tử, phản hoa dĩ phác, khứ xảo vi thực. Thị kim sinh vi nhất tái sinh dã.

Kim nguyệt án Lễ đương đạm, nhi đào nạn tại ngoại, diệc vị tri gia hương dĩ an thiếp phủ. Nhự thống hàm kết, hà khả thăng đạo. Cẩn quyền ư trú sở vọng bái, ngưỡng duy trắc giáng, như đối tả hữu. Ai tai!

DỊCH NGHĨA:

VĂN TẾ LỄ ĐOẠN TANG

Kinh Lễ nói rằng: "Người quân tử không lên chỗ cao, không xuống nơi sâu," là sợ nhỡ sảy chân, làm nhục tới cha mẹ. Khi con còn nhỏ, được cha dạy bảo, nhưng không biết giữ gìn, trong lòng nghĩ quá nặng về đường công danh, còn đối với công nuôi nấng của cha mẹ thì bỏ khuyết, đuổi sóng theo bọt, bèn gặp phải tai hoạ, để thẹn cho cha. Nay trốn tránh ở đầm cỏ, sở dĩ chưa thể chết ngay, chính vì phải giữ tấm thân còn sót lại của cha mẹ, gặp lúc nước nhà nhiều cơn hoạn nạn, tội ở chỗ không được khôn khéo, chứ không phải là không trung thành. Còn mong trời đất soi xét, hoặc giả thân sống thừa chưa đến nỗi chết, lại được gặp gỡ anh em máu mủ, nên trộm sống, nhịn nhục. Phàm làm những việc này, là theo như Lễ trong ba năm để tang, dù thức khuya dậy sớm, không được đầy đoạ tấm thân, giữ đạo hiếu của thánh hiền, mới làm giỗ, chứ chưa tới tuần đoạn tang, xét thấy khó làm được ở gia đình, nghĩ mà hổ thẹn, không dám đứng làm gia trưởng, đã gửi thư nhờ em ruột là mỗ làm gia trưởng

thay, làm lễ cúng ở từ đường của nhà. Thân con bị nhiều vết, chưa định kì hạn trở về, chạy vạy nơi sông hồ, sáng không tính đến tối. Nghĩ lại năm xưa, cha đặt tên con, cho câu thơ rằng: "Tên con so với tên cha hơn một nét," con đã không thể nhìn tên nhớ nghĩa, để trọn vẹn danh tiếng, chỉ nghĩ tới cái thân này. Trước ngày 25 tháng mười, gặp gỡ khoa bảng, tràn ơn công danh, ngờ đâu nghiên vỡ bút cùn, bèn thành mộng ảo. Sau ngày 25 tháng ấy, vượt khe lội suối, ngả mình nghỉ nơi rừng rậm, lại nhớ tới cụ tổ bốn đời có câu thơ rằng:

Tuổi đã tám chục, còn phải kính cẩn như đứa trẻ mới sinh,

Một tấm lòng son giữ mãi như khi làm con đỏ.

Cụ tằng tổ ta có tấm lòng như thế, cho nên trời ban cho tuổi thượng thọ. Con mong rằng, trong những ngày sống thừa này lại được làm con đỏ, bỏ hoa mỹ trở lại chất phác, bỏ xảo trá làm điều chân thật. Thế là ngay kiếp này đã làm kiếp thứ hai vậy.

Xét theo Lễ, tháng này nên làm lễ đoạn tang, con vì lánh nạn ở ngoài, cũng chưa rõ ở quê nhà đã bình yên hay chưa. Ngậm đắng nuốt cay, nói sao cho xiết. Vậy kính cẩn làm lễ vọng bái ở nơi trú ngụ, ngửa mong linh hồn cha khi lên khi xuống như ở bên tả bên hữu, chứng giám cho. Thương thay!

20. 先公行狀

先公諱仕，字世祿甫，號午峰，道號二青居士，以保泰丙午九月二十日寅時生。幼頴異，七歲入學，八歲能爲文，九歲能爲詩，時有警句。十一歲失怙，從大父丹岳公學，頭角崭然，迥出流輩。永佑壬午登郡庠。景興癸亥領鄉解。就業于西姥嚴先生，(諱伯挺)繼于獲澤汝先公(諱廷瓚)二公皆當世名儒，深器之，淵源所漸，日益閎肆。

爲學該博而淵奥，其文汪洋演迤，新奇艷麗，蔚然自成一家，甚爲士林所推重。

壬申大比，射策以考官失選，擢王府僉知工番。

乙亥以選舉第一，充侍內文職，自是聲名籍甚。

己卯居喪，奉恩王特召入內閣，命與文班諸臣作關夫子賦，甚見嘆想。自是接北使陪御蹕，時與朝士齒焉。布衣遭遇，當世希罕。

癸未王府以文學夙簡，特準進朝，應務授工科給事中。

甲申授山西道鑒察御史。不數月，授太原處督同。

丙戌大比，擢會魁，庭試擢黃甲庭元。以進朝登第，特加一級，陞授翰林院待制。

丁亥陞東閣校書，尋改授清華憲察使。治有盤阿山，山之下有江，景致佳麗，先公愛之，即其山爲觀瀾巢。

在治數年，以山水自娛，政尚清簡，刁豪屏息，詞訟簡省。士流慕其名，束脩踵門者，相接，爲之分課講習，多所成就。尋陞東閣學士改授參政。

初先公奉侍盛王潛邸，深被眷注，及以進朝補外，久離講幄，情分稍隔，又以才名爲當路者所忌。先公自分不遇，遂無意於進取。及出乂安，常有去官之志，而未果。

辛卯鄉試考覈士人，爲刁夥所訟，廷議不待查問，奪其職。

既歸家，以考書講學自娛。疏食菜羹，敞袍陋屋，怡然也。其豪曠之想，往往托之詩酒。嘗自吟云:"冷想人情世態水東流"。又云:"歸去，歸去！悲喜關人甚事"。時有以驕放不悛讚者，王知其植性不之責。

一日見中使送到平南日曆，先公奉旨編錄進覽。是後御製文翰，多密奉潤色。

乙未準許復翰林校理職，數月擢僉都御史。

丙申命校正國史。丁酉改授諒山處督鎮，遷侍講著銜。初到鎮，見舊城離山就濕，兵家所忌，因移於祿馬山駐節焉。先是諒山連歲旱饑居民轉徙太半。先公隨方拯救，課農通商，禁苛止擾，民稍蘇息。

公事之暇，每寄情于山水。近治有北巖山，披闢叢翳，鐫像其中，而名其峒曰:二青，蓋取縣邑皆有青字，且與山左之三清峒比焉。每臨峒裁決鎮務，若有終老此山之志。

庚子九月十七日，有事于南關回，經其山，乃駐節入峒，於像前假睡半更許，體欠豫，乃還閉門謝客，不復視事。二十五日病少間，復倚席觀書，賓佐陪侍，談笑自若，夜半就寢而歿，時年五十五。計至京，盛王深爲軫悼，追授宣光處承政使，贈户部右侍郎，賜謚溫博。

光中三年，諒山鎮臣以峒祠顯靈事聞，奉褒:"上等福神溫博厚誠文裕大王"。追贈禮部尚書慶延侯。又加封"匡運、扶道、昌澤"三字。

先公丰表凝遠，性豪逸，自少不拘小節。登山臨水，攜壺索句，隨意所適。每興到名山大川，無問險遠，攀沿尋訪，足跡殆遍。

晚歲嘗語諸子云:"我自甲子至己巳，家園山水無定跡，文人豪客無定友，飲酒讀書無定趣。中間頗自點檢，然或半年或數月，往往曠逸之想。又不覺其放于佛跡、龍珠、南公八景之間，明山秀水，懸崖絶磴，孤村僻境，荒郊廢戍，魚樵之溪徑，虎豹之窟室。凡爲壯觀、絶覽、奇譎、幽邃、蕭條快爽之意象，盡與之徘徊，或呼或嘯，或歌或哭，其胸中之磊砢隗磊者，頓覺明豁，悠然忘言，倦遊而後返。時且有狂放之誚，實予一生文章精神氣骨，皆此五六年，英靈薰毓，空虛點化中來，此予獨心會處"。愛州之盤阿，諒山之二青，意亦先公之逸志歟？

處已甚勤，遇事變通，無執著，與人喜推誠惡機巧，尤厭案牘吏事。在臺時，詞訟剖判無停滯。初撫諒，轄內以盜劫解者，立即訊決，其案悉焚之。接下亦和易，有忤未嘗怒罵，有甚不平者，數目之，旋即怡然。對初學晚生，忘卻自己品望。其夷曠類此。

居常服儉約，所性不存，至如葬祭大事，盡志盡物。自己卯至壬辰連遭三大喪，皆於未第寒約時，繕理儀文，備極豐腆。每遇親諱，前數日必變，告祭之夕，達旦不寐，鹽菜之奉，必躬自檢閱，臨祭，哀戚滿容。

以受恩王知最深，每至忌時，必設卓焚香，仰天慟哭，造次顛沛必如是。

先慈母捐幃不再娶，內政悉委諸婦 ，姬妾以下，並聽管攝。閨門之內肅然，如先慈母在時。

少孤，叔與之同居，財產無所計較，既成立，家庭翕孺，常如少時。

待諸子，慈愛天至，惟課學程文，最嚴勵。

處朋友極厚，於死生緩急處尤見情，能捐人所難捨之財，做人所難爲之事。常有詩嘲人之欺死者曰:

堅脆松節霜嚴見，

深淺江心水涸知。

但願世人皆不死，

喬彭相對孰相欺。

先舅前進士雙玉公視師乂安，卒于官，襯回，公親爲理喪，撫視諸孤，恩意尤厚，同遊者無不高其義。此先公忠孝慈信義，至性之大略也。

少有經濟大志，爲學不專事章句，凡治國體要，如官方、吏治、兵制、賦法、民政、田政，以及山川、鎮戍、道里、城敦、地產、土俗，皆考按古今輯錄成書，規畫最有法度。至於陰陽風水之術，無不精緻，所著有鸚言詩集，午峰文集，越史標案，行于世。

PHIÊN ÂM:

TIÊN CÔNG HÀNH TRẠNG

Tiên công húy Sĩ, tự Thế Lộc phủ, hiệu Ngọ Phong, đạo hiệu Nhị Thanh cư sĩ, dĩ Bảo Thái Bính Ngọ cửu nguyệt nhị thập nhật Dần thời sinh. Ấu dĩnh dị, thất tuế nhập học, bát tuế năng vi văn, cửu tuế năng vi thi, thời hữu cảnh cú. Thập nhất tuế thất hỗ, tòng đại phụ Đan Nhạc công học, đầu dốc tiệm nhiên, quýnh xuất lưu bối. Vĩnh Hựu Nhâm Ngọ đăng quận tường. Cảnh Hưng Qúi Hợi lãnh Hương giải. Tựu nghiệp vu Tây Mỗ Nghiêm tiên sinh (húy Bá Đĩnh), kế vu Hoạch Trạch Nhữ tiên công (húy Đình Toản) nhị công giai đương thế danh nho, thâm khí chi, uyên nguyên sở tiệm, nhật ích hoằng tứ.

Vi học cai bác nhi uyên áo, kỳ văn uông dương diễn di, tân kỳ diễm lệ, uất nhiên tự thành nhất gia, thậm vi sĩ lâm sở suy trọng.

Nhâm Thân đại tỉ, sạ sách dĩ khảo quan thất tuyển, trạc Vương phủ Thiêm tri công phiên.

Ất Hợi dĩ tuyển cử đệ nhất, sung Thị nội văn chức, tự thị thanh danh tịch thậm.

Kỷ Mão cư tang, phụng Ân Vương đặc triệu nhập Nội các, mệnh dữ Văn ban chư thần tác Quan phu tử phú, *thậm kiến thán tưởng. Tự thị tiếp Bắc sứ bồi Ngự tất, thời dữ triều sĩ xỉ yên. Bố y tao ngộ, đương thế hi hãn.*

Quý Vị Vương phủ dĩ văn học túc giản, đặc chuẩn tiến triều, ứng vụ thụ Công khoa Cấp sự trung. Giáp Thân thụ Sơn Tây đạo Giám sát Ngự sử. Bất sổ nguyệt, thụ Thái Nguyên xứ Đốc đồng.

Bính Tuất đại tị, trạc Hội khôi, Đình thí trạc Hoàng giáp đình nguyên, dĩ tiến triều đăng đệ, đặc gia nhất cấp, thăng thụ Hàn Lâm viện Đãi chế.

Đinh Hợi thăng Đông các hiệu thư, tầm cải thụ Thanh Hoa Hiến sát sứ. Trị hữu Bàn A sơn, sơn chi hạ hữu giang, cảnh trí giai lệ, Tiên công ái chi, tức kỳ sơn vi Quan lan sào.

Tại trị sổ niên, dĩ sơn thủy tự ngu, chính thượng thanh giản, điêu hào bình tức, từ tụng giản tỉnh. Sĩ lưu mộ kỳ danh, thúc tu chủng môn giả, tương tiếp, vi chi phân khoá giảng tập, đa sở thành tựu. Tầm thăng Đông các học sĩ cải thụ Tham chính.

Sơ Tiên công phụng thị Thịnh Vương tiềm để, thâm bị quyến chú. Cập dĩ tiến triều bổ ngoại, cửu ly giảng ốc, tình phân sảo cách, hựu dĩ tài danh vi đương lộ giả sở kị. Tiên công tự phân bất ngộ, toại vô ý ư tiến thủ. Cập xuất Nghệ An, thường hữu khứ quan chi chí, nhi vị quả.

Tân Mão Hương thí khảo hạch sĩ nhân, vi điêu loã sở tụng, đình nghị bất đãi tra vấn, đoạt kỳ chức.

Ký qui gia, dĩ khảo thư giảng học tự ngu. Sơ thực thái canh, tệ bào lậu ốc, di nhiên dã. Kỳ hào khoáng chi tưởng, vãng vãng thác chi thi tửu. thường tự ngâm vân: "Lãnh tưởng nhân tình thế thái thủy đông lưu." Hựu vân: "Qui khứ, qui khứ! Bi hỉ quan nhân thậm sự." Thời hữu dĩ kiêu phóng bất thoan tán giả, Vương tri kỳ thực tính bất chi trách.

Nhất nhật kiến trung sứ tống đáo Bình Nam nhật lịch, *Tiên công phụng chỉ biên lục tiến lãm. Thị hậu Ngự chế văn hàn, đa mật phụng nhuận sắc.*

Ất Vị chuẩn hứa phục Hàn Lâm Hiệu lý chức, sổ nguyệt trạc Thiêm đô ngự sử.

Bính Thân mệnh hiệu chính Quốc sử. Đinh Dậu cải thụ Lạng Sơn xứ Đốc trấn, thiên Thị giảng trước thuật. Sơ đáo trấn, kiến cựu thành ly sơn tựu thấp, binh gia sở kị, nhân di ư Lộc Mã sơn trú tiết yên. Tiên thị Lạng Sơn liên tuế hạn cơ, cư dân chuyển tỉ thái bán. Tiên công tùy phương chửng cứu, khóa nông thông thương, cấm hà chỉ nhiễu, dân sảo tô tức.

Công sự chi hà, mỗi ký tình vu sơn thủy. Cận trị hữu Bắc Nham sơn, phi tịch tùng ế, thuyên tượng kỳ trung, nhi danh kỳ động viết Nhị Thanh, cái thủ huyện ấp giai hữu "Thanh" tự, thả dữ sơn tả chi Tam Thanh động tỉ yên. Mỗi lâm động tài quyết trấn vụ, nhược hữu chung lão thử sơn chi chí.

Canh Tý cửu nguyệt thập thất nhật, hữu sự vu Nam Quan hồi, kinh kỳ sơn, nãi trú tiết nhập động, ư tượng tiền giả thụy bán canh hứa, thể khiếm dự, nãi hoàn, bế môn tạ khách, bất phục thị sự. Nhị thập ngũ nhật bệnh thiểu nhàn, phục ỷ tịch quan thư, tân tá bồi thị, đàm tiếu tự nhược, dạ bán tựu tẩm nhi một, thời niên ngũ thập ngũ. Phó chí kinh, Thịnh Vương thâm vi chẩn điệu, truy thụ Tuyên Quang xứ Thừa chánh sứ, tặng Hộ bộ Hữu thị lang, tứ thụy Ôn Bác.

Quang Trung tam niên, Lạng Sơn trấn thần dĩ động từ hiển linh sự văn, phụng bao: "Thượng đẳng phúc thần, Ôn Bác hậu thành văn dụ Đại Vương." Truy tặng Lễ bộ Thượng thư Khánh Diên hầu. Hựu gia phong: "Khuông vận phù đạo xương trạch" tam tự.

Tiên công phong biểu ngưng viễn, tính hào dật, tự thiếu bất câu tiểu tiết. Đăng sơn lâm thủy, huề hồ sách cú, tùy ý sở thích. Mỗi hứng đáo danh sơn đại xuyên, vô vấn hiểm viễn, phan diên tầm phỏng, túc tích đãi biến.

Văn tuế thường ngữ chư tử vân: "Ngã tự Giáp Tý chí Kỷ Tỵ, gia viên sơn thủy vô định tích, văn nhân hào khách vô định hữu, ẩm tửu độc thư vô định thú. Trung gian phả tự điểm kiểm, nhiên hoặc bán niên hoặc số nguyệt, vãng vãng khoáng dật chi tưởng. Hựu bất giác kỳ phóng vu Phật Tích Long Châu nam công bát cảnh chi gian, minh sơn tú thủy, huyền nha tuyệt đắng, cô thôn tịch cảnh, hoang giao phế thú, ngư tiều chi khê kính, hổ báo chi quật thất. Phàm vi tráng quan, tuyệt lãm kỳ sàm u thúy, tiêu điều khoái sảng chi ý tượng, tận dữ chi bồi hồi, hoặc hô hoặc khiếu, hoặc ca hoặc khốc, kỳ hung trung chi luỹ kha ôi lỗi giả, đốn giác minh khoát, du nhiên vọng ngôn, quyện du nhi hậu phản. Thời thả hữu cuồng phóng chi tiếu, thực dư nhất sinh văn chương tinh thần khí cốt, giai thử ngũ lục niên, anh linh huân dục, không hư điểm hóa trung lai, thử dư độc tâm hội xứ." Ái Châu chi Bàn A, Lạng Sơn chi Nhị Thanh, ý diệc Tiên công chi dật chí dư?

Xử kỷ thậm cần, ngộ sự biến thông, vô chấp trước, dữ nhân hỉ suy thành ác cơ xảo, vưu yếm án độc lại sự. Tại đài thời, từ tụng phẫu phán vô đình trệ. Sơ phủ Lạng, hạt nội dĩ đạo kiếp giải giả, lập tức tấn quyết, kỳ án tất phần chi. Tiếp hạ diệc hoà dị, hữu ngỗ vị thường nộ mạ, hữu

thậm bất bình giả, số mục chi, tyuền tức di nhiên. Đối sơ học vãn sinh, vọng khước tự kỷ phẩm vọng, kỳ di khoáng loại thử.

Cư thường phục kiệm ước, sở tính bất tồn, chí như tang tế đại sự, tận chí tận vật. Tự Kỷ Mão chí Nhâm Thìn liên tao tam đại tang, giai ư vị đệ hàn ước thời, thiện lý nghi văn, bị cực phong điển. Mỗi ngộ thân húy tiền sổ nhật tất biến, cáo tế chi tịch, đạt đán bất mị, diêm thái chi phụng, tất cung tự kiểm duyệt, lâm tế, ai thích mãn dung.

Dĩ thụ Ân Vương tri tối thâm, mỗi chí kị thời, tất thiết trác phần hương, ngưỡng thiên đỗng khốc, tháo thứ điên bái tất như thị.

Tiên từ mẫu quyên vi bất tái thú, nội chính tất uỷ chư phụ, cơ thiếp dĩ hạ, tịnh thính quản nhiếp. Khuê môn chi nội túc nhiên, như Tiên từ mẫu tại thời.

Thiếu cô, thúc dữ chi đồng cư, tài sản vô sở kê giảo, ký thành lập, gia đình hấp nhụ, thường như thiếu thời.

Đãi chư tử, từ ái thiên chí, duy khóa học trình văn, tối nghiêm lệ.

Xử bằng hữu cực hậu, ư tử sinh hoãn cấp xứ vưu kiến tình, năng quyên nhân sở nan xả chi tài, tố nhân sở nan vi chi sự. Thường hữu thi trào nhân chi khi tử giả viết:

Kiên thuế tùng tiết sương nghiêm hiện,

Thâm tiển giang tâm thủy cá tri.

Đãn nguyện thế nhân giai bất tử,

Kiều Bành tương đối thục tương khi.

Tiên cữu tiền tiến sĩ Song Ngọc công thị sư Nghệ An, tốt vu quan, sấn hồi, công thân vi lý táng, phủ thị chư cô, ân ý vưu hậu, đồng du giả vô bất cao kỳ nghĩa. Thử Tiên công trung hiếu từ để tín nghĩa, chí tính chi đại lược dã.

Thiếu hữu kinh tế đại chí, vi học bất chuyên sự chương cú, phàm trị quốc thể yếu, như quan phương, lại trị, binh chế, phú pháp, dân chính, điền chính, dĩ cập sơn xuyên, trấn thú, đạo lý, thành quách, địa sản, thổ tục, giai khảo án cổ kim tập lục thành thư, qui hoạch tối hữu pháp độ. Chí ư âm dương phong thủy chi thuật, vô bất tinh trí, sở trước hữu Anh ngôn thi tập, Ngọ Phong văn tập, Việt sử tiêu án, *hành vu thế.*

DỊCH NGHĨA:

HÀNH TRẠNG CỦA TIÊN CÔNG

Tiên công huý là Sĩ, tự Thế Lộc phủ, hiệu Ngọ Phong, đạo hiệu Nhị Thanh cư sĩ. Sinh vào giờ Dần ngày 20 tháng 9 năm Bảo Thái Bính Ngọ (1726). Khi nhỏ thông minh hơn người, 7 tuổi đi học, 8 tuổi đã có thể làm văn, 9 tuổi đã có thể làm thơ, đôi khi có câu đặc sắc. Tuổi 11 cha mất, theo học cụ là Đan Nhạc, tiếng tăm nổi trội, hơn hẳn mọi người. Vĩnh Hựu Mậu Ngọ (1738) thi đỗ vào trường của quận, Cảnh Hưng Quý Hợi (1743) thi Hương đỗ Giải nguyên. Rồi theo học tiên sinh họ Nghiêm (Bá Đĩnh) ở làng Tây Mỗ, lại theo học tiên sinh họ Nhữ (Đình Toản) ở làng Hoạch Trạch, 2 vị đều là bậc nho học có tiếng lúc đó, rất được coi trọng, nguồn sâu dần đưa đến, ngày thêm rộng.

Lối học của Tiên công rộng sâu, văn sâu kín khoáng đạt, thật mượt mà mới lạ, tự tạo thành một khuôn mẫu riêng, rất được giới sĩ phu kính phục.

Kỳ thi đại khoa năm Nhâm Thân (1752), bài văn sách bị quan trường nhầm mà đánh hỏng, song được bổ làm Thiêm tri công phiên ở phủ Chúa.

Năm Ất Hợi (1755) tuyển cử trúng thứ nhất, sung chức thị nội văn chức, từ đó danh tiếng được coi trọng.

Năm Kỷ Mão (1759) để tang mẹ ở nhà, được chúa Ân Vương (Trịnh Doanh) đặc cách gọi vào Nội các, sai cùng các văn thần làm bài phú "Quan phu tử" rất được khen ngợi. Từ đó, tiếp sứ Thanh, hầu Ngự giá, ngang với các quan trong triều. Xuất thân áo vải được gặp vận may, đương thời hiếm có.

Năm Quý Mùi (1763) nhờ văn học mà được nhà chúa kén chọn, đặc biệt cho tiến triều, ra làm việc được trao cho chức Cấp sự trung bộ Công.

Năm Giáp Thân (1764) trao chức Giám sát Ngự sử đạo Sơn Tây. Không đầy vài tháng, thăng làm Đốc đồng xứ Thái Nguyên.

Đại khoa năm Bính Tuất (1766) đỗ đầu thi Hội, rồi đỗ luôn Đình nguyên Hoàng giáp, nhờ tiến triều mà đỗ, đặc biệt thêm lên một cấp, thăng thụ chức Đãi chế Viện Hàn lâm.

Năm Đinh Hợi (1767) thăng Đông các hiệu thư, liền chuyển làm Hiến sát sứ ở Thanh Hoa. Trong hạt có núi Bàn A, dưới núi có sông, cảnh trí khá đẹp, được Tiên công yêu thích, tới ngay núi đó làm chiếc chòi Quan lan (xem sóng).

Ở làm việc vài năm, lấy non nước làm vui, chính sách ưa đơn giản, bọn cường hào phải im lặng, việc kiện tụng giảm bớt hẳn. Phái sĩ phu hâm mộ danh tiếng, nối tiếp nhau tới cửa, xin theo học, bèn phân định thời khắc để giảng tập, nhiều người được thành đạt. Ít lâu lại thăng chức Đông các học sĩ, đổi làm Tham chính.

Mới đầu, Tiên công hầu chúa Thịnh Vương (Trịnh Sâm) lúc tiềm để, rất được thân yêu. Tới khi tiến triều được bổ làm việc ở ngoài, xa cách chốn giảng tập, tình phận hơi cách biệt, lại vì tài danh nữa, nên bị bọn làm việc lúc đó ghen tị. Tiên công tự cho phần mình không được gặp gỡ, bèn chán ngán không để ý đến bước tiến lên nữa. Kịp ngày ra Nghệ An, vẫn có chí lui về, nhưng chưa được quyết định.

Năm Tân Mão (1771) thi Hương khảo hạch học trò, bị bọn điêu toa kiện cáo, triều đình quyết định không đợi tra hỏi, cách tuột chức tước.

Về đến quê nhà, tự vui thú với việc khảo cứu sử sách, giảng dạy học trò. Cơm hẩm canh rau, áo rách nhà chật vẫn vui vẻ như thường. Tư tưởng phóng khoáng của Tiên công, luôn luôn ký thác vào những câu thơ, chén rượu. Thường tự ngâm câu thơ rằng:

Lãnh tưởng nhân tình thế thái, thủy đông lưu,

(Nghĩ tới tình người thói đời thấy lạnh như dòng nước chảy về bể đông).

Lại có câu:

Quy khứ, quy khứ, bi hỉ quan nhân thậm sự.

(Về đi, về đi! Buồn vui việc gì liên quan tới người).

Người đương thời cho là vẫn không chịu chữa cái thói kiêu ngạo, rồi đem gièm chê, nhà Chúa biết là cái bản tính vẫn thế, không hề trách móc.

Một hôm, thấy quan Trung sứ đưa cuốn "*Nhật lịch bình nam*" đến, Tiên công vâng chỉ dụ biên chép dâng lên Ngự lãm. Từ đó về sau, phàm văn hàn Ngự chế, phần nhiều do Tiên công ngấm ngầm nhuận sắc cho.

Năm Ất Mùi (1775) chuẩn cho phục chức Hàn lâm Hiệu lý, được vài tháng, bổ chức Thiêm đô ngự sử.

Năm Bính Thân (1776) sai hiệu chỉnh bộ Quốc sử. Năm Đinh Dậu (1777), cải bổ làm Đốc trấn xứ Lạng Sơn, phong hàm Thị giảng. Khi mới đến trấn, thấy thành cũ xa núi cao, liền ngay bãi đất thấp, là điều nhà binh kiêng kị, vì thế di chuyển ngay tới núi Lộc Mã để làm việc. Trước đó, Lạng Sơn nhiều năm liền đại hạn đói kém, dân phiêu bạt quá nửa. Tiên công tùy từng trường hợp mà cứu giúp: Khuyên làm đồng ruộng, lưu thông buôn bán, cấm bọn cường hào nhũng nhiễu, vì vậy nhân dân tạm được dễ thở.

Khi việc công nhàn rảnh, thường gửi tình ở nơi non nước. Gần nơi trụ sở có núi Bắc Nham, sai phát hết cây cỏ rậm rạp, khắc tượng (truyền thần) ở trong động, đặt tên động đó là Nhị Thanh, có lẽ là tên huyện, tên ấp đều có chữ "thanh", hơn nữa là để đối sánh với Tam Thanh, ở bên trái núi liền kề. Tiên công thường hay tới động, cắt đặt mọi việc ở trấn, dường như có cái chí định già đời ở núi này.

Ngày 17 tháng 9 năm Canh Tý (1780), có việc công ở cửa ải Nam Quan về, đi qua núi, dừng cờ quạt lại mà vào động, gục trước tượng mà ngủ, ước hơn nửa trống canh. Thân thể thấy không được khoẻ, liền trở về trấn, đóng cửa lại, không tiếp khách, mà cũng không làm việc nữa. Ngày 25 bệnh hơi đỡ, lại dựa gối xem sách, bạn bè hầu tiếp, cười nói tự nhiên, tới nửa đêm, lên giường nằm rồi tắt thở, nằm đó Tiên công mới 55 tuổi. Tin cáo phó tới kinh thành, chúa Trịnh Vương rất thương xót, truy trao cho chức Thừa chính sứ xứ Tuyên Quang, tăng hàm Hữu thị lang bộ Hộ, ban tên thụy là Ôn Bác.

Năm Quang Trung thứ 3, Trấn thần Lạng Sơn đem việc đền ở động (Nhị Thanh) hiển linh tâu lên, phụng sắc phong làm "Thượng đẳng phúc thần, ôn bác hậu thành văn dụ Đại Vương". Truy tặng chức Thượng thư bộ Lễ, tước Khánh Diên hầu. Lại gia phong 3 chữ: Khuông vận, phù đạo, xương trạch.

Tiên công về nét mặt thì đầy đặn tươi sáng, tính tình thì hào nhã phóng khoáng, ngay từ nhỏ không câu nệ tiểu tiết. Lên núi qua sông, cầm hồ rượu, xách túi thơ, tùy ý chơi bời. Mỗi khi cảm hứng, non cao sông lớn, bất kể đường xa hiểm trở, cứ vin đá, quanh bờ tìm hỏi, bước chân dường đã khắp nơi.

Tuổi già thường bảo các con rằng: "Ta từ năm Giáp Tý, đến năm Kỷ Tỵ, những non nước quê nhà, đâu cũng có dấu chân, với văn nhân hào khách, không có bạn nhất định, với uống rượu đọc sách, không có thú nhất định. Khi luống tuổi, tự mình kiểm điểm, song hoặc nửa năm, hoặc vài tháng thường thường vẫn có tư tưởng phóng khoáng phiêu dật. Lại tự nhiên say mê trong vùng bát cảnh Phật Tích, Long Châu, Nam Công; non xanh, nước lạ, dốc cao, đường vắng, xóm làng cô quạnh, đồn trải hoang vu, rừng suối ngư tiều, hang hốc hổ báo. Phàm những cảnh tượng hùng tráng, nhìn không chán, thanh u kỳ ảo, tiêu điều khoan khoái, hết thảy đều bồi hồi, hoặc hét hoặc gào, hoặc ca hoặc khóc, những hòn những khối ấm ức ở trong lòng, tự khắc tiêu tan hết, chơi chán rồi trở về. Đương thời cũng có kẻ chê trách là điên cuồng phóng túng, quả thật đó là do tinh thần khí cốt văn chương một đời của ta, đều là do khí anh linh chung đúc, trong 5-6 năm không hư hòa hợp mà đưa tới, đó là chỗ riêng lòng ta lĩnh hội được." Cảnh Bàn A ở Ái Châu, cảnh Nhị Thanh ở Lạng Sơn, ngờ cũng là cái thú gửi gắm chí thanh nhàn của Tiện công đó chăng?

Tiên công rất chăm chỉ, gặp việc giải quyết thông thoáng, không câu nệ cố chấp, đối với người, thích thành thật, ghét xảo trá, rất chán việc hình án ở nha lại. Khi ở Hiến đài, mỗi việc kiện tụng đều giải quyết ngay, không để đình trệ. Buổi đầu lên coi xứ Lạng, trong hạt nếu giải những trộm cướp đến, lập tức tra hỏi ngay, còn bản án thì đốt hết. Tiếp đãi kẻ dưới cũng hòa nhã dễ dàng, nếu có người làm trái ý, cũng không mắng trách, việc gì rất không bằng lòng cũng chỉ đưa mắt nhìn vài lần, rồi lại dịu luôn. Đối với học trò sinh sau mới theo học, thường quên phẩm giá danh vọng của mình. Ấy cái tính sòng phẳng phóng khoáng đại loại như thế.

Ăn ở hàng ngày thường tiết kiệm, bản chất đó không thay đổi, còn như gặp việc tang, tế, thì hết lòng, hết sức. Từ năm Kỷ Mão (1759) đến năm Nhâm Thìn (1772), gặp liền ba cái tang lớn, đều là nằm trong hoàn cảnh còn nghèo túng, chưa đỗ, thế mà lễ nghi bầy đặt, rất đầy đủ. Mỗi lần gặp ngày trọng húy, trước mấy ngày, đều đổi hẳn sắc mặt, đêm tế cáo, suốt mãi tới sáng không ngủ. Đĩa rau chén muối dâng lên, tất tự tay mình xem xét. Tới khi vào tế, thì đầy sắc mặt thương buồn.

Vì được chúa Ân Vương rất yêu mến, nên mỗi khi gặp ngày kị chúa, tất đặt bàn thờ, thắp hương, ngửa mặt lên trời gào khóc, gặp lúc vội vàng, bận rộn, cũng vẫn như thế.

Tiên từ mẫu qua đời, Tiên công vẫn không lấy bà kế, những công việc gia đình hết thảy giao cho các con dâu, các nàng hầu, vợ lẽ trở xuống đều thuộc quyền quản nhiếp ở người dâu cả. Trong chốn khuê phòng nghiêm túc vẫn như khi Tiên từ mẫu còn sống.

Còn nhỏ mồ côi cha, cùng ở với chú, của chìm của nổi không suy bì gì cả. Khi đã trưởng thành, gia đình hòa thuận, như khi còn nhỏ.

Đối xử với các con, hiền hậu yêu mến tự nhiên, chỉ khi dạy học mới nghiêm khắc.

Đối xử với bạn bè rất hậu, gặp lúc bạn chết sống hoãn cấp, càng thêm tận tình, có thể bỏ ra những của cải mà người khác khó chịu bỏ. Hay làm được những việc mà người khác khó làm được. Thường có thơ chế nhạo người lừa dối kẻ chết, rằng:

Bóng cây thông cứng hay mềm, khi sương nhiều sẽ thấy,

Lòng con sông sâu hay nông, khi nước cạn sẽ biết.

Những mong người đời đều không chết,

Cũng như ông Kiều ông Bành cả, thì còn lừa dối ai?

Cậu ta là Tiến sĩ Song Ngọc công, trước kia coi quân ở Nghệ An, mất ở nơi làm việc, đưa quan tài về, Tiên công tự giúp đỡ việc tang ma, và trông coi lũ cháu mồ côi, ân ý hết sức, những bạn bè không ai là không nêu cao cái ý tột bậc ấy. Lòng trung hiếu, từ đễ tín nghĩa của Tiên công đại lược như vậy.

Từ nhỏ đã có chí kinh bang tế thế, lối học không chuyên chủ về tầm chương, trích cú, về những đường lối trị nước như phương pháp làm quan làm lại, binh lính thuế khoá, dân chính, điền chính, cho đến núi sông đồn trấn, đường xá, thành quách, thổ sản, phong tục đều khảo xét xưa cùng nay, biên chép thành sách, bố trí rất có pháp độ. Đến như thuật pháp âm dương phong thủy, không gì không tinh tế.

Cha đã soạn các sách: *Anh ngôn thi tập; Ngọ Phong văn tập; Việt sử tiêu án* lưu truyền ở đời.

* * *

翰閣英華

HÀN CÁC ANH HOA

Sưu tầm, dịch thuật
ĐỖ THỊ HẢO - LÂM GIAMG - PHẠM THỊ THOA
Giới thiệu
ĐỖ THỊ HẢO

翰閣英華

HÀN CÁC ANH HOA

Hàn các anh hoa là một trong những tác phẩm có giá trị của Ngô Thì Nhậm, bao gồm những bài chiếu, dụ, tạ, biểu... do ông viết thay Quang Trung, Quang Toản và các quan văn võ trong những năm từ 1788 đến 1801. Đây là những năm cuối cùng trong cuộc đời hoạt động chính trị của Ngô Thì Nhậm, song lại cũng là những năm sôi động và đẹp nhất trong cuộc đời của tác giả. Bởi thế *Hàn các anh hoa* đã trở thành tiếng nói tâm huyết của ông. Nó không những đã phản ánh một cách sâu sắc tình hình chính trị Việt Nam đương thời mà còn là những áng văn chứa đựng nhiều tình cảm và hiểu biết uyên thâm của tác giả.

Ngay khi sống dưới vương triều Lê Trịnh, Ngô Thì Nhậm đã là người có tư tưởng tiến bộ: Yêu nước, thương dân, mong muốn cho dân giàu nước thịnh. Nhưng hoàn cảnh lịch sử lúc đó đã không tạo ra những điều kiện khách quan nhất định để ông có thể "mặc sức hoạt động theo chí mình"[1]. Chỉ tới khi Ngô Thì Nhậm gặp Quang Trung vào đầu mùa hạ năm Mậu Thân (1788) thì đây mới là thời điểm tạo nên một bước chuyển biến sâu sắc về tư tưởng và tình cảm của ông. Đất nước đối với ông giờ đây là một đất nước thống nhất, Nam Bắc nối liền, không còn cảnh Trịnh Nguyễn chia cắt bờ cõi để dân tình rơi vào chốn lầm than. Cũng từ đây Ngô Thì Nhậm mới được thoả chí và thể hiện tâm huyết của mình vào việc soạn thảo những chiếu, biểu... mang tư tưởng tiến bộ của Nguyễn Huệ và cũng là tư tưởng mà bản thân Ngô Thì Nhậm hằng ấp ủ bao nhiêu năm.

Trong hoàn cảnh lúc bấy giờ, mặc dù triều đình vua Lê chúa Trịnh đã suy sụp không còn cơ cứu vãn, song đa số sĩ phu Bắc Hà còn mang nặng ý thức trung quân mù quáng. Họ chưa nhận thấy được giá trị của cuộc khởi nghĩa Tây Sơn. Biết bao người thân thích như Ngô Tưởng Đạo chú ông, Ngô Thì Chí em ruột ông đã cuồng tín đi theo Lê Chiêu Thống. Còn ông đã thấy rõ hướng đi của mình, một lòng phục vụ cho triều đại Tây Sơn. Vì thế, ông đã đem tài trí của mình thuyết phục bạn bè ra phục vụ cho triều đại mới. Một số lớn các quan văn võ có tài năng của triều đại cũ như Phan Huy Ích, Nguyễn Thế Lịch, Ninh Tốn... đều lần lượt ra cộng tác với Tây Sơn. Chỉ trong vòng hai tháng, từ tháng 4 đến tháng 6 năm

1788, Ngô Thì Nhậm đã hội họp các sĩ phu để soạn thảo 3 bài "Biểu suy tôn" nhằm khẳng định những chiến công rực rỡ của người anh hùng áo vải trong sự nghiệp cứu nước thanh trừng tập đoàn Lê - Trịnh - Nguyễn để "thống nhất non sông, công trạng hơn hẳn đời trước."

Vào cuối năm Mậu Thân (1788), Ngô Thì Nhậm lại được vinh dự thảo "Chiếu lên ngôi." Có thể nói rằng, tất cả tình cảm sâu sắc nhất của ông đối với người anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ đã hội tụ ở đây. Chính vì thế, "Chiếu lên ngôi" đã trở thành tiếng kèn giục giã, động viên con dân nước Việt tiến vào cuộc chiến đấu sinh tử với quân xâm lược Mãn Thanh.

Sau khi đại phá quân Thanh, bên cạnh những chính sách ngoại giao mềm dẻo để cốt giữ gìn quan hệ bình thường với nhà Thanh được thể hiện trong *Bang giao hảo thoại*, Quang Trung đã ban bố hàng loạt các chính sách kinh tế, giáo dục... nhằm xây dựng một đất nước giàu mạnh, chặn đứng được mọi cuộc chiến tranh xâm lược từ phương Bắc tới. Những chính sách đó đã được Ngô Thì Nhậm thể hiện trong *Hàn các anh hoa,* vì thế *Hàn các anh hoa* đã phản ánh được chủ trương đúng đắn, những quyết tâm khôi phục lại đất nước của Quang Trung sau nhiều năm nội chiến và chiến tranh xâm lược của nhà Thanh.

Để mau chóng hàn gắn vết thương chiến tranh, triều Tây Sơn đã thi hành chính sách khuyến khích và phát triển nông nghiệp. Vào năm 1789, "Chiếu khuyến nông" được ban hành. Mục đích khuyến khích việc nông tang đã được Ngô Thì Nhậm trình bày cặn kẽ: "Chính trị của bậc vương giả là vun gốc vén ngọn, chỉ có dốc sức vào việc yên dân, vào việc đồng ruộng thì rồi trong nước mới không có du dân, ngoài đồng đất mới không bỏ hoang." Phải nói "Chiếu khuyến nông" là một pháp lệnh để chấm dứt tình trạng ruộng đất bị hoang hoá, dân chúng phiêu tán, lưu lạc. Do triều đại Tây Sơn đã chú trọng đến nông nghiệp cho nên: "Từ Canh Tuất đến nay (Giáp Dần - 1794) năm nào cũng được mùa, trong nước yên bình, một quan tiền mua được 100 đấu thóc, dân gian cất trữ, ca ngợi." Bên cạnh chính sách nông nghiệp, việc học hành cũng được triều đại Tây Sơn quan tâm đến. "Chiếu lập học" cũng được ban bố vào năm 1789. Lần đầu tiên, nhà nước ban bố lệnh phổ cập trường học đến cấp xã. Tờ chiếu còn nói rõ: "Chọn nho sĩ có học thức, hạnh kiểm trong xã, đặt làm thầy xã học để dạy dỗ học trò trong xã." Ngay sau khi lên ngôi một năm, Quang Trung lại mở khoa thi hương năm Kỷ Dậu (1789). Phải nói đây là một cố gắng đáng kể của triều đại Tây Sơn. Như Gia Long phải 6

năm sau khi lên ngôi (1807) mới tổ chức được khoa thi đầu tiên. Sau này trong bài "Chiếu mở khoa thi" viết dưới thời Quang Toản (1798), một lần nữa Ngô Thì Nhậm đã khẳng định đường lối xây dựng việc học hành cho nhân dân là tối cần thiết: "Xây dựng đất nước lấy việc học làm đầu, tìm lẽ trị bình lấy tuyển nhân tài làm gốc... lập giáo hoá, đặt khoa cử là quy mô lớn để chuyển loạn thành trị." Đồng thời cũng qua tờ chiếu này, Ngô Thì Nhậm còn bày tỏ được quan điểm của mình về văn chương. Ông cho rằng: "Văn thể quý ở chỗ đôn hậu, thuần thục, đừng ham chuộng phù phiếm, bóng bảy, hứa hẹn đạt đến chỗ uyên thâm, rộng rãi. Không nên cho việc tầm chương trích cú là tài; ngõ hầu người có thực học kinh bang tế thế đều được cất nhắc, để giúp cho việc sử dụng của nhà nước."

Như trên đã nói, muốn dựng một đất nước mà muôn phương an lạc, bốn biển thanh bình thì phải thu hút được nhân tài. Ngay khi đặt chân lên Bắc Hà lần thứ hai, sau khi giết Vũ Văn Nhậm, Nguyễn Huệ đã chú trọng đến đám cựu thần nhà Lê. Ông hy vọng có thể tìm trong đó những người có tài đức để giúp dập cho nền chính trị buổi đầu cuả mình. Tuy có những kẻ ngu trung tìm cách lẩn tránh như Bùi Huy Bích, có kẻ đã tự tử như Nguyên Huy Trác, nhưng đại bộ phận những người có tài năng như Ngô Thì Nhậm, Phan Huy Ích, Nguyễn Thế Lịch, Ninh Tốn... đều cộng tác với triều đại mới. Quang Trung biết rõ không phải họ đã dễ dàng tin theo triều đại mới ngay từ đầu, mà vẫn mang lòng nghi ngờ, sợ hãi. Trong "Chiếu dụ các quan văn võ triều đại cũ" có nói: "Ngày đến Bắc Thành Trẫm cũng làm ngơ không nỡ bắt lỗi, đã ban chiếu dụ để mở ra cho con đường sống. Khẩn thiết đến hai ba lần, thế mà các ngươi vẫn chần chừ trông ngóng, rồi cứ cố tình trốn tránh." Song thiện chí cầu nhân tài của Quang Trung: "Trẫm đang ghé chiếu lắng nghe, thức ngủ mong mỏi, nhưng người có tài cao học rộng chưa từng thấy đến... Ngẫm cho kỹ cái nhà to lớn sức một cây không thể chống đỡ, sự nghiệp thái bình sức một người không thể đảm đương", thêm vào đó là lòng khoan dung độ lượng: "Trẫm một lòng yêu quý nhân tài, không lúc nào quên, cho nên đặc ân tha tội cho các ngươi. Phàm những kẻ giam giữ đều tha ra hết. Những người chạy trốn không truy nã nữa, để làm sáng rõ đức khoan dung", nên kết quả là, trong đám sĩ phu cựu triều có nhiều người tìm đến và tận tâm phục vụ cho triều đình mới, trở thành những người đáng tin cậy.

Một chính sách cần phải nói tới là chính sách đối với hàng binh nhà Thanh và đối với bọn Tàu Ô.[2] Thời đại Quang Trung dân tộc ta đã đạt được chiến công vô cùng hiển hách. Một nước dân không lấy gì làm đông, đất không lấy gì làm rộng, thế mà chỉ trong gần một tuần lễ, vào dịp Tết

nguyên đán năm Kỷ Dậu (1789), nhân dân ta đã đánh bại quân xâm lược Mãn Thanh. Trong niềm tự hào chung của cả dân tộc, Ngô Thì Nhậm bằng ngòi bút của mình, thay lời Quang Trung thể hiện lòng tự hào ấy qua tờ: "Chiếu phát phối hàng binh Nội địa vào các quân ngũ." Đây là lời tự hào của những người có sức mạnh chính nghĩa. Sức mạnh như vũ bão ấy đã đập tan quân xâm lược Mãn Thanh và lũ bán nước Lê Chiêu Thống: "Trẫm một phen vẫy ngọn cờ lệnh quét sạch lũ kiến, các ngươi thua một trận rạp đất, tử thương kể có hàng vạn." Đối với tội lỗi của bọn xâm lược "nhẽ ra phải đem sử bằng quân pháp, giết bằng gươm giáo, để răn đe những kẻ ngông cuồng." Song do lòng nhân đạo mang tính truyền thống của dân tộc ta, Quang Trung đã bao dung khoan hồng, tha thứ cho tính mệnh. Nếu như trước kia Lê Lợi đã vì lòng nhân đạo mà "tỏ lượng hiếu sinh" bảo toàn tính mệnh và cung cấp phương tiện để quân tướng nhà Minh bại trận được trở về một cách an toàn, thì nay, ta lại bắt gặp một hành động tương tự ở Quang Trung. Không chỉ có thế, đối với bọn Tàu Ô, các vua của triều đại Tây Sơn cũng khuyến khích họ đem hết khả năng mà lập công danh. "Người nào có tài năng học nghiệp muốn đứng ở bản triều cũng sẽ được thu dụng ngay" để "lập công dương danh".

Hàn Các anh hoa, không chỉ thể hiện được những giá trị tinh thần cao đẹp của Quang Trung, mà còn phản ánh một cách khá đầy đủ những chính sách đối nội của triều đại Tây Sơn, nên nó đã trở thành một tư liệu lịch sử đáng quý giúp cho hậu thế đánh giá được một cách đúng đắn hơn về sự nghiệp của triều đại Tây Sơn nói chung và Nguyễn Huệ nói riêng.

Bên cạnh những giá trị về tư tưởng và lịch sử đã trình bày trên, *Hàn các anh hoa* còn có những cống hiến đáng kể về lĩnh vực văn học. Phải nói rằng trong văn học cổ, thể văn chiếu, dụ, biểu, tạ... là một thể loại khó, vì thế không dễ dàng thành công trong thể loại này. Đánh giá về trước tác của Ngô Thì Nhậm, trước hết phải đánh giá ở chỗ ông đã dùng các thể văn trên để thể hiện một cách sâu sắc những chính sách tiến bộ của triều đại Tây Sơn, thể hiện được lòng tự hào, sức sống mãnh liệt, ý chí quyết thắng và lòng nhân từ độ lượng, mong muốn hoà hảo với lân bang của nhân dân ta thời đó.

Hàn các anh hoa còn cho thấy Ngô Thì Nhậm là một người tài hoa, nhà trí thức chân chính Việt Nam cuối thế ký XVIII, đã thực hiện được nguyện vọng cao đẹp suốt đời vì dân, vì nước, đã để lại cho thế hệ mai sau một tấm gương sáng cùng những áng văn chương hồn hậu, uyên thâm, con cháu muôn đời sau ghi nhớ mãi.

Tuy vậy, *Hàn các anh hoa* không phải không có những hạn chế nhất định. Trong số toàn bộ 66 bài thì gần một nửa là lối văn chúc tụng, với nội dung trùng lặp, khuyên sáo: Chúc mừng Hoàng hậu nhân tiết Thiên thọ; Biểu của Hoàng thái tử chúc mừng Hoàng hậu; Biểu của Hoàng tử Khang công chúc mừng Hoàng chánh hậu... với câu chữ cầu kỳ, lắt léo, khiến người đọc phải khó khăn và vất vả mới có thể hiểu nổi. Mặc dù vậy, nó vẫn cung cấp cho ta những tư liệu quý, phần tích cực, tiến bộ vẫn là chủ yếu. Với tác phẩm *Hàn các anh hoa*, Ngô Thì Nhậm bằng tài năng nhiều mặt của mình đã làm rạng rỡ cho nền văn hoá Việt Nam thời Tây Sơn, và góp phần cống hiến lớn lao cho lịch sử dân tộc.

Hàn các anh hoa hiện được tập hợp trong tùng thư *Ngô gia văn phái* với 11 dị bản lưu trữ tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm và Thư viện Viện Sử học. Các dị bản ghi chép không thống nhất, có bản chép nhiều, có bản chép ít và sự sắp xếp giữa các bản khác nhau. Để tiện theo dõi xin lập bản thống kê sau:

Ký hiệu thư viện	Khổ sách	Số trang	Số bài	Ghi chú
A.117/11	0,30 x 0,22	80	66	Ghi rõ chép 1905. Viện Hán Nôm.
Hv.142/2	0,25 x 0,18	118	61	Thư viện Viện Sử học.
VHv.16/8	0,28 x 0,18	114	61	Thư viện Viện Hán Nôm. Chép từ 1848 về sau, vì có chữ kiêng huý tên Tự Đức.
A.2170	0,30 x 0,22	45	22	
A.117/12	0,30 x 0,25	56	28	
A.117/13		70	36	Nt
VHv.1743/4	0,25 x 0,18	30	13	Nt
VHv.1743/25	0,32 x 0,18	90	37	Nt
VHv.1743/16	0,28 x 0,18	116	39	Nt
VHv.1743/20	0,28 x 0,18	106	22	Nt
A.117/b	0,28 x 0,18	46	13	Nt

Xem bản thống kê trên thấy có 3 bản: A.117/11, VHv.16/18 Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm và HV.142/2 Thư viện Viện Sử học sao chép đầy đủ hơn cả. So sánh 3 bản trên về số lượng và thứ tự trình bày

của từng bài, thì 2 bản VHv.16/8 và bản HV.142/2 giống hệt nhau. Riêng bản A.117/11 hơn 2 bản trên 5 bài chép ở cuối sách. Căn cứ vào những sự kiện có thực trong đời tác giả, như ông được Quang Trung phong làm Binh bộ Thượng thư, và di tích ở quê Tả Thanh Oai của ông, có thờ Lê Đại Hành và vợ, trước đền có đặt đôi ngựa đá do ông cung tiến. Theo *Ngô gia thế phả* thì Ngô Thì Nhậm có tham gia vào việc sửa lại khoán ước của làng v.v... Do đó, có thể khẳng định 5 bài: Biểu tạ được thăng Binh bộ Thượng thư cai quản binh dân bản quán; Phụng tu Lư sử biểu tấu; Tấu tiến thạch mã biểu tấu; Tặng phong tạ biểu; Trần nhạc biểu là của Ngô Thì Nhậm. Như vậy, *Hàn các anh hoa* ký hiệu A.117/11 gồm 66 bài là đầy đủ nhất. Trong khi dịch và khảo chú văn bản, chúng tôi đã căn cứ vào bản A.117/11, đối chiếu theo bản HV.142/2, đồng thời tham khảo tất cả những bản khác, để đính chính những sai lầm về chữ nghĩa trong từng bài.

Nhân đây chúng tôi xin chân thành tỏ lòng biết ơn cố Giáo sư Cao Xuân Huy, các vị túc nho đã quá cố Trần Thạch Can, Đào Phương Bình, Đỗ Ngọc Toại đã chỉ bảo cho những ý kiến quý báu trong việc biên dịch 40 bài tuyển chọn. Riêng lần xuất bản *Ngô Thì Nhậm Toàn tập* này *Hàn các anh hoa* đã được Nhà nghiên cứu Lâm Giang và Phạm Thị Thoa dịch bổ sung 26 bài còn lại cùng với việc đưa nguyên văn chữ Hán và phiên âm Hán Việt để tác phẩm ra mắt bạn đọc được trọn vẹn. Dịch và chú thích tác phẩm có thể văn chiếu, biểu... là việc có khó khăn nhất định, nên khó tránh khỏi những nhầm lẫn, sai sót. Kính mong bạn đọc lượng thứ và chỉ giáo.

CHÚ THÍCH:

1.Mộng Thiên Thai phú – *Kim mã hành dư.*

2.Tên gọi chung bọn giặc biển người Trung Hoa lúc bấy giờ, chúng thường đi tàu thuyền ven biển nước ta để cướp bóc.

***

1. 諭舊朝文武詔

詔舊朝文班武班等欽知:

朕三駕北城，以覆載包涵爲量，顧虞亡秦伯，隋佞唐忠，初不以興亡成敗之故，專咎卿等。始而相率來歸，中而共效奔，終而爲臣爲讎，反覆不常，情屬可惡。

朕至城之日，置之度外，不忍加咎，經已放諭詔開更生之路，再三懇切，顧乃徘徊觀望，終焉固遯。豈非僥倖授兵再至，左右輕重，姑待完局耶？不首陽而夷齊，不海島而田橫，不惟成敗勝負之機，已不能瞭，而是非得失之理，且不能明。此豈忠義明哲之所爲哉？理應震一時之怒，律以不臣，籍其家資，且將殺爾之身，以昭常典。夫！卿以風痾之昧誤，不許自新，恐傷普育並生之德。況檻車屈辱，非無王佐之才，洗馬舊讎，終有諫臣之美。

朕愛人才一念，遽不能忘，特放赦爾等之罪。凡所拘檻者，並許放解，逃遯勿可追拿，以昭寬德。

夫！以一人之身，以天下比一人，不寧方來，此乃知機達變之謂。當以時立功業，效殷士之膚敏，庶可保身名享富貴，豈不美哉？若迷終凶，噬臍何及。

勉之勉之！欽哉特詔！

PHIÊN ÂM:

DỤ CỰU TRIỀU VĂN VÕ CHIẾU

Chiếu cựu triều văn ban võ ban đẳng khâm tri:

Trẫm tam giá Bắc Thành, dĩ phú tái bao hàm vi lượng. Cố Ngu vong Tần bá, Tuỳ nịnh Đường trung, sơ bất dĩ hưng vong thành bại chi cố, chuyên cữu khanh đẳng. Thuỷ nhi tương suất lai quy, trung nhi cộng hiệu bôn tẩu, chung nhi vi thần vi thù, phản phúc bất thường, tình thuộc khả ố.

Trẫm chí Thành chi nhật, trí chi độ ngoại, bất nhẫn gia cữu, kinh dĩ ban dụ chiếu khai cánh sinh chi lộ, tái tam khẩn thiết, cố nãi bồi hồi quan vọng, chung yên cố độn. Khởi phi nghiêu hãnh thụ binh tái chí, tả hữu khinh trọng, cô đãi hoàn cục da? Bất Thú Dương nhi Di Tề, bất hải đảo nhi Điền Hoành, bất duy thành bại thắng phụ chi cơ, dĩ bất năng liệu, nhi thị phi đắc thất chi lý, thả bất năng minh. Thử khởi trung nghĩa minh triết chi sở vi tai? Lý ưng chấn nhất thời chi nộ, luật dĩ bất thần, tịch kỳ gia tư, thả tương sát nhĩ chi thân, dĩ chiêu thường điển. Phù! Khanh dĩ phong kha chi muội ngộ, bất hứa tự tân, khủng thương phổ dục tịnh sinh chi đức. Huống hạm xa khuất nhục, phi vô vương tá chi tài, tẩy mã cựu thù, chung hữu gián thần chi mỹ.

Trẫm ái nhân tài nhất niệm, cự bất năng vong, đặc ban xá nhĩ đẳng chi tội. Phàm sở câu hạm giả, tịnh hứa phóng giải, đào độn vật khả truy nã, dĩ chiêu khoan đức.

Phù! Dĩ nhất nhân chi thân, dĩ thiên hạ tỷ nhất nhân, bất ninh phương lai, thử nãi tri cơ đạt biến chi vị. Đương dĩ thời lập công nghiệp, hiệu Ân sĩ chi phu mẫn, thứ khả bảo thân danh hưởng phú quý, khởi bất mỹ tai? Nhược mê chung hung, phệ tê hà cập!

Miễn chi miễn chi! Khâm tai, đặc chiếu!

DỊCH NGHĨA:

CHIẾU CHIÊU DỤ CÁC QUAN VĂN VÕ [TRIỀU LÊ]

Xuống chiếu cho các quan văn võ cựu triều biết:

Trẫm đã ba lần xa giá tới Bắc Thành,[1] xem xét sự việc bằng tấm lòng bao dung che chở, thấy có người ở nước Ngu thì Ngu mất, nhưng sang

Tần lại giúp Tần nên nghiệp bá,[2] ở Tuỳ là người nịnh nhưng sang Đường lại là người trung,[3] Trẫm không vì cớ hưng vong thành bại mà quy tội cho các ngươi. Lúc đầu [các ngươi] đã đưa nhau đến quy thuận, giữa chừng hùa nhau bỏ trốn, rốt cuộc người thì thành bề tôi, kẻ trở thành thù địch, tráo trở bất thường thực là đáng ghét.

Hôm Trẫm đến Bắc Thành, gạt ra ngoài mọi phép tắc, không nỡ quy tội thêm cho các ngươi, đã hai ba lần khẩn thiết ban chiếu dụ, mở cho các ngươi một con đường sống, nhưng các ngươi vẫn loanh quanh kẻ trông người ngóng, rốt cuộc bảo nhau trốn tránh cả. Phải chăng các ngươi còn mong may ra viện binh lại đến, nên tính trước sau, tạm thời đợi chờ thời cuộc? Các ngươi không lên núi Thú Dương nhưng lại muốn làm Di Tề,[4] không ra hải đảo mà muốn làm Điền Hoành,[5] như thế cái cơ thắng bại hơn thua đã không thấu suốt, mà cái lẽ phải trái mất còn cũng chẳng hiểu đến nơi. Hành động đó phải chăng là của những người trung nghĩa sáng suốt hay sao? Đáng lý ra Trẫm phải đùng đùng nổi giận, theo luật không thừa nhận là bầy tôi, tịch thu gia sản và ghép các người vào tội chết, để phép tắc được sáng tỏ. Nhưng như thế là nóng vội trước sự ngu muội lầm lỡ của các ngươi, chưa tính đến việc để các ngươi tự sửa đổi, để khỏi tổn hại đến cái đức "sinh nuôi đều khắp" của đấng vương giả này nên làm. Huống hồ kẻ bị khuất nhục nhốt trong xe tù kia không phải không có đấng hiền tài ra giúp sức.[6] Xoá bỏ hận thù cũ là hành động tốt đẹp của bậc gián thần.[7]

Trẫm một lòng yêu mến người tài, điều đó không bao giờ quên, nên đặc biệt ra ân tha tội cho các ngươi. Để tỏ rõ đức khoan dung rộng lớn của Trẫm, từ nay, tất cả những kẻ đang bị giam cầm đều được tha ra hết, những người đang trốn chạy cũng đều không bị đuổi bắt nữa.

Kìa như, đem thân một người mà đối chọi với cả thiên hạ, thì chẳng thà đến quy thuận còn hơn, như thế mới là kẻ biết thời cơ, hiểu được quyền biến. Các ngươi nên kịp thời ra sức lập công, bắt chước sự mẫn cán của kẻ sĩ nhà Ân,[8] ngõ hầu giữ được thân danh, hưởng được phú quý, há chẳng tốt đẹp hay sao? Còn như cứ mê muội, cuối cùng chuốc lấy tai vạ thì hối sao cho kịp![9]

Hãy cố gắng lên, cố gắng lên! Kính cẩn tuân theo tờ đặc chiếu này!

CHÚ THÍCH:

1.Ba lần xa giá Bắc Thành: Quang Trung ra Bắc ba lần. Lần thứ nhất vào năm 1786 để phò Lê diệt Trịnh. Lần thứ hai khoảng đầu năm 1788 Quang Trung ra Bắc giết Vũ Văn Nhậm. Lần cuối Quang Trung ra Bắc đánh tan quân xâm lược nhà Thanh đầu năm 1789.

2.Ngu vong Tần bá: Bách Lý Hề là hiền tướng của Tần Mục Công thời Xuân Thu. Lúc đầu ông thờ vua nước Ngu, 7 năm không có gì tri ngộ. Biết nước Ngu sắp mất ông không can gián bỏ sang nước Tần. Tần Mục Công dùng ông làm tướng, 7 năm nước Tần làm nên nghiệp.

3.Tuỳ nịnh Đường trung: Chỉ Bùi Củ, ở nước Tuỳ là kẻ nịnh thần, sang nhà Đường lại là người trung.

4.Di, Tề: Bá Di và Thúc Tề là hai người con của vua Cô Trúc nhà Ân. Vua qua đời di mệnh cho Thúc Tề nối ngôi. Thúc Tề nhường lại cho Bá Di, nhưng ông không nhận vì trái mệnh cha. Rốt cuộc cả hai người cùng bỏ trốn. Vua Vũ đem quân đi đánh nhà Ân, Bá Di, Thúc Tề khấu đầu trước ngựa can ngăn. Khi Vũ Vương diệt Ân làm vua thiên hạ, Bá Di, Thúc Tề xấu hổ không muốn ăn thóc của nhà Chu, rủ nhau lên núi Thú Dương, hái rau vi để sống. Về sau chết đói trong núi.

5.Điền Hoành: Người đời Tấn, vốn dòng dõi vua Tề. Sau khi vua Tề tên là Quảng bị Hàn Tín diệt, Hoành tự xưng là vua. Lưu Bang diệt được Hạng Võ lập nên nhà Hán. Điền Hoành không phục, bèn cùng 500 thuộc hạ chạy trốn ra hải đảo.

6.Chỉ Quản Trọng: Ông tên thật là Di Ngô, người ở Dĩnh Thượng nước Tề. Lúc đầu thờ công tử Củ, sau công tử Củ bị giết, Quản Trọng xin được tù vì có ý muốn phò tá Tề Hoàn Công. Quả nhiên ông đã giúp Tề Hoàn Công làm nên nghiệp bá.

7.Chỉ Nguỵ Trưng: Nguỵ Trưng thờ thái tử Lý Kiến Thành con cả Đường Cao Tổ, được làm chức Thái tử tẩy mã. Sau Lý Thế Dân giết anh là Kiến Thành lên làm vua (tức Đường Thái Tông). Nguỵ Trưng về với Thế Dân được phong chức Gián nghị đại phu. Ông là người thẳng thắn, dám can ngăn Đường Thái Tông trên 200 điều.

8.Kẻ sĩ nhà Ân: Thiên *Đại nhã* trong *Kinh Thi* có câu: "Ân sĩ phu mẫn, quần tương vu kinh" (Kẻ sĩ nhà Ân nhanh nhẹn dâng rượu tế ở kinh đô). Khi nhà Chu diệt nhà Ân, kẻ sĩ nhà Chu rất sốt sắng theo nhà Ân.

9.Hối sao cho kịp: Dịch chữ "phệ tê hà cập". Sách *Tả truyện* chép: "Trang Công năm thứ 6, Sở Văn Vương đi đánh nước Thân, qua nước Đặng, Đặng hầu khoản đãi rất trọng hậu. Bề tôi thấy thế khuyên Đặng hầu nên giết đi, nhưng ông không nghe; Họ liền nói: "Nếu ngài không mưu đồ sớm sau này e cắn rốn không kịp".

Sách *Quảng sự loại* cũng chép: Con xạ hương ở vùng rốn có một túi thơm. Khi nó bị săn đuổi thường cúi xuống cắn bỏ túi hương để chạy, nhưng không kịp. Chữ "phệ tê" (cắn rốn) trong *Tả truyện* có lẽ cũng là ý ấy.

2. 委崇讓公監國諭

旨諭天下臣民等:

朕肅將天威，戡定禍亂，思以拯溺救焚，措民於衽席之上。

茲屬黎家不造，乾道乃革。朕敢不祇畏上帝，以與天下更始？永惟興滅繼絶，寔乃古聖王仁義之至。是用特委崇讓公監國，以奉黎家宗祀。至於國內兵民諸事務，並已差官分理，各有攸司，以示統一昭初政。

咨爾臣庶，其仰體此意！務宜安分，各有幹止，以共享安寧之慶。倘或浮言搖或，干冒天常，即王法孔嚴，決無容貸。

欽哉特諭！

PHIÊN ÂM:

UỶ SÙNG NHƯỢNG CÔNG GIÁM QUỐC DỤ

Chỉ dụ thiên hạ thần dân đẳng:

Trẫm túc tương thiên uy, kham định hoạ loạn, tư dĩ chửng nịch cứu phần, thố dân ư nhậm tịch chi thượng.

Tư thuộc Lê gia bất tạo, càn đạo nãi cách. Trẫm cảm bất chi uý thượng đế, dĩ dữ thiên hạ canh thuỷ? Vĩnh duy hưng diệt kế tuyệt, thực

nãi cổ thánh vương nhân nghĩa chi chí. Thị dụng đặc uỷ Sùng Nhượng Công Giám quốc, dĩ phụng Lê gia tông tự. Chí ư quốc nội binh dân chư sự vụ, tịnh dĩ sai quan phân lý, các hữu du ti, dĩ thị thống nhất chiêu sơ chính.

Tự nhĩ thần thứ, kỳ ngưỡng thể thử ý! Vụ nghi an phận, các hữu cán chỉ, dĩ cộng hưởng an ninh chi khánh. Thảng hoặc phù ngôn dao hoặc, can mạo thiên thường, tức vương pháp khủng nghiêm, quyết vô dung thế.

Khâm tai đặc dụ!

DỊCH NGHĨA:

TỜ DỤ UỶ CHO SÙNG NHƯỢNG CÔNG[1] GIỮ CHỨC GIÁM QUỐC

Chỉ dụ cho toàn thể thần dân thiên hạ được biết:

Trẫm kính cẩn đem uy trời, dẹp yên họa loạn, muốn cứu thiên hạ trong cơn nước sôi lửa bỏng, đưa dân ta tới cõi thanh bình.

Nhà Lê nay đã hết vận, đạo trời vì thế đã đổi thay. Trẫm dám đâu không tôn kính thượng đế, canh cải thiên hạ? Nhưng nghĩ đến cái kế "Dấy lên nước đã bị diệt, nối lại đời đã đứt" là việc làm của bậc đế vương chí nhân chí nghĩa đời xưa. Vậy nên, Trẫm đặc biệt giao cho Sùng Nhượng Công giữ chức Giám quốc, trông coi tông miếu nhà Lê. Còn như mọi việc dân binh trong nước, đều đã sai các quan chia nhau xử trí, mỗi người đều đã có chức phận của mình, để tỏ rõ sự thống nhất của việc chính sự ngay từ buổi đầu.

Thần thứ các ngươi, hãy hiểu rõ ý này! Hãy yên với chức phận của mình, đều biết việc mình đáng làm hay việc không đáng làm, để cùng nhau hưởng phúc thanh bình. Nếu có kẻ nào dám phao tin đồn nhảm, lung lạc lòng người, xúc phạm đến đạo trời, thì vương pháp rất nghiêm, quyết không dung thứ.

Hãy kính cẩn tuân theo tờ đặc dụ này!

CHÚ THÍCH:

1.Sùng Nhượng Công, tức Lê Duy Cận, con thứ tư vua Lê Hiển Tông. Khi Hiển Tông còn sống đã được lập làm Đông Cung, nhưng qua năm Nhâm Dần (1782) bị quân Tam phủ truất bỏ. Quang Trung ra Bắc lần thứ hai giết Vũ Văn Nhậm (1788), lập Sùng Nhượng Công làm Giám quốc, để giữ việc thờ cúng tông miếu nhà Lê.

3. 配屬內地降兵詔

詔內地從征士卒各名人等，欽知:

夫！師也者毒天下之民，戰勝克伐，兩兵相向，逢敵則殺。武之善經，獲而捨之，古未有也。

朕應天順人，乘時革命，以兵定天下。

爾總督孫士毅斗筲之才，章縫之技，不知用兵之要，無故動兵，出關二十九萬，踰山越嶺，深入重地，驅爾等無辜之民，使之橫罹鋒鏑，皆爾總督之罪也。

朕戎麾一指，蟻聚掃清，爾等一敗塗地，死傷者以萬萬計。其現在陣前，擒獲，與勢迫投降，理該按軍憲律，封刃對鋒行誅，以爲跳梁者戒。惟以體上帝好生之德，涵育蓋容，饒爾性命。

合詔放下，發配各奇隊充補軍伍，支給糧餉，使爾等免於桎梏之苦，敵愾從戎，爲爪牙之用。

王者視四海如一家，朕推心置人腹中，爾等體此，勿可疑懼，釋其懷土之念，以答再造之恩。

欽哉特詔！

PHIÊN ÂM:

PHỐI THUỘC NỘI ĐỊA HÀNG BINH CHIẾU

Chiếu Nội địa tòng chinh sĩ tốt các danh nhân đẳng, khâm tri:

Phù! Sư dã giả độc thiên hạ chi dân, chiến thắng khắc phạt, lưỡng binh tương hướng, phùng địch tắc sát. Vũ chi thiện kinh, hoạch nhi sả chi, cổ vị hữu dã.

Trẫm ứng thiên thuận nhân, thừa thời cách mệnh, dĩ binh định thiên hạ.

Nhĩ Tổng đốc Tôn Sĩ Nghị đẩu sao chi tài, chương phùng chi kỹ, bất tri dụng binh chi yếu, vô cố động binh, xuất quan nhị thập cửu vạn, du sơn việt lĩnh, thâm nhập trọng địa, khu nhĩ đẳng vô cô chi dân, sử chi hoành ly phong đích, giai nhĩ Tổng đốc chi tội dã.

Trẫm nhung huy nhất chỉ, nghị tụ tảo thanh, nhĩ đẳng nhất bại đồ địa, tử thương giả dĩ vạn vạn kế. Kỳ hiện tại trận tiền, cầm hoạch, dữ thế bách đầu hàng, lý cai án quân hiến luật, phong nhận đối phong hành tru, dĩ vi đào lương giả giới. Duy dĩ thể thượng đế hiếu sinh chi đức, hàm dục cái dung, nhiêu nhĩ tính mệnh.

Hợp chiếu ban hạ, phát phối các cơ đội sung bổ quân ngũ, chi cấp lương hướng, sử nhĩ đẳng miễn ư chất cốc chi khổ, địch khái tòng nhung, vi trảo nha chi dụng.

Vương giả thị tứ hải như nhất gia, Trẫm suy tâm trí nhân phúc trung, nhĩ đẳng thể thử, vật khả nghi cụ, thích kỳ hoài thổ chi niệm, dĩ đáp tái tạo chi ân.

Khâm tai đặc chiếu!

DỊCH NGHĨA:

CHIẾU PHÁT PHỐI HÀNG BINH NỘI ĐỊA[1] VÀO CÁC QUÂN NGŨ

Xuống chiếu cho quân sĩ nội địa đi chinh chiến biết:

Kìa như! Hễ dụng binh là gây tai hoạ cho dân, chiến trận thắng thua, hai bên quân lính đánh nhau, gặp kẻ thù là giết. Giỏi việc võ bị, bắt được thả ra, là việc xưa nay hiếm.

Trẫm nay ứng với mệnh trời, thuận theo lòng người, thừa thời cơ thay đổi vận mệnh, đem quân đi dẹp yên thiên hạ.

Ngươi Tổng đốc Tôn Sĩ Nghị, tài hèn đấu thưng, võ nghệ vá víu, không hiểu biết điểm cốt yếu của việc dụng binh, dám vô cớ động binh,

đem 29 vạn quân ra khỏi cửa ải, trèo đèo vượt núi, vào sâu đất hiểm, xua dân vô tội của các ngươi, khiến họ phải vào vòng vây hãm của mũi tên hòn đạn, đó đều là tội lỗi của ngươi Tổng đốc.

[Trước tình thế đó], Trẫm đã phải một phen vung cao cờ lệnh, quét sạch lũ kiến, các ngươi thua một trận rạp đất, tử thương kể có hàng vạn. Hiện tại, những tên bắt được ngay tại trận, hoặc vì thế quẫn bách phải đầu hàng, lẽ ra phải xử theo quân pháp, giết bằng mũi tên lưỡi kiếm, để răn đe những kẻ ngông cuồng. Nhưng thể theo đức hiếu sinh của Thượng đế, nuôi dưỡng chở che, nên Trẫm tha cho các ngươi được bảo toàn tính mạng.

Chiếu này ban xuống, phân chia các ngươi vào các cơ đội, bổ sung cho quân ngũ, cấp cho lương thực, khiến cho các ngươi tránh được nỗi khổ phải gông cùm, lại được gắng sức ở trong quân ngũ, để trở thành nanh vuốt của ta.

Bậc vương giả xem bốn biển như một nhà, Trẫm suy bụng mình ra bụng người, các ngươi phải hiểu điều đó, chớ có nghi ngờ sợ hãi, hãy bỏ lòng nhớ xứ sở đi, để đáp lại ơn tái tạo của Trẫm.

Phải kính cẩn tuân theo tờ đặc chiếu này.

CHÚ THÍCH:

1.Công việc hoà nghị (qua thư từ với Phúc Khang An) được thu xếp xong vào mùa đông năm 1789. Việc chia tù binh này có lẽ tiến hành sau việc hoà nghị, có thể từ năm 1790 trở đi.

Nội địa: Chỉ nước Trung Quốc, xưa người Trung Quốc tự cho mình là ở phần đất đai phía trong, là trung tâm của các nước khác.

4. 立學詔

詔天下官員百姓等欽知:

建國以教學爲先，求治以人才爲急。曩者四方多警，學政不修，科法寢隳，人才愈乏。

夫！一治一亂，循環之理。繼亂之後，尤當興起振作，立教化，設科舉，乃轉亂爲治大規模。

朕者定方初，雅意敦儒，留心好士，欲得寔才，以資國家之用。

合詔敕下：所在各社民，宜設立社學，擇社內儒士，有學行者置爲社講諭，教習本社士人。其各府祠宇，聽本地分民，認待擇差府訓導官，置爲教習學府之所。仍期以今年開鄉試科，取鄉秀才優等升充國學，次等送補府學。其舊朝鄉貢未有職任者，並詣闕朝侯，送補訓導知縣等職。舊儒生生徒，並待試期入試，優者入選，劣者罷歸社學。其三貫生徒，一切勒還民項，與民同受徭役。嗣後各社所置講諭，聽呈納縣官類簿，仍轉遞朝堂官給憑，俾知策勵。

這關一初大典，合當磨礱作志，精白承休，同登寬裕之涂，共贊清明之治。

布告遐邇，使咸聞知。

PHIÊN ÂM:

LẬP HỌC CHIẾU

Chiếu thiên hạ quan viên bách tính đẳng khâm tri:

Kiến quốc dĩ giáo học vi tiên, cầu trị dĩ nhân tài vi cấp. Năng giả tứ phương đa cảnh, học chính bất tu, khoa pháp tẩm huy, nhân tài dũ phạp.

Phù! Nhất trị nhất loạn, tuần hoàn chi lý. Kế loạn chi hậu, vưu đương hưng khởi chấn tác, lập giáo hoá, thiết khoa cử, nãi chuyển loạn vi trị đại quy mô.

Trẫm kỳ định phương sơ, nhã ý đôn nho, lưu tâm hiếu sĩ, dục đắc thực tài, dĩ tư quốc gia chi dụng.

Hợp chiếu ban hạ: Sở tại các xã dân, nghi thiết lập xã học, trạch xã nội nho sĩ, hữu học hạnh giả, trí vi xã giảng dụ, giáo tập bản xã sĩ dân. Kỳ các phủ từ vũ, thính bản địa phân dân, nhận đãi trạch sai phủ Huấn đạo quan, trí vi giáo tập học phủ chi sở. Nhưng kỳ dĩ kim niên khai hương thí khoa, thủ hương tú tài ưu đẳng thăng sung quốc học, thứ đẳng tống bổ phủ học. Kỳ cựu triều hương cống vị hữu chức nhậm giả, tịnh nghệ khuyết triều hầu, tống bổ Huấn đạo Tri huyện đẳng chức. Cựu nho sinh sinh đồ, tịnh đãi thí kỳ nhập thí, ưu giả nhập tuyển, liệt giả bãi quy xã học. Kỳ tam quán sinh đồ, nhất thiết lặc hoàn dân hạng, dữ dân đồng thụ dao dịch. Tự hậu các xã sở trí giảng dụ, thính trình nạp huyện quan loại bạ, nhưng chuyển đệ triều đường quan cấp bằng, ti chi sách lệ.

Giá quan nhất sơ đại điển, hợp đương ma long tác chí, tinh bạch thừa hưu, đồng đăng khoan dụ chi đồ, cộng tán thanh minh chi trị.

Bố cáo hà nhĩ, sử hàm văn chi.

DỊCH NGHĨA:

CHIẾU LẬP HỌC

Ban chiếu cho quan viên và thứ dân trong thiên hạ được biết:

Muốn kiến quốc phải coi dạy học làm đầu, muốn đất nước được trị bình phải tuyển chọn nhân tài làm gốc. Trước đây bốn phương lắm việc kinh động xảy ra, cho nên chế độ học hành không được sửa sang, phép tắc khoa cử dần dần sa sút, nhân tài ngày càng thiếu hụt.

Ôi! Có một thời trị lại có một thời loạn, đó là cái lẽ của vòng tuần hoàn. [Cho nên], sau khi loạn càng cần phải chấn hưng chỉnh đốn, lập lại nền giáo hoá, mở lại chế độ khoa cử, chuyển loạn thành trị trên một quy mô lớn.

Trẫm đây ngay từ buổi đầu mới định được thiên hạ, đã có nhã ý coi trọng nho học, lưu tâm đến kẻ sĩ, muốn tìm những người thực tài để giúp ích cho nước.

Tờ chiếu này sau khi ban xuống, tất cả các xã dân, phải lập nhà học cho xã mình, chọn nho sĩ trong xã là người có học hạnh, đặt làm thày giảng dụ, dạy cho học trò trong xã. Còn như từ vũ[1] của các phủ, sai dân

địa phương trông nom, đợi khi chọn được sai quan Huấn đạo của phủ, thì dùng làm trường giảng tập của học phủ. Nhưng trong năm nay vẫn mở khoa thi hương,[2] lấy những tú tài hạng ưu bổ sung vào trường quốc học, hạng thứ thì đưa về trường học phủ. Những người đỗ hương cống của triều đại cũ chưa được bổ nhiệm thì phải đến đợi tại triều để bổ vào các chức Huấn đạo, Tri huyện. Các nho sinh và sinh đồ cũ, tất cả đều đợi đến kỳ vào thi, loại ưu thì được vào tuyển, loại kém thì trả về trường học của xã, các "sinh đồ ba quan"[3] tất cả trả về hạng thường dân, để cùng gánh vác phu phen tạp dịch. Từ nay về sau, các xã có đặt chức giảng dụ thì phải nộp danh sách cho quan huyện, rồi chuyển đệ lên, để quan triều đình cấp bằng, khiến họ biết được sự khích lệ của trên.

Việc này quan hệ đến điển chương lớn buổi đầu, ai nấy phải mài dũa chí khí, phấn chấn tinh thần để đón phúc lành, để cùng bước lên con đường thênh thang, giúp cho nền thịnh trị trong sáng.

Vậy bố cáo khắp xa gần, để mọi người đều biết.

CHÚ THÍCH:

1.Từ vũ: Là nhà học của phủ. Thời xưa nhà học phủ huyện, đồng thời là nơi thờ Văn Thánh (Khổng Tử), nên gọi là "Từ vũ."

2.Khoa thi hương năm Kỷ Dậu (1789): Nghiên cứu tiểu sử La Sơn phu tử, Hoàng Xuân Hãn thấy trong *Dã sử nhật ký* có ghi: "Mùa thu (năm Quang Trung thứ 2 - 1789) Tây Sơn thi học trò ở Nghệ An, sai Nguyễn Khải Xuyên (Nguyễn Thiếp) làm Đề điệu." Qua đây ông ghi nhận La Sơn phu tử được bổ chấm thi ở Nghệ An, nhưng vì không còn tài liệu nào khác nên ông chỉ đoán định một cách dè dặt: "Tuy không thấy sách khác chép sự kiện này (khoa thi năm 1789) nhưng có thể có thật" (Hoàng Xuân Hãn. *La Sơn phu tử*. Nhà xuất bản Minh Tân. Paris 1952. tr. 135). Về khoa thi này, *Trà Lũ xã chí* ghi: "Phan Đăng Đệ người bản xã thi đậu giải nguyên thời Quang Trung, và Nguyễn Ly (người Nghi Tàm, nay thuộc Hà Nội) (Lê Văn Mưng. *Trà Lũ xã chí*, tờ 38b). Qua các tư liệu trên ta thấy khoa thi hương ghi trong *Chiếu Lập học* là có thật, hơn nữa, khoa thi hương này không chỉ tổ chức ở Nghệ An mà còn ở nhiều nơi khác.

3.Sinh đồ ba quan: Thời Lê Cảnh Hưng khoảng năm 1780 quy định không phải qua kỳ khảo hạch ở huyện mà được thi hương luôn thì phải nộp 3 quan tiền cho nhà nước. Triều Tây Sơn lên lập tức bãi bỏ lệ này.

5. 勸農詔

詔天下官員民庶等欽知:

王者之政，敦本抑末，惟康功田功，然後國無遊民，野無曠土。自經亂以來，兵火頻仍，加以饑饉，人口流移，田疇荒廢，丁田寔數，不及向時之四五。朕膺圖受命，四海廓清。今大定伊始，勸課繁息之政，所當次第舉行。

夫！頑漂隱富，習俗之常。防民之道，莫若復流移墾荒閑，使遊手遊食之民，轉而緣南畝。其從前某民僑寓他方，逃避徭役，或因妻鄉母貫，或因商賈作業，除附籍三代以上，其餘一切勒回本貫，別社不得容住。其官田私田，業經荒廢，並聽回認耕作，不得委置流荒，使寔墾者，控受征稅。所在色目社村長照見丁寔在干率，見田寔墾干畝，與荒廢始墾干畝，勒限九月旬類簿，納在該縣分率分知等官轉遞，待欽差官勘寔酌量平補。

若某社容住客户，不有驅回本貫，及逃回的人，逡巡不回，或見知人所告，廉查得寔，其伊社色目社村長與逃人，並以處論。

某社荒田，經限不有認墾，其官田責據伊社員色户項，照原田税額培徵；私田入官，税額與官田同。這係道民務本，一初之政，令出惟行。

咨爾臣民，各宜仰體德意，復爾閭邑，力爾田疇，毋遊情以妨生，毋逃隱以取戾。

阜成之樂，朕方與百姓同之，勉各凜遵，勿可違越。

PHIÊN ÂM:

KHUYẾN NÔNG CHIẾU

Chiếu thiên hạ quan viên dân thứ đẳng khâm tri:

Vương giả chi chính, đôn bản ức mạt, duy khang công điền công, nhiên hậu quốc vô du dân, dã vô khoáng thổ. Tự kinh loạn dĩ lai, binh hoả tần nhưng, gia dĩ cơ cận, nhân khẩu lưu di, điền trù hoang phế, đinh điền thực số, bất cập hướng thời chi tứ ngũ. Trẫm ưng đồ thụ mệnh, tứ hải khuyếch thanh. Kim đại định y thuỷ, khuyến khoá phồn tức chi chính, sở đương thứ đệ cử hành.

Phù! Ngoan phiêu ẩn phú, tập tục chi thường. Phòng dân chi đạo, mạc nhược phúc lưu di khẩn hoang nhàn, sử du thủ du thực chi dân, chuyển nhi duyên nam mẫu. Kỳ tòng tiền mỗ dân kiều ngụ tha phương, đào tị dao dịch, hoặc nhân thê hương mẫu quán, hoặc nhân thương cổ tác nghiệp, trừ phụ tịch tam đại dĩ thượng, kỳ dư nhất thiết lặc hồi bản quán, biệt xã bất đắc dụng trú. Kỳ quan điền tư điền, nghiệp kinh hoang phế, tịnh thính hồi nhận canh tác, bất đắc uỷ trí lưu hoang, sử thực khẩn giả, khống thụ chinh thuế. Sở tại sắc mục xã thôn trưởng chiếu kiến đinh thực tại can suất, kiến điền thực khẩn can mẫu, dữ hoang phế thuỷ khẩn can mẫu, lặc hạn cửu nguyệt tuần loại bạ, nạp tại cai huyện Phân suất Phân tri đẳng quan chuyển đệ, đãi Khâm sai quan khám thực chước lượng bình bổ.

Nhược mỗ xã dung trú khách hộ, bất hữu khu hồi bản quán, cập đào hồi đích nhân, tuấn tuần bất hồi, hoặc kiến tri nhân số cáo, liêm tra đắc thực, kỳ y xã sắc mục xã thôn trưởng dữ đào nhân, tịnh dĩ xử luận.

Mỗ xã hoang điền, kinh hạn bất hữu nhận khẩn, kỳ quan điền trách cứ y xã viên sắc hộ hạng, chiếu nguyên điền thuế ngạch bội trưng; tư điền nhập quan, thuế ngạch dữ quan điền đồng. Giá hệ đạo dân vụ bản, nhất sơ chi chính, lệnh xuất duy hành.

Tư nhĩ thần dân, các nghi ngưỡng thể đức ý, phục nhĩ lư ấp, lực nhĩ điền trù, vô du tình dĩ phương sinh, vô đào ẩn dĩ thủ lệ.

Phụ thành chi lạc, Trẫm phương dữ bách tính đồng chi, miễn các lẫm tuân, vật khả vi việt.

DỊCH NGHĨA:

CHIẾU KHUYẾN NÔNG

Ban chiếu xuống cho quan viên dân thứ đều biết:

Việc chính sự của bậc vương giả là phải vun gốc, đè ngọn. Chỉ có hết sức với việc dân, chú trọng vào công việc đồng áng, thì dân trong nước mới không phiêu dạt, đất ngoài đồng mới không bỏ hoang. Nước ta từ khi xảy ra loạn ly tới nay, binh hoả liên miên, cộng thêm đói kém, vì vậy mà nhân khẩu lưu lạc tản tác, ruộng vườn bỏ mặc cho hoang tàn, số đinh tráng và số ruộng hiện đang canh tác so với trước đây không bằng bốn năm phần. Trẫm nhận mệnh trời, dựng lại cơ đồ, bốn biển phẳng lặng. Ngày nay việc đại định mới chỉ bắt đầu, cho nên phải có chính sách khuyến khích nghề nông thêm phồn thịnh, muốn đạt được điều đó phải tiến hành từng bước.

Kìa như! Kẻ lưu tán thường hay ngoan cố, người giầu có thường hay giấu của, đó là cái lẽ thường tình. Cái phép giữ gìn bảo vệ dân, chẳng gì bằng đưa dân phiêu tán trở về khai khẩn ruộng hoang, khiến cho kẻ quen thói du thủ du thực chuyển sang chăm chỉ với ruộng đồng. Vì vậy, người nào trước đây ngụ cư nơi khác, trốn tránh lao dịch, hoặc ở lại quê mẹ, quê vợ, hoặc đi buôn bán, trừ người đã nhập tịch từ ba đời trở lên, số còn lại nhất thiết bắt về bản quán, xã khác không được cho họ trú ngụ. Những ruộng công ruộng tư, đã bị bỏ hoang, hết thảy đều cho họ nhận về

cày cấy, không được để hoang hoá, khiến cho những người thực sự cấy trồng phải chịu thuế khống. Tất cả các sắc mục xã thôn trưởng xét xem số đinh hiện có là bao nhiêu suất, số ruộng thực sự cày cấy là bao nhiêu mẫu, số ruộng mới cày cấy là bao nhiêu mẫu, định thời hạn vào tuần tháng 9, phân loại lập sổ, nộp lên cho quan Phân suất hoặc quan Phân tri[1] ở huyện để chuyển đệ lên, đợi quan Khâm sai về khám xét sự thực rồi mới cân nhắc tính thuế.

Nếu xã nào chứa chấp dân ngụ cư, không đuổi họ về quê cũ, cùng với những kẻ trốn tránh, nấn ná không chịu quay về, hoặc có người biết đi tố cáo, kiểm tra thấy đúng sự thực, thì sắc mục xã thôn trưởng xã đó cùng những kẻ trốn tránh ấy đều phải đem ra xử tội.

Nếu xã nào có ruộng hoang đã quá hạn mà không chịu khai khẩn, là ruộng công thì trách cứ vào hộ hạng quan viên sắc mục trong xã, chiếu theo ngạch thuế cũ mà thu gấp đôi; là ruộng tư thì sung vào làm ruộng công, ngạch thuế theo như ruộng công. Tất cả những điều nêu ra trên đây, cốt là để bảo cho dân biết chăm vun cái gốc, cũng chính là đường lối của buổi ban đầu, vậy lệnh đã ban ra thì phải thi hành.

Này, thần dân các ngươi, mỗi người đều phải hiểu cái ý tốt của ta, hãy trở lại quê cũ làm ăn, chăm nom cày cấy ruộng rãy của mình, chớ có chơi bời lười nhác, phạm đến cái kế sinh nhai của mình, chớ có trốn tránh để phải đắc tội.

Trẫm đương mong mỏi cùng với trăm họ vui với cảnh đủ đầy, vậy mọi người đều phải cố gắng kính cẩn tuân theo, chớ có làm trái.

CHÚ THÍCH:

1.Phân tri Phân suất: Hai chức quan, một trông coi về hành chính, một trông coi về quân sự ở huyện, được đặt ra dưới triều Tây Sơn.

6. 求賢詔

蓋聞：賢之處世，猶明星之麗天。星必拱於北辰，賢必爲天子使。若夫韜光產彩，有才而不爲世用，非上天生賢之意也。

向者時趨末造，中州多故，考槃之士，用鞏于黃牛，朝著之英，戒鳴于仗馬。亦有擊析抱關，入河蹈海，陸沉而不自見，肥遯若將終身。朕方側席異聞，寤寐求之，而碩大宏博之才，未有至者。將朕寡德，不足以助理歟？抑方蠱之時，未可以事王侯歟？

夫！天造草昧，君子以經綸。今耆定方初，庶務草創。乾綱猶多虧闕，邊務正在圖回。民瘼之未蘇，德化之未洽。朕兢兢業業，一日二日萬幾。深惟大廈非一木之支，太平非一士之略。疇咨海內，十室之邑，必有忠信，況茲土宇版章，如此其廣，豈無名世出其間，以裨朕一初之政乎？

合詔敕下：大小官僚，及百姓民庶，其有才猷學術，嘉謀蓋時，聽得上章言事。言可采者，不次擢用，其不可采者置之，亦不以疏迂見罪。其有一藝一能可爲世用，許文武等官，皆得舉知，仍賜引見，隨才補敘。或從來韜晦，不爲人所知，亦上章自舉，勿以眩售爲嫌。

夫！天地間，賢才隱，在昔宜然。今乾清坤夷，正賢者感會風雲時節，諸有懷才抱德，宜各思奮，用揚于王庭，同寅協恭，以均享尊榮之慶。

布告遐爾，或使聞知。

PHIÊN ÂM:

CẦU HIỀN CHIẾU

Cái văn: Hiền chi xử thế, do minh tinh chi lệ thiên, tinh tất củng ư Bắc Thần, hiền tất vi thiên tử sứ. Nhược phù, thao quang sản thái, hữu tài nhi bất vi thế dụng, phi thượng thiên sinh hiền chi ý dã.

Hướng giả thời xu mạt tạo, Trung châu đa cố, khảo bàn chi sĩ, dụng củng vu hoàng ngưu, triều trước chi anh, giới minh vu trượng mã. Diệc hữu kích tích bão quan, nhập hà đạo hải, lục trầm nhi bất tự kiến, phì độn nhược tương chung thân. Trẫm phương trắc tịch dị văn, ngụ mỵ cầu chi, nhi thạc đại hoằng bác chi tài, vị hữu chí giả. Tương Trẫm quả đức, bất túc dĩ trợ lý dư? Ức phương cổ chi thời, vị khả dĩ sự vương hầu dư?

Phù! Thiên tạo thảo muội, quân tử dĩ kinh luân. Kim kỳ định phương sơ, thứ vụ thảo sáng. Càn cương do đa khuy khuyết, biên vụ chính tại đồ hồi. Dân mạc chi vị tô, đức hoá chi vị hợp. Trẫm căng căng nghiệp nghiệp, nhất nhật nhị nhật vạn cơ. Thâm duy đại hạ phi nhất mộc chi chi, thái bình phi nhất sĩ chi lược. Trù tư hải nội, thập thất chi ấp, tất hữu trung tín, huống tư thổ vũ bản chương, như thử kỳ quảng, khởi vô danh thế xuất kỳ gian, dĩ tỳ Trẫm nhất sơ chi chính hồ?

Hợp chiếu ban hạ: Đại tiểu quan liêu, cập bách tính dân thứ, kỳ hữu tài du học thuật, gia mưu cái thời, thính đắc thượng chương ngôn sự. Ngôn khả thái giả, bất thứ trạc dụng, kỳ bất khả thái giả trí chi, diệc bất dĩ sơ vu kiến tội. Kỳ hữu nhất nghệ nhất năng khả vi thế dụng, hứa văn võ đẳng quan, giai đắc cử tri, nhưng tứ dẫn kiến, tuỳ tài bổ tự. Hoặc tòng lai thao hối, bất vi nhân sở tri, diệc thượng chương tự cử, vật dĩ huyền thù vi hiềm.

Phù! Thiên địa gian, hiền tài ẩn, tại tích nghi nhiên. Kim càn thanh khôn di, chính hiền giả cảm hội phong vân thời tiết, chư hữu hoài tài bão đức, nghi các tư phấn, dụng dương vu vương đình, đồng dần hiệp cung, dĩ quân hưởng tôn vinh chi khánh.

Bố cáo hà nhĩ, hàm sử văn tri.

DỊCH NGHĨA:

CHIẾU CẦU HIỀN TÀI

Từng nghe nói rằng: Người hiền xuất hiện ở đời, thì như ngôi sao sáng trên trời cao. Sao sáng ắt chầu về ngôi Bắc Thần,(1) người hiền ắt làm sứ giả cho thiên tử. Nếu như che mất ánh sáng, giấu đi vẻ đẹp, có tài mà không được đời dùng, thì đó không phải là ý trời sinh ra người hiền vậy.

Trước đây thời thế suy vi, Trung châu gặp nhiều biến cố, kẻ sĩ phải ở ẩn trong ngòi khe,(2) trốn tránh việc đời,(3) những bậc tinh anh trong triều đường, phải kiêng dè không dám lên tiếng.(4) Cũng có kẻ gõ mõ canh cửa ải,(5) cũng có kẻ ra biển vào sông,(6) chìm đắm trên cạn(7) mà không biết, dường như muốn lẩn tránh(8) suốt đời. Nay Trẫm đang ghé chiếu(9) lắng nghe, ngày đêm mong mỏi, nhưng những người học rộng tài cao chưa thấy có ai tìm đến. Hay Trẫm ít đức không đáng để phò tá chăng? Hay đang thời đổ nát(10) chưa thể ra phụng sự vương hầu chăng?

Kìa như, trời tạo cảnh tăm tối, thì đấng quân tử phải trổ tài. Nay đương ở buổi đầu của nền đại định, công việc vừa mới mở ra. Kỷ cương nơi triều chính còn nhiều khiếm khuyết, công việc ngoài biên đương phải lo toan. Dân còn nhọc mệt chưa lại sức, mà đức hoá của Trẫm chưa kịp nhuần thấm khắp nơi. Trẫm nơm nớp lo lắng, ngày một ngày hai vạn việc nảy sinh. Nghĩ cho kỹ thì thấy rằng: Một cái cột không thể đỡ nổi một căn nhà lớn, mưu lược một người không thể dựng nghiệp trị bình. Suy đi tính lại trong vòm trời này, cứ cái ấp 10 nhà ắt phải có người trung thành tín nghĩa. Huống nay trên dải đất văn hiến rộng lớn như thế này, há trong đó lại không có lấy một tài danh nào ra phò giúp cho chính quyền buổi ban đầu của Trẫm hay sao?

Chiếu này ban xuống, các bậc quan viên lớn nhỏ, cùng với thứ dân trăm họ, người nào có tài năng học thuật, mưu hay hơn đời, cho phép được dâng sớ tâu bày sự việc. Lời nói nói nào có thể chọn dùng được, thì cất nhắc không kể thứ bậc; chỗ nào không dùng được thì gác lại, không vì lời nói sơ suất vu khoát mà bắt tội. Còn người có nghề hay nghiệp giỏi, có thể cống hiến cho đời, thì cho phép các quan văn quan võ được tiến cử, nhưng vẫn dẫn vào đợi ra mắt, tuỳ tài lục dụng. Hoặc người nào từ trước đến nay tài năng còn bị che kín, chưa được người đời biết đến, thì cũng cho phép dâng sớ tự tiến cử, chớ hiềm vì mưu lợi mà phải bán rao.

Này! Trong khoảng trời đất, hiền tài còn ẩn náu, trước đây thì nên như thế. Nay trời trong sáng, đất thanh bình, chính là lúc người hiền gặp hội gió mây, những ai có tài có đức hãy cùng cố gắng lên, ghi tên tại triều đình, cùng nhau cung kính, cùng nhau hưởng phúc lành tôn vinh.

Vậy bố cáo gần xa để mọi người đều biết.

CHÚ THÍCH:

1.Bắc Thần: Sao Bắc Đẩu, tượng trưng cho ngôi vua (xem thêm chú thích số 1 bài 21).

2.Ở ẩn trong ngòi khe, dịch thoát chữ "Khảo bàn": Khảo bàn là tên bài thơ trong thiên *Vệ phong, Kinh Thi*, nói về những người ở ẩn nơi ngòi khe.

3.Trốn tránh việc đời, dịch thoát chữ "Dụng củng vu hoàng ngưu" (Gói kỹ trong tấm da bò): Hào "sơ cửu" quẻ Cách trong *Kinh Dịch*: "Củng dụng hoàng ngưu chi cách" (dùng da bò để bọc cho thật chắc). Theo lời thoán giải thích, kẻ ẩn dật trốn tránh việc đời khác nào tấm da bò bọc lấy đồ vật một cách vững chắc.

4.Kiêng dè không dám lên tiếng, dịch thoát chữ "Giới minh vu trượng mã" (ngựa chầu phải kiêng dè tiếng hý): *Đường thư* có câu: "Lý Lâm Phủ cư tướng gián quan vô cảm chính ngôn. Đỗ Tiến thượng thư, xích vi Hạ Khuê lệnh, Lâm Phủ nhân dĩ ngữ động ký dư viết: "Quân độc bất kiến lập trượng mã hồ? Chung nhật vô thanh nhi thực tam phẩm, nhất minh tắc trượng mã hồ? Chung nhật vô thanh nhi thực tam phẩm, nhất minh tắc xích chi hỹ..." (Lý Lâm Phủ làm tướng gián quan không dám nói thẳng. Đỗ Tiến dâng thư lên, bị cách làm chức lệnh ở Hạ Khuê. Lâm Phủ nhân bắn tin rằng: "Ông chẳng thấy con ngựa chầu chăng? Suốt ngày không kêu một tiếng thì được ăn lộc tam phẩm, kêu một tiếng thì sẽ bị phạt..."), ý nói những quan trong triều đều giữ mình không dám nói thẳng.

5.Gõ mõ canh cửa ải: Dịch chữ "kích đạc bão quan," xuất xứ trong sách *Mạnh Tử*, bão quan là người canh cửa, kích đạc là người đánh mõ canh đêm, đều là những chức vụ thấp kém.

6.Vào sông ra biển: Sách *Luận ngữ* thiên *Dương hoá* có câu: "Cổ Phương Thúc nhập vu Hà, Kích Khải Tương nhập vu Hải..." (Cổ Phương Thúc vào miền sông Hà, Kích Khải Tương đi ra bể), ở đây chỉ những người đi ở ẩn.

7.Chìm đắm trên cạn: Dịch chữ "lục trầm," từ này xuất xứ ở *Trang Tử*, nói kẻ đi ở ẩn như người bị chìm ngập trên cạn.

8.Lẩn tránh: Dịch chữ "phì độn," xuất xứ ở quẻ Độn trong *Kinh Dịch*, nói kẻ đi ở ẩn.

9.Ghé chiếu: Dịch chữ "trắc tịch," xuất xứ ở *Hậu Hán thư, Hoàng Đế kỷ*, ý nói vua Quang Vũ thành tâm cầu hiền.

10.Đổ nát, dịch từ chữ "cổ," cũng là tên một quẻ trong *Kinh Dịch,* nói thời kỳ đổ nát lộn xộn. Hào Thượng cửu quẻ Cổ ghi: "Bất sự vương hầu cao thượng ký chí" (Chẳng chịu phụng sự vương hầu, giữ chí của mình cho cao thượng).

7. 求言詔

詔中外臣庶等欽知:

朕沖年藐德，歷涉方淺。先皇帝早陟遐，遺大投艱于朕躬。二三年間，國步多艱，外戚竊柄，天變屢形，兵革不息。行役者或厄於波濤，或罹於鋒鏑。齊送之煩，侵魚之擾，下民疾苦情狀，聞之惻然。

夫！恬嬉者危之兆，矜大者亡之幾。今國家土地廣人民眾，寔承先皇帝開拓之餘烈。然地廣而多荒，賤人眾而深怨讟。朕慄慄危懼，若將臨于深淵。自古創業爲難，守成爲更難。朕與親熏大臣，孜孜圖治，未知攸當。其何以稱先帝付托之重，上慰九廟在天之靈，下孚四海臣民之瞻仰。蓋厝火積薪之慮，不敢或遑。

今內而朝廷，外而州郡，遠而邊塞，紀綱之未立，總理之多乖。官方吏治，兵機民政，事事罅漏，此

塞而彼涌。大抵易弛易懈弊，生於自滿自足之中，積習淪胥，難以枚舉。方思補偏救弊，何後何先，何緩何急，朕與大臣咨諏善道，未得其宜。在昔帝者之聖，猶清問于下民，朕小子未聰敏，尚冀內外臣民，示我顯德行。書云:"眾非后何戴，后非眾罔與守邦"。凡有天良，當知相須之義。

咨爾臣庶，各宜上封事，盡言無隱。內納在朝廷，外納在該鎮官轉遞奏聞。朕方虛懷聽納，施于有政，庶幾革弊行善，以弘濟于艱難。

爾等式克欽承，無替朕命，欽哉！

PHIÊN ÂM:

CẦU NGÔN CHIẾU

Chiếu trung ngoại thần thứ đẳng khâm tri:

Trẫm xung niên mạo đức, lịch thiệp phương thiển. Tiên Hoàng đế tảo trắc hà, di đại đầu gian vu trẫm cung. Nhị tam niên gian, quốc bộ đa gian, ngoại thích thiết bính, thiên biến lũ hình, binh cách bất tức. Hành dịch giả hoặc ách ư ba đào, hoặc ly ư phong đích, tề tống chi phiền, xâm ngư chi nhiễu, hạ dân tật khổ tình trạng, văn chi trắc nhiên.

Phù! Điềm hy giả nguy chi triệu, căng đại giả vong chi cơ. Kim quốc gia thổ địa quảng nhân dân chúng, thực thừa Tiên Hoàng đế khai thác chi dư liệt. Nhiên địa quảng nhi đa hoang, tiện nhân chúng nhi thâm oán độc. Trẫm lật lật nguy cụ, nhược tương lâm vu thâm uyên. Tự cổ sáng nghiệp vi nan, thủ thành vi cánh nan. Trẫm dữ thân huân đại thần, tư tư đồ trị, vị tri du đáng. Kỳ hà dĩ xứng Tiên Đế phó thác chi trọng, thượng uý

cửu miếu tại thiên chi linh, hạ phu tứ hải thần dân chi chiêm ngưỡng. Cái thố hoả tích tân chi lự, bất cảm hoặc hoàng.

Kim nội nhi triều đình, ngoại nhi châu quận, viễn nhi biên tái, kỷ cương chi vị lập, tổng lý chi đa quai. Quan phương lại trị, binh cơ dân chính, sự sự hô lậu, thử tắc nhi bỉ dũng. Đại để dị thỉ dị giải tệ, sinh ư tự mãn tự túc chi trung, tịch tập luân tư, nan dĩ mai cử. Phương tư bổ thiên cứu tệ, hà hậu hà tiên, hà hoãn hà cấp, trẫm dữ đại thần tư tu thiện đạo, vị đắc kỳ nghi. Tại tích đế giả chi thánh, do thanh vấn vu hạ dân, trẫm tiểu tử vị thông mẫn, thượng ký nội ngoại thần dân, thị ngã hiển đức hạnh. Thư *vân: "Chúng phi hậu hà đái, hậu phi chúng võng dữ thủ bang." Phàm hữu thiên lương, đương tri tương tu chi nghĩa.*

Tư nhĩ thần thứ, các nghi thượng phong sự, tận ngôn vô ẩn. Nội nạp tại triều đình, ngoại nạp tại cai trấn quan chuyển đệ tấu văn. Trẫm phương hư hoài thính nạp, thi vu hữu chính, thứ cơ cách tệ hành thiện, dĩ hoằng tế vu gian nan.

Nhĩ đẳng thức khắc khâm thừa, vô thế trẫm mệnh, khâm tai!

DỊCH NGHĨA:

CHIẾU CẦU LỜI NÓI THẲNG[1]

Ban chiếu cho thần dân trong ngoài được biết:

Trẫm còn ít tuổi, lịch thiệp chưa nhiều. Đấng Tiên Hoàng đế sớm ra đi, để lại sự nghiệp lớn lao trao lại cho mình Trẫm. Trong khoảng thời gian vài ba năm nay, việc nước gặp nhiều gian khó, họ ngoại[2] trộm nắm quyền hành, trời luôn gieo tai biến, chiến trận liên miên. Những kẻ đi công cán ở ngoài, hoặc bị vùi trong sóng lớn, hoặc bị khốn bởi lưỡi kiếm mũi tên. Những buồn phiền đưa đến, sự sách nhiễu ùa về, những nỗi khổ cực bệnh tật của dân đen, mới nghe thôi cũng đủ lòng trắc ẩn.

Này! Nên biết rằng: Vui đùa nhởn nhơ là triệu chứng của nguy khốn, kiêu căng tự đại là mầm mống của sự diệt vong. Nay nước ta đất đai rộng lớn, dân cư đông đúc, đó là do công lao mở mang của Tiên Hoàng đế ta đem lại. Nhưng đất đai rộng mà nhiều hoang hoá, dân cư đông lại lắm thù sâu. Vì vậy mà Trẫm luôn luôn run sợ, lúc nào cũng như đứng trước vực sâu. Thế mới biết từ xưa, công khai sáng cũng đã là khó, nhưng

giữ được nghiệp nhà lại càng khó hơn. Trẫm cùng với các các đại thần thân cận đăm đắm lo toan, còn chưa biết thế nào cho phải. Biết làm gì đây để xứng với trách nhiệm nặng nề của đức Tiên Đế giao phó cho, để trên thì yên ủi được vong linh trên trời của tổ tiên nơi chín miếu,[3] dưới thì thoả được tấm lòng ngửa cậy của thần dân trong bốn cõi. Cho nên mối lo "mồi lửa bện đống củi khô" luôn thường trực, đâu dám làm ngơ.

Ngày nay từ chốn triều đường, cho tới ngoài châu quận, đến tận nơi biên ải xa xôi, kỷ cương phép nước chưa được thiết lập, giải quyết công việc còn nhiều thiếu sót. Từ việc cai trị của quan lại, đến việc điều hành quân cơ, việc thực thi dân chính, việc nào việc nấy đều có sai sót, cứ giải quyết được việc này, thì việc kia lại nảy sinh. Đại để dễ dàng lơi lỏng thì dễ dàng nảy sinh tệ nạn lười biếng, từ đó sinh ra tự mãn tự cho mình làm như thế là đủ, tập nhiễm tích tụ dần thành thói quen, khó mà kể cho xiết. Trẫm đang suy tính phải tìm cách ngăn chặn mọi tệ nạn, sửa chữa những chỗ sai lầm, nhưng việc nào cần làm trước, việc nào nên làm sau, việc gì nên thư thả, việc gì cần phải giải quyết ngay, trẫm đương cùng với các đại thần bàn bạc tìm cách giải quyết, nhưng vẫn chưa ra cách nào thoả đáng nhất. Xét thấy đời xưa, các bậc vua thánh còn phải hỏi mưu kế trong dân, huống chi Trẫm nay còn ít tuổi, chí thông tuệ còn chưa đủ, còn phải dựa vào thần dân trong ngoài, bảo cho Trẫm cách tỏ rõ đức hạnh. *Kinh Thư* có câu: "Dân không vua biết nhờ cậy vào đâu, vua không dân biết cùng ai giữ nước." Phàm những ai có đức tính tốt đẹp trời ban, nên hiểu rõ ý nghĩa "dựa cậy lẫn nhau" này.

Này, các bầy tôi cùng thứ dân các ngươi! Người người hãy nên dâng thư nói hết những lời cần nói, chớ có giấu giếm. Những ai ở kinh đô thì nộp thẳng cho triều đình, còn những ai ở ngoài thì nộp cho quan Trấn thủ trấn ấy, rồi chuyển đệ lên. Nay Trẫm đương hởi lòng lắng nghe, thâu nạp điều hay để điều hành việc nước, ngõ hầu trừ bỏ được những tệ nạn, thực thi được những điều tốt lành, có như thế mới vượt khỏi giai đoạn khó khăn này vậy.

Các ngươi hãy kính cẩn tuân theo, không được bỏ qua mệnh Trẫm. Hãy kính lấy!

CHÚ THÍCH:

1.Tờ chiếu do Ngô Thì Nhậm chấp bút cho vua Quang Toản khi triều chính đang lâm vào cảnh bị họ ngoại chuyên quyền.

2.Họ ngoại, chỉ Bùi Đắc Tuyên, cậu Quang Toản.

3.Chín miếu: Theo *Hán thư, Vương Mãng* truyện: Vương Mãng sau khi cướp ngôi nhà Hán lập ra chín miếu để thờ tổ tiên. Đời sau các vua cũng lập ra chín miếu, do đó "chín miếu" trở thành thuật ngữ chỉ tôn miếu nói chung.

8. 又求言詔

詔內外大小諸臣等欽知:

朕聞：言路開則治，言路塞則亂，故人君以求言爲急。人臣之義，亦當知無不言，方盡糾繩之益。

朕青年嗣位，祗承先帝，遺大投艱。仰惟九廟付托之重，與億兆臣民之所瞻仰，夙夜祗畏，思與大小諸臣，圖回政理。邇來譴告屢形，兵革不息，民墜塗炭，宇內搖動，豈群枉之門開，而眾正之路閉歟？抑眾志未同，中外臣僚，各以其心爲心歟？將治軍臨民之官，不奉其職，催科巧而撫字拙歟？朕沖齡藐德，歷涉方淺，壅蔽者眾，中外專擅權柄，其弊有所由致。

今一番釐整，誕告惟新。凡百有位，宜体朕意，各上封事，盡言無隱。言可采者采之，不可采者置之。期在下情無壅，言路廣開，以裨朕清明之政。

欽哉特詔！

PHIÊN ÂM:

HỰU CẦU NGÔN CHIẾU

Chiếu nội ngoại đại tiểu chư thần đẳng khâm tri:

Trẫm văn: Ngôn lộ khai tắc trị, ngôn lộ tắc tắc loạn, cố nhân quân dĩ cầu ngôn vi cấp. Nhân thần chi nghĩa, diệc đương tri vô bất ngôn, phương tận củ thằng chi ích.

Trẫm thanh niên tự vị, chi thừa Tiên Đế, di đại đầu gian. Ngưỡng duy cửu miếu phó thác chi trọng, dữ ức triệu thần dân chi sở chiêm ngưỡng, túc dạ chỉ uý, tư dữ đại tiểu chư thần, đồ hồi chính lý. Nhĩ lai khiển cáo lũ hình, binh cách bất tức, dân truỵ đồ thán, vũ nội dao động, khởi quần uổng chi môn khai, nhi chúng chính chi lộ bế dư? Ức chúng chí vị đồng, trung ngoại thần liêu, các dĩ kỳ tâm vi tâm dư? Tương trị quân lâm dân chi quan, bất phụng kỳ chức, thôi khoa xảo nhi phủ tự chuyết dư? Trẫm xung linh mạo đức, lịch thiệp phương thiển, ủng tế giả chúng, trung ngoại chuyên thiện quyền bính, kỳ tệ hữu sở do trí.

Kim nhất phiên ly chỉnh, đản cáo duy tân. Phàm bách hữu vị, nghi thể Trẫm ý, các thượng phong sự, tận ngôn vô ẩn. Ngôn khả thái giả thái chi, bất khả thái giả trí chi. Kỳ tại hạ tình vô ủng, ngôn lộ quảng khai, dĩ tỳ Trẫm thanh minh chi chính.

Khâm tai, đặc chiếu!

DỊCH NGHĨA:

LẠI TỜ CHIẾU CẦU LỜI NÓI THẲNG

Ban chiếu cho các quan lớn nhỏ trong ngoài được biết:

Trẫm từng nghe người xưa nói rằng: Con đường của lời nói được mở ra thì đời thịnh trị, con đường của lời nói bị đóng lại thì đời nhiễu nhương, cho nên các bậc vua chúa đời xưa, coi việc cầu lời nói là việc cấp bách. Nghĩa vụ của thần dân, cũng nên biết không thể không nói, có như thế mới giúp ích cho việc uốn nắn những điều sai trái được trọn vẹn.

Trẫm tuổi trẻ nối ngôi, kính cẩn kế thừa sự nghiệp to lớn nhưng đầy gian khó của Tiên Đế để lại. Ngửa thấy trọng trách do Cửu miếu[1] giao phó, cùng với sự mong đợi của ức triệu thần dân, nên Trẫm sớm

khuya kính cẩn lo sợ, cùng với các quần thần lớn nhỏ, nghĩ cách bàn bạc sửa sang lại triều chính. Gần đây, những điều không hay thường xuất hiện, chiến trận không ngớt xảy ra, dân đen mắc vào cảnh lầm than, trong cõi luôn luôn náo động, [Trẫm thường nghĩ], cánh cửa gian tà phải chăng thường được mở ra, còn con đường ngay thẳng thì bị đóng lại hay sao? Hay dân chúng chưa đồng lòng, các quan trong triều ngoài nội đều chỉ biết lo cho chính bản thân mình thôi hay sao? Hay là những kẻ trông coi việc quân, gánh vác việc dân không làm tròn chức trách của mình, chỉ giỏi vơ vét còn việc chăm dân thì vụng chăng? Trẫm tuổi trẻ đức mọn, từng trải chưa nhiều, lại lắm những kẻ bưng bít, trong ngoài tự tiện nắm giữ quyền bính, vì vậy những tệ nạn mới có đất nảy sinh.

Nay [Trẫm muốn] có một cuộc chấn chỉnh, tuyên rộng những điều đổi mới. Phàm những người có chức vị, nên thể tất mà hiểu rõ ý Trẫm, ai nấy hãy dâng thư lên, bày tỏ chính kiến của mình, nói hết những điều cần nói, chớ giấu giếm điều gì. Những lời nào Trẫm có thể dùng được thì dùng, không dùng được thì để đấy. Trẫm mong tình hình ở dưới không bị che đậy, con đường bày tỏ bằng lời được mở rộng, giúp việc cai trị của Trẫm trong sáng hơn.

Kính cẩn tuân theo tờ đặc chiếu này.

9. 試士詔

詔北城四鎮外鎮士人等欽知:

朕聞：科舉之設，所以賓興賢能。鄉試會試，歷朝行之既久，得人之效，歷歷可睹。我國家應天啓運，文治恢張。先朝耆定伊始，已經開科取士，但事猶草創，品式未詳。朕銳意求賢，思恢治化，奈因太師裴得宣專權，亂政事，不稽古。

近日詔下各處試士，只用經義文策二期，取中者謂之俊士，剽竊古義，不合時宜。茲裴得宣爲朝臣所劾，已罷其政權。凡前事率意妄爲，一皆停罷，再加作新釐整。

特詔放下:今年秋開鄉試科，試法一遵古制，以經義四 六詩賦文策取士。預中三期者謂之生徒，連中四期者謂之鄉貢。其題調、監試、監考、覆考、初考及內場外場體例，北城官並照舊制施行。其鄉試士人，係舊朝鄉貢，已經己酉科應點應務者，並應勉試。其舊生徒與學生並同入試。士人應試者，試卷納在各處督學官，奉收類簿，納在試院官。至期許士人入場應試。其各縣各處，先期考核，並應酌以廣招延之路。至明年春開會試科，特放禮部官分爲 三選。廣順二處，選在京，清乂二處合選在永營，四鎮外鎮合選在北城。中選者謂之禮部進士，禮部經引所取中進士入庭試，賜甲乙有差。嗣後鄉試三年一科，依如古制。

爾多士等！宜仰承休德，各思砥礪濯磨。文體貴在渾純，勿以浮華相尚。期于淹博，無以尋摘爲能，庶幾經濟宏學，咸在登庸，以資國家之用。

欽哉特詔！

PHIÊN ÂM:

THÍ SĨ CHIẾU

Chiếu Bắc Thành tứ trấn ngoại trấn sĩ nhân đẳng khâm tri:

Trẫm văn: Khoa cử chi thiết, sở dĩ tân hưng hiền năng. Hương thí hội thí, lịch triều hành chi, ký cửu, đắc nhân chi hiệu, lịch lịch khả đổ. Ngã quốc gia ứng thiên khải vận, văn trị khôi trương. Tiên triều kỳ định y thuỷ, dĩ kinh khai khoa thủ sĩ, đãn sự do thảo sáng, phẩm thức vị tường. Trẫm nhuệ ý cầu hiền, tư khôi trị hoá, nại nhân Thái sư Bùi Đắc Tuyên chuyên quyền, loạn chính sự, bất kê cổ.

Cận nhật, chiếu hạ các xứ thí sĩ, chỉ dụng Kinh nghĩa, Văn sách nhị kỳ, thủ trúng giả vị chi "Tuấn sĩ," phiếu thiết cổ nghĩa, bất hợp thời nghi. Tư Bùi Đắc Tuyên vi triều thần sở hạch, dĩ bãi kỳ chính quyền. Phàm tiền sự suất ý vọng vi, nhất giai đình bãi, tái gia tác tân ly chỉnh.

Đặc chiếu ban hạ: Kim niên thu, khai hương thí khoa, thí pháp nhất tuân cổ chế, dĩ Kinh nghĩa, Tứ lục, Thi phú, Văn sách thủ sĩ. Dự trúng tam kỳ giả vị chi Sinh đồ, liên trúng tứ kỳ giả vị chi Hương cống. Kỳ Đề điệu, Giám thí, Giám khảo, Phúc khảo, Sơ khảo cập nội trường, ngoại trường thể lệ, Bắc Thành quan tịnh chiếu cựu chế thi hành. Kỳ hương thí sĩ nhân, hệ cựu triều hương cống, dĩ kinh Kỷ Dậu khoa ứng điểm ứng vụ giả, tịnh ưng miễn thí. Kỳ cựu sinh đồ dữ học sinh tịnh đồng nhập thí. Sĩ nhân ứng thí giả, thí quyển nạp tại các xứ Đốc học quan, phụng thu loại bạ, nạp tại thí viện quan. Chí kỳ hứa sĩ nhân nhập trường ứng thí. Kỳ các huyện các xứ, tiên kỳ khảo hạch, tịnh ưng chước dĩ quảng chiêu diên chi lộ. Chí minh niên xuân khai Hội thí khoa, đặc ban Lễ Bộ quan phân vi tam tuyển. Quảng Thuận nhị xứ, tuyển tại Kinh, Thanh Nghệ nhị xứ tuyển tại Vĩnh Doanh, tứ trấn, ngoại trấn hợp tuyển tại Bắc Thành. Trúng tuyển giả vị chi Lễ Bộ Tiến sĩ, Lễ Bộ kinh dẫn sở thủ trúng Tiến sĩ nhập Đình thí, tứ giáp ất hữu sai. Tự hậu hương thí tam niên nhất khoa, y như cổ chế.

Nhĩ đa sĩ đẳng, nghi ngưỡng thừa hưu đức, các tư để lệ trạc ma. Văn thể quý tại hồn thuần, vật dĩ phù hoa tương thượng. Kỳ vu yêm bác, vô dĩ tầm trích vi năng, thứ cơ kinh tế thực học, hàm tại đăng dung, dĩ tư quốc gia chi dụng.

Khâm tai, đặc chiếu!

DỊCH NGHĨA:

CHIẾU MỞ KHOA THI

Chiếu cho kẻ sĩ trong bốn trấn Bắc Thành và các trấn bên ngoài được biết:

Trẫm từng nghe nói: Mở ra khoa cử là để cất nhắc kẻ sĩ hiền tài. Thi hương, thi hội, các triều đại trước mở ra đã lâu, hiệu quả của việc tìm được nhân tài đã rõ. Nước ta, thuận theo lẽ trời mở ra vận hội, việc cai trị bằng văn hiến được mở mang. Tiên triều lúc mới bình định được thiên hạ, đã từng mở khoa thi kén kẻ sĩ, nhưng là việc khởi đầu, nên quy cách chưa rõ. Vì vậy, nay Trẫm tha thiết tìm kiếm hiền tài, là muốn mở mang nền cai trị bằng giáo hoá, nhưng vì Thái sư Bùi Đắc Tuyên chuyên quyền, làm loạn triều chính, chẳng thể khảo cứu việc đời xưa.

Gần đây, chiếu kén kẻ sĩ ban xuống cho các xứ, chỉ dùng hai kỳ Kinh nghĩa, Văn sách, người đỗ gọi là "Tuấn sĩ," cắt xén nghĩa xưa, không hợp thời cuộc. Nay Bùi Đắc Tuyên bị triều thần hặc tội, đã bị truất hết quyền bính. Phàm những việc tuỳ ý làm trước kia, hết thảy đều bãi bỏ, thay đổi sửa sang theo lối mới.

Nay ban chiếu xuống: Mùa thu năm nay mở khoa thi hương, phép thi nhất loạt theo lối cũ: Dùng Kinh nghĩa, văn Tứ lục, Thơ phú, Văn sách để chọn kẻ sĩ. Người thi trúng ba kỳ gọi là Sinh đồ, đỗ liền bốn kỳ gọi là Hương cống. Còn như các chức Đề điệu, Giám thí, Giám khảo, Phúc khảo, Sơ khảo và thể lệ nội trường, ngoại trường, các quan ở Bắc Thành đều phải chiểu theo thể chế cũ thi hành. Những sĩ tử thi hương, nếu là hương cống của triều cũ, đã qua khoa Kỷ Dậu (1789) đủ điểm và các thủ tục, đều được miễn thi. Còn sinh đồ cũ và tất cả các học sinh đều phải thi. Sĩ tử đi thi, nộp quyển cho quan Đốc học ở các xứ, các quan thu quyển rồi nộp cho quan viện thí. Đến kỳ hạn cho phép sĩ tử vào trường ứng thí. Các huyện, các xứ, khảo hạch trước kỳ thi, đều nên cân nhắc để rộng đường chiêu nạp. Đến mùa xuân sang năm mở khoa thi hội, đặc ban xuống cho quan Bộ Lễ chia làm 3 nơi tuyển chọn. Hai xứ Quảng Thuận[1] thi tại kinh đô, hai xứ Thanh Nghệ thi chung tại Vĩnh Doanh,[2] còn trong bốn trấn và các trấn ngoài thì thi chung tại Bắc Thành. Người được trúng tuyển gọi là Tiến sĩ Bộ Lễ, Bộ Lễ dẫn những vị Tiến sĩ vào thi Đình, ban cho thứ bậc

giáp, ất, khác nhau. Từ nay về sau, cứ ba năm một khoa thi hương như phép cũ.

Sĩ tử các ngươi! Hãy ngửa đầu lên mà thừa hưởng đức lớn, ai nấy phải chuyên tâm vào việc rèn luyện, dùi mài. Văn thể quý ở chỗ hồn hậu thuần thục, chớ ham chuộng phù phiếm bóng bảy. Cốt phải đạt đến chỗ hiểu biết rộng sâu, không nên cho việc tầm chương trích cú là tài, ngõ hầu người có thực học kinh bang tế thế đều được cất nhắc, để giúp cho việc sử dụng của nước nhà.

Hãy kính cẩn tuân theo tờ đặc chiếu này!

CHÚ THÍCH:

1.Quảng Thuận: Tức hai xứ Quảng Nam và Thuận Hoá.

2.Vĩnh Doanh: Thị xã Vinh ngày nay.

10. 推恩詔

詔天下官員百姓等欽知:

建邦啓宇，皇天所以闡帝圖；行慶推恩，王者所以施仁政。

朕應天順人，光膺景命。茲講和上國，大禮告成，南北通玉帛之庭，臣民慶衣裳之會。從自戢兵和眾，或底輯寧。深惟解往復來，聖人隨時之義。故人君受命以正享國，必承天意以正行事。救災卹難，弛獄緩刑，乃其當行之要。係舊朝文武班屬，由前期不有拜謁，負累在逃，已經準赦。惟田產沒收入官未有仍還，應照茲期，寔在奉侍有監知官，類開姓名，許認領舊田產作業，以免饑寒。其犯罪囚徒，除僞案

外，案罪狀屬重者，仍暫監待查，此外一皆寬赦，以伸冤滯。

咨爾臣庶！各宜遵奉德意，奠厥攸居，各安反側之心，共享和寧之慶。欽哉！

PHIÊN ÂM:

SUY ÂN CHIẾU

Chiếu thiên hạ quan viên bách tính đẳng khâm tri:

Kiến bang khải vũ, hoàng thiên sở dĩ xiển đế đồ, hành khánh suy ân, vương giả sở dĩ thi nhân chính.

Trẫm ứng thiên thuận nhân, quang ưng cảnh mệnh. Tư giảng hoà Thượng quốc, đại lễ cáo thành, Nam Bắc thông ngọc bạch chi đình, thần dân khánh y thường chi hội. Tòng tự trấp binh hoà chúng, hoặc để tập ninh. Thâm duy giải vãng phục lai, thánh nhân tuỳ thời chi nghĩa. Cố nhân quân thụ mệnh dĩ chính hưởng quốc, tất thừa thiên ý dĩ chính hành sự. Cứu tai tuất nạn, trì ngục hoãn hình, nãi kỳ đương hành chi yếu. Hệ cựu triều văn vũ ban thuộc, do tiền kỳ bất hữu bái yết, phụ luỹ tại đào, dĩ kinh chuẩn xá. Duy điền sản một thu nhập quan vị hữu nhưng hoàn, ưng chiếu tư kỳ, thực tại phụng thị hữu giám tri quan, loại khai tính danh, hứa nhận lĩnh cựu điền sản tác nghiệp, dĩ miễn cơ hàn. Kỳ phạm tội tù đồ, trừ nguỵ án ngoại, án tội trạng thuộc trọng giả, nhưng tạm giam đãi tra, thử ngoại nhất giai khoan xá, dĩ thân oan trệ.

Tư nhĩ thần thứ! Các nghi tuân phụng đức ý, điện quyết du cư, các an phản trắc chi tâm, cộng hưởng hoà ninh chi khánh. Khâm tai!

DỊCH NGHĨA:

TỜ CHIẾU MỞ RỘNG ÂN ĐỨC

Ban chiếu xuống cho các quan viên trăm họ trong thiên hạ được biết:

Việc dựng nước mở cõi bờ, là do trời cao ban nghiệp cho vua; còn như việc mở rộng ân đức, ban hành phúc khánh, lại là việc nhân chính mà bậc vương giả phải làm.

Trẫm ứng với mệnh trời, thuận theo lòng người, nhận mệnh lớn rõ ràng. Nay đã giảng hoà với Thượng quốc, đại lễ đã xong, Triều đình Nam Bắc thông đường giao hữu,(1) thần dân mừng vui với hội áo xiêm. Từ đây dẹp bỏ binh đao, chúng dân hoà hợp, người người sống cảnh yên vui. Ngẫm cho kỹ cái lẽ "mọi tai ách qua đi, thì những điều tốt lành sẽ lại đến,"(2) mới hiểu hết cái ý nghĩa "tuỳ thời" của thánh nhân. Cho nên bậc chính nhân quân tử thừa hưởng lộc nước chính đáng, ắt phải theo ý trời để thi hành công việc một cách đúng đắn. Cứu dân ra khỏi hầm tai vạ, thương người gặp phải hoạn nạn, lỏng ngục tù, hoãn hình phạt, đều là những việc cấp thiết phải làm. Đối với văn võ bá quan triều cũ, trước đây không chịu đến bái yết, can tội trốn tránh, đã chuẩn cho ân xá. Điền sản bị sung công chưa được trả lại, nay chiếu theo thực đã đến hầu, có quan giám tri kê khai họ tên, thì cho lĩnh điền sản cũ về làm ăn, để cho không phải đói rét. Đối với những tội phạm tù đồ, trừ tội làm giặc ra, còn án nào xét thấy tội trạng thuộc loại nặng thì tạm giam đợi tra xét, ngoài ra đều được ân xá, để giải nỗi oan khuất.

Kìa, thần thứ các ngươi! Ai nấy đều phải tuân theo ý đức của ta, giữ vững cuộc sống của mình, an cư lạc nghiệp, đều dẹp đi lòng phản trắc, để cùng hưởng cái phúc thanh bình yên ấm. Hãy kính lấy!

CHÚ THÍCH:

1.Thông đường giao hữu, dịch thoát "thông ngọc bạch" (mở thông ngọc lụa). Ngọc lụa là những vật dùng để sứ giả đem khi đi triều sính. Thuật ngữ "thông ngọc bạch" dùng để chỉ việc bang giao hữu hảo.

2.Câu này dịch thoát từ "Giải vãng Phục lai,"Giải, Phục là tên hai quẻ trong *Kinh Dịch*. Quẻ Giải có nghĩa là giải thoát xong mọi nỗi truân chuyên thời dĩ vãng. Quẻ Phục có nghĩa là âm cực dương sinh, loạn cực phục trị, tức là khó khăn qua đi, thuận lợi lại đến.

11. 賜歸仁城皇宗公詔

詔歸仁城皇族宗公及諸公等欽知:

朕於諸公地居雖遠,天親特切。頃遭降鞠,我先皇考遐陟,繼而皇伯天王殂洛。感念榮瘁,心焉如擣。朕沖年嗣服,諸公亦煢煢在疚,關山懸隔,遙懷葛纍。

仰賴皇天眷佑,列祖洋靈,篤慶于朕躬,以承先考丕丕基,而皇伯締造之勤,朕寔不敢忘也。朕聞諸左右稱述前事,當初下山發跡,藍蓽艱難。神聖萃于一堂,孝友根于天性。雖中間限帶封域,而愛同炙艾,玉几丁寧,敦和啓迪,式至于今休。

我後人,其敢弗遵前訓。曩以裴得宣假托外戚,包藏覬覦。權奸既除,宗祏有慶,以情以法,當告諸同姓。朕惟天顯在念,同其休戚,共其憂喜,故於諸公欲常相見焉。邇來諸公遠居府第,其甘苦之情,寒暄之狀,朕但得諸大臣,奏聞其略,顧未曾密勿詢訪,以妥遐思。

朕念諸公比皇伯天王在御時,十分諄切。現在諸公資糧匱乏,僕從希少,覽所陳奏,良歉于心。茲準庭奏歸仁城前宮錢糧支用,已旨下鎮官,厚加放賜。至於兵衛田庄之數,嗣當次第,議錢增給,諸公當無掛懷。又御廄良馬一匹,朕素所服習,今以遺宗公,依所寄請,如

有相念時，便可乘此相見。且維城維寧，乃樹國久長之道。裴得宣脅制皇族，今天去其疾，自伏其辜，豈非天意所使？朕與諸公觀諸天意，益修人事，內修親親，外禦其侮。是乃盡倫盡制，自家及國，人事莫大於此。培固本根，其道不外孝弟。諸公資質尤美，天性純篤，當思友恭錫類，稱朕意焉。

PHIÊN ÂM:

TỨ QUY NHƠN THÀNH HOÀNG TÔNG CÔNG CHIẾU

Chiếu Quy Nhơn thành Hoàng tộc tông công cập chư công đẳng khâm tri:

Trẫm ư chư công địa cư tuy viễn, thiên thân đặc thiết. Khoảnh tao giáng cúc, ngã Tiên Hoàng khảo hà trắc, kế nhi hoàng bá thiên vương tổ lạc. Cảm niệm vinh tụy, tâm yên như đảo. Trẫm xung niên tự phục, chư công diệc quỳnh quỳnh tại cửu, quan sơn huyền cách, dao hoài cát luỹ.

Ngưỡng lại hoàng thiên quyến hựu, liệt tổ dương linh, đốc khánh vu Trẫm cung, dĩ thừa tiên khảo phi phi cơ, nhi hoàng bá đế tạo chi cần, trẫm thực bất cảm vong dã. Trẫm văn chư tả hữu xưng thuật tiền sự, đương sơ hạ sơn phát tích, lam tất gian nan. Thần thánh tụy vu nhất đường, hiếu hữu căn vu thiên tính. Tuy trung gian hạn đái phong vực, nhi ái đồng chá ngải, ngọc kỷ đinh ninh, đôn hoà khải địch, thức chí vu kim hưu.

Ngã hậu nhân, kỳ cảm phất tuân tiền huấn. Nang dĩ Bùi Đắc Tuyên giả thác ngoại thích, bao tàng khải du. Quyền gian ký trừ, tông bang hữu khánh, dĩ tình dĩ pháp, đương cáo chư đồng tính. Trẫn duy thiên hiển tại niệm, đồng kỳ hưu thích, cộng kỳ ưu hỷ, cố ư chư công dục thường tương kiến yên. Nhĩ lai chư công viễn cư phủ đệ, kỳ cam khổ chi tình, hàn huyên chi trạng, trẫm đãn đắc chư đại thần, tấu văn kỳ lược, cố vị tằng mật vật tuân phỏng, dĩ thoả hà tư.

Trẫm niệm chư công tỷ Hoàng bá thiên vương tại ngự thời, thập phân truân thiết. Hiện tại chư công tư lương quỹ phạp, bộc tòng hy thiểu,

lãm sở trần tấu, lương khiếm vu tâm. Tư chuẩn đình tấu Quy Nhơn thành tiền cung tiền lương chi dụng, dĩ chỉ hạ trấn quan, hậu gia ban tứ. Chí ư binh vệ điền trang chi số, tự đương thứ đệ, nghị tiền tăng cấp, chư công đương vô quải hoài. Hựu ngự cứu lương mã nhất thất, Trẫm tố sở phục tập, kim dĩ di tông công, y sở ký thỉnh, như hữu tương niệm thời, tiện khả thừa thử tương kiến. Thả duy thành duy ninh, nãi thụ quốc cửu trường chi đạo. Bùi Đắc Tuyên hiếp chế Hoàng tộc, kim thiên khử kỳ tật, tự phục kỳ cô, khởi phi thiên ý sở sử? Trẫm dữ chư công quan chư thiên ý, ích tu nhân sự, nội tu thân thân, ngoại ngự kỳ vụ. Thị nãi tận luân tận chế, tự gia cập quốc, nhân sự mạc đại ư thử. Bồi cố bản căn, kỳ đạo bất ngoại hiếu đễ. Chư công tư chất vưu mỹ, thiên tính thuần đốc, đương tư hữu cung tích loại, xứng Trẫm ý yên.

DỊCH NGHĨA:

CHIẾU BAN CHO HOÀNG HUYNH CÙNG CÁC ÔNG HOÀNG TRONG THÀNH QUY NHƠN

Chiếu ban cho Hoàng huynh và các ông Hoàng trong thành Quy Nhơn được biết:

Trẫm với các ông tuy ở cách xa nhau, nhưng là chỗ ruột thị thân thiết. Bỗng chốc gặp phải tai ương, đấng Tiên Hoàng khảo ta qua đời, kế đó Hoàng bá thiên vương cũng lại quá cố. Cảm nghĩ về lẽ "tươi héo" mà lòng đau đớn như cào. Trẫm trẻ thơ nối tiếp chịu tang, các ông cũng vò võ đớn đau không kém, quan sơn cách trở, xa nhớ người thân.

Ngửa nhờ trời xanh che chở, liệt tổ linh thiêng, ban lại phúc lành cho Trẫm, được kế thừa cơ nghiệp lớn lao của Tiên khảo, mà Hoàng bá cũng có công cần cù gây dựng nên, quả thực Trẫm không bao giờ dám quên. Trẫm từng nghe tả hữu kể lại chuyện xưa, buổi đầu xuống núi gây dựng cơ đồ, lam lũ gian nan. Các đấng Thần Thánh[1] tụ họp một nhà, vẫn giữ được tính hiếu hữu trời ban. Khoảng giữa tuy cõi bờ có bị cắt chia, nhưng cùng xẻ chia với tình thân ái,[2] bên ghế ngọc[3] vẫn đinh ninh lời dặn dò cư xử hoà mục, cung cách ấy đến nay vẫn giữ.

Trẫm là kẻ hậu sinh, với lời dạy trước của Tiên đế đâu dám trái. Vừa rồi Bùi Đắc Tuyên ỷ thế họ ngoại, manh tâm nhòm ngó ngôi cao. Bọn quyền gian nay đã bị diệt trừ, tông miếu ta vẫn còn có phúc, về tình cũng

như về lý, phải kính cáo cho trong họ được biết. Trẫm nghĩ rằng: Đạo trời thể hiện trong ý nghĩ, buồn vui có nhau, sướng khổ có nhau, cho nên Trẫm luôn muốn được gặp mặt các ông. Gần đây các ông ở nơi phủ đệ xa xôi, tình cảnh ngọt bùi hay cực khổ, cùng với những nỗi hàn huyên, Trẫm chỉ được nghe các đại thần tâu lại qua loa, chưa hề hỏi han cặn kẽ để thoả lòng mong nhớ.

Trẫm nghĩ đến các ông, so với thời Hoàng bá thiên vương còn sống, mười phần thắm thiết. Hiện nay tiền bạc, lương thực của các ông thiếu thốn, kẻ hầu người hạ ít ỏi, xem tờ tấu trình bày, lòng Trẫm vô cùng áy náy.

Nay chuẩn cho theo lời tấu của đình thần về việc tiền lương dùng trong cung của thành Quy Nhơn trước kia, đã xuống chiếu cho quan trấn thủ ban cấp hậu hơn. Còn như số binh vệ, điền trang sẽ cứ lần lượt định tiền tăng cấp, các ông không phải bận lòng lo nghĩ. Lại có một con ngựa tốt trong chuồng, vốn đã được Trẫm nuôi dạy thuần thục, nay gửi biếu các ông, nếu có lúc nào nghĩ đến nhau thì cưỡi con ngựa ấy đi gặp mặt. Vả lại, việc giữ thành được yên vững,[4] thì cái đạo dựng nước cũng được lâu dài. Bùi Đắc Tuyên áp chế Hoàng tộc, nay đã bị trời trừ khử, khiến nó tự phải chịu tội, há chẳng phải ý trời xui khiến như thế hay sao? Trẫm cùng các ông xem xét ý trời, lại càng phải gắng sửa sang việc người, trong thì củng cố tình thân ruột thịt, ngoài thì ngăn chặn kẻ thù. Như thế mới gọi là hết luân thường hết đạo lý, từ việc nhà đến việc nước, rồi việc người, chẳng gì lớn hơn thế. Muốn cho gốc vững rễ bền, thì không gì ngoài đạo hiếu đễ. Tư chất các ông thật tốt đẹp, bản tính thuần phác cung kính, nên nghĩ đến tình hiếu hữu cung kính đức độ với người, có như thế mới thoả lòng mong đợi của Trẫm.

CHÚ THÍCH:

1.Thần Thánh, chỉ anh em Tây Sơn buổi đầu khởi nghiệp.

2.Câu này dịch thoát từ "ái đồng cứu ngải" (yêu mến nhau cùng đốt ngải). Đốt ngải: *Tống sử* chép: "Tống Thái Tổ cùng em là Khuông Nghĩa rất yêu kính nhau. Khi Khuông Nghĩa ốm phải đốt ngải, Thái Tổ cũng đốt ngải trên mình để cùng chia sẻ nỗi đau với em."

3.Ghế ngọc: Thiên *Cố mệnh* trong *Chu Thư* có câu: "Hoàng hậu bằng ngọc kỷ đạo dương mạt mệnh" (Nhà vua dựa vào ghế ngọc nói lời cuối cùng) (tức di chúc). Ở đây dùng để nói Quang Toản tuân theo di chúc của vua Quang Trung.

4. Giữ thành yên vững, dịch thoát câu "duy thành duy ninh": Thơ Bản, thiên *Đại nhã* trong *Kinh Thi* có câu: "Đại tông duy hàn, hoài đức duy ninh. Tông tử duy thành, vô sử thành loại..." (Họ tôn thất như thân cây, giữ đức cho yên ổn, người họ tôn thất như bức thành, không để cho thành sập đổ...), ý nói anh em hoà thuận để nước nhà được yên ổn.

12. 即位詔

朕惟：五帝易姓而受命，三王乘時而啓運。道有遷革，時惟變通。聖人奉若天道，以君國子民，其義一也。

我越自丁黎李陳肇建有國，以至于今，聖作明興，不是一姓。然而廢興修、短、期、運寔天所授，非夫人之所能爲也。

向者黎家失柄，鄭氏與舊阮分疆，二百餘年，網疇紊亂，共主徒擁虛器，私家自私封植。天經地維，一墜而不振，未有甚於此時也。加之近歲以來，南北構兵，已墜塗炭。朕以西山布衣，不階尺土，初無黃屋之志。因人心厭亂，欲得明主，以濟世安民。於是集合義旅，藍蓽以啓山林，左右皇大兄，馳驅戎馬，肇我邦于西土。南定暹羅、高綿之屬，遂克富春，取昇龍。本欲掃除亂略，拯民於水火中，然後

還國黎氏，歸地大兄，逍遙繡裳赤舄之遊，觀兩地之驩虞而已。

而世故推移，更不得如所志。

朕再植黎氏，黎嗣君失守社稷，去國奔亡。北河士民，不以黎之宗姓爲歸，繫朕是賴。大兄義倦于勤，願守歸仁一府，降稱西王。南服數千里之地，盡屬于朕。朕自惟：涼薄才德，不逮古人，而土地如此其廣，人民如此其眾，靜思統攝，凜乎若朽索之御六馬。乃者文武將士內外臣僚，咸願早正位號，以係屬人心，上章勸進，至于再三。金表推尊，不謀同辭。

夫！以神器至重，天位惟艱，朕誠慮不克堪。而四海億兆環歸于朕一人。茲乃天意，夫豈人事。朕應天順人，不可牢執遜讓，以今年十一月二十二日，即天子位，紀元爲光中元年。

咨爾百姓萬民，惟皇極之敷言，是訓是行，仁義中正，人道之大端。朕今與民更始，奉前聖之明謨，以治教天下。

一十三道，各處地方，今年冬務租庸調赦十分之五。其經被兵火彫殘，聽分知官勘寔，盡行蠲免。

一舊朝臣民或緣事玷累，經被重論，除大逆不道等罪，其餘一皆寬赦。

一百神淫祠，革去祀典，其天神與忠臣孝子義婦，經累朝褒封者，並賜登秩。

一舊朝文武員弁，或由從亡逃避，並聽回鄉貫。其不願仕進者，聽行所志。

一南河北民間衣服，並許從俗，惟朝衣朝冠，一遵新製。

於戲！天佑下民，作之君，作之師，惟其克相上帝，寵綏四方。朕撫有天下，將與偕之大道，納之春臺。爾臣庶各安職業，無蹈匪彝。有官者興濟濟之風，爲氓者囿熙熙之俗。治教興行，躋于至順，以挽五帝三王之盛，衍宗社無疆之休。

顧不韙哉！

PHIÊN ÂM:

TỨC VỊ CHIẾU

Trẫm duy: Ngũ đế dịch tính nhi thụ mệnh, tam vương thừa thời nhi khải vận. Đạo hữu thiên cách, thời duy biến thông. Thánh nhân phụng nhược thiên đạo, dĩ quân quốc tử dân, kỳ nghĩa nhất dã.

Ngã Việt tự Đinh Lê Lý Trần triệu kiến hữu quốc, dĩ chí vu kim, thánh tác minh hưng, bất thị nhất tính. Nhiên nhi phế hưng tu đoản, kỳ vận thực thiên sở thụ, phi phù nhân chi sở năng vi dã.

Hướng giả Lê gia thất bính, Trịnh thị dữ cựu Nguyễn phân cương, nhị bách dư niên, cương trù vấn loạn, cộng chủ đồ ủng hư khí, tư gia tự tư phong thực. Thiên kinh địa duy, nhất truỵ nhi bất chấn, vị hữu thậm ư thử thời dã. Gia chi cận tuế dĩ lai, nam bắc cấu binh, dĩ trụy đồ thán. Trẫm dĩ Tây Sơn bố y, bất giai xích thổ, sơ vô hoàng ốc chi chí. Nhân

nhân tâm yếm loạn, dục đắc minh chủ, dĩ tế thế an dân. Ư thị tập hợp nghĩa lữ, lam tất dĩ khải sơn lâm, tả hữu hoàng đại huynh, trì khu nhung mã, triệu ngã bang vu Tây thổ. Nam định Tiêm La, Cao Miên chi thuộc, toại khắc Phú Xuân, thủ Thăng Long. Bản dục tảo trừ loạn lược, chửng dân ư thuỷ hoả trung, nhiên hậu hoàn quốc Lê thị, quy địa đại huynh, tiêu dao tú thường xích tích chi du, quan lưỡng địa chi hoan ngu nhi dĩ.

Nhị thế cố suy di, cánh bất đắc như sở chí.

Trẫm tái thực Lê thị, Lê tự quân thất thủ xã tắc, khứ quốc bôn vong. Bắc Hà sĩ dân, bất dĩ Lê chi tông tính vi quy, hệ Trẫm thị lại. Đại huynh nghĩa quyện vu cần, nguyện thủ Quy Nhơn nhất phủ, giáng xưng Tây vương. Nam phục sổ thiên lý chi địa, tận thuộc vu Trẫm. Trẫm tự duy lương bạc, tài đức bất đãi cổ nhân, nhi thổ địa như thử kỳ quảng, nhân dân như thử kỳ chúng, tĩnh tư thống nhiếp, lẫm hồ nhược hủ sách chi ngự lục mã. Nãi giả văn vũ tướng sĩ nội ngoại thần liêu, hàm nguyện Trẫm tảo chính vị hiệu, dĩ hệ thuộc nhân tâm, thượng chương khuyến tiến, chí vu tái tam. Kim biểu suy tôn, bất mưu đồng từ.

Phù! Dĩ thần khí chí trọng, thiên vị duy gian. Trẫm thành lự bất khắc kham, nhi tứ hải ức triệu, hoàn quy vu Trẫm nhất nhân. Tư nãi thiên ý, phù khởi nhân sự. Trẫm ứng thiên thuận nhân, bất khả lao chấp tốn nhượng, dĩ kim niên thập nhất nguyệt nhị thập nhị nhật, tức Thiên tử vị, kỷ nguyên vi Quang Trung nguyên niên.

Tư nhĩ bách tính vạn dân, duy hoàng cực chi phu ngôn, thị huấn thị hành, nhân nghĩa trung chính, nhân đạo chi đại đoan. Trẫm kim dữ dân canh thuỷ, phụng tiền thánh chi minh mô, dĩ trị giáo thiên hạ.

Nhất, thập tam đạo, các xứ địa phương, kim niên đông vụ tô dung điệu, xá thập phân chi ngũ. Kỳ kinh bị binh hoả điêu tàn, thính phân tri quan khám thực, tận hành quyên miễn.

Nhất, cựu triều thần dân hoặc duyên sự điếm luỹ, kinh bị trọng luận, trừ đại nghịch bất đạo đẳng tội, kỳ dư nhất giai khoan xá.

Nhất, bách thần dâm từ, cách khứ tự điển, kỳ thiên thần dữ trung thần, hiếu tử, nghĩa phụ, kinh luỹ triều bao phong giả, tịnh tứ đăng trật.

Nhất, cựu triều văn vũ viên biền, hoặc do tòng vong đào tị, tịnh thính hồi hương quán. Kỳ bất nguyện sĩ tiến giả, thính hành sở chí.

Nhất, Nam hà Bắc dân gian y phục, tịnh hứa tòng tục, duy triều y triều quan, nhất tuân tân chế.

Ư hí! Thiên hựu hạ dân, tác chi quân, tác chi sư, duy kỳ khắc tương thượng đế, sủng tuy tứ phương. Trẫm phủ hữu thiên hạ, tương dữ giai chi đại đạo, nạp chi xuân đài. Nhĩ thần thứ các an chức nghiệp, vô đạo phỉ di. Hữu quan giả, hưng tế tế chi phong, vi manh giả hựu hy hy chi tục. Trị giáo hưng hành, tê vu chí thuận, dĩ vãn ngũ đế tam vương chi thịnh, diễn tông xã vô cương chi hưu.

Cố bất vĩ tai!

DỊCH NGHĨA:

TỜ CHIẾU LÊN NGÔI

Trẫm nghĩ: Đời Ngũ đế[1] chịu mệnh trời mà đổi họ, buổi Tam vương[2] mở vận hội bởi thời cơ. Đạo có thể thay đổi, thời có thể biến thông. Bậc thánh nhân vâng theo đạo trời, làm vua trong nước, coi dân như con, ý nghĩa đó là nhất quán.

Nước Việt ta từ Đinh, Lê, Lý, Trần mở nước đến nay, những bậc thánh minh nổi lên, không phải chỉ ở một họ. Nhưng việc hưng vong, dài vắn hay kỳ hạn, thời vận, quả thực là do trời định cả, không phải sức người có thể làm được.

Trước đây nhà Lê đánh mất quyền bính, họ Trịnh, họ Nguyễn chia cắt cõi bờ trên 200 năm, kỷ cương rối loạn, vua chỉ là bù nhìn, các tư gia đều thu vén cho riêng mình. Rường trời mối đất, đổ sụp không sao gượng dậy được, chưa có khi nào suy đốn đến mức ấy! Thêm vào đó, những năm gần đây, Nam Bắc phân tranh, dân tình rơi vào cảnh lầm than cơ cực. Trẫm là kẻ áo vải đất Tây Sơn, tay không tấc đất, lúc đầu vốn không có chí ở nhà vàng. Nhưng vì lòng người chán ghét loạn ly, muốn có minh chúa giúp đời yên dân. Thế là [Trẫm đây] phải tập hợp nghĩa quân, tới áo lam lũ, khởi nghiệp nơi rừng rú, phò tá vua anh,[3] ruổi rong ngựa chiến, dựng nước trên vùng đất phía tây. Phía nam bình định được phiên thuộc Tiêm La, Cao Miên, rồi đánh chiếm Phú Xuân, lấy được Thăng Long. [Trẫm] vốn chỉ muốn dẹp tan loạn lạc, cứu giúp thứ dân ra khỏi vòng nước sôi lửa bỏng, sau đó trả nước cho họ Lê, trả đất cho anh cả, rồi bận xiêm

thêu, đi giày đỏ,[4] nhởn nhơ đây đó, xem xét nỗi mừng vui của hai miền Nam Bắc mà thôi.

Nhưng rồi bị việc đời xô đẩy, cuối cùng không thực hiện được chí hướng của mình.

Trẫm đã dựng lại nước cho họ Lê, nhưng Lê tự quân[5] không giữ nổi xã tắc, phải bỏ nước chạy trốn. Chính vì vậy mà sĩ dân Bắc Hà không theo về họ Lê nữa mà chỉ trông chờ ở Trẫm. Đại huynh ta mỏi mệt, tự nguyện giữ một phủ Quy Nhơn và tự giáng xưng tước vương Tây Sơn. Đất vài ngàn dặm cõi nam đều thuộc về Trẫm. Trẫm tự nghĩ: Mình tài hèn đức mỏng, chẳng sánh kịp người xưa, mà đất đai lại rộng như thế, nhân dân lại đông như thế, nghĩ đến việc cai quản, mà sợ hãi như thắng dây cương mục[6] cho cỗ xe sáu ngựa kéo. Thế nhưng văn võ tướng sĩ thần liêu trong ngoài đều muốn Trẫm sớm lên ngôi để cố kết lòng người, đã hai ba lần dâng sớ khuyến khích. Biểu vàng suy tôn, không bàn mà hợp.

Ôi! Bước lên ngai vàng là việc hết sức long trọng, ngồi vào ngôi trời lại là việc hết sức khó khăn, Trẫm quả thực lo không kham nổi. Thế nhưng thần dân bốn biển lại quy tụ xung quanh một người là Trẫm. Đây hẳn là ý trời, đâu phải là việc người. Trẫm theo mệnh trời, thuận lòng người, không thể cứ khăng khăng nhún nhường mãi, bèn chọn ngày 22 tháng 11 năm nay lên ngôi thiên tử, đặt niên hiệu là Quang Trung năm đầu.

Hỡi muôn dân trăm họ các ngươi! Lời của Hoàng đế ban ra, là lời giáo huấn phải được thi hành, nhân nghĩa thẳng ngay là đầu mối lớn của đạo làm người. Nay Trẫm cùng với dân chúng bắt đầu thay đổi, vâng theo lời dạy sáng suốt của tiên thánh để trị nước dạy dân.

Các địa phương trong 13 đạo, vụ đông năm nay, các loại thuế tô, dung, điệu đều giảm cho một nửa. Những nơi bị binh hoả làm cho tiêu điều tàn hoang, giao cho các quan phân tri xuống tận nơi khám xét, thấy đúng sự thực thì miễn trừ hết thảy.

Những thần dân của triều cũ, nếu liên luỵ đến tội lỗi, đã từng bị khép vào tội nặng, trừ những tội như vô đạo, đại nghịch ra, còn lại đều được rộng tha.

Những đền thờ các dâm thần, phải truất bỏ không được thờ cúng, còn những đền thờ thiên thần, tôi trung, con hiếu và đàn bà tiết nghĩa đã được nhiều triều đại bao phong thì nay đều cho thăng trật.

Các viên biền văn võ triều cũ, hoặc có người còn đang tòng vong trốn tránh, đều cho phép được trở về quê quán. Người nào không muốn ra làm quan nữa cũng cho được theo như ý nguyện.

Phục trang trong dân gian ở Nam hà cũng như Bắc hà, đều cho theo tục cũ, chỉ có mũ áo trong triều thì hết thảy đều phải theo quy định mới.

Ô hô! Trời giúp hạ dân, đặt ra ngôi vua, đặt ra thày dạy, là để giúp cho thượng đế ban ân sủng, vỗ về bốn phương. Trẫm phủ dụ thiên hạ để cùng nhau đi trên đường lớn, bước đến đài xuân.[7] Thần tử thứ dân các ngươi! Ai nấy hãy yên với chức phận và nghiệp sống của mình, chớ làm điều gì lỗi đạo. Người làm quan phải có phong thái đàng hoàng, kẻ làm dân phải khuôn mình vào phép thường hoà nhã. Nền chính trị phép giáo hoá phải tiến hành thuận lối, đem lại nền thịnh trị như đời Ngũ đế Tam vương, đưa tông miếu xã tắc đến chỗ tốt lành vô tận.

Xem ra không đúng như vậy sao!

CHÚ THÍCH:

1.Ngũ đế (năm đời đế), tức 5 đời vua trong lịch sử truyền thuyết của Trung Quốc: Phục Hy, Thần Nông, Hoàng Đế, Đế Nghiêu, Đế Thuấn. Năm triều đại này chọn người hiền để truyền ngôi.

2.Tam vương (ba đời vương), tức nhà Hạ, nhà Thương, nhà Chu. Vua Vũ nhà Hạ truyền ngôi cho con cháu được khoảng 400 năm. Đến vua Kiệt vô đạo bị Thành Thang phế bỏ lập nên nhà Thương, truyền ngôi được khoảng 600 năm. Đến vua Trụ vô đạo, vua Vũ cách mệnh nhà Thương lập nên nhà Chu.

Ý đoạn này nói, đời Ngũ đế truyền hiền hay đời Tam vương có cách mệnh thì đạo trị nước chăn dân, ý nghĩa chỉ là một.

3.Hoàng huynh, tức Nguyễn Nhạc.

4.Xiêm thêu giày đỏ (tú thường xích tích), chữ ở thơ *Cửu vực* và thơ *Lang bạt* trong *Kinh Thi*, ca ngợi phong thái Chu Công Đán, ung dung thư thái trong bộ trang phục của mình. Ở đây dùng để chỉ không màng đến địa vị đế vương, chỉ tự đặt cho mình là cương vị một đại thần trọng trách.

5.Lê tự quân: Người nối ngôi vua Lê, chỉ Chiêu Thống.

6.Thắng sáu ngựa bằng dây cương mục: Dịch chữ "hủ sách chi ngự lục mã" xuất xứ ở thiên *Ngũ tử chi ca* trong *Kinh Thi*, ý nói đạo làm vua ngự trị thiên hạ là một việc làm rất khó khăn nguy hiểm.

7.Xuân đài: Đài xuân. Lão Tử có câu: "...Chúng nhân hy hy như hưởng thái lao, như đăng xuân đài" (Mọi người hơn hớn, vui vẻ như hưởng cỗ tam sinh, như bước lên đài xuân), tức là cảnh mùa xuân ấm áp vui tươi, bước lên đài cao trông ra xa, khiến cho tinh thần sung sướng, sảng khoái, ý nói đời thái bình thịnh trị.

13. 諭烏艚詔

朕聞：疾風不終朝，暴雨不終日，天之道也。故好男子漢，無終身爲惡。古之人有起身無賴賊，卒爲名將。無他，過不憚改，勇於爲善，明乎去就之理，擇其是者而行之。故能名留史册，功存券書。所謂出谷遷喬，信不誣也。

爾等十數年來，出沒洋溜，嘯聚徒眾，以搶奪爲生涯，容有不得已處。或爲窮喫所迫，或爲暴虐所驅，遂至風浪栖身，不能自拔。

夫！人之爲人，誰無秉好，有所爲而爲惡，使良心梏亡，於汝安乎？

嘗按古事，河僊統兵一名高一名嵩，由負犯北朝來投舊阮，討得一乾淨偏安之地，迄今名賢膾炙，以爲美談，此乃英雄處世。

樂天者存，身立而名隨之。汝等何不蓍龜往哲，準的前芳，而爲斧中之魚，俶擾天民，苟圖肥己。使天網不漏，汝之父母妻兒，緣汝玷累，豈不大可悔耶？

朕自起義，經營四方，在處清夷，無思不服。雖以孫士毅兵馬眾彊，自來助虐，天戈一指，崇朝掃清。矧如汝等一屁塚唬，豈能長作逆文肓叛，倘生海衣。

魯智深放刀成佛，此何人也？轉禍爲福，智者當孰思之。

合詔該等，宜互相開曉，及早投降。朕以容置爲心，隨才錄用，即有調遣之處，自當從中趁赴。功名之會，勿可捱延。倘或凌波壯志，尚欲於海嶠結鄰渚者，不可使居原，朕亦從所願。海之壖有卞山一區，聽汝等安頓作活，以共享清寧之慶。王者以中國爲一人，方將起親比聯絡之義，綏懷至意，朕不食言。欽哉！

PHIÊN ÂM:

DỤ Ô TÀO CHIẾU

Trẫm văn: "Tật phong bất chung triêu, bạo vũ bất chung nhật" thiên chi đạo dã. Cố hảo nam tử hán, vô chung thân vi ác. Cổ chi nhân hữu khởi thân vô lại tặc, tốt vi danh tướng. Vô tha, quá bất đạn cải, dũng ư vi thiện, minh hồ khứ tựu chi lý, trạch kỳ thị giả nhi hành chi. Cố năng danh lưu sử sách, công tồn khoán thư. Sở vị "xuất cốc thiên kiều," tín bất vu dã.

Nhĩ đẳng thập sổ niên lai, xuất một dương lưu, khiếu tụ đồ chúng, dĩ thương đoạt vi sinh nhai, dung hữu bất đắc dĩ xứ. Hoặc vi xuyên khiết sở bách, hoặc vi bạo ngược sở khu, toại chí phong lãng thê thân, bất năng tự bạt.

Phù! Nhân chi vi nhân, thuỳ vô bỉnh hảo, hữu sở vi nhi vi ác, sử lương tâm cốc vong, ư nhữ an hồ?

Thường án cổ sự, Hà Tiên Thống binh nhất danh Cao, nhất danh Tung, do phụ phạm Bắc triều lai đầu cựu Nguyễn, thảo đắc nhất càn tĩnh thiên an chi địa, hất kim danh hiền khoái chá, dĩ vi mỹ đàm, thử nãi anh hùng xử thế.

Lạc thiên giả tồn, thân lập nhi danh tuỳ chi. Nhữ đẳng hà bất thi quy vãng triết, chuẩn đích tiền phương, nhi vi phủ trung chi ngư, thục nhiễu thiên dân, cẩu đồ phì kỷ. Sử thiên cương bất lậu, nhữ chi phụ mẫu thê nhi, duyên nhữ điếm luỹ, khởi bất đại khả hối da?

Trẫm tự khởi nghĩa, kinh dinh tứ phương, tại xứ thanh di, vô tư bất phục. Tuy dĩ Tôn Sĩ Nghị binh mã chúng cường, tự lai trợ ngược, thiên qua nhất chỉ, sùng triêu tảo thanh. Thẩn như nhữ đẳng nhất bưu loã tiệp, khởi năng trường tác bồng ngải tư ngạo, thâu sinh hải biểu.

Lỗ Trí Thâm phóng đao thành Phật, thử hà nhân dã? Chuyển hoạ vi phúc, trí giả đương thục tư chi.

Hợp chiếu cai đẳng, nghi hỗ tương khai hiểu, cập tảo đầu hàng. Trẫm dĩ dung trí vi tâm, tuỳ tài lục dụng, tức hữu điều khiển chi xứ, tự đương tòng trung xu phó. Công danh chi hội, vật khả nhai diên. Thảng hoặc lăng ba tráng chí, thượng dục ư hải kiêu kết lân chử giả, bất khả sử cư nguyên, trẫm diệc tòng sở nguyện. Hải chi nhuyến hữu Biện Sơn nhất khu, thính nhữ đẳng an đốn tác hoạt, dĩ cộng hưởng thanh ninh chi khánh. Vương giả dĩ trung quốc vi nhất nhân, phương tương khởi thân tỉ liên lạc chi nghĩa, tuy hoài chí ý, Trẫm bất thực ngôn.

Khâm tai!

DỊCH NGHĨA:

CHIẾU CHIÊU DỤ GIẶC TẦU Ô[1] (BÀI 1)

Trẫm nghe nói có câu: "Gió dữ không hết buổi, mưa lớn chẳng trọn ngày," đó là nói về đạo trời vậy. Bởi vậy, những bậc nam nhi hảo hán suốt đời không làm việc ác. Thời cổ, có kẻ xuất thân là tên giặc cướp vô lại, sau đã trở thành một danh tướng. Điều đó không gì khác hơn là khi mắc phải lỗi lầm thì dám mạnh dạn sửa chữa, dũng cảm làm việc thiện, hiểu rõ cái lẽ phải từ bỏ hay phải noi theo, chọn điều phải mà làm. Cho nên tên tuổi lưu trong sử sách, công danh chép ở khoán thư. Cái gọi là "ra khỏi hang tối là leo cây cao"[2] quả là chẳng ngoa chút nào.

Bọn các ngươi mười mấy năm nay, nương náu ngoài biển khơi, tụ tập đồng bọn, sinh nhai bằng nghề cướp bóc, âu cũng là việc không thể đừng được. Hoặc vì miếng cơm manh áo bức bách, hoặc bị kẻ bạo ngược đuổi xua, đến nỗi phải gửi thân nơi sóng gió, không tự thoát mình ra được.

Ôi! Là người ai chẳng muốn làm điều tốt, vì một lẽ nào đó mà phải làm điều ác, khiến lương tâm phải cắn rứt, các ngươi nghĩ xem như thế có thể yên lòng được không?

Trẫm từng xem xét lại việc xưa, thấy có Thống binh Hà Tiên, một người tên là Cao, một người tên là Tung, vì là tội phạm của Bắc triều, phải chạy sang quy phục họ Nguyễn trước đây,[3] tìm được một khoảnh đất hẻo lánh để nương thân, đến nay đã trở thành danh hiền, được người đời ca tụng, đó là cách xử thế của kẻ anh hùng.

Vui với đạo trời thì bảo tồn được cuộc sống, lập được thân thì danh vọng cũng theo sau. Lũ các ngươi sao không biết học theo người hiền ngày trước, vươn tới cái đích là dấu thơm xưa, mà lại làm con cá trong nồi, quấy nhiễu dân lành, mưu lợi cho riêng mình, khiến cho lưới trời khôn thoát, làm cho cha mẹ vợ con các ngươi vì thế mà mang vạ, như thế há chẳng phải là điều đáng tiếc lắm sao?

Trẫm từ buổi phất cờ khởi nghĩa, đánh dẹp bốn phương, đến đâu yên đó, không nơi nào là không thần phục. Tuy binh mã của Tôn Sĩ Nghị vừa mạnh lại vừa đông, tự kéo đến làm điều bạo ngược, nhưng giáo trời

vừa vung lên, một sớm đã quét sạch lũ giặc. Thử hỏi lũ các ngươi, một loài sâu bọ, há có thể ngạo mạn trên ngọn cỏ, sống trộm trên mặt bể được chăng?

Còn như Lỗ Trí Thâm xưa, ném dao đi để trở thành Phật, đó là hạng người nào nhỉ? Chuyển hoạ thành phúc, kẻ trí giả nên suy nghĩ kỹ mà hành động.

Chiếu này ban xuống, các ngươi hãy nên cùng nhau hiểu rõ, bảo nhau sớm ra đầu hàng. Trẫm rộng lòng bao dung, tuỳ tài lục dụng, có chỗ điều động sai bảo ngay, các ngươi phải mau mau tự tìm đến. Cơ hội lập công đang chờ, chớ để lỡ dịp. Nếu trong các ngươi có kẻ vẫn có chí muốn vượt sóng biển khơi, hoặc muốn sinh sống trên hải đảo, không quen sống trên đất liền, Trẫm cũng cho theo như ý nguyện. Trên biển có khu Biện Sơn,[4] cho phép các ngươi an cư sinh sống tại đó, để cùng hưởng phúc thanh bình yên vui. Bậc vương giả coi cả nước là một người, mới đem cái nghĩa tình thân mà cố kết lại, hết lòng vỗ về, Trẫm chẳng nuốt lời đâu.

Phải kính cẩn tuân theo đấy!

CHÚ THÍCH:

1.Tầu Ô: Tên gọi chung bọn giặc biển người Trung Hoa bấy giờ, chúng thường đi tàu thuyền ở ven biển nước ta để cướp bóc.

2."Ra hang tối lên cây cao": Thơ *Phạt mộc* trong *Kinh Thi* có câu: "Xuất tự u cốc, thiên vu kiều mộc" (Ra từ hang tối, dời lên cây cao). Ở đây dùng để chỉ, bỏ chỗ tối mà ra chỗ sáng.

3.Họ Nguyễn trước đây: chỉ chúa Nguyễn, để phân biệt với nhà Nguyễn Tây Sơn.

4.Biện Sơn: Theo *Đại Nam nhất thống chí,* Biện Sơn ở ngoài cửa Bạng 7 dặm, thuộc huyện Ngọc Sơn (nay là huyện Tĩnh Gia, Thanh Hoá). Núi này là trấn sơn ở Biện Hải, thuyền biển thường đỗ ở đây để tránh sóng gió. Sườn núi nơi này bằng phẳng, có nhiều dân cư trú.

14. 又諭烏艚詔

予聞：人有八識，意識行識居其二。意識如海鼓風，行識如舟有楫。爾等兄弟締交風浪，爲意

識所移，原其初心，豈眞爲生涯計。或有材而不遇，或有鬱而難伸，或有明珠而未知所投，或是良禽而未決所擇。邇來萍蹤梗跡，飄泊水雲，予略有聞，深用憫惻。

夫！海隅日出，莫非土，風至霜隊同彼天，苟有見知，何往不適。

我南邦衍緒皇炎，握符日永。繁古五姓，來至中州，惟爾有才，何適不用？記有言："聖人能以天下爲一家，中國爲一人"。非意之也，必知其情辟其義，明其利，達其患，治情修義，故能息奪去爭。爾們之利患，予知之矣。現在汝們兄弟，緣內地憲令搜捕嚴切，投我邊界。予所委邊吏武賢武瑟等，偵探海面啓稱：爾們船艘，停泊安廣之雲屯州、白龍尾及萬靈州諸海門，該處與越東沿海，一帶混連。予聞內地防汛官兵，方在洋坪哨緝。爾等遷延海面，靡所止居，勢不能久頓邊隅。動作聲息，是亦目前之患，莫有切急於此。

予前有詔宣諭，未悉其意。今再委該員某等，前就爾們停住之處，重申諭旨。剴切詳悉，以趍利避害之方，明示爾們知道。爾前事與本國，本無干涉。

今番就避，自宜早識事機。特詔爾兄弟，從眾該干名，聽隨委員，引詣富春京朝謁，再許面陳方便。予當爲爾們照料安插，各從本願，奠厥攸居，不忍賺入條籠，以爲爾害。其有才能學業，願立本朝，亦即收採錄用，許爾展驥足，立功揚名。

青雲非窄，爾們其善思之。

欽哉特詔！

PHIÊN ÂM:

HỰU DỤ Ô TÀO CHIẾU

Dư văn: Nhân hữu bát thức. Ý thức hành thức cư kỳ nhị. Ý thức như hải cổ phong, hành thức như chu hữu tiếp. Nhĩ đẳng huynh đệ đế giao phong lãng, vi ý thức sở di, nguyên kỳ sơ tâm, khởi chân vi sinh nhai kế. Hoặc hữu tài nhi bất ngộ, hoặc hữu uất nhi nan thân, hoặc hữu minh chu nhi vị tri sở đầu, hoặc thị lương cầm nhi vị quyết sở trạch. Nhĩ lai bình tung ngạnh tích, phiêu bạc thuỷ vân, dư lược hữu văn, thâm dụng mẫn trắc.

Phù! Hải ngung nhật xuất, mạc phi thổ, phong chí sương đội đồng bỉ thiên, Cẩu hữu kiến tri, hà vãng bất thích?

Ngã Nam bang diễn tự Hoàng Viêm, ác phù nhật vĩnh. Phồn cổ ngũ tính, lai chí Trung châu, duy nhĩ hữu tài, hà thích bất dụng? Ký hữu ngôn: "Thánh nhân năng dĩ thiên hạ vi nhất gia, trung quốc vi nhất nhân." Phi ý chi dã, tất tri kỳ tình tịch kỳ nghĩa, minh kỳ lợi, đạt kỳ hoạn, trị tình tu nghĩa, cố năng tức đoạt khứ tranh. Nhĩ môn chi lợi hoạn, dư tri chi hĩ. Hiện tại nhữ môn huynh đệ, duyên nội địa hiến lệnh sưu bổ nghiêm thiết, đầu ngã biên giới. Dư sở uỷ biên lại Vũ Hiền Vũ Sắt đẳng, trinh thám hải diện khải xưng: Nhĩ môn thuyền sưu, đình bạc An Quảng chi Vân Đồn châu, Bạch Long Vĩ cập Vạn Linh châu chư hải môn, cai xứ dữ Việt Đông diên hải, nhất đái hỗn liên. Dư văn Nội địa phòng tấn quan

binh, phương tại dương bình tiêu tập. Nhĩ đẳng thiên diên hải diện, mị sở chỉ cư, thế bất năng cửu đốn biên ngung. Động tác thanh tức, thị diệc mục tiền chi hoạn, mạc hữu thiết cấp ư thử.

Dư tiền hữu chiếu tuyên dụ, vị tất kỳ ý. Kim tái uỷ cai viên mỗ đẳng, tiền tựu nhĩ môn đình trú chi xứ, trùng thân dụ chỉ. Khải thiết tường tất, dĩ xu lợi tỵ hại chi phương, minh thị nhĩ môn tri đạo. Nhĩ tiền sự dữ bản quốc, bản vô can thiệp. Kim phiên tựu tỵ, tự nghi tảo thức sự cơ. Đặc chiếu nhĩ huynh đệ, tòng chúng cai can danh, thính tuỳ uỷ viên, dẫn nghệ Phú Xuân kinh triều yết, tái hứa diện trần phương tiện. Dư đương vi nhĩ môn chiếu liệu an sáp, các tòng bản nguyện, điện quyết du cư, bất nhẫn khiêm nhập điều lung, dĩ vi nhĩ hại. Kỳ hữu tài năng học nghiệp, nguyện lập bản triều, diệc tức thu thái lục dụng, hứa nhĩ triển ký túc, lập công dương danh.

Thanh vân phi trách, nhĩ môn kỳ thiện tư chi.

Khâm tai đặc chiếu!

DỊCH NGHĨA:

LẠI CHIẾU DỤ TẦU Ô (BÀI 2)

Ta nghe nói, người ta có "tám thức."[1] Ý thức và hành thức là hai trong số đó. *Ý thức* như ngọn gió thổi trên biển, *hành thức* như mái chèo của con thuyền. Anh em các ngươi, kết giao nơi sóng gió, là do ý thức xô đẩy tới. Vốn ý ban đầu đâu phải là vì kế sinh nhai. Bởi trong các ngươi hoặc do có tài mà không gặp gỡ, hoặc có nỗi uất ức mà khó giãi bày, hoặc có ngọc minh châu mà chưa biết chỗ trao, hoặc là chim khôn mà chưa chọn được nơi để đậu. Gần đây các ngươi như cánh bèo ngọn cỏ lênh đênh, nước mây trôi dạt, khiến ta mới loáng thoáng nghe qua mà đã cảm thương sâu sắc.

Ôi! Mặt trời nhô góc bể, cũng vẫn đất đó, gió thổi sương rơi, cũng vẫn trời này, nếu là kẻ hiểu biết, thì đến đâu mà chẳng gặp gỡ!

Nước Nam ta nối dõi Hoàng Viêm,[2] nắm giữ đế phù[3] đã lâu. Năm họ[4] thời cổ truyền đến Trung châu, nếu đã có tài đến đâu mà chẳng có người dùng tới. Sách *Sử ký* có câu: "Bậc thánh nhân coi cả thiên hạ là một nhà, coi cả nước là một người." Nói như vậy không phải là không có ý, mà ắt phải hiểu rõ tình, thấu nghĩa lý, rõ mối lợi, biết điều hại, mà vun tình

đắp nghĩa, cho nên có thể dẹp đi sự tranh quyền đoạt lợi. Những [tính toán] lợi hại của các ngươi ta đã biết rõ cả rồi. Hiện giờ anh em các ngươi đang bị quan quân nội địa vây bắt gắt gao, khiến các ngươi phải chạy vào biên giới nước ta. Ta uỷ cho biên lại là bọn Vũ Hiền và Vũ Sắt đi dò la tình hình trên mặt bể, trở về dâng tờ khải nói rằng: Thuyền bè các ngươi hiện đang đậu ở các cửa biển thuộc châu Vân Đồn, đảo Bạch Long Vĩ, và châu Vạn Linh của tỉnh An Quảng. Chỗ đó cùng với vùng duyên hải Việt Đông nối liền một dải. Ta nghe quan quân binh lính các đồn biển của nội địa đang dò la tìm bắt trên các đảo. Các ngươi phải luôn di chuyển trên mặt biển, không ở một chỗ nào nhất định, cái thế không thể ở lâu nơi góc bể. Nhất cử nhất động đều là mối lo trước mắt, không gì nguy cấp hơn thế!

Ta trước kia đã xuống chiếu tuyên dụ, nhưng chưa nói hết ý. Nay uỷ cho những viên này, đến chỗ các ngươi nương náu, để ban dụ chỉ lần nữa. Chỉ bảo tường tận, bảo cho cách đến với điều lợi, tránh điều hại, nói rõ cho các ngươi biết. Còn những việc làm sai trái của các ngươi trước đây, bản quốc không hỏi đến nữa. Lần này các người phải vất vả trốn chạy, tự nên sớm biết cơ sự của mình. Đặc ân ban chiếu cho anh em các ngươi, trong đám người ấy có bao nhiêu tên, hãy nghe theo viên được ta uỷ thác, về kinh Phú Xuân triều yết, được phép trực tiếp trình bày cho tiện. Ta đang vì các ngươi mà lo liệu sắp đặt, cũng đều theo sở nguyện của các ngươi cả. Còn những ai có tài năng học nghiệp, tình nguyện lập thân với bản triều, cũng sẽ lập tức được thu dụng, để cho các ngươi được vung vó ngựa Ký[5] lập công nêu danh.

Hội mây xanh không hẹp, các ngươi hãy suy xét cho kỹ.

Hãy kính cẩn tuân theo tờ đặc chiếu này!

CHÚ THÍCH:

1.Tám thức (Bát thức), chữ nhà Phật, gồm 1. Nhãn thức (tức thị giác); 2. Nhĩ thức (tức thính giác); 3. Tị thức (tức khứu giác); 4. Thiệt thức (tức vị giác); 5. Thân thức (tức xúc giác); 6. Ý thức (qua ý nghĩ mà biết); 7. Mạt - na thức (qua suy nghĩ đắn đo mà biết); 8. A - lại - na thức (tức tâm thức, tạng thức, theo nhà Phật nghĩa rất rộng, đại thể người ta sắp chết thì thức này rời bỏ). Hành thức: tác giả dùng để chỉ thức thứ 7 (Mạt - na thức) tức là nói hành động có suy nghĩ.

2.Hoàng Viêm: Tức Viêm đế thần nông, theo truyền thuyết Lạc Long Quân, ông tổ của Bách Việt, nguyên là cháu của Viêm đế thần nông.

3.Đế phù: Phù hiệu của vua, làm bằng vàng, ngọc, đồng, trúc hoặc gỗ, ở đây dùng để chỉ ngôi vua.

4.Năm họ, gồm: Thái Hiệu, Thiếu Hiệu, Thần Nông, Hoàng Đế và Chuyên Húc, tức là năm họ đời Ngũ đế trong lịch sử truyền thuyết Trung Quốc.

5.Ngựa Ký: Là giống ngựa quý ở Ký Châu, chạy ngàn dặm không nghỉ, thường dùng để ví với người tài năng lỗi lạc.

15. 又諭烏艚詔

詔:爾等皆係中州人，豪俠勇敢，不爲韁鎖所縻，洛魄胥敖，苟圖安活，挾巨眼負斗膽，生涯水澌，其才可惜，其志可矜。

奉我先皇帝在時，一視同仁，已曾明詔，赦過錄善。北人寶玉侯自來歸命，疊膺爵祿。朝廷憐才盛意，爾等所知。惟其未預采者，穿喫無所資，遂以至抄掠爲生。原其初心，未必樂於爲非，但迫於事勢，不暇計其是非利害耳。夫傷人以益己，仁者所不忍，避彊而侮弱，勇者所不屑。圖充腹之小得，忘殺身之大禍，智者所不蹈。爾等素具天良，皆有知覺，而甘爲此，不仁不勇不智之事。予固知爾等之情，而達其患。由夫進無所依，退無所據，出洋處淖，不覺入於盜賊之科，淪胥至此 ，良可憫惻。特許爾更改前非，一切不問。爾等急宜輸誠效順，各

將所部兵船身來歸命。予將隨才錄用，授以權祿。爾等倘能立功揚名，以酬男子之志，此亦機達變，豪傑之所與。或爾等情願受廛爲氓，予即爲隨方照料，從其所願。

爾等善自思之，若不知省悟，自干天誅，後悔無及。吉凶惟爾自擇。

欽哉特詔！

PHIÊN ÂM:

HỰU DỤ Ô TÀO CHIẾU

Chiếu: Nhĩ đẳng giai hệ Trung Châu nhân, hào hiệp dũng cảm, bất vi cương toả sở my, lạc phách tư ngao, cẩu đồ an hoạt, hiệp cự nhãn phụ đấu đảm, sinh nhai thuỷ hử, kỳ tài khả tích, kỳ chí khả căng.

Phụng ngã tiên hoàng đế tại thời, nhất thị đồng nhân, đĩ tằng minh chiếu, xá quá lục thiện. Bắc nhân Bảo Ngọc hầu tự lai quy mệnh, điệp ưng tước lộc. Triều đình lân tài thịnh ý, nhĩ đẳng sở tri. Duy kỳ vị dự thái giả, xuyên khiết vô sở tư, toại dĩ chí sao lược vi sinh. Nguyên kỳ sơ tâm, vị tất lạc ư vi phi, đãn bách ư sự thế, bất hà kế kỳ thị phi lợi hại nhĩ. Phù! Thương nhân dĩ ích kỷ, nhân giả sở bất nhẫn, tỵ cường nhi vụ nhược, dũng giả sở bất tiếu. Đồ sung phúc chi tiểu đắc, vong sát thân chi đại hoạ, trí giả sở bất đạo. Nhĩ đẳng tố cụ thiên lương, giai hữu tri giác, nhi cam vi thử, bất nhân bất dũng bất trí chi sự. Dư cố tri nhĩ đẳng chi tình, nhi đạt kỳ hoạn. Do phù tiến vô sở y, thoái vô sở cứ, xuất dương xử náo, bất giác nhập ư đạo tặc chi khoa, luân tư chí thử, lương khả mẫn trắc. Đặc hứa nhĩ canh cải tiền phi, nhất thiết bất vấn. Nhĩ đẳng cấp nghi du thành hiệu thuận, các tương sở bộ binh thuyền thân lai quy mệnh. Dư tương tuỳ tài lục dụng, thụ dĩ quyền lộc. Nhĩ đẳng thảng năng lập công dương danh, dĩ thù nam tử chi chí, thử diệc tri cơ đạt biến hào kiệt chi sở

dự. Hoặc nhĩ đẳng tình nguyện, thụ triền vi manh, dư tức vi tuỳ phương chiếu liệu, tòng kỳ sở nguyện.

Nhĩ đẳng thiện tự tư chi, nhược bất tri tỉnh ngộ, tự can thiên tru, hậu hối vô cập. Cát hung duy nhĩ tự trạch.

Khâm tai đặc chiếu!

DỊCH NGHĨA:

LẠI CHIẾU DỤ TÀU Ô (BÀI 3)

Xuống chiếu: Bọn các ngươi đều là người ở Trung Châu, hào hiệp dũng cảm, không bị vòng cương toả ràng buộc, phóng đãng lênh đênh, bằng lòng với cuộc sống tạm bợ, to gan lớn mật sinh nhai nơi bến nước, tài ấy đáng tiếc, chí ấy đáng thương!

Đấng Tiên Hoàng đế ta khi còn sống, đều coi mọi người có chung một lòng nhân[1] nên đã từng xuống chiếu nói rõ: Xoá bỏ lỗi lầm, ghi nhận điều thiện. Cho nên có một người phương Bắc là Bảo Ngọc hầu từ khi quy phục, nhiều lần được hưởng tước lộc. Triều đình ta có thịnh ý thương kẻ hiền tài, các ngươi đều đã biết rõ. Duy chỉ có những kẻ chưa được dùng, cái ăn đồ mặc chưa biết dựa vào đâu, đành phải cướp bóc để sinh sống. Vốn cái tâm của họ, chưa hẳn đã vui với việc làm phi pháp đó, nhưng vì việc đời bức bách, không kịp tính đến sự phải trái đúng sai mà thôi. Ôi! Làm hại người mưu lợi cho mình, người có lòng nhân không nỡ làm, tránh kẻ mạnh, khinh lờn kẻ yếu, người có dũng khí không bao giờ đoái tới. Mưu toan no bụng bằng chút lợi nhỏ, quên đi cái hoạ lớn chết người, bậc trí giả không bao giờ màng. Lũ các ngươi vốn đủ lương tri, đều có hiểu biết, mà cam tâm làm những việc không có tính người, thiếu dũng khí, kém sáng suốt như thế sao? Ta vốn biết tình thế các ngươi và hiểu rõ nỗi lo của các ngươi. Bởi vì các ngươi tiến không có chỗ dựa, lui không có chỗ nương, vẫy vùng ra biển khơi, không biết rằng mình đã sa vào nghề trộm cướp, dấn thân đến bước ấy, quả thực cũng đáng thương. Vì vậy nay đặc cách cho phép các ngươi cải đi lỗi trước, nhất thiết không hỏi đến nữa. Các ngươi nên mau chóng thành tâm quy phục, ai nấy đều đem theo binh lính thuyền bè thân đến chịu mệnh. Ta sẽ tuỳ tài lục dụng, trao cho quyền hành bổng lộc. Trong bọn các ngươi nếu người nào lập được công danh, thoả chí làm trai, đó cũng là biết thời cơ hợp sự biến, điều mà đấng hào

kiệt vẫn làm. Hoặc trong bọn các ngươi có kẻ tình nguyện làm dân ở nơi thôn dã, ta cũng tuỳ phương định liệu, cho theo sở nguyện. Các ngươi hãy tự suy nghĩ cho thật kỹ càng, nếu không biết tỉnh ngộ, sẽ tự chuốc lấy sự trừng phạt, thì lúc ấy hối cũng chẳng kịp nữa. Sự lành dữ do các ngươi tự chọn lấy.

Kính cẩn tuân theo tờ đặc chiếu này!

CHÚ THÍCH:

1.Chung một lòng nhân (nhất thị đồng nhân). Bài Nguyên nhân của Hàn Dũ đời Đường có câu: "Thị cố thánh nhân nhất thị nhi đồng nhân, đốc cận nhi cử viễn" (Vì vậy thánh nhân nhìn mọi người chung một lòng nhân, đôn hậu với kẻ ở gần mà cất nhắc người ở xa). Ý trong bài là hậu đãi mọi người như nhau, không phân biệt đối xử.

16. 奉擬褒封先考敕文

敕官爵某，文獻眞傳，魁科躋業。

持世言行政事，立不朽遺棠芰之思；禔躬禮樂詩書，留有餘裕槐庭之蔭。

蘭懷香而自遠，玉在佩而有聲。

襟懷宜魏闕江湖，用舍行藏是道；標致可東坡赤壁，周流磅礴此身。

大家望峻於斗山，名世神歸於箕尾。

廟柏深深古峒，水月凝裘帶之餘輝；驛梅膴膴周原，燕雲相衣裳之盛會。

有諒山鎮守臣題達顯靈，可褒封爲上等福神，加美字三字大王，用昭潛德。俾沐龍光，于以妥在天胙饗之馨，尚其佑永世崇洪之祉。

欽哉故敕。

PHIÊN ÂM:

PHỤNG NGHĨ BAO PHONG TIÊN KHẢO SẮC VĂN

Sắc quan tước mỗ... Văn hiến chân truyền, khôi khoa vĩ nghiệp.

Trì thế ngôn hành chính sự, lập bất hủ di đường bạt chi tư; thị cung Lễ Nhạc Thi Thư, lưu hữu dư dụ hoè đình chi ấm.

Lan hoài hương nhi tự viễn, ngọc tại bội nhi hữu thanh.

Khâm hoài nghi ngụy khuyết giang hồ, dụng xả hành tàng thị đạo; tiêu chí khả Đông Pha Xích Bích, chu lưu bàng bạc thử thân.

Đại gia vọng tuấn ư Đẩu Sơn, danh thế thần quy ư Cơ Vĩ.

Miếu bách thâm thâm cổ động, thuỷ nguyệt ngưng cầu đới chi dư huy; dịch mai hô hô Chu nguyên, Yên vân tương y thường chi thịnh hội.

Hữu Lạng Sơn Trấn thủ thần đề đạt hiển linh, khả bao phong vi "Thượng đẳng phúc thần," gia mỹ tự tam tự "...Đại vương," dụng chiêu tiềm đức. Tỉ mộc long quang, vu dĩ thoả tại thiên hất hưởng chi hinh, thượng kỳ hựu vĩnh thế sùng hồng chi chỉ.

Khâm tai cố sắc.

DỊCH NGHĨA:

PHỤNG MỆNH LÀM SẮC VĂN BAO PHONG CHO TIÊN KHẢO[1]

Sắc cho viên quan mỗ...

Truyền lại nếp nhà, khoa cao nối nghiệp.

Giúp đời bằng ngôn hành chính sự,[2] trồng cây đường lệ[3] còn mãi thơm tho; hiến thân dùng lễ nhạc thi thư,[4] lưu lại có thừa sân hoè bóng rủ.[5]

Từ xa hương lan thoang thảng, rung rinh ngọc bội tiếng tăm.

Tâm tình hợp cung khuyết giang hồ,[6] dụng xả hành tàng là đạo;[7] tiêu chí xứng Đông Pha Xích Bích,[8] vòng quanh rộng lớn là thân.

Vẻ vang gia tộc, danh vọng cao ngất Đẩu Sơn,[9] lừng lẫy thế gian, tinh thần về nơi Cơ Vĩ.[10]

Cây bách trước đền thâm u động cổ, trăng nước in bóng dáng cân đai; gốc mai[11] bên trạm, lồng lộng đồng Chu, mây Yên xem hội hè xiêm áo.

Quan Trấn thủ Lạng Sơn đề đạt hiển linh, đáng bao phong là "Thượng đẳng phúc thần," thêm mỹ tự ba chữ "... Đại vương" để sáng rõ tiềm đức.[12] Khiến được tắm gội long quang[13] để thoả vọng linh, hâm hưởng hương thơm thượng giới, giúp cho đời đời phúc khánh lớn lao.

Kính thay sắc mệnh.

CHÚ THÍCH:

1.Tiên khảo: Cha đã chết, tức thân phụ tác giả là Ngô Thì Sĩ.

2.Ngôn hành chính sự: Lời nói việc làm và chính sự đối với dân.

3.Đường lệ, tên bài thơ trong thiên *Thiệu nam, Kinh Thi*, ca ngợi đức tính của Thiệu Bá, sau khi chết còn được dân quý mến ca tụng.

4.Lễ, Nhạc, Thi, Thư: Bốn kinh điển của nhà Nho. Trong bài dùng để chỉ Ngô Thì Sĩ theo nghiệp nho.

5.Sân hoè: Vương Hựu nhà Tống trồng ba cây hoè trước sân rồi nói: "Con cháu ta hẳn có kẻ làm đến chức tam công," ở đây ý nói con Ngô Thì Sĩ cũng hiển đạt như cha.

6.Cung khuyết giang hồ: Sách *Trang Tử* có câu: "Thân tại giang hải chi thượng, tâm tồn nguỵ khuyết chi hạ" (Thân ở trên sông biển mà tâm hồn vẫn quyến luyến ở dưới cung khuyết). Ý trong bài: Tuy Ngô Thì Sĩ làm quan ở ngoài nhưng không lúc nào quên triều đình.

7.Dụng xả hành tàng: Sách *Luận ngữ* có câu: "Dụng chi tắc hành, xả chi tắc tàng" (dùng thì ra giúp đời, bỏ thì đi ở ẩn). Tiên nho cho dụng xả, hành tàng là đạo xuất xử và phương châm xử thế của thánh hiền.

8.Tô Thức: Hiệu là Đông Pha, sống ở thời nhà Tống. Ông đi chơi sông Xích Bích, làm hai bài *Xích Bích phú* thể hiện chí khí hào hùng phóng khoáng của mình. Trong bài ý chỉ Ngô Thì Sĩ có phong cách một đại văn hào như Tô Thức vậy.

9.Đẩu Sơn: Tức sao Bắc Đẩu và núi Thái Sơn, Hàn Dũ đời Đường được người đương thời suy tôn là Thái Sơn, Bắc Đẩu.

10.Cơ Vĩ: Tên hai ngôi sao trong nhị thập bát tú. Sách *Trang Tử* có câu: Phó Duyệt cưỡi sao Cơ sao Vĩ ở vùng trời phía đông mà sánh ngang với các ngôi sao khác, ý nói Phó Duyệt, vị tể tướng của Ân Cao Tông, sau khi chết tinh thần

của ông bất diệt, thường gửi gắm vào sao Cơ sao Vĩ. Ý trong bài muốn nói sự nghiệp của Ngô Thì Sĩ cũng lớn, tinh thần của ông cũng trường tồn như Phó Duyệt nhà Ân vậy.

11.Ở bên động Nhị Thanh nơi thờ Ngô Thì Sĩ có một trạm dịch, các đoàn sứ bộ đi Yên Kinh thường qua đây.

12.Tiềm đức: Đức sâu kín người ta khó có thể thấy được.

13.Long quang: Chỉ ân huệ của vua.

17. 再奉擬褒封先考敕文

敕官爵某...

君子才猷，儒師矩範。

茹古含今之醞藉，會三教而得其宗；窮神知化之精微，彌六合而藏於密。

德容睟而麟鳳快睹，道體尊而山斗具瞻。

不可攀之噴瀑懸崖，凡百縉紳推局岸；無盡藏之清風明月，大千煙景媚精神。

礧硠之事業鏗聞，赫濯之靈聲表見。

使節周旋資默佑，固麟邦信睦之交；書香奕葉藉餘慶，裕家世崇成之址。

黼黻丕昭於懿燦，袞葩宜貴於彝章。

爲皇家輿圖一統，禮有登秩，應加封美字三字，尚其克受鴻稱，茂貽燕翼。

常享廟祠之妥侑，永扶社稷之尊安。

欽哉故敕。

PHIÊN ÂM:

TÁI PHỤNG NGHĨ BAO PHONG TIÊN KHẢO SẮC VĂN

Sắc quan tước mỗ...

Quân tử tài du, nho sư củ phạm.

Nhự cổ hàm kim chi uẩn tịch, hội tam giáo nhi đắc kỳ tông; cùng thần tri hoá chi tinh vi, di lục hợp nhi tàng ư mật.

Đức dung tuỵ nhi lân hoàng khoái đổ, đạo thể tôn nhi Sơn Đẩu cụ chiêm.

Bất khả phàn chi phún bạo huyền nhai, phàm bách tấn thân suy cục ngạn; vô tận tàng chi thanh phong minh nguyệt, đại thiên yên cảnh mỵ tinh thần.

Lỗi lang chi sự nghiệp khanh văn, hách trạc chi linh thanh biểu kiến.

Sứ tiết chu toàn tư mặc hựu, cố lân bang tín mục chi giao; thư hương dịch diệp tạ dư khương, dụ gia thế sùng thành chi chỉ.

Phủ phất phi chiêu ư ý thước, cổn ba nghi bí ư di chương.

Vi hoàng gia dư đồ nhất thống, lễ hữu đăng trật, ưng gia phong mỹ tự tam tự, thượng kỳ khắc thụ hồng xưng, mậu di yến dực.

Thường hưởng miếu từ chi thoả hựu, vĩnh phù xã tắc chi tôn an.

Khâm tai cố sắc.

DỊCH NGHĨA:

LẠI PHỤNG MỆNH LÀM SẮC VĂN BAO PHONG CHO TIÊN KHẢO

Sắc cho viên quan mỗ...

Quân tử tài cao, nho sư mẫu mực.

Tài học cổ kim hàm súc, lĩnh hội Tam giáo"[1] tới ngọn nguồn; tinh vi biến hoá như thần, bí quyết sáu phương[2] trời thâu tóm.

Như phượng hoàng kỳ lân[3] đức dung đạo mạo, tựa Thái Sơn Bắc Đẩu[4] đạo thể tôn nghiêm.

Không sao vin nổi thác đổ ghềnh treo, vì trăm bậc tấn thân[5] mà suy tôn bờ dốc; kho vô tận giấu gió mát trăng thanh, với ba ngàn thế giới[6] khói mây điểm tinh thần.

Vẳng nghe sự nghiệp vang lừng, mắt thấy anh linh hiển hách.

Sứ tiết[7] đi về nhờ ngầm giúp, kết lân bang hoà mục bang giao; thư hương nối tiếp phúc dư thừa, gia thế tôn cao nền móng vững.

Phủ phất[8]rạng ngời đức sáng, cổn ba[9] rực rỡ điển chương.

Vì Hoàng gia dư đồ nhất thống, có lễ thăng bậc, đáng phong thêm ba chữ mỹ tự, nhận lấy danh hiệu lớn lao, bền lâu phúc trạch.

Thừa hưởng cúng thờ nơi đền miếu, mãi giúp cho xã tắc được bình yên.

Kính thay sắc mệnh!

CHÚ THÍCH:

1.Tam giáo, tức ba đạo: Nho, Phật, Lão.

2.Sáu phương: Trời, đất và bốn phương.

3.Phượng hoàng, kỳ lân, là loài vật quý, thường dùng để ví với đức độ, dung mạo, tài năng của người hiền.

4.Đẩu Sơn: Xem chú thích 9 bài 16.

5.Tấn thân: Chỉ các bậc sĩ phu có chức tước.

6.Ba nghìn thế giới: Chữ nhà Phật, hợp một nghìn thế giới là tiểu thiên thế giới, hợp một nghìn tiểu thiên thế giới là trung thiên thế giới, hợp một nghìn trung thiên thế giới là đại thiên thế giới, cho nên gọi là "tam thiên thế giới," tức thế giới ba nghìn.

7.Sứ tiết: Động Nhị Thanh ở trên đường đi sứ mà các sứ bộ thường đi qua, được sự phù hộ của tôn thần ở đấy. Ngô Thì Sĩ không đi sứ lần nào, ông chỉ tiếp sứ vào thời Trịnh Doanh.

8.Phủ phất: Nét thêu của áo xiêm, tượng trưng cho vẻ đẹp văn chương. (xuất xứ ở *Tả truyện* và *Bắc Tề thư văn uyển truyện*).

9.Cổn ba: Hoa văn trên áo cổn. Cổn là áo lễ phục của thiên tử và quan tam công. "Cổn ba" trong bài chỉ sự phong tặng.

18. 敕封大都督暄和侯制

敕具官爵某...

沈毅有謀，柔嘉維則。

敦寔行而存誠主敬，萬石君數馬之兢持；篤純心而蹈矩循規，千金子垂堂之戒謹。

粤契風雲於西土，遂依日月於中天。

宣嚴中九德協庚歌，虞庭佐薰絃之治；翕繹始五聲扶雅化，周陛彰麟趾之徽。

恂恂說禮敦詩，蹇蹇仗忠安義。

戎蹕歷陪旄鉞，險夷致一不施勞；邊城遙奉簡書，行止心敦無慍色。

蓋曾錯節槃根之處，不改青藩紫閣之中。

睽孤頃值時艱，夾日茂參於碩畫；夷難汔清君側，補天多助於崇功。

薦揚允答僉言，寵擢宜加師錫。

可加陞輔國上將軍，大點檢，仍侯爵統管禁衛諸軍，凡御道中將士，並聽隨卿遣制。

尚其：諍共守職，勤恪在公。

遵古制中令行殿中，掌內道御林司禁御。

豹直肅中權後勁，朕方資共武之壯猷；龍驤嚴三令五申，卿勉稱捧宸之重委。

式欽成命，永保同休。

PHIÊN ÂM:

SẮC PHONG ĐẠI ĐÔ ĐỐC HUYÊN HOÀ HẦU CHẾ

Sắc cụ quan tước mỗ...

Trẫm nghị hữu mưu, nhu gia duy tắc.

Đôn thực hành nhi tồn thành chủ kính, vạn thạch quân số mã chi cạnh trì; đốc thuần tâm nhi đạo củ tuần quy, thiên kim tử thuỳ đường chi giới cẩn.

Việt khế phong vân ư tây thổ, toại y nhật nguyệt ư trung thiên.

Tuyên nghiêm trung cửu đức hiệp canh ca, Ngu đình tá huân huyền chi trị; hấp dịch thuỷ ngũ thanh phù nhã hoá, Chu bệ chương Lân chỉ chi vi.

Tuần tuần thuyết Lễ đôn Thi, kiển kiển trượng trung an nghĩa.

Nhung tất lịch bồi mao việt, hiểm di trí nhất bất thi lao; biên thành dao phụng giản thư, hành chỉ tâm đôn vô uấn sắc.

Cái tằng thố tiết bàn căn chi xứ, bất cải thanh phiên tử các chi trung .

Khuê cô khoảnh trị thời gian, giáp nhật mậu tham ư thạc hoạ; di nạn hất thanh quân trắc, bổ thiên đa trợ ư sùng công.

Tiến dương doãn đáp thiêm ngôn, sủng trạc nghi gia sư tích.

Khả gia thăng Phụ quốc Thượng tướng quân, đại điểm kiểm, nhưng hầu tước thống quản cấm vệ chư quân, phàm ngự đạo trung tướng sĩ, tịnh thính tuỳ khanh khiển chế.

Thượng kỳ: Tĩnh cộng thủ chức, cần khác tại công.

Tuân cổ chế trung lệnh hành điện trung, chưởng nội đạo ngự lâm ti cấm ngự.

Báo trực túc trung quyền hậu kính, trẫm phương tưcộng vũ chi tráng du; long tương nghiêm tam lệnh ngũ thân, khanh miễn xứng bổng thần chi trọng uỷ.

Thí khâm thành mệnh, vĩnh bảo đồng hưu,

DỊCH NGHĨA:

BÀI CHẾ SẮC PHONG CHO ĐẠI ĐÔ ĐỐC TUYÊN HOÀ HẦU[1]

Sắc đủ quan tước cho mỗ...

Ngài là người: Trầm nghị cơ mưu, ôn hoà giữ phép.

Việc làm đôn thực chủ ở tâm thành tôn kính, đấng vạn thạch[2] trang nghiêm ruổi ngựa phóng nhanh; tấm lòng thuần đốc tuân theo quy củ phép khuôn, gã ngàn vàng[3] cẩn thận ngồi dưới mái hiên ngói mục.

Gặp vận gió mây vùng tây thổ, nương nhờ nhật nguyệt giữa trời cao.

Chín đức[4] trang nghiêm tuyên ra hợp với lời ca, phò tá nhạc Nam phong vua Thuấn;[5] năm âm[6] khởi đầu hợp nối dìu theo cảm hoá, tuyên dương thơ Lân chỉ triều Chu.[7]

Ân cần giảng Lễ giảng Thi, tận tuỵ giữ trung giữ nghĩa.

Trong chiến trận theo hầu màn trướng, gian hiểm khó nhọc không từ; chốn biên thành xa đón giản thư, làm, nghỉ, lòng không biết chán.

Từng trải bao nhiêu gian nan vất vả, không thay đổi dù ngoài trấn trong triều.

Khi đơn chiếc lúc gian nguy, giúp vầng nhật vạch ra mưu lớn; lúc hiểm nguy khi trắc trở, dám vá trời góp lắm công lao.

Công trạng đã được ban khen, phẩm hàm phải nên cất nhắc.

Vậy gia thăng: Phụ quốc Thượng tướng quân, đại điểm kiểm, vẫn tước hầu, thống quản các quân cấm vệ; phàm tướng sĩ trong ngự đạo đều nghe theo khanh điều khiển chỉ huy.

Mong sao:

Kính theo chức phận, chăm chỉ việc công.

Lệnh thi hành dưới điện theo chế độ xưa, nắm quân ngự lâm điều hành trong cấm ngự.

Vẻ báo uy nghi, trong nghiêm túc ngoài quyền hành nắm giữ, Trẫm đương dụng võ cậy mưu; oai rồng sừng sững, hiệu lệnh năm lần bảy lượt ban ra, khanh nên trọn phần uỷ thác.

Mệnh trên phải kính, hưởng mãi phúc lành.

CHÚ THÍCH:

1.Bố của Ngô Văn Sở.

2.Vạn thạch: Thời Hán quan tam công được hưởng lương vạn thạch. Ý câu này nói tính ông thành kính như vị quan cao, luôn giữ thái độ nghiêm trang, thận trọng.

3.Gã ngàn vàng: Tục ngữ Trung Quốc có câu: "Người giàu có ngàn vàng không ngồi dưới mái hiên nhà, vì sợ ngói rơi vào người."

4.Chín đức: *Chu thư* chép: 9 đức gồm trung, tín, kính, cương, nhu, hoà, cố, trinh, thuận.

5.Nhạc Nam phong vua Thuấn: Theo *Ngũ đế kỷ*, Thuấn thường gảy đàn 5 dây hát bài Nam phong, ca ngợi xã tắc thái bình.

6.Năm âm: Tức cung, thương, giốc, chuỷ, vũ.

7.Thơ Lân chỉ triều Chu: Chữ trong *Kinh Thi,* bài Lân chỉ, ca ngợi con cháu vua Văn Vương nhà Chu có nhiều người hiền tài.

19. 晉尊表

臣聞: 春秋之義大一統，故王者受命享國，必體元達極，然後統紀一而法度明。

我越提封十有三宣，中間分疆垂二百載。囊者泰德紀元，雖云乘時建號，然猶偏據一方，天下未定于一。茲奉應天順人，大恢土宇，再駕中都，遂有天下，而尚蒙泰德年號，士民皇皇，莫知所向。苟不早登尊位，何以繫屬人心？伏望聖聰以天下爲重，仰承天意，俯徇輿情，即皇帝位，下詔改元，以孚臣民推戴之忱，衍宗社億萬年無疆之業。臣等之大願望也。

PHIÊN ÂM:

TẤN TÔN BIỂU

Thần văn: Xuân Thu chi nghĩa đại nhất thống, cố vương giả thụ mệnh hưởng quốc, tất thể nguyên đạt cực, nhiên hậu thống kỷ nhất nhi pháp độ minh.

Ngã Việt đề phong thập hữu tam tuyên, trung gian phân cương thuỳ nhị bách tải. Nang giả Thái Đức kỷ nguyên, tuy vân thừa thời kiến hiệu, nhiên do thiên cứ nhất phương, thiên hạ vị định vu nhất. Tư phụng ứng thiên thuận nhân, đại khôi thổ vũ, tái giá Trung đô, toại hữu thiên

hạ, nhi thượng mông Thái Đức niên hiệu, sĩ dân hoàng hoàng, mạc tri sở hướng. Cẩu bất tảo đăng tôn vị, hà dĩ hệ thuộc nhân tâm? Phục vọng thánh thông dĩ thiên hạ vi trọng, ngưỡng thừa thiên ý, phủ tuần dư tình, tức Hoàng đế vị, hạ chiếu cải nguyên, dĩ phu thần dân suy đái chi đam, diễn tông xã ức vạn niên vô cương chi nghiệp. Thần đẳng chi đại nguyện vọng dã.

DỊCH NGHĨA:

TỜ BIỂU SUY TÔN[1]

Thần nghe nói, ý nghĩa của kinh *Xuân Thu*[2] là "đại nhất thống," cho nên bậc vương giả chịu mệnh trời, hưởng lộc nước, ắt phải thể theo đạo trời, dựng nên ngôi báu, thì sau đó mối giường mới thống nhất, phép tắc chế độ mới phân minh.

Nước Việt Nam ta cõi bờ gồm 13 thừa tuyên,[3]giữa chừng cương giới bị cắt chia hơn 200 năm. Trước đây vua Thái Đức[4] ghi năm đầu, tuy rằng thừa thời cơ mà dựng vị hiệu, nhưng vẫn chỉ chiếm cứ riêng một phương, thiên hạ chưa định hẳn về một mối. Nay [Thánh thượng] vâng mệnh trời, thuận lòng người, mở mang bờ cõi, lại xa giá tới Trung đô[5] lần nữa, liền có cả thiên hạ. Thế nhưng vẫn mang niên hiệu Thái Đức, để cho sĩ dân ngơ ngác, không biết hướng vào đâu. Nếu không sớm lên ngôi báu, thì biết lấy gì để gắn bó lòng người. Cúi mong Thánh thượng sáng suốt, coi thiên hạ làm trọng, ngẩng lên vâng theo ý trời, cúi xuống xét tình dân chúng, lên ngôi hoàng đế, xuống chiếu đổi niên hiệu, để thoả tấm lòng suy tôn của thần dân, kéo dài tông miếu xã tắc đến ức vạn năm, cơ nghiệp vững bền mãi mãi. Đó là nguyện vọng lớn của bọn thần vậy.

CHÚ THÍCH:

1.Nguyễn Huệ ra Bắc lần thứ hai, trong vòng hơn hai tháng (4/1788 - 6/1788) Ngô Thì Nhậm đã tập hợp các sĩ phu bàn chính sự, đã dâng 3 bài biểu suy tôn, dưới đây. *Lê quý kỷ sự* (Hoa Bằng dịch. Nxb. KHXH, 1974, tr.107): Một trong 3 cuộc hội họp do đô đốc Đông lĩnh hầu Đặng Tiến Đông chủ trì.

2.Kinh Xuân Thu: Tên một bộ sách do Khổng Tử căn cứ vào sử nước Lỗ mà viết ra. Theo tiên nho thì tinh thần cốt tuỷ của *Kinh Xuân Thu* là tôn phò vua nhà Chu, để thống nhất thiên hạ về một mối.

3.Thừa tuyên: Đơn vị hành chính thời Lê, tương đương với hàng tỉnh sau này.

4.Thái Đức: Niên hiệu của Nguyễn Nhạc khi lên ngôi, bắt đầu từ năm 1778

5.Trung Đô: Tức Phượng hoàng trung đô, nằm giữa khoảng núi Quyết và núi Mèo (thời Tây Sơn đổi là núi Phượng hoàng và núi Kỳ lân), thuộc huyện Hưng Nguyên, Nghệ An.

20. 再晉尊表

臣聞:天佑下民，作之君師，故大德必受命，以爲天地臣民之宗主。

我越自甲午以來，南北構兵，民墜塗炭。幸賴天心厭亂，久分復合。陛下順天承時，興兵撥亂，濟群生於艱難，一統山河，功烈冠古。天命所在，神器有歸，四海臣民，拭目以觀新政。當循前朝故事，以大定之年，光登寶位，上接天南大統，然後立紀陳綱，興朝廷法度，則永遠之業，彊大之勢，億萬年無疆惟休。

伏讀金批:聖心崇執遜讓，尊光盛典，蕩蕩難名。惟皇天眷命，百姓樂推，乾五飛龍，正當今日事。臣等駑鈍凡才，遭遇明時，敢不罄心竭力，輔成大業。伏望洞燭時義，曲采物情，受天下之顯名，使南北臣民，有所倚賴。會見四海永清，洪圖增固，以媲湯武之隆，超漢唐之業。臣等之大願也。

PHIÊN ÂM:

TÁI TẤN TÔN BIỂU

Thần văn: Thiên hựu hạ dân, tác chi quân sư, cố đại đức tất thụ mệnh, dĩ vi thiên địa thần dân chi tông chủ.

Ngã Việt tự Giáp Ngọ dĩ lai, Nam Bắc cấu binh, dân trụy đồ thán. Hạnh lại thiên tâm yếm loạn, cửu phân phục hợp. Bệ hạ thuận thiên thừa thời, hưng binh bát loạn, tế quần sinh ư gian nan, nhất thống sơn hà, công liệt quán cổ. Thiên mệnh sở tại, thần khí hữu quy, tứ hải thần dân, thức mục dĩ quan tân chính. Đương tuần tiền triều cố sự, dĩ đại định chi niên, quang đăng bảo vị, thượng tiếp thiên nam đại thống, nhiên hậu lập kỷ trần cương, hưng triều đình pháp độ, tắc vĩnh viễn chi nghiệp, cường đại chi thế, ức vạn niên vô cương duy hữu.

Phục độc kim phê: Thánh tâm sùng chấp tốn nhượng, tôn quang thịnh điển, đãng đãng nan danh. Duy hoàng thiên quyến mệnh, bách tính lạc suy, Kiền ngũ phi long, chính đương kim nhật sự. Thần đẳng nô độn phàm tài, tao ngộ minh thời, cảm bất khánh tâm kiệt lực, phụ thành đại nghiệp. Phục vọng động chúc thời nghĩa, khúc thái vật tình, thụ thiên hạ chi hiển danh, sử Nam Bắc thần dân, hữu sở ỷ lại. Hội kiến tứ hải vĩnh thanh, hồng đồ tăng cố, dĩ tì Thang Vũ chi long, siêu Hán Đường chi nghiệp. Thần đẳng chi đại nguyện dã.

DỊCH NGHĨA:

LẠI TỜ BIỂU SUY TÔN (LẦN THỨ HAI)

Thần từng nghe sách có câu rằng: "Trời giúp hạ dân, đặt ra vua ra thầy"[1] cho nên kẻ có đức lớn ắt nhận được mệnh trời, trở thành người chủ của thần dân trong nước.

Nước Việt ta từ năm Giáp Ngọ (1774) tới nay, Nam Bắc giao tranh, dân chúng rơi vào cảnh lầm than cực nhọc. May sao lòng trời chán ghét cảnh loạn ly, nên nước bị chia cắt đã lâu nay cho hợp lại. Bệ hạ thuận theo lòng trời, thừa thời cơ dấy binh dẹp loạn, cứu vớt sinh dân thoát khỏi vòng gian nan, thống nhất non sông, công lao hơn hẳn đời trước. Cho nên giữ được mệnh trời, thu về thần khí,[2] thần dân trong bốn biển, đều dụi mắt mà xem chính quyền mới. Thánh thượng nên noi theo phép cũ của các triều trước, lấy năm đã định được thiên hạ, lên ngôi báu chính danh

vị, để trên nối lại giường mối lớn trời Nam, sau đó lập lại kỷ cương, dựng nên phép tắc cho triều đình, thì cơ nghiệp vĩnh viễn, thế lực hùng cường, ức vạn năm vững vàng tốt đẹp.

Cúi đọc lời phê vàng ngọc thấy có viết rằng: Lòng thánh nhân coi trọng sự nhún nhường, việc lên ngôi là một điển lễ lớn, thật bâng khuâng khó nói. Song mệnh trời đã giao phó, trăm họ suy tôn, ứng điềm rồng bay ở hào ngũ quẻ Kiền,[3] lại đúng là việc hôm nay. Chúng thần hèn mọn, tài năng tầm thường, gặp thời sáng sủa, dám đâu không dốc lòng dốc sức, giúp nên nghiệp lớn. Cúi mong Thánh thượng tỏ rõ ý nghĩa của thời cuộc, chiếu cố cho tấm lòng của thần dân, nhận lấy hiển danh của thiên hạ, để cho thần dân Nam Bắc có chỗ cậy nhờ. Để cho người người đều nhìn thấy cảnh trong bốn cõi mãi mãi thanh bình, nghiệp lớn càng thêm vững chắc, hưng thịnh như thời vua Vũ vua Thang,[4] hơn cả công nghiệp nhà Đường nhà Hán. Đó là nguyện vọng lớn của chúng thần vậy.

CHÚ THÍCH:

1."Đặt ra vua ra thầy": Sách *Kinh Thư,* thiên *Thái thệ,* có câu: "Thiên hựu hạ dân, tác chi quân, tác chi sư" (Trời giúp hạ dân đặt ra vua ra thầy). Theo quan niệm xưa vua là bậc tiên tri tiên giác, có nhiệm vụ chăn dân, dạy dân.

2.Thần khí: Khí cụ thiêng liêng (chỉ ngôi vua).

3.Rồng bay trong hào ngũ quẻ Kiền: Hào Cửu Ngũ ở quẻ Kiền trong *Kinh Dịch* có câu: "Long phi tại thiên" (rồng bay trên trời) vì thế trong văn liệu, thi liệu hay dùng chữ "long phi" để nói việc lên ngôi vua.

4.Thang, Vũ: Vua Thành Thang đánh vua Kiệt nhà Hạ dựng nên nhà Thương. Vua Vũ Vương diệt vua Trụ nhà Ân dựng nên nhà Chu. Theo người xưa Thang, Vũ là hai vị vua anh hùng, có công trừ tàn khử bạo, cứu dân ra khỏi vòng nước sôi lửa bỏng.

21. 三晉尊表

伏以：北辰居所，三垣開河漢之輝；南面向明，八表仰衮裳之治。

邁雲驤首，向日傾心。

臣等竊惟：

道德統三極之間，烝民必有司牧；君師係一人之責，神器不可久虛。

惟我越之建邦，自雄王之啓曆。

天書炳炳，控十三宣萬里之提封；册府煌煌，衍數千載百王之統緒。

寔乃受上天眷佑，故能與中國抗衡。

粵東北遭黎氏中微，地域遂分於雄伯；雖西南有皇兄初起，天聲未振於神州。

兵車不及蒲胥，戎馬游生蓬孛。

計自甲午構兵以後，神龍之鬥野相尋；值茲茂申得歲之時，乾象之統天有待。

蓋明德有符於啓建，即多方盡入於維持。

欽惟皇帝陛下:

濬哲天成，才明神授。

西土英雄難第，一戎衣肇造山河；午天靈秀眞人，三尺劍掃除亂略。

一怒奮安民之武，四征揚讋遠之威。

暹羅以北無堅城，赫濯有虔於武鉞；龍肚而南者再駕，舒徐不逼於堯宮。

成功蕩蕩難名，善政班班可紀。

用違凜百司嚴訓，治兵無敢剝民膏；邪詖祛三藏遺言，正俗不勞砭佛骨。

運量弘恢廟算，經綸妙展淵謨。

成光開閤圖於兩京，宗社之本源先壯；闡肅萃紳弁於雙廟，武文之軌範並行。

寔功德之兼隆，見天人之順應。

夢筮百祥習吉，愈徵持統之顯文；謳歌眾望環歸，亶協破田之嘉兆。

理數參稽而不忒，時幾兩合以無疑。

雖聖人用靜於歸從，讓懋欽恭之大德；乃民志有孚於虎變，尊親輸推戴之眞誠。

敷天之怙冒同然，混一之規模在此。

伏望：光膺寶位，丕履瑤圖。

名言茲允出茲，執中建五敷之極；綱維是主張是，居上操八馭之權。

隆殷薦以明禋，紀崇徽之顯號。

會見：萬邦作乂，四海永清。

元年春大統揚開，咸仰聖座配高明之象；四時夏鴻恩溥博，共慶皇家綿純大之麻。

PHIÊN ÂM:

TAM TẤN TÔN BIỂU

Phục dĩ:

Bắc thần cư sở, tam viên khai Hà Hán chi huy; Nam diện hướng minh, bát biểu ngưỡng cổn thường chi trị.

Mại vân tương thủ, hướng nhật khuynh tâm.

Thần đẳng thiết duy:

Đạo đức thống tam cực chi gian, chưng dân tất hữu ti mục; quân sư hệ nhất nhân chi trách, thần khí bất khả cửu hư.

Duy ngã Việt chi kiến bang, tự Hùng Vương chi khải lịch.

Thiên thư bính bính, khống thập tam tuyên vạn lý chi đề phong; sách phủ hoàng hoàng, diễn sổ thiên tải bách vương chi thống tự.

Thực nãi thụ thượng thiên quyến hựu, cố năng dữ Trung Quốc khang hành.

Việt đông bắc tao Lê thị trung vi, địa vực toại phân ư hùng bá; tuy tây nam hữu hoàng huynh sơ khởi, thiên thanh vị chấn ư thần châu.

Binh xa bất cập bồ tư, nhung mã tiến sinh bồng bột.

Kế tự Giáp Ngọ cấu binh dĩ hậu, thần long chi đấu dã tương tầm; trực tư Mậu Thân đắc tuế chi thời, càn tượng chi thống thiên hữu đãi.

Cái minh đức hữu phù ư khải kiến, tức đa phương tận nhập ư duy trì.

Khâm duy Hoàng Đế bệ hạ:

Tuấn triết thiên thành, tài minh thần thụ.

Tây thổ anh hùng nan đệ, nhất nhung y triệu tạo sơn hà; ngọ thiên linh tú chân nhân, tam xích kiếm tảo trừ loạn lược.

Nhất nộ phấn an dân chi vũ, tứ chinh dương chiếp viễn chi uy.

Tiêm La dĩ bắc vô kiên thành, hách trạc hữu kiền ư Vũ việt; Long Đỗ nhi nam giả tái giá, thư từ bất bức ư Nghiêu cung.

Thành công đãng đãng nan danh, thiện chính ban ban khả kỷ.

Dụng vi lẫm bách ti nghiêm huấn, trị binh vô cảm bác dân cao; tà bì khư tam tạng di ngôn, chính tục bất lao biếm Phật cốt.

Vận lượng hoằng khôi miếu toán, kinh luân diệu triển uyên mô.

Thành quang khai xương hạp ư lưỡng kinh, tông xã chi bản nguyên tiên tráng; xiển túc tuy thân biền ư song miếu, vũ văn chi quỹ phạm tịnh hành.

Thực công đức chi kiêm long, kiến thiên nhân chi thuận ứng.

Mộng phệ bách tường tập cát, dũ trưng trì thống chi hiển văn; âu ca chúng vọng hoàn quy, đản hiệp phá điền chi gia triệu.

Lý số tham kê nhi bất thắc, thời cơ lưỡng hợp dĩ vô nghi.

Tuy thánh nhân dụng tĩnh ư quy tòng, tốn nhượng mậu khâm cung chi đại đức; nãi dân chí hữu phu ư hổ biến, tôn thân thâu suy đái chi chân thành.

Phu thiên chi hỗ mạo đồng nhiên, hỗn nhất chi quy mô tại thử.

Phục vọng: Quang ưng bảo vị, phi lý dao đồ.

Danh ngôn tư doãn xuất tư, chấp trung kiến ngũ phu chi cực; cương duy thị chủ trương thị, cư thượng thao bát ngự chi quyền.

Long ân tiến dĩ minh yên, kỷ sùng huy chi hiển hiệu.

Hội kiến: Vạn bang tác nghệ, tứ hải vĩnh thanh.

Nguyên niên xuân đại thống dương khai, hàm ngưỡng thánh toà phối cao minh chi tượng; tứ thời hạ hồng ân phổ bác, cộng khánh hoàng gia miên thuần đại chi hưu.

DỊCH NGHĨA:

TỜ BIỂU SUY TÔN LẦN THỨ BA

Cúi nghĩ: Nơi Bắc Thần[1] ở, tam viên[2] soi Hà Hán huy hoàng; ngôi Nam diện[3] sáng, tám cõi ngóng áo xiêm thịnh trị.

Vươn cổ ngóng tầng mây, dốc lòng theo bóng nhật.

Chúng thần trộm nghĩ:

Trong khoảng tam cực[4] đạo đức đã tràn qua, chúng dân ắt có tay chăn dắt; trách nhiệm một người là vua là thầy dậy,[5] ngôi báu chẳng thể để trống lâu.

Nghĩ Việt Nam ta dựng nước đã lâu, từ thuở Hùng Vương xưa mở vận.

Sách trời rờ rỡ, mười ba tuyên muôn dặm cõi bờ; phủ học ngời ngời, vài ngàn năm trăm vua tiếp nối.

Thực nhận được trời cao giúp rập, nên dám cùng Trung Quốc đối đầu.

Từ đông bắc nhân Lê thị suy vi, đất đai bị phân chia to nhỏ; tuy tây nam có hoàng huynh nổi lên, tiếng tăm chưa trấn động thần châu.

Binh xa thì xa không kịp lùa sang, nhung mã đã kịp ào ào nổi dậy.

Kể từ Giáp Ngọ (1774) khởi binh trở lại, rồng thần khắp cõi ra tay; tới nay Mậu Thân (1788) được tuổi được thời, ngôi báu định người thống lĩnh.

Vì đức có sáng mở mang phù hợp, bởi lẽ phép nhiều nắm hết trong tay.

Kính nghĩ Hoàng Đế bệ hạ:

Sáng suốt trời ban, tài cao thần giúp.

Anh hùng tây thổ khôn sánh, chiếc áo trận tạo dựng non sông; toả đẹp trời Nam có người, ba thước kiếm dẹp tan loạn lạc.

Dụng võ yên dân một phen thịnh nộ, ra uy dẹp giặc bốn cõi sông pha.

Từ Tiêm La ra bắc không một thành bền, vang dậy vẫn ngọn qua vua Vũ; từ Long Đỗ[6] về nam hai lần xe đuổi, duy trì cho cung điện vua Nghiêu.

Công lao dào dạt khó ghi, chính sự rỡ ràng nên nhớ.

Bách ti[7] nghiêm lời giáo huấn, dụng binh không dám gây hại đến dân; Tam tạng[8] để lại di ngôn, thói tục không nên để luỵ cho Phật.

Vận dụng mở mang tính toán, kinh luân khéo trổ mưu sâu.

Cung điện hai kinh mở đóng sáng ngời, vững vàng gốc nguồn tông xã; thân biền đôi miếu nghiêm trang tụ họp, thi hành quy phạm võ văn.

Công đức thực lớn lao, người và trời cùng thuận.

Bói mộng trăm điều đều tốt, trì thống[9] càng vững nếp văn; chúng dân quy phục phá điền[10] hợp theo lời sấm.

Lý số tham kê không mắc, thời cơ đều hợp chẳng nghi.

Thánh nhân cân nhắc theo, khiêm nhượng nêu cao đức lớn; dân trí tin yêu quyền biến, suy tôn tỏ rõ chân thành.

Khắp trời cậy dựa là đây, hợp nhất quy mô ở đó.

Cúi mong: Sáng ngời ngôi báu, rộng mở cơ đồ.

Lời hay ý tốt nói ra, giữ đạo trung dựng xây nền móng; giường mối chủ trương là đúng, ở ngôi cao điều khiển chính quyền.

Tế tự dâng nghi lễ kính thành, huy hiệu chép tôn nghiêm rạng rỡ.

Để được thấy: Muôn phương an lạc, bốn biển thanh bình.

Xuân năm đầu nghiệp lớn mở mang, trông bệ thánh sánh cùng sao sáng; nước bốn mùa ơn sâu đằm thắm, mừng nhà vua hưởng phúc lâu dài.

CHÚ THÍCH:

1.Bắc Thần: Tức sao Bắc Đẩu, sách *Luận ngữ* chép: "Vi chính dĩ đức, thí như Bắc Thần cư kỳ sở, nhi chúng tinh củng chi" (Người dùng đạo đức làm chính sự cũng như sao Bắc Thần ở một nơi mà các sao khác chầu về).

2.Tam viên: Thiên văn của Trung Quốc chia các sao khắp trời làm 3 viên và 28 vì sao.

3.Ngôi Nam diện: Ngôi vua, ngồi quay mặt về phương Nam.

4.Tam cực: Trời, đất và người.

5.Vua Vũ: Xem chú thích 4 bài 20.

6.Long Đỗ: Chỉ thành Thăng Long, tức Hà Nội ngày nay.

7.Bách ti, chỉ cơ quan trong triều.

8.Tam tạng: Ba kho tàng: kinh, luật, luận của nhà Phật.

9.Trì thống: Giữ đầu mối, ở đây chỉ người làm vua.

10,Phá điền: Sách *Sấm vũ* có câu: "Phá điền thiên tử xuất" chữ điền viết phá ra thành chữ thân [申] ý nói năm Thân có thiên tử, tức vua Quang Trung, xuất hiện.

22. 武文請駕進幸北城表

臣等奉照:

北城臣民奏請，迎駕御昇隆城，循李陳黎故都，永奠王畿，以孚共向。

臣等仰見聖天子:

順天啓運，混一輿圖。

際蟠咸在蓋容，胞與時同怙冒。

是以:駿奔萬里，蟻附同聲。

聖德光天之下，蒼生共惟帝臣，誠莫狀其巍巍也。

我越自前黎失柄，南北分疆，而條綱弗垂，惟北河爲甚，邇來二百餘，年晦冥昏惑。有志之士，思美人而未見，起興西方。望眞主之有興，馳情東向。及其蜃樓見日，斗柄當天。十一征無敵之師，室家咸徯。三尺劍安民之怒，父老願留。

聖天子：海度撝謙，淵衷用靜。

馹騶西濟，倒虎皮乎朱干；黼藻南旋，穆龍顏之晬表。

宜其：萬家引領，思見羽旄。叩天閽以投章，望堯雲而依漢日也。

臣等：追隨鐵馬，密勿金鑾。

正值庭六合而牖八荒，誠顒順三靈而安九鼎。

渙川利涉，敢主檝於山東，晉圭用行，豈刻舟於曲沃。

伏承天旨，曲軫輿情。

諏建旦之朝，飭京北之駕。

啓行在即，驚蹕方嚴。

傳綸綍於承明，集信蒲於溫室。

竊思：建國設都，經邦之大計；居中治外，保制之良圖。

德力險須本末兼該，時利和要範圍不過。

周德駕殷軼夏，瞻天空而宅鎬京；漢仁蹶楚慶秦，卜金城而遷函谷。

既永寧夫鍾虡，乃有光乎簡編。

若夫：物華天寶，車水馬龍。

尋耿亳之故墟，泣洛梁之舊邑。

縱使一時狗眾，還須千里畏人。

昔在三朝，建都龍肚：胡兵度嶺，勞石馬於兩回；明將臨關，費金人之百兩。

雖召侮而人謀不藏，亦保安無地險足憑。珥筆有徵，非待著蔡者矣。

欽惟皇朝德威遠播：北逐胡滿，四振天聲；南跨暹綿，大恢土宇。

廣提封乎甌貉，增式郭於屭鴻。聖天子超然遠覽，卓冠百王。蹕經乂安，顧瞻雙魚、安長之區，山海迴環，既形勢之上游，亦舟車之樂土。北則咽喉三島，縮合肥西上之山川；南則襟帶隘雲，收林邑東回之劍戟。地鉗協吉，朝貢道均。乃命居方，束圖獻卜，經始之謀爰契，將作之功垂竣，匪惟尊帝所而重國威，眞足壯皇居而固天府。

惟是：經營勿亟，堂構未完。

臺殿宮闕，比禹室而猶卑，廟社市朝，較周畿而尚缺。

且建國大事，成邑然後成都。

目今：車輿在處，萬灶雲屯。

鳴鍾邸寨，須次第而轉移；飛騎屯營，亦先朝而結構。

建立萬年基址，圖回大段規模。

計在久長，事當整頓。

況又：旁稽年分，參驗歲星。

亥在震宮，子居巽位。

伏祈聖鑒，穆卜來春：蠲黃道之嘉時，載青旂之鑾輅。

宅中圖大，定寶鼎於新京；馭遠駕長，壯金甌於奕世。

因而：俯從眾願，飭駕北巡。

時王度於一遊，集侯圭於肆覲。

行慶施惠，慰壺漿簞食之人心；樹屏建翰，奠磐石泰山之國勢。

夫！如是：本原先壯，運祚增昌。

培億年不拔之基，綿萬紀無疆之曆。

臣等不勝大願之至。

PHIÊN ÂM:

VŨ VĂN THỈNH GIÁ TIẾN HẠNH BẮC THÀNH BIỂU

Thần đẳng phụng chiếu:

Bắc Thành thần dân tấu thỉnh, nghênh giá ngự Thăng Long thành, tuần Lý Trần Lê cố đô, vĩnh điện vương kỳ, dĩ phu cộng hướng.

Thần đẳng ngưỡng kiến thánh thiên tử:

Thuận thiên khải vận, hỗn nhất dư đồ.

Tế bàn hàm tại cái dung, bào dữ thời đồng hỗ mạo.

Thị dĩ: Tuấn bôn vạn lý, nghị phụ đồng thanh.

Thánh đức quang thiên chi hạ, thương sinh cộng duy đế thần, thành mạc trạng kỳ nguy nguy dã.

Ngã Việt tự tiền Lê thất bính, Nam Bắc phân cương, nhi điều cương phất thuỳ, duy Bắc Hà vi thậm, nhĩ lai nhị bách dư niên hối minh hôn hoặc. Hữu chí chi sĩ, tư mỹ nhân nhi vị kiến, khởi hưng tây phương. Vọng chân chủ chi hữu hưng, trì tình đông hướng. Cập kỳ thận lâu kiến nhật, Đẩu bính đương thiên. Thập nhất chinh vô địch chi sư, thất gia hàm hề. Tam xích kiếm an dân chi nộ, phụ lão nguyện lưu.

Thánh thiên tử: Hải độ vỉ khiêm, uyên trung dụng tĩnh.

Tứ nguyên Tây tế, đảo hổ bì hồ chu can; phủ tảo Nam tuyền, mục long nhan chi tuỵ biểu.

Nghi kỳ: Vạn gia dẫn lĩnh, tư kiến vũ mao. Khấu thiên hôn dĩ đầu chương, vọng Nghiêu vân nhi y Hán nhật dã.

Thần đẳng: Truy tuỳ thiết mã, mật vật kim loan.

Chính trực đình lục hợp nhi dũ bát hoang, thành ngung thuận tam linh nhi an cửu đỉnh.

Hoán xuyên lợi thiệp, cảm chủ lỗ ư sơn đông, tấn khuê dụng hành, khởi khắc chu ư khúc ốc.

Phục thừa thiên chỉ, khúc chẩn dư tình.

Thu kiến đán chi triêu, sức kinh Bắc chi giá.

Khải hành tại tức, kinh tất phương nghiêm.

Phó luân phất ư Thừa Minh, tập tín bồ ư ôn thất.

Thiết tư: Kiến quốc thiết đô, kinh bang chi đại kế; cư trung trị ngoại, bảo chế chi lương đồ.

Đức lực hiểm tu bản mạt kiêm cai; thời lợi hoà yếu phạm vi bất quá.

Chu đức giá Ân trật Hạ, chiêm thiên không nhi trạch Cảo Kinh; Hán nhân quệ Sở ao Tần, bốc Kim Thành nhi thiên Hàm Cốc.

Ký vĩnh ninh phu chung cự, nãi hữu quang hồ giản biên.

Nhược phù: Vật hoa thiên bảo, xa thuỷ mã long.

Tầm Cảnh Bạc chi cố khư, khấp Lạc Lương chi cựu ấp.

Túng sử nhất thời cẩu chúng, hoàn tu thiên lý uý nhân.

Tích tại tam triều kiến đô Long Đỗ, Hồ binh độ lĩnh, lao thạch mã ư lưỡng hồi; Minh tướng lâm quan, phí kim nhân chi bách lượng.

Tuy triệu vụ nhi nhân mưu bất cạnh, diệc bảo an vô địa hiểm túc bằng. Nhĩ bút hữu trương, phi đái kỳ thái giả hĩ.

Khâm duy hoàng triều đức uy viễn bá: Bắc trục Hồ Mãn, tứ chấn thiên thanh; Nam khoá Tiêm Miên, đại khôi thổ vũ. Quảng đề phong hồ Âu Lạc, tăng thức khuếch ư Bàng Hồng. Thánh thiên tử siêu nhiên viễn lãm, trác quán bách vương. Tất kinh Nghệ An, cố chiêm Song Ngư, An Trường chi khu, sơn hải hồi hoàn, ký hình thế chi thượng du, diệc chu xa chi lạc thổ. Bắc tắc yết hầu Tam Đảo, súc Hợp Phì tây thượng chi sơn xuyên; Nam tắc khâm đới ải Vân, thu Lâm ấp đông hồi chi kiếm kích. Địa cam hiệp cát, triều cống đạo quân. Nãi mệnh cư phương, thúc đồ hiến bốc, kinh thuỷ chi mưu viên khế, tương tác chi công thuỳ tuấn, phỉ duy tôn đế sở nhi trọng quốc uy, chân túc tráng hoàng cư nhi cố thiên phủ.

Duy thị: Kinh dinh vật cực, đường cấu vị hoàn. Đài điện cung quyết, tỉ Vũ thất nhi do ti; miếu xã thị triều, giảo Chu kỳ nhi thượng khuyết.

Thả kiến quốc đại sự, thành ấp nhiên hậu thành đô.

Mục kim: Xa dư tại xứ, vạn táo vân đồn.

Minh chung để trại, tu thứ đệ nhi chuyển di; phi kỵ đồn doanh, diệc tiên triều nhi kết cấu.

Kiến lập vạn niên chi cơ chỉ, đồ hồi đại đoạn quy mô. Kế tại cửu trường, sự đương chỉnh đốn.

Huống hựu: Bàng kê niên phận, tham nghiệm tuế tinh.

Hợi tại Chấn cung, Tí cư Tốn vị.

Phục kỳ Thánh giám, mục bốc lai xuân: Quyên hoàng đạo chi gia thời, tải thanh kỳ chi loan lạc. Trạch Trung đồ đại, định bảo đỉnh ư tân kinh; ngự viễn giá trường, tráng kim âu ư dịch thế.

Nhân nhi: Phủ tòng chúng nguyện, sức giá Bắc tuần.

Thời vương độ ư nhất du, tập hầu khuê ư tứ cận.

Hành khánh thi huệ, uý hồ tương đan thực chi nhân tâm; thụ bình kiến hàn, điện bàn thạch Thái Sơn chi quốc thế.

Phù! Như thị: Bản nguyên tiên tráng, vận tộ tăng xương.

Bồi ức niên bất bạt chi cơ, miên vạn kỷ vô cương chi lịch.

Thần đẳng bất thăng đại nguyện chi chí.

DỊCH NGHĨA:

CÁC QUAN VĂN VÕ DÂNG BIỂU XIN XA GIÁ RA BẮC HÀNH

Chúng thần vâng xét:

Thần dân Bắc Thành đều tâu xin xa giá nhà vua tới thành Thăng Long, noi theo đô cũ của các đời Lý, Trần, Lê, vĩnh viễn đặt kinh đô, để hợp với ý nguyện chung của thiên hạ.

Chúng thần ngửa thấy Thánh thiên tử là bậc: Thuận trời mở vận, hợp nhất dư đồ.

Gốc trời cõi đất đều được chở che, dân chúng và muôn loài cùng trông cậy.

Vì vậy: Ruổi rong vạn dặm, quần chúng đồng lòng.

Đức thánh toả sáng trời, dân đen thảy là bầy tôi của đế, quả thực không gì to lớn hơn.

Nước Việt ta từ thời Lê trước để mất quyền bính, Nam Bắc phân chia, kỷ cương chưa đều khắp, mà Bắc Hà là nơi thậm tệ nhất, đã hơn 200 năm nay, u ám tối tăm. Những kẻ sĩ có chí, mong đợi mỹ nhân[1] mà chưa gặp, mỏi mắt phía trời tây. Mong mỏi bậc chân chúa nổi lên, ruổi rong về đông thổ.[2] Kịp đến khi ảo ảnh[3] gặp mặt trời, chuôi Bắc Đẩu ở ngôi chính giữa. Đội quân vô địch đánh thắng 11 trận,[4] nhà nhà đều mong. Nổi giận vung ba thước kiếm để yên dân, các bậc phụ lão đang đợi.

Đấng thánh thiên tử:

Lượng bể khiêm nhường, uyên thâm trầm tĩnh.

Ruổi ngựa từ miền Tây lại, quay ngược dáo đỏ da hổ bọc ngoài;[5] áo xiêm từ phía Nam về, sáng ngời long nhan uy nghi nghiêm túc.

Nên chi: Vạn nhà nghển cổ, mong thấy tiết mao. Gõ cửa trời để dâng hiến từ chương, mong ngóng mây Nghiêu cậy nhờ mặt trời Hán.[6]

Chúng thần: Ruổi theo ngựa sắt, gần gũi xe vàng.

Đúng lúc sáu sân hợp lại tám cửa mở toang, thực buổi thuận nẻo tam linh[7] vững vàng cửu đỉnh.[8]

Băng sông vượt suối, quyết làm chủ non đông; giữ vững ngọc khuê, dám bơi thuyền qua khúc quẹo.

Cúi chờ ý chỉ, thấu rõ tình dân.

Chọn tháng tốt ngày lành, giá ngự ra thành Bắc.

Lên đường sơm sớm, cảnh giới đương nghiêm.

Truyền sắc lệnh từ gác Thừa Minh, hợp tin lành nơi lầu ôn thất.

Trộm nghĩ: Dựng nước lập đô, là việc kinh bang kế lớn; ngồi trong ngoài trị, mà giữ vững được mưu hay.

Đạo đức, thực lực, hiểm yếu, gốc ngọn bao gồm; thiên thời địa lợi nhân hoà, phạm vi đủ cả.

"Đức" nhà Chu hơn cả nhà Ân nhà Hạ,[9] ngắm khoảng trời chọn dựng đô Cảo Kinh;[10] "Nhân" vua Hán vượt hẳn vua Sở vua Tần, tìm đất tốt dời đô vào Hàm Cốc.

Lễ nhạc dài lâu đã vững, sử xanh mãi toả hào quang.

Kìa trông: Cảnh tươi trời đẹp, như nước ngựa xe.

Tìm thấy Cảnh Bạc[11] gò xưa, đi tới Lạc Lương[12] ấp cũ.

Cho dù có nhất thời đông đúc, còn hơn nơi ngàn dặm sợ người.

Xưa ba triều đại đóng đô Long Đỗ: Giặc Hồ vượt núi, ngựa đá vất vả mấy phen; tướng Minh tiến sang, tốn người vàng hàng trăm lượng.

Nơi đó: Tuy không hiểm trở nhưng không ai giành nổi, vẫn giữ được yên mà nơi hiểm yếu không bằng. Bút chép rành rành, không phải bói toán cân nhắc nữa.

Kính nghĩ Hoàng triều uy đức toả xa: Bắc đuổi Hồ, Mãn, vang dậy bốn phương; nam dẹp Tiêm Miên mở mang bờ cõi.

Mở rộng biên cương cho Âu Lạc, tăng thêm khuôn phép thuở Hồng Bàng. Thánh thiên tử nhìn xa thấy rộng, hơn hẳn trăm vua. Xa giá qua đất Nghệ An, thấy khu Song Ngư, An Trường, sông biển quanh co, là hình thế vùng thượng du, nhưng cũng là lạc thổ cho xe thuyền neo đậu. Bắc thì yết hầu là Tam Đảo, nối liền sông núi mạn tây tới Hợp Phì; nam thì đai vạt là Ải Vân, thu kiếm kích từ phía đông Lâm Ấp. Địa thế lành tốt, triều cống tiện đường. Bèn sai phương sĩ xem hướng vẽ hình, bàn việc đầu cuối đều khớp, công việc vừa xong. Như thế không những tôn ngôi đế sở mà còn trọng cả quốc uy, đủ để nơi vua ở tráng lệ, chỗ kho trời vững bền.

Chỉ có điều: Kinh dinh chớ vội, nhà cửa chưa xong.

Đền đài cung khuyết, so với nhà vua của Vũ còn thua; miếu mạo sân chầu, đọ cùng kinh nhà Chu còn kém.

Vả, dựng nước là việc lớn, thành ấp rồi sau sẽ thành đô.

Hiện nay: Xe thuyền có chốn, muôn bếp như mây.

Dinh thự quan nha, nên lần lượt chuyển về; đồn canh trại lính cũng trước sau xây cất.

Tạo lập muôn năm nền móng, tính xem phải đại quy mô.

Kế cốt dài lâu, việc đang chỉnh đốn.

Lại còn: Xét xem niên phận, chiêm nghiệm tuế tinh.[13]

Năm Hợi ở Chấn cung, năm Tý thuộc ngôi Tốn.

Cúi mong thánh xét, đến mùa xuân sang năm:

Chọn giờ tốt hoàng đạo, lên xe loan cờ xanh,[14]

Tới ở Trung đô mưu việc lớn, đặt ngôi báu ở tân kinh; chế ngự từ xa án ngữ dài, đặt vững âu vàng muôn thuở.

Nhân đó: Thể theo lòng dân mong mỏi, Thánh thượng xa giá Bắc tuần.

Cũng là để: Một chuyến vương giả tuần du, tập hợp chư hầu triều cận.

Ban phúc lành, thi ơn huệ, để vui người bầu rượu giỏ cơm;[15] dựng bình phong lập giáo hoá, vững thế nước như Thái Sơn bàn thạch.

Ôi! Như vậy là: Gốc nguồn càng vững, ngôi báu thêm bền.

Bồi đắp nền móng ức năm chẳng lay, kéo dài đến tận vạn kỷ vô biên không dứt.

Chúng thần mong muốn khôn cùng!

CHÚ THÍCH:

1.Mỹ nhân: Thơ Giản hề, *Bội phong*, *Kinh Thi* có câu: "Rằng ta nhớ ai? Nhớ người đẹp phương tây." Người đẹp trong thơ chỉ vua nhà Tây Chu, còn ở trong bài dùng để chỉ vua Tây Sơn.

2.Đông thổ: Nói phía bắc, hướng về phong trào Tây Sơn.

3.Ảo ảnh: Dịch từ chữ "thần lâu". *Sử ký* thiên *Quan thư* có ghi: "Đây là loại con trai to, nhả khí ra tạo thành những ảo ảnh như lâu đài, cung điện"...

4.Đội quân vô địch thắng 11 trận: Chỉ Thành Thang, vua Thang đánh Kiệt là một ông vua tàn bạo. Lúc đầu Thành Thang đánh các chư hầu vây cánh của Kiệt gồm 11 nước. Quân của Thành Thang đi đến đâu dân chúng đều tỏ ý mong đợi, coi như cứu tinh không ai chống lại cả.

5.Giáo dỏ da hổ bọc ngoài: Sách *Lễ ký* chép: "Vua Vũ đem quân đi đánh Trụ, khi thắng rồi đảo ngược giáo mác, lấy da hổ bọc lại mang về."

6.Mây Nghiêu mặt trời Hán: Chỉ những triều đại dùng chính sách nhân hậu.

7.Tam linh: Trời, đất và người.

8.Cửu đỉnh: Vua Hạ Vũ đúc ra chín cái vạc để làm báu vật truyền quốc.

9.Ân Hạ: Là hai triều đại của Trung Quốc xưa, có những chính sách tốt.

10.Cảo Kinh: Sau khi diệt Trụ, Vũ Vương nhà Chu định đô ở Cảo Kinh, vì ở đây nhìn ra xung quanh có cái thế bao quát thiên hạ. Thơ *Văn vương hữu thanh, Kinh Thi*, đoạn nói về Cảo Kinh có viết: "Tự tây, tự đông, tự nam, tự bắc, vô tư bất bặc" (Từ phía tây, phía đông, từ nam đến bắc, không nơi nào không phục).

11.Cảnh Bạc: Tên kinh đô cũ của triều Ân Thương.

12.Lạc Lương: Lạc tức Lạc Dương, kinh đô cũ của triều Đông Chu. Lương là Biện Lương, kinh đô của triều Nguỵ (thời Chiến Quốc), triều Lương, Tấn, Hán, Chu (đời Ngũ đại) và Bắc Tống.

13.Tuế tinh: Ngôi sao chạy 12 năm mới hết một vòng, mỗi năm đóng ở một phương vị. Năm nào tuế tinh chiếu xuống một khu vực ở mặt đất thì khu ấy được mọi sự tốt lành, cho nên khi có việc kiến thiết ở khu nào thì phải xem đến tuế tinh.

14.Cờ xanh: Một loại cờ cắm trên xe cho vua đi.

15.Bầu rượu giỏ cơm: Khi Thành Thang đem quân đánh vua Kiệt, dân chúng đều hoan nghênh, đem bầu rượu giỏ cơm ra ủng hộ.

23. 舊朝文武謝表

茲欽奉詔放宣召臣等回京。祇承綸音，不勝踊躍。自愧庸騖，幸蒙收錄，鈞韶在仰，邇接龍光。臣等誠懽誠忻，謹奉表稱謝者。

伏以：明明元后，照臨符天日之輝；璅璅逋臣，容蓄沐海河之潤。

捫心增感，揣已知榮。

竊念臣等：

樗櫟庸才，斗筲賤品。

僥倖後先竊祿，致身忝出於兩途；恬熙上下成風，屈指蔑施於一技。

屯班會頃遭末運，乾飛初仰睹聖人。

溥率帝之臣，負罪獨慚於此後；廢興天所命，鼠身還昧於節亨。

敢希諍獻之心，寔愧清權之操。

仰聖德與乾坤同大，從雷霆爲雨露，殘荄並在於育涵；待士夫無南北殊觀，搜岩穴訪草萊，至渥普施於羈旅。

奉恩旨而尊親無間，誦德音而喜懼交幷。

想餘生猶獲飯糗羹藜，已莫狀天蓋地容之德；矧凡奔 雖欲策駑厲鈍，曷足分日衮時敕之勤。

幸慈仁且聽其自由，而淺拙獲安於所遇。

詎意再生之日，復蒙一視之仁。

明明衢室總章，詢訪並篛蕘而悉達；濟濟周京商士，收采皆葑菲而靡遺。

仰惟漿育之恩，彌切兢惶之念。

茲蓋伏遇皇帝陛下：

天聰時憲，聖敬日躋。

丕丕光嗣穹圖，一經二權，酬物謹正直剛柔之用；蕩蕩式恢王道，寸收銖舉，用人無親疏始舊之殊。

致令戇懶凡流，復睹清明盛事。

臣等：觀光有幸，圖報無涯。

帝闕雲高，景仰雍穆肅清之象；皇圖天保，願賡升恒增至之章。

PHIÊN ÂM:

CỰU TRIỀU VĂN VŨ TẠ BIỂU

Tư khâm phụng chiếu ban tuyên triệu thần đẳng hồi kinh. Chi thừa luân âm, bất thăng dũng dược. Tự quý dung nô, hạnh mông thu lục, quân thiều tại ngưỡng, nhĩ tiếp long quang. Thần đẳng thành hoan thành hân, cẩn phụng biểu xưng tạ giả.

Phục dĩ: Minh minh nguyên hậu, chiếu lâm phù thiên nhật chi huy; toả toả bô thần, dung súc mộc hải hà chi nhuận.

Môn tâm tăng cảm, sủy dĩ tri vinh.

Thiết niệm thần đẳng:

Vu lịch dung tài, đẩu sao tiện phẩm.

Kiêu hãnh hậu tiên thiết lộc, trí thân thiểm xuất ư lưỡng đồ; điểm hy thượng hạ thành phong, khuất chỉ miệt thi ư nhất kỹ.

Truân ban hội khoảnh tao mạt vận, càn phi sơ ngưỡng đổ thánh nhân.

Phổ suất đế chi thần, phụ tội độc tàm ư thử hậu; phế hưng thiên sở mệnh, thử thân hoàn muội ư tiết hanh.

Cảm hy tĩnh hiến chi tâm, thực quý thanh quyền chi tháo.

Ngưỡng thánh đức dữ càn khôn đồng đại, tòng lôi đình vi vũ lộ, tàn cai tịnh tại ư dục hàm; đãi sĩ phu vô Nam Bắc thù quan, sưu nham huyệt phỏng thảo lai, chí ốc phổ thi ư ky lữ.

Phụng ân chỉ nhi tôn thân vô gián, tụng đức âm nhi hỷ cụ giao tinh.

Tưởng dư sinh do hoạch phạn xú canh lê, dĩ mạc trạng thiên cái địa dung chi đức; thẩn phàm bôn tuy dục sách nô lệ độn, hạt túc phân nhật cổn thời sắc chi cần.

Hạnh từ nhân thả thính kỳ tự do, nhi tiển chuyết hoạch an ư sở ngộ.

Cự ý tái sinh chi nhật, phúc mông nhất thị chi nhân.

Minh minh cù thất tổng chương, tuân phỏng tịnh sô nghiêu nhi tất đạt; tế tế Chu kinh Thương sĩ, thu thái giai phong phỉ nhi my di.

Ngưỡng duy tương dục chi ân, di thiết cạnh hoàng chi niệm.

Tư cái phục ngộ Hoàng Đế bệ hạ:

Thiên thông thời hiến, thánh kính nhật tê.

Phi phi quang tự cùng đồ, nhất kinh nhị quyền, thù vật cẩn chính trực cương nhu chi dụng; đãng đãng thức khôi vương đạo, thốn thu chu cử, dụng nhân vô thân sơ thuỷ cựu chi thù.

Trí linh tráng lãn phàm lưu, phục đổ thanh minh thịnh sự.

Thần đẳng quan quang hữu hạnh, đồ báo vô nhai.

Đế khuyết vân cao, cảnh ngưỡng ung mục túc thanh chi tượng; hoàng đồ thiên bảo, nguyện canh thăng hằng tăng chí chi chương.

DỊCH NGHĨA:

BIỂU TẠ ƠN CỦA CÁC QUAN VĂN VÕ TRIỀU LÊ CŨ

Nay kính vâng chiếu tuyên triệu chúng thần về kinh. Kính đọc chiếu thư, xiết bao phấn chấn. Tự thẹn tài hèn, may được thu dụng, tiếng quân thiều[1] ngửa ngóng, gần đón ánh long quang. Chúng thần quả thực hân hoan, kính cẩn dâng biểu cảm tạ.

Cúi nghĩ:

Ngời ngời đấng nguyên hậu,[2] rực ánh mặt trời rọi soi; nhỏ nhoi kẻ bề tôi, thấm ơn hải hà bao bọc.

Ngẫm lòng thêm cảm, xét phận biết vinh.

Chúng thần trộm nghĩ:

Gỗ mục[3] tài hèn, đấu thưng[4] vật mọn.

May mắn trước sau trộm lộc, tiến thân thẹn cả đôi đường;[5] lặng yên trên dưới thành quen, bấm đốt thấy thừa một phép.

Buổi truân triên bỗng gặp hồi mạt vận, cảnh rồng bay[6] vừa ngửa thấy thánh nhân.

Bầy tôi Hoàng đế có khắp nơi, riêng thẹn cho mình là kẻ đến muộn; mệnh của trời lúc hưng lúc phế, thân trốn tránh mịt mờ lại hanh thông.

Lòng tận trung đâu dám mong, lại được quyền nghi thực thẹn.

Ngửa trông thánh đức lớn tày trời đất, theo sấm rền mà làm ra mưa móc, thấm nhuần cả đến gốc cây khô; đãi sĩ phu chẳng phân biệt Nam Bắc, tìm từ hang sâu bụi cỏ đưa về, ban ơn khắp cho người lưu lạc.

Vâng ân chỉ mà tôn thân không ngăn cách, đọc lời chiếu ban mà lẫn lộn mừng vui.

Nghĩ cảnh sống thừa còn được cơm hẩm canh rau, cảm khôn xiết đức trời che đất chở; huống thân mọn bôn ba muốn trổ tài kém cỏi, sao đủ cho hôm sớm chuyên cần.

May đấng nhân từ cho được tự do, nên lũ hèn mọn được yên cảnh ngộ.

Nào ngờ đâu có ngày tái thế, lại đội ơn thấy được lòng nhân.

Rỡ ràng nơi cù thất tổng chương,[7] hỏi khắp kẻ cắt cỏ chăn trâu đưa đến; tấp nập những Chu kinh Thương sĩ,[8] lượm thu không để xót cỏ nội rau ngàn.

Ngửa ơn được khích lệ chăm nom, hết nỗi niềm băn khoăn kính sợ.

Nay cúi gặp đức Hoàng Đế bệ hạ:

Thông minh trời phú, tôn kính thánh ban.

Tiếp nối lồng lộng cơ đồ, chấp kinh tòng quyền, cẩn trọng đắn đo, dùng cả cương nhu chính trực; mở rộng mênh mông vương đạo, tấc thu ly nhấc, dùng người không hề phân biệt mới cũ thân sơ.

Khiến cho những kẻ lười biếng tầm thường, lại thấy được buổi thanh minh thịnh sự.

Chúng thần: Quan quang[9] may gặp, báo đáp khôn cùng.

Cửa khuyết mây cao, ngửa trông cảnh trang nghiêm hoà mục; nghiệp vua trời giúp, xin nối vần nhật nguyệt lên cao.[10]

CHÚ THÍCH:

1.Quân thiều: Nhạc trời, ở đây dùng để chỉ nhạc của nhà vua.

2.Nguyên hậu: Từ dùng chỉ vua.

3.Gỗ mục, dịch chữ "vu lịch": Loại gỗ kém không dùng đóng đồ vật được (chữ trong *Trang tử*). Sau thường dùng để chỉ kẻ tài năng kém cỏi.

4.Đấu thưng: Là đơn vị đo lường, giá trị rất nhỏ. *Luận ngữ* có câu: "Đấu sao chi nhân, hà túc toán dã" (Con người nhỏ mọn không đáng đếm xỉa).

5.Đôi đường, chỉ hai đường văn võ.

6.Rồng bay, dịch chữ " Kiền phi": Xem chú thích 3 bài 20 *Biểu suy tôn lần hai.*

7.Cù thất tổng chương: Là nơi triều hội và tiếp kiến ở cung vua.

8.Chu kinh Thương sĩ: Nhà Chu lên thay nhà Thương, nhiều sĩ phu cựu triều ra phục vụ cho triều đại mới. Ở đây mượn để chỉ sĩ phu của triều Lê ra giúp triều Tây Sơn.

9.Quan quang: Hào Lục tứ quẻ Quan Quang trong *Kinh Dịch* nói: "Quan quốc chi quang" (xem ánh sáng của đất nước).

10.Dịch thoát câu: "Như nhật chi thăng, như nguyệt chi hằng" trong thơ Thiên bảo, *Kinh Thi,* ý nói: Mong nhà vua được trường cửu như mặt trời đang lên, như mặt trăng đang độ tròn...

24. 好成武文賀表

茲伏睹:

中原通好，大禮告成。

明堂之弁冕交孚，王會之璧圭增燦。

兩邦修睦，九有同春。

臣等誠懽誠忻，謹奉表稱賀者。

伏以:惟皇建極，乾樞旋北拱之星辰；自天申休，巽命渙西亨之日月。

鄰邦展敬，朝著騰歡。

欽惟皇帝陛下:

海毓英資，天生明德。

革文符虎變，撥亂高造夏之豐功；坤野息龍爭，夷兇邁擒胡之韙烈。

變代希昭聖武，弛張洞酌時宜。

戢兵和眾運淵謨，虎皮倒朱干之載；尚讓去爭恢雅道，牛耳修玉帛之虔。

蓋戰和常操在我之權，而敦睦寔講同仁之好。

香火情親於燕殿，異寵馳黼黻藻之文；石金誠契於粵臺，先施重瓜桃之贈。

笙簧奏而宮庭顯瑞，玉帛虔而軒陛飄香。

編錄溯鴻厖而後三千年，曠見榮華之典策；聲化分甌貉以南數萬里，增培盛大之根基。

和同普慶於鈞天，鼓舞齊孚於簾地。

臣等：幸聯冠帶，遙仰冕旒。

奉廟謨於溫室傳宣，既見兩國衣冠之濟漆；歌天保於澤宮泮渙，僉祝億年曆服之悠長。

PHIÊN ÂM:

HIẾU THÀNH VŨ VĂN HẠ BIỂU

Tư phục đổ:

Trung nguyên thông hiếu, đại lễ cáo thành.

Minh đường chi biền miện giao phu, vương hội chi bích khuê tăng xán.

Lưỡng bang tu mục, cửu hữu đồng xuân.

Thần đẳng thành hoan thành hân, cẩn phụng biểu xưng hạ giả.

Phục dĩ: Duy hoàng kiến cực, càn khu tuyền bắc củng chi tinh thần; tự thiên thân hưu, tốn mệnh hoán tây hanh chi nhật nguyệt.

Lân bang triển kính, triều trước đẳng hoan.

Khâm duy Hoàng Đế bệ hạ:

Hải dục anh tư, thiên sinh minh đức.

Cách văn phù hổ biến, bát loạn cao tạo Hạ chi phong công; khôn dã tức long tranh, di hung mại cầm Hồ chi vĩ liệt.

Biến đại hy chiêu thánh vũ, thỉ trương động chước thời nghi.

tập binh hoà chúng vận uyên mô, hổ bì đảo chu can chi tải; thượng nhượng khử tranh khôi nhã đạo, ngưu nhĩ tu ngọc cổ chi kiền.

Cái chiến hoà thường tháo tại ngã chi quyền, nhi đôn mục thực giảng đồng nhân chi hiếu.

Hương hoả tình thân ư Yên điện, dị sủng trì phủ tảo chi văn; thạch kim thành khế Việt đài, tiên thí trọng qua đào chi tặng.

Sinh hoàng tấu nhi cung đình hiển thuỵ, ngọc bạch kiền nhi hiên bệ phiêu hương.

Biên lục tố Hồng Bàng nhi hậu tam thiên niên, khoáng kiến vinh hoa chi điển sách; thanh hoá phân Âu Lạc dĩ Nam sổ vạn lý, tăng bồi thịnh đại chi căn cơ.

Hoà đồng phổ khánh ư quân thiên, cổ vũ tề phu ư liêm địa.

Thần đẳng: Hạnh liên quan đới, dao ngưỡng miện lưu.

Phụng miếu mô ư ôn thất truyền tuyên, ký kiến lưỡng quốc y quan chi tế tất; ca Thiên bảo ư trạch cung phán hoán, cẩn chúc ức niên lịch phục chi du trường.

DỊCH NGHĨA:

BIỂU CỦA CÁC QUAN VĂN VÕ MỪNG VIỆC HOÀ HIẾU HOÀN THÀNH

Nay cúi thấy:

Trung nguyên thông hiếu, đại lễ đã xong.

Chốn minh đường[1] mũ áo đan xen, nơi vương hội bích khuê[2] bừng sáng.

Hai bang hoà mục, xuân tới chín châu.[3]

Chúng thần lòng quả thật hân hoan, xin dâng biểu chúc mừng kính cẩn.

Cúi nghĩ:

Vua dựng ngôi báu, chòm đẩu tinh chầu hướng bắc vây lấy kiền khu;[4] trời ban phúc lành, vầng nhật nguyệt sáng miền tây ngập tràn Tốn mệnh.[5]

Lân bang kính trọng, triều bái mừng vui.

Kính nghĩ Hoàng Đế bệ hạ:

Biển đúc tinh anh, trời sinh đức sáng.

Cách tân hợp cùng thời biến,[6] dẹp loạn công so nhà Hạ cao hơn; đồng nội bặt cảnh rồng tranh,[7] bình di thế bắt rợ Hồ về nạp.

Hoà hay chiến noi theo mưu thánh võ,[8] cương hay nhu châm chước hợp thời nghi.

Dẹp binh hoà hoãn tính mưu sâu, bọc da hổ gậy hồng quay ngược;[9] nhường nhịn không tranh nêu đạo cốt, nắm tai trâu[10] chén ngọc ăn thề.

Bởi chiến hoà là quyền thao túng trong tay ta, mà hữu hảo tốt cho việc chung lòng nhân ái.

Hương lửa tình thân nơi Yên điện, sủng ái lạ thường bằng hoa lệ văn chương; đá vàng kết chặt ở Việt đài, trước hết hái đào hái dưa ban tặng.(11)

Đàn sáo dạo lên cung đình tỏ điềm tốt, lụa là dâng kính hiên bệ đưa hương.

Sử chép từ Hồng Bàng trở lại ba ngàn năm, điển sách vinh hoa mà ít thấy; nền thanh giáo(12) chia Âu Lạc về Nam vài vạn dặm, bồi đắp cho nền móng thêm cao.

Trời xanh phúc khánh hoà đồng, dải đất tưng bừng cổ vũ.

Chúng thần: May dự cân đai, xa trông vương miện.

Những mưu mô từ Ôn thất truyền ra, hai nước áo xiêm đã thấy tề chỉnh; ca Thiên bảo(13) từ trạch cung toả khắp, kính chúc vạn năm bền vững cơ đồ.

CHÚ THÍCH:

1.Minh đường: Thiên *Thịnh đức* sách *Lễ ký* của Đại Đới có câu: "Minh đường giả tự cổ hữu chi, sở dĩ triều chư hầu" (Minh đường từ xưa đã có, là nơi triều hội chư hầu). Ở đây dùng để chỉ nơi hai nước hội họp bàn bạc việc hoà hiếu.

2.Bích khuê: Là những thứ ngọc các quan đeo khi ở trong triều.

3.Chín châu: Thiên *Vũ cống* trong *Kinh Thư* có ghi việc tuế cống của chín châu trong phạm vi nước Trung Quốc cổ đại, sau này người ta dùng chín châu để chỉ chung đất nước.

4.Kiền khu: Nơi trung tâm của nhà trời, chỉ nơi vua ngự.

5.Tốn mệnh: Quẻ Tốn trong *Kinh Dịch* phần Thoán từ có câu: "Trùng tốn dĩ thân mệnh... thị dĩ tiểu hanh" (Nhiều lần khiêm tốn để ban bố mệnh lệnh...vì thế tương đối hanh thông). Trong bài ý nói: Vua Quang Trung khiêm tốn giảng hoà với Trung Quốc, như vậy là thích hợp với yêu cầu của thời thế lúc ấy.

6.Cách tân hợp cùng thời biến: Hào Cửu Ngũ, quẻ Cách trong *Kinh Dịch* có câu: "Đại nhân hổ biến..." (Bậc đại nhân biến hoá như vằn hổ). Trong bài ý nói việc dùng binh dẹp loạn để xây dựng cơ nghiệp đế vương cần phải có tài biến hoá kỳ diệu.

7.Rồng tranh: (rồng đánh nhau), quẻ Khôn trong *Kinh Dịch* có câu: "Khôn dã tức long tranh" (Dập tắt sự tranh giành nhau của bầy rồng trên đồng nội). Ý trong bài nói: Lấy bạo lực để dập tắt chiến tranh xâm lược.

8.Thánh võ: Chỉ tài dùng binh của Quang Trung.

9.Lễ ký: Chép việc Vũ Vương nhà Chu đánh xong vua Trụ nhà Thương xếp giáo lại bọc da cọp mang về.

10.Tai trâu: sách *Tả truyện* có câu: "Chủ minh giả chấp ngưu nhĩ..." (Người chủ trì cuộc ăn thề cầm tai trâu). Trong bài ý nói, cuộc hội minh để hoà hiếu với nhà Thanh.

11.Đào dưa ban tặng (qua đào chi tặng) *Vệ phong, Kinh Thi*: "Đầu ngã dĩ mộc qua, báo chi dĩ quỳnh cư, đầu ngã dĩ mộc đào, báo chi dĩ quỳnh cửu..." (Cho ta quả dưa, ta tặng lại ngọc quỳnh cư, cho ta quả đào, ta tặng lại ngọc quỳnh cửu). Ý nói có đi có lại.

12.Thanh giáo: Uy thanh và giáo hoá của một quốc gia.

13.Thiên bảo: Tên bài thơ trong *Kinh Thi*, nói về bề tôi chúc tụng vua.

25. 天壽節皇正后賀表

茲欽遇天壽聖節:

清商應律，華渚在時。

玉樹飄香，碧桃獻舒長之菓；銀蟾吐艷，冰壺開復旦之華。

紫靄濃而閨閣騰芳，協氣爽而褕褘增色。

謹奉表稱賀者:

伏以:瑞室呈祥，篤鬱鳳麟之彩；光天闡朗，昭回軫翼之墟。

桂殿呈香，椒庭溢慶。

欽惟皇帝陛下:

才高千古，德配兩儀。

龔天不振武功，西土貴亨王之事業；時夏肆陳懿德，東郊完定國之規模。

尺日明而顒望有孚，壽星耀而瞻依共仰。

宸樞電繞，光浮萬歲之杯；閶闔雲開，瑩徹千秋之鏡。

四序時調玉燭，億年永奠金甌。

臣：德忝關雎，仁慚樛木。

中閣邇陪衫座，慶八千春初紀之僊籌；內庭邇接韶音，祝千萬世無疆之寶祚。

PHIÊN ÂM:

THIÊN THỌ TIẾT HOÀNG CHÁNH HẬU HẠ BIỂU

Tư khâm ngộ Thiên thọ thánh tiết:

Thanh thương ứng luật, hoa chử tại thời.

Ngọc thụ phiêu hương, bích đào hiến thư trường chi quả; ngân thiềm thổ diễm, băng hồ khai phục đán chi hoa.

Tử ái nùng nhi khuê các đẳng phương, hiệp khí sảng nhi du vi tăng sắc.

Cẩn phụng biểu xưng hạ giả:

Phục dĩ: Thuỵ thất trình tường, thông uất phượng lân chi thái; quang thiên xiển lãng, chiêu hồi Chẩn Dực chi khư.

Quế điện trình hương, tiêu đình dật khánh.

Khâm duy Hoàng Đế bệ hạ:

Tài cao thiên cổ, đức phối lưỡng nghi.

Cung thiên bất chấn võ công, tây thổ bí hanh vương chi sự nghiệp; thời hạ tứ trần ý đức, đông giao hoàn định quốc chi quy mô.

Xích nhật minh nhi ngưng vọng hữu phu, thọ tinh diệu nhi chiêm y cộng ngưỡng.

Thần khu điện nhiễu, quang phù vạn tuế chi bôi; xương hạp vân khai, oánh triệt thiên thu chi kính,

Tứ tự thời điều ngọc chúc, ức niên vĩnh điện kim âu.

Thần: Đức thiểm quan thư, nhân tàm cù mộc.

Trung các nhĩ bồi chẩn toạ, khánh bát thiên xuân sơ kỷ chi tiên trù; nội đình nhĩ tiếp thiều âm, chúc thiên vạn thế vô cương chi bảo tộ.

DỊCH NGHĨA:

BIỂU CỦA HOÀNG CHÁNH HẬU MỪNG TIẾT THIÊN THỌ

Nay kính gặp Thiên thọ thánh tiết:

Thanh thương ứng luật, hoa chử gặp thời.

Cây ngọc đưa hương, đào biếc dâng quả trường thọ; trăng vàng nhả sắc, hồ băng lại sớm nở hoa.

Mây tía đượm nồng, khuê các nức mùi thơm; khí hoà trong sáng, áo xiêm tăng thêm sắc.

Cúi nghĩ:

Điềm hiện trong nhà, phượng lân rỡ ràng muôn vẻ; trời trong toả sáng, sao Dực sao Chẩn soi về.

Điện quế đưa hương, sân tiêu tràn phúc.

Kính nghĩ Hoàng Đế bệ hạ:

Tài hơn thiên cổ, đức sánh đất trời.

Võ công không chấn động trong ngoài, mà sự nghiệp đế vương mở ra nơi tây thổ; đức tốt mặc sức phô mọi chốn, mà quy mô đất nước mở rộng khắp cõi đông.

Mặt trời trong gang tấc tin tưởng cậy nhờ, cùng dựa dẫm ngửa xem sao thọ sáng.

Chớp vây cung điện, nổi sáng trong chén rượu muôn năm; xóm ngõ mây tan, thấu soi trong tấm gương ngàn thuở.

Bốn mùa điều hoà đuốc ngọc, ức năm giữ vững âu vàng.

Thần: Đức mọn lứa đôi, nhân thẹn chồng vợ.

Gần gũi hầu hạ áo xiêm nơi trung các, tính tuổi tiên mừng thấy tám nghìn xuân; kề sát thiều quang âm luật chốn nội đình, chúc ngôi báu vững bền ngàn thuở.

26. 又皇后賀表

茲欽遇天壽聖節:

律布清商，祥開寶鏡。

五色炫電虹之影，萬宇昭明；九霄呈箕尾之光，八紘闡朗。

雲衮炫天霞而增彩，金波凝海月以添輝。

謹奉表稱賀者:

伏以: 華渚在時，五百年際河清之運；瑤池獻瑞，八千春添海積之籌。

眷協蒼穹，歡騰紫禁。

欽惟皇帝陛下:

英雄冠古，聰睿殊常。

除殘四振天聲，拓累世未同之疆宇；保治百貞王度，開億年不拔之基圖。

玉燭調四序之春光，靈符荷重申之景貺。

廣廈晴開黼衮，儼北辰清穆之容；長春綠泛露樽，耀南極光華之彩。

乾元位而五時順撫，恆久孚而天下化成。

臣忝預椒宮叨陪衫座。

賦雞鳴於周旦，幸媲二南卷耳之徵；瞻鳳舞於虞階，願祝萬歲蘄眉之壽。

PHIÊN ÂM:

HỰU HOÀNG HẬU HẠ BIỂU

Tư khâm ngộ Thiên thọ thánh tiết:

Luật bố thanh thương, tường khai bảo kính.

Ngũ sắc huyến điện hồng chi ảnh, vạn vũ chiêu minh; cửu tiêu trình Cơ Vĩ chi quang, bát hoành xiển lãng.

Vân cổn huyến thiên hà nhi tăng thái, kim ba ngưng hải nguyệt dĩ thiêm huy.

Cẩn phụng biểu xưng hạ giả:

Phục dĩ: Hoa chử tại thời, ngũ bách niên tế Hà thanh chi vận; dao trì hiến thuỵ, bát thiên xuân thiêm hải tích chi trù.

Quyến hiệp thương khung, hoan đằng tử cấm.

Khâm duy Hoàng Đế bệ hạ:

Anh hùng quán cổ, thông duệ thù thường.

Trừ tàn tứ chấn thiên thanh, thác luỹ thế vị đồng chi cương vũ; bảo trị bách trinh vương độ, khai ức niên bất bạt chi cơ đồ.

Ngọc chúc điều tứ tự chi xuân quang, linh phù hà trọng thân chi cảnh huống.

Quảng hạ tình khai phủ cổn, nghiễm Bắc Thần thanh mục chi dung; trường xuân lạc phiếm hà tôn, diệu Nam Cực quang hoa chi thái.

Càn nguyên vị nhi ngũ thời thuận phủ, hằng cửu phu nhi thiên hạ hoá thành.

Thần: Thiểm dự tiêu cung, thao bồi chẩn toạ.

Phú kê minh ư Chu đán, hạnh tì Nhị nam Quyển nhĩ chi huy; chiêm phượng vũ ư Ngu bệ, nguyện chúc vạn tuế kỳ my chi thọ.

DỊCH NGHĨA:

LẠI BIỂU CỦA HOÀNG HẬU MỪNG TIẾT THIÊN THỌ

Nay kính gặp Thiên thọ thánh tiết:

Luật bố thanh thương,[1] mở điềm gương báu.

Bóng chớp cầu vồng loè năm sắc, muôn cõi tưng bừng; ánh sao Cơ Vĩ tỏ chín tầng, tám phương sáng láng.

Triều phục loá ráng trời thêm vẻ đẹp, sóng vàng đọng trăng biển càng sáng tươi.

Xin kính cẩn chúc mừng:

Cúi nghĩ: Bến hoa còn đó, bởi gặp vận năm trăm sông Hoàng Hà lại trong;[2] điềm lành đầm ngọc, lại ở buổi tám nghìn xuân tích tụ như biển.

Hoà hợp trời xanh, vui vầy cấm tía.[3]

Kính nghĩ Hoàng Đế bệ hạ:

Anh hùng quán cổ, thông tuệ khác thường.

Trừ bạo lừng lẫy bốn phương, mở mang bờ cõi nhiều đời chưa làm được; giữ gìn sửa sang trăm việc, mở cơ đồ ức vạn năm chẳng chuyển lay.

Đuốc ngọc điều ánh sáng tươi thứ tự bốn mùa, bùa thiêng trong cảnh huống đội phúc to chồng chất.

Nhà rộng sáng soi triều phục, nghiêm dung nghi sáng trong tựa sao Bắc Thần; màu xuân tràn chén tử hà, rạng vẻ quang hoa toả như sao Nam Cực.

Ở ngôi báu năm thời thuận trị, tin tưởng thiên hạ mãi trị bình.

Chúng thần: Lạm dự tiêu cung, theo đòi khăn áo.

Nghe gà gáy sáng ở triều nhà Chu, may sánh Quyển nhĩ Nhị nam;[4] xem phượng múa ở bệ thềm triều Ngu, xin chúc thọ lâu muôn tuổi.

CHÚ THÍCH:

1.Thanh thương: Thương là 1 trong 5 tiếng nhạc xưa.

2.Hoàng Hà năm trăm lại trong: Xem chú thích số 2 bài 31.

3.Cấm tía (tử cấm), tức tử cấm thành.

4.Thơ Quyển nhĩ, Nhị nam, *Kinh Thi* nói về bà Hậu phi là vợ Chu Văn Vương chăm chỉ công việc.

27. 皇太子賀表

茲欽遇天壽聖節:

明霞炫耀，皎月晶熒。

玉燭時調，光徹千秋之金鑑；瑤池春暖，香濃九陛之寶衣。

閶闔開而儀鳳呈祥，斗柱攬而靈龜薦祉。

謹奉表稱賀者:

伏以：宸樞電繞，半千徵啓聖之期；南極星輝，億年佑自天之貺。

符呈朱草，喜溢青祊。

欽惟皇帝陛下：

聖敬日躋，天聰時憲。

戡撥大四征之舉，群方咸底輯寧；綏懷推一視之仁，兆姓胥孚瞻仰。

華渚適逢令旦，鈞韶疊唱元音。

長春留寶莢于絳階，寶鏡耀九天之月色；永曆獻僊桃于丹陛，僊仗騰萬歲之山聲。

升恒賡俾熾之章，長久卜無疆之祚。

臣：叨蒙燕翼，仰荷鴻庥。

壽曜發祥，光對九重之宮闕；景命有僕，永綿一統之山河。

PHIÊM ÂM:

HOÀNG THÁI TỬ HẠ BIỂU

Tư khâm ngộ Thiên thọ thánh tiết:

Minh hà huyền diệu, kiểu nguyệt tinh huỳnh.

Ngọc chúc thời điều, quang triệt thiên thu chi kim giám; dao trì xuân noãn, hương nùng cửu bệ chi bảo y.

Xương hạp khai nhi nghi phượng trình tường, Đẩu trụ lãm nhi linh quy tiến chỉ.

Cẩn phụng biểu xưng hạ giả.

Phục dĩ: Thần khu điện nhiễu, bán thiên trưng khải thánh chi kỳ; Nam cực tinh huy, ức niên hựu tự thiên chi huống.

Phù trình chu thảo, hỉ dật thanh bang.

Khâm duy Hoàng Đế bệ hạ:

Thánh kính nhật tê, thiên thông thời hiến.

Kham bát đại tứ chinh chi cử, quần phương hàm để tập ninh; tuy hoài suy nhất thị chi nhân, triệu tính tư phu chiêm ngưỡng.

Hoa chử thích phùng lệnh đán, quân thiều điệp xướng nguyên âm.

Trường xuân lưu bảo giáp vu giáng giai, bảo kính diệu cửu thiên chi nguyệt sắc; vĩnh lịch hiến tiên đào vu đan bệ, tiên trượng đẳng vạn tuế chi sơn thanh.

Thăng hằng canh tỷ xí chi chương, trường cửu bốc vô cương chi tộ.

Thần: Thao mông yến dực, ngưỡng hà hồng hưu.

Thọ diệu phát tường, quang đối cửu trùng chi cung khuyết; cảnh mệnh hữu bộc, vĩnh miên nhất thống chi sơn hà.

DỊCH NGHĨA:

BIỂU CỦA HOÀNG THÁI TỬ CHÚC MỪNG TIẾT [THIÊN THỌ]

Nay kính gặp Thiên thọ thánh tiết:

Ráng trời chói lọi, trăng tỏ tưng bừng.

Đuốc ngọc điều hoà, gương vàng sáng soi nghìn thuở; ao vàng xuân ấm, chín bệ áo báu thơm nồng.

Cửa trời mở, phượng báu báo điềm; chuôi Đẩu dựng, rùa thiêng dâng phúc.

Xin dâng bài biểu chúc mừng.

Cúi nghĩ: Ngôi Bắc Thần chiếu sáng, năm trăm năm đúng kỳ mở điềm sinh thánh nhân; cõi Nam Cực sáng sao, ức vạn năm họp cảnh từ trời cao ban phúc.

Dâng điềm cỏ đỏ, vui ngợp cung xanh.

Kính nghĩ Hoàng Đế bệ hạ:

Thánh đức sáng ngời, thông minh tính sẵn.

Cất quân tứ phương dẹp loạn, nơi nơi đều được bình yên; vỗ về chỉ một điều nhân, muôn họ tin yêu ngưỡng vọng.

Bến hoa gặp kỳ lệnh đán, quân thiều xướng khúc nguyên âm.

Thềm son sinh cỏ báu giữ xuân dài, ánh trăng gương báu soi chín cõi; bệ đỏ mọc đào tiên dâng tuổi thọ, tiếng hô muôn tuổi gậy tiên vung.

Nối vần đẹp, nhật nguyệt đẹp soi; ngôi báu vững, muôn đời vững chắc.

Thần: Cậy nhờ che chở, ngửa đội bao dung.

Sao thọ dâng điềm, cung khuyết chín tầng soi tỏ; mệnh nay nô bộc, non sông một mối vững bền.

28. 又皇子康公賀表

茲欽遇天壽聖節:

秋輝月桂，春盎僊桃。

寶篆飄香，彩炫流虹之渚；鈞韶奏雅，律和儀鳳之庭。

宮扇開而慶溢寰瀛，壽箕燦而光回宇宙。

謹奉表稱賀者:

伏以:赤光照遠，宸垣開聖夙之祥；紅日當中，秋令慶長春之節。

蓂階顯瑞，柳次騰歡。

欽惟皇帝陛下:

道貫三才，躬羅萬善。

揚神武而撓槍盡掃，拓地收一統之山河；貴聖文而氛翳郭清，行天朗重明之日月。

亙古之昌期再見，維新之景象永膺。

螭陛端堯舜衣裳，瑞色徹廣寒之霓羽；鶴算引喬彭歲月，瑤池來閬苑之飆輪。

泰朗昭至治之期，恆久衍無疆之慶。

臣:叨司虎帳，景仰龍光。

紫閣天高，五夜常纏于禁漏；洪禧川至，千秋廑祝於僊籌。

PHIÊN ÂM:

HỰU HOÀNG TỬ KHANG CÔNG HẠ BIỂU

Tư khâm ngộ Thiên thọ thánh tiết:

Thu huy nguyệt quế, xuân áng tiên đào.

Bảo triện phiêu hương, thái huyễn lưu hồng chi chử; quân thiều tấu nhã, luật hoà nghi phượng chi đình.

Cung phiến khai nhi khánh dật hoàn doanh, thọ ky xán nhi quang hồi vũ trụ.

Cẩn phụng biểu xưng hạ giả:

Phục dĩ: Xích quang chiếu viễn, thần viên khai thánh túc chi tường; hồng nhật đương trung, thu lệnh khánh trường xuân chi tiết.

Minh giai hiển thuỵ, liễu thứ đẳng hoan.

Khâm duy Hoàng Đế bệ hạ.

Đạo quán tam tài, cung la vạn thiện.

Dương thần vũ nhi tài thương tận tảo, thác địa thu nhất thống chi sơn hà; bí thánh văn nhi phân ế quách thanh, hành thiên lãng trùng minh chi nhật nguyệt.

Cắng cổ chi xương kỳ tái kiến, duy tân chi cảnh tượng vĩnh ưng.

Ly bệ đoan Nghiêu Thuấn y thường, thuỵ sắc triệt Quảng Hàn chi nghê vũ; hạc toán dẫn Kiều Bành tuế nguyệt, Dao Trì lai Lãng Uyển chi tiêu luân.

Thái lãng chiêu chí trị chi kỳ, hằng cửu diễn vô cương chi khánh.

Thần: Thao ti hổ trướng, cảnh ngưỡng long quang.

Tử các thiên cao, ngũ dạ thường triền vu cấm lậu; hồng hy xuyên chí, thiên thu cẩn chúc ư tiên trù.

DỊCH NGHĨA:

LẠI BÀI BIỂU MỪNG CỦA HOÀNG TỬ KHANG CÔNG

Nay gặp Thiên thọ thánh tiết:

Trăng soi thu sáng, xuân ngát đào tiên.

Triện báu đưa hương, bến cầu vồng[1] rạng rỡ; nhạc thiều[2] tấu nhã, hoà sân phượng[3] êm đềm.

Cung điện mở, khắp cõi phúc tràn, sao thọ sáng, nắng vây vũ trụ.

Kính dâng biểu lạy mừng.

Trộm nghĩ: Nắng đỏ chiếu xa, buổi sớm vườn ngự mở điềm lành; vầng nhật giữa trời, ngày xuân dài khơi tiết thu lạnh.

Thềm minh[4] tỏ rõ, rặng liễu hân hoan.

Kính nghĩ Hoàng Đế bệ hạ:

Đạo thấu tam tài,[5] mình mang vạn thiện.

Dương thần võ thì gươm đao quét sạch, mở mang thu phục một dải non sông; rực thánh văn mà tan hết mây che, bầu trời lại tỏ đôi vầng nhật nguyệt.

Kỳ thịnh vượng ngàn xưa lại thấy, cảnh duy tân còn mãi mai sau.

Đầu bệ ly Nghiêu Thuấn[6] rủ áo xiêm, thấu tới Quảng Hàn điệu Nghê Vũ;[7] kể tuổi hạc Kiều Bành[8] dài năm tháng, bánh xe tiên Lãng Uyển Dao Trì.[9]

Thời chí trị tỏ rõ hanh thông, phúc vô cương kéo dài ra mãi.

Thần: Lạm ngồi trướng hổ, ngửa ngóng mặt rồng,

Gác tía trời cao, năm canh thường quanh nơi cửa cấm; phúc to đức lớn, ngàn thu xin kính chúc thẻ tiên.

CHÚ THÍCH:

1.Bến cầu vồng: *Ngũ đế kỷ* chép: Có ngôi sao lớn sa xuống bến, trông như cầu vồng, bà Nữ Tiết trông thấy cảm động có thai, sinh ra vua Thiếu Hiệu.

2.Nhạc thiều: Xem chú thích 1 bài 23.

3.Sân phượng: *Kinh Thư* chép: "Vua Thuấn tấu bản nhạc thiều, có chim phượng hoàng tới chầu." Đây dùng để chỉ sân nhà vua.

4.Thềm minh: Minh tức cỏ minh giáp, một thứ cỏ ứng điềm lành.

5.Tam tài: Trời, đất và người.

6.Nghiêu Thuấn: Xem chú thích 3 bài 29.

7.Vũ nghê: *Đường dật sử* chép: "La Công Viễn dẫn Đường Minh Hoàng lên chơi cung trăng, thấy các tiên nữ mặc áo lông chim và xiêm màu cầu vồng ca múa, vua hỏi đó là bản nhạc gì? Đáp là bản nghê thường vũ y."

8.Kiều Bành: Tức Bành Tổ và Vương Tử Kiều. Sách *Quốc ngữ* phần Trịnh ngữ chép: Bành Tổ sống đến 800 tuổi, qua các triều đại Đường, Ngu, Hạ, Thương, Chu. Tên thật Tiền Khanh, thời Nghiêu được phong ra đất Bành, nên mới gọi là Bành Tổ. Kiều Bành sau thường dùng để chỉ người sống thọ.

9.Dao Trì, Lãng Uyển: Nơi tiên ở.

29. 內外文武賀表

茲:箕翼呈祥,瑤光炫彩。

五百載黃澄之會,毓鍾亹協昌符;三千年桃結之時,幻縵於昭靈慶。

景仰千秋之鑑,虔稱萬歲之觴。

伏以:

一人有慶,寰瀛依曆數之躬;萬壽無疆,日月會光華之旦。

赤光繞而山河獻媚,紫靄濃而弁冑騰歡。

欽惟:

德邁華勳,道高軒昊。

睿知有臨彊毅有執,弘恢顯揚開拓之功;範圍不過曲成不遺,默運參贊彌綸之妙。

眷佑茂膺純嘏,保和益裕長春。

錦花環慶善宮庭,桂月凝輝,謁電繞虹流之瑞色;僊果熟廷章殿閣,椿年引壽,衍山增川至之洪庥。

臣等:叨列笏班,重賡華祝。

帝德既多受祉,難名壽考之祥;王圖永底孚禧,僅祝綿長之曆。

PHIÊN ÂM:

NỘI NGOẠI VĂN VŨ HẠ BIỂU

Tư: Cơ dực trình tường, dao quang huyến thái.

Ngũ bách tải Hoàng trừng chi hội, dục chung đàn hiệp xương phù; tam thiên niên đào kết chi thời, ảo mạn ư chiêu linh khánh.

Cảnh ngưỡng thiên thu chi giám, kiền xưng vạn tuế chi tràng.

Phục dĩ:

Nhất nhân hữu khánh, hoàn doanh y lịch số chi cung; vạn thọ vô cương, nhật nguyệt hội quang hoa chi đán.

Xích quang nhiễu nhi sơn hà hiến my; tử ái nùng nhi biển trụ đẳng hoan.

Khâm duy:

Đức mại Hoa Huân, đạo cao Hiên Hiệu.

Duệ trí hữu lâm cương nghị hữu chấp, hoằng khôi hiển dương khai thác chi công; phạm vi bất quá khúc thành bất di, mặc vận tham tán di luân chi diệu.

Quyến hựu mậu ưng thuần hỗ, bảo hoà ích dụ trường xuân.

Cẩm hoa hoàn khánh thiện cung đình, quế nguyệt ngưng huy, ái điện nhiễu hồng lưu chi thuỵ sắc; tiên quả thục đình chương điện các, xuân niên dẫn thọ, diễn sơn tăng xuyên chí chi hồng hưu.

Thần đẳng: Thao liệt duẩn ban, trùng canh Hoa chúc.

Đế đức ký đa thụ chỉ, nan danh thọ khảo chi tường; vương đồ vĩnh để phu hy, cẩn chúc miên trường chi lịch.

DỊCH NGHĨA:

BIỂU MỪNG CỦA CÁC QUAN VĂN VÕ TRONG KINH VÀ NGOÀI CÁC TỈNH

Nay: Sao tiến điềm lành, ánh soi chói lọi.

Năm trăm năm Hoàng Hà lặng trong gặp buổi,[1] hun đúc nên thịnh vượng non sông; ba ngàn tuổi đào tiên kết quả[2] kịp thời, rực rỡ soi linh thiêng phúc khánh.

Gương ngàn thu ngửa đón, chén vạn thọ kính dâng.

Trộm thấy:

Một người có phúc, trong cõi dựa lịch số một người; tuổi thọ khôn cùng, nhật nguyệt rực rỡ soi sớm sớm.

Nắng đỏ rọi, núi sông dâng vẻ đẹp, mây tía dày, văn vũ tỏ hân hoan.

Kính nghĩ Hoàng Đế bệ hạ:

Đức vượt Hoa Huân,[3] đạo hơn Hiên Hiệu.[4]

Có chí thông minh có lòng cương nghị, công lao khai thác mở rộng lớn lao; không xót việc nhỏ không quá phạm vi, khéo léo nắm giữ điều hành vận dụng.

Trời trợ giúp cho nhiều phúc lớn, giữ thái hoà càng rộng ngày xuân.

Gấm hoa tràn cấm lậu cung đình, trăng quế bóng lồng, ánh sáng đẹp vây cầu vồng chớp dật; quả tiên chín khắp lâu đài điện các, tuổi xuân thọ hưởng, chở che lớn khắp đất nước non sông.

Chúng thần: Lạm dự ban chầu, nối lời chúc đẹp.

Đức vua phúc nhiều đã hưởng, điềm thọ khảo khó tả hết bằng lời; nghiệp nước bền vững dài lâu, kính dâng lời chúc ngôi cao còn mãi.

CHÚ THÍCH:

1.Năm trăm năm Hoàng Hà lặng trong: Xem chú thích số 2 bài 31.

2.Kết quả đào tiên: Xem chú thích số 2 bài 56.

3.Huân, tức Phóng Huân (đế Nghiêu); Hoa, tức Trùng Hoa (đế Thuấn), là hai vua mẫu mực của Trung Quốc cổ đại.

4.Hiên, tức Hiên Viên (Hoàng Đế); Hiệu, tức Thái Hiệu (Phục Hy), đều là vua thời thượng cổ Trung Quốc.

30. 又內外文武賀表

茲：乾坤闡朗，日月光華。

宮扇開五色之雲，閶門獻長椿之樹。

伏以：天作之君，顯山毓海鍾之瑞；德得其壽，燦虹流電繞之祥。

慶溢楓庭，歡騰筍序。

欽惟：聰明作后，智勇表邦。

五百年有興，肇造冠百王之功德；十一征無敵，混同收一統之山河。

北辰妙贊於洪樞，南極長輝於紫俯。

壽考與天作對，嵩山齊萬歲之聲；光明如日方升，金鑑紀千秋之曆。

臣等：應侯順德，歌舞揚休。

天子萬壽無疆，耆艾齊伸於媚祝；皇家百世其量，綿昌協慶於純禧。

PHIÊN ÂM:

HỰU NỘI NGOẠI VĂN VŨ HẠ BIỂU

Tư: Càn khôn xiển lãng, nhật nguyệt quang hoa.

Cung phiến khai ngũ sắc chi vân, xương môn hiến trường xuân chi thụ.

Phục dĩ: Thiên tác chi quân, hiển sơn dục hải chung chi thuỵ; đức đắc kỳ thọ, xán hồng lưu điện nhiễu chi tường.

Khánh dật phong đình, hoan đẳng duẩn tự.

Khâm duy: Thông minh tác hậu, trí dũng biểu bang.

Ngũ bách niên hữu hưng, triệu tạo quán bách vương chi công đức; thập nhất chinh vô địch, hỗn đồng thu nhất thống chi sơn hà.

Bắc Thần diệu tán ư hồng khu, Nam Cực trường huy ư tử phủ.

Thọ khảo dữ thiên tác đối, tung sơn tề vạn tuế chi thanh; quang minh như nhật phương thăng, kim giám kỷ thiên thu chi lịch.

Thần đẳng ứng hầu thuận đức, ca vũ dương hưu.

Thiên tử vạn thọ vô cương, kỳ ngải tề thân ư mỵ chúc; hoàng gia bách thế kỳ lượng, miên xương hiệp khánh ư thuần hy.

DỊCH NGHĨA:

LẠI BIỂU CỦA VĂN VÕ TRONG KINH NGOÀI TRẤN CHÚC MỪNG [TIẾT THIÊN THỌ]

Nay: Càn khôn trong sáng, nhật nguyệt tỏ soi.

Cánh cung mở năm sắc mây lành, cửa cấm dâng cây xuân trường thọ.

Cúi nghĩ: Trời đặt ngôi vua, điềm lành tỏ rõ non sông chung đúc; đức xứng hưởng thọ, điềm hay sáng rực chớp dật mống vây.

Phúc ngợp sân phong, vui tràn ban duẩn.

Kính thấy Hoàng Thượng: Thông minh chính trực, trí dũng hơn người.

Vận hội năm trăm năm lại dấy lên, công đức trăm vua tạo dựng; mười một trận không ai địch nổi, non sông thống nhất thu về.

Ở hồng khu giúp rập ngôi Bắc Thần, nơi tử phủ cõi Nam Cực sáng soi mãi.

Sánh cùng trời cao thọ khảo, vang vang tiếng chúc muôn năm; sáng như nhật nguyệt vừa nhô, gương vàng trải soi ngàn thuở.

Chúng thần: Chực chầu thuận đức, ca múa mừng vui.

Thiên tử vạn thọ vô cương, trẻ già tỏ lòng chúc tụng; Hoàng gia vạn đời khôn đếm, phúc khánh dằng dặc tỏ ngời.

31. 駕幸北城賀表

茲仰見：

駿命鼎凝，鴻圖甌奠。

協蒼穹之眷佑；開紫府之明輝。

率土宅心，敷天仰德。

遵無黨無偏之標集，頌美西方；溥所照所至之尊親，瞻高南極。

望后來而丕應，顯帝出以同歡。

謹奉表稱賀者。

伏以：

聖聰亶作，五百年開清晏之期；神器有歸，億萬眾仰粹精之象。

雲高楓殿，日照葵心。

臣等竊惟：

皇天作之君師，啓大寔關於顯數；元后亶惟父母，望慈尤切於恆心。

蓋尊君親上，乃自天降衷。

而建邦設都，必與眾同欲。

周赫赫鎬豐二邑，慰樂聞鍾鼓之人心；漢堂堂關洛兩京，從喜見威儀之眾望。

於皇我越，誕受多方。

涇至貉三千年定鼎峰都，據上游蓋惟順輻輳來歸之地；李迄黎四五代建都龍肚，蒞中土亦欲通梯航朝貢之途。

山河既壯於帝居，廬井斯安於民止。

定一允逢嘉運，奉三誕啓眞姿。

伏遇皇帝陛下：

道貫三才，德高萬古。

神武寔天生德，亨西土收厚固之版章；英雄特地建功，行南國卓顯承之謨烈。

耆定舒徐於山立，懷柔恢郭於海涵。

取殘救一方民，九州非富；從欲解三面網，兆庶皆胞。

挑虫飛鳥蓋容多，掫鳳沼龜孚信溥。

殷墟樹蕃垣於麟趾，赤子知豈弟之風；漢闉增保障於虎翰，潢池沐旬宣之化。

皇猷闡而群黎遍德，聖澤覃而百姓遂仁。

榆關永息虎嗥，衽席鴻飛之百堵；稊畝協符魚夢，管弦狼戾之三農。

長春泰朗，正幸逢時；永夏離明，忻同愛日。

龍城地遠，遙聆太清善美之鈞韶；象闕天高，渴覿蒲阪光華之日月。

至止翹深於玉轡，式如盼切於金根。

伏願：

洞燭微衷，弘恢睿聽。

遷德順承帝命，即北城爲宅中圖大之基；作邦克對天心，以南京奠固本深根之址。

統緒遹追古始，款忱式慰今茲。

傘瀘宏闊高深，天府壯龍蟠之勝；翼軫昭回燦爛，皇圖綿鰲奠之昌。

PHIÊN ÂM:

GIÁ HẠNH BẮC THÀNH HẠ BIỂU

Tư ngưỡng kiến:

Tuấn mệnh đỉnh ngưng, hồng đồ âu điện.

Hiệp thương khung chi quyến hựu; khai tử phủ chi minh huy.

Suất thổ trạch tâm, phu thiên ngưỡng đức.

Tuân vô đảng vô thiên chi tiêu tập, tụng mỹ Tây phương; phổ sở chiếu sở chí chi tôn thân, chiêm cao nam cực.

Vọng hậu lai nhi phi ứng, ngung đế xuất dĩ đồng hoan.

Cẩn phụng biểu xưng hạ giả.

Phục dĩ:

Thánh thông đản tác, ngũ bách niên khai thanh yến chi kỳ; thần khí hữu quy, ức vạn chúng ngưỡng tuý tinh chi tượng.

Vân cao phong điện, nhật chiếu quì tâm.

Thần đẳng thiết duy:

Hoàng thiên tác chi quân sư, khải đại thực quan ư hiển số; nguyên hậu đản duy phụ mẫu, vọng từ vưu thiết ư hằng tâm.

Cái tôn quân thân thượng, nãi tự thiên giáng trung.

Nhi kiến bang thiết đô, tất dữ chúng đồng dục.

Chu hách hách Cảo Phong nhị ấp, uý lạc văn chung cổ chi nhân tâm; Hán đường đường Quan Lạc lưỡng kinh, tòng hỷ kiến uy nghi chi chúng vọng.

Ư hoàng ngã Việt, đản thụ đa phương.

Kinh chí Lạc tam thiên niên định đỉnh Phong đô, cứ thượng du cái duy thuận bức tấu lai quy chi địa; Lý hất Lê tứ ngũ đại kiến đô Long Đỗ, lỵ trung thổ diệc dục thông thê hàng triều cống chi đồ.

Sơn hà ký tráng ư đế cư, lư tỉnh tư an ư dân chỉ.

Định nhất doãn phùng gia vận, phụng tam đản khải chân tư.

Phục ngộ Hoàng Đế bệ hạ:

Đạo quán tam tài, đức cao vạn cổ.

Thần vũ thực thiên sinh đức, hanh Tây thổ thu hậu cố chi bản chương; anh hùng đặc địa kiến công, hành Nam quốc trác hiển thừa chi mô liệt.

Kỳ định thư từ ư sơn lập, hoài nhu khôi quách ư hải hàm.

Thủ tàn cứu nhất phương dân, cửu châu phi phú; tòng dục giải tam diện cương, triệu thứ giai bào.

Khiêu trùng phi điểu cái dung đa, thú phượng chiểu quy phu tín phổ.

Ân khư thụ phiên viên ư lân chỉ, xích tử tri khải đễ chi phong; Hán khổn tăng bảo chướng ư hổ hàn, hoàng trì mộc tuần tuyên chi hoá.

Hoàng du xiển nhi quần lê biến đức; thánh trạch đàm nhi bách tính toại nhân.

Du quan vĩnh tức hổ cao, nhậm tịch hồng phi chi bách đổ; đồ mẫu hiệp phù ngư mộng, quản huyền lang lệ chi tam nông.

Trường xuân thái lãng, chính hạnh phùng thời; vĩnh hạ ly minh, hân đồng ái nhật.

Long thành địa viễn, dao linh thái thanh thiện mỹ chi quân thiều; tượng khuyết thiên cao, khát đổ Bồ Bản quang hoa chi nhật nguyệt.

Chí chỉ kiều thâm ư ngọc bí, thức như miện thiết ư kim căn.

Phục nguyện:

Động chúc vi trung, hoằng khôi duệ thính.

Thiên đức thuận thừa đế mệnh, tức Bắc Thành vi trạch trung đồ đại chi cơ; tác bang khắc đối thiên tâm, dĩ Nam Kinh điện cố bản thâm căn chi chỉ.

Thống tự quất truy cổ thuỷ, khoản đam thức uý kim tư.

Tản Lô hoằng khoát cao thâm, Thiên phủ tráng long bàn chi thắng; Dực Chẩn chiêu hồi xán lạn, hoàng đồ miên ngao điện chi xương.

DỊCH NGHĨA:

BIỂU MỪNG XA GIÁ RA BẮC THÀNH

Nay ngẩng thấy:

Mệnh lớn ban ra, cơ đồ đặt vững.

Tầng không hợp cùng giúp rập, phủ tía mở cảnh huy hoàng.

Khắp đất dốc lòng, đầy trời ngửa đức.

Theo chuẩn tiêu không thiên không lệch, ca tụng Tây phương;[1] noi tôn thân được xét được soi, ngửa trông nam cực.

Trông vua tới thoả lòng ao ước, thấy đế về để cùng hân hoan.

Kính dâng biểu lạy mừng.

Trộm thấy:

Thánh minh xuất hiện, năm trăm năm mở ra cảnh tượng thái bình;[2] vua sáng trở về, ức vạn người ngửa trông long nhan tinh tuý.

Mây cao phong điện, trời chiếu quỳ tâm.

Chúng thần trộm nghĩ:

Trời đặt ra vua ra thày, mở nghiệp lớn bởi số người vinh hiển; vua thực là cha là mẹ, ngóng ân từ càng thiết ở hằng tâm.

Bởi tôn vua tôn đấng cao cả, nên từ trời giáng xuống lòng trung.

Mà việc dựng nước đặt đô, ắt phải hợp lòng dân chúng.

Triều Chu hai ấp Cảo Phong[3] lừng lẫy, thoả lòng dân nghe tiếng trống chuông; nhà Hán hai kinh Quan Lạc[4] huy hoàng, vừa ý chúng mừng xem nghi thức.

Ở nước Việt ta, đã có nhiều nơi:

Từ Kinh đến Lạc, ba ngàn năm đặt đỉnh Phong Châu,[5] chiếm thượng du nơi tụ hội đông đúc; Từ Lý đến Lê, bốn năm đời dựng đô Long Đỗ,[6] xuống trung thổ để triều cống thuận đường.

Non sông tráng lệ đế đô, làng xóm an cư dân xã.

Định nhất thống thực vừa vận tốt, giữ tam vô[7] rộng mở tự trời.

Kính gặp Hoàng Đế bệ hạ:

Đạo thấu tam tài,[8] đức cao muôn thuở.

Thần võ do trời ban tặng, dấy lên từ Tây thổ, thu lại bờ cõi vững bền; anh hùng khắp đất lập công, sửa trị cõi Nam bang, dựng nghiệp kế thừa rạng rỡ.

Việc bình định như núi cao vững chãi, lòng vỗ về tựa biển cả mênh mông.

Trừ bạo tàn cứu một phương dân, chín châu chưa phải là giàu có; theo nguyện vọng giải vây ba mặt,[9] triệu thứ dân đều cũng ruột già.

Chim bay sâu nhảy thảy bao dung, phượng bụi rùa ao tin cậy cả.

Đất Ân dựng dậu phên bằng con cháu, con đỏ biết theo phong tục thuận hoà; dinh Hán lập bình phong ở tướng tài, ao vàng tắm gội nhuần ơn giáo hoá.

Mưu vua mở, khắp lê dân thấm đức, ơn thánh ban, trăm họ theo điều nhân.

Ải du bặt tiếng hổ gầm, trăm họ bay nhảy thung thăng vui đùm bọc; đồng ruộng cá tôm đầy dẫy, nhà nông được mùa rộn rã tiếng đàn ca.

Trời xuân phẳng lặng, may gặp đúng thời; mùa hạ ngày dài, mừng trông ánh nhật.

Long thành đất vắng, xa nghe nhạc quân thiều[10] thiện mỹ trong cõi thái thanh;[11] cửa khuyết trời cao, mong thấy vầng nhật nguyệt chói ngời trên thành Bồ Bản.[12]

Dừng lại nghển xem cương ngọc, dường như đã thấy gậy vàng.

Cúi mong:

Soi tỏ lòng thành, mở thông tai sáng.

Thuận đức vâng theo mệnh Thiên đế, lấy Bắc Thành làm móng dựng đô mưu đồ việc lớn; việc trị nước phải hợp lòng trời, dùng Nam Kinh làm nền giữ cho rễ sâu gốc vững.

Đầu mối noi theo thời cổ, cách thức hợp với ngày nay.

Tản, Lô rộng lớn cao sâu, phủ trời cảnh rồng ôm tráng lệ; Dực Chẩn soi về xán lạn, Hoàng Đô thế ngao đội vững bền.

CHÚ THÍCH:

1.Tây phương: Chỉ triều Tây Sơn.

2.Năm trăm năm mở ra buổi thanh bình: *Cổ ngạn* có câu: "Hoàng hà ngũ bách niên nhất thanh..." (sông Hoàng Hà 500 năm có một lần trong), sau dùng ý này để chỉ gặp hội thái bình.

3.Cảo Phong: Văn Vương nhà Chu dựng đô ở ấp Phong thuộc tỉnh Thiểm Tây ngày nay. Sau Vũ Vương diệt nhà Ân, dời đô sang ấp Cảo ở phía Tây Nam huyện Trường An cùng tỉnh.

4.Quan Lạc: Hán Cao Tổ dựng đô ở Quan Trung thuộc tỉnh Thiểm Tây ngày nay. Đến vua Quang Vũ dời sang Lạc Dương thuộc tỉnh Hà Nam ngày nay.

5.Phong Châu: Thuộc vùng đất tổ Hùng Vương, tỉnh Phú Thọ ngày nay.

6.Long Đỗ: Xem chú thích số 6, bài 21.

7.Tam vô: Ba không: Trời không che riêng, đất không chở riêng, mặt trời mặt trăng không soi riêng. Ví với sự công bằng của nhà vua.

8.Tam tài: Xem chú thích số 5 bài 28.

9."Giải vây ba mặt" dịch từ "giải tam diện cương," (mở ba mặt lưới): Sách *Đế vương thế kỷ* chép: "Vua Thang đi ra đồng thấy người đánh lưới, thả lưới quây bốn mặt rồi khấn: "Từ trên xuống, từ dưới lên, từ bốn phương tới đều vào lưới ta." Vua Thang nói: "Ôi! Thế thì hết mất." Vua bèn mở ra ba mặt lưới, chỉ để một mặt và khấn rằng: "Muốn lên thì lên, muốn xuống thì xuống, muốn ra thì ra, nếu trái mệnh thì vào lưới ta." Sau thường dùng thuật ngữ này để chỉ lòng nhân nghĩa của vua.

10.Nhạc quân thiều: *Sử ký thế gia truyện* chép: "Triệu Giản Tử nằm 5 ngày không biết gì, thầy thuốc là Biển Thước đến thăm nói: "Xưa Tần Mục Công cũng thế, khi tỉnh dậy nói là được lên hầu thượng đế, được nghe bản nhạc quân thiều rất vui." Xem thêm chú thích số 1 bài 23.

11.Thái Thanh: Tức trời.

12.Bồ Bản: Kinh đô thời vua Thuấn, Trung Quốc. Đây dùng để chỉ kinh đô nói chung.

32. 春旦節武文賀表

茲仰見：

天光闡瑞，帝旦昭華。

景慶回宇宙之春，崇成卜穹元之眷。

謹奉表稱賀者：

伏以：午日當天，清晏屬半千之嘉運；陽春在宇，暄和開九十之韶光。

慶滿寰瀛，歡同紳佩。

欽惟皇帝陛下：

聰明作后，智勇表邦。

執一中而開闔卷舒，保定具經綸之妙用；操三重而維持運量，範圍昭參贊之極功。

清明如日方升，溥博與天同大。

發育弘開生物，府履端行夏正，合邇遐爲一家一人；幹旋妙運化元，樞持統法春王，同正道無二門二致。

品彙胥陶煦暖，旄倪共慶休明。

至和噓洪造生機，簇鍾應青旂之瑞；大順挽眞元治象，參尾開黃道之祥。

登昌丕迓宏休，成慶駢臻景嘏。

聖壽並乾元不息，三千年秀發僊桃；宗祊凝鼎命無疆，千百世永綿寶曆。

盛大可徵於啓佑，丕鴻不替於覲揚。

臣等：叨列筍班，邇瞻黼座。

渥澤雲行雨施，皞熙昭帝世如春；休徵川至山增，耆艾祝聖人多壽。

PHIÊN ÂM:

XUÂN ĐÁN TIẾT VŨ VĂN HẠ BIỂU

Tư ngưỡng kiến:

Thiên quang xiển thuỵ, đế đán chiêu hoa.

Cảnh khánh hồi vũ trụ chi xuân, sùng thành bốc khung kỳ chi quyến.

Cẩn phụng biểu xưng hạ giả.

Phục dĩ: Ngọ nhật đương thiên, thanh yến thuộc bán thiên chi gia vận; Dương xuân tại vũ, huyên hoà khai cửu thập chi thiều quang.

Khánh mãn hoàn doanh, hoan đồng thân bội.

Khâm duy Hoàng Đế bệ hạ:

Thông minh tác hậu, trí dũng biểu bang.

Chấp nhất trung nhi khai hạp quyển thư, bảo định cụ kinh luân chi diệu dụng; tháo tạm trùng nhi duy trì vận lượng, phạm vi chiêu tham tán chi cực công.

Thanh minh như nhật phương thăng, phổ bác dữ thiên đồng đại.

Phát dục hoằng khai sinh vật, phủ lý đoan hành hạ chính, hợp nhĩ hà vi nhất gia nhất nhân; cán tuyền diệu vận hoá nguyên, khu trì thống pháp xuân vương, đồng chính đạo vô nhị môn nhị trí.

Phẩm vựng tư đào hú noãn, mao nghê cộng khánh hưu minh.

Chí hoà hư hồng tạo sinh cơ, Thốc Chung ứng thanh kỳ chi thuỵ; đại thuận vãn chân nguyên trị tượng, Sâm Vĩ khai hoàng đạo chi tường.

Đăng xương phi nhạ hoằng hưu, thành khánh biền trăn cảnh hỗ.

Thánh thọ tịnh càn nguyên bất tức, tam thiên niên tú phát tiên đào; tông bang ngưng đỉnh mệnh vô cương, thiên bách thế vĩnh miên bảo lịch.

Thịnh đại khả trưng ư khải hựu, phi hồng bất thế ư cận dương.

Thần đẳng: Thao liệt duẩn ban, nhĩ chiêm phủ toạ.

Ốc trạch vân hành vũ thí, cao hy chiêu đế thế như xuân; hưu trưng xuyên chí sơn tăng, kỳ ngải chúc thánh nhân đa thọ.

DỊCH NGHĨA:

BIỂU MỪNG CỦA CÁC QUAN VĂN VÕ NHÂN TIẾT XUÂN ĐÁN

Nay ngửa thấy: Điềm lành trời mở, tỏ đẹp vua ban.

Phúc khánh trong cõi kéo xuân về, suy tôn quyến thuộc lên cao thẳm.

Xin kính dâng biểu chúc mừng.

Cúi nghĩ: Mặt trời chính ngọ đúng thời, vận đẹp năm trăm năm nước sông trong lặng; khí dương xuân toả trong cõi, thiều quang chín chục mở ra cảnh hoà vui.

Phúc tràn khắp cõi, vui thảy mọi người.

Kính nghĩ Hoàng Đế bệ hạ:

Thông minh vượt trội, trí dũng hơn người.

Giữ vững đạo trung dung, mở đóng duỗi co, giữ gìn đủ để kinh luân diệu dụng; nắm ba điều trọng yếu, duy trì vận dụng, phạm vi tỏ rõ giúp lập công to.

Sáng trong vầng nhật đương lên, rộng lớn tày cùng trời lớn.

Phát dục rộng mở cơ sinh vật, phủ đệ đầu mối thi hành chính sự, hợp xa gần làm một nhà một người; trở xoay kịp vạn vật sinh thành, nha môn nắm giữ một mối phép vua, cùng chính sự không hai đường hai lối.

Phẩm vựng đều vui ấm cúng, trẻ già cùng hưởng phúc lành.

Chí hoà thổi cho tạo hoá sinh cơ, luật Chung Thốc ứng điềm xuân đến; đại thuận vén màn thịnh trị chinh nguyên, sao Sâm Vĩ mở hoàng đạo thông.

Thịnh vượng thay đón lấy nguồn vui, phúc khánh lớn sánh cùng cảnh phúc.

Thánh thọ ngang trời không nghỉ, ba nghìn năm nảy nở đào tiên; tông phái mãi tụ tại đỉnh chung, trăm nghìn đời dài lâu lịch báu.

Đức đại thịnh nghiệm thấy ở nơi giúp rập, nghiệp lớn lao không thay đổi lễ yết triều.

Chúng thần: Lạm dự ban chầu, gần kề đế toạ.

Ơn trạch mây bay mưa dội, đế vương sáng tỏ như xuân; điềm hay sông thẳm non cao, trẻ già chúc thánh nhân đa thọ.

33. 又賀皇正后表

茲者：

坤儀宣化，春令開昌。

瑞雲濃而椒禁生輝，香風惹而筍聯出色。

伏以：日耀璇庭，景仰弘光之化；春生桂掖，欣瞻清朗之時。

慶溢笄珈，歡滕紳冑。

欽惟皇正后陛下：

河洲表淑，嫣汭嗣徽。

髮膚社稷嘉謀，襄西土有興之駿列；眉袖臣民懿式，穆南方純被之休風。

塗山興夏，雅郁芳聲。

籌海登春，慶添壽紀。

蟠桃獻三千花實，無疆數齊治之儀型；瓜瓞綿百世本支，不匱衍靈長之祚胤。

恒久懋留慶澤，泰亨丕闡純禧。

臣等叨列青藩，仰聞丹管。

京室蘭香宣令聞，咸樂儷乾資風化之基；戩穀炫祥光，載賡復旦效山言之祝。

PHIÊN ÂM:

HỰU HẠ HOÀNG CHÁNH HẬU BIỂU

Tư giả:

Khôn nghi tuyên hoá, xuân lệnh khai xương.

Thuỵ vân nùng nhi tiêu cấm sinh huy; hương phong nhạ nhi duẩn liên xuất sắc.

Phục dĩ: Nhật diệu tuyền đình, cảnh ngưỡng hoằng quang chi hoá; xuân sinh quế dịch, hân chiêm thanh lãng chi thời.

Khánh dật trâm ca, hoan đằng thân trụ.

Khâm duy Hoàng Chánh Hậu bệ hạ:

Hà châu biểu thục, Vĩ nhuế tự huy.

Phát phu xã tắc gia mưu, tương Tây thổ hữu hưng chi tuấn liệt; my tụ thần dân ý thức, mục nam phương thuần bị chi hưu phong.

Đồ Sơn hưng Hạ, nhã úc phương thanh.

Trù Hải đăng xuân, khánh thiêm thọ kỷ.

Bàn đào hiến tam thiên hoa thực, vô cương phu tề trị chi nghi hình; qua điệt miên bách thế bản chi, bất quỹ diễn linh trường chi tộ dận.

Hằng cửu mậu lưu khánh trạch, thái hanh phi xiển thuần hy.

Thần đẳng: Thao liệt thanh phiên, ngưỡng văn đan quản.

Kinh thất lan hương tuyên lệnh văn, hàm lạc lệ càn tư phong hoá chi cơ; tấn cốc huyễn tường quang, tải canh phúc đán hiệu Sơn ngôn chi chúc.

DỊCH NGHĨA:

LẠI BÀI BIỂU MỪNG BÀ HOÀNG CHÁNH HẬU

Nay: Đấng khôn nghi[1] tuyên đức hoá, tiết xuân thiên mở vận hanh.

Mây lành đậm cung cấm toả ngời, gió thơm ngát ban chầu lộ sắc.

Trộm nghĩ:

Trời sáng sân tuyền,[2] ngửa đón hào quang tuyên phong hoá; xuân về cung quế,[3] kính xem buổi sáng láng trời trong.

Phúc ngợp trâm thoa, vui tràn áo mũ.

Kính nghĩ Hoàng Chánh Hậu bệ hạ:

Sông Hà[4] hiền thục, bến Vĩ[5] noi theo.

Tóc da vì xã tắc lập mưu mô, giúp Tây thổ dấy lên đấng tuấn liệt; mày mặt bởi thần dân dựng khuôn phép, đưa Nam phương trở lại nếp thuần phong.

Họ Đồ Sơn giúp Hạ,[6] để lại những tiếng thơm.

Biển thẻ[7] vào xuân, mừng thêm tuổi thọ.

Đào tiên dâng ba ngàn năm hoa trái,[8] phép khuôn tề trị vươn tới vô cương; dây dưa leo dài trăm thuở cội cành[9] dòng giống trường tồn anh linh chẳng dứt.

Mãi mãi còn lưu ân trạch, hanh thông rộng mở phúc lành.

Chúng thần: Lạm dự phiên thần, ngửa nghe đàn sáo.

Nhà kinh thất hương lan ngào ngạt, đều vui nền phong hoá ngày ngày; lòng thiện chói ánh sáng lành, ghi lời chúc muôn năm sớm sớm.

CHÚ THÍCH:

1.Khôn nghi: Chỉ Hoàng Hậu mẫu nghi.

2.Sân tuyền: Sân nơi hoàng hậu ở lát bằng ngọc tuyền, một loại ngọc quý.

3.Cung quế: Cũng như phòng tiêu (tiêu phòng), nơi các hậu phi ở.

4.Sông Hà: *Kinh Thi* thơ *Quan thư* có câu: "Tiếng chim thư kêu khoan thai trên bến sông Hà," ví với bà hậu phi có đức dịu dàng.

5.Bến Vĩ: Vua Nghiêu gả hai người con gái cho vua Thuấn, được vua Thuấn cảm hoá, hai người đều giữ tốt đạo làm vợ.

6.Họ Đồ Sơn giúp Hạ: Họ Đồ Sơn gả con gái cho vua Vũ nhà Hạ.

7.Biển thẻ: Sách *Đông pha chí lâm* chép: Có 3 ông già gặp nhau và hỏi tuổi nhau, một ông nói "Cứ mỗi lần biển xanh đổi thành bãi dâu thì tôi bỏ vào nhà một cái thẻ, nay đã đủ chục thẻ rồi." Sau thường dùng tích này để chúc người sống lâu.

8.Đào tiên ba ngàn năm: *Hán Võ nội truyện* chép: Bà tiên Tây Vương Mẫu cho vua Võ Đế 4 quả đào tiên rất ngon. Vua lượm lấy hạt, muốn trồng để gây giống. Vương Mẫu nói: "Giống đào này ba ngàn năm mới có quả, đất Trung Châu bạc màu trồng không nở được đâu." Sau thường dùng tích này để chỉ việc chúc thọ.

9.Dưa thêm dài mãi: Ý nói con cháu đông đàn dài lũ như cây dưa cứ mọc.

34. 又北城武文賀皇后表

伏以：

遙池炫彩，懋宣河淑之徽音；寶婺騰輝，慶睹山增之景僕。

瑞濃紫禁，喜溢丹庭。

欽惟皇后陛下：

壬姒風流，倣塗儀範。

珩瑀芳型穆穆，六宮陶貞靜之風；琴鍾雅韻鏘鏘，四海仰修齊之化。

羅綺團團，方濃瑞氣；簪笏朵朵，交襯香塵。

疊稠熊夢生圓，繁昌續螽斯之曲；次第棠花竝秀，仁厚回麟趾之風。

凡列班聯，齊蒙慶澤。

臣等：遙司北土，端拜南天。

三千年又見蟠桃，喜共聖人之壽；億萬祀永綿瓜瓞，益申宗社之休。

PHIÊN ÂM:

HỰU BẮC THÀNH VŨ VĂN HẠ HOÀNG HẬU BIỂU

Phục dĩ:

Dao trì huyễn thái, mậu tuyên hà thục chi huy âm; bảo vụ đằng huy, khánh đổ sơn tăng chi cảnh bộc.

Thuỵ nùng tử cấm, hỷ dật đan đình.

Khâm duy Hoàng Hậu bệ hạ:

Nhâm Tự phong lưu, Tân Đồ nghi phạm.

Hành vũ phương hình mục mục, lục cung đào trinh tĩnh chi phong; cầm chung nhã vận tương tương, tứ hải ngưỡng tu tề chi hoá.

La ỷ đoàn đoàn, phương nùng thuỵ khí; trâm trâm đoá đoá, giao sấn hương trần.

Điệp trù hùng mộng sinh viên, phồn xương tục Chung tư chi khúc; thứ đệ Đường hoa mịch tú, nhân hậu hồi Lân chỉ chi phong.

Phàm liệt ban liên, tề mông khánh trạch.

Thần đẳng:

Dao ti Bắc thổ, đoan bái Nam thiên.

Tam thiên niên hựu kiến bàn đào, hỷ cộng thánh nhân chi thọ; ức vạn tự vĩnh miên qua điệt, ích thân tông xã chi hưu.

DỊCH NGHĨA:

LẠI BIỂU CỦA VĂN VÕ BẮC THÀNH MỪNG HOÀNG HẬU

Kính thấy:

Dao trì rạng rỡ, truyền ra tiếng tốt đẹp trên sông; bảo vụ[1] huy hoàng, mừng thấy phúc vững bền như núi.

Lành nồng cung tía, vui ngợp thềm son.

Kính nghĩ Hoàng Hậu bệ hạ:

Như: Nhâm Tự[2] phong lưu, Tân Đồ[3] mẫu mực.

Ngọc hành vũ[4] thơm tho nghiêm túc, sáu cung noi nếp dịu hiền đẹp thuần phong; tiếng đàn chuông vận nhã vang vang, bốn biển ngửa trông bậc tề gia trị quốc.

Là lụa hòm hòm, đương nồng khí tốt; trâm cài đoá đoá, xen lẫn hương bay.

Điệp trùng giấc mộng sinh trai,[5] nối khúc Chung tư[6] rào rạt; lần lượt hoa Đường[7] khoe sắc, đưa về nếp Lân chỉ[8] đủ đầy.

Phàm liệt quan nha, đều ơn phúc lớn.

Chúng thần:

Quan xa đất Bắc, kính lạy trời Nam.

Ba nghìn năm lại thấy tiệc bàn đào,[9] vui với thánh nhân chúc thọ; ức vạn thuở mãi dài dây dưa mướp,[10] càng cùng tông xã vươn xa.

CHÚ THÍCH:

1.Bảo vụ: Tên vì sao chuyên chủ về vận mệnh người phụ nữ theo quan niệm xưa. Đây chỉ Hoàng Hậu.

2.Nhâm Tự: Tức Thái Nhâm là mẹ vua Văn Vương nhà Chu, và Thái Tự là mẹ vua Võ Vương nhà Chu.

3.Họ Tân Đồ: Họ Tân chưa rõ, Đồ là họ Đồ Sơn có con gái lấy vua Vũ nhà Hạ.

4.Ngọc Hành vũ: Đồ trang sức bằng ngọc quý của các bà Hoàng hậu.

5.Mộng sinh con trai: Bài Ty can, *Kinh Thi*: "Duy hùng duy bi, nam tử chi tường" (Chiêm bao thấy con hùng con bi là điềm sinh con trai).

6.Khúc hát Chung tư: Chung tư là tên bài thơ trong *Kinh Thi,* ca ngợi con cháu đông đúc.

7.Hoa Đường: Thơ Đường lệ, *Kinh Thi*: "Đường lệ chi hoa, mạc bất vĩ vĩ, phàm kim chi nhân, mạc như huynh đệ" (Hoa cây đường lệ, mầu sắc rực rỡ, phàm người đời nay, không gì bằng anh em). Đây dùng để chỉ các con Hoàng Hậu hoà thuận với nhau.

8.Lân chỉ: Xem chú thích số 7 bài 18.

9.Ba nghìn năm lại thấy tiệc bàn đào: Tiệc bà Vương Mẫu đãi quần tiên. Xem thêm chú thích số 8 bài 33.

10.Dưa thêm dài mãi: Xem chú thích số 9 bài 33.

35. 又北城武文賀表

茲者:

三陽開泰，六合同春。

淑氣均而品物昭蘇，祥光燦而宮庭馥郁。

伏以:

乾德體元，居正儼穆清之象；泰符薦祉，履端逢明朗之朝。

日月增華，風雲協慶。

欽惟皇帝陛下:

克君克長，乃聖乃神。

昭大德以建中，春育海涵，博施遂含生之性；幹洪樞而運上，雲行雨施，太和資保合之功。

眞元再輓昌期，郅治恰符景象。

九陛衣裳穆穆，楓殿開黃道之祥；四方臺域熙熙，蓂庭獻青陽之瑞。

暄和至而穹祇協應，景慶輝而宇宙昭回。

聖壽億萬年，旦復旦引羲軒之紀；皇圖千百世，元又元兼周漢之長。

不休永奠金甌，景嘏常調玉燭。

臣等：遙瞻宸極，共效嵩聲。

尚書三百六旬，春者元，元后取法春秋，一統仰春王之治；周易六十四掛，泰爲盛，盛世習亨履泰，九如祈泰宇之昌。

PHIÊN ÂM:

HỰU BẮC THÀNH VŨ VĂN HẠ BIỂU

Tư giả:

Tam dương khai thái, lục hợp đồng xuân.

Thục khí quân nhi phẩm vật chiêu tô, tường quang xán nhi cung đình phức úc.

Phục dĩ:

Càn đức thể nguyên, cư chính nghiễm mục thanh chi tượng; thái phù tiến chỉ, lý đoan phùng minh lãng chi triều.

Nhật nguyệt tăng hoa, phong vân hiệp khánh.

Khâm duy Hoàng Đế bệ hạ:

Khắc quân khắc trưởng, nãi thánh nãi thần.

Chiêu đại đức dĩ kiến trung, xuân dục hải hàm, bác thí toại hàm sinh chi tính; cán hồng khu nhi vận thượng, vân hành vũ thí, thái hoà tư bảo hợp chi công.

Chân nguyên tái vãn xương kỳ, chất trị cáp phù cảnh tượng.

Cửu bệ y thường mục mục, phong điện khai Hoàng đạo chi tường; tứ phương đài vực hy hy, minh đình hiến thanh dương chi thuỵ.

Huyên hoà chí nhi khung kỳ hiệp ứng, cảnh khánh huy nhi vũ trụ chiêu hồi.

Thánh thọ ức vạn niên, đán phục đán dẫn Hy Hiên chi kỷ; hoàng đồ thiên bách thế, nguyên hựu nguyên kiêm Chu Hán chi trường.

Bất hưu vĩnh điện kim âu, cảnh hỗ thường điều ngọc chúc.

Thần đẳng:

Dao chiêm thần cực, cộng hiệu tung thanh.

Thượng Thư tam bách lục tuần, xuân giả nguyên, nguyên hậu thủ pháp xuân thu, nhất thống ngưỡng xuân vương chi trị; Chu Dịch lục thập tứ quái, Thái vi thịnh, thịnh thế tập hanh Lý Thái, Cửu như kỳ thái vũ chi xương.

DỊCH NGHĨA:

LẠI BÀI BIỂU MỪNG CỦA CÁC QUAN VĂN VÕ BẮC THÀNH

Nay: Tiết Tạm dương[1] hanh thái, cõi lục hợp[2] đều xuân.

Thục khí toả đều phẩm vật thảy hồi sinh, sáng lành rực chiếu cung đình thơm ngào ngạt.

Trộm nghĩ:

Kiền đức[3] đứng đầu, ở ngôi chính trang nghiêm tôn kính; thái phù[4] hiến phúc, thế thẳng ngay sáng sủa triều đình.

Nhật nguyệt thêm hoa, gió mây hợp tiết.

Kính nghĩ Hoàng Đế bệ hạ:

Làm vua làm trưởng, là thánh là thần.

Tỏ đức lớn để giữ đạo trung, như xuân dưỡng biển nuôi, thi ân rộng hợp mọi loài sinh trưởng; nắm quyền ở trên xoay chuyển, tựa mây bay mưa xối, cảnh thái hoà xứng gìn giữ công lao.

Đấng chân nguyên đưa lại cảnh phồn vinh, nền chí trị hợp với điềm sáng sủa.

Chín bệ áo xiêm nghiêm túc, điện phong Hoàng đạo[5] mở điềm; bốn phương đài vực ngời ngời, sân minh[6] điềm lành dâng hiến.

Ấm áp đến, đất trời hợp ứng; phúc lớn soi, vũ trụ chiếu về.

Thánh thọ ức muôn năm, sớm lại sớm, kéo mãi Hy Hiên[7] niên kỷ; hoàng đồ[8] trăm nghìn thuở, năm lại năm[9] gồm cả Chu Hán[10] dài lâu.

Nghiệp lớn vững mãi âu vàng, phúc sáng thường hoà đuốc ngọc.

Chúng thần:

Xa trông ngôi thần cực,[11] cùng học tiếng núi hô.[12]

Thượng thư ba trăm lẻ sáu tuần, khởi đầu là tiết xuân, vua sáng dùng phép xuân thu,[13] nhất thống ngửa noi xuân vương[14] cai trị; *Kinh Dịch* sáu mươi tư quẻ, thịnh vượng ở quẻ Thái, đời thịnh học theo quẻ Thái,[15] bài Cửu như[16] mong thái vũ[17] phồn xương.

CHÚ THÍCH:

1.Tam dương, tức ba tháng xuân. "Tam dương hanh thái" là lời chúc mừng đầu năm.

2.Lục hợp, chỉ sáu cõi: Trời, đất và bốn phương hoà hợp.

3.Kiền đức, tức đức của quẻ Kiền, tượng trưng cho nhà vua.

4.Thái phù, nghĩa là bùa thái. Theo kinh *Thái giai lục phù* của Hoàng Đế: Thái giai là 3 bậc trời sinh ra, trên là vua, giữa là các quan, dưới là dân. Ba bậc thuận hoà thì thiên hạ thái bình. Xem kinh ấy biết lành dữ nên gọi là bùa (bùa hanh thái, hay bùa thái bình).

5.Hoàng đạo: Theo sách *Âm dương,* Hoàng đạo là một mặt của quỹ đạo mặt trời, làm việc gì vào ngày giờ Hoàng đạo thì tốt lành.

6.Sân minh: Sân có cỏ minh. *Ngũ đế kỷ* chép: Thời vua Nghiêu, ở sân nhà vua có một loại cỏ gọi là minh giáp, từ ngày mồng một đến ngày rằm, mỗi ngày sinh một lá, từ ngày 16 đến ngày 30, mỗi ngày rụng một lá, gặp tháng thiếu thì một lá héo mà không rụng. Đây chỉ sân nhà vua.

7.Hy Hiên: Vua Phục Hy và vua Hiên Viên, hai vua thời thượng cổ, thịnh trị của Trung Quốc.

8.Hoàng đồ: Xem chú thích số 18 bài 31.

9.Năm lại năm, dịch thoát "nguyên hựu nguyên:" Hết kỷ nguyên này đến kỷ nguyên khác.

10.Chu Hán: Hai triều đại của Trung Quốc, thời Chu hơn 800 năm, thời Hán hơn 400 năm.

11.Thần cực, chỉ ngôi vua.

12.Tiếng núi hô: Xem chú thích số 18 bài 33.

13.Xuân thu: Xem chú thích số 2 bài 19.

14.Xuân vương: Phép viết kinh Xuân Thu của Khổng Tử, năm đầu Ẩn Công nước Lỗ viết là xuân vương chính nguyệt, nghĩa là tháng giêng mùa xuân của vua nhà Chu. Ở đây có ý tôn vinh vua thiên tử.

15.Quẻ Thái: Tên quẻ tốt trong *Kinh Dịch.*

16.Bài Cửu như: Bài thơ *Thiên bảo* trong *Kinh Thi* có 9 chữ, "như" là một bài thơ chúc tụng.

17.Thái vũ: Vũ trụ thái bình.

36. 又皇子康公賀表

伏以:

雲開黃道，九重端居正之容；日麗紫宸，三始屬履亨之候。

祥開蒼玉，喜溢斑衣。

欽惟皇帝陛下:

乃聖乃神，克君克長。

吊伐湯仁無敵，三同恢正統之輿圖；簡寬舜德罔愆，再見挽春風之宇宙。

萬象昭回瑞氣，一元亶協嘉時。

會正天開，曆紀百千億萬年之五；斗隨柄轉，春回三百六十度之初。

珠階之英葉青芟，玉闕之椒華馥郁。

黃雲譪熙豐之瑞，徵和茂於三朝；玉燭開明朗之時，卓巍皇於千古。

景仰配天之澤，長傾向日之忱。

臣忝奉藩司，遙瞻僊仗。

天家闡發生之府，尾中翹仰於祥光；海屋添壽考之籌，膝下遙伸於媚祝。

PHIÊN ÂM:

HỰU HOÀNG TỬ KHANG CÔNG HẠ BIỂU

Phục dĩ:

Vân khai Hoàng đạo, cửu trùng đoan cư chính chi dung; nhật lệ Tử Thần, tam thuỷ thuộc lý hanh chi hậu.

Tường khai thương ngọc, hỷ dật ban y.

Khâm duy Hoàng Đế bệ hạ:

Nãi thánh nãi thần, khắc quân khắc trưởng.

Điếu phạt Thang nhân vô địch, tam đồng khôi chính thống chi dư đồ; giản khoan Thuấn đức vọng khiên, tái kiến vãn xuân phong chi vũ trụ.

Vạn tượng chiêu hồi thuỵ khí, nhất nguyên đản hiệp gia thời.

Hội chính thiên khai, lịch kỷ bách thiên ức vạn niên chi ngũ; đẩu tuỳ bính chuyển, xuân hồi tam bách lục thập độ chi sơ.

Châu giai chi giáp diệp thanh thông, ngọc khuyết chi tiêu hoa phức úc.

Hoàng vân ái hi phong chi thuỵ, trưng hoà mậu ư tam triêu; ngọc chúc khai minh lãng chi thời, trác ngụy hoàng ư thiên cổ.

Cảnh ngưỡng phối thiên chi trạch, trường khuynh hướng nhật chi đam.

Thần thiểm phụng phiên ti, dao chiêm tiên trượng.

Thiên gia xiển phát sinh chi phủ, vĩ trung kiều ngưỡng ư tường quang; hải ốc thiêm thọ khảo chi trù, tất hạ dao thân ư mỵ chúc.

DỊCH NGHĨA:

LẠI BÀI BIỂU MỪNG CỦA HOÀNG TỬ KHANG CÔNG

Trộm thấy:

Mây soi Hoàng đạo,[1] ngôi trị vì ngay thẳng chín tầng; nắng chiếu Tử Thần,[2] thời hanh thái thuộc vào ba sớm.[3]

Mừng tràn kho ngọc, vui ngợp cân đai.

Kính nghĩ Hoàng Đế bệ hạ:

Là thánh là thần, làm vua làm trưởng.

Điếu phạt[4] là "nhân" vua Thang không ai địch nổi, ba cùng[5] khôi phục chính thống dư đồ; rộng lòng là "đức" đế Thuấn[6] khôn xánh cùng người, lại thấy vãn hồi gió xân vũ trụ.

Khí tốt soi về muôn vẻ, thời vui hiệp với nhất nguyên.[7]

Trời mở hội lành, là năm trong trăm nghìn ức vạn năm đó; Đẩu theo trục chuyển, khởi đầu của ba trăm sáu mươi độ lịch thôi!

Thềm son lá giáp[8] xanh non, cửa ngọc hoa tiêu[9] sực nức.

Mây vàng tỏ điềm rạng rỡ, rậm dày hoà với tam triêu;[10] đuốc ngọc soi buổi sáng trong, lớn lao vượt trên thiên cổ.

Với trời ngửa mong ân trạch, cùng đất nghiêng tỏ chân thành.

Thần: Giữ chức Phiên ti, xa trông tiên trượng.

Phủ phát sinh nhà trời vừa mở, duỗi thân nghển đón mây lành; thẻ thọ khảo cõi biển mới thêm, khom gối xa vươn chúc thọ.

CHÚ THÍCH:

1.Hoàng đạo: Xem chú thích số 3 bài 35.

1.Tử Thần: Tên điện thời Đường, đây chỉ nơi vua ở.

3.Ba sớm: Dịch chữ "tam thuỷ," nghĩa là 3 buổi sớm, ngày nguyên đán. Chữ trong *Hán thư Bảo tuyên truyện*, Như Thuần chí giải: Chữ thuỷ cũng như chữ triêu, sáng sớm ngày nguyên đán vừa là buổi sớm của một năm, vừa là buổi sớm của một tháng, vừa là buổi sớm của một ngày.

4. Điếu phạt tức an ủi dân, đánh kẻ có tội. Vua Thang là vua nhà Thương, Trung Quốc.

5.Ba cùng (tam đồng): Ba câu có chữ đồng: "Xa đồng quỹ, thư đồng văn, nhân đồng đức" (Xe đi cùng lối, chữ viết cùng kiểu, người cùng có đạo đức).

6.Vua Thuấn: xem chú thích số 3 bài 29.

7.Nhất nguyên: Khí trời đất.

8. Lá giáp: Tức lá minh giáp.

9.Hoa tiêu: Hoa của cây hồ tiêu, một loại cây có hạt mùi thơm, cay. Xem chú thích số 2 bài 33.

10.Tam triêu: Cũng như tam thuỷ, xem chú thích số 3 bài này.

37. 端陽節皇太子賀表

茲欽遇端陽節：

朱明顯瑞，赤熿呈輝。

斗樞旋東井之曦舒，八紘闡朗；角黍應南薰之嘉會，萬彙昭蘇。

蓋胞與之均榮，寔宮庭之添慶。

伏以：中天應運，六乘昭乾象之容；午日當陽，四照仰離明之象。

祥開彩縷，喜動斑衣。

欽惟皇帝陛下：

湯德懋昭，堯勳光被。

經綸會大開土宇，威懷宣而九有宅心；整頓間上奉天時，闢翕妙而五行順序。

時若之休徵滋至，日來之景貺自甄。

探月窟於巽天，幹紐元樞，初動之鵝毛無伏；裕雲仍於豐水，樸垣有室，永綏之燕翼彌昌。

啓佑昭罔缺之烈謨，綿長衍有餘之慶澤。

臣：仰瞻永日，忝列前星。

"北城恪奉簡書，修進寔深於淵惕；南極欣觀景慶，升恒願效於山言。

PHIÊN ÂM:

ĐOAN DƯƠNG TIẾT HOÀNG THÁI TỬ HẠ BIỂU

Tư khâm ngộ Đoan Dương tiết:

Chu minh hiển thuỵ, xích vĩ trình huy.

Đẩu khu tuyền Đông tỉnh chi hy thư, bát hoằng xiển lãng; giác thử ứng nam huân chi gia hội, vạn vựng chiêu tô.

Cái bào dữ chi quân vinh, thực cung đình chi thiêm khánh.

Phục dĩ: Trung thiên ứng vận, lục thừa chiêu Kiền tượng chi dung; Ngọ nhật đương dương, tứ chiếu ngưỡng Ly minh chi tượng.

Tường khai thái lũ, hỷ động ban y.

Khâm duy Hoàng Đế bệ hạ:

Thang đức mậu chiêu, Nghiêu huân quang bị.

Kinh luân hội đại khai thổ vũ, uy hoài tuyên nhi cửu hữu trạch tâm; chỉnh đốn gian thượng phụng thiên thời, tịch hấp diệu nhi ngũ hành thuận tự.

Thời nhược chi hưu trưng tư chí, nhật lai chi cảnh huống tự chân.

Thám nguyệt quật ư Tốn thiên, cán nữu nguyên khu, sơ động chi nga mao vô phục; dụ vân nhưng ư phong thuỷ, phác viên hữu thất, vĩnh tuy chi yến dực di xương.

Khải hựu chiêu võng khuyết chi liệt mô, miên trường diễn hữu dư chi khánh trạch.

Thần: Ngưỡng chiêm vĩnh nhật, thiểm liệt tiền tinh.

Bắc Thành khác phụng giản thư, tu tiến thực thâm ư uyên thích; Nam Cực hân quan cảnh khánh, thăng hằng nguyện hiệu ư sơn ngôn.

DỊCH NGHĨA:

BIỂU MỪNG CỦA HOÀNG THÁI TỬ NHÂN TIẾT ĐOAN DƯƠNG[1]

Nay kính gặp tiết Đoan Dương:

Đỏ ngời điềm lành tỏ, hồng rực rạng rõ soi.

Chuôi Đẩu xoay về Đông tỉnh[2] tỏ ngời, tám phương rực rỡ; giác thử[3] ứng buổi Nam huân[4] vui vẻ, vạn cảnh hồi sinh.

Bởi gia quyến đều vinh, thực cung đình thêm phúc.

Cúi nghĩ:

Giữa trời vận ứng, sáu rồng cưỡi Kiền tượng[5] hình dung; chính Ngọ trời cao, bốn phía soi Ly minh[6] cảnh tượng.

Điềm soi rực rỡ, mừng vận áo đai.

Kính nghĩ Hoàng Đế bệ hạ:

Thang đức tỏ ngời, Nghiêu huân trùm khắp.[7]

Kinh luân là dịp mở mang bờ cõi, uy thế tuyên ra chín cõi yên lòng; chỉnh đốn là khi vâng thuận đúng thời, điều hành khéo léo ngũ hành[8] thuận tiết.

Thường lúc điềm lành đưa tới, hàng ngày cảnh huống tự về.

Tìm hang nguyệt ở trời quẻ Tốn,[9] guồng cửa lớn khéo xoay, lông thiên nga vừa nổi khôn giấu; dụ tầng mây ở nước sông Phong,[10] nhà có tường bao bọc, cánh chim én nối dài thịnh xương.

Giúp rập cho cửa khuyết lắm mưu, kéo dài mãi có thừa phúc trạch.

Thần: Ngày dài ngửa ngóng,[11] sao trước[12] thẹn so.

Ở Bắc Thành kính hiến giản thư, đường tu tiến[13] thực lo âu trong dạ; vùng Nam Cực chung vui ân trạch, chúc mừng nhật nguyệt[14] thọ mãi muôn năm.

CHÚ THÍCH:

1.Đoan Dương: Tiết mùng 5 tháng 5, còn gọi là tiết Đoan Ngọ, tiết Trùng Ngũ, tiết Thiên Trung...

2.Đông tỉnh: *Kinh Lễ* thiên *Nguyệt lệnh* chép: "Đông tỉnh là vùng sao phía nam, về tháng 5 mặt trời khởi hành từ vùng sao Đông tỉnh."

3.Giác thử: Bánh trơ, gói hình củ ấu, mùng 5 tháng 5 thường làm bánh này.

4.Nam huân: Khi có gió nam thổi, khoảng tháng 4 trở đi.

5.Sáu rồng cưỡi tỏ bày Kiền tượng: Phần Thoán từ quẻ Kiền, *Kinh Dịch* nói: "Thời thừa lục long dĩ ngự thiên" (Có lúc cưỡi sáu con rồng để ngự trị thiên hạ).

6.Ly minh: Vẻ sáng ở phương nam, quẻ Ly thuộc phương nam, mà phương nam có hình tượng văn minh nên gọi tắt là Ly minh.

7.Thang đức: Đức của vua Thành Thang. Nghiêu huân: Huân danh của vua Nghiêu.

8.Ngũ hành: Kim, mộc, thuỷ, hoả, thổ.

9.Tìm hang nguyệt trời quẻ Tốn: Tức là tìm hào "nhất âm" ở quẻ "Thiên phong cấu" trong *Kinh Dịch,* quẻ Cấu 6 hào, 5 hào dương ở trên, 1 hào âm mới sinh ở dưới. Dương đã cùng cực âm mới sinh, thuộc về tháng 5, khởi đầu từ giờ hạ chí. Thơ *Dịch ngâm* của Thiện tử có câu: "Kiền ngộ Tốn thì tham nguyệt quật" (Tìm hang trăng mọc lúc Kiền gặp Tốn). Quẻ Cấu thuộc tháng 5, đây mừng tiết Đoan Dương nên nhắc tới.

10.Nước sông Phong: *Kinh Thi* thơ Văn Vương hữu thanh: "Phong thuỷ hữu dĩ, Vũ Vương khởi bất sĩ. Di quyết tôn mưu, dĩ yến dực tử" (Nước sông Phong còn có cỏ mọc, vua Vũ Vương há không có việc dị thường để mưu mô lại cho con cháu khiến nó yên lòng mà kính sợ). Đây dùng để chỉ mưu mô lại cho con cháu.

11.Ngày dài: Từ tiết Hạ chí tháng 5 trở đi ngày thường dài, đêm thì ngắn dần.

12.Sao trước: Vì sao ứng vào ngôi Thái tử. Sách *Thiên văn chí* chép: "Vòng sao tam tinh, sao giữa là chính vị của Thiên vương, trước là sao Thái tử, sau là sao Thứ tử."

13.Tu tiến: Tức "tiến đức tu nghiệp," ở đây ý nói, được vua cha giao cho trông coi ở Bắc Thành để tập sự.

14.Nhật nguyệt: Chỉ vua cha và Hoàng Hậu.

38. 又皇子康公賀表

茲：祥開赤道，瑞盎紫垣。

蒲節飄香，馥馥襲明堂之鑾輅；韶音奏雅，雍雍諧溫室之景鍾。

休嘉慶溥於紘埏，和衍歡騰於軒宇。

伏以:當陽旭日，照臨光鶉火之墟；正午芳時，薰時應蕤賓之律。

縷符協吉，蘭玉添香。

欽惟皇帝陛下:

德配離明，資符乾健。

戡撥惟揚神武，拓開南服之山河；綏懷茂闡聖文，昭揭中天之日月。

相帝妙經綸之用，對時參化育之功。

皞皇長盛乾坤，袗衣襲煌煌之瑞彩；夏后亨通宇宙，紈扇調穆穆之祥風。

允符嘉吉之徵，永裕崇成之貺。

臣:仰蒙燕翼，遙挹龍光。

北原萬里華程，咫尺若親於蒲旦；南極九重楓禁，八千廑祝於椿齡。

PHIÊN ÂM:

HỰU HOÀNG TỬ KHANG CÔNG HẠ BIỂU

Tư: Tường khai xích đạo, thuỵ áng tử viên.

Bồ tiết phiêu hương, phức phức tập minh đường chi loan lạc; thiều âm tấu nhã, ung ung hài ôn thất chi cảnh chung.

Hưu gia khánh phổ ư hoằng diên, hoà khản hoan đằng ư hiên vũ.

Phục dĩ:

Đương dương húc nhật, chiếu lâm quang huân hoả chi khư; chính Ngọ phương thời, huân thời ứng di tân chi luật.

Tuy phù hiệp cát, lan ngọc thiêm hương.

Khâm duy Hoàng Đế bệ hạ:

Đức phối Ly minh, tư phù Kiền kiện.

Kham bát duy dương thần vũ, thác khai nam phục chi sơn hà; tuy hoài mậu xiển thánh văn, chiêu yết trung thiên chi nhật nguyệt.

Tương đế diệu kinh luân chi dụng, đối thời tham hoá dục chi công.

Hạo Hoàng trường thịnh càn khôn, chẩn y tập hoàng hoàng chi thuỵ thái; Hạ Hậu hanh thông vũ trụ, hoàn phiến điều mục mục chi tường phong.

Doãn phù gia cát chi trưng, vĩnh dụ sùng thành chi huống.

Thần: Ngưỡng mông yến dực, dao ấp long quang.

Bắc nguyên vạn lý hoa trình, chỉ xích nhược thân ư bồ đán; Nam cực cửu trùng phong cấm, bát thiên cẩn chúc ư xuân linh.

DỊCH NGHĨA:

LẠI BIỂU MỪNG CỦA HOÀNG TỬ KHANG CÔNG

Nay: Đường lồng xích đạo,[1] vận rạng tử viên.[2]

Bồ tiết[3] đưa hương, ngào ngạt chốn minh đường xe ngự; thiều âm[4] tấu nhã, rặt rìu nơi ôn thất lầu chuông.

Tốt lành hoà trộn nhà cao, tao nhã tưng bừng hiên vũ.

Cúi nghĩ:

Chính nam vừng nhật, sáng vùng thuần hoả chiếu soi; giữa Ngọ giờ lành, ứng luật di tân[5] thơm nức.

Bừa reo hiệp cát, lan ngọc thêm hương.

Kính nghĩ Hoàng Đế bệ hạ:

Đức độ sáng ngời, thiên tư mạnh mẽ.

Đánh dẹp dương cao thần võ, mở mang non nước phía nam; vỗ về mở rộng thánh văn, nhật nguyệt giữa trời nêu tỏ.

Giúp đế sửa sang rường mối, vì đời góp sức dạy nuôi.

Hạo Hoàng[6] thịnh mãi kiền khôn, áo thêu tầng tầng rực rỡ; Hạ Hậu[7] hưởng thông vũ trụ, quạt vẽ lớp lớp gió thơm.

Đẹp tốt hợp với điềm lành, mãi cùng nêu cao cảnh huống.

Thần: Lạm ơn yến dực,[8] xa ấp long quang.[9]

Cõi Bắc muôn dặm đường hoa, tiết bồ[10] gần gang tấc; cực Nam chín tầng cửa cấm, tuổi xuân[11] mừng chúc tám nghìn.

CHÚ THÍCH:

1.Xích đạo: Mùa hè, mặt trời đi trên đường xích đạo.

2.Tử viên: Sao đế tinh, ứng vào nhà vua.

3.Bồ tiết (tiết xương bồ): Ngày mồng 5 tháng 5 uống rượu ngâm xương bồ để trừ khí độc, nên ngày mồng 5 tháng 5 cũng gọi là tiết xương bồ.

4.Thiều âm: Xem chú thích số 1 bài 23.

5.Ứng luật di tân: Chỉ về tháng 5.

6.Hạo Hoàng: Vua Thái Hạo đời thượng cổ Trung Quốc.

7.Hạ Hậu: Vua Đại Vũ nhà Hạ.

8.Yến dực: Cánh chim én, đây dùng để chỉ được ở dưới trướng nhà vua.

9.Long quang: Ánh sáng rồng, đây chỉ nhà vua.

10.Tiết bồ; Tiết Đoan dương. Xem chú thích số 3 ở trên.

11.Tuổi xuân: Tuổi của cha, cây xuân ví với cha. Sách *Trang Tử* chép: Đời thượng cổ có cây xuân lớn, lấy 8.000 năm làm mùa xuân, 8.000 năm làm mùa thu. Do đó người đời sau lấy cây xuân để ví với cha.

39. 又北城武文賀表

茲：光纏井舍，彩耀翼垣。

清虛調徵律於天風，亨陶萬彙；雅韻爽明琴於地臘，和普八埏。

楓庭之蒲席騰芳，柳幕之葵心添慶。

伏以：居中建極，聖人端公正之標；繼長增高，昊天啓亨嘉之會。

光回赤道，慶溢丹墀。

欽惟皇帝陛下：

俊德克明，放勳光被。

咸附範圍八表，博治内治外之規模；中和位育兩間，神貞觀貞明之運量。

純佑益伸眷命，太和丕迓休徵。

預調宣玉燭之輝，瑤光發而爐消伏沍，悠久衍金甌之祚，保曆綿而磐奠丕鴻。

臣等：鎖篇叨司，鈞韶在望。

南薰發豈弟，幸承卷阿伴渙之休；北極晶熒，願賡天保升恒之頌。

PHIÊN ÂM:

HỰU BẮC THÀNH VŨ VĂN HẠ BIỂU

Tư: Quang triền Tỉnh xá, thái diệu Dực viên.

Thanh hư điều trưng luật ư thiên phong, hanh đào vạn vựng; nhã vận sảng minh cầm ư địa lạp, hoà phổ bát diên.

Phong đình chi bồ tịch đẳng phương, liễu mạc chi quỳ tâm thiêm khánh.

Phục dĩ: Cư trung kiến cực, thánh nhân đoan công chính chi tiêu; kế trưởng tăng cao hạo thiên khải hanh gia chi hội.

Quang hồi xích đạo, khánh dật đan trì.

Khâm duy Hoàng Đế bệ hạ:

Tuấn đức khắc minh, phóng huân quang bị.

Hàm phụ phạm vi bát biểu, bác trị nội trị ngoại chi quy mô; trung hoà vị dục lưỡng gian, thần trinh quán trinh minh chi vận lượng.

Thuần hựu ích thân quyến mệnh, thái hoà phi nhạ hưu trưng.

Dự điều tuyên ngọc chúc chi huy, dao quang phát nhi lư tiêu phục hỗ; du cửu diễn kim âu chi tộ, bảo lịch miên nhi bàn điện phi hồng.

Thần đẳng: Toả thược thao ti, quân thiều tại vọng.

Nam huân phát khải để, hạnh thừa Quyền a bạn hoán chi hưu; Bắc cực tinh huỳnh, nguyện canh Thiên bảo thăng hằng chi tụng.

DỊCH NGHĨA:

LẠI BÀI BIỂU VĂN VÕ BẮC THÀNH MỪNG [TIẾT ĐOAN DƯƠNG]

Nay: Sáng vây Tỉnh xá, vẻ loà Dực viên.

Gió tháng năm điều hoà âm luật cõi thanh hư, đúc hun muôn vật; tiết Đoan ngọ, tiếng đàn cầm sáng trong nhã vận hoà khắp tám phương.

Chiếu bồ thơm phức trải sân phong, lòng quì thêm phúc bên giàn liễu.

Cúi nghĩ: Ở ngôi chính giữa, thánh nhân nêu gương rường mối thẳng ngay; kế nối cao thêm, trời cả mở hội hanh thông mừng chúc.

Sáng soi xích đạo, phúc ngợp thềm son.

Kính nghĩ Hoàng Đế bệ hạ:

Đức cả sáng soi, công lao trùm khắp.

Tám cõi phạm vi quy phụ, cai trị trong ngoài mở rộng quy mô; tạo dựng hoà thuận hai miền, vận hành như thánh thẳng ngay sáng tỏ.

Mệnh ban ra giúp cho trăm họ, cõi thái hoà rộng đón niềm vui.

Dự điều hoà đuốc ngọc sáng soi, ngọc toả sáng mà lò thiêu khí tắc; dài mãi vận âu vàng vững chắc, giữ lịch nước vững bàn thạch lớn lao.

Chúng thần: Lạm dự khoá then, trông vời cung khuyết.

Gió nam huân thổi mát, may được kết bạn vui chơi tựa thơ Quyền a; sao Bắc Thần sáng choang, xin nối vần chúc thăng hằng như thơ Thiên bảo.

40. 又皇太子賀皇正后表

茲：萱圍蘭瑞，蘭佩飄香。

珠浦晶熒，蕤賓協重陽之管；瓊宮馥郁，紈扇開五色之雲。

恰地臘之佳時，慶天家之盛會。

伏以：

璇宮日朗，永夏舒東井之輝；玉律風宣，長春獻西池之瑞。

光流赤熿，慶溢青祊。

欽惟皇后陛下：

恒德儷成，坤元裕至。

締造翊皇圖於藍蓽，來宇多西澨之勤；端莊昭內則於琚璜，在洲穆南樛之化。

順治茂彰懿鑠，太和允迓宏休。

諧聲揚解阜於椒庭，上瑞應而庶星時若；慶澤衍豐貽於瓜胤，純嘏綏而萬世其昌。

臣忝列麟振，仰蒙燕翼。

北城建節，五夜纏絳闕之鈞韶；南陸承輝，千秋慶紫庭之褕褘。

PHIÊN ÂM:

HỰU HOÀNG THÁI TỬ HẠ HOÀNG CHÁNH HẬU BIỂU

Tư: Huyên vi xiển thuỵ, lan bội phiêu hương.

Chu phố tinh huỳnh, nhuỵ tân hiệp trùng dương chi quản; quỳnh cung phức úc, hoàn phiến khai ngũ sắc chi vân.

Cáp địa lạp chi giai thời, khánh thiên gia chi thịnh hội.

Phục dĩ:

Tuyền cung nhật lãng, vĩnh hạ thư đông tỉnh chi huy; ngọc luật phong tuyên, trường xuân hiến tây trì chi thuỵ.

Quang lưu xích vĩ, khánh dật thanh bang.

Khâm duy Hoàng Hậu bệ hạ:

Hằng đức lệ thành, khôn nguyên dụ chí.

Đế tạo dực hoàng đồ ư lam tất, lai vũ đa tây hử chi cần; đoan trang chiêu nội tắc ư Cư Hoàng, tại châu mục nam cù chi hoá.

Thuận trị mậu chương ý thước, thái hoà doãn nhạ hoằng hưu.

Hài thanh dương giải phụ ư tiêu đình, thượng thuỵ ứng nhi thứ tinh thời nhược; khánh trạch diễn phong di ư qua dận, thuần hỗ tuy nhi vạn thế kỳ xương.

Thần: Thiểm liệt lân chấn, ngưỡng mông yến dực.

Bắc Thành kiến tiết, ngũ dạ triền giáng khuyết chi quân thiều; Nam Lục thừa huy, thiên thu khánh tử đình chi du vĩ.

DỊCH NGHĨA:

LẠI BIỂU CỦA HOÀNG THÁI TỬ MỪNG HOÀNG CHÁNH HẬU

Nay: Vườn huyên điểm tỏ, lan báu đưa hương.

Bến ngọc tưng bừng, tiếng sáo trong tiết trùng dương hợp luật; cung quỳnh ngào ngạt, quạt lụa như mây năm sắc mở ra.

Tiết đẹp vừa đúng tháng năm, thịnh hội mọi nhà hưởng phúc.

Cúi nghĩ:

Tuyền cung toả sáng, giếng đông nắng trải suốt ngày hè; ngọc luật[1] gió lùa, điềm lành cả tháng xuân dâng hiến.

Ánh trôi đỏ rực, phúc ngợp cung xanh.

Kính thấy Hoàng Hậu bệ hạ:

Đức độ kết đôi, mẫu nghi rộng lượng.

Giúp nên nghiệp lớn từ khi lam lũ, nhà lắm việc chăm chỉ bến tây; đoan trang nội trị đẹp tựa Cư Hoàng, thành cù mộc[2] non nam hoà mục.

Cảnh thuận trị ngời ngời toả sáng, buổi thái hoà mãi mãi đón niềm vui.

Hài thanh giải khắp sân tiêu, điềm ứng muôn sao chầu tới; phúc khánh để cho con cháu, đức nối thịnh vượng muôn đời.

Thần: Thẹn dâng lời chúc, mong đợi chở che.

Bắc Thành cương kỷ, giáng khuyết năm canh vấn vít quân thiều; Nam Lục huy hoàng, tử đình ngàn thu mừng vui xiêm áo.

CHÚ THÍCH:

1.Ngọc luật: Tức ống luật để định âm, thường làm bằng trúc. Đây là mỹ từ dùng cho đẹp lời.

2.Cư Hoàng là hai loại ngọc đẹp, thường mượn để chỉ đức tính của người phụ nữ.

Cù mộc, nguyên văn "nam cù." *Kinh Thi*, thiên *Chu nam*: "Nam hữu cù mộc" (Núi Nam có cây lớn cành cong), nói về bà Hậu phi của Văn Vương là người nhân đức, được các thê thiếp của nhà vua ca ngợi, muốn được nương tựa.

41. 又皇子康公賀皇正后表

茲：金波闡瑞，碧藕開祥。

長樂鍾聲，雍雍協咸池之雅；永安鏡影，皎皎分姮月之輝。

弘光慶溢於椒塗，芬馥喜添於蘭佩。

伏以：

月朗日明，照臨仰無私之德；乾坤符乾大，發育參不宰之機。

和盎椒宮，歡騰斑席。

欽惟皇后陛下：

倣塗懿問，壬姒芳標。

修齊密贊聖功，眉袖宮庭之雅範；戡飭茂襄神算，髮膚社稷之良圖。

順配健以凝和，亨嗣元而習吉。

北極光流寶婺，萱帳怡長盛之芳時；南風爽入璇眉，桂庭衍崇成之厚址。

臣：邇懷烏戀，遙奉駟馳。

迢遞燕山，宮漏入晨昏之夢；汪洋橫海，僊籌薪壽考之眉。

PHIÊN ÂM:

HỰU HOÀNG TỬ KHANG CÔNG HẠ HOÀNG CHÁNH HẬU BIỂU

Tư: Kim ba xiển thuỵ, bích ngẫu khai tường.

Trường Lạc chung thanh, ung ung hiệp hàm trì chi nhã; Vĩnh An kính ảnh, kiểu kiểu phân Cấu nguyệt chi huy.

Hoằng quang khánh dật ư tiêu đồ, phân phức hỷ thiêm ư lan bội.

Phục dĩ:

Nguyệt lãng nhật minh, chiếu lâm ngưỡng vô tư chi đức; càn khôn phù càn đại, phát dục tham bất tể chi cơ.

Hoà áng tiêu cung, hoan đằng ban tịch.

Khâm duy Hoàng Hậu bệ hạ:

Sằn Đồ ý vấn, Nhâm Tự phương tiêu.

Tu tề mật tán thánh công, my tụ cung đình chi nhã phạm; kham sức mậu tương thần toán, phát phu xã tắc chi lương đồ.

Thuận phối kiện dĩ ngưng hoà, hanh tự nguyên nhi tập cát.

Bắc cực quang lưu bảo vụ, huyên trướng di trường thịnh chi phương thời; nam phong sảng nhập tuyền my, quế đình diễn sùng thành chi hậu chỉ.

Thần: Nhĩ hoài ô luyến, dao phụng nhân trì.

Thiều đệ Yên sơn, cung lậu nhập thần hôn chi mộng; uông dương hoành hải, tiên trù kỳ thọ khảo chi my.

DỊCH NGHĨA:

LẠI BIỂU HOÀNG TỬ KHANG CÔNG MỪNG HOÀNG CHÁNH HẬU

Nay: Trăng vàng lóng lánh, sen biếc thơm tho.

Trường Lạc chuông vang, hợp khúc huân trì lanh lảnh; Vĩnh An[1] gương chiếu, tỏ trăng Cấu nguyệt[2] ngời ngời.

Phúc sáng rộng tràn ngập tiêu phòng, mừng hương đưa ngạt ngào lan thất.

Cúi nghĩ:

Nhật nguyệt sáng trưng, vô tư ngửa đón đức rọi tới; càn khôn rộng lớn, cơ phát dục không chủ tham lam.

Hoà ngợp phòng tiêu, vui tràn chiếu báu.

Kính thấy Hoàng Hậu bệ hạ:

Sằn Đồ thăm hỏi, Nhâm Tự nêu thơm.[3]

Công thánh giỏi giúp trị quốc tề gia, là tai mắt chốn cung đình khuôn phép; mưu thần phò trong yên ngoài dẹp, là tóc da nơi xã tắc báo đền.

Thuận phối kiện để được thuận hoà, hanh nối nguyên[4] mà gom điều tốt.

Bắc cực sáng soi mình báu, đưa lại hoài hương ngát trướng huyên; gió nam thoảng tới mày ngài, tôn cao mãi móng nền sân quế.[5]

Thần: Gần lòng quyến luyến, xa vâng ruổi giong.

Xa thẳm non Yên, cung lậu sớm hôm đưa vào giấc mộng; mênh mang bể rộng, thẻ tiên mong thọ khảo mãi kề bên.

CHÚ THÍCH:

1.Trường Lạc, Vĩnh An là tên cung Hoàng hậu ở.

2.Cấu nguyệt, "cấu" tên quẻ trong Kinh Dịch, chỉ vào tháng 5.

3.Sằn, Đồ: Họ Hữu Sằn là vợ đế Cổn. Họ Đồ Sơn là vợ Đại Vũ.

4.Thuận kiện, hanh nguyên: "Thuận," "hanh" chỉ đức tính hoà thuận của người vợ, "kiện," "nguyên" chỉ đức tráng kiện của người chồng.

5.Quế, chỉ con cái đầy đàn.

42. 又北城武文賀皇正后表

茲：蒲茁芳葳，蘭呈清馥。

瑞雲舒錦，層層開瑤殿之輝；彩縷飛花，色色徹銀河之曙。

宮扇啓而琚璜有穆，韶音宣而冠珮同歡。

伏以：天申景僕，鑾從開東室之祥；日午方時，肅穆耀穠車之彩。

和勻桂署，喜溢筍班。

欽惟皇正后陛下：

齊媚徽音，柔嘉懿爍。

風雨翊聖功於櫛沐，十治分先後之猷；日星鍾帝胄於輝光，百男裕綏將之慶。

淑德茂參乾造，休徵丕闡坤亨。

姬令宣而和衍宮庭，紈扇普八紘之爽；晉址裕而振詵增譜，磐石綿億載之昌。

臣等：忝列表班，幸霑淳化。

細柳叨提北節，咸韶聆椒壁之諧聲；蟠桃遙奉西樽，恒月薦葩章之慶祝。

PHIÊN ÂM:

HỰU BẮC THÀNH VŨ VĂN HẠ HOÀNG CHÁNH HẬU BIỂU

Tư: Bồ chuyết phương uy, lan trình thanh phức.

Thuỵ vân thư cẩm, tằng tằng khai dao điện chi huy; thái lũ phi hoa, sắc sắc triệt Ngân Hà chi thử.

Cung phiến khải nhi Cư Hoàng hữu mục, thiều âm tuyên nhi quan bội đồng hoan.

Phục dĩ:

Thiên thân cảnh bộc, ly tòng khai đông thất chi tường; nhật Ngọ phương thời, túc mục diệu nồng xa chi thái,

Hoà quân quế thự, hỷ dật duẩn ban.

Khâm duy Hoàng Chánh Hậu bệ hạ:

Tề mỵ huy âm, nhu gia ý thước.

Phong vũ dực Thánh công ư trất mộc, thập trị phân tiên hậu chi du; nhật tinh chung đế trụ ư huy quang, bách nam dụ tuy tương chi khánh.

Thục đức mậu tham càn tạo, hưu trưng phi xiển khôn hanh.

Cấu lệnh tuyên nhi hoà khángcung đình, hoàn phiến phổ bát hoằng chi sảng; tấn chỉ dụ nhi chấn sằn tăng phổ, bàn thạch miên ức tải chi xương.

Thần đẳng:

Thiểm liệt biểu ban, hạnh triêm thuần hoá.

Tế liễu thao đề bắc tiết, hàm thiều linh tiêu bích chi hài thanh; bàn đào dao phụng tây tôn, hằng nguyệt tiến ba chương chi khánh chúc.

DỊCH NGHĨA:

LẠI BÀI BIỂU VĂN VÕ BẮC THÀNH MỪNG HOÀNG CHÁNH HẬU

Nay: Bồ nảy hoa thơm, lan đưa hương ngát.

Mây lành phô gấm, tầng tầng điện ngọc huy hoàng; lụa vẻ bay hoa, sắc sắc Ngân Hà ánh chiếu.

Cánh cung mở vẻ Cư Hoàng[1] hoà mục, nhạc thiều vang đấng đai mũ cùng vui.

Cúi nghĩ:

Trời ban phúc cả, đã báo điềm cho mở đông cung; mặt trời đương Ngọ, vẻ hoà mục sáng ngời cung thất.

Vui đầy nhà quế, mừng ngợp ban măng.[2]

Kính thấy Hoàng Chánh Hậu bệ hạ:

Lừng tiếng tươi xinh, sáng ngời đức đẹp.

Giúp thánh công dầm sương dãi gió, mưu thập trị sau trước chia ra; hun đế trụ rực rỡ trời sao, phúc nhà có bách nam kế nối.

Thục đức giàu do trời tạo, điềm hay rộng bởi đất bày.

Lệnh báu ban vui ngợp cung đình, quạt lụa mở tám phương thoảng mát; nếp nhà dư dụ đông vui tụ tập, bàn thạch nối dài vạn thuở thịnh xương.

Chúng thần:

Thẹn dự ban ngoài, may gội đức hoá.

Dinh tế liễu lạm nêu tiết bắc, nhạc hàm thiều rung hoà tiếng vách tiêu; tiệc bàn đào xa chuốc chén tây, trăng hằng nguyệt dâng tấu chương mừng chúc.

CHÚ THÍCH:

1.Ngọc Cư Hoàng là hai loại ngọc quý.

2.Quế: Xem chú thích số 5 bài 41.

Ban măng (duẩn ban): Xem chú thích số 7 bài 29.

43. 又皇太子賀皇后表

茲：芝呈上瑞，蘭茁清香。

葭管流炎，玉律中五音之徵；榴花挺香秀，金爐陶四德之亨。

長養勻而紘宇同歡，祥光燦而庭階協慶。

伏以：彤管宣徽，端正仰珩珩之範；朱明薦址，和衍增宮閣之輝。

馥集坤幃，歡騰震榜。

欽惟皇后陛下：

天潢演潤，月德齊光。

琴衣雅穆清風，宣書美易基之懿爍；眉袖勤襄大業，媲夏興周造之崇鴻。

宜桃丕闡芳猷，縈葛疊臻景嘏。

褕衣應佳時而耀彩，鳴佩和解阜之聲；竹榻迎順令以呈祥，盈升衍蕃昌之緒。

臣：濫蒙珠愛，叨荷玉成。

長秋遙望神闈，光大寔資於至德；永夏拜瞻嘉會，綏將曷罄於名言。

PHIÊN ÂM:

HỰU HOÀNG THÁI TỬ HẠ HOÀNG HẬU BIỂU

Tư: Chi trình thượng thuỵ, lan chuyết thanh hương.

Hà quản lưu viêm, ngọc luật trúng ngũ âm chi chuỷ; lưu hoa đĩnh hương tú, kim lô đào tứ đức chi hanh.

Trưởng dưỡng quân nhi hoằng vũ đồng hoan, tường quang xán nhi đình giai hiệp khánh.

Phục dĩ:

Đồng quản tuyên huy, đoan chính ngưỡng Cư Hành chi phạm; chu minh tiến chỉ, hoà khán tăng cung các chi huy.

Phức tập Khôn vi, hoan đẳng Chấn bảng.

Khâm duy Hoàng Hậu bệ hạ:

Thiên hoàng diễn nhuận, nguyệt đức tề quang.

Cầm y nhã mục thanh phong, tuyên Thư mỹ Dịch cơ chi ý thước; my tụ cần tương đại nghiệp, tỳ Hạ hưng Chu tạo chi sùng hồng.

Nghi đào phi xiển phương du, oanh cát điệp trăn cảnh hỗ.

Du y ứng giai thời nhi diệu thái, minh bội hoà giải phụ chi thanh; trúc thạp nghênh thuận lệnh dĩ trình tường, doanh thăng diễn phồn xương chi tự.

Thần: Lạm mông chu ái, thao hà ngọc thành.

Trường thu dao vọng thần vi, quang đại thực tư ư chí đức; vĩnh hạ bái chiêm gia hội tuy tương hạt khánh ư danh ngôn.

DỊCH NGHĨA:

LẠI BIỂU CỦA HOÀNG THÁI TỬ CHÚC MỪNG HOÀNG HẬU

Nay: Chi dâng điềm tốt, lan thoảng hương đưa.

Sáo thổi đuổi oi nồng, cung chuỷ ngũ âm theo ngọc luật;[1] hoa lựu đưa hương ngát, lò vàng luyện tứ đức hanh thông.

Trưởng dưỡng đều nên toàn cõi cùng vui, sáng lành tỏ mà sân thềm hiệp phúc.

Cúi nghĩ:

Đồng quản nêu gương, thẳng ngay tựa Cư Hành khuôn phép;[2] chu minh[3] dâng phúc, hoà vui nơi cung các huy hoàng.

Hương đọng màn Khôn, vui nồng bảng Chấn.[4]

Kính thấy Hoàng Hậu bệ hạ:

Ao trời thấm đẫm, đức nguyệt tỏ đều.

Xiêm đàn thanh nhã hoà quyện gió trong, nêu cao móng nền thi thư chói lọi; mày mặt chuyên cần giúp nên nghiệp lớn, sánh cùng hai triều Chu Hạ lớn lao.

Cây đào nở rộ mưu thơm, dây sắn quyện dầy cảnh phúc.

Áo xiêm hợp tiết lành toả sáng, ngọc bội reo hoà tiếng ngập tràn; chiếu giường thuận tiết đẹp phô điềm, tràn dâng cảnh phồn xương tiếp nối.

Thần: Lạm ơn ưu ái, thẹn hưởng ơn sâu.

Thu sang xa ngóng cửa cung, cảnh sáng rộng thực nhờ chí đức; hạ đến bái chiêm hội đẹp, tấu dâng sao xiết lời hay.

CHÚ THÍCH:

1.Chuỷ: Là một trong ngũ âm của luật nhạc cổ: Cung, thương, dốc, chuỷ, vũ.

2.Cư Hành là hai loại ngọc quý phụ nữ thường đeo. Về sau thường mượn để chỉ đức tính có khuôn phép của người phụ nữ.

3.Chu minh (sáng đỏ), đồng quản (quản đỏ), từ dùng để ca ngợi đức tính tốt đẹp của phụ nữ.

4.Khôn (quẻ Khôn), chỉ vào người mẹ; Chấn (quẻ Chấn), chỉ vào con trưởng.

44. 又皇太子康公賀皇后表

茲：蒼玉呈輝，黃琮顯瑞。

日纏東井，光開正午之陽；斗指南杓，彩炫中天之婺。

亶芳時之協吉，洵禁掖之同歡。

伏以：坤元載厚，式端閨閣之儀型；姺月澄禧，景仰宮庭之履祉。

香濃蘭佩，慶溢桂宮。

欽惟皇后陛下：

玉葉流輝，銀潢演派。

魚串順章澣服，懿問瞻百兩之肅雍；雞鳴勤相求衣，初基贊一戎之締造。

齊治允毗聖正，中和長發天光。

午律諧阜物之音，鶺首應袗琴而燦爛；申休衍裕昆之慶，麟趾同瓜瓞以延綿。

臣：忝列蘭行，仰蒙萱蔭。

賦皇華於北闕，溫清勤萬里之思；瞻桃實於西筵，升恒獻億年之頌。

PHIÊN ÂM:

HỰU HOÀNG THÁI TỬ KHANG CÔNG HẠ HOÀNG HẬU BIỂU

Tư: Thương ngọc trình huy, hoàng Tông hiển thuỵ.

Nhật triền Đông Tỉnh, quang khai chính Ngọ chi dương; Đẩu chỉ nam tiêu, thái huyễn trung thiên chi vụ.

Đàn phương thời chi hiệp cát, tuân cấm dịch chi đồng hoan.

Phục dĩ:

Khôn nguyên tải hậu, thức đoan khuê các chi nghi hình; Cấu nguyệt trừng hy, cảnh ngưỡng cung đình chi lý chỉ.

Hương nùng lan bội, khánh dật quế cung.

Khâm duy Hoàng Hậu bệ hạ:

Ngọc diệp lưu huy, ngân hoàng diễn phái.

Ngư xuyên thuận chương cán phục, ý vấn chiêm bách lưỡng chi túc ung; kê minh cần tương cầu y, sơ cơ tán nhất nhung chi đế tạo.

Tề trị doãn tỳ thánh chính, trung hoà trường phát thiên quang.

Ngọ luật hài phụ vật chi âm, thuần thủ ứng chẩn cầm chi xán lạn; thân hưu diễn dụ côn chi khánh, lân chỉ đồng qua điệt dĩ diên miên.

Thần: Thiểm liệt lan hành, ngưỡng mông huyên ấm.

Phú Hoàng hoa ư Bắc khuyết, ôn thánh cần vạn lý chi tư; chiêm đào thực ư Tây Diên, thăng hằng hiến ức niên chi tụng.

DỊCH NGHĨA:

LẠI BIỂU HOÀNG THÁI TỬ KHANG CÔNG MỪNG HOÀNG HẬU

Nay: Thương ngọc tỏ ngời, hoàng Tông điềm báo.[1]

Mặt trời soi quanh sao Đông Tỉnh, buổi chính Ngọ sáng bừng; chuôi sao Bắc Đẩu chỉ phương nam, giữa trời cao chói lọi.

Tiết lành hiệp cát, cung cấm cùng vui.

Cúi nghĩ:

Đức Khôn nguyên đầy đặn, nơi khuê các đoan trang; trăng Cấu nguyệt lắng trong, chốn cung đình ngửa đón.

Hương nồng lan bội, phúc ngợp quế cung.

Kính thấy Hoàng Hậu bệ hạ:

Lá ngọc đua tươi, cành vàng khoe sắc.

Cá bơi thuận cảnh giặt áo, han hỏi chăm sóc nghiêm túc trăm lần; gà gáy chăm giúp nâng khăn, cơ nghiệp ban đầu một tay gây dựng.

Đức tề trị thẳng ngay phò tá, đạo trung hoà sáng đẹp trải dài.

Âm ngọ luật hoà vào cảnh vật phụ dân khang, thuần thủ[2] ứng áo đàn xán lạn; phúc lớn trải ra trong chốn của tiền dư dật, gót lân cùng qua điệt vươn dài.

Thần: Lạm liệt hàng lan, ngửa nhờ huyên ấm.

Hát khúc Hoàng hoa nơi Bắc khuyết,[3] mặc cho nóng rét vẫn chăm chỉ lo toan; xem đào kết trái ở Tây Diên, dâng chúc thọ khảo ức niên như nhật nguyệt.

CHÚ THÍCH:

1.Thương ngọc, là viên ngọc màu xanh, Thiên tử thường đeo và đi xe lư đến thăm các điện. Hoàng Tông là ngọc Tông màu vàng, khi bắt được ngọc này là báo có điềm tốt.

2.Thuần thủ, là loại đàn trên đầu cần có tạc đầu con chim thuần.

3.Hoàng hoa, chỉ việc đi sứ. Hoàng tử Khang Công, tức Nguyễn Quang Thuỳ, là em Quang Toản, năm 1790 từng cùng với phái đoàn giả vương sang Yên Kinh triều cận vua Thanh Càn Long.

45. 又北城武文賀皇后表

茲：蕤賓應律，角黍當時。

東井凝輝，赤道揭舒長之日；南薰薦爽，朱弓宣豈弟之風。

徽音和而品彙咸亨，韶雅奏而紳弁協慶。

伏以：天立厥配，光燁開長發之祥；日正方中，燦爛仰並明之象。

香濃椒禁，喜動葵心。

欽惟皇后陛下：

淑慎芳姿，含弘至德。

貞靜稔章彤史，和巽調虞果之五絃；端莊丕式紫庭，肅雍貴周華之百兩。

順治茂襄興運，中和允迓休徵。

璜瑀迎瑞日以添輝，僊籌引千春之紀；桂蘭應佳時而疊秀，寶胤綿百世之基。

臣等：忝列鵷行，叨提豹節。

柳營霜肅，九天聆永夏之雲池；蒲旦香飄，億載祝長秋之日月。

PHIÊN ÂM:

HỰU BẮC THÀNH VŨ VĂN HẠ HOÀNG HẬU BIỂU

Tư: Di tân ứng luật, giác thử đương thời.

Đông Tỉnh ngưng huy, xích đạo yết thư trường chi nhật; nam huân tiến sảng, chu cung tuyên khải đễ chi phong.

Huy âm hoà nhi phẩm vựng hàm hanh, thiều nhã tấu nhi thân biền hiệp khánh.

Phục dĩ:

Thiên lập quyết phối, quang hoa khai trường phát chi tường; nhật chính phương trung, xán lạn ngưỡng tịnh minh chi tượng.

Hương nùng tiêu cấm, hỷ động quỳ tâm.

Khâm duy Hoàng Hậu bệ hạ:

Thục thận phương tư, hàm hoằng chí đức.

Trinh tĩnh nẫm chương đồng sử, hoà tốn điệu Ngu quả chi ngũ huyền; đoan trang phi thức tử đình, túc ung bí Chu hoa chi bách lưỡng.

Thuận trị mậu tương hưng vận, trung hoà doãn nhạ hưu trưng.

Hoàng Vũ nghênh thuỵ nhật dĩ thiêm huy, tiên trù dẫn thiên xuân chi kỷ; quế lan ứng giai thời nhi điệp tú, bảo dận miên bách thế chi cơ.

Thần đẳng:

Thiểm liệt uyển hành, thao đề báo tiết.

Liễu dinh sương túc, cửu thiên linh vĩnh hạ chi Vân Trì; bồ đán hương phiêu, ức tải chúc trường thu chi nhật nguyệt.

DỊCH NGHĨA:

LẠI BIỂU CỦA VĂN VÕ BẮC THÀNH MỪNG HOÀNG HẬU

Nay: Di tân ứng luật, giác thử đương thời.(1)

Sao Đổng Tỉnh đọng sáng, mặt trời trải dài trên xích đạo; luồng gió nam huân thoảng mát, điềm hoà vui đưa tới cung son.

Tiếng đàn ca hài hoà muôn vật sinh sôi, khúc nhạc thiều tấu nhã trăm quan hưởng phúc.

Cúi nghĩ:

Lương duyên trời định, lửa hoa nở ra phát mãi điềm lành; vầng nhật giữa trời, ngửa thấy cảnh cùng sáng soi xán lạn.

Thơm nồng cung cấm, vui nức lòng quỳ.

Kính thấy Hoàng Hậu bệ hạ:

Hiền thục phong tư, rộng lòng đức độ.

Đấng trinh tĩnh ghi trong sử đỏ, hoà hợp cây đàn Ngu Thuấn năm dây; hết mực đoan trang chốn cấm đình, nghiêm túc hài hoà xe Chu trăm cỗ.

Đức thuận trị giúp phò dấy vận, bậc trung hoà rước đón điềm lành.

Ngọc Hoàng Vũ đón nắng mặt trời sáng thêm, thẻ tiên dẫn tới ngàn xuân tuổi thọ; khóm lan quế hợp thời càng thêm xanh tốt, cháu con tiếp nối nền vững trăm đời.

Chúng thần:

Lạm dự hàng uyên, thẹn mang tiết báo.(2)

Sương reo dinh liễu, ngày hạ dài lắng khúc Vân Trì(3) trên chín cõi mây; hương thoảng sớm mai, chúc tuổi thọ dài mãi ngàn năm như vầng nhật nguyệt.

CHÚ THÍCH:

1.Di tân, chỉ tiết tháng 5. Giác thử, chỉ ngày đoan ngọ.

2.Hàng uyên: Chim uyên tuy nhỏ nhưng khi bay lúc đậu đều theo hàng thứ tự. Tiết báo: Cờ có thêu con báo, tướng suý dùng khi ra trận.

3.Khúc Vân Trì: Khúc Vân môn của Hoàng Đế và khúc Hàm trì của vua Nghiêu thường dùng.

46. 冬至武文賀表

茲欽遇冬至令節:

鼎命凝休，泰符薦祉。

一陽初動，萬彙昭蘇。

圜丘之郊社新成，絳闕之朝儀孔耀。

謹奉表稱賀者。

伏以:天地開昌，八表仰泰亨之象;陰陽順協，一元徵復始之機。

葭管兆祥，筍班生色。

欽惟皇帝陛下:

亶聰作后，至健體天。

麾神旌而肇造輿圖，南征北伐無前，戡撥闡清夷之會;幹化紐而恢張治政，秋肅春生迭用，彌綸參亭毒之功。

訓彝標準于一中，制作權衡于三重。

來復參稽羲畫，聲希味淡，子半含萌動之根;欽承祇奉禋壇，香茲燎焜，太一享齋明之祀。

蓋二十四氣之生機維始，而數千百年之闕典一新。

道和允協於嘉徵，豐年溢倉箱之詠;降嘏重申於景貺，長世綿社稷之休。

臣等:遭際明時，奉揚聖化。

星雲燦爛，載賡虞庭復旦之歌;日月升恒，僅效周雅無疆之祝。

PHIÊN ÂM:

ĐỒNG CHÍ VŨ VĂN HẠ BIỂU

Tư khâm ngộ đồng chí lệnh tiết:

Đỉnh mệnh ngưng hưu, thái phù tiến chỉ.

Nhất dương sơ động, vạn vựng chiêu tô.

Viên khâu chi giao xã tân thành, giáng khuyết chi triều nghi khổng diệu.

Cẩn phụng biểu xưng hạ giả.

Phục dĩ:

Thiên địa khai xương, bát biểu ngưỡng thái hanh chi tượng; âm dương thuận hiệp, nhất nguyên trưng phúc thuỷ chi cơ.

Hà quản triệu tường, duẩn ban sinh sắc.

Khâm duy Hoàng Đế bệ hạ:

Đản thông tác hậu, chí kiện thể thiên.

Mao Thần tinh nhi triệu tạo dư đồ, nam chinh bắc phạt vô tiền, kham bát xiển thanh di chi hội; cán hoá nữu nhi khôi trương trị chính, thu túc xuân sinh điệt dụng, di luân tham đình độc chi công.

Huấn di tiêu chuẩn vu nhất trung, chế tác quyền hành vu tam trọng.

Lai phúc tham kê Hy hoạ, thanh hy vị đạm, tử bán hàm manh động chi căn; khâm thừa chi phụng nhân đàn, hương bật liệu côn, thái nhất hưởng trai minh chi tự.

Cái nhị thập tứ khí chi sinh cơ duy thuỷ, nhi sổ thiên bách niên chi khuyết điển nhất tân.

Đạo hoà doãn hiệp ư gia trưng, phong niên dật thương sương chi vịnh; giáng hỗ trùng thân ư cảnh huống, trường thế miên xã tắc chi hưu.

Thần đẳng: Tao tế minh thời, phụng dương thánh hoá.

Tinh vân xán lạn, tải canh Ngu đình phúc đán chi ca; nhật nguyệt thăng hằng, cẩn hiệu Chu Nhã vô cương chi chúc.

DỊCH NGHĨA:

BIỂU CHÚC MỪNG CỦA CÁC QUAN VÕ NHÂN TIẾT ĐÔNG CHÍ

Nay kính gặp tiết đông chí:

Đỉnh đọng điềm lành, hợp thời tiến phúc.

Một khí dương vừa dấy, vạn loài vật sinh sôi.

Đàn giao xã nơi đống gò vừa xong, triều nghi trong cửa khuyết rực sáng.

Kính dâng biểu chúc mừng.

Cúi nghĩ:

Trời mở đất mang, tám cõi ngửa đón thái hanh cảnh tượng; âm dương thuận hợp, khí nhất nguyên sinh trở lại thấy cơ.

Tiêu sáo thổi đón điềm lành, bầy tôi đứng chầu hớn hở.

Kính thấy Hoàng Đế bệ hạ:

Thông minh sửa trị, cương kiện ngang trời.

Phất cờ thần mà gây dựng cơ đồ, đánh nam dẹp bắc chẳng ai bì, ruổi rong mở đường trừ loạn; xoay tình thế để mở nền thịnh trị, cả mới cũ đều lại dung nạp, kết liên dẹp ác lập công.

Dạy bảo có chuẩn mực ở trong, sắp đặt cân nhắc thận trọng.(1)

Khôi phục tham cứu Phục Hy chương điển, tiếng thưa vị nhạt, vun nền bón gốc dù chỉ nửa mầm; tiếp nối tôn sùng kính lễ dâng đàn, sáng lửa thơm hương, tịnh chay tế tự duy theo một đạo.

Bởi cơ hai mươi bốn khí sinh ra vừa được nối lại, nên chương điển mấy ngàn năm nơi cửa khuyết đã đổi thay.

Đạo hoà hợp với điềm lành, mùa được kho đầy ngâm vịnh; phúc giáng trải đều trong cõi, đời nối dài xã tắc yên vui.

Chúng thần: Gặp gỡ đúng thời, vâng nêu thánh hoá.

Mây sao xán lạn, ở sân Ngu khuya sớm nối bài ca; nhật nguyệt rỡ ràng, theo Chu Nhã chúc vô cương vạn thọ.(2)

CHÚ THÍCH:

1.Thận trọng, nguyên văn "tam trọng": Tức coi trọng ba điều "đạo" "pháp" "mẫu mực."

2.Chu Nhã, tức *Nhã tụng* trong thiên *Chu nam, Kinh Thi*, ca ngợi Văn Vương nhà Chu đức độ.

47. 又北城武文賀表

茲欽見：聖德日新，天麻滋至。

四序時調玉燭，一陽氣轉鴻樞。

郊祀光太一之壇，玄冬藹貞明之象。

穹祇協吉，胞與昭蘇。

伏以：憲天惟聖，太和參變化之功；知機其神，長至發氤氳之妙。

葭飛緹室，雀躍丹庭。

欽惟皇帝陛下：

道貫三才，德光萬古。

兩難兼創守，博文光武烈之經綸；三重酌權衡，神夏造殷因之運量。

制作丕恢聖政，欽崇上當天心。

期三百六日有六旬，允釐百工，罔敎有邦于逸豫；律八十一寸又五分，推建五事，無失初常之紀經。

楓庭之晴旭方明，莢曆之元音正值。

子半驗渾儀旋左，剝終復始，淑氣來而默會含生；申重徵景晷眷西，陽長陰消，春信至而廑思報本。

觀會通以行典禮，稽時義而舉舊章。

圜丘有穆裘弁，崇祀侈陽明殷薦；清廟式虔哼龠，盛儀昭世德作求。

敷三十六宮周遍之春，裕億千萬載綿鴻之祉。

淳化普雲行雨施，眞元之景象昭回；戩穀兼川至山增，靈慶之丕圖鞏固。

金甌永奠，寶鼎長凝。

臣等：遙在龍城，齊伸虎拜。

氣調時豫，榮觀聖朝一治之期；日光月華，僅祝天子萬年之壽。

PHIÊN ÂM:

HỰU BẮC THÀNH VŨ VĂN HẠ BIỂU

Tư khâm kiến: Thánh đức nhật tân, thiên hưu tư chí.

Tứ tự thời điều ngọc chúc, nhất dương khí chuyển hồng khu.

Giao tự quang thái nhất chi đàn, huyền đông ái trinh minh chi tượng.

Khung kỳ hiệp cát, bào dữ chiêu tô.

Phục dĩ:

Hiến thiên duy thánh, thái hoà tham biến hoá chi công; tri cơ kỳ thần, trường chí phát nhân huân chi diệu.

Hà phi đề thất, tước dược đan đình.

Khâm duy Hoàng Đế bệ hạ:

Đạo quán tam tài, đức quang vạn cổ.

Lưỡng nan kiêm sáng thủ, bác văn quang vũ liệt chi kinh luân; tam trọng chước quyền hành, thần Hạ tạo Ân nhân chi vận lượng.

Chế tác phi khôi thánh chính, khâm sùng thượng đương thiên tâm.

Kỳ tam bách lục nhật hữu lục tuần, doãn ly bách công, võng giáo hữu bang vu dật dự; luật bát thập nhất thốn hựu ngũ phân, suy kiến ngũ sự, vô thất sơ thường chi kỷ kinh.

Phong đình chi tình húc phương minh, giáp lịch chi nguyên âm chính trực.

Tý bán nghiệm Hồn nghi tuyền tả, bác chung phúc thuỷ, thục khí lai nhi mặc hội hàm sinh; Thân trọng trưng cảnh hỗ quyến tây, dương trưởng âm tiêu, xuân tín chí nhi cẩn tư báo bản.

Quan hội thông dĩ hành điển lễ, kê thời nghĩa nhi cử cựu chương.

Viên khâu hữu mục cầu biền, sùng tự xỉ dương minh ân tiến; thanh miếu thức kiền hãn phủ, thịnh nghi chiêu thế đức tác cầu.

Phu tam thập lục cung chu biến chi xuân, dụ ức thiên vạn tải miên hồng chi chỉ.

Thuần hoá phổ vân hành vũ thí, chân nguyên chi cảnh tượng chiêu hồi; tấn cốc kiêm xuyên chí sơn tăng, linh khánh chi phi đồ củng cố.

Kim âu vĩnh điện, bảo đỉnh trường ngưng.

Thần đẳng: Thao tại Long thành, tề thân hổ bái.

Khí điều thời dự, vinh quan thánh triều nhất trị chi kỳ; nhật quang nguyệt hoa, cẩn chúc Thiên tử vạn niên chi thọ.

DỊCH NGHĨA:

LẠI BIỂU CỦA VĂN VÕ BẮC THÀNH CHÚC MỪNG

Nay kính thấy: Thánh đức mới thêm, phúc trời đưa đến.

Bốn mùa điều hoà đuốc ngọc, một luồng dương khí chuyển vần.

Lễ tế giao bừng sáng trên đàn, tiết đông chí ngời ngời cảnh tượng.

Đất trời hoà hợp, nhân vật sinh sôi.

Cúi nghĩ:

Thấu trời là thánh, rộng biến hoá đưa lại buổi thái hoà; biết cơ là thần, diệu kỳ thay khí lành đưa đến mãi.

Sáo đưa trong trướng, tước nhảy sân son.

Kính thấy Hoàng Đế bệ hạ:

Đạo thấu tam tài, đức lừng kim cổ.

Hai phen mở mang gìn giữ, rộng văn giỏi võ ngang dọc kinh luân; ba lần cân nhắc quyền hành, tạo Hạ lập Ân tài tình vận dụng.

Dựng đặt mở mang quyền bính, kính nêu xứng với lòng trời.

Một năm ba trăm sáu mươi lẻ sáu ngày, chăm chỉ bách công, không để cho việc nước nhàn rỗi; ống luật tám mươi mốt tấc lẻ năm phân, nhắc nhở năm việc, không bỏ mất công việc thông thường.

Sân phong tạnh, mặt trời buổi sớm đương soi, lịch giáp khởi đầu tiết quang âm đúng lúc.

Giờ Tý nửa đêm nghiệm thấy "Hồn thiên nghi" quay sang tả, "bác chung phục thuỷ," phúc lành đưa đến, ngầm hiểu trong đó có ý sinh sôi; giờ Thân lại một lần đem đến phúc lớn từ phía tây, "dương trưởng âm tiêu," tin xuân đưa lại, kính nghĩ phải đáp đền nguồn gốc.

Xem xét vận hội hanh thông mà thi hành điển lễ, kê cứu thời cuộc thuận nghĩa để nêu cao cựu chương.

Đàn Nam Giao áo mũ trang nghiêm, lễ lạt vượt ngoài long trọng trong tiết dương minh kính tiến; nơi thanh miếu phủ cổn tề chỉnh, nghi trượng bày la liệt cầu mong thế đức tỏ soi.

Khắp ba mươi sáu cung đều xuân, hơn ức nghìn năm cậy phúc.

Đức thuần hoá như mây bay nước xối, cảnh tượng chân nguyên soi về; lộc đưa đến tựa sông thẳm núi cao, cơ đồ thiêng liêng củng cố.

Âu vàng vững mãi, đỉnh báu đọng lâu.

Chúng thần: Ở tại Long thành xa xôi, áo mũ chỉnh tề quỳ bái.

Khí thuận thời hoà, vâng thấy thánh triều thịnh trị vững bền; nhật tỏ nguyệt soi, kính chúc Thiên tử vạn năm trường thọ.

48. 又皇子康公賀表

茲：時調玉燭，氣轉洪鈞。

律中黃鍾，希聲動一陽之響；葭吹玄管，和氣融萬宇之春。

一點眞機，萬般生意。

伏以：六龍中正，有臨揚日表之輝；萬象貞明，來復妙天根之運。

香飄緹室，慶溢丹庭。

欽惟：德備三才，明齊兩曜。

定海宇于一，經綸兼戡撥之功；合天地爲三，左右盡裁成之道。

極建丕恢帝則，升新茂對天時。

含生子半初傳，應碩果七日昭融之象；鼓動庚先煥發，諧重華九韶善美之音。

泰和會合眞元，景慶昭回復旦。

蕩蕩光開壽域，三十六宮覃周遍之春；綿綿永裕鴻休，億千萬異衍靈長之祚。

不已益申眷命，無疆增貴宏猷。

臣：景仰九成，歡迎長至。

天行北陸，不忒羲圖乾元一畫之機；聖壽南山，願賡同雅天保九如之頌。

PHIÊN ÂM:

HỰU HOÀNG TỬ KHANG CÔNG HẠ BIỂU

Tự: Thời điều ngọc chúc, khí chuyển hồng quân.

Luật trúng hoàng chung, hy thanh động nhất dương chi hưởng; hà xuý huyền quản, hoà khí dung vạn vũ chi xuân.

Nhất điểm chân cơ, vạn ban sinh ý.

Phục dĩ:

Lục long trung chính, hữu lâm dương nhật biểu chi huy; vạn tượng trinh minh, lai phục diệu thiên căn chi vận.

Hương phiêu đề thất, khánh dật đan đình.

Khâm duy: Đức bị tam tài, minh tề lưỡng diệu.

Định hải vũ vu nhất, kinh luân kiêm kham bát chi công; hợp thiên địa vi tam, tả hữu tận tài thành chi đạo.

Cực kiến phi khôi đế tắc, thăng tân mậu đối thiên thời.

Hàm sinh Tý bán sơ truyền, ứng thạc quả thất nhật chiêu dụng chi tượng; cổ động Canh tiên hoán phát, hài Trùng Hoa cửu thiều thiện mỹ chi âm.

Thái hoà hội hợp chân nguyên, cảnh khánh chiêu hồi phúc đán.

Đãng đãng quang khai thọ vực, tam thập lục cung đàm chu biến chi xuân; miên miên vĩnh dụ hồng hưu, ức thiên vạn dị diễn linh trường chi tộ.

Bất dĩ ích thân quyến mệnh, vô cương tăng bí hoằng du.

Thần: Cảnh ngưỡng Cửu Thành, hoan nghênh Trường Chí.

Thiên hành Bắc Lục, bất thắc Hy Đồ Càn Nguyên nhất hoạch chi cơ; Thánh thọ Nam sơn, nguyện canh chu nhã Thiên bảo Cửu như chi tụng.

DỊCH NGHĨA:

LẠI BIỂU CHÚC MỪNG CỦA HOÀNG TỬ KHANG CÔNG

Nay: Gặp thời điều hoà đuốc ngọc, vượng khí con tạo chuyển vần.

Luật đúng vào tiết hoàng chung, tiếng thưa một khí dương vang động; ống hà thổi như sáo đàn, hoà khí tan vào vạn cõi đều xuân.

Một chút chân cơ, muôn loài nhờ cậy.

Cúi nghĩ:

Cõi sáu rồng trung chính, nêu cao nhật biểu rõ ràng; chốn vạn tượng sáng soi, khôi phục thiên căn vận đẹp.

Hương bay cung thất, phúc ngợp sân son.

Kính thấy Hoàng Thượng:

Đức đủ tam tài, thông minh ngời sáng.

Đưa nước nhà thống nhất, có công gánh vác việc kinh luân; hợp thiên địa làm ba, tả hữu dốc sức đắp vun đường lối.

Khơi móng mở nền phép tắc, thịnh vượng xứng với thiên thời.

Giờ Tý nửa sinh cơ mới truyền, ứng vào tượng quẻ Bác "quả lớn bảy ngày" tỏ rõ; giờ Canh trống vang lên trước, hoà vào tiếng nhạc cửu thiều êm dịu chốn Trùng Hoa.

Nguyên khí tụ họp trong cảnh thái hoà, trời lại sáng soi về nơi phúc lớn.

Mênh mang sáng ngời cõi thọ, ba mươi sáu cung trải khắp cảnh xuân; dằng dặc rủ mãi phúc to, ức ngàn vạn năm nối dài ngôi báu.

Mệnh đẹp thêm lên không dứt, mưu sâu tăng đến vô bờ.

Thần: Ngửa trông điện báu Cửu Thành, mừng vui đón tiết Trường Chí.[1]

Trời đi về đường Bắc, không sai một vạch Càn Nguyên trong Hà Đồ của Phục Hy; Thánh thọ như non Nam, xin nối lời chúc của thơ Thiên bảo Cửu như trong Đại nhã.

CHÚ THÍCH:

1.Trường Chí: Tức tiết Đông Chí và tiết Hạ Chí (Theo thiên *Nguyệt lệnh, Kinh Lễ*).

49. 又内外武文賀表

茲：丹扆諧元，黄鍾宣氣。

乾陽始而和周蟠際，鼎命凝而慶溢班行。

伏以：帝出震宫，五百年登有興之運；天開乾户，十一月明無改之心。

長至迎輝，端明集慶。

欽惟皇帝陛下：

位成乘六，道茂奉三。

謨烈兼内治外攘，乂正直聰明而造用；威德暢小懷大畏，配高明博厚以同流。

奉時妙体陰陽，成歲默分亭毒。

緹室之化機萌動，天造回而甲蟄知春；圜丘之典禮齊明，帝心在而申重薦祉。

萬物之發生維始，百工之咸事允釐。

臣等：濫豫佛肩，邇陪僊杖。

來復見羲圖一畫，早徵亞歲之祥；賡颺瞻虞陛九招，僝效永年之祝。

PHIÊN ÂM:

HỰU NỘI NGOẠI VŨ VĂN HẠ BIỂU

Tư: Đan ỷ hài nguyên, hoàng chung tuyên khí.

Càn dương thuỷ nhi hoà chu bàn tế, đỉnh mệnh ngưng nhi khánh dật ban hàng.

Phục dĩ:

Đế xuất Chấn cung, ngũ bách niên đăng hữu hưng chi vận; thiên khai Kiền hộ, thập nhất nguyệt minh vô cải chi tâm.

Trường Chí nghinh huy, Đoan Minh tập khánh.

Khâm duy Hoàng Đế bệ hạ:

Vị thành thừa lục, đạo mậu phụng tam.

Mô liệt kiêm nội trị ngoại nhương, nghệ chính trực thông minh nhi tạo dụng; uy đức xướng tiểu hoài đại uý, phối cao minh bác hậu dĩ đồng lưu.

Phụng thời diệu thể âm dương, thành tuế mặc phân đình độc.

Đề thất chi hoá cơ manh động, thiên tạo hồi nhi giáp trập tri xuân; viên khâu chi điển lễ tề minh, đế tâm tại nhi thân trùng tiến chỉ.

Vạn vật chi phát sinh duy thuỷ, bách công chi hàm sự doãn ly.

Thần đẳng: Lạm dự Phật kiên, nhĩ bồi tiên trượng.

Lai phục kiến Hy Đồ nhất hoạch, tảo trưng á tuế chi tường; canh dương chiêm Ngu bệ cửu chiêu, cẩn hiệu vĩnh niên chi chúc.

DỊCH NGHĨA:

LẠI BIỂU CHÚC MỪNG CỦA VĂN VÕ TRONG NGOÀI

Nay: Trướng đỏ khí hoà, chuông vàng vang tiếng.

Ánh dương càn ngự vừa soi mà hoà điều cõi đất; mệnh lệnh Ngự đỉnh thôi ban thì vui ngợp ban chầu.

Cúi nghĩ:

Cung Chấn vua ra, việc hưng thịnh năm trăm năm mới gặp; cửa Kiền trời mở, lòng không đổi mười một tháng sáng soi.

Ngày Trường Chí đón điềm, tiết Đoan Minh tập phúc.(1)

Kính thấy Hoàng Đế bệ hạ:

Cưỡi sáu rồng mà ngôi vững, noi tam tài mà đường hay.

Mưu hay ở ngoài dẹp trong yên, đủ chính trực thông minh vận dụng; uy đức khiến nhỏ theo lớn sợ, hợp đấng cao minh bác lãm cùng nguồn.

Giờ giờ khéo vận dụng âm dương, năm năm ngầm chia quyền tạo hoá.

Trướng gấm mầm hoá cơ đã nảy, thiên tạo ra ở muôn vật biết xuân; đàn giao việc tế lễ đủ đầy, đế để tâm ở chất chồng ban phúc.

Vạn vật sinh ra từ buổi khởi thuỷ, bách công đều chăm chỉ việc tấc ly.

Chúng thần: Lạm dự giúp vua, cận kề ngôi báu.

Tiết Lai Phục[2] thấy ở Hà Đồ của Phục Hy một vạch, sớm ứng với non năm báo điềm lành; lời canh dương[3] vang tại bệ nhà Ngu vời gọi chín lần, xin noi theo mãi mãi cầu chúc.

CHÚ THÍCH:

1.Trường Chí: Xem chú thích số 1 bài 48. Theo như lời văn thì đây dùng để chỉ tiết Hạ chí.

Đoan Minh, tức tiết Đoan Dương, hay Đoan Ngọ mồng 5 tháng5.

2.Lai Phục, tức 7 ngày (chữ ở *Kinh Thi*).

3.Lời canh dương (Dương ngôn): *Kinh Thư:* "Nãi canh tải ca, bái thủ khể thủ dương ngôn" (Bèn nối bài ca, chắp tay cúi đầu ca lên), ý nói lời ca liên tục.

50. 又北城武文賀表

伏以:雲閣開紫府,九霄澄居北之樞;日朗玄冬,八表仰行南之度。

香飄葭管,喜動筍班。

欽惟皇帝陛下:

道觀三才,德高萬古。

博彌綸於六合,大皇王帝伯之鋪舒;神運量於一元,參春夏秋冬之化育。

五順撫而祥徵比應,初大來而氣協咸勻。

迎長至於元時,七日炫昭融之象;恪永祈於嚴祀,億年申眷顧之休。

虞華燁燁滿寰瀛;周瓞綿綿昌運祚。

臣等:叨司柳塞,遙望楓庭。

無改見天心,仰乾道金爐之峻發;不騫增聖壽,慶泰階玉燭之常調。

PHIÊN ÂM:

HỰU BẮC THÀNH VŨ VĂN HẠ BIỂU

Phục dĩ: Vân các khai tử phủ, cửu tiêu trừng cư Bắc chi khu; nhật lãng huyền đông, bát biểu ngưỡng hành Nam chi độ.

Hương phiêu hà quản, hỷ động duẩn ban.

Khâm duy Hoàng Đế bệ hạ:

Đạo quán tam tài, đức cao vạn cổ.

Bác di luân ư lục hợp, đại hoàng vương đế bá chi phô thư; thần vận lượng ư nhất nguyên, tham xuân hạ thu đông ư hoá dục.

Ngũ thuận phủ nhi tường trưng tỉ ứng, sơ đại lai nhi khí hiệp hàm quân.

Nghinh trường chí ư nguyên thời, thất nhật huyễn chiêu dung chi tượng; khác vĩnh kỳ ư nghiêm tự, ức niên thân quyến cố chi hưu.

Ngu hoa việp việp mãn hoàn doanh, chu điệt miên miên xương vận tộ.

Thần đẳng: Thao ti liễu tái, dao vọng phong đình.

Vô cải kiến thiên tâm, ngưỡng càn đạo kim lô chi tuấn phát, bất đẳng tăng thánh thọ, khánh thái giai ngọc chúc chi thường điều.

DỊCH NGHĨA:

LẠI BIỂU MỪNG CỦA VĂN VÕ BẮC THÀNH

Cúi nghĩ:

Gác mây mở phủ tía, cõi Bắc sáng cửu trùng; mặt trời tỏ mùa đông, trời Nam ngửa trông tám hướng.

Hương đưa đàn sáo, vui dậy ban chầu.

Kính thấy Hoàng Đế bệ hạ:

Đạo lý xuyên suốt tam tài, đức hạnh nêu gương muôn thuở.

Tài kinh luân liên kết khắp sáu cõi, mở rộng nghiệp đế bá hoàng vương; khéo xoay chuyển vào cõi nhất nguyên, sánh cùng sự sinh thành bốn mùa thu đông xuân hạ.

Thuận theo ngũ thường điềm lành xuất hiện, họ lớn lên ngôi khí thuận gió hoà.

Đưa trường tồn tới sự tốt lành, mới bảy ngày mà lộ vẻ hoà hợp; kính cẩn mở lễ cầu khẩn, cho con cháu ngàn năm được hưởng phúc lành.

Niềm vui vầy nơi nơi tràn khắp, vận nước phồn vinh mãi mãi dài lâu.

Chúng thần: Trông coi nơi biên ải, xa ngóng chốn triều đình.

Mong được thấy không cải lòng trời, ngửa trông lò luyện vàng nổi lửa; cầu cho đức thánh tăng tuổi thọ, mừng vận thái như đuốc ngọc sáng soi.

51. 又皇子康公賀表

茲：聖德體乾，天心闡泰。

淑氣合而和烝宇宙，景祚昌而瑞蕩宮庭。

伏以：

瑤圖膺命，萬國孚豈弟之儀型；玉律宣輝，一元肇太和之景象。

占梅旹而回春禹甸，仰藻旒而喜動周藩。

欽惟皇帝陛下：

德配二儀，道彌六合。

言行于帝其訓，正直端洪範之準標；範圍而天下不違，巍蕩蕩放勳之事業。

時出弘敷美化，歲功妙幹玄功。

光臨照於午中，日在斗昭回景爍；敏發生於子半，地逢雷默契淵機。

洋洋之和氣流行，翼翼之誠心昭格。

迎日肇稱殷禮，龍假徵大順之祥；饗年永迓純禧，燕及衍久寧之慶。

協穹祇之薦祉，普寰宇以颺休。

臣：欽蒞遙藩，澄瞻瑞彩。

易畫一陽初動，仰資造化之眞元；詩歌百祿是遒，廑效升恒之媚祝。

PHIÊN ÂM:

HỰU HOÀNG TỬ KHANG CÔNG HẠ BIỂU

Tư: Thánh đức thể càn, thiên tâm xiển thái.

Thục khí hợp nhi hoà chưng vũ trụ, cảnh tộ xương nhi thuỵ đãng cung đình.

Phục dĩ:

Dao đồ ưng mệnh, vạn quốc phu khải đễ chi nghi hình; ngọc luật tuyên huy, nhất nguyên triệu thái hoà chi cảnh tượng.

Chiếm mai ngạc nhi xuân hồi Vũ điện, ngưỡng tảo lưu nhi hỷ động Chu phiên.

Khâm duy Hoàng Đế bệ hạ:

Đức phối nhị nghi, đạo di lục hợp.

Ngôn hành vu đế kỳ huấn, chính trực đoan Hồng phạm chi chuẩn tiêu; phạm vi nhi thiên hạ bất vi, nguy đãng mại Phóng Huân chi sự nghiệp.

Thời xuất hoằng phu mỹ hoá, tuế công diệu cán huyền công.

Quang lâm chiếu ư Ngọ trung, nhật tại Đẩu chiêu hồi cảnh thước; mẫn phát sinh ư Tý bán, địa phùng Lôi mặc khế uyên cơ.

Dương dương chi hoà khí lưu hành, dực dực chi thành tâm chiêu cách.

Nghinh nhật triệu xưng ân lễ, long giả trưng đại thuận chi tường; hưởng niên vĩnh nhạ thuần hy, yến cập diễn cửu ninh chi khánh.

Hiệp khung kỳ chi tiến chỉ, phổ hoàn vũ dĩ dương hưu.

Thần: Khâm lý dao phiên, trừng chiêm thuỵ thái.

Dịch hoạ nhất dương sơ động, ngưỡng tư tạo hoá chi chân nguyên; Thi ca bách lộc thị tù, cẩn hiệu thăng hằng chi mỵ chúc.

DỊCH NGHĨA:

LẠI BIỂU CHÚC MỪNG CỦA HOÀNG TỬ KHANG CÔNG

Nay: Đức thánh thể tất ngôi cao, lòng trời mở vận hanh thái.

Khí lành tụ họp hoà vào vũ trụ, bệ báu vững điềm tốt ngập cung đình.

Cúi nghĩ:

Mưu hay ban xuống, khuôn mẫu hài hoà muôn nước tin theo; luật báu tuyên ra, cảnh tượng thái hoà thu về một mối.

Hoa mai chiếm cảnh xuân nơi dậu phên vua Vũ; ngựa trông mũ ngọc vui dậy cõi bờ nhà Chu.

Kính thấy Hoàng Đế bệ hạ:

Đức sánh nhị nghi, đạo hoà lục hợp.[1]

Việc làm lời nói theo lời Thiên đế, chính trực thẳng theo thiên Hồng phạm đã nêu; phép khuôn mà thiên hạ không làm sai, sừng sững hơn cả Phóng Huân sự nghiệp.[2]

Giờ giờ rộng ban ra phong hoá đẹp, năm năm khéo mở lối lập công to.

Giờ Ngọ ban trưa ánh nắng rọi soi, nhật tại Đẩu[3] đưa về phúc lớn; giờ Tý nửa đêm phát sinh rất chóng, địa phùng Lôi[4] ngầm hợp cơ màu.

Hoà khí dào dạt lưu hành, lòng thành rỡ ràng cảm cách.

Ngày đón mở lễ lớn, long thư thả triệu vời thuận rước điềm lành; năm hưởng lấy phúc to, yến kịp kéo dài mãi cảnh yên bình phúc khánh.

Cùng càn khôn dâng phúc nước, khắp trong cõi đón niềm vui chung.

Thần: Trị nhậm cõi xa, lặng xem điều tốt.

Kinh Dịch một vạch là hào dương mới nhóm, trông nhờ tạo hoá đưa lại chân nguyên; Kinh Thi ca trăm khúc thì lộc đến nhiều, xin học theo chúc Thánh thượng trường thọ.

CHÚ THÍCH:

1.Lục hợp: Trên dưới và tứ phương.

2.Thiên Hồng phạm, *Kinh Thư.* Phóng Huân, tức Đế Nghiêu.

3.Theo Nguyệt lệnh, *Kinh Lễ*, tháng trọng đông thì mặt trời ở vùng sao Đẩu.

4.Địa gặp Lôi, tức quẻ Lôi phục, *Kinh Dịch* chỉ về tiết đông chí tháng 11.

52. 駕幸學宮多士賀表

茲欽奉御駕:

光臨太學，展敬黌宮。

黃道天開，玉井蘸鏊奎之色；絳霄日郁，金爐飄采藻之香。

謹奉表稱賀者。

伏以:五百有興，中正仰乾飛之象；三千皆作，炳蔚昭虎變之文。

樂報三雍，歡騰六館。

臣等竊惟:士生王國，仰聖人爲仁義禮樂之宗；天相斯文，挺元后任父母君師之責。

表顯寔關於興運，作成攸係於上人。

炳炳前徵，昭昭盛軌。

邃古成人有德，憑辟雍教化之大行；我邦文獻足徵，本太學薰陶之有自。

於皇今日，丕闡大猷。

欽惟皇帝陛下:

穆穆文熙，巍巍堯大。

恢勝略而經綸六坎，巨川興能躍之龍；運文謨而總攝八紘，中土渙維新之象。

禋類甫完於郊祀，旂鸞旋貴於學宮。

莊誠釋菜之隆儀，鬯灌迓神休於明薦；雍肅采芹之盛典，鼉逢孚天聽於昕徵。

樅鏞和鸞輅而鏗鏘，宮墻襱檀煙而馥郁。

衮冕舒徐搢挺，色笑開黌宇之容；衣冠翕集環橋，紘歌應鈞天之響。

錫類普而嘉祥長發，召和孚而純嘏永綏。

臣等：幸際明時，祇承休德。

燦爛奎開文運，仰觀太平有道之徵；純常天錫崇禧，願獻壽考無疆之頌。

PHIÊN ÂM:

GIÁ HẠNH HỌC CUNG ĐA SĨ HẠ BIỂU

Tư khâm phụng Ngự giá:

Quang lâm Thái học, triển kính Huỳnh cung.

Hoàng đạo thiên khai, ngọc tỉnh trám ly Khuê chi sắc; giáng tiêu nhật úc, kim lô phiêu thái tảo chi hương.

Cẩn phụng biểu xưng hạ giả.

Phục dĩ:

Ngũ bách hữu hưng, trung chính ngưỡng càn phi chi tượng; tam thiên giai tác, bính uý chiêu hổ biến chi văn.

Lạc báo tam ung, hoan đẳng lục quán.

Thần đẳng thiết duy: Sĩ sinh vương quốc, ngưỡng thánh nhân vi nhân nghĩa lễ nhạc chi tông; thiên tương tư văn, đĩnh nguyên hậu nhậm phụ mẫu quân sư chi trách.

Biểu hiển thực quan ư hưng vận, tác thành du hệ ư thượng nhân.

Bính bính tiền trưng, chiêu chiêu thịnh quỹ.

Thuý Cổ thành nhân hữu đức, bằng tịch ung giáo hoá chi đại hành; ngã bang văn hiến túc trưng, bản Thái học huân đào chi hữu tự.

Ư hoàng kim nhật, phi xiển đại du.

Khâm duy Hoàng Đế bệ hạ:

Mục mục Văn hy, nguy nguy Nghiêu đại.

Khôi thắng lược nhi kinh luân lục khảm, cự xuyên hưng năng dược chi long; vận văn mô nhi tổng nhiếp bát hoằng, trung thổ hoán duy tân chi tượng.

Nhân loại phủ hoàn ư giao tự, kỳ loan tuyền bí ư học cung.

Trang thành thích thái chi long nghi, sưởng quán nhạ thần hưu ư minh tiến; ung túc thái cần chi thịnh điển, đà phùng phu thiên thính ư hân trưng.

Túng dung Hoà loan lộ nhi khanh tương, cung tường tập đàn yên nhi phức úc.

Cổn miện thư từ tấn đĩnh, sắc tiếu khai huỳnh vũ chi dung; y quan hấp tập hoàn kiều, huyền ca ứng quân thiên chi hưởng,.

Tích loại phổ nhi gia tường trường phát, triệu hoà phu nhi thuần hỗ vĩnh tuy.

Thần đẳng: Hạnh tế minh thời, chi thừa hưu đức.

Xán thước Khuê khai văn vận, ngưỡng quan thái bình hữu đạo chi trưng; thuần thường thiên tích sùng hy, nguyện hiến thọ khảo vô cương chi tụng.

DỊCH NGHĨA:

XA GIÁ ĐẾN THĂM HỌC CUNG CÁC HỌC TRÒ DÂNG BIỂU MỪNG

Nay khâm phụng Ngự giá:

Quang lâm nhà Thái học; tỏ kính chốn Huỳnh cung.

Đường Hoàng đạo trời mở ra, giếng ngọc sao khuê sáng rực in sắc; lầu giáng tiên mặt trời rực rỡ, bếp vàng rau tảo ngào ngạt đưa hương.

Xin kính dâng biểu chúc mừng.

Cúi nghĩ:

Năm trăm năm mới có vận trung hưng, ngửa thấy cảnh tượng rồng bay nơi chính giữa; ba nghìn người đều làm thơ làm phú, văn chương rạng rỡ như hổ biến trong sáng loà.

Vui khắp ba cung, mừng tràn sáu quán.

Chúng thần trộm nghĩ:

Sĩ sinh trong nước, làm rường cột cho "nhân nghĩa lễ nhạc" của thánh nhân; trời giúp tư văn, gánh trọng trách "phụ mẫu quân sư" cho Hoàng đế.

Tỏ rõ được thực nhờ ở hưng vận, tác thành nên trông cậy vào thượng nhân.

Rờ rỡ điềm xưa, ngời ngời phép thịnh.

Từ cổ nên người do đức, cậy vào trường học giáo hoá mà nên; nước ta văn hiến đủ đầy, vốn do thái học ra tay nặn đúc.

Ngày nay thịnh vượng, mưu lớn mở ra.

Kính thấy Hoàng Đế bệ hạ:

Ngời ngời toả sáng tựa Văn Vương, sừng sững cao vời như Nghiêu Đế.

Mở mưu lược kinh luân sáu cõi, khơi sông to đua vượt cá rồng; dụng văn chương thâu tóm tám phương, vùng trung thổ cảnh hay tiếp nối.

Lễ bái vừa xong ở nền giao tự, quạt cờ rực rỡ chốn học cung.

Trang trọng chân thành dâng hiến lễ nghi, rượu rót đón phúc thần minh tiến; ung dung nghiêm túc sửa sang thịnh điển, trống vang lên trong buổi sáng tốt lành.

Chuông khánh hoà loan giá rền vang, cung tường nức đèn hương ngào ngạt.

Cổn miện ung dung ngay ngắn, nét cười nở rạng rỡ chốn huỳnh cung; mũ đai tấp nập bên cầu, đàn ca ứng khúc quân thiều vang khắp.

Phúc ban rộng nên điềm lành phát mãi, nạp hài hoà mà phúc lớn nối dài.

Chúng thần: May gặp buổi sáng ngời, kính vâng nối đức lớn.

Rực rỡ sao Khuê mở nền văn vận, ngửa trông điềm khắp cõi thái hoà; vời vợi trời cao ban xuống nguồn vui, xin dâng lời chúc vô cương thọ khảo.

53. 春旦節武文賀太子箋

茲者:

三陽開泰，萬宇同春。

信桓森虞陛以揚休，簧管集周庭而獻瑞。

恭惟東宮殿下:

龍光衍慶，麟趾紹仁。

海潤星輝，歧嶷資符天錫；火然泉達，進修德與年新。

春陽序屬履端，疇錫祥徵得壽。

黃台衮俾耆而艾，三善昭震旦之華；赤雀圖惟永其寧，重熙衍午天之祚。

PHIÊN ÂM:

XUÂN ĐÁN TIẾT VŨ VĂN HẠ THÁI TỬ TIÊN

Tư giả:

Tam dương khai thái, vạn vũ đồng xuân.

Tín hoàn sâm Ngu bệ dĩ dương hưu, hoàng quản tập Chu đình nhi hiến thuỵ.

Cung duy Đông cung điện hạ:

Long quang diễn khánh, lân chỉ thiệu nhân.

Hải nhuận tinh huy, kỳ nghi tư phù thiên tích; hoả nhiên tuyền đạt, tiến tu đức dữ niên tân.

Xuân dương tự thuộc lý đoan, trù tích tường trưng đắc thọ.

Hoàng đài cổn ti kỳ nhi ngải, tam thiện chiêu chấn đán chi hoa; xích tước đồ duy vĩnh kỳ ninh, trùng hy diễn Ngọ thiên chi tộ.

DỊCH NGHĨA:

THƯ CỦA VĂN VÕ CHÚC MỪNG THÁI TỬ NHÂN BUỔI ĐẦU XUÂN

Nay: Tam dương[1] mở vận thái; vạn cõi cùng cảnh xuân.

Dưới bệ Ngu xum xuê tín hoàn[2] hiến phúc to; trước sân Chu[3] rộn rã sáo đàn dâng điềm tốt.

Kính nghĩ Đông cung điện hạ:

Long quang tỏ phúc, lân chỉ nối nhân.[4]

Sao sáng biển nhuần, chất thông minh vốn do trời phú; suối tuôn lửa bốc, đức tiến tu đổi mới hàng năm.

Nắng xuân lần lượt trải mối giường, gia nghiệp tỏ điềm lành đắc thọ.

Áo hoàng bào khiến thêm tuổi thọ, ba điều thiện[5] tỏ dưới buổi mai; tranh sẻ đỏ[6] mãi được đặt yên, lại soi sáng mặt trời giữa Ngọ.

CHÚ THÍCH:

1.Tam dương: Chỉ tháng giêng, thuộc tháng dương thứ 3.

2.Tín hoàn: Loại cây thường trồng trong cung cấm.

3.Bệ Ngu, sân Chu: Chỉ triều đình nhà vua.

4.Long quang: Ánh sáng rồng, chỉ nhà vua; lân chỉ: Gót chân con lân, chỉ Thái tử. Câu này chúc tụng Thái tử được hưởng ơn sủng của vua và có hiền đức để nối nghiệp.

5.Ba điều thiện: Chữ nhà Phật, đó là bố thí, từ tâm và trí tuệ.

6.Tranh sẻ đỏ: (xích tước) sách *Hiếu kinh:* "Nếu bậc vương giả là bậc hiếu đễ thì chim sẻ đỏ mang thư đến." Ở đây ý chúc tụng Thái tử là người hiếu đễ.

54. 春旦節皇子康公籲皇正后表

茲欽遇正旦令節：

萱階播朔，葭管噓陽。

四海賡復旦之歌，五衷劇感時之想。

臣：誠思誠慕謹奉金篋叩籲者。

伏以:日光瑤宇，恰逢芒皡之嘉時；月朗瓊樓，景仰 倣塗之懿壺。

瞻椒寢而悲恫曷已，望萱宮而感愴無量。

欽惟皇正后陛下:

冰玉貞姿，琚璜雅範。

周亂參籌於京室，髮膚襄謙伐之功；唐良遺慟於昭陵，卵翼重坤成之感。

明媚倏逢令節，肅雍若覲遺容。

焄蒿恍在宮庭，千古怛懷山海。

德胙響默符宗社，億年永奠泰磐基。

臣:忝列藩垣，阻趍筵几。

萬里春濃金鳳，望雲莫罄於悲酸；五更漏滴銅龍，酌泂聊將於明信。

PHIÊN ÂM:

XUÂN ĐÁN TIẾT HOÀNG TỬ KHANG CÔNG THƯỢC HOÀNG CHÁNH HẬU BIỂU

Tư khâm ngộ chính đán lệnh tiết:

Huyên giai bá sóc, hà quản hư dương.

Tứ hải canh Phục đán chi ca, ngũ trung kịch cảm thời chi tưởng.

Thần: Thành tư thành mộ cẩn phụng kim tiên khấu thược giả.

Phục dĩ:

Nhật quang dao vũ, cáp phùng Mang Hiệu chi gia thời; nguyệt lãng quỳnh lâu, cảnh ngưỡng Sằn Đồ chi ý hồ.

Chiêm tiêu tẩm nhi bi đỗng hạt dĩ, vọng huyên cung nhi cảm thương vô lường.

Khâm duy Hoàng Chánh Hậu bệ hạ:

Băng ngọc trinh tư, cư hoàng nhã phạm.

Chu loạn tham trù ư kinh thất, phát phu tương khiêm phạt chi công; đường lương di đỗng ư chiêu lăng, noãn dực trọng khôn thành chi cảm.

Minh mỵ thúc phùng lệnh tiết, túc ung nhược cận di dung.

Huân cao quang tại cung đình, thiên cổ đán hoài sơn hải.

Đức hất hưởng mặc phù tông xã, ức niên vĩnh điện Thái bàn cơ.

Thần: Thiểm liệt phiên viên, trở xu diên kỷ.

Vạn lý xuân nồng kim phượng, vọng vân mạc khánh ư bi toan; ngũ canh lậu trích đồng long, chước quỳnh liêu tương ư minh tín.

DỊCH NGHĨA:

BIỂU CỦA HOÀNG TỬ KHANG CÔNG KHẤN VIẾNG HOÀNG CHÁNH HẬU VÀO TIẾT XUÂN ĐÁN

Nay kính gặp tiết chính đán:

Thềm huyên giữa ngày mồng một, sáo thổi dưới ánh thái dương.

Bốn bể nối bài Phục đán ca lên,[1] năm khu tâm tưởng dốc lòng cảm kích.

Thần: Chân thành cảm nhớ, xin dâng kim tiên kêu lên.

Cúi nghĩ:

Vầng nhật soi nhà ngọc, vừa gặp thời đẹp Hiệu Mang;[2] ánh nguyệt soi lầu quỳnh, ngửa thấy Sần Đồ đức tốt.[3]

Trông vời tiêu tẩm mà lòng buồn khôn xiết, ngóng hoài huyên cung mà thương cảm khó đong.

Kính thấy Hoàng Chánh Hậu bệ hạ:

Tựa hồ băng ngọc phong tư, như ngọc cư hoàng khuôn phép.

Lúc loạn thì tham mưu trong kinh thất, tóc da kiêm giúp đánh phạt lập công; khi bình để lại nỗi xót thương chốn lăng gò, cảm đức tác thành nhiều công nuôi nấng.

Nay chợt gặp lệnh tiết sáng đẹp, như thấy dung nghi người trang nghiêm.

Hương thơm ngào ngạt cung đình, non biển đau lòng ngàn thuở.

Đức Hoàng chánh hậu ngầm phò xã tắc, ức vạn năm vững nền bàn thạch Thái sơn.

Thần: Trấn giữ chốn phên giậu xa xôi, khó bề về nơi thờ cúng.

Muôn dặm xuân nồng kim phượng, trông mây mà chua xót khôn đong; giọt đồng nhỏ suốt năm canh, tạm rót chén nước trong gọi là tín lễ.

CHÚ THÍCH:

1.Phục đán: Trời sáng lại.

2.Hiệu, Mang: Về tháng mạnh xuân, thượng đế là Thái Hiệu, thần là Câu Mang (*Kinh Lễ*, thiên Nguyệt lệnh).

3.Sằn, Đồ: Tức Hữu Sằn và họ Đồ Sơn.

55. 登光北城武文賀表

茲欽奉登光大禮:

元良嗣服，仁孝承祧。

日升丕煥一初，星共欣同四表。

穹祇薦祉，社稷凝禧。

伏以:鼎命天申，四海仰重熙之治；震宮日麗，萬邦顒繼照之明。

丹鳳騰輝，青藩出色。

欽惟皇上陛下:

英資挺出，玄德夙成。

協堯煥發光華，心法具精微之本領；承禹懋昭祇敬，身度符中正之準標。

豐貽早契於淵猷，豫建素孚於輿望。

玉几恭膺顧命，燮火安勸，式弘啓後之訓謨；金甌寅紹丕圖，翕含舒徐，增燦維新之氣象。

慶源裕而本支益固，閩澤潭而胞與鈞霑。

臣等:叨奉簡書，遙瞻衮冕。

咫尺宸光如睹，凡百有位，齊抒尊戴之誠；申重天佑維純，於萬斯年，廑效升恒之祝。

PHIÊN ÂM:

ĐĂNG QUANG BẮC THÀNH VŨ VĂN HẠ BIỂU

Tư khâm phụng đăng quang đại lễ:

Nguyên lương tự phục, nhân hiếu thừa diêu.

Nhật thăng phi hoán nhất sơ, tinh cộng hân đồng tứ biểu.

Khung kỳ tiến chỉ, xã tắc ngưng hy.

Phục dĩ: Đỉnh mệnh thiên thân, tứ hải ngưỡng trùng hy chi trị; chấn cung nhật lệ, vạn bang ngung kế chiếu chi minh.

Đan phượng đằng huy, thanh phiên xuất sắc.

Khâm duy Hoàng Thượng bệ hạ:

Anh tư đĩnh xuất, huyền đức túc thành.

Hiệp Nghiêu hoán phát quang hoa, tâm pháp cụ tinh vi chi bản lĩnh; thừa Vũ mậu chiêu chi kính, thân độ phù trung chính chi chuẩn tiêu.

Phong di tảo khế ư uyên du, dự kiến tố phu ư dư vọng.

Ngọc kỷ cung ưng cố mệnh, biến hoả an khuyến, thức hoằng khải hậu chi huấn mô; kim âu dần thiệu phi đồ, hấp hàm thư từ, tăng xán duy tân chi khí tượng.

Khánh nguyên dụ nhi bản chi ích cố, khải trạch đàm nhi bào dữ quân chiêm.

Thần đẳng: Thao phụng giản thư, dao chiêm cổn miện.

Chỉ xích thần quang như đổ, phàm bách hữu vị, tề trữ tôn đái chi thành; thân trùng thiên hựu duy thuần, ư vạn tư niên, cẩn hiệu thăng hằng chi chúc.

DỊCH NGHĨA:

BIỂU MỪNG LỄ LÊN NGÔI CỦA VĂN VÕ Ở BẮC THÀNH

Nay kính gặp lễ lớn đăng quang:

Kế ngôi[1] nối dõi, nhân hiếu noi theo.

Vầng nhật mới nhô lên sáng một vùng, sao đêm cũng cùng chầu vui bốn cõi.

Cao dày dâng phúc, xã tắc mừng vui.

Cúi nghĩ:

Mệnh lớn trời ban, bốn biển ngửa trông đức trị vì lại sáng; cung vua thêm đẹp, vạn bang tiếp nối buổi bình minh toả ngời.

Bệ phượng đỏ huy hoàng, cõi phiên xanh lộ sắc.[2]

Kính nghĩ Hoàng Đế bệ hạ:

Thông minh vượt trội, đức lớn đủ đầy.

Quang hoa toả phát tựa Đường Nghiêu, tâm pháp đủ tinh vi bản lĩnh; kính cẩn giãi bày như Hạ Vũ, thước thân hợp tiêu chuẩn chính trung.

Truyền đời sớm hợp mưu sâu, dự kiến vốn cùng nguyện vọng.

Kính vâng cố mệnh bên ghế ngọc,[3] nhắc nhở yên ủi, bảo cho cách mở rộng đời sau; tiếp nối cơ đồ vững âu vàng,[4] hoà hợp ung dung, khí tượng duy tân thêm xán lạn.

Nguồn phúc dạt dào, gốc cành thêm vững; đầm ơn tràn trụa, dân chúng đều trông.

Chúng thần: Lạm tiến biểu thư, xa trông cổn miện.[5]

Như thấy thần quang trong gang tấc, hàng trăm chức vị, tôn phò xã tắc đều tỏ lòng thành; nối dây trời giúp dập điệp trùng, hàng vạn năm nay, kính chúc Thánh thượng trời cao trăng tỏ.[6]

CHÚ THÍCH:

1.Kế ngôi, dịch thoát chữ "nguyên lương:" *Kinh Lễ* phần Văn vương Thế tử có câu: "Nhất hữu nguyên lương, vạn quốc dĩ trinh, Thế tử chí vị dã" (Có con người tốt đứng lên hàng đầu thì muôn nước đều chính, đó là chỉ ngôi Thế tử vậy). Ở đây chỉ Quang Toản lên nối ngôi vua Quang Trung.

2.Bệ phượng đỏ, chỉ ngai vàng; phiên xanh, chỉ ngoài biên xa.

3.Ghế ngọc: Xem chú thích 2 bài số 11.

4.Âu vàng: Sách *Nam sử*: "Ngã quốc gia do nhược kim âu, vô nhất thương khuyết" (Nước của ta như chiếc ậu vàng, không bị sứt mẻ chỗ nào), ý nói núi sông vững chãi như chiếc âu vàng.

5.Cổn miện: Áo mũ lễ phục, ở đây dùng để chỉ nơi kinh thành triều hội.

6.Trời cao trăng tỏ, dịch chữ "thăng hằng": Thơ *Thiên bảo, Kinh Thi*: "Như nhật chi thăng, như nguyệt chi hằng" (Như mặt trời đang lên, như mặt trăng thượng huyền). Về sau từ này thường dùng để chúc tuổi thọ nhà vua.

56. 天壽節北城武文賀表

茲欽遇天壽聖節：

島勃開祥，穹元薦祉。

香飄瓊苑，三千年符桃結之時；彩炫丹庭，五百載應河清之會。

壽箕燦而春回玉律，宮扇開而慶溢丹霄。

伏以：南極星輝，八表慶乾元之壽；紫微日麗，萬象昭泰宇之春。

瑞滿蓂階，歡騰筍序。

欽惟皇上陛下：

天聰時憲，聖敬日躋。

經綸內治外攘，備帝伯皇王之體；運用乾開坤闔，光聖神文武之傳。

登昌丕迓宏休，成慶懋膺景嘏。

虹繞電光符令旦，九陛端堯舜之衣裳；山增川至裕鴻禧，千秋引喬彭之歲月。

臣等：遙瞻魏闕，齊共時垣。

天子萬壽無疆，僅祝綿延之曆；皇家百世其基，願賡戩穀之歌。

PHIÊN ÂM:

THIÊN THỌ TIẾT BẮC THÀNH VŨ VĂN HẠ BIỂU

Tư khâm ngộ Thiên thọ thánh tiết:

Đảo bột khai tường, khung kỳ tiến chỉ.

Hương phiêu quỳnh uyển, tam thiên niên phù đao kê chi thời; thái huyễn đan đình, ngũ bách tải ứng hà thanh chi hội.

Thọ cơ xán nhi xuân hồi ngọc luật; cung phiến khai nhi khánh dật đan tiêu.

Phục dĩ:

Nam Cực tinh huy, bát biểu khánh càn nguyên chi thọ; Tử Vi nhật lệ, vạn tượng chiêu thái vũ chi xuân.

Thuỵ mãn Minh giai, hoan đằng duẩn tự.

Khâm duy Hoàng Thượng bệ hạ:

Thiên thông thời hiến, thánh kính nhật tê.

Kinh luân nội trị ngoại nhương, bị Đế bá Hoàng vương chi thể; vận dụng càn khai khôn hạp, quang thánh thần văn vũ chi truyền.

Đăng xương phi nhạ hoằng hưu; thành khánh mậu ưng cảnh hỗ. Hồng nhiễu điện quang phù lệnh đán, cửu bệ đoan Nghiêu Thuấn chi y thường; sơn tăng xuyên chí dụ hồng hy, thiên thu dẫn Kiều Bành chi tuế nguyệt.

Thần đẳng: Dao chiêm nguỵ khuyết, tề cộng thời viên.

Thiên tử vạn thọ vô cương, cẩn chúc miên diên chi lịch; hoàng gia bách thế kỳ cơ, nguyện canh Tấn cốc chi ca.

DỊCH NGHĨA:

BIỂU MỪNG CỦA VĂN VÕ BẮC THÀNH NHÂN TIẾT THIÊN THỌ[1]

Nay kính gặp Thiên thọ thánh tiết:

Núi biển mở điềm, cao dầy dâng phúc.

Hương đưa Ngự uyển, ba ngàn năm mới gặp đào kết trái ngon;[2] vẻ sấng sân son, năm trăm năm ứng buổi Hoàng Hà trong lặng.[3]

Thọ cơ[4] rực sáng xuân về ngọc luật,[5] cửa cấm mở toang phúc ngợp mây hồng.

Cúi nghĩ:

Ngôi Nam Cực[6] tỏ rõ ánh sao, tám cõi mừng nhà vua thọ khảo; toà Tử Vi[7] sáng bừng vầng nhật, vạn cảnh soi trong cõi đều xuân.

Điềm ngợp thềm Minh,[8] vui lừng chiếu trúc.

Kính nghĩ Hoàng Đế bệ hạ:

Thông minh thường tỏ, tôn kính thêm lên.

Kinh dinh nội ngoại đều yên, đủ thể chế Hoàng vương Đế bá; vận dụng kiền khôn đóng mở, theo truyền thống văn võ thánh thần.

Thịnh xương đón lấy tốt lành, mừng vui nhận nhiều phúc lớn.

Chớp mống vồng vây hợp vào buổi sớm, chín bệ nghiêm trang Nghiêu Thuấn áo xiêm; non cao nước chảy đủ để mừng vui, ngàn thu đưa đến Kiều Bành năm tháng.[9]

Chúng thần:

Xa trông cửa khuyết, cùng ngóng bệ rồng.

Thiên tử vạn thọ vô cương, kính chúc mãi dài niên lịch; Hoàng gia bách thế vững nền, xin nối bài ca Tấn cốc.[10]

CHÚ THÍCH:

1.Thiên thọ: Ngày sinh nhật vua.

2.Ba ngàn năm đào kết trái: *Hán Võ nội truyện* chép: Bà Tây Vương Mẫu cho Võ Đế 4 quả đào tiên. Vua lượm lấy hạt, muốn trồng để gây giống. Vương Mẫu nói: "Giống đào này ba ngàn năm mới có quả, đất Trung Châu bạc màu trồng không nở được đâu." Sau thường dùng tích này để chỉ việc chúc thọ.

3.Năm trăm năm nước sông Hoàng Hà trong: Xem chú thích số 2 bài 31.

4.Thọ cơ: Chỉ Thọ tinh tức sao Thọ.

5.Ngọc luật: *Hậu Hán thư* chép: "Đời xưa lấy tro sậy đựng vào trong cái ống gọi là luật quản để quan sát sự thay đổi của thời tiết." Ở đây dùng để chỉ sự thay đổi tốt lành.

6.Nam Cực: *Thiên văn chí* chép: "Lão nhân tinh tại hồ Nam nhất viết Nam Cực" (Ngôi sao tượng trưng người già ở phía nam, gọi là sao Nam Cực), vì vậy người ta dùng từ Nam Cực để chúc người đàn ông sống lâu.

7.Tử vi: Ngôi sao Bắc thần là ngôi đế tinh, dùng để chỉ nhà vua.

8.Thềm Minh: *Sử ký* chép: "Cung điện vua Nghiêu thềm đất cao 3 thước, dưới thềm có cỏ Minh Giáp mọc, ngày mùng một nở một lá, sau ngày rằm rụng một lá..." Người xưa cho rằng cỏ Minh Giáp ứng với điềm lành mới mọc ra.

9.Kiều Bành: Xem chú thích số 8 bài 28.

10.Tấn cốc: Thơ Thiên bảo phần *Tiểu nhã, Kinh Thi*: "Tỷ nhĩ tấn cốc" (Khiến cho ông được hưởng điều vô cùng tốt lành), "tấn cốc" sau được dùng để chỉ sự chúc tụng.

57. 又丁巳年

茲：日月舒輝，山河獻瑞。

玉律春生於承露，金鑾和徹於建章。

伏以：

日麗紫垣，玉宇燦穆清之象；雲開黃道，瑤池迎震夙之祥。

慶溢楓庭，歡騰柳幕。

欽惟皇帝陛下：

與天同大，如日方升。

龍飛端至正準標，於穆配於皇之德；龜紹嗣無疆曆服，丕承光丕顯之謨。

迪吉兼箕範五疇；永年媲周書四哲。

會合眞元臨巳，帝旦符虹流電繞之祥；泰和景運適丁，天家薦川至山增之祉。

眷佑永邀玄嘏，休嘉丕迓鴻禧。

一人既克長克君，乾道正三十六宮之統；大德兼得名得壽，鼎祚凝億千萬世之昌。

臣等：齊向北宸，遙瞻南極。

望蓂階而拜慶，咸言嵩山萬歲之聲；賡葩什以揚休，廑效瓊苑九歌之祝。

PHIÊN ÂM:

HỰU ĐỊNH TỴ NIÊN

Tư: Nhật nguyệt thư huy, sơn hà hiến thuỵ.

Ngọc luật xuân sinh ư thừa lộ, kim loan hoà triệt ư Kiến Chương.

Phục dĩ:

Nhật lệ Tử Viên, ngọc vũ xán mục thanh chi tượng; vân khai Hoàng Đạo, dao trì nghinh chấn túc chi tường.

Khánh dật phong đình, hoan đằng liễu mạc.

Khâm duy Hoàng Đế bệ hạ:

Dữ thiên đồng đại, như nhật phương thăng.

Long phi đoan chí chính chuẩn tiêu, ư mục phối ư hoàng chi đức; quy thiệu tự vô cương lịch phục, phi thừa quang phi hiển chi mô.

Địch cát kiêm cơ phạm ngũ trù, vĩnh niên tì Chu thư tứ triết.

Hội hợp chân nguyên lâm Tỵ, đế đán phù hồng lưu điện nhiễu chi tường; thái hoà cảnh vận thích Đinh, thiên gia tiến xuyên chí sơn tăng chi chỉ.

Quyến hựu vĩnh yêu huyền hỗ, hưu gia phi nhạ hồng hi.

Nhất nhân ký khắc trưởng khắc quân, Càn đạo chính tam thập lục cung chi thống; đại đức kiêm đắc danh đắc thọ, đỉnh tộ ngưng ức thiên vạn thế chi xương.

Thần đẳng: Tề hướng Bắc Thần, dao chiêm Nam Cực.

Vọng huyên giai nhi bái khánh, hàm ngôn Tung sơn vạn tuế chi thanh; canh ba thập dĩ dương hưu, cẩn hiệu quỳnh uyển cửu ca chi chúc.

DỊCH NGHĨA:

LẠI BIỂU CHÚC MỪNG NĂM ĐINH TỴ

Nay: Nhật nguyệt sáng soi, sơn hà dâng thuỵ.

Xuân sinh ngọc luật ở mâm thừa lộ,[1] hoà thấu kim loan ở điện Kiến Chương.

Cúi nghĩ:

Vầng nhật sáng ngôi Tử Viên, nhà ngọc soi hình trong lặng; áng mây trải đường Hoàng Đạo, ao vàng đón điềm sấm vang.

Phúc ngợp sân phong, vui tràn dinh liễu.

Kính thấy Hoàng Đế bệ hạ:

Như cùng trời lớn mạnh, tựa vầng nhật đang lên.

Rồng bay đoan chính mốc nêu, kính cẩn phối sánh cùng đức lớn; rùa tiếp nối dài niên lịch, toả sáng ngời mưu mô tỏ tường.

Mở cát tường kiêm khuôn phép ngũ trù, mãi sánh triều Chu bốn bậc hiền triết.[2]

Nguyên khí tụ họp vào năm Tỵ, đế vương hợp điềm chớp điện giáng sa; vận hội thái hoà đúng vào năm Đinh,[3] nhà vua được phúc núi cao sông chảy.

Được giúp rập đón mãi phúc lớn, điềm tốt lành vời gọi lộc to.

Một người đã là trưởng lại là vua, đạo Càn hợp ba mươi sáu cung thống nhất; đức lớn lại kiêm đắc danh đắc thọ, đỉnh báu đọng ức vạn đời thịnh xương.

Chúng thần: Cùng chầu Bắc Thần, xa trông Nam Cực.

Ngóng thềm huyên mà bái chúc, hô Tung sơn vạn tuế đồng thanh; nối bài ca để tuyên dương, xin học theo chín khúc ca vườn quỳnh mừng chúc.[4]

CHÚ THÍCH:

1.Mâm thừa lộ: Tiên nhân bưng mâm hứng sương để luyện tiên đan.

2.Ngũ trù, chưa rõ điển tích.

Bốn bậc hiền triết đời Chu: Thái Vương, Vương Quý, Văn Vương, Vũ Vương.

3.Năm Tỵ, năm Đinh, tức là năm Đinh Tỵ dâng bài biểu này.

4.Chín khúc ca vườn quỳnh (Quỳnh uyển cửu ca): Đời Lê Thánh Tông, nhân mấy năm được mùa liền, dân no đủ, nhà vua vui mừng liền một lúc làm 9 bài thơ ca ngợi việc này, các văn thần cùng hoạ lại, tập hợp thành tập, đặt tên Quỳnh uyển cửu ca.

58. 又内外武文賀表

茲：黃道昭融，紫垣闡朗。

四面共北辰之紐，萬眉開南極之光。

伏以：

龍受凝圖，穆清渙乾元之象；虹流紀瑞，明潔臨震夙之時。

桃宴迎禧，筍聯溢慶。

欽惟皇上陛下：

通明作后，仁智表邦。

天命惟時惟幾，開闔特神於運量；皇極是彝是訓，仰瞻咸妥於尊親。

寰瀛孚豈弟之儀型，蒼昊錫崇成之履址。

旺堯火而德在木，聖壽增嚴恭寅畏之年；出虞淵而明響南天，時復燦爛光華之旦。

溫室祥雲開五色，昕庭瑞日蘸千山。

流行三十六宮春，玉律益添於仙紀；純大億千餘歲曆，金甌永奠作帝圖。

臣等：邇覿螭坳，齊伸雀躍。

仰聖德位祿名而壽，幸聆九韶善美之音；祝皇家安寧永以長，願獻三頌熾昌之什。

PHIÊN ÂM:

HỰU NỘI NGOẠI VŨ VĂN HẠ BIỂU

Tư: Hoàng Đạo chiêu dung, Tử Viên xiển lãng.

Tứ diện cộng Bắc Thần chi nữu, vạn mi khai Nam Cực chi quang.

Phục dĩ:

Long thụ ngưng đồ, mục thanh hoán Càn nguyên chi tượng; hồng lưu kỷ thuỵ, minh khiết lâm Chấn túc chi thời.

Đào yến nghinh hi, duẩn liên dật khánh.

Khâm duy Hoàng Thượng bệ hạ:

Thông minh tác hậu, nhân trí biểu bang.

Thiên mệnh duy thời duy cơ, khai hạp đặc thần ư vận lượng; hoàng cực thị di thị huấn, ngưỡng chiêm hàm thoả ư tôn thân.

Hoàn doanh phu khải để chi nghi hình, thương hạo tích sùng thành chi lý chỉ.

Vượng Nghiêu hoả nhi đức tại mộc, thánh thọ tăng nghiêm cung dần uý chi niên; xuất Ngu uyên nhi minh hưởng Nam thiên, thời phục xán lạn quang hoa chi đán.

Ôn thất tường vân khai ngũ sắc, Hân đình thuỵ nhật trám thiên sơn.

Lưu hành tam thập lục cung xuân, ngọc luật ích thiêm ư tiên kỷ; thuần đại ức thiên dư tuế lịch, kim âu vĩnh điện tác đế đồ.

Thần đẳng: Nhĩ địch ly ao, tề thân tước dược.

Ngưỡng thánh đức vị lộc danh nhi thọ, hạnh linh Cửu thiều thiện mỹ chi âm; chúc Hoàng gia an ninh vĩnh dĩ trường, nguyện hiến tam tụng xí xương chi thập.

DỊCH NGHĨA:

LẠI BIỂU CHÚC MỪNG CỦA VĂN VÕ TRONG NGOÀI

Nay: Đường Hoàng Đạo sáng soi, ngôi Tử Viên trong sáng.

Tứ diện cùng được Bắc Thần châu lại, vạn mi rạng rỡ Nam Cực sáng soi.

Cúi nghĩ:

Rồng nhận cơ đồ, hoà mục thanh tao tan vào Càn nguyên[1] cảnh tượng; giáng sa điềm tốt, sáng trong tinh khiết kề Chấn túc[2] thời kỳ.

Mừng đón tiệc đào, phúc tràn ban duẩn.

Kính thấy Hoàng Đế bệ hạ:

Đấng nguyên hậu thông tuệ, bậc trí dũng biểu bang.

Vâng mệnh trời đúng thời đúng cơ, mở đóng như thần khi vận dụng; theo hoàng cực để di để huấn, ngửa trông đều thoả với tôn thân.

Khắp trong cõi nêu khuôn phép thuận hoà, trời xanh ban cho phúc lớn tôn quý.

Hoả vượng đời Nghiêu bởi đức ở mộc,[3] tuổi thánh thọ tăng kính cẩn trang nghiêm; uyên thâm đế Thuấn toả sáng khắp trời Nam, trở lại thời quang hoa xán lạn.

Áng mây lành nơi nhà Ôn thất toả năm sắc, mặt trời thuỵ chốn Hân đình soi rọi ngàn non.

Cảnh xuân trải khắp ba mươi sáu cung, ngọc luật tăng thêm tiên kỷ; thuần nhất lớn lao trên ức nghìn niên lịch, cơ đồ vương đế vững âu vàng.

Chúng thần: Ở chốn thấp hèn, mừng vui tung cánh.

Ngửa thấy thánh đức ở ngôi hưởng danh lộc thọ, được nghe âm hay của nhạc Cửu thiều; chúc Hoàng gia mãi mãi an ninh, nguyện dâng lời đẹp ba lần cầu chúc.

CHÚ THÍCH:

1.Càn nguyên: Tức là trời, cũng như Khôn nguyên là đất. Theo *Kinh Dịch* thì đầu tiên sinh ra vạn vật, chỉ có nhị nguyên, tức là âm dương.

2.Chấn túc: Chấn là một trong tám quẻ của *Kinh Dịch*. Chấn túc dùng để chỉ cõi đất.

3.Đức ở mộc, chưa rõ điển cố.

59. 元旦節北城武文賀表

伏以：

貞元會合，日已符得數之中；景物明熙，月寅肇開年之始。

春濃紫禁，慶溢青藩。

欽惟皇上陛下：

德義日新，聰明時憲。

法於上而茂昭達孝，經綸兼內治外攘；位乎中而保合太和，參贊妙乾開坤闔。

率土凜遵於正朔，普天咸沐於恩光。

兩間和氣春風，眞元挽堯舜華勳之盛；萬祀金歐玉燭，景命延殷周曆服之長。

崇成永裕洪禧，昌熾益躋至治。

臣等：

夢纏丙夜，望注時垣。

仰烏輪而葵瓣傾心，遙嚦九韶之奏；瞻鳳闕而椒花媚祝，願賡天保之章。

PHIÊN ÂM:

NGUYÊN ĐÁN TIẾT BẮC THÀNH VŨ VĂN HẠ BIỂU

Phục dĩ:

Trinh nguyên hội hợp, nhật dĩ phù đắc số chi trung; cảnh vật minh hy, nguyệt dần triệu khai niên chi thuỷ.

Xuân nùng tử cấm, khánh dật thanh phiên.

Khâm duy Hoàng Thượng bệ hạ:

Đức nghĩa nhật tân, thông minh thời hiến.

Pháp ư thượng nhi mậu chiêu đạt hiếu, kinh luân kiêm nội trị ngoại nhương; vị hồ trung nhi bảo hợp thái hoà, tham tán diệu kiền khai khôn hạp.

Suất thổ lẫm tuân ư chính sóc, phổ thiên hàm mộc ư ân quang.

Lưỡng gian hoà khí xuân phong, chân nguyên văn Nghiêu Thuấn hoa huân chi thịnh; vạn tự kim âu ngọc chúc, cảnh mệnh diên Ân Chu lịch phục chi trường.

Sùng thành vĩnh dụ hồng hy, xương xí ích tê chí trị.

Thần đẳng:

Mộng triền bính dạ, vọng chú thời viên.

Ngưỡng ô luân nhi quỳ biện khuynh tâm, dao lịch Cửu thiều chi tấu; chiêm phượng khuyết nhi tiêu Hoa mỵ chúc, nguyện canh Thiên bảo chi chương.

DỊCH NGHĨA:

BIỂU CHÚC MỪNG CỦA CÁC QUAN VĂN VÕ BẮC THÀNH NHÂN TIẾT NGUYÊN ĐÁN

Cúi nghĩ:

Tốt lành gặp hội, mặt trời vừa đúng chỗ đỉnh cao; cảnh vật tưng bừng, mặt trăng thuận mở đầu năm mới.

Xuân nồng gác tía, phúc tràn ải xanh.[1]

Kính nghĩ Hoàng Thượng bệ hạ:

Đức nghĩa ngày đổi mới, thông minh được trời ban.

Làm khuôn phép ở trên mà đầy lòng hiếu đễ, tài kinh luân cai trị đẹp cả trong ngoài; ngôi trị vì ở giữa, gìn giữ thái hoà, khéo giúp dập để càn khôn[2] mở đóng.

Khắp miền kính tuân theo chính sóc, mọi nơi đều được tắm ân quang.

Xuân phong hoà khí khắp nơi, đem lại thịnh trị thời Nghiêu Thuấn; đuốc ngọc âu vàng muôn thuở, noi theo lịch số buổi Ân Chu.

Con cháu hưởng phúc lớn dài lâu, nước nhà được phồn vinh mãi mãi.

Chúng thần:

Nửa đêm tưởng nhớ, trông ngóng cung vua.

Theo mặt trời lòng hoa quỳ hướng tới, xa nghe vang vọng nhạc Cửu thiều;[3] ngóng gác phượng thơ Hoa tiêu[4] kính dâng, nguyện xin tiếp vần chương Thiên bảo.[5]

CHÚ THÍCH:

1.Ải xanh: Ý nói các tướng trấn thủ ở nơi xa xôi

2.Càn, Khôn: Tên hai quẻ trong *Kinh Dịch*, tượng trưng cho trời và đất.

3.Cửu thiều: Nhạc ở trong cung vua.

4.Hoa tiêu: Tên bài tụng dùng để chúc Hoàng hậu vào dịp năm mới.

5.Thiên bảo: Tên một bài thơ trong *Kinh Thi*, chúc nhà vua được trường thọ như sông, núi, nhật, nguyệt.

60. 又內外武文賀表

茲：金階集瑞，玉宇呈祥。

和煦開萬彙之容，崇成薦五疇之祉。

伏以：

德元在上，山龍昭帝旦之華；明始履端，河馬表天光之瑞。

旺臨鶉火，喜溢鴛行。

欽惟皇上陛下：

聰睿緝熙，溫恭迪德。

所其無逸，慎一日二日萬幾；詳於有爲，示六卿九卿八法。

省惟歲而常存慄翼，多曆年而丕闡亨嘉。

午中燦爛星雲，協放勳六千歲象占之紀；寅朔昭回澤火，炳大人九五爻虎變之文。

寰瀛景仰於春王，率土咸遵於夏正。

戊維吉天聲四振，景象徵混同康泰之期；申用休鼎命常凝，洪圖衍悠久綿昌之祚。

臣等：幸逢熙代，樂睹芳時。

旦尾中行慶施恩，拜觀聖德，下及億兆民之溥；乾首出握符御曆，僅祝皇家，君臨千萬歲之長。

PHIÊN ÂM:

HỰU NỘI NGOẠI VŨ VĂN HẠ BIỂU

Tư: Kim giai tập thuỵ, ngọc vũ trình tường.

Hoà hú khai vạn vựng chi dung, sùng thành tiến ngũ trù chi chỉ.

Phục dĩ:

Đức nguyên tại thượng, sơn long chiêu đế đán chi hoa; minh thuỷ lý đoan, hà mã biểu thiên quang chi thuỵ.

Vượng lâm thuần hoả, hỉ dật uyên hàng.

Khâm duy Hoàng Thượng bệ hạ:

Thông duệ tập hi, ôn cung địch đức.

Sở kỳ vô dật, thận nhất nhật nhị nhật vạn cơ; tường ư hữu vi, thị lục khanh cửu khanh bát pháp.

Tỉnh duy tuế nhi thường tồn lật dực, đa lịch niên nhi phi xiển hanh gia.

Ngọ trung xán lạn tinh vân, hiệp Phóng Huân lục thiên tuế tượng chiếm chi kỷ; Dần sóc chiêu hồi trạch hoả, bính đại nhân cửu ngũ hào hổ biến chi văn.

Hoàn doanh cảnh ngưỡng ư xuân vương, suất thổ hàm tuân ư hạ chính.

Mậu duy cát thiên thanh tứ chấn, cảnh tượng trưng hỗn đồng khang thái chi kỳ; Thân dụng hưu đỉnh mệnh thường ngưng, hồng đồ diễn du cửu miên xương chi tộ.

Thần đẳng: Hạnh phùng hi đại, lạc đỗ phương thời.

Đán Vĩ trung hành khánh thi ân, bái quan thánh đức, hạ cập ức triệu dân chi phổ; Càn thủ xuất ác phù ngự lịch, cẩn chúc Hoàng gia, quân lâm thiên vạn tuế chi trường.

DỊCH NGHĨA:

LẠI BIỂU CHÚC MỪNG CỦA VĂN VÕ TRONG KINH NGOÀI TRẤN

Nay: Thềm vàng tụ điềm tốt, nhà ngọc dâng điều lành.

Hoà ấm muôn vật sinh sôi, tôn cao ngũ trù đón phúc.

Cúi nghĩ:

Đức nguyên tại thượng, sơn long soi đế đán rực hoa; năm mới bắt đầu, hà mã tỏ trời quang điềm tốt.

Vượng khí kề bệ báu, mừng vui ngợp hàng chầu.

Kính thấy Hoàng Thượng bệ hạ:

Sáng suốt thông minh, ôn hoà đức độ.

Sở đắc không nhàn dật, dù một ngày hai ngày cũng cho là vạn cơ; hiểu rõ việc phải làm, coi lục khanh cửu khanh đều nằm trong tám phép.

Xét việc hàng năm thường run sợ, trải nhiều ngày rộng mở cơ đồ.

Chính trong năm Ngọ mà rực rỡ tinh vân, hiệp với kỷ tượng chiếm Phóng Huân[1] sáu nghìn tuổi; mồng một tháng Dần tỏ soi trạch hoả, sáng nếp văn hổ biến[2] hào cửu ngũ gặp đại nhân.[3]

Khắp cõi trông ngóng xuân vương, mọi miền đều theo hạ chính.[4]

Năm Mậu cát tường tiếng vang bốn cõi, cảnh tượng thái hanh khang thái trường kỳ; năm Thân vạc lớn mệnh lệnh thường ngưng, hồng đồ dài mãi thịnh xương bảo tộ.

Chúng thần: May gặp đời sáng, vui thấy thời lành.

Sao Vĩ[5] buổi sáng ban phúc thi ân, vái trông thánh đức xuống tới vạn triệu dân rộng khắp; quẻ Càn ra nắm phù ngự lịch,[6] kính chúc Hoàng gia, trị nước ức vạn thuở dài lâu.

CHÚ THÍCH:

1.Phóng Huân, tức Đế Thuấn; sáu nghìn tuổi: Chưa rõ điển cố.

2.Hổ biến: Kinh Dịch, quẻ Cách, hào Cửu ngũ nói: "Đại hổ biến, kỳ nhân bỉnh dã" nghĩa là bậc đại nhân như con hổ biến, có văn vẻ sáng sủa.

3.Hào Cửu ngũ cũng nói: "Long phi tại thiên, lợi kiến đại nhân" nghiã là rồng bay lên, gặp đại nhân thì lợi.

4.Xuân vương, hạ chính: Vương đang tuổi trẻ, chính thể nhà Hạ, chỉ vua Quang Toản và triều đình. *Xuân, hạ* chữ dùng cho đối chỉnh.

5.Sao Vĩ, là một trong nhị thập bát tú, chủ về văn chương.

6.Phù ngự lịch: Có lẽ là cái thẻ cầm khi chầu vua.

61. 冬至節內外武文賀表

茲:辰 摳朗照,軫旦舒輝。

玄象凝碩果之祥,青龍遞韶年之信。

太和保合,品彙昭蘇。

伏以:

六位成中,大明耀統天之日;一陽肇始,初動轟出地之雷。

葭管報春,筍聯胥賀。

欽惟皇上陛下:

聰明作則,豈弟爲綱。

經綸兼內治外攘,昭保大定功之懿鑠;運用妙乾開坤闔,穆紹聞衣德之儀型。

弛張允當天心,整頓茂宣聖政。

庚先煥作新之美化,寰瀛咸仰於光華;子半開資始之眞機,胞與都歸於發育。

殷禮舉而遹邀玄貺,淑氣調而丕迓休徵。

貞又元元又亨，悠久無疆，條貫合中和之極；復而臨臨而泰，運行不息，曆服延純大之休。

臣等：慶睹永寧，歡迎長至。

履端一之日，幸聆黃鍾發越之元音；受祉萬斯年，僅祝寶祚綿洪之景慶。

PHIÊN ÂM:

ĐÔNG CHÍ TIẾT NỘI NGOẠI VĂN VŨ HẠ BIỂU

Tư: Thần khu lãng chiếu, Chẩn đán thư huy.

Huyền tượng ngưng thạc quả chi tường, thanh long đệ thiều niên chi tín.

Thái hoà bảo hợp, phẩm vựng chiêu tô.

Phục dĩ:

Lục vị thành trung, đại minh diệu thống thiên chi nhật; nhất dương triệu thuỷ, sơ động oanh xuất địa chi lôi.

Hà quản báo xuân, duẩn liên tư hạ.

Khâm duy Hoàng Thượng bệ hạ:

Thông minh tác tắc, khải để vi cương.

Kinh luân kiêm nội trị ngoại nhương, chiêu bảo đại định công chi ý thước; vận dụng diệu càn khai khôn hạp, mục chiêu văn y đức chi nghi hình.

Thỉ trương doãn đương thiên tâm, chỉnh đốn mậu tuyên thánh chính.

Canh tiên hoán tác tân chi mỹ hoá, hoàn doanh hàm ngưỡng ư quang hoa; tý bán khai tư thuỷ chi chân cơ, bào dữ đô quy ư phát dục.

Ân lễ cử nhi duật yêu huyền huống, thục khí điều nhi phi nhạ hưu trương.

Trinh hựu Nguyên Nguyên hựu Hanh, du cửu vô cương, điều quán hợp trung hoà chi cực; Phục nhi Lâm Lâm nhi Thái, vận hành bất tức, lịch phục diên thuần đại chi hưu.

Thần đẳng: Khánh đổ vĩnh ninh, hoan nghênh trường chí.

Lý đoan nhất chi nhật, hạnh linh hoàng chung phát việt chi nguyên âm; thụ chỉ vạn tư niên, cẩn chúc bảo tộ miên hồng chi cảnh khánh.

DỊCH NGHĨA:

TIẾT ĐÔNG CHÍ VĂN VÕ TRONG NGOÀI DÂNG BIỂU CHÚC MỪNG

Nay: Bắc Thần sáng chiếu, Nam Chẩn tỏ soi.(1)

Huyền tượng ngưng thạc quả tỏ điềm, thanh long báo tin vui xuân tới.(2)

Thái hoà tụ hợp, muôn vật sinh sôi.

Cúi nghĩ:

Sáu ngôi vị đã thành, khắp trời tỏ soi vầng nhật; một hào dương vừa mở, dậy đất rung động sấm vang.

Hà quản báo xuân, duẩn ban mừng chúc.(3)

Kính thấy Hoàng Thượng bệ hạ:

Thông minh đặt phép, hoà thuận làm giềng.

Kinh luân kiêm trong dẹp ngoài yên, lập công lớn ngời soi đức sáng; vận dụng khéo càn khôn mở đóng, nổi tiếng hài hoà sắp đặt khuôn hình.

Giương cung hợp với lòng trời, chỉnh sửa tuân theo nếp thánh.

Ngày Canh trước đổi làm tục đẹp, khắp cõi đều ngước đón quang vinh; Tý nửa đêm khởi mở chân cơ, dân và vật khơi mầm sinh trưởng.

Sửa lễ trọng để tiếp nơi phúc lớn, điều khí lành để đón điềm to.

Trinh lại Nguyên Nguyên lại Hanh, dài dặc vô bờ, xuyên suốt trung hoà tới cùng cực; Phục rồi Lâm Lâm rồi Thái,(4) vận hành không nghỉ, lịch vua dài mãi đến vô cùng.

Chúng thần:

Mừng thấy cảnh vĩnh ninh, vui đón tiết trường chí.(5)

Buổi đầu tháng một, may được nghe tiếng chuông vàng ngân vang; nhận phúc ngàn muôn năm, xin chúc ngôi báu nối dài phúc khánh.

CHÚ THÍCH:

1.Sao Chẩn, tinh dã ở phương nam, tức nước ta.

2.Huyền tượng: Voi lớn, Thanh long: Rồng xanh, có lẽ cũng là tên hai vì sao chủ về thời tiết.

Thạc quả: Quả lớn. "Thạc quả bất thực" nghĩa là quả lớn không ăn, còn sót lại sẽ sinh quả khác (quẻ Bác, *Kinh Dịch*).

3.Hà quản: Ống đựng tro cỏ hà, dùng để xem thời tiết.

Duẩn ban: Xem chú thích số 7 bài 29.

4.Trinh, Nguyên, Hanh; Phục Lâm, Thái: Thuật ngữ và tên quẻ trong *Kinh Dịch*.

6.Vĩnh ninh: Mãi mãi yên vui. Trường chí: Xem chú thích số 1 bài 48.

62. 陳樂表

伏以：

元后綏猷，乾元燦衣裳之象；大德受命，鼎祚凝曆服之休。

慶集宗祊，歡騰朝著。

欽惟皇帝陛下：

道高五帝，德邁三靈。

亨于西而取彼凶殘，戡撥上經綸，旄鉞拯橫流之墊溺；成于艮不盡人財力，神武中仁厚，冠蓋蘇甫起之瘡痍。

敦睦寔體于好生，尚讓允諧於降命。

天意得而陽春啓順，冰融宿怨，解利南消在戰之干戈；聖度恢而華夏欽成，葉展新心，恒盡北結交孚之玉帛。

鍾虡既通於粵省，軒符全煥於燕都。

旅幣來河馬山車，不愛寶應吉祥之嘉兆；袞華貫珠星壁月，有斐文昭懿燦之洪猷。

蓋威懷無待於假靈，而盛大寔弘於流慶。

不已於昭令聞，溯丁、李、黎、陳而上，光南天一部之簡書；無疆永奠丕圖，兼夏、殷、周、漢以長，衍午日億年之運祚。

臣等忝司柳閫，遙仰楓宸。

盛典昭曠古榮觀，慶海晏河清之嘉會；繁禧視自天眷佑，祝山增川至之嘉祥。

清明景仰佳時，歌頌恭陳樂府。

其一

上天生聖哲，
啓卜協三靈。
電掃滄溟外，
北顧揮神旌。
義兵不再戰，
妙運寂無聲。
曆數在厥躬，
徽章上彤庭。
四海仰龍飛，
一治闡泰亨。
世會貞以元，
乾坤清且寧。

星宿羅時極，
山河拱玉京。
泰階占旭日，
百祿慶崇成。

其二

恭惟上聖資，
太乙高僊錄。
帝謂此元會，
旺氣鍾南服。
誕命亨于西，
指顧清山瀆。
一怒宣明威，
萬里秋風肅。
操柄斂干將，
辭令起鄰睦。
燕臺奉璽書，
龍編分地軸。
九陛下彤雲，
三京開玉燭。
咫尺想鈞韶，
齊聲歌戢穀。

PHIÊN ÂM:

TRẦN NHẠC BIỂU

Phục dĩ:

Nguyên hậu tuy du, càn nguyên xán y thường chi tượng; đại đức thụ mệnh, đỉnh tộ ngưng lịch phục chi hưu.

Khánh tập tông bang, hoan đằng triều trước.

Khâm duy Hoàng Đế bệ hạ:

Đạo cao Ngũ đế, đức mại Tam linh.

Hanh vu Tây nhi thủ bỉ hung tàn, kham bát thượng kinh luân, mao việt chửng hoành lưu chi điếm nịch; thành vu Cấn bất tận nhân tài lực, thần vũ trung nhân hậu, quán cái tô phủ khởi chi sang di.

Đôn mục thực thể vu hiếu sinh, thượng nhượng doãn hài ư giáng mệnh.

Thiên ý đắc nhi dương xuân khải thuận, băng dung túc oán, giải lợi nam tiêu tại chiến chi can qua; thánh độ khôi nhi Hoa Hạ khâm thành, diệp triển tân tâm, hằng tận bắc kết giao phu chi ngọc bạch.

Chung cự ký thông ư Việt tỉnh, hiên phù toàn hoán ư Yên đô.

Lữ tệ lai hà mã sơn xa, bất ái bảo ưng cát tường chi gia triệu; cổn hoa bí chu tinh bích nguyệt, hữu phỉ văn chiêu ý thước chi hồng du.

Cái uy hoài vô đãi ư giả linh, nhi thịnh đại thực hoằng ư lưu khánh.

Bất dĩ ư chiêu lệnh văn, tố Đinh Lý Lê Trần nhi thượng, quang Nam thiên nhất bộ chi giản thư; vô cương vĩnh điện phi đồ, kiêm Hạ Ân Chu Hán dĩ trưởng, diễn Ngọ nhật ức niên chi vận tộ.

Thần đẳng: Thiểm ti liễu khổn, dao ngưỡng phong thần.

Thịnh điển chiêu khoáng cổ vinh quan, khánh hải yến hà thanh chi gia hội; phồn hy thị tự thiên quyến hựu, chúc sơn tăng xuyên chí chi gia tường.

Thanh minh cảnh ngưỡng giai thời, ca tụng cung trần nhạc phủ.

KỲ NHẤT:

Thượng thiên sinh thánh triết,

Khải bốc hiệp tam linh.

Điện tảo thương minh ngoại,

Bắc cố huy thần tinh.
Nghĩa binh bất tái chiến,
Diệu vận tịch vô thanh.
Lịch số tại quyết cung,
Huy chương thưởng đồng đình,
Tứ hải ngưỡng long phi.
Nhất trị xiển thái hanh,
Thế hội trinh dĩ nguyên.
Càn khôn thanh thả ninh,
Tinh tú la thời cực.
Sơn hà củng Ngọc kinh,
Thái giai chiếm húc nhật.
Bách lộc khánh sùng thành.

KỲ NHỊ:

Cung duy thưởng Thánh tư,
Thái Ất cao tiên lục.
Đế vị thử nguyên hội,
Vượng khí chung Nam phục.
Đản mệnh hanh vu Tây,
Chỉ cố thanh sơn độc.
Nhất nộ tuyên minh uy,
Vạn lý thu phong túc.
Thao bính liễm can tương,
Từ lệnh khởi lân mục.
Yên Đài phụng tỷ thư,
Long Biên phân địa trục.
Cửu bệ hạ đồng vân,
Tam kinh khai ngọc chúc.
Chỉ xích tưởng quân thiều,
Tề thanh ca tiễn cốc.

DỊCH NGHĨA:

BIỂU DÂNG NHẠC

Cúi nghĩ:

Đấng nguyên hậu nối mưu, càn nguyên[1] vẻ áo xiêm rực rỡ; bậc đại đức chịu mệnh, đỉnh báu điềm lịch số vững bền.[2]

Phúc đọng miếu đường, tưng bừng triều hội.

Kính nghĩ Hoàng Đế bệ hạ:

Đạo hơn Ngũ đế,[3] đức vượt Tam linh.[4]

Dấy nghiệp miền Tây mà diệt lũ hung tàn, dẹp loạn đủ tài kinh luân, cờ dáo vớt người qua sông chết đắm; thành công ở Bắc không hao người tốn của, có thần uy mà nhân hậu, che chở kẻ thương tàn mới gượng lên.

Hoà mục thể hiện đức hiếu sinh, nhường nhịn tỏ rõ trong mệnh lệnh.

Hợp lòng trời hội dương xuân thuận mở, tiêu tan oán cũ, cởi nạn can qua chinh chiến nước Nam; noi phép thánh cùng Hoa Hạ giảng hoà, mở rộng lòng son, thông đường ngọc bạch kết giao phương Bắc.

Chuông trống đã thông đường tỉnh Việt, tiết phù sáng rực ở đô Yên.[5]

Lữ tệ[6] đến tấp nập ngựa xe, không tiếc của báu, ứng điềm lành tốt đẹp; cổn hoa[7] sáng long lanh ngọc bích, đủ cả lễ văn, tỏ mưu lớn dịu hiền.

Bởi uy quyền chẳng đợi ở mượn linh, vì lớn mạnh mới rộng cho phúc khánh.

Tiếng tăm lừng lẫy không thôi, từ Đinh, Lý, Trần, Lê về trước, là một pho sử ngời sáng trời Nam; cơ đồ vững chắc vô song, so Hạ, Thương, Chu, Hán không kém, ức năm ngôi báu mặt trời giữa Ngọ.

Chúng thần: Lạm coi ải liễu, xa ngóng sân rồng.

Thịnh điển từ vạn cổ được xem, mừng buổi sông trong biển lặng; rất vui thấy trời cao giúp dập, chúc điềm núi cả sông dài.

Buổi sáng trong ngựa đón tiết lành, xin ca tụng trình lên khúc nhạc:

KHÚC 1

Trời sinh bậc thánh triết,
Mở lối hiệp tam linh.[9]
Ngoài biển tia chớp quét,
Hương Bắc vẫy cờ thiêng.
Nghĩa binh không ra trận,
Thần diệu lặng âm thanh.
Lịch số nắm chắc tay,
Huy chương sáng cung đình.
Bốn biển ngắm rồng bay,[10]
Chính trị mở thái hanh.
Thế vận vừa bắt đầu,
Càn khôn trong và lành.
Tinh tú vây Bắc Đẩu,
Sông núi chầu Ngọc kinh.
Thềm cao soi bóng nhật,
Trăm việc chúc hoàn thành.

KHÚC 2

Kính thay đấng Thánh hoàng,
Thái Ất[11] cõi tiên lục.
Trời bảo độ hội đầu,
Vượng khí cõi Nam phục.[12]
Chịu mệnh từ miền Tây,
Khoảnh khắc bình non dốc.
Một giận tỏ uy nhiêm,
Nghìn khơi gió thu giục.
Nắm kiếm cắm vào bao,
Giao thiệp gây hoà mục.
Yên Đài dâng tỷ thư,[13]
Long Biên chia địa trục.[14]

Chín bệ toả mây hồng,
Ba kinh[15] bừng đuốc ngọc.[16]
Gang tấc tiếng quân thiều,[17]
Đồng thanh ca Tấn cốc.[18]

CHÚ THÍCH:

1.Càn nguyên: Chữ trong quẻ Càn, *Kinh Dịch*: "Đại tai càn nguyên, vạn vật tư thuỷ" (Lớn thay đứng đầu tượng càn, vạn vật nhờ đó bắt đầu). Càn là trời, tượng trưng cho ngôi vua.

2.Lịch số: Vận số của trời an bài cho vua.

3.Ngũ đế: Xem chú thích 1 bài 12.

4.Tam linh, cũng như tam tài: Trời, đất và người.

5.Tỉnh Việt tức Quảng Tây, đô Yên tức Yên Kinh. Đây chỉ việc hoà hiếu với Phúc Khang An ở Quế Lâm (Quảng Tây), sau đó sứ bộ sang Yên Kinh yết kiến vua Càn Long nhà Thanh.

6.Lữ tệ: Sứ giả đem lụa đến biếu. Đây chỉ sứ giả Tây Sơn.

7.Cổn hoa: Áo thêu hoa vua thường mặc. Đây chỉ vua Kiền Long.

8.Vua Càn Long nhà Thanh tổ chức đón tiếp đoàn Quang Trung (giả) rất trọng thể. Lễ đón tiếp này tiêu tốn hàng vạn lạng.

9.Tam linh: Xem chú thích 4 ở trên.

10.Rồng bay: Xem chú thích 3 bài 20.

11.Thái Ất: Tức sao "Thiên đế thần," là ngôi sao đứng đầu mười sáu thần ở phương nam. Tiên lục, tức cõi tiên.

12.Nam phục, cõi nam chỉ nước ta.

13.Yên Đài: Tức Yên Kinh; Tỷ thư: Sắc thư có đóng ấn ngọc.

14.Long Biên: Thăng Long; Địa trục: Trục của đất chia Yên Kinh ở cực Bắc, Long Biên ở cực Nam.

15.Ba kinh: Tức kinh đô Thăng Long, kinh đô Phú Xuân, và Phượng Hoàng Trung đô, nơi Quang Trung đang cho xây dựng ở Nghệ An.

16.Đuốc ngọc: Chỉ vua hiền: "Nhân quân đức như ngọc, nhi minh nhược trúc" (Vua đức tốt như ngọc mà sáng như đuốc - *Nhĩ nhã).*

17.Quân thiều: Xem chú thích 1 bài 23.

18.Tấn cốc: Xem chú thích số 10 bài 56.

63. 奉陞兵部尚書該牧本貫兵民謝表

茲欽奉敕書放臣陞兵部尚書，並詔旨放臣該牧臣本貫兵民。

稠疊隆施，天高地厚。

竊念：臣海涯落魂，已爲亡命之人；雲表抬頭，幸際依光之會。

駑駘驅策，未展寸勞，而出格殊霑，寔逾素分。

臣：欽承天寵，感激聖恩。

九天之閶闔宣徽，循墻共命；五夜之鈞韶入夢，拜首稱休。

謹奉表稱謝者。

伏以：龍德正中，昭雨施雲行之象；鴻恩溥博，仰海涵春育之仁。

捧宸文而感切五官，瞻黼座而神馳萬里。

欽惟皇上陛下：

堯勳蕩蕩，禹德明明。

運量惟深故通，成物以義，生物以仁，作用具皇王道理；包含其大無外，取人之周，用人之壹，蓋容恢天地範圍。

曲成中管剪兼收，洞燭下菲葑並采。

敦文屬一家盛會，臣濫廁上卿北事之司；講信憑九陛英模，臣敢當學士詞宗之選。

不謂彫虫之猥瑣，驟蒙彩鳳之榮陞。

奎章尺扎輝煌，秩臣以蘭省鄉曹，韋布之承恩已極；天詔十行璀燦，祿臣以枌鄉庸賦，斗筲之竊餘寔多。

造化於凡花賤卉而不遺，高深豈勺水纖塵之能報。

臣敢不：式欽成命，恪迪官常。

奉訓彝而趍赴惟虔，思上答日月照臨之德；霑寵渥而尊親靡懈，驥永承山河悠久之休。

PHIÊN ÂM:

PHỤNG THĂNG BINH BỘ
THƯỢNG THƯ CAI MỤC BẢN QUÁN BINH DÂN TẠ BIỂU

Tư khâm phụng sắc thư ban thần thăng Binh Bộ Thượng thư, tịnh chiếu chỉ ban thần cai mục thần bản quán binh dân.

Trù điệp long thi, thiên cao địa hậu.

Thiết niệm: Thần hải nhai lạc hồn, dĩ vi vong mệnh chi nhân; vân biểu đài đầu, hạnh tế y quang chi hội.

Nô đài khu sách, vị triển thốn lao, nhi xuất cách thù triêm, thực du tố phận.

Thần: Khâm thừa thiên sủng, cảm kích thánh ân.

Cửu thiên chi xương hạp tuyên huy, tuần tường cộng mệnh; ngũ dạ chi quân thiều nhập mộng, bái thủ xưng hưu.

Cẩn phụng biểu xưng tạ giả.

Phục dĩ: Long đức chính trung, chiêu vũ thí vân hành chi tượng; hồng ân phổ bác, ngưỡng hải hàm xuân dục chi nhân.

Phủng thần văn nhi cảm thiết ngũ quan, chiêm phủ toạ nhi thần trì vạn lý.

Khâm duy Hoàng Thượng bệ hạ:

Nghiêu huân đãng đãng, Vũ đức minh minh.

Vận lượng duy thâm cố thông, thành vật dĩ nghĩa, sinh vật dĩ nhân, tác dụng cụ Hoàng Vương đạo lý; bao hàm kỳ đại vô ngoại, thủ nhân chi chu, dụng nhân chi nhất, cái dung khôi thiên địa phạm vi.

Khúc thành trung quản tiễn kiêm thu, động chúc hạ phỉ phong tịnh thái.

Đôn văn thuộc nhất gia thịnh hội, thần lạm xí Thượng khanh Bắc sự chi ti; giảng tín bằng cửu bệ anh mô, thần cảm đương Học sĩ từ tông chi tuyển.

Bất vị điêu trùng chi ổi toả, sậu mông thái phượng chi vinh thăng.

Khuê chương xích trát huy hoàng, trật thần dĩ lan tỉnh hương tào, vi bố chi thừa ân dĩ cực; thiên chiếu thập hàng thôi xán, lộc thần dĩ phần hương dung phú, đẩu sao chi thiết thốc thực đa.

Tạo hoá ư phàm hoa tiện huỷ nhi bất di, cao thâm khởi thược thuỷ tiêm trần chi năng báo.

Thần cảm bất: Thức khâm thành mệnh, khác địch quan thường.

Phụng huấn di nhi xu phó duy kiền, tư thượng đáp nhật nguyệt chiếu lâm chi đức; triêm sủng ốc nhi tôn thân mị giải, ký vĩnh thừa sơn hà du cửu chi hưu.

DỊCH NGHĨA:

BIỂU TẠ ƠN ĐƯỢC THĂNG CHỨC BINH BỘ THƯỢNG THƯ VÀ CHO CAI QUẢN BINH DÂN BẢN QUÁN

Nay vâng được sắc thư, ban xuống thăng thần chức Binh Bộ Thượng thư và có chiếu chỉ cho thần cai quản binh dân bản quán.

Thực là: Chồng chất ân ban, cao dày trời đất.

Trộm nghĩ thần là kẻ: Biển bờ lưu lạc, lang bạt khắp nơi; đầu ngẩng chạm mây, sáng trong may gặp.

Ngựa hèn rong ruổi, chưa chút công lao, mà đặc cách ơn sâu, thực hơn bổn phận.

Thần: Kính đội thiên sủng, cảm kích thánh ân.

Chín tầng cửa nhà trời tỏ soi, men tường nhận mệnh;[1] năm canh nhạc quân thiều nhập mộng, vái lạy chúc mừng.

Xin kính dâng biểu này cảm tạ.

Cúi nghĩ:

Đức rồng thẳng ngay, tỏ soi cảnh tượng tựa mây bay mưa tưới; ơn to trải rộng, ngửa thấy lòng nhân như biển chứa xuân nuôi.

Bưng sắc văn mà run rẩy ngũ quan, nhìn bệ ngọc mà hồn bay vạn dặm.

Kính nghĩ Hoàng Đế bệ hạ:

Công Nghiêu lồng lộng, đức Vũ[2] ngời ngời.

Vận lượng sâu xa vốn thông, vật trưởng thành dùng nghĩa, vật mới sinh dùng nhân, thực xứng đấng Hoàng Vương đạo lý; bao gồm rộng khắp không bỏ, chọn người thì chu toàn, dùng người thì nhất quán, chở che rộng trời đất phạm vi.

Trong chỗ tác thành hơn kém đều dung, dưới tầm soi xét sang hèn thảy nạp.

Sùng văn thuộc một nhà thịnh hội, thần lạm dự chức Thượng khanh gánh vác việc Bắc phương; giảng hoà cậy chín bệ mưu hay, thần đương chức Học sĩ lựa chọn từ chương đối đáp.

Chẳng kể điêu trùng nghề mọn, bỗng được chiếu chỉ vinh thăng.

Sắc thư một trát huy hoàng, đặt thần lên chỗ lan sảnh hương tào, thân mọn thừa ân hết mức; chiếu trời mười hàng rực rỡ, cho thần hưởng lộc quê hương tô thuế, tài đấu thưng hưởng thụ quá nhiều.

Đấng tạo hoá không bỏ xót hương nội hoa hèn, nơi cao thẳm há báo đền mảy lông hạt bụi.

Thần đâu dám chẳng: Tuân theo mệnh thánh, kính giữ phép công.

Vâng lời huấn di mà kính cẩn lo toan, nghĩ nên đáp đền đức nhật nguyệt soi tới; thấm ân sủng với tôn thân đâu dám trễ, mong cho hưởng phúc như sông núi dài lâu.

CHÚ THÍCH:

1.Men tường vâng mệnh: Sách *Tả truyện*, phần Chiêu công năm thứ 7 có câu: "Chính Khảo phủ tá Đới, Vũ Tuyên tam mệnh tư ích cung, cố ký minh đỉnh vân: "Nhất mệnh nhi lũ, tái mệnh nhi yển, tam mệnh nhi phủ, tuần tường nhi khởi, diệc mạc cảm vụ" (Chính Khảo phủ giúp Đới công, Vũ Công, Tuyên Công, ba lần ra lệnh càng cung kính, cho nên khắc vào đỉnh rằng: "Nhận mệnh lần thứ nhất thì khom người, nhận mệnh lần thứ hai thì cúi, nhận mệnh lần thứ ba thì phủ phục quanh tường, rồi mới đứng dậy mà cũng không dám khinh thường ta"). Trong bài dùng để chỉ sự cung kính.

2.Nghiêu: Vua nhà Đào Đường.

Vũ: Vua nhà Hạ, đều là những vua anh minh.

64. 贈封謝表

茲欽奉敕放贈臣父某大都督郡公爵。

仰惟：聖德如天，憫臣駑鈍馳驅，施及臣父。鸞書顯贈，泉壤知榮，顧臣幸得依光，慚無報效。東西趍赴，蔑施從事之勤；身家寵榮，疊蒙非分之澤。乃茲臣父猥由末品，濫陟穹班。皇仁奚罄於海山？子道何加於塵滴？悲喜並集，感忭交幷。惟有叩首九門，以移孝慰臣父九源之爽；捫心萬里，思竭誠答聖皇萬世之恩。竭蹐由衷，清光在望。謹奉表稱謝者。

伏以:乾元運上,弘潤推大造之仁;天寵及親,永思切小人之感。

"椿華承露,葵瓣向陽。

欽惟皇帝陛下:

道立五敦,治端一孝。

峻德昭明百姓,知其情而辟其義,澤流盈實之椒聊;聖謨表正萬邦,篤於親而興於仁,恩溥庇根之葛藟。

蓋體臣自九經上做,而臨下從一寔中推。

恤臣孤衰經在躬,迢遞關山,未展一匙之報;軫臣父几筵即遠,焜煌典策,特施三錫之恩。

臣遙誦誥章,翹瞻魏闕。

惟天爲大,鑄陶莫狀於洪鈞;夫地之多,持載寔容於撮土。

敢不:夙夜匪懈,先後惟虔。

推事父以事君,一致險夷,期無忝義方之教;效奉天而奉上,三箴持守,惟常懷臨照之公。

尤願:聖德無疆,皇圖增固。

長保同休之慶,永肩棐迪之忠。

PHIÊN ÂM:

TẶNG PHONG TẠ BIỂU

Tư khâm phụng sắc ban tặng thần phụ mỗ đại Đô đốc Quận công tước.

Ngưỡng duy: Thánh đức như thiên, mẫn thần nô độn trì khu, thí cập thần phụ. Loan thư hiển tặng, tuyền nhưỡng tri vinh, cố thần hạnh đắc y quang, tàm vô báo hiệu. Đông tây xu phó, miệt thi tòng sự chi cần, thân gia sủng vinh, điệp mông phỉ phận chi trạch. Nãi tư thần phụ ổi do mạt phẩm, lạm trắc khung ban. Hoàng nhân hề khánh ư hải sơn? tử đạo hà gia ư trần trích? Bi hỷ tịnh tập, cảm biện giao tinh. Duy hữu khấu thủ cửu môn, dĩ di hiếu uý thần phụ cửu nguyên chi sảng; môn tâm vạn lý, tư kiệt thành đáp thánh hoàng vạn thế chi ân. Cục tích do trung, thanh quang tại vọng. Cẩn phụng biểu xưng tạ giả.

Phục dĩ: Càn nguyên vận thượng, hoằng nhuận suy đại tạo chi nhân; thiên sủng cập thân, vĩnh tư thiết tiểu nhân chi cảm.

Xuân hoa thừa lộ, quỳ biện hướng dương.

Khâm duy: Hoàng Đế bệ hạ:

Đạo lập ngũ đôn, trị đoan nhất hiếu.

Tuấn đức chiêu minh bách tính, tri kỳ tình nhi tịch kỳ nghĩa, trạch lưu doanh thực chi tiêu liêu; thánh mô biểu chính vạn bang, đốc ư thân nhi hưng ư nhân, ân phổ tý căn nhi cát luỹ.

Cái thể thần tự cửu kinh thượng tố, nhi lâm hạ tòng nhất thực trung suy.

Tuất thần cô suy kinh tại cung, thiều đệ quan sơn, vị triển nhất chuỷ chi báo; chẩn thần phụ kỉ diên tức viễn, côn hoàng điển sách, đặc thi tam tích chi ân.

Thần: Dao tụng cáo chương, kiều chiêm nguỵ khuyết.

Duy thiên vi đại, chú đào mạc trạng ư hồng quân; phu địa chi đa, trì tải thực dung ư toát thổ.

Cảm bất: Túc dạ phỉ giải, tiên hậu duy kiền.

Suy sự phụ dĩ sự quân, nhất trí hiểm di, kỳ vô thiểm nghĩa phương chi giáo; hiệu phụng thiên nhi phụng thượng, tam châm trì thủ, duythường hoài lâm chiếu chi công.

Vưu nguyện: Thánh đức vô cương, hoàng đồ tăng cố.

Trường bảo đồng hưu chi khánh, vĩnh kiên phỉ địch chi trung.

DỊCH NGHĨA:

BIỂU TẠ ƠN ĐƯỢC PHONG TẶNG

Nay kính vâng nhận sắc ban tặng cho cha thần là *mỗ* được nhận chức Đại đô đốc, tước Quận công.

Ngửa trông: Đức của Thánh thượng to lớn như trời, thương thần tài hèn rong ruổi, mà thi ân đến cả cho cha thần. Thư loan ban tặng, người ở suối vàng thơm lây. Xét thần may được nương nhờ ánh sáng, thẹn chưa biết lấy gì báo đáp. Thần chạy vạy tây đông, không chăm chỉ với công việc, gia đình lại được sủng vinh, ơn đội chất chồng không xứng phúc phận mà mình được nhận. Nhưng nay cha thần thân phận thấp hèn, lạm leo lên bậc cao. Lòng nhân từ của Hoàng thượng như non như biển sao thể cạn kiệt? Đạo tôi con sao không thêm vào một giọt nước, một hạt bụi? Thật là buồn vui cùng đến, niềm thương cảm và lòng hoan hỷ giao hoà. Thần chỉ biết khấu đầu trước cửu trùng, để tỏ lòng an ủi cha thần nơi chín suối; thần ở nơi vạn dặm tự hỏi mình, đã dốc hết lòng trung để đáp lại cái ơn muôn đời của Thánh hoàng chưa? Băn khoăn trong dạ, chỉ biết trông vời về nơi có ánh sáng trong. Xin kính cẩn dâng lên biểu tạ.

Cúi nghĩ: Đức càn nguyên ở trên cao xoay chuyển, thôi thúc lòng nhân đại tạo thấm sâu; Hoàng thượng sủng ái đến cả đấng thân, khiến tình cảm tiểu nhân này nghĩ mãi.

Hoa xuân[1] đón nhận mưa móc, bông quỳ hướng về thái dương.

Kính nghĩ Hoàng Thượng bệ hạ:

Dựng đạo ngũ luân, trọng nơi chữ hiếu.

Đức lớn tỏ soi nơi trăm họ, thấu hết tình mà đạt hết nghĩa, ơn trạch tràn đầy như quả cây tiêu;[2] mưu thánh sáng rõ chốn vạn bang, chuộng người thân mà dấy điều nhân, ơn rộng sánh cùng rễ cây cát luỹ.[3]

Có lẽ, Thánh thượng thể tất cho thần làm theo cửu kinh, mà chiếu cố suy ân trong thực tại.

Xót thương thần côi cút thân hèn, rong ruổi nơi quan san xa xôi, chưa đền đáp cho đấng thân mình một mảy; thương cha thần phải thờ cúng nơi xa, rờ rỡ điển chương, nên thi ân đặc biệt.

Thần xa đọc cáo chương, nghển trông cửa khuyết.

Lớn lao như trời, thực không gì nặn đúc được như đấng hồng quân; ôi đất thì nhiều, nhưng sự chất chứa chỉ từ một nắm đất.

Thần dám đâu: Sớm khuya lười nhác, sau trước chuyên cần.

Suy từ việc thờ cha để thờ vua, chẳng quản ngại hiểm trở hay gập ghềnh, để với lời dạy nghĩa phương thực không hổ thẹn; bắt chước việc kính trời mà kính Hoàng thượng, lời khuyên giữ vững, chỉ thường chăm chú với việc công.

Thần cầu mong: Đức thánh vô bờ, hoàng đồ củng cố.

Giữ mãi cảnh vui chung phúc khánh, giúp rập hoài bằng tấm lòng trung.

CHÚ THÍCH:

1.Xuân là cây huyền thoại, cao to sống ngàn năm. Trong văn chương thường dùng để ví với người cha.

2.Tiêu, nguyên văn "tiêu liêu": *Kinh Thi*, Đường phong: "Tiêu liêu chi thực, phồn diễn doanh thăng" (Quả cây tiêu tươi tốt đầy thăng), ý nói cây tiêu tươi tốt, quả hái được đầy thăng.

3.Cát luỹ là cây sắn. *Tả Truyện*, Tấn văn: "Cát luỹ do năng tí kỳ bản căn" (loài cây sắn có thể che mát cho gốc rễ). Đây mượn để ca ngợi nhà vua.

65. 奉修閱史表奏

奏本邑神祠大行皇帝

茲臣等謹奉修閱史要典成書，裝璜恭進聖前，伏昭鑒。

臣等竊惟:閭之有史，禮經訓厚以齊民；神罔時恫，詩雅勸成而治世。

蓋正直聰明之照鑒，寔蚩蠢林總之歸依。

視於無形而聽於無聲，事物顯幽一理；質之不疑即俟之不惑，高明左右兩間。

欽惟:神武克君，慈仁爲母。

一統輿圖恢拓，平占舉宋大恢張；六宮矩範端莊，興夏翼商同懿美。

振英聲於禹甸，留僊跡於枌鄉。

千秋香火如今，赫濯丕昭於祀典；百室井廬在此，施生莫狀於玄功。

非文獻之無徵，但變通之或使。文以時異，故政由俗革。

莫之爲而爲者天，仁爲人長而義使物宜，有可行則行是道。若或動乎心體，乃敢著之話言。

今臣等參稽本鄉古制，酌以今日所宜，釐爲閭史典要，該二十七條，襲成一書，恭藏金匱。對洋靈而宣播，邀聰聽之和平。惟願不顯亦臨，有徵則信。無黨無偏無反側，藉神德於陰誘默賜之中；相友相助相扶持，守鄉要爲興讓興仁之本。世教於焉扶

植，方民自此阜成，德歸厚俗回醇，六行迪周書之訓，吏安官民樂業，五福膺洪範之疇。

臣不勝大願之至。

PHIÊN ÂM:

PHỤNG TU LƯ SỬ BIỂU TẤU

TẤU BẢN ẤP THẦN TỪ ĐẠI HÀNH HOÀNG ĐẾ

Tư thần đẳng cẩn phụng tu Lư sử yếu điển thành thư, trang hoàng cung tiến thánh tiền, phục chiêu giám.

Thần đẳng thiết duy: Lư chi hữu sử, Lễ Kinh huấn hậu dĩ tề dân; thần võng thời thông, Thi Nhã khuyến thành nhi trị thế.

Cái chính trực thông minh chi chiếu giám; thực xỉ xuẩn lâm tổng chi quy y.

Thị ư vô hình nhi thính ư vô thanh, sự vật hiển u nhất lý; chất chi bất nghi tức sĩ chi bất hoặc, cao minh tả hữu lưỡng gian.

Khâm duy: Thần vũ khắc quân, từ nhân vi mẫu, nhất thống dư đồ khôi thác, bình Chiêm cử Tống đại khôi trương; lục cung củ phạm đoan trang, hưng Hạ dực Thương đồng ý mỹ.

Chấn anh thanh ư Vũ điện, lưu tiên tích ư phần hương.

Thiên thu hương hoả như kim, hách trạc phi chiêu ư tự điển; bách thất tỉnh lư tại thử, thí sinh mạc trạng ư huyền công.

Phi văn hiến chi vô trưng, đãn biến thông chi hoặc sử. Văn dĩ thời dị, cố chính do tục cách.

Mạc chi vi nhi vi giả thiên, nhân vi nhân trường nhi nghĩa sử vật nghi, hữu khả hành tắc hành thị đạo. Nhược hoặc động hồ tâm thể, nãi cảm trước chi thoại ngôn.

Kim thần đẳngtham kê bản hương cổ chế, chước dĩ kim nhật sở nghi, ly vi Lư sử điển yếu, cai nhị thập thất điều, tập thành nhất thư,

cung tàng kim quỹ, đối dương linh nhi tuyên bá, yêu thông thính chi hoà bình. Duy nguyện bất hiển diệc lâm, hữu trưng tắc tín. Vô đảng vô thiên vô phản trắc, tịch thần đức ư âm dụ mặc tứ chi trung; tương hữu tương trợ tương phù trì, thủ hương yếu vi hưng nhượng hưng nhân chi bản. Thế giáo ư yên phù thực, phương dân tự thử phụ thành. Đức quy hậu tục hồi thuần, lục hành địch Chu thư chi huấn; lại an quan dân lạc nghiệp, ngũ phúc ưng Hồng phạm chi trù.

Thần bất thăng đại nguyện chi chí.

DỊCH NGHĨA:

BIỂU TÂU VỀ VIỆC KÍNH SOẠN BỘ LƯ SỬ TÂU LÊN ĐỀN THỜ ĐẠI HÀNH HOÀNG ĐẾ Ở BẢN ẤP

Nay chúng thần tu sửa điển lệ trọng yếu ghi trong *Lư sử* để biên soạn thành sách, trình bày đẹp đẽ dâng lên trước thánh minh, cúi mong được soi xét.

Chúng thần trộm nghĩ: Làng có sử để trị dân, như lời dạy trong *Lễ Kinh*; thần linh không thể oán hận, bởi trị đời như lời khuyên ở *Thi Nhã*.

Có lẽ nhờ sự soi xét của bậc thông minh chính trực, khiến cho bọn ngu muội quay về.

Nhìn không thấy hình, nghe không thấy tiếng, sự vật hiển u một lẽ; hỏi không nghi ngờ, đợi không thắc mắc, cao sáng tả hữu hai bên.

Kính nghĩ: Thần vũ là vua, nhân từ là mẹ.

Một giải cơ đồ khôi phục mở mang, dẹp Chiêm đánh Tống thế lực hùng cường; sáu cung quy củ, nề nếp đoan trang, hưng Hạ giúp Thương[1] đều là ý tốt.

Tiếng tăm lẫy lừng nơi vũ điện, để điểm tốt đẹp chốn quê hương.

Ngàn năm hương lửa tới nay, rạng rỡ trong điển lễ thờ cúng; họ hàng làng xóm ở đấy, công lao không gì lớn bằng cứu dân.

Sách vở đã chép, nhưng thời cuộc đổi thay, lời văn mỗi thời mỗi khác, cho nên chính sự cũng đổi theo phong tục.

Không thấy làm mà làm đó là trời, điều nhân khiến con người khôn lớn, điều nghĩa khiến vạn vật thích nghi; điều đáng làm mà làm được đó là đạo, nếu như trong lòng còn trăn trở thì chỉ dám thể hiện ra lời nói.

Nay, chúng thần tham cứu lệ xưa của làng, cân nhắc cho phù hợp với ngày nay. Sửa lại lầm điển lệ của làng xóm, cộng tất cả thành 27 điều, đóng thành một quyển, cung kính cất trong hòm vàng, để nêu sự linh thiêng, đón sự yên bình. Cúi mong nơi u minh soi xét, có chứng cứ thì tin, không bè đảng làm điều phản trắc, nhờ đức thần nơi cõi âm u ngầm giúp, phù hộ độ trì, giữ cho làng xóm chấn hưng lễ nhượng, mở rộng nhân ái. Nề nếp nhờ đó mà được gây dựng; muôn dân từ đó mà nên nghiệp, đạo đức phong tục trở nên thuần hậu. Lục hạnh theo giáo huấn của Chu thư, quan lại yên ổn, dân lành an nghiệp; ngũ phúc[2] được hưởng như thiên Hồng phạm.[3] Thần khôn xiết cúi mong.

CHÚ THÍCH:

1.Chỉ việc khôi phục nhà Lê, phò giúp Nguyễn Nhạc.

2.Ngũ phúc: Thọ, phú, khang ninh, đức độ, khảo chung mệnh.

3.Hồng phạm, một thiên trong *Kinh Thi*.

66. 奏進石馬表奏

茲臣恭進石馬二座，奉安廟庭左右，奉勒名左馬曰馭日，右馬曰捧宸。豎立完成，禮當叩謝。

竊念小生猥由瑰瑣，仰荷扶持，乙未春夢見召對丹墀，玉音宣諭，賜以是年登第，再入侍西宮，四十年，又欽諭獻奉廄馬，以供御用。小生前經製進藤馬駕車，日久朽蠹，今奉易獻石馬，流傳永遠。

自惟夢中兆朕，事事符合，非小生精誠所致，寔賴聖德默相陰扶，感激由衷，形容莫狀。

謹伏表稱賀者。

伏以：乾元不息，統天流品物之形；坤厚無疆，行地永西南之利。

巍巍僊仗，矯矯雲驄。

固已頑頡羲龍，而低昂穆駿者也。

欽惟：道隆堯舜，德配壬姜。

蓮花祥應聖人，金戈啓有興之運；渭涘慶鍾天妹，彤管彰思媚之徽。

烈光赤孔之昭，神武於乎不在。

自御蹕寵臨於此土，茀軒配曜，天昌發文獻之徵；故里仁式至于今休，絃誦聲揚，地蔭增科甲之盛。

宣佑既多於先進，裁培尤篤於小生。

艱難經坎險幾秋，想憂戚寔玉成之厚；蕃庶幸晉康此日，冀安貞如石介之堅。

敢不兢惕丹忱，答揚玄貺。

降于社恰遵休命，維馳驅之範以操持；質諸神時惕小心，若信息之來常對越。

尤願：許之百福，佑及一鄉。

鳴鸞佩玉贊皇猷，世世達馳駿之路；馭日捧宸膺帝祉，家家開容駟之門。

小生不勝願望之至。

PHIÊN ÂM:

TẤU TIẾN THẠCH MÃ BIỂU TẤU

Tư thần cung tiến thạch mã nhị toà, phụng an miếu đình tả hữu, phụng lặc danh tả mã viết: Ngự Nhật, hữu mã viết: Phủng Thần. Thụ lập hoàn thành, lễ đương khấu tạ.

Thiết niệm: Tiểu sinh ổi do khôi toả, ngưỡng hà phù trì, Ất Vị xuân mộng kiến triệu đối đan trì, ngọc âm tuyên dụ, tứ dĩ thị niên đăng đệ, tái nhập thị Tây cung, tứ thập niên, hựu khâm dụ hiến phụng cứu mã, dĩ cung ngự dụng. Tiểu sinh tiền kinh chế tiến đẳng mã giá xa, nhật cửu hủ đố, kim phụng dịch hiến thạch mã, lưu truyền vĩnh viễn. Tự duy mộng trung triệu trẫm, sự sự phù hợp, phi tiểu sinh tinh thành sở trí, thực lại thánh đức mặc tướng âm phù, cảm kích do trung, hình dung mạc trạng.

Cẩn phục biểu xưng hạ giả.

Phục dĩ: Càn nguyên bất tức, thống thiên lưu phẩm vật chi hình; Khôn hậu vô cương, hành địa vĩnh tây nam chi lợi.

Nguy nguy tiên trượng, kiểu kiểu vân Thông.

Cố dĩ ngoan hiệt Hy long, nhi đê ngang Mục tuấn giả dã.

Khâm duy: Đạo long Nghiêu Thuấn, đức phối Nhâm Khương.

Liên hoa tường ứng thánh nhân, kim qua khải hữu hưng chi vận; Vị sĩ khánh chung thiên muội, đồng quản chương tứ mỵ chi huy.

Liệt quang xích khổng chi chiêu, thần vũ ư hồ bất tại.

Tự ngự tất sủng lâm ư thử thổ, phất hiên phối diệu, thiên xương phát văn hiến chi trưng; cố lý nhân thức chí vu kim hưu, huyền tụng thanh dương, địa ấm tăng khoa giáp chi thịnh.

Tuyên hựu ký đa ư tiên tiến, tài bồi vưu đốc ư tiểu sinh.

Gian nan kinh khảm hiểm cơ thu, tưởng ưu thích thực ngọc thành chi hậu; phiên thứ hạnh tấn khang thử nhật, ký an trinh như thạch giới chi kiên.

Cảm bất cạnh dịch đan thầm, đáp dương huyền huống.

Giáng vu xã cáp tuân hưu mệnh, duy trì khu chi phạm dĩ thao trì; chất chư thần thời dịch tiểu tâm, nhược tín tức chi lai thường đối việt.

Vưu nguyện: Hứa chi bách phúc, hựu cập nhất hương.

Minh loan bội ngọc tán hoàng du, thế thế đạt trì bác chi lộ; Ngự Nhật Phủng Thần ưng đế chỉ, gia gia khai dung tứ chi môn.

Tiểu sinh bất thăng nguyện vọng chi chí.

DỊCH NGHĨA:

BIỂU TÂU CUNG TIẾN NGỰA ĐÁ[1]

Nay thần kính dâng ngựa đá hai cỗ, đặt ở hai bên sân miếu, kính khắc tên bên trái là Ngự Nhật, bên phải là Phủng Thần, công việc hoàn thành, theo lễ xin lạy tạ.

Trộm nghĩ: Tiểu sinh quê mùa nhỏ mọn, được nhờ bề trên phù trì, mùa xuân năm Ất Mùi (1775) mộng được gọi đến đối ở thềm đỏ, lời ngọc dụ rằng: Ban cho năm đó được đỗ, được vào hầu tây cung. Bốn mươi tuổi lại kính nhận dụ phụng dâng ngựa để nhà vua dùng. Tiểu sinh trước đây đã làm ngựa mây[2] để dâng, lâu ngày đã mọt nát, nay đổi dâng ngựa đá, để lưu truyền vĩnh viễn. Tự nghĩ những điều báo trong mộng, mọi việc đều khớp. Chẳng phải do lòng thành của tiểu sinh đưa đến, mà thực nhờ thánh đức ngầm phù trợ. Cảm kích tự trong lòng, không thể diễn tả nổi.

Kính cẩn cúi dâng biểu chúc mừng.

Cúi nghĩ:

Đạo Càn không nghỉ, hiện hình muôn vật khắp bầu trời; đức Khôn không cùng, dài mãi phồn vinh trên mặt đất.

Gậy tiên sừng sững, ngựa Thông kiêu hùng.

Vốn đã cứng cỏi con long mã Phục Hy, mà còn ngang tầm chú tuấn mã Chu Mục.

Kính thấy tôn thần:

Đạo ngang Nghiêu Thuấn, đức sánh Nhâm Khương.[3]

Hoa sen điềm ứng thánh nhân, dáo vàng dấy trung hưng vận hội; chung đức em trời ngòi Vị,[4] quản đỏ ghi người đẹp dịu hiền.

Công lao oanh liệt rạng rỡ soi, uy nghi thần võ vẻ vang khắp.

Từ buổi đất này xa giá tới, cùng phi phối ngẫu, trời ban điềm nảy nở văn chương; nên ngày nay đưa đến điềm hay, lừng lẫy tiếng tăm, đất thịnh vượng tăng thêm khoa giáp.

Đã phù trì cho nhiều vị tiên tiến, lại xới vun hậu riêng kẻ tiểu sinh.

Gian nan trải hiểm đã mấy thu, lo toan được chu toàn trọng hậu; lặn lội hôm nay may yên ổn, mong được vững bền như đá kiên trinh.

Đâu dám không: Lòng không kính sợ, báo đáp ơn sâu.

Giáng nơi miếu xã kính tuân mệnh lớn, để ruổi rong trong lúc theo hầu; dâng cho chư thần cẩn thận tuân theo, luôn sẵn sàng nghe theo dạy bảo.

Rất mong: Ban cho trăm phúc, giúp cả một làng.

Nhạc minh loan bội ngọc giúp oai vua, để đời đời ruổi theo con đường thuận; ngựa Ngự Nhật Phủng Thần noi gót đế, cho nhà nhà mở cửa đón điềm may.

Tiểu sinh mong muốn khôn cùng.

CHÚ THÍCH:

1.Đình làng Tả Thanh Oai quê hương Ngô Thì Nhậm thờ Lê Đại Hành và bà Hoàng phi, nguyên là người làng này. Bài biểu này Ngô Thì Nhậm sáng tác vào dịp ông cung tiến đôi ngựa đá vào đình làng.

2.Ngựa mây: Tức là ngựa đan bằng mây, ngoài trát vôi và sơn vẽ, đặt trên một cái giá bằng gỗ, có bánh xe để kéo đi. Các đền miếu xưa thường có ngựa này.

3.Nhâm Khương: Bà Thái Nhâm vợ vua Vương Quý, bà Thái Khương vợ vua Thái Vương nhà Chu, đều là những người có đức tốt.

4.Chung đúc em trời ngòi Vị: (Ngòi Vị chung đúc nên em trời), tức bà Hoàng phi được thờ làm Thành hoàng do có sông Vị tạo nên hoàn cảnh: Lê Đại Hành khi qua sông Nhuệ, trong bài Ngô Thì Nhậm gọi là ngòi Vị, gặp bà Hoàng phi đã nên duyên tại đây.

***

MỤC LỤC

NGỌC ĐƯỜNG XUÂN KHIẾU

- *Giới thiệu văn bản*.....7
1. *Vãn thu tham tiền* (Tham thiền vào buổi cuối thu).....12
2. *Đăng Hỗ sơn hữu cảm* (Cảm tưởng khi lên núi Hỗ).....13
3. *Nhuệ giang tịch phiếm* (Chiều tà bơi thuyền trên sông Nhuệ).....15
4. *Thiền am tự cựu* (Giãi bày tình cũ ở am Phật).....16
5. *Giang tự tình du* (Trời quang tạnh chơi chùa bên sông).....18
6. *Hạ niên quyến Phan Thuỵ Nham Đốc thị Nghệ An* (Mừng người thân đỗ cùng khoa là Phan Thuỵ Nham làm Đốc thị Nghệ An).....20
7. *Quá Chu Văn Trinh miếu công miếu hữu hoài, nhị thủ. Kỳ nhất* (Cảm xúc khi qua miếu Chu Văn Trinh, 2 bài. Bài 1).....21
8. *Kỳ nhị* (Bài 2).....23
9. *Dữ dật sĩ Phạm Thời Thấu liên vận, nhị thủ. Kỳ nhất* (Hoạ liên vận bài thơ của dật sĩ Phạm Thời Thấu, 2 bài. Bài 1).....25
10. *Kỳ nhị* (Bài 2).....27
11. *Ngũ Vân lâu công hà ký tịnh ngữ* (Nhân việc công rỗi rãi ở lầu Ngũ Vân, kèm lời dẫn).....29
12. *Y toái ngọc thể dụng song nhạn xuất quần cách* (Theo thể "toái ngọc" dùng cách "hai con nhạn bay ra khỏi đàn").....34
13. *Ngũ Vân lâu vãn diếu* (Trên lầu Ngũ Vân ngắm cảnh chiều).....36
14. *Hạ Ngự sử Nguyễn Bút phong* (Viết mừng quan Ngự sử Nguyễn Bút Phong).....37
15. *Nghĩ đại Văn Giang môn sinh hạ sư tử cập đệ* (Viết thay môn sinh ở Văn Giang mừng con thày thi đỗ đại khoa).....40
16. *Hạ hữu* (Mừng bạn).....46
17. *Hoạ kê tiên* (Hoạ bài thơ bói tiên).....48
18. *Đinh Mùi độ Khâm hà ngẫu thành Lâm giang khúc* (Mùa thu năm Đinh Mùi qua sông Khâm tình cờ viết nên khúc "Lâm giang").....49
19. *Tại Kim Lan ký đệ Học Tốn thị* (Ở Kim Lan gửi cho em Học Tốn).....52

20. *Thư tứ Dương khế tử Hồng* (Viết cho con người bạn họ Dương tên là Hồng).....53
21. *Khốc đệ Quảng Ngiệp quân* (Khóc em Quảng Nghiệp).....55
22. *Thần Phù sơn vọng hải* (Đứng trên núi Thần Phù ngắm biển).....56
23. *Đăng Bàn A sơn cảm hứng* (Cảm hứng khi lên núi Bàn A).....59
24. *Nghệ An đạo trung* (Trên đường Nghệ An).....60
25. *Ngụ Dinh Cầu muộn thuật* (Thuật lại nỗi buồn khi nghỉ lại ở Dinh Cầu).....62
26. *Ký đệ Học Tốn thị* (Gửi em Học Tốn).....64
27. *Hoạ thân thúc công* (Hoạ bài thơ của chú ruột).....65
28. *Cầu Dinh hữu cảm* (Cảm nghĩ khi nghỉ lại ở Dinh Cầu).....66
29. *Thu tứ, tứ tuyệt. Kỳ nhất* (Tứ thu, bốn bài. Bài 1).....68
30. *Kỳ nhị* (Bài 2).....69
31. *Kỳ tam* (Bài 3).....70
32. *Kỳ tứ* (Bài 4).....71
33. *Ký kiến* (Ghi lại những điều mắt thấy).....71
34. *Văn giá cô thanh* (Nghe tiếng chim đa đa).....73
35. *Hoành Sơn đạo trung* (Trên đường Hoành Sơn).....75
36. *Lãng ngâm* (Ngâm tràn).....76
37. *Quá Hoành Sơn* (Qua Hoành Sơn).....78
38. *Đăng Hoành Sơn vọng hải* (Lên núi Hoành Sơn ngắm bể).....79
39. *Quá Thần Đầu hải ngạn* (Qua bờ biển Thần Đầu).....80
40. *Bố Chính đạo trung* (Trên đường Bố Chính).....82
41. *Hý nghĩ Quỳnh Lâm nữ ký viễn* (Đùa làm thay cô gái ở Quỳnh Lâm gửi người đi xa).....83
42. *Sơn hành xuất hiểm* (Đi đường núi ra khỏi nơi hiểm trở).....85
43. *Tức cảnh, tam thủ. Kỳ nhất* (Tức cảnh, 3 bài. Bài 1).....87
44. *Kỳ nhị* (Bài 2).....89
45. *Kỳ tam* (Bài 3).....90
46. *Sơn đình* (Đình trên núi).....91

47. *Giang lâu* (Lầu trên sông).....92
48. *Lữ xá* (Quán trọ).....93
49. *Quế Lâm* (Quế Lâm).....94
50. *Yên Đài* (Yên Đài).....96
51. *Thanh Sơn hiểu vọng* (Buổi sớm ngắm cảnh Thanh Sơn).....97
52. *Càn Sơn vãn diếu* (Ngắm cảnh chiều ở Càn Sơn).....99
53. *Giang thiên viễn diểu* (Cảnh trời sông nhìn xa).....100
54. *Dịch lộ hiểu hành* (Buổi sáng đi trên đường trạm).....102
55. *Thu dạ lữ đình* (Đình lữ khách đêm thu).....103
56. *Đăng trình hữu cảm* (Cảm nghĩ lúc lên đường).....105
57. *Bắc thành du hứng* (Cảm hứng khi đi chơi ở đô thành phương bắc).....106
58. *Ô Giang phong nguyệt* (Trăng gió Ô Giang).....108
59. *Thu hành* (Đi trong mùa thu).....109
60. *Sơn hành* (Đi trong núi).....111
61. *Cổ miếu* (Miếu cổ).....112
62. *Cổ tự* (Chùa cổ).....113
63. *Trai cung thị lậu* (Trực giờ ở trai cung).....115
64. *Ngoạn thiềm thu tễ* (Đêm thu tạnh ngắm trăng).....116
65. *Ký hành thư thị Vũ Hạo Trạch* (Ghi chép lúc đi đường viết gửi cho Vũ Hạo Trạch).....118
66. *Ký sự* (Ghi việc).....119
67. *Thư tiễn Thị lang Điển Ngọc hầu phụng sứ* (Viết tiễn quan Thị lang Điển Ngọc hầu vâng mệnh đi sứ).....120
68. *Duyệt thi* (Xem thơ).....122
69. *Ký Bảo Triện Trần Hoàng giáp* (Gửi ông Hoàng giáp họ Trần ở làng Bảo Triện).....125
70. *Sơn hành* (Đi đường núi).....127
71. *Tặng Trung thư Kỷ Thiện hầu* (Tặng quan Trung thư Kỷ Thiện hầu).....130

72. *Hoạ quyến đệ Đồng Lạc thị* (Hoạ bài thơ của người em họ là Đồng Lạc).....132
73. *Khấp đệ Học Tốn thị* (Khóc em Học Tốn).....135
74. *Ai Lao cống tượng phụng ngự Kính Thiên lâu tảo triều cung ký* (Nhân việc nước Ai Lao cống voi, phụng mệnh vào chầu sớm ở lầu Kính Thiên, kính ghi).....136
75. *Thần phó học tức sự* (Buổi sớm tới nhà học, tức sự).....137

CÚC HOA THI TRẬN

- *Giới thiệu*.....141
1. *Cảm hứng hoạ Thị ngự công chi tác* (Cảm hứng hoạ bài thơ của ông Thị ngự).....144
2.....145
3.....147
4. *Khánh vãn* (Than cho nỗi mừng).....149
5.....150
6. *Tự lạc hoài* (Vui thuật lại nỗi lòng).....152
7.....154
8.....156
9.....158
10.....160
11.....162
12.....165
13. *Hý đại Hồ Dương* (Đùa thay nàng Hồ Dương).....166
14. *Hý đại khuê oán* (Bỡn làm thay lời khuê oán).....168
15. *Hý đại Hồ Dương cảm hoài. Kỳ nhất:* Cảm quyên thanh (Đùa thay nàng Hồ Dương bày tỏ nỗi lòng. Bài 1).....170
16. *Kỳ nhị: Cảm thiền thanh* (Bài 2: Buồn nghe tiếng ve).....172
17. *Kỳ tam: Cảm cầm thanh* (Bài 3: Buồn nghe tiếng đàn).....174
18. *Kỳ tứ: Cảm chung thanh* (Bài 4: Cảm tưởng khi nghe tiếng chuông).....175

19. *Kỳ ngũ: Cảm thu thuỷ thanh* (Bài 5: Cảm tưởng khi nghe tiếng nước mùa thu).....177
20. *Hý đại Hồ Dương phú ngũ cầu chương. Kỳ nhất: Cầu minh* (Đùa thay nàng Hồ Dương làm các bài thơ về ngũ cầu. Bài 1: Tìm ánh trăng sáng).....178
21. *Kỳ nhị: Cầu hương* (Tìm hoa thơm).....182
22. *Kỳ tam: Cầu quang* (Bài 3: Tìm gương sáng).....183
23. *Kỳ tứ: Cầu thanh* (Bài 4: Tìm tiếng thoi đưa).....184
24. *Kỳ ngũ: Cầu âm* (Bài 5: Tìm tiếng đàn).....185
25. *Cung vãn tiên nghiêm đản tiết* (Gặp ngày sinh nhật cha, kính viếng).....186
26. *Tuân ý* (Tuân theo ý).....188
27. *Khâm vãn Đan Dương lăng* (Kính viếng lăng Đan Dương).....190
28. *Cung ức Nhị Thanh động* (Kính nhớ động Nhị Thanh).....192
29. *Tống thu: Kỳ nhất* (Tiễn thu: Bài 1).....193
30. *Kỳ nhị* (Bài 2).....196
31. *Kỳ tam* (Bài 3).....197
32. *Kỳ tứ* (Bài 4).....198
33. *Tích thu: Kỳ nhất* (Tiếc thu: Bài 1).....200
34. *Kỳ nhị* (Bài 2).....202
35. *Kỳ tam* (Bài 3).....203
36. *Kỳ tứ* (Bài 4).....204
37. *Kỳ ngũ* (Bài 5).....206
38.....207
39. *Kỳ nhất: Thi khởi quân tử hảo cầu* (Bài 1: Cảm tưởng về câu "Bạn đẹp đôi lứa của người quân tử" ở trong Kinh Thi).....209
40. *Kỳ nhị: Thư khởi nhị nữ ly giáng* (Bài 2: Cảm nghĩ về câu chuyện vua Nghiêu gả hai cô con gái cho Đế Thuấn trong Kinh Thư).....213
41. *Kỳ tam: Dịch khởi Đế ất quy muội* (Bài 3: Cảm tưởng về câu "Đế Ất gả em gái" trong Kinh Dịch).....215

42. *Kỳ tứ: Xuân thu khởi Khương thị hội Tề hầu* (Bài 4: Cảm tưởng về việc nàng Khương thị hội với Tề hầu chép trong kinh Xuân Thu).....217
43. *Kỳ ngũ: Lễ nội tắc khởi thiếp tuy lão niên vị ngũ thập tất hứng ngũ nhật chi ngự* (Bài 5: Cảm tưởng về câu "Vợ lẽ tuy già, nhưng nếu tuổi chưa tới 50 ắt phải được dự năm ngày một lần ngự" trong thiên Nội tắc, Kinh Lễ).....219
44. *Thu hồi: Kỳ nhất* (Thu về: Bài 1).....220
45. *Kỳ nhị* (Bài 2).....222
46. *Kỳ tam* (Bài 3).....224
47. *Kỳ tứ* (Bài 4).....226
48. *Kỳ ngũ* (Bài 5).....227
49. *Phụng độc Phan hầu Tam đắc chi tác hỉ nhi thành* (Đọc bài thơ Tam đắc của Phan hầu vui mừng mà làm thơ).....228
50.....231

THU CẬN DƯƠNG NGÔN

- *Giới thiệu*.....235
1. *Khâm ban nhật thị Thanh Di điện cung ký* (Vâng mệnh vua ban cho vào hầu ban ngày ở điện Thanh Di, kính ghi).....240
2. *Khâm ban ngự tiền trân thiện cung ký* (Được vua cho ăn bữa cơm ngon trước mặt vua, kính ghi).....241
3. *Sóc vọng thị tấu nhạc Thái Tổ miếu cung ký* (Ngày mồng một và rằm chầu tấu nhạc ở miếu Thái Tổ, kính ghi).....243
4. *Tòng giá bái tảo Đan Dương lăng cung ký* (Theo xe vua đến làm lễ quét dọn ở lăng Đan Dương, kính ghi).....244
5. *Tòng giá bái tảo Xương Thuỵ lăng cung ký* (Theo xe vua thăm lăng Xương Thuỵ, kính ghi).....246
6. *Tòng giá Vọng Trận cung xuân nhật xuất binh cung ký* (Theo xe vua tới cung Vọng Trận ra quân vào ngày xuân, kính ghi).....247

7. *Kỳ nhị* (Bài 2).....249
8. *Khâm thị ngự tiền tứ trà cung ký* (Kính chầu trước vua được ban cho uống trà, kính ghi).....250
9. *Tòng giá hạnh Nhưng môn quan hải cung ký* (Theo vua đến cửa Nhưng ngắm biển, kính ghi).....252
10. *Thị ngự chu quá Hà Trung hối cung ký* (Hầu thuyền vua qua vũng xoáy ở giữa sông, kính ghi).....253
11. *Phụng ứng chế Tư Dung hải khẩu tức cảnh* (Vâng mệnh vua làm bài thơ tức cảnh ở cửa bể Tư Dung).....255
12. *Dạ triệu thị ngự dinh tụng tiên thi cung ký* (Ban đêm được triệu vào hầu trong dinh vua đọc thơ tiên, kính ghi).....257
13. *Thị ngự dinh phụng ngoạn nhãn kính cung ký* (Hầu ở dinh vua được vua cho xem cặp kính đeo mắt, kính ghi).....258
14. *Tảo triều Trung Hoà điện tứ nhập Thị nội độc chiến thủ tấu nghị cung ký* (Buổi sớm chầu ở điện Trung Hoà, được vua cho vào hầu bên trong, đọc bản tâu về việc đánh hay giữ, kính ghi).....260
15. *Phụng chỉ trùng khai Thiên Uy cảng cung ký* (Vâng chỉ dụ khơi lại kênh Thiên Uy, kính ghi).....262
16. *Tòng giá hạnh Thái học thích thái* (Theo xe vua tới nhà Thái học làm lễ Tiên sư).....264
17. *Đáp Thị ngự Phan quyến thai* (Đáp người em rể họ Phan giữ chức Thị ngự).....266
18. *Kỳ nhị* (Bài 2).....267
19. *Kỳ tam* (Bài 3).....269
20. *Đáp Bắc Thành xuân hứng* (Đáp bài cảm hứng mùa xuân ở Bắc Thành).....270
21. *Đáp kinh kỳ cận phiên* (Đáp phiên triều cận ở kinh kỳ) 272
22. *Đáp Thị ngự Phan quyến thai* (Đáp người em rể họ Phan làm chức Thị ngự).....274
23. *Kỳ nhị* (Bài 2).....275
24. *Hoạ Trung thư phụng chính Trần công đảo vũ chi tác* (Hoạ thơ cầu mưa của quan Trung thư phụng chính Trần công).....275

25. *Hoạ Đãi chiếu Thượng thư Nguyễn khế thai* (Hoạ thơ ông bạn Thượng thư Đãi chiếu họ Nguyễn).....276
26. *Kỳ nhị* (Bài 2).....278
27. *Kỳ tam* (Bìa 3).....279
28. *Hựu đáp yết sơn động chi tác* (Lại đáp bài thơ đề ở động núi)..... 281
29. *Kỳ nhị* (Bài 2).....284
30. *Kỳ Tam* (Bài 3).....286
31. *Đáp Đãi chiếu Thượng thư Vũ khế thai* (Đáp ông bạn Thượng thư Đãi chiếu họ Vũ).....287
32. *Ký đồng ấp niên quyến Nguyễn cư sĩ* (Gửi ông Nguyễn cư sĩ bạn đồng niên cùng làng).....288
33. *Kỳ nhị* (Bài 2).....289
34. *Hoạ thân thúc công* (Hoạ thơ ông chú ruột).....291
35. *Xuân giang dạ phiếm* (Bơi thuyền đêm xuân).....292
36. *Đáp bái hỷ* (Đáp thơ chúc mừng).....294
37. *Đáp ký sự* (Đáp bài ghi việc).....295
38. *Đáp tục ngâm* (Đáp bài tục ngâm).....296
39. *Đáp bái hỷ* (Đáp thơ chúc mừng).....298
40. *Đáp ký sự* (Đáp bài ghi việc).....299
41. *Đáp tục ngâm* (Đáp bài tục ngâm).....300
42. *Đáp Tư Dung hải khẩu chi tác* (Đáp bài cửa bể Tư Dung).....302
43. *Đáp đăng Quy sơn chi tác* (Đáp lại bài lên núi Rùa).....304
44. *Di Lại thị Hải Phái Đoàn hầu Nghĩa Trạch Nhữ hầu hý tác khuê oán* (Làm đùa gửi Thị lang Bộ Lại Hứa Phái hầu họ Đoàn, Nghĩa Trạch hầu họ Nhữ oán thán chốn khuê phòng).....305
45. *Khuê tình* (Tình khuê phòng).....308
46. *Kỳ nhị* (Bài 2).....309
47. *Đáp Lại Thị Hải Phái Đoàn hầu* (Đáp quan Thị lang Bộ Lại là Hải Phái hầu họ Đoàn).....312
48. *Kỳ nhị* (Bài 2).....315

49. *Hựu đáp* (Lại đáp).....317
50. *Kỳ nhị* (Bài 2).....320
51. *Hựu đáp hoạ biệt vận* (Lại hoạ đáp theo vần khác).....321
52. *Kỳ nhị* (Bài 2).....322
53. *Kỳ tam* (Bài 3).....323
54. *Kỳ tứ* (Bài 4).....325
55. *Kỳ ngũ* (Bài 5).....327
56. *Đáp Binh Bộ Tả phụng nghị Nguyễn Nghi thai* (Đáp ông bạn họ Nguyễn chức Tả phụng nghị Bộ Binh).....328
57. *Tặng Đồng nghị Ưng Dương hầu tái vãng Bắc Thành* (Tặng quan Đồng nghị Ưng Dương hầu lại ra trấn thủ Bắc Thành).....331
58. *Đáp thân đệ Huyền Trai* (Đáp bài thơ em ruột Huyền Trai)..... 333
59. *Đáp thân đệ Bằng Trai* (Đáp bài thơ em ruột Bằng Trai).....334
60. *Kỳ nhị* (Bài 2).....336
61. *Đáp thân đệ Bằng Trai* (Đáp lại bài thơ em ruột Bằng Trai)..... 337
62. *Kỳ nhị* (Bài 2).....338
63. *Cửu nguyệt kỵ vọng bái cảm thành* (Bái vọng ngày giỗ tháng chín cảm xúc thành thơ).....340
64. *Nhàn thuật* (Thuật cảnh nhàn).....341
65. *Kỳ nhị* (Bài 2).....342
66. *Bệnh thuật* (Thuật cảnh ốm).....343
67. *Kỳ nhị* (Bài 2).....345
68. *Xuân thuật* (Thuật cảnh xuân).....347
69. *Kỳ nhị* (Bài 2).....348
70. *Tân xuân chí hỷ. Kỳ nhất: Hỷ thiêm tôn* (Ghi mừng xuân mới. Bài 1: Mừng thêm cháu).....349
71. *Kỳ nhị: Hỷ thiêm tuế* (Bài 2: Mừng thêm tuổi).....351
72. *Ngụ ngữ* (Nói mơ).....352
73. *Cô tùng* (Cây thông lẻ).....354
74. *Cô sơn* (Núi lẻ).....355
75. *Vọng bái Sùng Đức từ chư kỵ cảm tác* (Lễ vọng các ngày giỗ ở nhà thờ Sùng Đức, xúc động mà viết thành thơ).....356

76. *Kỳ nhị* (Bài 2).....358
77. *Cô chu* (Thuyền lẻ).....359
78. *Văn hải đào thanh* (Nghe tiếng sóng biển).....360
79. *Vạn tuế các lão* (Ngài Tể tướng muôn năm).....361
80. *Mộng thứ nam Văn Trang Vương* (Mơ thấy con trai thứ là Văn Trang Vương).....363
81. *Hàn thực cảm hoài* (Cảm xúc trong lòng nhân tiết hàn thực).....365
82. *Hỷ thân đệ Minh Trai thăng thụ Hàn lâm Hiệu lý* (Mừng em ruột là Minh Trai được thăng Hàn lâm Hiệu lý).....367
83. *Phong Phạn tự tị vũ* (Tránh mưa ở chùa Phong Phạn).....368
84. *Nhật Lệ hải môn dạ phiếm* (Đêm bơi thuyền qua cửa Nhật Lệ.....370
85. *Tái kinh Thiền Lâm tự* (Lại qua chùa Thiền Lâm).....371
86. *Cung cận hoa* (Hoa dâm bụt trong cung).....373
87. *Hương giang dạ phiếm* (Chơi thuyền đêm trên sông hương).....374
88. *Tích vũ* (Mưa dầm).....376
89. *Hoá châu* (Châu Hoá).....377
90. *Kỳ nhị* (Bài 2).....378
91. *Hữu sở tư thập thủ* (Những điều suy nghĩ, mười bài).....380
92. *Kỳ nhị* (Bài 2).....381
93. *Kỳ tam* (Bài 3).....382
94. *Kỳ tứ* (Bài 4).....384
95. *Kỳ ngũ* (Bài 5).....385
96. *Kỳ lục* (Bài 6).....386
97. *Kỳ thất* (Bài 7).....388
98. *Kỳ bát* (Bài 8).....389
99. *Kỳ cửu* (Bài 9).....390
100. *Kỳ thập* (Bài 10).....392
101. *La chử ký du* (Ghi lại cuộc chơi ở bến La).....393
102. *Vũ y* (áo tơi).....396

103. *Quan đệ Minh Trai tục Từ Thức truyện ngẫu thành* (Xem cuốn tục Từ Thức truyện của chú em là Minh Trai, ngẫu nhiên thành thơ).....397
104. *Kỳ nhị: Giáng Hương* (Bài 2: Vịnh nàng Giáng Hương).....399
105. *Kỳ tam: Nghĩ Giáng Hương phụng đáp kim mã khách* (Thay lời nàng Giáng Hương kính đáp khách kim mã).....401
106. *Kỳ tứ* (Bài 4).....402
107. *Hoàn Vương* (Vua Hoàn).....404
108. *Huyền Trân di thoại* (Chuyện cũ nàng Huyền Trân).....406
109. *Thai Dương di sự* (Chuyện cũ nàng Thai Dương).....408

HÀO MÂN AI LỤC

- *Giới thiệu*.....413

- Câu đối

- *Tế đường đối liên* (Câu đối nhà tế Ngô Thì Sĩ).....420
- *Sùng Đức từ đối liên* (Câu đối nhà thờ Sùng Đức).....443
- *Bi đình đối liên* (Câu đối ở nhà bia).....445
- *Vĩnh Tư đường đối liên* (Câu đối nhà thờ Vĩnh Tư).....445
- *Phụng nghĩ Hiển Tông Dụ Hoàng đế tế đường đối liên* (Phụng nghĩ câu đối ở điện tế vua Lê Hiển Tông Dụ Hoàng đế).....446
- *Phụng nghĩ Thái phi trai đường đối liên* (Kính nghĩ câu đối nhà trai của bà Thái phi).....461
- *Vương phủ đường đối liên* (Câu đối ở Vương phủ).....474
- *Giải thử đường đối liên* (Câu đối nhà Giải nhiệt).....477
- *Khôn Hậu đường đối liên* (Câu đối ở Khôn hậu đường).....479
- *Vương phủ đường đối liên* (Câu đối trong phủ đường nhà chúa).....482
- *Công phủ đối liên* (Câu đối ở Công phủ).....483
- *Bản đình Minh Ngự lâu đối liên* (Câu đối lầu Minh Ngự ở đình bản xã).....486
- *Bản huyện từ vũ đối liên* (Câu đối ở đền bản huyện).....491

- *Chử Đồng Tử miếu đối liên* (Câu đối ở miếu Chử Đồng Tử).....493
- *Linh Am tự đối liên* (Câu đối chùa Linh Am).....495
- *Điện tế nhạc mẫu đối liên* (Câu đối tế điện mẹ vợ).....495
- *Hoàn Tiết từ đối liên* (Câu đối đền Hoàn Tiết).....497
- *Sài Sơn từ đối liên* (Câu đối đền Sài Sơn).....497
- *Tượng Hiền từ đối liên* (Câu đối đền Tượng Hiền).....498
- *Tiên Căn từ đối liên* (Câu đối đền Tiên Căn).....498
- *Văn từ đối liên* (Câu đối ở Văn từ).....500
- *Đại nghĩ tế đường đối liên* (Nghĩ thay câu đối nhà tế).....501
- *Hạ mỗ trí sĩ đối liên* (Câu đối mừng vị quan về hưu).....507
- *Tự sảnh đối liên* (Câu đối ở tư sảnh).....512
- *Kinh trạch đối liên* (Câu đối nhà ở kinh).....514
- *Trúc Lâm tự đối liên* (Câu đối chùa Trúc Lâm).....515
- *Sảnh đường xuân nhật đối liên* (Câu đối chơi Tết ở sảnh đường)..... 517
- *Văn Xuân Lan Tiến triều quan* (Viếng cụ lớn Tiến triều ở làng Xuân Lan).....517

- Văn (Cáo văn – Tế văn)

1. *Bôn tang cáo văn* (Văn khấn về việc chạy tang).....519
2. *Thành phục cáo văn* (Văn khấn buổi thành phục).....521
3. *Cải chế đệ Điện Luyện phục cáo văn* (Văn khấn xin thay áo để tang bằng vải thô cho em Điện).....524
4. *Hồi tang trục nhật cáo văn* (Văn khấn hàng ngày trên đường đưa tang về cố hương).....525
5. *Hồi quán tế ốc trục nhật điện văn* (Văn tế điện hàng ngày ở nhà tế khi đã về tới quê hương).....545
6. *Khiển điện văn* (Văn tế khiển điện).....551
7. *Trung đồ tế ốc điện văn* (Văn tế điện ở rạp tế giữa đường).....553
8. *Đình cữu đường điện cáo văn* (Văn tế cáo cúng cơm ở nhà tế để quan tài).....558
9. *Thành phần tế văn* (Văn tế đắp xong phần mộ).....560

10. *Sơ ngu tế văn* (Văn tế ngày sơ ngu).....561
11. *Tái ngu tế văn* (Văn tế tái ngu).....563
12. *Tam ngu tế văn* (Văn tế tam ngu).....564
13. *Cáo tương văn* (Văn tế cáo tương).....565
14. *Bách nhật cáo văn* (Văn cáo lễ trăm ngày).....568
15. *Cáo truyền thần văn* (Văn cáo với tượng truyền thần).....571
16. *Cáo Lộc Mã doanh văn* (Văn cáo ở doanh Lộc Mã).....574
17. *Nhâm Dần trung hạ tế văn* (Văn tế tháng năm năm Nhâm Dần).....577
18. *Thị niên quý hạ cáo văn* (Văn tế cáo tháng sáu năm đó).....581
19. *Đạm tế văn* (Văn tế lễ đoạn tang).....586
20. *Tiên công hạnh trạng* (Hạnh trạng của Tiên công).....589

HÀN CÁC ANH HOA

- *Giới thiệu*.....605
1. *Dụ cựu triều văn võ chiếu* (Chiếu chiêu dụ các quan văn võ triều cũ).....611
2. *Uỷ Sùng Nhượng công giám quốc sự* (Tờ dụ uỷ cho Sùng Nhương công trông coi việc nước).....615
3. *Phối thuộc Nội địa hàng binh chiếu* (Chiếu phát phối hàng binh Nội địa vào các quân ngũ).....617
4. *Lập học chiếu* (Chiếu xây dựng việc học).....619
5. *Khuyến nông chiếu* (Chiếu khuyến nông).....623
6. *Cầu hiền chiếu* (Chiếu cầu hiền).....626
7. *Cầu ngôn chiếu* (Chiếu cầu ngôn).....631
8. *Hựu cầu ngôn chiếu* (Lại chiếu cầu ngôn).....635
9. *Thí sĩ chiếu* (Chiếu mở khoa thi).....637
10. *Suy ân chiếu* (Chiếu mở rộng ân đức).....641
11. *Tứ Quy Nhơn thành hoàng tông chiếu* (Chiếu ban cho Hoàng huynh cùng các ông Hoàng trong thành Quy Nhơn).....644
12. *Tức vị chiếu* (Chiếu lên ngôi).....648

13. *Dụ Ô Tào chiếu* (Chiếu chiêu dụ giặc Tàu Ô).....655
14. *Hựu dụ Ô Tào chiếu* (Lại chiếu chiêu dụ giặc Tàu Ô).....659
15. *Hựu dụ Ô Tào chiếu* (Lại chiếu chiêu dụ giặc Tàu Ô).....664
16. *Phụng nghĩ bao phong Tiên khảo sắc văn* (Phụng mệnh làm sắc văn bao phong cho tiên khảo).....667
17. *Tái phụng nghĩ bao phong Tiên khảo sắc văn* (Lại phụng mệnh làm sắc văn bao phong cho tiên khảo).....670
18. *Sắc phong Đại đô đốc Tuyên Hoà hầu chế* (Bài chế sắc phong Đại đô đốc tước Tuyên Hoà hầu).....672
19. *Tấn tôn biểu* (Tờ biểu suy tôn).....676
20. *Tái tấn tôn biểu* (Tờ biểu suy tôn lần thứ hai).....688
21. *Tam tấn tôn biểu* (Tờ biểu suy tôn lần thứ ba).....680
22. *Vũ văn thỉnh giá tiến hạnh Bắc Thành biểu* (Các quan văn võ dâng biểu xin xa giá Bắc Thành).....686
23. *Cựu triều văn vũ tạ biểu* (Biểu tạ của các quan văn võ cũ triều Lê).....696
24. *Hiếu thành vũ văn hạ biểu* (Biểu các quan văn võ mừng việc hoà hiếu hoàn thành).....701
25. *Thiên thọ tiết Hoàng chánh hậu hạ biểu* (Biểu của Hoàng chánh hậu mừng về tiết Thiên thọ).....705
26. *Hựu Hoàng hậu hạ biểu* (Lại biểu của Hoàng hậu mừng tiết Thiên thọ).....708
27. *Hoàng thái tử hạ biểu* (Biểu của Hoàng thái tử chúc mừng tiết Thiên thọ).....710
28. *Hựu Hoàng thái tử Khang công hạ biểu* (Lại bài biểu mừng của Hoàng tử Khang Công).....713
29. *Nội ngoại văn vũ hạ biểu* (Biểu mừng của các quan văn võ trong kinh và ngoài các tỉnh).....716
30. *Hựu nội ngoại văn võ hạ biểu* (Lại biểu của các quan văn võ trong kinh ngoài trấn chúc mừng tiết Thiên thọ).....718
31. *Giá hạnh Bắc Thành hạ biểu* (Biểu mừng xa giá ra Bắc Thành).....720

32. *Xuân đãn tiết vũ văn hạ biểu* (Biểu chúc mừng của các quan văn võ nhân tiết xuân đán).....727
33. *Hựu Hoàng chánh hậu hạ biểu* (Lại bài biểu mừng của bà Hoàng chánh hậu).....730
34. *Hựu Bắc thành vũ văn hạ Hoàng hậu biểu* (Lại bài biểu của các quan văn võ Bắc Thành mừng Hoàng hậu).....733
35. *Hựu Bắc Thành vũ văn hạ biểu* (Lại bài biểu mừng của các quan văn võ Bắc Thành).....736
36. *Hựu Hoàng tử Khang Công hạ biểu* (Lại biểu mừng của Hoàng tử Khang Công).....740
37. *Đoan dương tiết Hoàng thái tử hạ biểu* (Biểu mừng của Hoàng thái tử nhân tiết Đoan dương).....743
38. *Hựu Hoàng tử Khang Công hạ biểu* (Lại biểu mừng của Hoàng tử Khang Công).....746
39. *Hựu Bắc Thành vũ văn hạ biểu* (Lại bài biểu mừng của các quan văn võ Bắc Thành).....749
40. *Hựu Hoàng thái tử hạ Hoàng chánh hậu biểu* (Lại biểu của Hoàng thái tử mừng Hoàng chánh hậu).....751
41. *Hựu Hoàng thái tử Khang Công hạ Hoàng chánh hậu biểu* (Lại biểu của Hoàng thái tử Khang Công mừng Hoàng chánh hậu).....754
42. *Hựu Bắc Thành vũ văn hạ Hoàng chánh hậu biểu* (Lại biểu của văn võ Bắc Thành chúc mừng Hoàng chánh hậu).....757
43. *Hựu Hoàng thái tử hạ Hoàng hậu biểu* (Lại biểu của Hoàng thái tử chúc mừng Hoàng hậu).....759
44. *Hựu Hoàng thái Khang Công hạ Hoàng hậu biểu* (Hựu Bắc Thành *vũ văn hạ Hoàng hậu biểu* (Lại biểu của văn võ Bắc Thành mừng Hoàng hậu).....762
45. *Hựu Bắc Thành vũ văn hạ Hoàng hậu biểu* (Lại biểu của các quan văn võ Bắc Thành mừng Hoàng hậu).....764

46. *Đông chí vũ văn hạ biểu* (Biểu chúc mừng của các quan văn võ nhân tiết Đông chí).....767
47. *Hựu Bắc Thành vũ văn hạ biểu* (Lại biểu của văn võ Bắc Thành chúc mừng).....769
48. *Hựu Hoàng tử Khang công hạ biểu* (Lại biểu chúc mừng của Hoàng tử Khang Công).....773
49. *Hựu nội ngoại vũ văn hạ biểu* (Lại biểu chúc mừng của văn võ trong ngoài).....776
50. *Hựu Bắc Thành vũ văn hạ biểu* (Lại biểu của văn võ Bắc Thành chúc mừng).....778
51. *Hựu Hoàng tử Khang công hạ biểu* (Lại biểu chúc mừng của Hoàng tử Khang Công).....780
52. *Giá hạnh học cung đa sĩ hạ biểu* (Xa giá đến thăm học cung các học trò dâng biểu mừng).....783
53. *Xuân đán tiết vũ văn hạ Thái tử tiên* (Thư của các quan văn võ chúc mừng Thái tử nhân buổi đầu xuân).....787
54. *Xuân đán tiết Hoàng tử Khang công thược Hoàng chánh hậu biểu* (Biểu của Hoàng tử Khang Công khấn viếng Hoàng chánh hậu vào tiết xuân đán).....788
55. *Đăng quang Bắc Thành vũ văn hạ biểu* (Biểu mừng lễ lên ngôi của văn võ Bắc Thành).....791
56. *Thiên thọ tiết Bắc Thành vũ văn hạ biểu* (Biểu mừng của văn võ Bắc Thành nhân tiết Thiên thọ).....794
57. *Hựu Đinh Tỵ niên* (Lại biểu chúc mừng năm Đinh Tỵ).....797
58. *Hựu nội ngoại vũ văn hạ biểu* (Lại biểu chúc mừng của văn võ trong ngoài).....800
59. *Nguyên đán tiết Bắc Thành vũ văn hạ biểu* (Biểu chúc mừng của các quan văn võ Bắc Thành nhân tiết nguyên đán).....802
60. *Hựu nội ngoại vũ văn hạ biểu* (Lại biểu chúc mừng của quan văn võ trong kinh ngoài trấn).....805
61. *Đông chí tiết nội ngoại vũ văn hạ biểu* (Tiết đông chí văn võ trong ngoài dâng biểu chúc mừng).....808

62. *Trần nhạc biểu* (Biểu dâng nhạc).....811
63. *Phụng thăng Binh bộ Thượng thư cai mục bản quán binh dân tạ biểu* (Biểu tạ ơn được thăng chức Binh bộ Thượng thư và cho cai quản binh dân bản quán) 819
64. *Tặng phong tạ biểu* (Biểu tạ ơn được phong tặng).....823
65. *Phụng tu lư sử biểu tấu* (Tâu về việc kính soạn bộ lư sử).....827
66. *Tấu tiến thạch mã biểu tấu* (Biểu tâu tiến ngựa đá).....831

* * *

NGÔ THÌ NHẬM
TOÀN TẬP
TẬP 2

Chịu trách nhiệm xuất bản
TS. VI QUANG THỌ
Biên tập nội dung
HÀ VINH
Vẽ bìa
THU HÀ
Vi tính
LÂM GIANG
Sửa bản in
LÂM GIANG - HÀ VINH

In 300 cuốn khổ 19x27 tại Công ty cổ phần in 15 BCN. Số đăng ký KHXB 02/34/CXB ngày 13/1/2004. In xong và nộp lưu chiểu tháng 4/2004.